NGUYỄN TỐN NHAN

ĐẾ VƯƠNG TRUNG HOA

Đế vương Trung Hoa

Chia sẽ ebook : http://downloadsachmienphi.com/
Tham gia cộng đồng chia sẽ sách :
Fanpage : https://www.facebook.com/downloadsachfree
Cộng đồng Google : http://bit.ly/downloadsach

Table of Contents

Mục lục

LỜI NÓI ĐẦU

TAM HOÀNG NGŨ ĐẾ

NHÀ HẠ

NHÀ THƯƠNG

TÂY CHU

ĐÔNG CHU

THỜI KỲ XUÂN THU

THỜI KỲ CHIẾN QUỐC

NHÀ TẦN

TÂY HÁN

ĐÔNG HÁN

TAM QUỐC

THỤC HÁN

NGÔ QUỐC

TÂY TẤN

ĐÔNG TẤN

THẬP LỤC QUỐC (MƯỜI SÁU NƯỚC)

THẬP LỤC QUỐC (MƯỜI SÁU NƯỚC)

THẬP LỤC QUỐC (MƯỜI SÁU NƯỚC)

THẬP LỤC QUỐC (MƯỜI SÁU NƯỚC)

THẬP LỤC QUỐC (MƯỜI SÁU NƯỚC)

THẬP LỤC QUỐC (MƯỜI SÁU NƯỚC)

THẬP LỤC QUỐC (MƯỜI SÁU NƯỚC)

THẬP LỤC QUỐC (MƯỜI SÁU NƯỚC)

THẬP LỤC QUỐC (MƯỜI SÁU NƯỚC)

THẬP LỤC QUỐC (MƯỜI SÁU NƯỚC)

THẬP LỤC QUỐC (MƯỜI SÁU NƯỚC)

THẬP LỤC QUỐC (MƯỜI SÁU NƯỚC)

THẬP LỤC QUỐC (MƯỜI SÁU NƯỚC)

THẬP LỤC QUỐC (MƯỜI SÁU NƯỚC)

TIỀN TẦN

HẬU TẦN

TÂY TẦN

ĐẠI QUỐC

ĐẠI HẠ

NHU NHIÊN

NAM BẮC TRIỀU

TRIỀU TỀ

TRIỀU LƯƠNG

TRIỀU TRẦN

BẮC TRIỀU

BẮC TRIỀU

BẮC TRIỀU

BẮC TRIỀU

BẮC TRIỀU

TRIỀU TÙY

TRIỀU ĐƯỜNG

TRIỀU THỔ PHIÊN

TRIỀU NAM CHIẾU

TRIỀU ĐẠI ĐẠI TRƯỜNG HÒA

NƯỚC ĐẠI THIÊN HƯNG

NƯỚC ĐẠI NGHĨA NINH

TRIỀU ĐẠI LÝ (TIỀN LÝ)

NƯỚC ĐẠI TRUNG

TRIỀU HẬU LÍ

TRIỀU HỒI HỔ

NGŨ ĐẠI THẬP QUỐC

TRIỀU HẬU LƯƠNG

TRIỀU HẬU ĐƯỜNG

HẬU TẤN

HẬU HÁN

HẬU CHU

TRIỀU NGÔ

SỞ

NƯỚC MÂN

TIỀN THỤC

NƯỚC HẬU THỤC

TRIỀU NAM ĐƯỜNG

TRIỀU NAM BÌNH

NAM HÁN

BẮC HÁN

TRIỀU BẮC TỐNG

TRIỀU NAM TỐNG

TRIỀU LIÊU

TRIỀU BẮC LIÊU

TÂY LIÊU

TRIỀU KIM

TÂY HẠ

TRIỀU NGUYÊN

BẮC NGUYÊN

TRIỀU MINH

TRIỀU NAM MINH

TRIỀU THANH

NHỮNG CÁI NHẤT CỦA CÁC ĐẾ VƯƠNG TRUNG QUỐC

Mục lục

LỜI NÓI ĐẦU

TAM HOÀNG NGŨ ĐẾ

NHÀ HẠ

NHÀ THƯƠNG

TÂY CHU

ĐÔNG CHU

THỜI KỲ XUÂN THU

THỜI KỲ CHIẾN QUỐC

NHÀ TẦN

TÂY HÁN

ĐÔNG HÁN

TAM QUỐC

THỤC HÁN

NGÔ QUỐC

TÂY TẤN

ĐÔNG TẤN

THẬP LỤC QUỐC (MƯỜI SÁU NƯỚC) - TIỀN TRIỆU

THẬP LỤC QUỐC (MƯỜI SÁU NƯỚC) - HẬU TRIỆU

THẬP LỤC QUỐC (MƯỜI SÁU NƯỚC) - NHIỄM NGỤY

THẬP LỤC QUỐC (MƯỜI SÁU NƯỚC) - THÀNH HÁN

THẬP LỤC QUỐC (MƯỜI SÁU NƯỚC) - TIỀN YÊN

THẬP LỤC QUỐC (MƯỜI SÁU NƯỚC) - HẬU YÊN

THẬP LỤC QUỐC (MƯỜI SÁU NƯỚC) - BẮC YÊN

THẬP LỤC QUỐC (MƯỜI SÁU NƯỚC) - NAM YÊN

THẬP LỤC QUỐC (MƯỜI SÁU NƯỚC) - TÂY YÊN

THẬP LỤC QUỐC (MƯỜI SÁU NƯỚC) - TIỀN LƯƠNG

THẬP LỤC QUỐC (MƯỜI SÁU NƯỚC) - HẬU LƯƠNG

THẬP LỤC QUỐC (MƯỜI SÁU NƯỚC) - NAM LƯƠNG

THẬP LỤC QUỐC (MƯỜI SÁU NƯỚC) - TRIỀU BẮC LƯƠNG

THẬP LỤC QUỐC (MƯỜI SÁU NƯỚC) - TRIỀU TÂY LƯƠNG

TIỀN TẦN

HẬU TẦN

TÂY TẦN

ĐẠI QUỐC

ĐẠI HẠ

NHU NHIÊN

NAM BẮC TRIỀU

TRIỀU TỀ

TRIỀU LƯƠNG

TRIỀU TRẦN

BẮC TRIỀU - BẮC NGỤY

BẮC TRIỀU - TRIỀU ĐÔNG NGỤY

BẮC TRIỀU - TRIỀU TÂY NGỤY

BẮC TRIỀU - TRIỀU BẮC TỀ

BẮC TRIỀU - TRIỀU BẮC CHU

TRIỀU TÙY

TRIỀU ĐƯỜNG

TRIỀU THỔ PHIÊN

TRIỀU NAM CHIẾU

TRIỀU ĐẠI ĐẠI TRƯỜNG HÒA

NƯỚC ĐẠI THIÊN HƯNG

TRIỀU ĐẠI LÝ (TIỀN LÝ)

NƯỚC ĐẠI TRUNG

TRIỀU HẬU LÍ

TRIỀU HỒI HỒ

NGŨ ĐẠI THẬP QUỐC

TRIỀU HẬU LƯƠNG
TRIỀU HẬU ĐƯỜNG
TRIỀU HẬU TẤN
TRIỀU HẬU HÁN
TRIỀU HẬU CHU
TRIỀU NGÔ
NƯỚC SỞ
NƯỚC MÂN
NƯỚC TIỀN THỤC
NƯỚC HẬU THỤC
TRIỀU NAM BÌNH
TRIỀU NAM ĐƯỜNG
TRIỀU BẮC HÁN
TRIỀU NAM HÁN
TRIỀU BẮC TỐNG
TRIỀU NAM TỐNG
TRIỀU LIÊU
TRIỀU BẮC LIÊU
TRIỀU TÂY LIÊU
TRIỀU KIM
TÂY HẠ
TRIỀU NGUYÊN
TRIỀU BẮC NGUYÊN
TRIỀU MINH
TRIỀU NAM MINH
TRIỀU THANH
NHỮNG CÁI NHẤT CỦA CÁC ĐẾ VƯƠNG TRUNG QUỐC

LỜI NÓI ĐẦU

"Lịch sử 5.000 năm phong kiến của Trung Quốc là lịch sử đấu tranh quyền lực giữa các triều đại liên tục thay đổi. Đại biểu cho những thế lực ấy là người đứng đầu các vương triều: các đế vương. Hầu hết đế vương, bất kể xuất thân ra sao, vương triều dài ngắn thế nào, đều có những đặc điểm chung là ham thích quyền lực tuyệt đối, mê đắm hưởng lạc và tha thiết muốn sống vĩnh viễn.

Kể lại chuyện các vua chúa Trung Quốc xưa trong cuốn sách nhỏ này, chúng tôi có tham khảo nhiều giai thoại, truyền thuyết nhưng tất cả các chi tiết hoặc niên đại trong sách đều dựa vào chính sử Trung Quốc. Và dĩ nhiên, chúng tôi còn được kế thừa nhiều tư liệu phong phú của các sử gia Trung Quốc hiện đại.

Tuy vậy, tùy thuộc vào tư liệu có thể có, chúng tôi chỉ chọn lọc một vài chuyện hấp dẫn, qua một số triều đại nổi tiếng trong lịch sử phong kiến hàng ngàn năm của Trung Quốc để kể cho các bạn".

TAM HOÀNG NGŨ ĐẾ

(THỜI ĐẠI TRUYỀN THUYẾT)

Tam hoàng ngũ đế thuộc những đế vương sớm nhất trong truyền thuyết Trung Quốc. Họ là những thủ lĩnh bộ tộc, bộ lạc, liên minh bộ lạc, không phải là đế vương trong ý nghĩ hiện đại.

Từ xưa đến nay, Tam hoàng ngũ đế do các niên đại lâu đời. Chỉ thấy ghi chép trong thư tịch cổ mà không đào được văn vật chứng thực. Do đó chỉ là truyền thuyết, thậm chí là nhân vật trong thần thoại mà thôi.

Năm 1986 các nhà khảo cổ Trung Quốc ở Sơn Khu phía tây tỉnh Liêu-ninh đã khai quật đàn tế miếu nữ thần và quân thể gia đình được tạc bằng đá, cách ngày nay hơn 5000 năm.

Căn cứ theo điều tra số hộ ban đầu, nơi đây hơn 5000 năm trước đã có một xã hội văn minh nguyên thủy theo mô hình quốc gia phát hiện quan trọng này, khẳng định một điều, cách đây hơn 1000 năm trước. Truyền thuyết Tam hoàng ngũ đế là căn cứ vào sự thật. Họ dám khẳng định. Theo đá của những văn vật đã khai quật được. Bộ mặt của các vị Tam hoàng ngũ đế ngày càng hiện ra rõ nét, và thần thoại truyền thuyết đã đan dệt thêm thắt làm cho mọi người nghi hoặc, làm rõ bộ mặt chân thật của họ, làm những nhân vật làm mưa làm gió Tiên Vũ đài lịch sử Trung Quốc. Vậy Tam hoàng ngũ đế là những ai? Trong lịch sử Trung Quốc có nhiều cách nói khác nhau? Ở đây chỉ đưa ra cách nói trong quyển đế vương thế kỷ và quyển Thế bản của Tôn Thị Hồng, thắng được tam hoàng là Thái Hạo Phục Hi Thị, viêm đế Thân nông Thị Hoàng đế. Ngũ đế là Thiếu Hạo Chuyên Húc) Cao tân (đế khổ) Đường Nghiêu Ngu Thuấn.

8 nhân vật trên theo truyền thuyết, một người vì dân nếm thứ cây thuốc bị độc chết, một người hóa thành rồng bay về trời, một người sau khi chết đã hóa thành nửa người, nửa cá (Người cá), một người bị chết trên đường đi tuần ở phương Nam, 4 người còn lại chết ở nhà do bệnh già.

THÁI HẠO PHỤC HI THỊ

Thái Hạo Phục Hi Thị họ Phong, theo truyền thuyết ông ta trị vì 150 năm, chết ở huyện Trần - nay là (huyện Hoài Dương tỉnh Hà Nam) táng ở phía bắc. Cách thành Hoài Dương 3 km (nay là phía Tây Nam, huyện Hoài Dương, tỉnh Hà Nam).

Thái Hạo Phục Hi Thị. Trong truyền thuyết ông ta là thủ lĩnh nổi tiếng của dân tộc Đông Di thời cổ đại, sinh ra ở Thành Kế (nay là phía bắc huyện Trần An, tỉnh Cam Túc). Sống ở huyện Trần. Ông ta là mình rắn - đầu người. Do ông ta làm thủ lĩnh nên đã chọn rồng-rắn làm vật thờ cúng.

Tương truyền ông ta căn cứ vào đạo lý biến đổi ánh sáng sáng tạo ra bát quái, dùng 8 loại phù hiệu giản đơn, mà lại có dụng ý sâu xa bao quát vạn vật, vạn chuyện trên trời dưới đất. Ông mô phỏng cách thức con nhện chăng tơ để làm lưới đánh bắt cá, chỉ giáo bộ tộc đánh cá, săn thú - trồng trọt, ông còn chế tạo ra loại nhạc cụ gọi là đàn. Sáng tác ra sáo nhạc "giá biện" Điều đó cho thấy thời đó bắt đầu có ánh sáng bình minh cho nền văn hóa của nhân loại.

Thành thử trong Thư Tịch cổ thời Hán ở quyển Hoài Nam Tử Thiên Văn Huấn nói: về sau Thái Hạo Phục Hi Thị trở thành thiên đế ở phương Đông. Người giúp đỡ ông ta là Mộc Thần Bao Mang. Trong tay ông ta nắm hết mọi việc, quản cả thời tiết xuân sắp đến, mặt đất hồi xuân, vạn vật trường sinh. Các học giả thời cổ đại đã lấy 5 loại vật chất Kim-Mộc-Thủy-Hỏa-Thổ. Để giải thích sự khởi nguyên và biến hóa của sự vật. Các đế vương thường lấy 1 trong 5 loại vật chất đó làm đối tượng thờ cúng. Trong "Lã Thị Quân Thu. Mạnh xuân ký". Ông Cao Tú Uông nói: Thái Hạo sinh ra đã chọn Mộc Đức để trị vì thiên hạ. Sau khi ông ta chết đã cúng tế ở

phương Đông, trở thành Thiên Đế của Mộc Đức. Trong đạo giáo cũng nói ông ta là thiên đế của phương Đông.

Theo truyền thuyết Thái Hạo và Phục Hi là 2 người Tử quyền "Thế Bản". Trong sách sử từ thời tiên Tần đã đem gộp 2 người làm một.

Sau khi ông ta chết. Con cháu ông men theo phía bắc bờ sông Hoài-tiến xuống phía đông, và tiến xuống hạ lưu sông Hoàng Hà, khống chế một giải vùng hạ lưu, tế thủy thời Xuân Thu xây dựng được 4 vương quốc nhỏ. Tổng cộng 15 đời.

VIÊN ĐẾ THẦN NÔNG THỊ

Viên Đế Thần Nông Thị. Ông ta họ Khương hiệu là: Liệt Sơn Thị. Theo truyền thuyết ông ta trị vì 140 năm từng nếm qua các loại hoa cỏ, vì nếm phải cỏ độc nên đứt ruột chết, táng ở Trà Lăng (nay là huyện Trà Lăng tỉnh Hồ Nam). Viêm Đế Thần Nông Thị, theo truyền thuyết ông ta là thủ lĩnh nổi tiếng của bộ lạc Khương, thời cổ đại hiệu là: Liệt Sơn Thị (một thuyết khác nói là: Lệ Sơn Thị). Một số bộ lạc này cư trú ở lưu vực Khương Thủy, Mễ Đới Sinh ở thị trấn Bắc Lệ Sơn. Thành phố Tùy Châu tỉnh Hồ Bắc ngày nay. Đầu tiên cư trú ở huyện Trần, về sau xuống dời hướng đông và định cư ở Khúc Phụ (nay là phía đông bắc huyện Khúc Phụ Tỉnh Sơn Đông).

Theo truyền thuyết ông ta là người đầu trâu. Do ông làm thủ lĩnh bộ lạc, nên chọn con trâu là vật thờ cúng. Ông ta dùng gỗ làm các công cụ trong nông nghiệp như: Cày, bừa - lãnh đạo nhân dân làm các việc trồng trọt, lại tìm ra các cây thuốc chữa bệnh cho người, được tôn khiêm là người sáng chế ra thuốc Bắc và nông nghiệp. Ông ta chia giới tuyến đường đi ở bản Tuyến (nay là phía đông nam huyện Trắc Lộc tỉnh Nam Hà) nảy sinh xung đột lớn với Hoàng đế. Đánh nhau bị thua trận, bắt tay hòa bình. Sau đó dẫn đầu trong việc mở rộng dân cư xuống hạ lưu sông Hoàng Hà Mễ Đới và Hoàng đế liên minh bộ lạc với nhau tạo thành một bộ phận chính yếu của bộ tộc Hoa Hạ. Bộ tộc Hoa Hạ về sau lại phát triển thành dân tộc Hán. Vì vậy con cháu của dân tộc Hán về sau này được gọi là "Con cháu của Mễ Đới".

Trong truyền thuyết Mễ Đới - thần y là 2 người về sau trích từ Quyền (thế bản) chỉ nói là một người "Hoài Nam Tử Tư phục biên". Mễ Đới thần nông nghiệp có một chiếc roi thần, tên của nó là Giả tiên. Dùng cái roi này nhổ thuốc hoa cỏ, biết được cây thuốc đó có độc hay không? Công hiệu như thần, ngoài tính lạnh - nó còn có tính nóng. Ông ta còn dùng hoa cỏ chữa bệnh cho người. Ngày nay ở núi Thành Dương tỉnh Sơn Đông còn có một ngọn núi nhỏ, có tên là: Thần nông nguyên (còn có một tên khác là Dược cỏ sơn).

Theo truyền thuyết mỗi năm Mễ Đới thần nông nghiệp thường đến đây dùng roi thần để thử hoa cỏ cây thuốc. Ông ta còn tự mình nếm thử mùi vị của trăm loại hoa cỏ. Biết được công hiệu của chúng ra làm sao? Có một lần ông ta nếm thử 70 loại cỏ giải trừ tính độc của nó, chuyển nguy thành an. Về sau ông ta lại nếm thử một loại thuốc làm đứt ruột không có cách gì cứu chữa được. Cuối cùng ông bị đứt ruột chết. Ngày nay ở thành phố Thái Nguyên tỉnh Sơn Đông còn có một cái đỉnh nếm thuốc của Mễ Đới.

Nhân Chu An (đời Minh) trong quyển "Khai Bích hành nhích" hồi thứ 13 có nói: Trong truyền thuyết dân gian ở khu vực tứ xuyên Mễ Đới thần nông nghiệp nếm được một con sâu có 100 chân, sau khi nuốt nó vào bụng, nó biến thành những con sâu nhỏ không có cách gì cứu chữa. Cuối cùng bị chết.

Truyền thuyết này cũng tương tự truyền thuyết nếm phải cỏ độc. Điều đó nói rõ Mễ Đới là thần nông nghiệp có tấm lòng nhân ái, sẵn sàng xả thân vì người khác.

Sau khi Mễ Đới thần nông nghiệp chết, con cháu của ông ta truyền đến 8 đời mới bị tuyệt tự. Tổng cộng kéo dài 560 năm.

HOÀNG ĐẾ

Hoàng Đế! Ông ta mang họ Kê - một thuyết khác nói là họ Công Tôn hiệu: Hiên Niên Thị - là một thủ lĩnh bộ lạc liên minh ở lưu vực sông Hoàng Hà cách đây hơn 4000 (ngàn) năm, được tôn khiêm là tổ tiên cộng đồng của dân tộc Hoa Hạ.

Theo truyền thuyết sống đến 100 tuổi hóa thành rồng bay về trời, lại có truyền thuyết nói - Ông ta trị vì 100 năm, sống đến 111 tuổi, chết ở Kinh Sơn (nay thuộc phía nam thị trấn Văn Hương, huyện Linh Bảo, tỉnh Hà Nam) táng ở núi Kiều quận Thượng (nay núi Kiều phía Tây Bắc huyện Hoàng Lăng tỉnh Thiểm Tây).

Hoàng Đế! Sinh ở Hiên Viên (nay là Tây Bắc huyện Tân Trịnh tỉnh Hà Nam) Lúc đầu cư trú ở Hữu Hùng (nay là Tây Bắc huyện Tân Trịnh, tỉnh Hà Nam) về sau đổi tên là Vân. Bộ lạc của ông ta và bộ lạc của Mễ Đới chung sống ở cao nguyên Tây Bắc, cùng sinh ra ở Thiếu Điền Thị phân chia ranh giới, đánh bại Mễ Đới và về sau hợp nhất với Mễ Đới tạo thành bộ lạc liên minh.

Theo truyền thuyết thủ lĩnh tộc Cửu Lê (tên bộ lạc Nam phương thời cổ đại) là Trùng Ưu hung bạo ngang ngược thường xâm lược các bộ lạc khác, Mễ Đới bị ông ta đánh bại. Đến cầu cứu Hoàng Đế. Hai người hợp sức với nhau đánh một trận quyết chiến với Trùng Ưu ở ngoại ô Lộc Giả. Hoàng Đế dẫn đầu 6 bộ lạc chọn: gấu, hổ, con tỳ (một loài dã thú trong sách cổ) sói vàng tỳ hưu, gấu ngựa làm tô tom, đánh nhau với Trùng Ưu.

Trùng Ưu có 81 anh em đều mình đồng da sắt hung ác vô cùng. Các thuộc hạ dùng vũ khí lợi hại như: Dao, cung, khiên... chiến đấu oanh liệt, cuộc chiến diễn ra gay gắt, khó phân thắng bại, Trùng Ưu giở sở trường của mình ra: từ lỗ mũi phun ra một trận mây khói. Lúc này trời đất hỗn độn, mưa to gió lớn, sấm chớp đùng đùng, kéo dài như vậy 3 ngày, quân của Trùng Ưu chiến đấu hung dữ. Quân của Mễ Đới lạc phương hướng, lòng quân dao động, Hoàng Đế ra lệnh làm một cái xe la bàn. Trên xe có một người nhỏ bằng sắt, giơ tay chỉ hướng nam, từ đó nhận được biết phương hướng, xông ra chiến đấu - đánh bại được tộc Cửu Lê, giết Trùng Ưu. Sau chuyện này, Hoàng Đế được chọn làm thủ lĩnh của bộ lạc liên minh.

Thời Hoàng Đế! có rất nhiều phát minh quan trọng. Ví dụ: nuôi tằm dệt lụa, đóng xe, làm nhà, viết chữ, đính số lịch pháp, vũ khí ra đời... Người đời sau tôn ông ta là "Người có tài phát minh ra trăm vật".

Bắt đầu từ hậu kỳ Xuân Thu, ông ta được tôn là tổ tiên tộc Hán.

Trong quyển "Bao Bấc Tử cập ngôn biên" dẫn ra trong "liệt tiên truyện" có nói "Hoàng Đế vào những năm cuối đời tự mình tiên đoán được ngày chết. Đến ngày này ông ta cáo biệt với quân thần rồi chết, táng ở núi Kiều. Không lâu trên mộ núi Kiều bỗng chồi nên, nhưng trong mộ không có thi thể - chỉ có kiếm và giầy của ông ta. "Sử ký phong đơn thư" cũng có truyền thuyết nói: Hoàng Đế sống đến 100 tuổi, đi lên núi Đô Dương đúc một cái đỉnh đồng. Sau khi đúc xong có một con rồng bay xuống đón ông ta. Ông ta cùng rồng bay về trời, rất nhiều quần thần muốn về trời cùng ông ta, liều mạng túm đuôi rồng không dám thả và bị rơi rất nhiều người.

Sử ký Ngũ đế bản ký nói: Hoàng Đế sống đến 100 tuổi thì chết. Lăng mộ Hoàng đế có rất nhiều ở Thiểm Tây - Cam Túc - Hà Nam - Hà Bắc, trong đó ngôi mộ ở núi Kiều thuộc huyện Hoàng Kỳ tỉnh Thiểm Tây là nổi tiếng nhất. "Quốc ngữ phổ ngữ" nói: Hoàng Đế có 25 người con cháu, trong đó có 14 người hợp thành 12 họ tộc Đế vương ở 3 đời Hạ Thương Chu đều là hậu duệ của ông ta.

THIẾU HẠO

Thiếu Hạo, họ Dĩ, hiệu Kim Thiên Thi, một hiệu khác: Cùng Tang Thị Thanh Dương Thị.

Sống đến 100 tuổi, trị vì 84 năm, chết ở Khúc Phụ tỉnh Sơn Đông, táng ở núi Vân Dương (nay thuộc phía Tây Nam huyện Khúc Phụ tỉnh Sơn Đông).

*

Thiếu Hạo là thủ lịnh bộ lạc Đông Di, đầu tiên cư trú ở Cùng Tang (nay thuộc phía Đông Bắc huyện Khúc Phụ tỉnh Sơn Đông), sau di cư xuống Thanh Dương (nay thuộc huyện Thanh Dương tỉnh An Huy), tương truyền là hậu duệ của hoàng đế, mẹ ông ta là Luy Tổ, bộ lạc ông ta chọn chim làm tôtem. Phượng hoàng là tên chức quan lớn nhất, người xử lý các hình phạt gọi là chim ưng, người quản lý quân đội gọi là diều hâu, ngoài ra còn có các chức vụ quan quản lý nông nghiệp, quan quản lý công nghiệp, chia ra quản lý nông nghiệp và thủ công nghiệp.

Bộ lạc của Thiếu Hạo có 24 thị tộc, chọn Yểm làm trung tâm, sinh sống ở bán đảo Sơn Đông ngày nay, nơi đó gọi là vương quốc của Thiếu Hạo.

Hoài Nam Tử thời tắc biến ghi chép sau này Thiếu Hạo cử một người con trai là Bao Mang làm trợ thủ cho Thái Hạo Phục Hi Thị, sai một người con khác là Nhũ Thụ đến phương Tây làm thiên đế, quản lý 12 năm.

Sau khi Thiếu Hạo chết, con cháu ông ta từ bán đảo Sơn Đông tràn xuống lưu vực sông Giang Hoài, nước Đàm thời Xuân Thu và đế vương triều Chu là hậu duệ của ông ta.

CHUYÊN HÚC

Chuyên Húc họ Cơ, hiệu Cao Dương Thị, sống đến 98 tuổi, trị vì 78 năm, táng ở phía Đông Nam huyện Bồ Dương tỉnh Hà Nam, chết hóa thành ngư phụ" (nửa người nửa cá).

Chuyên Húc, trong truyền thuyết là thủ lĩnh bộ lạc liên minh Mễ Đới - Hoàng Đế, cư trú ở Cao Dương (nay thuộc phía Tây huyện Dĩ tỉnh Hà Nam), trong "Sơn Hải Kinh, Ngũ Tàng Sơn Kinh và Quốc Ngữ Sở Ngữ" nói ông ta là con cháu của Xương Ý (đời thứ hai của Hoàng Đế) mẹ là con gái của tộc Dao Sơn, tên là Xương Bốc, ông ta sinh ở Nhược Thủy (thuộc huyện Vinh Kinh tỉnh Tứ Xuyên), cư trú ở Đế Khâu (nay thuộc Tây Nam huyện Bắc Dương tỉnh Hà Nam), từ nhỏ đã cùng chú đi tới vương quốc của Thiếu Hạo, 10 tuổi giúp cha quản lý việc chính trị, 20 tuổi làm thủ lĩnh. Lúc đó tộc Cửu Lê bị hoàng đế chinh phục vẫn tôn thờ Vu Giáo, sùng bái quỷ thần, sau khi nên ngôi thủ lĩnh, bắt tôi Cửu Lê theo giáo hóa của Hoàng Đế, ông coi trọng hiền tài tích cực phát triển nông nghiệp.

Lúc này hậu duệ của Mễ Đời là Cung Cung tranh chức thủ lĩnh với ông, hai bên đánh nhau quyết liệt, đánh từ trên trời xuống đến đất, từ phương Đông sang phương Tây, đánh đến chân núi Bất Chu ở phương Tây Bắc. Cung Cung không thắng, tức giận húc đầu và cột trụ trên núi Bất Chu, cây cột bị gẫy. Vùng Đông Nam thủng một lỗ lớn, nước ở các sông đều chảy về đó, tạo ra biển lớn.

Trong quyển "Thượng Thư Lã hình’ nói Chuyên Húc lo xuất hiện Trùng Ưu thứ hai đến xúi giục dân phản lại ông ta. Người và thần hợp sức với nhau, thiên hạ sẽ xảy ra họa lớn, nguy hại đến sự thống trị. Ông ra lệnh cho Trọng và Lê dùng sức lực phân chia ranh giới giữa trời và đất, không cho người và thần tự do đi lại, từ đó trời và đất rất cách xa nhau, chặng được con đường thông giữa trời và đất, khiến người và thần phân li chỉ có thần mới xuống được trần gian còn con người không có cách gì lên trời. Sai Trọng quản lý phía Nam, trông coi việc tế trời, Lê quản lý phía Bắc, trông coi dân sự. Truyền thuyết này cho thấy, thời đó đã phân chia chức vị giữa thần và người. Tôn giáo nguyên thủy đã hướng về thần quyền.

Chuyên Húc thích âm nhạc, chú ông ta đã làm một cây đàn tặng ông ta.. Sau này, ông phỏng theo âm thanh của các loại đàn sáo, sai người soạn ra khúc ca "Thừa Van".

Lăng mộ của Chuyên Húc có ở nhiều nơi "Sơn Hải Kinh. Đại Hoang Tây Kinh" nói: Khi Chuyên Húc chết, gió lớn từ phương Bắc thổi đến, dưới đất lộ ra một dòng nước lớn rắn biến hết thành cá. Thân thể ông ta biến ra nửa người nửa cá, một nưa thân hình là cá vẫn còn sống, còn nửa thân là người thì chết.

ĐẾ KHỐ

Đế Khố, họ Cơ, tên là Tuấn, hiệu Cao Tân Thị, sống đến 100 tuổi, trị vì 70 năm, táng ở Bắc Dương tỉnh Hà Nam, một thuyết khác nói táng ở phía Tây Nam huyện Thanh Phong tỉnh Hà Nam.

*

Đế Khố, là thủ lĩnh của bộ lạc liên minh Mễ Đới - Hoàng Đế, là hậu duệ của Huyền Khí con trưởng của Hoàng Đế, tổ phụ là Thiếu Hạo, cha tên là Kiều Cập, là người thân của Chuyên Húc, lúc 15 tuổi đi theo Chuyên Húc, được phong đất ở Tân, làm thống lĩnh bộ lạc do 8 thị tộc hợp thành, 30 tuổi làm thủ lĩnh, dời đến cư trú ở Bắc (nay thuộc tỉnh Hà Nam), tranh chức vị thủ lĩnh với Cung Cung và đã đánh bại ông ta.

"Đại đới lễ. Ngũ đế đức" nói: Vào mùa xuân ông ta hóa thành rồng, mùa thu hóa thành ngựa, có thể sai khiến được chim phượng. Ông giúp con trai đi bắt sao Thượng và sao Thân, về sau lại hóa Kháng thành hai ngôi sao nhỏ, thả mỗi ngôi một phương vĩnh viễn không cho chúng gặp nhau. Phi tử của ông ta có thể nuốt chửng mặt trời, mỗi lần nuốt lại sinh hạ một người con trai. Phi tử Khương Nguyên sinh ra Hậu Quý trở thành tổ tiên của tộc Chu, phi tử Giai sinh ra Khiết là tổ tiên của tộc Thương, phi tử Khánh Đê sinh ra Nghiêu, phi tử Thường Nghĩa sinh ra Chí.

Sau khi Đế Khố chết, Chí tiếp nhận chức vụ thủ lĩnh. Chí hoang dâm vô độ, không chú trọng công việc trị quốc bị các thủ lĩnh bộ tộc phế bỏ, em trai của Chí là Nghiêu được bầu làm thủ lĩnh.

Tả truyền. Văn Công năm thứ 18 có nói: thời Nghiêu có 8 người con tài giỏi, đều là con cháu Đế Khố, hiệu gọi là "bất nguyên" (8 tộc), và đều có danh tiếng, thuần cử họ làm chủ quản giáo hóa.

Truyền thuyết Đế Khố thao túng các ngôi sao đã phản ánh được thời đó đã nắm vững thời gian quan sát giản đơn và phương pháp quan sát khí hậu để chỉ đạo sản xuất nông nghiệp.

NGHIÊU

Nghiêu, họ Kỳ, hiệu Dao Đường Thị, còn gọi là Đường Nghiêu, là một quân tử nhân đức thọ 118 tuổi, trị vì 98 năm, táng ở Tế Âm (nay thuộc huyện Hà Tắc tỉnh Sơn Đông), một thuyết khác nói: những năm cuối đời bị Thuấn đoạt ngôi, giam ở Bình Dương (nay thuộc huyện Lâm Phần tỉnh Sơn Tây).

*

Nghiêm làm thủ lĩnh bộ lạc liên minh thuộc hậu kỳ xã hội thị tộc phụ hệ. Năm 13 tuổi được phong đất ở Dao (nay thuộc gò Nam Dao huyện Hà Tắc tỉnh Sơn Đông). 16 tuổi được bầu làm thủ lĩnh, dời đô đến Bình Dương, ông ta nhân đức thật thà tiết kiệm. Làm việc nghiêm minh, sẵn sàng xả thân vì nhân dân, ông trọng những người hiền tài. Ví dụ sai Hậu Quý trông nom nông nghiệp, Thuân trông coi công nghiệp, Cao Dao trông coi tư pháp, Quy trọng coi lễ nhạc, Thuấn quản lý giáo dục, Khiết quản lý quân đội. Vì vậy thiên hạ thái bình trăm họ đều an cư lạc nghiệp. Ông ta am hiểu thiên văn, làm ra lịch, thường trưng cầu ý kiến của các thủ lĩnh bộ lạc 4 phương, sai Cổn trị thủy. Những năm cuối đời chọn Thuấn kế vị, lo ngại con trưởng là Đan Thất

không bằng lòng liền sai anh ta đến vùng Đan Thủy thuộc phương Nam, ra lệnh cho Hậu Quý giám sát Đan Thất. Về sau, Đan Thất nghe lời Tam Miêu xúi giục đã dẫn quân về kinh làm loạn. Nghiêu đích thân đi dẹp loạn. Cuộc chiến đấu diễn ra ác liệt, máu chảy thành sông. Cuối cùng bắt được Đan Thất, anh ta xin tha mạng, Nghiêu nói: "Cha không thể lấy đau khổ của thiên hạ để đổi lấy ích lợi cho con", sai người giết Đan Thất và nhường ngôi cho Thuấn, phương thức lựa chọn người kế vị trong sử gọi là "nhường ngôi". "

Thượng thư Nghiêu điển" nói: Nghiêu được bà con trăm họ mến yêu, bị bệnh chết ở Dương Thành (nay thuộc phía Đông Nam huyện Đăng Phong tỉnh Hà Nam), khi ông chết họ thương tiếc như chính cha mẹ mình.

"Sơn hải kinh. hải nội nam tinh" lại nói: Nghiêu vào những năm cuối đời tính tình thay đổi, ông nhường ngôi cho Đan Thất, Thuấn không phục đã nổi dậy phản đối. "Sử kí. Ngủ đế bản kí" nói: "Thuấn giam giữ Nghiêu, còn cấm Đan Thất gặp mặt cha". "

Sử Thông Nghi Cổ Biên" nói "Thuấn giam Nghiêu ở Bình Dương, rồi đoạt ngôi vị".

THUẤN

Thuấn, họ Phiêu, tên là Trọng Hoa, sử sách gọi là Ngu Thuấn, là một người nhân đức, trị vì 50 năm, trên đường đi tuần ở phương Nam bị chết ở Thương Đồng (nay thuộc phía Đông Nam huyện Thủ Nguyên tỉnh Hồ Nam) thọ 100 tuổi, táng ở núi Cửu Nghi (nay thuộc huyện Thủ Nguyên, một thuyết khác nói do đoạt ngôi, bị giam và chết ở Thương Đồng).

*

Thuấn là trưởng thị bộ lạc Ngu. "Mãnh Tử Lý Nữ biên" nói: ông ta quy thuận người Đông Di, cư trú ở Ngu (nay thuộc phía bắc huyện Ngu Thành tỉnh Hà Nam).

Thuấn là con một nông dân bình thường, cha mắt kém, mẹ mất sớm, cha lấy vợ và sinh được một em trai tên là Tương và em gái tên là Khỏa Thư. Cha mơ hồ mê muội, yêu quý mẹ ghẻ và em gái, không thích Thuấn, mẹ ghẻ tâm địa lang sói, em trai tính tình hung ác, họ thường ngược đãi Thuấn. Sau khi trưởng thành, Thuấn không thể sống chung với họ, đã bỏ nhà và đi đến núi Lịch Sơn (nay thuộc Sơn Tây) lợp một ngôi nhà cỏ, khai hoang trồng ruộng. Thuấn thương người, tính tình hòa nhã, luôn giúp đỡ mọi người, được dân chúng tin yêu, dần dần họ dọn đến ở gần Thuấn không bao lâu nơi đây trở thành khu vực tập trung dân cư đông đúc.

Nghiêu tuổi cao sức yếu, quyết định không triệu tập các thủ lĩnh bộ lạc bảo chọn người kế vị ông ta. Mọi người biết tài đức của Thuấn đều nhất loạt bình chọn Thuấn. Vua Nghiêu qua thử thách, cuối cùng rất hài lòng về Thuấn đã gả con gái: Nga Tinh và Nữ Anh cho Thuấn, còn tặng một kho lương và một đàn dê.

Mẹ ghẻ và em trai thấy vậy sinh lòng ghen ghét đã xúi giục cha nghĩ cách hại Thuấn để cướp tài sản.

Một lần, cha sai Thuấn đi sửa nhà kho, đợi Thuấn trèo lên đỉnh nhà, Tượng chặt đứt thang rồi cùng cha mẹ châm lửa đốt định thiêu chết Thuấn. Ông chợt nhớ ra vợ vừa đưa cho hai chiếc nón lá, ông cầm mỗi tay một cái mở rộng hai chân, trông giống như chim giương cánh bay, nhảy xuống đồng cỏ khô gần đó bình yên vô sự.

Mưu kế không thành. Tượng nghĩ ra mưu khác. Một ngày, cha sai Thuấn đi vét giếng, Thuấn mang dụng cụ dùng dây thừng leo xuống đáy giếng. Ông vừa xuống đó, em trai và cha cắt đứt dây thừng, dùng đất đá lấp giếng lại. Họ quay về nhà Thuấn định cướp tài sản không ngờ Thuấn đã bình an trở về. Hai cha con kinh ngạc mặt mày thất sắc, lủi thủi bỏ đi. Hóa ra, Thuấn sớm

đoán được ý định của họ, nên đã đào sẵn một lối đi lên mặt đất.

Vài ngày sau, Tượng lại đến và nói: "Hai lần trước thật có lỗi với anh, hôm nay em làm rượu thịt mời anh đến ăn để chuộc lỗi".

Em gái Khỏa Thư biết bố mẹ và em trai muốn hãm hại Thuấn, cô ta rất thương xót. Cô ta biết lần này, Tượng đợi Thuấn uống say sẽ chém chết ông ta. Cô ta lén lút âm thầm đến nói cho Thuấn và chị dâu biết. Chị dâu lấy một túi thuốc bảo Thuấn đeo vào người rồi hãy đi dự tiệc. Nhân lúc họ chén to chén nhỏ chuốc rượu, Thuấn nhanh chóng đổ rượu vào túi, thấy rượu thịt đã tàn mà Thuấn không hề say, Tượng tức giận nhìn Thuấn quay về nhà.

Mặc dù bị họ đối đãi như vậy, Thuấn không hề hận họ, vẫn giữ tròn chữ hiếu với cha mẹ, yêu mến anh em, tặng cho họ nhiều đồ vật quý báu.

Nghiêu thấy Thuấn sống trong một gia đình như vậy vẫn giữ tròn đạo hiếu thì nhất định trị vì tốt việc quốc gia, liền nhường ngôi cho Thuấn. Sau khi kế vị, Thuấn trở về nhà bái kiến cha mẹ và phong đất cho Tượng ở Bí (nay thuộc huyện Linh Lăng tỉnh Hồ Nam). Cha và em trai Thuấn tâm địa quỷ quyệt bị lòng nhân từ của Thuấn làm cảm hóa, nên đã thay đổi tính nết.

Sau khi trị vì, Thuấn thường xuyên đi tuần ở bốn phương, loại bỏ những mối nguy hiểm như: Cung Cung, Tam Miêu trọng dụng nhân tài. Ví dụ: sai Vũ trị thủy, Khiết quản chính trị, Ích nắm quân đội, Dao nắm nông nghiệp và chọn Cồn kế vị.

Vào những năm cuối đời, người Miêu ở phương Nam làm loạn, ông đích thân dẫn quân đi dẹp, đưa Nga Tinh, Nữ Anh xuống Nam Hạ. Đến Tương Thủy để hai người vợ ở lại, còn mình dẫn quân tiến về phía trước. Đền Thương Ngô đột nhiên bị bệnh và chết, an táng ở núi Cửu Nghị. Nga Tinh và Nữ Anh nhận được tin dữ khóc mãi không thôi, họ mên theo bờ sông Tương Thủy, khóc đến nỗi máu chảy trong mắt, nước mắt máu rượu bắn lên những cây trúc ở bờ sông điểm thành những vết lấm tấm. Người đời sau gọi trúc này là trúc Tương Phi, trúc đốm.

Cuối cùng quá đau khổ, cả hai cùng nhảy xuống sông Tương Thủy tự vẫn. Người đời sau lập miếu bên bờ sông để cúng tế họ. Tương truyền, hai người đều là thủy thần của sông gọi là Tương Quân-Tương Phu nhân.

Em trai Thuấn biết tin, từ xa lặn lội đến quỳ trước mộ khóc lóc hối hận, sau này biến thành một đầu voi lớn đứng canh mộ, người đời sau xây cạnh mộ ông tòa "Tị Đình" để tưởng nhớ ông.

"Sử kí Hạ bản kí" và "Mãnh Tử Vạn Chương" lại nói: Vào những năm cuối đời, Thuấn không lấy đức làm trọng, truyền ngôi cho con là Thương Vận (một người chỉ biết ăn chơi hưởng lạc). Vũ không phụ, dùng thủ đoạn ép Thuấn đến Thương Ngô, giam Thương Vận ở Dương Thành còn mình đoạt ngôi vị.

NHÀ HẠ

(Từ thế kỷ 21 TCN - đến thế kỷ 16 TCN)

Nhà Hạ là thời kỳ hình thành xã hội nô lệ ở Trung Quốc cũng là triều đại đầu tiên thực hiện chế độ cha truyền con nối, nhà Hạ có tổng cộng 17 vị vua do tài liệu sử bị mất chỉ biết 13 người bị bệnh chết, một người do mất nước đi lưu vong bị đói chết, một người đi chinh phạt bị chết, một người chết do lao động quá vất vả và một người bị giết.

Còn có Hậu Nghệ và Hán Chúa bị giết.

VŨ (NHÀ HẠ)

Vũ, họ Tự, tên là Văn Minh, ngoài ra còn gọi là Đại Vũ, Hạ Vũ, Đế Vũ, năm sinh năm mất không rõ (được Thuấn nhường ngôi cho), là người được triều Hạ tôn kính. Trị vì được 8 năm, do lao động quá vất vả nên chết, thọ 100 tuổi, táng ở núi Hội Kê (nay thuộc huyện Thiệu Hưng tỉnh Triết Giang).

*

Vũ, con trai của Cổn (tộc trưởng bộ lạc Hạ) theo truyền thuyết là cháu của Chuyên Húc. Cổn chết do trị thủy thất bại. Thuấn ra lệnh cho Vũ tiếp tục công việc trị thủy, Vũ thông minh chăm chỉ đối xử với mọi người rất hòa nhã, sẵn sàng hi sinh bản thân mình. Ông ta lấy bài học của cha làm gương, trải qua kinh nghiệm thực tế, dùng phương pháp khơi dòng, ông đích thân chỉ đạo công việc dãi nắng dầm mưa, tính theo lịch là 13 năm cuối cùng cũng ngăn chặn được nước lũ. Trong 13 năm này, ông đi qua nhà 3 lần mà không vào. Lần thứ nhất, đúng lúc vợ ông đang sinh con nghe tiếng trẻ khóc, thuộc hạ khuyên ông vào nhà xem tình hình ra sao, nhưng ông không vào vì sợ lỡ công việc trị thủy, lần thứ hai qua nhà, vợ ông đang bế con định trao cho ông bế, ông chỉ vuốt má đứa nhỏ rồi ra đi. Lần thứ ba, con trai ông giữ ông lại, ông giải thích vì công việc chưa xong không thể ở nhà được.

Tinh thần và thành tích của Vũ được mọi người tôn trọng, họ tôn ông là truyền nhân của bộ lạc liên minh Mễ Đới - Hoàng Đế.

Sau khi Thuấn chết, ông lên kế vị. Còn có một truyền thuyết khác cho rằng: Hai cha con Cổn - Vũ đều dùng phương pháp khơi dòng để trị thủy, cách thức của phương pháp này do Cổn nghĩ ra, nhưng mức độ thông minh của hai người lại khác nhau, do vậy người thành công, người thất bại. Sở dĩ Cổn chết, Vũ có thể tiếp tục nhiệm vụ của ông ta là do nhân tố về chính trị. Ngoài ra chế độ xã hội thị tộc phụ hệ đã phát triển đến giai đoạn cuối. Trong giai đoạn lịch sử lúc đó Ngu Thuấn đại diện cho thế lực bảo thủ. Cổn đại diện cho tư tưởng tiến bộ. Cách làm của Cổn phá hoại phong tục tập quán cũ kỹ của xã hội thị tộc, kỳ thật ông ta dùng bạo lực bắt nhường chỗ cho chế độ dân chủ ý định đó đã làm cho Nghiêu tức giận và sai Thuấn giết Cổn.

Vũ giành bài học đau thương từ cha rút kinh nghiệm cho bản thân mình, phục tùng mọi mệnh lệnh của Thuấn, giành được lòng tin của Thuấn và được Thuấn nhường ngôi.

Sau khi lên ngôi, Vũ chú trọng nông nghiệp, thế lực chính trị của ông cũng rất mạnh từ lưu vực sông Hoàng Hà kéo đến lưu vực sông Trường Giang, ông định cư ở Dương Địch (nay thuộc huyện Vũ tỉnh Hà Nam).

Căn cứ vào sử ký thời đó đã có thế lực cộng đồng như: quân đội, quan lại... nói rõ đã xuất hiện bộ máy chính quyền.

Theo truyền thuyết để kỷ niệm ngày chiến thắng nạn lụt, Vũ đã sai đúc 9 cái đỉnh sắt đại

diện cho 9 châu, khắc trên đá nhiều hoa văn, cầm thú tượng trưng cho chính quyền quốc gia về sau này.

Những năm cuối đời, Vũ hay trưng cầu ý kiến của các bộ lạc, chọn Cao Dao kế nhiệm, không may Cao Dao chết yếu, ông lại chọn con trai của Cao Dao là Bá Ích kế vị.

Vũ trị vì được 8 năm, từng triệu tập các thủ lĩnh bộ lạc đến hội họp ở miếu Sơn (nay là huyện Thị Hưng, tỉnh Triết Giang) mọi người đều hội họp tặng cho Vũ rất nhiều báu vật quý và góp những ý kiến quan trọng. Vũ ra lệnh cho Hạ Thiên ghi lại rõ ràng. Từ đó đổi tên miếu Sơn Thành là Kế Sơn. Lần hội họp đó chỉ có thủ lĩnh bộ lạc Phỏng Phương Thị (là một bộ lạc ở phương nam) không đến (nay là huyện Đức Sơn tỉnh Triết Giang).

Vũ tức giận, cộng thêm vào đó Phỏng Phong Thị không biết sợ đi xâm phạm người khác, liền bị Vũ bắt lại kê ra hàng loạt vũ trạng, sau đó kết vào tội chết.

Sau khi kết thúc đại hội Vũ do bị lao động vất vả nên đã lâm bệnh, trong lúc ốm Vũ vẫn điều hành công việc. Tháng 8 năm đó ngã bệnh và chết ở Hội Kê. Thuộc hạ của ông ta theo tác phong của ông ta: khiêm tốn tiết kiệm chỉ dùng có 3 lĩnh vải và một quan tài mỏng an táng ông ta ở núi Hải Kê.

KHẢI

Sử ký gọi là Hạ Khải. Hạ hậu Khải năm sinh và năm mất không rõ ràng, con của Vũ sau khi chết nhường ngôi cho trị vì được 9 năm, bị bệnh mà chết. Táng ở gần An ấp (nay là thôn Tây Chỉ Hạ huyện Hạ tỉnh Sơn Tây).

Khải mẹ là Đỗ Sơn Thị ghi chép trong quyển "Thiên môn" của Khuất Nguyên. Vũ trong lúc đi tuần tra về việc trị thủy, đi khắp 4 phương, có một lần gặp gỡ thị nữ của Đồ Sơn ở Đài Trang nhưng vì công việc nên phải phân li. Thị Nữ của Đồ Sơn mang thai, do đau thương đến khi sinh Khải thì chết. Vì vậy Khải sinh ra đã mất mẹ, lại là 1 đứa trẻ rất đáng thương. Sau khi Vũ chết, Khải rất là ngang ngược không ai bảo được. Tự mình kế vị lập ra nhà Hạ đầu tiên của lịch sử Trung Quốc. Từ đó tuyên bố kết thúc xã hội nguyên thủy, mở ra một xã hội nô lệ. Khải cũng trở thành vị Hoàng đế đầu tiên trong lịch sử Trung Quốc (cũng có nhà sử học cho rằng Vũ là vị vương đầu tiên trong lịch sử Trung Quốc) anh ta rời bỏ Dương dịch từ phía tây dời xuống đại Hạ nay là lưu vực thôn hội, đóng đô ở An ấp (nay là phía Tây huyện Hạ tỉnh Sơn Tây). Sau khi Khải cướp ngôi đã hạ lệnh giết Bá Ích người được Vũ chọn kế vị. Khải cùng với bộ lạc Hữu Hội thề không đội trời chung. Khải đã sai quân đánh họ, bị Hộ phi đánh cho thua trận. Để lấy lòng dân Khải rất nghiêm túc trong việc trị quân. Ông ta còn tôn trọng những người già yếu, trẻ nhỏ, dùng những người có tài. Sau khi được sự giúp đỡ của nhân dân, ông ta lại xuất quân đi đánh Hữu Hộ phi, củng cố Vương Quyền. Sau lần đó tính cách của ông ta lại trở về như cũ, càng ngày càng xấu đi, suốt ngày uống rượu nghe hát.

Có truyền thuyết nói ông ta sáng tác khúc nhạc "Cửu âm".

Những năm cuối đời của Khải, những người con trai của ông ta tranh nhau đòi kế vị. Người con út Thành Quan hung ác nhất. Khải liền sai người đem nó đến Hà Tây (nay là Thiển tây) Thành Quan tụ tập nhiều người hòng làm loạn. Khải liền sai đại tướng Bá Thọ đến đánh và sai người bắt giải Thành Quan về cung. Anh ta đành nhận tội. Không lâu sau Khải bị bệnh chết.

THÁI KHANG

Thái Khang năm sinh và năm mất không rõ ràng, là con trưởng của Khải. Kế vị Khải sau khi ông ta chết. Thực tế trị vì trong 2 năm (trên danh nghĩa lên ngôi từ năm 29 tuổi) vì không lo liệu việc dân sự. Trong lúc đi du lãm săn bắn ở bờ bắc sông Lạc Thủy, bị Hậu Nghệ cướp ngôi. Do vậy, ốm chết, táng ở Dương Hạ (nay thuộc phía Tây huyện Thái Khang tỉnh Hà Nam).

Thái Khang từ lúc nhỏ đã được hưởng lạc cùng với cha. Sau khi lên ngôi ông ta còn ăn chơi trác táng hơn cha mình rất nhiều. Suốt ngày chỉ nghe đàn ca múa hát săn bắn, không lo liệu việc trị nước.

Có một lần ông ta mang gia nhân cùng đi săn bắn du lãm ở bờ bắc sông Lạc Thủy, đi hơn 3 tháng mà chưa trở về, buông lỏng mọi công việc triều chính, nhân dân oán thán, bị Hậu Nghệ thủ lĩnh bộ lạc Hữu Cùng của dân tộc Đông Di (nay là phía tây Đức Châu tỉnh Sơn Đông) khởi binh chiếm đánh thành An ấp. Lúc nà Thái Khang đi săn phấn khởi trở về. Đi đến bờ Lạc Thủy, thấy có quân lính đứng đó, vội sai người qua sông hỏi han tình hình mới biết Hậu Nghệ không cho ông ta vào thành. Các thủ lĩnh bộ lạc đều không bằng lòng về hành vi phóng đãng của Thái Khang, và lại sợ thế lực của Hậu Nghệ, không ai muốn giúp đỡ Thái Khang. Lúc này ông ta hối hận cũng đã muộn, đành phải cư trú ở Dương Hạ.

5 người em của Thái Khang thấy anh trưởng không về thành An Ấp nên thường cùng mẹ đến bờ nam sông Lạc Thủy ngóng đợi. Cuối cùng cũng bị thất vọng.

5 anh em họ liền sáng tác ra một ca khúc để tưởng nhớ đến công tích và phẩm đức của tổ tiên. Tính tình của ca khúc rất lâm li bi đát. Ca khúc này là "lời ca của 5 anh em" rất nổi tiếng trong Thượng Thư - đại ý của lời ca là: "Tổ tiên của chúng ta, từng giáo dục con cháu. Dân chúng là gốc rễ. Chỉ cần gốc rễ vững chắc thì quốc gia yên ổn. Quân vương phải chú ý tới việc trị quốc, dùng tâm để trị vì thiên hạ, đừng ham mê tửu sắc, ham muốn đi chơi, phải hết lòng vì là con trăm họ, củng cố việc quân. Có vậy mới không mất lòng tin trong dân chúng, không bị mất nước. Tổ tiên chúng ta trước đây luôn hết mình vì dân chúng ai cũng lo toan việc quân việc nước, đời sống nhân dân ổn định phồn vinh. Như vậy mới là một quân vương tài giỏi. Còn ngày nay Thái Khang của chúng ta đã đi ngược với lời dạy của tổ tông, làm hỏng mọi chuyện, làm khốn khổ bà con trăm họ, làm bại hoại tổ tiên, đưa chúng ta rơi vào tình cảnh mất nước, nhà tan. Thái Khang ơi? Anh đã mắc tội lớn - làm chúng em rất đau lòng."

(Sau 27 năm ông ta chết ở Dương Hạ).

TRỌNG KHANG

Trọng Khang, năm sinh và năm mất không rõ ràng, là em trai của Thái Khang. Sau khi Hậu Nghệ phế truất Thái Khang, đã lập ông ta làm vua trên danh nghĩa ông ta lên ngôi từ năm 13 tuổi. Nhưng do Hậu Nghệ nắm quyền, ông ta không can tâm làm bù nhìn trong tay Hậu Nghệ, một lòng muốn cướp lại chính quyền. Ông ta sai Tử Mã Dận mang quân đi chinh phạt. Hi Hòa (là vây cánh của Hậu Nghệ) lực lượng rất mạnh. Cuối cùng Trọng Khang thua trận, giam lỏng. Buồn rầu uất hận, sinh bệnh mà chết, táng ở gần An Ấp (nay là thôn Tây Chí Hạ, huyện Hạ, tỉnh Sơn Tây).

TƯƠNG

Tương là con trai Trọng Khang, năm sinh và năm mất không rõ ràng. lên kế vị Trọng Khang, sau khi ông ta chết, trị vì được 28 năm. Bị con trai của Hàn Trọc là Thiếu Tiến đánh nên tự vẫn chết, táng ở Đế Khâu (nay là huyện Bộc Dương tỉnh Hà Nam).

Lúc Tương lên kế vị, tuổi còn rất nhỏ, nhưng vì Hậu Nghệ mang quân tiến đánh, đành phải chạy đến Đế Khâu (nay là huyện Bộc Dương, tỉnh Hà Nam) rồi chạy đến Châm Quán (nay là phía đông huyện Thọ Quang, tỉnh Sơn Đông). Năm thứ 8 ông ta lên kế vị. Trợ thủ Hậu Nghệ là Hàn Trọc cùng con trai Hậu Nghệ là Bàng gia đã chỉ huy quân lĩnh giết Hậu Nghệ.

Sau đó sai con trai mình là Thiêu đem quân tiến đánh

Châm Quán. Tương thế lực yếu kém, đành phải chạy đến Đế Khâu. Lúc này, Tương đã từng đem quân đánh bại các bộ lạc Hoài Di - Phan Di - Hoàng Di... nên khi Tương chạy đến đó gặp

mặt phục tùng Tương.

Năm thứ 2 Thiêu lại tiến đánh Đế Khấu. Buổi tối tiến đánh vào thành. Tương thấy tình cảnh rất khó thoát thân, đành dùng dao tự vẫn chết.

Tương chết. Hàn Trọc tự phong vương kéo dài được 40 năm.

HẬU NGHỆ

Hậu Nghệ! tên gọi là Nghệ Họ Vân. Năm sinh và năm mất không rõ, là thủ lĩnh bộ lạc Hữu Cùng, tộc Đông Di, nắm chính quyền ở triều Hạ 27 năm, bị em trai là Bàng Gia dùng gậy gỗ đào đập chết.

Hậu Nghệ vẫn là thủ lĩnh thị tộc bộ lạc: Hữu Cùng, dân tộc Đông Di. Theo truyền thuyết ông ta là một tay xạ thủ cừ khôi, thời đó có 10 mặt trời, đã nung đốt cây cối khô héo, khô cằn, dân sống rất khổ cực. Ông ta đã dùng tên bắn rơi 9 mặt trời, còn dùng tên bắn rất nhiều thú dữ, rắn độc. Ông vì dân loại trừ tai họa. Về sau ông ta nhân cơ hội Thái Khang đi săn đã đánh chiếm đô thành Ấp An. Lập Trọng Khang làm vương, nhưng thực chất ông ta thao túng quyền hành. Sau khi Trọng Khang chết, ông ta tự mình kế vị.

Sau khi Hậu Nghệ lên nắm chính quyền, chìm đắm trong tửu sắc, du lãm, không lo liệu việc nước, bài trừ những người chính nghĩa, chính trực, dùng những người như Hàn Trọc.

Theo truyền thuyết vợ của ông ta là Hằng Nga vì không hài lòng với tác phong của ông ta nên đã lấy trộm thuốc tiên mà Tây Vương mẫu đã cho Hậu Nghệ bay về cung trăng.

Hàn trọc có dã tâm cướp quyền nên đã cùng vây cánh của em Hậu Nghệ là Bàng gia tiến đánh 1 ngày.

Hậu Nghệ sau khi đã săn Quang về cung, rượu say túy lúy, bị Bàng gia dùng cây gậy gỗ đào đập chết.

Một truyền thuyết khác cho rằng Hằng Nga lúc đó là một người đẹp, tóc đen nổi tiếng, được mệnh danh là (người vợ có mái tóc đen) Cô ta được gả cho Nhạc Chính Hậu Quỳ, sinh được 1 người con trai. Hậu Nghệ nghe tiếng cô ta đẹp sắc nước nghiêng thành. Đem quân tiến đánh Hậu Quỳ, cướp cô ta làm vợ, gọi cô ta là Hằng Nga - Thiên Nga. Cô ta gắng gượng vui cười, thực ra trong lòng rất hận Hậu Nghệ. Hàn Trọc là người gian trá đã nhìn ra tâm tưởng của cô ta, dùng trăm phương ngàn kế xúi giục cô ta lũng loạn Hậu Nghệ. Cô ta đã hợp mưu cùng Bàng gia giết chết Hậu Nghệ.

Sau khi Hậu Nghệ chết, Hàn Trọc sai người đem thi thể băm nhỏ ra rán thành miếng, bắt Hằng Nga và con trai của cô ta ăn hết. Đứa trẻ sợ hãi không dám ăn bị Hàn Trọc giết chết. Lúc này Hằng Nga mới nhìn thấy rõ bộ mặt gian trá và dã tâm độc ác của Hàn Trọc, vội lấy trộm thuốc tiên bay về cung trăng.

HÀN TRỌC

Hàn Trọc năm sinh và năm mất không rõ ràng, là thị dân của tộc Đông Di. Sau khi giết Hậu Nghệ đã tự xưng vương trị vì được 40 năm. Sau đó bị Thiếu Khang giết chết.

Hàn Trọc là thị dân của tộc Đông Di (nay ở Đông Bắc thành phố uy Phương tỉnh Sơn Đông) Vì tâm thuật không đứng đắn, dự định xấu xa, chuyên đặt điều gây chuyện, bị thủ lĩnh bộ lạc đuổi đi. Sau đó Hậu nghệ thu nhận ông ta. Ông ta nịnh bợ, lũng đoạn Hậu Nghệ, được lòng tin ở Hậu Nghệ nên được ủy thác cho quản lý việc nước. Về sau ông ta dùng thế lực giết chết Hậu Nghệ cướp ngôi, lại sai quân tiến đánh Châm Quán và Châm Tầm (nay thuộc Tây Nam thành

phố Duy Phương tỉnh Sơn Đông). Sau này là bộ lạc của triều Hạ, làm cho triều Hạ gặp khó khăn.

Sau khi ông ta lên ngôi, đam mê tửu sắc, bà con trăm họ khốn khổ, nhân dân oán hận, về sau con trai cả của Tương là Thiều Khang Trương Thành, dưới sự trợ giúp của quân thần đã tiến đánh thành An Ấp.

Quân lính của Hàn Trọc tâm lý hoang mang, không đánh mà hàng, nhân dân mở cửa thành nghênh đón quân của Thiếu Khang vào. Thiếu Khang đánh thẳng vào cung bắt giữ Hàn Trọc. Sau khi kể tội trạng của Hàn Trọc đã khép ông ta tội chết.

THIẾU KHANG

Thiếu Khang còn có tên khác là Đỗ Khang, năm sinh và năm mất không rõ ràng, con trai của Tương tấn công và giết chết Hàn Trọc khôi phục lại triều Hạ, trị vì được 21 năm do bị bệnh chết, táng ở Dương Hạ.

Thiếu Khang là cốt nhục của Tương, lúc Tương bị truy đuổi khép vào tội chết, Thiếu Khang vẫn chưa ra đời, mẹ là Hậu Mai Thị. Lúc đó, kèm nỗi đau thương, bỏ đi sự tôn nghiêm của một vương hậu, vội vàng theo cung nữ đào 1 rách ngách chui ra ngoại chạy đến thị bộ lạc lương gia Hữu (nay ở phía đông nam thành phố Tế Nam tỉnh Sơn Đông) Năm thứ 2 sinh hạ được Thiếu Khang.

Từ nhỏ Thiếu Khang là người thông minh lanh lợi. Sau khi ông ta hiểu được chuyện, mẹ ông ta nói cho ông ta biết chuyện tổ tiên bị mất nước, khuyên ông ta phải báo thù khôi phục lại triều Hạ. Từ đó ông ta nuôi chí phục thù, quyết tâm giành lại thiên hạ. Ông ta đã tập hợp quân lính, tích trữ lương thực, tập trận chiến, luôn luôn đề phòng quan sát sợ Hàn Trọc giết hại mình. Không lâu sau con của Hàn Trọc là Thiêu đem quân tiến đánh ông ta. Thiếu Khang chạy trốn được đến bộ lạc Hữu Ngu Thị (nay ở phía đông thành Ngan tỉnh Hà Nam).

Thủ lĩnh Hữu Ngu Thị cho ông ta làm quan, quản lý về lương thực, còn dạy ông ta học tập võ nghệ, và gả con gái cho ông ta, đất đai và 500 binh lính để phục vụ việc quân lấy lại thiên hạ. Lúc này Thiếu Khang đã có căn cứ và quân đội, ông ta khổ luyện việc quân, quyết chí khôi phục lại công đức của tổ tiên cố gắng tranh cướp lại ngôi vị khôi phục triều Hạ, ông triệu tập quần thần cũ đến hội họp.

Lúc này còn có một người tên là Mị vốn là hạ thần cũ của Tương. Sau khi Hàn Trọc cướp ngôi, ông ta chạy đến bộ lạc Hữu Cát Thị (nay ở huyện Đức Bình tỉnh Sơn Đông) triệu tập những người lưu vong, tích trữ lương thực nuôi quân, đợi thời cơ khôi phục lại triều Hạ. Ông ta hưởng ứng lời kêu gọi của Thiếu Khang, họp quân ở Hữu Cát Thị, hội họp ở Châm Quán, Châm Tầm, tôn phục Thiếu Khang làm vua.

Thiếu Khang sai con trai là Quý Trữ tấn công đánh con của Hàn Trọc là Dặc Ý để thăm dò lực lượng lại sai tướng Quân Nữ Nghĩa đi xem xét thực lực của quân Thiêu. Tất cả đều chuẩn bị chu đáo, nhất loạt xuất binh thế lực mạnh như thác đổ. Mưu sát Hàn Trọc, đoạt lại ngôi vị, khôi phục lại triều Hạ.

Thiếu Khang từ nhỏ đã khổ cực vất vả. Sau khi phục quốc rất chăm lo việc nước, chọn dùng người tài. Dưới sự quản lý của ông ta thiên hạ thái bình, đất nước phồn vinh, các bộ lạc đều tâm phục ông ta, triều Hạ phồn vinh cực độ. Trong sử gọi là "Thiếu Khang trung hưng"

Vào những năm cuối đời Thiếu Khang chọn Việt (nay ở Thiệu Hưng, tỉnh Triết Giang) làm nơi cúng tế tổ tiên. Nơi đây là khởi điểm của nước Việt.

Sau 21 năm Thiếu Khang bị ốm chết.

TRỮ

Trữ vừa có tên là Quỹ Trữ vừa là Trữ, năm sinh và năm mất không rõ, là con trai của Thiếu Khang, nên kế vị sau khi Thiếu Khang chết, trị vì được 17 năm, bị bệnh chết, táng ở An Ấp.

Trữ là người tinh nhanh năng nổ, từng trợ giúp cha diệt thế lực Hàn Thị, phục hưng nhà Hạ. Trong thời gian kế vị, ông ta nghĩ ra cách dùng da thực làm áo giáp. Binh sĩ mặc vào có thể tránh được cung tên, đao kiếm của kẻ địch. Sức chiến đấu được bảo vệ rất tốt.

Ông ta cùng các bộ lạc Đông Di, tiếp tục tranh đấu một lòng tiến đến biên giới Đông Hải, mở rộng thêm cương vị nhà Hạ. Cuối cùng thu phục được tộc Đông Di. Ông ta được triều đình Hạ coi là vị vua nổi tiếng, xứng đáng được kế nghiệp sự nghiệp nhà Hạ.

Trữ dời đô đi đến Nguyên (nay gần huyện Ký Nguyên tỉnh Hà Nam) và lão Khâu (nay là huyện Trấn Lưu, tỉnh Hà Nam) trị vì được 17 năm ốm chết.

HÒE

Hòe còn có tên khác là Đế Phần. Năm sinh và năm mất không rõ ràng, là con trai của Trữ, lên trị vì ngay sau khi Trữ mất. Hòe trị vì được 26 năm, bị bệnh chết, táng ở An Ấp.

Hòe lên trị vì đã chinh phục được 9 bộ lạc, trú ở giữa Từ Thủy và Hoài Thủy. Viết dụ Khuyển Di - Vu Di - Phương Di - Hoàn Di - Bạch Di - Huyền Di - Phong Di - Dương Di - Xích Di mở rộng mạnh mẽ thế lực nhà Hạ.

MANG

Mang năm sinh và năm mất không rõ ràng, là con trai của Hòe, kế vị khi Hòe chết, trị vì được 18 năm, ốm chết, táng ở gần An Ấp.

TIẾT

Tiết còn có tên khác là Đế Giáng. Năm sinh và năm mất không rõ ràng, là con trai của Mang, kế vị sau khi Mang chết, trị vì được 16 năm, bị ốm chết, táng gần An Ấp.

Tiết trong thời gian trị vì đã sai sứ giả đến 6 tộc như Đông Di, Tây Khương... đến triều đình yết kiến. 6 tộc Di đều tiếp thu mệnh lệnh của Tiết. Điều đó nói rõ tộc Di đã thừa nhận sự thống trị của thiên hạ.

BẤT GIÁNG

ất Giáng năm sinh và năm mất không rõ, là con trai của Tiết, lên kế vị sau khi cha chết, trị vì được 18 năm, bị ốm chết, táng ở gần An Ấp.

Bất Giáng vào những năm cuối đời, vì con trai là Khổng Giáp Tinh ngang ngạnh, lo con con trai không thể quản lý được quốc gia, quyết định sửa đổi chế độ cha truyền con nối, đã truyền ngôi cho em trai là Quýnh. Cách thức nhường ngôi cho em trong sử gọi là "Nội Thiện" (nhường ngôi cho người trong nhà) Sau khi Bất Giáng nhường ngôi cho em, sống được 11 năm thì chết.

QUÝNH

Quýnh năm sinh và năm mất không rõ, là con trai của Bất Giáng. Nhận lời của anh lên kế vị, trị vì 21 năm bị bệnh chết, táng ở gần An Ấp.

CẬN

Cận còn có tên khác là Giáp. Năm sinh và năm mất không rõ là con trai của Quýnh, kế vị sau khi cha chết, trị vì 21 năm, bị bệnh ốm chết, táng ở gần An Ấp. Trong thời gian Cận trị vì, thế lực nhà Thương đã nổi lên, nhà Hạ suy yếu dần, phải lui xuống khu vực Tây Hà (nay là giữa thành phố Lạc Dương tỉnh Hà Nam và huyện Hoa Âm tỉnh Thiểm Tây).

KHỔNG GIÁP

Khổng Giám sinh và mất không rõ,là con trai của Bất Giang, cháu của Quýnh, sau khi con trai của Quýnh là Cận lên ngôi rồi chết. Ông ta tự lên kế vị, trị vì được 31 năm, ốm chết, táng ở núi Hà Sơn, phía đông Bắc huyện Diên Khánh, thành phố Bắc Kinh ngày nay. Khổng Giáp tính tình ngang ngạnh, vua lo cho ông ta không trị vì được quốc gia, đã không truyền ngôi, mà lại nhường ngôi cho em trai mình. Sau khi Quýnh chết nhường ngôi cho con trai là Cản Cận chết - Khổng Giáp mới được kế vị.

Từ khi trị vì, Khổng Giáp ăn chơi sa đọa, suốt ngày ham mê tửu sắc. Truyền thuyết nói ông ta là người sáng tác ra khúc nhạc đồng âm. Ông ta là người ma lanh quỷ quyệt, các thủ lĩnh bộ lạc liên tiếp rời bỏ triều đình. Triều Hạ rơi vào thế yếu, vì vậy trong quốc ngữ, Chu Ngữ nói Khổng Giáp làm rối loạn triều đình Hạ, 4 đời bị đứt đoạn.

Sử ký (Hạ bản ký) và "Liệt Tiên Truyền" nói: Khổng Giáp thích nuôi rồng. Anh ta nuôi 2 con rồng hung dữ, lại còn tìm 1 người sa cơ thất thế tên là Lưu Lũy đặt biệt hiệu cho anh ta là "Ngự Long Thị" sai anh ta nuôi dưỡng 2 con rồng đó.

Lưu Lũy không biết cách nuôi rồng, không lâu sau một con rồng cái đã chết. Anh ta can đảm đem con rồng đã chết rán lên đưa cho Khổng Giáp ăn. Sau khi ăn, ông ta khen món ăn đó hết lời. Sau chuyện này Khổng Giáp không thấy con rồng cái nữa. Con rồng đực cũng buồn rầu sinh bệnh, rồi nổi giận lôi đình, Lưu Lũy sợ hãi chạy trốn mất, Không Giáp không biết làm sao lại tìm được 1 cao thủ nuôi rồng tên là Sư Môn. Sư Môn đem con rồng đó vỗ về khiến tinh thần nó hoạt bát, thần sắc nó nhanh nhẹn. Khổng Giáp rất vui mừng, nhưng Sư Môn tính bộc trực, hoàn toàn bác bỏ những lời Khổng Giáp vỗ về việc nuôi dưỡng rồng, khiến cho Khổng Giáp rất tức giận. Cuối cùng sai người giết chết anh ta, chôn anh ta ở ngoại thành. Không lâu sau sấm to, gió lớn, sau khi sấm sét chấm dứt, rừng núi ở ngoại thành bỗng cháy đùng đùng. Khổng Giáp tin là có ma quỷ, một mặt cho rằng đó là linh hồn Lưu Lũy tác oai tác quái, vội vàng lên xe ngựa, chạy đến nơi, chôn Lưu Lũy tạ lỗi. Trên đường trở về cung, đi được nửa đường thì chết trên xe ngựa.

CAO

ao! Năm sinh năm mất không rõ, là con trai của Khổng Giáp lên kế vị sau khi Khổng Giáp chết, trị vì 11 năm, bị bệnh ốm chết, táng ở Cảnh Nội, huyện Cách Ninh, tỉnh Hà Nam.

Cao! Trong thời gian trị vì dời đô đến Miễn Chì (nay gần phía tây huyện Miễn Chì tỉnh Hà Nam).

PHÁT

Phát con trai Cao! kế vị sau khi cha ông chết, trị vì 18 năm, bị bệnh chết, táng ở gần An Ấp.

KIỆT

Kiệt còn có tên là Đăng (Lữ Đăng) năm sinh năm mất không rõ ràng. Con trai Phát kế vị. sau khi cha chết là một người hôn quân nổi tiếng trong lịch sử Trung Quốc, trị vì 53 năm. Nước mất bị đưa đi đày và bị đói chết, táng ở núi Ngọa Ngư (Nam Sào) nay núi Ngọa Ngư, huyện Sào, tỉnh An Huy.

Kiệt có sức khỏe vô cùng. Anh ta có thể nâng được cái mâm sắt, tính khí dã man, thường sát

hại bà con trăm họ, phá hoại sản xuất nông nghiệp, thường đi chinh phạt các nước.

Năm thứ 33 sau khi lên ngôi, đem quân đi chinh phạt Hữu Thi Thị.

Hữu Thi Thị xin anh ta tha tội chết, rồi đem cống cho anh ta một mỹ nữ tên là Muội Hỷ - Kiệt si mê cô ta, nên sai làm cho cô ta nhà đẹp - Đài ngọc, giường ngọc. Có người đem dâng cho anh ta 2 bản nhạc hoang dâm vô sỉ, tất cả những thứ đó đều đổ lên đầu bà con trăm họ. Nhân dân cực khổ vô cùng, phẫn nộ mà không dám kêu than.

Kiệt trọng những người vô dụng lẻo mép, làm hại những công thần trung lương, giết hại công dân. Kiệt rất đáng bị trừng phạt. Năm thứ 37, sau khi ông ta lên ngôi, thủ lĩnh bộ lạc Thương ở phương Đông, cử một người có đức có tài tên là Y Doãn đi gặp Kiệt. Y Doãn dùng lời lẽ hợp lý nhân đức, khuyên nhủ Kiệt, khi vắng ông ta, hiểu nỗi thống khổ của bà con trăm họ, dùng tâm để trị vì thiên hạ. Kiệt không nghe và đuổi Y Doãn đi, vào những năm cuối đời Kiệt càng hoang dâm vô độ, Kiệt sai đào một cái đầm gọi là quan đầm. Anh ta thường tụ tập nam nữ ca hát ở trong đầm một tháng không thiết triều. Thái Sử Chung Cổ khóc lóc đòi gặp, anh ta nhất định không gặp, mắng nhiếc Chung Cổ nhiều chuyện. Chung Cổ biết Kiệt không cầu cứu văn được, liền hỏi bộ lạc Thương. Đại thần Quan Long Phụng khuyên ông ta. Bệ hạ nên thức tỉnh và nghe những lời xem trọng. Quần thần nên giữ gìn sức khỏe và chú trọng việc nước thì thiên hạ mới an yên, vương triều mới ổn định. Nếu bệ hạ ăn chơi xa xỉ, giết hại bách tính, thì sẽ bị diệt vong. Bệ hạ đã làm mất đi lòng tin trong nhân dân. Bây giờ bệ hạ hãy sửa đổi tâm tính mới có thể làm thay đổi lòng người. Kiệt nghe xong rất giận quan Long Phùng và ra lệnh chém anh ta.

Như vậy Kiệt càng làm mất đi lòng tin của những quân thần nhân nghĩa.

Lúc này dưới sự lãnh đạo của Thang bộ lạc Thương ngày càng mạnh mẽ, Kiệt lo lắng bộ lạc Thương sang xâm hại mình, liền mượn cớ cầm tù Thang ở Hạ Đài (nay là Hà Nam) không lâu sau Thang có mưu kế khiến Kiệt phải phóng thích anh ta.

Sau đó dưới sự tham mưu của Y Doãn, đã đem quân đi đánh Kiệt. Đầu tiên diệt những đồng đẳng của Kiệt, tấn công hỗn Ngô quốc, sau đó bao vây tuyến đường quan trọng (nay ở phía tây huyện An Ấp, tỉnh Sơn Tây).

Kiệt biết tin sai quân đến đảo Điều. Hai bên tranh đấu, Kiệt đã lên đỉnh núi gần đó quan sát trận đấu, bỗng nhiên trời đổ mưa lớn. Kiệt vội vàng chạy xuống tránh mưa, quân nhà Hạ vẫn không muốn vì Kiệt mà liều mạng lúc này cũng nhân cơ hội đó tản mát hết.

Cuối cùng không đi khống chế được, đành phải trốn chạy vào trong thành. Quân Thương ở đằng sau đuổi gấp, Kiệt không dám ở đó lâu vội vàng mang mọi thứ báu vật quý và một con thuyền nhỏ chạy trốn qua sông chạy đến Nam Sào. Sau đó bị Thang đuổi bắt được, đã giam cầm tại nơi đây.

Lúc này Kiệt hối hận và đã phải than thở "Thật đáng tiếc giá như lúc đó mình giết Thang ở Hạ Đài thì có tốt không?" Kiệt đã quen sống sung túc, ở đây lại hoang vu, không có người phục vụ, bản thân lại không quen lao động, bị đói chết ở núi Ngọa Ngưu. Một sách khác nói là chết ở núi Lịch Dương (nay ở huyện Hòa tỉnh An Huy) Cũng có sách sử nói rằng: Kiệt không bị quân Thương bắt giam, chạy đến Nam Sào bị ốm chết, triều Hạ bị diệt vong.

Tội ác của Kiệt không thể nào tha thứ. Người đời sau tranh luận có người khẳng định, có người còn hoài nghi Ôn Lặc Tất (triều Tống cho rằng) rất nhiều tội ác Kiệt không phải do Kiệt làm, mà do hậu thế đem những tội ác chất lên mình người cuối cùng triều Hạ, tạo nặn anh ta thành 1 hôn quân điển hình mà thôi.

NHÀ THƯƠNG

(Từ thế kỷ 16 trước Công Nguyên đến)

Nhà Thương là thời kỳ xã hội nô lệ ở Trung Quốc, là cơ sở tôn định cho văn minh Trung Quốc về sau này. Văn hóa đồng thau do nhân dân 2 triều Thương sáng tạo rất huy hoàng. Trong nền văn minh cổ đại thế giới chiếm 1 địa vị quan trọng.

Đời Thương có 30 vị vua, trong đó có 28 người bị bệnh chết, 1 người mất nước tự thiêu, 1 người chết trận.

THANG

Thang họ Tử tên thật là Lã, còn gọi là Võ Thang- Võ Vương Thiên Ất - Thành Thang - Thành Đường.

Trong giáp cốt văn gọi là Đường Đại Ất - Cao Tổ Ất. Năm sinh và năm mất không rõ, là thủ lĩnh bộ lạc Thương, diệt nhà Hạ và lên ngôi vua, trị vì 13 năm bị bệnh chết. Sống đến 100 tuổi, táng ở ngoại thành (nay ở phía Bắc huyện Thương Khẩu tỉnh Hà Nam).

Thang theo truyền thuyết là con cháu Đế Khố Khiết làm thủ lĩnh bộ lạc Thương triều Hạ vào những năm cuối đời. Tộc Thương dần dần phát triển mạnh, tận mắt chứng kiến vua Kiệt hung bạo tàn ác, làm mất lòng tin nhân dân, Thang quyết định diệt Hạ. Kiệt lo lắng thế lực Thang mạnh mẽ và tổn hại đến thế lực của mình liền cho gọi Thang vào triều, rồi giam cầm ở Hạ Đài. Tộc Thương đem vàng bạc đến cống hiến cho Kiệt, giành được lòng tin giữa Kiệt và Thang và được phóng thích.

Vợ của Thang có nô bộc tên là Y Doãn. Thang cho anh ta làm việc ở bếp. Y Doãn rất có tài năng để Thang chú ý đến mình, cố ý làm thức ăn có lúc hợp khẩu vị, có lúc mặn, có lúc nhạt. 1 lần Thang triệu anh ta ra hỏi, anh ta nhân cơ hội đã nói ý nghĩ của mình về việc trị nước. Thang rất kinh ngạc, biết anh ta là một nhân tài hiếm có liền bãi bỏ chức vị nô bộc cho anh ta, phong anh ta làm tể tướng. Từ đó dưới sự tham mưu của Y Doãn, Thang nung nấu ý định diệt Hạ.

Thang lấy sự nhân từ, trung hậu thu phục lòng tin của nhân dân, tranh thủ sự ủng hộ của quân dân. Có 1 lần anh ta đi du lịch, nhìn thấy một nông dân treo một chiếc lưới đánh cá trên cành cây, sau đó than rằng: Cho dù là chim ở trên trời hay thú ở dưới đất, phàm là chim chóc ở 8 phương 4 hướng đều bay vào chiếc lưới này. Thang nói với anh ta: Anh thật quá đáng, làm sao anh dùng chiếc lưới này để bắt thú, bắt chim được. Anh phải triệt tiêu 3 mặt, giữ lại một mặt thì mới được. Người nông dân làm theo cách đó. Thang nói tiếp: Các anh sống bên trái thì ở bên trái, sống bên phải thì ở bên phải, chỉ có chim không nghe lời tôi mới bay vào chiếc lưới này. Chuyện Thang mở lưới 3 mặt ân huệ với muông thú được truyền đi muôn nơi, dân đều khen anh ta có lòng nhân từ với bà con trăm họ, đều ủng hộ anh ta.

Thang liệt kê vô số sự hung bạo vô đạo của Kiệt, kêu gọi những nước nhỏ, phụ thuộc vào Hạ, bây giờ quay lưng với Kiệt, quay về với nhà Thương, trị vì 23 năm, bị bệnh chết, táng ở Lịch Thành (nay là thành phố Tế Nam tỉnh Sơn Đông).

Thái Giáp! luôn được Y Doãn trợ giúp, chỉ giáo cho Thái Giáp những phép tắc của tổ tiên. Dưới sự giúp đỡ của Y Doãn Thái Giáp 2 năm đầu kế vị thực hiện rất nghiêm túc, nhưng từ năm thứ 3 trở đi không làm theo lời của Y Doãn. Thái Giáp tùy ý đưa ra những mệnh lệnh, suốt ngày hưởng lạc, mưu hại nhân dân, triều chính hỗn loạn, còn phá hoại những quy chế do tổ tông đưa ra. Y Doãn khuyên giải nhưng ông ta không nghe lời. Y doãn đành mang ông ta tới ở Đồng Quan, gần mộ của Thang (nay là phía Tây Nam huyện Yển Sư Hà Nam) một thuyết khác nói ở Đông Bắc huyện Yển Thành tỉnh Hà Nam) để ông ta tự thức tỉnh. Trong sử ký gọi là Y Doãn thả

Thái Giáp.

Thái Giáp sống ở Đông Quan, bái tổ phụ Thang là "Quân vương khai quốc" vậy mà mộ tổ rất đơn giản và xấu xí. Đọc những dòng chép ở mộ lão nhân giữ mộ được rất nhiều sự

nghiệp sáng lạn của tổ phụ, ôn lại chuyện cũ đối chiếu những hành vi, những việc làm của mình, cảm nhận đó quả là không được và càng thấy áy náy trong lòng, quyết tâm sửa đổi tâm tính. Bắt đầu ở Đông Quan, quan tâm chú ý sự cô quạnh, Tôn Thư pháp chế vì nhân dân mà làm việc thiện. 3 năm sau, Y Doãn thấy Thái Giáp thực sự hối hận rất vui mừng, hạ lệnh cho đại thần văn võ mang quần áo mũ mão đế vương, đến đón anh ta về Bắc Đô, trả lại ngôi vị cho anh ta. Từ đó Thái Giáp lấy bài học của bản thân mình trong quá khứ để làm gương thiết triều, bàn bạc với các đại thần yêu dân, tuân thủ pháp luật của Thang đặt ra, việc trị vì thiên hạ ngày càng tốt. Triều Thương dần dần phồn vinh.

Quần thần Thái Giáp trở thành một minh quân, trong lòng rất vui mừng và viết một bài "Thái Giáp Hoàn" (bài học của

Thái Giáp) để ca ngợi anh ta gọi anh ta là Thái tông. Có một thuyết khác nói: Sau khi Trọng Nhân chết Y Doãn lên ngôi rồi mới đến Thái Giáp. 7 năm sau Thái Giáp quay về.

Y DOÃN

Y Doãn tên là Doãn Y, là trọng thần khai quốc phục vụ 5 đời vua Thương. Theo truyền thuyết sống đến 100 tuổi, chết già, táng ở Bắc, một thuyết khác vì đoạt ngôi nên bị giết chết.

Y Doãn vào những năm cuối triều Hạ, Y Doãn là gia nô của bộ lạc Tân Thị (nay thuộc phía bắc huyện Tào tỉnh Sơn Đông, một thuyết khác nói thuộc phía Đông Nam thành phố Khai Phong tỉnh Hà Nam). Ông ta là một người tài giỏi, ông ta đi theo hầu hạ con gái của Tân Thị tới nhà Hạ Thang, Thang cho ông làm đầu bếp, ông nhờ tài trí mà gây được lòng tin của Thang, Thang sai ông đến triều Hạ khuyên nhủ Kiệt tận mắt chứng kiến cảnh ăn chơi sa đọa của Kiệt ông đoán chắc triều Hạ sẽ bị diệt vong, ông quay về triều Thương nói rõ tình hình, Thang đã cử ông làm tể tướng. Ông vạch ra những mưu lược kế hoạch cuối cùng mở cuộc chinh chiến tiêu diệt nhà Hạ một lòng một dạ phục vụ triều Thương. Sau khi Thang chết, ông lại giúp con cháu của Thang như Ngoại Bích, Trọng Nhâm, Thái Giáp... Khi Thái Giáp lên ngôi, ông đã lấy công đức của Thang và bài học Kiệt là hôn quân nên mất nước để nhắc nhở Thái Giáp chuyên tâm vào việc nước, trị vì tốt quốc gia. Không lâu sau, Thái Giáp lơ đãng công việc trị quốc, ông khuyên nhủ nhiều lần nhưng Thái Giáp không nghe, ông đành phải mang Thái Giáp đến Đông Quan để suy ngẫm về bản thân, còn ông tự mình nhiếp chính giải quyết công việc quốc gia.

Ba năm sau, Giáp tỉnh ngộ, ông chưa về cung và trả lại ngôi vị, còn mình vẫn làm tể tướng, tận trung báo quốc.

Sau khi Giáp chết, Y Doãn còn phụ giúp Ốc Đinh (con trai Thái Giáp). Đế vương thế kỷ nói Y Doãn phục vụ triều Thương đến đời Ốc Đinh mới chết thọ 100 tuổi. Ông ta chết cả nước để tang 3 ngày. Ốc Đinh để báo đáp công ơn của Y Doãn cả đời vì dân vì nước nên đã lấy nghi thức thiên tử để an táng ông.

Người đời sau thấy Y Doãn giúp Thang loại trừ vua Kiệt, sáng lập triều Thương, cải tạo Thái Giáp (không làm hỏng một vị vua ăn chơi sa đọa mà nhân cơ hội cướp ngôi, trước sau đều một lòng một dạ phục vụ triều Thương. Vì vậy, tôn ông là tể tướng trung kiên đầu tiên trong lịch sử Trung Quốc, sánh ông ngang hàng với Chu Công, Quản Trọng, Khương Thái Công...

Niêm Giám Vũ Đế Tư Mã đời Thái Khang (Tây Tấn): trong mộ Ngụy thời chiến quốc phát hiện một bộ thư tịch cổ "trực thư kí niên" có nói Thời Trọng Nhâm xảy ra chuyện Y Doãn cho Thái Giáp làm tể tướng, còn mình làm vua. Ông trị vì dưới 7 năm, Thái Giáp thoát khỏi Đông

Quan và giết Y Doãn, nhưng vẫn trọng dụng con trai của Y Doãn, cung cấp cho anh ta nhà cửa ruộng vườn. Do vậy Y Doãn vẫn là trọng thần trung quân báo quốc.

Có người cho rằng: Những sự việc ghi chép trong "Trúc thư kí niên" rất đáng tin bởi giá trị tài ba lịch sử cao Thái Giáp giết Y Doãn là chuyện đáng tin, còn Y Doãn giúp Giáp chấp chính chỉ là thuyết pháp của Đạo Gia.

Ông Thôi Thuật "Triều Thanh" trong "Thương khảo tín lục" cũng có nói Thái Giáp không giết Y Doãn. Trong "Mạnh Tử" nói Thái Giáp hối hận, ăn năn hối lỗi, giam mình trong Đông Quan 3 năm, ngồi suy nghĩ về những điều nhân nghĩa, Thái Giáp quyết sửa đổi tâm tính làm lại cuộc đời.

Trong "Tả truyện" có nói: "Y Doãn giam Thái giáp và ông ta vẫn làm tể tướng", còn Thái Giáp quay về đô thành vẫn tin tưởng Y Doãn, đối xử với ông rất tốt. Điều đó nói rõ Thái Giáp không giết Y Doãn.

Trong "Thượng thư ở Chương Ốc Đinh" có cả công đức của Y Doãn, điều đó thấy rõ Y Doãn là người trung thực.Vì thế những ghi chép trong "Trúc thư ký niên" là sai.

Một số sách Thanh thư thời Chiến Quốc có nói chuyện quần thần giết vua đoạt ngôi, họ đều thấy lợi mà quên nghĩa, chịu sự ảnh hưởng này nên Trúc thư ký niên mới nói Y Doãn giết vua đoạt ngôi. Ông Thôi Thuật kiên quyết cho rằng Y Doãn là đại thần trung lương

ỐC ĐINH

Ốc Đinh, năm sinh năm mất không rõ. Con của Thái Giáp, kế vị sau khi cha chết, trị vì 39 năm, bị bệnh chết, táng ở Địch Tuyền (nay thuộc Lạc Dương, tỉnh Hà Nam).

THÁI CANH

Thái Canh, năm sinh năm mất không rõ. Con Thái Giáp, em trai Ốc Đinh, trị vì 25 năm, bị bệnh chết, táng ở Địch Tuyền.

TIỂU GIÁP

Tiểu Giáp, năm sinh năm mất không rõ. Con Thái Canh "thế biểu" lại nói là em Thái Canh, kế vị sau khi Thái Canh chết, trị vì 17 năm, táng ở Địch Tuyền.

UNG KỈ

Ung Kỉ, năm sinh năm mất không rõ. Con của Thái Canh, em của Tiểu Giáp, kế vị sau khi Tiểu Giáp chết, trị vì 12 năm, bị bệnh chết, táng ở Địch Tuyền.

THÁI MẬU

Thái Mậu, năm sinh năm mất không rõ. Con của Thái Canh, em trai Ung Kỉ. Trong giáp cốt vẫn gọi ông ta là Đại Mậu, Thiên Mậu, kế vị khi Ung Kỉ chết, trị vì 75 năm, bị bệnh chết, táng ở Nội Diễn (cách 30 dặm về phía Nam huyện Nội Diễn tỉnh Hà Nam).

Lúc Thái Mậu trị vì, đã cho Y Chế (con của Y Doãn) và Vu Hàm làm tể tướng. Việc nước thuận lợi, các nước nhỏ liên tục quy thuận, triều Thương hưng thịnh trở lại.

TRUNG ĐINH

Trung Đinh, năm sinh năm mất không rõ, còn có tên là Trọng Đinh, con của Thái Mậu, kế vị khi Thái Mậu chết, trị vì 13 năm, bị bệnh chết, táng ở Địch Tuyền.

*

Trung Đinh cho dời đô đến Ngao (nay gần thành phố Trịnh Châu tỉnh Hà Nam), một thuyết khác nói thuộc phía Đông Bắc huyện Vinh Dương tỉnh Hà Nam. Thời đó, tộc Di ở phía Đông Nam đã hưng thịnh, trong đó có Lan Di tấn công triều đình, Trung Đinh xuất quân đi đánh.

Sau khi Trung Đinh chết, anh em tranh cướp ngôi vị, tạo ra cuộc hỗn chiến liên tiếp trong 9 đời triều Thương dần đi tới suy tàn.

NGOẠI NHÂM

Ngoại Nhâm, năm sinh năm mất không rõ, em của Trung Đinh, kế vị khi Trung Đinh chết, trị vì 15 năm, bị bệnh chết, táng ở Địch Tuyền.

HÀ ĐẢM GIÁP

Hà Đảm Giáp năm sinh và năm mất không rõ, em của Ngoại Nhâm, kế vị khi Ngoại Nhâm chết, trị vì được 9 năm, bị bệnh chết. Theo truyền thuyết táng ở 3 nơi + Tường (nay thuộc huyện Nội Diễn tỉnh Hà Nam) + Thang Âm (nay thuộc huyện Thang Âm tỉnh Hà Nam) + Yển (nay thuộc phía Nam Sông Hoàng Thủy)

*

Lúc Hà Đảm Giáp trị vì, triều Thương đã đi tới suy vong. Ông dời đô đến Tương, mang quân đi chinh phạt tộc Lan Di và tộc Ban Phương.

TỔ ẤT

Tổ Ất, năm sinh năm mất không rõ, con của Trung Đinh, một thuyết khác nói là con của Hà Đảm Giáp, kế vị sau khi Hà Đảm Giáp chết, trị vì 75 năm, bị bệnh chết ở Địch Tuyền.

*

Tổ Ất cho dời đô đến Hình (nay là phía Đông huyện Ôn tỉnh Hà Nam).

Đã vài lần mang quân đi đánh tộc Lan Di, Ban Phương, giải trừ mọi nguy hại, vận mệnh triều Thương lại đi lên.

TỔ TÂN

Tổ Tân, năm sinh năm mất không rõ, con của Tổ Ất, kế vị sau khi Tổ Ất chết, trị vì 16 năm, bị bệnh chết, táng ở Địch Tuyền.

ỐC GIÁP

Ốc Giáp, năm sinh và năm mất không rõ, em trai của Tổ Tân, kế vị khi Tổ Tân chết, trị vì 25 năm, bị bệnh chết, táng ở Địch Tuyền.

TỔ ĐINH

Tổ Đinh, năm sinh và năm mất không rõ, con của Tổ Tân, cháu của Ốc Giáp, kế vị khi Ốc Giáp chết, trị vì 39 năm, bị bệnh chết, táng ở Địch Tuyền.

NAM CANH

Nam Canh, năm sinh và năm mất không rõ, con của Ốc Giáp, em họ của Tổ Đinh, kế vị khi Tổ

Đinh chết, trị vì 25 năm, bị bệnh chết, táng ở Địch Tuyền.

Lúc Nam Canh trị vì, vận mệnh triều Thương lại đi tới suy vong, dời đô đến Yểm (nay thuộc huyện Khúc Phụ tỉnh Sơn Đông).

DƯƠNG GIÁP

ương Giáp, năm sinh năm mất không rõ, con của Tổ Đinh, kế vị khi cha chết, trị vì 7 năm, bị bệnh chết, táng ở Địch Tuyền.

BÀN CANH

Bàn Canh, năm sinh năm mất không rõ, con của Tổ Đinh, em của Dương Giáp, kế vị sau khi Dương Giáp chết, trị vì 28 năm, bệnh chết táng ở làng Tiểu Đốn huyện An Dương tỉnh Hà Nam.

*

Thời Bàn Canh trị vì, triều Thương mấy lần xảy ra nội chiến, chính trị suy đồi, quý tộc xa xỉ, vương thất mâu thuẫn gay gắt, cộng thêm vào đó thiên tai xảy ra liên miên, đối mặt với những nguy cơ nghiêm trọng đó, Bàn Canh quyết định dời đô đến Yên (là một nơi hoang vu) nhằm ngăn chặn sự ăn chơi xa xỉ của quý tộc phản đối mâu thuẫn giai cấp. Các quý tộc phản đối kịch liệt chuyện dời đô, Bàn Canh phát thông cáo bắt họ thực hiện mệnh lệnh nghiêm chỉnh. Sau khi dời đô ông chọn biện pháp cứng rắn chặn ý đồ quay về đô thành cũ của bọn quý tộc. Ông đề ra chủ trương tiết kiệm, giảm bớt xung đột, cuối cùng cũng làm yên được cục diện. Dân dã đô thành Yên trở thành một đô thị phồn vinh từ đó về sau hơn 270 năm, đô thành của triều Thương đặt luôn ở đây.

TIỂU TÂN

Tiểu Tân, năm sinh năm mất không rõ, con của Tổ Đinh, em của Bàn Canh, kế vị khi Bàn Canh chết, trị vì 21 năm, bị bệnh chết, táng ở Yên.

Sau khi kế vị, làm cho triều Thương suy vong.

TIỂU ẤT

Tiểu Ất, năm sinh năm mất không rõ, con của Tổ Đinh, em của Tiểu Tân, kế vị khi Tiểu Tân chết, trị vì 28 năm, bị bệnh chết, táng ở Yên.

VŨ ĐINH

Vũ Đinh, năm sinh năm mất không rõ, con của Tiểu Ất, kế vị khi cha chết, trị vì 59 năm, bị bệnh chết, táng ở Yên, một thuyết khác nói táng ở Trường Bình huyện Thương Thủy tỉnh Hà Nam.

*

Cha của Vũ Đinh, vốn không được thừa nhận tư cách làm vua, liền đem con trai gửi vào dân dã. Vũ Đinh sống cùng với nô lệ, cày ruộng, chặt củi, do vậy ông ta có thói quen tiết kiệm thật thà. Ông có một người bạn làm nô lệ tên là Duyệt Thuyết. Duyệt Thuyết ham học có tài, Vũ Đinh học hỏi ở anh ta rất nhiều.

Sau khi Tiểu Ất chết, nên kế vị ông ta vẫn có thói quen tiết kiệm và không quên nỗi khổ của bà con trăm họ. Ông một lòng một dạ đưa triều Thươn đi lên, ông hiểu rõ điều cốt yếu phải trọng dụng nhân tài, ông nghĩ ngay đến Duyệt Thuyết, Duyệt Thuyết đang là nô lệ bỗng chốc trở thành đại quan nên gặp phải sự phản đối mãnh liệt của quý tộc và chủ nô lệ. Vũ Đinh nghĩ

ra một phương kế, trong 3 năm liền không đả động gì đến chuyện đó, sau đó mượn cớ nằm mơ thấy Thang gửi cho ông một hiền tài, và sai người căn cứ vào sự mô phỏng của ông về chân dung của Duyệt Thuyết đi tìm khắp nơi. Quan quân ở Duyệt Nham (nay thuộc Sơn Tây) phát hiện một người đang xây tường giống hệt người trong ảnh, liền đưa anh ta về kinh đô, người đó chính là Duyệt Thuyết. Vũ Đinh vui mừng, trước mắt quần thần tuyên bố bãi bỏ thân phận nô lệ cho anh ta và phong làm tể tướng. Quý tộc chủ nô mê tín tin rằng có quỷ thần, nghe nói Duyệt Thuyết là người mà Thang gửi cho Vũ Đinh, không ai dám phản đối.

Dưới sự trợ giúp của Duyệt Thuyết, Vũ Đinh giải quyết tốt công việc quốc gia, giải tỏa mâu thuận, sản xuất phát triển, xã hội ổn định. Trên cơ sở đó, ông không ngừng thu phục các bộ lạc ở miền Tây Bắc như Thổ Phương, Quy Phương, Hổ Phương mở rộng lãnh thổ phát triển thế lực, chọn vùng đất Canh Chủ làm nơi dụng binh, những điều đó khiến triều Thương phát triển thành một vương triều hưng thịnh.

TỔ CANH

Tổ Canh, năm sinh năm mất không rõ, con thứ hai của Tổ Đinh, kế vị khi Tổ Đinh chết, trị vì được 7 năm, bị bệnh chết, táng ở Yên.

*

Anh trai Tổ Canh tên là Tổ Kỉ, bị mẹ kế hãm hại vu cáo, nên cha đuổi khỏi kinh thành, về sau ngậm oan chết, em thứ ba là Tổ Giáp do mẹ kế sinh ra để biểu thị không muốn tranh quyền đoạt vị với anh trưởng nên âm thầm rời bỏ cung điện. Vũ Đinh chết, Tổ Canh lên kết vị.

TỔ GIÁP

Tổ Giáp, năm sinh năm mất không rõ, con thứ ba của Vũ Đinh, kế vị khi Tổ Canh chết, trị vì 33 năm, bị bệnh chết, táng ở Yên.

*

Tổ Giáp không muốn tranh quyền với anh cả, đã bỏ cung điện ra đi. Sau khi Vũ Đinh chết, Tổ Canh lên kế vị ông ta mới về cung.

LẪM TÂN

Lẫm Tân, năm sinh năm mất không rõ, con trai Tổ Giáp, kế vị khi Tổ Giáp chết, trị vì 6 năm, bị bệnh chết, táng ở Yên.

*

Lẫm Tân, trong thời gian trị vì luôn bị các bộ lạc: Ân Phương, Đê Phương, Bì Phương công kích, ông nhiều lần đem quân đi chinh phạt và nhờ các bộ lạc về hổ thụ, đi trợ giúp nhưng không chinh phục được họ.

CANH ĐINH

Canh Đinh, năm sinh năm mất không rõ, em trai của Lẫm Tân, kế vị khi Lẫm Tân chết, trị vì 21 năm, bệnh chết, táng ở Yên.

*

Trong thời gian trị vì, mang quân đi chinh phạt các bộ lạc Ân phương, Đê Phương, Bì Phương nhưng không thu phục được.

VŨ ẤT

Vũ Ất, năm sinh năm mất không rõ. Con trai của Canh Đinh, kế vị khi cha chết, trị vì trong 4 năm bị sét đánh chết ở sông Vị Thủy, một thuyết khác nói chết trong lúc đi chinh phạt, táng ở Yên.

*

Trong thời gian Vũ Ất trị vì, thế lực của phái Vu Giáo rất mạnh, thường giỏi mượn ý trời để kiểm soát hoạt động của vua Thương. Vũ Ất luôn nghĩ cách đánh đổ quyền lực của phái Vu Giáo. Một lần, ông ra lệnh khắc một con tượng gỗ, diện mạo nghiêm túc, quan phục chỉnh tề, gọi nó là thiên thần. Và cùng thiên thần đánh bạc, ra lệnh cho một hạ thần thay thế thiên thần đánh bạc. Vị quan thần đó rất sợ Vũ Ất, luôn tìm cách thua bài. Vũ Ất chỉ vào thiên thần nói "Anh là thiên thần, vậy mà lại thua tôi" Như vậy không linh nghiệm, thật đáng tiếc khi gọi anh là thiên thần và sai người đánh tượng gỗ. Một lần khác, sai người may một chiếc túi da, bên trong đựng đầy máu thú, treo lên cành cây, rồi dùng cung tên bắn vào túi, máu bắn hết ra ngoài. Vũ Ất cười lớn nói: "Trời đã bị ta bắn thủng một lỗ."

Trải qua nhiều lần đấu tranh, thế lực của Vu Giáo bị lung lay dần dần, vương quyền lại tăng lên.

Lúc đó, Đê Phương và Chi Phương liên kết với nhau công kích triều đình. Vũ Ất đưa quân đi chinh phạt, bắt được mấy nghìn tù binh.

Vũ Ất đi săn ở khu vực sông Hoàng Hà và Vị Thủy theo truyền thuyết nói bị sét đánh, một số học gia cho rằng: thuyết này do phái Vu Giáo bịa đặt ra để bôi tấu ông ta. Từ những tư liệu lịch sử thấy rằng Vũ Ất thường mang quân đi chinh phạt các bộ lạc, ông bị chết trong cuộc chiến đấu với bộ lạc phương quốc.

VĂN ĐINH

Văn Đinh, năm sinh năm mất không rõ, còn gọi là Thái Đinh, con của Vũ Ất, kế vị khi cha chết, trị vì được 3 năm, bị bệnh chết, táng ở Yên.

*

Trong thời gian trị vì, mang quân đinh chinh phạt tộc Quy (nay thuộc huyện Quy tỉnh Hồ Bắc).

ĐẾ ẤT

Đế Ất, năm sinh năm mất không rõ, con của Văn Đinh, kế vì khi cha chết, trị vì 37 năm, bị bệnh chết, táng ở Yên.

Thời gian này, thế lực triều Thương đã lụi tàn, tộc Di đã phát triển mạnh luôn tấn công triều đình. Tháng 2 năm thứ 9 kể từ khi lên ngôi, ông đã mang quân đi chinh phạt tộc Di, nửa đường bị đánh chặn ở Mãnh Phương (nay gần huyện Hoài tỉnh Hà Nam). Tháng 9 năm thứ hai, đã đánh xuống phía Nam và còn đến nước Du ở lĩnh vực sông Hoài Thủy. Đế Ất và vua Du hợp binh với nhau đánh tộc Di. Vào những năm cuối đời, dời đô đến Lãm (nay là làng Triều Ca huyện Kỳ tỉnh Hà Nam).

TRỤ (ĐẾ TÂN)

Trụ, năm sinh năm mất không rõ, con Đế Ất, kế vị khi cha chết, trị vì 33 năm, tự thiêu ở Triều Ca, táng ở ngoại ô Bất Minh.

Trụ có thân hình cao lớn, diện mạo tuấn tú, sức khỏe vô biên, có thể đánh nhau tay không với mãnh thú, thông minh lanh lợi có tài thơ văn. Ông nhiều lần chinh phạt Đông Di, bắt nhiều tù binh. Chiếm lĩnh vùng Đông Nam khiến nền văn hóa Trang Nguyên truyền tới lĩnh vực sông Hoài, Trương Giang.

Trụ là tên bạo chúa hoang dâm, sủng ái nàng Đát Kỷ, suốt ngày cùng Đát Kỷ uống rượu nghe nhạc. Ông sai đào một cái hồ trong cung dưới đáy hồ, vách hồ đều lát đá cuội, trong hồ đổ đầy rượu. Cây cối xung quanh hồ đầy gấm vóc, treo trên cây thịt nướng. Ông ta cùng Đát Kỷ và tùy tùng vui chơi ca hát, khát thì múc rượi trong hồ uống, đói thì ăn thịt treo trên cây. Để phục vụ thú vui của Đát Kỷ, ông ta tùy ý chặt đầu người, cắt chân cắt tay, thậm chí lấy cả thai nhi, hung ác cực độ.

Anh cùng cha khác mẹ với ông ta là Vi Tử Hổ nhiều lần khuyên giải, bị ông ta bỏ ngoài tai mọi lời khuyên và đòi giết anh, khiến Vi Tử Hổ phải trốn khỏi kinh thành. Chú ông ta là Tất Can đến khuyên nhủ, ông ta nói: "Nghe nói tim thánh nhân có 7 lỗ, tôi muốn xem tim chú có mấy lỗ" sai người giết Tất Can móc tim ra xem. Nghe lời Đát Kỷ, ông sai người đúc một cột đồng rỗng bên trong đốt lửa, gọi là "cây đuốc", nếu quần thần nào trái ý ông ta, sẽ bị ông ta cởi bỏ quần áo và thiêu chết trên cột đồng.

Hành vi hung bạo của Trụ khiến nhân dân oán hận, người thân lìa xa. Về sau quân của Chu Vũ Vương tấn công Trụ. Lúc này, Trụ và Đát Kỷ đang vui chơi ở Lộc Đài (Triều Ca), biết tin đã sai 70 nô lệ ra nghênh chiến, hai đội quân đánh nhau ở Thụ Da (nay thuộc phía Nam huyện Kỳ tỉnh Hà Nam). Quân Chu chiến đấu dũng cảm, quân Thương vừa đánh đã chạy toán loạn. Trụ vội chạy vào thành Triều Ca, biết không có cách cứu vãn, ông quyết định tự tử. Ông ta sợ sau khi chết nhân dân sẽ phanh thây ông ta, nên ra lệnh mang thuyền ngọc lên Lộc Đài, ăn mặc chỉnh tề, đeo trang sức quý, dưới đất chất một đống cỏ, sau khi ăn xong hạ lệnh châm lửa.

Chu Vũ Vương được đón tiếp niềm nở, Chu vội vàng đến Lộc Đài, tìm được thi thể của Trụ đã cháy trụi, tuyên bố triều Thương bị diệt vong.

Tội ác của Trụ có thật nghiêm trọng như vậy không? Đời sau có nhiều cuộc tranh luận, có người khẳng định, có người nghi ngờ. Ông Ôn Lão Tất (đời Tống) bàn luận đúng sai về Kiệt Trụ cho rằng: Những tội ác của Trụ như Tây Cung thất, làm hố rượu, rừng thịt, sủng ái mĩ nhân, hại quân tử cũng giống tội ác của Kiệt. Tội ác của hai người này giống nhau. Một số điều này là do mô phỏng.

Ông Lý Tư Danh (thời Tống) trong quyển "Nhật ký hoa đào" nói: "Tội ác của Trụ tàn bạo hơn bạo chúa của hậu thế". Ông Tử Cung trong Luận ngữ Tử hương nói: "hành vi tội ác của Trụ không nghiêm trọng như trong sách vở, đó là do hậu thế đem tội ác đổ lên đầu cổ nhân, khiến Kiệt và Trụ giống nhau, trở thành nhân vật tượng trưng cho tội ác, là điển hình cho hôn quân bạo chúa

TÂY CHU

(Thế kỷ 11 TCN - năm 771 TCN)

(Tổng cộng 300 năm)

Thời Chu chia làm hai thời kỳ Tây Chu và Đông Chu. Thời Tây Chu bắt đầu tính từ khi Chu Văn Vương diệt nhà Hạ, đóng đô ở Cảo (nay thuộc bờ đông sông Phong Thủy ở phía Tây Nam thành phố Tây An tỉnh Thiểm Tây) đến năm 771 TCN, Thân Hậu liên kết với Khuyển Nhung giết Chu U Vương. Thời Đông Chu bắt đầu từ năm 770 TCN Chu Bình Vương dời đô đến Lạc Ấp (nay thành phố Lạc Dương tỉnh Hà Nam), đến năm 256 bị nhà Tần diệt. Trong lịch sử gọi trước khi Chu Bình Vương dời đô là Tây Chu, từ đó về sau là Tây Chu.

Thời Tây Chu là thời kỳ phát đạt của xã hội nô lệ, tổng cộng có 12 vị vua, trong đó có 9 người chết do bệnh tật, một người bị giết do mất nước, một người bị nhân dân bạo động bắt làm tù binh đuổi ra khỏi đô thành nên chết, một người bị chết đuối do nhân dân làm đắm thuyền. Ngoài ra còn có Văn Vương và Chu Công bị bệnh chết.

VĂN VƯƠNG (CƠ XƯƠNG)

(TÂY CHU)

Văn Vương, tên là Cơ Xương, năm sinh năm mất không rõ. Thời vua Trụ (Thương) làm tước bá, là người tôn định của Tây Chu. Cơ Xương làm thủ lĩnh của tộc Chu, thời vua Trụ (Thương) phong cho làm tước bá (tước thứ 3 trong 5 tước của phong kiến), còn gọi là Bá Xương. Trong quyển "Đế Vương thế kỷ" nói ông ta có tướng mạo oai hùm, thân cao 10 thốn, ngực có 4 vú. Từ nhỏ, ông ta tham gia lao động thu hoạch cùng với nông dân rất quan tâm tới nỗi thống khổ của nhân dân. Sau khi nhận chức tước bá, ông ta rất coi trọng nhân tài, lễ hiền với kẻ sĩ xem trọng nhân tài thu phục được lòng dân, rất nhiều người tài đều đến nhờ cậy ông ta. Vua Trụ thấy thế lực của ông càng ngày càng mạnh liền mượn cớ giam giữ ông ở Hữu (nay thuộc phía Tây Bắc huyện Thang Dương tỉnh Hà Nam). Cơ Xương tỏ ra rất tự nhiên không hề oán hận, ngồi nhàn rỗi ông chú tâm nghiên cứu Bát Quái, diễn hóa thành 64 quẻ quan tâm chu đáo tới mọi chuyện trong thiên hạ, là người đầu tiên viết bộ kinh thư "Chu Dịch" trong lịch sử Trung Quốc. Ông phát minh ra cái đàn 7 dây, sáng tác khúc nhạc "Bao U Thao" và thường biểu diễn. Hạ thần của ông để mua sự tự do cho ông đã phải mang mỹ nữ, ngựa tốt, châu báu đến tiến cống vua trụ, cử ông Tản Tuyên Sinh mang lễ vật đến, còn vua Trụ nhìn thấy nhiều cống vật, vả lại thấy Cơ Xương không có thái độ tức giận, oán hận khi bị giam cầm nên đã thả Cơ Cương và vẫn cho nhận chức tước bá.

Sau khi được phóng thích, ông quyết tâm xây dựng tộc Thương thành một tộc hưng thịnh ngồi đợi thời cơ sẽ diệt trừ vua Trụ, rửa mối nhục. Tuy trong tay có rất nhiều võ tướng, nhân sĩ, nhưng vẫn thấy thiếu khuyết một người có tài văn võ để thống lĩnh toàn bộ và nung nấu tìm một người như vậy.

Có một lần, Cơ Xương đi ra ngoại thành du lãm săn bắn, đi đến Bàn Khê (nơi đây thuộc một nhánh của sông Vị Thủy) thấy một ông già khoảng 70, tóc điểm bạc đang ngồi câu cá, tuy ngồi câu cá nhưng ông già lại lẩm bẩm "Có người muốn câu cá, có người muốn câu cá". Cơ Xương rất ngạc nhiên liền đi đến ngồi nói chuyện với ông già đó. Ông già am hiểu thiên văn, thông thạo địa lý, hiểu biết tình tình trong thiên hạ mang trong lòng chí lớn, đúng là một người toàn tài cả văn lẫn võ. Cơ Xương vui mừng phấn khởi, vội vàng mời ông già về cung lập làm Quốc sư và phong làm tể tướng, thống lĩnh toàn bộ về chính trị và quân sự. Ông già tên là Khương Tử Nha hay còn gọi là Khương Thái Công, Thái Công Vọng, Sư Thượng Phụ.

Dưới những mưu sách kế hoạch của Khương Tử Nha, tộc Thương đã chỉnh đốn lại nội bộ

phát triển sản xuất, đề xướng lễ nghĩa, khiến cho quốc thái dân an, quân đội hùng mạnh. Sau đó đánh bại các bộ tộc như Khuyển Nhung, Mật Tu; tiêu diệt vây cánh của vua Trụ như: tộc Lê (ở phía Tây Nam thành phố Trường Trị tỉnh Sơn Tây ngày nay), tộc Hàn (nay ở phía Tây Bắc huyện Tân Dương tỉnh Hà Nam), tộc Sùng (nay ở phía Bắc huyện Tung tỉnh Hà Nam) Và đã chọn đất đai của tộc Sùng làm đô thành làm bàn đạp tiến công triều Thương.

Cơ Xương vào những năm cuối đời đã giành được 2/3 đất đai trong thiên hạ, phía Tây kéo đến Thiểm Tây, Cam Túc; phía Đông Bắc kéo đến (Sơn Tây) Lê Thành, phía Đông kéo đến Tâm Dương (Hà Nam). Phía Nam lấn tới lĩnh vực sông Trường Giang, sông Hán Thủy, sông Nhũ Thủy, tạo ra một thế đất thuận tiện để tiến công đô thành Triều Ca của nhà Thương, làm cơ sở vững chắc để tiêu diệt nhà Thương.

Lúc chuẩn bị chín mùi diệt nhà Thương, Cơ Xương lại bị bệnh nặng, ông ta biết mình không qua khỏi, sai gọi con trai là Cơ Phát đến dặn đúng 3 câu:

+ Câu thứ nhất là: "Nhìn thấy việc tốt, không được sao nhãng, phải tích cực làm ngay"

+ Câu thứ hai là: "Thời cơ đến, không được do dự, phải tóm bắt lấy ngay".

+ Câu thứ ba là: "Nhìn thấy việc xấu, phải tránh xa".

Vài ngày sau, ông ta từ giã cõi đời. Sau khi Cơ Xương chết, ông được lập thái miếu lấy hiệu là Văn Vương.

VŨ VƯƠNG (CƠ PHÁT)

(THỜI TÂY CHU)

Vũ Vương, tên là Cơ Phát, năm sinh năm mất không rõ, con trai thứ hai của Văn Vương nên kế vị sau khi cha mất. Trị vì được 3 năm bị bệnh chết, thọ 93 tuổi, táng ở Tất Nguyên.

*

Cơ Phát, do con trưởng của Văn Vương là Bá Ấp Khảo bị vua Trụ giết chết, vì vậy sau khi Văn Vương chết, Cơ Phát đã nên kế vị.

Sau khi nên ngôi, Cơ Phát vẫn trọng dụng Khương Tử Nha và sai hai em là Chu Công Dán, Chiêu Công Thức phụ giúp mình, chỉnh đốn lại nội bộ, tăng cường quân lực, chuẩn bị lực lượng tiêu diệt vua Trụ.

Năm thứ hai, Cơ Phát mở đại hội sứ giả ở Manh Luật (nay thuộc huyện Mãnh tỉnh Hà Nam), kiểm duyệt quân đội, đến tham gia đại hội có hơn 800 chư hầu của các vương quốc nhỏ, nhất loạt đồng tình diệt nhà Thương, do thời cơ chưa chín mùi, Vũ Vương không hạ lệnh xuất quân đánh nhà Hạ.

Hai năm sau, vào mùa xuân, thời cơ đã đến, Cơ Phát đích thân dẫn đầu 300 chiến xa, 45000 giáp binh, 3000 dũng sĩ, liên kết với quân đội của các nước nhỏ, cử Manh Luật xuất phát tấn công đánh nhà Thương, sau khi diệt nhà Thương, xây dựng nhà Tây Chu, đặt đô ở Cảo Kinh (nay là phía Tây Nam thành phố Tây An tỉnh Thiểm Tây), lấy hiệu là Tông Chu.

"Vũ Vương diệt Trụ" là một chuyện lớn, có ý nghĩa xuyên thế kỷ trong lịch sử Trung Quốc. Nhưng câu chuyện này phát sinh từ thời gian nào? Các nhà sử học, thiên văn học từ thời Hán cho đến thời hiện đại đều có nhiều cách nói khác nhau tổng cộng phải đến 20 cách nói. Có một cách nhìn cho rằng: "Hoài Nam Tử. Binh lược huấn" nói: "Lúc Vũ Vương diệt Trụ, sao Mộc xuất hiện ở phương Đông, đồng thời còn xuất hiện sao chổi đầu hướng về phía Đông. Căn cứ vào sự xuất hiện của sao chổi Ha-Lây và thời gian nó quay về địa cầu ở thời kỳ nhà Thương, thấy 40

lần quay về trong một vòng, phát hiện được năm 1057 TCN, sao chổi Ha-Lây quay về địa cầu, hiện tượng thiên văn này hợp với ghi chép trong "Hoài Nam Tử, Binh Lược huấn", vì vậy năm 1057 TCN là năm Vũ Vương diệt Trụ. Cách nói này được nhiều học giả đồng tình.

Cơ Phát cách vài ngày sau khi diệt xong vua Trụ đã nên núi xem đô thành Triều Ca, thấy kiến trúc của Triều Ca rất hùng dũng, trong lòng nghĩ triều Thương hùng mạnh như vậy, kéo dài vô số năm, chỉ vì làm mất lòng tin của dân, trong chớp mắt đã bị diệt vong. Mà triều Tây Chu vừa mới lập, người phản đối, người coi thường còn rất nhiều, nguy cơ còn đe dọa, ông ta không ngăn được những ưu tư trong lòng. Để củng cố và mở rộng thế lực triều Chu. Cơ Phát đã phong chức vị và đất đai cho: Công, Hậu, Bá, Tử, Nam Ngũ, để họ lập các nước chư hầu, Khương Tử Nha phong đất ở Doanh Khâu (nay thuộc tỉnh Sơn Đông) làm nước Tề, Chu Công Đan phong đất ở Khúc Phụ làm nước Lỗ, Chiêu Công Thức phong đất ở Kế Khâu (nay thuộc Bắc Kinh) làm nước Yên... Để thu phục những thế lực còn sót lại ở triều Thương, Cơ Phát đã phong cho con trai của vua Trụ là Vũ Canh làm Yên Hầu, giữ lại ở đô thành Yên sai anh em quản thúc, quan sát thái độ của Vũ Canh.

Năm thứ ba sau khi lập nhà Tây Chu tình hình thiên hạ tạm ổn định, ông ta đã bị bệnh chết ở Cảo Kinh.

Sau khi chết lập miếu lấy hiệu là Vũ Vương.

THÀNH VƯƠNG (CƠ DŨNG)

(TÂY CHU)

Thành Vương, tên là Cơ Dũng, năm sinh năm mất không rõ, con trai của Vũ Vương, kế vị sau khi cha chết. Trị vì 37 năm, bị bệnh chết, thọ 50 tuổi, táng ở Tất Nguyên.

*

Lúc Cơ Dũng kế vị chỉ có 13 tuổi, do chú là Chu Công Đán nhiếp chính điều hành việc nước, an định đại cục. 7 năm sau mới chính thức điều hành việc nước, liên tiếp phong chư hầu, tăng cường việc chinh phục những vùng đất mới, củng cố sự thống trị, kiến lập chế độ vương thất nhà Chu để làm lực lượng chính. Những năm cuối đời của ông ta, nền chính trị ổn định, nhân dân yên vui an cư lạc nghiệp khắp nơi đều ca ngợi ông ta.

Về sau, lúc bị bệnh biết khó lòng qua khỏi, lo lắng con trai là Cơ Chiêu không lo được việc nước, ông đã bắt Chiêu Công và Tất Công phải hứa sẽ dùng tâm dùng đức để trợ giúp Cơ Chiêu. Từ đó, những lời ủy thác của đế vương lúc lâm chung được gọi là "cố lệnh" (mệnh lệnh bắt buộc); còn vương thất hoặc đại thần nào nhận lời ủy thác được gọi là "cố lệnh đại thần" (đại thần nhận mệnh lệnh bắt buộc).

Sau khi Cơ Dũng chết lập miếu lấy hiệu là Thành Vương.

CHU CÔNG (CƠ DÁN)

(THỜI TÂY CHU)

Chu Công, tên là Cơ Dán, năm sinh năm mất không rõ, con trai thứ tư của Văn Vương. Nhiếp chính 7 năm, vì củng cố sự nghiệp của nhà Tây Chu đã có nhiều cống hiến quan trọng. Bị bệnh chết, táng ở Cảo Nhiếp Đồng xã Trường An (nay là thành phố Tây An tỉnh Thiểm Tây).

*

Cơ Dán còn gọi là Thúc Dán, vì thái ấp ở Chu (nay là phía Bắc núi Kỳ Sơn tỉnh Thiểm Tây) nên gọi là Chu Công, ông ta tài đức kiêm toàn, đã giúp anh trai Vũ Vương diệt nhà Thương, lập

nhiều chiến công lớn về sau nhận đất và làm chư hầu nước Lỗ ông đã để con trưởng là Bá Cầm đi đến đó, còn ông ở lại Cảo Kinh, trợ giúp Vũ Vương.

Vũ Vương bị bệnh nặng, thiên hạ chưa ổn định, đất nước cần thiết phải có Vũ Vương, ông đã âm thầm đi cầu xin quỷ thần, hy vọng Vũ Vương thoát khỏi bệnh tật, còn mình tình nguyện chết thay. Sau khi Vũ Vương chết, ông dốc lòng phò trợ Thành Vương, đã nhiếp chính 7 năm.

Để củng cố vững chắc triều đình Tây Chu, ông ngày đêm ngủ không yên lo lắng cho việc nước nhà. Ông trọng đãi hiền tài, chiêu nạp nhân sĩ khắp nơi, lấy chủ trương "minh đức làm đầu".

Con trai thứ ba của Văn Vương là Quản Thúc Tiên và con trai thứ năm của Văn Vương là Thái Thúc Độ thấy Chu Công thay thiên tử điều hành việc nước, nảy sinh lòng ghen ghét đố kị, liền loan tin vu cáo, nói Chu Công có ý đồ đoạt ngôi vị. Tin xấu truyền đi khắp Cảo Kinh và đến tai Thành Vương, Khương Tử Nha, Chiêu Công Thức... ai cũng hoài nghi Chu Công. Con trai của vua Trụ là Vũ Canh nhân cơ hội này đã xúi giục Quản Thúc Tiên và Thái Thúc Độ hợp binh đi đánh triều đình. Đối mặt với những nguy cơ nghiêm trọng, Chu Công một mặt giải thích với những người như Chiêu Công Thức, Khương Tử Nha, nói rõ mình nhiếp chính bởi tuổi tác của Thành Vương còn nhỏ chưa thể đảm nhận công việc quốc gia, thiên hạ chưa ổn định, ông một lòng một dạ vì giang sơn xã tắc chứ không phải có dã tâm đoạt ngôi. Lúc này mới cởi bỏ được mối hoài nghi của mọi người. Một mặt khác, ông bỏ ngoài tai những lời phỉ báng, thu thập lực lượng, xuất quán đi chinh chiến. Trải qua 3 năm chiến đấu gian khổ, cuối cùng giết được Quản Thúc Tiên và Vũ Canh, bắt giữ và giam cầm Thái Thúc Độ, từ đó dẹp yên được phản tặc.

Tiếp đó, Chu Công lại xây dựng ở phía Đông một đô thành gọi là Lạc Ấp (nay là thành phố Lạc Dương tỉnh Hà Nam), đóng quân tại 8 điểm còn gọi là Thành Chu, cho những người dân sống ở thành nhà Yên Thương dời đến đó sinh sống, sai quân giám sát, lấy phương pháp dụ dỗ và đe dọa để thu phục họ.

Chu Công còn đặt mối quan hệ bang giao với các nước lân cận, phân chia ra 71 quận, bao gồm 55 người cùng họ (trong đó có 15 người là anh em với nhau), khác họ là 16 người, những người này đứng đầu các quận đó để bảo vệ vương thất. Trong mỗi quận lại đặt định chế độ trồng ruộng, thống nhất quy hoạch về ruộng đất, củng cố đẩy mạnh nền kinh tế của Tây Chu.

Lúc Thành Vương 10 tuổi, ông đã trả lại ngôi vị cho cháu, còn mình vẫn tận tâm phục vụ, tĩnh tâm sáng lập ra chế độ điển chương lễ nhạc của triều Chu. Những đóng góp của Chu Công về phương diện: chính trị, tư tưởng, kinh tế, văn hóa... đã góp phần củng cố sự vững chắc của nền kinh tế, chính trị, văn hóa trong xã hội nô lệ Tây Chu và đưa nó ngày một phát triển hùng mạnh. Do ông có nhiều công tích và có nhân cách cao thượng trong lịch sử đã tôn ông làm thánh nhân sánh ngang hàng với: Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Vũ, Tử...

Chu Công sau khi trả lại ngôi vị cho Thành Vương, được một thời gian thì lâm bệnh chết, sau khi chết lấy hiệu là Văn.

KHANG VƯƠNG (CƠ CHIÊU)

(TÂY CHU)

Khang Vương, tên là Cơ Chiêu, năm sinh năm mất không rõ, con trai của Thành Vương nên kế vị sau khi Thành Vương chết. Trị vì 26 năm, bị bệnh chết, táng ở Tất Nguyên.

*

Lúc Cơ Chiêu nên kế vị, Chiêu Công, Tất Công tổ chức lễ đăng quang cho ông rất long trọng. Chiêu Công, Tất Công còn dẫn đầu các chư hầu đưa Cơ Chiêu đến tổ miếu, nói cho Cơ Chiêu biết

sự nghiệp huy hoàng của Văn Vương Vũ Vương. Đồng thời còn viết một bản tấu trình khuyên răn Cơ Chiêu cần phải tiết kiệm yêu dân, chú trọng quản lý quốc gia, giữ gìn sự nghiệp của tổ tiên.

Thời gian Cơ Chiêu trị vì, không ngừng đi chinh phạt các vùng đất: Quỷ Phương (nay thuộc phía Tây Bắc tỉnh Thiểm Tây) và vùng đất Đông Nam, bắt giữ nhiều nô lệ, thu được nhiều đất đai ban thưởng cho các chư hầu, đại phu. Có một lần trong cuộc đại chiến, quân Chu đã bắt được hơn 13000 quân lính của Khuyến Nhung. Để chúc mừng thắng lợi, Cơ Chiêu đã tặng cho quý tộc Mãnh (người tham gia cuộc chiến) hơn 1700 tù binh, và đã sai các nô lệ đem chuyện chiến thắng khắc nên đỉnh đồng. Chiếc đỉnh đồng này nặng hơn 500 cân, được khai quật vào trung kỳ triều Thanh, hiện nay được trưng bày ở viện bảo tàng lịch sử Trung Quốc (Bắc Kinh).

Trong thời gian Cơ Chiêu trị vì, quốc gia hùng mạnh, thiên hạ thống nhất, kinh tế văn hóa phồn vinh, xã hội ổn định, sử sách nói "hình phạt 4 phương trong 10 năm trời không cần dùng đến". Đạo gia gọi thời kỳ thống trị của Thành Vương những năm cuối và thời kỳ của Khang Vương là "sự thống trị của Thanh - Khang"

Sau khi Cơ Chiêu chết lập miếu gọi là Khang Vương.

CHIÊU VƯƠNG (CƠ HÀ)

(TÂY CHU)

Chiêu Vương, tên gọi là Cơ Hà, năm sinh năm mất không rõ, con trai của Khang Vương, nên kế vị sau khi Khang Vương chết. Trị vì 19 năm vì mưu hại bà con trăm họ, bị chết đuối, táng ở núi Thiếu Thất (nay là núi Thiếu Thất huyện Đãng Phong tỉnh Hà Nam).

*

Cơ Hà từ nhỏ đã sống trong nhung lụa, sau khi nên ngôi thiếu những đại thần trung lương trợ giúp, vì vậy cuộc sống nhanh chóng xa vào con đường hư hỏng xa đọa. Ông ta rất yêu thích những loài hoa cỏ kỳ lạ chim muông cầm thú, không ít người thường dựa vào sở thích của ông ta, hôm nay cống con chim này, mai tiến con thú khác, dựa vào đó mà thăng quan tiến chức. Có lúc, Cơ Hà nghe được ở nơi nào đó có những con chim lạ thú quý, lập tức đi tới đó săn bắt còn công việc triều chính cứ mặc kệ. Những điều đó đã làm lung lay nền chính trị, quốc gia đi tới suy vong, có một số chư hầu không còn nghe mệnh lệnh của ông ta, không cống hiến lễ vật. Chiêu Vương rất hồ đồ, liền mang quân đi chinh phạt họ, làm hao tốn tiền của.

Năm thứ 19 sau khi Cơ Hà nên ngôi, hạ thần của ông ta dang biểu nói: Bộ lạc Việt Thưởng Thị ở phương Nam có một loại chim quý: lông màu trắng, thịt của nó ăn rất thơm, con chim đó là chim bạch hạc.

Thời Thành Vương, bộ lạc Việt Thưởng thường mang đến cống tiền, bây giờ nước Sở ở phương Nam có thế lực ngày càng mạnh không còn nghe lời của bệ hạ giao thông cản trở, bộ lạc Việt cũng không mang lễ vật đến cống tiến. Cơ Hà tức giận vô cùng, lập tức dẫn quân đi chính phạt nước Sở, trên đường đi, ông ta ép buộc nhân dân vận chuyển lương thực, dùng thừng kéo thuyền, lương thực và rượu thịt phải cống cho quân đội, và ông ta toàn dùng thuyền của ngư dân để vận chuyển, sau khi dùng xong còn đánh chìm những chiếc thuyền đó. Nhân dân ai cũng oán thác ông ta.

Cơ Hà qua sống Hán Thủy, tiến công đô thành Đan Dương của nước Việt (nay thuộc huyện Chi Giang tỉnh Hồ Bắc), nhiều lần tấn công mà không đánh thắng. Vừa hay, vua Sở lo lắng nếu đánh không được Cơ Hà sẽ gặp hậu họa liền sai người đến xin nhận tội. Cơ Hà mắng vua Sở một trận, thừa cơ vơ vét tài sản nước Sở, ăn mừng chiến thắng và quay về cung.

Cơ Hà trên đường về vừa du lãm vừa săn bắn về đến bờ sông Hán Thủy, lại ra lệnh cho quân lính cướp thuyền của ngư dân. Những ngư dân kín đáo chọn ra mộ số thuyền, đục thủng rồi dùng keo nước dán kín lại và còn dùng những hình vẽ nhiều màu sắc trang trí thuyền, cho quân lính của Cơ Hà mang những chiếc thuyền đó đi. Quân của Cơ Hà dùng thuyền qua sông, chất nên thuyền rất nhiều thứ: ngựa, xe, của cải. Thuyền đến giữa sông, keo nước bị bung ra, những miếng ván đóng thuyền cũng từ từ tản ra, thuyền từ từ chìm xuống. Cơ Hà và các tùy tùng chơi vơi giữa dòng sông. Cơ Hà không biết bơi, ăn mặc lại lụng thụng, vẫy vùng một hồi rồi cũng từ từ chìm xuống. Phu xe của ông ta may mắn hơn bơi được vào bờ, chạy đi gọi mọi người tới cứu. Trên mặt sông nổi nên rất nhiều thứ: người, ngựa, vật chất... không dễ gì lọt qua những thứ đó để đến chỗ Cơ Hà, và khi kéo được ông ta vào bờ thì cũng không còn hy vọng gì. Các đại thần thấy ông ta chết như vậy thì không có thể diện gì, không dám công bố rõ sự việc mang ông ta an táng công báo bị bệnh chết.

Sau khi chết lập miếu đặt hiệu là Chiêu Vương.

MỤC VƯƠNG (CƠ MÃN)

(TÂY CHU)

Mục Vương, tên là Cơ Mãn, năm sinh năm mất không rõ, con trai của Chiêu Vương, kế vị sau khi Chiêu Vương chết, trị vì 55 năm, thọ 105 tuổi, táng ở ngoại thành phía Tây Nam thành phố Tây An tỉnh Thiểm Tây.

*

Lúc Cơ Mãn nên trị vì đã 50 tuổi. Theo truyền thuyết Cơ Mãn trong thời gian trị vì, ra lệnh cho Phủ Hậu đặt định ra bộ hình mới, lại xuất quân chinh phạt nước Sở. Về sau lại liên minh với Sở đi tiêu diệt Khuyển Nhung bắt được 5 vương thất của Khuyển Nhung, bắt một số bộ lạc của Khuyển Nhung dời đến Thai Nguyên (nay thuộc phía Tây Nam tỉnh Sơn Tây) mở ra con đường thông thương Tây Bắc.

Thư tịch cổ "Mục Thiên Tử truyền" đào được ở thời Tần có ghi chép về chuyện Cơ Mãn đi chinh phạt ở miền Tây.

Cơ Mãn chọn được con ngựa chạy nghìn dặm, mang 7 đội dũng sĩ, và thường châu báu ngọc ngà cho những ai có công, đi từ phía Bắc đến khu vực Nội Mông Cổ rồi hướng tới phía Tây, đi qua nhiều núi sông thuộc Tân Cương, đến được vương quốc của Tây Vương Mẫu, được Tây Vương Mẫu đến tiếp long trọng. Bà ta mở tiệc chiêu đãi, kết tình bằng hữu và dẫn ông ta nên núi Diễn ngắm cảnh phương xa. Ông ta đã khắc trên đỉnh núi dòng chữ: "Vương quốc của Tây Vương Mẫu", cùng với Tây Vương Mẫu trồng một cây Hòe làm kỷ niệm. Sau đó từ phía Tây tiến đến Cao nguyên Đại Khoáng, sau khi săn bắt được nhiều chim muôn cầm thú quý, quay về phía Đông rồi mới về Cảo Kinh.

Lịch trình đi tuần về miền Tây của Cơ Mãn là hơn 2 năm, đi được hơn 35000 dặm, trong lịch sử đây là chuyến đi lớn. Đi qua nhiều nước bang giao, được nhân dân đón tiếp nhiệt tình chu đáo. Điều này nói rõ những địa vực của Trung Quốc thời đó đã tương đối bao la. Dân tộc Hoa Hạ ở Trung Nguyên và các bộ lạc ở miền Tây rất sớm đã có mối quan hệ bạn bè, gắn bó mật thiết cùng nhau sáng tạo ra văn minh Trung Quốc.

Cơ Mãn bị bệnh chết ở Nam Trịnh (nay huyện Vị Nam tỉnh Thiểm Tây)

Sau khi chết lập miếu đặt hiệu là Mục Vương.

CUNG VƯƠNG (CƠ Y HỘ)

(TÂY CHU)

Cung Vương, tên là Cơ Y Hộ, năm sinh năm mất không rõ, con trai của Mục Vương, nên kế vị sau khi Mục Vương chết, trị vì 12 năm, bị bệnh chết, táng ở Tất Nguyên.

*

Thời gian Cung Vương trị vì, quốc gia không còn giàu có kinh tế dần dần đi xuống. Để biểu thị thưởng phạt phân minh, Cung Vương lấy đất đai gần đô thành chia cho các chư hầu và đại phu, còn lãnh thổ của mình ngày càng ít đi, triều Chu bị suy thoái dần dần.

Sau khi ông ta chết lập miếu đặt hiệu là Cung Vương.

Ý VƯƠNG (CƠ KIÊN)

Ý Vương, tên là Cơ Kiên, năm sinh năm mất không rõ, con của Cung Vương, nên trị vì sau khi Cung Vương chết, trị vì được 10 năm bị bệnh chết, táng ở ngoại ô Bất Minh.

Cơ Kiên tính tình nhu nhược, sau khi kế vị làm cho nền chính trị ngày càng thối rữa, thế lực ngày càng suy tàn. Bị Khuyển Nhung tấn công, ông ta phải dời đô đến Hóe Lý (nay là phía Đông Nam huyện Hưng Bình tỉnh Thiểm Tây).

Sau khi ông ta chết, lập miếu đặt hiệu là Ý Vương.

HIẾU VƯƠNG (CƠ TỊCH PHƯƠNG)

(TÂY CHU)

Hiếu Vương, tên là Cơ Tịch Phương, năm sinh năm mất không rõ, em trai của Cung Vương chú của Ý Vương, sau khi Ý Vương chết đã đoạt ngôi, trị vì 10 năm, bị bệnh chết, táng ở ngoại ô Bất Minh.

*

Ý Vương bị bệnh chết, đáng lý ra phải do con trai ông ta là Cơ Nhiếp nên kế vị, nhưng Cơ Hạ nhu nhược bất tài, Cơ Tịch Phương nhân cơ hội liền đoạt ngôi.

Sau khi Cơ Tịch Phương nên ngôi, một lòng một dạ phục hưng lại triều Tây Chu. Ông ta chỉnh đốn lại quân đội, ở giữa khu vực thảo nguyên Vạn Thủy và Vị Thủy mở ra một chợ lớn, chiêu mộ mọi người quyên góp vàng bạc để nuôi ngựa, có một người quyên góp tên là Phi Tử, đàn ngựa của anh ta béo tốt đẹp mã, một năm lại đẩy, số ngựa tăng nên rất nhiều. Cơ Tịch Phương rất hài lòng, liền phong cho anh ta mấy dặm ở Tần (nay thuộc thành phố Thiên Thủy tỉnh Cam Túc) và cho làm quốc quân, đây là nơi phát nguyên ra triều Tần sau này thống nhất Trung Quốc. Nhưng lý tưởng của ông ta là phục hưng lại triều Tây Chu chưa thực hiện được thì bị bệnh chết.

Sau khi ông ta chết lập miếu đặt hiệu là Hiếu Vương.

DI VƯƠNG (CƠ NHIẾP)

(TÂY CHU)

Di Vương, tên là Cơ Nhiếp, năm sanh năm mất không rõ, con của Ý Vương, cháu của Hiếu Vương nên kế vị sau khi Hiếu Vương chết, trị vì 30 năm, bị bệnh chết, táng ở ngoại ô Bất Minh.

*

Cơ Nhiếp là con của Ý Vương, sau khi Ý Vương chết, đúng ra phải do ông ta kế vị, nhưng vì nhu nhược bất tài bị chú cướp ngôi, Sau khi Hiếu Vương chết, các chư hầu mới chiếu theo di liệt của cha ông ta, lập ông ta làm vua.

Ông ta đối đãi với các chư hầu rất tử tế, trước đây khi thiên tử đứng trên lễ đường, các chư hầu phải quỳ lạy lễ bái, nay ông ta đổi lại khi thiết triều chỉ cần lui lại vài bước mà thôi.

Trong thời gian trị vì, Khuyển Nhung nhiều lần tấn công ông ta, Cơ Nhiếp mang quân đi dẹp, đều không dẹp yên.

Năm thứ 30, sau khi nên kế vị, bị ốm đã lập Cơ Hồ làm thái tử.

Sau khi ông ta chết lập miếu đặt hiệu là Di Vương.

LÊ VƯƠNG (CƠ HỒ)

(TÂY CHU)

Lệ Vương, tên là Cơ Hồ (? TCN - 828 TCN) con của Di Vương, kế vị sau khi Di Vương chết, trị vì 37 năm. Trong cuộc nổi dậy của nhân dân, bị đuổi khỏi kinh đô, về sau do buồn thảm mà chết ở Chế (nay huyện Hoắc tỉnh Sơn Tây).

Sau khi Cơ Hồ nên kế vị, cho rằng cha mình đối đãi với các chư hầu đại phu quá khoan dung hòa nhã, ông ta quyết định dùng phương pháp cứng rắn để chấn chỉnh lại họ. Không lâu sau, ông ta mượn cớ thiêu chết Tế Ai Công.

Cơ Hồ hám của thích lợi, tìm trăm nghìn cách bức hại nhân dân. Có một đại thần tên là Vinh Di Công, theo lời giáo huấn của Lệ Vương đã vơ vét tài sản của giang sơn xã tắc, nhưng tài sản này mang trả Cơ Hồ, không hề quan tâm tới sự mưu sinh của nhân dân, Cơ Hồ rất hài lòng với cách làm của Di Công, và còn bắt các đại thần khác phải vơ vét tài sản nhân dân dâng cho ông ta.

Nhân dân bị bức hại, bốn phương đều oán hận Cơ Hồ sai một viên quan đi giám sát, nơi nào dân không cống nộp đủ thì giết chết. Về sau, những người dân nào dám kêu ca cũng bị giết, khiến cho bạn bè người thân đi ngoài đường cũng không dám chào nhau, khiến đô thành biến thành một nơi trầm mặc u ám. Cơ Hồ rất đắc chí dương dương tự đắc nói: "Tôi đã có cách dạy dỗ trăm họ khiến họ không dám phỉ báng tôi". Đại thần Chiêu Công khuyên giải ông ta: "Bịp mồm bịp miệng nhân dân như vậy giống như lấp một cái hố nước giống như một cái đê vỡ sẽ tạo ra nạn lụt, mồm của nhân dân bị bịt lại, nguy hiểm giống như nước hồ. Trị thủy phải dùng phương pháp khơi dòng, trị dân cần phải cho họ tự do phát biểu, sau đó thu nạp những ý kiến tốt Bệ hạ trị vì thiên hạ sẽ không gặp điều xấu". Cơ Hồ không nghĩ như vậy, ông ta nói: "Tôi đường đường là tiên tử, một số ngu dân đó không biết gì chỉ có thể tôn phục mệnh lệnh của tôi, làm sao có thể để họ tự do bàn luận".

Ông ta vẫn đàn áp nhân dân.

Một ngày năm 841 TCN, nhân dân trong đô thành cùng nhau nổi dậy, họ dùng gậy gỗ cuốc xẻng làm vũ khí, từ khắp nơi đổ về hoàng cung đòi Cơ Hồ phải trả nợ máu. Nghe được tin này, ông ta tức giận vô cùng, sai quân đi đàn áp. Các hạ thần quỳ lạy nói: "Quân lính Triều Chu toàn làm nông nghiệp, nông dân chính là binh lính và binh lính chính là nông dân. Bây giờ nông dân bạo động thì có thể tập hợp được ai". Cơ Hồ biết lúc này là họa lớn rơi vào đầu, hoang mang chạy trốn khỏi hoàng cung, men theo phía Đông Bắc sông Vị Thủy, ngày đêm không nghỉ chạy đến Trệ một nơi cách xa kinh thành, dựng một ngôi nhà sống ở đó.

Những cư dân trong đô thành dưới sự khuyên giải của Chu Công, Chiêu Công cuối cùng cũng

nguôi giận tản đi hết. Chu Công và Chiêu Công theo lời đề nghị của các quý tộc, tạm thời điều hành việc nước những chức vụ quan trọng do sáu người đảm nhận chính thể này gọi là cộng hòa.

Cuộc bạo động của nhân dân, trong lịch sử Trung Quốc gọi là "quốc nhân bạo động" năm này trong lịch sử gọi là "cộng hòa nguyên niên". Từ đó, lịch sử Trung Quốc bắt đầu có niên đại chính xác để có thể tham khảo.

"Quốc dân bạo động" có sức đánh đổ được vương triều chế độ nô lệ Tây Chu, làm dao động sự thống trị của chủ nô lệ Tây Chu, Tây Chu càng nhanh chóng đi tới suy vong, dần dần lộ ra cục diện li tàn.

Sau khi Cơ Hồ chạy đến Trệ, sai Đơn Bá quay về kinh nghe ngóng tin tức. Thấy bạo động đã được dẹp yên, chuẩn bị đón Cơ Hồ về cung. Nhưng nhân dân rất hận Cơ Hồ, nhất quyết không cho ông ta quay lại Chu Công, Chiêu Công Bá lại một lần nữa khuấy động nỗi hận của nhân dân, bạo động lại nổi nên phải tiêu tan ý nghĩ đón ông ta về cung. Đan Bá quay về Trệ nói rõ sự tình, Cơ Hồ không còn cách gì đành phải định cư ở Trệ. Đất Trệ ở bên bờ sông Phần vì thế người thời Chu còn gọi ông ta là Phần Vương. Cơ Hồ đến đây làm ruộng, trong chốc lát mất đi chức vụ Thiên tử, mỗi năm Chu Công, Chiêu Công lại sai người mang quần áo, đồ dùng hàng ngày giúp ông ta sinh sống. Ông ta nghĩ lại những ngày sống xa hoa, buồn rầu quá độ, cuối cùng bị bệnh chết sau 14 năm sống ở đất Trệ.

Sau khi ông ta chết, lập miếu đặt hiệu là Lệ Vương.

TUYÊN VƯƠNG (CƠ TĨNH)

Tuyên Vương, tên là Cơ Tĩnh (? TCN - 782 TCN) con của Lệ Vương, kế vị sau khi Lệ Vương chết, trị vì 46 năm, bị trúng gió chết, táng ở ngoại ô Bất Minh.

*

Cơ Tĩnh, con của Lệ Vương, được ông ta phong cho làm thái tử. Lúc nhân dân bạo động, Cơ Tĩnh nghe tin phải trốn vào nhà Chiêu Công, nhân dân biết được bao vây quanh nhà, yêu cầu Chiêu Công giao Cơ Tĩnh cho họ. Chiêu Công khuyên giải mọi người không nên gây phiền hà cho thái tử, họ nhất định không nghe, xông vào nhà tìm giữ Cơ Tĩnh. Chiêu Công vội chạy vào phòng, ra lệnh cho con trai mình đổi quần áo cho thái tử đau khổ mang con trai giao cho nhân dân. Tất nhiên họ không biết đây là Thái tử giả, liền giết chết. Cơ Tĩnh nghe lời Chiêu Công đã trốn đi, sau khi Lệ Vương chết, Chu Công, Chiêu Công lợi dụng mê tín đã làm nguôi nỗi phẫn nộ của dân, gọi Cơ Tĩnh nên kế vị.

Cơ Tĩnh xuất thân trong hoạn nạn, lấy bài học của cha làm gương. Thời kỳ đầu nên trị vì ông ta khiêm tốn chân thật. Chú trọng vào công việc quốc gia. Trong chính trị không độc đoán chuyên quyền, có việc gì đều cùng các hạ thần bàn bạc. Trên cái đỉnh "Mac Công" được đúc bằng đồng còn ghi chép về ông ta, nói rõ những mệnh lệnh do ông ta đưa ra, tất phải có chữ ký của Mac Công mới được gửi đi. Ông ta chỉnh đốn chính trị, ra lệnh cho các quan sứ không được ham tài của, uống rượu, áp bức nhân dân. Trong kinh tế, ông bãi bỏ chính sách nộp thuế do cha ông đưa ra (thời cha ông còn sống), phóng khoáng đối với sự khống chế giang sơn xã tắc. Ông tuyên bố phế bỏ chế độ ruộng đất của nô lệ, cho phép đem ruộng công chia cho nô lệ để họ cày ruộng và nộp thóc vác những vụ thu hoạch. Trong quân sự, để giải trừ những mối nguy hiểm từ các dân tộc thiểu số, và cũng để trấn giữ những tuyến đường quan trọng, ông đã ra lệnh cho các đại thần: Quan Cát Phụ, Nam Trọng mang quân đi trấn giữ những nơi hiểm trở ở Tây Bắc, chinh phạt: Du Nhung ở phương Đông, Sở ở phương Nam và Nhung ở phương Tây. Ông sai Chu Vũ Vương, Chu Thành Vương làm chư hầu bảo vệ vương thất. Ông giao đất cho em trai ở Trịnh (nay thuộc phía Đông huyện Hoa tỉnh Thiểm Tây), đây chính là nước Trịnh về sau này; giao đất cho Thân Bá ở tạ (nay thuộc huyện Nam Dương tỉnh Hà Nam).

Một số biện pháp này tạm thời làm nguôi mâu thuẫn trong và ngoài, sự thống trị của vương triều Chu đã được củng cố, sử sách gọi là "Tuyên Vương trung hưng" (hưng thịnh thời Tuyên Vương). Kỳ thật, bên ngoài có vẻ được phục hưng lại, nhưng bên trong các mâu thuẫn trong nội bộ vẫn phát triển. Có chư hầu không còn bảo vệ vương thất. Có chư hầu dẫn quân làm loạn. Ghi chép trên đỉnh đồng thời đó có nói Ngạc Hầu là đại thần triều Chu đã liên hợp với Đông Di và Hoài Di tấn công nhà Chu, đánh đến gần Thành Chu (nay là thành phố Lạc Dương tỉnh Hà Nam), Cơ Tĩnh dốc toàn lực lượng ra ngăn chặn, quân nhà Chu chỉ dậm chân tại chỗ không đẩy lui được quân địch, đành phải mượn lực lượng của một số chư hầu. Điều đó nói rõ sức chiến đấu của quân Chu đã suy yếu. Hiệu kỳ thời gian Cơ Tĩnh trị vì, chiến tranh với bên ngoài luôn bị thất bại. Năm 789 TCN quân Chu đánh Khương Nhung, chiến đấu ở Thiên Miếu (nay phía Nam huyện Giới Hưu tỉnh Sơn Đông), quân Chu thất bại. Cơ Tĩnh suýt bị bắt.

Cơ Tĩnh vào những năm cuối đời, tính tình cố chấp không chịu nghe những lời can gián, để thể hiện oai phong của mình, ông ép nước Lỗ phế trưởng lập thứ người Lỗ không chịu, ông xua quân đến đánh, làm nước Lỗ rơi vào tình thế hỗn độn. Hơn nữa phá hoại chế độ tông pháp của triều Thương là truyền ngôi cho con trưởng, gây ra sự bất hòa giữa những người thân với nhau, các chư hầu càng không hài lòng về Cơ Tĩnh. trong mối quan hệ vua tôi, ông ta cũng thường gây ra những chuyện vô lý. Có một lần, đại phu Đỗ Bá chỉ vì một chuyện nhỏ làm Cơ Tĩnh bực mình, ông ta ra lệnh giết Đỗ Bá. Bạn của Đỗ Bá là Tả Gia vội quỳ xuống xin ông ta tha cho Đỗ Bá. Ông ta càng tức giận, nói: "Nhà ngươi chỉ biết có bạn không biết có quân vương, đạo lý này là đạo lý gì vậy? Tả Gia trả lời: "Vua có lý của vua, quân thần phải phục tùng quân vương, bạn có lý của bạn, thần phải giúp đỡ bạn. Bây giờ, tội của Đỗ Bá không đáng phải chết, vì vậy thần xin đại vương đừng giết Đỗ Bá" Cơ Tĩnh càng tức giận gào nên: "Ta sẽ giết Đỗ Bá, xem ngươi có thể làm gì được?" - Tả Gia trả lời: "Hạ thần nguyện cùng chết với Đỗ Bá". Cơ Tĩnh nói: "Ta không muốn ngươi chết, xem ngươi làm cách gì để chết cùng Đỗ Bá". Nói xong sai lính chém chết Đỗ Bá. Tả Gia vừa tức vừa hận, về nhà tự vẫn. Cái chết của Đỗ Bá, Tả Gia gây ra sự hoang mang và hỗn loạn trong quần thần.

Sau chuyện này, Cơ Tĩnh bình tĩnh trở lại thấy mình làm như vậy thật quá đáng, ăn năn hối hận, nhưng không dám nói ra, tâm thần bất an, sinh bệnh trầm uất. Không lâu sau, bệnh của ông ta đỡ đi phần nào, liền cùng quần thần đi du lãm. Trên đường đi, đột nhiên ông ta kêu to một tiếng, ngã ra đằng sau, hôn mê bất tỉnh. Mọi người vội vàng đưa ông ta về cung, chạy chữa thuốc men, vài ngày sau ông ta chết. Về sau, loan truyền một thuyết khác nói: Cơ Tĩnh lúc đi săn, đột nhiên nhìn thấy Đỗ Bá, đứng ở bên trái đường đi, mặc quần áo, đội mũ màu đỏ, tay cầm một chiếc cung màu đỏ, giương tên bắn Cơ Tĩnh. Điều này tất nhiên là mê tín. Có thể Cơ Tĩnh chết do bị trúng gió, cũng có người nói Cơ Tĩnh do đi chinh phạt bị thất bại buồn rầu mà chết.

Sau khi ông ta lập miếu đặt hiệu là Tuyên Vương.

U VƯƠNG (CƠ CUNG NIẾT)

U Vương, tên là Cơ Cung Niết (? TCN - 771 TCN), con của Tuyên Vương, được lập làm thái tử, nên kế vị sau khi Tuyên Vương chết. Trị vì 11 năm. Mất nước, bị Khuyển Nhung đuổi và giết ở chân núi Li Sơn (nay thuộc phía Đông Nam huyện Lâm Đồng tỉnh Thiểm Tây) táng ở chân núi Li Sơn.

*

Cơ Cung Niết lúc lên kế vị, cục diện chính trị không ổn định, cộng thêm vào đó là thiên tai xảy ra liên tiếp, nhân dân sống lang thang không chốn nương thân, sản xuất đình trệ, quốc gia suy tàn. Cơ Cung Niết không quan tâm chú ý tới mối nguy hiểm đe dọa triều Chu, hung bạo cường quyền, thêm vào đó trọng dụng những kẻ bất tài như Quốc Thạch Phụ, hãm hại nhân dân, đẩy tăng thêm mâu thuẫn giai cấp, mang quân đi chinh phạt khuyển bị thất bại lớn.

Cơ Cung Niết sinh hoạt dâm ô, sủng ái quý phi Bao Tự. Bao Tự khi cống tiến vào cung không hề nở một nụ cười, Cơ Cung Niết tìm đủ mọi cách mua được nụ cười của cô ta, ông ta trao giải thưởng, ai làm cho Bao Tự cười sẽ thưởng 2 nghìn lạng vàng. Quốc Thạch Phụ hám lợi đưa ra một kế đốt lửa báo động cho các chư hầu.

Hóa ra, triều Chu đề phòng bị sự xâm lược của Khuyển Nhung, ở trên núi Li Sơn có xây một đài lửa báo động, mỗi khi Khuyển Nhung tiến đánh, sẽ châm lửa báo động, những đài lửa gần đó cũng được châm nên, báo cho các chư hầu xung quanh biết. Các chư hầu thấy lửa cháy biết kinh thành có biến thiên tử gặp khó khăn, sẽ mang quân đến cứu viện. Kế sách của Quốc Thạch Phụ được Cơ Cung Niết chấp nhận, khi đài lửa được đốt nên các chư hầu vội vàng xuất binh ứng cứu. Đến chân núi Li Sơn, không hề thấy bóng dáng quân Khuyển Nhung chỉ thấy Cơ Cung Niết và Bao Tự đang ngồi uống rượu nghe nhạc. Ông ta sai người giải thích cho các chư hầu nghe và bảo họ quay về nhà. Các chư hầu biết mình bị lôi ra làm trò đùa, tức giận vô cùng, vỗ tay cười lớn. Cơ Cung Niết vui mừng khôn siết, thưởng vàng cho Quốc Thạch Phụ.

Không lâu sau, ông ta phế bỏ hoàng hậu và thái tử, lập Bao Tự và con trai cô ta nên làm hoàng hậu; và ra lệnh tước bộ địa vị của Thân Hầu (là cậu của thái tử) chuẩn bị mang quân đi đánh Thân Hầu. Thân Hầu liên kết với Khuyển Nhung ở miền Tây đầu tiên chỉ chống đỡ, về sau quyết định đánh vào Cảo Kinh. Cơ Cung Niết vội vàng đốt đài lửa báo động, các chư hầu lần trước bị mắc lừa, do vậy họ không muốn mang quân đến cứu. Quân lính ở Cảo Kinh vốn hận Cơ Cung Niết hồ đồ ngu muội và không bằng lòng với việc các tướng lĩnh thường bớt xén lương thực, lúc này miễn cưỡng xung trận, sau một hồi cũng tản đi hết. Quân của Khuyển Nhung đại thắng xông vào thành. Cơ Cung Niết, Bao Tự và con trai vội vàng hoảng hốt chạy lần cửa sau, trốn trên núi Li Sơn. Lúc này, ông ta lại ra lệnh đốt lửa, lửa cháy bùng bùng nhưng vẫn không thấy bóng dáng các chư hầu đến cứu. Quân của Khuyển Nhung đuổi theo gấp rút, các thuộc hạ của Cơ Cung Niết đã chạy trốn hết, chỉ còn hơn 100 người chạy vào Li Cung. Cơ Cung Niết thu nạp ý kiến của quần thần, ra lệnh đốt lửa trước cửa cung, để gây mối nghi hoặc cho quân của Khuyển Nhung, còn mình theo lối cửa sau chạy trốn. Chạy không được bao xa, quân của Khuyển Nhung lại chặn ở trước mặt, một trận hỗn chiến xảy ra, cuối cùng chỉ còn lại ba vợ chồng con cái Cơ Cung Niết, họ sợ hãi chết ngất trên xe, quân địch thấy Cơ Cung Niết mặc hoàng bào đội mũ thiên tử, biết đấy là vua Chu, liền chém chết ông ta và con trai. Chỉ tha mạng cho Bao Tự và bắt cô ta làm tù binh. (một thuyết khác nói. Bao Tự cũng bị giết). Tây Chu bị diệt vong. Sau khi ông ta chết lập miếu đặt hiệu là U Vương.

ĐÔNG CHU

(Năm 770 TCN - 256 TCN, tổng cộng 515 năm)

Thời Đông chu tính từ năm 770 TCN. Chu Bình Vương dời đô đến Lạc Ấp đến năm 256 TCN bị nhà Tần diệt vong.

Thời Đông Chu chia làm hai thời kỳ:

+ Thời Xuân Thu tính từ năm đầu tiên của Chu Bình Vương (năm 770 TCN) đến năm 44 của Chu Kính Vương (476 TCN).

+ Thời Chiến Quốc tính từ năm thứ nhất của Chu Nguyên Vương (475 TCN) đến năm đầu tiên Tần Thủy Hoàng (221 TCN) sau vài năm Đông Chu bị diệt vong (256 TCN).

Các vị vua thời Đông Chu (Xuân Thu Chiến Quốc) có 25 người, trong đó 21 người chết vì bệnh tật, một người mất nước đầu hàng đi bôn ba bị chết, một người do thương con chết yểu nên buồn rầu mà chết, 2 người chết trong nội chiến.

Ngoài ra còn có Vương Tử Cơ Hồ bị giết trong nội chiến.

Các chư hầu thuộc các nước chư hầu thời Đông Chu vì không thuộc phạm vi nê không kể ra. Chỉ liệt kê ra Ngũ Bá thời Xuân Thu và Thất Hùng thời Chiến Quốc. Thời kỳ đầu thời Tây Chu phong 800 chư hầu đến thời Xuân Thu chỉ thấy trong thư tịch ghi là 140 người.

THỜI KỲ XUÂN THU

(Năm 770 TCN - 476 TCN, tổng cộng 295 năm)

hời Xuân Thu là thời kỳ tan rã xã hội nô lệ. Đây là thời kỳ biến đổi vĩ đại. Lúc này cũng là thời kỳ mang thai xã hội phong kiến, vương thất nhà Chu suy vong dần.

Thời này, vương triều trải qua sự thống trị của nhà Hạ Thương, Tây Chu. Phải chia ra hàng trăm nước chư hầu, họ tranh nhau xưng bá, đề phòng lẫn nhau, chiến tranh liên miên, mâu thuẫn trong nội bộ các nước chư hầu diễn ra gay gắt, khởi nghĩa, nô lệ liên tiếp nổ ra, đấu tranh giữa thế lực mới cũ rất mãnh liệt, xã hội dao động rõ rệt.

BÌNH VƯƠNG (CƠ Ý CỮU)

(ĐÔNG CHU)

Bình Vương, tên là Cơ Ý Cữu (? TCN - 720 TCN). Ông là con trai của U Vương. U Vương bị giết, ông ta được giúp làm vua. Trị vì 51 năm, chết ở Lac An (nay thuộc thành phố Lạc Dương tỉnh Hà Nam) mai táng ở Bình Khẩu (nay thuộc thôn Kim Thôi huyện Thái Khang tỉnh Hà Nam).

*

Lúc U Vương trị vì đã lập Cơ Ý Cữu làm thái tử, sau khi U Vương sủng ái Bao Tự, đã phế Ý Cữu, lập Bá Phục làm thái tử.

Một hôm U Vương thấy Ý Cữu chơi trong vườn, ông thả một con hổ vào vườn, dự tính cho con hổ cắn chết Ý Cữu. Lúc ấy Ý Cữu rất bình tĩnh. con hổ định vồ Ý Cữu, ông ta không sợ hãi chạy trốn mà tiến thẳng đến phía trước, hét to, làm cho con hổ kinh hãi lùi lại vài bước nằm phục trên mặt đất quan sát động tĩnh. Ý Cữu ung dung bước đi. Ông ta biết đây là dã tâm của cha muốn hại chết mình, ông liền cùng với mẹ lén lút chạy tới chỗ cậu của ông ta là Thân hậu.

Khuyển Nhung tấn công vào thành Cảo Kính giết chết U Vương rồi rút quân về miền Tây. Các chư hầu như: Thân, Lỗ, Hứa lập Ý Cữu làm vua, năm 770 TCN làm lễ đăng quang ở đất Thân (nay thuộc phía Bắc thành phố Nam Dương tỉnh Hà Nam). Do thành Cảo Kinh bị chiến tranh tàn phá, không lâu sau Ý Cữu dưới sự hộ tống của nước Tần đã dời đô tới Lạc Ấp, các nước chư hầu như: Tần, Trịnh phải phụ giúp miễn cưỡng nhường lại đất. Sử sách gọi là Đông Chu. Năm này là năm mở đầu của Đông Chu và cũng là mở màn thời Xuân Thu. Nên ngôi vua cùng lúc với Ý Cữu chư hầu Quốc Công Hàn cũng lập một người con khác của U Vương là Huề Vương làm vua, do đó xuất hiện cục diện hai nước Chu cùng tồn tại song song. Mười năm sau, Tấn Văn Hầu giúp Ý Cữu giết Huề Vương, vương triều Chu lại thống nhất làm một. Vì Tấn Tương Công có công lớn trong việc giúp Ý Cữu dời đô nên Ý Cữu đã phong cho ông ta làm chư hầu và ban sắc lệnh nói: "Người Nhung đánh chiếm Cảo Kinh và địa khu Kỳ Sơn, ngươi hãy đem quân đi đánh họ, đánh được nơi nào thì nơi đó sẽ thuộc về nước Tần". Không lâu sau, Tần lấy được phía Tây của địa khu Kỳ Sơn, nước Tần đó phát triển mạnh. Do đất của cố hương bị mất, vùng đất của Vương triều Đông Chu chỉ ngăn cách bởi phía Tây Bắc tỉnh Hà Nam, phía Đông đến Vĩnh Dương, phía Tây đến Lâm Quan, phía Nam đến Nhũ Thủy, phía Bắc chỉ đến bờ Nam sông Thủy, xung quanh chỉ có 600 dặm, đất hẹp người thưa, vô số nước chư hầu lớn vây xung quanh nó chỉ tương đương với một nước chư hầu hạng trung. Vương triều Chu suy bại. Các nước lớn như: Trịnh, Tấn, Tề, Lỗ, Yên, Sở, Tống... đều tranh nhau: đất đai dân số và quyền chi phối các nước chư hầu khác, chiến tranh cứ xảy ra liên miên, hình thành cục diện hỗn loạn chư hầu tranh bá, lịch sử Trung Quốc vào thời kỳ rối ren.

Trong thời gian Cơ Ý Cữu trị vì, đã giao phó cho Trịnh Trang Công giám sát triều đình, về sau nước Trịnh thế lực hùng mạnh, Cơ Ý Cữu nhìn thấy Trịnh Trang Công có dã tâm, không

muốn triều đình bị Trịnh Trang Công thao túng. Nhân cơ hội nước Trịnh xảy ra nhiều chuyện, Trịnh Trang Công không có thời gian đến nhận chức Ý Cữu bãi bỏ chức vị của Trịnh Trang Công. Trịnh Trang Công biết tin lập tức đến Lạc Dương, gây áp lực với Ý Cữu. Cơ Ý Cữu đành phải đưa thái tử Cơ Qua đến Trịnh làm con tin. Để giữ thể diện cho Cơ Ý Cữu các quần thần đưa ra kế sách trao đổi con tin, con trai của Trịnh Trang Công cũng phải đến Lạc Ấp làm con tin. Họ thông báo với dân chúng và các chư hầu thái tử nước Chu sang nước Trịnh học tập. Từ đó có thể thấy, sau khi Cơ Ý Cữu dời đô, thế lực vương thất triều Chu đã suy tàn, vua Chu trên danh nghĩa là thiên tử, thực tế chỉ là bù nhìn mà thôi. Năm 720 TCN, ông ta bị bệnh chết, lập miếu đặt hiệu là Bình Vương.

HOÀN VƯƠNG (CƠ LÂM)

(ĐÔNG CHU)

Hoàn Vương, tên là Cơ Lâm (? TCN - 697 TCN) Ông là cháu của Bình Vương, kế vị sau khi Bình Vương chết. Trị vì 23 năm, bị bệnh chết, táng trên núi Hoàn Dương huyện Mãnh Trì tỉnh Hà Nam.

*

Cơ Lâm là con trai của Cơ Thế. Bình Vương bị ốm chết, thái tử Cơ Qua làm con tin ở nước Trịnh. Trịnh Bá và Chu Công Mặc Kiên đến nước Trịnh đón Cơ Qua về kế vị. Cơ Qua trên đường vì đau thương quá độ, về triều ốm chết. Cơ Lâm được Trịnh Bá và Chu Công Mặc Kiên lập làm vua.

Thời kỳ Cơ Lâm trị vì, do Trịnh Bá có công giúp ông ta làm vua, vì thế đã cho nước Trịnh phần đất ở Ôn nằm ở phía Nam sông Tất Thủy và bờ Bắc sông Hoàng Hà, cương vực của Vương triều Chu lại thu hẹp lại.

Trước đây, Chư hầu chết, con của Chư hầu nên kế vị và sau khi chịu tang xong, cần phải đến đô thành tiếp nhận sắc phong của thiên tử, để có địa vị hợp pháp. Năm 712 TCN, Lỗ Hoàn Công mưu hại giết anh trai là Ẩn Công, tự lập làm quốc quân, không tới kinh thành xin nhận sắc phong của thiên tử. Từ đó chế độ nhận sắc phong do thiên tử ban bị phá bỏ. Năm 706 TCN, nước Sở dùng vũ lực đuổi quốc quân của nước Tùy, muốn quốc vương nước Tùy tới chỗ Hoàn Vương đề nghị nâng cao cấp bậc cho nước Sở. Cơ Lâm không đồng ý, quốc vương nước Sở là Hùng Thông sau khi thoái mạ Cơ Lâm một trận, tự mình đề cao đẳng cấp, và đổi tên là Sở Vũ Vương. Cơ Lâm nhân được tin này, tức giận vô cùng, nhưng cũng không làm gì được.

Sau khi Cơ Lâm kế vị, Trịnh Trang Công vẫn tiếp tục chuyên quyền ở triều Chu. Cơ Lâm không cam tâm chịu sự khống chế của ông ta, liền đuổi Trịnh Trang Công về nước Trịnh. Sau khi về nước, Trịnh Trang Công càng gây rắc rối, làm loạn an ninh của triều Chu, quan hệ của hai bên ngày càng căng thẳng. Không lâu sau, Trịnh Trang Công giả truyền thánh chỉ của Cơ Lâm, mang quân đi đánh Tống. Cơ Lâm tức giận, dứt khoát bãi bỏ chức vụ của ông ta. Trịnh Trang Công cũng không vừa, 5 năm liền không đến triều đình yết kiến, tỏ rõ sự coi thường Cơ Lâm. Cơ Lâm phẫn nộ vô cùng bỏ ngoài tai lời khuyên của quân thần. đích thân mang quân đi đánh Trịnh Trang Công. Trịnh Trang Công cũng xuất binh mã nghênh chiến. Hai bên gặp nhau ở đất Trường Cát; Cơ Lâm nóng lòng chiến thắng, sai người ra chửi bới khiêu chiến.Trịnh Trang Công bố trí thế trận, án binh bất động. Quân Chu chửi đến buổi chiều vẫn không thấy quân Trịnh ra đánh, liền buông lỏng phòng ngừa. Quân Trịnh nhân cơ hội đó thừa thắng xông ra. Quân Chu không kịp trở tay bị giết rất nhiều. Cơ Lâm đành phải lui quân, còn mình ở lại chặn hậu. Tướng quân nước Trịnh là Chúc Đan bắn tên vào vai trái của Cơ Lâm, nhưng do Cơ Lâm mặc áo giáp bảo vệ nên vết thương không nghiêm trọng. Trịnh Trang Vương thấy cho Cơ Lâm một bài học như vậy là đủ lo sợ bộ hạ của mình giết chết Cơ Lâm, làm vậy sẽ bất lợi cho địa vị của ông ta. Trịnh Trang Vương vội vàng gia lệnh thu quân để lối thoát cho Cơ Lâm quay về triều.

Sau chuyện này, Trịnh Trang Công trả vờ ăn năn hối lỗi, sai hạ thần đến nhận tội với Cơ Lâm, nói rõ đấy chỉ là phòng vệ không ngờ, bộ hạ của mình lại vi phạm kỷ luật, làm tổn thương đến thiên tử. Cơ Lâm không còn cách gì đành phải tuyên bố miễn tội cho Trịnh Trang Công. Cuộc chiến ở Trường Cát đã làm Cơ Lâm mất mặt, từ đó các nước chư hầu ngày càng coi thường Cơ Lâm.

Tháng 3 năm 697 TCN, Cơ Lâm bị ốm nặng, ông ta truyền gọi Thu Công Hắc Kiên vào triều gặp mặt nói: "Làm theo tông pháp của tổ tiên ta đã lập con trưởng là Cơ Đà làm thái tử. Nhưng ta vốn yêu quý con thứ là Cơ Khắc. Hôm nay, ta sẽ giao Cơ Khắc cho ngươi, nếu sau này Cơ Đà chết, ngươi hãy lập Cơ Khắc làm vua. Ngươi nhất định phải hoàn thành tốt nhiệm vụ này".

Không lâu sau, Cơ Lâm chết. Sau khi ông ta chết, lập miếu đặt hiệu là Hoàn Vương.

TRANG VƯƠNG (CƠ ĐÀ)

(ĐÔNG CHU)

Trang Vương, tên ông ta là: Cơ Đà (?TCN-682 TCN). Là con trai cả của Hoàn Vương, kế vị sau khi Hoàn Vương chết. Trị vì 15 năm, mai táng ở đâu không rõ.

*

Năm thứ ba, sau khi Cơ Đà nên kế vị, (694 TCN) Chu Công Hắc Kiên tuân theo lời di huấn của Hoàn Công trước khi chết, đã nghĩ mưu giết chết Cơ Đà để lập Cơ Khắc làm thiên tử. Tân Bá khuyên Chu Công Hắc Kiên: "Con trưởng và con thứ khác nhau rõ ràng, phế trưởng lập thứ, tất sẽ là đầu mối dẫn đến nội chiến. Chu Công Hắc Kiên không nghe lời nhất định tìm cách giết hại Cơ Đà. Nhưng Tân Bá đã tấu trình cho Cơ Đà biết ý định của Chu Công Hắc Kiên. Cơ Đà liền sai người giết Chu Công Hắc Kiên. Về phần Cơ Khắc thấy sự việc bị bại lộ vội vàng trốn chạy tới nước Yên. Câu chuyện này trong sử gọi là: "Cuộc tạo phản của Cơ Khắc".

Mùa hè năm 693 TCN, để lôi kéo vua Tề, Cơ Đà đã gả con gái cho vua Tề. Cơ Đà nhờ Lỗ Hoàn Công làm mối vì vậy sai Đôn Bá Tiên đưa công chúa tới nước Lỗ cư trú tạm thời. Mùa đông năm đó, Cơ Đà sai Vinh Quyền mang chiếu chỉ tới Lỗ đòi giết anh trai của Lỗ Hoàn Công và lập Lỗ Hoàn Công lên ngôi. Lỗ Hoàn Công lập tức đưa công chúa Chu tới nước Tề. Trong thời gian Cơ Đà trị vì, vào năm 685 TCN, nước Tề trải qua nhiều cuộc nội chiến, công tử Tiểu Bạch được lập làm vua, và gọi là Tề Hoàn Công. Tiểu Bạch không tính toán tư thù, đã tiếp đón Quản Trọng từ nước Lỗ tới phong Quân Trạng làm tể tướng (mặc dù trước kia Quản Trọng, mấy lần suýt bắn chết Tiểu Bạch). Dưới sự giúp đỡ của Quản Trọng, nước Tề tiến hành sửa chữa nền kinh tế, chính trị... dần dần đất nước hưng thịnh. Năm thứ hai, vì lập vua Lỗ từng cản trở việc lên ngôi, nên Tề Hoàn Công mang quân đánh nước Lỗ bị quân Lỗ chặn lại ở đất Trường Thược (nay là vùng Bất Tường). Lỗ Trang Công thấy quân địch mạnh như vũ bão, nóng lòng muốn chỉ huy quân lính công kích, nhưng Tào Quý khuyên giải ông ta, Lỗ Trạng Công nghe lời khuyên và đợi chờ cơ hội. Quân Tề ỷ vào sức mạnh liên tiếp tấn công, đều không giành được chiến thắng, lúc này khí thế nhụt đi rất nhiều, sức lực cạn kiệt, lòng quân dao động. Tào Quý sử dụng chiến thuật "Địch mệt mỏi thì ta đánh", phát động binh lính đánh một trận và dẹp tan quân Tề. Trong lịch sử trận chiến này được lượt vào cuộc chiến "yếu thắng mạnh" và gọi là cuộc chiến trên đất Trường Thược của hai nước Tề-Lỗ".

Vào những năm cuối đời, Cơ Đà rất yêu quý thiếu tử Tử Đồi, muốn lập Đồi làm thái tử, nhưng ý định của Cơ Đà không thực hiện được, ngược lại còn dẫn đến cuộc tạo phản của Tử Đồi.

Tháng 10/682 TCN, Cơ Đà bị bệnh chết. Sau khi Cơ Đà chết lập miếu đặt hiệu là Trang Vương.

HỈ VƯƠNG (CƠ HỒ TỀ)

(CÔNG CHU)

Hỉ Vương (?TCN-677 TCN). Là con trai của Trang Vương, kế vị sau khi Trang Vương chết, trị vì được 5 năm, mai táng ở đâu không rõ.

*

Thời Trang Vương trị vì, Cơ Hồ Tề được lập làm thái tử. Năm 681 TCN Cơ Hồ Tề lên ngôi, Tề Hoàn Công dưới sự giúp đỡ của Quản Trọng đã làm cho nước Tề "quân mạnh nước giàu". Với danh nghĩa giúp đỡ vua Chu tranh bá với thiên hạ, Tề Hoàn Công nghe lời khuyên của Quản Trọng đã lấy khẩu hiệu "tôn vương diệt di", tức là tôn trọng vua Chu, sẽ chinh phạt các dân tộc thiểu số giúp vua Chu, đồng thời sai sứ thần tới chúc mừng Cơ Hồ Tề đăng quan ngôi vị mới. Cơ Hồ Tề thấy nước Tề cung kính như vậy rất hài lòng, lập tức triệu tập các sứ giả để thừa nhận Tống Hoàng Công làm vua nước Tống và sai Tề Hoàn Công đến nước Tống thông báo. Tề Hoàn Công mở đại hội sứ giả ở vùng Bắc Hoạt của nước Tề (nay thuộc phía Bắc huyện Đông A tỉnh Sơn Tây) và Tề Hoàn Công được bầu làm minh chủ.

Mùa đông năm 681 TCN, Tề Hoàn Công lại thống lĩnh đại quân tiến đánh nước Lỗ, Lỗ Trang Công hoảng sợ phải đưa các điều kiện xin hàng. Vua của hai nước Lỗ, Tề hẹn gặp nhau ở đất Kha thuộc phạm vi nước Tề (nay thuộc thị trấn A thành phía Đông Bắc huyện Thọ Trương tỉnh Sơn Đông). Lúc hai người chuẩn bị uống máu ăn thề, đột nhiên tướng quân Tào Mạt (người bảo vệ Lỗ Trang Công) rút ra một thanh đoản kiếm ép buộc Tề Hoàn Công bắt trả lại những phần đất của nước Lỗ mà trước đây Tề Hoàn Công cướp đi. Tề Hoàn Công buộc lòng phải chấp nhận lời đề nghị đó để thoát thân. Sau chuyện này, Tề Hoàn Công phẫn nộ vô cùng, đòi giết chết Tào Mạt. Quản Trọng khuyên giải Tề Hoàn Công "Chuyện thất tín, giết người, là một điều cấm kỵ của người quân tử, đồng thời sẽ làm mất đi sự tin tưởng của các chư hầu, xin bệ hạ hãy suy xét lại". Tề Hoàn Công nghe lời Quản Trọng mang trả hết đất cho nước Lỗ. Chuyện này khiến các chư hầu đều khâm phục Tề Hoàn Công, liên tiếp đến cầu cạnh nước Tề. Năm 679 TCN, Tề Hoàn Công mở đại hội ở đất Quyên (thuộc lãnh thổ nước Vệ) (nay thuộc tỉnh Sơn Đông), đến tham gia đại hội có các nước như: Lỗ Trịnh, Tống Vệ, Trần... minh chủ Tề Hoàn Công chính thức trở thành bá vương đầu tiên trong thời kỳ Xuân Thu.

Năm 677 TCN, Cơ Hồ Tề bị bịnh chết, sau khi chết lập miếu đặt hiệu Hỷ Vương.

HUÊ VƯƠNG (CƠ LÃNG)

(ĐÔNG CHU)

Huệ Vương, ông tên là Cơ Lãng (?TCN-652 TCN). Ông là con trai của Hỉ Vương, kế vị sau khi Hỉ Vương chết, trị vì 25 năm, mai táng ở đâu không rõ.

*

Mùa thu năm thứ hai (675 TCN) sau khi Cơ Lãng nên ngôi, 5 đại phu là Vi Quốc, Biên Bá, Tử Cầm, Chúc Quỵ, Hứa Phụ do nhận lời ủy thác của Trang Vương lúc còn sống là Tử Đồi (con thứ của Trang Vương) nên ngôi, nên cũng không bằng lòng với việc Cơ Lãng nên ngôi. Họ liên kết với Phỏng Thị, ủng hộ Tử Đồi làm phản, tiến đánh Cơ Lãng, cuối cùng bè cánh của Tử Đồi bị đánh bại chạy biến hết. Tử Đồi chạy đến đất Ôn (nay thuộc phía Tây Nam tỉnh Hà Nam), rồi cùng với Phỏng Thị lại chạy đến nước Vệ. Vệ Huệ Công hận Chu Vương đã bắt giữ con trai mình là Kiềm Mâu trong cuộc chinh chiến, nên Vệ Công liên kết với nước Yên giúp đỡ Tử Đồi. Mùa đông năm 675, nước Vệ và nước Yên xuất binh đi đánh Cơ Lãng và lập Tử Đồi làm thiên tử. Trịnh Vệ Công đứng ra giảng hòa cuộc hỗn chiến của vương thất nhà Chu nhưng không thành công. Trạng Phụ của vua nước Yên là Xuân Phù đã phải sắp xếp cho Cơ Lãng sống ở đô thành

Nguyệt của nước Trịnh (nay thuộc Hà Nam) và phải mang những đồ dùng của vương thất chuyển đến đô thành Nguyệt cho Cơ Lãng dùng. Mùa xuân năm 673 TCN, Trịnh Lệ Công và Quắc Công gặp mặt nhau ở đất Nhị (nay thuộc huyện Mật tỉnh Hà Nam) cùng mang quân đi đánh Tử Đồi. Liên quân Trịnh-Quắc nhanh chóng tiến công vào đô thành, Tử Đồi và 5 đại phu đang uống rượu trở tay không kịp, bị quân lính giết chết. Trịnh Lệ Công và Quắc Công đón Cơ Lãng trở về đô thành, trả lại ngôi vị thiên tử cho Cơ Lãng. Cuộc nội chiến này trong lịch sử gọi là "Cuộc làm phản của Tử Đồi". Để cảm ơn sự giúp đỡ của hai nước Trịnh, Quắc nên Cơ Lãng đã cho nước Quắc vùng đất Tửu Tuyền (nay thuộc 1 dải phía đông tỉnh Thiểm Tây), đem cho nước Trịnh phía đông của vùng Hổ Lao (nay thuộc phía Tây Bắc thành phố Vinh Dương tỉnh Hà Nam). Như vậy cuộc chiến coi như tạm yên ổn, đất đai của vương triều Chu lại bị thu hẹp lại.

Trong thời gian Cơ Lãng trị vì, nước Tề liên tiếp đưa quân đi chinh phạt khắp nơi, thu phục các nước nhỏ, mở rộng lực lượng. Năm 670 TCN, quân Tề diệt nước Quách (nay thuộc tỉnh Sơn Tây), Tề Hoàn Công hỏi các phụ lão sống ở lãnh thổ nước Quách: "Nước Quách làm sao bị diệt vong như vậy?" Các phụ lão trả lời: "Bởi vì vua của chúng tôi yêu mến người hiền tài mà không hận người xấu bụng", Tề Hoàn Công lại hỏi "Theo lời nói của các vị thì vua của các vị là một người tài đức, tại sao lại để mất nước như vậy?" Các phụ lão trả lời: "Vua yêu người hiền mà không biết trọng dụng, ghét người xấu mà không biết loại bỏ, vì vậy dẫn đến mất nước".

Lúc đó, Khánh Phụ (con của Lỗ Hoàn Công) đã giết vua Tử Thuyền, Mẫn Công, gây ra cuộc đại loạn ở nước Lỗ. Những người sống thời đó nói "Khánh Phụ không chết, nước Lỗ khó lòng giữ được". Lỗ Hỉ Công sau khi nên ngôi cho giam giữ Khánh Phụ ở Cử Quốc (nay thuộc huyện Cứ tỉnh Sơn Đông). Khánh Phụ biết tội trạng của mình không thể trốn chạy, đành tự tử ở đất Cử Quốc, cuộc nội chiến của nước Lỗ cũng tạm thời dẹp yên.

Lúc đó, Vệ Ý Công (vua của nước Vệ) rất thích nuôi chim hạc, Vệ Ý Công thích nhất chim hạc để trang trí, ăn chơi, hưởng lạc, nhân dân đều oán thán. Tháng 12/660 TCN, quân Nhang tiến công nước Vệ, Vệ Ý Công dẫn quân chặn đánh ở Vinh Tắc (nay thuộc tỉnh Đông Bắc huyện Vinh Dương tỉnh Hà Nam). Trước khi ra trận các tướng sĩ còn oán thán: "bình thưởng đại vương hậu đãi chim hạc, bây giờ sao không để chim hạc ra trận đi", lòng quân rối lụan bị đánh đại bại, Vệ Ý Công bị hỗn quân giết chết trở thành tấm gương cho những người thích chơi bời lêu lổng.

Vào những năm cuối đời của Cơ Lãng, sủng ái Huệ Hậu (Công chúa nước Trần) đòi phế bỏ thái tử Trịnh, lập con của Huệ Hậu là Tử Đế làm thái tử. Mùa hè năm 655 TCN, Tề Hoàn Công mở đại hội ở Đô Chỉ (thuộc lãnh thổ nước Vệ) (nay là phía Đông Nam huyện Thái tỉnh Hà Nam) sai mời thái tử Trịnh mà những chư hầu như: Tống Hoàn Công, Lỗ Công, Trần Tuyên Công, Vệ Văn Công, Trịnh Văn Công, Hứa Công. Tào Chiêu Công... tuyên bố giúp đỡ thái tử Trịnh kế vị ngôi thiên tử.

Cơ Lãng rất tức giận, liền xúi giục Trịnh Văn Công bội ước, sai Trịnh Văn Công đi liên lạc với nước Sở, và sai người đi đến nước Tấn liên lạc, dự định tập hợp liên minh 4 nước: Chu, Trịnh, Sở, Tấn để đối phó với nước Tề. Nước Tề cho người đi khống chế, sai quân đi đánh Trịnh, làm cho nước Trịnh phản Chu quay về với Tề, vì vậy kế hoạch của Cơ Lãng bị phá bỏ.

Tháng 12/652 TCN, Cơ Lãng ốm chết, sau khi ông ta chết lập triều miếu đặt hiệu là Huệ Vương.

TƯƠNG VƯƠNG (CƠ TRỊNH)

(ĐÔNG CHU)

Sau khi Huệ Vương chết, Cơ Trịnh lo lắng Tử Đế tranh chấp ngôi vị nên bí mật phát tang và sai người tới Tề Hoàn Công nhờ giúp đỡ. Tề Hoàn Công lập tức triệu tập đại hội sứ giả ở đất Thao (phía Tây huyện Quyên Thánh tỉnh Sơn Đông), tuyên bố giúp Cơ Trịnh nên ngôi Thiên Tử. Sau khi Cơ Trịnh nên ngôi mới dám tuyên bố cái chết của Huệ Vương.

Tử Đế không can tâm thất bại, từ năm 648 TCN trở đi -vài lần cùng quân Nhung đi đánh vua Chu nhưng đều thất bại. Năm 639 TCN, Cơ Trịnh phát hiện vương hậu Quy Thị lén lút câu kết với Tử Đế. Cơ Trịnh lập tức phế truất vương hậu. Nhận được tin này, Tử Đế lại dẫn quân Nhung đi đánh nước Chu, chiếm lĩnh được đô thành. Cơ Trịnh vội vàng chạy trốn và ẩn trốn ở vùng đất Tị của nước Trịnh (nay thuộc huyện Tương Thành tỉnh Hà Nam) và đi cầu cứu các nước chư hầu. Vào năm 635 TCN, Tấn Văn Công mượn danh nghĩa thiên tử xuất quân đi đánh Tử Đề lúc này đang cư trú tại đất Ôn và bắt giữ được Tử Đề, sau đó đón Cơ Trịnh quay về đô thành, áp giải Tử Đề về cung và khép vào tội chết, bình định được nội chiến. Cuộc nội chiến này trong sách gọi là "cuộc tạo phản của Tử Đề".

Cơ Trịnh mở yến tiệc chiêu đãi Tấn Văn Công. Tấn Văn Công xin Cơ Trịnh cho hưởng một điều kiện (Nếu sau này Tấn Văn Công chết cho ông ta hưởng nghi lễ mai táng như một thiên tử), nhưng Cơ Trịnh đã khôn khéo chối từ điều kiện đó và phong cho Tấn Văn Công 4 vùng đất: Dương, Phàn, Ôn, Nguyên và Toàn Mao. Ba năm trước, hai nước Tần, Tấn đã tự tiện dời một chi nhánh của tộc Nhung đến vùng Y Xuyên thuộc phạm vi đất nhà Chu (nay thuộc Y Hà ở phía Nam thành phố Lạc Dương) chiếm cứ vùng đất này. Như vậy, địa bàn của nhà Chu chỉ còn 100 dặm.

Năm 651 TCN thời gian Cơ Trịnh trị vì, Tề Hoàn Công cho mở đại hội liên minh ở đất Đặng Khâu của nước Tống (nay thuộc phía Đông Bắc huyện Lan Khải tỉnh Hà Nam), đến dự đại hội có Lỗ Hỉ Công, Tống Tương Công, Vệ Văn Công, Trịnh Văn Công, Hứa Hỉ Công, Tào Cung Cảng... họ đều nhất trí bầu Tề Hoàn Công làm minh chủ. Để cảm ơn sự giúp đỡ của Tề Hoàn Công, Cơ Lãng đã sai Chu Công Tề Khổng tới tham gia đại hội và mang rượu thịt mà thiên tử Chu đã cúng tế tổ tiên tặng cho Tề Hoàn Công, và bảo Tề Hoàn Công không cần có lễ vật tạ ơn, Cơ Lãng làm vậy để tỏ ý công nhận chức vị bá chủ của Tề Hoàn Công. Đại hội này trong sách sử gọi là "Đại hội ở Đặng Khâu", cuộc đại hội này làm cho tiếng tăm của Tề Hoàn Công vang xa. 6 năm sau Tể tướng Quản Trọng bị bệnh và chết, hai năm sau nữa Tề Hoàn Công cũng ốm chết, 5 người con của Tề Hoàn Công tranh giành nhau kế vị, nội chiến xảy ra liên miên, sức lực trong nước suy yếu dần, vù vậy nước Tế mất đi địa vị bá chủ.

Người tiếp nhận địa vị bá chủ là Tống Tương Công, ông ta là Chư hầu chỉ thích lý luận suông về nhân nghĩa đạo đức. Tháng 11/638 TCN, nước Sở tấn công nước Tống, Tống Tương Công dẫn đầu đại quân chặn đánh ở vùng đất Hà (nay thuộc Hà Nam) Tống Tương Công bị thua trận.

Tháng 4/632 TCN, Tấn Văn Công thống lĩnh quân đội đi đánh quân Sở ở đất Bộc (nay thuộc huyện Bộc tỉnh Hà Nam), chiến thắng lừng lẫy, Tấn Văn Công mang 1000 tù binh nước Sở và 100 chiến xe cống cho Cơ Lãng, Cơ Lãng tặng lại cho Tấn Văn Công 100 chiếc cung màu hồng và 1000 chiếc cung màu đen, đồng thời còn bằng lòng cho Tấn Văn Công đi chinh phạt các nước Chư hầu khác.

Mùa đông năm 632 TCN, Tấn Văn Công mở đại hội chư hầu ở đất Tiền Thổ thuộc địa phận nước Trịnh (nay thuộc phía Tây Nam Huyện Nguyên Dương tỉnh Hà Nam), Tề Văn Công muốn tăng thêm danh vọng và tiếng tăm, nên âm thầm sai người đi mời Cơ Lãng tới tham gia đại hội. Cơ Lãng thấy đường đường là đấng thiên tử vậy mà đi tham gia đại hội, quả thật rất khó xử, nhưng Cơ Lãng rất sợ uy lực của nước Tần, suy đi tính lại cuối cùng Cơ Lãng phải tới tham gia đại hội. Về sau Khổng Tử viết về thời Xuân Thu đã viết về chuyện này là "Thiên Tử đi săn ở Hà Dương", làm vậy cốt để giữ thể diện cho vua Chu. Tấn Văn Công trở thành bá chủ uy hiếp Trung Nguyên.

Tiếp nhận chức vị bá chủ của Tấn Công là Tần Mục Công. Tần Mục Công trọng dụng những người hiền tài như Bách Lí Hề, tăng cường sức mạnh trong nước. Vào năm 624 TCN, Tần Mục Công đã mang quân chinh phạt nước Tấn giành được thắng lợi, uy danh vang lừng, hơn 20 nước nhỏ thuộc tộc Nhung và các bộ lạc đều quy thuận nước Tần, Tần Mục Công được tôn là bá chủ của tộc Nhung ở miền Tây. Thế lực của nước Tần rất mạnh và phát triển xuống phía Đông được hơn 1000 dặm. Cơ Lãng sai sứ giả mang 12 chiếc trống đồng tặng vua Tần, điều đó cho

thấy đã công nhận địa vị bá chủ của Tần Mục Công.

Tháng 8/619 TCN, Cơ Lãng ốm chết, sau khi ông ta chết lập miếu đặt hiệu là Tương Vương.

KHOẢNH VƯƠNG (CƠ NHẬM CỰ)

(ĐÔNG CHU)

Khoảnh Vương, ông tên là Cơ Nhận Cự (?TCN - 613 TCN) là con của Tương Vương, kế vị sau khi Tương Vương chết. Trị vì 6 năm. bị bệnh chết, mai táng ở đâu không rõ.

*

Khi Cơ Nhậm Cự lên kế vị, nền tài chính của vương triều rất túng bấn, tiền làm tang cho Tương Vương cũng không đủ, Cơ Nhậm Cự đành phải sai Cơ Bá đi tới nước Lỗ vay tiền. Vua Lỗ sai Thúc Tôn Đắc Cự mang tiền tới đô thành, mới có tiền an táng cho Tương Vương. Thời gian đó là 14 tháng sau cái chết của Tương Vương.

Thời gian Cơ Nhậm Cự trị vì có chư hầu của nước Trâu (nay là phía Đông nam huyện Trâu tỉnh Sơn Đông) là Trâu Văn Công. Năm 614 TCN, Trâu Văn Công chuẩn bị dời đô đến Dịch Sơn (nay thuộc phía nam huyện Trâu tỉnh Sơn Đông). Các cận thần khuyên Trâu Văn Công "việc dời đô có lợi cho dân, nhưng lại có hại cho đại vương, sẽ làm tổn hại tới tuổi thọ". Thời đó, người ta rất tin vào bói toán, đều cản trở việc dời đô. Trâu Văn Công nói: "Quân vương phải lấy dân làm gốc và quân vương do dân lập nên để thay họ tìm kế mưu sinh, nếu như việc dời đô là có lợi cho dân thì chuyện đó nên làm". Trâu Văn Công nhất định dời đô đến Dịch Sơn. Quả thật không lâu sau Trâu Văn Công bị bệnh chết, phù hợp với lời tiên đoán, mọi người đều ca ngợi công đức của Trâu Văn Công.

Mùa thu năm 613 TCN, Cơ Nhậm Cự ốm chết, sau khi ông ta chết lập miếu đặt hiệu là Khoảng Vương.

KHUÔNG VƯƠNG (CƠ BAN)

(ĐÔNG CHU)

Khuông Vương, tên ông là Cơ Ban (?TCN-607 TCN). Là con của Khoảnh Vương, kế vị sau khi Khoảnh Vương chết, trị vị được 6 năm, bị bệnh chết, mai táng ở đâu không rõ.

*

Thời Cơ Ban trị vì thời Chu không phát sinh chuyện gì nên không cần kể ra ở đây.

Thời đó quốc quân của nước Tần là Tống Linh Công, trong cung điện của Tấn Linh Công xảy ra câu chuyện Triệu Kiên, một câu chuyện nổi tiếng trong lịch sử. Hóa ra, Tấm Linh Công là một người thích hưởng lạc, không chịu lo liệu quản lý quốc gia. Ông ta rất thích làm những điều ác độc, ông ta thường dùng cung tên bắn vào đầu người khác làm cho máu chảy ròng ròng thấy mọi người chạy đông chạy tây để ẩn nấp ông ta rất thích thú vô cùng. Có một lần, đầu bếp không có món tay gấu rán để dâng cho ông ta ăn, Tấn Linh Công liền sai người giết chết đầu bếp, dùng chiếu đắp và sai cung nữ kéo đi. Đại thần chấp chính là Triệu Kiên nhiều lần khuyên giải ông ta nhất định không nghe, Tấn Linh Công liền sai võ sĩ Trừ Ni đi mưu sát Triệu Kiên. Trừ Ni đi đến nhà Triệu Kiên, nhìn thấy TRiệu Kiên ngồi quỳ ở cửa phòng, mặc triều phục, đang phủ phục đội Tấn Linh Công thiết triều. Thấy vậy Trừ Ni rất cảm động nói: "Đối với quân vương không quên sự tôn kính, là một người tốt thay dân điều hành mọi chuyện. Nếu giết Triệu Kiên thì có lỗi với muôn dân, nếu không giết thì Linh Công sẽ không bỏ qua cho mình. Cả hai cách đều không được, chi bằng tôi chọn cái chết". Trừ Ni treo cổ trên cây Hòe trong cung

đình. Tấn Linh Công thấy việc không thành, giả vờ mời Triệu Kiên ăn yến tiệc và mai táng cho Trừ Ni, lại tìm kế giết Triệu Kiên, không ngờ Triệu Kiên biết chuyện tìm cách trốn đi. Về sau, em của Triệu Kiên là Triệu Xuyến giết Tấn Linh Công lúc đó Triệu Kiên mới dám quay về đô thành.

Tháng 10/607 TCN, Cơ Ban bị ốm chết. Sai khi ông ta chết lập miếu đặt hiệu là Khuông Vương.

ĐỊNH VƯƠNG (CƠ DU)

(ĐÔNG CHU)

Định Vương tên ông ta là Cơ Du (?TCN - 586 TCN) là con của Khuông Vương, kế vị sau khi Khuông Vương chết, trị vì 21 năm. Tháng 11/586 TCN) bị ốm chết, mai táng ở đâu không rõ.

*

Thời gian Cơ Du trị vì, triều Chu cũng không có gì xảy ra nên cũng không cần kể. Lúc này, nước Sở dưới sự trị vì của Sở Trang Vương tình hình trong nước rất ổn định kinh tế giàu mạnh. Sở Trang Vương trong 3 năm đầu kế vị, không lo lắng việc nước, cuộc sống ngập sâu vào ăn chơi trụy lạc. Sau đó nghe lời khuyên giải của các cư thần, Sở Trang Vương dần dần tỉnh ngộ. Trang Vương bắt dầu chỉnh đốn triều đình thực hiện cải cách, mở rộng quân đội. Từ đó làm cho đất nước ngày một hưng thịnh, đi tiêu diệt một số nước nhỏ. Mùa xuân năm 613 TCN, Sở Trang Vương đem quân đi chinh phục tộc Nhung sống ở đất Hỗn (nay thuộc phía Bắc huyện Tung tỉnh Hà Nam). Sau chuyện này, quân Sở còn tổ chức duyệt binh ở biên giới nước Chu để tỏ rõ uy lực, khiến Cơ Du lo lắng sai đại thần Vương Tôn Mãn đi hỏi thăm tình hình quân Sở. Sở Trang Vương còn hỏi thăm Vương Tôn Mãn về trọng lượng của 9 cái đình đặt trong tông miếu của đô thành nhà Chu. 9 cái đình đó là tượng trưng cho quyền lực của thiên tử. Hỏi thăm trọng lượng của 9 cái đình đồng nghĩa với chuyện nhòm ngó đến quyền lực địa vị của thiên tử. Qua một hồi nói chuyện thương lượng, Sở Trang Vương mới lui quân đi. Câu chuyện này trong sách sử gọi là "Hỏi thăm chiếc đình ở Trung Nguyên". Sau khi dẹp xong nội chiến Sở Trang Vương mang quân đi thu phục các nước nhỏ và hàng phục nước Trần, nước Tống. Năm 597 TCN trong trận chiến ở vùng đất Tất (nay thuộc phía Đông thành phố Trịnh Châu tỉnh Hà Nam). Sở Trang Vương chiếm giữ được 600 chiến xa của nước Tấn và ông ta được tôn làm bá chủ (là một trong 5 bá chủ thời Xuân Thu).

Cùng lúc đó, Triệu Kiên (người nước Tấn) bị ốm chết, con trai là Triệu Sóc nên thay quyền, phụ giúp Tấn Cảnh Công. Sủng thần của Tấn Linh Công là Đồ Thiết Yếu vì muốn báo thù cho Tấn Linh Công nên đã kích động xúi giục các tướng sĩ "Triệu Kiên là người phạm trọng tội, nếu như con trai của ông ta là đại thần của triều đình, thì làm sao chúng ta có thể hài lòng được" và mang quân lính bao vây nhà Triệu Sóc, giết chết cả nhà Triệu Sóc và giết Triệu Sóc. Vợ của Triệu Sóc chị gái của Tần Thành Công, tên là Trang Cơ được gặp may miễn tội chết. Lúc này Trang Cơ đang mang thai, ẩn trốn trong cung của Tần Cảnh Công, không lâu sau Trang Cơ sinh được một bé trai, biết tin Đồ Thiết Yếu vào cung muốn giết đứa bé. Trang Cơ vội giấu đứa trẻ dưới hông và bảo đứa trẻ: "Nếu hôm nay trời muốn diệt nhà họ Triệu thì con khóc, nếu trời không muốn diệt nhà họ Triệu thì con đừng khóc". Đứa bé quả nhiên không khóc, cuối cùng cũng thoát được bàn tay của Đồ Thiết Yếu. Triệu Sóc có một môn khách tên là Chử Cửu, Chử Cửu hỏi bạn của Triệu Sóc là Trình Anh: "Nuôi nấng đứa trẻ mồ côi này hay giết nó đi, hai điều đó đều nào là dễ". Trình Anh trả lời: "Giết thì dễ, nuôi dưỡng trưởng thành mới là điều khó". Chử Cửu nói: "Tướng quân chịu trách nhiệm làm chuyện khó, tôi chịu trách nhiệm làm chuyện dễ, để tôi mang cái chết đi đã". Chử Cửu mang con trai mình trốn lên núi, sau đó để Trình Anh đi báo với Đỗ Thiết Yếu, nói con trai của Triệu Sóc đang trốn trên núi. Đỗ Thiết Yếu vui mừng khôn xiết, lập tức sai người theo Trình Anh lên núi giết chết Chử Cửu và con trai Chử Cửu. Như vậy, đứa con của Triệu Sóc được an toàn. Trịnh anh mang đứa bé trốn vào trong núi, đặt tên cho nó là Triệu Vũ.

Tháng 11 năm 586 TCN, Cơ Du bị ốm chết. Sau khi Cơ Du chết, lập miếu đặt hiếu là Định Vương.

GIẢN VƯƠNG (CƠ DI)

(ĐÔNG CHU)

Giản Vương, tên ông ta là Cơ Di (? TCN -572 TCN) là con của Định Vương, kế vị sau khi Định Vương chết. Trị vì 14 năm, bị ốm chết, mai táng ở đâu không rõ.

*

Thời Cơ Di trị vì, triều Chu không phát sinh chuyện gì, không cần kể ra.

Lúc này, Tấn Cảnh Công đã dẹp yên phản loạn sai người đi tìm Trình Anh và Triệu Vũ, còn cho phép Trình Anh mang quân đi giết Đỗ Thiết Yếu và cả nhà Đỗ Thiết Yếu để báo thù cho Triệu Vũ. Triệu Vũ sau khi trưởng thành lại kế nhiệm chức vụ của cha, la2m một trọng thần của nước Tấn. Lúc này, Trình Anh từ biệt mọi người và nói với Triệu Vũ: "Điều khó trước đây cha nhận bây giờ đã hoàn thành, Cha chưa lấy cái chết để tỏ lòng trung thực bởi vì muốn nuôi dưỡng con, giữ gìn giọt máu cho nhà họ Triệu. Bây giờ thù lớn con đã trả và con còn kế nghiệp được cha để của con. Cha đã báo đáp được ân huệ của cha con và hoàn thành tâm nguyện của Chú Chử Cửu". Nói xong ông tự vẫn. Triệu Vũ rất đau khổ, và chịu tang 3 năm, mỗi năm vào 2 mùa xuân thu đều đến mộ cúng tế.

Thời đó, ngoài cuộc hỗn chiến giữa các nước Tấn, Sở, Tần, Tống, Trịnh, thì nước Ngô thuộc phía Đông Nam của nước Sở cũng hưng thịnh dần dần, vài lần đánh vào nước Sở và cũng được liệt vào cuộc hỗn chiến thời Xuân Thu.

Tháng 9/570 TCN, Cơ Di bị ốm chết, sau khi ông ta chết lập miếu đặt hiệu là Giản Vương.

LINH VƯƠNG (CƠ TIẾT TÂM)

Linh Vương, ông tên là Cơ Tiết Tâm (? TCN-545 TCN) con của Giản Vương, kế vị sau khi Giản Vương chết. Vì thương con nhỏ chết yểu nên đau khổ mà chết, mai táng ở núi Chu (nay là núi Ba Đình nước Tây Nam thành phố Lạc Dương tỉnh Hà Nam), một chuyện khác nói mai táng ở núi Linh Sơn (nay thuộc huyện Nghị Dương, tỉnh Hà Nam).

*

Tháng 7 năm 546 TCN vào thời gian Cơ Tiết Tâm trị vì, đại phu nước Tống gợi ý cho hai nước Tần, Sở mở đại hội ở Thượng Khâu (đô thành nước Tống) (nay thuộc thành phố Thượng Khâu tỉnh Hà Nam), điều đình về cuộc chiến giữa hai nước Tấn, Sở; cho mời những đại phu có thế lực ở 10 nước: Tấn, Sở, Tống, Lỗ, Vệ, Trấn, Trịnh, Tào, Hứa, Thái... tham gia đại hội. Đại hội quyết định chấm dứt cuộc chiến tranh giữa các nước, tôn vua của hai nước Tấn, Sở cùng làm bá chủ, phân chia quyền lợi, ai phá hoại hiệp nghị, các nước sẽ cùng trừng phạt. Đại hội này trong sử gọi là "Đại hội liên minh về những điều mật trong quân đội".

Hơn 10 năm sau đại hội liên minh do nước Sở mãi lo đối phó với nước Ngô, nước Tấn chú ý mọi chuyện trong nước nên hai nước đó không còn binh lực để chinh chiến, đo đó 10 quốc gia thuộc hội liên minh không phát sinh chiến tranh. Tuy vậy cuộc chiến tranh tranh quyền đoạt vị trong nội bộ các nước vẫn là một cái nhọt nhức nhối luôn luôn xảy ra các cuộc đấu đá. Đại hội liên minh chính là cột mốc phân chia hai giai đoạn thời Xuân Thu. Trước khi diễn ra đại hội lấy sự thân tình giữa các nước chư hầu làm chính, sau đại hội lấy sự thân tình giữa đại phu trong nội bộ các nước làm chính. Xã hội các nước đang chuẩn bị chuyển sang một trang vở mới, mâu thuẫn giai cấp ngày càng gay gắt. Năm 555 TCN ở nước Trịnh đại thần Tử Khổng lên chấp

chính, ông ta rất chuyên quyền, nhân dân không bằng lòng và dưới sự chỉ huy của Tử Triển, Tử Tây quân lính đã giết chết Tử Khổng. Cùng năm đó, quốc quân của nước Cử là Tất Công bức hại nhân dân, bị mọi người căm ghét và vùng lên đấu tranh giết chết ông ta. Năm 550 TCN, ở nước Trấn, quý tộc Khánh Thị bắt ép thứ dân xây thành trì. Lúc xây thành trì, dùng hình phạt nghiêm khắc, đích thân Khánh Thị giám sát và đốc thúc chuyện xây dựng, những thứ dân nào lười nhác hoặc không làm ông ta thường giết chết. Bị dồn ép quá nhiều khiến dân chúng nổi dậy, giết chết Khánh Hổ và Khánh Dần. Cuộc khởi nghĩa này làm cho quý tộc nước Trấn kinh hãi, không dám chèn ép họ.

Con trưởng của Cơ Tiết Tâm tên là Cơ Tấn vốn rất thông minh rất thích thổi sáo, anh ta có thể thổi những khúc nhạc giống như tiếng chim phượng hoàng kêu. Làm cho người nghe say mê. Cơ Tiết Tâm rất yêu quý Co Tấn đòi lập Cơ Tấn làm thái tử. Không ngờ thái tử năm 17 tuổi bị bệnh chết, Cơ Tiết Tâmặc đau thương khôn xiết, Truyền thuyết nói có người thấy Linh Vương bị thương như vậy, lo lắng sẽ tổn hại đến sức khỏe của Linh Vương, liền lợi dụng sự mê tín để khuyên giải ông ta: "Bây giờ thái tử đang ở trên Câu Lĩnh cưỡi hạc trắng ngồi thổi sáo. Thái tử muốn nhắn nhủ với vua cha, không cần phải thương tiếc, thái tử đi theo các vị tiên cư trú trên núi, sống rất vui vẻ."

Không ngờ, nghe xong tin đó, Cơ Tiết Tâm càng nhớ thương con trai, ngày đêm khóc lóc, tinh thần suy sụp.

Vào một đêm của tháng 11/545 TCN, Cơ Tiết Tâm mơ mơ tỉnh tỉnh thấy con trai cưỡi hạc đón ông ta. Sau khi tỉnh dậy Cơ Tiết Tâm nói: "Con trai tôi đến đón tôi, tôi cần phải đi". Và truyền ngôi cho con thứ là Cơ Quý. Ông bị bệnh chết. Sau khi ông ta chết, lập miếu lấy hiệu là Linh Vương.

CẢNH VƯƠNG (CƠ QUÝ)

Cảnh Vương, ông tên là Cơ Quý (? TCN - 520 TCN). Ông là con thứ hai của Linh Vương. Kế vị sau khi Linh Vương chết. Trị vì 25 năm, bị ốm chết, mai táng ở Địch Tuyền (nay thuộc thành phố Lạc Dương tỉnh Hà Nam)

*

Cơ Quý lên trị vì, nền tài chính khốn khó, các dụng cụ đồ dùng đều phải đi xin xỏ ở các nước. Có một lần, ông ta mở tiệc rượu mời đại thần nước Tấn là Tuần Lục đến dự, chỉ vào bình rượu nước Lỗ mang tặng nói: "Các nước đều có đồ vật tặng vương thất, tại sao chỉ có nước Tấn là không tặng gì?". Viên quan tháp tùng Tuần Lực tên là Tịch Đàm trả lời: "Lúc nước Tấn mới được thành lập, vương Triều không tặng gì cả, bây giờ nước Tấn phải lo đối phó với tộc Nhung nên không có lễ vật mang đến." Cơ Quý liệt kê ra những đồ mà triều Chu cho nước Tấn, châm biếm Tịch Đàm không hiểu rõ về những lịch sử của tổ tông. Đây chính là lai lịch của câu thành ngữ "Kể điển quên nguồn". Câu chuyện nầy nói rõ, những năm đầu thời Xuân Thu vương triều còn có đồ đựng để cho Chư hầu, thời này ngược lại phải dựa vào chư hầu xin xỏ đồ dùng, uy lực của thiên tử đã bị sa sút ghê gớm.

Trong thời gian Cơ Quý trị vì, đại thần chấp chính nước Trịnh là Tử Sản (còn gọi là Công Tôn Kiều, tên tự là Tử Mĩ) ông cho thực hiện cải cách chỉnh đốn chế độ ruộng đất, thừa nhận ruộng đất tư hữu, biên chế nhà cửa cho nông dân, giảm nhẹ tô thuế. Tử Sản còn đúc một cái đỉnh sắt nặng hơn 200 kg ghi chép trên đó những văn chương chế định mới, thành quả trong cải cách, đặt chiếc đỉnh đó ở cửa lớn của cung Vua, để bà con trăm họ đều biết hình pháp mới. Chiếc đỉnh này rất nổi tiếng trong lịch sử. Do những điều lệ mới hạn chế hành vi của quý tộc, động chạm tới lợi ích của quý tộc, vì vậy các quý tộc liền sáng tác một ca khúc tỏ ý thương xót tài sản của họ, đại ý lời ca là: "Tôi phải đem cất giấu quần áo đẹp đi và đem tài sản ruộng đất phân tán đi. Ai muốn đi giết Tử Sản, tôi nhất định ủng hộ".

Tử Sản nghe xong lời ca đã nói: "Chỉ cần có lợi cho quốc gia, tôi chết cũng cam lòng, còn việc cải cách không thể bỏ dở giữa chừng". Vài năm sau, công việc cải cách đã có hiệu quả đáng mừng, nhân dân nước Trịnh đã dùng lời ca để cảm tạ Tử Sản, đại ý lời ca là: "Con cháu, anh em của chúng tôi đều được Tử Sản dạy bảo, tài sản của chúng tôi đã được Tử Sản giúp tăng nên nhiều lần, nếu Tử Sản chết, không có ai tốt bằng ông ta".

Tử Sản chấp chính 20 năm giúp cho nội bộ nước Trịnh ổn định, sản xuất phát triển, về mặt đối ngoại luôn giữ được uy tín với các chư hầu khác khiến cho các nước lớn không dám coi thường nước Trịnh là một nước nhỏ bé.

Năm 522 TCN, người chấp chính nước Trịnh là Tử Đại Thúc, ông ta áp bức nhân dân. Dồn dân chúng đến tập trung ở đất Hoàn Phó (nay thuộc tỉnh Hà Nam). Tử Đại Thúc cùng với quý tộc chỉ nô lệ mộ ra cuộc đấu tranh vũ trang. Sau này dưới sự ép buộc của Tử Đại Thức, những tay sai của ông ta bị chết hết trong cuộc chiến áp bức dân chúng.

Thời Cơ Quý trị vì, lập con trai của vợ cả làm thái tử, nhưng về sau Cơ Quý lại sủng ái con cả của vợ lẽ là Cơ Triều. Tháng 4/520 TCN Cơ Quý bị bệnh nặng, đã cho mời đại phu Mãnh Tân đến nhà và lập Cơ Triều lên ngôi. Cơ Triều chưa kịp đăng quang thì Cơ Quý đã chết.

Sau khi ông ta chết lập miếu đặt hiệu là Cảnh Vương.

ĐIẾU VƯƠNG (CƠ MÃNH)

(ĐÔNG CHU)

Điếu Vương, ông tên là Cơ Mãnh (? TCN -520 TCN) là con thứ ba của vợ cả Cảnh Vương, kế vị sau khi Cảnh Vương chết. Trị vì 6 tháng thì ốm chết, mai táng ở đâu không rõ.

*

Thời Cảnh Vương trị vì, anh trưởng của Cơ Mãnh bị chết yểu, nên lập Cơ Mãnh làm thái tử nhưng về sau Cảnh Vương lại sủng ái con trưởng của vợ lẽ tên là Cơ Triều, vì vậy trong lúc bị bệnh nặng đã gọi đại phu Mãnh Tân, đến nhờ vả giúp Cơ Triều lên ngôi nhưng ý định chưa kịp thực hiện thì Cảnh Vương chết. Sau khi Cảnh Vương chết, hai quý tộc là Lưu Quyển và Đơn Kỳ đã giết chết Mãnh Tân và lập Cơ Mãnh làm vua.

Sau khi Cơ Mãnh lên ngôi, Cơ Triều rất ghen tức. Cơ Triều liến vứt bỏ chức vị đi chỗ khác ở, không sống trong cung và dẫn một số binh sĩ làm phản tranh đoạt ngôi vua với anh. Lưu Quyển bị đánh bại phải chạy trốn, Đơn Kỳ bảo vệ Cơ Mãnh ở trong cung. Vây cánh của Cơ Triều đột nhập vào cung, đuổi bắt Cơ Mãnh. Đơn Kỳ đột phá vòng vây chạy thoát,vây cánh của Cơ Triều bắt giữ được Cơ Mãnh nhưng không đuổi bắt được Đơn Kỳ. Chạy được nửa đường, Đơn Kỳ gặp Tịch Đàm và Tuấn Lạc (do vua Tấn sai đi) mang quân tới ứng cứu Cơ Mãnh, bảo vệ Cơ Mãnh về đất Vương Thành (nay thuộc phía Đông Bắc thành phố Lạc Dương tỉnh Hà Nam). Không lâu sau sai lính đón Cơ Mãnh về đô thành. Tháng 10 năm đó, Cơ Mãnh ốm chết.

Sau khi ông ta chết, lập miếu đặt hiệu là Điếu Vương.

VƯƠNG TỬ (CƠ TRIỀU)

(ĐÔNG CHU)

Vương Tử, ông tên là Cơ Triều (? TCN -505 TCN). Cảnh Vương sủng ái con cả của vợ lẽ là Cơ Triều, sau khi Cảnh Vương chết, Điếu Vương lên kế vị, Cơ Triều đã làm loạn. Điếu Vương chết, Kính Vương kế vị. Cơ Triều lại đuổi Kính Vương, tự mình lên ngôi. Sau đó đã bị ám sát chết, mai táng ở đâu không rõ.

*

Cơ Triều, Cảnh Vương lúc còn sống rất sủng ái, ông ta muốn lập Cơ Triều làm thái tử mà không thực hiện được dự định. Sau khi Cảnh Vương chết, các quý tộc Lưu Quyển, Đơn Kỳ đã lập Cơ Mãnh làm vua. Cơ Triều liên kết với các đại thần và dẫn binh lính làm phản, bắt giữ Điếu Vương, chiếm giữ đô thành. Sau khi Điếu Vương chết, Kính Vương lên kế vị, Cơ Triều lại bắt giữ Kính Vương, tự mình nên ngôi, người thời đó gọi ông ta là "Tây Vương".

Năm 516 TCN, Cơ Triều bị quân Tấn đánh bại nên đã mang toàn bộ sách cổ và một số quý tộc chạy tới nước Sở. Mùa xuân năm 505, Kính Vương được nước Ngô giúp sức đã có cơ hội đánh nước Sở và Kính Vương sai quân ám sát Cơ Triều.

Trong sách sử gọi Cơ Triều là Vương Tử Triều.

KÍNH VƯƠNG (CƠ CÁI)

Kính Vương, ông tên là Cơ Cái (? TCN - 476 TCN). Con thứ của Cảnh Vương, em trai của Điếu Vương, kế vị sau khi Điếu Vương chết, trị vì 44 năm, bị bệnh chết, mai táng ở Tam Nhâm Lăng (nay thuộc phía đông nam thành phố Lạc Dương tỉnh Hà Nam).

*

Sau khi Điếu Vương chết, Lưu Quyển, Đơn Kỳ đã lập Cơ Cái nên kế vị, cư trú ở Địch Tuyền, dân chúng gọi ông ta là Đông Vương.

Thời gian Cơ Kính trị vì, nước Ngô cũng hưng thịnh dần dần, nước Ngô tích cực tham gia vào cuộc chiến tranh giành chức vị bá chủ. Năm 515 TCN, con của Ngô Vương Chư Phàn là Công Tử Quang được sự giúp đỡ của Ngũ Tử Tư đã chạy trốn khỏi nước Sở, Công Tử Quang xúi giục các tướng sĩ giấu quân giáo trong lòng thuyền đánh cá đợi cơ hội. Khi nào mở yến tiệc sẽ xông ra cướp lương thực, Công Tử Quang còn mưu sát em họ lúc đó đang là vua nước Ngô, đoạt quyền. Công Tử Quang đăng quang, trong sử sách gọi là Ngô Vương Hà Lừa.

Sau khi Hà Lừa làm vua, dưới những mưu kế của Ngũ Tử Tư đã đem quân đánh nước Sở, quân đội của nước Ngô rất mạnh khiến quân Sở phải đầu hàng vô điều kiện. Năm 500 TCN Hà Lừa đã cử Tôn Vũ (người nước Tấn) làm tướng quân dẫn lính đi chinh phạt nước Sở và bắt được vô số tù binh, đánh vào đô thành Ảnh của nước Sở (nay thuộc phía Bắc thành phố Giang Lãng tỉnh Hà Bắc), khiến Sở Chiêu Vương phải chạy trốn. Đại thần của nước Sở là Giáp Bao Tự thấy vua Sở phải trốn chạy nên đã tới nước Tấn xin mang quân đánh giúp. Tần Ai Công do dự không giúp khiến Giáp Bao Tự phải quỳ ngoài cửa cung khóc lóc 7 ngày 7 đêm, không ăn không uống, chuyện đó làm Tần Ai Công cảm động đã hạ lệnh xuất quân giúp nước Sở. Cuộc chiến kéo dài vài tháng, thêm vào đó nước Ngô lại xảy ra nội chiến do đó nước Sở mới đánh bại được nước Ngô. Sở Chiêu Vương quay về đô thành Ảnh, lo sợ quân Ngô lại tấn công nên sai dời đô đến đất Nhược (nay thuộc phía Đông Nam thành phố Nghị, tỉnh Hà Bắc). Trận chiến tranh giữa nước Ngô và Sở kéo dài hơn 10 tháng, trong sử gọi là "cuộc chiến ở kinh thành Ảnh của hai nước Ngô Sở"

Năm 496 TCN, nhân cơ hội vua nước Việt chết, con trai là Câu Tiễn lên kế vị, mặc dù Ngũ Tử Tư đã khuyên can nhưng Hà Lừa vẫn mang quân đi đánh nước Việt, Câu Tiễn đã đưa quân đi chặn, quân lính hai bên đánh nhau ở đất Túy Quý (nay thuộc phía Tây Nam thành phố Gia Hưng tỉnh Chiết Giang). Quân Ngô phòng thủ nghiêm chỉnh, Câu Tiễn hai lần cho đội quân cảm tử (dám chết) đi đánh xung phong nhưng đều bị thất bại, sau đó ông ta nghĩ ra một mưu mẹo ra lệnh cho 3 đội quân tự kề dao găm vào cổ mình hướng về phía mỗi binh lính trong đội quân Ngô hét: "Hai quân đánh trận, chúng tôi vì vi phạm quốc lệnh, không xứng làm một quân nhân, cần phải lấy cái chết để chuộc tội". Hét xong, lần lượt tự vẫn. Cảnh tượng thương tâm này làm cảm động quân Ngô, khiến họ dao động tâm tư. Quân Việt thừa cơ xông ra chiến đấu khiến

quân Ngô bị thất bại nặng nề, Hà Lừa cũng bị tướng lĩnh nước Việt chặt đứt một chân và chết trên đường về cung. Con trai của Hà Lừa là Phù Sai nên kế vị, Phù Sai thề báo thù cho cha. Cuộc chiến tranh này sử sách gọi là "Cuộc chiến trên đất Túy Quý của hai nước Ngô Việt".

Hai năm sau (497 TCN), Phù Sai cho Ngũ Tử Tư làm đại tướng, Bài Thất làm phó tướng, dốc toàn bộ quân đội không nghe lời khuyên của Phạm Lãi và Văn Chủng, vẫn mang quân đi nghênh chiến, chặn đánh ở đất Phu Tiêu (Nay thuộc núi Thái Hồ Tiêu tỉnh Giang Tô), bị quân Ngô đánh cho đại bại. Câu Tiễn thống lĩnh 5000 quân lính phòng thủ đô thành Hội Kê, bị quân Ngô bao vây. Lúc này Việt Vương Câu Tiễn đành nghe lời khuyên của Văn Chủng, lấy lễ vật cống tiến xin đầu hàng. Ngũ Tử Tư khuyên Phù Sai giết Câu Tiễn diệt nước Việt để trừ hậu họa về sau; Bá Thất do nhận của hối lộ của nước Việt nên cản trở ý định của Mã Tử Tư và nói với Phu Biệt tha mạng cho Câu Tiễn. Phù Sai chấp nhận yêu cầu của Bá Thất đồng ý cho vua nước Việt được bảo toàn mạng sống.

Sau khi nước Việt đầu hàng, Câu Tiễn cùng vợ và hơn 300 quân thần bị giải đến nước Ngô. Câu Tiễn bị bắt làm người chăn ngựa, còn vợ ông ta bị sai quét phòng thất. Họ sống trong phòng tối ăn đói mặc rách, khổ ải vô cùng. Qua 3 năm, Câu Tiễn được thả về nước Việt. Từ đó quần thần của Câu Tiễn vạch ra kế hoạch phục thù, họ đưa ra khẩu hiệu "10 năm nếm mật 10 năm giáo huấn". Một mặt khác luôn mang mĩ nữ như Tây Thi, Trịnh Đán và châu báu đến cống hiến Phu Biệt, mục đích dùng phương pháp mỹ nhân kế để đánh đố Phù Sai; một mặt khác tích cực phát triển sản xuất, chỉnh đốn nội chính, chiêu tập nhân tài, tăng cường quân đội, đợi chờ thời cơ đánh nước Ngô. Để làm gương cho mọi người Câu Tiễn sống cũng rất kham khổ; sống ở nhà cỏ, ăn cơm nhạt, uống nước sông, ở trước cửa nhà còn treo một miếng mật đắng, lúc đi ra đi vào đều phải nếm để nhắc nhở bản thân mình không được quên những những ngày khổ nhục và chí hướng phục quốc. Nước Việt dần dần được khôi phục, nền kinh tế ngày một phát triển.

Ngũ Tử Tư thấy Phù Sai thả Câu Tiễn đúng là "thả hổ về rừng", lại khuyên can Phù Sai nên diệt nước Việt, giết Câu Tiễn. Nhưng Phu Biệt không nghe, thêm vào đó là những lời xu nịnh của Bá Thất, Phu Biệt bắt Ngũ Tử Tư tự vẫn, Ngũ Tử Tư ngửa mặt lên trời nói: "Sau khi tôi chết, hãy móc hai mắt của tôi treo ở cửa phía Tây thành Cô Tô (nay là thành phố Tô Châu tỉnh Giang Tô), tôi muốn nhìn quân Việt đánh vào thành Cô Tô".

Năm 482 TCN, Câu Tiễn lợi dụng cơ hội Phu Biệt đi đến Hoàng Chì (nay là phía Tây Nam huyện Phong Khâu tỉnh Hà Nam) dự đại hội liên minh với các nước: Tấn, Lỗ; Câu Tiễn đã dẫn 50000 đánh nước Ngô. Nghe được tin này Phù Sai vội vã quay về cung, bị Câu Tiễn bắt phải giảng hòa.

4 năm sau, Câu Tiễn lại đánh nước Ngô, và một lần nữa lại đánh được vào thành Cô Tô. Mùa đông năm 473 TCN, quân Việt 3 lần đánh vào thành Cô Tô, Phù Sai bị bao vây trên núi Cô Tô (nay là phía Tây Nam thành phố Tô Châu huyện Giang Tô) và đành phải xin đầu hàng làm sứ thần. Nhưng Phạm Lãi cản trở Câu Tiễn không đồng ý với điều kiện đó. Phù Sai quá hối hận và xấu hổ vì không nghe lời của Ngũ Tử Tư, vả lại nước Việt không đồng ý tha mạng nên đã tự sát.

Thời Cơ Cái trị vì, vào năm 478 TCN, các thợ thủ công nghiệp nước Vệ do không chịu nổi sự chèn ép của Vệ Trang Công, đã nổi dậy đấu tranh, bao vây cung vua. Vệ Trang Công cầu xin tha mạng nhưng không được, đành phải mang thái tử Tật và công tử Thanh nhẩy qua tường trốn chạy ra ngoại bị gãy chân. Lúc người Nhung Châu sống ở gần đô thành nước Vệ nghe tin Vệ Trang Công bị thương cũng chạy đến muốn giết chết thái tử Tật và công tử Thanh. Vệ Trang Công chạy vào nhà Dĩ Thị (người Nhung Châu), cầu khẩn nói: "Hãy cứu giúp tôi, tôi sẽ mang vàng bạc tới tạ ơn anh". Vợ của Dĩ Thị một lần bị Vệ Trang Công cắt mái tóc của cô ta đưa cho vợ mình làm tóc giả lúc này cũng tức giận hét lên: "Tôi sẽ giết chết ông", nói xong liền giết chết Vệ Trang Công. Cuộc bạo động của các thợ thủ công cũng đánh động vào sự thống trị của quý tộc chủ nô lệ nước Vệ, làm cho bọn chúng sợ hãi kinh hoàng.

Thời Cơ Cái trị vì, nhà tư tưởng nhà giáo dục cổ đại Trung Quốc là Khổng Tử cũng sống ở thời kỳ này vào những năm trung tuổi ông rất bận rộn. Khổng Tử tên là Khâu, người Châu Ấp (nước Lỗ) (nay là phía Đông Nam huyện Khúc Phụ tỉnh Sơn Đông) Khổng Tử đề ra chủ trương chính trị và những căn cứ lý luận để bảo vệ sự sụp đổ của chế độ nô lệ. Về sau, tư tưởng bảo thủ của Khổng Tử đã bị giai cấp thống trị phong kiến lợi dụng trở thành công cụ tinh thần bảo hộ chế độ phong kiến và thống trị nhân dân. Khổng Tử mở trường học tư, mở rộng đối tượng giáo dục, trong tư tưởng giáo dục và phương pháp dạy học cũng tích lũy được nhiều kinh nghiệm có ích. Vào những năm cuối đời ông viết được những quyển sách quý như "Thượng Thư", "Xuân Thu", "Thơ Kinh" những bộ sách quý này là đóng góp quan trọng trong việc bảo tồn và phát triển di sản văn hóa cổ đại Trung Quốc.

Trong thời gian Kính Vương trị vì luôn luôn đánh nhau với Tây Vương Cơ Triều để giành giật ngôi vị. 6 năm sau, nhờ sự giúp đỡ của quân Tấn, Kính Vương đã đánh bại Cơ Triều, củng cố được vương vị.

Sau khi Cơ Cái chết lập miếu đặt hiệu là Kính Vương.

Phụ lục:

NĂM BÁ CHỦ THỜI XUÂN THU

(Năm 770 TCN - 476 TCN)

1. Tề Hoàn Công

Tên ông ta là: Khương Tiểu Bạch (? TCN - TCN). Là con trai của Tề Li Công, em trai của Tề Tương Công. Bị Tương mưu hại nhưng không thành. Hoàn Công phải trốn chạy. Sau khi Tương Công bị giết mới dám quay về nước Tề cướp đoạt vương vị. Trị vì 43 năm, bị bệnh mất vào tháng 12 năm 643 TCN. Năm người con của ông ta tranh nhau ngôi vị nên dẫn đến nội chiến, do đó ông ta chết 67 ngày mới được mai táng, thân thể có dòi, dòi bọ bò hết ra ngoài cửa. Mai táng ở ngoại ô Bất Minh.

2. Tống Tương Công

Tên ông ta là Từ Phụ (? TCN - 637 TCN), con trai của Tống Hoàn Công. Kế vị sau khi Tống Hoàn Công. Trì vì 14 năm. Từng cùng Tề Hoàn Công tham gia đại hội liên minh cở Đăng Khâu. Tề Hoàn Công chết, nước Tề xảy ra nội chiến, Tống Hoàn Công mang quân đi can thiệp, có ý đồ thay thế chức vị bá chủ, ngược lại trong đại hội thì Trịnh Thành Vương chiếm ưu thế. Sau khi giải thích lý do vì sao không được ngôi vị bá chủ ông ta mang quân đi chinh phạt nước Trịnh. Tháng 11 năm 638 TCN trong cuộc chiến ở sông Hoằng Thủy, do không có tài năng chỉ huy nên bị thua trận, bị thương rồi chết. Mai táng ở Bất Minh.

3. Tấn Văn Công

Tên ông ta là Cơ Trọng Nhĩ (697 TCN - 698 TCN). Là con trai của Tấn Hiến Công, là chú của Tấn Hoại Công. Ông ta bị mẹ ghẻ làm hại phải sống lưu vong ở bên ngoài 19 năm. Về sau được Tấn Mục Công mang quân hộ tống về nước Tấn lập làm quốc quân. Trị vì được 9 năm. Ông ta đã trọng dụng những người như: Triệu Suy dẹp yên nội chiến, chỉnh đốn pháp luật, dẹp loạn cho vương triều Chu. Trong trận chiến ở đất Thành đánh bại quân Sở, mở đại hội chư hầu và xưng bá. Bị ốm chết vào mùa đông năm 628 TCN, thọ 70 tuổi. Mai táng ở ngoại ô Bất Minh.

4. Tần Mục Công

Tên ông ta là: Doanh Nhậm hảo (? TCN - 621 TCN). Con của Tần Thánh Công. Kế vị sau khi Tần Thành Công chết. Trị vì được 39 năm. Ông ta trọng dụng những người như: Bách Lí Hề, lợi

dụng quan hệ hôn nhân để can thiệp vào nội bộ nước Tấn, có ý đồ mở đường tranh chức vị bá chủ Trung Nguyên. Nhân cơ hội Tấn Văn Công chết đã mang quân tập kích nước Tấn, không ngờ gặp quân Tần phục kích, bị thua lớn. Sau chuyện này chuyển đổi hướng tấn công sang phía Tây, mở rộng lãnh thổ, xưng bá ở Tây Nhung. Bị chết vào mùa hạ năm 621 TCN, mai táng ở Ung (nay thuộc tỉnh Thiểm Tây).

5. Sở Trang Vương

Tên ông ta là: Mễ Thu (? TCN - 591 TCN). Con của Sở Mục Vương, kế vị sau khi Sở Mục Vương chết, trị vì 23 năm, bị bệnh chết vào năm 591 TCN. Mai táng ở ngoại ô Bất Minh.

6. Ngô Vương

Tên ông ta là: Lạc Hà, còn có một tên khác là Cơ Quang (? TCN - 496 TCN), con của Ngô Vương Chư Phàn, anh họ của Ngô Vương Liêu ông ta sai người mưu sát Liêu sau đó đoạt ngôi vị. Trị vì 19 năm. Năm 496 TCN trong trận chiến ở Túy Quý bị thương và chết.

7. Việt Vương

Tên là Câu Tiễn (? TCN - 469 TCN), con của Việt Vương Doãn Đường, kế vị sau khi cha chết. Trị vì 32 năm. Bị bệnh chết vào năm 465 TCN, mai táng ở ngoại ô Bất Minh.

Chú ý:

Có thuyết nói Ngã Bá là Tề Hoàn Công, Tống Tương Công, Tấn Văn Công, Tấn Hứa Công, Trịnh Trang Vương.

Có một thuyết khác nói Ngũ Bá là những người: Tề Hoàn Công, Tấn Văn Công, Trịnh Trang Vương, Ngô Vương, Việt Vương.

THỜI KỲ CHIẾN QUỐC

(Năm 475 TCN - năm 256 TCN, tổng cộng: 220 năm Thời chiến quốc chỉ đến năm 221 TCN).

Thời Chiến Quốc là thời kỳ mở màn cho xã hội phong kiến. Trải qua thời kỳ xuân thu kéo dài đăng đẵng, khiến cho hàng trăm nước chư hầu bị thôn tính, thế lực của vương triều Chu ngày càng suy thoái. Thậm chí vào những năm đầu thời Chiến Quốc, số lượng các nước chư hầu đã không còn nhiều, chủ yếu có 7 nước: Tần, Tề, Yên, Sở, Triệu. Ngụy, Hán trong lịch sử gọi là "Thất hùng" (7 nước mạnh). Giai cấp địa chủ cũ mới trong các nước chư hầu đều tranh giành chính quyền, tiến hành cải cách, dần dần thiết lập nên chế độ phong kiến. Giữa 7 nước lại xảy ra cuộc chiến tranh thôn tính nhau. Nước Tần ở phía Tây đã sửa đổi cải cách, ngày càng hưng thịnh, trở thành nước chư hầu phong kiến tiên tiến nhất. Nước Tần vận dụng một loạt thủ đoạn trong: quân sự, chính trị, ngoại giao... trải qua sự cố gắng lâu dài cuối cùng đã diệt vong 6 nước kia, thống nhất Trung Quốc.

NGUYÊN VƯƠNG (CƠ NHÂN)

Nguyên Vương; tên của ông ta là Cơ Nhân (? TCN - 469 TCN). Con của Kính Vương. Kế vị sau khi Kính Vương chết. Trị vì 7 năm, bị bệnh chết. Mai táng ở ngoại ô Bất Minh.

*

Năm mà Cơ Nhân lên kế vị (475 TCN), lịch sử Trung Quốc bước vào thời kỳ Chiến Quốc.

Trong thời gian Cơ Nhân trị vì, sau khi Việt Vương Câu Tiễn diệt vong nước Ngô, đã dẫn đại quân vượt qua sông Hoài Hà, mở đại hội liên minh ở đất Thư (nay thuộc tỉnh phía Nam huyện Đẳng tỉnh Sơn Đông), tham gia đại hội gồm có các nước: Tề, Tấn, Lỗ, Tống. Sau đại hội, Câu Tiễn sai người mang cống phẩm đến cho Cơ Nhân, Cơ Nhân cũng tặng lại Câu Tiễn thịt để cúng tế tổ tiên và sắc phong cho Câu Tiễn làm bá, thừa nhận địa vị Câu Tiễn là có khả năng thống lĩnh các nước chư hầu và công nhận Câu Tiễn trở thành bá chủ.

Năm 469 TCN, các thợ thủ công ở nước Vệ lại chịu không nổi sự áp bức kìm kẹp, nên đã nổi dậy khởi nghĩa lần thứ hai, đánh bại Vệ Chư Triếp, khiến Vệ Chư Triếp phải sống lưu vong ở bên ngoài, cuối cùng chết ở nước Việt. Hai lần nước Vệ xảy ra bạo động, khiến cho hai vị quốc quân: một người bị giết, một người chạy trốn, đủ cho thấy sự thống trị của chủ nô lệ sắp bị sụp đổ. Sau khi Cơ Nhân chết lập miếu đặt hiệu là Nguyên Vương.

CHINH ĐỊNH VƯƠNG (CƠ GIỚI)

(ĐÔNG CHU)

Chinh Định Vương, tên của ông ta là Cơ Giới (? TCN - 441 TCN), là con của Nguyên Vương. Kế vị sau khi Nguyên Vương chết. Trị vì 28 năm, ốm chết, mai táng ở ngoại ô Bất Minh.

*

Vào năm 453 TCN, thời gian Cơ Giới trị vì, 3 đại phu nước Tấn là Triệu Tương Tử, Hán Khang Tử, Ngụy Hoàn Tử lần lượt thôn tính loại bỏ các quý tộc khác và cùng nhau loại bỏ nhà quý tộc cuối cùng là Tri Bá, trên thực tế hình thành 3 quốc gia (Triệu, Hán, Ngụy), thực ra quốc quân nước Tấn là U Công muốn phân chia ra như vậy để bắt 3 nước Triệu, Hán, Ngụy phải nộp cống phẩm. Điều đó nói rõ: ở nước Tấn thế lực mới đã chiến thắng thế lực cũ.

Mùa xuân năm 441 TCN, Cơ Giới ốm chết. Sau khi ông ta chết lập miếu đặt hiệu là Chinh Định Vương.

AI VƯƠNG (CƠ KHỨ TẬT)

(ĐÔNG CHU)

Ai Vương, tên ông ta là: Cơ Khứ Tật (? TCN - 441 TCN) là con cả của Chinh Định Vương. Kế vị sau khi Chinh Định Vương chết. Trị vì được 3 tháng, bị em trai là Cơ Thúc giết chết. Mai táng ở ngoại ô Bất Minh.

*

Sau khi Cơ Khứ Tật chết, lấy thụy hiệu là Ai Vương.

TƯ VƯƠNG (CƠ THÚC)

(ĐÔNG CHU)

Tư Vương, tên của ông ta là Cơ Thúc (? TCN - 441 TCN) là con của Chinh Định Vương, em của Ai Vương. Ông ta giết anh để đoạt ngôi. Trị vì được 5 tháng. Tháng 8/441 lại bị em trai là Cơ Nguy giết. Mai táng ở ngoại ô Bất Minh.

*

Sau khi Cơ Thúc chết lấy thụy hiệu là Tư Vương.

KHẢO VƯƠNG (CƠ NGUY)

(ĐÔNG CHU)

Khảo Vương, tên ông ta là Cơ Nguy (? TCN - 420 TCN). Con của Chinh Định Vương, giết anh để đoạt ngôi. Trị vì 15 năm, bị bệnh chết. Mai táng ở ngoại ô Bất Minh.

*

Thời gian Cơ Nguy trị vì, phong cho em trai là Cơ Kiết đất ở Vương Thành. Làm chức vụ của Chu Công, trong lịch sử gọi Vương Thành là Chu Hoàn Công. Mọi người gọi nước này là "Tây Chu".

Chu Hoàn Công chết, truyền ngôi cho con là Uy Công. Uy Công chết truyền ngôi cho Cơ Huệ. Cơ Huệ là con trưởng của Uy Công trong lịch sử gọi Cơ Huệ là Tây Chu Công. Huệ Công chia đất cho em trai là Tử Ban ở vùng Củng (nay thuộc phía Tây Nam huyện Củng tỉnh Hà Nam), trong sử sách gọi Tử Ban là "Đông Chu". Như vậy trong lãnh địa của vương thất nhà Chu lại thiết lập hai nước nhỏ là "Đông Chu" "Tây Chu"

Sau khi Cơ Nguy chết lập miếu đặt hiệu là Khảo Vương.

UY LIÊT VƯƠNG (CƠ NGƯU)

Uy Liệt Vương, tên ông ta là Cơ Ngưu (? TCN - 402 TCN), là con của Khảo Vương. Kế vị sau khi cha chết. Trị vì 24 năm, ốm chết. Mai táng ở thành phố Lạc Dương tỉnh Hà Nam.

Năm 403, Cơ Ngưu đã sắc phong chư hầu cho 3 nước: Ngụy, Triệu, Yên.

Quốc quân của nước Ngụy là Ngụy Văn Chư Tư. Ông sai nhà chính Quý Tư tìm biện pháp sửa đổi nền chính trị, công cuộc cải cách đó làm cho nước Ngụy phục hồi nhanh chóng và ngày một đi lên, trở thành một trong những nước mạnh thời Chiến Quốc.

Quốc quân nước Triệu là Liệt Chu cũng trọng dụng những người hiền tài, chỉnh đốn nền chính trị, đề cao bộ máy thống trị, tiết kiệm tài chính... khiến nước Triệu cũng dần dần đi lên.

Năm 402TCN, Cơ Ngưu bị ốm chết. Sau khi ông ta chết lập miếu đặt hiệu là Uy Liệt Vương.

AN VƯƠNG (CƠ KIÊU)

An Vương: tên của ông ta là: Cơ Kiêu (? TCN - 376 TCN), là con của Uy Liệt Vương, kế vị sau khi cha chết. Trị vì 26 năm, bị bệnh chết. Mai táng ở ngoại ô Bất Minh.

*

Trong thời gian Cơ Kiêu trị vì, năm 391 TCN thừa tướng nước Tề là Điềm Hòa đã ép buộc quốc quân nước Tề là Khang Công tới Hải Thượng, chỉ giữ lại một phần đất trong thành để làm kho lương thực cho Khang Công. Trên thực tế Điền Hòa trở thành quốc quân nước Tề. Năm 386 TCN, Cơ Kiêu phong cho Điền Hòa làm chư hầu nước Tề. Điều đó chứng tỏ thế lực phong kiến mới của nước Tề đã thay thế thế lực cũ.

Cùng lúc đó, quốc quân nước Sở là Điều Vương. Vào năm 382, Điều Vương đã trọng dụng Ngô Khởi (nước Vệ) là 1 nhà quân sự, chính trị có tài năng xuất chúng, theo kế sách của Ngô Khởi đưa ra, Điều Vương đã cho chỉnh đốn nền chính trị, tăng cường chế độ tập quyền trung ương, cải thiện tài chính, tăng cường lực lượng quân sự. Những chuyện này đã đánh đổ thế lực cũ khiến tốc độ phát triển kinh tế của nước Sở ngày một đi lên, hơn nữa đã bắt tay hòa bình với nước Việt ở phía Nam, diệt hai nước Trần, Thái ở phía Bắc, đánh bại nước Ngụy. Nhưng năm thứ hai sau khi Sở Điều Vương chết, bọn quý tộc cũ coi sự cải cách này là kẻ thù nên đã nổi lên làm loạn, và đã bắn chết Ngô Khởi, phế bỏ nền chính trị mới làm cho sự phát triển xã hội bị cản trở thậm chí ba nước Sở không đủ tư cách để thống nhất 6 nước, cuối cùng cũng bị nước Tần diệt vong.

Năm 376 TCN, 3 nước là Hán, Triệu, Ngụy cùng nhau ép buộc quốc quân nước Tấn là Câu Tửu xuống làm thứ dân, chỉ cho Câu Tửu một miếng đất nhỏ và tên tuổi của Câu Tửu bị lãng quên trong lòng nhân dân nước Tấn.

Cũng năm đó, Cơ Kiêu bị ốm chết.

Sau khi Cơ Kiêu chết, lập miếu lậy hiệu là An Vương.

LIỆT VƯƠNG (CƠ HỈ)

(ĐÔNG CHU)

Liệt Vương, tên của ông ta là Cơ Hỉ (? TCN - 369 TCN) là con của An Vương, kế vị sau khi cha chết. Trị vì 7 năm, bị ốm chết. An táng ở ngoại ô Bất Minh.

Thời gian Cơ Hỉ trị vì cũng là thời gian cuối cùng của Tần Hiến Công trong công việc trị nước. Tần Hiến Công trong thời gian trị vì đã phế bỏ chế độ tuẫn táng (chôn nô lệ, thê thiếp, của cải theo người chết), dời đô thành từ đất Ung chuyển về Lạc Dương (nay là thành phố Lâm Đồng tỉnh Thiểm Tây), và tiếp thu những ảnh hưởng văn hóa tiên tiến, bãi bỏ những ảnh hưởng của thế lực quý tộc cũ, chỉnh đốn nội bộ, tăng cường quyền lực của vương thất. Ông ta còn chỉnh lý hộ tịch, chỉnh đốn quân đội, chú ý phát triển kinh tế. Năm 371 TCN, Tần Hiến Công mang quân đi đánh 6 tòa thành của nước Hàn, đây cũng là điểm mở đầu cho việc phát triển theo hướng Đông của nhà Tần.

Năm 369 TCN, Cơ Hỉ bị ốm chết. Sau khi ông ta chết lập miếu đặt hiệu là Liệt Vương.

HIỀN VƯƠNG (CƠ BIỂN)

Hiển Vương, tên của ông ta là: Cơ Hiển (? TCN - 321 TCN), là con của An Vương, em của Liệt Vương. Kế vị sau khi Liệt Vương chết. Trị vì 8 năm. Bị bệnh chết. Mai táng ở ngoại ô Bất Minh.

*

Cơ Biển trong thời gian trị vì, sự thay đổi pháp chế của các nước chư hầu đã phát triển đến đỉnh cao. Năm 356 TCN, Tề Chư Điền Nhân đã trọng dụng những người có tài, ví dụ như Trâu Kị, Điền Kị. Tề Chư thực hiện công cuộc cải cách quốc gia. Để mở rộng việc dân phê bình đóng góp ý kiến, Tề Chư đã ra lệnh cho dù là đại thần hay dân đen đều có thể chỉ ra lỗi lầm, những việc làm không đúng của Tề Chư, nếu nói đúng sẽ được trọng thưởng. Mệnh lệnh vừa ban ra, chỉ trong vài tháng đã có rất nhiều người đến đóng góp ý kiến khiến Tề Chư thu thập được nhiều ý kiến của bà con trăm họ. Để chỉnh đốn nền chính trị, Tề Chư nhiều lần hỏi các hạ thần: Các quan lại địa phương ai là người tốt, ai là người xấu? Không ít người nói đại phu ở huyện Hà (nay thuộc phía Đông Bắc huyện Dương Dung tỉnh Sơn Đông) là vị quan tốt nhất, và quan ở huyện Hắc (nay thuộc phía Đông Nam huyện Bình Độ tỉnh Sơn Đông) là người hư hỏng nhất. Tề Chư sai người điều tra thực tế, hóa ra tình hình lại ngược lại: ruộng đất ở huyện Hà rất hoang vu, nhân dân ăn đói mặc rét, phần nợ mà không dám kêu than; ngược lại ở huyện Hắc tình hình trị an ổn định, lợn, trâu, dê, ngựa, gà, chó đầy chuồng, nhân dân an cư lạc nghiệp. Hóa ra, viên quan ở huyện Hà ức hiếp người dưới xiểm nịnh người trên, đưa hối lộ để các đại thần nói tốt về mình lật đen thành trắng. Còn viên quan ở huyện Hắc công chính liêm minh không đưa hối lộ thường phỉ báng các quan lại. Tề Chư đã trách mắng nặng nề viên quan ở huyện Hà, khép ông ta và những người nhận hối lộ của ông ta và tội chết, tặng thưởng cho viên quan ở huyện Hắc, đưa cho ông ta bổng lộc của một vạn hộ dân. Cách làm của Tề Chư rất được lòng dân khiến mọi người đều trung thành với nhiệm vụ, không dám làm điều xấu. Tề Chư còn tuyển chọn những người tài giỏi, sắp xếp làm các nhiệm vụ quan trọng. Không lâu sau, nước Tề trở thành một quốc gia hùng mạnh có nền kinh tế, chính trị ổn định.

Trong thời gian Cơ Biển trị vì, nước Tề và nước Ngụy có hai chiến dịch nổi tiếng.

+ Chiến dịch 1 gọi là: "Chiến dịch Quế Lăng" xảy ra vào năm 353 TCN. Quân Ngụy dưới sự lãnh đạo của chủ tướng Bàng Quyên đã bao vây đô thành Hàm Đan của nước Triệu (nay là thành phố Hàm Đan tỉnh Hà Bắc). Nước Triệu phải cầu cứu nhờ nước Tề giúp đỡ. Tề Chư sai Điền Kị làm chủ tướng và nhà quân sự kiệt xuất là Tôn Tẫn làm quân sư, dẫn đại quân đi giúp nước Triệu. Quân Tề dưới những mưu sách kế hoạch của Tôn Tẫn bao vây cửa khẩu Tang Dương (nay thuộc huyện Hoài tỉnh Hà Nam), một cửa khẩu quan trọng của đô thành Đại Lương của nước Ngụy (nay là thành phố Khai Phong tỉnh Hà Nam), quân Ngụy biết tin vội vàng lui binh quay về giải cứu, quân Tề mai phục ở Quế Lăng (nay thuộc phía Đông Bắc huyện Hà Tranh tỉnh Sơn Đông) đánh quân Ngụy tan tác. Chiến thuật này, người đời sau gọi là: "vây Ngụy cứu Triệu".

+ Chiến dịch 2 gọi là: "Chiến dịch Mã Lăng" phát sinh vào năm 341 TCN. Chủ tướng Bàng Quyên dẫn quân đánh chiếm nước Hàn, nước Hàn đành nhờ nước Tề giúp đỡ. Vua Tề sai Điền Kị, Điền Nhi làm tướng, sai Tôn Tẫn làm quân sư, mang quân đi giải vây cho nước Hàn, lấy đô thành Đại Lương của nước Ngụy. Vua Ngụy sai thái tử Thân làm chủ tướng. Bàng Quyên làm phó tướng, thống lĩnh đại quân công phá quân Tề. Tôn Tẫn để làm mê hoặc gây mối nghi ngờ cho quân địch nên ra lệnh cho binh lính:

- Ngày đầu tiên đốt 10 vạn bếp lửa.

- Ngày thứ hai đốt 5 vạn bếp lửa.

- Ngày thứ ba đốt 2 vạn bếp lửa.

Phương pháp mỗi ngày một giảm bớt bếp lửa để giả vờ quân Tề đã chạy trốn hết, phải cho quân Ngụy dẫn quân truy kích. Sau đó quân Tề mai phục ở Mã Lăng (nay thuộc phía Đông Nam

huyện Đại Danh Hà Bắc) đánh bại quân Ngụy, giết Bàng Quyên bắt giữ thái tử Thân. Chiến thuật gây mối nghi ngờ cho quân địch được người sau gọi là "tăng quân nhưng giảm bếp".

Năm thứ ba sau chiến dịch Quế Lăng nước Tề xưng vương, trong sử sách gọi là "Tề Uy Vương". Trước đó nước Ngụy đã xưng vương, tiếp đó các nước Tần, Hàn, Triệu, Yên cũng lần lượt xưng vương, để tỏ ra mình cao hơn các chư hầu khác, cơ bản bọn họ coi thiên tử Chu không ra gì.

Sở dĩ nước Tề ngày một hưng thịnh là do trọng dụng nhân tài. Có một lần, Ngụy Huệ Vương khoe khang với Tề Uy Vương nói mình có một viên ngọc Minh Châu quý báu có thể chiếu sáng khắp nơi và Ngụy Huệ Vương hỏi Tề Uy Vương có quốc bảo gì. Tề Uy Vương chỉ tay vào một loạt văn thần võ tướng nói: "Đây chính là quốc bảo của nước tôi". Điều đó làm cho Ngụy Huệ Vương bẽ mặt không dám nói gì.

Lúc này ở nước Tần do Tần Hiếu Công chấp chính. Vào năm 359 TCN, Tần Hiếu Công sai ông Thương Ương (người nước Vệ) sửa đổi pháp chế. Trước khi sửa đổi pháp chế, Thương Ương muốn dân dân tin tưởng vào nhà nước, tuân thủ pháp chế mới nên Thương Ương ra lệnh cho binh lính dựng một cây gỗ ở cửa Nam của đô thành Ung (nay thuộc tỉnh Thiểm Tây) và treo giải 10 lạng vàng cho ai có thể chuyển cây gỗ về cửa phía Bắc. Dân chúng ai cũng nghĩ đây là một chuyện dễ làm, ai cũng đến thử nhưng đều không chuyển được. Thương Ương lại tăng phần thưởng lên 50 lạng vàng, có một người đem cây gỗ đó chuyển được đến cửa phía Bắc. Thương Ương liền sai phát thưởng cho người đó. Từ đó dân chúng rất tin tưởng vào bộ máy quan lại chính quyền. Tiếp đó, Thương Ương hai lần tuyên bố pháp chế mới, công bố phá bỏ chế độ cũ, phế bỏ ruộng đất của chủ nô lệ, thừa nhận ruộng đất tư hữu, cho phép mua bán, coi trọng nông nghiệp, đồng thời cũng cổ vũ thương nghiệp, khuyến khích trồng trọt dệt lụa; thiết lập chế độ chính trị tập quyền trung ương và sự thống trị của giai cấp địa chủ. Những biện pháp này thực hiện được vài năm thì có hiệu quả đáng mừng, dân chúng tự cấp tự túc, xã hội ổn định, nếu như có sự tranh chấp cũng không dám gây ẩu đả mà phải nhờ tới chính quyền phân xử, nếu có chiến tranh đều dũng cảm ra trận, tranh nhau lập công.

Trong thời gian sửa đổi pháp chế, bọn quý tộc cũ nhiều lần cản trở, phản đối. Thái tử Đối Đầu vi phạm pháp luật, để duy trì bảo vệ pháp chế mới, Thương Ương đã cắt mũi thầy giáo của thái tử vì tội dạy dỗ học trò không nên người, con cháu của quan lại hư hỏng thì lấy mực đen thích chữ lên mặt, bảo đảm sự nghiêm minh của nền pháp chế mới. Về sau Tần Hiếu Công chết thái tử lên kế vị gọi là Tần Huệ Vương. Lúc này thế lực của bọn quý tộc cũ lại dội lên đấu tranh và bọn họ giết chết Thương Ương. Nhưng, nền pháp chế mới của Thương Ương đưa ra đã bám rễ không thể sửa đổi, kinh tế của nước Tần ngày một đi lên, từ một quốc gia nghèo nàn lạc hậu trở thành một nước mạnh nhất trong 7 nước (về sau này diệt vong 6 nước kia thống nhất Trung Quốc).

Nước Hàn là một quốc gia yếu kém. Hàn Chiêu Chư thấy các nước khác sửa đổi nền pháp chế đều hưng thịnh, nền kinh tế một hùng mạnh nên cũng học hỏi theo họ. Vào năm 351 TCN, đã cử Thân Bất Hại (người nước Trịnh) làm tể tướng, thực hiện cải cách và dần dần nền kinh tế nước Hàn cũng giàu mạnh không kém gì các nước khác.

7 nước thời Chiến Quốc đều tiến hành sửa đổi pháp chế, mở ra cuộc chiến tranh thôn tính mãnh liệt.

Năm 321 TCN, Cơ Biển bị ốm chết. Sau khi ông ta chết lập miếu lấy hiệu là Hiển Vương.

THẬN KÍNH VƯƠNG (CƠ ĐỊNH)

(ĐÔNG CHU)

Thận Kính Vương, tên ông ta là:Cơ Định (? TCN - 315 TCN), con của Hiển Vương, kế vị sau

khi Hiển Vương chết. Trị vì được 6 năm, bị bệnh chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Trong thời gian Cơ Định trị vì, 7 nước đều tự bảo tồn, đứng vững bằng chính sức lực của mình, mỗi nước đều tự tìm kiếm liên minh. Có lúc vài quốc gia nhỏ yếu liên kết với nhau đánh một nước mạnh được gọi là: "Hợp tung", có lục một hoặc 2 nước mạnh liên kết với nhau (thường là nước Tần và nước Tề) đánh một nước nhỏ yếu, được gọi là "Liên hoành". Có một số nhà diễn thuyết nghiên cứu tình hình của thiên hạ đã đi tới các quốc gia, khuyên các quốc quân nên tiến hành "hợp tung", hoặc "liên hoành", trong lịch sử gọi họ là "nhà tung hoành". Để loại bỏ sự đe dọa của nước Tần (lúc đó được coi là mạnh nhất) đối với các nước khác nên vào năm 318 TCN, tướng công nước Ngụy là Tôn Diễn khởi xướng chiến dịch: 5 nước hợp sức với nhau cùng đánh nước Tần, 5 nước đó là Ngụy, Triệu, Hàn, Sở, Yên và bầu vua nước Sở làm chủ soái. Cũng vào năm đó, liên quân 5 nước tấn công cửa ải Hàm Cốc (nay thuộc huyện Linh Bảo tỉnh Hà Nam), xuất quân chặn đánh, liên quân bị đánh tan tác. Năm thứ hai, quân Tần và liên quân 3 nước (Hàn, Triệu, Ngụy) lại đánh nhau ở Tu Ngư (nay thuộc phía Tây huyện Nguyên Dương tỉnh Hà Nam), quân Tần giết được 80000 người, giành được chiến thắng, đánh bại được sự liên hợp của liên quân năm nước.

Năm 316 TCN, quân Tần diệt vong được hai nước nhỏ là: nước Ba và nước Thục (nay thuộc tỉnh Tứ Xuyên), đón tiếp một số lớn dân di cư và chiếm lĩnh hẳn hai nước Ba và Thục, giành được ưu thế chiến lược thuận lợi cho việc đánh chiếm nước Sở về sau này, lãnh thổ nước Tần chạy từ phía Đông sông Trường Giang xuống hạ lưu sông Trường Giang.

Năm 315 TCN, Cơ Định bị ốm chết, sau khi ông ta chết lập miếu đặt hiệu là Thận Kính Vương.

NOÃN VƯƠNG (CƠ DIÊN)

(ĐÔNG CHU)

Noãn Vương: tên của ông ta là: Cơ Diên (? TCN - 256 TCN), con của Thận Kính Vương, kế vị sau khi Thận Kính Vương chết. Trị vì 59 năm, bị bệnh chết, mai táng ở bờ phía bắc sông Khai Khiên (nay thuộc tỉnh Hà Nam).

*

Thời gian Cơ Diên trị vì, nước Tần chuẩn bì mở các cuộc chinh phạt lớn, ở phía Nam tấn công nước Sở, ở phía Đông tấn công 3 nước (Hàn, Triệu, Ngụy), mở rộng khu vực Trung Nguyên.

Năm 306 TCN sau khi nước Sở diệt vong nước Việt, nước Sở hầu như đã chiếm giữ toàn bộ miền Nam Trung Quốc, trở thành một nước lớn nhất trong 7 nước về mặt địa lý, dân số và binh lực, có điều kiện thuận lợi tiêu diệt 6 nước kia thống nhất Trung Quốc. Tuy vậy do thất bại trong thay đổi pháp chế của Ngô Khởi, thế lực của bọn quý tộc cũ rất mạnh nên đã kìm hãm sự phát triển của nước Sở và bị trở thành đối tượng tiêu diệt của nước Tần. Để đối phó với nước Tần nên hai nước Sở và Tề liên kết với nhau. Để phá vỡ thế lực liên minh hai nước Sở - Tề, có cơ hội thanh toán từng nước một nên vào năm 313 TCN vua Tần đã sai nhà diễn thuyết Trung Nghị đi đến nước Sở và thương lượng với Sở Hoài Vương, nếu như Sở Hoài Vương phá vỡ mối quan hệ tương giao với nước Tề thì vua Tần sẽ cho nước Sở 600 dặm đất ở vùng Thương (nay thuộc Triết Xuyên tỉnh Hồ Nam). Sở Hoài Vương không nghe lời can gián của một số quan lại tướng sĩ như: Khuất Nguyên, Trấn Đông, Chiêu Hoài... mà lại nghe lời phỉnh nịnh của một số người như: Tử Lan, Trịnh Do... đồng ý với điều kiện của Trương Nghị đưa ra, sai sứ giả đi cùng với Trương Nghị quay về nước Tần nhận đất. Trương Nghị khi quay về nước Tần trả vì bị thương ở chân đóng cửa không tiếp khách. 3 tháng sau Trương Nghị biết tin Sở và Tề đã cắt

đứt mối thâm giao mới tiếp sứ giả nước Sở và nói với sứ giả: "Đất đai của nước Tần không thể tùy tiện tặng cho người khác, lời hứa của tôi lần trước là sẽ đem 6 dặm đất trong đất đai của tôi tặng cho các anh". Sở Hoài Vương nghe được tin này, giận dữ vô cùng không cần nghe lời khuyên của Trấn Đông vội vã mang quân đánh Tần, vào năm 312 TCN đã đánh nhau với quân Tần ở vùng đất Đan Dương (nay thuộc phía bắc Đan Giang tỉnh Hà Nam) "Quân Sở thua trận, chủ tướng Khuất Cái và phó tướng cùng với hơn 70 người bị bắt giữ, 80000 binh lính bị tử trận, quân Hán Trung bị nước Tần chiếm lĩnh. Sở Hoài Vương cay cú vô cùng dốc toàn bộ lực lượng đi đánh Tần, quân Tần và quân Sở đánh nhau trên đất Lam Điền (nay thuộc huyện Lam Điền tỉnh Thiểm Tây), quân Sở lại thua trận. Nhân cơ hội này nước Hàn và nước Ngụy cũng xuất binh đánh nước Sở. Nước Sở bị tấn công dồn ép từ hai phía, đành xin cầu hòa với nước Tần. Một thời gian sau, nước Tần lại chuẩn bị binh lực tấn công 3 nước Hàn, Triệu, Ngụy. Nước Sở tạm thời dẹp bỏ mối đe dọa từ nước Tần, nhưng mâu thuẫn xã hội xảy ra gay gắt, vào năm 301 TCN nước Sở nổ ra cuộc khởi nghĩa nông dân, làm cho giai cấp thống trị bị đánh đổ trầm trọng.

Vào năm 299 TCN, Tần Vương lấy mối kết thân làm danh lợi, gặp Sở Hoài Vương ở Vũ Quan (nay thuộc huyện Thương Nam tỉnh Thiểm Tây). Một lần nữa Sở Hoài Vương không nghe lời cản trở của Khuất Nguyên mà nghe lời xu nịnh của Tử Lan đã quyết định đi gặp vua Tần, quả nhiên bị quân Tần bắt giữ giải về đô thành Hàm Dương. Hai năm sau, ông ta chạy trốn nhưng không thoát, do vậy buồn rầu mà chết ở nước Tần. Trước khi ông ta chết quân Tần đánh Sở, giết được 50000 lính Sở, cướp được 15 tòa thành.

Sau năm 280 TCN quân Tần tập trung binh lực đánh chiếm đất Sở và năm 278 TCN vua Tần sai tướng Bạch Khởi dẫn quân đánh vào đô thành Sính của nước Sở. Nước Sở không chống đỡ được, cuối cùng bị diệt vong. Sau khi đô thành Sính bị chiếm giữ, nhà thơ nhà chính trị yêu nước vĩ đại là Khuất Nguyên không chịu được khi nhìn cảnh tổ quốc bị diệt vong nên nhảy xuống sông Mịch La (nay thuộc phía bắc huyện Tương Ân tỉnh Hồ Nam) tự vẫn.

Cùng lúc tấn công nước Sở, nước Tần còn tấn công 3 nước (Ngụy, Hàn, Triệu). Vào năm 314 TCN, Tần nhân cơ hội đánh nước Yên đã đánh luôn Ngụy, Hàn, Triệu cướp được khá nhiều đất đai. Vào năm 308 TCN, từ cửa ải Hàm Cốc quân Tần đánh vào vùng Nghị Dương của nước Hàn tạo thành một địa thế đẹp thuận lợi cho việc đánh các nước khác về sau này. Qua vài tháng chiến đấu ác liệt, năm thứ hai quân Tần mới chiếm giữ được vùng Nghị Dương mở ra con đường lớn thông với trung nguyên. Vào năm 293 TCN, hai nước: Hàn, Ngụy liên kết với nhau đánh Tần, hai bên đánh nhau ở Y Khuyết (nay là phía Nam thành phố Lạc Dương tỉnh Hà Nam), quân Tần dưới sự chỉ huy của tướng Bạch Khởi đã chiến thắng quân địch diệt được 240000 quân, quân số của 2 nước Hàn, Ngụy bị tổn thất nặng nề. Sau đó, Tần tiếp tục đánh Hàn, Triệu, Ngụy cho đến năm 286 TCN, nước Tần đã chiếm được 1/2 đất đai của Hàn, Triệu, Ngụy.

Nước Tần ngày càng lớn mạnh làm cho Tần Chiêu Vương không còn hài lòng với danh hiệu xưng "vương" mà muốn xưng làm "đế" để tỏ rõ sự tôn nghiêm, chuẩn bị thay thế nhà Chu. Vào tháng 10/ năm 288 TCN Tần Chiêu Vương đã hẹn gặp Tề Mẫn Vương để cùng nhau đổi hiệu thành "đế", Tần là "Tây Đế" còn Tề là "Đông Đế". Tháng 12, nhà diễn thuyết Tô đã phân tích: "Tề Mẫn Vương lấy hiệu là "đế", Tần Chiêu Vương cũng lấy hiệu là "đế". Hai nước mạnh cùng làm đế, họ lộ rõ ý đồ sẽ thôn tính 5 nước, chia đôi thiên hạ". Điều này khiến 5 nước vô cùng lo lắng, gây ra hai sự kiện lớn: 5 nước sẽ cùng đánh Tần với 6 nước sẽ cùng đánh Tề. Năm nước cùng tấn công Tần là: Hàn, Triệu, Ngụy, Tề, Yên, nhưng mỗi nước lại có mục đích khác nhau, khó thống nhất làm một, cuối cùng chưa đánh đã tan. Vào năm 284 TCN. Năm 284 TCN, vua Tần tổ chức hội họp liên kết 6 nước (Yên, Tần, Sở, Triệu, Ngụy, Hàn) cùng đánh Tề, 6 nước đó quân Yên đã đánh bại quân Tề đánh chiếm được đô thành Lâm Tri của nước Tề, nước Tề chỉ còn lại đúng hai tòa thành ở đất: Cử và Hắc, vua Tề phải chạy đến đất Cử. Năm năm sau, quân Tề dưới sự chỉ huy của tướng Điền Đan bánh bại quân Yên, thu lại những vùng đất bị mất. Trải qua trận chiến này binh lực của nước Tề bị suy yếu, về sau không còn là đối thủ của nước Tần.

Nước Sở và nước Tần ngày một suy yếu, ngược lại nước Triệu ngày một mạnh lên. Vào năm 307 TCN quốc quân nước Triệu là Vũ Linh Vương cảnh báo với các nước: Yên, Đông Hồ, Lâm

Hồ, Hàn... nếu như binh lực không mạnh, tất sẽ diệt vong, nên ông ta quyết định phát triển binh lực, đưa nước Triệu đi lên. Đối thủ chính của Triệu là nhắm vào hình thế của dân du mục Tây Hồ. Vũ Linh Vương quyết định gây dựng một đội kị binh hùng mạnh. Lúc đó người Triệu hay mặc áo dài, ống tay rộng lưng hẹp, cổ hẹp, ăn mặc như vậy không phù hợp với việc cưỡi ngựa đánh trận. Vua Triệu cho sửa đổi phục trang để làm gương cho binh lính, ông ta mặc áo triều bào cũng mặc áo ngắn tay hẹp. Rất nhiều quý tộc lại cho rằng như thế là quay lưng vào lễ giáo, đại nghịch vô đạo. Triệu Vũ Linh Vương đã thuyết phục được Công tử Thành (là một người rất có ảnh hưởng trong giới quý tộc) mặc theo kiểu mới, sau đó hạ lệnh một cách nghiêm túc: tất cả thần dân đều phải mặc theo kiểu mới: áo ngắn, tay hẹp, cuối cùng ông cũng xây dựng được một đội kị binh cưỡi ngựa bắn tên rất hùng mạnh. Điều đó nói rõ các dân tộc của Trung Quốc học nhau cách bỏ dài lấy ngắn, phong tục tập quán cũng dần dần được tiếp cận và thay đổi. Nước Triệu ỷ vào quân kị binh nên liên tiếp xuất binh đánh trận đến năm 296, nước Triệu diệt vong nước Trung Sơn (nay là phía Bắc tỉnh Hà Bắc). Lãnh thổ được mở rộng, quân đội hùng mạnh, kinh tế dồi dào và nước Triệu trở thành một đối thủ hùng mạnh của nước Tần.

Năm 262 TCN, nước Tần đánh nước Hàn, nước Hàn muốn giữ quận Thượng Đảng nên đầu hàng Triệu dâng cho Triệu 17 tòa thành. Hai năm sau, quân Tần mới lấy được quận Thượng Đảng, sau đó tiến đánh Trường Bình (nay là huyện Cao Bình tỉnh Sơn Tây), tướng quân nước Triệu là Liêm Pha cố thủ không ra đánh chặn quân Tần. Quân Tần thấy không đánh được Trường Bình bèn tung tin nhảm nhí nói xấu Liêm Pha muốn đầu hàng Tần. Vua Triệu hồ đồ tin vào lời đồn đò nên sai Triệu Quát một người không có kinh nghiệm chiến trận lại kiêu căng, làm thống lĩnh thay thế Liêm Pha. Triệu Quát không theo chiến thuật của Liêm Pha cứ nhất định mang quân ra đánh với Tần. Quân Tần dưới sự chỉ huy của Bạch Khởi đã nhử Triệu Quát vào trận địa của họ, bao vây quân Triệu. Quân Triệu bị bao vây hơn 40 ngày, lương thảo cạn kiệt, Triệu Quát dẫn một đội quân tinh nhuệ đột phá vòng vây và bị bắn chết, quân Triệu hơn 400000 người phải đầu hàng Tần. Bạch Khởi lo sẽ xảy ra bạo động nên chỉ phóng thích cho 240 đứa trẻ, còn lại đều giết hết. Chiến dịch này trong lịch sử gọi là "Trận chiến ở Trường Bình". Điều đó làm cho nước Triệu bị tổn thất nặng nề về quân số, khó lòng vực lại được. Triệu Quát không có tài cán đã gây ra sự diệt vong cho quân đội và tổn hại đến bản thân mình và đây cũng là nguồn gốc câu thành ngữ "Bàn việc dụng binh trên giấy" tức là bàn luận vô căn cứ.

Thời gian Cơ Diên trị vì, vương thất nhà Chu cũng suy yếu, địa bàn thống trị của Chu chỉ có 30, 40 tòa thành, hơn 30000 dân. Đã thế lại còn chia ra "Đông Chu" do Đông Chu Công quản và "Tây Chu" do Tây Chu Công quản. Cơ Diên cư trú ở "Tây Chu" gọi là (Vương Thành). Lúc này nước Tần đã chiếm khá nhiều đất đai của 3 nước: Hàn, Ngụy, Triệu và còn muốn thu phục triều Chu. Cơ Diên sống trong lo âu sợ có ngày bị nước Tần bắt giữ. Lúc này, nước Sở muốn ngăn chặn sự phát triển thế lực của nước Tần nên đã sai sứ giả đến mời Cơ Diên làm thiên tử (chỉ trên danh nghĩa mà thôi), hạ lệnh cho các nước hợp sức cùng đánh Tần. Cơ Diên nhận được tin này vui mừng khôn xiết ra lệnh cho Tây Chu Công thành lập một đội quân gồm có 5000 người, nhưng quân đội lại thiếu vũ khí, lương thảo. Cơ Diên đành phải kêu gọi những gia đình giàu có cho mượn tạm tiền bạc, lương thực hứa hẹn sẽ trả lại sau khi đánh thắng nước Tần.

Năm 256 TCN, sau khi chuẩn bị đầy đủ Cơ Diên hạ lệnh cho Tây Chu Công làm đại tướng, dẫn quân đi đánh nước Tần và hẹp gặp sứ giả 6 nước ở Y Khuyết, cùng nhau tiến đánh Tần. Không ngờ, chỉ có binh lính của hai nước Sở, Yên đến chỗ hẹn, còn lại 4 nước kia đều không đến, tổng số binh lính hội họp ở Y Khuyết chỉ có vài vạn người kém xa quân số của quân Tần và càng không phải là đối thủ của Tần. Họ chờ mãi, chờ đến 3 tháng cũng không thấy binh mã của 4 nước đến do vậy khí thế của quân lính giảm sút, Tây Chu đành phải dẫn quân quay về.

Các hộ giàu có thấy "Tây Chu" trở về đều liên tiếp đến đòi nợ Cơ Diên. Họ tập trung từ sáng đến tối, một mực đòi nợ. Cơ Diên hối hận thì đã muộn không có cách gì trả nợ đành phải trốn ở trên một cái đài cao ở sau cung điện. Người ở triều Chu gọi cái đài này là "đài trốn nợ".

Sau đó, quân Tần tấn công vùng Dương Thành (nay thuộc phía Nam huyện Đăng Phong tỉnh Hà Nam và vùng Phụ Thủ (nay thuộc phía Tây Nam huyện Đăng Phong tỉnh Hà Nam), tiếp đó

tiến đánh Vương Thành (triều Đông Chu) Cơ Diên hoảng hốt định chạy đến nước Hàn hoặc nước Ngụy. Tây Chu Công khuyên giải nói "Tần đã thôn tính 6 nước, sức mạnh của Tần mạnh như vũ bão, nước Hàn, nước Ngụy cũng khó lòng tránh được, nếu như đại vương chạy đến đó chẳng may bị bắt làm tù binh thì tình hình còn xấu hơn nhiều, chi bằng đầu hàng luôn kết quả sẽ khả quan hơn". Cơ Diên đành phải theo lời khuyên của "Tây Chu" và dẫn đầu các hạ thần, tông thất đến cùng tế tổ tiên, xin lỗi vì không giữ được cơ nghiệp. Ba ngày sau đến đầu hàng quân Tần. Tần Chiêu Tương Vương cho Cơ Diên làm Chu Công, ra lệnh cho Cơ Diên cư trú ở Lương Thành (nay là phía Nam huyện Hán Thành tỉnh Thiểm Tây), vua Tần còn lấy di "Cửu Đỉnh" bảo vật quý tượng trưng cho quyền lực quốc gia. Từ đó, Đông Chu tuyên bố bị diệt vong.

Cơ Diên lúc đó đã già, phải đi đất Chu sang đất Tần rồi sang đất Lương, cuối cùng không chịu được vất vả nên đến thành Lương không được 1 tháng thì ốm chết.

Sau khi ông ta chết lấy thụy hiệu là Noãn Vương.

NHỮNG QUỐC QUÂN QUAN TRỌNG TRONG 7 NƯỚC Ở THỜI CHIẾN QUỐC

(Năm 175 TCN - năm 256 TCN)

1. Ngụy Văn Chư

Tên của ông ta là Ngụy Tư (? TCN - 396 TCN). Là người sáng lập ra nước Ngụy. Trị vì được 50 năm, trong thời gian Ngụy Tư trị vì thường thu nạp nhân tài, ví dụ: ông đã cử Quý Lý làm tể tướng, Ngộ Khởi làm tướng. Ông còn thực hiện cải cách, khuyến khích, cày ruộng chú ý làm thủy lợi - Ở phía Tây chiếm được vùng đất Hà Tây (của nước Tần) (vùng đất nằm giữa sông Lạc Thủy và Hoàng Hà), ở phía Bắc diệt vong nước Trung Sơn (nay là 1 dải ở huyện Đinh tỉnh Hà Bắc), đưa nước Ngụy trở thành một quốc gia hùng mạnh vào những năm đầu thời Chiến Quốc.

Năm 396 TCN, Ngụy Tư bị ốm chết, mai táng ở đâu không rõ.

Ngụy Tư trong sử gọi là Ngụy Văn Chư.

2. Ngụy Huệ Vương

Còn gọi là Lương Huệ Vương. Tên của ông ta là Ngụy Bảo (? TCN - 319 TCN). Cháu của Ngụy Văn Chư. Năm 370 Ngụy Vũ Chư bị bệnh chết, ông ta lên kế vị. Trị vì được 51 năm. Trong những năm Ngụy Bảo trị vì, nước Ngụy rất hưng thịnh, ông ta dời đô từ An Ấp (phía Bắc huyện Hạ tỉnh Sơn Tây) đến Đại Lương, từ đó trong lịch sử còn gọi nước Ngụy là nước Lương. Năm 344, Ngụy Bảo triệu tập đại hội chư hầu ở Phùng Trạch (nay là phía Đông Nam thành phố Khai Phong tỉnh Hà Nam), ông ta tự mình xưng vương. Sau khi ông ta xưng vương, các nước chư hầu đua nhau xưng vương. Trong trận chiến ở Quế Lăng vào năm 353 TCN và trận chiến ở Mã Lăng vào năm 341 TCN, nước Ngụy bị thua trận nặng nề, tổn thất nghiêm trọng, từ đó thế lực ngày càng suy yếu.

Năm 319 TCN, Ngụy Ngọc bị ốm chết, thọ 82 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

3. Tề Uy Vương

Tên của ông ta là Điền Nhân Tề (còn có một tên khác là: Anh Tề) (? TCN - 320 TCN) Con của Tề Hoàn Công Điền Hòa. Năm 357 TCN Tề Hoàn Công Điền Hòa chết, ông ta lên kế vị. Trị vì được 27 năm. Trong những năm Điền Nhân Tề trị vì, ông ta đã chọn Trâu Kị làm tể tướng, chọn Điền Kị làm tướng quân, Tôn Tẫn làm quân sư cải cách nền chính trị, đất nước ngày một hưng thịnh. Trong trận chiến ở Quế Lăng và ở Mã Lăng đã đánh bại quân Ngụy, và còn đánh bại nước Triệu, thu giữ được nhiều đất đai.

Năm 334 TCN, hẹn gặp Ngụy Huệ Vương ở Từ Châu cùng nhau xưng vương. Từ đó, nước Tề trở thành một nước mạnh ở trung kỳ thời Chiến Quốc.

4. Tề Tuyên Vương

Tên của ông ta là Điền Bích Cương (? TCN - 301 TCN).

Ông là con của Tề Uy Vương. Vào năm 0 TCN Tề Uy Vương chết, ông ta lên kế vị. Ông ta trị vì được 19 năm. Trong thời gian Điền Bích Cương trị vì, đã trọng dụng nhà nho học là Mạnh Tử làm khanh tướng. Năm 314 TCN, nhân cơ hội nội bộ nước Yên lục đục, Điền Bích Cương đã sai tướng quân Khuông Chương diệt vong nước Yên. Nhưng do quân Tề lung lạc lại gặp sự phản kháng mạnh mẽ của nhân dân nước Yên nên vào năm 312 bị nước Yên đánh phải chạy về nước, nước Yên lại giành được độc lập.

Năm 301 TCN, Điền Bích Cương bị ốm chết, mai táng ở đâu không rõ.

5. Tề Mẫn Vương

Tên của ông ta là: Điền Địa (? TCN - 284 TCN), con của Tề Hoàn Vương, kế vị sau khi Tề Hoàn Vương chết. Ông ta trị vì được 17 năm. Trong những năm Điền Địa trị vì, ông liên kết với nước Hán và nước Ngụy đánh nước Sở và nước Tần, ông còn cùng với Tần Chiêu Vương xưng đế. Ông tiêu diệt nước Tống. Năm 284 TCN, vì nước Yên muốn báo thù nên liên kết các nước: Tần, Triệu, Ngụy, Hàn, Sở... đánh nước Tề. Quân Yên thế mạnh như thác đổ đã giành được hơn 70 tòa thành của nước Tề, nước Tề chỉ còn thừa lại hai tòa thành: Doanh và Hắc. Điền Địa phải chạy đến thành Doanh. Tể tướng nước Tề là Náo Xi (người nước Sở) nhân cơ hội này muốn cùng nước Yên chia đôi giang sơn nước Tề nên đã bắt giữ Điền Địa, sau đó lột da rút gân Điền Địa.Điền Địa chết mai táng ở đâu không rõ.

Trong sử sách gọi Điền Địa là Tề Mẫn Vương.

6. Yên Vương

Tên của ông ta là: Cơ Hội (? TCN - 312 TCN) Con của Yên Dịch Vương, năm 312 TCN Yên Dịch Vương chết, Cơ Hội lên kế vị. Cơ Hội trị vì được 3 năm. Sau khi Cơ Hội lên ngôi, ông cho cải cách nền chính trị, vào năm 318 TCN nhường ngôi cho tể tướng Tử Chi, còn mình làm đại thần. Năm 314 TCN, thái tử Hòa và tướng quân Thị dẫn quân làm loạn để phản đối việc Tử Chi lên ngôi, nhưng quân lính của thái tử bị thất bại nặng nề, tình hình nước Yên ngày một rối. Nhân cơ hội này, nước Tề mang quân đến đánh nước Yên chiếm giữ được vùng Đại Phiến sau đó tiến vào đô thành nước Yên bắt giữ rồi giết chết Cơ Hội và Tử Chi. Cơ Hội chết mai táng ở đâu không rõ.

7. Yên Chiêu Vương

Tên của ông ta là Cơ Chức (? TCN - 279 TCN) Con thứ hai của Cơ Hội. Cơ Chức sống lưu vong ở bên ngoài, năm 312 TCN được tướng quân Lạc Chì (người nước Triệu) hộ tống quay về nước Yên, được Lạc Chì giúp lên ngôi. Cơ Chức trị vì được 33 năm. Trong những năm Cơ Chức trị vì, ông cho cải cách chính trị, thu nạp nhân tài, tích lũy lương thực chuẩn bị lực lượng để tìm cách báo thù nước Tề. Năm 284 TCN, Cơ Chức sai tướng quân Lạc Nghị thống lĩnh quân Yên chuẩn bị đi đánh Tề, Cơ Chức còn liên kết lực lượng quân đội với các nước. Tần, Sở, Hàn, Triệu, Ngụy cùng nhau tấn công Tề. Trong sử sách gọi là: "6 nước cùng đánh Tề". Quân Yên chiếm giữ được hơn 70 tòa thành của nước Tề. Nước Yên lúc này phát triển đến giai đoạn cực thịnh.

Năm 279 TCN, Cơ Chức bị ốm chết, mai táng ở đâu không rõ.

8. Triệu Liệt Chư

Tên của ông ta là: Triệu Tịch (? TCN - 387 TCN) Con của Triệu Hiền Chư. Vào năm 409 TCN Triệu Hiền Chư bị bệnh chết, Triệu Tịch lên kế vị. Năm 403 được thiên Tử Chu phong làm chư hầu. Triệu Tịch trở thành người sáng lập ra nước Triệu. Triệu Tịch trị vì được 22 năm. Ông chọn Công Trọng Liên làm tể tướng, trọng dụng các nhân tài, ông còn thực hiện cải cách chính trị, chỉnh đốn nội bộ, sửa đổi cơ cấu thống trị, trong kinh tế cũng rất tiết kiệm, đưa nước Triệu ngày một hưng thịnh.

Năm 387 TCN, Triệu Tịch bịốm chết, mai táng ở đâu không rõ.

9. Triệu Vũ Linh Vương

Tên của ông ta là Triệu Ung (? TCN - 311 TCN), là con trai của Triệu Túc Chư. Vào năm 326 TCN, Triệu Túc Chư bị bệnh chết, ông ta lên kế vị. Ông ta trị vì được 27 năm. Trong những năm trị vì Triệu Ung cho cải cách quân sự, thay đổi phục trang, huấn luyện binh lính cách cưỡi ngựa bắn tên, thiết lập được mộtđội kị binh hùng mạnh dũng cảm, diệt vong nước Trung Sơn, đánh hạ nền chính quyền của dân tộc thiểu số ở phương Bắc... Triệu Ung đưa nước Triệu trở thành một quốc gia hùng mạnh.

Vốn dĩ, Triệu Ung định lập con trưởng là Triệu Chương làm thái tử, nhưng về sau ông ta sủng ái mĩ nữ Mãnh Diêu, và Mãnh Diêu sinh được người con tên là Triệu Hà. Nên vào năm 299 TCN, Triệu Ung tự xưng là "Vương phụ" (bố của vua). Sau khi Mãnh Diêu chết, Triệu Ung đã chia đôi nước Triệu, chia cho Triệu Chương và Triệu Hà do vậy đã gây ra cuộc tranh chấp nội bộ. Vào năm 295 TCN, chú của Triệu Ung giam giữ Triệu Ung ở SaKhâu (nay thuộc phía Nam huyện Cự Lộc tỉnh Hà Bắc), không cho Triệu Ung lương thực, Triệu Ung đành phải bắt chim hạc nuôi ở trong cung làm thức ăn sống qua ngày. Cuộc sống cứ kéo dài như vậy được hơn 3 tháng thì cạn kiệt lương thực, cuối cùng ông ta bị chết đói. Mai táng ở đâu không rõ.

10. Hàn Chiêu Chư

Tên của ông ta là Bất Tường (? TCN - 333 TCN) Con của Hàn Trang Chư. Vào năm 359 Hàn Trang Chư bị ốm chết, Bất Tường lên kế vị. Bất Tường trị vì được 26 năm.

Trong những năm Bất Tường trị vì, tận mắt nhìn thấy các nước chư hầu đều thực hiện cải cách. Bất Tường cho rằng nếu không cải cách thì đất nướcsẽ bị diệt vong, vì vậy vào năm 354 TCN, Bất Tường đã cho cải cách nền kinh tế, chính trị, xã hội, đề cao pháp luật, chú trọng nông nghiệp. Qua một thời gian cải cách, cuối cùng Bất Tường cũng đưa nước Hàn đi lên đủ sức sánh vai với các nước chư hầu khác.

Năm 333 TCN, Hán Chiêu Chư bị bệnh chết, mai táng ở đâu không rõ.

11. Sở Điều Vương

Tên ông ta là Hùng Nghi (? TCN - 381 TCN). là con trai của Sở Thanh Vương. Vào năm 402 TCN ở nước Sở xảy ra bạo động, Sở Thanh Vương bị giết chết, Hùng Nghi lên kế vị. Hùng Nghi trị vì được 21 năm. Trong thời gian Hùng Nghi lên trị vì: ông bị sức ép từ bên ngoài và bên trong, bến ngoài thì bị Hàn, Triệu, Ngụy chèn ép, bên trong thì các quý tộc làm loạn, tài chính cạn kiệt, quân đội suy yếu. Hùng Nghi quyết định cải cách, ông trọng dụng nhà quân sự, nhà chính trị nổi tiếng là Ngô Khởi. Ông chỉnh đốn pháp luật, cải thiện tài chính tăng cường lực lượng quân đội, thực hiện chế độ tập quyền trung ương, áp đặt pháp luật mới cho bọn quý tộc cũ. Sau một thời gian cải cách nền kinh tế của nước Triệu đã ổn định, 3 nước Hàn, Ngụy. Triệu cũng không dám tấn công nước Triệu. Nước Sở chuyên đi tấn công các nước khác, ở phía Tây chinh phạt nước Tần, phía Nam đánh chiếm nước Việt, phía Bắc thôn tính nước Trấn, nước Thái và dần trở thành một nước hùng mạnh ở miền Nam.

Năm 381 TCN, nước Sở đang trên đà phát triển thì đột nhiên Hùng Nghi bị bệnh chết, mai

táng ở đâu không rõ.

Sau cái chết của Hùng Nghi, bọn quý tộc cũ nổi dậy làm loạn, giết Ngô Khởi, phế bỏ chính quyền mới. Do vậy cuộc cải cách của nước Sở bị thất bại làm cho nước Sở ngày một đi xuống.

12. Sở Hoài Vương:

Tên của ông ta là Hùng Hòe (? TCN - 296 TCN) Con của Sở Uy Vương. Vào năm 329 TCN Sở Uy Vương bị ốm chết, Hùng Hoè lên kế vị. Hùng Hoè trị vì được 30 năm. Trong thời gian Hùng Hoè trị vì đã diệt vong nước Việt, lãnh thổ được mở rộng, nhưng ông ta lại hồ đồ ưa phỉnh nịnh nghe lời của gian thần bác bỏ chủ trương cải cách của Khuất Nguyên. Do vậy nền kinh tế, chính trị tổn hại nghiêm trọng. Bị nước Tần và nước Tề đánh bại. Năm 299 TCN bị vua Tần giam giữ, ông ta tìm cách chạy trốn nhưng không thành công. Do vậy sinh ra ưu tư phiền muộn và chết vào năm 296 TCN. Mai táng ở đâu không rõ.

Hùng Hoè trong sử gọi là Sở Hoài Vương.

13. Tần Hiếu Công

Tên của ông ta là Doanh Cừ Lương (381 TCN - 338 TCN) là con của Tần Hiến Công. Vào năm 362 TCN, Tần Hiến Công ốm chết, Doanh Cừ Lương lên kế vị. Doanh Cừ Lương trị vì 24 năm. Trong những năm trị vì, ông ta quyết định làm cho dân giàu nước mạnh. Do đó, vào năm 359 TCN ông bãi bỏ chế độ canh điền, cho phép dân chúng tự do buôn bán, khuyến khích cày ruộng dệt vải, xây dựng huyện lị, dời đô về Hàm Dương. Sau khi thay đổi nền pháp chế phế bỏ chế độ cũ, kinh tế phong kiến ngày một phát triển, nước Tần dần dần trở thành một quốc gia mạnh nhất trong 7 nước thời Chiến Quốc, để làm cơ sở về sau này diệt vong 6 nước kia thống nhất thiên hạ.

Năm 338 TCN, ông ta bị ốm chết. thọ 44 tuổi, mai táng ở đâu không rõ.

14. Tần Chiêu Vương

Tên của ông ta là Doanh Tắc (324 TCN - 251 TCN) con của Tần Vũ Vương. Doanh Tắc bị bắt làm con tin ở nước Yên, năm 307 Tần Vũ Vương chết, ông ta lên kế vị, ông ta trị vì 56 năm. Thời gian đầu Doanh Tắc lên ngôi do thái hậu chấp chính, bà ta rất trọng dụng Sơ Lý Tật (một người trong tầng lớp quý tộc cũ) với ý đồ phế bỏ luật pháp mới, khôi phục chế độ cũ. Năm 266 TCN, Doanh Tắc chính thức lên nắm chính quyền, ông cho Phạm Duy làm tể tướng, sử dụng chiến lược "kết giao với các chư hầu ở phương xa còn tấn công các nước chư hầu ở gần", chiến lược này do tể tướng Phạm Duy vạch ra. Trong những năm trị vì lấy được đất đai của nước Ngụy và liên kết với các nước đánh Tề, chiếm được đô thành của nước Sở, và đánh bại quân Triệu trong trận chiến ở Trường Bình. Tất cả những điều đó sẽ là điều kiện tốt để thống nhất Trung Quốc.

Năm 251 TCN, Doanh Tắc ốm chết, thọ 74 tuổi, mai táng ở Sài Dương (nay thuộc phía Đông huyện Trường An tỉnh Thiểm Tây)

Trong sử sách gọi Doanh Tắc là Tần Chiêu Vương hay còn gọi là Tần Chiêu Tương Vương.

NHÀ TẦN

(Năm 221 TCN - năm 206 TCN, tổng cộng 15 năm)

Nhà Tần là triều đại quan trọng trong lịch sử Trung Quốc, kết thúc được cục diện phân chia lãnh thổ, trở thành quốc gia phong kiến tập quyền trung ương, quốc gia phong kiến đa dân tộc, quốc gia phong kiến thống nhất... trong lịch sử Trung Quốc.

Triều Tần có 3 hoàng đế; trong đó có một người bị chết vì bệnh tật, một người bị giết trong đấu tranh nội bộ, một người bị giết khi mất nước.

Ngoài ra còn có phụ chú thêm về Tần Tương Vương, ông ta bị chết vì bệnh tật.

TRANG TƯƠNG VƯƠNG (DI NHÂN)

(Triều Tần)

Tần Trang Tương Vương: tên của ông ta là Dị Nhân (? TCN - 247 TCN), con của Tần Hiếu Văn Vương, lên kế kị sau khi cha chết. Tần Trang Tương Vương trị vì được 3 năm, bị ốm chết mai táng ở đất Thái.

*

Vào những năm trẻ tuổi. Doanh Dị Nhân bị bắt làm con tin, buộc phải sống ở đô thành Hàm Đan của nước Triệu, bởi nhiều lần nước Tần tấn công nước Triệu do vậy hoàn cảnh của ông ta rất khổ và khó khăn. Lúc này có một thương nhân người nước Vệ tên là Lã Bất Vi không hiểu rõ hoàn cảnh của Dị Nhân nên cho rằng: "Dị Nhân chỉ là một thứ hàng hóa lạ chỉ để ngắm nhìn mà thôi", Lã Bất Vi còn thử đánh một canh bạc chính trị nên tìm cách kết bạn với Dị Nhân, cuối cùng họ trở thành một đôi bạn thân thiết. Lã Bất Vi dùng vàng bạc mua chuộc vợ của Tần Hiếu Văn Vương, bà ta tên là Hoa Dương (một người được Tần Hiếu Văn Vương cực kỳ sủng ái), bà ta nói ngon nói ngọt để Tần Hiếu Văn Vương lập Dị Nhân làm thế tử. Do canh bạc này điểm xuất phát từ nước Sở và nhận được tin vui lại từ Hoa Dương nên Lã Bất Vi đã khuyên Dị Nhân đổi tên là Tử Sở. Năm 250 TCN, Tần Hiếu Văn Vương sau khi lên trị vì được 3 ngày đột nhiên trúng độc và chết, Dị Nhân lên kế vị.

Sau khi Dị Nhân lên trị vì, tôn Hoa Dương làm thái hậu, cho Lã Bất Vi làm tể tướng. Dị Nhân còn cho Lã Bất Vi được hưởng tô thuế của 100000 hộ gia đình, và nắm giữ quyền lực trong triều đình.

Lúc này, "Tây Chu" là một nước thuộc vương triều Đông Chu bị quân Tần diệt vong vào năm 256 TCN. Noãn Vương bị bệnh chết Tây Chu Công dời đến Đảm Hồ (nay thuộc phía Tây Bắc huyện Lâm Nhữ tỉnh Hà Nam) như vậy "Đông Chu" - vẫn còn tồn tại. Vào năm 249 TCN "Đông Chu" liên kết với các chư hầu vạch kế hoạch đánh Tần. Dị Nhân biết tin liền sai Lã Bất Vi thống lĩnh 100000 quân, tiêu diệt 7 ấp của "Đông Chu" và bắt Đông Chu Công dời đến Dương Nhân (nay thuộc phía Tây huyện Lâm Nhữ tỉnh Hà Nam). Người cuối cùng trong vương triều Đông Chu cũng bị phế bỏ. Sau đó quân Tần lại liên tiếp đánh Hàn, Ngụy, Triệu và thu được khá nhiều đất đai.

Tháng 5 năm 247 TCN Dị Nhân ốm chết. Sau khi ông ta chết lập miếu đặt hiệu là Trang Tương Vương.

THỦY HOÀNG ĐẾ (DOANH CHÍNH)

(HOÀNG ĐẾ THỦY HOÀNG) (TRIỀU TẦN)

Thủy Hoàng Đế: tên của ông ta là Doanh Chính (259 TCN - 210 TCN), con của Tần Trang Tương Vương. Kế vị khi Tần Trang Tương Vương chết. Sau khi diệt vong 6 nước thống nhất Trung Quốc. Doanh Chính đã xưng là Hoàng đế. Doanh Chính ở ngôi 25 nhưng trị vì 12 năm bị ốm chết, thọ 49 tuổi. Mai táng ở Lệ Ấp. (nay thuộc phía Đông Bắc huyện Lâm Đồng tỉnh Thiểm Tây).

*

Doanh Chính sinh tại nước Triệu nên còn gọi là Triệu Chính. Lúc Doanh Chính kế vị ngôi báu chỉ có 13 tuổi, do vậy mọi quyền hành đều năm trong tay thừa tướng Lã Bất Vi và Lao Ái (một người được thái hậu rất yêu quý). Năm 238 TCN nước Tần mở cuộc tấn công mới, Lao Ái lợi dụng lúc Doanh Chính dẫn quân đi chinh chiến, Lao Ái giữ kinh thành định làm phản. Nhưng Doanh Chính kịp thời đập tan cuộc phản loạn đó và mưu sát Lao Ái và thái hậu. Năm sau Doanh Chính lại giết Lã Bất Vi, đoạt lại vương quyền.

Tiếp đó, Doanh Chính áp dụng sách lược của Quý Tư là dùng vàng bạc mua chuộc các đại thần của 6 nước, đồng thời còn li gián quan hệ giữa quân thần (vua và quan lại), kết giao với các nước ở xa và tấn công những nước ở gần. Trong khoảng 10 năm tức từ năm 230 TCN đến cuối năm 221 TCN. Doanh Chính diệt vong 6 nước (Hàn, Triệu, Ngụy, Sở, Yên, Tề) thống nhất Trung Quốc, ông ta sai đặt đô ở Hàm Dương (nay thuộc thành phố Hàm Dương tỉnh Thiểm Tây); sáng lập ra quốc gia phong kiến tập quyền trung ương thống nhất đầu tiên trong lịch sử Trung Quốc. Tần Doanh Chính thống nhất Trung Quốc kết thúc được cục diện các chư hầu tranh chấp nhau và chiến tranh hỗn loạn, đặc biệt rất có lợi cho sự ổn định trong đời sống sinh hoạt của nhân dân và sự phát triển trong sản xuất của xã hội. Do vậy nó rất phù hợp với tâm nguyện chung của nhân dân các dân tộc thời đó.

Sau khi Doanh Chính thống nhất Trung Quốc, ông ta quy định Hoàng đế là người có quyền lực cao nhất trong giai cấp thống trị, vì vậy mới gọi ông ta là "thủy hoàng đế" (hoàng đế Thủy Hoàng) làm như vậy ông ta mong sự thống trị của vương triều Tần sẽ kéo dài mãi đến muôn đời. Tất cả bộ máy chính quyền đều do Hoàng đế phân bổ, bộ máy trung ương thực hiện chế độ: "3 công thần 9 khanh tướng" để giúp đỡ hoàng đế xử lý các việc trong quân sự; tiến hành phân chia quận huyện, cả nước chia ra 36 quận, dưới các quận lại có các huyện, người đứng đầu các quận huyện do hoàng đế trực tiếp bổ nhiệm; thống nhất đơn vị đo lường, tiền tệ và văn tự, tu sửa đường xá để tạo ra mối liên hệ giao thông thuận lợi giữa các địa phương. Tần Thủy Hoàng sử dụng một số biện pháp này nhằm củng cố sự thống nhất của quốc gia phong kiến, tăng cường sự thống trị đối với nhân dân.

Năm 214 TCN, Doanh Chính lại sai quân đi đến phía Nam dẹp Bách Việt, xây dựng thêm 4 quận: Mãn Trung, Nam Hải, Quế Lâm, Tượng Quận. Cùng năm đó lại sai đại tướng Mông Điền đánh quân hung nô ở phía Bắc, thu phục được địa khu thuộc Hà Thao (Nội Mông Cổ), bắt ép dân xây dựng thành trì; khiến cho cương vực của Triều Tần được mở ra rộng rãi; phía Đông đến biển lớn, phía Tây kéo đến Lũng Tây, phía Bắc kéo dài đến Trường Thành, phía Nam kéo dài đến Tượng Quận, trở thành một quốc gia phong kiến đa dân tộc đầu tiên trong lịch sử Trung Quốc. Vì vậy, Doanh Chính được tôn là một nhà chính trị có vai trò nhất định trong lịch sử đối với sự phát triển của Trung Quốc về sau này.

Nhưng, thời kỳ Doanh Chính thống trị chế độ lao dịch rất nặng nề, hình phạt nghiêm khắc. Nhân dân ngoài việc đóng 2/3 số tô thuế thu hoạch còn phải chịu trách nhiệm đi lính và làm lao dịch. Ông ta bắt hơn 700000 người đi xây dựng cung A Phòng (ở phía Nam sông Vị Thủy) và lăng Li Sơn; ông ta còn bắt ép dân chúng xây dựng Trường Thành ở phía Bắc 3 nước Tần, Triệu, Yên, phía Đông phía Tây đều chạy dài, xây dựng con đường tường thành: phía chạy đến Lâm Đào (nay thuộc tỉnh Cam Túc), phía Đông chạy đến Liêu Đông (nay thuộc phía Tây Bắc thành phố Liêu Dương tỉnh Liêu Ninh), đây chính là vạn lý Trường Thành vĩ đại. Nó là một công trình kiến trúc vĩ đại trong thời kỳ cổ đại của nhân dân Trung Quốc và cũng là sự kết tinh xương máu và trí tuệ của nhân dân lao động thời cổ đại. Thời đó, cả nước có hơn 150.0000

người bị bắt đi xây thành, nam giới không đủ còn bắt cả nữ giới đi chuyển lương thực. Rất nhiều người bị suy nhược, tổn hại sức khỏe mà chết. Về mặt pháp luật cũng rất tàn khốc. Đề phòng trừ sự phản kháng của nhân dân, Thủy Hoàng ra lệnh cho nhân dân phải giao nộp binh khí và đem tiêu hủy số binh khí đó, còn quy định nếu một người phạm tội chết thì cả gia đình phải chết theo, kiểu hình phạt này gọi là "Tộc Chu"; một nhà phạp pháp thì những người cùng làng cũng bị chung tội, hình phạt này gọi là "liên tọa". Nhân dân bị chỉ trích và tố cáo phạm pháp, đều bị trừng phạt làm lao dịch hoặc bị chặt chân, cắt mũi, hoặc bị giết, nói chung tất cả những người phạm tội bị giải đến công đường đều phải chịu những hình phạt như vậy.

Để phục vụ cho những sở thích, ông tiêu phung phí tiền của, lãng phí vô cùng. Trong 12 năm trị vì Tần Doanh Chính đi tuần 5 lần, mỗi lần đi kéo theo một loạt quan lại và binh lính, dọc đường đi đều khắc công đức lên trên mặt đá để tỏ ra công tích của ông ta vô biên.

Doanh Chính thực hiện nhiều chính sách bạo ngược, mâu thuẫn giai cấp bắt đầu nổ ra và xuất hiện các cuộc khởi nghĩa nông dân với quy mô nhỏ.

Năm 210 TCN, Doanh Chính thực hiện cuộc tuần tra cuối cùng, ông ta còn thừa tướng Quý Tư, đại quan quản lý các văn kiện tên là Triệu Cao và con trai Hồ Hợi. Ông ta đi qua sông Tiền Đường, và đi thẳng đến Ngô Trung thuộc quân Hội kê. Trên đường trở về cung đến Bình Nguyên thì ông ta bị ốm. Và đến Sa Khâu (nay thuộc hue6n Quảng Tôn tỉnh Hà Bắc) bệnh của ông chuyển ra nguy kịch. Doanh Chính biết mình không sống được vội vàng hạ lệnh cho Quý Tư và Triệu Cao thảo chiếu thư chỉ định mang chiếu thư và quốc ấn giao cho con trưởng là Phù Tô, thúc giục Phù Tô quay về Hàm Dương để chủ trì tang lễ. Lúc Quý Tư thảo xong chiếu thư định đưa cho Doanh Chính xem lại thì Doanh Chính đã chết.

Phù Tô hay cản trở Doanh Chính làm những việc xấu, có lần bị Tần Thủy Hoàng đuổi ra khỏi kinh thành, sai làm nhiệm vụ giám át quân lính trong đội quân của tướng Mông Điền ở quận Thượng. Mà Triệu Cao và Mông Điền lại có hiềm khích với nhau do vậy Triệu Cao lo lắng nếu Phù Tô lên ngôi thì Mông Điền được trọng dụng tất nhiên sẽ không có lợi cho địa vị của Triệu Cao. Vì thế Triệu Cao không phát chiếu thư mà cùng với Hồ Hợi bàn mưu kế cướp đoạt ngôi vị. Triệu Cao còn đe dọa dụ dỗ thừa tướng Quý Tư, ép Quý Tư phải giữ kín chuyện tráo chiếu thư và về cùng phe với bọn họ. Họ giả truyền chiếu thư chỉ trích Phù Tô ở bên ngoài không lập được công trạng gì, trái lại nếu hận phụ hoàng thì Phù Tô và Mông Điền nên tự vẫn. Mông Điền nghi ngờ chiếu thư giả nên không tự sát. Còn Phù Tô trung hậu thật thà tin rằng đó là di chiếu của cha nên tự vẫn.

Triệu Cao bí mật không phát tang, sai người đặt Doanh Chính trong xe ngựa, đóng cửa xe buông rèm để giả vờ các quan lại là Doanh Chính vẫn còn sống, hằng ngày đều ở ngoài cửa xe tấu trình, một mặt khác sai quân lính nhanh chóng hộ tống xe về Hàm Dương. Do không khí nóng nực, thi thể của Doanh Chính bốc mùi. Triệu Cao liền sai người mang một loạt cá muối đến, ra lệnh trên mỗi xe đặt một bao cá muối, để làm lẫn với mùi thối của cơ thể. Sau khi về cung mới ra lệnh phát tang rồi lập Hồ Hợi làm hoàng đế.

Trong lịch sử thường gọi Tần Thủy Hoàng là Thủy Hoàng Đế Doanh Chính.

NHỊ THẾ (HỒ HỢI)

(TẦN)

Tần Nhị Thế tên của ông ta là: Hồ Hợi (230 TCN - 207 TCN). Con thứ 26 của Tần Thủy Hoàng. Sau khi Tần Thủy Hoàng chết, Nhị Thế cùng với Triệu Cao làm di chiếu giả để đoạt ngôi của anh trai. Nhị Thế trị vì được 3 năm thì bị Triệu Cao ép buộc phải tự vẫn chết. Hưởng dương 24 tuổi. Mai táng ở Nghi Xuân thuộc Đỗ Nam (nay là bờ phía nam đầm Khúc Giang thuộc phía Đông Nam thành phố Tây An tỉnh Thiểm Tây).

*

Mùa hè năm 210 TCN, Tần Thủy Hoàng bị chết trên đường đi tuần tra, sau khi chuyển thi thể về Hàm Dương, lúc đó thừa tướng Quý Tư và đại thần Triệu Cao mới loan báo cái chết của Thủy Hoàng. Họ còn làm giả di chiếu lập Hồ Hợi làm thái tử và tháng 7 năm 210 TCN đưa Hồ Hợi lên kế vị. Gọi Hồ Hợi là "Hoàng đế Nhị Thế", trong sử sách gọi Hồ Hợi là: "Tần Nhị Thế".

Sau khi Hồ Hợi lên ngôi, Triệu Cao xúi giục Hồ Hợi giết chết: 22 anh chị em ruột, anh em nhà Mông Điền, Mông Nghị và rất nhiều đại thần. Năm thứ hai, lại tìm kế gán tội mưu phản cho thừa tướng Quý Tư và sai chu di tam tộc, Hồ Hợi và Triệu Cao làm như vậy cốt để bịt đầu mối về chuyện di chiếu giả.

Trong những năm Hồ Hợi trị vì, ông ta toàn để cho Triệu Cao chuyên quyền lộng hành. Hồ Hợi bắt ép 2000000 dân phu tiếp tục xây dựng nốt cung A Phòng Lăng Li Sơn mà hồi Tần Thủy Hoàng còn sống vẫn chưa làm xong, ngoài ra còn bắt dân đi lính, cưỡng ép đóng thuế má, sử dụng các hình phạt hà khắc. Nếu so sánh mức độ ác độc trong nền thống trị thì Hồ Hợi hơn cha rất nhiều, việc đó gây ra mâu thuẫn giai cấp ngày càng tăng. Tháng 7 năm 209 TCN xảy ra cuộc khởi nghĩa nông dân của Trần Thắng và Ngô Quảng. Sau khi Trần Thắng, Ngô Quảng hi sinh, Hạng Vũ và Lưu Bang tiếp tục lãnh đạo nhân dân đứng lên chống Tần.

Năm 207 TCN, trong trận chiến ở Cự Lộc (nay là huyện Cự Lộc tỉnh Hà Bắc) quân của Hạng Vũ đánh bại quân Tần khiến quân Tần phải đầu hàng, nhân dân thành Hàm Dương rất vui mừng. Lúc này mọi quyền hành đều nằm trong tay Triệu Cao, do đó mọi tin tức đều bị Triệu Cao giấu kín không cho Hồ Hợi biết, Triệu Cao để Hồ Hợi ở trong cung suốt ngày ăn chơi hưởng lạc.

Một hôm, Triệu Cao muốn thử xem trong quần thần ai phục ông ta và ai không phục ông ta, vì thế lúc lên triều ông ta đã dắt một con hươu đến và nói: "Hạ thần có một con ngựa muốn tặng bệ hạ". Hồ Hợi nói: "Đây rõ ràng là một con hươu, tại sao khanh lại nói là ngựa. Có phải khanh muốn đùa với trẫm không?" Triệu Cao đổi nét mặt nhất định nói: "Thưa bệ hạ, đấy là con ngựa. Xin mời mọi người chứng nhận cho". Rất nhiều đại thần sợ Triệu Cao nên đều nói hùa theo đó là con ngựa, chỉ có vài đại thần trung hậu không sợ ông ta thì nói đó là con hươu. Vài ngày sau, những đại thần dám chỉ ra cái sai của ông ta bị giết hết. Đó chính là lịch sử câu chuyện "chỉ con hươu thành con ngựa". Từ đó không có ai dám nói sự thật cho Hồ Hợi biết.

Không lâu sau, quân của Lưu Bang đánh phá vùng Vũ Quan (phía Đông Nam huyện Đan Phụng tỉnh Thiểm Tây) là một vùng đất gần Hàm Dương. Hồ Hợi biết tin nên hoang mang vô cùng, vội vàng sai người thúc giục Triệu Cao mang quân đi đánh trả. Triệu Cao thấy tình hình nguy cấp, khó lòng giành phần thắng nên quyết định giết chết Hồ Hợi (một tên hoàng đế ngu xuẩn, bất tài) để làm vật đàm phán với Lưu Bang.

Vào một đêm tháng 8, Triệu Cao phái em rể vào thành Hàm Dương đưa mật lệnh cho Diêm Lạc, bảo Diêm Lạc dẫn 1000 lính giả vờ trong hoàng cung có liên hoan, tìm cách đột nhập vào cung Vọng Di (nơi Hồ Hợi ở). Em của Triệu Cao tên là Triệu Thắng làm nội ứng trong cung đã đưa Diêm Lạc vào trong điện. Diêm Lạc để gây thị uy đã bắn một mũi tên vào chỗ Hồ Hợi ngồi. Hồ Hợi thất kinh vội vàng hô gọi thị vệ. Nhưng thị vệ thấy có biến loạn bỏ chạy tan tác hết. Hồ Hợi đành phải chạy vào phòng ngủ. Hồ Hợi quay đầu lại nhìn chỉ thấy có một thái giám chạy theo đằng sau, liền trấn tĩnh hỏi anh ta "Tại sao ngươi không nói cho trẫm biết chuyện mưu phản". Viên thái giám trả lời: "Nếu hạ thần tâu với bệ hạ những chuyện đó thì bây giờ không ở cạnh bệ hạ mà đã bị giết từ lâu rồi".

Lúc này Diêm Lạc tiến vào phòng, quát mắng Hồ Hợi: "Ngươi ngạo mạn vô đạo tất không tránh khỏi tội chết, người trong thiên hạ đều phỉ nhổ ngươi, ngươi hãy nhanh chóng tự tìm cái chết đi". Hồ Hợi hỏi: "Ai sai ngươi đên?" Diêm Lạc trả lời: "Thừa tướng " Hồ Hợi yêu cầu gặp mặt Triệu Cao nhưng Diêm Lạc không đồng ý. Hồ Hợi lại nói: "Xem ra, thừa tướng muốn ta

thoái vị. Ta muốn thoái vị làm vương ở một quận, không cần làm hoàng đế". Diêm Lạc cũng không bằng lòng. Hồ Hợi cầu khẩn nói: "Vậy thì, hãy cho ta quản lý 10000 dân". Diêm Lạc cũng không đồng ý. Lúc này Hồ Hợi hoảng hốt thực sự, vừa khóc vừa van xin: "Mong thừa tướng hãy để cho ta một con đường sống, ta chỉ muốn cùng vợ con làm một người dân bình thường".

Diêm Lạc không còn nhẫn nại, trừng mắt quát "Tôi nhận lệnh của thừa tướng, đến giết ông. Ông vang xin tôi cũng vô ích. Bởi tôi không dám trái lệnh thừa tướng". Nói xong hạ lệnh cho binh sĩ lấy kiếm đưa cho Hồ Hợi. Hồ Hợi đành dùng kiếm tự vẫn.

TỬ NHI

(TẦN)

Tử Nhi (? TCN - 206 TCN), ông ta là cháu của Tần Thủy Hoàng, cháu họ của Hồ Hợi. Lên kế vị sau khi Hồ Hợi tự vẫn. Trị vì được 46 ngày. Quân của Lưu Bang tấn công đến Bá Thượng, Tử Nhi phải đầu hàng. Về sau bị Hạng Vũ giết ở Hàm Dương, mai táng ở đâu không rõ.

*

Tháng 8 năm 207 TCN sau khi Triệu Cao ép Hồ Hợi tự sát, Triệu Cao muốn tự mình xưng đế, nhưng thấy mọi người không phục, đành phải lập Tử Nhi là con trai của Phù Tô (Phù Tô là con trai cả của Tần Thủy Hoàng) làm vương, tước bỏ danh hiệu hoàng đế. Đồng thời sai người đến doanh trại của Lưu Bang đàm phán, kế sách của Triệu Cao là muốn giết tôn thất nhà Tần.

Tử Nhi biết Triệu Cao muốn loại bỏ tôn thất nhà Tần, vì vậy Tử Nhi quyết định giết Triệu Cao. Hôm đăng quang, tất cả nghi lễ đều chuẩn bị xong xuôi đầy đủ, Tử Nhi lại chối từ bị mệt không đi được. Triệu Cao hoảng hốt đích thân đến thúc giục. Nhân cơ hội đó, Tử Nhi sai bắt giữ và giết chết Triệu Cao. Sau đó phái 50000 lính phòng thủ ở Diêu Quan (nay thuộc phía Bắc Huyện Thương tỉnh Thiểm Tây), đề phòng quân của Lưu Bang. Quân của Lưu Bang dùng kế nghi binh nhử quân của Tử Nhi qua Diêu Quan, rồi từ phía Đông Nam đột nhập vào, diệt hết quân phòng thủ, tiến vào Bá Thượng.

Tháng 10 năm 206 TCN Tử Nhi thấy tình hình khó cứu vãn liền dẫn quân thần mang quốc ấn, tới cửa thành Hàm Dương xin đầu hàng. Triều Tần bị diệt vong, Lưu Bang sai người giam lỏng Tử Nhi trong thành Hàm Dương.

Tháng 12 năm 206 TCN Tử Nhi bị Hạng Vũ đem quân vào thành Hàm Dương giết chết.

TÂY HÁN

(202 TCN - 8 CN, tổng cộng 210 năm)

Nhà Hán có hai thời kỳ: Đông Hán và Tây Hán. Tây Hán hay còn gọi là tiền Hán, tính từ năm 202 TCN Lưu Bang xưng làm hoàng đế cho đến năm 8 CN Vương Mãng xây dựng Tân Triều. Vì Đô thành Trường An (nay là thành phố Tây An tỉnh Thiểm Tây) nằm ở phía Tây của đô thành Lạc Dương thời Đông Hán nên mới gọi là Tây Hán.

Tây Hán là vương triều hùng mạnh trong thời kỳ đầu ở xã hội phong kiến Trung Quốc, thời Tây Hán đã thừa nhận và củng cố một quốc gia thống nhất nền kinh tế phồn vinh mà nền tảng của nó được bắt đầu từ triều Tần, vào thời Hán đất nước Trung Quốc cũng được gọi là một quốc gia hùng mạnh trên thế giới. Thời Hán có 14 đời hoàng đế (bao gồm cả Lữ Hậu và Xương Ấp Vương Lưu Hạ), trong đó có 10 người bị ốm chết, một người bị đầu độc chết, một người do mất nước bị phế bỏ và bị binh lính giết chết trong cuộc hỗn chiến, một người bị tên bắn trúng sau đó vết thương tái phát mà chết, một người bị phế bỏ nhưng chết ra sao thì không tường tận lắm.

Ngoài ra còn có phụ chú thêm về Hoài Dương Vương Lưu Huyền, trong chiến trận bị thất bại đầu hàng rồi bị giết.

CAO TỔ (LƯU BANG)

Cao Tổ: Tên của ông ta là Lưu Bang, tên tự là: Quý (256 TCN - 195 TCN) có một thuyết khác nói (247 TCN - 195 TCN). Là vị hoàng đế đầu tiên lập ra nhà Hán. Làm Hán Vương được 4 năm, trị vì được 8 năm, trong lúc đi dẹp phản loạn Anh Bố, đã bị trúng tên ở ngực, sau đó vết thương tái phát nên bị chết, hưởng thọ 53 tuổi. Mai táng ở Trường Lăng (nay cách 35 km về phía Đông thành phố Hàm Dương tỉnh Thiểm Tây).

*

Lưu Bang là người ở huyện Bái (nay là huyện Bái tỉnh Giang Tô). Ông vốn là một viên quan nhỏ ở triều Tần. Có một lần, ông theo lệnh của hoàng đế dẫn một loạt dân phu đi xây lăng Li Sơn, trên đường đi dân phu chạy trốn khá nhiều. Ông biết rõ không có cách gì để giao nộp đủ số dân phu vì vậy ông cho thả hết dân phu, còn mình dẫn mười mấy người tự nguyện đi theo ông ta vào núi tập hợp được hơn 100 người và âm thầm liên kết với Tiêu Hà để dựng cờ khởi nghĩa.

Sau khởi nghĩa của Trấn Thắng, Cơ Hà giết chết quan huyện sau đó đón Lưu Bang đến huyện Bái, tôn Lưu Bang làm thủ lĩnh, gọi là Bái Công. Không lâu sau đến dựa vào chú của Hạng Vũ là Công Lương. Sau khi Công Lương chết, Lưu Bang và Hạng Vũ cùng nhau lãnh đạo nghĩa quân chống lại thế lực nhà Tần. Năm 206 TCN Lưu Bang thống lĩnh đại quân tấn công đô thành Hàm Dương và diệt vong nhà Tần.

Sau khi tiến vào thành Hàm Dương nhìn thấy vẻ đẹp hào hoa của cung A Phòng, Lưu Bang muốn sống ở cung đó.

Nhưng nhờ có Trương Thực nổ lực căn ngăn nên Lưu Bang tỉnh ngộ dời bỏ thành Hàm Dương để tiến đánh thành Bá Thượng. Lưu Bang phế bỏ pháp luật hà khắc của Triều Tần, đã cùng hội họp với các phụ lão về vấn đề pháp luật và đưa ra điều lệ: "giết người thì phải đền mạng, làm trọng thương Do cách xử lý của ông hợp tình hợp lý nên rất được lòng dân.

Không lâu sau Hạng Vũ thống lĩnh 400000 quân tiến đến đóng quân ở Hồng Môn (nay thuộc phía Đông huyện Lâm Đồng tỉnh Thiểm Tây). Hạng Vũ nghe lời quân sư Phạm Tàng, quyết định

giết chết Lưu Bang. Chú của Hạng Vũ tên là Hạng Bá biết tin vội vàng đến nói cho Trương Thực biết. Sau khi Trương Thực và Lưu Bang bàn bạc, biết mình chỉ có 100000 người ngựa và chỉ cách chỗ của Hạng Vũ có 40 dặm nếu như đánh nhau tất nhiên quân của Lưu Bang sẽ bị thua thiệt, cho nên cách tốt nhất là đến nhận tội với Hạng Vũ.

Ngày hôm sau Lưu Bang dẫn Trương Thực, Phàn Hội cùng với 100 tùy tùng đến Hồng Môn bái kiến Hạng Vũ. Thấy Lưu Bang dẫn tùy tùng đến Hạng Vũ cho mở tiệc chiêu đãi. Giữa buổi tiệc, Lưu Bang hạ thấp khẩu khí nói với Hạng Vũ là mình không có dã tâm tranh chấp thiên hạ. Hạng Vũ thấy lời nói của Lưu Bang hợp tình hợp lý, vả lại thái độ của Lưu Bang không có gì là muốn tranh đoạt thiên hạ với mình nên đổi ý không còn muốn giết Lưu Bang. Thấy ý của Hạng Vũ như vậy, Phạm Tăng mấy lần ra hiệu cho Hạng Vũ cần phải ra tay giết Lưu Bang nhưng Hạng Vũ tảng lờ như không trông thấy. Phạm Tăng vô cùng sốt ruột đành sai Công Trang vào nhập tiệc, lấy vũ điệu múa kiếm để chúc rượu rồi đợi thời cơ thuận lợi sẽ giết Lưu Bang. Hạng Bá thấy Công Trang từ từ múa tiến gần Lưu Bang nên vội vàng đứng dậy múa đôi với Hạng Trang để tìm cách bảo vệ Lưu Bang. Thấy tình hình nguy hiểm, Trương Thực lấy cớ ra ngoài rồi bảo Phàn Hội vào tham dự tiệc rượu để tìm cách yểm trợ cho Lưu Bang. Lưu Bang lấy cớ bị mệt xin phép Hạng Vũ ra ngoài, ông dẫn Phàn Hội dời doanh trại của Hạng Vũ đi tắt qua con đường nhỏ quay về trại của mình.

Trương Thực thấy Lưu Bang đi được khá xa liền mang lễ vật ra tặng Hạng Vũ và nói:

"Bái Công bị say rượu nên đã quay về trại". Phạm Tăng giận tím mày tím mặt nhưng cũng không làm gì được đành phải bó tay. Như vậy quan hệ của Hạng Vũ và Lưu Bang tạm thời bình ổn. Đây chính là câu chuyện "tiệc rượu ở Bá Môn", một câu chuyện nổi tiếng trong lịch sử.

Tháng 12 năm đó, Hạng Vũ phong cho Lưu Bang làm Hán Vương và phân cho cai trị vùng Ba Thục và vùng Hán Trung. Không lâu sau, Lưu Bang dẫn quân tới Quan Trung đánh nhau với Hạng Vũ, "cuộc chiến tranh Sở - Hán" kéo dài tận 4 năm. Bản thân Lưu Bang không phải làm tướng tài giỏi vả lại cũng không có mưu lượt cao siêu gì, nhưng ông ta lại chiêu hiền nạp sĩ trọng dụng nhân tài. Vì thế nhờ những mưu sách kế hoạch của Trương Thực, Phàn Hội và nhờ tài cầm quân của Hàn Việt, Anh Bố, Hàn tín,... cho nên vào năm 202 TCN đã đánh bại Hạng Vũ. Tháng 2 năm 202, tại thành Tự Thủy (nay thuộc huyện Vinh Dương tỉnh Hà Nam) nên ngôi hoàng đế, sau đó đặt đô ở Trường An, đặt hiệu của quốc gia là: Hán, trong sử sách gọi là: tiền hán, tây Hán.

Trong những năm Lưu Bang trị vì, ông cho sửa đổi lại pháp luật của nhà Tần đưa ra nền pháp luật của nhà Hán đặt ra pháp luật trong quân đội và phương thức đo lường. Phải đối mặt với cảnh quốc khố nghèo nàn nhân dân đói khổ nên ông cho phép dân chúng giảm nhẹ đóng góp, ổn định đời sống nhân dân, phát triển sản xuất, khôi phục nguyên khí, ông còn cho giải phóng nô lệ, cho binh sĩ được phục viên trở về quê nhà.

Năm 196 TCN, Lưu Bang trong lúc đi dẹp cuộc phản loạn của Anh Bố - đã bị trúng tên vào ngực nên bị thương. Tháng 3 năm sau, vết thương cũ tái phát, bệnh tình rất nghiêm trọng, biết mình không còn sống được bao lâu nên Lưu Bang cho triệu tập các quần thần, các chủ tướng đến cung điện, hạ lệnh cho tùy tùng giết một con ngựa trắng, muốn các quan lại uống máu ăn thề, tuyên thề rằng: "từ nay về sau những ai không thuộc họ Lưu thì không được phong vương, những ai không có công thì không được làm chư hầu, nếu ai vi phạm lời thề này thì tất cả người trong thiên hạ sẽ phỉ nhổ loại bỏ người đó". Và ra lệnh cho Trần Bình phải lập tức đến đất Hình Đương để phụ trợ giúp đỡ Tang Nhi, đề phòng các nước chư hầu lợi dụng việc tang gia đang bối rối để làm loạn. Sau đó triệu kiến Lữ Hậu ủy thác mọi chuyện về sau này. Lữ Hậu hỏi Lưu Bang: "Nếu như tướng quốc Tiêu Hà chết thì ai có năng lực thay thế được ông ta". Lưu Bang đáp: "Hãy chọn Tào Tham". Lữ Hậu lại hỏi: "Nếu Tào Tham chết thì chọn ai". Lưu Bang trả lời: "Nếu Tào Tham chết hãy chọn Vương Lăng, nhưng phải để Trần Bình dìu dắt Vương Lăng. Trần Bình là con người túc trí đa mưu, tuy nhiên nếu một mình Trần Bình thì không thể gánh vác được nhiệm vụ. Trần Bình trung hậu thật thà, văn hóa thấp, nhưng nếu sau này họ Lưu bình

định được thiên hạ, bỏ ông ta đi cũng không được, nên để ông ta làm Thái Úy". Lữ Hậu hỏi đi hỏi lại mọi chuyện về sau, Lưu Bang lắc đầu nói: "Ta e rằng có những chuyện về sau này, khanh không thể biết trước được".

Tháng 4 năm 195 TCN Lưu Bang từ giã cõi đời tại cung Trường Lạc thành Trường An.

Sau khi ông ta chết lập miếu đặt hiệu là Thái Tổ hay còn gọi là Cao Hoàng Đế, còn trong lịch sử gọi ông ta là Hán Cao Tổ.

HUỆ ĐẾ (LƯU DOANH)

Huệ Đế, tên của ông ta là Lưu Doanh (211 TCN - 188 TCN), là con trưởng của Cao Tổ. Nên kế vị sau khi Cao Tổ chết. Trị vì được 7 năm, bị bệnh chết, hưởng dương 24 tuổi. Mai táng ở An Lăng (nay cách 30 km về phía Đông thành phố Hàm Dương tỉnh Thiểm Tây).

*

Lưu Doanh được Cao Tổ lập làm thái tử Lưu Doanh tính tình nhu nhược, có lúc Cao Tổ muốn phế bỏ địa vị thái tử của Lưu Doanh và muốn lập Lưu Như Ý làm thái tử. Nhưng ý định của Cao Tổ không thành bởi Trương Thực phản đối kịch liệt. Lưu Doanh nên ngôi từ lúc 17 tuổi.

Tuy Lưu Doanh nên ngôi, nhưng mọi công việc đều do mẹ đẻ là Lữ Hậu chấp chính, giải quyết công việc. Sau khi nắm quyền chấp chính, Lữ Hậu cho gọi Lưu Như Ý vào cung với ý đồ sẽ hại chết. Lưu Doanh biết được dụng tâm của mẹ, nên đích thân dẫn Lưu Như Ý vào cung, cùng ăn cùng ngủ và luôn tìm cách phòng vệ cho Lưu Như Ý. Một hôm, Lưu Doanh ra ngoại thành luyện tập bắn cung thấy Lưu Như Ý vẫn đang ngủ say, không nỡ gọi Lưu Như Ý dậy, Lưu Doanh đành đi một mình. Khi Lưu Doanh quay về cung đã thấy Lưu Như Ý bị hại chết trên giường.

Ít lâu sau, Lữ Hậu lại sai chặt chân, đốt tai, chặt tay, móc mắt mẹ đẻ của Lưu Như Ý đem ngâm những bộ phận đó vào rượu và sai vứt bà ta vào chuồng lợn", gọi là "nhân chế" (món ăn làm từ thịt người), để cho mẹ của Lưu Như Ý cứ hao mòn mà chết. Lữ Hậu bắt buộc Lưu Doanh phải đi chứng kiến cảnh đó, còn Lưu Doanh thấy ái phi của phụ hoàng bị rơi vào tình cảnh bi thương, ông không cầm được lòng thương xót đã khóc hu hu, quay về cung sinh ra ốm nặng. Ông sai người đi tâu trình với mẹ: "Chuyện này chẳng phải do mẹ muốn làm vua ư. Con là con trai của mẹ, nhưng không có bản lĩnh để trị vị thiên hạ". Từ đó trở đi không quan tâm đến công việc triều chính.

Tháng 8 năm 188 TCN, Lưu Doanh mất tại cung Vị Ương đô thành Trường An. Sau khi chết lấy hiệu là Huệ Đế.

LỮ HẬU (LỮ TRĨ)

ữ Hậu tên của bà ta là Lữ Trí (241 TCN - 180 TCN) là hoàng hậu của Hán Cao Tổ, nắm quyền chấp chính sau khi Hán Cao Tổ chết, trị vị 16 năm. Bị bệnh chết, thọ 62 tuổi. Mai táng ở vườn phía Tây cạnh Trường Lăng (Lăng của Cao Tổ) (nay cách 35 km về phía Tây thành phố Hàm Dương tỉnh Thiểm Tây).

*

Lữ Trí tên tự của bà ta là: Nga Hứa. Là một phụ nữ có mưu lược thường hay giúp Cao Tổ giải quyết mọi công việc trong triều đình. Vào những năm đầu của triều Hán, trong lúc Hán Cao Tổ mang quân đi dẹp cuộc phản loạn của Trần Hi, bà ta ở nhà bàn bạc với Tiêu Hà, âm mưu giết chết Hàn Tín.

Không lâu sau, Cao Tổ quay về Lạc Dương, có người nói với ông ta là: Bành Việt có ý đồ làm phản. Cao Tổ lập tức sai người bắt giữ Bành Việt muốn tạo phản, đành phạt giáng làm thường dân, sung vào quân đội của Ba Thục làm lính. Giữa đường Bành Việt gặp được Lữ Hậu, ông ta khóc lóc xin Lữ Hậu nói với Cao Tổ cho ông ta được về nhà dưỡng già. Lữ Hậu nhận lời giúp đỡ Bành Việt, gọi Bành Việt cùng bà ta trở về Lạc Dương. Sau khi quay về Lạc Dương, Lữ Hậu đi gặp Lưu Bang và bảo: "Bành Việt là một viên hổ tướng, bệ hạ cho ông ta vào quân Thục, khác gì thả hổ về rừng, chi bằng giết đi để trừ hậu họa về sau này". Lưu Bang nghe lời bà ta liền sai người chém chết Bành Việt.

Sau khi Cao Tổ chết, Huệ Đế nên kế vị bà ta vẫn lấy chức danh làm hoàng thái hậu để quản lý công việc triều chính, nắm chắc quyền lực, tiếp tục duy trì các chính sách: coi trọng nông nghiệp, cổ vũ thương nghiệp, giảm nhẹ tô thuế... Sau khi Huệ Đế chết, bà ta hai lần lập hai người làm thiếu đế (một người vốn là con của một dân thường). Lữ Trí ép buộc hoàng hậu của Huệ Đế đi tìm con cái của một dân thường bắt về hoàng cung giả vờ là con của Huệ Đế. Lữ Trí còn sai người giết chết mẹ đẻ của đứa trẻ; một người là: Thường Sơn Vương Lưu Nghĩa, Còn Lữ Trí tự mình lâm triều kiểu cách lâm triều của bà ta gọi là "chế" (tức là: làm trợ lý cho hoàng đế, lấy danh nghĩa của hoàng đế để điều hành mọi việc, thực thi quyền lực của: Thái Úy Chu Bột, hữu thừa tướng Vương Lăng, và chính bản thân bà ta vi phạm vào lời thề với Lưu Bang "nếu không phải họ Lưu thì không được xưng vương", bà ta còn cho rất nhiều người trong họ Lữ làm chư vương.

Tháng 3 năm 180 TCN, Lữ Trí bị bệnh nặng. Tháng 7 bệnh phát ra nguy kịch, bà ta vội vàng sắp xếp mọi chuyện về sau: cho cháu là Lữ Sản làm thừa tướng thống lĩnh quân đội phía Bắc; Lữ Lục làm thượng tướng quân thống lĩnh quân đội phía Nam và dặn dò hai cháu: "Cao Tổ trước lúc lâm chung có dặn các hạ thần không phải họ Lưu mà xưng vương sẽ bị thiên hạ loại trừ". Bây giờ họ Lữ xưng vương, nắm giữ quyền hành nhưng các đại thần đều không phục, nếu sau này cô chết, có chính biến gì thì hai cháu nhất định phải nắm chắc quân đội, bảo vệ hoàng cung, không được dẫn lính đi ra ngoài. Nếu lúc đưa cô đi mai táng, hai cháu cũng không được phép rời hoàng cung, để đề phòng tạo phản". Và bà ta còn lập con gái của Lữ Lục làm hoàng hậu, một lòng một dạ muốn họ Lữ làm chủ thiên hạ.

Ngày Tân Kỷ tháng 7 năm 180 TCN, bà ta tạ thế tại cung Vị Ương.

VĂN ĐẾ (LƯU HẰNG)

(HÁN)

Văn Đế, tên ông ta là: Lưu Hằng (202 TCN - 157 TCN). Là con trai thứ 3 của Cao Tổ. Sau khi Huệ Đế chết, hoàng thái hậu Lữ Hậu không lập thiếu đế họ Lưu, mà tự mình nhiếp chính. Sau khi Lữ Hậu chết, Chu Bột giết Lữ Sản và lập Lưu Hằng làm hoàng đế. Lưu Hằng trị vị 23 năm, bị ốm chết, thọ 46 tuổi. Mai táng ở Bá Lăng (nay cách 35 km về phía Đông thành phố Tây An tỉnh Thiểm Tây).

*

Sau khi Cao Tổ đánh bại Trần Hi, dẹp yên phản loạn ở vùng đất Đại và phong cho Lưu Hằng làm Đại Vương. Cao Tổ chết, thái tử Huệ Đế lên kế vị bị Lữ Hậu chuyên quyền, giành quyền chấp chính. Sau khi Huệ Đế chết Lữ Sản, Lữ Lục nắm giữ binh quyền. Khống chế hoàng cung có ý đồ làm phản, cướp đoạt ngôi vị. Nhưng nhờ có Trần Bình và Chu Bột dùng mưu trí khiến Lữ Lục đem binh quyền của quân đội phía Bắc giao cho Chu Bột. Chu Bột liền triệu tập binh lính rồi đọc lời kêu gọi: "Nếu như hôm nay họ Lữ có ý đồ đoạt vị, ai muốn theo nhà họ Lữ thì giơ tay phải, ai muốn theo họ Lưu thì giơ tay trái". Các tướng sĩ, binh lính đều nhất loạt theo họ Lưu. Chu Bột liền điều động binh lính tiến vào cung Vị Ương giết chết Lữ Sản, để ngăn chặn có chính biến xảy ra cướp đoạt ngôi vị. Vào ngày Kỷ Dậu tháng 9 năm 180 TCN các đại thần lập Lưu Hằng làm hoàng đế.

Trong thời gian Lưu Hằng trị vì, ông ta thực hiện các chính sách nhằm cứu vãn tình hình quốc gia: giảm nhẹ tô thuế, phát triển sản xuất... Có hai lần, Lưu Hằng giảm 30% tô thuế cho nhân dân, thậm chí 12 năm liền miễn thu thuế ruộng cho toàn quốc. Ông cho khởi công xây dựng thủy lợi, tăng cường tốc độ phát triển sản xuất nông nghiệp, thực hiện chính sách tiết kiệm. Có một lần, ông định xây một cái sân phơi, khi tính toán ông thấy phải tiêu phí mất 100 kg vàng (tương đương với gia sản của 10 gia đình nông dân), phải tiêu phí một số vàng lớn như vậy ông quyết định hủy bỏ kế hoạch xây sân phơi. Ông giảm nhẹ các hình phạt, bãi bỏ hình phạt cắt mũi, chặt tay, thích chữ nên mặt. Dần dần giảm bớt thế lực của chư hầu vương công, tăng cường chế độ tập quyền trung ương; sai quân trấn giữ phương Bắc, di chuyển dân chúng sống ở vùng biên giới tới vùng đất khác, tăng cường lực lượng phòng vệ trấn giữ biên giới phía Bắc. Do có những biện pháp tích cực như vậy nên triều Hán dần được yên ổn và quốc gia ngày một giàu có. Về sau này Cảnh Đế cũng tiếp tục duy trì những chính sách về kinh tế, chính trị, văn hóa... giống như ở thời Lưu Hằng. Vì vậy trong lịch sử mới gọi thời kỳ thống trị của Văn đế và Cảnh đế là: "Sự thống trị của Cảnh Đế và Văn Đế".

Tháng 6 năm 157 TCN, Lưu Hằng bị bệnh nặng. Ông biết bệnh tình khó lòng chữa khỏi liền sai triệu thái tử Lưu Khải đến dặn dò: "Chu Á Phu là một người quan trọng, có thể dựa dẫm được. Nếu như sau này có biến loạn, con có thể yên tâm giao cho ông ta việc thống lĩnh quân đội".

Vào ngày Ất Hợi, Lưu Hằng đã tạ thế ở cung Vị Ương. Sau khi chết lập miếu đặt hiệu là Thái Tông Thụy Hiệu là Văn Đế.

CẢNH ĐẾ (LƯU KHẢI)

(HÁN)

Cảnh Đế: tên của ông ta là Lưu Khải (188 TCN - 141 TCN). Là con trai thứ ba của Văn Đế. Lên kế vị sau khi Văn Đế chết. Ông trị vì được 16 năm, bị ốm chết. Thọ 48 tuổi, mai táng ở Dương Lăng (nay cách 30 km về phía Tây Nam huyện Cao Lăng tỉnh Thiểm Tây).

*

Thời Văn Đế trị vì đã lập Lưu Khải làm thái tử. Tháng 6 năm 157 Văn Đế bị bệnh chết, sau khi mai táng Văn Đế một cách chu đáo đầy đủ, Lưu Khải lên ngôi trị vì thiên hạ.

Trong những năm Lưu Khải cai trị thiên hạ, ông vẫn sử dụng những chính sách từ thời Văn Đế, kinh tế xã hội ngày một phồn vinh, quốc gia giàu có, ngân khố đầy đủ. Theo truyền thuyết, thời đó tiền trong kho xếp thành núi, dây thừng để xâu tiền đều bị đứt hết, trong kho đầy ắp lương thực, không có chỗ để lương thự còn phải để ở ngoài trời, có bao lương thực còn bị mục.

Thời Lưu Khải, thế lực của vương công chư hầu rất bành trướng, uy hiếp tập quyền trung ương. Ông dung nạp kiến nghị của khanh sứ đại phu Triều Thác, thực hiện về sách "tước bỏ thuộc địa". Ngô Vương Lưu Tất cho triệu tập chư hầu vương của 6 nước: Sở, Triệu, Giao Tây, Giao Đông, Tri Xuyên, Tế Nam... cùng nhau khởi binh làm loạn cướp đoạt ngôi vị đế vương Cảnh Đế rất bối rối bởi họ bắt ép Cảnh Đế phải loại bỏ Triều Tất. Cảnh Đế chiếu theo những yêu cầu của họ vậy mà Lưu Tất vẫn tấn công vào Trường An. Sau đó Cảnh Đế nhờ có Chu Á Phu giúp sức đã đánh bại Lưu Tất dẹp yên phản loạn, trong lịch sử gọi sự kiện này là "cuộc nội chiến của 7 nước". Sau chuyện này, Lưu Khải sai các chư hầu vương có quyền lực miễn quan quay về trung ương tước bỏ bớt lực lượng của chư hầu vương.

Tháng 1 năm 141 TCN, Lưu Khải bị ốm, bệnh của ông ngày càng trầm trọng. Biết mình không sống được, ông hạ lệnh thưởng cho các chu hầu vương, liệt chư mỗi người 8 con ngựa, các đại thần có công lớn mỗi người 2 cân vàng, tiểu sứ và dân chúng mỗi nhà 100 đồng, thả các cung nữ về cung suốt đời không phải đi phục vụ.

Ngày Giáp Tỵ, Lưu Khải tạ thế tại cung Vị Ương. Sau khi chết đặt Thụy Hiệu là Cảnh Đế.

VŨ ĐẾ (LƯU TRIỆT)

Vũ Đế, tên ông ta là Lưu Triệt (156 TCN - 87 TCN). Ông là con trai thứ 3 của Cảnh Đế, lên kế vị sau khi Cảnh Đế chết. Trị vị năm, bị chết trên đường đi tuần, thọ 71 tuổi. Mai táng ở Mậu Lăng (nay cách 17 km về phía Đông Bắc huyện Hưng Bình tỉnh Thiểm Tây).

*

Từ lúc 4 tuổi Lưu Triệt đã được phong làm giao đông vương, lên 7 tuổi được làm hoàng thái tử.

Cảnh Đế mất ngày Giáp tỵ tháng 1 năm 141 TCN. Lưu Triệt nên kế vị cha. Sau khi nên ngôi ông lấy niên hiệu là "kiến nguyên". Từ đó, trong lịch sử Trung Quốc bắt đầu dùng niên hiệu để ghi năm.

Trong những năm Lưu Triệt trị vì, ông vẫn sử dụng những chính sách ở thời Cảnh Đế, công bố "Thôi Ơn Lệnh" (cho phép chư hầu vương mang ruộng đất của mình chia cho anh em), ông còn bãi bỏ tước vị của nhiều vương công chư hầu. Giải quyết được mối đe dọa của họ đối với chế độ trung ương tập quyền.

Trong mặt tư tưởng ông chỉ cho phép truyền bá đạo nho, do vậy đã đưa đạo Nho trở thành một hệ tư tưởng thống trị xã hội phong kiến Trung quốc, từ đó đẩy mạnh được tác dụng tích cực đối với chế độ tập quyền trung ương.

Về kinh tế, ở kinh đô đặt ra chức quan kiểm tra chất lượng, còn ở các địa phương đặt ra chức quan vận chuyển. Những công việc này do triều đình trực tiếp kinh doanh vận chuyển và giao dịch để ổn định giá cả. Ông còn sai người sang sửa bờ Hoàng Hà, khởi công xây dựng công trình thủy lợi, dời dân đi khỏi những vùng hay gặp lũ nguy hiểm.

Trong quân sự: Nhiều lần ông sai Vệ Thanh và đại tướng Hoắc Khứ Bệnh mang quân đi đánh dẹp quân Hung Nô để giải trừ mối nguy hiểm, nhằm đảm bảo sự phát triển kinh tế, văn hóa ở các khu vực lưu vực sông Hoàng Hà. Tiêu diệt chính quyền cát cứ Nam Việt (1 nhánh thuộc người Việt ở PH) nhất (tùy dựng thêm 2 quận Vân và quận Quý ở Lệnh thiên) làm cướp mối quan hệ giữa dân tộc Hàn và dân tộc thiểu số.

Về ngoại giao, ông sai Trương Khiên đi sứ ở Tây Vực nhằm thúc đẩy mối giao lưu văn hóa kinh tế giữa nhân dân Tây Vực và nhân dân Hán, mở ra con đường tơ lụa" từ Trường An tới đế quốc La Mã ở Châu Âu.

(Đây là thời kỳ hưng thịnh)

Những biện pháp do ông đưa ra khiến Tây Hán phát triển đến thời kỳ hưng thịnh.

Nhưng vào những năm cuối đời, ông cho quân đi chinh chiến liên miên lao dịch phu phen nhiều vô kể. Ông còn tăng thêm thuế má, thậm chí còn xảy ra cảnh mua quan bán chức cộng thêm vào đó là thiên tai hạn hán khiến cho nhiều gia đình bị phá sản sống lưu vong dẫn đến nhiều cuộc khởi nghĩa nông dân. Đối mặt với nguy cơ của xã hội nên vào năm 90 TCN ông đã viết chiếu "nhận tội" tỏ ra mình đã hối hận về các lỗi lầm đã gây ra, quyết tâm dừng việc lấy quân lính vào quân đội, mở rộng và sửa đổi những công cụ trong nông nghiệp và kỹ thuật trong nông nghiệp, ông còn đi cày ruộng để tỏ ý từ nay về sau sẽ coi trọng sản xuất và chú trọng cuộc sống của nhân dân. Nhờ vậy, xã hội mới dần ổn định.

Tháng 2 năm 87 TCN, Lưu Triệt đi tuần tra ở bên ngoài. Đi đến Phù Phong (nay là huyện

Hưng Bình tỉnh Thiểm Tây) ông bị bệnh phải nằm ở cung Ngũ Tộ, không về Trường An được, ông vội vàng ra lệnh kịp con trai Lưu Phất Lăng làm thái tử, sai Hoắc Quang làm đại tư mã đại tướng quân, Kim Nhật Đê làm đại tướng chỉ huy kị binh, ông muốn họ sẽ phụ giúp thái tử.

Sau khi ông mất lập miếu đặt triệu là Thế Tông, lấy Thụy Hiệu là Vũ Đế.

CHIÊU ĐẾ (LƯU PHẤT LĂNG)

Chiêu Đế, tên ông ta là: Lưu Phất Lăng (94 TCN - 74 TCN). Là con trai của Vũ Đế, được kế vị khi Vũ Đế chết. Ông trị vì được 13 năm bị bệnh chết, thọ 22 tuổi. Mai táng ở Bình Lăng (nay cách 13 km về phía Tây Bắc thành phố Hàm Dương tỉnh Thiểm Tây).

*

Thời Vũ Đế trị vì. Ông ta lập Lưu Phất Lăng làm thái tử. Vũ Đế là người hay lo xa, ông sợ sau khi mình chết đất nước lại gặp cảnh "Lữ Hậu đoạt ngôi" cho nên sai giết mẹ của Lưu Phất Lăng (bà ta tên là Câu Dị) để phòng trừ những điều không hay. Vũ Đế mất ngày Đinh Mão tháng 2 năm 87 TCN sau khi lo chu đáo chuyện ma chay, những đại thần trong triều như Hoắc Quang, Điền Kiến Thu... lập Lưu Phất Lãng làm hoàng đế, sau khi lên ngôi ông đổi niên hiệu là "Thủy Nguyên".

Phất Lăng lên ngôi từ năm 8 tuổi. Tuân theo di chiếu của Vũ Đế, ông để Hoắc Quang trợ giúp công việc triều chính.

Tôi tướng quân thượng quan Kiệt và Tang Dương hai người này không ưa Hoắc Quang họ nhiều lần nghĩ cách hãm hại Hoắc Quang. Năm 81 TCN, Hoắc Quang phải đi kiểm duyệt quân Vũ Lâm và dẫn 1 hiệu úy vào phủ của mình để bàn bạc việc quân. Thượng quan Kiệt lợi dụng cơ hội này tung tin đồn nhảm sai người giả viết một bức thư của Yên Vương, rồi sai người bắt giữ sứ giả của Yên Vương giao cho Phất Lăng, vu oan cho Hoắc Quang có ý đồ tạo phản. Ngày hôm sau, Hoắc Quang vào cung triệu kiến Phất Lăng, lúc đó Hoắc Quang mới biết được tin tức này, ông quỳ phục dưới đất để thanh minh với hoàng đế.

Phất Lãng nói: "Khanh đi duyệt quân Vũ Lâm, do đó gặp gỡ bàn bạc với hiệu úy là chuyện cần thiết, thành Trường An cách xa phương Bắc như vậy. Yên Vương làm sao có thể biết chuyện này nhanh chóng như vậy được, giả sử có biết được thì thư cũng không thể gửi đến Trường An nhanh như vậy. Hơn nữa, nếu khanh có dã tâm tạo phản thì cũng không thể dựa vào một hiệu úy. Có người muốn hãm hại khanh nên với viết mạo bức thư, khanh không cần phải lo lắng, hãy đứng dậy đi". Hoắc Quang và các đại thần khác nghe Phất Lãng phân tích, đều khâm phục sự anh minh của vị hoàng đế trẻ tuổi.

Ít lâu sau, thượng quan Kiệt lại câu kết với Lưu Nhật muốn giết Hoắc Quang và Phất Lãng, để lập Lưu Nhật làm hoàng đế. Hoắc Quang biết được liền đi báo cho Phất Lãng, Phất Lãng tức giận vô cùng, ông lập tức sai Điền Kiến Thu mang quân đi giết Kiệt và ép buộc Lưu Nhật tự vẫn để tránh xảy ra chính biến.

Trong những năm Phất Lãng trị vì, ông thực hiện những kế sách ở thời Vũ Đế, di dân ra khỏi vùng biên cương, sai quân đi đánh dân tộc Hung Nô, tộc Điểu Hằng (là một nhánh của tộc Đông Hồ) nhằm bảo đảm sự an toàn ở vùng biên cương.

Phất Lãng mất vào tháng 4 năm 74 TCN tại cung Vị Ương.

Sau khi chết, đặt Thụy Hiệu là Chiêu Đế.

XƯƠNG ẤP VƯƠNG (LƯU HẠ)

(HÁN)

Xương Áp Vương, tên ông ta là Lưu Hạ, năm sinh và năm mất không biết rõ. Là cháu của Vũ Đế, em họ của Chiêu Đế. Chiêu Đế chết, không có con ông ta lên kế vị. Trị vì được 27 ngày, vì hoang dâm vô độ nên bị Hoắc Quang phế truất. Còn về sau ra sao thì không rõ.

*

Lưu Hạ từ lúc 5 tuổi đã được phong làm Xương Ấp Vương. Tháng 4 năm 74 TCN Chiêu Vương bị bệnh chết, không có con, nên vào ngày Bính Dậu tháng 6 năm 74 TCN lập Lưu Hạ làm hoàng đế.

Lưu Hạ là con nhà giàu sang phú quý, ông ta không có năng lực. Khi nhận ngôi vị hoàng đế, ông ta dẫn hơn 200 người vào cung, ngày ngày cùng những người này uống rượu nghe nhạc, hoang dâm vô độ, ông ta nên ngôi trong vòng 27 ngày đã gây ra 1107 chuyện hoang đường khiến hoàng cung náo loạn, rơi vào cảnh hỗn độn.

Hoắc Quang thấy *Lưu Hạ* không thể đảm nhận được chức trách, sau khi Hoắc Quang cùng các đại thần bàn bạc đã xin hoàng thái hầu hạ chỉ phế truất Lưu Hạ và đích thân Hoắc Quang hộ tống *Lưu Hạ* trở về Xương Ấp (nay thuộc phía Đông Nam huyện Cự Dã tỉnh Sơn Đông), phế bỏ đi vương hiệu của Lưu Hạ đổi tên vùng đất đã phong cho Lưu Hạ thành quận Sơn Dương, chỉ cho Lưu Hạ hưởng tô thuế của 2000 hộ trong ấp.

Chuyện của Lưu Hạ về sau ra sao không rõ lắm.

Trong sử sách gọi Lưu Hạ là Xương Ấp Vương.

TUYÊN ĐẾ (LƯU TUẦN)

Tuyên Đế, tên của ông ta là Lưu Tuần (90 TCN - 49 TCN). Ông là chắt của Vũ Đế. Nên kế vị sau khi Xương Ấp Vương bị phế truất. Trị vì được 25 năm, bị bệnh chết, thọ 42 tuổi. Mai táng ờ Đỗ Lăng (nay cách 15 km về phía Đông Nam thành phố Tây An tỉnh Thiểm Tây).

*

Lưu Tuần, ông ta vốn có tên là: Bệnh Kỉ, tự là: Thứ khanh, là cháu của thái tử Lưu Cứ, cha của Lưu Tuấn tên là Lưu Tiến. vốn dĩ Lưu Cứ bị Giang Sung vu oan hãm hại nên bị phụ hoàng Vũ Đế nghi ngờ. Lưu Cứ bực tức mang quân tiến đánh Giang Sung, không ngờ Lưu Cứ lại thất bại và bị giết, cái chết của ông ta còn làm liên lụy đến cả nhà, những người thân đều bị phế xuống làm thường dân. Lưu Tuấn được bà nội mang về nuôi dưỡng, sống ở dân gian, lúc nhỏ ông thường hay đi vào kinh thành, biết được nỗi khổ của nhân dân, Lưu Tuấn còn am hiểu học thuyết của hoàng lão. Tháng 6 năm 74 TCN Xương Ấp Vương bị phế truất, Hoắc Quang và các đại thần đón Lưu Tuần vào cung phong làm Dương Vũ Chư. Tháng 7 ngày Canh Thân năm 74 TCN phong Lưu Tuần làm hoàng đế. Ông cho đổi niên hiệu là Bản Thủy".

Sau khi Lưu Tuấn nên kế vị, ông trọng dụng những người tài giỏi, giảm nhẹ tô thuế, phát triển sản xuất, mở rộng mối giao lưu văn hóa, đình chỉ các cuộc chinh phạt... tình hình trị an rất ổn định. Ông còn chinh phục được Tây vực khiến Tây vực chính thức trở thành một bộ phận của chính quyền tập quyền Trung Ương. Hàng phục được dân tộc Hung Nô khiến cho uy quyền của ông vang dội gần xa. Mùa đông năm 49 TCN, Lưu Tuần bị bệnh. Tháng 12 bệnh phát ra nguy kịch. Ông cử Sử Cao làm đại tư mã kiêm tướng quân chỉ huy kị binh, Tiêu Vọng làm tiền tướng quân cùng phụ giúp thái tử Lưu Thích.

Vào ngày Giáp Tuất, Lưu Tuần tạ thế tại cung Vị Ương. Sau khi Lưu Tuần chết lập miếu đặt hiệu là Trung Tôn, đặt Thụy Hiệu là Tuyên Đế.

NGUYÊN ĐẾ (LƯU THÍCH)

Nguyên Đế, tên ông ta là Lưu Thích (76 TCN - 33 TCN). Ông là con trai của Tuyên Đế, nên kế vị sau khi Tuyên Đế chết. Ông trị vì được 16 năm, bị bệnh chết, thọ 44 tuổi. Mai táng ở Vị Lăng (nay cách 12 km về phía Đông Bắc thành phố Hàm Dương tỉnh Thiểm Tây).

*

Tuyên Đế lập Lưu Thích làm thái tử. Tuyên Đế mất ngày Giáp Tuất tháng 12 năm 49 TCN, sau khi mai táng Tuyên Đế chu đáo các đại thần lập Lưu Thích làm hoàng đế. Lưu Thích lên ngôi, cho đổi niên hiệu là "Sơ Nguyên".

Lưu Thích rất chuộng đạo Nho, vì vậy ông chọn các nho sinh làm quan. Lúc này, chính quyền trung ương tập quyền suy yếu, nguy cơ xã hội ngày càng nghiêm trọng, cường hào địa chủ luôn chèn ép dân chúng, vương triều Tây Hán ngày một suy vong.

Năm 33 TCN, tướng quân Đôn Vu (dân tộc Hung Nô) vào triều cầu thân, Lưu Thích cho triệu tập các cung nữ để chọn một người gả cho Đơn Vu. Cuối cùng đã chọn được Chiêu Quân. Lúc chuẩn bị từ biệt tiễn Chiêu Quân lên đường. Lưu Thích mới phát hiệu Chiêu Quân rất đẹp, ông ta vô cùng hối hận. Hóa ra, cung nữ trong hoàng cung rất nhiều, hoàng đế không có cách gì gặp mặt được tất cả bọn họ, do đó ông sai họa sĩ Mao Diên Thọ vẽ dung mạo của các cung nữ giao cho hoàng đế xem. Vương Chiêu Quân vì không muốn đút lót tiền bạc cho họa sĩ, do đó Mao Diên Thọ vẽ chân dung cô ta rát xấu xí. Do vậy, khi Đơn Vu đến cầu hôn, Lưu Thích gả cô ta đi.

Sau khi Chiêu Quân đến tộc Hung Nô, cô ta khuyên Đơn Vu không nên tiến công triều Hán mặt khác còn truyền bá văn hóa của dân tộc Hán khiến cho hai dân tộc có mối giao dung văn hóa.

Lưu Thích mất vào ngày Nhâm Thìn tháng 5 năm 33 TCN tại cung Vị Ương.

Sau khi ông ta chết đặt Thụy Hiệu là Nguyên Đế.

THÀNH ĐẾ (LƯU NGẠO)

Thành Đế, tên ông ta là Lưu Ngạo (51 TCN - 7 TCN). Là con trai của Nguyên Đế, nên kế vị sau khi Nguyên Đế chết. Trị vì được 26 năm, bị bệnh chết, thọ 45 tuổi. Mai táng ở Diên Lăng (nay cách 15 km về phía Tây Bắc thành phố Lạc Dương tỉnh Thiểm Tây).

*

Thời Nguyên Đế trị vì đã lập Lưu Ngạo làm thái tử. Tháng 5 năm 33 TCN Nguyên Đế chết và tháng 6 năm 33 TCN lập Lưu Ngạo làm hoàng đế. Sau khi lên ngôi ông đổi niên hiệu là: "Kiến Thủy". Lưu Ngạo lên ngôi, cuộc sống của ông ta rất xa xỉ, hoang dâm, ông ta sủng ái hai chị em Triệu Phi Yến, đặc biệt ông rất lười nhác trong công việc triều chính. Quyền lực triều đình dần dần rơi vào tay người ngoài dòng họ (gia tộc của hoàng hậu hoặc hoàng thái hậu). 7 anh em nhà thái hậu Vương Chính quân đều được phong làm chư hầu vương thâu tóm vương quyền.

Ngày Bính Tuất tháng 2 năm 7 TCN, Lưu Ngạo đi chơi đến nửa đêm mới trở về cung Vị Ương, sáng hôm sau dậy lúc đang mặc áo, đột nhiên bị trúng gió lăn ra bất tỉnh và chết luôn tại chỗ.

Sau khi ông ta chết đặt Thụy Hiệu là Thành Đế.

AI ĐẾ (LƯU HÂN)

Ai Đế, tên ông ta là: Lưu Hân (26 TCN - 1 TCN). Ông là con trai của Thành Đế, lên kế vị Thành Đế khi ông ta chết. Trị vì được 6 năm, bị bệnh chết. Hưởng dương 26 tuổi. Mai táng ở Nghĩa Lăng (nay cách 8 km về phía Tây thành phố Hàm Dương tỉnh Thiểm Tây).

*

Lưu Hân là cháu thứ của Nguyên Đế và là con trai của Lưu Khang, Lưu Khang vốn được cha sủng ái nên phong làm Định Dao Vương,. Sau khi Thành Đế nên ngôi nhận Lưu Hán làm con nuôi và lập làm thái tử. Sau khi Thành Đế chết, các đại thần lập Lưu Hán làm hoàng đế, lễ đăng quang được tổ chức vào ngày Bính Sửu tháng 4 năm 7 TCN. Sau khi nên ngôi, ông đổi niên hiệu là "Kiến Bình". Khi nên ngôi phải đối mặt với những nguy cơ của xã hội, ông đưa ra những phương án tối ưu như: ngăn chặn các hành vi phi pháp, hạn chế việc bóc lột sức lao động của nô lệ. Nhưng về sau gặp phải sự phản đối của các quý tộc quan lại nên không thể duy trì các biện pháp đó.

Lưu Hân mất ngày Mậu Sửu tháng 6 năm 1 TCH tại cung Vị Ương.

Sau khi chết đặt Thụy Hiệu là Ai Đế.

BÌNH ĐẾ (LƯU KHÁN)

Bình Đế, tên ông ta là Lưu Khán (9 TCN - 5 CN). LÀ cháu của Nguyên Đế và là con trai của Lưu Hưng lên kế vị sau khi Ai Đế chết. Ông trị vì được 5 năm, có một thuyết nói là bị bệnh chết, 1 thuyết khác nói là bị đầu độc chết),. hưởng dương 14 tuổi. Mai táng ở Khang Lăng (nay cách 25 km về phía Tây thành phố Hàm Dương tỉnh Thiểm Tây).

*

Cha của Lưu Khán được phong làm Trung Sơn Vương. Tháng 9 năm 1 TCN Lưu Khán được lập làm hoàng đế sau khi Ai Đế chết. Sau khi nên ngôi ông cho đổi niên hiệu là "Nguyên Thủy".

Năm Lưu Khán nên 9 tuổi đã làm hoàng đế do vậy Đại tư mã Vương Mãng lộng hành trong triều. Tư MÃ mưu mô quỷ quyệt, tham vọng đoạt ngôi ngày một cao. Để thuận lợi cho việc đoạt ngôi vị, Tư MÃ thường tìm cách li gián hai mẹ con Lưu Khán và giết cậu của Lưu Khán phòng trừ ông ta tranh quyền với Vương Mãn.

Năm Lưu Khán nên 14, mắt thấy tai nghe sự nham hiểm độc án của Vương Mãng, cho nên ông thường biểu lộ thái độ coi khinh và căm hận Vương Mãng. Vương Mãng lo lắng vô cùng, ông ta biết nếu Lưu Khán trưởng thành thì khó lòng thun phục được, do vậy quyết định trừ bỏ Lưu Khán tháng 12 năm 5 CN, các đại thần đến chúc mừng sinh nhật của Lưu Khán, nhân dịp này Vương Mãng dâng chúc Lưu Khán một chén rượu độc, Lưu Khán nhận lấy và uống cạn hết. Đến buổi tối ông thấy ruột đau như cắt, ông vội gọi thái y nhưng không thấy ai đến cứu chữa, ông gào khóc đau đớn, cơn đau cứ kéo dài trong vài ngày. Cuối cùng ông mất vào ngày Bính Sửu năm 5 CN tại cung Vị Ương.

Sau khi Lưu Khán chết, đặt Thụy Hiệu là Bình Đế.

NHỮ TỬ (LƯU NHI)

Nhữ Tử tên ông ta là Lưu Nhi (5 CN - 25 CN). Ông là chút của Tuyên Đế, sau khi Vương Mãng hạ độc giết Lưu Khán đã lập Nhữ Tử làm hoàng đế. Lúc lên ngôi Nhữ Tử mới có 3 tuổi và ông bị chết trong một cuộc hỗn chiến, hưởng dương 21 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Vương Mãn sau khi hạ độc Bình Đế, thấy cơ hội cướp quyền đoạt ngôi vẫn chưa chín muồi

do vậy đã lập Nhữ Từ làm hoàng đế.

Lên 2 tuổi đã làm hoàng đế, do vậy Vương Mãng nắm quyền nhiếp chính, ông ta đổi niên hiệu là "Cư Nhiếp". Ít lâu sau, Vương Mãn tự xưng là "Giả hoàng đế" (thay hoàng đế xử lý công việc). Năm 8 CN, Vương Mãng đoạt ngôi và cho đổi niên hiệu là "Tân", ông ta phế truất Lưu Nhi, phong cho Lưu Nhi làm An Định Công bắt Lưu Nhi phải sống ở Trường An. Nhà Tây Hán bị diệt vong.

Tháng 1 năm 25 CN, Phương Vọng dẫn Lưu Nhi dời khỏi thành Trường An. Mang Lưu Nhi đến Lâm Kinh lập Lưu hi làm hoàng đế. Tháng 2 Phương Vọng lật đổ được Vương Mãn và giúp đỡ Lưu Huyền làm canh thủy đế và sai tướng Quý Tùng Đới đi đánh Vương Mãng. Trong cuộc hỗn chiến Lưu Nhi bị hỗn quân giết chết.

Trong sử sách gọi Lưu Nhi là Nhữ Tử.

HOÀI DƯƠNG VƯƠNG (LƯU HUYỀN)

oài Dương Vương, tên ông ta là: Lưu Huyền, tên tự là: thành Công (? CN - 25 CN). Là dòng tộc nhà Tây Há. Ông được phong làm thủy đế sau khi Vương Mãn bị lật đổ. Sau khi Lưu Huyền đầu hàng quân Xích Mi đã được Lưu Tú phong làm Hoài Dương Vương. Ông ta trị vì được 3 năm, bị quân Xích Mi giết chết. Mai táng ở Bá Lăng.

*

Lưu Huyền quê ở Thái Dương (Nam Dương). Vào những năm cuối thời Tân Mãng, Lưu Huyền khởi binh đánh Vương Mãng, gia nhập vào quân đội của Bình Lâm và được phong làm Thủy Tướng quân. Sau này lại liên kết với quân Lục Lâm. Vào tháng 2 ngày Tân Kỷ năm 23 CN, quân khởi nghĩa lập Lưu Huyền làm hoàng đế, đặt niên hiệu là "Canh Thủy". Không lâu sau, chính quyền Vương Mãn bị lật đổ, Lưu Huyền cho dời đô đến Trường An.

Sau khi đến Trường An, Lưu Huyền cho rằng thiên hạ đã ổn định, cho nên ông ta dăn chơi trác táng, không quản lý công việc triều chính, cả ngày chìm đắm trong tửu sắc, ông ta còn dung túng thuộc hạ làm bậy. Những điều đó khiến quân lục lâm vô cùng thất vọng. Tháng 9 năm 25 quân Xích Mi tấn công vào Trường An, chính quyền Canh Thủy bị tiêu diệt, Lưu Huyền phải đầu hàng, bị thượng tướng quân Lưu Bàn Tử phong làm Trường Sa Vương, sau đó lại bị Lưu Tú phong làm Hoài Dương Vương.

Tháng 12 năm 25 thủ lĩnh quân Xích Mi thấy để Lưu Huyền sống sót là một tai hại cho nên quyết định trừ bỏ. Vì thế đã ra lệnh cho tướng Tạ Lục mời Lưu Huyền đến ngoại thành Trường An kiểm duyệt binh mã. Đến ngoại thành, Tạ Lục bắt Lưu Huyền xuống ngựa dùng dây thừng xiết cổ.

Ít lâu sau theo lệnh của Lưu Tú đã đem táng Lưu Huyền ở Bá Lăng.

Trong sử gọi Lưu Huyền là Canh Thủy Đế.

TÂN TRIỀU

(8 CN - 23 CN, tổng cộng 16 năm)

Tân triều chỉ có một hoàng đế đó là Vương Mãng, sau này bị quân khởi nghĩa giết chết.

VƯƠNG MÃNG (TÂN)

Vương Mãng (45 TCN - 23 CN), ông ta là cháu họ của hoàng hậu (vợ của Hán Nguyên Đế), làm quan đại tư mã. Vương Mãng hại độc giết Bình Đế để cướp ngôi. Ông trị vì được 16 năm,

sau đó bị quân khởi nghĩa giết chết, thọ 68 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Vương Mãng là cháu của hoàng hậu Vương Chinh Quân (vợ của vua Hán Nguyên Đế Đế Thích). Cha của Vương Mãng bị chết sớm, gia cảnh rất túng bấn. Ông ta sống trong cảnh thanh bần suốt ngày chỉ vùi đầu vào đọc sách, xử thế rất cẩn thận. Năm Vương Mãng 18 tuổi, anh em nhà hoàng hậu đều làm quan chức vị cao sang, Vương Phụng làm đại tư mã đại tướng quân, Vương Đàm, Vương Thương, Vương Lập, Vương Căn, Vương Phùng đều được phong làm chư hầu vương, thời đó gọi là "Ngũ Chư" bọn họ đều kiêu ngạo ngang ngược ăn chơi xa xỉ. Nếu so sánh họ với Vương Mãng quả thật khác xa một trời một vực, Vương Mãng cực kỳ tiết kiệm am hiểu lễ nghĩa, do đó giành được tình cảm tốt của hoàng hậu Vương Chinh Quân. Vương Mãng nhân cơ hội đó nói chuyện với cô mẫu và các thúc bá. Vương Phụng trong lúc bệnh tình hiểm nghèo Vương Mãng luôn ở bên cạnh túc trực phục vụ chu đáo, điều đó làm cho Vương Phụng vô cùng cảm động, do đó lúc Vương Phụng sắp giã từ cõi đời đem gửi Vương Mãng cho hoàng hậu Vương Chinh Quân và Thành Đế. *Nhờ sự giúp đỡ của hoàng hậu Vương Chinh Quân nên Vương Mãng được cử làm hoàng môn long chuyên đi phục vụ hoàng đế, truyền đạt các chiếu lệnh của hoàng đế. Về sau, Vương Mãng được cử làm hiệu úy chỉ huy quân sĩ xạ thủ. Nhờ sự giú đỡ của Vương Chinh Quân vua Thành Đế đã phong cho Vương Mãng làm tân đô chư, Vương Mãng làm tân đô chư, và dần dần Vương Mãng làm kị đô úy (đại thần cận vệ của hoàng đế). Từ đó, địa vị của Vương Mãng ngày một cao.*

Thời đó, quan lại đều hư hỏng, bộ máy chính quyền thối rữa, nền chính trị đen tối, nhân dân khốn khó, dân chúng trong nước đều mong có một vị hoàng đế anh minh để trị vì thiên hạ giải quyết tốt công việc triều chính, sửa đổi lại tình trạng rối loạn trong xã hội Vương Mãng nhân dịp đó cũng nảy sinh ý định cướp quyền đoạt ngôi. Ông ta giả vờ sống thanh bạch tiết kiệm, không tham phú quý, biểu hiện vẻ bề ngoài giống như một thư sinh sống trong cảnh thanh bần. Có một lần trong một buổi tiệc lớn, ông ta nhiều lần dời khỏi bàn tiệc nói dối đi sắc thuốc cho mẹ đang bị bệnh, ông ta làm như vậy cốt để tỏ ra mình hiếu lễ". Ông ta còn đi đến các học đường của con cháu hỏi thăm thầy giáo, thậm chí còn lấy của cải của gia đình giúp đỡ những học sinh nghèo, do vậy dần dần giành được tiếng khen của mọi người trong xã hội. Vào năm 8 TCN đã được cử làm Đại Tư Mã.

Năm 7 TCN, Thành Đế bị bệnh chết, Ai Đế nên kế vị, Vương Mãng ngoài việc trợ giúp hoàng đế mới, ông ta còn được nhận đất phong và tiếp tục tìm cách lấy lòng dân. Có một lần con trai của ông ta giết chết một nô tì, điều đó vi phạm vào pháp luật. Vương Mãng bắt con trai mình phải tự vẫn và ông ta lấy hết tài sản phân phát cứu tế cho những gia đình nghèo và gia đình gặp thiên tai. Một lần nữa lại giành được lời khen của mọi người trong xã hội. Rất nhiều người trong giới thượng lưu muốn Vương Mãng quản lý công việc triều chính. Năm 1 CN, Ai Đế bị bệnh chết, nhờ có sự giúp đỡ của Vương Chinh Quân Vương Mãng lại là quan đại tư mã, theo lệnh của Vương Chinh Quân, thì Vương Mãng trợ giúp Lưu Khán làm Bình Đế, còn Vương Mãng nắm công việc triều chính vạ được gọi là "Thái Phụ", hiệu là "An quốc Công", khống chế chính quyền Tây Hán.

Tiếp đó, Vương Mãng còn phong chức vị chư hầu cho con cháu của người thân tín với ông ta làm quý tộc. Ông ta còn cho triệu tập các sở tư trong thiên hạ đến kinh thành và phong cho họ làm thái học sinh. Ông ta làm vậy,cốt để lấy được sự ủng hộ của nhiều người trong giai cấp thống trị. Để củng cố địa vị của mình, ông còn gả con gái (lúc đó mới 13 tuổi) cho Bình Đế để lập làm hoàng hậu,vì chuyện này hoàng đế Bình Đế đã cho Vương Mãng 25000 mẫu ruộng. Vương Mãng chối từ không nhận, cũng vì chuyện này Vương Mãng một lần nữa được người trong xã hội khen ngợi.

Theo đà đó, tiếng tăm và quyền thế của Vương Mãng ngày một nên cao. Ông ta tích cực chuẩn bị phế bỏ triều Hán và tự nên ngôi. - Năm 4 CN, ông ta tự xưng là "Tân Hoành", tên này ghép bởi tên của Chu Công và Ỷ Doãn (Chu Công có tên là Thái Tân, Ỷ Doãn có tên là A Hoành).

Năm 5 CN, nghe nói ông ta dùng rượu độc hại chết Bình Đế và lập Nhữ Tử Nhi làm hoàng đế, còn Vương Mãng tự mình nhiếp chính triều đình. Năm 6 CN, Vương Mãng tự xưng là giả hoàng đế (thay hoàng đế quản ý triều chính). Tháng 10 năm 8 CN, Vương Mãng thấy thời cơ đoạt ngôi hoàng đế đã đến, ông ta liền phế truất Nhữ Tử Nhi và ép buộc Vương Chinh Quân giao ấn ngọc, rồi tự xưng làm hoàng đế, đổi quốc hiệu là "Tân" lấy niên hiệu là "Thủy kiến quốc", lịch sử gọi là Tân Triều.

Sau khi Vương Mãng đoạt ngôi, để làm dịu những mâu thuẫn xã hội ông ta ra lệnh thay đổi chế độ pháp lệnh của nhà nước, đem toàn bộ ruộng đất trong nước đổi thành "vương điền" (ruộng của vua), cấm chỉ việc mua bán ruộng đất, hạn chế một người mà lại chiếm nhiều ruộng; nô tì được gọi là "tư thục" không cho phép việc mua đi bán lại các nô tì, hạn chế sự phát triển các ngành cộng thương nghiệp, tăng thuế thu; cải cách chế độ tiền tệ". Nhưng do sự phá hoại của bọn quý tộc và cường hào, việc cải cách không làm dịu đi những mâu thuẫn mà ngược lại còn tăng thêm mâu thuẫn giai cấp và gặp phải sự phản đối kịch liệt của nhân dân. Để chuyển dời những mâu thuẫn, Vương Mãng phát động cuộc chiến tranh chinh phạt các dân tộc thiểu số ở vùng biên cương, bất chấp hết thảy mọi thủ đoạn để trưng dụng dân phu, ngang ngược hung bạo, pháp lệnh rất nghiêm khắc, cuối cùng làm dầy nên cuộc khởi nghĩa nông dân.

Năm 23 CN, xảy ra một cuộc chiến giữa quân lục lâm và quân của Vương Mãng tại Hồn Dương (nay thuộc huyện Diệp tỉnh Hà Nam), binh lực của Vương Mãng bị tiêu diệt, theo đà đó quân lục lâm đánh vào trường An. Vương Mãng lo lắng khùng hoảng, đành phải đưa cả những tội phạm vào hàng ngũ binh lính, sai họ ra đánh trận. Tháng 10 năm 23, quân lục lâm tấn công thành Trường An, đánh vào hoàng cung. Vương Mãng sắp chết đến nơi vậy mà vẫn hồ đồ ngu xuẩn mặc áo bào màu xanh hồng, đeo ấn tượng tay cầm đoản kiếm, cầu khẩn thượng đế phù hộ. Ông ta nhất định cho rằng trời sẽ phù hô ông ta, quân lục lâm sẽ không làm gì được.

Ngày hôm sau, quân lục lâm đốt cung Vị Ương nhân dân trong thành cũng tham gia tấn côn hoàng cung, tướng Cao Giảm khuyên Vương Mãng đầu hàng, nhưng ông ta không nghe. Trong quân lính chạy đến đài Tiệm là nơi an toàn nhất có thể ẩn trốn... Quân khởi nghĩa vội vàng bao vây đài Tiệm bọc vây bên trong bên ngoài phải đến vài trăm vòng. Đợi đến khi quân của Vương Mãng bắn hết tên quân khởi nghĩa liền xông lên đài Tiệm giết hết binh lính. Tướng Đỗ Ngô là người đầu tiên xông nên đài Tiệm, thầy Vương Mãng ăn mặc chỉnh tề, ngồi đó mặt mày tái mét. Đỗ Ngô liền chém chết Vương Mãng. Tiếp đó, Đỗ Ngô sai một nghĩa quân chặt đầu Vương Mãng. Quân khởi nghĩa xông nên chặt thân thể Vương Mãng làm nhiều đoạn. Thủ cấp của Vương Mãng được mang về giao cho Canh Thủy Đế Lưu Huyền, ông ta ra lệt treo đầu Vương Mãng trên tường thành cho mọi người xem. Dân chúng hận Vương Mãng tới tận xương tận tủy, họ lấy đá ném, có người còn cắt lưỡi của Vương Mãng, cắt ra nhiều miếng nhỏ, đưa cho quần chúng xem.

Vương Mãng là một hoàng đồ yêu khoa học. Năm thứ 3 Thiên Phùng (năm 16 CN), có một người tên là Vương Tôn Khánh bị xử tội chết, Vương Mãng ra lệnh cho thái y giải phẫu thân thể của Vông Tôn Khánh. Đây là việc giải phẫu thi thể sớm nhất niên đại được ghi chép trong lịch sử Trung quốc. Vương Mãng cũng từng thử nghiệm làm theo kiểu con chim bây. Năm 18 CN, Vương Mãng tấn công dân tộc Hung Nô, có một người hiến cho Vương Mãng phương pháp làm theo kiểu chim bay. Anh ta lấy lòng chim tết thành một đôi cánh, sau đó đeo vào người, nói có thể bay được khoảng 100 bước chân.Vương Mãng còn là nhà nghiên cứu thực phẩm. Thời kỳ ông ta trị vì, do thiên tai liên tiếp xảy ra, lương thực rất khan hiếm, Vương Mãng liền sai người đến các vùng đất kiểm tra những thực vật có thể ăn được, tiến hành kèm thực nghiệm váng sữa nhân tạo.

ĐÔNG HÁN

(năm 25 - năm 220, tổng cộng 196 năm)

Thời Đông Hán hay còn gọi là thời Hậu Hán. Tính từ năm 25 khi Lưu Tú xưng đế cho đến năm 220 Tào Phi thay thế nhà Hán. Vì kinh đô Lạc Dương nằm ở phía Đông của kinh thành Trường An của Tây Hán, do vậy sử sách gọi là Đôn Hán. Đông Hán là vương triều kế tiếp vương triều. Tây Hán, thời này quốc gia hùng mạnh, kinh tế phát triển. Cuối thời Đông Hán do thể lực của cường hào địa chủ rất bành trướng, gây ra cuộc hỗn chiến. Thời Đông Hán có 14 hoàng đế (kể cả thiếu Đế Lưu Ý), trong đó có 11 bị chết do bệnh tật, một người do mất nước bị phế bỏ nên sinh bệnh mà chết,. một người bị quần thần phế truất rồi hạ độc chết; một người bị độc chết.

Ngoài ra còn phụ chú thêm về thái hậu Đăng và thái hậu Lương, hai người này bị bệnh chết.

QUANG VŨ ĐẾ (LƯU TÚ)

(ĐÔNG HÁN)

Quang Vũ Đế, ông ta tên là: Lưu Tú (6 CN - 57 CN), tên tự của ông ta là Văn Quyền. Ông ta là cháu đời thứ 9 của Cao Tổ. Ông ta lật đổ Vương Mãng, Lưu Huyền rồi tự xưng làm hoàng đế. Trị vì được 33 năm. Bị bệnh chết, thọ 63 tuổi. Mai táng ở Nguyên Lăng (nay thuộc huyện Mãnh Lục tỉnh Hà Nam).

*

Lưu Tú là người ở Thái Dương huyện Nam Dương. Cuối thời Tân Mãng, dầy nên các cuộc khởi nghĩa nông dân, ông đã cùng với anh trai là Lưu Diễn gia nhập nghĩa quân, tham gia vào quân lục lâm.

Năm 23 CN, quân lục lâm đánh chiếm Hỗn Dương Vương Mãn phải 430.000 quên bao vây tành Hỗn Dương, tiến đánh quân Lục Lâm mà lúc đó quân lục làm chỉ có 9000 người.

Trong tình hình nguy kịch, Lưu Tú đề nghị cố gắng thư chờ cứu viện, theo yêu cầu của Lưu Tú đã cho Lưu Tú một số binh mã, cử Lưu Tú đến quận huyện Hà Bắc. Sau khi Lưu Tú đến Hà Bắc, đã phế bỏ chế độ chính trị của Vương Mãng, thả hết phạm nhân, khôi phục nền chính trị của nhà Hán, và được bọn địa chủ quan lại giúp đỡ rất nhiều. Nhưng quan hệ giữa Lưu Huyền và Lưu Tú lại vô cùng căng thẳng, Lưu Tú cầm đầu cuộc khởi nghĩa nông dân, lực lượng phát triển rất nhanh. Ngày Kỷ Mùi tháng 6 năm 25, tại đô thành Hạo, Lưu Huyền tự xưng làm hoàng đế, lấy quốc hiệu là "Hán" đóng đô ở Lạc Dương, và lấy niên hiệu là "Kiến Vũ". Trong lịch sử gọi là Đông Hán, Hậu Hán.

Sau khi Lưu Tú xưng đế, trấn an được quân Xích Mi, tiêu diệt các thế lực nguy hiểm, vào năm 36 đã thống nhất Trung quốc.

Trong những năm Lưu Tú trị vì, có tất cả 9 lần ông ban bố việc phóng thích nô tì, cấm mua bán nô tì, phóng thích phạm nhân, giảm nhẹ tô thuế và lao dịch, phát triển kinh tế, xây dựng các công trình thủy lợi, bãi bỏ đi hơn 400 huyện lị, giảm bớt số lượng quan lại, ông bỏ đi chức vị đô úy ở các địa phương. Tất cả những điều đó nhằm củng cố thể chế chính trị của tập quyền trung ương.

Ngày Mậu Tuất tháng 2 năm 57, Lưu Tú bị bệnh chết tại cung Nam đô thành Lạc Dương. Trước khi chết để lại di chiếu nói: "Trẫm không mang lại sự giàu sang cho muôn dân, cho nên tang lễ làm theo kiểu tang lễ của Chiêu Văn Đế (Lưu Hằng thời Tây Hán), làm đơn giản không

cần phải lãng phí" và còn dẫn đầu 12 kị binh cảm tử, buổi tối xông ra cửa thành phố Nam giết quân lính trấn giữ ở đó để mở đường đi tìm quân cứu viện. Ông ta còn dẫn 3000 quân tinh nhuệ quay về tấn công vào doanh trại địch, làm náo loạn doanh trại và ông ta đã giết chết thống sứ Vương Tầm. Quân lục lâm ở trong thành cũng xông ra, trong đánh ra ngoài đánh vào, chẳng mấy chốc đã tiêu diệt quân chủ lực của địch. Trận chiến này lấy ít thắng nhiều, nó là một trận chiến mang tính then chốt để lật đổ chính quyền Vương Mãng. Từ đó, tiếng tăm của Lưu Tú vang vọng gần xa.

Không lâu sau, Canh Thủy Đế Lưu Huyền lo lắng Lưu Diễn, Lưu Tú sẽ tranh quyền đoạt ngôi hoàng đế, Lưu Huyền liền tìm cách giết Lưu Diễn. Lưu Tú biết tin, ông ta biết lực lượng của mình không đủ sức tấn công Lưu Huyền, do vậy Lưu Tú vội dẫn quân đến Uyên Thành (nay thuộc huyện Nam Dương tỉnh Hà Nam) để nhận tội với Lưu Huyền, nói tội của anh trai Lưu Diễn đáng phải xử tội chết. Lưu Tú không tỏ vẻ đau đớn khi anh trai chết, vẫn cười nói tự nhiên, uống rượu nghe nhạc, không hề đau khổ. Mọi người hỏi, tình hình của cuộc chiến ở thành Hỗn Dương, Lưu Tú nói đó là công lao của các tướng sĩ còn bản thân ông ta chẳng có chiến tích gì. Nhưng đến buổi tối, nằm trong phòng, ông lại khóc thương ai trưởng, oán hận Lưu Huyền vô tình vô nghĩa. Lưu Huyền không tìm được chứng cứ để loại bỏ Lưu Tú đành phải phong cho Lưu Tú làm đại tướng quân.

Sau khi chính quyền của Vương Mãng bị diệt vong, Lưu Huyền cho rằng thiên hạ ổn định và sau khi Lưu Tú chết lập miếu đặt hiệu là Thế Tổ, đặt Thụy hiệu là: Quang Vũ Đế.

MINH ĐẾ (LƯU TRANG)

(ĐÔNG HÁN)

Minh Đế, tên ông ta là Lưu Trang (28 CN - 75 CN). Lúc đầu ông ta có tên là Lưu Dương. Ông ta là con trai thứ 4 của Quang Vũ Đế chết. Ông trị vì được 18 năm, bị bệnh chết, thọ 48 tuổi. Mai táng ở Hiển Tiết Lăng (nay thuộc phía Đông Nam thành phố Lạc Dương tỉnh Hà Nam).

*

Thời Quang Vũ Đế trị vì đã phong cho Lưu Trang làm Đông Hải Công. Ngày Mậu Tuất tháng 2 năm 57 Lưu Trang lên ngôi kế vị ngay sau khi Lưu Tú chết. Sau khi nên ngôi ông ta đổi niên hiệu là "Vĩnh Bình".

Trong những năm Lưu Trang nên trị vì, ông chú ý chỉnh đốn bộ máy quan lại, nghiêm trị những quan lại có hành vi phạm pháp, giảm nhẹ tô thuế và ít khi mang quân đi chinh phạt các dân tộc thiểu số. Điều đó khiến dân chúng có thời gian chăm lo sản xuất và không phải lo âu đi lao dịch. Các nhà sử học gọi thời kỳ này là "Thiên hạ thái bình, muôn dân gàu có".

Lưu Trang còn phái Thái Âm và Tần Cảnh đi Thiên Trúc lấy kinh. Năm 67 CN, Thái Âm và Tần Cảnh mời được Lui Sa Môn ở Thiên Trúc đến được Trung quốc, dùng ngựa trắng chở tượng Phật và 42 chương kinh Phật mang về Lạc Dương. Lưu Trang cho xây dựng một ngôi chùa ở phía Đông thành Lạc Dương, kiểu cách của ngôi chùa đó giống như chùa ở Thiên Trúc, xây xong ngôi chùa Phật này, ông sai dẫn con ngựa trắng đến đó nuôi dưỡng, vì vậy ngôi chùa được đặt tên là "chùa Bạch Mã". Lưu Trang mất ngày Nhâm Tí tháng 8 năm 75 CN, tại điện Tiền cung Đông thành Lạc Dương. Ông để lại di chiếu là làm tang lễ đơn giản tránh lãng phí".

Sau khi ông chết lập miếu đặt hiệu là Hiển Tông đặt Thụy Hiệu là Minh Đế.

CHƯƠNG ĐẾ (LƯU ĐẢ)

(ĐÔNG HÁN)

Thương Đế, ông tên là Lưu Đả (56 - 58). Ông là con trai thứ 5 của Minh Đế, nên kế vị sau khi Minh Đế chết. Ông trị vì được 13 năm, bị bệnh chết. Mai táng ở Kính Lăng (nay thuộc phía Đông Nam thành phố Lạc Dương).

*

Thời Minh Đế trị vì đã lập Lưu Đả làm thái tử. Ngày Nhâm Tý tháng 8 năm 75. Lưu Đả lên ngôi hoàng đế ngay sau khi Minh Đế mất. Sau khi đăng cơ ông đổi niên hiệu là "Kiến Sơ".

Trong những năm Chương Đế trị vì, ông đã sửa đổi chính sách cai trị của Quang Vũ Đế và Minh Đế (trước đây Quang Vũ Đế và Minh Đế cấm hoạn quan và họ hàng nhà vợ tham gia công việc triều chính), Chương Đế sủng ái hoàng hậu Đậu, trọng dụng anh trai của hoàng hậu (anh ta tên là Đậu Hiến) và ưu đãi các hoạn quan, điều này làm cho hoạn quan và họ ngoại từ đó được đặt chân nên vũ đài chính trị của vương triều Đông Hán, chém giết lẫn nhau tranh quyền đoạt vị tình trạng đó kéo dài cho đến khi vương triều Đông Hán bị diệt vong, dẫn đến cục diện chính trị vô cùng đen tối.

Chương Đế mất ngày Nhâm Thìn tháng 2 năm 88 tại điện tiến cung Chương Đức thành Lạc Dương. Khi chết để lại di chiếu "Tang lễ làm theo tiên đế, phải tiết kiệm".

Sa khi ông chết, lập miếu đặt hiệu là Tiêu Tông, đặt Thụy Hiệu là Chương Đế.

HÒA ĐẾ

(LƯU TRIỆU) (ĐÔNG HÁN)

Hòa Đế, tên ông ta là Lưu Triệu (79 - 105). Ông là con trai thứ 4 của Chương Đế, nên kế vị sau khi Chương Đế chết. Ông trị vì 17 năm. Bị bệnh chết, hương dương 27 tuổi.

Mai táng ở Thận Lăng (nay thuộc Đông am thành phố Lạc Dương tỉnh Hà Nam).

*

Thời Chương Đế đã lập Lưu Triệu làm thái tử. Ngày Nhâm Thìn tháng 2 năm 88. Lưu Triệu nên ngôi ngay sau khi Chương Đế chết. Sau khi nên ngôi ông đổi niên hiệu là "Vĩnh Nguyên".

Lưu Triệu nên ngôi hoàng đế, lúc đó chỉ có 10 tuổi, do đó mọi công việc triều chính đều do thái hậu Đậu điều hành. Mọi quyền lực đều nằm trong tay Đậu Hiến, các chức vị quan lại trong triều và các quan lại địa phương đều thuộc về tay họ hàng thân thích nhà họ Đậu chức vị nhỏ nhất cũng làm huyện lệnh, nhà họ Đậu còn nuôi dưỡng nhiều thích khách để giết hại những quan lại không phục tùng họ. Nên chính trị thời Đông Hán bước vào thời kỳ đen tối.

Năm 92, lúc này Lưu Triệu đã 12 tuổi, ông hiểu rõ mọi chuyện. Ông không can tâm làm một con rối trong tay thái hậu, một lòng một dạ muốn cởi bỏ sự khống chế của nhà họ Đậu. Do trong triều và ngoài triều đều có tay chân của Đậu Hiến nên Lưu Triệu chỉ có thể dựa vào viên hoạn quan hầu cận. Sau khi bàn bạc kỹ lưỡng với hoạn quan Trịnh Quần, Lưu Triệt đã giết chết Đậu Hiến, tiêu diệt thế lực nhà họ Đậu. Do Trịnh Quần có công lao giúp Lưu Triệt diệt thế lực nhà họ Đậu nên được phong làm chư hầu vương.

Lưu Triệu mất ngày Tân Mùi tháng 12 năm 105 tại điện Tiền cung Khương Đức thành Lạc Dương.

Sau khi Lưu Triệu chết lập miếu đặt hiệu là Hòa Đế.

THÁI HẬU ĐẶNG (ĐẶNG TUY)

Thái hậu Đặng, tên bà ta là Đặng Tuy (81 - 121). Bà là vợ của Hòa Đế, bà ta chấp chính 16 năm sau khi Hòa Đế chết. Bà ta bị bệnh chết, thọ 41 tuổi. Mai táng ở cạnh Thận Lăng (cạnh mộ của Hòa Đế).

*

Đặng Tuy là người ở Tân Dã (Nam Dương) (nay phía Nam huyện Tân Dã tỉnh Hà Nam), là con gái của Đặng Huấn. Bà ta rất thông minh, ham học hỏi, được Hòa Đế tuyển chọn làm quý nhân. Sau khi nhập cung, bà suốt ngày hầu hạ bên hoàng hậu, bà rất lễ phép, tuân theo nề nếp, bà đối xử với các phi tần cũng thân thiện hòa nhã nên mọi người rất quý mến bà. Nếu như các cung nữ có chuyện gì khó khăn bà đều giúp đỡ tận tình. Bà thu được tình cảm tốt đẹp của mọi người trong cung nên Hòa Đế cũng quý mến và hài lòng về Lưu Tuy. Tháng 6 năm 102, Hoàng hậu chẳng may bị ốm chết, tháng 10 Hoàng Đế phong Đặng Tuy làm hoàng hậu. Sau hi nên ngôi bà ra lệnh cấm các quân mang lễ vật cống tiến triều đình, mỗi năm chỉ cần cống tiến cho triều một ít giấy mực để biểu thị là có lễ tiết điều này đã giảm nhẹ gánh nặng cho các quận.

Tháng 12 năm 105 Hòa Đế bị bệnh chết. Hòa Đế lúc sinh thời để đề phòng các con trai bị hoạn quan, ngoại thích (họ hàng nhà vợ) mưu hại do đó đem các hoàng tử gửi vào dân gian. Sau khi Hòa Đế chết, Đặng Tuy sai đón các hoàng tử về cung. Do thái tử Lưu Thắng bị bệnh nặng, nên phải phong Lưu Long làm hoàng đế (lúc này Lưu Long mới đẻ được 100 ngày), còn Đặng Tuy làm thái hậu, bà thường phải làm triều giải quyết công việc triều chính. Tháng 8 năm 106 Lưu Long bị bệnh chết, bà phải đón Lưu Hộ nên kế vị. Lúc đó Lưu Hộ mới có 13 tuổi, bà lại phải nắm quyền nhiếp chính.

Thời gian Đặng Tuy chấp chính, bà đã phong cho anh trai Đặng Chí làm tể tướng, nắm giữ mọi quyền lực trong triều. Nhiều chức vị khác bà cũng để cho nhà họ Đặng của hoạn quan nắm giữ, bà chuộng Nho học. Với nhân dân, bà chú ý giúp đỡ họ, mỗi khi gặp phải thiên tai bà đều giúp đỡ lương thực. Tháng 5 năm 108, bà đi xem xét nhà ngục ở Lạc Dương, thấy một phạm nhân nhìn bà với vẻ cầu cứu và thái độ muốn giải bày điều gì đó, do lính cai ngục đang đứng bên cạnh nên phạm nhân đó không dám mở mồm, bà liền cho gọi người phạm nhân đó đến tra hỏi, hóa ra phạm nhân đó vô tội, bị vu oan là giết người và bị vào tội chết. Bà lập tức sai người điều tra rõ sự việc và trả lại tự do cho phạm nhân. Thời gian bà nhiếp chính, xã hội tương đối ổn định.

Tháng 3 năm 121 bà bị bệnh chết.

THƯƠNG ĐẾ (LƯU LONG)

Thương Đế, ông ta tên là Lưu Long (105 - 106). Ông là con trai của Hòa Đế. Nên kế vị sau khi Hòa Đế chết. Ông ở ngôi vị hoàng đế không được 1 năm thì bệnh chết. Hưởng dương 2 tuổi. Ông là một hoàng đế nhỏ tuổi nhất trong lịch sử Trung quốc. Mai táng ở Khang Lăng (nay thuộc phía Đông Nam thành phố Lạc Dương tỉnh Hà Nam).

*

Hòa Đế chết khi Lưu Long sinh được 100 ngày tuổi. Lúc đó vẫn nuôi dưỡng ở trong dân gian, sau khi Hòa Đế chết, thái hậu Đặng sai người đón Lưu Long về cung lập làm thái tử và đưa nên kế vị vua cha, mọi công việc do thái hậu Đặng giải quyết. Sau khi Lưu Long nên ngôi hoàng đế, thái hậu Đặng cho đổi niên hiệu là "Diên Bình".

Lưu Long mất ngày Tân Hợi tháng 8 năm 106. Lưu Long chết do bị bệnh phong hàn.

Sau khi Lưu Long chết đặt Thụy Hiệu là Thương Đế.

AN ĐẾ (LƯU HỘ)

An Đế, tên ông ta là Lưu Hộ (94 - 125). Ông là cháu của Chương Đế, con của Lưu Khánh. Ông ta nên kế vị sau khi Thương Đế chết. Trị vì 19 năm, và bị chết trên đường đi tuần ở phương Nam, thọ 32 tuổi. Mai táng ở Cung Lăng (nay thuộc phía Đông Nam thành phố Lạc Dương tỉnh Hà Nam).

*

Lưu Hộ là con trai của Thanh Hà Vương Lưu Khánh. Sau khi Thương Đế chết, thái hậu Đặng đón Lưu Hộ về cung, phong cho ông ta làm Trường An Chư, sau đó lập Lưu Hộ làm hoàng đế và cho đổi niên hiệu là "Vĩnh Sơ".

Lúc Lưu Hộ nên ngôi hoàng đế, ông ta chỉ có 13 tuổi, mọi công việc triều chính do thái hậu Đặng giải quyết và có thêm Đặng Trắc trợ giúp. Tháng 3 năm 125 thái hậu Đặng bị bệnh chết, Lưu Hộ chính thức nắm quyền điều hành công việc triều chính, ông ta bàn mưu với hoạn quan Quý Nhận tiêu diệt thế lực nhà họ Đặng, giết Đặng Trắc.

Tháng 2 năm 125, Lưu Hộ cùng hoàng hậu và các quý tộc đi du lịch ở miền Nam, đi nửa đường Lưu Hộ bị bệnh, bệnh tình lúc nóng lúc lạnh, ông ra lệnh quay về cung. Vào ngày Đinh Mão tháng 3 đang trên đường trở về cung, lúc này đi tới huyện Diệp (tỉnh Hà Nam) bệnh phát ra nguy kịch. Ông muốn dặn dò chuyện về sau nhưng cấm khẩu không nói ra lời. Chỉ có thể ra hiệu bằng mắt cho hoàng hậu, rồi từ giã cõi đời.

Sau khi ông ta chết lấy Thụy Hiệu là An Đế.

THIẾU ĐẾ (LƯU Ý).

Thiếu Đế, tên ông ta là Lưu Ý (? CN - 125). Ông ta là cháu của Chương Đế, nên kế vị sau khi An Đế chết. Trị vì chưa được 1 năm thì bị bệnh chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Lưu Ý là con trai của Tề Bắc Vương Lưu Thọ. Lúc An Đế còn sống đã phong cho Lưu Ý làm Bắc Hương Chư. Tháng 3 năm 125 An Đế chết trên đường đi tuần, hoàng hậu sợ các đại thần sẽ ủng hộ Tế Dương Vương Lưu Bảo làm hoàng đế, do vậy bà ta bí mật không phạt tang, sau khi trở về Lạc Dương mà thông báo việc đau buồn, vào ngày Ất Dậu tháng 3 đón Lưu Ý vào cung phong làm hoàng đế.

Lúc đó Lưu Ý tuổi còn rất nhỏ (năm sinh không rõ lắm), do vậy mọi công việc triều chính đều do hoàng hậu (vợ của An Đế) giải quyết họ hàng nhà hoàng hậu đều nắm giữ những chức vụ quan trọng, thao túng chính quyền, bà ta còn sai giết hoạn quan thân tín của An Đế nhằm nắm giữ chính quyền.

Lưu Ý mất ngày Tân Hợi tháng 10 năm 125, tại cung điện thành Lạc Dương.

Trong lịch sử gọi ông ta là Thiếu Đế.

THUẬN ĐẾ (LƯU BẢO)

Thuận Đế tên ông ta là Lưu Bảo (115 - 144). Là con trai của An Đế. Sau khi Thuận đế chết, được hoạn quan giúp nên ngôi hoàng đế. Ông trị vì được 19 năm, bị bệnh chết, thọ 31 tuổi. Mai táng ở Hiền Lăng (nay cách 25 km về phía Đông Bắc thành phố Lạc Dương tỉnh Hà Nam).

*

Thời An Đế trị vì đã lập Lưu Bảo làm thái tử, sau An Đế nghe lời xúc xiểm của hoàng hậu Diêm nên đã phế bỏ thái tử và phong cho Lưu Bảo làm Tề Dương Vương. Sau khi Thuận đế

chết, các hoạn quan trong triều giuết thái hậu Diêm, tiêu diệt thế lực nhà họ Diêm. Tháng 11 năm 125 họ lập Lưu Bảo làm hoàng đế. Sau khi nên ngôi, Lưu Bảo cho đổi niên hiệu là "Vĩnh Kiến".

Nên 11 tuổi, Lưu Bảo đã được làm hoàng đế. Ông ta phong cho các hoạn quan giúp ông ta nên kế vị (gồm có 19 người) làm chư, điều đó khiến cho thế lực của các hoạn quan ngày càng mạnh. Các hoạn quan thao túng công việc triều chính. Họ còn có thể truyền chức thế lực của các hoạn quan và một số quan lại để mở ra cuộc đấu tranh quyền đoạt vị.

Lưu Bảo mất ngày Canh Ngọ tháng 8 năm 144 tại điện Tiền ở đô thành Lạc Dương.

Sau khi ông chết đặt Thụy Hiệu là Thuận Đế.

LƯƠNG THÁI HẬU (LƯƠNG NỮ)

(ĐÔNG HÁN)

Lương Nữ là con gái của Lương Thương, bà quê ở Điều Thị (An Định) (nay ở phía Tây Bắc huyện Bình Kinh tỉnh Cam Túc). Bà ta được Thuận Đế chọn làm quý nhân, tháng 1 năm 132 Thuận đế đã lập bà ta làm hoàng hậu. Ít lâu sau cha của bà ta được phong làm đại tướng quân, thâu tóm quyền lực trong triều. Sau khi Lương Thương chết, anh trai của hoàng hậu nên kế nhiệm chức vụ của cha. Sau khi Thuận đế chết, thái tử Lưu Bích (lúc này mới có 2 tuổi) nên kế vị, mọi công việc trong triều đều do Lương thái hậu giải quyết. Tháng 1 năm 133, Lưu Bình mắc bệnh chết. Bà ta lập Lưu Toản làm hoàng đế và nắm quyền nhiếp chính. Tháng 6 năm 146 Lưu Toản bị bà ta hại chết, bà ta lại đón Lưu Chi nên kế vị. Lại một lần nữa nắm quyền nhiếp chính.

Do thái hậu Lương có địa vị trong triều, nên nhà họ Lương được thơm lây hiển hách một thời. Nhà họ Lương có 7 người được phong chư hầu, 3 người được lập làm hoàng hậu, 6 người được tấn phong làm quý tộc, 2 người làm đại tướng quân. Trong thời gian nắm quyền chấp chính, bà ta rất trọng đãi họ hàng, hoạn quan, trọng dụng những viên quan lại về hùa với bà ta. Bà ta còn biểu dương Nho học triệu tập được 30.000 tái học sinh. Từ đó giành được sự giúp đỡ của bộ máy quan lại trong triều.

Bà ta mất vào tháng 2 năm 150.

XUNG ĐẾ (LƯU BÍNH)

Xung Đế, ông ta tên là Lưu Bính (143 - 145). Ông là con trai của Thuận Đế, kế vị sau khi cha chết. Ở ngôi chưa được 6 tháng thì bị bệnh chết, hưởng dương 3 tuổi. Mai táng ở Hoài Lăng.

*

Thuận Đế lúc còn sống đã lập Lưu Bính làm thái tử. Ngày Canh Ngọ tháng 8 năm 144 Lưu Bính lên ngôi hoàng đế ngay sau khi cha chết. Và đổi niên hiệu là "Vĩnh Gia".

Lúc này Lưu Bính mới có 2 tuổi, do vậy thái hậu Lương nắm quyền nhiếp chính và anh trai của thái hậu nắm giữ binh quyền trong triều.

Lưu Bính mất ngày Mậu Tuất tháng 1 năm 145 tại điện tiền, lễ đường Trung Ngọc đô thành Lạc Dương.

Sau khi Lưu Bính chết đặt Thụy Hiệu là Xung Đế.

CHẤT ĐẾ (LƯU TOẢN)

hất Đế, tên ông ta là: Lưu Toản (138 - 146). Ông là cháu của Chương Đế. Sau khi Xung Đế chết, được thái hậu Lương lập làm hoàng đế. Ở ngôi chưa được một năm thì bị thái hậu Lương hạ độc chết hưởng dương 9 tuổi. Mai táng ở Tĩnh Lăng (nay thuộc phía Đông Nam thành phố Lạc Dương tỉnh Hà Nam).

*

Lưu Toản là con trai của Bột Hai Vương Lưu Hồng. Sau khi Xung Đế chết, thái hậu Lương và anh trai bà ta cùng bàn mưu tính kế dẫn Lưu Toản vào cung và phong làm Kiến Bình Lầu, vài ngày sau, họ lập Lưu Toản làm hoàng đế. Sau khi Lưu Toản nên ngôi, cho đổi niên hiệu là "Bản Sơ".

Lúc này, Lưu Toản mới có 8 tuổi, do vậy Lương Kí rất chuyên quyền. Tuy Lưu Toản nhỏ tuổi nhưng lại là người thông minh lanh lợi, Lưu Toản không bằng lòng về thái độ ngang ngược hợm hĩnh của Lưu Kí. Có một lần, Lưu Toản thiết triều mạn đàm với các công khanh, quan lại, ông chỉ tay vào Lưu Kí nói: "Đây là một tướng quân ngang ngược tàn ác". Lượng Kí tức giận vô cùng mà không làm gì được. Lương Kí sợ rằng sau này Lưu Toản trưởng thành sẽ không điều khiển được do vậy quyết định hại chết Lưu Toản.

Ngày Giáp Thân tháng 6 năm 146, Lương Kí sai người Lầu lấy một ít bánh sồi tẩm độc dâng cho Lưu Toản ăn. Lưu Toản ăn xong được vài canh giờ, ông thấy ruột gan cồn cào, bụng đau dữ dội liền cho gọi thái úy Quý Cố đến và nói "Trẫm vừa ăn vài cái bánh, bây giờ thấy bụng rất chướng, mồm khô và muốn uống nước, vậy có uống được không?" Lương Kí đứng bên cạnh đỡ lời: "Uống nước xong có khi sẽ nôn được, đây chắc là bánh hỏng rồi". Lúc này, Lưu Toản càng đau dữ dội, ông lăn lộn trên mặt đất, kêu la thảm thiết. Một lúc sau, Lưu Toản chết.

Sau khi Lưu Toản chết lấy Thụy Hiệu là Chất Đế.

HOÀN ĐẾ (LƯU CHÍ)

Hoàn Đế, tên ông ta là Lưu Chí (132 - 167). Ông là cháu của Chương Đế. Sau khi Chất Đế chết Lương Kí lập Lưu Chí làm hoàng đế. Ông trị vì 21 năm, bị bệnh chết, thọ 36 tuổi. Mai táng ở Tuyên Lăng (nay thuộc phía Đông Nam thành phố Lạc Dương tỉnh Hà Nam).

*

Lưu Chí là con trai của Lãi Ngô Hầu Lưu Tang. Sau khi Chất Đế chết, thái hậu Lương và Lương Kí bàn kế hoạch sẽ đưa Lưu Chí vào cung. Ngày Canh Dần tháng 6 năm 146 đã lập Lưu Chí làm hoàng đế và đổi niên hiệu là "Kiến Hòa", về sau còn 6 lần đổi niên hiệu.

Lúc này, Lưu Chí nên 15 tuổi. Lương Kí lại nắm giữ toàn bộ quyền hành. Lương Kí càng hung bạo ngang ngược bức hại nhân dân. Về sau khi Lưu Chí trưởng thành, hiểu mọi chuyện nên giữa Lưu Chí và Lương Kí luôn có mâu thuẫn. Lương Kí lén lút sai người giết mẹ của quý nhân Lương (một quý nhân được Lưu Chí vô cùng sủng ái), Lưu Chí tức giận mà không làm gì được Lương Kí đành ngậm bồ hòn làm ngọt. Nhưng vào năm 159, Lưu Chí liên kết với một số hoạn quan, nhân cơ hội Lương Kí không chuẩn bị đã phát động hơn 1000 quân lục lâm bao vây phủ đệ của Lương Kí, giết chết Lương Kí, tiêu diệt hơn 300 đồng đảng. Sau khi dẹp yên vây cánh nhà họ Lương, Lưu Chí phong cho 5 viên hoạn quan làm chư, lúc này chính quyền lại rơi vào tay bọn hoạn quan.

Năm 166 CN, các quan viên, thái học sinh ngoại thích liên kết với nhau phản đối bọn hoạn quan, Lưu Chí lập tức hạ chiếu sai bắt giữ hơn 200 người. Lưu Chí mất ngày Đinh Sửu tháng 12 năm 167 tại điện Đức Âm.

Sau khi ông ta chết đặt Thụy Hiệu là Hoàn Đế.

LINH ĐẾ (LƯU HOẰNG)

inh Đế, ông ta tên là Lưu Hoằng (166 - 189) là chút của Chương Đế (cháu 5 đời) và ông là con trai của Lưu Thường. Sau khi Hoàn Đế chết, hoàng hậu Đậu đã lập Lưu Hoằng làm hoàng đế. Ông trị vì được 22 năm, bị bệnh chết, thọ 34 tuổi. Mai táng ở Văn Lăng (nay thuộc phía Đông Bắc thành phố Lạc Dương tỉnh Hà Nam).

*

Sau khi Hoàn Đế chết, Hoàng hậu Đậu đã lập Lưu Hoằng làm hoàng đế, lễ đăng quang được tổ chức vào ngày Canh Tí tháng 12 năm 167. Sau khi ông nên ngôi đã cho đổi niên hiệu là "Kiến Ninh".

12 tuổi Lưu Hoằng nên ngôi hoàng đế, vì vậy thái hậu Đậu phải lâm triều giải quyết công việc triều chính, họ hàng nhà hoàng hậu cũng nắm giữ công việc trong triều, Đậu Vũ được phong làm tể tướng. Đậu Vũ liên kết bè phái diệt bọn hoạn quan, nhưng Đậu Vũ chưa kịp ra tay thì đã gặp nạn. Năm 168 hoạn quan liên kết với nhau giết chết Đậu Vũ, Trần Phan diệt vây cánh nhà họ Đậu... lúc này quyền lực của bọn hoạn quan đạt tới đỉnh cao. Tiếp đó bọn hoạn quan đã xúi bẩy Lưu Hoằng bắt giam hơn 100 người (những người này thuộc bè phái nhà họ Đậu), bắt giữ hơn 700 thái học sinh. Năm 176, Lưu Hoằng viết chiếu phàm là những đảng nhân môn sinh, cha con anh em... có liên quan tới nhà họ Đậu... đều không được làm quan trong lịch sử gọi đây là tai họa của bè phái".

Lưu Hoằng rất hoang dâm, ăn chơi xa xỉ, để kiếm chác tiền của, ông ta rao bán chức tước ngay tại Tây Viên và còn cho phép những ai chưa đủ tiền có thể nợ ông ta, bao giờ có thì trả, nền chính trị thối rữa đến cực điểm. Ngân khố của quốc gia trống rỗng, nhiều người dân phải sống lưu vong mọi gánh nặng đổ hết vào đầu người nông dân. Cuối cùng không thể chịu được sự đè ép của Lưu Hoằng và quan lại đã nổ ra cuộc khởi nghĩa nông dân của Hoàng Cân.

Tháng 4 năm 189, Lưu Hoằng bị bệnh, ông ta nằm bẹp trên giường không thể thiết triều, các quan phải dâng biểu nói ông ta sắc phong thái tử, nhưng ông ta cũng không thể ngồi dậy phê chuẩn được... Lưu Hoằng mất ngày Bính Tuất tại điện Gia Đức ở nội cung đô thành Lạc Dương.

Sau khi ông ta chết đặt Thụy Hiệu là Linh Đế.

THIẾU ĐẾ (LƯU BIÊN)

(ĐÔNG HÁN)

Thiếu Đế, ông ta tên là Lưu Biện (175 - 189). Ông nên kế vị sau khi Linh Đế chết. Ông ở ngôi chưa được 6 tháng thì bị Đổng Trác phế truất và hạ độc. Ông hưởng dương 15 tuổi. Mai táng ở gần thành phố Lạc Dương tỉnh Hà Nam.

*

Lưu Biện là con trai của Linh Đế. Sau khi Linh Đế chết, các quan lại đã lập Lưu Biện làm hoàng đế và đổi niên hiệu là "Quang Hỉ".

14 tuổi Lưu Biện đã làm hoàng đế, do vậy thái hậu khỏi phải nắm quyền chấp chính, anh trai của thái hậu là Khả Tiến được phong làm tể tướng. Khả Tiến xuất thân trong một gia đình phú hộ, ông ta muốn dựa vào Đổng Trác để giết các hoạn quan. Nhưng các hoạn quan đã liên kết với nhau giết Khả Tiến. Viên Triệu khởi binh giết chết hơn 2000 hoạn quan. Tháng 9 Đổng Trác mang quân đánh vào thành Lạc Dương đuổi bắt Viên Triệu, giết thái hậu Khả. Ngày Giáp Tuất, Đổng Trác đã phế truất Lưu Biện và phong cho ông ta làm Hoằng Y Vương.

Thế lực của hoạn quan và ngoại thích đã bị tiêu diệt hết. Vương triều Đông Hán bị cuộc khởi nghĩa của Hoàng Cân đánh cho tan tác. Kết thúc được cục diện chém giết lận nhau. Từ đó vương triều Đông Hán chỉ tồn tại trên danh nghĩa mà thôi, bọn cường hào địa chủ mở ra một cuộc hỗn chiến điên cuồng.

Tháng 1 năm 190, Lưu Biện bị hạ độc chết.

Trong sử sách gọi Lưu Biện là Thiếu Đế hay còn gọi là Hoằng Y Vương.

HIẾN ĐẾ (LƯU HIỆP)

(ĐÔNG HÁN)

Hiến Đế, tên ông ta là Lưu Hiệp (181 - 234) tên tự là: Bác Hòa. Ông là con trai thứ 3 của Linh Đế, và là em trai của Thiếu Đế. Ông trị vì được 31 năm bị Tào Phi phế truất, sau đó bệnh chết. Thọ 54 tuổi. Mai táng ở Đơn Lãng (nay thuộc thôn Tiểu Phong huyện Tu Vũ tỉnh Hà Nam).

Lưu Hiệp được phong làm Trấn Lưu Vương. Tháng 9 năm 189 Đổng Trác phế bỏ Lưu Biện và lập Lưu Hiệp làm hoàng đế. Ông cho đổi niên hiệu là "Vĩnh Hán", tháng 12 lại đổi niên hiệu là "Trung Bình". Trước đó niên hiệu của Lưu Biện là "Quang Hi" sau đó lại đổi là "Chiêu Ninh". Như vậy trong một năm đổi niên hiệu 4 lần, trong lịch sử năm này được coi là năm đổi niên hiệu nhiều nhất trong thời kỳ Đông Hán.

Lưu Hiệp nên kế vị bị Đổng Trác thúc ép phải dời đô đến Trường An. Sau khi Đổng Trác bị Vương Sung giết, Lưu Hiệp lại được Quý Tước mang đi. Năm 196, Lưu Hiệp lại bị Tào Tháo đón về và bắt dời đô đến thành Hứa (nay thuộc phía đông thành phố Hứa Xương tỉnh Hà Nam) và trở thành một con rối trong tay Tào Tháo.

Ngày Ất Mão tháng 10 năm 220. Lưu Hiệp bị Tào Phi phế truất, giáng xuống làm Sơn Âm Công và phải cư trú ở Sơn Âm (nay thuộc phía Tây Bắc huyện Tu Vũ tỉnh Hà Nam). Vương triều Đông Hán bị diệt vong hoàn toàn. Hai người con gái của Lưu Hiệp còn bị Tào Phi cướp đi.

Lưu Hiệp mất ngày Canh Dần tháng 3 năm 234.

Sau khi chết đặt Thụy Hiệu là Hiến Đế.

TAM QUỐC

(220 - 280, tổng cộng 60 năm)

Kết quả của cuộc hỗn chiến chinh phạt lẫn nhau xảy ra vào những năm cuối thời Đông Hán đã hình thành thời kỳ Tam Quốc: Ngụy, Thục, Ngô. Thời kỳ này là thời kỳ hội hợp các anh tài, phân hóa lực lượng, đua nhau tranh hùng. Cả 3 nước đều có ý đồ thống nhất Trung quốc.

NGỤY

(220 - 265, tổng cộng 46 năm)

Nước Ngụy có 5 hoàng đế, trong đó có 2 người bị bệnh chết, một người bị thuộc hạ giết, 2 người bị quần thần phế truất.

Ngoài ra còn phụ chú thêm về Tào Tháo. Ông ta bị bệnh chết.

VŨ ĐẾ (TÀO THÁO)

(NGỤY)

Vũ Đế, tên ông ta là Tào Tháo (155 - 220) tên tự là Mãnh Đức, hồi nhỏ ông ta còn có tên là A Mãn. Ông ta có ông nuôi là hoạn quan. Trên thực tế ông ta là người gây dựng nên nước Ngụy. Ông bị bệnh chết, thọ 66 tuổi. Mai táng ở ngoại ô Bất Minh

*

Tào Tháo quê ở Bái Quốc Kiều (nay là huyện Hào tỉnh An Huy), xuất thân trong gia đình nghèo khổ, bố của Tào Tháo là con nuôi của một viên hoạn quan. Từ nhỏ Tào Tháo đã là người thông minh nhanh nhẹn, ông ta còn biết võ thuật. Hai mươi tuổi, ông ta làm Bắc đô úy ở Lạc Dương, ít lâu sau được làm huyện lệnh huyện Đốn Khâu. Sau khi nổ ra cuộc khởi nghĩa Hoàng Cân, ông ta lại nhậm chức kỵ đô úy, tiếp đó ông ta có công dẹp quân của Hoàng Cân nên được phong làm Tế Nam Tướng. Năm 192 ông ta chiếm lĩnh đất Duyễn Châu (nay ở phía Tây Bắc huyện Kim Hương tỉnh Sơn Đông), ông ta mang quân đánh vào cứ địa Thanh Châu của Hoàng Cân, Tào Tháo chọn ra 300.000 quân tinh nhuệ gọi là "quân Thanh Châu", thế lực của ông ta bắt đầu lớn mạnh. Về sau, ông ta còn sử dụng nhiều phương thức dựa dẫm hoặc mướn tay người khác để thống nhất miền bắc:

- Thứ nhất: Năm 196, ông ta đã bắt giữ Hán Hiến Đế đến vùng Hứa Xương "ép buộc thiên tử để ra lệnh cho các chư hầu" (khống chế hoàng đế, dùng danh nghĩa hoàng đế để ra lệnh), giành được ưu thế trong vũ đài chính trị.

- Thứ hai: Đối mặt và cục diện xã hội thối nát nghèo nàn, ông ta cho triệu tập các cư dân sống lưu vong, một số ruộng hoang giao cho quân đội bắt họ phải tự cày ruộng để trồng lúa, đây được gọi là "quân đồn", khiến cho nền kinh tế của phương bắc dần được khôi phục. Như vậy đã làm tăng thêm tiềm lực kinh tế của ông ta.

- Thứ 3: Chú ý chiêu nạp nhân tài, 3 lần công bố sắc lệnh nói "ai có tài thì sẽ thu nhận", cho dù thuộc bất kỳ đẳng cấp nào, chỉ cần có "chiến thuật trị nước phải dùng binh", đều có thể làm quan. Điều đó giúp ông ta thu nạp được vô số nhân tài.

Tào Tháo không chỉ coi trọng những quan lại có học mà còn chọn lựa con rể phải có tài, ham học hỏi, hiểu biết xã hội. Tào Tháo có một cô con gái rất đẹp, có rất nhiều vương tôn công tử biết tiếng cô ta đều đến cầu hôn. Tào Tháo thấy họ đều thuộc con nhà giàu sang phú quý

nên đã từ chối tất cả. Về sau, ông ta nghe nói có một thư sinh tên là Đinh Nghĩa, từ nhỏ anh ta đã là một người ham học, đã đọc rất nhiều sách, nói chung là một con người có học vấn, chỉ có điều diện mạo anh ta rất xấu xí. Tào Tháo quyết định gả con gái cho anh ta. Con trai ông ta là Tào Phi nghe thấy tin đó vội vàng chạy đến khuyên can cha nói: "Đinh Nghĩa tuy là người có học, nhưng diện mạo lại xấu xí, nếu để cho em gái đường đường là một công chúa phải lấy một người xấu xí, quả thật hạ thấp thân phận". Tào Tháo trả lời một cách nghiêm túc "Chọn người phải chọn ai có tài, chọn con rể cũng phải chọn người có tài đức kiêm toàn. Đinh Nghĩa là người có nhiều tài năng, tất nhiên diện mạo phải không đẹp. Con nên nhớ, người trong thiên hạ không ai hoàn hảo về tất cả mọi mặt".

Không lâu sau, Tào Tháo sai người gọi Đinh Nghĩa đến phủ để thử học vấn của anh ta. Đinh Nghĩa đối đáp rất trôi chảy, nói chuyện lễ phép, tài hoa hơn người. Tào Tháo liền gả con gái cho anh ta. Vài ngày sau ông ta cho tổ chức hôn lễ.

Tào Tháo dựa vào một số điều kiện này bắt đầu phát động cuộc chiến tranh thống nhất miền Bắc. Chỉ trong vài năm đã tiêu diệt nhiều thế lực thống nhất miền Bắc.

Năm 208, Tào Tháo thống lĩnh đại quân đánh xuống phía Nam, có ý đồ thống nhất miền Nam trong trận chiến Xích Bích bị liên quân Tôn Quyền - Lưu Bị dùng hỏa công đánh bại, bị tổn thất nghiêm trọng phải dẫn quân về miền Bắc, tạo thành cục diện chân vạc 3 nước.

Năm 208, Tào Tháo được tấn phong làm thừa tướng. Năm 216 CN, ông ta được phong làm Ngụy Vương.

Tào Tháo rất giỏi dùng binh, am hiểu binh pháp. Ông ta cũng rất giỏi về thơ văn.

Tháng 1 năm 220, Tào Tháo bị bệnh nặng, ông ta dặn dò các thuộc hạ thân tín, sau khi ông ta chết phải làm 72 ngôi mộ giả để đề phòng bị đào bới lấy xác. Tào Tháo mất ngày Canh Tí tại Lạc Dương.

Mộ của Tào Tháo nằm ở đâu? Đây là một bí mật rất khó giải đáp. Ông ta có tận 72 ngôi mộ giả, 72 ngôi mộ này nằm rải rác ở thành Giảng Vũ cho đến Từ Châu. Những năm đầu thời dân quốc, một số ngôi mộ này được khai quật nhưng bên trong chỉ có mộ chí, rồi đến một loạt mộ của các vương công đại thần thời Bắc Ngụy. Bắc Tề, cũng được khai quật, nhưng cũng không tìm thấy mộ Tào Tháo.

Có một số người cho rằng mộ thật của Tào Tháo hiện nay nằm ở nhà thờ Tây Môn Báo thị trấn Phong Lạc thuộc phía tây huyện Lâm Chương. Nhưng nhà thờ Tây Môn Báo được xây dựng từ năm 554, mà Tào Tháo lại chết vào năm 220.

Vào những năm đầu Thuận Trị, nước sông Chương Hà khô cạn. Một số ngư dân thấy trong lòng sông có một tảng đá lớn bên cạnh có một khe hở, họ rất ngạc nhiên. Họ liền tìm cách chui vào, vào bên trong có một phòng đá, trong phòng có một chiếc giường đá, trên giường có một người nằm, mặc trang phục của bậc đế vương. Ở giữa đặt một tấm bia, viết người nằm trên giường tên là Tào Tháo. Các cư dân liền chặt bỏ thi thể. Căn cứ vào điều đó, có người cho rằng: mộ Tào Tháo không phải xây trên mặt đất mà xây ở dưới đáy sông Chương Hà.

Căn cứ vào thư tịch cổ, cũng có thể biết được mộ thật của Tào Tháo nằm ở địa khu này. Vì tháng 2 Tào Tháo chết, Tào Phi theo di lệnh của cha đã mang thi thể an táng tại đất Nghiệp (nay thuộc huyện Lâm Chương tỉnh Hà Nam).

Sau khi Tào Phi nên ngôi hoàng đế, đã tôn Tào Tháo làm Vũ Đế.

VĂN ĐẾ (TÀO PHI)

Văn Đế, ông ta tên là Tào Phi (187 - 226), tên tự của ông ta là Tử Hằng. Ông là con thứ hai của Tào Phi. Sau khi Tào Phi bị bệnh chết, ông ta đã kế nhiệm chức vụ: Ngụy Vương, sau này ông ta phế bỏ Hán Hiến Đế và tự lập làm hoàng đế. Ông ta trị vì được 7 năm, bị bệnh chết, thọ 40 tuổi. Mai táng ở Thủ Dương Lăng (nay phía Nam núi Thủ Dương huyện Mãnh Chì tỉnh Hà Nam).

*

Tào Phi từng làm đến chức vụ Trung lang tướng, phó thừa tướng. Em trai của Tào Phi tên là Tào Thực. Tào Thực là một người thông minh phi phàm, nên 10 tuổi đã biết làm thơ viết văn Tào Tháo rất yêu quý Tào Thực và có ý định lập Tào Thực làm thái tử. Tào Phi rất ghen tức, luôn luôn tìm cách chiếm đoạt ngôi vị thái tử của Tào Thực.

Tào Phi luôn nghĩ ra mọi cách để hại Tào Thực, mặt khác Tào Phi còn kết thân với các nội thị và các đại thần, Tào Phi làm như vậy cốt để họ nói tốt với Tào Tháo. Một lần, Tào Tháo sai Tào Thực mang quân đi đánh trận không ngờ Tào Phi biết được tin này. Liền sai người mời Tào Thực đến uống rượu và chuốc cho Tào Thực uống say mèm, đúng lúc đó Tào Tháo sai người gọi Tào Thực đến, nhưng Tào Thực uống say ngủ li bì gọi mãi không tỉnh dậy. Tào Tháo tức giận liền tước bỏ tư cách thống lĩnh quân đội của Tào Thực, Tào Phi cho rằng Tào Thực buông thả không ràng buộc gì không có ý chí để làm việc lớn, do vậy đã từ bỏ ý định lập Tào thực làm thái tử. Năm 217, Tào Tháo đã lập Tào Phi làm thái tử.

Sau khi Tào Phi chết, Tào Phi đã kế nhiệm chức vị thừa tướng, Ngụy Vương. Ngày Canh Sửu tháng 10 năm 220, Tào Phi đã phế truất Hán Hiến Đế và tự nên ngôi hoàng đế, ông ta đặt quốc hiệu là "Ngụy", đặt đô ở Lạc Dương, đổi niên hiệu là "Hoàng Sơ". Trong lịch sử gọi là "Tào Ngụy".

Sau khi Tào Phi nên ngôi hoàng đế, ông ta đã củng cố chế độ đặc quyền của bọn cường hào địa chủ trong nền chính trị.

Tào Phi rất thích văn học, ông ta thường cùng các văn nhân nổi tiếng uống rượu xướng họa, giao lưu mật thiết với nhau, và ông ta trở thành người đương đầu trong giới văn học. Tào Phi rất ghen ghét tài văn thơ của Tào Thực, hơn nữa lại sợ Tào Thực biết chuyện tranh đoạt ngôi vị nên đã nghĩ kế hại Tào Thực. Một hôm, Tào Phi sai gọi Tào Thực đến trước mặt bá quan văn võ, ra lệnh cho Tào Thực đi 7 bước chân phải làm xong một bài thơ, nếu không được sẽ xử tội chết. Tào Thực ngẫm nghĩ một lúc, liền rảo bước, cứ đi một bước lại đọc một câu thơ, không đến 7 bước chân đã hoàn thành bài thơ:

"Dùng cành đậu nầu cây đậu

Đậu trong nồi ngồi khóc

Vốn một mẹ sinh ra

Sao nấu nhau chín thế"

Tào Thực đã dùng mối quan hệ giữa cành đậu và cây đậu để ám chỉ tình cảm anh em, cố ý nhắc nhở anh trai không nên sát hại em trai. Tào Phi nghe xong rất hổ thẹn áy náy, hơn nữa lại bị mẹ trách mắng, ông đành phải miễn tội chết cho Tào Thực, nhưng ông đưa Tào Thực ra khỏi Lạc Dương.

Tào Phi cũng làm được khá nhiều thơ, lưu truyền đến ngày nay có khoảng 40 bài. Ông ta lại thiên về tân văn, đặc biệt tinh thông về thư tín. Tác phẩm "Điển luận, luận văn" của ông ta, là một tác phẩm phê bình lý luận về văn nghệ tương đối sớm ở Trung quốc. Người ở thời Minh đã lấy thơ văn của ông ta biên tập thành cuốn "Ngụy văn đế tập" và còn lưu truyền đến ngày nay.

Tháng 5 năm 226, Tào Phi bị bệnh nặng, ông bí mật hạ lệnh cho Đại tướng quân Tào Trực, tướng Trấn Quân, Tư Mã Ý... phải giúp đỡ lập Tào Nhuệ nên kế vị. Ông mất ngày Đinh Tị tại điện Trung Thọ đô thành Lạc Dương.

Sau khi ông ta chết đặt Thụy Hiệu là Văn Đế.

MINH ĐẾ (TÀO NHUÊ) (NGỤY)

Minh Đế, ông ta tên là Tào Nhuệ (205 - 239), tên tự của ông là Nguyên Trọng. Ông là con trai cả của Văn Đế, ông nên kế vị sau khi văn đế chết. Ông ta trị vì được 13 năm thì bị bệnh chết, thọ 35 tuổi. Mai táng ở Cao Bình Lăng (nay ở núi Đại Thạch phía Đông Nam thành phố Lạc Dương tỉnh Hà Nam).

*

Tào Nhuệ được phong những chức vụ như: Vũ Đức hầu, Tề Công, Bình Nguyên Vương... Lúc Văn Đế sắp chết đã lập ông ta làm thái tử. Sau khi Văn Đế chết, ông đã nên ngôi hoàng đế. Sau khi nên ngôi đổi niên hiệu là "Thái Hòa.

Sau khi nên ngôi, ông ta cho xây dựng nhà cửa thành ấp ông ta rất coi trọng các văn sĩ, ông cho triệu tập họ và cổ vũ việc nghiên cứu học thuật. Việc nầy rất có lợi đối với sự phát triển văn hóa. Ông ta cũng giỏi về thơ văn và được tôn là tổ sư trong "Tam Tổ" ở thời Tào Ngụy, "Tam Tổ" gồm có 3 người: Tào Tháo, Tào Phi, Tào Nhuệ.

Tháng 1 năm 239, ông bị ốm nặng, ông vội vàng sắp xếp chuyện về sau, ông lập ái phi Quách làm hoàng hậu, và sai gọi Tư Mã Ý vào cung nhờ trợ giúp thái tử. Ngày Đinh Hợi, Tư Mã Ý nói: "Trẫm không thể qua khỏi được, mọi việc từ nay về sau phải nhờ khanh giúp đỡ" và còn chỉ vào đứa con trai 8 tuổi đang đung bên cạnh nói: "Đây chính 2 người kế vị trẫm khanh hãy nhìn cho rõ, kẻo không khéo lại làm hỏng việc". Rồi ông ra lệnh cho Tào Phương phải ôm cổ Tư Mã Ý. Sau khi Tư Mã Ý hứa sẽ hết lòng phò tá Tào Phương. Tào Nhuệ lại nói: "Như vậy thì tốt rồi, trẫm mong khanh cùng với Tào Sảng cùng nhau giúp đỡ Tào Phương. Trước lúc lâm chung trẫm nhờ khanh làm được việc đó là trẫm có thể yên tâm nhắm mắt ra đi". Sau đó Tào Nhuệ cho triệu Tào Sảng đến (Tào Sảng làm đại tướng quân, đô đốc quản lý về quân sự, bắt Tào Sảng phải hứa sẽ cùng với Tư Mã Ý phụ giúp Tào Phương. Sau khi đã dặn dò các quần thần chu đáo, ông ra lệnh sắc phong cho Tào Phương làm thái tử.

Tào Nhuệ mất ngày Đinh Hợi tháng 1 năm 239 tại cung Gia Phú.

Sau khi ông ta chết đặt Thụy Hiệu là Minh Đế.

TỀ VƯƠNG (TÀO PHƯƠNG)

Tào Phương (232 - 274) tên tự của ông ta là: Lan Khanh. Ông là con nuôi của Minh Đế, nên kế vị sau khi Minh Đế chết. Ông trị vì được 15 năm, sau đó bị Tư Mã Sư phế truất - Bị bệnh chết, thọ 43 tuổi.

*

Tào Phương đã được Tào Nhuệ lập làm thái tử. Ngày Đinh Hợi, Tào Phương đã nên ngôi hoàng đế. Sau khi nên ngôi ông đổi niên hiệu là "Chính Thủy".

Thời kỳ Tào Phương trị vì, Tào Sảng và Tư Mã Ý cùng nhau nắm chính quyền. Tào Sảng lo thế lực của Tư Mã Ý ngày một mạnh, nên đã ngấm ngầm ám hại Tư Mã Ý, tìm cách tước bỏ binh quyền của Tư Mã Ý. Tư Mã Ý giả vờ bị bệnh nặng, không thể vào yết kiến hoàng đế, đây là cơ hội tốt nhất để ông ta thực hiện ý định của mình là nhằm tiêu diệt Tào Sảng.

Tết Nguyên Đán năm 249. Tào Phương và Tào Sàng cùng đi ra ngoại thành cùng tế và quét Lăng Cao Bình (lăng mộ của Tào Nhuệ). Tư Mã Ý nhân cơ hội đó chiếm giữ Lạc Dương và đã mượn danh nghĩa thái hậu để bãi miễn chức vụ Đại tướng quân của Tào Sảng. Ít lâu sau lại ghép Tào Sảng vào tội danh mưu phản để giết chết ông ta, như vậy chỉ có một mình Tư Mã Ý thâu tóm mọi quyền hành. Từ đó chính quyền Tào Ngụy thực sự rơi vào tay họ nhà Tư Mã.

Năm 251, sau khi Tư Mã Ý chết, 2 người con trai của ông ta là Tư Mã Sư và Tư Mã Chiêu đã thâu tóm mọi quyền hành trong triều. Hai người đó rất hung bạo ngang ngược, đại thần nào có lời dị nghị lập tức bị bọn họ trừ bỏ. Tào Phương hận anh em họ tới tận xương tận tủy đã nghỉ mưu mô bàn tính với thuộc hạ thân tín chuẩn bị tước bỏ binh quyền của hai anh em nhà Tư Mã. Không ngờ, sự việc lại bị tiết lộ. Tư Mã Tư đã sai người khống chế Tào Phương, sau đó lấy di chiếu của thái hậu để phế bỏ địa vị hoàng đế của Tào Phương vào ngày Giáp Tuất tháng 9 năm 254, giáng Tào Phương làm Tề Vương và cho đến ở trong một ngôi nhà cũ và còn nói rằng nếu không có tuyên chiếu của hoàng đế thì Tào Phương không được phép vào cung. Tào Phương phải đành lòng từ biệt thái hậu, khóc cáo biệt các quần thần, đau lòng rời khỏi cung điện.

Về sau Tư Mã Viêm phế nhà Ngụy để lập nhà Tấn, ông ta đã giáng Tào Phương làm Thiệu Lãng Công, chuyện về sau ra sao không rõ lắm.

Trong lịch sử gọi Tào Phương là Thiếu Đế.

CAO QUÝ HƯƠNG CÔNG (TÀO MAO)

Cao Quý Hương Công, tên ông ta là Tào Mao (241 - 260). Ông ta là cháu của Văn Đế và là con trai của Tào Sương. Sau khi Tào Phương bị phế truất, Tư Mã Sư đã lập Tào Mao làm hoàng đế. Ông ta trị vì được 7 năm thì bị Thành Tế là tay chân của Giả Sung (một thuộc hạ của Tư Mã Triệu) giết chết, ông thọ 20 tuổi. Mai táng ở thành phố Lạc Dương tỉnh Hà Nam ngày nay.

*

Tào Mao là con trai của Đông Hải Vương Tào Sương, do đó Tào Mao được phong làm Cao Quý Hương Công. Tháng 9 năm 254 Tư Mã Sư phế truất Tào Phương vào ngày Kỷ Sửu tháng 10 năm 254 đã lập Tào Mao làm hoàng đế, đổi niên hiệu là Chất Nguyên.

Sau khi Tư Mã Sư bị bệnh chết, em trai ông ta là Tư Mã Chiêu chuyên quyền, ông ta còn hung bạo ngang ngược hơn anh trai rất nhiều, hằng ngày Tư Mã Chiêu thường mặc long bào của hoàng đế, có ý đồ thay thế địa vị của Tào Mao.

Tào Mao không còn đủ sức nhẫn nại, ông ta không muốn làm một con rối trong tay Tư Mã Chiêu. Ngày Kỷ Sửu tháng 5 năm 260 ông đã sai gọi 3 vị thượng thư mà ông cho là có thể tin tưởng vào cung và nói với họ: "Các khanh đều biết dã tâm của Tư Mã Chiêu, trẫm không thể ngồi đợi Tư Mã Chiêu phế truất trẫm, do đó trẫm quyết định một sống một chết với ông ta. Các khanh hãy cùng trẫm loại bỏ tên nghịch tặc đó", không ngờ, hai vị thượng thư đã đi mật báo cho Tư Mã Chiêu biết ý định của Tào Mao.

Tào Mao không am hiểu về việc quân lại không biết mưu lược, ông ta triệu tập được vài trăm vệ binh, tôi tớ, nô bộc... cùng xuất binh đi đánh Tư Mã Chiêu. Ông cầm kiếm ngọc, dẫn đầu đoàn quân tiến thẳng tới nhà Tư Mã Chiêu. Thuộc hạ ra chặn đánh. Hai bên đánh nhau, Tào Mao hô hào binh lính tiến lên. Giả Sang thấy hoàng đế xông đến nên không dám tiến lên phía trước. Thuộc hạ của Giả Sang là Thành Tế thấy vậy vội hỏi: "Bây giờ phải làm gì" - Giả Sung nói: "Hàng ngày tướng công nuôi dưỡng các ngươi để làm gì, sao các ngươi còn hỏi gì nữa?" Thành Tế thấy Giả Sang trả lời như vậy, liền thúc ngựa xông đến trước mặt Tào Mao. Tào Mao phẫn nộ hét nên: "Trẫm là thiên tử, tại sao nghịch tử lại dám vô lễ như vậy". Thành Tế không đáp, cầm cái mâu lao thẳng đến. Tào Mao vội vàng giơ kiếm chống đỡ khiến Thành Tế càng hung dữ, cầm cái mâu đâm thẳng vào ngực Tào Mao khiến ông ta ngã xuống xe. Thành Tế thấy Tào Mao

bị ngã xuống liền dùng mâu đâm chết Tào Mao.

Sau chuyện đó, Tư Mã Chiêu thấy quần thần dị nghị liền giết chết Thành Tế. Tư Mã Chiêu còn lấy danh nghĩa của thái hậu để công bố chiếu thư, liệt kê rất nhiều tội của Tào Mao, hạ ông ta làm thứ dân (mặc dù Tào Mao đã chết) Tào Mao chết không có thụy hiệu, trong lịch sử gọi ông ta là Cao Quý Hương Công.

NGUYÊN ĐẾ (TÀO HUÁN)

guyên Đế, ông ta tên là Tào Huán (240 - 302). Tên tự của ông ta là: Kinh Minh. Nên kế vị sau khi Tào Mao chết. Ông trị vì được 6 năm, bị Tư Mã Viêm phế truất, sau đó bị bệnh chết, thọ 57 tuổi. Mai táng ở ngoại ô Bất Minh.

*

Tào Huán là cháu của Vũ Đế, ông ta được phong làm Thường Đạo Hương Công. Sau khi Tư Mã Chiêu sai giết Tào Mao, ngày Giáp Dần tháng 6 năm 260 đã lập Tào Huán làm hoàng đế và ông ta đổi niên hiệu là "Cảnh Nguyên".

Tuy Tào Huán làm hoàng đế nhưng không hề có chút quyền lực gì, nhất nhất đều nghe lệnh của Tư Mã Chiêu. Ngày Nhâm Tuất tháng 12 năm 265 Tư Mã Viêm xưng làm hoàng đế (lúc đó Tư Mã Chiêu đã chết), ông ta phế truất Tào Huán và giáng Tào Huán làm Trần Lưu Vương và bị đuổi đến sống ở thành Kim Dung (nay thuộc thành phố Lạc Dương tỉnh Hà Nam). Về sau Tư Mã Viêm lại bắt Tào Huán dời đến đô thành Nghiệp.

Năm 302, Tào Huán bị bệnh chết ở thành Nghiệp.

Sau khi chết, ông ta được đặt thụy hiệu là Nguyên Đế. Các nhà sử học còn quen gọi ông tà là Thường Đạo Hương Công.

THỤC HÁN

(221 - 263, tổng cộng 43 năm)

Nước Thục có hai vị hoàng đế, trong đó một người bị bệnh chết, một người do mất nước nên đã đầu hàng cuối cùng cũng bị bệnh chết.

*

CHIÊU LIỆT ĐẾ (LƯU BỊ) (THỤC HÁN)

Chiêu Liệt đế, ông ta tên là Lưu Bị (161 - 223), tên tự của ông ta là Huyền Đức. Ông trị vì được 3 năm, bị bệnh chết, thọ 63 tuổi. Mai táng ở Huệ Lãng (nay thuộc ngoại thành phía Nam thành phố Thành Đô tỉnh Tứ Xuyên).

*

Cha của Lưu Bị chết sớm do vậy hoàn cảnh gia đình rất túng bấn, mẹ ông phải tết dép cỏ và chiếu mang đi bán để kiếm sống qua ngày. Ông ta không thích đọc sách mà chỉ thích nuôi báo nuôi ngựa, thích âm nhạc. Ông còn thích kết giao với các hào kiệt. Nhờ sự giúp đỡ của mọi người, trong một dịp đi chiêu bắt mua ngựa, ông đã quen biết và kết thân với hai tướng sĩ là Quan Vũ và Trương Phi. Lưu Bị thấy hai người đó có võ nghệ cao cường, lại cùng chung chí hướng với ông ta nên rất tâm phục. 3 người đó tinh thần như anh em, họ đã kết nghĩa làm anh em tại vườn đào, thề sống chết cùng nhau cùng chung sự nghiệp.

Sau khi Lưu Bị khởi binh, vì ông ta có công trong cuộc trấn áp cuộc khởi nghĩa của Hoàng Cân nên được phong làm An Hỉ Úy. Về sau, ông ta dựa vào Công Tôn Toán nên đã thống lĩnh hai châu mục. Do lực lượng của Lưu Bị nhỏ bé nên phải dựa vào Tào Tháo, Lưu Biểu. Ông ta nhận thấy rằng nếu đứng riêng một ngọn cờ khai trương cục diện mới tất sẽ chiêu nạp được nhân tài. Ông ta nghe nói ở vùng Ngọa Long (Nam Dương) (nay thuộc Tây Nam thành phố Nam Dương tỉnh Hà Nam) có một nhân tài kiệt xuất tên là Gia Cát Lượng - sống ẩn cư tại Long Trung (nay thuộc phía Tây huyện Tang Dương tỉnh Hồ Bắc). Lưu Bị rất phấn khởi vui mừng dẫn hai em: Quan Vũ và Trương Phi đến mời Gia Cát Lượng về trợ giúp. Gia Cát Lượng không muốn làm quan, biết tin Lưu Bị tới mời về làm quân sư nên ông ta đã ẩn trốn không muốn gặp mặt. Lưu Bị hai lần đi mời Gia Cát Lượng đều không gặp, lần thứ 3 Lưu Bị quyết tâm đứng ở cửa chờ gặp mặt bằng được mới về, tình cảm đó làm Gia Cát Lượng rất cảm động, cuối cùng đã bằng lòng gặp Lưu Bị.

Lưu Bị đã nói cho Gia Cát Lượng biết chí hướng của mình, hận mình không đủ tài sức để mở mang cục diện, ông mong Gia Cát Lượng chỉ giáo. Gia Cát Lượng phân tích chậm chạp nói rõ tình thế trong thiên hạ và cho rằng phương Bắc đã bị Tào Tháo thống nhất, Tào Tháo lại còn chuẩn bị đánh xuống phía Nam; Giang Đông lại bị Tôn Quyền chiếm giữ, chỗ dựa đã ổn định, chỉ có địa thế ở Kinh Châu và Ích Châu là có sản vật phong phú địa thế quân sự hiểm yếu, do vậy có thể đến chiếm lĩnh hai vùng đó, bọn Tào Tháo và Tôn Quyền cũng khó lòng đánh được. Sau đó Lưu Bị cần phải câu kết với Tôn Quyền, chỉnh đốn nội chính, củng cố địa bàn, thừa cơ xuất quân tiến đánh Tào Tháo. Điều này mới là mấu chốt quan trọng để tranh đoạt thiên hạ, phục hưng triều Hán.

Lưu Bị nghe Gia Cát Lượng phân tích cục diện rất tâm đắc và đã nhờ vả Gia Cát Lượng giúp ông ta tranh đoạt thiên hạ. Còn Gia Cát Lượng thấy Lưu Bị nhiệt tình thành khẩn nên bằng lòng theo Lưu Bị xuống núi trợ giúp ông ta. Kiến giải của Gia Cát Lượng được gọi là Long Trung Đối, trở thành một phương châm chiến lược để Lưu Bị tranh đoạt thiên hạ.

Nhờ những mưu lược kế sách của Gia Cát Lượng nên Lưu Bị đã chủ động câu kết với Tôn

Quyền, hợp sức đánh Tào Tháo ở Xích Bích và thừa cơ chiếm lĩnh Kinh Châu. Không lâu sau lại dẫn quân đánh chiếm Ích Châu và Hán Trung và tự xưng làm Hán Trung Vương. Tháng 4 năm 220 Tào Phi xưng làm hoàng đế, năm 221 Lưu Bị cũng xưng làm hoàng đế, đặt quốc hiệu là "Hán" và đặt đô ở Thành Đô, đặt niên hiệu là "Chương Vũ". Trong lịch sử gọi là Thục Hán hoặc Thục.

Sau khi Lưu Bị xưng đế đã làm theo chủ trương của Gia Cát Lượng cho chỉnh đốn nội bộ, thực hiện pháp trị, khiến nước Thục dần dần yên ổn.

Năm 219, Quan Vũ bị Đông Ngô giết hại, Lưu Bị nóng lòng muốn trả thù cho em nên đã không nghe lời khuyên của Gia Cát Lượng, tự mình dẫn đại quân tiến đánh Đông Ngô. Trong trận chiến ở Di Lăng (nay thuộc huyện Nghi Xương tỉnh Hồ Bắc) bị thống sứ của Đông Ngô là Lục Tốn dùng hỏa công đánh bại, ông chạy đến thành Bách Đế, quân Thục hầu như bị đại bại. Lưu Bị vừa hối hận vừa bực tức do đó sinh bệnh.

Thánh 4 năm 223, Lưu Bị bị ốm nặng, ông vội vàng triệu tập thừa tướng Gia Cát Lượng, thượng thư Quý Sải đến thành Bách Đế, nhờ giúp đỡ mọi chuyện về sau. Lưu Bị nói với Gia Cát Lượng "Tài năng của khanh giỏi gấp 10 lần Tào Phi nhất định sẽ chinh phục được thiên hạ, làm nên việc lớn. Con trai của trẫm là A Đấu nếu khanh thấy có thể giúp đỡ nó được thì khanh hãy giúp, nếu khanh thấy không giúp đỡ được thì khanh hãy tự xưng đế".

Gia Cát Lượng nghe thấy Lưu Bị nói vậy, liền khóc và nói với Lưu Bị: "thần sẽ nhất định trung thành với nhà họ Lưu". Lưu Bị ra lệnh cho Quý Sản thảo di chiếu để truyền ngôi cho Lưu Thiền. Sau đó còn sai gọi anh em Lưu Thiền đến rưng rưng nói: "Sau khi trẫm chết, các con phải coi thừa tướng như cha đẻ". Ông còn cho gọi tướng quân Triệu Vân đến nhờ giúp đỡ Lưu Thiền.

Lưu Bị mất ngày Quý Tị tại thành Bạch Đế. Sau khi ông ta chết đặt thụy hiệu là Chiêu Liệt Đế, các nhà sử học gọi ông là Lưu Tiên Chủ.

HẬU CHỦ (LƯU THIỀN)

(THỤC HÁN)

ậu Chủ, ông ta tên là Lưu Thiền (207 - 271), tên tự là Công Quý hồi nhỏ tên là Đấu. Ông là con trai của Lưu Bị. Lên kế vị sau khi Lưu Bị chết. Trị vì 41 năm, mất nước do đầu hàng quân Ngụy, sau đó bị bệnh chết, thọ 64 tuổi. Mai táng ở ngoại ô Bất Minh.

*

Lưu Bị lập Lưu Thiên làm thái tử. Tháng 4 năm 223 Lưu Bị bị bệnh chết, tháng 5 năm 223 Lưu Thiền lên kế vị và cho đổi niên hiệu là "Kiến Hưng".

Lưu Thiền là một người vô dụng không có tài năng. Trong những năm trị vì ông ta toàn dựa vào Gia Cát Lượng và Khương Duy để giải quyết công việc triều chính. Có vài lần sai quân đi đánh nước Ngụy nhưng đều thất bại. Về sau ông ta sủng ái hoạn quan Hoàng Hạo do đó triều chính dần bị suy bại.

Năm 263, tướng quân nước Ngụy là Đặng Ngải dẫn quân đi tắt qua con đường nhỏ tấn công vào nước Thục tiến đánh Thành Đô. Lúc này quân đội chủ lực của nước Thục do Khương Duy thống lĩnh vẫn đóng quân ở Kiến Các không hề biết tin thành đã bị tấn công. Hậu Chủ nghe tin quân địch tiến đánh vội vàng triệu tập các đại thần để bàn bạc. Các hạ thần mỗi người một ý kiến: người thì nói chạy xuống phía Nam, người thì nói dựa vào quân Ngô, người thì nói đầu hàng quân Ngụy. Hậu Chủ quyết định đầu hàng quân Ngụy, ông ta đầu hàng Đặng Ngải và căn cứ vào mệnh lệnh của Đặng Ngải, Lưu Thiện đã ra lệnh cho toàn bộ quân Thục phải đầu hàng.

Tháng 3, Lưu Thiền bị giải đến Lạc Dương bị giáng xuống làm An Lạc Công. Nước Ngụy còn phong cho con cháu của Lưu Thiền và hơn 50 đại thần làm chư hầu để vỗ về lòng dân, ổn định được cục diện Thục - Hán. Còn Lưu Thiền lại cho rằng đấy là ân điển của nước Ngụy ban phát cho ông ta.

Có một lần, Tư Mã Chiêu mở yến tiệc cho mời Lưu Thiền và các quần thần nước Thục. Ông ta ra lệnh cho nhạc công diễn tấu khúc nhạc của nước Thục. Các vũ nữ múa hát những bài ca của nước Thục. Các quần thần của nước Thục nghe nhạc đều nghĩ tới cảnh mất nước mà đau lòng, chỉ có Lưu Thiền ngồi xem một cách vui sướng không hề nghĩ đến tình cảnh của mình. Vài hôm sau, Tư Mã Chiêu hỏi Lưu Thiền: "Ngươi có nhớ nước Thục không?" Lưu Thiền trả lời một cách vui vẻ: "Ở đây rất vui vẻ, tôi không muốn nhớ tới nước Thục". Đại thần Khích đứng bên cạnh thấy xấu hổ vô cùng, cảm thấy Lưu Thiền không biết hổ thẹn là gì. Lúc về phủ đại thần Khích nói với Lưu Thiền: "Chư Công trả lời như vậy là không được. Nếu lần sau, ông ta hỏi những câu tương tự, tướng công phải khóc và trả lời: "Mồ mảnh của tổ tiên ở nước Thục, làm sao mà tôi không nhớ được!".

Về sau, Tư Mã Chiêu lại hỏi Lưu Thiền có nhớ nước Thục không, Lưu Thiền trả lời y như lời đại thần Khích đã dạy ông ta, dáng dấp làm ra vẻ rất đau thương chỉ có điều không chảy nước mắt, ông ta đành nhắm mắt làm ra vẻ cố ngăn dòng nước mắt. Tư Mã Chiêu thấy vậy, trong lòng sinh nghi đột nhiên nói: "Lời của ngươi nói giống như lời của đại thần Khích".

Lưu Thiền nghe vậy mở choàng mắt, vội vàng nói với Tư Mã Chiêu: "Đấy chính là lời của đại thần Khích dạy tôi nói". Tư Mã Chiêu và các thuộc hạ đều cười phá lên vì sự ngu dốt của Lưu Thiền. Còn Lưu Thiền hết nhìn bên nọ lại nhìn bên kia không hiểu họ cười cái gì.

Tư Mã Chiêu thấy Lưu Thiền là một người đần độn, có giữ lại cũng không nguy hại gì nên không muốn giết Lưu Thiền và đã để cho ông ta sống tại Lạc Dương. Mãi đến năm 271 Lưu Thiền mới bị bệnh chết.

Trong sử gọi Lưu Thiền là Lưu Hậu Chư. Có người cho rằng: Lưu Thiền không phải là người vô dụng bất tài, ông ta trọng dụng Gia Cát Lượng, Khương Duy... mở mang được cương vực lãnh thổ, khiến nước Thục tồn tại được hơn 40 năm. Thái độ nhu nhược của ông ta khi bị bắt làm tù binh, chẳng qua ông ta muốn bảo vệ mồ mả của tổ tiên mà thôi.

NGÔ QUỐC

(222 - 280, tổng cộng 59 năm)

Nước Ngô có 4 hoàng đế, trong đó có hai người bị bệnh chết, một người do mất nước bị phế truất rồi ốm chết, một người do nội chiến trong nước bị phế truất về sau ra sao không rõ lắm.

Ngoài ra còn phụ chú thêm về Tôn Kiên và Tôn Sách. Tôn Kiên bị chết do tên bắn trong cuộc giao chiến, còn Tôn Sách bị ám sát.

TÔN KIÊN

(NGÔ)

Tôn Kiên (155 - 191). Tên tự của ông ta là Văn Đài. Là một trong những người xây dựng nên triều Đông Ngô. Bị chết trong trận giao chiến với quân của Lưu Biểu, thọ 36 tuổi, mai táng ở ngoại ô Bất Minh.

*

Tôn Kiên quê ở huyện Phú Xuân quận Ngô (nay là huyện Phú Dương tỉnh Triết Giang). Thời trẻ làm huyện Lại, ông ta liên kết với địa chủ Vũ Trang trấn áp khởi nghĩa của Hứa Sinh. Năm 184 câu kết với Chu Tước để trấn áp quân của Hoàng Cân và được phong làm biệt bộ tư mã. Dần dần lực lượng của ông ta ngày một lớn mạnh.

Năm 191, ông ta đi đánh trận ở Kinh Châu tấn công Lưu Biểu, hai bên đánh nhau ở Hiệp Sơn (nay thuộc phía Nam huyện Tang Dương tỉnh Hồ Bắc), Tôn Kiên đã bị trúng tên chết.

TRƯỜNG SA HẰNG VƯƠNG (TÔN SÁCH)

(NGÔ)

Trường Sa Hằng Vương, tên ông ta là Tôn Sách (175 - 200), tên tự của ông ta là Bá Trúc. Ông là con trai của Tôn Kiên. Ông là một trong những người xây dựng nên vương triều Đông Ngô. Sau này bị môn nhân của thái thú Hứa Cống sát hại, thọ 26 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Tôn Sách là một người đẹp trai, tính cách rắn rỏi. Sau khi Tôn Kiên bị chết trận, Tôn Sách đã dẫn quân đội để nương tựa vào Viên Thuật. Năm 194, Viên Thuật đã sai Tôn Kiên thống lĩnh quân đội, tiến đánh xuống phía Nam, trên đường đi có rất nhiều người hội nhập với ông ta để đi đánh trận, ngay cả người bạn thân thiết với ông ta từ hồi nhỏ tên là Chu du cùng dẫn vài người và ngựa đến nhập hội. Năm 195 ông dẫn quân vượt qua sông trường Giang và đã tước bỏ thế lực của chính quyền cát cứ ở vùng đất đó, chiếm cứ được 5 quận. Đơn Dương, Ngô, Hội, Kê... sau đó dựa vào sự giúp đỡ của bọn cường hào địa chủ, ông đã xây dựng chính quyền cát cứ ở khu vực Giang Đông.

Tôn Sách ra trận rất dũng mãn, xây dựng kỉ luật quân đội nghiêm khắc nên được Tào Tháo coi trọng, Tào Tháo phong cho Tôn Sách là Ngô Hầu và cho giữ chức vụ tướng quân thảo nghịch.

Năm 200, thế lực của Tào Tháo và Viên Thiệu ngang bằng nhau. Tôn Sách nhân cơ hội này cũng chiêu nạp người tài giỏi và dưỡng ngựa tốt, tích lũy lương thảo. Có ý định chiếm giữ Hứa Xương và đền đài Hán Hiến Đế. Lúc này, môn khách của Hứa Cống (Hứa Cống là thái thú ở Ngô

Quận) bị Tôn Sách giết trong lúc tấn công vào quận Ngô cũng đang tìm cơ hội trả thù cho chủ nhân. Một lần Môn Khách biết tin Tôn Sách sẽ xuống núi đi vào rừng săn bắn, do vậy Môn Khách liền mai phục trong rừng, đợi lúc Tôn Sách tiến vào rừng liền giương cung bắn, tên bắn trúng vào má Tôn Sách. Tôn Sách bị trọng thương, được thuộc hạ dìu về phủ đệ, sau khi gắp bỏ mũi tên, bác sĩ nói Tôn Sách cần phải nghỉ ngơi điều trị vết thương trong 100 ngày không được vận động mạnh, như vậy vết thương mới khỏi. Vài ngày sau, Tôn Sách soi gương thấy vết thương trên má tạo thành một vết sẹo điều đó làm cho dung mạo xấu đi rất nhiều. Bình thường, Tôn Sách rất chú trọng hình thức bên ngoài, do vậy không kìm nên được sự bực bội đã đấm tay xuống bàn, hét gọi thuộc hạ đến: "Mặt của tôi như thế này thì làm sao mà ra trận được, làm sao mà gây dựng sự nghiệp được". Ông ta sai gọi tướng Trương Chiêu đến nói: "Bây giờ chúng ta đã có đất đai và binh lực, có thể so sánh lực lượng với người khác, quả nhân hy vọng các khanh trợ giúp em trai quả nhân là Tôn Quyền". Nói xong, ông ta lại sai gọi Tôn Quyền đến giao ngọc ấn và căn dặn em trai mọi việc. Sau đó lại nói:"Hai anh em ta cùng nhau bàn bạc chuyện đánh trận chí anh mạnh hơn em; nhưng luận bàn về tuyển chọn nhân tài, trọng dụng người hiền thì em giỏi hơn anh. Sau khi anh chết, em nhất định phải bảo vệ được cơ nghiệp ở Giang Đông". Đêm đó, vết thương của ông ta bị vỡ ra nên dẫn tới cái chết.

Ông Can Bảo (thời Tần) trong quyển "Tháp thần kí" có ghi chép: Thời đó có một người tên là Vu Cát, ông ta chuyên môn đi truyền bá môn giáo Thái Bình ở vùng Ngô quận và Hội Kê và đã dụ dỗ được rất nhiều người theo môn giáo đó, ngay cả mẹ của Tôn Sách và 2/3 tướng lĩnh và binh sĩ theo môn giáo Thái Bình và gọi Vu Cát là "người tiên". Tôn Sách muốn trừ bỏ sự mê tín nguy hiểm trong triều đình nên đã giết Vu Cát. Từ đó, mỗi khi Tôn Sách ngồi một mình, dường như đều nhìn thấy Vu Cát ở trước mặt. Sau khi Tôn Sách bị thương có lấy gương ra soi, mỗi lần soi gương đều nhìn thấy Vu Cát, còn bỏ gương xuống thì lại không thấy, 3 lần liền như vậy,ông ta sợ hãi vứt gương và hét to do vậy vết thương bị vỡ ra nên dẫn tới cái chết. Trong quyển "Tam quốc diễn nghĩa" có thêm thắt thêm nói: Tôn Sách bị Vu Cát đòi mệnh nên bị chết.

Sau khi Tôn Quyền xưng đế, đã lấy thụy hiệu cho Tôn Sách là: Trường Sa Hằng Vương.

ĐẠI ĐẾ TÔN QUYỀN

(NGÔ)

Đại Đế, tên ông ta là Tôn Quyền (182 - 252). Ông là con trai của Tôn Kiên và là em trai của Tôn Sách. Ông trị vì được 31 năm, bị bệnh chết, thọ 71 tuổi. Mai táng ở Tưởng Lăng (nay cách 2 km về phía Nam huyện Giang Ninh tỉnh Giang Tô).

*

Tên tự của Tôn Quyền là Trọng Mưu. Ông là con trai của Tôn Kiên và là em trai của Tôn Sách. Khi Tôn Sách chết, lúc đó Tôn Quyền chỉ có 19 tuổi. Nhưng bình thường Tôn Sách thích kết giao bạn bè chú trọng chọn nhân tài nên rất được mọi người quý trọng. Do vậy, nhờ sự giúp đỡ của Trương Chiêu, Chu Du... nên Tôn Quyền đã bình ổn được bà con trăm họ, ổn định tình hình ở Giang Đông.

Sau khi Tôn Quyền lên nắm chính quyền ông ta đã dùng tâm để thu phục nhân tài, vì thế xung quanh ông có rất nhiều văn thần vũ tướng, nhân tài... tề tựu đông đủ, cảnh tượng của đất nước rất hưng thịnh. Sau khi Tào Tháo biết được thực lực và thế mạnh của Tôn Quyền, ông ta muốn lôi kéo Tôn Quyền nên đã lấy danh nghĩa của Hán Hiến Đế, phong cho Tôn Quyền làm tướng quân Chinh Lỗ kiêm chức vụ thái thú ở Hội Kê. Từ đó Tôn Quyền trở thành người thống trị ở Giang Đông.

Năm 208, Tôn Quyền liên kết với Lưu Bị, đã đánh bại Tào Tháo ở trận Xích Bích. Không lâu sau lại câu kết với Tào phản bội lại nước Thục, ông ta sai Lã Mông giết Quan Vũ (Quan Vũ là đại tướng của Lưu Bị), chiếm giữ Kinh Châu. Năm 222, đã sai Lục Tồn đem quân đánh chặn Lưu Bị

ở Di Lăng, ở trận này Lưu Bị bị thiệt hại nặng nề. Năm 222, Tôn Quyền đã tự xưng làm hoàng đế ở trên đất Vũ Xương (nay thuộc huyện Ngạc Thành tỉnh Hồ Bắc), đặt quốc hiệu là "Ngô", trong lịch sử gọi là Đông Ngô. Không lâu sau dời đô đến đất Kiến Nghiệp (nay là thành phố Nam Kinh tỉnh Giang Tô), đổi niên hiệu là "Hoàng Vũ".

Trong thời gian Tôn Quyền trị vì, vào năm 230 đã sai tướng quân Vệ Ôn thống lĩnh đội thuyền gồm có 10000 vượt biển đến Di Châu (nay thuộc Đài Loan) nhằm tăng thêm mối liên hệ giữa Đài Loan và đại lục. Lại còn cắt cử các quan quản lý nông nghiệp, quản lý đồn điền... dần dần đã thúc đẩy sự khai phá ở vùng Giang Nam.

Tôn Quyền không chỉ chú trọng nhân tài mà còn chú ý đề cao bồi dưỡng thêm tri thức cho quân thần Danh tướng Lã Mông là người có võ nghệ cao cường, lập được nhiều chiến công lớn, chỉ có điều Lã Mông đọc sách không nhiều. Có một lần, Tôn Quyền nói với Lã Mông: "Trách nhiệm của tướng quân ngày một nặng nề, cần phải bớt chút thời gian xem sách thì tốt hơn".

Lã Mông lấy cớ do việc quân bận không có thời gian xem sách. Tôn Quyền nói: "Trẫm không yêu cầu khanh phải am hiểu kinh thư như các tiến sĩ chỉ cần khanh xem hiểu một số sách về binh pháp, về lịch sử. Công việc của trẫm còn bận hơn khanh rất nhiều, vậy mà trậm vẫn có thời gian xem sách và học hỏi ở trong những cuốn sách đó rất nhiều điều". Lã Mông nghe lời khuyên của Tôn Quyền, hễ có thời gian rỗi là xem sách. Không lâu sau Lã Mông có thể bàn luận về phong tình thế thái trong nhân gian, lý giải rất sâu sắc, khiến cho Lỗ Túc là người vốn coi thường Lã Mông cũng phải kinh ngạc và vô cùng khâm phục thốt nên: "Tài nghệ của tướng quân mưu lược hơn người, không còn giống với trước kia".

Tháng 8 năm 251, trời nổi gió lốc lớn, nước sông dâng lên, ngập lụt khắp nơi, những cây tùng cây bách trồng ở cạnh lăng mộ tổ tiên của Tôn Quyền cũng bị bật rễ đổ hết, nước ngập mênh mông ở cửa thành phía Nam của đô thành Kiến Nghiệp. Tôn Quyền kinh hãi nên sinh bệnh. Vài tháng sau, hoàng hậu Hương dự định sau khi Tôn Quyền chết, bà ta học hỏi theo Lữ Hậu cũng nắm quyền chấp chính. Bà ta là người hung ác, bình thường chỉ cần một chuyện nhỏ cũng có thể ra lệnh giết chết nô tì và nữ nô, cung nữ. Các cung nữ sợ bà ta lên nắm chính quyền sẽ hung ác hơn, do đó trong một đêm nhân lúc bà ta ngủ say, họ đã giết chết bà ta. Sau chuyện này Tôn Quyền sai người điều tra và biết được nguyên nhân sự việc, ông ta càng thêm đau lòng dẫn đến bệnh tình càng thêm nguy kịch. Tháng 1 năm 252, ông ta cho triệu tập thái tử, thái phó Gia Cát Khách để tiếp nhận di chiếu sau đó từ trần tại cung Kiến Nghiệp.

Sau khi Tôn Quyền chết được tôn làm Đại Đế.

PHẾ ĐẾ (TÔN LƯỢNG)

(Ngô)

Phế Đế, tên ông ta là Tôn Lượng (243 - 260). Ông ta là con của Tôn Quyền. Lên kế vị sau khi Tôn Quyền chết, ông ta trị vì được 7 năm, sau đó bị đại thần Tôn Lẫm phế truất. Ông ta tự vẫn, hưởng dương 18 tuổi. Mai táng ở Đinh Lăng (nay thuộc tỉnh An Huy).

*

Tôn Quyền đã lập Tôn Lượng làm thái tử Tháng 4 năm 252 Tôn Quyền bị bệnh chết, nhờ sự giúp đỡ của những người như Gia Cát Khách... Tôn Lượng đã lên kế vị, cho đổi niên hiệu là: "Kiến hưng".

Tuy Tôn Lượng làm hoàng đế, nhưng đại thần Tôn Lẫm rất chuyên quyền, hung bạo ngang ngược. Năm 258, Tôn Lượng âm mưu định giết Tôn Lẫm đoạt lại quyền lực. Không ngờ âm mưu bị bại lộ Tôn Lẫm đã sai người khống chế Tôn Lượng. Vào ngày Mậu Ngọ đã đem quân bao vây hoàng cung. Tôn Lượng muốn dẫn các thị vệ xông ra quyết chiến với Tôn Lẫm, hoàng

hậu Toàn và cận vệ Đô khuyên giải Tôn Lượng, nói rõ lực lượng của Tôn Lượng ít và yếu kém nếu xông ra đánh lại thì không khác gì lấy trứng chọi đá, Tôn Lượng đành phải ngồi bó tay mặc cho Tôn Lẫm muốn làm gì thì làm. Tôn Lẫm khép cho Tôn Lượng vài tội trạng, sau đó Tôn Lẫm sai người tới thái miếu cúng tế rồi phế truất Tôn Lượng, giáng ông ta xuống làm Hội Kê Vương. Tôn Lẫm còn sai trung thư lang Quý Sùng dẫn quân vào cung cướp ấn ngọc và đuổi vợ chồng Tôn Lượng ra khỏi hoàng cung, ông ta sai đại tướng quân Tôn Cánh áp giải vợ chồng Tôn Lượng đến Hội Kê sinh sống, lúc đó Tôn Lượng chỉ có 16 tuổi. Năm 260, Tôn Lẫm lại phạt Tôn Lượng làm hầu quan hầu và sai người áp giải đến đất Hầu. Trên đường đi tới đó Tôn Lượng đã tự sát.

Trong lịch sử gọi Tôn Lượng là Phế Đế hay còn gọi là Hội Kê Vương.

KINH ĐẾ (TÔN HƯU)

Kinh Đế, tên của ông ta là Tôn Hưu (235 - 264). Tên tự của ông ta là: Tử Liệt. Ông là con thứ sáu của Tôn Quyền. Sau khi Tôn Lượng bị phế truất, Tôn Lẫm đã đón Tôn Hưu làm hoàng đế. Ông trị vì được 7 năm bị ốm chết, thọ 30 tuổi. Mai táng ở Tuyên Lăng (nay cách 25km về phía Đông thành phố Nam Kinh tỉnh Giang Tô).

*

Tôn Hưu đã được Tôn Quyền phong cho làm Lang Nha Vương. Tháng 9 năm 258 Tôn Lẫm sau khi phế truất Tôn Lượng đã lập Tôn Hưu làm hoàng đế, lễ đăng quang được tổ chức vào ngày Kỷ Mão tháng 10 năm 258, đổi niên hiệu là "Vĩnh An". Tôn Hưu làm ra vẻ mang ơn Tôn Lẫm nhưng bên trong lại ngầm bàn mưu với đại thần Trương Thị, Đinh Khiên tìm cách hãm hại Tôn Lẫm. Tháng 12, Tôn Hưu cho mở yến tiệc thết đãi và mưu giết Tôn Lẫm. Loại bỏ thế lực của Tôn Lẫm.

Tháng 7 năm 264 Tôn Hưu bị bệnh nặng, ông vội vàng triệu tập thừa tướng Bộc Dương Hưng vào cung nhờ gửi con thơ. Lúc Bộc Dương Hưng vào cung Tôn Hưu đã bị cấm khẩu, chỉ có thể dùng tay ra hiệu cho Bộc Dương Hưng, có ý nói hãy để cho thái tử Tôn Loan bái kiến ông ta và nhờ Bộc Dương Hưng trợ giúp. Tôn Hưu mất ngày Nhâm Ngọ trong cung Kiến Nghiệp.

Sau khi ông ta chết đặt thụy hiệu là Cảnh Đế.

MẠT ĐẾ (TÔN HẠO)

Mạt Đế, ông ta tên là Tôn Hạo (242 - 283). Tên tự là Nguyên Tôn, ông ta còn có một tên khác là Bành Tổ tự là Hạc Tông. Ông ta là cháu của Tôn Quyền, con trai của Tôn Hòa. Ông ta lên kế vị sau khi Tôn Hưu chết. Nước mất, ông ta đầu hàng Tây Tấn, sau đó bị ốm chết, thọ 42 tuổi. Mai táng ở Hòa Lãng (nay ở núi Tây Lãng huyện Ngô Hưng tỉnh Triết Giang).

*

Tôn Hạo được phong làm điều trình hầu. Tháng 7 năm 264 Tôn Hưu bị ốm chết, thừa tướng Bộc Dương Hưng thấy nước Ngụy đã tiêu diệt Thục Hán và đang có ý định tiêu diệt Đông Ngô. Ông lo lắng thái tử Tôn Loan tuổi còn nhỏ không thể gánh vác bảo vệ quốc gia, do đó đã lập Tôn Hạo làm hoàng đế, đổi niên hiệu là "Nguyên Hưng".

Tôn Hạo là người hung bạo ngang ngược, hoang dâm vô độ, về sau ông ta còn trọng dụng Sầm Hôn (hắn là một tên ninh quan suốt ngày bợ đỡ Tôn Hạo) suốt ngày Tôn Hạo chỉ uống rượu nghe nhạc, triều chính rất hỗn độn, nhân dân mất lòng tin.

Năm 280, lúc này Tây Tấn đã chiếm lĩnh nước Ngụy, và còn chia làm 6 ngả tấn công diệt Ngô, thế mạnh như thác, đổ bộ vào đất Ngô. Tôn Hạo ra lệnh cho tướng sĩ chống địch, các

tướng sĩ trả lời ông ta: "Chúng tôi liều mạng máu chảy đầu rơi, còn Sầm Hôn gian trá lại ngồi đây ton hót, ngồi hưởng vinh hoa phú quý, làm sao để mọi người tâm phục được, các tướng sĩ làm gì có ý chí chiến đâu". Tôn Hạo nghe nói vậy, ông ta đáp một cách tự tin: "Nếu đúng như vậy, để bảo vệ giang sơn, trẫm sẽ giết tên cẩu nô tài đó để tạ ơn trăm họ, an ủi lòng dân". Các tướng sĩ đều vui mừng với việc đi giết Sầm Hôn. Lúc này, Tôn Hạo đổi ý, ông lo lắng nếu Sầm Hôn chết sẽ không có ai cùng uống rượu nghe nhạc, nên sai người đi ngăn cản, nhưng Sầm Hôn đã bị các tướng sĩ chém chết.

Tháng 3, cánh quân nước Tấn đi theo đường thủy đã tiến vào Kiến Nghiệp. Tướng lĩnh của Đông Ngô người thì chết trận, người thì đầu hàng nên không có người chỉ huy quân lính. Tôn Hạo lo lắng vò đầu bứt tai không nghĩ được kế sách gì. Về sau, để bảo toàn tính mạng, ông ta đã nghe lời của Hồ Trọng nên mang hộ tịch sách sắc phong của nước Ngô dẫn đầu văn võ bá quan ra khỏi thành đầu hàng quân Tấn. Từ đó, triều Đông Ngô bị diệt vong, cục diện vạc 3 chân đã bị kết thúc, Trung Quốc lại được thống nhất.

Tôn Hạo bị quân Tấn giải đến Lạc Dương. Tấn Vũ Đế Tư Mã Viêm nhìn thấy Tôn Hạo đã mời Tần Hạo ngồi và nói: "Từ lâu tôi đã sắp xếp chỗ ngồi này, để đợi ngài đến ngồi".

Tôn Hạo đáp: "Ở miền Nam hạ thần cũng sắp xếp một chỗ, đợi bệ hạ đến ngồi". Giả Sùng hỏi Tôn Hạo: "Nghe nói, anh ở miền Nam thường móc mắt người, lột da họ, hình pháp đó gọi là hình pháp gì?"

Tôn Hạo trả lời: "Hạ thần chỉ dùng hình phạt đó với những người gian trá không trung thực".

Tư Mã Viêm cho Tôn Hạo làm Quy Mệnh Hầu và bắt Tôn Hạo sống ở Lạc Dương.

Năm 283, Tôn Hạo chết ở Lạc Dương.

Trong lịch sử gọi Tôn Hạo là Mạt Đế và còn gọi là Quy Mệnh Hầu.

TÂY TẤN

(265 - 316, tổng cộng 52 năm)

Thời Tây Tấn kết thục cục diện 3 chân vạc khiến cho lịch sử Trung Quốc lại được thống nhất.

Thời Tây Tấn có 4 hoàng đế; trong có 1 người bị bệnh chết, 2 người làm mất nước bị bắt làm tù binh sau đó bị giết chết, một người bị hại độc chết trong cuộc nội chiến.

Ngoài ra còn phụ chú thêm về Giả Hậu, Giả Hậu bị chết trong cuộc nội chiến.

VŨ ĐẾ (TƯ MÃ VIÊM)

Vũ Đế, ông ta tên là Tư Mã Viêm (236 - 290). Ông ta có tên tự là Thế an. Ông là cháu của Tư Mã Ý, con của Tư Mã Chiêu. Ông ta đã phế bỏ Ngụy Văn Đế và tự xưng làm hoàng đế. Ông trị vì được 26 năm, bị bệnh chết, thọ 55 tuổi. Mai táng ở Tuấn Dương Lãng (nay ở gần thành phố Lạc Dương tỉnh Hà Nam).

*

Tư Mã Viêm quê ở huyện Ôn (Hà Nội, nay ở phía Tây Nam huyện Ôn tỉnh Hà Nam). Ông nội của ông ta là Tư Mã Ý, bác ông ta là Tư Mã Sư, bố ông ta là Tư Mã Chiêu.Ông ta lần lượt tiêu diệt chính quyền nhà Tào, nhà Ngụy. Sau khi Tư Mã Chiêu chết, Tư Mã Viêm đã kế nhiệm chức vụ của cha là Lâm Tấn Vương, ông ta luôn khống chế công việc triều chính. Tháng 12 năm 265, ông ta ép buộc Ngụy Nguyên Đề Táo Huán nhường ngôi. Ngày Bính Dần ông ta xưng đế, đặt quốc hiệu là "Tấn", đặt đô ở Lạc Dương, đổi niên hiệu là "Thái Thủy". Trong lịch sử gọi là Tây Tấn.

Sau khi Tư Mã Viêm lên ngôi, năm 280 diệt vong nhà Đông Ngô, thống nhất Trung Quốc. Sau đó cho dừng việc quân ở các châu quận ra lệnh cho các quận huyện phải giảng các buổi ngoại khóa về nông nghiệp, trồng dâu nuôi tằm, khiến cho xã hội dần được ổn định và phục hồi, các nhà sử gia gọi thời kỳ này là "Thái khang phồn vinh". Đồng thời ông ta thực hiện chế độ chiếm ruộng, điều tra hộ tịch, tăng cường bóc lột phong kiến; ông ta cho phép các chư vương nắm giữ binh quyền, và sai con cháu trấn giữ các vị thế hiểm yếu. Những biện pháp của ông ta đã giúp cho thế lực của quan lại được bành trướng cao độ và là ngòi nổ gây nên "cuộc chiến loạn phản của 8 chư hầu".

Tháng 4 năm 240, Tư Mã Viêm bị bệnh nặng, ông cho truyền gọi Nhữ Nam Vương Tư Mã Lượng quay về cung phụ giúp công việc triều chính. Hoàng hậu Dương muốn cha mình là Dương Tuấn độc quyền phụ giúp triều chính nên đã tìm mọi cách cản trở, cuối cùng bà ta còn giữ chiếu thư không chịu công bố, bà ta còn ngụy tạo di chiếu phong Dương Tuấn làm thái úy kiêm thái phụ của thái tử, thống lĩnh quân đội và làm tổng thượng thư, nắm toàn bộ công việc triều chính. Hoàng hậu Dương đưa di chiếu giả cho Tư Mã Viêm xem qua, ông ta mở mắt trừng trừng nhìn rất lâu vào tờ di chiếu rồi buông tay thả tờ di chiếu xuống đất. Hoàng hậu Dương đi ra ngoài. Lúc này Tư Mã Viêm đã đến giờ phút hấp hối. Ông ta đang mê man bỗng tỉnh lại hỏi tả hữu: "Nhũ Nam Vương đã về cung chưa", thị vệ trả lời: "chưa thấy Nhũ Nam Vương đến". Tư Mã Viêm thở dài không nói gì. Ông mất ngày Ất Dậu tại điện Hàm Chương cung Lạc Dương.

Sau khi ông ta chết lập miếu đặt hiệu là Thế Tổ, đặt thụy hiệu là Vũ Đế.

HUỆ ĐẾ (TƯ MÃ AI)

uệ Đế, ông ta tên là Tư Mã Ai (259 - 300) Ông là con trai thứ hai của Tư Mã Viêm, lên kế vị

sau khi cha chết. Ông trị vì được 17 năm thì bị Đông Hải Vương Tư Mã Việt hại độc chết, thọ 48 tuổi. Mai táng ở Thái Dương Lăng (nay ở gần thành phố Lạc Dương tỉnh Hà Nam).

*

Vũ Đế đã lập Tư Mã Ai làm thái tử. Sau khi Vũ Đế chết, ông ta đã lên kế vị. Lễ đăng quang được tổ chức vào ngày Ất Dậu tháng 4 năm 290, ông cho đổi niên hiệu là "Vĩnh Yên".

Tư Mã Ai là một hoàng đế đần độn, ngoài ham muốn hưởng lạc ra ông ta chẳng biết một cái gì. Sau khi ông ta được lập làm thái tử, có không ít đại thần khuyên Vũ Đế phế bỏ ông ta, do vậy Vũ Đế cũng rất do dự. Có một lần, Vũ Đế có một công văn cần phải gửi đi, nên đã hạ lệnh cho thái tử phải xem xét phê duyệt tờ công văn đó. Vũ Đế làm như vậy để thử xem thái tử có biết cách giải quyết công việc không. Vợ của thái tử là Giả Phi, cô ta là một người thông minh nhưng cũng rất hung hãn. Cô ta sai thái giám soạn đáp án rồi bảo Tư Mã Ai sao chép lại sau đó gửi đi. Vũ Đế xem qua, thấy lời phê chuẩn tương đối cặn kẽ tuy vậy có chỗ cũng cần phải giải đáp thêm, Vũ Đế cho rằng thái tử quả là hơi ngốc. Nhưng cũng không phế bỏ.

Sau khi Tư Mã Ai lên kế vị, ông ta không hề có năng lực giải quyết công việc triều chính, mọi việc đều do bố của thái hậu là Dương Tuấn giải quyết, vì thế Dương Tuấn độc quyền mọi quyền hành trong triều. Tư Mã Ai có một sở thích kỳ lạ. Ông ta thích bò trên tường của cung điện nghe tiếng cóc nhái ở ngoài đầm kêu. Có một năm, các địa phương bị thiên tai, các đại thần tấu trình với ông ta là bà con trăm họ không có cơm ăn. Ông ta nghĩ đến bản thân mình nhiều lúc không muốn ăn cơm thì đổi món bằng cách ăn cháo thịt, do vậy ông ta phán: "Không có cơm ăn thì có thể ăn nhiều cháo thịt, như thế có được không?"

Chuyện đó làm cho các đại thần cười mãi.

Tư Mã Ái lên trị vì thì Giả Phi được tôn làm hoàng hậu. Cô ta rất thông minh và có tài, cô ta không hài lòng việc Dương Tuấn thao túng triều chính, vì thế cô ta đã liên kết với Nhữ Nam Vương Tư Mã Lượng và sợ Vương Tư Mã Vĩ giết chết Dương Tuấn. Tiếp đó, cô ta lại tìm cách giết Tư Mã Lượng và Tư Mã Vĩ. Cô ta không sinh đẻ được, lo lắng địa vị và quyền thế bị lung lay do vậy tìm cách hạ độc thái tử. Triệu Vương Tư Mã Luân vịn vào chuyện hoàng hậu giết thái tử nên đã mang quân tiến vào kinh thành giết hoàng hậu Giả Phi, phế truất Tư Mã Ai rồi tự xưng làm hoàng đế. Những người như Văn Vương Tư Mã Quẫn, Thành Đô Vương Tư Mã Dĩnh, Hà Gia Vương Tư Mã Ưng... không phục. Do đó đã dẫn quân tiến đánh Lạc Dương, mở ra một cuộc hỗn chiến chém giết lẫn nhau giữa các vị vương trong hoàng tộc, trong lịch sử gọi là "loạn 8 vương". Cuộc hỗn chiến này kéo dài 16 năm. Khiến cho nhân dân bị tổn hại, hai tòa thành nổi tiếng là Lạc Dương và Trường An bị phá hoại nghiêm trọng, bách tính chết phải đến mấy mươi vạn, vương triều Đông Tấn đi tới suy vong. Sau khi cuộc hỗn chiến kết thúc, 7 vị vương bị chết, chỉ còn lại Đông Hải Vương Tư Mã Việt, do vậy ông ta tha hồ thao túng triều đình.

Trong cuộc hỗn chiến này, Tư Mã Ai bị cướp đi cướp lại, lúc thì bị phế lúc thì được lập, ông ta bị khổ sở vô cùng. Sau khi kết thúc chiến loạn, Tư Mã Việt quyết định phế bỏ Tư Mã Ai và lập con thơ của Tư Mã Ai làm hoàng đế.

Ngày Canh Sửu tháng 11 năm 306, Tư Mã Việt bí mật sai người bỏ độc vào bánh đem dâng cho Tư Mã Ai ăn. Ông ta ăn được vài miếng bỗng thấy ruột gan đau quặn, bò lê bò lết ở trên giường kêu la thảm thiết. Thái y đến chậm thì ông ta đã bị trợn mắt há mồm, bất tỉnh nhân sự. Thái y sau khi bắt mạch lắc đầu nói: "Không còn cứu vãn được nữa" rồi hỏi đi hỏi lại người hầu nguyên do của căn bệnh. Nghe xong ông ta nói "Bị trúng độc" và vội vàng lẻn đi.

Sau khi Tư Mã Ai chết đặt thụy hiệu là "Huệ Đế".

GIẢ HẬU (GIẢ NAM PHONG)

(TÂY TẤN)

Giả Hậu, tên bà ta là Giả Nam Phong (256 - 300) là hoàng hậu của Huệ Đế. Bà ta dùng mưu mẹo cướp đoạt được chính quyền thao túng được 10 năm. Sau đó bị Triệu Vương Tư Mã Luân hại độc chết, thọ 45 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Giả Nam Phong là con gái của Đại thần Tây Tấn Giả Sung, bà ta là phi tử của Tư Mã Ai. Năm 290, Tư Mã Ai được lập làm hoàng đế thì bà ta cũng được lập làm hoàng hậu. Bà ta có thân hình thấp bé diện mạo xấu xí và đen đủi nhưng ngược lại bà ta rất thông minh và hung hãn. Tận mắt chứng kiến Huệ Đế là một hoàng đế ngu dần, do đó bà ta không can tâm để quyền lợi và địa vị bị lung lay, một lòng một dạ quyết tâm tham gia vào công việc triều chính, nhiều lần bà ta đã tìm cách khống chế thái hậu Dương và thái phụ Dương Tuấn. Tháng 3 năm 291 bà ta đã ra lệnh cho Sở Vương Tư Mã Vĩ vào kinh giết Dương Tuấn, phế bỏ và giết thái hậu Dương, đây chính là một trong những đầu mối gây ra cuộc loạn 8 vương. Sau chuyện này, Nhữ Nam Vương Tư Mã Lượng làm thái tể và Vệ Tang làm Thái bảo, hai người này cùng nhau trợ giúp công việc triều chính. Tháng 6 năm 291, bà ta lấy danh nghĩa của Huệ Đế đã ra lệnh cho Tư Mã Vĩ giết Tư Mã Lượng và Vệ Tang. Sau đó bà ta lại ghép cho Tư Mã Vĩ tội ngụy tạo di chiếu và khép ông ta vào tội chết, mọi quyền hành trong triều đình do mình bà ta thâu tóm, bà ta sai Trương Hoa (là đại thần có công dựng nước). Giả Mô... trợ giúp bà ta trong công việc triều chính.

Thời gian Giả Nam Phong nhiếp chính, bà ta hoang dâm vô độ, hai mẹ con bà ta (mẹ bà ta tên là Quách Hòe) tùy tiện làm càn, đút lót cho những người có chức trách, do đó làm dấy nên các cuộc khởi nghĩa. Tháng 3 năm 300, Giả Nam Phong lại hạ độc giết thái tử Tư Mã Ngọc, Triệu Vương Tư Mã Luân đã vịn vào cớ này để mang quân tiến đánh kinh thành, phế Giả Nam Vương làm thứ dân, giam lỏng ở cung Kim Dung. Tháng 4, Tư Mã Luận giả truyền thánh chỉ, sai thánh chỉ bắt ép bà ta uống rượu độc chết.

HOÀI ĐẾ (TƯ MÃ XÍ)

(TÂY TẤN)

Hoài Đế, tên ông ta là Tư Mã Xí (264 - 313), tên tự của ông ta là Phong Độ. Ông là con thứ 25 của Vũ Đế. Sau khi Tư Mã Việt hại độc chết Huệ Đế, đã lập Tư Mã Xí làm hoàng đế. Ông ta trị vì được 7 năm, bị Lưu Hán bắt làm tù binh (Lưu Hán là quý tộc ở dân tộc Hung Nô), sau đó bị Lưu Thông dùng rượu độc giết chết, thọ 50 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Thời Huệ Đế trị vì phong Tư Mã Xí làm Hoàng Thái Đệ. Sau khi Huệ Đế chết, ngày Quý Dậu tháng 11 năm 306, Tư Mã Việt đã lập Tư Mã Xí làm hoàng đế và cho đổi niên hiệu là "Vĩnh Gia".

Tháng 6 năm 311, Lưu Uyên xây dựng nên chính quyền quý tộc Hung Nô chính quyền dần chuyên đến tay con trai của Lưu Uyên, con trai ông ta tên là Lưu Thông thế lực của Lưu Uyên ngày càng mạnh. Ông ta ra lệnh cho Lưu Tước và Vương Di, thống lĩnh quân đội, chia quân làm mấy ngả tiến vào Lạc Dương. Quân Tấn thua trận liên tiếp, quân của Lưu Hán từ cửa Bình Xương tiến vào kinh thành, thế mạnh như thác đổ, bọn chúng tiến vào kinh vừa chém giết vừa cướp giật. Tư Mã Xí hoang mang vội sai hạ thần mang thuyền đến để chuẩn bị xuống thuyền đi theo đường sông Lạc Thủy chạy xuống phía Đông. Nhưng thuyền chưa kịp mang đến đã bị quân lính Lưu Hán đốt bỏ. Quân Lưu Hán chuyển hướng tấn công sang cửa Tuyên Dương; quân của Vương Di đột nhập vào hoàng cung, cướp báu ngọc ngà châu báu. Làm nhục hậu phi. Tư Mã Xí mang thái tử chạy trốn theo lối cửa vườn Hoa Lâm, chạy vòng qua đầm sen và dự định chạy trốn đến Trường An. Lưu Tước đánh vào cửa Tây Minh phát hiện thấy Tư Mã Xí, và lập tức bắt giữ ông ta, giải đến cửa Vu Đoan. Sau khi quân Lưu Hán cướp phá hoàng cung, đã áp giải Tư Mã

Xí đến Bình Dương (nay thuộc phía Tây Nam huyện Lâm Phấn tỉnh Sơn Tây). Triều Lưu Hán giáng ông ta làm Bình A Công và sai lính giám sát ông ta.

Tết Nguyên Đán năm 313, Lưu Thông mở yến tiệc thết đãi quần thần tại điện Quang Cập ông ta đã sai Tư Mã Xí mặc áo xanh ngồi hầu bên cạnh để rót rượu cho mọi người. Tư Mã Xí cảm thấy rất xấu hổ và nhục nhã. Hai đại thần cũ của ông ta là Vũ Dân và Vương Tuấn thấy chủ nhân bị làm nhục cũng không kìm được tiếng khóc. Lưu Thông tức giận vô cùng đã sai đuổi 3 bọn họ ra khỏi tiệc rượu. Sau chuyện này, Lưu Thông sợ giữ lại Tư Mã Xí sẽ nguy hại về sau và cũng sợ xảy ra chính biến. Nên vào ngày Đinh Mùi tháng 1 đã sai người dùng rượu độc giết chết Tư Mã Xí.

Tư Mã Xí sau khi chết đặt thụy hiệu là "Hoài Đế".

MÂN ĐẾ (TƯ MÃ NGHIÊP)

(TÂY TẤN)

Mân Đế, tên ông ta là Tư Mã Nghiệp (270 - 316), tên tự của ông ta là Ngạn Kỳ. Ông ta là cháu của Vũ Đế và là con trai của Tư Mã Yến. Ông trị vì được 4 năm, về sau bị quân của Lưu Diệu bắt làm tù binh và bị Lưu Thông giết chết. Ông thọ 48 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Tư Mã Nghiệp là con trai của Ngô Vương Tư Mã Yến, được phong làm Tần Vương, đóng giữ ở Trường An. Năm 311, Hoài Đế bị quân Lưu Hán bắt giữ, các quần thần đã lập Tư Mã Nghiệp làm thái tử. Tháng 1 năm 311 Hoài Đế bị hại độc, tin tức đó lan truyền đến tai các quần thần nên ngày Bính Ngọ tháng 4, 311 họ đã lập Tư Mã Nghiệp làm hoàng đế, đổi niên hiệu là "Kiến Hưng".

Tháng 8 năm 316, Lưu Tước bao vây thành Trường An. Đến tháng 11, lương thực trong thành cạn kiệt không có cách gì bảo vệ được đô thành. Tư Mã Nghiệp đành phải dẫn các quần thần đến đầu hàng quân địch. Các quần thần ngồi trên xe ngựa khóc hu hu, có người bò trên xe nằm giữ tay ông ta lại không muốn cho ông ta đi. Tư Mã Nghiệp lòng đau như cắt nhưng cũng không còn cách gì khác đành phải dẫn đầu quần thần đi đến doanh trại địch. Quân lính giải Tư Mã Xí đến Bình Dương và ông ta bị phế truất xuống làm Quang lục đại phu. Triều Tây Tấn bị diệt vong.

Lưu Thông tìm mọi cách làm nhục Tư Mã Xí. Những lúc đi săn, Lưu Thông bắt Tư Mã Xí treo lên, nhân dân ở triều Tấn nhìn thấy cảnh tượng đó đều bật khóc. Tháng 12 năm 316, Lưu Thông cho mở yến tiệc chiêu đãi quần thần tại điện Quang Cập, ông ta cũng hành hạ Tư Mã Xí giống như đã hành hạ Hoài Đế, bắt Tư Mã Xí mặc áo xanh ngồi rót rượu cho mọi người, rửa cốc, thậm chí lúc ông ta đi tiểu tiện còn bắt Tư Mã Xí phải đi mở nắp thùng nước giải. Thượng thư Lang Hạnh Binh (người bị áp giải đi theo Tư Mã Xí) nhìn thấy cảnh hoàng thượng bị nhục mạ, ông ta vô cùng đau đớn xót thương đã phải bật khóc. Sau chuyện này, Lưu Thông lo sợ người nước Tần sẽ tìm cách phục quốc, khôi phục lại ngôi vị cho Tư Mã Xí. Do đó Lưu Thông đã quyết định loại bỏ Tư Mã Xí. Ngày Mậu Tuất tháng 12 năm 316 Lưu Thông sai người giết Tư Mã Xí.

Sau khi Tư Mã Xí chết đặt thụy hiệu là Mân Đế.

ĐÔNG TẤN

(317 - 420, tổng cộng: 104 năm)

Vương triều Đông Tấn lập quốc ở Giang Nam trên cơ bản: xã hội tương đối ổn định, nền kinh tế và văn hóa khá phát triển.

Thời Tây Tấn có 11 hoàng đế, trong đó có 7 người bị bệnh chết, một người bị mất nước bị phế bỏ nên buồn rầu mà chết, một người bị giết, một người chết vì buồn giận, một người vì nói đùa trong tiệc rượu nên bị phi tử hại chết.

NGUYÊN ĐẾ (TƯ MÃ XUÂN)

(ĐÔNG TẤN)

Nguyên Đế, tên ông ta là Tư Mã Xuân (276 - 322) tên tự của ông ta là Cảnh Văn. Ông là chút của Tư Mã Ý, bố ông ta tên là Tư Mã Cận. Ông trị vì được 6 năm, do ưu tư buồn giận mà chết, thọ 47 tuổi. Mai táng ở Kiến Bình Lăng (nay thuộc núi Kê Lung huyện Giang Ninh tỉnh Giang Tô).

*

Cha của Tư Mã Xuân được phong làm Lang Nha vương và làm chức tướng quân ở An Đông, làm đô úy ở vùng Giang Nam (Dương Châu), sau đó nhận được lệnh chuyển từ huyện Phi sang vùng Kiến Nghiệp (nay đổi thành Kiến Khang, nay thuộc thành phố Nam Kinh tỉnh Giang Tô). Sau khi vương triều Tây Tấn bị diệt vong, các đại thần đã lập ông ta làm Tấn Vương, nghi lễ được tổ chức vào ngày Tân Mão tháng 3 năm 317, ông đổi niên hiệu là "Kiến Vũ". Ngày Bính Thìn tháng 3 năm 317 ông lên ngôi hoàng đế, đặt đô ở Kiến Khang. Trong lịch sử gọi là Đông Tấn. Địa vị của Tư Mã Xuân trong hoàng tộc không nổi tiếng lắm, thế lực của ông ta lại đơn độc, tài năng của ông ta không giỏi, vì thế sau khi ông ta lên ngôi đã không nhận được sự giúp đỡ và ủng hộ của các sĩ tộc ở hai miền Nam Bắc, địa vị không ổn định. Nhưng, ông ta rất coi trọng các nhà chính trị trong hoàng tộc, ví dụ nhà chính trị Vương Đạo. Vương Đạo sử dụng các sách lược khiến làm cho các sĩ tộc ở phương Nam phải ủng hộ và giúp đỡ Tư Mã Xuân, điều đó là động lực thúc đẩy các sĩ tộc ở phương Bắc chuyển đến phương Nam sinh sống, họ cũng ủng hộ và giúp đỡ ông ta, dần dần củng cố ổn định được chính quyền nhà Đông Tấn duy trì được cục diện an phận tại một chỗ. Tư Mã Xuân vô cùng cảm kích tài nghệ của Vương Đạo, phong Vương Đạo làm tể tướng, nắm giữ công việc triều chính, Tư Mã Xuân còn cho anh trai của Vương Đạo làm đô đốc quân sự quản lý 6 châu: Giang Châu, Dương Châu, Kinh Châu, Tương Châu, Giao Châu, Quảng Châu. Nắm giữ lực lượng quân đội. Các chức vị quan lại quan trọng cũng để cho gia tộc nhà Vương Đạo đảm nhiệm. Thật ra, chính quyền Đông Tấn do Vương Đạo và Tư Mã Xuân cùng điều hành và quản lý. Những lần đăng cơ đại lễ, có vài lần Tư Mã Xuân mời Vương Đạo cùng ngồi trên ngai vàng để nhận lễ chúc mừng của các đại thần, nhưng Vương Đạo đều tìm cách chối từ. Thời đó dân chúng thường truyền miệng nhau câu nói: "Họ Vương và họ Tư Mã cùng nhau trị vì thiên hạ".

Sau khi đã củng cố địa vị của mình, Tư Mã Xuân bắt đầu giở mặt, ông ta không muốn "họ Vương và họ Tư Mã cùng trị vì thiên hạ", ông ta quay sang trọng dụng Lưu Quỳ, Điêu Hiệp và chọn họ làm những thuộc hạ tâm phúc, dần dần tước bỏ thế lực của Vương Đạo đồng thời bố trí lực lượng quân sự, có ý định loại bỏ thế lực của Vương Đạo. Vương Thục (anh trai của Vương Đạo) đã dẫn quân khống chế lực lượng, từ Vũ Xương đã dẫn quân tấn công Lưu Quỳ và tiến quân vào Kiến Khang, giết chết Điêu Hiệp. Nhưng nhờ sự khuyên giải của Vương Đạo nên Vương Thục mới lui quân về Vũ Xương, vì vậy chính quyền vẫn do Vương Đạo khống chế. Tư Mã Xuân thấy không có cách gì lay chuyển thế lực của Vương Đạo, hơn nữa mình đường đường là thiên tử vậy mà không sai khiến được các đại quan, dần dần ông ta sinh ra bệnh trầm uất

nằm liệt trên giường. Ông ta thấy trong các đại thần chỉ có Tư Đồ Tuân Tổ là tôn trọng và trung thành với mình, do đó ông đã phong Tư Đồ Tuân Tổ làm thái úy kiêm thái bảo của thái tử, dự định sẽ cho Tư Đồ Tuân Tổ tham gia vào công việc triều chính và nhằm hạn chế quyền lực của Vương Đạo. Không ngờ ít lâu sau, Tư Đồ Tuân Tổ bị bệnh chết, Tư Mã Xuân nhìn thấy cảnh tượng đó càng thêm buồn rầu, hậu quả dẫn đến bệnh tình ngày càng trầm trọng.

Buổi tối ngày Kỷ Sửu tháng 11 năm 322, Tư Mã Xuân đã tạ thế tại nội điện cung Kiến Khang. Ông ta viết di chiếu để lại muốn lập Tư Mã Thiệu làm hoàng đế.

Sau khi ông ta chết lập miếu đặt hiệu là Trung Tôn, đặt thụy hiệu là Nguyên Đế.

MINH ĐẾ (TƯ MÃ THIÊU)

Minh Đế, ông ta tên là Tư Mã Thiệu (299 - 335). Ông là con trai cả của Nguyên Đế, lên kế vị sau khi Nguyên Đế chết. Ông trị vì được 3 năm, bị bệnh chết, hưởng dương 27

*

Nguyên Đế đã lập Tư Mã Thiệu làm thái tử. Sau khi Nguyên Đế chết, ông ta đã lên kế vị, lễ đăng quang tổ chức vào ngày Canh Dần tháng 11 năm 322. Sau khi lên ngôi, ông đã đổi niên hiệu là "Thái Ninh".

Tư Mã Thiệu làm hoàng đế vẫn để Vương Đạo phụ giúp công việc triều chính. Vương Thục lợi dụng sự tín nhiệm, tìm mưu kế và chuẩn bị kế hoạch cướp ngôi. Năm 324, Vương Thục bị bệnh nặng, Tư Mã Thiệu nhân cơ hội đó đã sai quân đi chinh phạt Vương Thục. Tuy bị ốm đau nhưng Vương Thục vẫn sai người đi khống chế lực lượng, tiến quân vào thành Kiến Khang. Nhưng đã bị quân Tấn đánh bại. Không lâu sau, Vương Thục bị bệnh chết, nguy cơ bị cướp ngôi đã tạm lắng xuống.

Tháng 8 năm 325, Tư Mã Thiệu bị ốm nặng bệnh tình rất nguy kịch. Ông vội vàng sai gọi tể tướng, Tư Mã dạng, Vương Đạo, thượng thư Biện Hồ đến triệu kiến, ông muốn 3 người đó phụ giúp cho Tư Mã Diễn. Ngày hôm sau (ngày Mậu Tí), ông mất tại Đông Đường trong cung Kiến Khang.

Sau khi ông mất lập miếu đặt hiệu là Túc Tông đặt thụy hiệu Minh Đế.

THÀNH ĐẾ (TƯ MÃ DIỄN)

Thành Đế, tên ông ta là Tư Mã Diễn (321 - 342), tên tự của ông ta là Thế Căn. Ông là con trai cả của Minh Đế, lên kế vị sau khi Minh Đế chết. Ông trị vì được 17 năm, bị bệnh chết, hưởng dương 21 tuổi. Mai táng ở Hưng Bình Lăng (nay ở núi Kê Lung huyện Giang Ninh tỉnh Giang Tô).

*

Thời Minh Đế, ông ta đã được lập làm thái tử. Ngày Kỷ Sửu tháng 8 năm 325 ông ta đã lên ngôi hoàng đế ngay sau khi Minh Đế chết, sau khi lên ngôi ông đổi niên hiệu là "Hàm Hòa".

Trong thời gian trị vì, ông đã trọng dụng Dư Lượng (họ nhà vợ) chấp chính, và ý đồ phế trừ Vương Đạo. Dư Lượng luôn luôn đố kị nghi ngờ các đại thần, sau khi nhận chức ông ta tìm cách giết hại các đại thần giữ các địa vị quan trọng, do vậy gây ra xung đột trong nội bộ của tập đoàn giai cấp thống trị. Năm 327, tướng quân canh giữ trấn Lịch Dương đã liên kết với tướng quân canh giữ trấn Tô Tuấn và Thọ Xuân tìm cách giết Dư Lượng, họ dẫn quân làm tạo phản, tấn công vào thành Kiến Khang nhưng đã bị Dao Khán và Ôn Kiều dẹp yên, lúc này Vương Đạo lại lên chấp chính. Vương triều Đông Tấn một lần nữa lại chuyển đổi từ nguy thành an.

Tháng 1 năm 342, Tư Mã Diễn bị bệnh. Đến tháng 6 bệnh phát ra nguy kịch. Biết mình khó lòng qua khỏi nên ông đã tuyên triệu: trung thư lãn Dư Bằng, trung thư Hà Sung, vũ lăng vương Tư Mã Hi, hội kê vương Tư Mã Dục... ông tuyên bố lập lang nha vương Tư Mã Nhạc làm thái tử. 3 ngày sau ông mất tại Tây Đường cung Kiến Khang.

Sau khi ông mất lập miếu đặt hiệu là Hiển Tông, đặt thụy hiệu là Thành Đế.

*

KHANG ĐẾ (TƯ MÃ NHẠC)

(ĐÔNG TẤN)

Khang Đế, ông ta tên là Tư Mã Nhạc (322 - 344), tên tự của ông ta là Thế Đồng. Ông là con trai của Minh Đế và là em trai của Thành Đế. Ông lên kế vị sau khi Thành Đế chết. Ông trị vì được 2 năm thì bị bệnh chết. Hưởng dương 23 tuổi. Mai táng ở Sùng Bình Lăng (nay thuộc huyện Giang Ninh tỉnh Giang Tô).

*

Tư Mã Nhạc được phong làm Ngô Vương, sau đó được phong làm Lang Nha Vương. Sau khi Thành Đế chết, ông ta được lên kế vị, lễ đăng quang tổ chức vào ngày Giáp Ngọ tháng 6 năm 342. Sau khi lên ngôi ông đổi niên hiệu là "Kiến Nguyên".

Trong những năm trị vì, ông đã trọng dụng Dư Vịnh và Dư Dực.

Tháng 9 năm 344, ông bị bệnh, bệnh tình ngày một nghiêm trọng. Lúc này ông không còn khả năng sức lực chỉ định người kế vị. Các đại thần đành phải hỏi Dư Vịnh và Dư Dực, cần phải chọn ai làm thái tử, hai người đó cho rằng nên chọn một trong những thành viên của hoàng thất có tuổi tác lớn một chút làm người kế vị. Còn đại thần Hà Sung lại cho rằng nên chọn con trai cả của Tư Mã Nhạc làm thái tử (con ông ta mới lên 2 tuổi). Ý kiến của Hà Sung được nhiều người ủng hộ. Việc đó ngoài tầm tay của Dư Vịnh và Dư Dục, do đó các đại thần lập sắc phong Tư Mã đơn làm thái tử. Tư Mã Nhạc mất ngày Mậu Tuất tại điện Vũ Càn cung Kiến Khang.

Sau khi ông ta mất đặt thụy hiệu là Khang Đế.

MỤC ĐẾ (TƯ MÃ ĐƠN)

Mục Đế, ông ta tên là Tư Mã Đơn (343 - 361) tên tự của ông ta là Bánh Tự. Ông là con cả của Khang Đế, lên kế vị sau khi Khang Đế chết. Lúc đó ông mới lên 2 tuổi. Ông trị vì được 17 năm, bị bệnh chết, ông hưởng dương 19 tuổi. Mai táng ở Vĩnh Bình Lăng (nay nằm ở phía Nam núi Mộ Phủ phía Tây Bắc huyện Giang Ninh tỉnh Giang Tô).

*

Tư Mã Đơn được các đại thần lập làm thái tử. Vào ngày Kỉ Hợi ông đã lên ngôi hoàng đế, ngay sau cái chết của Khang Đế. Sau khi lên ngôi đổi niên hiệu là "Vĩnh Hòa". 2 tuổi Tư Mã Đơn đã làm hoàng đế, mọi công việc do thái hậu Chử Lâm triều để giải quyết trong những năm trị vì, ông trọng dụng Hằng Ôn nhằm loại bỏ thế lực nhà họ Dư. Dần dà thế lực của Hằng Ôn ngày một mạnh và có ý định cướp ngôi hoàng đế.

Ngày Đinh Tị tháng 5 năm 361, Tư Mã Đơn đã tạ thế tại cung điện Hiền Dương điện Kiến Khang.

Sau khi ông ta chết lập miếu đặt hiệu là Hiếu Tông, lấy thụy hiệu là Mục Đế.

AI ĐẾ (TƯ MÃ PHI)

i Đế, tên ông ta là Tư Mã Phi (341 - 365) tên tự của ông ta là Can Linh. Ông là con trưởng của Thành Đế, ông lên kế vị sau khi Mục Đế chết. Ông trị vì được 4 năm, bị bệnh chết, hưởng dương 25 tuổi. Mai táng ở An Bình Lăng (nay ở phía Nam núi Kê Lung huyện Giang Ninh tỉnh Giang Tô).

*

Tháng 5 năm 361 Mục Công bị bệnh chết, ông ta không có con nối dõi, nên hoàng hậu Chử và Hội Kế Vương Tư Mã Dục quyết định chọn Tư Mã Thất lên kế vị, lễ đăng quang tổ chức vào ngày Canh Thân tháng 5 năm 361, sau khi lên ngôi lấy hiệu là "Long Hòa".

Tháng 2 năm 365, Tư Mã Thất bị bệnh nặng. Nghe tin đó, Tư Mã Dục vội vàng vào kinh thành với ý định cùng Tư Mã Thất bàn bạc chuyện chọn người kế vị. Nhưng khi ông ta vào đến kinh thành thì Tư Mã Thất đã băng hà.

Tư Mã Thất mất ngày Bính Thân tại Tây Đường cung Kiến Khang.

PHẾ ĐẾ (TƯ MÃ DỊCH)

Phế Đế, tên ông ta là Tư Mã Dịch (342 - 386), tên tự là Diện Linh. Con của Thành Đế, lên kế vị sau khi Ai Đế chết. Ông trị vì được 6 năm, sau đó bị Hằng Ôn phế bỏ. Sau đó bị bệnh chết, thọ 45 tuổi. Mai táng ở Ngô Lăng (nay thuộc huyện Ngô tỉnh Giang Tô).

*

Tư Mã Dịch được phong làm Đông Hải Vương. Ai Đế bị bệnh chết vì không có con nối dõi nên thái hậu Chư và Tư Mã Dục quyết định lập ông ta làm hoàng đế, lễ đăng quang tổ chức vào ngày Đinh Dậu tháng 2 năm 365. Sau khi lên ngôi, ông cho đổi niên hiệu là "Thái Hòa".

Trong những năm Tư Mã Dịch trị vì, Hằng Ôn rất chuyên quyền hung bạo ngang ngược, còn trong vương thất lại có Tư Mã Dục nắm giữ triều chính, do đó Tư Mã Dịch trở thành một con rối trong tay bọn họ.

Tháng 11 năm 371, Hằng Ôn tìm cớ bắt ép thái hậu Chử phế truất Tư Mã Dịch, Hằng Ôn sai Lưu Hưởng vào cung lấy ấn ngọc và đuổi Tư Mã Dịch ra khỏi hoàng cung. Lúc đó đang là mùa thu, thời tiết còn tương đối ấm áp, Tư Mã Dịch chỉ mặc một chiếc áo, ngồi trên xe đi theo lời của Thần Thú rời khỏi hoàng cung, các quần thần khóc lóc cáo biệt ông ta. Hằng Ôn ra lệnh cho thuộc hạ dẫn 100 binh lính áp giải Tư Mã Dịch quay về phủ Đông Hải Vương, giáng ông ta xuống làm Hải Tây Công.

Năm thứ hai, Tư Mã Dịch bị chuyển đến Tây Sài thuộc huyện Ngô cư trú và bị giám sát chặt chẽ. Thời đó dân chúng rất thông cảm và thương xót ông, không ít người giả mượn danh nghĩa của ông, tụ tập dân chúng để phất cờ khởi nghĩa, phản đối triều đình.

Sau khi Tư Mã Dịch biết chuyện, ông ta chỉ ru rú ở một xó nhà, đóng cửa không tiếp khách, cẩn thận chú ý từng hành động nhỏ để sống qua ngày, tránh sự hiềm nghi của triều đình. Một ngày đẹp trời vào tháng 11 năm 372, Lư Tùng sai Hứa Long bí mật đến nhà Tư Mã Dịch, ông ta xưa là sứ giả của thái hậu đến đón Tư Mã Dịch về cung phục chức. Tư Mã Dịch nghe được chuyện đó, vô cùng phấn khởi và dự định sẽ đi cùng Hứa Long. Đúng lúc đó, gia bộc của Tư Mã Dịch đến và khuyên can Tư Mã Dịch đừng đi, bởi e sợ có uẩn khúc bên trong, do đó ông ta đã chối từ lời đề nghị và đuổi Hứa Long đi. Từ đó, ngày càng thu hẹp lại thân mình suốt ngày uống rượu giải buồn, cam chịu số phận, để tránh tai họa chết người.

Tư Mã Dịch mất ngày Giáp Thân tháng 10 năm 386 tại huyện Ngô.

Trong lịch sử gọi Tư Mã Dịch là phế đế hay còn gọi là Hải Tây Công.

GIẢN VĂN ĐẾ (TƯ MÃ DỤC)

Giản Văn Đế, ông ta tên là Tư Mã Dục (320 - 372). Ông ta là thiếu tử của Nguyên Đế. Phế Đế bị phế truất, Hằng Ôn đã lập Tư Mã Dục làm hoàng đế. Ông trị vì được 2 năm, bị bệnh chết, thọ 53 tuổi. Mai táng ở Cao Bình Lăng (nay thuộc phía Tây Nam núi Tường huyện Giang Ninh tỉnh Giang Tô).

*

Tư Mã Dục được phong làm Lang Nha Vương sau đó được phong làm Hội Kê Vương.

Tháng 11 năm 371 Hằng Ôn đã phế bỏ Tư Mã Dịch và ngày Kỷ Dậu tháng 11 năm 371 đã lập Tư Mã Dục làm hoàng đế, sau khi ông lên ngôi cho đổi niên hiệu là "Ham An".

Sau khi ông ta lên ngôi, nhất nhất đều nghe lệnh của Hằng Ôn và nghiễm nhiên trở thành một con rối trong tay Hằng Ôn. Tháng 7 năm 372, Tư Mã Dịch bị bệnh nặng, ông ta tuyên bố lập Xương Minh làm thái tử, và nội trong một ngày một đêm ông ta đã gửi đi 4 chiếu thư, mời Hằng Ôn lúc này đang trấn giữ ở Cơ Thục (nay thuộc huyện Từ tỉnh An Huy) quay về cung. Hằng Ôn không thèm để ý tới chiếu thư, tảng lờ không biết chuyện. Tư Mã Dục đành phải viết di chiếu, ủy thác cho Hằng Ôn được quyền nhiếp chính, nếu thái tử không đáng được giúp đỡ thì Hằng Ôn có thể phế bỏ và tự lên ngôi hoàng đế. Lang Trung Vương Thân tiếp nhận chiếu thư đó liền ra sức can ngăn và còn xé chiếu thư trước mặt Tư Mã Dục. Tư Mã Dục tự an ủi nói: Thiên hạ vốn dĩ đã bị người ta cướp đi, khanh hà tất gì phải lo lắng như vậy? Vương Thân hỏi vặn lại: "Thiên hạ là thiên hạ của Tuyên Đế, Nguyên Đế, bệ hạ làm sao có thể tư thông với người ngoài đem vứt bỏ đi". Tư Mã Dục trầm ngâm hồi lâu, im lặng không nói gì, sau đó ra lệnh cho Vương Thân thảo một di chiếu khác: Việc quốc gia đại sự cần có một quân sư giúp đỡ, cần có trụ cột để dìu dắt thái tử, do đó thái tử phải kính trọng Hằng Ôn giống như Lưu Bị trọng đãi Gia Cát Lượng". Ngày hôm sau vào ngày Kỉ Mùi, Tư Mã Dục đã tạ thế tại cung Kiến Khang.

Sau khi ông ta chết lập miếu đặt hiệu là Thái Tông, lấy thụy hiệu là Giản Văn Đế.

HIẾU VŨ ĐẾ (TƯ MÃ DIÊU)

(ĐÔNG TẤN)

Hiếu Vũ Đế, tên ông ta là Tư Mã Diệu (362 - 398), tên tự của ông là Xương Minh. Ông là con của Giản Văn Đế, ông lên kế vị sau khi Giản Văn Đế chết, trị vì 24 năm, vì lời nói đùa sau khi uống rượu nên bị Trương Quý nhân sai cung nữ hại chết. Thọ 35 tuổi. Mai táng ở Long Bình Lăng (nay thuộc phía Tây Nam núi Tướng huyện Giang Ninh tỉnh Giang Tô).

*

Thời Giản Văn Đế đã lập Tư Mã Diệu làm thái tử. Sau khi Giản Văn Đế chết, Tư Mã Diệu đã lên kế vị, lễ đăng quang tổ chức vào ngày Kỉ Mùi tháng 7 năm 372. Sau khi lên ngôi, ông đổi niên hiệu là Ninh Khang.

10 tuổi, Tư Mã Diệu đã làm hoàng đế. Mọi công việc đều do thái hậu Chử giải quyết. Nhưng sau khi lo việc ma chay cho Giản Văn Đế một cách hoàn tất, đột nhiên Lư Tùng thống lĩnh vài trăm người, đột nhập vào cửa Vân Long xưng là sứ giả của Hải Tây Công Tư Mã Dịch về triều đòi lại ngôi vị, Lư Tùng dẫn lính xông thẳng vào từ đường, nội cung cướp vũ khí chém giết lung tung. Sau đó bị Cấm vệ quân trấn áp, Lư Tùng bị giết chết. Không lâu sau, Hằng Ôn quay về đô

thành, cả triều chính thất kinh lo sợ Hằng Ôn cướp đoạt ngôi vị. Nhưng không lâu sau, Hằng Ôn bị bệnh chết, khiến cho vương triều Đông Tấn lại vượt qua nguy cơ bị mất nước.

Thời gian Tư Mã Diệu kế vị, công việc triều chính do Tư Mã Đạo Tử và con trai của Hằng Ôn (con trai Hằng Ôn tên là Hằng Huyền) kế nhiệm chức vụ của cha. Tư Mã Diệu chìm đắm trong tửu sắc, suốt ngày ở trong cung hưởng lạc, công việc triều chính bỏ bê.

Ngày Canh Thân tháng 9 năm 396, Tư Mã Diệu cùng với quý nhân họ Trương ngồi uống rượu tại điện Thanh Thử. Ông ta uống rượu liên tục và bắt ép quý nhân Trương cùng uống. Quý nhân Trương không thể uống được nữa nên một mực chối từ. Ông ta có vẻ không vui và nói đùa: "Hôm nay, nếu khanh dám trái lệnh trẫm, cự tuyệt không uống rượu, trẫm sẽ định tội khanh". Quý nhân Trương bực bội khoác áo đứng dậy và nói: "Thiếp nhất định không uống, xem bệ hạ quy thiếp tội gì". Tư Mã Diệu mắt say lờ đờ, đứng dậy lạnh lùng nói: "Miệng lưỡi khanh quả là cứng rắn, năm nay khanh đã gần 30 tuổi, có thể phế bỏ được. Giai nhân của trẫm phải là một người trẻ tuổi và xinh đẹp, lẽ nào thiếu một người như khanh lại không được". Nói đến đó ông ta nôn mửa vào đầy tóc đầy người quý nhân Trương. Thuộc hạ vội dìu ông ta về phòng, để ông ta nằm trên giường, ông ta ngủ mê mệt không biết gì.

Quý nhân Trương từ khi vào cung đến nay, được phục vụ hoàng đế nên sinh ra kiêu ngạo, cô ta chưa bao giờ bị nhục mạ, bị giáo huấn, cô ta lại có tính hay đố kị, hằng ngày cô ta luôn lo sợ Tư Mã Diệu sủng ái người khác sẽ phế bỏ cô ta. Lúc này nghĩ đến nhan sắc của mình đã bị phai tàn, Tư Mã Diệu sẽ bỏ rơi cô ta. Nhất thời, cô ta vừa tức vừa hận nên đã nảy sinh ý định giết chết Tư Mã Diệu. Sau khi đã tắm gội thay quần áo, cô ta truyền gọi 1 thị nữ tâm phúc của mình đến ra lệnh cho ả đó mưu hại Tư Mã Diệu. Cung nữ đó không dám làm. Cô ta cao giọng dọa nạt nếu không làm sẽ giết chết cung nữ đó, cung nữ đành phải lén lút đến chỗ Tư Mã Diệu, thấy ông ta đang ngủ say ả liền dùng chăn trùm lên mặt Tư Mã Diệu sau đó lại lấy những vật nặng đè lên người ông ta. Ông ta giãy giụa một hồi, cuối cùng bị ngạt chết. Tư Mã Diệu là bậc đế vương trong thiên hạ, chỉ vì lời nói đùa khi uống rượu mà rước lấy cái chết.

Sau khi ông ta chết, lập miếu lấy hiệu là Liệt Tông, lấy thụy hiệu là Hiếu Vũ Đế.

AN ĐẾ (TƯ MÃ ĐỨC TÔNG)

(ĐÔNG TẤN)

An Đế, tên ông ta là Tư Mã Đức Tông (382 - 418), ông là con trưởng của Hiếu Vũ Đế, lên kế vị sau khi cha chết. Ông trị vì được 22 năm, bị Lưu Dụ tư thông với hoạn quan

*

Thời Hiếu Vũ Đế đã lập Tư Mã Đức Tông làm thái tử. Sau khi Hiếu Vũ Đế bị hại chết, các trọng thần đã loan cáo Hiếu Vũ Đế bị bệnh nặng nên đột ngột qua đời, ngày Tân Dậu tháng 9 năm 398 đã lập Tư Mã Đức Tông làm hoàng đế, ông cho đổi niên hiệu là "Long An".

Tư Mã Đức Tông là người hồ đồ ngu xuẩn và bạc nhược, tuy ông ta làm hoàng đế nhưng công việc triều chính lại do Tư Mã Đạo Tử và Tư Mã Đức Văn cùng nhau chỉ đạo. Tư Mã Đức Tông đương nhiên trở thành một con rối. Trong những năm ông ta trị vì đã nổ ra những cuộc khởi nghĩa của Tôn Ân và Lư Tuân. Năm 403, đại tướng Hằng Huyền trước đây được phong làm Sở Vương nay đã tự xưng làm hoàng đế, Hằng Huyền đã phế bỏ Tư Mã Đức Tông và giáng ông ta làm Bình Cố Vương và ra lệnh cho ông ta phải chuyển đến sống ở Tầm Dương (nay là thành phố Cửu Giang tỉnh Giang Tây). Vương triều Đông Tấn đang bước vào thời kỳ bị diệt vong. Ít lâu sau đại tướng Lưu Dụ đã mang quân chinh phạt Hằng Huyền và đánh bại Hằng Huyền khiến Hằng Huyền phải chạy đến Tầm Dương. Ông ta đuổi Tư Mã Đức Tông đến Giang Lăng (nay là huyện Giang Lăng tỉnh Hồ Bắc). Năm 404, Hằng Huyền bị giết chết. Lúc đó An Đế mới được phục hồi ngôi vị.

Năm 418, đại tướng Lưu Dụ có ý đồ cướp quyền đoạt vị nên ông ta bí mật ra lệnh cho đồng đảng là Trung thư thị lang Vương Thiều phải tìm cách tư thông với người hầu của Tư Mã Đức Tông, tìm cơ hội để loại bỏ Tư Mã Đức Tông. Em trai của ông là Tư Mã Đức Văn lo lắng anh trưởng gặp nạn do vậy cả ngày đều ở cạnh anh để hầu hạ và bảo vệ điều đó làm cho Vương Thiều khó lòng ra tay hạ thủ. Tháng 12, Tư Mã Đức Văn bị bệnh phải quay về cung nghỉ ngơi tĩnh dưỡng. Ngày Mậu Dần, Vương Thiều đã lẻn vào hậu cung và sai người hầu của Đức Tông dùng áo làm thành sợi dây xiết cổ Đức Tông. Sau chuyện này, Lưu Dụ xưng làm hoàng đế, sau này ông ta bị bệnh đột ngột và qua đời.

Sau khi Tư Mã Đức Tông chết, đặt thụy hiệu là An Đế.

CUNG ĐẾ (TƯ MÃ ĐỨC VĂN)

Cung Đế, tên ông ta là Tư Mã Đức Văn (385 - 420), ông là con trai của Hiếu Vũ Đế và ông là em trai của An Đế. Sau khi Lưu Dụ hại chết An Đế nên đã lập Tư Mã Đức Văn làm hoàng đế. Ông trị vì dưới 2 năm, sau đó bị Lưu Dụ phế bỏ và Lưu Dụ còn sai người dùng chăn làm Đức Văn nghẹt thở chết. Ông hưởng thọ 36 tuổi. Mai táng ở Trọng Bình Lăng (nay thuộc phía Tây Nam núi Tướng huyện Giang Ninh tỉnh Giang Tô).

*

Tư Mã Đức Văn được phong làm Lang Nha Vương. Lưu Dụ sau khi giết An Đế, thấy thời cơ đoạt ngôi vị vẫn chưa chín mùi do đó ông ta đã ngụy tạo di chiếu lập Tư Mã Đức Văn làm hoàng đế. Sau khi lên ngôi, ông ta đổi niên hiệu là "Nguyên Hi".

Tháng 6 năm 419, Lưu Dụ thấy thời cơ đã đến, vào ngày Nhâm Tuất ông ra lệnh cho đồng đảng là Phó Lượng thảo một chiếu thư nhường ngôi và ép Tư Mã Đức Văn phải thoái vị. Tư Mã Đức Văn đành nói với các quần thần: "Hằng Huyền cướp ngôi. Lúc đó triều Tấn đã bị mất nước, may mắn thay Lưu Công (Lưu Dụ) đã mang quân dẹp loạn khôi phục lại triều Tấn, nhờ vậy triều đình mới kéo dài gần được 20 năm. Chuyện nhường ngôi hôm nay là do trẫm hoàn toàn tự nguyện, không hề có sự oán giận". Nói xong, ông ta kí tên vào tờ chiếu thư nhường ngôi và đưa cho Phó Lượng. Sau đó, ông dẫn vợ con rời khỏi cung, ông ta bị Lưu Dụ giáng xuống làm Linh Lăng Vương, dời đến cư trú ở huyện Mạt Lăng (nay thuộc huyện Kinh Môn tỉnh Hồ Bắc), tướng quân Lưu Tôn Khảo được sai đi giám sát ông ta. Triều Đông Tấn bị diệt vong.

Các anh trai của hoàng hậu (vợ của Tư Mã Đức Văn) là Chử Tú Chi và Chử Đạm Chi trước đây được phong làm thái đường khanh hòa thị trung. Bây giờ nhìn thấy cảnh em rể và em gái rơi vào hoàn cảnh khó khăn họ cũng quay lưng bỏ mặc, cam tâm làm chó săn cho Lưu Dụ, họ hứa với Lưu Dụ sẽ giám sát chặt chẽ hai em. Hoàng hậu Chử sinh được một bé trai, anh trai bà ta là Lưu Tú Chi đã nghe theo lời của Lưu Dụ nên giết chết đứa bé. Lưu Dụ cũng muốn sát hại Tư Mã Đức Văn để trừ hậu họa. Tư Mã Đức Văn cũng đoán biết ý định của Lưu Dụ do đó ngày đêm lo sợ. Cả ngày chỉ ở một xó phòng cùng với vợ, mọi thức ăn đồ uống đều do hoàng hậu làm, điều đó khiến Lưu Dụ không có cách gì sát hại được Đức Văn.

Tháng 9 năm 420, Lưu Dụ sai Lang nha thị trung Trương Vĩ mang một bình rượu độc đến Mạt Lăng ép Đức Văn uống. Trương Vĩ là một người trung hiếu, ông ta không nhẫn tâm hại chết Tư Mã Đức Văn do đó ông ta đã uống bình rượu độc đó và chết. Lưu Dụ biết tin vô cùng phẫn nộ. Ngày Đinh Sửu Lưu Dụ lại sai Chử Đạm Chi lấy cớ đến thăm em gái, ra lệnh cho quân lính lén lút đi theo sau. Hoàng hậu Chử nghe nói anh trai đến thăm, vội vàng đi ra ngoài gặp mặt. Bọn lính thừa cơ trèo tường vào phòng của Tư Mã Đức Văn, đặt một bình rượu độc trước mặt Đức Văn, ép buộc ông ta uống rượu. Tư Mã Đức Văn lắc đầu cự tuyệt nói: "Phật Giáo dạy rằng: Con người mà tự sát thì kiếp sau sẽ không được đầu thai làm người". Binh lính liền trói ông ta vào giường, lấy chăn chùm kín mặt sau đó dùng lực đè chết. Sau khi giết chết ông ta bọn chúng lại trèo tường trốn đi.

Sau khi ông ta chết, lấy thụy hiệu là Cung Đế.

THẬP LỤC QUỐC (MƯỜI SÁU NƯỚC)

(305 - 439, tổng cộng 136 năm)

Triều Tây Tấn bị diệt vong, triều Đông Tấn dựng cơ nghiệp ở miền Nam, lúc này giai cấp thống trị các tộc ở lưu vực sông Hoàng Hà cũng xảy ra các cuộc hỗn chiến. Hơn 130 năm giai cấp thống trị các dân tộc miền Bắc đã xây dựng được nhiều quốc gia lớn nhỏ. Trong lịch sử có 15 quốc gia chủ yếu ở miền Bắc: Tiền Triệu, Hậu Triệu, Tiền Yên, Hậu Yên, Nam Yên, Bắc Yên, Tiền Tần, Hậu Tần, Tây Tần, Tiền Lương, Hậu Lương, Nam Lương, Tây Lương, Bắc Lương, Đại Hạ, ngay cả khu vực Tây Nam cũng tạo dựng một quốc gia, do đó có tất cả 16 quốc gia. Ngoài ra còn có chính quyền: Nhiễm Ngụy, Tây Yên, Đại, Nhu Nhiên. Thời kỳ này là thời kỳ Trung Quốc lại bị phân chia. Nửa sau thế kỷ 4 TCN, thời Tiền Tần đã thống nhất lưu vực sông Hoàng Hà, sau đó vì nôn nóng tiến xuống phía Nam tiêu diệt Đông Tấn, và bị đại bại ở trận chiến Phí Thủy, giai cấp thống trị lại bị phân chia miền Bắc lại rơi vào tình trạng cát cứ phân liệt. Triều Đông Tấn nhân cơ hội đó thu phục Hoàng Hà lấy lại những vùng đất ở phía Nam mà trước kia đã bị mất, hình thành ra cục diện phân chia 2 miền Nam Bắc.

TIỀN TRIỆU

(304 - 329, tổng cộng 25 năm)

Tiền Triệu lúc đầu gọi là nước Hán, bởi vì do lưu Uyên sáng lập, nên trong sử gọi là Lưu Hán. Cuối thời kỳ đổi tên nước thành "Triệu", sử gọi là tiền Triệu.

Tiền Triệu có 5 vị hoàng đế (bao gồm cả thái tử Lưu Hòa), trong đó có 2 người chết trong nội chiến, một người bị giết trong cuộc chiến khi bị bắt làm tù binh, 2 người bị bệnh chết.

CAO TỔ (LƯU UYÊN)

(TIỀN TRIỀU)

Cao Tổ, ông ta tên là Lưu Uyên (? - 310) ông ta có tên tự là Nguyên Hải. Ông là con trai của Lưu Báo (là Tả bộ sư của dân tộc Hung Nô, sau này Lưu Uyên tự xưng làm hoàng đế. Ông trị vì được 7 năm, bị bệnh chết. Mai táng ở Vĩnh Quang Lăng).

*

Lưu Uyên là người của bộ tộc Hung Nô ở Tân Hưng. Cha của ông ta là Lưu Báo làm chức tả bộ sư (sau khi Tào Tháo thống nhất miền Bắc, ông ta đã chia 30000 dân của bộ lạc Hung Nô thành 5 bộ tộc mỗi bộ tộc có một bộ sư). Thời trẻ Lưu Uyên thường đến Lạc Dương và giao du với các nho sinh và quan lại, ông ta tôn nho sinh Thôi Du làm thầy giáo, học các kinh điển của nho học như: "Thi Kinh" "Thượng Thư" "Di Kinh", ông ta còn đọc qua các tác phẩm như: "Xuân Thu tả thị truyền", "Binh pháp của Tôn Ngô" "Sử kí", "Hán thư"..., am hiểu văn hóa của tộc Hán. Ông có sức khỏe, lại có võ nghệ cao cường một mình ông có thể nhấc được cái cung nặng 300kg. Sau khi Lưu Báo chết, ông được kế nhiệm chức vụ của cha. Về sau còn làm đô đốc thống lĩnh 5 bộ tộc của Hung Nô và làm tướng quân ở triều Tấn trong "cuộc loạn ở 8 vương" Tần Thành Đô Tư Mã Dĩnh đã sai Lưu Uyên quay về Tịnh Châu (nay thuộc phía Tây Nam thành phố Thái Nguyên tỉnh Sơn Tây) để điều động dân chúng ở 5 bộ tộc Hung Nô tham gia vào cuộc hỗn chiến. Ông ta thừa cơ hội hô hào dân trong bộ tộc khởi nghĩa, tháng 10 năm 304 ông đã dẫn quân phản lại triều Tấn, tự xưng là Đại Đơn Vu Để nhận được sự giúp đỡ và ủng hộ của dân tộc Hán ông ta đã dựa dẫm vào lý do: triều Hán đã từng gả công chúa cho Đơn Vu (người của tộc Hung Nô) và ông ta tự xưng là cháu họ ngoại của triều Hán, gọi là Hán Vương, đặt quốc hiệu là "Hán", tỏ ý sẽ kế thừa chính thống của triều Hán. Đặt niên hiệu là "Nguyên Yên".

Sau khi Lưu Uyên xưng vương, ông đã dẫn quân đi tấn công các bộ lạc ở Tịnh Châu và các bộ lạc: Vương Di, Thạch Lặc... thế lực ngày một phát triển mạnh. Tháng 10 năm 310 ông ta xưng làm hoàng đế, đổi niên hiệu là Vĩnh Phụng và sai đóng đô ở Bình Dương (nay thuộc phía Tây Bắc huyện Lâm Phần tỉnh Sơn Tây).

Sau khi ông ta xưng đế, có hai lần ông ta mang đại quân tiến xuống phía Nam để tấn công vào thành Lạc Dương với ý đồ tiêu diệt Tây Tấn, nhưng nhờ sự chiến đấu dũng cảm của quân và dân ở triều đình Tây Tấn nên ông ta không thực hiện được mưu đồ của mình.

Tháng 7 năm 310, Lưu Uyên bị bệnh nặng. Ông biết mình không qua khỏi nên đã triệu tập các đại thần để xắp sếp mọi chuyện, ông cho Lưu Hoan Lạc làm thái tể, Lưu Tường làm thái phụ, Lưu Diên Hiên làm thái bảo, Lưu Thông làm đại tư mã đại đơn vu kiêm chức thượng thư; và sai bố trí đài Đơn Vu ở phía Tây thành Hàm Dương, sai Lưu Dụ làm đại tư mã chủ trì. Vài ngày sau, bệnh tình của ông chuyển ra nguy kịch, ông sai gọi Lưu Hoan Lạc và Lưu Tướng vào cung để tiếp nhận di lệnh, ra lệnh phải lập thái tử Lưu Hòa làm hoàng đế. Ông mất ngày Kỷ Mão tại điện Quang Cấp trong cung Bình Dương.

Sau khi ông chết, lập mưu đặt hiệu là Cao Tổ.

THÁI TỬ (LƯU HÒA)

Lưu Hòa (? - 310), tên tự của ông ta là Huyền Thái. Ông là con trai của Lưu Uyên. Sau khi Lưu Uyên chết, ông đã lên ngôi kế vị. Chưa được một tháng đã bị em trai giết. Mai táng ở đâu, không rõ.

Lưu Hòa vừa mới lên ngôi hoàng đế, em trai của ông ta là Lưu Thông đã tiến quân bao vây kinh thành để tranh giành ngôi vị. Lưu Hòa bị thua trận, quân của Lưu Thông tiến vào kinh thành bằng lối cửa Tây Minh, tướng quân của Lưu Hòa là Lưu Nhuệ đã phải chạy vào cung ở phía Nam. Quân của Lưu Thông đuổi theo chém chết Lưu Nhuệ. Bọn chúng đi lùng sục Lưu Hòa và phát hiện thấy ông ta ẩn trốn trong phòng phía Tây của điện Quang Cấp, chúng bắt ông ta và chém chết.

Trong lịch sử gọi ông ta là thái tử Lưu Hòa.

VŨ ĐẾ (LƯU THÔNG) (TIỀN TRIỆU)

Vũ Đế, ông ta tên là Lưu Thông (? - 318), tên tự của ông là Huyền Minh. Ông là con trai thứ 4 của Lưu Uyên. Sau khi Lưu Uyên chết, Lưu Hòa lên kế vị. Lưu Thông đã giết chết anh trai và tự xưng làm hoàng đế. Ông trị vì được 9 năm thì bị bệnh chết. Mai táng ở Tuyên Quang Lăng.

*

Lưu Thông được phong làm Sở Vương. Đại Đơn Vu Lộc Lãi Vương; Lúc Lưu Uyên sắp chết còn phong cho Lưu Thông nắm giữ quân đội chủ lực của triều đình. Ông ta am hiểu văn học Hán, nghe nói có thể thuộc lòng bộ binh pháp của Tôn Ngô và rất am hiểu những binh pháp đó để vận dụng vào những cuộc chiến. Có hai lần ông ta được lệnh phải thống lĩnh đại quân đi đánh thành Lạc Dương, nhưng cả hai lần đều thất bại. Sau khi ông giết anh là Lưu Hòa và đã tự xưng làm hoàng đế, đổi niên hiệu là "Quang Hưng".

Năm thứ hai sau khi Lưu Thông lên ngôi hoàng đế, ông ta đã sai Lưu Diệu, Thạch Lặc, Diên Yến thống lĩnh đại quân tiến đánh Lạc Dương. Lúc này ở triều đình Tây Tấn đang có đấu tranh nội bộ, do vậy ông ta dễ dàng bắt được Tấn Hoài Đế. Năm 316, ông lại sai Lưu Diệu tấn công vào Trường An bắt giữ Tấn Mậu Đế, diệt vong triều Tây Tấn.

Trong những năm ông ta trị vì, ông đã dùng nền chính trị của Ngụy Tấn và Hung Nô. Ông ta

vì nền chính trị mà bất chất tất cả, sẵn sàng hy sinh sức lực của các tướng lĩnh và binh lính.

Tháng 7 năm 318, Lưu Thông bị bệnh nặng, ông vội vàng gọi thái tử Lưu Xán đến triệu kiến để dặn dò: "Hôm nay thiên hạ vẫn chưa thái bình, con không cần phải gò bó vào phong tục cũ là tổ chức tang lễ long trọng. Khi trẫm chết, con chỉ cần làm tang lễ đơn giản thôi".

Sau đó ông lại sai gọi Lưu Diệu và Thạch Lặc nhờ họ giúp đỡ thái tử, hai người đó lại cự tuyệt không dám nhận. Lưu Thông đành phải để Lưu Kinh làm thái tế, Lưu Kí làm đại tư mã, Lưu Chuyên làm thái sư, Chu Kỉ làm thái phụ, Diên Yến làm thái bảo kiêm thượng thư... tất cả bọn họ cùng nhau phụ giúp thái tử. Vài ngày sau, Lưu Thông mất tại cung điện Tuyên Quang.

Sau khi ông ta chết lập miếu đặt hiệu là Liệt Tông, đặt thụy hiệu là Vũ Đế.

LINH ĐẾ (LƯU XÁN)

(TIỀN TRIỆU)

Linh Đế, ông ta tên là Lưu Xán (? - 318), tên tự của ông ta là Sĩ Quang. Ông là con trưởng của Lưu Thông, lên kế vị sau khi Lưu Thông chết. Ông ta trị vì được 3 tháng thì bị đại tướng quận Tiến Chuẩn giết chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Tháng 7 năm 318 Lưu Thông bị bệnh chết Lưu Xán đã được lên kế vị, ông cho đổi niên hiệu là "Hán Xương".

Sau khi ông ta làm hoàng đế, suốt ngày chìm đắm trong nữ sắc, nghe lời của cung phi nên đã sai giết: Lưu Kinh, Lưu Kí, Lưu Chuyên, Lưu Sính, Lưu Lệ... ông ta phó mặc công việc triều chính cho đại tướng quân Tiến Chuẩn. Tiến Chuẩn dựa vào quyền lực để ngụy tạo chiếu thư phong cho hai em là Tiến Minh và Tiến Khang làm tướng quân thống lĩnh vệ cấm quân trong triều. Một mặt khác Tiến Chuẩn âm thầm chuẩn bị lực lượng để tạo phản. Đại Phu Vương Diên biết được âm mưu của Tiến Chuẩn, ông đã vội vàng vào cung báo cho Lưu Xán biết, nhưng đi được nửa đường đã bị Tiến Khang bắt giữ. Tiến Chuẩn tiến quân vào cung, nhưng ở đó vắng tanh, ông ta liền tiến thẳng đến điện Quang Cấp sai người vào hậu cung bắt giữ Lưu Xán. Lưu Xán đang ở trong cung uống rượu nghe nhạc với phi tần, đột nhiên thấy quân lính xông vào, ông ta cho rằng tông thất vương đến báo thù. Ông ta sợ quá chui vào gầm giường nằm im thin thít. Các tướng sĩ lừa ông ta, họ nói: "Tư Không (Tiến Chuẩn) có lệnh, mời bệ hạ thăng triều!" Lưu Xán nghe họ nói vậy, cho rằng không có chuyện gì to tát liền đi theo quân lính ra điện và thấy Tiến Chuẩn đang ngạo nghễ ngồi trên ngai vàng. Tiến Chuẩn thấy Lưu Xán đến nên to mồm ghép tội cho Lưu Xán: "đam mê tửu sắc, giết hại tông thất bỏ bê triều chính"... Lúc này Lưu Xán hoang mang thực sự ông ta quỳ mọp xuống xin tha tội. Tiến Chuẩn sai lính mang ông ta ra ngoài đầu đài chém chết, Tiến Chuẩn còn sai giết hết già trẻ họ hàng nam nữ nhà họ Lưu, sai khai quật lăng một của Lưu Uyên và Lưu Thông, đốt thi thể của Lưu Thông, phá bỏ tông miếu nhà họ Lưu... Tiến Chuẩn tự xưng làm đại tướng quần Hán Thiên Vương và chiếm giữ đô thành.

Sau khi Lưu Xán chết đặt thụy hiệu là Linh Đế.

TẦN VƯƠNG (LƯU DIÊU)

(TIỀN TRIỆU)

Tần Vương, tên ông ta là Lưu Diệu (? - 329), tên tự của ông ta là Vĩnh Minh. Ông là cháu họ của Lưu Uyên. Sau khi Lưu Xán bị giết, ông ta đã tấn công và giết Tiến Chuẩn và xưng làm hoàng đế. Ông trị vì được 12 năm, bị quân của Thạch Lặc bắt giữ, sau đó bị giết. Mai táng ở đâu

không rõ.

*

Lưu Diệu được phong làm Trung Sơn Vương Tần Vương. Thời Lưu Uyên trị vì, ông được sai đi trấn thủ ở Trường An. Thời Lưu Xán trị vì đã cho ông làm tướng quốc nắm giữ binh quyền. Tháng 10 năm 318, ông tiến quân vào Bình Dương chinh phạt Tiền Chuẩn vì tội giết hoàng đế Lưu Xán, dọc đường đi ông xưng làm hoàng đế, ông cho đổi niên hiệu là "Quang Sơ". Tháng 12 ông giết chết Tiền Chuẩn, tiêu diệt hết họ Tiền và cho dời đô đến Trường An, ông cho đổi quốc hiệu là "Triệu" sử gọi là Tiền Triệu.

Sau khi lên ngôi, ông cho thực hiện phân chia chế độ chính trị của triều Hán và Hồ và còn khôi phục nho học trong khu thống trị của người Hán, sử dụng phương thức loại bỏ tô thuế phong kiến.

Đầu năm 329, quân của Lưu Diệu đánh nhau với quân của Hậu Triệu Vương Thạch Lặc ở thành Lạc Dương. Lưu Diệu bao vây địa bàn quan trọng của Thạch Lặc ở Kim Dung (nay thuộc phía đông thành phố Lạc Dương tỉnh Hà Nam), trải qua hơn 3 tháng vẫn không đánh bại được địch. Từ nhỏ Lưu Diệu đã là một kẻ nát rượu, về già càng say sưa hơn. Lúc này tuy ông ta sai binh lính trấn giữ ở dưới chân thành, vậy mà vẫn say rượu túy lúy, không hề thương xót quân sĩ. Thạch Lặc đích thân dẫn quân phá vòng vây. Buổi sáng trước khi ra trận, Lưu Diệu nhận được báo cáo: quân của Thạch Lặc sẽ chia làm hai ngả do tướng quân Thạch Hổ và Thạch Kham dẫn đầu tiến đánh, vậy mà Lưu Diệu cũng không để ý tới lời tấu trình, ông ta còn uống vài chén rượu rồi mới lên ngựa ra trận. Ngựa kinh sợ không dám tiến lên phía trước, Lưu Diệu đành phải thay một con ngựa nhỏ. Ông ta cho rằng không có rượu thì không có khí thế đánh địch, do vậy ông ta lại doanh trại uống rượu sau đó mới thúc ngựa ra trận, ông ta rượu say túy lúy chém giết lung tung ở cửa Tây Dương. Quân của Thạch Lặc đã chia làm hai cánh bao vây, quân của Lưu Diệu không có đường thoát bỏ chạy tán loạn. Lưu Diệu mơ mơ hồ hồ chạy theo hướng cửa Tây Dương. Thạch Lặc đã đón đầu ở đó, hô to "Lưu Diệu, ngươi hãy chịu chết", Lưu Diệu lúc này đã tỉnh ra phần nào, nhìn thấy quân lính thua trận, ông ta vội vàng thúc ngựa chạy theo hướng bờ sông Lạc Thủy. Thạch Kham nhìn thấy vội vàng đuổi theo và giương cung bắn. Lưu Diệu bị trúng 3 mũi tên, con ngựa của ông ta bị trúng tên cũng điên cuồng phi nước đại và ngã xuống vực. Lưu Diệu may mắn nhảy ra khỏi mình ngựa và rơi xuống sông Lạc Thủy và bị bắt làm tù binh.

Tháng 8 năm 329 Thạch Lặc bắt buộc Lưu Diệu phải viết thư cho thái tử Lưu Hi, khuyên anh ta đầu hàng. Trong thư Lưu Diệu lại khuyên Lưu Hi và các quần thần phải bảo vệ xã tắc không cần phải lo lắng tới sự sống chết của ông ta mà nhụt đi ý chí. Thạch Lặc xem lại thư tức giận vô cùng, ông ta liền sai đem Lưu Diệu đến thành Vĩnh Phong và giết chết. Tiền Triệu bị diệt vong.

Trong sử gọi Lưu Diệu là Tần Vương.

THẬP LỤC QUỐC (MƯỜI SÁU NƯỚC)

HẬU TRIỆU

(319 - 351, tổng cộng 33 năm)

Hậu Triệu có 7 hoàng đế, trong đó có 2 người bị bệnh chết, 5 người bị giết trong nội chiến.

CAO TỔ (THẠCH LẶC)

(HẬU TRIỆU)

Cao Tổ, tên ông ta là Thạch Lặc (274 - 333), tên tự của ông ta là Thế Long. Ông ta là người dân tộc Hạt. Ông ta là đại tướng quân thời Lưu Uyên, sau đó ông ta diệt vong nhà Tiền Triệu và xưng làm hoàng đế. Ông trị vì 15 năm, bị bệnh chết. Thọ 60 tuổi. Mai táng ở Cao Bình Lăng.

*

Thạch Lặc là người dân tộc Hạt, quê ở Vũ Xương (Thượng Đông, nay thuộc phía Bắc huyện Du Xã tỉnh Sơn Tây). Ông tổ của Thạch Lặc là thầy giáo của bộ lạc. Thời trẻ ông ta thường theo những người trong ấp đi xuống Lạc Dương, làm thuê cuốc mướn, cuộc sống rất nghèo khổ. Năm 20 tuổi ông bị Tư Mã Đằng Kình (nhà Tây Tấn) mua về Sơn Đông làm nô lệ, ông không cam chịu cuộc đời nô lệ nên đã theo Cập Tang dấy cờ khởi nghĩa phản đối nhà Tấn. Cập Tang bị giết, ông lại chạy theo Lưu Uyên, sau này ông được phong làm đại tướng quân An Đông, dần dần được làm Triệu Công và dần dần trở thành thế lực cát cứ. Năm 319, ông xưng làm Triệu Vương ở Tương Quốc (nay thuộc phía Tây Nam huyện Hình Đài tỉnh Hà Bắc), ông xây dựng chính quyền, đặt quốc hiệu là "Triệu", trong sử gọi là Hậu Triệu. Năm 328, ông lấy niên hiệu là "Thái Hòa".

Năm 329, Thạch Lặc tiêu diệt nhà Tiền Triệu, khống chế một bộ phận lớn ở Trung Nguyên. Năm 330 xưng là Thiên Vương, không lâu sau ông ta xưng làm hoàng đế, đổi niên hiệu là "Kiến Bình".

Trong những năm trị vì, ông ra sức đề cao địa vị của dân tộc Hạt, ông trọng dụng Trương Tân (là một văn nhân dân tộc Hán), khôi phục tô thuế. Ông đề cao Nho học và tôn trọng Phật giáo, quốc gia do ông cai trị ngày một hưng thịnh. Lãnh thổ của ông gồm: phía Tây chạy đến tỉnh Thiểm Tây và tỉnh Cam Túc; phía Đông chạy đến phía Đông Bắc tỉnh Hà Bắc, phía Nam chạy đến tỉnh Hồ Bắc và tỉnh An Huy, bao gồm cả lãnh địa Trung Nguyên.

Trong giai cấp thống trị của 16 nước, Thạch Lặc là người tôn trọng tri thức, tôn trọng nhân sĩ. Thạch Lặc không đọc sách và ông ta cũng không biết chữ, nhưng ông ta lại rất coi trọng tri thức văn hóa. Thời kỳ ông còn làm đại tướng quân An Đông, ông đã trọng dụng sĩ nhân Trương Tân (là người dân tộc Hán). Ông dựa vào mưu kế và tài năng của Trương Tân, dần dần đã khuếch trương được thế lực. Ông ta còn tập hợp những người nghèo khổ ở miền Bắc thành một tổ chức gọi là "Quân Tư Doanh" và xếp họ biên chế vào trong quân đội. Sau khi xưng đế, ông ra lệnh không được bắt giữ những nhân sĩ bị thương, mà phải mang họ đi chữa trị. Ông cho mở trường học, khuyến khích con em tướng sĩ đến học, ông lập ra chế độ thi cử để tuyển chọn nhân tài. Nhờ vậy nền chính trị vào những năm đầu thời Hậu Triệu tương đối công minh, xã hội tương đối ổn định và phồn vinh.

Ông rất thích đọc sách và học hỏi, ông cho mời thầy giáo đến dạy và giảng giải, sau khi nghe xong ông thường đề ra các câu hỏi, phát biểu những kiến giải của mình. Có một lần, thầy giáo giảng đến câu chuyện lịch sử: "Lưu Bang chuẩn bị phân 6 nước cho con cháu của quý tộc cũ" Ông rất tâm phục và thốt lên: "Lưu Bang làm như vậy quả là không tồi".

Thạch Lặc còn đề xướng Phật Giáo, năm 312 ông phục hưng đạo Phật, ông cho xây dựng chùa miếu và còn gửi con trai của mình vào chùa Phật để học kinh, bản thân ông ta cũng đi lễ Phật cầu nguyện, cầu mong đức Phật bảo vệ cho con cháu của ông.

Tháng 7 năm 333, trên đường đi tuần ở miền Tây giữa đường ông bị cảm nặng và phát sinh ra những bệnh khác. Sau khi về cung bệnh của ông càng nặng, ông đưa ra chiếu chỉ: sau khi ông chết 3 ngày mới được an táng, việc tang chỉ làm đơn giản và gọn nhẹ, các tướng sĩ ở các địa phương cũng không cần phải về kinh phúng viếng, phải trấn giữ cẩn mật những cửa ải quan trọng, và không cần phải để tang trong thời gian dài, không cần cấm quan dân dựng vợ gả chồng cho con cái". Và ông còn dặn dò: "Hai anh em Thạch Hoằng và Thạch Vũ phải lấy bài học huynh đệ nhà Tây Tấn tàn sát lẫn nhau và lấy cuộc loạn 8 vương để làm tấm gương, ông dặn họ phải đoàn kết thương yêu đùm bọc lẫn nhau. Ông nhờ vả Trung Sơn Vương (Thạch Hổ) phải tận trung tận hiếu giúp đỡ thái tử. Nếu được như vậy, ông mới yên tâm nhắm mắt ra đi". Nói xong, ông trút hơi thở cuối cùng tại Tây Các Tang Quốc. Tang lễ của ông do Thạch Hổ làm chủ trì. Nửa đêm, mới mang quan tài ra khỏi cửa thành mai táng ở trong sơn cốc, do đó địa điểm lăng mộ có vài thuyết nói khác nhau.

Sau khi ông chết lập miếu đặt hiệu là Cao Tổ.

HẢI DƯƠNG VƯƠNG (THẠCH HOẰNG)

(HẬU TRIÊU)

Hải Dương Vương, tên ông ta là Thạch Hoằng (314 - 335). Ông là con trai thứ hai của Triệu Cao Tổ Thạch Lặc. Ông lên kế vị sau khi Thạch Lặc chết. Ông trị vì được một năm, bị Thạch Hổ phế truất và giết chết, hưởng dương 22 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Thời Thạch Lặc trị vì đã lập Thạch Hoằng làm thái tử.

Tháng 7 năm 333 Thạch Lặc bị ốm chết. Sau khi lo việc tang lễ chu tất, Thạch Hổ liền ép Thạch Hoằng thiết triều, hạ chiếu nói muốn rời bỏ địa vị của mình và Thạch Hổ còn sai Tể Vương Thạch Tuế vào cấm vệ cung, quản lý Thạch Hoằng. Thạch Hoằng là người nhu nhược, ông lo lắng không bảo vệ được tính mạng nên đã tình nguyện nhường ngôi cho Thạch Hổ. Thạch Hổ sợ các chư hầu phản đối nên không dám tiếp nhận. Do đó đã phải lập Thạch Hoằng làm hoàng đế. Sau khi lên ngôi cho đổi niên hiệu là "Diên Hi".

Trong thời gian Thạch Hoằng trị vì, Thạch Hổ rất chuyên quyền, thế lực vô cùng mạnh khiến cho Thạch Hoằng ngày đêm thấp thỏm lo âu. Tháng 10 năm 334 Thạch Hổ đã phế truất Thạch Hoằng giáng ông ta xuống làm Hải Dương Vương. Thạch Hổ còn áp giải thái hậu và Tấn Vương Thạch Hồng đến cung Sùng Huấn. Đầu năm 335 Thạch Hổ âm thầm sai người nửa đêm đột nhập vào cung Sùng Huấn giết hết cả nhà Thạch Hoằng.

Trong lịch sử gọi Thạch Hoằng là Hải Dương Vương.

THÁI TỔ (THẠCH HỔ)

(HẬU TRIÊU)

Thái Tổ, ông ta tên là Thạch Hổ (295 - 349). Tên tự của ông là Quý Long, là cháu của Thạch Lặc. Sau khi ông ta phế truất Thạch Hoằng đã tự xưng làm hoàng đế. Ông trị vì được 15 năm, bị bệnh chết, thọ 55 tuổi. Mai táng ở Lăng Hiển Nguyên.

*

Thời kỳ Hậu Triệu mới được sáng lập, Thạch Hổ được phong làm Đơn Vu Nguyên Phụ, thống lĩnh cấm vệ quân. Sau nhiều lần chinh chiến thực lực rất mạnh. Tháng 10 năm 334, sau khi phế truất Thạch Hoằng, ông đã tự xưng là Thiên Vương đặt niên hiệu là "Kiến Vũ", dời đô đến thành Nghiệp (nay thuộc huyện Từ tỉnh Hà Bắc). Năm 349, ông ta tự xưng làm hoàng đế, đổi niên hiệu là "Thái Ninh". Trong những năm ông ta trị vì, ông sử dụng hình phạt rất hung bạo hà khắc, thuế má nặng nề, nhiều lần phát triển mạnh công trình thổ mộc tận dụng sức dân, lại bắt bớ quân lính đi chinh phạt vô độ. Ông ta hoang dâm vô độ, từng đi cướp 100000 thiếu nữ trong dân gian về hậu cung, khiến cho nhân dân vô cùng khổ cực, ông ta còn lợi dụng các sĩ nhân dân tộc Hán, tuyên dương nho giáo và Phật pháp.

Thạch Hổ tính tình hung bạo. Có một lần, hoàng hậu Quách và ông ta cãi nhau, ông ta đã sai giết chết hoàng hậu. Đại phu Lộ Minh khuyên giải ông ta thả các thiếu nữ ở hậu cung cho họ về nhà để làm an lòng dân. Nghe Lộ Minh nói vậy, ông ta đùng đùng nổi giận ra lệnh cho vệ binh giết Lộ Minh.

Năm 349, Thạch Hổ bị ốm nặng, ông ta vội vàng ra lệnh cho Thạch Tôn làm đại tướng quân trấn giữ Quan Hữu, Thạch Vũ làm thừa tướng kiêm thượng thư, Trương Sái làm trấn vệ đại tướng quân kiêm thượng thư sử bộ... tất cả bọn họ phải trợ giúp thái tử. Trương Sái có quyền lực trong tay. Ông ta câu kết với hoàng hậu Lưu lừa đảo Thạch Hổ, sai bắt giữ Thạch Vũ; đồng thời Trương Sái còn sai lính đến Kinh Thâm bắt giải Thạch Tôn về Từ Châu. Thạch Hổ hỏi các thuộc hạ: "Thạch Tôn vẫn chưa đến à?" Thuộc hạ của ông ta trả lời: "Ông ta đã về từ lâu rồi". Thạch Hổ lại hỏi: "Lẽ nào không đến chỗ trẫm". Hơn 200 thuộc hạ của Thạch Hổ quỳ xuống cầu xin ông ta cho Thạch Vũ vào cung quản lý quân sự. Thạch Hổ nói một cách ngạc nhiên: "Thạch Vũ chẳng phải đang ở trong cung đó sao! Nhanh tuyên triệu ông ta đến, trẫm muốn giao ấn ngọc cho ông ta". Các thuộc hạ không dám nói cho ông ta biết việc Thạch Vũ bị Trương Sái áp giải. Lúc ông ta đang muốn gọi Thạch Vũ đến thì một cơn đau dữ dội lại nổi lên, cuối cùng sức ông ta không chịu được nên đã chuyển ông ta về phòng ngủ. Trương Sái nhân cơ hội đó đã giả truyền chiếu thư, sai giết Thạch Vũ và tự xưng làm Thái Bảo và lũng đoạn triều đình. Tháng 4, Thạch Hổ mất tại điện Kim Hoa trong cung của đô thành Nghiệp.

Sau khi ông ta chết lập miếu lấy hiệu là Thái Tổ.

TIÊU VƯƠNG (THẠCH THẾ)

(HẬU TRIỆU)

Tiêu Vương, ông ta tên là Thạch Thế (339 - 349). Ông là thiếu tử của Hậu Triệu Thái Tổ Thạch Hổ. Sau khi cha chết, ông ta lên kế vị. Ông trị vì được 33 ngày thì bị anh trai là Thạch Tôn cướp ngôi và giết chết, thọ 11 tuổi. Mai táng ở ngoại ô Bất Minh.

*

Thời Thạch Hổ trị vì đã lập Thạch Thế làm thái tử. Tháng 4 năm 349 Thạch Hổ bị bệnh chết, ông ta đã được lên kế vị, lúc đó ông mới 11 tuổi, mọi việc trong triều do thái hậu Lưu quyết định, Trương Sái được thế rất chuyên quyền.

Thạch Thế lên ngôi được vài ngày, thì anh trai của ông ta là Thạch Tôn đã thống lĩnh đại quân từ Hà Nội quay về Nghiệp thành, giết chết Trương Sái.

Thạch Tôn còn giả truyền ý chỉ của thái hậu Lưu nói: "Thạch Thế còn nhỏ tuổi, chưa đủ sức gánh vác công việc quốc gia, được lập hoàng đế chẳng qua vì được tiên hoàng sủng ái mà thôi, nay lấy việc quốc gia làm trọng, nên lệnh cho Thạch Tôn nên kế vị". Thạch Tôn phế truất Thạch Thế và cho làm Tiêu Vương, hưởng tô thuế của 10.000 hộ dân. Vài ngày sau, Thạch Tôn lại sai người hạ độc Thạch Thế và thái hậu Lưu.

Trong sử gọi Thạch Thế là Tiêu Vương.

BÀNH THÀNH VƯƠNG (THẠCH TÔN)

Bành Thành Vương, ông ta tên là Thạch Tôn (? - 349). Ông là con trai của Hậu Triệu Thái Tổ Thạch Hồ. Sau khi ông ta phế truất Thạch Thế đã tự xưng làm hoàng đế. Ông trị vì được 183 ngày thì bị thuộc hạ của Nhiễm Mẫn chém chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Thạch Tôn được phong làm Bành Thành Vương. Tháng 4 năm 349 sau khi phế truất Thạch Thế, ông ta đã tụ nên ngôi hoàng đế.

Tháng 11 năm 349 Nghĩa Tô Vương Thạch Giám và Bắc Trung Lang tướng Nhiễm Mẫn đã làm phản, bọn họ đã sai Tô Hợi và Chu Thành dẫn quân vào hoàng cung. Lúc đó, Thạch Tôn đang cùng phi tử đánh cờ đột nhiên nghe tiếng hò hét náo loạn. Ông ta vội vàng chạy ra điện Côn Hoa nghe ngóng tình hình, và va phải Tô Hợi và Chu Thành cũng đang đi đến. Ông ta lấy lại diện mạo và quát to: "Các khanh đến đây làm gì, muốn tạo phản phải không?". Binh sĩ vội vàng đáp: "Đến để giết người đã cướp đoạt ngôi vị". Thạch Tôn kinh ngạc hỏi: "Ai dẫn đầu cuộc tạo phản". Chu Thành trả lời: "Nghĩa Dương Vương Thạch Giám dẫn đầu và ông ta sẽ nên ngôi kế vị" Thạch Tôn nói: "Đoạn kết cuộc đời trẫm còn bị như vậy, các khanh lập Thạch Giám làm hoàng đế, liệu được hưởng phú quý bao lâu?" Chu Thành tức giận, sai lính bắt giữ và chém chết Thạch Tôn.

Trong lịch sử gọi ông ta là Bành Thành Vương.

NGHĨA DƯƠNG VƯƠNG (THẠCH GIÁM)

Nghĩa Dương Vương, ông ta tên là Thạch Giám (? - 350). Ông là con trai thứ 3 của Thạch Hổ. Ông nên kế vị sau khi Thạch Tôn chết. Ông trị vị được 100 ngày, sau đó bị Nhiễm Mẫn cướp ngôi vị và giết chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Thạch Giám đã được Nhiễm Mẫn giúp đỡ để giết Thạch Tôn, tháng 11 năm 349 Thạch Giám đã nên ngôi hoàng đế. Ông cho đổi niên hiệu là "Thanh Long".

Sau khi Thạch Giám nên ngôi, vì Nhiễm Mẫn rất lộng hành do vậy Thạch Giám rất muốn loại bỏ Nhiễm Mẫn. Một hôm, ông sai 3 đại thần là: Thạch Bao, Quý Công, Trương Tài đang đêm phải đi giết Nhiễm Mẫn. Không ngờ Nhiễm Mẫn đã có sự đề phòng, ông sai thuộc hạ tâm phúc mai phúc ở trong điện, giết chết 3 người đó. Tương quân Tôn Phú Đô và Lưu Thù đã triệu tập 3000 người dân tộc Hạt tiến vào hoàng cung vây đánh Nhiễm Mẫn giải nguy cho Thạch Giám.

Thạch Giám kinh ngạc, vội vàng ra lệnh cho thuộc hạ gọi Tôn Phục Đô đến và hỏi lý do tiến quân vào kinh. Tôn Phú Đô nói: "Nhiễm Mẫn, Quý Y mưu phản đã chiếm giữ cửa Đông Dịch, hạ thần dẫn quân giải cứu bệ hạ". Thạch Giám vui mừng vô cùng và khích lệ anh ta: "Khanh đúng là một đại thần tận trung, đã vì trẫm mà xuất quân. Trẫm sẽ ở trên Bình Đài xem trận chiến, sau khi đã dẹp yên phản loạn, trẫm sẽ trọng thưởng cho khanh". Tôn Phú Đô dẫn quân đi đánh Nhiễm Mẫn nhưng ông ta liên tiếp bị bại trận dưới tay Nhiễm Mẫn, do vậy phải lui quân về trấn giữ ở cửa Phụng Dương. Nhiễm Mẫn, Quý Y dẫn 1.000 lính đánh vào cửa Kim Minh tiến vào hoàng cung bắt giữ Thạch Giám. Thạch Giám đứng trên Bình Đài thấy tình hình như vậy, ông ta trở mặt và truyền tin cho Nhiễm Mẫn và Quý Y nói: "Tôn Phú Đô mưu phản, các khanh hãy nhanh đi bắt hắn". Nhiễm Mẫn và Quý Y sau khi đã tiêu diệt Tôn Phú Đô và 3000 cấm quân, đã ra lệnh cho thượng thư Vương Giản, thiếu phủ Vương Úc dẫn vài nghìn binh lính trấn giữu Long Quan, không cho Thạch Giám ra ngoài, lương thực do binh lính dùng móc câu đưa vào.

Tháng 1 năm 350, nhân cơ hội Nhiễm Mẫn và Quý Y dẫn 30.000 kị binh đi đánh Trương Hạ Độ, Thạch Giám liền sai hoạn quan viết một lá thư gửi cho Trương Hạ Độ muốn ông ta dẫn quân vào kinh giúp mình đoạt lại chính quyền. Viên hoạn quan không gửi thư cho Trương Hạ Độ mà lại đưa cho Nhiễm Mẫn và Quý Y. Bọn họ tức giận vô cùng liền sai lính giết chết Thạch Giám. Sau đó sai giết chết 38 người con cháu nhà Thạch Hổ, chuẩn bị xưng làm hoàng đế.

Trong lịch sử gọi Thạch Giám là Nghĩa Dương Vương.

TÂN HƯNG VƯƠNG (THẠCH CHI)

Tân Hưng Vương, ông ta tên là Thạch Chi (? - 351). Ông là con trai của Thạch Hổ. Sau khi Thạch Giám bị giết, ông ta biết tin liền xưng làm hoàng đế. Ông ta trị vì được 2 năm thì bị đại tướng quân Lưu Hiển giết chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Thạch Chi được phong làm Tân Hưng Vương trấn giữ ở Tương Quốc, Ông nghe tin Thạch Giám bị giết nên vào tháng 3 năm 350 ông đã xưng làm hoàng đế và cho đổi niên hiệu là "Vĩnh Ninh".

Sau khi Thạch Chi xưng đế, Nhiễm Mẫn sai quân đi đánh tấn công vào Tương Quốc nhưng đã bị Thạch Chi đánh bại.

Năm 351, Thạch Chi sai đại tướng quân Lưu Hiển dẫn 70.000 lính tiến đánh Nghiệp Thành, nhưng bị Nhiễm Mẫn đánh bại, chết hơn 30.000 lính và phải chạy đến Dương Bình (nay thuộc phía Đông Bắc huyện Quán Dao tỉnh Hà Nam). Lưu Hiển sợ Thạch Chi luận tội, do vậy lén lút sai người đến đầu hàng Nhiễm Mẫn, bày tỏ sẽ giết Thạch Chi để làm lễ vật gặp mặt.

Táng 4, Lưu Hiển quay về Tương Quốc để tìm cơ hội giết Thạch Chi, sau đó mang thủ cấp gửi cho Nhiễm Mẫn. Nhiễm Mẫn sai đem đầu của Thạch Chi treo trên đường lớn cho dân chúng xem.

Trong lịch sử gọi Thạch Chi là Tần Hưng Vương. Triều Hậu Triệu bị diệt vong.

THẬP LỤC QUỐC (MƯỜI SÁU NƯỚC)

NHIỄM NGỤY
(350 - 352, tổng cộng có 2 năm)

Triều Nhiễm Ngụy chỉ có một hoàng đế, sau đó bị Tiền Yên bắt làm tù binh và giết chết.

VŨ ĐIẾU THIÊN VƯƠNG (NHIỄM MẪN)
(NHIỄM NGỤY)

Vũ Điếu Thiên Vương, ông ta tên là Nhiễm Mẫn (? - 352), ông còn có tên Thạch Mẫn, ông có tên tự là Vĩnh Tăng. Ông là cháu nuôi của Hậu Triệu Thái Tổ Thạch Hổ. Ông ta giết Thạch Giám và tự lập làm hoàng đế. Ông trị vì được 2 năm, sau đó bị Tiền Yên Mộ Dung Tuyển bắt làm tù binh và bị giết chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Nhiễm Mẫn là người ở nội hoàng quận Ngụy (nay thuộc Tây Bắc huyện Nội Hoàng tỉnh Hà Nam). Ông ta họ Nhiễm, cha của ông ta là Nhiễm Thiêm đã nhận Thạch Hổ làm bố nuôi, Nhiễm Thiêm rất giỏi chiến trận vì thế đã được phong làm đại tướng. Năm 350 Nhiễm Mẫn giết Thạch Giám và tự xưng làm hoàng đế, ông cho đặt quốc hiệu là "Đại Ngụy", đặt đô ở đất Nghiệp, đặt niên hiệu là "Vĩnh Hưng", trong sử gọi là Nhiễm Ngụy".

Trong thời gian Nhiễm Mẫn chấp chính, ông ta đã lợi dụng mâu thuẫn giữa người Hán và người Hồ, kích động dân tộc khôi phục tinh thần, ông ta sai giết 200.000 người dân tộc Hạt bao gồm cả già lẫn trẻ, ông còn sai người đến Đông Tấn, kích động người Hồ ở miền Bắc khiến cho cuộc hỗn chiến tiêu diệt Hậu Triệu Thạch Chi, thực lực quân sự của ông ta đã bị suy yếu rất nhiều.

Tháng 4 năm 352, Tiền Yên Vương Mộ Dung Tuyển là người dân tộc Tiên Ti đã sai tướng quân Mộ Dung Cách thống lĩnh đại quân tiến đánh Nhiễm Mẫn khiến cho Nhiễm Mẫn phải đích thân dẫn quân chặn đánh. Hai bên đánh nhau ở thành Ngụy Xương (nay thuộc phía Nam huyện Định tỉnh Hà Bắc). Bộ tướng của Nhiễm Mẫn là Đổng Nhuận và Trương Ôn đưa ra ý kiến: "Quân Tiên Ti thừa thắng tấn công, khí thế hăng hái, nhuệ khí sắc bén không thể chống đỡ nổi, hơn nữa thế địch mạnh còn quân ta rất yếu, nếu đánh nhau chúng ta rất dễ bị thua trận, bây giờ đợi cho khí thế của chúng nhụt đi và chút bớt kiêu ngạo đi, chúng ta tăng thêm lực lượng rồi mới đánh chúng, lúc đó mới có thể giành được thắng lợi. Nhiễm Mẫn hồ hởi nói: "Từ khi trẫm cầm quân đến nay, chưa bao giờ sợ kẻ địch. Ngày hôm nay trẫm lại đích thân ra trận, quyết tâm dẹp yên ở Từ Châu bắt sống Mộ Dung Tuyển. Bây giờ chỉ có mình Mộ Dung Cách cầm quân, trẫm việc gì phải lui quân, làm như vậy để cho người khác cười nhạo à?". Nói xong, ông ta thúc giục Đổng Nhuận và Trương Ôn dẫn quân ra trận.

Nhiễm Mẫn ra trận rất dũng mãnh, chỉ có 10.000 bộ binh, nhưng người nào cũng dũng mãnh đánh trận rất giỏi. Ông ta đánh trận với quân Yên mười trận thắng cả mười trận, quân Yên đại bại phải lui quân. Quân lính của Nhiễm Mẫn là quân bộ binh còn quân Yên là quân kị binh, Nhiễm Mẫn lo lắng vô cùng, đã dẫn toàn bộ tướng lĩnh và quân lính vào rừng cây nghỉ ngơi. Mộ Dung Cách tạm thời không giành thắng lợi do vậy ông ta một mặt vẫn cổ vũ binh lính để tăng thêm dũng khí, một mặt khác ông ta sửa đổi chiến thuật, sai một số kị binh đứng ở ngoài bìa rừng chửi bới khiêu chiến. Nhiễm Mẫn tuy là người dũng cảm nhưng lại ít mưu, nhất thời đã không chịu đựng được, nên đã chỉ huy thuộc hạ xông ra đánh. Quân Yên thấy vậy liền quay ngựa bỏ chạy. Quân Yên làm như vậy chỉ là dẫn dụ Nhiễm Mẫn rơi vào trận địa đã bày sẵn.

Mộ Dung Cách chia quân làm 3 ngả, bài binh bố trận. Mộ Dung Cách đích thân dẫn một đội

quân tinh nhuệ chỉ huy ở cánh giữa, phía trước có 500 kị binh dừng xích sắt khóa thành một thế trận hình vuông, các kị sĩ rất giỏi bắn tên, từ từ nhử Nhiễm Mẫn vào thế trận. Nhiễm Mẫn cưỡi một con ngựa màu hồng, tên con ngựa đó là Chu Long, tay trái ông ta cầm một con dao 2 lưỡi, tay phải cầm một chiếc câu liêm, một mình một ngựa ông ta xông thẳng vào quân Yên, tay trái vung dao đỡ những mũi tên bay đến, tay phải dùng câu liêm đánh địch, ông ta giết được 300 quân Yên, sau đó rơi vào thế trận của quân Yên. Mộ Dung Cách ra lệnh cho binh lính triển khai thế trận, hai cánh tả hữu mai phục sẵn đã xông ra đánh trận - tướng và binh lính của Nhiễm Mẫn bị bao vây theo từng tầng từng lớp quân bị suy yếu và xé lẻ. Nhiễm Mẫn thấy quân Yên càng ngày càng đông, còn thuộc hạ của mình càng đánh càng ít, ông ta đành phai mờ một con đường máu rút lui, điên cuồng chạy về hướng Đông, ông ta thúc ngựa chạy được hơn 20 dặm mới dừng lại nghỉ ngơi, thuộc hạ chạy theo ông ta chỉ có khoảng 100 người. Lúc này, quân Yên đã đuổi kịp, Nhiễm Mẫn vội vàng lên ngựa, mới chạy được hơn 1 dặm con Chu Long kiệt sức không chạy được nữa, Nhiễm Mẫn vung doi đánh nó, đánh liên tiếp không ngừng, con ngựa không chịu đựng được đã gục ngã chết. Quân Yên đuổi đến và trói ông ta giải về đô thành gặp mặt Mộ Dung Tuyển, sau đó lại giải ông ta về Thành Long giam lỏng (nay thuộc huyện Càn Dương tỉnh Liêu Ninh).

Không lâu sau, Mộ Dung Tuyển giải ông ta về cúng tế tổ miếu, rồi mang ông ta nên núi Át Hình chém chết.

Sau khi ông ta chết đặt Thụy Hiệu là Vũ Điếu Thiên Vương.

THẬP LỤC QUỐC (MƯỜI SÁU NƯỚC)

THÀNH HÁN
(303 - 347, tổng cộng 44 năm)

Thành Hán, sơ kỳ đặt quốc hiệu là "Thành hậu kỳ đặt quốc hiệu là "Hán", vì thế trong lịch sử gọi là Thành Hán.

Triều đại Thành Hán có 5 hoàng đế, trong đó có 2 người bị ốm chết, một người bị giết trong cuộc nội chiến, một người bị bệnh chết sau khi bị phế truất do mất nước.

Ngoài ra còn phụ chú thêm về Lý Đặc và Lý Lưu, Lý Đặc bị chết trận, Còn Lý Lưu bị ốm chết.

CẢNH ĐẾ (LÍ ĐẶC)
(THÀNH HÁN)

Cảnh Đế, ông ta tên là Lý Đặc (? - 303) tên tự của ông ta là Huyền Hưu. Ông ta là người dân tộc Ba Thị, ông lãnh đạo cuộc khởi nghĩa dân lưu vong ở triều Tây Tấn, là một trong những người xây dựng nên vương triều nhà Thành Hán. Về sau ông bị giết. Mai ở đâu không rõ.

*

Lý Đặc là người dân tộc Ba Thị, thời trẻ ông làm quan sử ở quận Châu. Niên giám Huệ Đế Nguyên Khang, khu vực Tần Ung liên tiếp bị hạn hán, ông đã phải theo những người dân lưu vong chạy đến vùng Ba Thục. Vì không chịu đựng được chèn ép bức hại của triều đình Tây Tấn nên ông đã lãnh đạo dân lưu vong khởi nghĩa, địa điểm khởi nghĩa tại Miên Trúc (nay thuộc phía Đông Nam huyện Miên trúc tỉnh Tứ Xuyên). Năm 302, ông tự xưng là đại tướng quân trần Bắc và đô đốc sử đặc tiết, trấn giữ ở Ích Châu.

Sau khi Lý Đặc khởi nghĩa, ông đã chia ước pháp làm 3 chương:

+ Khôi phục nền kinh tế nghèo nàn.

+ Trọng dụng nhân tài.

+ Ràng buộc quan lại.

Kỷ luật của quân khởi nghĩa rất nghiêm minh do đó được nhân dân ùng hộ rất đông.

Lại sử của quận Ích Châu (triều Tây Tấn) là Lặc Thượng đã mấy lần mang quân đi trấn áp nhưng đều bị Lý Đặc đánh bại. Tháng 2 năm 303 Lặc Thượng lại mang quân đi đánh Lý Đặc. Lý Đặc lãnh đạo nghĩa quân ứng chiến mất 2 ngày, hai bên đánh nhau có lúc thắng lúc bại. Quân của Lý Đặc lui về trấn giữ ở Tân Phồn còn Lặc Thượng cũng lui quân. Lý Đặc nhân dịp đó muốn đuổi theo, Lặc Thượng liền câu kết với địa chủ, trong ngoài đều tấn công quân khởi nghĩa. Lý Đặc đuổi theo được 30 dặm thì thấy Nhậm Nhuệ mang quân ra đánh chặn. Nhậm Nhuệ vốn là tông sự ở Ích Châu, đã câu kết với Lặc Thượng để vây đánh Lý Đặc. Còn Lý Đặc thấy anh ta dẫn quân đến cứ nghĩ rằng đến để trợ giúp cho mình, không ngờ Nhậm Nhuệ đến trước mặt Lý Đặc liền vung dao chém; khiến Lý Đặc đầu lìa khỏi cổ.

Sau khi Quý Hùng thành lập triều Thành Hán, đặt Thụy Hiệu cho Lý Đặc là Cảnh Đế.

TẦN VĂN VƯƠNG (LÝ LƯU)

Tần Văn Vương, ông ta tên là Lý Lưu (248 - 303), tên tự của ông ta là Huyền Thông. Là em

trai thứ 4 của Thành Hán Cảnh Đế Lý Đặc. Sau khi Lý Đặc bị giết, Lý Lưu tiếp tục lãnh đạo quân khởi nghĩa, ông cũng là một trong những người gây dựng nên vương triều Thành Hán. Ông bị bệnh chết, thọ 56 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Thời trẻ Lý Lưu làm Đông Khương Đốc, ông từng theo Lý Đặc lãnh dao dân lưu vong chạy đến Ba Thục. Sau khi Lý Đặc đứng lên dấy cờ khởi nghĩa đã phong cho Lý Lưu làm tướng quân trấn Đông, thống lĩnh doanh trại phía Đông của quân khởi nghĩa và luôn luôn đối địch với Lặc Thượng. Năm 302 sau khi quân khởi nghĩa tấn công vào tòa thành nhỏ ở Thành Đô (nay là thành phố Thành Đô tỉnh Tứ Xuyên(, thì có rất nhiều người đến quy thuận và dựa dẫm, vì vậy thành phần dân cư rất hỗn tạp, ông đã đề nghị lựa chọn ra con cáu anh em nhà địa chủ để dễ quản lý, đồng thời phải tăng cường lực lượng cho quân đội. Lý Đặc đã coi thường địch, không tiếp nhận ý kiến của Lý Lưu, do đó mới bị Nhậm Nhuệ giết chết. Sau chuyện này, Lý Lưu sai người trấn giữ các trọng điểm quan trọng và ông sai cháu là Lý Hùng và Lý Đãng tập hợp quần chúng, quay về trấn thủ ở Xích Tổ (nay thuộc phía Đông huyện Miên Trúc tỉnh Tứ Xuyên) và Quý Lưu xưng làm đại tướng quân, đại đô đốc, trấn giữ ở Ích Châu, liên tiếp đối nghịch với Lặc Thượng, ông đã đánh bại Lặc Thượng và một lần nữa lại bao vây Thành Đô.

Tháng 9 năm 303 Lý Lưu bị bệnh nặng, ông tập hợp các tướng sĩ nói: "Lý Hùng là người có mưu lược, anh ta chiến đấu rất anh dũng, sau này có thể làm nên việc lớn. Sau khi ta chết, các người có thể giúp anh ta làm vương, gọi là Thành Đô Vương". Không lâu sau, Lý Lưu bị bệnh chết ở Thành Đô.

Sau khi Lý Hùng xưng đế, đã lấy Thụy Hiệu cho Lý Lưu là Tần Văn Vương.

VŨ ĐẾ (LÝ HÙNG)
(THÀNH HÁN)

Vũ Đế, ông ta tên là Lý Hùng (274 - 334), tên tự của ông ta là Trọng Tuyển. Ông là con trai thứ ba của Lý Đặc và là cháu của Lý Lưu. Sau khi Lý Lưu chết, ông ta tiếp nhận chức vị chủ sư quân khởi nghĩa, sau đó ông xưng đế. Ông trị vì được 31 năm, sau đó chết do vết thương bị tái phát. Thọ 61 tuổi, mai táng ờ An Đô Lăng (nay là thành phố Thành Đô tỉnh Tứ Xuyên).

*

Lý Hùng đã được nhận chức tiền tướng quân ngay từ thời Lý Đặc dấy cờ khởi nghĩa. Sau khi Lý Lưu bị bệnh chết, Lý Hùng đã được các thuộc hạ tôn làm chủ sự gọi là đại đô đốc, đại tướng quân, trấn giữ Ích Châu, ông lãnh đạo nghĩa quân chiến đấu rất dũng cảm, tiến đánh Lặc Thượng, chiếm giữ Thành Đô. Năm 304, ông đã xưng là Thành Đô Vương, đặt quốc hiệu là "Đại Thành", và đặt niên hiệu là "Kiến Hưng", ông cho đặt đô ở Thành Đô, trong lịch sử gọi là Thành Hán. Năm 306, ông xưng làm hoàng đế.

Thời gian Lý Hùng trị vì ông sai phát triển sản xuất, mở trường học, ổn định mâu thuẫn, chung sống hòa bình, quốc gia do ông cai trị dần dần xuất hiện cảnh tượng phồn vinh, nhân dân Trung Nguyên đều đến đô lánh nạn và cư trú. Những năm cuối đời do có một loạt thành phần địa chủ nhập vào chính phủ do vậy chính quyền Thành Hán dần dần chuyển hóa thành chính quyền phong kiến.

Hơn 30 năm chinh chiến, thân thể ông dày đặc các vết thương, ở phần đầu cũng có vài vết dao. Năm 334, vết thương do dao chém ở đầu ông đột nhiên tái phát, mưng mủ thối rữa, bệnh tình rất nguy kịch, ông vội gọi anh họ là Lý Thọ đến muốn Lý Thọ phụ giúp cháu là Lý Bang làm người kế vị. Tháng 6 ông bị bệnh mất ở Thành Đô.

Sau khi ông chết, đặt Thụy Hiệu là Vũ Đế.

AI ĐẾ (LÝ BANG)
(THÀNH HÁN)

Ai Đế, ông ta tên là Lý Bang (288 - 334) tên tự của ông là Thế Văn. Ông là cháu của Thành Hán Vũ Đế Lý Hùng. Nên kế vị sau khi Lý Hùng chết. Ông trị vì được 4 tháng thì bị anh họ là Lý Việt giết chết, thọ 47 tuổi, mai táng ở đâu không rõ.

*

Khi vết thương của Lý Hùng bị tái phát, hai con trai của ông là Lý Việt và Lý Kỳ sợ hôi thối bẩn thỉu không dám đến chăm sóc, chỉ có mỗi mình Lý Bang ngày đêm hầu cận, hàng ngày Lý Bang thường cho Lý Hùng uống thuốc và lau rửa vết thương, thậm chí dùng mồm hút máu mủ ở vết thương. Lý Hùng thấy cháu quả là con người trung hậu hiếu thuận, do đó lúc lâm chung ông đã để lại di chiếu là cho Lý Bang nên kế vị. Sau khi Lý Hùng chết, các đại thần đã lập Lý Bang nên ngôi hoàng đế.

Khi Lý Bang được tiếp nhận ngôi vị đế vương, hai em họ là Lý Việt và Lý Kỳ không tâm phục luôn tìm mưu kế đoạt lại ngôi vị. Đại thần Lý Ngũ để bảo vệ và thức tỉnh Lý Bang luôn nhắc Lý Bang phải đề phòng bọn họ, do đó muốn đuổi hai anh em họ ra khỏi kinh thành. Lý Bang nghĩ đến tang lễ của Lý Hùng vẫn chưa cử hành, nên không nhẫn tâm đuổi bọn họ ra khỏi kinh thành, do đó đã không thu nạp kiến nghị đó. Một buổi tối tháng 10 Lý Bang đang than khóc ở linh đường. Lý Việt mang dao nhảy vào linh đường thừa lúc Lý Bang không đề phòng đã chém chết.

Sau khi Lý Thọ nên ngôi, đã đặt Thụy Hiệu cho Lý Bang là Ai Đế.

PHẾ ĐẾ (LÝ KỲ)
(THÀNH HÁN)

Phế Đế, ông ta tên là Lý Kỳ (314 - 338) tên tự của ông ta là Lý Viễn. Ông là con trai thứ tư của Thành Hán Vũ Đế Lý Hùng, là em họ của Lý Bang. Sau khi Lý Việt giết chết Lý Bang, Lý Kỳ đã nên tiếp nhận ngôi vị. Lý Kỳ trị vì được 4 năm thì bị anh họ của Lý Hùng là Lý Thọ cướp đoạt ngôi vị nên đã thắt cổ tự tử, hưởng dương 25 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Sau khi Lý Việt giết chết Lý Bang, đã cùng với anh trai là Lý Kỳ nên kế vị. Lý Việt biết mình là con vợ lẻ còn Lý Kỳ là con vợ cả, nếu Lý Việt nên ngôi sợ mọi người sẽ không tâm phục, hơn nữa Lý Kỳ lại có nhiều tài nghệ, do vậy, Lý Việt đã để Lý Kỳ nên tiếp nhận ngôi báu. Sau khi Lý Kỳ nên ngôi đã cho đổi niên hiệu là "Ngọc Hằng".

Sau khi nên ngôi, Lý Kỳ đã loại bỏ những đại thần cũ ở thời Lý Hùng, ông ta chỉ trọng dụng những người thân tín. Ít lâu sau hai anh trai của ông ta là Lý Sương và Lý Bảo bị chết đột ngột, truyền thuyết thời đó nói hai người đó bị Lý Bảo hạ độc chết, điều đó làm cho mọi người trong vương thất hoảng loạn, các đại thần đều tìm cách tự bảo vệ mình. Năm 338, Lý Kỳ lại đầu độc Lý Du (Lý Du là em trai của Lý Thọ mà Lý Thọ là bác của Lý Kỳ), điều đó làm cho tông thất càng thêm phẫn nộ.

Tháng 4 năm 338, Lý Thọ đã lấy danh nghĩa là quân vương anh minh và khẩu hiệu "trừ gian diệt bạo", đã dẫn quân tiến đánh vào Thành Đô. Lý Kỳ không đề phòng, do vậy nhanh chóng bị đại bại. Con trai của Lý Thọ là Lý Thế ở trong thành làm nội ứng, nên đã dẫn quân bao vây hoàng cung. Lý Kỳ vội vàng sai thị trung đi dụ dỗ quân phản loạn nhưng Lý Thọ nói: "Tướng quốc Lý Việt, thượng thư Điền Bao, thượng thư Cảnh Hàn, Diêu Hoa... đều là những đại thần làm loạn triều đình, đáng phải xử tội chết". Không cần đợi Lý Kỳ đồng ý. Lý Thọ đã chỉ huy binh sĩ giết chết một số tay chân thân tín của Lý Kỳ, sau đó tự xưng là có chiếu lệnh của thái hậu đã

phế truất Lý Kỳ đã giáng ông ta làm chuyện công ở Hãn Đô và sai người áp giải đến đó.

Sau mấy mươi ngày, Lý Kỳ than thở nói: "Ta đường đường là một đấng thiên tử vậy mà bị phong làm một huyện công nhỏ bé, sống như vậy thà chết còn hơn". Nói xong, ông ta vào phòng lấy dây lưng thắt cổ tự tử.

Trong lịch sử gọi Lý Kỳ là phế đế, còn bị Lý Thọ đặt Thụy Hiệu là U Công.

CHIÊU VĂN ĐẾ (LÝ THỌ)
(THÀNH HÁN)

Chiêu Văn Đế, ông ta tên là Lý Thọ (300 - 343) tên tự của ông ta là Vũ Khảo. Ông là cháu của Thành Hán Cảnh Đế Lý Đặc, là con trai của Lý Tương. Sau khi Lý Thọ phế bỏ Lý Kỳ, ông đã tự xưng làm hoàng đế. Ông trị vì được 6 năm thì bị bệnh chết, thọ 44 tuổi. Mai táng ở An Xương Lăng.

*

Sau khi Lý Hùng xưng đế đã phong cho Lý Thọ làm tiền tướng quân, tướng quân chinh đông phụ trách quân sự ở Ba Tây. Sau khi Lý Tương chết (Lý Tương là bố của ông ta), ông đã được phong làm đại tướng quân, đại đô đốc, thị trung, sau đó được phong làm phù phong công. Sau khi Lý Hùng chết, ông đã tiếp nhận cố lệnh phụ giúp công việc triều chính và được phong làm Hán Vương. Làm lại sứ ở Lương Châu. Sau khi ông phế truất Lý Kỳ và giết hết con cháu của Lý Hùng, ông đã tự xưng làm hoàng đế, đổi quốc hiệu là "Hán", đổi niên hiệu là "Hán Hưng".

Trong thời gian trị vì, ông cho tu sửa cung thất, ngồi hưởng thụ, do vậy khiến nhiều người phải sống lưu vong. Ông ta còn sinh ra tính tàn bạo nếu quy thuận ông ta thì sống còn không quy thuận sẽ bị chết, không ít người cản trở ông ta đã bị giết, tiếng kêu than vang nên khắp nơi. Chính quyền Thành Hán hoàn toàn chuyển hóa thành chính quyền phong kiến, hơn nữa thế nước ngày càng suy yếu.

Lý Thọ bị bệnh mất vào tháng 8 năm 343 tại Thành Đô

Sau khi ông chết đặt Thụy Hiệu là Chiêu Văn Đế.

HẬU CHỦ (LÝ THẾ)
(THÀNH HÁN)

Hậu Chủ, ông ta tên Lý Thế (? - 361) tên tự của ông là: Tử Nhân. Ông là con trưởng của Thành Hán Chiêu Văn Đế Lý Thọ, nên kế vị sau khi Lý Thọ chết. Ông trị vì được 4 năm sau đó bị Hằng Ôn (triều Tây Tấn) bao vây Thành Đô, ông thua trận phải đầu hàng, mất nước ông bị ốm chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Tháng 8 năm 343 Lý Thọ bị bệnh chết, Lý Thế đã nên ngôi kế vị, ông cho đổi niên hiệu là "Thái Hòa".

Lý Thế rất tham lam thích tài sắc. Sau khi nên kế vị, chỉ cần ông ta thích tài sản hoặc vợ ai đó, ông ta liền giết họ để cướp tài sản hoặc vợ người ta. Rất nhiều đại thần vì bị ông ta chèn ép như vậy nên đã tan vỡ gia đình và bị mất mạng. Ông ta ưa nịnh hót, trọng dụng các nịnh thần và để cho bọn họ thao túng triều đình, còn bàn thân ông ta tại ở trong cung hưởng lạc ăn chơi xa xỉ, khiến cho nhân dân oán thán.

Năm 347, đại tướng Hằng Ôn (vương triều Đông Tấn) tấn công thục. Tháng 36 quân Đông Tấn vây hãm đô thành. Thuộc hạ của Lý Thế đều tài hèn trí mọn, đánh trận nào thua trận đó.

Quân Tấn đốt của thành ở 4 mặt, Lý Thế trong một ngày một đêm mới đột phá vòng vây chạy đến thành Gia Manh. Hằng Ôn sau khi chiếm giữ Đô Thành đã sai quân đuổi theo. Lý Thế biết mình thân cô thế cô không ai giúp đỡ, ông ta đành sai thuộc hạ cùng mình đi đầu hàng. Ông ta bị giải đến Kiến Khang, phong làm Quy Nghĩa Hầu. Vương triều Thành Hán bị diệt vong.

Năm 361, Lý Thế chết ở Kiến Khang.

Trong lịch sử gọi ông là Hậu Chủ.

THẬP LỤC QUỐC (MƯỜI SÁU NƯỚC)

TIỀN YÊN
(337 - 370, tổng cộng 34 năm)

Trong 16 nước có tiền Yên, hậu Yên, bắc Yên, Nam Yên, Tây Yên... Triều Tiền Yên là do Mộ Dung Quý người dân tộc Tiên Ti xây dựng nên bị tiên Tần diệt vong. Triều Hậu Yên do Mộ Dung Thùy gây dựng, về sau bị Bắc Yên tiêu diệt. Triều Bắc Yên do Mộ Dung Hi xây dựng sau đó bị diệt vong. Triều Nam Yên vốn do tể tướng của triều hậu Yên là Mộ Dung Đức sau khi hậu Yên bị Bắc Yên tiêu diệt, ông đã di chuyển xuống miền Nam gây dựng nên Nam Yên, và bị Đông Tấn diệt vong. Triều Tây Yên do Mộ Dung Trọng xây dựng nên, sau đó bị hậu Yên diệt vong.

Triều Tiền Yên có 4 hoàng đế: trong đó 2 người bị bệnh chết, một người bị chết do ngã ngựa một người bị giết do mất nước đầu hàng tiên Tần.

VŨ TUYÊN ĐẾ (MỘ DUNG QUY)

Vũ Tuyên Đế, ông tên là Mộ Dung Quy (269 - 333). Ông là người dân tộc Tiên Ti. Thời Đông Tấn được phong làm quận công Liêu Đông, ông xây dựng chính quyền cát cứ. Ông bị bệnh chết, thọ 65 tuổi. Mai táng ở Thanh Sơn.

*

Mộ Dung Quy là người dân tộc Tiên Ti, cư trú ở Cức Thành (Xương Lê) (nay thuộc phía Tây Bắc huyện Nghĩa tỉnh Liêu Ninh). Thời Tây Tấn Vũ Đế đã thống lĩnh bộ tộc di cư đến Cức Thành. Ông thu nạp dân lưu vong, phát triển nông nghiệp, sử dụng nền chính trị và phương thức quản lý giống như triều Tây Tấn, ông tự xưng là Đại Đôn Vu. Tần Mẫn Đế cho ông làm đại tướng quân, làm quốc công của 2 tỉnh: Xương Lê và Liêu Đông. Ông trọng dụng Bùi Nghi (là người dân tộc Hán), Bùi Nghi đường đưa ra những kế sách và mưu đồ giúp ông trị lý việc công, và Mộ Dung Quy đã lập trên chính quyền cát cứ ở Liêu Đông, khiến dân số ở khu vực đó tăng nên 10 lần, sản xuất rất phát triển, đây là cơ sở tạo dựng nên vương triều Tiền Yên.

Sau khi Mộ Dung Tuyển xưng đế, đã đặt Thụy Hiệu cho ông là Vũ Tuyên Đế.

THÁI TỔ (MỘ DUNG HOẢNG)
(TIỀN YÊN)

Thái Tổ, ông ta tên là Mộ Dung Hoảng (297 - 348), tên tự của ông là Nguyên Trực, hồi nhỏ tên tự của ông là Vạn Niên. Ông là con trai thứ 3 của Vũ Tuyên Đế Mộ Dung Quy. Sau khi cha chết, ông ta kế nhiệm chức vị quận công Liêu Đông, sau đó tự xưng là Yên Vương. Ông trị vì được 11 năm, ông chết do bị ngã ngựa. Thọ 52 tuổi. Mai táng ở Long Bình Lăng.

*

Sau khi Mộ Dung Quy bị chết, Mộ Dung Hoảng đã đứng lên lãnh đạo bộ tộc, ông được triều đình Đông Tấn phong làm đại tướng quân. Lại sử Bình Châu Đại Đôn Vu và tiếp tục kế nhiệm chức vụ quận công Liêu Đông. Năm 337, ông tự xưng là Yên Vương. Sau đó ông tấn công và đánh bại Thạch Triệu (Hậu Triệu), dời đô đến Long Thành, sau đó tiêu diệt bộ tộc Vũ Văn thuộc dân tộc Tiên Ti, thế lực ngày càng mạnh.

Tháng 9 năm 348, Mộ Dung Hoảng đi săn ở biên giới phía Tây. Một hôm, ông ta nhìn thấy một con thỏ trắng đang chạy trên đồng cỏ, ông ta vội vàng mang cung tên cưỡi ngựa đuổi theo, đột nhiên con ngựa bị vấp ngã khiến ông ta rơi từ lưng ngựa xuống bị thương rất nghiêm trọng, thuộc hạ vội vàng mang ông ta về thành. Ông biết mình không còn sống được bao lâu,

vội vàng sai gọi con trai là Mộ Dung Tuyển vào gặp mặt, sau khi dặn dò xong ông nhắm mắt tạ thế tại điện Thừa Càn trong cung Lạc Thành.

Sau khi Mộ Dung Tuyển xưng đế đã đặt Thụy Hiệu cho Mộ Dung Hoảng là Thái Tổ.

CẢNH ĐẾ (MỘ DUNG TUYỂN)
(TIỀN YÊN)

Cảnh Đế, ông tên là Mộ Dung Tuyển (319 - 360) tên tự của ông là Tuyên Anh. Ông là con trai thứ hai của Tiền Yên Thái Tổ Mộ Dung Hoảng. Sau khi Mộ Dung Hoảng chết, ông nên kế vị chức vị Yên Vương, sau này ông xưng làm hoàng đế. Ông trị vì được 12 năm, bị bệnh chết, thọ 42 tuổi. Mai táng ở Long Lăng (nay thuộc huyện Triều Dương tỉnh Liêu Ninh).

*

Tháng 9 năm 348, Mộ Dung Hoảng ốm chết, nên Mộ Dung Tuyển đã nên kế nhiệm chức vụ Yên Vương. Triều đình Đông Tấn phong ông ta làm đại tướng quân, Đại Đôn Vu trấn giữ ở Bình Tứ Châu.

Năm 352, ông dẫn quân xuống phía Nam tiêu diệt triều Nhiễm Ngụy, dời đô đến đất Kế (nay ở phía Tây Nam thành phố Bắc Kinh) tự xưng làm hoàng đế, ông cho đổi niên hiệu là "Nguyên Tỉ". Và dời đô đến Nghiệp, Tiền Yên bước vào thời kỳ hưng thịnh.

Thời gian Mộ Dung Tuyển trị vì, ông đấu tranh phản đối việc đàn áp tàn khốc nhân dân trung nguyên, tiêu diệt thế lực cát cứ cường bạo thu phục bộ lạc hàn ngoại, và là đối tượng đối nghịch với Tiền Tần. Những năm cuối đời, thế lực quân đội của ông ta rất hùng mạnh, chuẩn bị xuống phía Nam tấn công Đông Tấn nhưng vì sự phản kháng của nhân dân trong nước, nên ông phải ngừng việc xuất quân đánh Đông Tấn.

Tháng 1 năm 360, Mộ Dung Tuyển mất tại điện Phú Thần trong cung Long Thành.

Sau khi ông ta chết đặt Thụy Hiệu là Cảnh Đế.

U ĐẾ (MỘ DUNG VĨ)
(TIỀN YÊN)

U Đế, ông ta tên là Mộ Dung Vĩ (336 - 384), tên tự của ông là Cảnh Mậu. Ông là con trai thứ 3 của Tiền Yên Cảnh Đế Mộ Dung Tuyển. Ông nên kế vị sau khi cha chết. Ông trị vì được 11 năm, sau đó đầu hàng triều Tiền Tần và bị giết chết. Ông thọ 49 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Mộ Dung Vĩ được phong làm Trung Sơn Vương. Thời kỳ Mộ Dung Tuyển trị vì đã phong ông làm thái tử. Tháng 1 năm 360 Mộ Dung Tuyển chết, ông đã nên kế vị, ông cho đổi niên hiệu là "Kiến Hi".

Sau khi Mộ Dung Vĩ nên ngôi hoàng đế, ông đã chọn Mộ Dung Cách làm trợ lý, liên tiếp mang quân đi chinh phạt, mở rộng lãnh thổ và chiếm giữ được những trấn quan trọng Lạc Dương, Huỳnh Dương. Năm 369, ông ta bị quân của triều đình Đông Tấn do tướng Hằng Ôn chỉ huy đánh cho đại bại. Sau khi Mộ Dung Cách chết, nền chính trị dần dần suy sụp, đại thần Mộ Dung Bảo và Mộ Dung Thùy tranh nhau quyền lực, cuộc sống của Mộ Dung Vĩ đi vào con đường hư hỏng.

Năm 370, Tiền Tấn Phù Kiên sai Vương Mãnh thống lĩnh đại vuân tiến đánh Tiền Yên. Mộ Dung Vĩ sai hơn 200.000 quân nghênh chiến. Lực lượng quân đội của Tiền Yên tuy gấp đôi lực lượng của Tiền Tấn, nhưng các binh lính Tiền Yên không có ý chí chiến đấu, đều muốn rời bỏ

chiến trận, lúc chiến đấu đều đùn đẩy nhau tiến lên vì vậy đã bị bại trận, chạy trốn hơn 100.000 còn bị bắt làm tù binh 70.000. Quân của Vương Mãnh bao vây thành Nghiệp. Tháng 11 Dư Úy làm phản, ông ta câu kết với Phù Dư, Cao Câu Lệ... bọn họ tập hợp được hơn 500 người, một buổi tối họ đã mở cửa phía Bắc, đón quân Tiền Tấn vào thành. Mộ Dung Vĩ và Mộ Dung Bảo dẫn hơn 1000 lính kị binh chạy trốn khỏi Long Thành. Trên đường đi, quân kị binh liên tiếp bỏ trốn, cuối cùng Mộ Dung Vĩ bị quân Tiền Tần bắt giữ, áp giải về thành Nghiệp. Phù Kiên sai Mộ Dung Vĩ dẫn đầu các quan lại đến đầu hàng. Triều Tiền Yên bị diệt vong.

Sau khi Mộ Dung Vĩ bị bắt làm tù binh ông ta bị giáng xuống làm Tân Hưng Hầu, và bị áp giải đến Trường An cư trú cùng với hơn 40.000 vương công quý tộc.

Năm 383, Phù Kiên dẫn đại quân xuống phía Nam tiến đánh triều Đông Tấn, Phù Kiên đã cử Phù Dung Vĩ làm tướng quân Bình Nam, cùng đi với các đô đốc khác tiến xuống phía Nam. Sau khi bị thất bại trong trận chiến Phì Thủy, Mộ Dung Vĩ lại phải theo Phù Kiên quay về Trường An. Lúc này thế lực của Tiền Tần đã suy yếu, các thù lĩnh dân tộc thiểu số dần dần dùng binh chiếm cứ một phương, những hoàng thất của Tiền Yên như: Mộ Dung Thùy, Mộ Dung Trọng, Mộ Dung Hoằng... cũng dấy quân phản Tần. Sau khi Mộ Dung Hoằng xưng vương đã viết một bức thư gửi Phù Kiên nói: "Xin ông hãy đem hoàng đế Phù Dung Vĩ gửi trả chúng tôi, nước Yên chúng tôi sẽ lấy Vũ Lao làm giới tuyến phân chia hai nước, cùng nhau chia thiên hạ, vĩnh viễn kết mối giao bang". Phù Kiên xem xong thư tức giận vô cùng, ông ta bắt Phù Dung Vĩ viết thư cho Mộ Dung Hoằng phải lui binh. Phù Dung Vĩ một mặt viết thư theo cầu của Phù Kiên, mặt khác ông ta âm thầm viết một mật thư cho Mộ Dung Hoằng: "Số Tần bây giờ đã tận nước Yên đã đến thời kỳ phục hưng, bây giờ trẫm giống như chim ở trong lồng, không có cách gì thoát thân. Khanh cần phải tranh đấu để gây dựng lại sự nghiệp của tổ tiên, hãy cho Ngô Vương làm tướng quốc, Trung Sơn Vương làm thái tể kiêm đại tư mã, khanh có thể làm đại tướng quân xây dựng chính quyền. Nếu như trẫm chết, khanh hãy xưng làm hoàng đế, không cần phải lo lắng". Mộ Dung Hoằng nhận được thư, liền tiến quân về Trường An, tìm cách liên hệ với Mộ Dung Thùy, hợp tác đánh trận.

Tông thất của Mộ Dung Vĩ sống ở Trường an chỉ có hơn 1000 người. Ông ta một lòng một dạ muốn đem họ chạy đến Quan Đông, nhưng khổ một nỗi chưa có cơ hội. Năm 384 con trai thứ hai của ông chuẩn bị kết hôn. Tông thất Mộ Dung Túc đưa ra ý kiến, nhân cơ hội này sẽ mời Phù Kiên tham gia hôn lễ rồi tìm thời cơ giết chết, sau đó sẽ cùng Mộ Dung Thùy bao vây thành Nghiệp, nội ứng trong ngoài cùng kết hợp, sẽ diệt vong triều Tiền Tần. Mộ Dung Vĩ liền theo kế đó mời Phù Kiên tham gia hôn lễ, còn Phù Kiên cũng không chút nghi ngờ đã nhận lời đi dự hôn lễ. Không ngờ hôm cử hành hôn lễ trời lại mưa to gió lớn, Phù Kiên không đến được. Kế hoạch của Mộ Dung Hoằng bị thất bại, ông ta liền tìm cách chạy trốn. Ông bí mật ra lệnh cho Tất Lặc Đằng âm thầm thông báo cho dân bộ tộc Tiên Ti, nói rõ ông ta sẽ theo lệnh của Phù Kiên sẽ đi ra ngoại thành, các thuộc hạ sẽ tùy nghi di tản cùng gặp mặt ông ta ở ngoại thành rồi cùng nhau trốn đi. Thuộc hạ cũ của ông ta có một người tên là Đột Hiền biết được tin đó liền đi từ biệt em gái (em gái ông ta là vợ của tướng quân nước Tiền Tần tên là Đậu Trọng). Đậu Trọng biết tin vội vàng đi hỏi Phù Kiên, Phù Kiên sai truyền Tất Lặc Đằng điến tra hỏi khiến ông ta phải khai hết sự việc. Phù Kiên phẫn nộ, tháng 11 liền sai giết Mộ Dung Vĩ, Mộ Dung Túc và quần chúng thuộc dân tộc Tiên Ti.

Trong sử gọi Mộ Dung Vĩ là U Đế.

THẬP LỤC QUỐC (MƯỜI SÁU NƯỚC)

HẬU YÊN
(384 - 407, tổng cộng 24 năm)

Triều Hậu Yên có 6 đế vương bao gồm cả Khai Phong Công Mộ Dung Tường và Triệu Vương Mộ Dung Lân) trong đó có một hoàng đế bị bệnh chết, còn 5 người bị giết trong cuộc nội chiến.

THẾ TỔ (MỘ DUNG THÙY)

Thế Tổ, ông ta tên là Mộ Dung Thùy (326 - 396), tên tự của ông ta là Đạo Minh. Ông là con trai thứ 5 của Tiền Yên Thái Tổ Mộ Dung Hoảng. Sau khi Tiền Yên bị diệt vong ông ta phục quốc và xưng đế. Ông trị vì được 13 năm, bị bệnh chết, thọ 71 tuổi. Mai táng ở Tuyên Bình Lăng.

*

Mộ Dung Thùy từng được phong làm Ngô Vương ông bị Hằng Ôn (triều Đông Tấn) đánh bại trong trận chiến ở Phương Đầu (nay thuộc phía Đông Nam huyện Kỳ tỉnh Hà Nam). Ông bị đại thần ở triều Tiền Yên là Mộ Dung Bảo đố kị ghen ghét, do vậy ông chạy tới đầu hàng Tiền Tần nhận các chức vị: tướng quân quán quân. Năm 370, ông giúp đỡ Phù Kiên tiêu diệt Tiền Yên. Sau trận chiến Phì Thủy, triều đình Tiền Tần suy yếu, ông thống lĩnh bộ quân ở phía Bắc, có mưu đồ phục quốc, trên đường đi ông tự xưng là đại tướng quân, đại đô đốc Yên Vương. Năm 386 ông xưng làm hoàng đế, đặt đô ở Trung Sơn (nay thuộc huyện Định tỉnh Hà Bắc), đặt quốc hiệu là "Yên", trong sử gọi là Hậu Yên, đổi niên hiệu là "Kiến Hưng".

Trong thời gian Mộ Dung Thùy trị vì, ông tiêu diệt những chính quyền nhỏ như Trạch Ngụy - Tây Yên. Tình hình trong nước tạm thời ổn định, ông lại giao chiến với Bắc Ngụy nhưng liên tục thất bại, quân lực trong nước hao tổn nặng nề.

Năm 396, Mộ Dung Thùy đích thân dẫn đại quân tiến đánh Bắc Ngụy. Ông ngẫm nghĩ lại trận chiến năm trước. Thái tử Mộ Dung Bảo và quân Bắc Ngụy giao chiến, quân của thái tử người chết chất như núi, do vậy ông đã không ngăn được sự bi thương, hơn nữa hôm nay vẫn chưa đánh bại được quân Bắc Ngụy, ông nhất thời tức giận, thở ra một bãi máu lớn, hầu như hôn mê bất tỉnh. Thuộc hạ xin ông hãy tạm dời bỏ việc quân để tĩnh dưỡng, nhưng ông vẫn kiên quyết cho quân tiến đánh Bắc Ngụy. 10 ngày sau, bệnh tình phát ra nguy kịch, ông đành ra lệnh lui binh, đi đến Từ Dương (thuộc quận Thượng Cốc) thì sức lực ông cạn kiệt và từ giã cõi đời. Ông để lại di chiếu nói: "Việc tang lễ phải làm đơn giản tiết kiệm, cần phải phòng bị cẩn mật đề phòng quân Bắc Ngụy phản kích. Trên đường đi bí mật không phát tang, trở về kinh mới được khóc than và cử hành tang lễ".

Sau khi ông chết lập miếu đặt hiệu là Thế Tổ, đặt Thụy Hiệu là thần vũ đế.

LIỆT TÔNG (MỘ DUNG BẢO)
(HẬU YÊN)

Liệt Tông, ông ta tên là Mộ Dung Bảo (355 - 398). Ông là con trai thứ 4 của Hậu Yên Thế Tổ Mộ Dung Thùy. Ông kế vị sau khi cha chết. Ông trị vì được 3 năm thì bị Lan Can giết chết thọ 44 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Thời Mộ Dung Thùy trị vì đã lập Mộ Dung Bảo làm thái tử. Năm 396 Mộ Dung Thùy chết, ông ta nên kế vị, ông đã cho đổi niên hiệu là "Vĩnh Khang".

Năm 397, đại quân triều Bắc Ngụy đến tấn công Hậu Yên, còn Triệu Vương Mộ Dung Lân ở trong đô thành Trung Sơn vài lần có mưu đồ đoạt ngôi vị, khiến cho Mộ Dung Bảo vô cùng bế tắc vì phải lo dẹp yên cả trong lẫn ngoài, không có cách gì giải quyết nên đang đêm ông phải dẫn 10.000 kị binh chạy đến Thành Long. Không ngờ ở đây có binh biến, Thành Long đã bị Thúc Cốt chiếm giữ, ông đành dẫn quân chạy tới Thành Thạch. Năm 398, cậu của ông ta tên là Lan Can đang trấn giữ ở Thành Long, đã sai tả tướng quân là Tô Chiêu đến Thành Thạch mời Mộ Dung Bảo quay về Thành Long, thuộc hạ của ông lo lắng Lan Can có dã tâm nên ra sức cản trở ông ta nhất định không nghe nhất quyết quay về Thành Long. Đi nửa đường, em trai của Lan Can là Gia Nan mang 500 lính đến đón. Dư Sùng thấy thần sắc của Gia Nan không bình thường có vẻ lấm lét, nên đã khuyên Mộ Dung Bảo quay về Thành Thạch, ông ta vẫn một mực chối từ ý kiến của Dư Sùng. Lúc sắp đến gần Thành Long, Gia Nan đột nhiên bắt giữ Dư Sùng và áp giải Mộ Dung Bảo vào thành, tống giam ở cung cấm và sai lính giám sát.

Nửa đêm hôm đó Lan Can sai lính đột nhập vào cung giết chết Mộ Dung Bảo và sai giết hơn 100 người cùng đi với Mộ Dung Bảo, trong đó có cả thái tử Mộ Dung Sách.

Sau khi Mộ Dung Bảo chết lập miếu lấy hiệu là Liệt Tông, đặt Thụy Hiệu là Linh Đế.

KHAI PHONG CÔNG (MỘ DUNG TƯỜNG)
(HẬU YÊN)

Khai Phong Công, ông ta tên là Mộ Dung Tường (? - 397). Ông là tông thất của Hậu Yên. Sau khi Mộ Dung Bảo chạy trốn ông đã xưng làm đế. Ông tri vì được 2 tháng thì bị Triệu Vương Mộ Dung Lân giết chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Thời Hậu Yên Liệt Tông đã phong cho Mộ Dung Tường làm Khai Phong Công. Năm 397 quân lính triều Bắc Ngụy tiến đánh triều Hậu Yên. Mộ Dung Bảo chạy khỏi thành Trung Sơn ra lệnh cho Mộ Dung Tường ở lại trấn thủ. Tháng 5 năm 397, ông ta tự xưng làm hoàng đế, ông đổi niên hiệu là "Kiến Thủy".

Sau khi Mộ Dung Tường xưng đế, ông ta sống rất hoang dâm ăn chơi vô độ, lại còn thích giết chóc bừa bãi. Ông ta sai người đi nghe ngóng xem xét hành vi của các quan lại, những ai dám bàn luận về công việc triều chính, ông ta không cần hỏi rõ trắng liền giết chết họ. Ông ta nên ngôi được 1 tháng đã giết hơn 500 người.

Trong thành lại phát sinh thiên tai, bà con trăm họ đều đi ra ngoài thành tìm lương thực, nhưng ông ta lại nghiêm cấm dân chúng đi khỏi thành khiến cho dân chúng chết đói phải đến hàng nghìn. Dân chúng oán thán căm ghét ông ta. Tháng 7 ông sai tướng quân Trương tương dẫn 5000 binh lính đi đến núi Thường chuẩn bị lương thảo. Trước đây Mộ Dung Lân thừa cơ đánh úp khiến Mộ Dung Tường phải chạy vào trong núi, quân lính của Trương Tương liên tục quy thuận Mộ Dung Lân. Mộ Dung Lân lập tức dẫn thuộc hạ và những binh lính đầu hàng xông thẳng vào thành Trung Sơn, cửa thành vẫn mở rộng. Đại quân tiến vào thành đã nhận được sự hoan nghênh nhiệt liệt của quân dân trong thành, những người thân tín của các đại thần bị giết cũng đến dẫn đường, đưa quân lính xông vào hoàng cung. Mộ Dung Tường đang say sưa túy lúy vẫn chìm vào giấc ngủ, bị quân lính bắt giải đến Mộ Dung Lân và bị chém chết.

Trong sử gọi Mộ Dung Tường là Khai Phong Công.

TRIÊU VƯƠNG (MỘ DUNG LÂN)
(HẬU YÊN)

Triệu Vương, ông ta tên là Mộ Dung Lân (? - 398). Ông là con trai của Hậu Yên Thế Tổ Mộ Dung Thùy. Sau khi ông ta giết Mộ Dung Tường, ông đã tự xưng làm hoàng đế. Ông trị vì được 3

tháng, sau đó bị quân Bắc Ngụy đánh bại, ông ta đầu hàng dựa vào Mộ Dung Đức. Sau đó ông ta có ý định cướp lại ngôi vị nên bị Mộ Dung Đức bắt ép tự sát.

*

Mộ Dung Lân được phong làm Triệu Vương. Tháng 7 năm 397, ông ta giết Mộ Dung Tường và nên kế nhiệm ngôi vị hoàng đế, ông đổi niên hiệu là "Diên Bình".

Mộ Dung Lân xưng đế được vài ngày thì bị quân Bắc Ngụy vây đánh, đợt tấn công này quân Bắc Ngụy có 7000 người nhưng vẫn bị Mộ Dung Lân đẩy lui. Không lâu sau, quân Bắc Ngụy lại vây thành Trung Sơn. Ở trong thành thiếu lương thực nghiêm trọng, lúa má ở ngoại thành bị quân Bắc Ngụy cướp đi, Mộ Dung Lân không có cách gì cố thủ, đành phải dẫn 30000 người chạy đến Tân Thị. Quân Bắc Ngụy thừa thắng đuổi theo. Ông ta đành chạy đến Nghiệp Thành đầu hàng và dựa dẫm vào Mộ Dung Đức. Ông ta lại xúi bẩy Mộ Dung Đức thống lĩnh 40.000 dân chúng dời xuống Cốt Đái xưng đế, lập nên chính quyền Nam Yên, Mộ Dung Lân được phong làm Tư Không. Lệnh Thượng Thư.

Năm 398, Mộ Dung Lân nghe nói ở sông thường có con lân xuất hiện, mà nó lại trùng hợp với tên ông ta, ông cho rằng đó là điềm tốt lành cho việc giành lại ngôi vị, do đó ông bí mật phát động chính biến để đoạt lại ngôi vị hoàng đế. Không ngờ, sự việc bại lộ Mộ Dung Đức sai giết chết ông ta.

Trong sử gọi Mộ Dung Lân là Triệu Vương.

TRUNG TÔNG (MỘ DUNG THỊNH)

Trung Tông, ông ta tên là Mộ Dung Thịnh (373 - 401), tên tự của ông là Đạo Viễn. Ông là con trưởng của Hậu Yên Liệt Tông Mộ Dung Bảo. Sau khi Mộ Dung Bảo bị Lan Can giết, ông giết Lan Can và nên ngôi hoàng đế. Ông trị vì được 4 năm, bị bộ hạ làm bị thương trong cuộc phản loạn, sau đó trọng thương mà chết - thọ 29 tuổi. Mai táng ở Hưng Bình Lăng.

*

Mộ Dung Thịnh được phong làm Trường Lạc Vương. Sau khi Lan Can giết Mộ Dung Bảo dự định sẽ giết Mộ Dung Thịnh nhưng con gái ông ta cầu xin cha tha chết cho chồng (con gái của Lan Can là vợ của Mộ Dung Thịnh), nể tình con gái, Lan Can tha chết cho Mộ Dung Thịnh và bắt Mộ Dung Thịnh phải quy phục. Mộ Dung Thịnh một mặt tìm cách li gián quan hệ giữa anh em Lan Can, mặt khác sai thuộc hạ thân tín là Mộ Dung Kì âm thầm đi chiêu tập được vài nghìn người, chiếm cứ An Thành phản đối Lan Can. Lan Can nghi ngờ chuyện này do Mộ Dung Thịnh đứng ở sau lưng chỉ đạo, ông ta tuyên gọi Mộ Dung Thịnh đến để tìm cách loại bỏ. Mộ Dung Thịnh giả vờ bị bệnh, cáo lỗi không đến, đồng thời sai vợ đến chỗ mẹ vợ cầu xin, Lan Can không thể làm gì được Mộ Dung Thịnh nên đành từ bỏ dã tâm.

Tháng 10, Mộ Dung Thịnh sai triệu tập thuộc hạ tâm phúc, nửa đêm đột nhập vào hoàng cung, giết chết cha con Lan Can và nên ngôi hoàng đế, đổi niên hiệu là "Kiến Bình". Sau đó, ông bỏ đi vương hiệu đế tự xưng là thứ dân đại vương (đại vương của dân chúng).

Sau khi Mộ Dung Thịnh nên ngôi, ông ta đối đãi với các hạ thần rất bạc bẽo vô ơn. Vì vợ ông ta là con gái của Lan Can, nên đã ra lệnh giết bỏ không hề nghĩ đến trước đây cô ta cứu mình mấy lần. Nhờ sự khuyên can của các tông thất và hạ thần, Mộ Dung Thịnh mới miễn cho cô ta tội chết nhưng không lập làm hoàng hậu. Cận thần Mộ Dung Kị cũng bị ông ta hại chết. Các quần thần đều chán nản và đều có tư tưởng làm phản. Tháng 8 năm 401 những người như: tả tướng quân Mộ Dung Quốc, điện trung tướng quân Tần Học, Giả Tán... cũng liên kết với nhau bí mật cổ động cầm quân nổi dậy giết Mộ Dung Thịnh. Nhưng sự việc bị bại lộ, cả 3 người đều bị giết và làm liên lụy tới hơn 500 người.

Vài ngày sau, con của Tần Học là Tần Hưng và con của Giả Tán là Giả Thái dẫn quân nửa đêm đột nhập vào hoàng cung và hò hét đòi giết Mộ Dung Thịnh. Ông ta sợ quá, liền thống lĩnh quân vệ binh chống đỡ, đẩy lui được quân phản loạn. Đột nhiên trong đám quân phản loạn có một người vòng ra sau lưng ông ta giơ dao chém, Mộ Dung Thịnh vội vàng né tránh, nhưng vẫn bị thương chém vào chân. Quân phản loạn không biết chuyện này vẫn phải rút lui. Vết thương của ông ta rất nghiêm trọng khó lòng qua khỏi, ông liền sai gọi Quyền Phụ và Mộ Dung Hi đến để ủy thác công việc triều chính. Nhưng Mộ Dung Hi chưa kịp đến thì Mộ Dung Thịnh đã hôn mê bất tỉnh không bao lâu thì chết.

Sau khi ông ta chết lập miếu đặt hiệu là Trung Tông, đặt Thụy Hiệu là Chiêu Vũ Đế.

CHIÊU VĂN ĐẾ (MỘ DUNG HI)
(HẬU YÊN)

Chiêu Văn Đế, tên ông ta là Mộ Dung Hi (385 - 407), tên tự của ông ta là: Đạo Văn. Ông là thái tử của Hậu Yên Thế Tổ Mộ Dung Thùy Sau khi Mộ Dung Thịnh chết, thái hậu đã giúp ông ta làm hoàng đế. Ông trị vì được 7 năm, sau đó bộ hạ làm phản, ông ta thất bại nên bị giết, hưởng dương 23 tuổi. Mai táng ở Huy Bình Lăng (nay ở phía bắc huyện Triều Dương tỉnh Liêu Ninh).

*

Mộ Dung Hi được phong làm Hà Gian Công. Tháng 8 năm 401 Mộ Dung Thịnh chết, thái hậu Đinh phế bỏ thái tử Mộ Dung Định và lập Mộ Dung Hi làm hoàng đế, đổi niên hiệu là "Quang Thủy".

Sau khi Mộ Dung Hi nên ngôi, ông ta sống hoang dâm ăn chơi trác táng. Ông ta muốn làm đẹp làm hoàng hậu Phù do đó nhiều lần cùng bà ta đi du lãm. Có một lần vào mùa đông bọn họ phải hộ tống Mộ Dung Hi đi ra ngoài binh lính tùy tùng đi theo ông ta có 5000 người và họ đều bị chết cóng.

Tháng 7 năm 407, hoàng hậu Phù chết. Mộ Dung Hi tổ chức tang lễ rất lớn, lúc đưa linh cữu đi chôn, ông ta đi chân đất đi phía trước linh cữu. Trung tướng quân Mã Bạt, tả vệ tướng quân Trương Hưng và những người khác, nhân cơ hội đó đã tôn dưỡng tử (con nuôi) của Mộ Dung Bảo là Mộ Dung Vân làm thủ lĩnh, dẫn 5000 người trấn giữ ở 4 cửa Thành Long, chiếm lĩnh hoàng cung, ngăn chặn không cho Mộ Dung Hi quay về. Mộ Dung Hi mang quân đánh trả nhưng không được đành lui về vườn thượng uyển Long Đằng) ngoại thành phía Bắc Thành Long.

Ngày hôm sau trong thành có một đám quân phản loạn chạy đến vườn thượng uyển xin quy thuận.

Mộ Dung Hi cho rằng đám phản loạn trong thành đến tấn công, ông ta sợ quá đành phải chạy một mình xông ra khỏi vườn thượng uyển, trốn một kênh nước. Đợi nửa ngày không thấy ai đến, lúc đó ông ta mới chui khởi kênh nước, cởi bỏ quần áo ướt chạy về vườn. Vệ binh trong vườn thượng uyển không biết ông ta đi đâu nên họ cũng bỏ đi hết. Ông ta sống một thân một mình ở đó, cuối cùng cũng bị người trong thành phát hiện, họ bắt giữ và giải ông ta đến gặp Mộ Dung Vân. Sau đó Mộ Dung Vân kê một loạt tội trạng của ông ta đã khép ông ta vào tội chết.

Sau khi Mộ Dung Hi chết đã lấy Thụy Hiệu là Chiêu Văn Đế.

THẬP LỤC QUỐC (MƯỜI SÁU NƯỚC)

BẮC YÊN
(407 - 436, tổng cộng 30 năm)

Triều Bắc Yên có 3 đế vương, trong đó có một người bị giết trong cuộc nội chiến, một người chết do sợ hãi, một người bị giết ở Cao Câu Lệ.

HUỆ NGHI ĐẾ (CAO VÂN)

Huệ Nghi Đế, ông ta tên là Cao Vân (? - 409) tên tự của ông ta là Từ Vũ. Sau khi Mộ Dung Hi bị giết, ông đã được lập làm hoàng đế. Ông trị vì được 3 năm thì bị cấm vệ quân hại chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Cao Vân là chi dưới của Cao Câu Lệ, Mộ Dung Hoảng tấn công Cao Câu Lệ, ông ta theo cha chạy đến Thanh Sơn. Thời Mộ Dung Bảo trị vì, ông được phong làm thị khanh Lang, ông có công trong việc dẹp phản loạn Mộ Dung Hội nên được Mộ Dung Bảo nhận làm con nuôi, đổi tên là Mộ Dung Vân, phong cho làm Tịch Dương Công. Ông ta và Mã Bạt là bạn tốt của nhau. Tháng 7 năm 407 những người như: Mã Bạt đã khởi binh giết Mộ Dung Hi, tháng 7 năm 407 họ đã lập Mộ Dung Vân làm hoàng đế, gọi là Thiên Vương, ông cho đổi niên hiệu là "Chính Thủy", đặt quốc hiệu là "Yên" (trong lịch sử gọi là Bắc Yên), khôi phục lại dòng họ Cao.

Sau khi Cao Vân xưng đế thì Mã Bạt rất chuyên quyền. Để đề phòng bất trắc, Cao Vân đã chọn dũng sĩ gan dạ làm bảo vệ. Vệ sĩ đầu mục là Lí Bang và Diêu Nhân được sủng ái nhất, ngày đêm được kề cận bên ông ta, hàng tháng họ được nhận vô số tiền bạc, còn quần áo, lương thực và tùy tùng thì ngang bằng với Cao Vân. Nhưng sự đời thật khó lường, hai vệ sĩ chí cốt với ông ta, sinh lòng ghen ghét, đã âm thầm lén lút chuẩn bị lực lượng mưu giết Cao Vân.

Tháng 11 năm 409, Lí Bang, Diêu Nhân cất giấu kiếm trong người, giả vờ nói chuyện cần tâu cáo. Cao Vân không hề nghi ngờ, liền đi đến điện. Diêu Nhân dâng một bản tấu trình. Cao Vân liền cầm lấy bản đó đọc. Lí Bang đột nhiên rút kiếm chém Cao Vân, nhưng ông ta tránh được, Diêu Nhân lại chém vào chân Cao Vân, Lí Bang cũng chém thêm một nhát, khiến Cao Vân chết ngay tại chỗ.

Sau khi ông ta chết, đặt Thụy Hiệu là Liệt Nghi Đế.

VĂN THÀNH ĐẾ (MÃ BẠT)
(BẮC YÊN)

Văn Thành Đế, ông ta tên là Mã Bạt (? - 430) tên tự là Khởi Văn. Ông vốn làm trung vệ tướng quân, sau khi ông ta giết Mộ Dung Hi và xưng làm Thiên Vương. Sau khi Cao Vân bị Lí Bang và Diêu Nhân giết chết, ông ta đã giết Lí Bang đã tự lập làm thiên vương. Ông trị vì được 22 năm, con trai của ông là Mã Hoằng đã giết chết Tống Thị (Tống Thị là vợ của Mã Bạt), ông kinh hãi và sinh bệnh mà chết. Mai táng ở Trường Cốc Lăng.

*

Mã Bạt quê ở huyện Tín Đô huyện Trường Lạc. Tổ tiên của ông ta vì tránh loạn lạc nên đã đến sống ở Thượng Đảng, cha của ông ta là Mã Ân làm tướng quân ở triều đình Tây Yên. Triều đình Tây Yên bị diệt vong. Mã Bạt chạy đến cư trú ở huyện Trường Cốc tỉnh Hòa Long, thời Mộ Dung Bảo, Mã Bạt được phong làm trung vệ tướng quân. Sau khi Mộ Dung Hi nên ngôi, Mã Bạt bị người khác nói xấu đặt điều do đó phải dẫn con cháu chạy đến Sơn Trạch. Sau đó, ông lợi

dụng cơ hội Mộ Dung Hi ra ngoại thành chôn cất vợ, nên Mã Bạt đã quay về kinh thành giết Mộ Dung và lập Cao Vân làm hoàng đế. Cao Vân bị Lí Bang và Diêu Nhân giết chết, Mã Bạt đã giết Lí Bang và tự xưng làm thiên vương, đổi niên hiệu là "Thái Bình" và quốc hiệu là "Yên" trong sử gọi là "Bắc Yên". Trong thời gian trị vì ông loại bỏ gian thần, giảm nhẹ tô thuế, phát triển nghề nông, khôi phục kinh tế, dần duy trì được cục diện ổn định.

Tháng 9 năm 430, Mã Bạt bị bệnh, hoàng hậu Tống muốn cho con trai mình nên kế vị nên đã giả truyền thành chỉ, cấm mọi người vào cùng thăm Mã Bạt. Phó tướng của cấm vệ quân là Trung Hồ biết chuyện liền đi báo cho em trai của Mã Bạt tên là Mã Hoằng, nhận được tin đó Mã Hoằng phẫn nộ vô cùng liền dẫn quân vào cung hỏi tội hoàng hậu Tống. Bà ta sợ hãi sai đóng hết cửa sổ và cửa ra vào ở lầu các Đông Các. Gia đầu của Mã Hoằng là Đầu Đầu rất dũng cảm đã trèo tường xông vào lầu Đông Các chui vào phòng, giương cung bắn chết hoàng hậu. Mã Bạt nhìn thấy sợ hãi chết ngay tại chỗ.

Sau khi ông chết đặt Thụy Hiệu là Văn Thành Đế.

CHIÊU THÀNH ĐẾ (MÃ HOẰNG)

Chiêu Thành Đế, ông ta tên là Mã Hoằng (? - 436). Ông ta có tên tự là: Văn Thông, là thiếu đệ của Bắc Yên Văn Thành Đế Mã Bá. Sau khi Mã Bạt chết, ông ta giết thái tử và tự lập làm hoàng đế. Ông trị vì được 6 năm, bị triều Bắc Ngụy diệt vong, ông ta chạy đến cầu Cao Câu Lệ thì bị giết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Thời Mã Bạt trị vì, Mã Hoằng được phong làm phiêu kỵ đại tướng quân. Tháng 9 năm 430, Mã Bạt chết, ông ta đã giết thái tử Mã Dực và nên ngôi hoàng đế, ông cho đổi niên hiệu là "Thái Hưng".

Đầu năm 436, vì Mã Hoằng không chịu khuất phục Bắc Ngụy Thái Vũ Đế Thác Bạt Đạo, do vậy Thác Bạt Đạo sai đại quân tiến đánh triều chính Bắc Yên. Mã Hoằng liên tiếp bị thua trận, tuy có nhờ quân Cao Câu Lệ giúp đỡ nhưng vẫn không thay đổi được tình hình. Tháng 5 năm 436 ông dẫn dân chúng chạy tới tộc Cao Câu Lệ, dân chúng xếp hàng dài tới 80 dặm, Cao Câu Lệ Vương Cao Liễn sai người ra ngoại thành nghênh đón, nói: "đại vương từ xa đi đến, người và ngựa quả thật vất vả". Mã Hoằng cho rằng đó là lời châm biếm, vừa hận vừa tức, ông ta chui ra khỏi kiệu, sai người viết chiếu thư gửi tới Cao Liễn quở trách. Cao Liễn tức giận không cho Mã Hoằng vào thành mà bắt Mã Hoằng định cư ở Bình Quách (nay thuộc phía Nam huyện Cái tỉnh Liêu Ninh), ít lâu sau lại bắt ép ông ta dời đến Bắc Phong (nay thuộc phía Tây Bắc thành phố Thẩm Dương tỉnh Liêu Ninh). Mã Hoằng đến nông nỗi này vậy mà vẫn độc đoán chuyên quyền, phát hiệu lệnh, không tôn trọng Cao Liễn. Cao Liễn phẫn nộ sai người cướp thái tử và thị quan của Mã Hoằng. Triều Bắc Ngụy sai người tới chỗ Cao Liễn đòi Mã Hoằng liền bị Cao Liễn cự tuyệt. Lúc này, đã hình thành cục diện Nam Bắc triều, phía Nam Trung Quốc là thiên hạ của triều Tống (dòng họ Lưu). Mã Hoằng sai người đến nhờ triều Tống giúp đỡ. Hoàng Đế Tống liền sai Vương Bạch Câu tới tộc Cao Câu Lệ đòi Mã Hoằng và còn đòi Cao Liễn đòi tiền lộ phí. Cao Liễn càng bực mình liền sai hai dại tướng Cao Cửu và Tôn Lại dẫn vài trăm lính đi tới Bắc Phong giết Mã Hoằng và hơn 10 người con cháu của Mã Hoằng, báo với hoàng đế Tống tin Mã Hoằng đã chết. Triều Bắc Yên diệt vong.

Sau khi Mã Hoằng chết, Cao Liễn lập Thụy Hiệu cho Mã Hoằng là Chiêu Thành Đế.

THẬP LỤC QUỐC (MƯỜI SÁU NƯỚC)

NAM YÊN
(398 - 410, tổng cộng 13 năm)

Triều Nam Yên có hai đế vương: trong đó một người bị bệnh chết, một người mất nước bị bắt làm tù binh nên bị giết.

HIẾN VŨ ĐẾ (MỘ DUNG ĐỨC)

Hiến Vũ Đế, ông ta tên là Mộ Dung Đức (336 - 405) tên tự của ông ta là Huyền Minh. Ông là thiếu tử của Tiền Yên thái tổ Mộ Dung Hoảng, là em trại của Hậu Yên thế tổ Mộ Dung Thùy. Hậu Yên bị chia làm hai triều đình, ông ta dời đến miền Nam xưng đế. Ông trị vì được 8 năm thì bị bệnh chết, thọ 70 tuổi. Mai táng ở Đông Dương Lăng.

*

Mộ Dung Đức từng giúp đỡ Mộ Dung Thùy đánh bại quân của Hằng Ôn (triều Đông Tấn). Triều Tiền Yên bị diệt vong, ông ta đầu hàng Phù Kiên (triều Tiền Tần), được cử làm thái thú Trương Dạ. Sau khi triều Hậu Yên được xây dựng, Mộ Dung Đức được nhận chức Tư Đồ, phong làm Phạm Dương Vương trấn thủ ở thành Nghiệp. Năm 397 quân Bắc Ngụy công phá thành Trung Sơn, triều Hậu Yên bị chia làm hai. Ông dẫn dân chúng dời xuống Cốt Đài (nay thuộc huyện Cốt tỉnh Hà Nam) tự xưng làm Yên Vương, lấy năm đó làm năm đầu tiên, trong sử gọi là Nam Yên. Năm 400, chiếm giữ Quảng Cố (nay thuộc phía Tây Bắc huyện ích Đô tỉnh Sơn Đông) và chọn nơi đây làm đô thành, tự xưng làm hoàng đế đổi niên hiệu là "Kiến Bình". Chiếm cứ 2 châu: Thanh Châu và Duyễn Châu.

Tháng 11 năm 405, Mộ Dung Đức bị bệnh nặng, ông sai gọi hoàng hậu Giả và cháu làn Mộ Dung Siêu và công chúa vào dặn dò mọi chuyện. Ông nắm tay Mộ Dung Siêu nói: "Nếu trẫm còn sống, trẫm sẽ ra lệnh cho các đại thần lập khanh kế vị, được như vậy trẫm rất yên tâm". Mộ Dung Đức nhìn công chúa định nói vài câu nhưng lại thôi. Hoàng hậu Giả hỏi ông ta: "Bây giờ cho gọi Đổng Trung Thư thảo chiếu thư, lập Mộ Dung Siêu làm thái tử, bệ hạ xem như vậy có được không?" Ông ta gật đầu đồng ý. Tối hôm đó ông ta tạ thế tại cung Hiển An - đô thành Quảng Cố. Mộ Dung Siêu sai làm mười mấy cỗ quan tài, chôn rải rác ở 4 cửa thành làm mộ giả và bí mật chôn cất Mộ Dung Đức ở trong Sơn Cổ (gọi là lăng Đông Dương), người đời sau không biết rõ mồ mả thật của Mộ Dung Đức.

Hiệu miếu của Mộ Dung Đức là Thế Tông, còn Thụy Hiệu của ông là Hiến Vũ Đế.

MẠT CHỦ (MỘ DUNG SIÊU) (NAM YÊN)

Mạt Chủ, ông ta tên là Mộ Dung Siêu (385 - 410) tên tự của ông ta là Tổ Minh. Ông là cháu của Nam Yên Hiến Vũ Đế Mộ Dung Đức, ông nên kế vị sau khi Mộ Dung Đức chết. Ông trị vì được 6 năm, bị Lưu Dụ (triều Đông Tấn) bắt làm tù binh sau đó giết chết. Hưởng dương 25 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Mộ Dung Siêu là con trai của Bắc Hải Vương Mộ Dung Nạp. Do chiến tranh loạn lạc đành phải theo những dân lưu vong chạy đến Trường An, Mộ Dung Đức về già không có con, vì thế đã đón Mộ Dung Siêu về Quảng Cố, trước khi chết lập Mộ Dung Siêu làm thái tử. Tháng 11 năm 405 khi Mộ Dung Đức chết, ông nên kế vị, ông cho đổi niên hiệu là "Thái Thượng".

Tháng 4 năm 409, Lưu Dụ khởi binh tấn công triều Nam Yên. Mộ Dung Siêu dẫn đầu 90.000

quân nghênh chiến, bị Lưu Dụ đánh bại trong trận chiến ở Lâm Cù (nay thuộc huyện Lâm Cù tỉnh Sơn Đông), Mộ Dung Siêu đành dẫn đám tàn quân chạy về thành Quảng Cố. Quân Tần đuổi theo bao vây đô thành. Linh Đài ra lệnh cho Trương Quang trả vờ dựa vào thiên tượng để khuyên Mộ Dung Siêu đầu hàng quân Tần, bị Trương Quang ngăn cản Mộ Dung Siêu rút kiếm chém chết Trương Quang. Sáng hôm sau, ông ta nên thành cổ động các tướng sĩ kiên thủ giữ thành. Có một lần, Mộ Dung Siêu cùng phu nhân Ngụy đứng trên thành nhìn ra xa, thấy quân Tần thế lực mạnh mẽ, quân lính đông đúc, cả hai người không ngăn được dòng nước mắt khóc thương cho số phận của triều Nam Yên. Đại thần Hàn Xước khuyên can Mộ Dung Siêu: "Tình thế nguy cập như vậy, bệ hạ phải vững tâm, lấy dũng khí để cổ động binh lính, tại sao lại đứng đây khóc cùng với phu nhân để làm dao động quân sĩ", Mộ Dung Siêu chợt tỉnh ngộ và không khóc, ông ta cảm ơn Hàn Xước đã nhắc nhở. Sau vài tháng kiên quyết phòng thủ giữ thành, dân cư trong thành bị mắc bệnh thối chân, khó lòng đi lại được, Mộ Dung Siêu cũng mắc bệnh này, nhưng ông cố gắng lên thành chỉ huy binh lính phòng thủ. Trong các đại thần có người khuyên ông đầu hàng để bảo toàn tính mạng. Mộ Dung Siêu bác bỏ ý kiến đó và nói: "Chuyện hưng thịnh hay suy vong là do ý trời, quả nhân nguyện chết vì chiến trận chứ không đầu hàng để tìm lấy sự sống".

Tháng 2 năm 410, dân chúng và binh lính trong thành Quảng Cố đều bị đói. Lưu Dụ thừa cơ mở một cuộc tấn công lớn, trong thành có người làm phản đã mở cổng thành cho quân Tần tiến vào. Mộ Dung Siêu dẫn một số kị binh chạy khỏi thành, ông ta chạy được vài dặm thì quân lính Tần bắt được, Lưu Dụ mạt sát Mộ Dung Siêu thậm tệ, nhưng Mộ Dung Siêu không hề nói một câu khí phách rất hiên ngang, Mộ Dung Siêu nhờ Lưu Kính Tuyên trông nom mẹ già, còn ông chuẩn bị đón nhận cái chết. Lưu Dụ cho Mộ Dung Siêu nhập vào đám tàn quân, áp giải đến Kiến Khang và chém chết ông ta tại Vu Náo. Triều Nam Yên diệt vong.

Trong sử gọi Mộ Dung Siêu là Mạt Chủ.

THẬP LỤC QUỐC (MƯỜI SÁU NƯỚC)

TÂY YÊN
(384 - 394, tổng cộng 11 năm)

Triều Tây Yên có 7 đế vương: trong đó có 6 người bị chết trong cuộc nội chiến, một người bị giết do làm mất nước.

TẾ BẮC VƯƠNG HOẰNG
(TÂY YÊN)

Tế Bắc Vương, ông ta tên là Mộ Dung Hoảng (? - 384). Ông là con trai của Tiều Yên Cảnh Đế Mộ Dung Tuyển, ông là em trai của U Đế Mộ Dung Vĩ. Ông đầu hàng Tiền Tần, sau đó tự xưng là Tề Bắc Vương. Ông trị vị được một năm bị hạ thần giết chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Sau khi Tiền Yên bị diệt vong, Mộ Dung Hoảng đã cùng với anh trai là Mộ Dung Vĩ đầu hàng quân Tiền Tần, được nhận chức Trường Sử. Năm 5384, Mộ Dung Thùy khởi binh phản lại triều Tần, tấn công vào Nghiệp Thành, Mộ Dung Hoảng lo sợ Tần Chủ Phù Kiên liên lụy đến mình do vậy bỏ chạy đến Quan Đông, ông ta tụ tập được vài nghìn người. Mộ Dung Hoảng cư trú ở Hoa Dương (nay thuộc Đồng Quan tỉnh Thiểm Tây) ông tự xưng là đô đốc đại tướng quân, Tề Bắc Vương... Tháng 4 năm 384, ông tiến vào Trường An, đặt niên hiệu là "Yên Hưng", quốc hiệu là "Yên", trong sử gọi là "Tây Yên".

Cuối năm 384, do Mộ Dung Hoảng thi hành pháp luật rất nghiêm khắc khiến cho các thuộc hạ oán giận. Các đại thần Cao Cái, Túc Bột Sùng quyết định lập Mộ Dung Trọng, làm hoàng đế thay thế Mộ Dung Hoảng, bọn họ dấy binh tạo phản, giết chết Mộ Dung Hoảng.

Trong sử gọi Mộ Dung Hoảng là Tế Bắc Vương.

UY ĐẾ (MỘ DUNG TRỌNG)
(TÂY YÊN)

Uy Đế, ông ta tên là Mộ Dung Trọng (? - 386). Ông là em trai của Tây Yên Tế Bắc Vương Mộ Dung Hoảng. Mộ Dung Hoảng bị giết, ông được lập làm Hoàng Thái Đệ, sau đó ông tự xưng đế. Ông trị vì được 2 năm, bị quân phản loạn giết chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Mộ Dung Trọng là con trai của Tiền Yên Cảnh Đế Mộ Dung Tuyển, Mộ Dung Trọng được phong là Trung Sơn Vương. Sau khi Tiền Yên bị diệt vong, ông được Phù Kiên cho vào cung, về sau phong làm Thái Thú Bình Dương. Năm 384 anh trai ông là Mộ Dung Hoảng dấy binh phản Tần. Ông biết tin cũng dẫn quân đánh Tần nhưng bị thất bại, ông bèn chạy đến Hoa Dương với anh trai. Triều Bắc Yên xây dựng được ít lâu, Mộ Dung Hoảng bị Cao Cái giết, và Cao Cái đã lập Mộ Dung Trọng làm hoàng thái đệ. Cao Cái và Mộ Dung Trọng thống lĩnh đại quân đánh Tiến Tần, chiếm được cung A Phòng tháng 1 năm 385, Mộ Dung Trọng xưng đế, ông đổi niên hiệu là "Canh Thủy".

Sau khi ông ta xưng đế, ông sống rất trụy lạc, thưởng phật không công bằng, hiệu lệnh không nghiêm minh khiến quần thần oán giận. Đồng thời, ông ta muốn định cư ở Trường An, còn binh lính thì nhớ quê hương da diết, mọi người đều oán hận ông ta.

Một buổi tối tháng 2 năm 386, Mộ Dung Trọng đang ngồi trong cung uống rượu, tả tướng

quân Hàn Diên và tiền tướng quân Giả Tùy đã hô hào binh lính tiến vào cung giết chết ông ta.

Trong sử gọi Mộ Dung Trọng là Uy Đế.

YÊN VƯƠNG (GIẢ TÙY)
(TÂY YÊN)

Yên Vương, ông ta tên là Giả Tùy (? - 386). Ông là tướng quân ở thời Mộ Dung Trọng. Ông ta và Hàn Diên mưu giết Mộ Dung Trọng, sau đó Hàn Diên Lập Giả Tùy làm Yên Vương. Ông nhận chức Yên Vương được một tháng thì bị thuộc hạ giết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Tháng 2 năm 386 Hàn Diên và Giả Tùy cùng mưu giết Mộ Dung Trọng, sau đó để lấy sự uy hiếp đối với bá quan nên Hàn Diên đã lập Giả Tùy làm Yên Vương, đổi niên hiệu là "Xương Bình".

Sau khi Giả Tùy nhận chức vị, Mộ Dung Vĩnh và Mộ Dung Hằng không đành lòng nhìn giang sơn rơi vào tay người ngoài, do vậy tháng 3 năm 386 bọn họ tập hợp thuộc hạ tấn công giết Giả Tùy.

Trong sử gọi Giả Tùy là Yên Vương.

YÊN VƯƠNG (MỘ DUNG Ỷ)

Yên Vương, ông ta tên là Mộ Dung Ỷ (? - 386). Ông là con trai của Trực Đô Vương Mộ Dung Hằng. Sau khi Giả Tùy bị giết, Mộ Dung Ỷ được lập làm vương. Nhưng ông ta trị vì chưa được một tháng đã bị em trai là Mộ Dung Dao giết hại. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Thời Tiền Yên bị diệt vong, Trực Đô Vương Mộ Dung Hằng bị quân Tần giết, Mộ Dung Ỷ theo Mộ Dung Trọng vào cung, định cư ở Trường An. Mộ Dung Vĩnh và Mộ Dung Hằng (ông ta cùng họ tên với cha của Mộ Dung Ỷ) đã giết Giả Tùy, Hàn Diên sau đó đã lập Mộ Dung Ỷ làm vương, đổi niên hiệu là "Kiến Minh". Sau khi Mộ Dung Ỷ nên ngôi, ông ta đã thống lĩnh 400.000 nam nữ dân tộc Tiên Ti tiến xuống phía Đông. Đi đến Lâm Tấn, ở nhà em trai của Mộ Dung Hằng là Mộ Dung Thao đã làm phản, và giết chết Mộ Dung Ỷ.

Trong sử gọi Mộ Dung Ỷ là Yên Vương.

YÊN VƯƠNG (MỘ DUNG DAO)
(TÂY YÊN)

Yên Vương, ông ta tên là Mộ Dung Dao (? - 386). Ông ta còn có tên là Mộ Dung Vọng. Ông là con trai của Tây Yên Uy Đế Mộ Dung Trọng. Sau khi Mộ Dung Thao giết chết Yên Vương Mộ Dung Ỷ đã bị Mộ Dung Vĩnh đánh bại và Mộ Dung Vĩnh đã lập Mộ Dung Dao làm vương. Ông ta trị vì không được một tháng thì Mộ Dung Vĩnh làm phản giết chết Mộ Dung Dao. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Tháng 3 năm 386 Mộ Dung Ỷ bị giết, Mộ Dung Vĩnh và tướng quân Điêu Vân đã đánh bại Mộ Dung Thao, họ đã cùng với Mộ Dung Hằng lập Mộ Dung Dao làm vương, đổi niên hiệu là "Kiến Bình".

Sau khi Mộ Dung Dao nên ngôi, các tướng sĩ không khâm phục những hành vi và việc làm

của Mộ Dung Hằng, họ càng không bằng lòng việc Mộ Dung Dao làm vương, các tướng sĩ mong muốn Mộ Dung Vĩnh làm vương do đó họ làm phản và tấn công Mộ Dung Hằng. Mộ Dung Hằng sợ hãi phải bỏ trốn còn giết Mộ Dung Dao bị quân phản loạn giết.

Trong sử gọi Mộ Dung Dao là Yên Vương.

YÊN VƯƠNG (MỘ DUNG TRUNG)
(TÂY YÊN)

Yên Vương, ông ta tên là Mộ Dung Trọng (? - 386). Ông là con trai của Tế Bắc Vương Mộ Dung Hoảng. Sau khi các tướng sĩ giết Mộ Dung Dao đã lập Mộ Dung Trung làm vương. Ông trị vì được 7 tháng, bị tướng Điêu Vân sát hại. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Năm 386 tướng sĩ Tây Yên đã làm phản giết Mộ Dung Dao, sau đó họ muốn lập Mộ Dung Vĩnh làm đế. Mộ Dung Vĩnh chỉ dám xưng là: Thế Hệ Thái Viễn, ông thấy tư cách mình không đủ để làm hoàng đế nên đã cảm ơn và chối từ, đổi lập Mộ Dung Trung làm đế, và cho đổi niên hiệu là "Kiến Vũ".

Sau khi Mộ Dung Trung làm vương, đã phong cho Mộ Dung Vĩnh làm thừa tướng. Hà Đông Công, Mộ Dung Vĩnh thường thống lĩnh quân đội đánh xuống phía Đông. Có một lần Mộ Dung Trung thống lĩnh quân đội si xuống phía Đông, trên đường đi nghe tin Mộ Dung Thùy đã kiến lập được triều Hậu Yên, ông ta sợ hãi không dám tiến về phía trước. Ông liền cho binh lính sửa sang xây dựng lại đô thành Yên Hi tại huyện Văn Hỉ, tạm thời định cư ở đó.

Tháng 10 năm 386, tướng Điêu Vân đã làm phản và đã giết Mộ Dung Trung.

Trong lịch sử Mộ Dung Trung cũng được gọi là Yên Vương.

HÀ ĐÔNG VƯƠNG (MỘ DUNG VĨNH)
(TÂY YÊN)

Hà Đông Vương, ông ta tên là Mộ Dung Vĩnh (? - 394). Tên tự của ông là Quyền Minh. Ông là em trai của Tiền Yên Vũ Tuyên Đế Mộ Dung Quy. Sau khi Điêu Vân giết chết Mộ Dung Trọng đã lập Mộ Dung Vĩnh làm vương. Ông trị vì được 9 năm, bị quân Hậu Yên bắt giữ và giết hại. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Mộ Dung Vĩnh là cháu của Mộ Dung Vận. Sau khi ông ta được lập làm vương, ông đã tự xưng là đại tướng quân đại đơn vu và chiếm lĩnh được ở 4 châu: Ung Châu, Tần Châu, Lương Châu, Kinh Châu... Kiêm chức vị Hà Đông Vương; ông cho đổi niên hiệu là: "Trung Hưng".

Sau khi nên ngôi, ông cho dời đô đến Trường Tử (nay thuộc huyện Trường Tử tỉnh Sơn Tây).

Năm 394, Hậu Yên Mộ Dung Thùy thống lĩnh đại quân tiến đánh Tây Yên, Mộ Dung Vĩnh dẫn quân đánh trả, hai bên đánh nhau tại Đài Bích, Mộ Dung Vĩnh bị thua trận phải chạy về trấn thủ tại Trường Tử. Quân Hậu Yên bao vây 4 mặt, họ dựng hàng rào bằng gỗ, vây đánh Trường Tử. Hai bên đánh nhau hơn 40 ngày, lúc này tình hình trong thành rất khó khăn và nguy cập. Mộ Dung Vĩnh sai Thường Sơn Công Mộ Dung Hoảng (người này trùng tên với Tề Bắc Vương Mộ Dung Hoảng) và thái tử Mộ Dung Lượng dẫn quân đột phá vòng vây đi đến triều Đông Tấn và triều Bắc Ngụy nhờ trợ giúp để tìm cách giải vây. Tướng quân của Bắc Ngụy là Thượng Mạt lập tức đến giải vây nhưng thái úy của Tây Yên là Miễn Đậu Quy và bộ tướng Đậu Thao đã quy hàng

quân Hậu Yên, họ lén lút mở cửa thành dẫn quân Hậu Yên vào. Bị tấn công Mộ Dung Vĩnh cuống quýt vô cùng ông vội vàng chạy theo lối cửa Bắc, nhưng quân Hậu Yên đã mai phục sẵn ở đó và bắt giữ ông ta. Sau đó bọn chúng chém chết ông ta. Triều Tây Yên bị diệt vong.

Vì triều Tây Yên chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn hơn nữa không có ảnh hưởng lớn, nên các nhà sử học không xếp triều Tây Yên vào trong số 16 nước.

Trong sử gọi Mộ Dung Vĩnh là Hà Đông Vương.

THẬP LỤC QUỐC (MƯỜI SÁU NƯỚC)

TIỀN LƯƠNG
(317 - 376, tổng cộng 60 năm)

Nhà Lương có 5 triều đại: Tiền Lương, Hậu Lương, Nam Lương, Bắc Lương, Tây Lương... Sau khi triều Tây Tần bị diệt vong dòng họ Trương đã dựa vào thế lực ở Lương Châu để lập nên chính quyền cất cứ Tiền Lương, sau này bị triều Tiên Tần diệt vong. Triều Hậu Lương do dòng họ Lã Kiến lập nên, mà người tạo dựng đầu tiên là Lã Quang, sau này triều Hậu Lương bị triều Hậu Tần diệt vong. Triều Nam Lương do Thốc Phát Điểu Cơ (người dân tộc Tiên Ti xây dựng), sau này bị Tây Tần diệt vong.

Triều Bắc Lương do Từ Cử Mông Tốn giúp đỡ Giả Nghiệp Kiến lập sau đó Mông Tốn lại cướp ngôi và bị triều Bắc Ngụy diệt vong. Triều Tây Lương do Quý Hiệu xây dựng chính quyền tại Đôn Hoàng về sau bị triều Bắc Lương diệt vong.

Triều Tiền Lương có 10 đế vương, trong đó có 4 người bị bệnh chết, 3 người bị giết trong cuộc nội chiến, một người bị bệnh chết sau khi mất nước chạy về đầu hàng Đông Tấn, một người bị giết khi mất nước.

VŨ MỤC VƯƠNG (TRƯƠNG QUỸ)
(TIỀN LƯƠNG)

Vũ Mục Vương, ông ta tên là Trương Quỹ (255 - 314) tên tự của ông là Sĩ Sản. Thời Đông Tấn ông ta được phong làm Tây Bình Công, ông được tôn là người có công lập nên triều Tiền Lương. Ông bị bệnh chết, thọ 60 tuổi. Mai táng ở Kiến Lăng.

*

Trương Quỹ quê ở Ô Thị (nay thuộc phía Tây Bắc huyện Bình Kinh tỉnh Cam Túc). Lúc đầu ông làm chức quân ty chính Tây. Sau khi cuộc nổi loạn của 8 vương" bùng ra, ông có ý định lập chính quyền cất cứ ở Hà Tây, ông đã nhận chức hiệu úy và chức lại sử ở Kinh Châu. Năm 303 ông được phong làm Tây Bình Công. Ông nhiều lần trấn áp các cuộc khởi nghĩa của dân tộc Tiên Ti, nhiều lần dấy binh cứu giúp triều đình, trọng trung với triều Tấn.

Trương Quỹ bảo vệ lãnh thổ, triệu nạp nhân tài, tận lực khôi phục nền kinh tế xã hội, mở trường học, đặt định ra chế độ tiền tệ, mở rộng và tu sửa lại đô thành Cô Tàng (nay thuộc huyện Võ Uy tỉnh Cam Túc), tại khu vực Kinh Châu đã xây dựng một xã hội trật tự phong kiến tương đối ổn định.

Ngày Ất Sử tháng 5 năm 314 Trương Quỹ đột nhiên bị trúng gió, bị cấm khẩu, để di chiếu cho con trai ông là Trương Thời kế nhiệm, việc tang lễ cũng phải làm đơn giản. Ông mất tại điện chính của đô thành Cô Tàng.

Sau khi cháu của ông là Trương Tộ xưng đế, đã đặt Thụy Hiệu cho ông là Vũ Mục Vương.

CHIÊU VƯƠNG (TRƯƠNG THỜI)
(TIỀN LƯƠNG)

Chiêu Vương, ông ta tên là Trương Thời (271 - 320). Ông ta có tên tự là: An Tốn. Ông là con trai của Tiền Lương Vũ Mục Vương Trương Quỹ. Sau khi cha chết, ông kế nhiệm chức lại sử Lương Châu. Ông trị vì được 7 năm, bị thuộc hạ giết hại. Thọ 50 tuổi, mai táng ở Ninh Lăng.

*

Trương Thời đã từng được phong làm Nguyên Công. Tháng 5 năm 314 Trương Quỹ bị bệnh chết, ông đã nên kế nhiệm công việc của cha. Năm 317 ông xưng là thái thú Lương Châu.

Tháng 6 năm 320, Lưu Hoằng (quê ở Lương Diêu) đã đi truyền đạo "Thiên Thê (đường nên trời), ông ta truyền bá trong phạm vi của Tiền Lương và hun hút được hơn 1000 người theo đạo của ông ta, cận thị của Trương Thời cũng theo đạo này. Bộ tướng và nha môn của Trương Thời là Viên Sa và Triệu Khanh, hai người này là Đông Lương của Lưu Hoằng, bọn họ có mối quan hệ rất mật thiết. Lưu Hoằng nói với Viên Sa và Triệu Khanh: "Thượng đế cho tôi làm Vương, tôi cần phải làm chúa tể của Kinh Châu". Hai người đó mê muội tin đó là sự thật, họ coi Lưu Hoằng là thiên tử, quyết tâm giúp Lưu Hoằng làm vua, do đó họ bí mật liên kết với 10 cận thị, chuẩn bị sát hại Trương Thời. Không ngờ, tin đó đến tai Trương Thời, ông ta lập tức sai lính giết Lưu Hoằng. Viên Sa và Triệu Khanh lo lắng không yên sợ rằng một ngày nào đó Trương Thời sẽ diệt bọn họ. Vào một đêm tháng 6 họ đã đột nhập vào cung giết Trương Thời.

Trong sử gọi Trương Thời là Chiêu Công hay còn gọi là Chiêu Công. Trương Tô sau khi xưng đế đã đặt Thụy Hiệu cho Trương Thời là Chiêu Vương.

THÀNH MẬU (TRƯƠNG MẬU)
(TIỀN LƯƠNG)

Thành Vương, ông ta tên là Trương Mậu (271 - 304). Tên tự của ông ta là Thành Tỗn. Ông là con trai của Tiền Lương Vũ Mục Vương Trương Quỹ và là em trai của Chiêu Công Trương Thời. Sau khi Trương Thời bị Viên Sa giết chết, Trương Mậu đã sát hại Viên Sa và nên kế nhiệm. Ông trị vì được 5 năm, sau đó quy hàng Tiền Triệu Lưu Diệu, bị bệnh chết, thọ 53 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Trương Mậu

Tháng 6 năm 320 Trương Thời bị Viên Sa và Triệu Khanh sát hại, Trương Mậu đã đem quân giết chết Viên Sa và Triệu Khanh, đồng thời dẹp yên phản loạn (đám phản loạn này gồm hơn 100 người đi theo đạo Thiên Thê). Do con trai của Trương Thời tên là Trương Tuấn còn nhỏ tuổi, do đó Trương Mậu đã nên kế nhiệm.

Năm 324 Tiền Triệu Lưu Diệu thống lĩnh đại quân tấn công Kinh Châu, thế lực của Trương Mậu yếu ớt không đủ sức chống đỡ do vậy đành phải đầu hàng Tiền Triệu. Sau đó Trương Mậu được Lưu Diệu phong cho làm Thái Sư Lương Vương.

Tháng 5 năm 324 Trương Mậu bị bệnh nặng, ông sai gọi cháu là Dương Tuấn đến bên giường dặn dò: "Tổ tiên của chúng ta đều tôn trọng chữ hiếu, bạn bè nhìn thấy vậy đều phải kính trọng và tôn là Vu Thế, từ đầu thời Hán đến nay, đời đời đều trung hiếu. Nhìn xuống thấy tộc Hoa Hạ đại loạn, hoàng quyền bị suy yếu, nhưng sau khi cháu nên kế nhiệm, cần phải tôn trọng đạo hiếu của quần thần không được thất lễ. Chú lưu lạc cũng thốn, tiếp tục kế thừa đạo đức hiếu lễ của tổ tiên, thống lĩnh Lương Châu lấy an thân mà tiếp nhận nhiệm vụ, một là không muốn làm tổn hại nhà Tốn, hai là muốn bảo toàn tính mạng cho trăm họ. Sau khi chú chết, các cháu không cần mặc áo thượng chiếu cho chú, chỉ cần mặc cho chú áo trắng rồi khâm liệm là được, để tỏ rõ chú là người trung hiếu". Ít lâu sau, Trương Mậu tạ thế tại thành Cô Tàng.

Trong sử gọi ông là Thành Vương hay còn gọi là Thành Liệt Công.

VĂN VƯƠNG (TRƯƠNG TUẤN)

Văn Vương, ông ta tên là Trương Tuấn (307 - 346). Tên tự của ông là Công Đình. Ông là con trai của Tiền Lương Chiêu Công Trương Thời và ông cũng là cháu của Thành Vương Trương

Mậu. Ông nên kế vị sau khi Trương Mậu chết. Ông trị vì 23 năm bị bệnh chết, thọ 40 tuổi. Mai táng ở Đại Lăng.

*

Tháng 5 năm 324 Trương Mậu bị bệnh chết do vậy Trương Tuấn đã nên kế nhiệm, ông xưng là thái thú Lương Châu, Tây Bình Công, ông luôn luôn tận trung với triều Tấn. Ông tích cực mở rộng đối ngoại, khống chế một vùng từ Lũng Tây đến Tây Vực, ở vùng Thổ Lỗ Phiên lập thêm quận Cao Xương, như vậy toàn bộ lãnh thổ Trung Quốc có 23 quận, triều Tiền Kinh bước vào gioai đoạn hưng thịnh nhất. Năm 345, ông được gọi là đại đô đốc, đại tướng quân. Giả Lương Vương.

Tháng 5 năm 346, Trương Tuấn mất tại điện Chính Đức thành Cô Tàng.

Trong lịch sử gọi Trương Tuấn là Văn Công. Trương Tộ sau khi nên ngôi hoàng đế đã đặt Thụy Hiệu cho Trương Tuấn là Văn Vương.

HẰNG VƯƠNG (TRƯƠNG TRỌNG HOA) (TIỀN LƯƠNG)

Hằng Vương, ông ta tên là Trương Trọng Hoa (327 - 353), tên tự của ông là Thái Lâm. Ông là con trai thứ hai của Tiền Lương Văn Công Trương Tuấn. Ông nên kế vị sau khi Trương Tuấn chết. Ông trị vì được 8 năm, bị bệnh chết, hưởng dương 27 tuổi, mai táng ở Hiển Lăng.

*

Tháng 5 năm 346 Trương Tuấn bị bệnh chết do vậy Trương Trọng Hoa nên kế vị, ông được triều đình tấn phong làm thị trung, đô đốc, sau đó được phong làm Tây Bình Công.

Sau khi Trương Trọng Hoa nên kế vị, ông đã đẩy lui được đại quân của triều Tiền Triệu, bảo vệ được thành Lương Châu. Ông ta biết Trương Tộ (là con trưởng của mẹ ghẻ) và mẹ ông là Mã Thị có hành vi gây rối, vì thế ông muốn mưu hại Trương Tộ, nhưng sợ chuyện không thành mà lại gây họa do đó ông phân vân chưa đưa ra quyết định chính xác, cuối cùng sinh ra u uất. Lúc bệnh đến giai đoạn nguy kịch, ông vội vàng sai lập con trai là Trương Diệu Linh làm thế tử. Tháng 11 năm 353 Trương Trọng Hoa mất tại điện Bình Chương đô thành Cô Tàng.

Trong sử gọi Trương Trọng Hoa là Hằng Công, hay còn gọi là Hằng Vương. Sau khi Trương Tộ nên nên ngôi, đã đặt Thụy Hiệu cho ông là Minh Vương.

AI CÔNG (TRƯƠNG DIỆU LINH) (TIỀN LƯƠNG)

Ai Công, ông ta tên là Trương Diệu Linh (344 - 355). Tên tự của ông là Nguyên Thư. Ông là con trai của Tiền Lương Hằng Công Trương Trọng Hoa. Sau khi cha chết, ông ta tiếp nhận ngôi vị. Ông trị vì được một tháng, bị chú là Trương Tộ phế truất, sau đó chém chết, hưởng dương 12 tuổi. Mai táng ở Sa Kháng trong Tây uyển (vườn thượng uyển) ở Lương Châu.

*

Khi Trương Trọng Hoa gặp bệnh tình nguy kịch đã lập Trương Diệu Linh làm Thế Tử. Tháng 11 năm 353 Trương Trọng Hoa mất, Trương Diệu Linh đã nên kế vị. Lúc đó ông mới 10 tuổi, do vậy bá phụ Trương Tộ rất chuyên quyền. Trương Tộ tìm cách câu kết với sủng thần của Trương Trọng Hoa là Triệu Trường và Úy Tập, họ đã ngụy tạo chiếu thư và phong cho Trương Tộ là tướng quân, phụ giúp công việc.

Tháng 12 năm 353, Trương Tộ nhờ sự giúp đỡ của bà nội Trương Diệu Linh là Mã Thị, đã sai khiến Triệu Trường đề xuất ý kiến, nói rõ thiên hạ phản loạn, cần phải có người dẫn dắt và

chỉ đạo các thuộc hạ. Đồng thời Trương Tộ còn dẫn quân phế truất Trương Diệu Linh, giáng Trương Diệu Linh làm Ninh Lương Hầu, Trương Tộ cướp đoạt ngôi vị.

Tháng 8 năm 355, lại sử Hà Châu là Trương Tương dấy binh chinh phạt Trương Tộ, tiến đánh Lương Châu, nói rõ muốn phế Trương Tộ, phục hồi chức vị cho Trương Diệu Linh. Trương Tộ gian giảo đã âm thầm sai tay chân thân tín là Dương Thu Hồ đến Tây Uyển chém chết Trương Diệu Linh, để loại bỏ cớ xâm lược của Trương Tương.

Trong sử gọi Trương Diệu Linh là Ai Công.

UY VƯỢNG (TRƯƠNG TỘ)
(TIỀN LƯƠNG)

Uy Vương, ông ta tên là Trương Tộ (? - 355) tên tự của ông ta là Thái Bá. Ông là con cả của vợ lẻ Trương Tuấn, là chú của Ai Công Trương Diệu Linh. Ông phế bỏ Trương Diệu Linh và tự nền kế nhiệm, sau đó ông xưng đế. Ông trị vì được 2 năm, bộ hạ của ông phản bội đã sát hại ông. Mai táng ở Mẫn Lăng.

*

Trương Tộ được phong làm Trương Ninh Hầu. Sau khi Trương Diệu Linh nên kế nhiệm, Trương Tộ rất chuyên quyền. Tháng 12 năm 353 ông ta phế truất Trương Diệu Ninh và tự xưng là đại đô đốc, đại tướng quân, quản lý ở Lương Châu, Lương Công. Năm 354 Trương Tộ xưng đế, đặt niên hiệu là "Hòa Bình".

Sau khi Trương Tộ cướp đoạt ngôi vị của cháu, ông ta sống như loài cầm thú, mất hết tính người, hoang dâm, giết hại tông thất, bạo ngược với dân chúng, làm cho dân chúng oán hận, người người đều có tư tưởng làm phản.

Năm 355, Trương Tương dẫn quân tới Phù Hãn (nay thuộc phía Đông Bắc huyện Lâm Hạ tỉnh Cam Túc) chinh phạt Trương Tộ. Tháng 9, tướng quân Tống Hỗn và em trai là Tống Đãng hướng ứng theo Trương Tương, cùng nhau hợp binh tiến đánh thành Cô Tàng. Sau khi Trương Tộ giết Trương Diệu Linh, điều đó càng thúc đẩy và thêm lý do do Tống Hỗn tấn công Trương Tộ, toàn bộ quân đội của Tống Hỗn đều để tang Trương Diệu Linh, họ đều cưỡi ngựa trắng, mặc áo giáp trắng và đeo cờ trắng tiến thẳng về thành Cô Tàng.

Em trai của Trương Tương là Trương Cư và con trai của Trương Tương là Trương Sùng đề sống tại thành Cô Tàng. Trương Tộ chuẩn bị bắt giữ và giết bọn họ. Nhưng hai người đó biết tin vội vàng triệu tập đồng đảng được vài trăm người, đi rêu rao khắp thành Cô Tàng: "Trương Tộ hoang dâm vô độ, Trương Tương đã tập hợp nghĩa quân, đã đến được phía đông thành Cô Tô, ai dám giúp Trương Tộ làm điều ác vô có bắt giữ giết người thì sẽ bị chu di tam tộc". Sau khi quân dân trong thành nghe lời tuyên truyền đó, họ đều thu mình lại không nghe lệnh của Trương Tộ. Chú cháu Trương Cư thống lĩnh quân đội giết hơn 400 quân phòng thủ, mở cửa thành đón quân của Tống Hỗn vào. Trương Tộ nhận được tin báo vội vàng dẫn hai thuộc hạ thân tín là Sản Triển và Ngô Xước chạy trốn ở trên đài Phi Loan. Trương Tương và Tống Hỗn sau khi hỏi tội bộ tướng của Trương Tộ là Triệu Trường và Trương Thọ Bá, đã vội vàng tới điện Khiêm Quang mời Mã Thị tới giúp lập em trai của Trương Diệu Linh là Trương Huyền Tĩnh làm Vương, mặt khác mở rộng cửa cung đón quân của Tống Hỗn vào. Quân của Tống Hỗn nghe nói đã lập vua mới, đều đồng thanh hô "vạn tuế". Trương Tộ trốn ở trên đài Phi Loan nghe thấy hô "vạn tuế", tưởng thuộc hạ của mình đã dẹp yên phản loạn, hộ báo cho ông ta biết, liền vội vàng chạy ra khỏi chỗ trốn. Vừa ra khỏi cửa nhìn thấy toàn quân lính của Tống Hỗn, ông ta mặt mày thất sắc, không có cách gì trốn chạy đành phải rút kiếm hô hào thuộc hạ quyết chiến. Thuộc hạ của ông ta không hề hưởng ứng, đều bỏ chạy hết. Triệu Trưởng rút đao chém Trương Tộ, ông ta né tránh bị đao chém vào lưng, máu tươi chảy ròng ròng. Trương Tộ cố gắng chạy tới lầu Vạn Thu, ông ta đang chạy thì va phải đầu bếp Từ Hắc. Từ Hắc đang cầm dao trong

tay liền chém chết Trương Tộ. Nhân dân còn chặt đầu của Trương Tộ treo nên, còn thân thể của ông ta bị vùi xuống lòng đường, người đi đường dùng gạch đá, bùn đất ném vào đầu ông ta cho hả giận.

Trong sử gọi Trương Tộ là Tiền Vương, hay còn gọi là Uy Vương.

XUNG VƯƠNG (TRƯƠNG HUYỀN TĨNH)
(TIỀN LƯƠNG)

Xung Vương, tên ông ta là Trương Huyền Tĩnh (350 - 363), tên tự của ông là: Nguyên An. Ông là thiếu tử của Tiền Lương Hằng Công Trương Trọng Hoa. Sau khi Trương Tộ bị giết, ông ta đã được lập làm Vương. Ông trị vì được 9 năm bị Trương Thiên Tích sai người sát hại, hưởng dương 19 tuổi. Mai táng ở Bình Lăng.

*

Tháng 9 năm 355 Trương Tương, Tống Hỗn... đã giết Trương Tộ sau đó lập Trương Huyền Tĩnh làm vua. Lúc đó ông ta mới có 7 tuổi, do đó mọi công việc triều chính do Trương Tương giải quyết.

Năm 363 thiếu tử của Trương Tuấn là Trương Thiên Tích ỷ vào việc có công trong cuộc chiến, Trương Thiên Tích đã lấy danh nghĩa là đại tướng quân để phế bỏ sự trợ giúp của Trương Tương, Trương Thiên Tích rất hung bạo ngang ngược. Mẹ của Huyền Tĩnh là Quách cùng đại tần Trương Ẩm bí mật tìm cách loại bỏ Trương Thiên Tích. Không ngờ sự việc bị bại lộ, Trương Thiên Tích đã bắt giữ và giết Trương Ẩm. Tháng 8 năm 363 ông ta đã dẫn binh mã tiến vào cung, sai hữu tướng quân là Lưu Túc giết Trương Huyền Tĩnh, sau đó loan cáo Trương Huyền Tĩnh bị bệnh chết.

Trong sử gọi Trương Huyền Tĩnh là Xung Vương hay còn gọi là Xung Công hoặc Kính Điếu Công.

ĐIẾU CÔNG (TRƯƠNG THIÊN TÍCH)
(TIỀN LƯƠNG)

Điêu Công, ông ta tên là Trương Thiên Tích (343 - 403). Tên tự của ông là Đồn Giả. Ông là con của Tiền Lương Văn Công Trương Tuấn. Ông trị vì được 14 năm, đầu hàng Tiền Tần Phù Kiên sau đó chạy về với triều Đông Tấn. Ông bị bệnh chết, hưởng thọ 61 tuổi, Mai táng ở đâu không rõ.

*

Tháng 8 năm 363 sau khi giết Trương Huyền Tĩnh, Trương Thiên Tích đã tự nên ngôi trị vị dân chúng. Trong thời gian ông ta trị vì, suốt ngày chìm dắm trong tửu sắc, không lo công việc triều chính, ông ta phó mặc công việc triều chính cho tướng quân Lưu Túc và Lương Cảnh, làm cho tình hình chính trị vô cùng hỗn độn, thế nước suy vong.

Tháng 8 năm 376, Tiền Tần Phù Kiên sai Bao Trường tiến công Lương Châu. Trương Thiên Tích không chống đỡ được đã phải đầu hàng quân Tiền Tần và bị áp giải đến Trường an, ông ta bị giáng xuống làm thượng thư bắc bộ Quy nghĩa hầu. Năm 383 nhận chức tư mã, theo Phù Kiên xuống phía Nam tiến đánh triều đình Đông Tấn. Trong trận chiến ở Phì Thủy quân của Tiền Tần bị thua trận, Trương Thiên Tích nhân cơ hội này chạy đến Kiến Khang đầu hàng Đông Tấn, và ông ta được phong là Tây Bình Công, hữu bốc xạ. Thời Hằng Huyền cướp quyền, để ngụy tạo làm an lòng dân nên đã phong cho Trương Thiên Tích làm hiệu úy Hệ Khương, lại sử Lương Châu. Ít lâu sau, ông bị bệnh mất tại Kiến Khang.

Trong sử gọi Trương Thiên Tích là Hậu Vương hay còn gọi là Điếu Công

LƯƠNG VƯƠNG (TRƯƠNG ĐẠI DỰ)
(TIỀN LƯƠNG)

Lương Vương, ông ta tên là Trương Đại Dự. (? - 386). Sau khi Trương Thiên Tích đầu hàng quân Đông Tấn, Trương Đại Dự đã được chọn nên kế nhiệm. Ông trị vì chưa được một năm thì bị Lã Quang giết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Trương Đại Dự được Trương Thiên Tích lập làm thế tử. Lúc Trương Thiên Tích chạy theo quân Đông Tấn, Trương Đại Dự đã không kịp đuổi theo, do vậy ông ta sợ Phù Kiên luận tội nên đã tới chỗ hiệu úy Vương Mục. Trương Đại Dự và Vương Mục cùng chạy tới Hà Tây, ở đó nhờ sự giúp đỡ của Tế Túc, Trương Tế, Tiêu Công... ông ta đã được lập làm Vương, năm 386, quân của ông ta chiếm giữ Dương Ô, tự xưng là thái thú Lương Châu, Lương Vương.

Trương Đại Dự xưng vương được ít lâu, Tiền Tần Lã Quang thống lĩnh quân đội tiến vào Lương Châu, sai quân chinh phạt Trương Đại Dự. Quân của Trương Đại Dự đánh bại quân của Lã Quang và thừa thắng xông vào thành Cô Tô. Vương Mục cho rằng thời thế chưa ổn định, cần phải tiến công và chiếm giữ được đất Lãnh Tây bổ sung thêm lực lượng, sau đó phải tiến xuống phía Đông, tranh cướp Lương Châu với Lã Quang. Trương Đại Dự nghe Vương Mục phân tích như vậy trong lòng vui sướng không chịu suy nghĩ cho kín kẽ, lập tức sai Vương Mục dẫn quân xuống Lĩnh Tây. Thái thú ở Kiến Khang tên là Quý Tập, đô úy ở Kỳ Liên tên là Sản Thốn... đều hưởng ứng theo Trương Đại Dự, bộ tướng cũ của tộc Tiên Ti cũng sai người trợ giúp. Họ bao vây kinh thành Cô Tàng của Lã Quang. Nhân lúc đối phương lơi lỏng Lã Quang đã xông ra cửa phía Nam tiêu diệt hết binh lính của tộc Tiên Ti. Quân lính trở tay không kịp, thống lĩnh bị giết, quân lính tan tác. Binh lính của Vương Mục và Trương Đại Dự cũng bỏ chạy náo loạn. Trương Đại Dự đành phải chạy đến thành Quảng Vũ nhưng bị người Quảng Vũ bắt giữ, áp giải đến thành Cô Tàng giao cho Lã quang xử lý. Lã Quang liền sai chém chết Trương Đại Dự.

Trong sử gọi Trương Đại Dự là Lương Vương.

THẬP LỤC QUỐC (MƯỜI SÁU NƯỚC)

HẬU LƯƠNG
(386 - 403, tổng cộng 18 năm)

Hậu Lương có 4 đế vương trong đó một người bị bệnh chết, một người bị giết trong cuộc nội chiến, một người bị ép tự sát, một người bị giết do mất nước đầu hàng quân Hậu Tần.

THÁI TỔ (LÃ QUANG)
(HẬU LƯƠNG)

Thái Tổ, ông ta tên là Lã Quang (337 - 399). Tên tự của ông là Thế Minh. Ông là một tướng quân dũng mãnh của triều Tiền Tần, sau đó ông tự lập làm Vương. Ông trị vì 14 năm, bị bệnh chết, hưởng thọ 63 tuổi. Mai táng ở Cao Lăng.

*

Lã Quang là người dân tộc Lược Dương (nay thuộc phía Tây Nam huyện Trang Lãng tỉnh Cam Túc), ông sinh ra ở Phương Đầu (nay thuộc phía Đông Nam huyện Kỳ tỉnh Hà Nam). Thời Tiền Tần, ông ta nhận chức hiệu úy bộ binh, ông là một tướng quân dũng mãnh. Năm 383, Tần Phù Kiên sai ông đi tấn công xuống Tây Vực, quy phục được hơn 30 bộ tộc. Trên đường trở về, Lã Quang biết tin Phù Kiên bị giết trong trận chiến Phì Thủy, nên ông ta tự lập chính quyền cát cứ, tự xưng là hiệu úy hộ Khương, lại sử Lương Châu. Năm 389, ông ta đánh bại quân của Lương Hi (Lương Hi là lại sử Lương Châu triều Tiền Tần), đánh chiếm thành Cô Tàng. Lúc này Lã Quang được gọi là Tam Hà Vương. Tháng 10 năm 386 ông tự xưng là Tửu Tuyền Công, ông cho đặt niên hiệu là "Thái An". Năm 396 ông tự xưng là Thiên Vương ở Đại Lương. trong sử gọi là Hậu Lương.

Tháng 12 năm 399, Lã Quang bị bệnh nặng, ông vội vàng truyền ngôi cho thái tử Lã Thiệu, còn bản thân ông xưng là thái thượng hoàng, ông phong cho Lã Soạn làm thái úy (Lã Soạn là con cả của vợ lẽ), con thứ là Lã Hoằng làm Tư Đồ. Lã Quang dặn dò Lã Thiệu: "Bệnh của cha ngày một nguy kịch, xem ra khó lòng qua khỏi. Hiện nay 3 triều: Nam Lương, Bắc Lương, Tây Tần đều dòm ngó đất đai của chúng ta, bọn họ đang tìm cơ hội tiêu diệt chúng ta, con nên ủy thác chức vị đại tướng cho Lã Soạn và Lã Hoằng, cho Lã Siêu thống lĩnh quân đội, Lã Hoằng quản lý triều chính, có vậy mới bảo tồn được quốc gia. Con cần phải an phận và cẩn thận, nếu như anh em xích mích với nhau tất sẽ gây ra nội chiến, vận mệnh quốc gia coi như hỏng". Sau đó Lã Quang sai gọi Lã Siêu và Lã Hoằng đến nói: "Lã Thiệu không phải là người có gan làm phản, nhưng lại là con bà cả do vậy cha để Lã Thiệu kế vị. Hiện tại, bên ngoài có địch mạnh, bên trong lòng dân chưa ổn định. Anh em các con hòa thuận giúp đỡ lẫn nhau, đồng tâm trị quốc, có vậy vận mệnh quốc gia mới bảo toàn. Còn ngược lại, tìm cách thanh toán nhau thì họa lớn sẽ rơi vào đầu". Ít lâu sau, Lã Quang mất tại thành Cô Tàng.

Sau khi Lã Quang chết đặt hiệu miếu là Thái Tổ, và đặt Thụy Hiệu là Vũ Đế.

ẤN VƯƠNG (LÃ THIÊU)
(TRIỀU HẬU LƯƠNG)

Ấn Vương, ông ta tên là Lã Thiệu (? - 399). Tên tự của ông là Vĩnh Nghiệp. Ông là con trai vợ cả Hậu Lương Thái Tổ Lã Quang. Ông nên kế vị sau khi Lã Quang chết. Ông trị vì được 5 ngày bị anh là Lã Siêu cướp ngôi. Ông tự sát tại lầu Tử Các. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Thời Lã Quang trị vì đã lập Lã Thiệu làm thái tử. Tháng 12 năm 399 Lã Quang bị bệnh chết,

Lã Thiệu đứng ra tiếp nhận ngôi báu.

Lã Thiệu nên ngôi được vài ngày, em họ ông là Lã Siêu khuyên nên loại bỏ anh trai Lã Soạn để trừ hậu họa. Nhưng Lã Thiệu phục tùng di chiếu của phụ vương không muốn gia đình rơi vào cảnh cốt nhục tương tàn, anh em chém giết lẫn nhau. Trong khi đó Lã Soạn và Lưu Hoằng bí mật làm phản cướp đoạt ngôi vị.

Một buổi tối, Lã Soạn thống lĩnh thuộc hạ lén lút chui vào hoàng cung, chiếm giữ cửa Quảng Hạ trong nội cung, Lưu Hoằng dẫn lính chiếm giữ cửa Hồng Phạm. Lã Thiệu vội sai trung lang tướng Lã Khai dẫn cấm vệ quân, chặn đánh ở cửa Đoan Môn còn bản thân Lã Thiệu cũng dẫn quân trợ giúp. Nhưng Lã Soạn là người có uy lực, cấm vệ quân đều sợ ông ta, do đó lúc lâm trận không đánh mà đã tan rã. Lã Quang tấn công vào cửa Thanh Giáo, đăng quang ở điện Liêm Quang, còn Lã Thiệu một thân một mình tự vẫn ở trên lầu Tử Các. Còn Lã Siêu bỏ thành chạy tới thành Quảng Vũ.

Sau khi Lã Thiệu chết đặt Thụy Hiệu là Ẩn Vương.

LINH ĐẾ (LÃ SOẠN)
(HẬU LƯƠNG)

Linh Đế, ông ta tên là Lã Soạn (? - 401). Tên tự là Vĩnh Giả. Ông là con cả của vợ lẽ Hậu Lương Thái Tổ Lã Quang, là anh trai của Ẩn Vương Lã Thiệu. Sau khi bức tử Lã Thiệu, ông lên ngôi kế vị. Ông trị vì được 3 năm bị em họ là Lã Siêu sát hại. Mai táng ở Bạch Thạch Lăng.

*

Tháng 12 năm 399 Lã Soạn phát động binh biến và bức tử Lã Thiệu và tháng 12 năm đó ông ta lên ngôi kế vị ngôi báu, Ông cho đổi niên hiệu là "Hàm Ninh".

Lã Soạn xưng đế không lâu, lo sợ là Hoằng có thế lực hùng mạnh sẽ tranh quyền đoạt vị. Còn Lã Hoằng cũng sợ là Soạn không dung nạp mình, cũng muốn tìm cách hạ thủ. Hai bên đều dè chừng nhau, mâu thuẫn ngày càng sâu sắc Cuối cùng là Hoằng khởi bật làm phản tấn công vào cung thành nhưng bị Lã Soạn đánh bại và giết chết.

Lã Soạn trong thời gian trị vì, rất kiêu ngạo không biết lượng sức mình, Ông ta luôn xuất quân đi tấn công triều Nam Lương, Bắc Lương... nhưng lần nào cũng bị thất bại. Đã vậy, Ông ta còn đam mê tửu sắc thường đi ra ngoài du lãm. Quần thần nhiều lần ngăn cản, can gián nhưng ông ta đều bác bỏ không nghe.

Tháng 2 năm 401, Lã Siêu được cử làm thái thú Phiên Yêu. Ông ta tự ý dẫn quân chinh phạt Tư Bàn. Tư Bàn sai em trai là Khất Chân đến thành CÔ Tàng nói cho Lã Soạn biết rõ tình hình. Lã Soạn sai gọi Phiên Yêu và Lã Siêu về đô nhằm hòa giải, nhưng Lã Siêu sợ là Soạn hỏi tội, nên âm thầm mua chuộc hoạn quan Đỗ Thượng làm tai mắt, sau đó đi gặp Lã Soạn, bị Lã Soạn trách mắng một trận: "Khanh là em họ của trẫm, vậy mà dám coi thường trẫm, tự mình xuất quân. Trẫm đành phải giết khanh để làm yên lòng thiên hạ." Lã Siêu vội vàng quỳ gối nhận tội xin tha mạng. Lã Soạn đành cho ông ta thối lui. Sau khi Lã Siêu ra khỏi hoàng cung ông ta hoang mang vô cùng, vừa may gặp lại anh ruột của mình là bắc bộ hộ quân Lã Long, Lã Long có việc vào kinh nên tình cờ gặp lại em trai. Lã Siêu vội tới nhà huynh trưởng để bàn bạc, hai anh em quyết định phát động binh biến trừ bỏ Lã Soạn.

Ngày hôm sau, Lã Soạn cho mời anh em Lã Siêu và Tư Bàn vào cung dự tiệc, ông ta dự định hòa giải sự căng thẳng giữa Lã Siêu và Tư Bàn. Trong tiệc rượu Lã Siêu tỏ thái độ rất nhún nhường và tôn trọng Tư Bàn, hai bên gỡ bỏ được mâu thuẫn, mọi người đều nâng cốc chúc mừng. Đến giữa buổi tiệc, Tư Bàn cáo từ xin về trước, còn lại hai anh em Lã Siêu ở lại chúc rượu Lã Soạn. Lúc này Lã Soạn say túy lúy, ông ta nén xe muốn đến vườn thượng uyển du lãm

và sai Lã Siêu cùng đi. Xe đến được lầu Đông Các diện Hỗn Hoa thì dừng lại, bởi đường rất khó đi. Hộ vệ thân tín của Lã Soạn bỏ kiếm cạnh lề đường để đẩy xe Lã Siêu thừa cơ cướp kiếm chém Lã Soạn. Kiếm bị vướng vào thành xe nên chém không trúng. Lúc này Lã Soạn tỉnh rượu hoảng hốt nhẩy xuống xe đánh nhau với Lã Siêu. Lúc Lã Soạn không chú ý bị Lã Siêu chém một nhát vào ngực. Lã Siêu cắn răng chịu đau chạy vào lầu Tuyên Đức, hai hộ vệ của Lã Soạn định bắt giữ Lã Siêu nhưng bị ông ta chém chết. Hoàng hậu (vợ của Lã Soạn) nghe tin cấp báo, vội vàng sai cấm vệ quân đi bắt giữ Lã Siêu giải nguy cho Lã Soạn. Dẫn đầu cấm vệ quân lại chính là hoạn quan Đỗ Thượng, ông ta không nghe lệnh của hoàng hậu mà ngược lại đã dẫn cấm vệ quân đến lầu Tuyên Đức chém chết Lã Soạn và chặt thủ cấp. Người chém chết Lã Soạn là tướng quân Ngụy Đa, sau khi giết xong Lã Soạn, Ngụy Đa đứng trước toán quân tuyên bố: "Lã Soạn dám trái lệnh của tiên vương, giết hại thái tử, lại đam mê tửu sắc, trọng dụng nịnh thần, hãm hại người trung lương, coi thường bà con trăm họ. Hiện nay thái thú Lã Siêu lấy thân phận là tông thất của hoàng thân, đứng lên loại bỏ Lã Soạn diệt trừ mối nguy, trước là làm yên làng tổ tiên, sau là báo thù cho thái tử. Chúng ta cần phải hưởng ứng và ủng hộ cho Lã Siêu". Hoạn quan Đỗ Thượng đứng lẫn trong cấm vệ quân cao giọng hô to, khuyên bọn họ không nên do dự, nghe vậy cấm vệ quân đều hạ vũ khí, dẫn Lã Siêu nhập cung.

Lã Soạn sau khi chết lập thụy hiệu là Linh Đế.

HẬU CHỦ (LÃ LONG)
(HẬU LƯƠNG)

Hậu Chủ, ông ta tên là Lã Long, tên tự là Vĩnh Cơ, năm sinh năm mất không rõ. Ông là cháu của Hậu Lương Thái Tổ Lã Quang và là anh trai của Lã Siêu. Sau khi giết Lã Soạn, Lã Siêu đã ủng hộ giúp đỡ lập Lã Long làm hoàng đế. Ông trị vì được 3 năm, đầu hàng quân Hậu Tần, sau đó lại mưu phản và bị giết chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Lã Long được phong làm kiên khang Công, và nhậm chức hộ quân bắc bộ. Sau khi Lã Siêu giết Lã Soạn và ủng hộ giúp Lã Long làm đế, đổi niên hiệu là "Thần Đình".

Tháng 8 năm 403, triều hậu lương hết bị Nam Lương tấn công lại bị Bắc Lương tiến đánh. Lã Long không chống đỡ nổi, đánh phải sai em trai là Lã Siêu tới đầu hàng Hậu Tần chủ Diêu Hưng. Diêu Hưng lập tức sai tướng quân Tề Hán dẫn 40.000 quân lính, tiến vào Hậu Lương tiếp nhận đô thành. Lã Long ngồi trên xe do ngựa trắng kéo, đến quỳ giữa đường nghênh đón đại quân, đồng thời sai quần thần tới tô miếu lễ bái nói: "Chúng thần không tôn sùng di huấn của thái tổ, cốt nhục luôn luôn tàn sát nhau, cuối cùng bị Bắc Lương và Nam Lương tấn công không có cách gì chống đỡ, đành phải đầu hàng quân Hậu Tần. Bây giờ, thần phải đến Đông Kinh, vì vậy đến đây xin cáo biệt tổ tiên, mong tổ tiên xá tội". Lúc đó, Lã Long khóc lóc rất thảm thiết, đến nỗi tướng sĩ của Hậu Tần cũng không cầm lòng được đều khóc theo. Triều Hậu Lương bị diệt vong.

Lã Long đến Trường An bị Diêu Hưng phong làm tản kị thường thị. Về sau, Lã Long câu kết với thiều tử của Diêu Hưng định lật đổ Diêu Hưng. Nhưng sự việc bại lộ, nên ông bị Diêu Hưng giết chết.

Trong sử gọi Lã Long là Hậu Chủ.

THẬP LỤC QUỐC (MƯỜI SÁU NƯỚC)

NAM LƯƠNG
(377-414, tổng cộng 18 năm)

Triều Nam Lương có 3 đế vương, trong đó có một người bị ốm chết, một người sau khi uống rượu bị ngã ngựa chết, một người bị mất nước đầu hàng quân Tây Tần sau đó bị giết.

*

VŨ UY VƯƠNG (THỐC PHÁT ĐIỂU CƠ)
(TRIỀU NAM LƯƠNG)

Vũ Uy Vương, ông ta tên là Thốc Phát Điểu Cô (?-399). Ông là thủ lĩnh của dân tộc Tiên Ti. Thời Hậu Lương Thái Tổ Lã Quang phong cho ông làm Tả Hiền Vương, về sau ông tự xưng là Vũ Uy Vương. Ông trị vì được 3 năm. Ông chết do bị ngã ngựa. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Thốc Phát Điểu Cô là người dân tộc Tiên Ti (ở Hà Tây). Ông vốn là thủ lĩnh dân tộc Tiên Ti cư trú ở Liêm Xuyên (nay là phía Đông huyện Lạc Đô tỉnh Thanh Hải), bộ tộc của ông chú trọng ngành săn bắn và trồng sâu nuôi tằm, ông lại có mối quan hệ tốt đẹp với các bộ tộc bên cạnh, do vậy thế lực ngày một lớn mạnh.

Lúc đó, quân Tiền Tần bị quân Đông Tần đánh bại trong trận chiến Phì Thủy, vùng trung nguyên rơi vào cục diện phân chia tan dã, nhân cơ hội này Lã Quang chiếm cứ thành CÔ Tàng và tự xưng là Tam Hà Vương, xây dưng nên triều Hậu Lương. Thốc Phát Điều Cô thấy thời cơ đã đến ông ta tích cực chuẩn bị tranh đoạt vùng Lương Châu với Lã Quang. Thốc Phát Điều Cô thu nạp ý kiến của thuộc hạ nên tạm thời không tiến công, mà tận lực tích lũy lương thảo, dưỡng ngựa, sai quân luyện tập. Ngồi quan sát chính biến ở trung nguyên. Ông ta còn vờ tiếp nhận chức vị của Lã Quang phong làm "quán quân đại tướng quân, đại đô đốc dân tộc Tiên Ti ở Hà Tây". Để tích lũy lương thực, dưỡng ngựa, luyện binh, mở rộng địa bàn, ông ta đã dẫn quân tới đánh hai bộ tộc là Ất Phật và Thiệt Khuất để lấy địa điểm tập kết ông cho tu sửa đô thành Liên Xuyên, để tăng cường thế lực chính trị ông cho chiêu nạp nhân tài, trọng dụng những sĩ nhân dân tộc Hán...

Đến năm 397, Thốc Phát Điểu Cô khống chế một sớ địa bàn: phía Đông chạy đến Diêu Thủy, phía Tây chạy đến Tây Bình, phía Bắc đến Hồng Chì Lãnh.

Lã Quang nhìn thấy sự đe dọa Thốc Phát Điểu Cô đối với bản thân mình, Lã Quang liền chọn sách lược phát triển xuống hướng Nam, đổi chức vị của Thốc Phát Điểu Cô làm "Đại tướng quân, thái úy ích Châu, tả hiền vương". Nhưng Thốc Phát Điểu Cô nhìn ra dụng tâm của Lã Quang, ông ta nói với sứ giả của Lã Quang: "Con cháu nhà họ Lã ít được lòng dân, làm cho xa gần đều thù oán, tôi tuyệt đối không thể nhận nhiệm vụ này, mà cần phải chiều lòng nhân dân trừ bạo ngược".

Năm 397 Thốc Phát Điểu Cô tự xưng là đại đô đốc, đại tướng quân đại đơn vu. Tây Bình vương ông đặt niên hiệu là "Thái Sở", xây dựng triều Nam Lương.

Sau khi xây dựng triều Nam Lương, ông ta phát động chiến tranh. Ngay khi lên ngôi ông sai tấn công quận Kinh Thành của triều hậu Kinh, năm sau ông lại chiếm giữ 3 quận: Lạc Đô (nay thuộc huyện Lạc Đô tỉnh Thanh Hải). Hoàng Hà (nay thuộc huyện Quý Đức tỉnh Thanh Hải). Kiêu Hà (nay thuộc huyện Quý Đức tỉnh Thanh Hải)... và ông tự xưng là: Vũ Uy Vương. Năm 399 Thốc Phát Điểu Cô cho xây dựng đô thành ở Lạc Đô. Lúc này dưới trướng ông ta có nhiều

nhân tài và ông ta dựa vào sự giúp đỡ của các địa chủ người Hán. Ông ta mở rộng thế lực về mặt văn hóa và chính trị, đặt định chế độ quân sự và chính sách ngoại giao đối với Kinh Châu. Ông kết giao với triều Tây Tần, ở phía Tây, kết giao với triều Bắc Lương, sai quân canh giữ ở Hạo Môn và Liêm Xuyên, thừa cơ tiến đánh Hậu Lương, khiến cho quân đội Hậu Lương: "bá tánh không an tâm làm nông nghiệp, mệt mỏi vì công việc bận rộn", sau đó trong vòng 1, 2 năm đã chiếm giữ thành Cô Tàng, diệt vong Hậu Lương.

Nhưng, những kế sách sách lược này chưa kịp thực hiện thì ông phải nhận cái chết ngoài ý muốn. Ông vốn là người nghiện rượu, nếu một ngày không uống thì ông không chịu được. Một ngày tháng 8 năm 399 Thốc Phát Điểu Cô sau khi uống rượu say liền cưỡi ngựa xuống, bị gãy xương, vết thương rất nghiêm trọng. Ít lâu sau, bệnh tình thêm nguy kịch, ông vội triệu tập quần thần đến dặn dò: "Hôm nay thiên hạ vận chưa bình định, các khanh cần phải dốc lòng giúp đỡ tông thất cai quản thiên hạ". Nói xong, ông từ giã cõi đời.

Trong sử gọi Thốc Phát Điểu Cô là Vũ Uy Vương.

KHANG VƯƠNG (THỐC PHÁT LỢI LỘC CÔ)
(NAM LƯƠNG)

Khang Vương, ông ta tên là Thốc Phát Lợi Lộc Cô (?-402). Ông là em trai của Nam Lương Vũ Uy Vương Thốc Phát Điểu Cô. Ông nên kế vị sau khi anh trai chết. Ông trị vì được 3 năm bị ốm chết. Mai táng ở Tây Bình Lăng.

*

Thốc Phát Lợi Lộc Cô được phong làm thái thú Lượng Châu. Sau khi Thốc Phát Điểu Cô chết, các quần thần tuân theo di chiếu y vũ Uy Vương lập ông ta làm vua, gọi là Hà Tây Vương. Đặt niên hiệu là "Kiến Hòa" và ông cho dời đô đến Tây Bình (nay là thành phố Tây Ninh tỉnh Thanh Hải".

Sau khi lên ngôi, ông tiếp tục thực hiện di chí và ý đồ của anh trai, quyết tâm tiêu diệt Hậu Lương. Ông tiếp tục chiêu nạp nhân tài, sửa đổi nền chính trị, dưỡng ngựa luyện binh, quan sát thời thế. Tháng 12 năm 399 ông biết tin Lã Quang chết, do vậy ông sai lính tiến đánh cửa ải Tùng Mạc (nay ở gần huyện Cổ Lãng tỉnh Cam Túc) chuẩn bị tiến xuống Hậu Lương. Lúc này, những người con của Lã Quang vì tranh giành nhau ngôi vị mà sát hại lẫn nhau. Sai khi Lã Soạn cướp đoạt ngôi vị nhà Hậu Lương, tận mắt thấy cảnh đất nước ngày một suy vong, hơn nữa thế lực của triều Nam Lương và triều Bắc Lương ngày một hùng mạnh, do vậy Lã Soạn sai người tiến đánh triều Nam Lương. Kết quả là bị quân Nam Lương đánh cho đại bại, tổn thất nghiêm trọng. Lã Soạn chuyển hướng tấn công sang đánh triều Bắc Lương, chộp được thời cơ này Thốc Phát Lợi Lộc Cô sai em trai là Thốc Phát Nộ Đán thống lĩnh đại quân tiến đánh Hậu Lương, đánh thẳng vào đô thành Cô Tàng, bắt giữ được 8.000 hộ dân và di chuyển họ xuống phía Nam. Từ đó về sau, triều Nam Lương nhiều lần xuất binh, bắt giữ được cư dân của triều Hậu Lương, khiến cho dân số triều Nam Lương ngày một tăng.

Trong nền chính trị của triều Nam Lương, Thốc Phát Lợi Lội Cô phân rõ nền chính trị của người Hồ và người Hán, tăng cường bắt giữ tù binh để lấy người khai khẩn và trồng trọt, cung cấp lương thực cho quân đội, ông còn ra lệnh cho các dân cư trong tộc Thốc Phát phải luyện tập võ nghệ, trấn chiến để bổ sung lực lượng cho quân đội, ông cho mở trường dạy học, thúc đẩy nên giáo dục.

Tháng 3 năm 402, ông ta bị bệnh chết. Ông để lại di chiếu cho em trai Thốc Phát Nộ Đán làm người kế nhiệm.

Sau khi ông ta chết đặt thụy hiệu là Khang Vương.

CẢNH VƯƠNG (THỐC PHÁT NỘ ĐÀN)
(TRIỀU NAM LƯƠNG)

Cảnh Vương, ông ta tên là Thốc Phát Nộ Đàn (365-415). Ông là em trai của Nam Lương Khang Vương Thốc Phát Lợi Lộc Cô. Ông lên kế vị sau khi anh trai chết. Ông trị vì được 13 năm, ông đầu hàng quân Tây Tần sau đó bị hạ độc chết, hưởng thọ 51 tuổi. Mai táng đâu không rõ.

*

Thời Thốc Phát Lợi Lộc Cô giao cho Thốc Phát Nộ Đàn quản lý quân đội. Ông là một người có tài và dũng cảm, cha của ông thường nói với hai anh em: "Trong các con người có tài nhất là Nộ Đàn". Lợi Lộc Cô quyết định sẽ nhường ngôi cho em. Sau khi Nộ Đàn nên kế vị đổi niên hiệu là "Hoãng Xương". Ông tự xưng là Lương Vương. Ông cho dời đô về thành Lạc Đô.

Năm thứ hai sau khi Nộ Đàn lên ngôi, ông thấy Diêu Hưng (người dân tộc Khương) thống lĩnh quân đội diệt vong nhà Hậu Lương, thế lực mạnh như vũ bảo. Nộ Đàn sợ quá, đành phải bỏ niên hiệu và xá làm bề tôi của Diêu Hưng, Nộ Đàn được Diêu Hưng phong cho làm tướng quân xa kị, Quảng Vũ Công. Năm đó, lại sử của Lương Châu (triều Hận Tần) là Vương Thượng sai Tông Thưởng đến Quảng Vũ (nay là phía Nam huyện Vĩnh Đăng tỉnh Cam Túc) để kết giao. Nhân cơ hội này, Nộ Đàn xin phép được trấn giữ ở Lương Châu và biếu Diêu Hưng 3.000 con ngựa. 30.000 con dê. Tháng 6 năm 405 Diêu Hưng cho phép Nộ Đàn được trấn giữ Lương Châu và còn phong cho Nộ Đàn làm sứ thị tiết, đô đốc. Lại sử Lương Châu. Nộ Đàn tức tốc đi đến thành Cô Tàng, bảo Vương Thưởng phòng thủ. Lúc này, Nộ Đàn không đánh mà thắng, thực hiện được di nguyện của cha con ông ta ấp ủ từ nhiều năm nay" chiếm giữ được Lương Châu". Để chúc mừng thành công đó, ông sai mở yến tiệc thết đãi quần thần tại điện Tuyên Đức - đô thành Cô Tàng và sai duyệt binh ở Phương Đình (phía Nam thành Cô Tàng)

Cuối năm 406, Nộ Đàn sai dời đô đến Cô Tàng ông cho di chuyển hơn 30.000 hộ dân cư người Khương đến sống tại 3 quận: Vũ Hưng, Phiên Yêu, Xương Tùng... nằm ở ngoại thành Cô Tàng để làm lá chắn cho thành Cô Tàng, đề phòng sự tấn công của triều Bắc Lương và triều Tây Tần. Thế lực của Nam Lương đạt đến thời kỳ hưng thịnh.

Tháng 9 năm 407, triều Bắc Lương xuất quân đánh chiếm quận Tây của triều Nam Lương. Lúc này Hách Liên Bột Bột (chủ nước Hạ) muốn kết thông gia với Nộ Đàn. Sau khi bị cự tuyệt, Hách Liên Bột Bột đưa quân xuống phía Nam, đột nhập vào Chi Dương (nay thuộc thành phố Lan Châu tỉnh Cam Túc), giết và làm bị thương 27.000 người dân triều Nam Lương, cướp đi 100.000 con súc vật, Nộ Đàn thống lĩnh quân đội chống trả, nhưng gặp phải sự phục kích của quân Hách Liên Bột Bột ở Dương Vũ (nay là phía Tây Bắc thành phố Lan Châu tỉnh Cam Túc), hơn 10.000 quân của Nộ Đàn bị diệt vong, ông ta mang mà thoát thân được chạy về thành chạy về thành Cô Tàng. Để đề phòng quân của Hách Liên Bột Bột tấn công, ông ta ra lệnh cho dân cư ở trong vòng 300 dặm xung quanh thành Cô Tàng phải chuyển vào thành, để tăng cường lực lượng phòng vệ, nhưng ý định đó của ông không thực hiện được mà còn gây ra cuộc bạo động lớn trong dân chúng. Ông ta tức giận sai trấn áp cuộc bạo động này.

Sau khi dời đô về thành Cô Tàng, ông thấy lực lượng trong nước đã mạnh đủ sức chống đỡ với quân Hậu Tần, do đó ông không còn nghe lệnh của triều Hậu Tần và quay lưng lại với họ triều Hậu Tần phẫn nộ vô cùng nhưng chưa có cách gì loại bỏ, đầu năm 408 nhân cơ hội quân Nam Lương đại bại trong trận chiến ở Dương Vũ và trong nội bộ Nam Lương lại xẩy ra bạo động, do vậy Diêu Hưng phái 30.000 quân tiến xuống Nam Lương, tấn công vào đô thành Cô Tàng. 5.000 người dân trong thành Cô Tàng bí mật liên kết với quân Hậu Tần, quyết lật đổ sự thống trị của Nộ Đàn. Không ngờ sự việc bị bại lộ, Nộ Đàn sai giết toàn bộ 5.000 người dân đó. Quân Hậu Tần không có cách gì tấn công được, đành lui quân.

Tháng 11 năm 408, Nộ Đàn làm lễ long trọng tại phía Nam thành Cô Tàng để xưng vương, ông cho đổi niên hiệu là Gia Bình. Ông cũng làm theo kiểu cách chế độ hành chính của nhà Hán

là lập bá quan văn võ. Nhìn bề ngoài thấy triều Nam Lương rất hưng thịnh nhưng thật ra bên trong đã bắt đầu suy thoái, lụi bại.

Năm 410, Nộ Phát để rửa nhục trong trận chiến ở Dương Vũ, ông ta ỷ vào sức mình có 50.000 quân kị binh tinh nhuệ nên xuất phát tiến đánh triều Bắc Lương (mặc dù các hạ thần ra sức can gián), kết quả bị Từ Cữ Móng Tồn (triều Bắc Lương) tiêu diệt sạch. Quân Bắc Lương thừa thắng đuổi theo, đuổi đến tận chân thành Cô Tàng. Nộ Đàn vội sai nhân dân trong thành tìm cách giữ thành không cho quân Bắc Lương tiến vào. Nhưng dân trong thành hận sự tàn bạo của ông nên người thì đến đầu hàng quân Bắc Lương, người thì chạy trốn, người thì nổi loạn, thậm chí quân đội cũng phát sinh tư tưởng chán nản muốn làm phản. Nộ Đàn đành phải dẫn lã quân văn võ trong triều chạy đến đô thành Lạc Đô. Sau khi quân Bắc Lương chiếm giữ được thành Cô Tàng lại tiếp tục đuổi đến đô thành Lạc Đô, quân Bắc Lương dựng nhà có ý định bao vây lâu đài. Nộ Đàn đau lòng cho con trai là An Chu đến làm con tin tại triều Bắc Lương, lúc đó họ mới chịu rút quân.

Năm 414, đô thành Lạc Đô bị thiếu lương thực nhân dân đói khổ. Để làm an lòng quân dân trong thành, Nộ Đài sai thái tử Thốc Phát Hồ trấn giữ đô thành, còn mình dẫn 7.000 kị binh đến cướp bóc ở hai bộ lạc Ất Phật và Hi Khuất. Nhân cơ hội Nộ Đàn không có mặt trong thành quân Tây Tần đã tiến đánh Lạc Đô. Thốc Phát Hồ sợ những người Hán sống trong thành làm phản, vì vậy Thốc Phát Hồ sai giam hãm những người Hán có chí khí có cơ mưu, do vậy cũng tự tước bỏ đi lực lượng phòng vệ. Vài ngày sau, thành Lạc Đô bị thất thủ. Thốc Phát Hồ Vương Hậu, bá quan và mọi người trong thành bị bắt giữ. Chỉ có Thốc Phát Phàn Ni (cháu của Thốc Phát Nộ Đàn) là chạy thoát, chạy được nửa đường Phàn Ni gặp thúc phụ quay về. Nộ Đàn biết được thành Lạc Đô thất thủ, dự định quay lại bộ lạc Ất Phật, cướp đi toàn bộ của cải của tộc Ất Phật để làm vật trao đổi với quân Tây Tần, nhằm đổi lấy thái tử, vương hậu và bá quan văn võ. nhưng tướng sĩ tùy tùng đi theo Nộ Đàn biết tin thành Lạc Đô bị thất thủ nhụt ý chí, do vậy họ chạy trốn hết.

Nộ Đàn đi vào ngõ cụt đành phải sai Phàn Ni, trung tướng quân Hội Bột và hậu tướng quân Lạc Quãng đến xin đầu hàng quân Bắc lương để chọn con đường sống. Lúc này chỉ còn thụ lang Ám Lợi Lộc đi cùng Nộ Đàn. Ông ta dự định đi đầu hàng Khất Phục Xí Bàn, ông nói với Am Lợi Lộc: "Trẫm tuổi đã cao, trẫm định đi đầu hàng quân Xí Bàn, để cùng chết với vương hậu. Để tránh nguy hiểm, mọi người đều tìm một nơi an toàn mà đi, đây cũng là lẽ thường tình của cuộc đời con người. Cháu của trẫm đi rồi, các tướng sĩ cùng bỏ đi hết. Chỉ còn lại một mình khanh ở bên trẫm, vậy khanh có đi cùng trẫm vào nơi nguy hiểm không?" Âm Lợi Lộc hứa sẽ tận trung với Nộ Đàn và đi với Nộ Đàn đến đích. Nộ Đàn thấy vậy vô cùng cảm động, liền cùng với Âm Lợi Lộc đi đến Tây Bình cầu xin đầu hàng. Khất Phục Xí Bàn sai sứ giả ra ngoại thành đón tiếp, phong cho Nộ Bàn làm đại tướng quân phiêu kị. Ta Nam Công và còn phóng thích cho vợ của Nộ Đàn.

Tháng 7 năm 415, Xí Bàn lo lắng Nộ Đàn có dã tâm làm phản, nên giả vờ mời Nộ Đàn vào dự tiệc, đến giữa buổi tiệc sai người bỏ độc vào rượu. Nộ Đàn không nghi ngờ nên bị trúng độc. Thuộc hạ khuyên Nộ Đàn uống thuốc giải độc, nhưng ông biết khó có thể thoát khỏi bàn tay của Xí Bàn nên từ chối uống thuốc giải độc. Triều Nam Lương bị diệt vong.

Trong sử gọi Thốc Phát Nộ Đàn là Cảnh Vương.

THẬP LỤC QUỐC (MƯỜI SÁU NƯỚC)

TRIỀU BẮC LƯƠNG
(401-439, tổng cộng 39 năm)

Triều Bắc Lương có 5 đế vương, trong đó có 2 người bị bệnh chết. một người bị giết trong cuộc nội chiến, một người làm mất nước đầu hàng Bắc Ngụy sau đó bị giết, một người làm mất nước, đi lưu lạc không rõ tình hình ra sao.

VŨ TUYÊN VƯƠNG (ÂN NGHIỆP)

Vũ Tuyên Vương, ông ta tên là Ân Nghiệp (?-401). Ông vẫn là thái thú ở Kiến Khang (triều Hậu Lương) (nay thuộc phía Đông Nam huyện Tửu Tuyền tỉnh Cam Túc) sau đó xây dựng triều Bắc Lương và xưng là Lương Vương. Ông trị vì được 5 năm, bị Tử Cừ Mông Tín tấn công và bắt làm tù binh, sau đó giết chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Giả Ân là người Kinh Diêu (phía Tây Bắc thành phố Tây An tỉnh Thiểm Tây). Hồi đầu làm bộ tướng cho Hậu Lương Thái Tổ Lã Quang, sau đó giành được chiến công trong cuộc chiến xuống Tây Vực nên được phong là thái thú Kiên Khang. Tháng 5 năm 397 hai anh em Tử Cù Mông Tốn và Tử Cừ Nam Thành vì muốn báo thù nhà, nên lập Giả Nghiệp làm sứ thị tiết đại đô đốc, trấn giữ Lương Châu, thoát khỏi sự quản lý của triều hậu Lương. Ít lâu sau, ông xưng là Kiên Khang Công, đặt niên hiệu là "Thần Tỉ", đặt đô ở Lương Dạ (nay là huyện Trương Dạ tỉnh Cam Túc), xây dựng chính quyền, trong sử gọi là Bắc Lương. Tháng 2 năm 399 ông đổi gọi là Lương Vương, ông đổi niên hiệu là "Thiên Tỉ"

Tháng 6 năm 401, thượng thư tôi tả thừa lã Tử Cừ Mông Tốn khởi binh cướp ngôi, tiến đánh thành Lương Dạ. Bộ hạ của Ân Nghiệp là Điền Thừa mở cửa thành đón quân của Tử Cừ Mông Tốn vào thành Ân Nghiệp bị bắt giữ. Ân Nghiệp khóc cầu xin nói: "Tôi một thân một mình trôi dạt đến đây được các anh giúp lập làm vương, vốn là tạm thời ứng phó, bây giờ xin nhường ngôi lại cho các anh, chỉ cầu xin cho tôi một con đường sống cho tôi trở về quê đoàn tự với vợ con, ơn này không bao giờ tôi quên". Tử Cừ Mông Tốn quay sang cổ động binh sĩ nói: "Anh ta thường ngày thích giết người và không biết thương xót ai, hôm nay cái chết ở trước mắt lại đòi hỏi người khác phải thương xót anh ta. Các anh em có tha thứ cho anh ta được không? Các tướng sĩ đều đồng thanh hô: "Giết, giết" và nhất tề xông đến chém chết Ân Nghiệp.

Trong sử gọi Ân Nghiệp là Vũ Tuyên Vương.

THÁI TỔ (TỬ CỪ MÔNG TỐN)
(BẮC LƯƠNG)

Thái Tổ, ông ta tên là Tử Cừ Mông Tốn (368-433). Ông là người dân tộc Hồ, ông vốn là Tức vệ của triều Hậu Lương, sau đó cướp đoạt ngôi đoạt ngôi vị của Bắc Lương. Ông trị vì được 33 năm bị bệnh chết, thọ 66 tuổi. Mai táng ở Nguyên Lãng.

*

Tử Cừ Mông Tốn là người dân tộc Hồ cư trú ở Lô Thủy (Lâm Tùng) nay thuộc phía Nam huyện Trương Dạ tỉnh Cam Túc), thời Hậu Lương ông được phong làm Túc vệ. Trước đây lã phụ của ông tên là Lặc Thù bị Hậu Lương Thái Tổ Lã Quang giết, do đó năm 397, anh họ Tử Cừ Nam Thành đã giúp Ân Nghiệp làm Kiên Khang Công, chiếm giữ vùng Trương Dạ nên Tử Cừ Mông Tốn được phong là Thượng thư tả thừa. Ông bàn bạc với anh họ Tử Cừ Nam Thành, chuẩn bị phát động binh biến làm phản. Tử Cừ Nam Thành phản đối chuyện làm phản, Tử Cừ

Nam Thành được cử đi làm thái thú ở Tây An. Mông Tốn muốn cùng đi với Nam Thành đến cúng tế ở núi Lan Môn. Ông ta âm thầm sai người báo với Ân Nghiệp là: Nam Thành sẽ hội họp với môn Tốn ở núi Lan Môn để liên kết tạo phản. Ngày hôm sau, Nam Thành đến triều đình xin nghỉ phép nói muốn tới núi Lan Môn. Nghe vậy Ân Nghiệp liền bắt giữ Nam Thành và bắt ông ta tự sát.

Mông Tốn nghe tin Nam Thành bị giết liền triệu tập các thuộc hạ và khóc than nói: "Anh họ tôi một lòng trung quân hiếu quốc, giúp đỡ phò trợ Ân Nghiệp làm vua, vậy mà bị Ân Nghiệp giết chết, anh em chúng tôi cũng không bao giờ nghĩ chuyện tạo phản. Xin mọi người hãy giúp tôi báo thù cho anh họ, giúp tôi khởi binh giết tên hôn quân vô đạo". Các tướng sĩ đều kính trọng tài cán và đạo đức của Nam Thành và họ không biết được âm mưu của Mông Tốn đều nhất nhất phục tùng, tấn công giết Ân Nghiệp.

Tháng 6 năm 401 Mông Tốn tự xưng là đại độ đốc, đại tướng quân chiếm giữ Lương Châu. Trương Dạ Công, ông cho đổi niên hiệu là "Huyền Thủy". Năm 418, ông ta sai sứ giả tối triều Đông Tấn xin làm thuộc địa, triều đình Đông Tấn phong cho ông ta làm lại sử Lương Châu. Năm 431 ông ta tự xưng là Lương Vương, định đô ở thành Cô Tàng.

Trong thời gian trị vì, Mông Tốn đánh bại được triều Nam Lương, diệt vong triều Tây Lương, thống nhất toàn bộ vùng Lương Châu, ông còn sai sứ giả tới triệu kiến Bắc Ngụy. Năm 431, triều Bắc Ngụy sắc phong cho Mông Tốn làm Lương Vương và Mông Tốn còn kết giao với bạn bè ở các thành lân cận. Tháng 4 năm 433 Mông Tốn tạ thế tại thành Cô Tàng, ông để lại di chiếu truyền ngôi cho cháu là Mục Kiên.

Sau khi Tữ Cừ Mông Tốn chết lập hiệu miếu là Thái Tổ.

AI VƯƠNG (TỮ CỪ MỤC KIÊN)
(BẮC LƯƠNG)

Ai Vương, ông ta tên là Tữ Cừ Mục Kiên (?-477) Ông là con trai thứ 3 của em trai Tữ Cừ Mông Tốn. Ông trị vì được 7 năm, mất nước triều Bắc Ngụy bắt làm tù binh và bị thác Bạt Đạo ép tự sát. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Thời Tữ Cừ Mông Tốn trị vì đã lập Tữ Cừ Mục Kiên làm thái tử. Sau khi Mông Tốn chết, Mục Kiên lên kế vị. Ông đổi niên hiệu là "Thái Hòa".

Năm thứ 3 sau khi Mục Kiên lên ngôi, ông ta cống nạp cho Lưu Tống nhiều đồ vật quý báu (trong sớ đồ vật đó có 154 cuốn sách quý). Quan hệ của hai bên rất tốt. Còn đối với triều Bắc Ngụy. Mục Kiên tỏ thái độ lạnh nhạt, điều đó khiến thái vũ Đề Tháo Bạt Đạo không hài lòng do đó vào tháng 9 năm 439 Thác Bạt Đạo phái binh tấn công triều Bắc Lương, ép buộc Mục Kiên phải đầu hàng. Mục Kiên nhất định không hàng phục quân Bắc Triều, kiên quyết cố thủ trong thành, nhưng cháu của Mục Kiên là Vạn Niên tạo phản mở cổng thành đón quân Bắc Ngụy tiến vào thành, Mục Kiên cùng đường đánh phải đầu hàng quân Bắc triều. Vợ của Mục Kiên vốn là em gái của Thác Bạt Đạo, do đó Thác Bạt Đạo đối xử với Mục Kiên và thuộc hạ của Mục Kiên rất ưu đãi, Thác Bạt Đạo cho phép Mục Kiên, tống thất và 100.000 hộ dân được chuyển đến cư trú ở đô thành Bình Thành (nay thuộc phía Đông Bắc tỉnh Sơn Tây), triều Bắc Lương bị diệt vong.

Năm 477, Mục Kiên bị tố cáo là cất giấu thuộc độc có mưu đồ báo thù, hơn nữa lại còn có quan hệ bất chính với chị và em gái mình, Nghe được tin đó, Thác Bạt Đạo ép buộc Mục Kiên phải tự sát và còn giết vài trăm người thuộc họ hàng Tữ Cừ.

Trong sử gọi Tữ Cừ Mục Kiên là Ai Vương.

TỬU TUYỀN VƯƠNG (TỮ CỪ VÔ HÚY)
(BẮC LƯƠNG)

Tửu Tuyền Vương, ông ta tên là Tữ Cừ Vô Húy (?-444).

Ông là con của thái tổ Tữ Cừ Mông Tốn. Ai Vương Tữ Cừ Mục Vương đầu hàng Bắc Ngụy thì Vô Húy cũng đầu hàng Bắc Ngụy, Lưu Tống và xưng vương. Ông trị vì được 4 năm bị bệnh chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Thời Mục Kiên trị vì đã phong cho Vô Húy làm thái thú Tửu Tuyền. năm 439 triều Bắc Lương bị triều Bắc Ngụy đánh bại, Vô Húy thu thập tàn quân chiếm giữ Tửu Tuyền. Một thời gian sau bị quân Bắc Ngụy bao vây ông ta đành đầu hàng, ông ta được triều đình Bắc Ngụy phong cho làm đại tướng quân kiêm chức vụ Tửu Tuyền Vương. Năm 442, ông ta phản bội lại triều Ngụy do vậy bị quân Ngụy vây đánh. Sau khi Vô Húy cạn kiệt lương thảo ông sai em trai là Tữ Cừ An Chu đi đánh chiếm hai tòa thành ở Thiện và Cao Xương (nay thuộc huyện Nhược Khương và huyện thổ Lỗ Phiên thuộc khu tự trị dân tộc Duy Ngô Nhĩ ở Tân Cương) sau đó xin làm sứ thần ở nước Tống (thuộc Nam triều), ông ta được sắc phong làm đại tướng quân, lại sứ Hà Châu, Hà Tây Vương, đô đốc quân sự ở 3 châu: Lương Châu, Hà Châu, Sa Châu. Năm 443, ông đổi niên hiệu là "Thừa Bình"

Mùa hè năm 444, ông bị bệnh mất tại thành Cao Xương trong sử gọi Tữ Cừ Vô Húy là Tửu Tuyền Vương.

HÀ TÂY VƯƠNG (TỮ CỪ AN CHU)
(BẮC LƯƠNG)

Hà Tây Vương, ông ta tên là Tữ Cừ An Chu, năm sinh và năm mất không biết rõ. Ông là con trai của Tữ Cừ Mông Tốn và là em trai của Tữ Cừ Vô Húy. Cũng nên kế vị sau khi anh trai mất, ông trị vì được 20 năm, sau đó bị nhà triều Nhiên tấn công, ông lưu lạc ở đâu không rõ.

*

Thời Mục Kiên trì vị, An Chu được phong làm thái thú Lạc Đô. Sau khi triều Bắc Lương bị diệt vong, ông đã theo anh trai là Vô Húy chạy xuống phía Tây. Năm 444 Vô Húy bị ốm chết, ông lên kế nhiệm chức vụ của anh trai. Ông sai sứ giả tới cống tiền đồ vật quý cho nước Tống, nhưng vẫn chỉ được phong là Hà Tây Vương. Năm 463 ông bị triều Nhiên đánh bại, phải bỏ đi tha phương, tình hình cụ thể về sau ra sao không biết rõ.

Trong sử gọi ông là Hà Tây Vương.

THẬP LỤC QUỐC (MƯỜI SÁU NƯỚC)

TRIỀU TÂY LƯƠNG
(400-421, tổng cộng 22 năm)

Triều Tây Lương có 3 đế vương, trong đó một người bị bệnh chết, một người chết trong chiến trận, một người mất nước nên tự sát.

*

THÁI TỔ (LÍ HIỆU)
(TÂY LƯƠNG)

Thái tổ, ông ta tên là Quý Hiệu (351-4170 tên tự của ông là Huyền Thịnh, ông vốn làm thái thú ở Đôn Hoàng, sau đó ông tự xưng là Lương Công. Ông trị vì 18 năm, bị bệnh chết, hưởng thọ 67 tuổi. Mai táng ở Kiên Thế Lãng.

*

Quý hiệu quê ở Địch Đạo (ở Lũng Tây) (nay thuộc phía Nam làm thao tỉnh Cam Túc). Ông là cháu đời thứ 16 của đại tướng Quý Quảng (người Hán), dần dần các đời đã lập nên một đại tộc ở Lũng Tây. Từ nhỏ Quý Hiệu đã ham học hỏi, sau khi trưởng thành ông lại thích học võ. Thời Ân Nghiệp (triều Bắc Lương), trị vì ông được thái thú ở Đôn Hoàng là Mãnh Mẫn sai làm hiệu Cốc lệnh, sau khi Mãnh Mẫn chết, các thuộc hạ tôn Quý hiệu làm thái thú Đôn Hoàng. Tháng 11 năm 400 ông xưng là Lương Công, đặt niên hiệu là "Canh Tử", đặt đô ở Đôn Hoàng. Được một thời gian, ông dời đô về Tửu Tuyền (nay thuộc huyện Tửu Tuyền tỉnh Cam Túc), trong sử gọi là Tây Lương.

Trong những năm trị vì, ông cho khai thông con đường giao thông ở Hà Tây, khôi phục nền kinh tế, văn hóa phong kiến, xây dựng đồn điền ở Ngọc Môn. Dương Quan và sai sứ giả đến triều Đông Tấn cống hiến đồ vật quý giá.

Tháng 2 năm 417, ông bị ốm nặng, ông sai triệu tập bạn thân của mình là đại thần Tống Dao đến nhờ vả và dặn dò mọi chuyện về sau: "Tôi trải qua gian khổ, trong loạn lạc được cử làm thủ lĩnh, sức lực và tài năng của tôi chưa đủ thống nhất một vùng Hà Thạch (một tên gọi khác của vùng Hà Tây). Bây giờ tôi sắp phải từ giã cõi đời, tôi chỉ hận chí lớn chưa thực hiện được. Phàm là những người làm thủ lĩnh thường phải lâm vào những chỗ nguy hiểm. Sau khi tôi chết, anh hãy coi thái tử giống như con trai anh, anh hãy tận lực giúp đỡ nó. Anh hãy nói cho nó biết tâm nguyện và lý tưởng trị quốc của tôi, đừng để cho nó nghĩ rằng ở trên đầu muôn dân thì có thể hung bạo chuyên quyền. Tất cả việc đại sự trong nước đều phải nhờ anh giúp đỡ, anh hãy tận tâm tận lực quản lý việc nước nhà!". Sau đó ông ta sai gọi thái tử Quý Tâm vào căn dặn: "Mỗi một lần dùng binh, cất phải xem xét kỹ thời cơ, suy nghĩ kỹ càng rồi hãy đưa ra quyết định, đây là cách tốt nhất để bảo toàn lòng dân". Ít lâu sau, ông mất tại điện thái Đức cung Tửu Tuyền.

Sau khi ông chết đặt thụy hiệu là Thái Tổ.

HẬU CHỦ (QUÝ TÂM)
(TÂY LƯƠNG)

Hậu chủ, ông ta tên là Quý Tâm (?-420), tên tự của ông là Sĩ Nghiệp. Ông là con trai thứ hai của thái tổ Quý Hiệu, ông lên kế vị sau khi cha chết. Ông trị vị được 4 năm, ông bị chết trong cuộc giao chiến với Tữ Cừ Mông Tốn. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Thời Quý Hiệu trị vì đã lập Quý Tâm làm thái tử. Tháng 2 năm 417 Quý Hiệu bị bệnh chết, Quý Tâm lên kế vị, ông cho đổi niên hiệu là "Gia Hưng". Năm 420, thái tổ Tữ Cừ Mông Tốn (triều Bắc Lương) đem quân đánh Khất Phục Xí Bàn (Tây Tần). Nhân cơ hội đó, Quý Tâm tiến công vào đô thành Trương Nghiệp (triều Bắc Lương). Mẹ của ông là thái hậu Doãn dẫn ra di huấn của Quý Hiệu để khuyên con: "Chúng ta là một nước nhỏ mới lập, đất ít dân thưa; Tữ Cừ Mông Tốn là người dũng mãnh, con chưa phải là đối thủ của ông ta, con còn phải rèn binh luyện võ, chưa cần phải lấy chuyện xuất quân làm trọng. Tống Dao cũng ra sức can gián; nhưng Quý Tâm nhất định không nghe. Tống Dao thở dài nói: "Đại sự xong rồi, thần chỉ nhìn thấy các anh xuất quân mà không nhìn thấy chiến thắng trở về". Quý Tâm vẫn một lòng một dạ xuất quân, thống lĩnh 30.000 binh mã tiến về thành Trương Dạ, quả nhiên bị quân của Mông Tốn đánh cho đại bại. Các thuộc hạ khuyên ông nên thu quân quay về, nhưng ông thở dài nó: "Trẫm đã làm trái ý nguyện của thái hậu, đường xá xa xôi tới đây, tự đắc cho rằng có thể chiến thắng trở về, không nghĩ là rơi vào tình cảnh này. Do đó, nếu không giết được Mông Tốn, trẫm nhất định không quay về gặp thái hậu", một lần nữa ông ta lại cự tuyệt lời can gián của thuộc hạ, mang quân đi đánh trận với Mông Tốn, và ông phải bỏ mạng trong trận hỗn chiến ở Liễu Tuyền.

Trong sử gọi Quý Tâm là Hậu Chủ.

QUẤN QUÂN HẦU (QUÝ TUẪN)
(TÂY LƯƠNG)

Quán Quân Hầu, ông ta tên là Quý Tuẫn (?-421) Ông là em trai của Quý Tâm. Sau khi Quý Tâm tử trận, ông lên kế vị, Ông trị vì được 2 năm, bị Tữ Cừ Mông Tốn diệt, sau đó ông tự sát. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Năm 420, Quý Tâm bị tử trận, Quý Tuẫn đang trấn giữ ở Đôn Hoàng, tháng 9 năm 420 ông tự xưng là quán quân tướng quân, lại sử Lương Châu, ông cho đổi niên hiệu là Vĩnh Kiến".

Đầu năm 421, sau khi tiêu diệt Quý Tâm, Mông Tốn đã thừa thắng sai con trai là Tữ Cừ Đức Chính thống lĩnh đại quân tiến đánh Đôn Hoàng Quý Tuẫn đóng cửa phòng thủ, hai bên canh chừng nhau nhiều ngày. Mông Tốn đích thân dẫn 20.000 quân đến, ra lệnh cho binh lính đắp đê dẫn nước vào trong thàn. Quý Tuẫn sai người đi đầu hàng Mông Tốn nhưng bị Mông Tốn từ chối. Tháng 3, thuộc hạ của Quý Tuẫn là Tống thừa làm phản mở cổng thành đón quân Bắc Lương vào. Hai bên giao chiến ác liệt, Quý Tuẫn còn lại một thân một mình nên đã tự sát. Triều Tây Lương bị diệt vong.

Trong lịch sử gọi Quý Tuẫn là Quán quân Hầu.

TIỀN TẦN

(350-394, tổng cộng 45 năm)

Trong 16 nước có Tiền tần, Hậu Tần, Tây Tần. Triều Tiền Tần do dòng họ phù xây dựng, sau đó bị triều Hậu Tần diệt vong. Triều Hậu Tần do Diêu Trường (người dân tộc Khương) xây dựng, bị Lưu Dục (triều Đông Tản) diệt vong. Triều Tây Tần do Khất Phục Xí Bàn (người dân tộc Tiên Ti ở Lũng Tây) tạo dựng bị nhà Hạ diệt vong.

Triều Tiên Tần có 7 đế vương, trong đó một người bị bệnh chết, hai người bị giết khi bị bắt làm tù binh, hai người chết trong giao chiến, một người bị chết trong nội chiến, một người bị hạ độc chết.

HUỆ VŨ ĐẾ (PHÙ HỒNG)

(TIỀN TẦN)

Huệ Vũ Đế, ông ta tên là Phù Hồng (285-350) tên tự của ông là Quảng Thế. Ông là minh chủ của thị tộc, ông là lại sứ ở Kí Châu, sau đó ông xưng vương, sáng tạo ra cơ nghiệp cho triều Tiền Tần. Ông bị thuộc hạ hại độc chết, thọ 66 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Phù Hồng quê ở Lâm Vị (Lược Dương) (nay thuộc phía Tây huyện Thiên Thủy tỉnh Cam Túc). Ông là người thị tộc. Sau khi bố ông mất, người trong thị tộc tôn ông làm minh chủ, lúc đầu ông đi theo Tần Vương Lưu Tuyển (triều Tiền Triệu), nên được phong làm Thị Vương. Sau đó ông đầu hàng Thạch Hổ, nên được phong là Đô Đốc Lưu Nhân, tướng quân, ông cư trú ở Phương Đầu (nay thuộc tỉnh Hà Nam). Năm 349, ông giúp Thạch Hổ trấn áp khởi nghĩa Lương Độc, do có công nên ông được phong làm đại tướng quân Đông Kị. Lược Dương Công, ông có 100.000 quân. Sau khi Thạch Hổ chết, ông dựa vào triều Đông Tấn, ông lại được phong là đại tướng quân chinh bắc, lại sứ kí Châu, đô đốc quân sự ở Hà Bắc. Tháng 2 năm 350 ông tự xưng là đại tướng quân, đại đơn vụ. Tam Tần Vương.

Năm 350, quân sư Ma Thu (vốn là thuộc hạ cũ của Thạch Hổ) có mưu đồ cướp đoạt ngôi vị của Phù Hồng, Ma Thu mở tiệc rượu mời Phù Hồng và lén lút bỏ độc vào rượu. Sau khi biết chuyện con trai Phù Hồng là Phù Kiện đã bắt giữ và giết Ma Thu, dẹp yên phản loạn.

Sau khi Phù Kiện xưng đế đã đổi thụy hiệu cho Phù Hồng là Huệ Vũ Đế.

CAO TỔ (PHÙ KIÊN)

(TIỀN TẦN)

Cao Tổ, ông ta tên là Phù Kiện (317-355) tên tự của ông là Kiến Nghiệp. Ông là con trai thứ 3 của Huệ Vũ Đế Phù Hồng. Ông lên kế vị sau khi cha chết. Ông trị vì được 5 năm, bị bệnh chết, hưởng thọ 39 tuổi. Mai táng ở Nguyên Lãng.

*

Phù Kiện sau khi lên ngôi đã bỏ đi danh hiệu Tam Tần Vương và xin làm thuộc hạ cho triều Đông Tấn, ông tự nhận làm đại tướng quân chính tây, lại sứ Ung Châu, thống lĩnh đại quân tiếng xuống phía Tây, chiếm cứ khu vực Quan Lung. Năm 351, ông lợi dụng cơ hội triều Hậu triệu bị diệt vong nên chiếm cứ những vùng đất phì nhiêu, ông tự xưng là Thiên Vương. Đại Đơn Vu, đặt quốc hiệu là "Tần" trong sử gọi là Tiền Tần, đặt đô ở Trường An, đặt niên hiệu là

"Hoàng Thủy". Năm thứ hai, ông xưng làm đế vương.

Trong thời gian trị vì, ông sử dụng chiến thuật "vườn không nhà trống" để đánh lui quân của Hằng Ôm. Ông tôn sùng nho học, miễn giảm tô thuế, làm dịu mâu thuẫn giữa người Hán và người Hồ, khiến cho thế lực ngày càng được củng cố vững chắc.

Tháng 6 năm 355, Phù Kiện bị ngã bệnh tại Đông Dạ Môn. Cháu ông là Phù Thanh có ý đồ cướp ngôi, do đó dẫn quân đột nhập vào cung định giết thái tử Phù Sinh. Thái tử ở Đông Dạ Môn chăm sóc vua cha, vài ngày chưa quay về cung. Phù Thanh không thấy Phù Sinh quay về nên cho rằng Phù Kiện đã chết, anh ta chuyển hướng tấn công sang Đông Dạ môn, rãi rao hoàng thượng đã băng hà. Còn thái tử là người tàn bạo không xứng được kế vị, cần phải phế bỏ thái tử. Phù Kiện tuy bị ốm nhưng vẫn cố gắng đi đến Đoan Môn chỉ huy cấm vệ quân tìm cách đánh Phù Thanh. Quân phản loạn nhìn thấy Phù Kiện ngồi ở Đoan Môn đều hoảng sợ bỏ chạy hết. Phù Kiện sai bắt giữ Phù Thanh và khép vào tội chết.

Vài ngày sau bệnh tình của Phù Kiện rất nguy kịch. Ông cho Vũ An Vương Phù An (là chú của Phù Kiện) làm đại tướng quân nắm giữ binh quyền. Đồng thời ông tuyên triệu thừa tướng Lôi Nhược Nhi, thái phụ Mao Quý, và thúy úy Ngu Tôn... đến nghe di lệnh. Ba ngày sau ông mất tại điện Thái Cập thành trường An.

Sau khi ông chết lập miếu đặt hiệu là Thế Tông, sau đó đã đổi lại là Cao Tổ, đặt thụy hiệu là Minh Đế.

LỆ VƯƠNG (PHÙ SINH)

(TIỀN TẦN)

Lệ Vương, ông ta tên là Phù Sinh (335-357) tên tự của ông là Trường Sinh. Ông là cháu của Huệ Vũ Đế Phù Hồng, và là con trai thứ 3 của Cao Tổ Phù Kiện. Ông lên kế vị sau khi Phù Kiện chết. Ông trị vì được 3 năm, thì bị Phù Kiện giết. Hưởng dương 22 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Từ nhỏ Phù Sinh đã là một tên vô lại, tính tình hung ác. Phù Kiện cho rằng về sau nầy Phù Sinh dễ gây ra loạn chiến, do đó nhiều lần định trừ bỏ Phù Sinh, nhưng ý định đó của ông đều bị các đại thần can gián. Sau khi Phù Sinh trưởng thành, ông ta có sức khỏe phi thường, ưa thích chuyện chém giết, ông ta có thể vật nhau tay không với mãnh thú, và có thể chạy đua với một con ngựa tốt, ông ta cũng giỏi cưỡi ngựa bắn tên, đao kiếm... do đó lập được nhiều chiến công trong trận chiến khiến Phù Kiện lập ông làm thái tử.

Tháng 6 năm 355 Phù Kiện bị bệnh chết, ông lên kế vị và cho đổi niên hiệu là "Thọ Quang".

Sau khi Phù Sinh lên ngôi, ông ta hung bạo vô cùng, tàn sát vô tội vạ. Có một lần, đại thần Thượng Tần tấu trính: "Gần đây thin tượng không được sáng lắm, do vậy bệ hạ cần tu sửa đạo đức để tránh diệt vong'. Sau khi nghe xong, ông ta cho rằng: mình và hoàng hậu là bậc tôn quý nhất trong thiên hạ, thiên tượng không sáng báo hiệu sắp có họa lớn, chỉ cần hoàng hậu chết thì ông ta sẽ bình yên vô sự. Do vậy ông sai người vào cung chém chết hoàng hậu, sau đó ông còn lần lượt sai giết hậu phi, đại thần và hơn 500 cận thị. Ông ta hoang dâm vô độ luôn tìm mọi cách làm nhục các cung nữ.

Khanh sử trung thừa tướng Lương Bình Lão tận mắt chứng kiến sự tàn bạo của Phù Sinh, nếu sống tàn bạo hung ác như vậy tết sẽ gây ra cảnh nước mất nhà tan, do đó bàn bạc với Phù Kiên (là cháu của Phù Kiện): "Hoàng thượng thất đức, người trong nước đều có tư tưởng làm phản, nước yên và nước tần đang nhăm nhe tấn công, trước mắt phải đối diện với khó khăn cả

bên trong lẫn bên ngoài, vận mệnh quốc gia coi như hỏng, điện hạ nhanh nghĩ cách giải cứu". Phù Kiên cũng chung cảm nghĩ với Lương Bình Lão, nhưng chỉ vì Phù Sinh tàn ác nên không dám ra tay. Lúc này, có một cung nữ đến báo: tối qua trong lúc uống rượu Phù Sinh nói hở ra: anh em Hà Pháp (chỉ Thanh Hà Vương Phù Pháp) cũng không đáng tin cần phải trừ bỏ. Phù Kiên lập tức sai người mật báo cho Phù Pháp biết. Hà Thanh Vương Phù Pháp, Lương Bình Lão, Cường Chú... dẫn vài trăm tân binh đột nhập vào cung, còn Phù Kiên và thị trung thượng thư Lã Bà Lâu cùng dẫn hơn 500 tân binh, la hét xông vào hoàng cung. Cấm vệ quân liên tiếp đầu hàng. Lúc này, Phù Sinh vẫn đang say rượu, nghe tiếng gọi nhưng vẫn hỏi giọng của ma men: "Ai vào hoàng cung vậy?" Thuộc hạ trả lời là "dân đen vào hoàng cung". Phù Sinh hét lên: "Là dân đen, tại sao thấy trẫm không quỳ xuống bái chào trẫm". Tả hữu và binh lính của Phù Kiên đều không nhịn được cười. Phù Kiên sai lính áp giải Phù Sinh đến Biệt Thất, phế Phù Sinh làm Việt Vương.

Sau khi tỉnh rượu, Phù Sinh mới biết mình bị tước bỏ đi ngôi vị và mất tự do, ông ta rất buồn chán nhưng không biết làm cách gì, đành ngồi uống rượu giải sầu.

Ít lâu sau, Phù Kiên xưng đế. Phù Kiên sai người ép Phù Sinh tự sát, nhưng Phù Sinh uống rượu say mềm vẫn bất tỉnh nhân sự, do đó các tướng sĩ chém chết ông ta.

Sau khi Phù Sinh chết, Phù kiên đặt thụy hiệu cho Phù Sinh là Lệ Vương

THẾ TỔ (PHÙ KIÊN)

(TIỀN TẦN)

Thế Tổ, ông ta tên là Phù Kiên (338-385) tên tự của ông là Vĩnh Cố. Ông là cháu của Phù kiện là anh em họ với Phù Sinh. Sau khi giết Phù Sinh ông được lập làm vua. Ông trị vì được 29 năm. Sau khi thất bại trong trận chiến phì thủy bị Diêu Trường bắt làm tù binh và giết chết. Hưởng thọ 48 tuổi, mai táng ở đâu không rõ.

*

Phù Kiên được phong làm Đông Hải Vương. Ông hợp sức cùng Phù Pháp giết bỏ Phù Sinh và được thuộc hạ lập làm quốc quân, tước bỏ vương hiệu đế, ông xưng là Đại Tần Tiên Vương, đổi niên hiệu là "Vĩnh Hưng".

Sau khi Phù Kiên lên ngôi, ông cho chiêu nạp nhân tài. Ông nghe nói ở phương Bắc có một người tên là Vương Mãnh, Vương Mãnh là một cư sĩ bần hàn rất cơ mưu lược, ông ta thường sống ẩn cư ít khi xuất hiện ở chỗ đông người. Phù Kiên liền sai người đi tìm và mời Vương Mãnh về trợ giúp, trong một năm đã tăng cho Vương Mãnh lên 5 cấp. Dưới sự trợ giúp của Vương Mãnh, Phù Kiên đánh bại được các đối thủ mạnh hơn mình, xây dựng được vương quyền, chính đốn kỷ luật quân sự và thế chế chính trị, điều đó làm cho nền kinh tế và văn hóa của triều Tiền Tần được khôi phục và phát triển, quốc thái dân an, thế lực ngày một mạnh. Từ năm 375 trở đi, triều Tiền Tần diệt vong được các triều: Tiền Yên, Tiền Lương, Đại Quốc và chiếm lĩnh 2 châu: Lương Châu và Ích Châu của triều đình Đông Tấn, thu phục được các tộc Di ở gần đó và Phù Kiên còn sai Lã Quang tiến quân xuống Tây vực thống nhất được lưu vực sông Hoàng Hà (bao gồm các tỉnh: Hà Bắc, Sơn Tây, Sơn Đông, Thiểm Tây, Cam Túc, Hà Nam, Tứ Xuyên...) và toàn bộ khu tự trị Duy Ngô Nhĩ (ở Tân Cương), và một phần các tỉnh: Liêu Ninh, Giang Tô, An Huy, Hồ Bắc..., thế lực của ông vang vọng đến các tỉnh Vân và Quý Châu; chỉ có ở miền Nam là thuộc phạm vi của triều Đông Tấn, nhưng triều Đông Tấn cũng bị coi là mục tiêu của triều Tiền Tần. Phù Kiên rất kính trọng Vương Mãnh, đem sánh ông ta và Quản Trọng, Từ Sản. Năm 375 Vương Mãnh bị bệnh chết, Phù Kiên đau khổ vô cùng, thương tiếc mãi không thôi và than khóc "Ông trời ơi, tại sao ông lại nhẫn tâm cướp đoạt Vương Mãnh của tôi".

Vương Mãnh trước lúc lâm chung có nói với Phù Kiên: "Triều Đông Tấn tuy ngăn cách

chúng ta bởi cùng Giang Nam, nhưng dù sao cũng là một vương triều chính thống, lòng dân đều hướng về Đông Tấn. Sau khi thần chết, bộ hạ đừng sốt ruột mà tấn công triều Đông Tấn ngay, điều trước mắt là phải chỉnh đốn tình hình trong nước, sau đó mới nghĩ chuyện giao chiến". Nhưng Phù Kiên một lòng muốn khống chế toàn bộ lãnh thổ Trung Quốc, ông ta ỷ vào sức nước hùng hậu, chuyện tiêu diệt triều Đông Tấn thì dễ như trở bàn tay. Tháng 8 năm 383, Phù Kiên bất chấp sự can gián của em trai là Phù Dung và các hạ thần, ông ta tự mình thống lĩnh 970.000 quân tinh nhuệ, chia ra đường bộ và đường thủy tấn công triều Đông Tấn đại quân đi trống dong cờ mở. Quân Đông Tấn dưới sự chỉ huy của tể tướng Tạ An (ông ta là một người văn võ kiêm toàn), đều đồng lòng, đoàn kết với nhau quyết tâm đánh bại quân Tiền Tần.

Cuộc đại chiến bắt đầu, Phù Dung thống lĩnh 250.000 kị binh làm tiên phong, đã chiếm được thọ Dương (đây là một cứ điểm quân sự quan trọng của triều Đông Tấn) (nay thuộc huyện thọ tỉnh An Huy). Phù Kiên hiếu chiến, không đủ sức nhẫn nại đội quân của Hậu Tục kéo đến, ông ta đích thân thống lĩnh 8.000 cấm vệ quân và kị binh từ Cống Thành (nay thuộc huyện Cống Thành tỉnh Hà Nam) đuổi đến Thọ Dương đồng thời còn sai thuộc hạ là Chu Tự đầu khuyên triều Đông Tấn đầu hàng. Chu Tự vốn là tướng quân của triều Đông Tấn, 4 năm trước ông ta thua trận trong trận đánh ở Tương Dương nên bị bắt làm tù binh và phải đầu hàng quân Tiền Tần. Chu Tự đang muốn lập công để quay về triều Tấn, do vậy khi đến doanh trại của quân Tấn, ông ta không khuyên nhủ đầu hàng, ngược lại ông ta còn nói cho tướng quân Tạ Thạch biết tình hình của quân Tiền Tần: nói rõ lòng quân đang ly tán, không còn sức chiến đấu; Chu Tự đưa ra ý kiến: nhân cơ hội đại quân của Tiền Tần chưa đến kịp, vậy hãy tấn công đánh bại quân tiên phong của Phù Kiên, nhằm làm nhụt đi nhựa khí của quân Tiền Tần, đồng thời Chu Tự còn hứa sẽ làm nội ứng cho quân Tần. Tạ Thạch đồng ý với kế hoạch của Chu Tự đưa ra, ông phái 5.000 quân tinh nhuệ trong đêm tối vượt qua sông Lạc Giản tấn công quân Tiền Tần, giết được tướng Lương Thành, đánh tan tác 15.000 quân tiên phong của Tiền Tần, một mạch xông thẳng đến chân núi Bát Công ở bờ đông của sông Phì Thủy, chỉ ngăn cách quân Tiền Tần một bờ sông.

Phù Kiên nhận được tin báo, vội vàng lên thành Thọ Xương xem xét tình hình, ông ta thấy quân Tần bày thế trận chỉnh tề, cờ quạt xếp như rừng, thấy vậy ông ta kinh hãi vô cùng hối hận vì coi thường quân Tần. Trong cơn hoảng loạn, ông ta nhìn cây cỏ trên núi Bát Công cũng thành quân Đông Tấn, đây chính là lai lịch của câu thành ngữ: "Thần hồn nát thần tính" (trông cây cỏ đều tưởng là địch).

Vài ngày sau, Tạ Thạch sai người đưa cho Phù Kiên một bức thư nói rõ: "Quân đội hai bên ngăn cách nhau một bờ sông, không có cách gì giao chiến, nếu như anh lui xuống vài dặm để dọn chỗ làm bãi chiến trường, quân đội tôi sẽ vượt qua sông quyết chiến một tận. Không biết anh có gan làm chuyện này không". Phù Kiên xem xong thư rất vui vẻ, quyết định lui xuống 5 dặm, ông ta hi vọng nhân cơ hội quân Tần vượt sông sẽ dùng quân kị binh tinh nhuệ đánh cho quân Tần tan tác.

Hôm quyết chiến, Phù Kiên ra lệnh cho quân đội lui xuống 5 dặm. Đại đa số tướng lĩnh và binh sĩ trong quân đội Tiền Tần, là dân cư của các dân tộc thiểu số bị bắt ép đi đánh trận trong số đó nhiều nhất là dân tộc Tiên Ti và dân tộc Khương, dân tộc Hán cũng có khá nhiều, tất cả bọn họ đều mang quân Tiền Tần bị thua trận, để họ dễ dàng thoát khỏi sự thống trị của quý tộc thị tộc. Do đó vừa mới nghe lệnh lui quân, họ ào đi như vỡ đê. Lúc này 8.000 quân Tấn dưới sự chỉ huy của tướng Tạ Huyền vượt qua sông Phì Thủy. Chu Tự nhân cơ hội đó đứng trước ba quân hô lớn: "Quân Tần bại trận rồi". Nghe vậy, lòng quân Tấn bị dao động và thi nhau bỏ chạy, chẳng mấy chốc quân Tần tan tác hết. Phù Dung vội vàng rút kiếm chém vài binh sĩ, hy vọng sẽ trấn áp họ để họ không bỏ chạy. Nhưng quân lính Tiền Tần đông như thác đổ, họ cứ trèo lên nhau chạy trốn và Phù Kiên bị đẩy ngã xuống ngựa, quân Tần đuổi đến và chém chết Phù Dung. Còn Phù Kiên cưỡi con ngựa bị thương, điên cuồng chạy trốn trên đường đi ông nghe thấy tiếng chim kêu và tiếng gió thổi, ông ta cứ nghĩ rằng đó là tiếng hò reo của quân Tấn chạy đuổi theo ông ta. Đây chính là lai lịch của câu thành ngữ "Thần hồn nát thần tính". Ông ta chạy về được Trường An thấy 900.000 đại quân nay chỉ còn hơn 100.000

Trong trận Phì Thủy, quân Tấn lấy ít thắng nhiều, đánh bại quân Tiền Tần, bảo vệ được giang sơn. Còn quân Tiền Tần sau trận chiến này, thế lực suy vong, thủ lĩnh các dân tộc thiểu số liên tiếp khởi binh phản lại Tần khôi phục bộ lạc, chiếm cứ một phương, miền Bắc lại rơi vào tình trạng hỗn chiến tranh giành nhau. Quân Đông Tần thừa cơ đánh xuống phương Bắc, thu hồi lại nhiều vùng đất, hình thành nên cục diện 2 miền Nam Bắc đối nghịch nhau.

Năm 385 Mộ Dung Xung (triều Tiền Yên)bao vây thành Trường An. Phù Kiên thấy thành Trường An khó lòng giữ được nên sai Phù Hoằng ở lại giữ thành, còn ông ta dẫn vào trăm kị binh chạy vào núi Tướng Sơn. Thái Tổ Diêu Trường (triều Hậu Tấn) (ông ta là người dân tộc Khương) sai quân bao vây núi Trường Sơn và sai bắt giữ Phù Kiên, giải Phù Kiên về giam ở miếu Phật tại Tân Bình,

Sau đó Diêu Trường sai người tới chỗ Phù Kiên lấy ấn ngọc và ép Phù Kiên phải nhường ngôi, nhưng đều bị Phù Kiên cự tuyệt. Diêu Trường liền bắt ép Phù Kiên tự sát, trước khi tự sát Phù Kiên nói với vợ là Trương Thị: "Không thể để cho người Khương làm nhục con gái của chúng ta". Nói xong ông ta thắt cổ tự tử. Trương Thị cũng tự vẫn theo chồng và con gái.

Sau khi Phù Kiên chết Diêu Trường đặt hiệu cho Phù Kiên là Liệt Thiên Vương. Về sau Phù Phi lên ngôi đổi thụy hiệu cho Phù Kiên là Tuyên Chiêu Đế và đặt hiệu miếu là Thế Tổ.

AI BÌNH ĐẾ (PHÙ PHI)

(TIỀN TẦN)

i Bình Đế, ông ta tên là Phù Phi (?-386). Ông là con trai cả (vợ lẽ) của Phù Kiên. Ông lên kế vị sau khi cha chết. Ông trị vì được 2 năm, ông chết trong cuộc giao chiến với triều Đông Tần. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Phù Phi được phong làm Trường Lạc Công. Khi thánh Trường An bị quân Tiền yên bao vây, ông dẫn 30.000 người chạy tới Nghiệp Thành, rồi thống lĩnh 60.000 người đi tối Lộ Châu, nhưng ông được đại tướng quân Trương Hào và lại sử ở Tĩnh Châu là Vương Đằng đón về Tần Dương. Lại sử ở Ung Châu là Vương Vĩnh (Vương Vĩnh là con trai Vương Mãnh) dẫn 10.000 bị bắt đến Tần Châu bảo cho Phù Phi biết tên Phù Kiên đã chết, vào tháng 8 bọn họ lập Phù Phi làm đế, đổi niên hiệu là Thái An.

Năm 386, Phù Phi dẫn quân đánh nhau với Mộ Dung Túc Vĩnh (Tiền Yên), nhưng ông bị đại bại trong trận chiến ở Tương Lãng (nay thuộc phía Đông Nam thành phố Lam Phấn tỉnh Sơn Đông). Thuộc hạ của ông ta là Phù Soái thừa cơ tạo phản, ông đành dẫn vài nghìn kị binh chạy xuống phía Đông và dự định cư trú ở Đông Hằng (nay thuộc huyện Tân tỉnh Hà Nam) tướng quân của triều Đông Tần là Mã Cai biết tin liền đến tấn công Phù Phi khiến Phù Phi bị đại bại. Phù Phi vội vàng chạy trốn, do không có ngựa nên phải chạy bộ, sau đó mệt quá nằm ngã ra đất. Mã Cai đuổi đến liền chém chết ông ta và chặt đầu mang về thành Kiến Khang.

Trong sử gọi Phù Phi là Ai Bình Đế.

THÁI TÔNG (PHÙ ĐĂNG)

(TIỀN TẦN)

Thái Tông, ông có tên là Phù Đăng (343-394) tên tự của ông là Văn Cao. Ông là cháu trong bộ tộc của Phù Kiên. Ông trị vì được 9 năm, và bị chết trong một cuộc giao chiến. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Phù Đãng được phong làm Nam An Vương. Ông dũng cảm mưu trí nên dần dần được làm những chức vụ như: thượng tướng quân, thái an lệnh... Về sau ông vi phạm quân lênh bị giáng xuống làm: Địch Đạo Trưởng. Sau khi thành Quang Trung bị bao vây. ông chạy xuống phía tây. Năm 386 ông được giúp làm đại tướng quân, đô đốc quân sự, ông quản lý 2 châu: Ung Châu, Hà Châu và gọi là Lược Dương Công. Sau này ông còn tấn công chiếm giữ được vùng Nam An, do đó Ai Bình Đế Phù Phi phong cho Phù Đãng làm Nam An Vương. Năm 386, ông đánh bại Diêu Trường trong trận chiến ở Tần Châu (nay thuộc phía Đông Nam huyện Lũng Tây tỉnh Cam Túc). Năm 386 Phù Phi bị triều Đông Tần đánh bại và giết chết, nên vào tháng 11 Phù Đãng xưng đế ở Lũng Tây, đổi niên hiệu là "Thái Sơ".

Sau khi đăng quang, Phù Đãng một lòng một dạ muốn báo thù cho Phù Kiên, do vậy ông sai lập bài vị cho Phù Kiên ngay trong doanh trại quân đội. Nhiều lần ông giao chiến với Diêu Trường, đại đa số giành được chiến thắng.

Năm 394, ông nghe tin Diêu Trường bị bệnh chết và con trai của Diêu Trường là Diêu Hưng lên kế vị, ông liền sai tấn công triều Hậu Tần, dự định đánh chiếm thành Trường An. Diêu Hưng phái Doãn Vĩ mang quân chống trả, trong trận đánh đầu tiên Doãn Vĩ chiếm cứ được cầu Phế Kiều khống chế được sông Thủy Nguyên, khiến cho Phù Đãng bị đại bại. Sau đó Diêu Hưng còn dẫn quân bao vây Phù Đãng ở núi Mã mao thuộc Bình lương (nay thuộc huyện Bình Lương tỉnh Cam Túc). Phù Đãng rơi vào tình thế khó khăn đành phải sai con trai là Phù Sùng đột phá vòng vây chạy đến Tây Tần nhờ cứu viện còn bản thân Phù Đãng thì xông ra khỏi núi tiếp ứng. Nhưng đoàn quân kéo đến không phải là quân cứu viện mà là quân lính Hậu Tần. Hai bên đánh trận không lâu thì quân của Phù Đãng bị tiêu diệt sạch chỉ còn mỗi mình Phù Đãng, ông ta bị quân lính của Diêu Hưng chém chết.

Sau khi ông ta chết đã đặt hiệu miếu là Thái Tông.

HẬU CHỦ (PHÙ SÙNG)

Hậu Chủ, ông ta tên là Phù Sùng (?-394). Ông là con trai của Thái Tông Phù Đãng. Ông lên kế vị sau khi cha chết. Ông trị vì được 2 tháng, bị quân Tây Tần giết, mai táng ở đâu không rõ.

*

Thời Phù Đãng trị vì đã lập Phù Sùng làm thái tử. Năm 394 sau khi Phù Đãng chết trận, Phù Sùng đã lên kế nhiệm. Ông cho đổi niên hiệu là "Diên Sơ".

Sau khi xưng đế, Phù Sùng cầu xin nhờ vả Khất Phục Cán Quy (triều Tây Tần) giúp đỡ. Khất Phục Cán Quy vốn định cho quân đi cứu trợ quân Tiền Tần nhưng khi nghe tin Phù Đãng chết, ông ta giở mặt cự tuyệt không đi tiếp viện.

Phù Sùng đành đầu hàng Dương Định (là vua ở Lũng Tây), Dương Định sai triệu tập 20.000 kị binh và bộ binh, cùng với Phù Sùng khởi binh đánh Khất Phục Cán Quy. Nhưng cả Dương Định và Phù Sùng đều bị bại trận và chết. Trong lịch sử gọi Phù Sùng là Hậu Chủ. Triều Tiền Tần bị diệt vong.

HẬU TẦN

(384-417, tổng cộng 34 năm)

Hậu Tần có 3 đế vương trong đó có một người bị giết khi mất nước nhà tan, hai người bị bệnh chết.

Trong đó có phụ chú thêm về: Diêu Dặc Trọng và Diêu Tương. Diêu Dặc Trọng bị bệnh chết, còn Diêu Tương bị giết.

DIÊU DẶC TRỌNG

(HẬU TẦN)

Diêu Dặc Trọng (280-352). Ông là thủ lĩnh dân tộc Khương, ông là một trong những người xây dựng nên triều Hậu Tần. Ông bị bệnh chết, thọ 73 tuổi. Mai táng ở Cô Bàn.

Diêu Dặc Trọng là thủ lĩnh dân tộc Khương ở Xích Đình (thuộc Nam An) (nay thuộc phía Tây huyện Lũng Tây tỉnh Cam Túc). Về sau ông dẫn 10.000 người đi xuống phía Đông và cư trú ở Du Mi (nay thuộc phía Đông huyện Thiên Dương tỉnh Thiểm Tây) và ông tự xưng là hiệu uy Hộ Tây Khương, lại sử Ung Châu, Phục Phong Công... Tuy vậy ông vẫn phụ thuộc vào triều Tiền Triệu và Hậu Triệu, ông tham gia trấn áp cuộc khởi nghĩa của Lương Độc nên được phong làm quận công ở Tây Bình. Sau khi Thái tổ Thạch Hổ chết, ông lại giúp đỡ con Thạch Hổ là Thạch Kỳ tấn công Nhiễm Mẫn. Sau khi triều Hậu bị diệt vong, ông đã quay sang dựa vào triều Đông Tấn. Và được triều Đông Tấn phong cho làm: đại đô đốc ở tộc Di, đại tướng quân và Đại Đơn Vu.

Năm 352, Diêu Dặc Trọng bị ốm nặng, ông cho triệu tập 42 người con nói: "Vì triều Tần đại loạn nên cha phải dẫn quân tới phía tây, nhà họ Thạch đối đãi với cha rất tốt, cha định giúp họ tiêu trừ kẻ địch để báo đáp ân tình. Nhưng hôm nay nhà họ Thạch đã diệt vong, vùng Trung Nguyên không có chủ, sau khi cha chết, các con hãy quy phục nhà Tấn, làm một quần thần trung hiếu đừng có làm gì gây chuyện ác độc để tránh diệt vong". Mấy hôm sau ông ra đi. Con trai của ông là Diêu Tương bí mật không phát tang, mang linh cữu của cha đi theo bên mình, dẫn quân tấn công triều Tiền Tần. Nhưng Diêu Tương thua trận bị bắt làm tù binh, linh cữu của Diêu Dặc Trọng bị quân của Phù Kiên cướp đoạt. Phù Kiên đã lấy linh cữu của Diêu Dặc Trọng để ép buộc Diêu Trường đầu hàng (Diêu Trường là con trai của Diêu Dặc Trọng). Sau khi Diêu Trường đầu hàng Phù Kiên sai chôn cất Diêu Dặc Trọng tại Cô Bàn.

DIÊU TƯƠNG
(HẬU TẦN)

Diêu Tương (331-357). Tên tự của ông là Cảnh Quốc. Ông là con trai thứ 5 của Diêu Dặc Trọng. Ông là một trong những người gây dựng nên triều Hậu Tần. Ông bị giết khi quân Tiền Tần bắt làm tù binh. Hưởng dương 27 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Hồi đầu Diêu Tương theo cha đi làm đại thần của triều Hậu Triệu, được phong làm tướng quân Phiêu kị, và được phong làm Tân Xương Công. Về sau ông quy phục triều Tần nên được phong là tướng quân ở Bắc Bình, kiêm đô đốc ở tĩnh Châu. Sau khi Diêu Dặc Trọng chết, ông được kế nhiệm chức vụ thủ lĩnh của cha, trong trận chiến đánh nhau với Phù Kiện ông bị thất bại và phải bỏ chạy khỏi triều Đông Tấn. Năm 356, tướng Ân Hạo (triều Đông Tấn) mang quân xuống phương Bắc dẹp phản loạn, ông nhân cơ hội đó chạy về phương Bắc. Năm 356, Hằng Ôn xuống phía Bắc tấn công Diêu Tương và đánh cho Diêu Tương đại bại, Diêu Tương phải tụ tập 50.000 dân lui xuống cư trú ở Hoàng Lạc (nay thuộc tỉnh Thiểm Tây)

Tháng 4 năm 357, Phù Kiên (triều Tiền Tần) dẫn quân tấn công và vây đánh thành Hoàng Lạc. Diêu Tương cố thủ không ra đánh. Phù Kiên bèn sai quân lính đứng trước cửa thành chửi bới nhục mạ, nghe bọn lính nhục mạ khích báo Diêu Tương không kìm được nóng giận nên dốc toàn bộ quân lính ra đánh trận. Quân Tiền Tần vừa đánh vừa lui nhử Diêu Tương Tam Nguyên, ở đó có quân mai phục sẵn nhất tề xông ra tấn công Diêu Tương, bao vây Diêu Tương đứng giữa. Diêu Tương ngồi trên ngựa định đột phá vòng vây chạy trốn, bỗng nhiên con ngựa chiến hất ông ta ngã xuống đất, quân Tiền Tần xông đến bắt giữ Diêu Tương và giải ông ta đến gặp Phù Kiên. Phù Kiên biết tính Diêu Tương rất hiên ngang khó lòng thu phục được liền sai lính chém chết.

THÁI TỔ (DIÊU TRƯỜNG)
(HẬU TẦN)

Thái Tổ, ông ta tên là Diêu Trường (330-393). Ông ta tên là Cảnh mậu. Ông là con trai thứ 24 của Diêu Dặc Trọng. Sau khi Diêu Tương chết, Diêu Trường được các quần thần trong tộc Khương giúp lên kế vị, sau đó ông ta xưng đế. Ông trị vị được 10 năm, bị bệnh chết hưởng thọ 64 tuổi. Mai táng ở Nguyên Lãng. (nay thuộc huyện Trường An tỉnh Thiểm Tây).

*

Sau khi Diêu Tương bị giết, linh cữu của Diêu Dặc Trọng bị Phù Kiên (triều Tiền Tần) cướp đoạt, Diêu Trường bị Phù Kiên dùng linh cữu cha để ép buộc đầu hàng, do đó Diêu Trường phải quy phục Phù Kiên và đi theo ông ta đánh trận, trong chiến trận Diêu Trường lập được nhiều công lớn nên được phong làm tướng quân ở Long Tương. Sau trận chiến ở Phì Thủy, Mộ Dung dấy binh đánh Tiền Tần, Diêu Trường và Phù Nhuệ đi nghênh chiến nhưng quân của Diêu Trường và Phù Nhuệ bị đánh cho đại bại. Phù Kiên sai sứ giả bắt Diêu Trường về kinh nhưng Diêu Trường đã chạy trốn đến Vị Bắc. Năm 384, một số người cư trú ở Tây Châu, Doãn Tường (là quý tộc ở dân tộc Khương, Triệu Diệu. Sài Quảng và Doãn Vĩ... đã dẫn 50.000 hộ dân ủng hộ Diêu Trường làm chủ nhân, ông xưng là đại tướng quân, đại đơn vụ, Tần Vương, ông cho đổi niên hiệu là "Bách Tước", tiến đến cư trú ở phía Bắc (nay thuộc phía Đông Nam huyện Diệu tỉnh Thiểm Tây), ông cho xây dựng chính quyền, trong sử gọi là Hậu Tần. Năm 385, ông giết Phù Kiên. Tháng 4 năm 386 ông xứng đế, và sai đặt đó ở Trường An, vẫn để quốc hiệu là "Đại Tần" và đổi niên hiệu là "Kiến Sơ".

Sau khi xưng đế, Diêu Trường luôn đối chọi với Phù Đãng (triều Tiền Tần) ở khu vực Quan Long. Năm 292, Diêu Trường xuất quân đi đánh Phù Đãng. Nhưng trên đường hành quân đến Tân Chi, chẳng mang Diêu Trường bị ngã bệnh, đêm đến ông ta mơ thấy Phù Kiên dẫn sứ giả ở thiên quan và vài trăm ma quỷ xông vào doanh trại, ông ta sợ quá chạy vào cung. Người trong cung rất mê tín, liền chuyển ông ta ra khỏi chỗ có ma quỷ, nhưng bệnh tình của ông ta lại chuyển ra nguy kịch, ông vội triệu tập thái úy Diêu Dân, thượng thư Doãn Vĩ đến tiếp nhận di lệnh, sau đó sai gọi thái tử Diêu Hưng đến căn dặn: "Những đại thần Diêu Nhân, Doãn Vĩ... đều là những người giúp trẫm trong lúc hoạn nạn, nếu ai đó nói xấu bọn họ, con không được tin những lời bịa đặt đó. Con đối với cốt nhục phải thân ái, đối xử với quần thần phải tín nghĩa, có chuyện gì quan trọng phải bàn bạc chọn lực phương pháp tốt nhất cần phải ban ơn cho bà con trăm họ. Nếu con làm được 4 điều đó thì sẽ gây dựng được cảnh quốc thái dân an, trẫm có chết cũng an lòng". Vài ngày sau, ông ta băng hà.

Sau khi Diêu Trường chết đặt hiệu miếu là Thái Tổ.

CAO TỔ (DIÊU HƯNG)
(HẬU TẦN)

Cao Tổ, ông ta tên là Diêu Hưng (366-416). Tên tự của ông là Tử Lược. Ông là con trưởng của Diêu Trường. Ông lên kế vị sau khi cha mất, trị vì được 23 năm, trong lúc bị bệnh thì con trai ông là Diêu Âm đã làm loạn và cướp ngôi, do vậy ông sợ quá mà chết, hưởng thọ 51 tuổi.

Mai táng ở Ngụy Lãng.

*

Năm 393 Diêu Trường bị bệnh chết. Diêu Hưng đã lên kế vị, ông đổi niên hiệu là "Hoàng Sơ".

Sau khi lên ngôi, Diêu Hưng lần lượt diệt vong triều Tiền Tần, triều Hậu Lương và thu phục được Tây Tần, còn trong nội bộ quốc gia ông sai giết các cường hào dân tộc Khương và dân tộc Hán, phóng thích các nô tì, ông huấn luyện và dạy dỗ các quan coi ngục ở các quận huyện phải thận trọng trong việc sử dụng các hình phạt; ông còn cho mới cao tăng Cưu Ma Lặc Kế và sai ông ta dịch kinh Phật thành tiếng Hán, sao chép thành nhiều quyển, việc đó giúp Phật giáo lưu hành rộng rãi ở miền Bắc. Diêu Hưng sai lập Diêu Hoằng làm thái tử, nhưng các con của Diêu Hưng lại tranh giành nhau quyền lực. Tháng 2 năm 416 Diêu Hưng dẫn quân xuống phía nam trên đường đi ông bị bệnh, do đó thuộc hạ phải đưa ông quay về Trường An, bệnh tình của ông mỗi lúc một nguy kịch. Em gái ông biết tin vội vàng vào cung thăm hỏi, nhưng ông cũng không còn sức trả lời, những câu hỏi của em gái, mọi người trong cung thấy vậy họ đoán ông sắp chết nên vô cùng hoang mang. Con trai nhỏ của ông là Diêu Canh nghe thấy tin đó vội vàng chạy tới chỗ anh trai là Diêu Âm nói: "Phụ Vương sắp băng hà, anh hãy nhanh chóng cầm nắm ngôi vị đi". Lúc đó thái tử Diêu Hoằng đang chăm sóc vua cha. Diêu Âm sai tập hợp các tay chân là Sản Xung và Diêu Vũ Bôi... đánh thẳng vào Đoan Môn, quân phản loạn còn trèo tường xông thẳng vào Mã Đạo. Diêu Hoằng vội sai các tướng sĩ trong cung trấn giữ những chỗ quan trọng và kho vũ khí, Diêu Âm không làm cách nào đột nhập vào trong cung nên đành ra lệnh bao vây ở Đoan Môn. Người trong cung sợ hãi chạy náo loạn và đã làm kinh động đến Diêu Hưng, ông vội sai thị vệ dìu ra khỏi cung, điều đó làm cho dũng khí của cấm vệ quân thêm phấn khởi, còn quân phản loạn nhìn thấy ông thì chạy tan tác, Diêu Âm phải chạy trốn. Diêu Hưng ra lệnh xử tội chết con trai ông là Diêu Bật (Diêu Bật đã mấy lần làm phản để cướp đoạt ngôi vị) nhằm làm gương cho những người con khác. Sau việc đó Diêu Hưng bị tổn hại nghiêm trọng về tinh thần, vài ngày sau ông mất tại cung trong thành Trường An.

Sau khi ông mất, đặt hiệu miếu là Cao Tổ và thụy hiệu là Hằng Đế.

HẬU CHỦ (DIÊU HOẰNG)
(HẬU TẦN)

Hậu Chủ, ông ta tên là Diêu Hoằng (388-417). Tên tự của ông là Nguyễn Tử, ông là con trai cả của Cao Tổ Diêu Hưng. Ông lên kế vị sau khi cha mất, ông trị vì được 2 năm, sau đó bị Lưu Dục triều Đông Tấn diệt vong nên phải đầu hàng cuối cùng bị giết. Thọ 30 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Thời Diêu Hưng trị vì đã lập Diêu Hoằng làm thái tử. Sau khi Diêu Hưng mất, Diêu Hoằng kế nhiệm, ông đổi niên hiệu là "Vĩnh Hòa".

Diêu Hoằng thích bàn luận về học thuật, đặc biệt ông rất thích thơ ca. Sau khi lên ngôi, ông bị các em là: Diêu Âm, Diêu Tề, Diêu Khôi... thay nhau nổi loạn cướp đoạt ngôi vị. Ông phải mất 4 lần điều binh mới dẹp yên, bình định được nội chiến.

Năm 417, Lưu Dục (triều Đông Tấn) đem quân chinh phạt phương Bắc, sai các tướng lĩnh Trầm Điền, Phó Hoằng đánh phá Vũ Quan, chiếm giữ Thanh Ni... thế địch rất mạnh khiến Diêu Hoằng phải đích thân dẫn vài vạn quân ra nghênh chiến. Từ nhỏ đến lớn Diêu Hoằng chưa bao giờ phải trải qua một trận chiến với quy mô lớn, lần này quân Tấn chỉ có 1.000 người la hét khiêu khích, khiến Diêu Hoằng phẫn nộ quất ngựa đuổi đánh, vài vạn quân cũng đều bỏ chạy. Quân Tấn thừa cơ xông vào thành Trường An, Diêu Hoằng đơn thương độc mã đành phải xin

đầu hàng. Lúc này con trai ông là Diêu Niệm Phật (chỉ có 11 tuổi) đã khóc và khuyên can cha: "Nếu bệ hạ đầu hàng, người Tấn sẽ thừa cơ lấn tới, chắc gì họ tha mạng cho chúng ta, như vậy khác gì đào huyệt tự chôn sống mình". Diêu Hoằng trầm tư không nói gì, thấy vậy Diêu Niệm Phật liền trèo lên tường thành nhẩy xuống tự vẫn. Diêu Hoằng dẫn gia tộc và quần thần tới doanh trại quân Tấn xin đầu hàng, quả nhiên bị Lưu Dục giải về Kiến An và sai người chém chết.

Trong lịch sử gọi Diêu Hoằng là Hậu Chủ. Triều Hậu Tần bị diệt vong.

TÂY TẦN

(Năm 385-431, tổng cổng 47 năm)

Triều Tây Tần có 4 đế vương, trong đó có hai người bị bệnh chết, một người mất nước đầu hàng nên bị giết, một người bị giết trong cuộc nội chiến.

LIÊT TỔ (KHẤT PHỤC QUỐC NHÂN)
(TÂY TẦN)

Liệt Tổ, ông ta tên là Khất Phục Quốc Nhân (?-388) Ông là thủ lĩnh bộ lạc dân tộc Tiên Ti, về sau ông tự xưng vương. Ông trị vì được 4 năm, bị bệnh chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Khất Phục Quốc Nhân là người dân tộc Tiên Ti ở Lũng Tây. Cha của ông là Khất Phục Ti Phốn là thủ lĩnh bộ lạc dân tộc Tiên Ti và đã quy phục triều Tiền Tần. Sau khi Ty Phốn chết. Quốc Nhân kế nhiệm chức vị. Sau trận chiến ở Phi Thủy, Quốc Nhân đã quay về Lũng Tây chiếm cứ một phương. Tháng 9 năm 385 ông tự xưng là đại đô đốc, đại tướng quân, đại đơn vu, thống lĩnh 2 châu: Tần Châu và Hà Châu, ông sai định đô ở thành Dũng Sĩ (nay thuộc phía Đông Bắc huyện Du Trung tỉnh Cam Túc), ông đặt niên hiệu là "Kiến Nghĩa". Trong lịch sử gọi là Tây Tần. Sau khi ông gây dựng chính quyền đã xin làm đại thần cho triều Tiền Tần và đã được thái tông Phù Đãng phong làm Uyển Xuyên Vương. Tháng 6 năm 388, ông bị bệnh mất tại thành Dũng Sĩ.

Sau khi ông chết, lập hiệu miếu là Liệt Tổ, và còn gọi là Tuyên Liệt Vương.

CAO TỔ (KHẤT PHỤC CÀN QUY)
(TÂY TẦN)

Cao Tổ, ông ta tên là Khất Phục Càn Quy (?-412). Ông là em trai của Khất Phục Quốc Nhân. Sau khi anh trai chết, ông được tôn làm chủ nhân. Ông trị vì 25 năm, sau đó bị cháu là Khất Phục Công Phủ giết hại. Mai táng ở Nguyên Bình Lãng.

*

Tháng 6 năm 388 Khất Phục Quốc Nhân bị ốm chết, những người trong bộ lạc tôn Khất Phục Càn Quy làm chủ nhân, sau khi kế vị ông đổi niên hiệu là "Thái Sơ". Và cho dời đô đến Kim Thành.

Phù Đãng (triều Tiền Tần) phong cho ông làm Hà Nam Vương, Kim Thành Vương. Năm 400 ông được gọi là Tây Tần Vương. Tháng 7 ông đầu hàng Thốc Phát Lợi Lộc Cô (triều Nam Lương). Tháng 8 ông lại quy hàng triều Hậu Tần. Tháng 7 năm 409 ông xưng vương và cho đổi niên hiệu là "Canh Thủy".

Trong thời gian trị vì, ông đã chiếm lĩnh toàn bộ vùng Lũng Tây. Tháng 6 năm 412 Càn Quy đi du lịch ở Ngũ Khê. Buổi tối hôm đó, cháu ông là Khất Phục Công Phủ vì hận ông được kế vị còn bản thân anh ta là con trai của Quốc Nhân mà không được làm vua, do vậy lợi dụng thời cơ Càn Quy ngủ trong vườn thượng uyển nên anh ta cùng thuộc hạ xông vào đó sát hại Càn Quy, sau đó chạy về triều để lấy lại ngôi vị nhưng bị con trưởng của Càn Quy là Khất Phục Xí Bàn giết chết.

Sau khi Càn Quy chết, lập miếu đặt hiệu là Cao Tổ, đặt thụy hiệu là Vũ Nguyên Vương.

THÁI TỔ (KHẤT PHỤC XÍ BÀN)
(TÂY TẦN)

Thái Tổ, ông ta tên là: Khất Phục Xí Bàn (?-428) Ông là con trai cả của Cao Tổ Khất Phục Càn Quy. Sau khi Càn Quy bị Khất Phục Công Phủ sát hại, Xí Bàn giết Công Phủ và lên kế vị. Ông trị vì 17 năm bị bệnh chết. Mai táng ở Vũ Bình Lãng.

*

Thời Khất Phục Càn Quy trị vì đã lập Xí Bàn làm thái tử, Xí Bàn từng theo cha đầu hàng Hậu Tần và được phong làm tướng quân, thái thú Hưng Tấn. Tháng 7 năm 409, triều Hậu Tần suy bại ông theo cha quay về Uyển Châu (nay thuộc huyện Du Trung tỉnh Cam Túc). Cha của ông được phục hồi chức vị Tây Tần Vương, còn ông được phong làm tướng quân trấn giữ miền Tây, tả hiền vương. Bình Xương Công. Tháng 6 năm 412 ông giết Khất Phục Công Phủ và dẹp yên được nội loạn, ông lên ngôi kế vị và cho đổi niên hiệu là "Vĩnh Khang". Tháng 5 năm 428 Xí Bàn chết, ông để lại di chiếu cho thái tử Mộ Mạt kế vị.

Sau khi Xí Bàn chết đặt hiệu miếu là Thái Tổ, đặt thụy hiệu là Chiêu Vương.

HẬU CHỦ (KHẤT PHỤC MỘ MẠT)
(TÂY TẦN)

ậu Chủ, ông ta tên là Khất Phục Mộ Mạt (?-431), tên tự của ông là An Thạch. Ông là con trai thứ hai của Thái Tổ Khất Phục Xí Bàn. Ông kế vị sau khi cha chết. Ông trị vì được 4 năm, sau đó quy hàng nước Hạ và bị giết chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Tháng 6 năm 428 Xí Bàn bị bệnh chết, Mộ Mạt lên kế vị, ông đổi niên hiệu là "Vĩnh Hoằng". Sau khi Mộ Mạt lên ngôi, ông ta liên tiếp đi chính phạt triều Tiền Lương, khiến cho quốc gia bị hao tổn nặng nề về người và của, thế nước dần yếu, ông dùng hình phạt rất nghiêm khắc và tàn bạo khiến cho dân chúng nổi loạn. Sau đó ông bị Hách Liên Định (triều Hạ) vây đánh và cuối cùng phải quy hàng triều Bắc Ngụy. Triều Bắc Ngụy sai lính đón ông ta về Bình Dương, ông ta phá bỏ thành ấp tiêu hủy ấn ngọc và dẫn 15.000 hộ dân đi xuống phía Đông. Đi đến được Thượng Quy (nay thuộc phía Đông Nam huyện Du Lâm tỉnh Thiểm Tây) thì bị Hách Liên Định đột kích do đó phải lui về Nam An (nay thuộc phía Đông Nam huyện Lũng Tây tỉnh Cam Túc). Hách Liên Định phái thúc phụ là Hách Liên Vi dẫn quân bao vây thành Nam An. Ông cố thủ không ra đánh trả, sau đó trong thành cạn kiệt lương thực, không còn cách nào khác Mộ Mạt đành phải ngậm ngọc bích cởi trần, trói hai tay đến đầu hàng. Sau đó bị giải đến Thượng Khúc và bị chém chết cùng với hơn 500 tông thất.

Trong sử gọi Khất Phục Mộ Mạt là Hậu Chủ. Triều Tây Tần bị diệt vong.

ĐẠI QUỐC

(Năm 315-376, tổng cộng 62 năm)

Triều Đại Quốc có 7 đế vương, trong đó có 2 người bị ốm chết; 3 người bị giết trong nội chiến, một người chết do phiền muộn, một người không rõ ra sao.

*

ĐẠI VƯƠNG (THÁC BẠT PHỔ CĂN)
(ĐẠI QUỐC)

Thác Bạt Phổ Căn (?-316). Ông là cháu của Thác Bạt Y Lộ. Sau khi Thác Bạc Y Lộ bị con trai của Thác Bạt Lục Tu hãm hại chết, Phổ Căn đã khởi binh sát hại con trai của Lục Tu và Phổ Căn tự xưng vương. Được vài tháng thì ốm chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

ĐẠI VƯƠNG (THÁC BẠT UẤT LUẬT)
(ĐẠI QUỐC)

Thác Bạt Uất Luật (?-320). Ông là cháu Thác Bạt Y Lộ. Ông lên kế vị sau khi Thác Bạc Phổ Căn ốm chết. Ông trị vì được 5 năm, sau đó bị vợ của Thác Bạt Y Lộ hại chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Thác Bạt Uất Luật là em họ của Thác Bạt Phổ Căn, sau khi Phổ Căn chết, Uất Luật lên kế vị.

Trong thời gian Phổ Căn trị vì, ông đánh bại Lưu Hổ và thu phục được em họ của Lưu Hổ là Lưu Lộ, tiến xuống phía Tây và đoạt được vùng đất Ô Tôn, tiến xuống phía Đông chiếm được quận Cát Tây, dần dần ông có binh hùng tướng mạnh và một thời xưng hùng ở phương Bắc. Ông từ chối kết mối thân giao với triều Hậu Triệu và Đông Tấn.

Năm 320 vợ của Thác Bạt Y Lộ là Duy Thị muốn lập con trai mình là Thác Bạt Hạ Nộ Làm vua, do đó bà ta đã âm thầm chiêu nạp binh sĩ và tướng lĩnh, thừa cơ phát động chính biến. Uất Luật là con người chính nghĩa hào phóng do đó ông không đề phòng nên bị giết chết cùng mấy mươi tướng lĩnh thân tín.

Lúc này, con của Thác Bạt Uất Luật tên là Thác Bạt Thập Dực Kiện vốn chỉ là một đứa trẻ mới lọt lòng nên được mẹ giấu ở trong áo. Duy Thị thấy vợ của Uất Luật chỉ có một thân một mình nên đã thả cho cô ta đi, do đó Thập Dực Kiện đã bảo toàn được tính mạng theo mẹ và anh trai là Dực Hòe đi ẩn cư tại Hạ Lan Bộ.

ĐẠI VƯƠNG (THÁC BẠT HẠ NỘ)
(ĐẠI QUỐC)

Thác Bạt Hạ Nộ (?-324). Ông là con trai của Thác Bạt Y Lộ. Mẹ của ông ta giết Thác Bạt Uất Luật và lập Hạ Nộ làm vương. Ông trị vì được 4 năm, do người trong bộ lạc không phục sự thống trị của ông ta, do vậy ông ta sinh bệnh buồn rầu mà chết, ông mất tại Đông Mục Căn. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Thác Bạt Hạ Nộ được mẹ đẻ giúp lập làm vua sau khi bà ta giết hại Thác Bạt Uất Luật, tuy Hạ Nộ làm vua nhưng mẹ ông ta thường chấp chính và rất chuyên quyền.

Năm 324, Hạ Nộ chính thức tự giải quyết công việc triều chính. Ông ta tính tình nhu nhược, không có đủ tài trí để cai trị bà con trăm họ, vì vậy có tù trưởng bộ lạc đều không trung thành và không tâm phục đối với Họ Nộ. Điều đó khiến Hạ Nộ sinh ra chán nản và buồn phiền, ông đi đến núi Đông Mục Càn dựng một tòa thánh để sống qua ngày. Tuy sống ở chỗ mới nhưng ông luôn lo sợ các tù trưởng đến ép buộc nên đã sinh bệnh trầm uất và băng hà tại nơi đó.

ĐẠI VƯƠNG (THỐC BẠT HỢP NÁ)

Thốc Bạt Hợp Ná năm sinh và năm mất không rõ. Ông là con trai của Thốc Bạt Y Lộ và là em trai của Thốc Bạt Hạ Nộ. Ông lên kế nhiệm sau khi anh trai mất. Ông trị vì được 6 năm, bị Thốc Bạt Dực Hòe đánh bại phải chạy đến đất Yên. Chuyện về sau ra sao không rõ.

*

Sau khi Thốc Đạt Hạ Nộ chết. Thốc Đạt Hợp á tiếp nhận ngôi vị.

Hợp Ná là một người kiên cường dũng mãnh, vì vậy sau khi đăng quang ông thu phục được các tù trưởng. Từ lâu ông ta biết con cái của Thốc Phát Uất Nộ ẩn trốn trong Hạ Lan Bộ. Ông ta liền đi dò hỏi tù trưởng Cát Đấu (tù trưởng Cát Đấu là cậu của Dực Hòe và Thập Dực Kiện), khi Hạ Nộ hỏi đến anh em nhà Dực Hòe, tù trưởng Cát Đấu từ chối không biết gì về tin tức của Dực Hòe, sau đó Cát Đấu đi đến triều Hậu Triệu nhờ giúp đỡ mang quân tới tấn công Hạ Nộ và lập Dực Hòe làm vương. Sau đó, Cát Đấu ỷ vào công lao nên đã làm càn, khiến Dực Hòe đành phải giết ông ta, do vậy gây nên cuộc nội chiến. Hợp Ná cũng chớp thời cơ để tạo phản. Năm 330 Dực Hòe phải chạy đến Nghiệp Thành nhờ Thạch Hổ (triều Hậu Triệu) giúp đỡ, Dực Hòe phải mang em trai là Thập Dực Kiện làm con tin ở triều Hậu Triệu. Sau khi có con tin, Thạch Hổ mới dẫn quân giúp Dực Hòe tấn công Hợp Ná. Hai bên đánh nhau trong vài tháng, nhưng các tù trưởng bộ lạc của Hợp Ná liên tiếp chạy trốn, ông ta không có cách gì chống trả được nên chạy tới đất Yên, chuyện về sau ra sao không rõ lắm.

ĐẠI VƯƠNG (THỐC PHÁT DỰC HÒE)
(ĐẠI QUỐC)

Thốc Phát Dực Hòe (?-338). Ông là con trai của Thốc Phát Uất Luật, sau khi ông đánh bại Thốc Phát Hợp Ná và đứng ra tiếp nhận ngôi vị. Ông trị vì được 9 năm bị bệnh chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Sau khi xưng vương Thốc Phát Dực Hòe cho dựng đô ở Thịnh Lạc.

Năm 388 Dực Hòe bị bệnh, ông sai gọi hai em trai là Thốc Phát Khuất và Thốc Phát Cô (hai người này là em cùng cha khác mẹ với Dực Hòe) đến dặn dò: "Quả nhân khó lòng sống được. Hai khanh đều không phải người tài có thể trị được quốc gia, xem ra chỉ có Thốc Phát Thập Dực Kiện có thể gánh vác trách nhiệm này, hãy đi đón Thập Dực Kiện về kế vị, có làm như thế mới có thể bảo tồn được quốc gia và giúp cho Đại Quốc tồn tại lâu dài".

Sau khi Dực Hòa chết, Thốc Phát Khuất muốn cướp quyền đoạt vĩ do đó các tù trưởng phải giết Thốc Phát Khuất và Lập Thốc Phát Cô lên ngôi. Nhưng Thốc Phát Cô một mực chối từ, ông nhất định tuân theo di chiếu của anh trưởng, ông vội vàng đi đến triều Hậu Triệu vận động Thạch Hổ thả con tin, đón Thập Dực Kiện về kế vị.

ĐẠI VƯƠNG (THỐC PHÁT THẬP DỰC KIÊN)
(ĐẠI QUỐC)

Đại Vương, ông ta tên là Thốc Phát Thập Dực Kiện (320-376). Ông là con trai của Thốc Phát Uất Luật. Sau khi Thốc Phát Dực Hòe chết, Thốc Phát Cô đã đến triều Hậu Triệu đón ông ta về Đại Quốc và để Thập Dực Kiện tiếp nhận ngôi vị. Ông trị vì được 39 năm, Đại Quốc bị Phù Kiên (triều Tiền Tần) diệt vong và bị con giết chết. Ông thọ 57 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Năm 338 Thốc Phát Dực Hòe chết, Thốc Phát Cô chối từ kế nhiệm ngôi vị và Thốc Phát Cô đi đến triều Hậu Triệu đón Thốc Phát Thập Dực Kiện về. Tháng 11 năm 338, Thập Dực Kiện làm lễ đăng quang ngôi vị ở phía Bắc thành Phồn Trĩ (nay thuộc phía Tây huyện Hồn Nguyên tỉnh Sơn Tây), đặt niên hiệu là "Kiến Quốc". Sau đó ông dời đô đến Thịnh Lạc.

Từ nhỏ Thập Dực Kiện phải đi làm con tin ở Trương Quốc (triều Hậu Triệu) (nay thuộc huyện Hình Trị tỉnh Hà Bắc), do đó ông tiếp thu được nhiều ảnh hưởng của nền văn hóa dân tộc Hán và học được rất nhiều chế độ điển chương của vùng Trung Nguyên. Sau khi lên ngôi. Ông trọng dụng những văn nhân người Hán như: Yên Phụng, Hứa Liêm...Ông dựa vào chế dộ của triều Tấn cũng phân bố bá quan văn võ đặt ra hình pháp, ổn định được cục diện của dân tộc. Ông ta nhiều lần đánh các bộ lạc lân cận để mở rộng thế lực, chiếm cứ được phần phía Nam của khu vực Nội Mông Cổ và phía Bắc tỉnh Sơn Tây. Khiến cho dân sớ trong nước do ông cai trị tăng đến 100.000 người. Đây là thời kỳ hưng thịnh của Đại Quốc.

Tháng 11 năm 376, Phù Kiên (triều Tiền Tần) thống lĩnh 300.000 quân lính tấn công Đại Quốc. Quân của Thập Dực Kiện liền tiếp bị thất bại, còn bản thân Thập Dực Kiện cũng bị ốm, ông đánh phải chạy trốn đến phía Bắc của Âm Sơn (nay thuộc phía Bắc thành phố Bao Đầu khu Nội Mông Cổ). Sau đó bị quân Cao Xa chặn đánh, ông lại phải quay về Mạc Nam, cư trú ở Vân Trung (nay thuộc khu vực Nội Mông Cổ). Con trai thứ của ông cho rằng phụ vương muốn giết mình để lập con của Mộ Dung Phi làm người kế vị, cho nên anh ta đã triệu tập thuộc hạ xông vào doanh trại của phụ vương, đầu tiên giết chết em cùng cha khác mẹ lúc này đang canh giữ ở ngoài cửa trại, sau đó xông vào bên trong định ép buộc phụ vương, nhưng Thập Dực Kiện bị quân phản loạn chém chết. Quân Tiền Tần thừa cơ tiến đến tấn công thành Vân Trung và giết chết đứa con phản nghịch của Thập Dực Kiện và thôn tính được toàn bộ Đại Quốc khiến cho Đại Quốc bị diệt vong.

Có một thuyết khác nói: Thập Dực Kiện bị Phù Kiên bắt làm tù binh giải đến Trường An cho ông vào Thái Học để học lễ nghĩa.

ĐẠI HẠ

(Năm 407-431, tổng cộng 25 năm)

Đại Hạ có 3 đế vương, trong đó một người bị bệnh chết, hai người bị giết khi bị bắt làm tù binh.

THÁI TỔ (HÁCH LIÊN BỘT BỘT)
(ĐẠI HẠ)

Thế Tổ, ông ta tên là Hách Liên Bột Bột (381-425) tên tự của ông là Khuất Tử. Ông là người dân tộc Hung Nô. Ông được triều Hậu Tần phong làm Ngũ Nguyên Công, sau đó ông tự xưng đế. Ông trị vì được 19 năm bị bệnh chết. Hưởng thọ 45 tuổi. Mai táng ở Gia Bình Lãng.

*

Hách Liên Bột Bột là người bộ lạc Thiết Phất thuộc tộc Hung Nô. Cha của ông là Hách Liên Lưu Vệ được Phù Kiên (Tiền Tần) phong làm Tây Đơn Vu, quản lý bộ lạc ở vùng Hà Tây. Sau này Hách Liên Lưu Vệ bị chết trong cuộc chiến đánh nhau với bộ tộc của dòng họ Thốc Phát; Hách Liên Bột Bột phải dẫn dân trong bộ lạc chạy xuống phía Nam để dựa dẫm vào Diêu Hưng (triều hậu Tần) và được Diêu Hưng phong cho làm Ngũ Nguyên Công. Năm 407 ông chiêu tập quần chúng và tự lập xưng là Thiên Vương, đại đơn vu, ông đặt quốc hiệu là "Đại Hạ", đặt niên hiệu là "Long Biền". Trong sử gọi là Hạ. Năm 413 ông chiếm lĩnh được thành Thống Vạn (nay thuộc huyện tĩnh. Biên tỉnh Thiểm Tây) Ông định chọn nơi đó làm đô thành, nhưng về sau triều Đông Tấn diệt vong triều Hậu Tần, ông đánh bại triều Đông Tấn, đánh chiếm được Quang Trung, chiếm cứ Trường An, tháng 11 năm 418 ông xưng đế và đổi niên hiệu là "Xương Vũ". Ở Trường An ông sai bố trí xây một Nam Đài, cho thái tử Hách Liên Quý quản lý vùng Ung Châu, thượng thư quản lý ở Nam Đài. Còn ông quay về thành Thống Vạn. Được một thời gian ông nghi ngờ thái tử Hách Liên Quý không trung hiếu, ông liền phế bỏ địa vị của Hách Liên Quý. Bị cha phế bỏ địa vị Hách Liên Quý oán hậu cha nên khởi binh tấn công Hách Liên Bột Bột nhưng bị em trai là Hách Liên Xương đánh bại và giết chết. Hách Liên Bột Bột lại lập Hách Liên Xương làm thái tử.

Trong những năm Hách Liên Bột Bột trị vì, ông ta tàn sát hung bạo, tự cao tự đại quá độ, sát hại bách tỉnh ở vùng Quang Trung.

Tháng 8 năm 425, ông ta tạ thế bại điện Vĩnh An đô thành Thống Vạn.

Sau khi ông ta chết lập miếu đặt hiệu là Thế Tổ.

PHẾ CHỦ (HÁCH LIÊN XƯƠNG)
(ĐẠI HẠ)

hế Chủ, ông ta tên là Hách Liên Xương (?-431) tên tự của ông là Hoàn Quốc. Ông là con trai thứ hai của Hách Liên Bột Bột. Sau khi cha chết, ông tiếp nhận ngôi vị. Ông trị vì được 4 năm, bị Bắc Ngụy bắt giữ và giết hại. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Tháng 8 năm 425 Hách Liên Bột Bột ốm chết, Hách Liên Xương tiếp nhận ngôi vị, ông đổi niên hiệu là "Vĩnh Quang" (có một thuyết khác nói là "Thừa Quang".

Tháng 5 năm 428, Thốc Phát Đạo (triều Bắc Ngụy) chiếm được thành Thống Vạn và nhiều thành ấp khác của Hách Liên Xương. Hách Liên Xương dẫn quân phản kích, trong lúc chiến đấu

con ngựa của ông bị thương ở chân trước nên Hách Liên Bột bị quân địch bắt giữ và giải đến Bình Thành (nay thuộc thành phố Đại Đồng tỉnh Sơn Tây). Thốc Phát Đạo thấy Hách Liên Xương là người tài giỏi có nghĩa khí lại tinh thông về cưỡi ngựa bắn cung do đó đã thu phục và gả em gái là công chúa Thủy Bình, cho ông ta sống ở Tây Quan Môn. Một thời gian sau lại phong cho làm Xương Tấn Vương và thường dẫn ông đi săn bắn.

Năm 431, Hách Liên Xương có ý đố phục quốc tìm cớ chạy khỏi thành Bình Thành, chạy xuống phía Tây chiêu nạp quân lính. Nhưng đến Hà Tây bị chặn đánh và ông ta bị chết trận.

Trong sử gọi ông ta là Phế Chủ.

HẬU CHỦ (HÁCH LIÊN ĐỊNH)
(ĐẠI HẠ)

Hậu Chủ, ông ta tên là Hách Liên Định (?-431). Ông là con trai thứ 5 của Hách Liên Bột Bột và là em trai của Hách Liên Xương. Sau khi anh trai bị bắt giữ. Hách Liên Định đã tự xưng đế. Ông trị vì được 4 năm, bị Thổ Cốc Hỗn bắt làm tù binh, bị Thốc Phát Đạo giết hại. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Hách Liên Định được phong làm Bình Nguyên Vương. Năm 428 Hách Liên Xương bị triều Bắc Ngụy bắt làm tù binh nên vào tháng 2 năm 428 Hách Liên Định làm lễ đăng quang và lên ngôi vương tại Bình Nguyên, ông đổi niên hiệu là "Thắng Quang".

Sau khi Hách Liên Định lên ngôi, Thốc Phát Đạo đã mang quân vây đánh, Thốc Phát Đạo sai bao vây những cứ điểm quan trọng ở Bình Nguyên. Hách Liên Định dẫn quân đi giải cứu, đi được nửa đường bị quân Bắc Ngụy bao vây. Lúc đột phá được vòng vây thì lại bị tướng quân Khấu Quyền Lan chặn đánh. Ông ta một thân một mình tìm cách thoát thân sau đó lại tìm cách thu thập tàn quân và chạy đến Thượng Quy.

Tháng 1 năm 431 Hách Liên Định dẫn 10.000 quân tấn công Nam An, tấn công và thu phục được Khất Phục Mộ Mạt (triều Tây Tần). Ông giải Mộ Mạt về thành Thượng Quy khiến triều Tây Tần bị diệt vong.

Tháng 6 năm 431 Hách Liên Định lại ép buộc bách bách dẫn 100.000 người xuống tấn công triều Bắc Lương, ông ta định lấy triều Bắc Lương làm bàn đạp. Ông đến được Trị Thành (nay phía Tây Hoàng Hà tỉnh Cam Túc) định qua sông Hoàng Hà thì bị Thổ Cốc Hỗn (là đồng minh của triều Bắc Ngụy) dẫn 30.000 quân đánh úp, quân của Đại Hạ chết quá 1/2. Hách Liên Định vượt qua sông chạy được lên bờ tìm đường chạy trốn, nhưng cũng bị Thổ Cốc Hỗn tóm bắt áp giải về thành Bình Thành của triều Bắc Ngụy và bị Thốc Phát Đạo giết chết.

Trong sử gọi ông là Hậu Chủ.

Triều Đại Hạ bị diệt vong.

NHU NHIÊN

(402-555, tổng cộng 154 năm)

Nhu Nhiên có 18 Kha Hãn (Kha Hãn là danh từ để chỉ giai cấp thống trị cao nhất trong bộ tộc của dân tộc: Tiên Ti, Đột Quyết, Hối Hột, Mông Cổ...) trong đó 7 Kha Hãn bị bệnh chết, 2 Kha Hãn do làm mất nước chạy đến triều Tây Ngụy, sau đó bị Đột Quyết chém chết, 1 Kha Hãn bị bại trận bắt làm tù binh và bị giết, 1 Kha Hãn thất trận nên tự sát, 1 Kha Hãn bị thuộc hạ giết, 5 Kha Hãn chết trong nội chiến, 1 Kha Hãn chết vì buồn rầu.

*

KHA HÃN KHÂU ĐẬU ĐẠI (UẤT CỮU LƯ XÃ LUẬN) (NHU NHIÊN)

Kha Hãn Khâu Đậu Đại, ông ta tên là Uất Cữu Lư Xã Luận (?-410). Ông là cháu đời thứ 6 của Mục Cốt Lư, sau này ông ta tự xưng là Kha Hãn. Ông trị vì được 9 năm, bị chiến bại trong tay quân Bắc Ngụy bị bệnh chết trên đường rút quân về. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Kha Hãn Khâu Đậu Đại, ông ta tên là Uất Cữu Lư Xã Luận. Ông là cháu đời thứ 6 của Mộc Cốt Lư.

Mộc Cốt Lư vốn là một đứa trẻ (không biết họ tên) được quân của Đại Quốc bắt được tên đường đi đánh trận (thổi Thốc Phát Y Lộ) và bị xung làm nô lệ, được đặt tên là: Mộc Cốt Lư (có nghĩa là Hói đầu). Sau khi trưởng thành Mộc Cốt Lư được bãi miễn thân phận nô lệ và được xung vào quân kị binh. Vì vi phạm pháp lệnh nên bị khép vào tội chết, do đó Mộc Cốt Lư đã bỏ trốn. Ông ta rủ rê được hơn 100 người cùng chạy trốn và họ cư trú ở Quảng Mộ (nay thuộc Đại Sa Mộ ở cao nguyên Mông Cổ), một thời gian sau chạy đến bộ tộc Hột Quyết. Sau khi ông ta chết, con trai của ông ta là Xa Lộc Hội đã tự lập ra một bộ tộc, gọi là Nhu Nhiên, còn Thốc Phát Đạo triều Bắc Ngụy gọi là "Nhu Nhu" (tức là nhúch nhích), trong lịch sử lại gọi là: "Nhu Như". Con cháu ông ta lấy biển âm của Mộc Cốt Lư làm họ là: Uất Cữu Lư. Sau khi Xa Lộc Hội chết thì con trai là Thổ Nó Khôi nên tiếp nhận chức vị. Thổ Nô Khôi chết thì con trai là Bạt Đề nên thay. Bạt Đề chết thì con trai là Địa Túc Ai nên kế nhiệm. Sau khi Địa Túc Ai Chết, bộ lạc Nhu Nhiên chia làm hai bộ: Con trưởng của ông ta là Phát Hầu Bạt thống lĩnh bộ lạc ở phía Đông còn con thứ là Uẩn Hột Đề thống lĩnh bộ lạc ở phía Tây sau này bị triều Bắc Ngụy đánh bại và thu phục được đưa đến cư trú ở Vân Trung. Một thời gian sau con của Uẩn Hột Đề là Khát Đa Hãn làm phản nên bị triều Bắc Ngụy đánh bại và giết chết. Cháu của Khát Đa Hãn là Uất Cữu Lư Xã Luận và Uất Cữu Lư Hộc Luật đã dẫn hơn 100 thị dân chạy đến chỗ Thất Hầu Đề, Thất Hầu Đề thu nhận họ nhưng sai lính giám sát.

Uất Cữu Lư Xã Luận là một người dũng mãnh và có mưu lược, ông ta lãnh đạo người trong bộ lạc giết Thất Hầu Đế, chinh phục được bộ tộc Cao Xa và bộ tộc Hung Nô, khống chế được một vùng rộng lớn xưng hùng ở vùng Mộ Bắc. Tháng 1 năm 402 ông ta tự xưng là Khâu Đậu Đại Kha Hãn, ông cho xây dựng vương triều ở Nhược Lạc Thủy, học theo chế độ quân pháp của tộc Hán, cho binh lính học tập và rèn luyện cách bài binh bố trận, huấn luyện quân sĩ "sẵn sàng tử vì quốc gia vì dân tộc". Ông đã đặt nền móng cho một quốc gia có chế độ nô lệ.

Sau khi ông ta xưng làm Kha Hãn, ông thấy thế lực của triều Bắc Ngụy ở vùng Trung Nguyên rất mạnh, do đó ông đã kết giao với các chính quyền ở Trung Nguyên, tập trung lực lượng chinh phạt các bộ lạc ở vùng Mộ Bắc và đã thuần phục được nhiều bộ lạc ở lân cận, trên thực tế đã nhất nhất được vùng Bắc Mộ.

Vào những năm cuối đời, 2 em trai của ông ta là Uất Cữu Lư Duyệt Đại và Uất Cữu Lư Đại Ná

có ý đồ làm loạn, muốn cướp đoạt ngôi vị Kha Hãn nhưng sự việc bị Uất Cữu Lư Xã Luận biết, hai em của ông ta phải chạy đến triều Bắc Ngụy và được phong làm quan.

Năm 410, triều Bắc Ngụy tấn công triều Nhu Nhiên, triều Nhu Nhiên bị thua trận. Tháng 5, ông đã mất trên đường rút quân.

KHA HAN CÁT KHỔ CÁI (UẤT CỮU LƯ HỘC LUẬT)
(NHU NHIÊM)

Kha Hãn Cát Khổ Cái, ông ta tên là Uất Cữu Lư Hộc Luật (?-414). Ông là em trai của Uất Cữu Lư Xã Luận. Ông lên kế vị sau khi anh trai mất. Ông trị vì được 4 năm, bị hạ thần đưa đến triều Bắc Yên, sau đó bị Mã Bạt giết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Tháng 5 năm 410 Uất Cữu Lư Xã Luận bị ốm chết vì con trai ông còn nhỏ tuổi, nến lên ngôi khó lòng được dân trong bộ tộc tin phục, do đó Xã Luận đã để di chiếu cho Uất Cữu Lư Hội Luật làm Kha Hãn, dân chúng gọi ông là Cát Khổ Cái (tức ý ám chỉ vị vua có tư chất tốt đẹp)

Sau khi Hộc Luật kế vị, ông duy trì những quốc sách do Xã Luận đặt ra từ trước, ông dẫn quân đi chinh phục được một số tiểu quốc, ông còn kết tình thâm giao với Phùng Bạt (Bắc Yên), năm 411 ông xin Phùng Bạt gả công chúa Nữ Lạc Lãng và gửi 3.000 con ngựa tốt làm lễ vật cầu hôn.

Tháng 5 năm 418, Phùng Bạt đồng ý gả công chúa cho Hộc Luật và xin cưới con gái của Hộc Luật làm vợ. Cháu của Hộc Luật là Uất Cữu Lư Bộ Lộc Chân muốn cướp ngôi nên đi rêu rao và nói với đại thần Thụ Lê: "Kha Hãn ra lệnh cho con gái làm thị nữ và sai cô ta đi cùng công chúa tới nước yên". Thụ Lê nghe xong, phẫn nộ vô cùng, ông ta hạ lệnh cho một số tay chân thân tín buổi tối mai phục ngoài doanh trại của Kha Hãn, đợi Hộc Luật đi ra ngoài sẽ bắt giữ, đem hai cha con Hộc Luật đến thành Hòa Long, giao cho Phùng Bạt. Mã Bạt lấy lễ nghĩa để đối đãi với cha con họ, phong cho Hộc Luật làm thượng Cốc Hầu còn con gái của Hộc Luật làm Tả Chiêu Nghĩa (đây là một đẳng cấp trong các cấp của phi tần)

Cũng vào năm đó, Hộc Luật biết tin quốc gia của ông có biến loạn nên muốn đem quân đi dẹp bỏ, lần lượt ông đi cầu xin Phùng Bạt cho phép ông quay về nước hội ngộ với thuộc hạ lấy lại ngôi vị. Phùng Bạt đành hạ lệnh cho bộ tướng là Vạn Lãng dẫn 300 binh sĩ hộ tống Hộc Luật trở về. Nào ngờ Vạn Lãng lo lắng nếu tiến vào biên giới Nhu Nhiễm sẽ bị quy tội đột nhập trái phép, khi đi đến núi Hắc Sơn, ông ta âm thầm giết chết Uất Cữu Luật.

KHA HÃN UẤT CỮU LƯ BỘ LỘC CHÂN
(NHU NHIÊM)

Uất Cữu Lư Bộ Lộc Chân (?-414). Ông ta là cháu của Uất Cữu Lư Hộc Luật, ông ta âm mưu cướp ngôi của Hộc Luật. Nhưng Bộ Lộc Chân trị vì chưa được một năm thì bị Uất Cữu Lư Đại Đàn hãm hại. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Tháng 5 năm 414 Uất Cữu Lư Bộ Lộc Chân xúi giục đại thần Thụ Lê mang thúc phụ Uất Cữu Lư Hộc Luật giải đến triều Bắc Yên, sau đó Bộ Lộc Chân kế nhiệm ngôi vị Kha Hãn và ủy thác cho Thụ Lê đảm trách công việc triều chính.

Ít lâu sau thuộc hạ là Sắt Lạc hầu phát động chính biến, lật đổ Bộ Lộc Chân và lập em họ của Bộ Lộc Chân là Uất Cữu Lư Đại Đàn làm Kha Hãn, tay chân của Sất Lạc Hầu đã mật báo chuyện này cho Bộ Lộc Chân biết. Ông ta liền phái 8.000 lính bao vây nhà Sất Lạc Hầu, Sất Lạc Hầu

không có cách gì chống đỡ đành tiêu hủy gia tài rồi tự sát. Sau khi tiêu diệt Sất Lạc Hầu, Bộ Lạc Chân dẫn đại quân tấn công Đại Đán nhưng thua trận bị bắt làm tù binh sau đó bị Đại Đàn giết.

KHA HÃN MÂU HÃN HỘT THĂNG CÁI (UẤT CỮU LƯ ĐẠI ĐÀN)
(NHU NHIỄM)

Mâu Hãn Hột Thăng Cái Kha Hãn, ông ta tên là Uất Cữu Lư Đại Đàn (?-429). Ông là con của Kha Hãn Uất Cữu Lư Hội Luận và là cháu của Kha Hãn Uất Cữu Lư Hộc Luật. Ông tiếp nhận ngôi vị sau khi Bộ Lộc Chân chết. Ông trị vì được 15 năm, bị bệnh chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Uất Cữu Lư Đại Đàn từng thống lĩnh quân đội đi trấn thủ ở Tây Giới được dân tin phục. Năm 417 sau khi giết Bộ Lộc Chân, ông được phong làm Kha Hãn và gọi là Kha Hãn Mâu Hãn Hột Thăng Cái (có ý nghĩa là vị vua của thắng lợi).

Trong những năm Đại Đàn trị vì, triều Bắc Ngụy muốn thống nhất 2 miền Nam Bắc, họ liên tiếp dẫn quân tấn công triều Nhu Nhiễm, hai bên đánh nhau đều có lúc thắng lúc thua.

Năm 429, thái vụ Đế Thác Bạt Đạo (triều Bắc Ngụy) đích thên dẫn đầu cuộc chinh phạt, chia ra làm hai cánh quân tiến công triều Nhu Nhiễm, muốn đánh chiếm lại đô thành Thịnh Lạc (thành Thịnh Lạc trước đây là của triều Bắc Ngụy nhưng bị bộ lạc Nhu Nhiễm chiếm giữ). Đại Đàn dẫn quân nghênh chiến, bao vây Thác Bạt Đạo. Quân của Thác Bạt Đạo liều chết chiến đấu, Thác Bạt Đạo bắn chết đại tướng của triều Nhu Nhiễm là Bộ Càn, khiến quân Nhu Nhiễm hoảng sợ bỏ chạy tán loạn. (có một thuyết khác nói: Đại Đàn ra lệnh cho Bộ Càn làm thống sư, nhưng cha của Bộ Càn đã đầu hàng quân Bắc Ngụy, do đó các thuộc hạ và binh lính không tin tưởng Bộ Càn nên họ phát động binh biến khiên Đại Đàn phải lui quân). Thác Bạt Đạo thừa thắng tấn công, lúc này nhân dân các bộ tộc trước đây bị triều Nhu Nhiễm thu phục cũng đồng loạt nổi dậy khởi nghĩa, điều đó làm cho chính quyền Nhu Nhiễm mắc kẹt ở giữa "nội công ngoại kích", thế lực của triều Nhu Nhiễm bị gọt bỏ. Điều đó khiến Đại Đàn sinh ra trầm uất, tháng 7 ông ta băng hà.

KHA HÃN SẮC LIÊN (UẤT CỮU LƯ NGÔ ĐỀ)
(NHU NHIỄM)

Sắc Liên Kha Hãn, ông ta tên là Uất Cữu Lư Ngô Đề (?-444). Ông là con trai của Kha Hãn Uất Cữu Lư Đại Đàn, kế nhiệm sau khi cha chết. Ông trị vì được 15 năm, bị bệnh chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Tháng 7 năm 429 Đại Đàn bị bệnh chết, Ngô Đề tiếp nhận ngôi vị, và được gọi là Kha Hãn Sắc Liên (có ý nghĩa là vị vua của thần thánh).

Sau khi lên ngôi, Ngô Đề biết lực lượng của mình yếu kém và suy yếu, do đó ông ta chủ động cầu hòa với triều Bắc Ngụy. Còn triều Bắc Ngụy do liên tiếp đi đánh trận sức lực quân lính bị hao tổn nhiều nên cũng muốn nghỉ ngơi, họ cũng đồng ý với yêu cầu của Ngô Đề. Năm 431, hai mươi thuộc hạ của Ngô Đề du nhập vào biên giới của Bắc Ngụy và bị bắt làm tù binh. Thác Bạt Đạo biết tin liền sai thả họ để biểu lộ tình cảm bạn bè gắn bó. Ngô Đề vô cùng cảm động sai sứ giả cống tiến cho triều Bắc Ngụy nhiều đồ vật quý. Tháng 2 năm 432 Ngô Đề gả em gái mình cho Thác Bạt Đạo, Thác Bạt Đạo phong cô ta làm Tả Chiêu Nghĩa, Ngô Đề biết tin liền sai anh trai dẫn vài trăm người tới gặp mặt Thác Bạt Đạo để cảm tạ. Sau chuyện này, hai bên duy trì được mối quan hệ hữu hảo trong một khoảng thời gian.

Tháng 9 năm 444 Ngô Đề bị bệnh chết.

KHA HÃN SỬ LA (UẤT CỮU LƯ THỔ HẠ CHÂN)
(NHU NHIỄM)

Sử La Kha Hãn, ông ta tên là Uất Cữu Lư Thổ Hạ Chân (?-464). Ông là con trai của Uất Cữu Lư Ngô Đề. Ông kế vị sau khi cha chết, trị vì 19 năm, bị bệnh chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Tháng 9 năm 444 Ngô Đề bị bệnh chết. Thổ Hạ Chân tiếp nhận ngôi vị, gọi là Kha Hán Sử La (có ý nghĩa là vị vua duy nhất). Trong những năm trị vì, quan hệ giao hữu giữa Bắc Ngụy và Nhu Nhiễm bị rạn nứt. Năm 449 triều Bắc Ngụy phát động cuộc chiến với quy mô lớn tấn công Nhu Nhiễm. Thổ Hạ Châu sợ hãi dẫn dân trong tộc chạy trốn. Tháng 9 lai bị vua Cao Xa tấn công, Thổ Hạ Chân tập hợp toàn bộ quân tinh nhuệ, bao vây quân của vua Cao Xa. Quân Cao Xa cố thủ trường kỳ, hai bên dè chừng nhau vài ngày, Thổ Hạ Chân thấu khiêu khích mắng mỏ mà quân Cao Xa không nói gì, ông ta nghi ngờ quân Cao Xa có chủ ý gì đó, chắc chắn đợi đại quân đến tiếp viện giúp phá vỡ vòng vây. Vì vậy, ông ta ra lệnh: trong đêm tối phải dãn vòng vây lui ra xa. Quân Cao Xa vội vàng đuổi theo, cứ đuổi nhau như vậy mất 9 ngày 9 đêm, cuối cùng quân Cao Xa cũng đuổi được quân Nhu Nhiễm. Năm 458 quân Bắc Ngụy lại tiến đánh khiến quân Nhu Nhiễm đại bại tổn thất nghiêm trọng về người và của. Thổ Hạ Chân đành dẫn quân đội chạy đi xa, lực lượng trong nước lại bị tước bỏ và suy yếu.

Tháng 7 năm 464 Thổ Hạ Chân bị bệnh chết.

KHA HÃN ÁI LA BỘ CHÂN (UẤT CỮU LƯ MÂU THÀNH)
(NHU NHIỄM)

Ái La Bộ Chân Kha Hãn, ông ta tên là Uất Cữu Lư Mâu Thành). Ông là con trai của Uất Cữu Lư Thổ Hạ Chân. Ông tiếp nhận ngôi vị sau khi cha mất. Ông trị vì 21 năm, bị bệnh chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Tháng 7 năm 464 Uất Cữu Lư Thổ Hạ Chân ốm chết, con trai ông ta là Uất Cữu Lư Mâu Thành đứng ra tiếp nhận ngôi vị, đặt niên hiệu là "Vĩnh Khang" và được gọi là: Kha Hãn Ái La Bộ Chân (có nghĩa là vị vua nhân ai và trí tuệ).

Ông muốn gây dựng lại tình bạn thân ái với triều Bắc Ngụy do vậy vài lần tới triều Bắc Ngụy xin cầu hôn (vì những chuyện xưa nên không đạt được ý nguyện)

Năm 485, Mâu Thành bị ốm chết.

KHA HÃN PHỤC DANH ĐÔN (UẤT CỮU LƯ ĐẬU LUẬN)
(NHU NHIỄM)

Phục Danh Đôn Kha Hãn, ông ta tên là Uất Cữu Lư Đậu Luận (?-492). Ông là con trai của Uất Cữu Lư Mâu Thành. Ông lên kế vị sau khi cha chết. Trị vì được 7 năm thì bị dân chúng sát hại. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Sau khi cha chết, Đậu Luận đứng ra tiếp nhận ngôi vị, ông đổi niên hiệu là "Thái Bình" và gọi là Kha Hãn Phục Danh Đôn (có ý nghĩa là vị vua vĩnh hằng).

Đậu Luân là một người hung ác, ông ta yêu thích sự chém giết, các hạ thần: Hầu Y, Thạch Lạc Hầu... nhiều lần can gián xin ông ta hãy kết giao bạn bè với những láng giềng, không nên tấn công trung nguyên để bảo toàn sự yên ổn. Ông ta phẫn nộ, sai ghép Thạch Lạc Hầu vào tội

mưu phản giết Thạch Lạc hầu và cho chu di tam tộc. Quân chúng thấy Đậu Luân là 1 kẻ bất nhân, họ đều vô cùng bất bình và tỏ thái độ phản đối. Tháng 8 năm 492 thuộc hạ của ông ta là A Phục Chí La dẫn 100.000 dân xuống phía Tây và xưng vương ở đó. Đậu Luận thống lĩnh quân đội xuất phát từ phía Tây Bắc đuổi đánh, xuất phát tứ phía Tây Nam do thúc phụ của ông ta Ná Cái thống lĩnh quân đội đuổi theo A Phục Chí La. Ná Cái nhiều lần đánh trận, trận nào cũng cầm chắc phần thắng, do vậy các thuộc hạ không muốn ông ta dẫn quân đi đánh A Phục Chí La, họ đều muốn lập Ná Cái làm Kha Hãn nhưng ông nhất định chối từ, các binh lính và dân chúng đành phải giết mẹ con Đậu Luân ép Ná Cái tiếp nhận ngôi vị.

KHA HÃN HẬU KỲ PHỤC ĐẠI KHỐ GIẢ (UẤT CỮU LƯ NÁ CÁI)
(NHU NHIỄM)

Hậu kỳ phục đại khố giả Kha Hãn, ông ta tên là Uất Cữu Lư Ná Cái (?-506). Ông là em trai của Uất Cữu Lư Mâu Thành và là chú của Uất Cữu Lư Đậu Luân. Ông lên ngôi sau khi Đậu Luận bị giết. Ông trị vì được 15 năm. Bị bệnh chết, mai táng ở đâu không rõ.

*

Thời Uất Cữu Lư Đậu Luân trị vì, dân chúng muốn phế bỏ Đậu Luân và lập Uất Cữu Lư Ná Cái làm Kha Hãn nhưng ông ta chối từ. Họ đành giết Đậu Luân ép buộc Ná Cái tiếp vị, không còn cách nào khác ông miễn cưỡng lên ngôi, ông đổi niên hiệu là "Thái An" và được gọi là: Kha Hãn hậu kỳ phục đại khố giả (có ý nghĩa là vị vua vui vẻ)

Tháng 10 năm 506 ông bị ốm chết.

ĐÀ HÃN KHA HÃN
(UẤT CỮU LƯ PHỤ ĐỒ)

Đà Hãn Kha Hãn, ông ta tên là Uất Cữu Lư Phục Đồ (?-508). Ông là con trai của Uất Cữu Lư Ná Cái. Ông lên kế vị sau khi cha chết. Ông trị vì được 2 năm, bị vua Cao Xa bắt làm tù binh và giết hại. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Sau khi cha mất, Uất Cữu Lư Phục Đồ đứng ra tiếp nhận ngôi vị, ông đổi niên hiệu là "Thủy Bình" và được gọi là: Kha Hãn Đà Hãn (có ý là vị vua quản lý việc nước phân minh).

Năm 508, ông mang quân xuống phía Tây chinh phạt nước Cao Xa nhưng đại bại và bị cua Cao Xa bắt làm tù binh, vua Cao Xa chặt đầu Phục Đồ gửi đến triều Bắc Ngụy.

KHA HÃN ĐẬU LA PHỤC BẠT ĐẬU ĐẠI (UẤT CỮU LƯ SỬU NÔ)
(NHU NHIỄM)

Đậu La Phục Bạt Đậu Đại Kha Hãn. Ông ta tên là Uất Cữu Lư Sửu Nô (?-520). Ông là con trai của Kha Hãn Uất Cữu Lư Phục Đồ. Cha của ông ta bị vua Cao Xa giết vì vật ông đã tiếp nhận ngôi báu. Ông trị vì được 12 năm. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Năm 508 Uất Cữu Lư Phục Đồ bị vua Cao Xa giết hại, Uất Cữu Lư Sửu Nô lên kế vị, đổi niên hiệu là "Kiến Xương", và ông được gọi là Kha Hãn Đậu La Phục Bạt Đậu Đại (có ý là vị vua uy danh vang dội)

Sửu Nô rất giỏi dùng binh. Năm 493 dời đô đến Lạc Dương, chiến tranh giữa Nhu Nhiễm và Bắc Ngụy cũng giảm bớt đi, cuộc chiến giữa dân tộc Sắc Lặc và triều Nhu Nhiễm cũng đi vào giai đoạn chót. Ông muốn báo thù cho cha nên dẫn quân xuống phía tây, đánh bại Cao Xa và giết chết vua Cao Xa. Trong thời gian trị vì, thế lực trong nước dần dần được khôi phục.

Sửu Nô rất mê tín và tin vào bói toán. Mẹ của ông ta vốn là vợ của Uất Cữu Lư Đậu Luận, sau khi Đậu Luận chết, bà ta được gả cho Uất Cữu Lư Phục Đồ và đã sinh được 6 người con: Tổ Huệ, Sửu Nô, A Ná Quế... Sau khi Sửu Nô kế vị, đột nhiên Tổ Huệ bị mất tích. Ông sai người đi tìm khắp nơi nhưng đều không có tin tức. Thuộc hạ của Sửu Nô liền dẫn ông đi gặp một bà bói tên là Khương Địa Vạn, cô ta khoảng 20 tuổi nhưng hành nghề bói toán từ rất lâu rồi, cô ta nói Tổ Huệ đã đi lên trời, chỉ có cô ta là người duy nhất có thể gọi Tổ Huệ quay về trần gian. Sửu Nô nhờ cô ta làm phép thuật quả nhiên thấy Tổ Huệ xuất hiện ở nhà. Sửu Nô hỏi chuyện Tổ Huệ lên trời làm gì, Tổ Huệ nói rõ chân tướng sự việc: hóa ra Tổ Huệ không lên trời, mà bị Khương Địa Vận cố tình giấu giếm bắt nhốt ở trong mật thất. Sửu Nô không tin lời nói của Tổ Huệ. Địa Vạn thấy Tổ Huệ vạch trần chân tướng, lo lắng chuyện đó sẽ ảnh hưởng cho mọi chuyện về sau, do vậy cô ta dùng lời lẽ mê từ khích bác Sửu Nô giết Tổ Huệ, nên mẹ của ông ta vô cùng ghét bỏ Sửu Nô.

Năm 520, bộ lạc A Chí Mễ tấn công Nhu Nhiễm Sửu Nô phải mang quân đi dẹp, nhưng bị tộc A Chí Mễ đánh cho đại bại vàu phải lui quân về. Mẹ của ông bàn bạc với các đại thần và cuối cùng giết chết Sửu Nô.

KHA HÃN LIÊN ĐẦU BINH ĐẬU ĐẠI (UẤT CỬU LƯ A NÀ QUẾ) (NHU NHIỄM)

Liên Đầu Binh Đậu Đại Kha Hãn, ông ta tên là Uất Cửu Lư A Nà Quế (?-552). Ông ta là em trai của Uất Cửu Lư Sửu Nô, ông lên kế vịsau khi anh trai chết. Trị vì 32 năm, sau đó bị tộc Đột Quyết đánh bại và tự sát. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Năm 520 Uất Cửu Nô bị mẹ giết, do vậy tháng 9 năm 520 Uất Cửu Lư A Nà Quế được lập làm Kha Hãn.

A Nà Quế lên ngôi được 10 ngày thì bị Kỳ Lực Phát Thị Phát huy động binh lính để tranh đoạt ngôi vị. A Ná Cái bị đánh bại và chạy đến Lạc Dương đầu hàng triều Bắc Ngụy, được Hiếu Minh đế Nguyên Hử phong làm quận công ở phương Bắc. Tháng 12 năm 520,Nguyên Hử lại chiếu theo yêu cầu của A Nà Quế giúp đỡ A Nà Quế quay về Mộ Bắc - khôi phục lại sự thống trị.Năm 525, Nguyên Hử A Nà Cái mượn 10.000 lính của triều BắcNgụy đi đàn áp cuộc khởi nghĩa của Lục Hán Bạt Lãng (người dân tộc Hung Nô), chiếm giữ được biên giới cũ của triều Bắc Ngụy. Ông ta cũng áp dụng nền chính quyền giống như tộc Hán, phân bổ các chức quan lại, xây dựng và khôi phục lại chính quyền Nhu Nhiễm. Sau khi chính quyền Bắc Ngụy bị phân chia, triều Đông Ngụy và Tây Ngụy đều tích cực ủng hộ A Nà Quế, A Nà Quế cũng ra sức lợidụng lực lượng của2 nước đó và kết tình thâm giao với 2 nước, khiến cho nền kinh tế và văn hóa của Mộ Bắc và Trung Nguyên được giao lưu mật thiết. Triều Nhu Nhiễm lại bước vào thời hưng thịnh.

Năm 552, thủ lĩnh dân tộc Đột Quyết là Thổ Môn hàng phục được mấy vạn dân của tộc Sắc Lặc, ông ta khởi binh tấn công Nhu Nhiễm, triều Nhu Nhiễm bị đánh đại bại, A Nà Quế phải tự sát.

DI NGU KHẢ XÃ CÂU KHA HÃN (UẤT CỬU LƯ BÀ LA MÔN) (NHU NHIỄM)

Di Ngu Khả Xã Câu Kha Hãn, ông ta tên là Uất Cửu Lư Bà La Môn (?-542). Ông là anh họ của Kha Hãn Uất Cửu Lư A Na Quế. Khi A Nà Quế chạy đến triều Bắc Ngụy nên Bà La Môn được lập làm Kha Hãn. Ông ta trị vì được 4 năm, bị bệnh chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Năm 520, A Nà Quế bị Kỳ Lực Phát Thị Phát đánh bại phải chạy đến triều Bắc Ngụy, do đó Uất Cửu Lư Bà La Môn thống lĩnh 100.000 dân giết chết Kỳ Lực Phát Thị Phát. Bà La Môn được

các thị dân lập làm Kha Hãn, gọi là Kha Hãn Di Ngu Khả Xã Câu (tức là vị vua an ninh). Triều Bắc Ngụy biết tin liền sai sứ giả tới gặp Bà La Môn, yêu cầu ông trả lại ngôi vị cho A Nà Quế. Ông ta không cam tâm tình nguyện trả lại ngôi vị nhưng lại sợ đắc tội với triều Bắc Ngụy, ông đành phái hai đại thần: Mệ Hà Khứ Phấn và Kỳ Cán Khâu Đầu... thống lĩnh 2.000 người đi đón A Nà Quế về triều. A Nà Quế trên đường quay về nước, ông biết Bà La Môn không muốn nhường lại ngôi vị mà có ý đồ mưu phản, A Nà Quế sợ hãi không dám đi tiếp, ông ta định quay về triều Bắc Ngụy. Lúc này đại quân của nước Cao Xa đánh vào triều Nhu Nhiễm, Bà La Môn không chống đỡ được bị thua liểng xiểng, do đó chạy đến Lương Châu quy phục triều Bắc Ngụy, nhờ vậy A Nà Quế khôi phục được quyền lực. Về sau A nà Quế bị tộc Đột Quyết đánh cho đại bại phải tự sát.

Sau chuyện này Bà La Môn chuyển đến cư trú ở Lạc Dương và bị bệnh chết tại Lạc Dương.

KHA HÃN THIẾT ĐẠI (UẤT CỬU LƯ THIẾT ĐẠI)
(NHU NHIỄM)

Thiết Đại Kha Hãn, ông ta tên là Uất Cửu Lư Thiết Đại (?-553). Ông ta là cháu họ của Uất Cửu Lư A Nà Quế.

A Nà Quế bị tộc Đột Quyết đánh bại nên tự sát, con trai của A Nà Quế chạy đến triều Bắc Tề. Do đó Thiết Đại được lập làm Kha Hãn. Ông trị vì được 1 năm bị người của dân tộc Khiết Đan giết hại. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Uất Cửu Lư A Nà Quế tự sát, con trai của ông ta thống lĩnh những người trong bộ tộc chạy đến đầu hàng triều Bắc Tề, còn những thị dân ở lại đã lập Uất Cửu Lư Thiết Đại làm Kha Hãn.

Tháng 2 năm 553, Thiết Đại bị người trong tộc Khiết Đan hãm hại.

KHA HÃN ĐĂNG CHÚ (UẤT CỬU LƯ DĂNG KỲ LỢI)
(NHU NHIỄM)

Đăng Chú Kha Hãn, ông ta tên là Uất Cửu Lư Đăng Chú Kỳ Lợi (?-553). Cha ông ta là Uất Cửu Lư Thiết Đại. Cha của ông bị hại chết, nên những người trong tộc lập ông làm Kha Hãn. Ông ở ngôi chưa được 1 tháng thì bị thuộc hạ giết chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Tháng 2 năm 553 Uất Cửu Lư Thiết Đại bị người trong bộ tộc Khiết Đan hại chết, thị dân lập Uất Cửu Lư Đăng Chú Kỳ Lội làm Kha Hãn.

Được mười mấy ngày thì ông bị đại thần là A Phú sát hại

KHA HÃN KHỐ ĐỀ (UẤT CỬU LƯ KHỐ ĐỀ)
(NHU NHIỄM)

Khố Đề Kha Hãn, ông ta tên là Uất Cửu Lư Khố Đề. Năm sinh và năm mất không rõ. Ông ta là con trai của Uất Cửu Đăng Chú Kỳ Lợi. Ông lên kế vị sau khi cha chết. Ông trị vì được 9 tháng, bị triều đình Bắc tề phế truất, chuyện về sau ra sao không rõ.

*

Tháng 2 năm 553 Uất Cửu Lư Đăng Chú Kỳ Lợi bị đại thần giết chết nên Uất Cửu Lư Khố Đề đứng ra tiếp nhận ngôi vị.

Cũng vào năm 553, dân tộc Đột Quyết lại tấn công triều Nhu Nhiễm, Khố Đề dẫn dân trong

tộc chạy đến triều Bắc Tề. Văn Tuyên Đế Cao Dương (triều Bắc Tề) dẫn quân tới phương Bắc đánh bại tộc Đột Quyết, tiếp nhận triều Nhu Nhiễm. Tháng 11, triều Bắc Tề phế truất Khố Đề và cho con trai của Uất Cửu Lư A Nà Quế làm Kha Hãn. Chuyện của Khố Đề về sau ra sao không rõ.

KHA HÃN AM LA THÌN (UẤT CỬU LƯ AM LA THÌN) (NHU NHIỄM)

Am La Thìn Kha Hãn, ông ta tên là Uất Cửu Lư Am La Thìn ?-555). Ông là con trai của Uất Cửu Lư A Nà Cái và là em họ của Uất Cửu Lư Khố Đề. Sau khi triều Bắc Tề phế truất Khố Đề đã lập Am La Thìn làm Kha Hãn. Ông trị vì được một năm, bị tộc Đột Quyết chém chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Năm 552, Uất Cửu Lư A Nà Cái bị tộc Đột Quyết đánh cho đại bại và dẫn đến tự sát, con trai ông ta là A La Thìn dẫn đám tàn quân chạy đến triều Bắc Tề. Tháng 11 năm 553, triều Bắc Tề phế truất Khố Đề và lập Am La Thìn làm Kha Hãn và sắp xếp cho bộ tộc của ông ta cư trú ở Mã Ấp Xuyên (nay thuộc tỉnh Sơn Đông) và còn cung cấp cho lương thực, vải vóc... Tháng 3 năm 554, Am La Thìn phản lại triều Bắc Tề, chạy về Mộ Bắc.

Năm 555, Am La Thìn nhiều lần tấn công dân tộc Đột Quyết nhưng không giành thắng lợi do vậy khó giữ vững nền thống trị. Ông ta đành dẫn 1.000 hộ dân chạy đến Quan Trung quy phục Tây Ngụy. Thời kỳ này tộc Đột Quyết rất hưng thịnh và còn kết tình bạn bè với triều Tây Ngụy, tộc Đột Quyết phái sứ giả đến triều Tây Ngụy yêu cầu giết hết những người ở triều Nhu Nhiễm. Cung Đế Nguyên Khoách (triều Tây Ngụy) để bảo tồn ngôi vị và bị áp lực của triều Đột Quyết nên đã giao cả nhà Am La Thìn và 3.000 thị dân Nhu Nhiễm cho sứ giả của Đột Quyết; sau đó tất cả bọn họ bị chém ở ngoại thành Thanh Môn đô thành Trường An.

KHA HÃN ĐẶNG THÚC TỬ (UẤT CỬU LƯ ĐẶNG THÚC TỬ) (NHU NHIỄM)

Đặng Thúc Tử Kha Hãn, ông tên là Uất Cửu Lư Đặng Thúc Tử (?-555). Ông là chú của Kha Hãn Uất Cửu Lư A Nà Quế được một tộc khác của triều Nhu Nhiễm lập làm Kha Hãn. Ông trị vì được 2 năm, bị tộc Đột Quyết chém chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Tháng 3 năm 555. Uất Cửu Lư Đặng Thúc Tử được một tộc khác của triều Nhu Nhiễm lập làm Kha Hãn.

Năm 555, tộc Đột Quyết tấn công Đặng Thúc Tử, ông phải chạy đến triều Tây Ngụy và cũng bị chém chết với Am La Thìn và các thị dân khác ở ngoại thành Thanh Môn đô thành Trường An.

Triều Nhu Nhiễm bị diệt vong.

NAM BẮC TRIỀU

(Năm 420-589, tổng cộng 170 năm)

Năm 420 đại tướng Lưu Dạu triều Đông Tấn đứng ra phế bỏ hoàng đế Đông Tấn và tự xưng làm hoàng đế. Trong vòng 170 năm, miền Nam Trung Quốc lần lượt trải qua các triều đại: Tống, Tề, Lương, Trần, trong lịch sử gọi là Nam triều. Triều Bắc Ngụy của miền Bắc Trung Quốc vào năm 439 đã thống nhất được miền Bắc Trung Quốc phân chia ra hai triều: Đông Ngụy và Tây Ngụy. Về sau triều Đông Ngụy bị Cao Dương cướp ngôi và tạo dựng ra triều Bắc Tề, triều Tây Ngụy bị Vũ Hán Thái cướp ngôi tạo dựng triều Bắc Chu. Cả 5 triều đại này trong sử gọi là Nam Triều. Nam triều và Bắc triều hội hợp thành Nam Bắc triều.

Thời kỳ Nam Bắc triều là thời kỳ sau của triều Đông Tấn và 16 nước chia rẽ, và đã hình thành chính quyền Nam Bắc đối nghịch nhau, đây cũng là thời kỳ dung hợp các dân tộc.

BẢNG BIỂU PHÂN CHIA CỦA CHÍNH QUYỀN NAM BẮC TRIỀU

NAM TRIỀU
(Năm 420-589, tổng cộng 170 năm)

TRIỀU TỐNG
(Năm 420-479, tổng cộng 60 năm)

		Đông Ngụy - Bắc Tề			
Bắc triều:	*Bắc Ngụy*			*Bắc Chu*	
		Nam Ngụy - Bắc Chu			
					Tùy
Nam triều:	*Tống*	*Tề*	*Lương*	*Trần*	

Triều Tống có 8 đế vương, trong đó có 3 người bị bệnh chết, một người do mất nước bị phế truất và bị hại chết, bốn người chết trong cuộc nội chiến.

Ngoài ra còn phụ chú thêm về thái tử Lưu Thiệu. Ông ta bị chết trong nội chiến.

VŨ ĐẾ (LƯU DỤ)
(TỐNG)

Vũ đế, ông ta tên là Lưu Dụ (363-422) tên tự của ông là: Kỳ Nô. Ông xuất thân trong một gia đình nghèo nàn. Thời Đông Tấn do ông lập được nhiều chiến công nên được phong làm Tống Vương, sau đó ông diệt vong nhà tấn tạo lập ra nhà Tống, mở ra sự đối nghịch với triều Bắc Ngụy. Ông trị vì được 3 năm, bị bệnh chết. Hưởng thọ 60 tuổi. Mai táng ở Sơ Ninh Lăng (nay ở núi Bắc Tưởng phía đông huyện Giang Ninh tỉnh Giang Tô)

*

Lưu Dụ là người ở Bành Thành (Tô Tịch) (nay thuộc thành phố Từ Châu tỉnh Giang Tô), sau đó ông dời đến cư trú ở Kinh Khẩu (nay thuộc thành phố Trần Giang tỉnh Giang Tô). Hồi nhỏ ông phải bán giày cỏ làm kế sinh nhai, gia cảnh rất bần hàn. Sau khi gia nhập quân đội, lúc đầu chỉ làm nhiệm vụ nhỏ bé trong quân đội của triều đình Đông Tấn, sau khi đàn áp được cuộc khởi nghĩa của Tôn Tu và Lư Tuân ông được phong làm thái thú ở Hạ Phi. Năm 405, ông đánh bại được Hằng Huyền (người định đoạt ngôi của triều Tấn), ông nắm được quyền lực trong triều đình. Năm 409 ông diệt vong triều Nam Yên và đánh bại được Lư Tuân. Năm 412 ông thu phục được nước Ba Thục. Năm 417 đánh vào thành Trường An diệt vong triều Hậu Tần và được phong làm Tống Vương. Ngày Đinh Mão tháng 6 năm 420 ông diệt vong triều Tấn và tạo dựng triều Tống, ông sai đặt đô ở Kiến Khang, đặt niên hiệu là "Vĩnh Sơ". Trong lịch sử gọi là "Lưu Tống". Đây là mở màn cho Nam triều và luôn đối nghịch với Bắc triều.

Trong những năm Lưu Dụ trị vì, ông đã thực hiện chế độ "Phổ Đoán" (tức là biên chế hộ khẩu ở các quận huyện). Cưỡng chế thôn tính các cường hào địa chủ, giảm nhẹ tô thuế, phóng thích nô lệ và cho binh lính giải ngũ về quê. Trong sinh hoạt hàng ngày, ông cũng tiết kiệm,

không xa hoa, không thích hào hoa và cũng có ít phi tần. Một viên quan ở Nin Châu đã cống tiến cho ông một cái gối bằng hổ phách, đây là một bảo vật vô giá, ông cũng ít khi nhìn thấy. Thời tấn công triều Hậu Tần, có người nói hổ phách có thể chữa trị được vết thương, ông liền sai người đem chặt cái gối hổ phách đó ra làm nhiều mảnh và phân phát cho tướng lĩnh để làm thuốc chữa thương. Sau khi bình định được vùng Quan Trung, ông lấy được một cô gái rất đẹp, họ cô ta là Diêu, ông rất sủng ái cô gái đó. Hạ thần Tạ Hồi can gián ông không nên vì nữ sắc mà hủy hoại danh vọng, ông liền đuổi cô gái ra khỏi cung. Khi bị bệnh các quần thần khuyên ông đi cầu Thần Phật phù hộ độ trì chi tai qua nạn khỏi, ông đã chối từ lời khuyên đó ta ra lệnh cho thái y tìm cách chữa trị, tự mình tĩnh tâm điều dưỡng. Qua đó thấy được Lưu Dụ là một hoàng đế thông minh.

Tháng 5 năm 422, Lưu Dụ bị bệnh nặng, ông sai gọi thái tủy Lưu Nghĩa đến dặn dò: "Đại thần Đàn Đạc Tế tuy là người có võ nghệ mưu lược, nhưng không phải là người có trí lớn. Đại thần Từ Tiễn Chi và Phó Lượng đã đi theo trẫm nhiều năm rồi, hai người đó đều trung thành. Có đại thần Tạ Hồi đã nhiều lần theo trẫm đi chinh chiến, ông ta có khả năng tùy cơ ứng biến, nếu về sau có biến loạn, con nhất định nhờ vả vào bọn họ. Sau khi con tiếp nhận ngôi vị, con phái Tạ Hồi đến quận Giang Châu để phòng ngừa có biến". Và Lưu Dụ viết di chiếu ra lệnh: "Triều đình không cần phân bổ lại bộ máy quan lại, tể tướng kiêm chỉ huy ở Dương Châu chỉ huy quân lính. Các đại thần phàm là những người có chức tước đều được nhận lính làm hộ vệ (những binh lính này lấy trong đội Cấm vệ quân). Nếu như có chiến sự thì binh lính trong quân đội cần phải kết hợp với Cấm vệ quân, sau khi chiến sự kết thúc lại cho các binh lính Cấm vệ quân quay về phục vụ các đại thần. Con cháu về sau nếu có ai đăng quang thì mọi chuyện triều chính đều ủy thác cho Tể tướng. Đội quân Nghi Lượng không được phép vào cửa Đài điện, các chức quan lại quan trọng có thể được phép nhận hộ vệ nhiều hơn những người khác".

Lưu Dụ mất ngày Quý Hợi tháng 5 năm 422 tại thành Kiến Khang.

Sau khi ông chết lập miếu là Cao Tổ, thụy hiệu là Vũ Đế.

THIẾU ĐẾ (LƯU NGHĨA PHÙ)
(TỐNG)

Thiếu Đế, ông ta tên là Lưu Nghĩa Phù (400-424), tên tự của ông là Xa Binh. Ông là con trai cả của Tống Vũ Đế. Sau khi cha mất ông tiếp nhận ngôi báu. Ông trị được 2 năm, bị hạ thần phế truất sau đó bị hại chết. Hưởng dương 19 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Lưu Nghĩa Phù được Vũ đế lập làm thái tử. Ngày Quý Hợi tháng 5 năm 422 Vũ Đế chết, cũng vào ngày đó Lưu Nghĩa Phù đăng quang ngôi hoàng đế. Ông cho đổi niên hiệu là "Cảnh Bình".

Sau khi Lưu Nghĩa Phù lên ngôi, ông sa vào cảnh ăn chơi hưởng lạc, các đại thần can gián kiểu gì ông ta cũng bỏ ngoài tai.

Tháng 5 năm 424 các đại thần: Từ Tiễn Chi, Phó Lượng, Tạ Hồi quyết định phế truất Lưu Nghĩa Phù và lập một người khác lên thay thế ông ta. Họ liên kết với các tướng lĩnh và quan lại như: Đàn Đạc Tế, lại sử ở Giang Châu là Vương Hoằng, trung thư Hình An Thái... và chuẩn bị phát động binh biến. Ngày Giáp Thân tháng 6 năm 424 Lưu Nghĩa Phù ngồi trong vườn thượng uyển mở tiệc rượu đùa cợt với các phi tần. Đến buổi chiều ông ta lại ngồi thuyền rồng đi du lãm ở đầm Thiên Uyên và ngủ ngay tại thuyền rồng. Sáng hôm sau (ngày Ất Dậu), Đàn Đạc Tế dẫn quân xông thẳng vào hoàng cung, Từ Tiễn Chi, Phó Lượng, Tạ Hồi... cũng nhập vào đoàn quân. Còn Cấm vệ quân do Hình An Thái và Phiên Thịnh chỉ huy, lúc này cũng kết hợp với đội quân của Đàn Đạc Tế. Họ xông thẳng đến đầm Thiên Uyên và bắt giữ Lưu Nghĩa Phù, lôi ông ta đến Đông Các và thu lại ngọc ấn của ông ta. Từ Tiễn Chi sai triệu tập bá quan văn võ tuyên đọc chiếu thư của Thái hậu, phế truất Lưu Nghĩa Phù và giáng xuống làm Doanh Dương Vương và

sai Hình An Thái áp giải Lưu Nghĩa Phù đến cư trú ở ngoại ô.

Ngày Quý Sửu, Hình An Thái áp giải Lưu Nghĩa Phù đến đình Kim Xương (đất này nằm trong địa phận của quận Ngô), ông ta theo mật lệnh của Từ Tiễn Chi sai quân lính vây đình Kim Xương, sau đó rút dao chém Lưu Nghĩa Phù. Lưu Nghĩa Phù trẻ khỏe lại dũng cảm nên vừa đánh trả vừa chạy, đột phá vòng vây. Hình An Thái đuổi theo Lưu Nghĩa Phù và chém chết.

Trong sử gọi Lưu Nghĩa Phù là Thiếu Đế hoặc là Doanh Dương Vương.

VĂN ĐẾ (LƯU NGHĨA LONG)
(TỐNG)

Văn Đế, ông ta tên là Lưu Nghĩa Long (407-453). Tên tự của ông là Xa Nhi. Ông là con trai thứ 3 của Tống Vũ Đế và là em trai của Thiếu Đế. Ông kế vị sau khi Thiếu Đế chết. Ông trị vì được 30 năm, bị con là Lưu Thiệu mưu sát, hưởng thọ 47 tuổi. Mai táng ở trường Ninh Lăng (nay thuộc núi Tưởng Sơn phía Đông Bắc huyện Giang Ninh tỉnh Giang Tô).

*

Lưu Nghĩa Long được phong làm Nghị Đô Vương kiêm lại sử Kinh Châu. Tháng 5 năm 422 Thiếu Đế bị giết, lúc này ông đang trấn thủ ở Giang Lăng và được đại thần: Từ Tiễn Chi, Tạ Hồi... đón về Kiến Khang và vào ngày Định Dậu tháng 8 năm 422 làm lễ đăng quang, ông cho đổi niên hiệu là "Nguyên Gia".

Sau khi lên ngôi, ông thanh trừ những đại thần chuyên quyền như: Từ Tiễn Chi, Phó Lượng, Tạ Hồi... duy trì chính sách tập quyền trung ương do Vũ Đế đặt ra, thôn tính bọn cường hào địa chủ, thanh lý hộ tịch, miễn giảm tô thuế, khuyến khích nghề nông và trồng dâu, đề cao Nho học... Tất cả các biện pháp đó giúp cho nền kinh tế và văn hóa phát triển và được các nhà sử gia gọi là "sự thống trị của Nguyên Gia". Về sau vì phòng ngự toàn bộ để tấn công triều Bắc Ngụy làm tổn hao sức lực của dân chúng khiến cho thế lực của quốc gia dần dần suy yếu.

Con trai ông là thái tử Lưu Thiệu, anh ta tính tình ác độc xảo trá, anh luôn mong mỏi Lưu Nghĩa Long chết sớm để được kế vị. Vào tháng 2 năm 453 Lưu Nghĩa Long bí mật bàn bạc với thượng thư Từ Kỳ Chi chuẩn bị phế truất thái tử. Lưu Nghĩa Long rất sủng ái phi tần Phiên Thúc, cô ta nghe lén biết được ý đồ của ông ta nên đã sai người báo cho Lưu Thiệu biết chuyện. Lưu Thiệu lập tức tập hợp 2.000 dũng sĩ, quyết định làm phản.

Buổi sáng hôm sau, Lưu Thiệu khoác áo hồng bào bên ngoài áo giáp, ngồi xe với em trai tiến vào cửa Xuân Môn, đi sau ông ta là đội dũng sĩ. Lưu Thiệu còn ngụy tạo chiếu thư nói được phép mang lính vào thành. Sau đó chỉ huy Trương Siêu Chi dẫn mấy mươi dũng sĩ bao vây hợp điện của Lưu Nghĩa Long. Lưu Nghĩa Long và Từ Kỳ Chi đêm qua còn bàn bạc việc phế truất thái tử, vừa mới nằm nghỉ được một lát, và bên ngoài cửa vệ binh còn đang ngủ say, Trương Siêu Chi xông vào hợp điện (điện Hàm Chương) bắt giữ Lưu Nghĩa Long. Lưu Nghĩa Long choàng tỉnh dậy, tức giận ném vỡ mấy cái chén, ông ta bị Trương Siêu Chi chặt đứt bàn tay. Sau đó Trương Siêu Chi chém chết Lưu Nghĩa Long.

Sau khi ông chết lập hiệu miếu là Trung Tông, đặt thụy hiệu là Văn Đế.

THÁI TỬ (LƯU THIÊU)

Lưu Thiệu (?-453) tên tự của ông là Hưu Nguyễn. Ông là con trai cả của Tống Văn Đế. Sau khi giết cha, ông ta đã xưng làm hoàng đế. Ông trị vì được 3 tháng, bị em trai là Lưu Tuấn đánh bại và bị đại thần giết hại. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Thời Văn Đế trị vì đã lập Lưu Thiệu làm thái tử. Ông ta tính tình độc ác và luôn mong mỏi sớm được làm hoàng đế, suốt ngày cầu xin vào thần thánh cho vua cha chết sớm. Sau khi Văn Đế biết chuyện liền chuẩn bị phế truất ngôi thái tử của Lưu Thiệu. Không ngờ, Lưu biết được ý đồ của vua cha, ông ta liền phát động binh biến làm phản, tháng 2 năm 453 sai người giết hại vua cha và thôn tính triều đình, sau đó tự đăng quang ngôi vị.

Tháng 5 năm 453, em trai của Lưu Thiệu tên là Lưu Tuấn khởi binh tấn công Lưu Thiệu. Còn phần Lưu Thiệu sau khi giết cha đoạt ngôi nên các đại thần không tôn trọng không tin phục, bọn họ nghe tin Lưu Tuấn tiến đánh nên có người thì đầu hàng, có người trốn đi... Không còn ai ở lại giúp Lưu Thiệu. Ông ta biết mình bị cô lập khôn ai giúp đỡ, đành chạy trốn. Nhưng ông ta chưa kịp trốn chạy thì đoàn quân của Lưu Tuấn đã tiến vào thành và tấn công hoàng cung. Lưu Thiệu sai lính đào rãnh xung quanh tường phía Tây, và trốn vào giếng ở kho vũ khí, nhưng đã bị tướng lĩnh của Lưu Tuấn bắt giữ và áp giải đi gặp Lưu Tuấn. Đi nửa đường gặp những đại thần mà trước đây bị ông ta hãm hại, họ đều vạch tội của Lưu Thiệu và đòi giết Lưu Thiệu. Nam Bình Vương Lưu Sóc chém chết Lưu Thiệu chặt đầu treo lên cho dân chúng xem.

Trong sử gọi Lưu Thiệu là thái tử Lưu Thiệu.

HIẾU VŨ ĐẾ (LƯU TUẤN)
(Hoàng đế Hiếu Vũ - Tống)

Hiếu Vũ Đế, ông ta tên là Lưu Tuấn (430-464) tên tự của ông ta là Hưu Long, hồi nhỏ tên tự của ông ta là Đạo Dân. Ông là con trai thứ 3 của Tống Văn Đế, là em trai của Lưu Thiệu. Ông giết Lưu Thiệu và được lập làm hoàng đế. Ông trị vì được 11 năm bị bệnh chết. Hưởng thọ 35 tuổi. Mai táng ở Cảnh Ninh Lăng (nay thuộc huyện Ninh Giang tỉnh Giang Tô).

*

Lưu Tuấn, ông ta được phong làm Vu Lăng Vương. Tháng 2 năm 453 Văn Đế bị thái tử Lưu Thiệu sát hại lúc này Lưu Tuấn đang trấn giữ ở Giang Châu. Dưới sự thúc giục của các đại thần, vào ngày Kỷ Tị tháng 4 năm 453 ông xưng đế, kêu gọi tiêu diệt thảo nghịch. Do vậy, ông nhận được sự hưởng ứng nhiệt tình của các tướng lĩnh và quan lại, ông nhanh chóng tiến quân về Kiến Khang giết Lưu Thiệu. Sau đó ông đổi niên hiệu là "Hiếu Khang".

Sau khi lên ngôi, ông ta hoang dâm vô độ, ăn chơi trác táng. Ông ta si mê một cô em họ liền phong cho cô gái đó là tần phi để bịp tai bịp mắt người khác ông ta đổi họ cho cô em họ thành Ân. Ông ta thích đánh bạc uống rượu và rất tham lam, luôn nghi kỵ các đại thần và không thích nghe những lời can gián trung thực. Ông ta thích thú với việc nhục mạ các đại thần, luôn dựa vào đặc điểm của diện mạo để gán ghép các biệt hiệu. Lúc thiết triều ông ra lệnh cho dũng sĩ Hỗn Luận Nô (người được ông ta sủng ái nhất) đứng hầu bên cạnh, nếu đại thần nào có lời tấu trình không hợp ý ông ta, lập tức dũng sĩ Hỗn Luận Nô sẽ ra tay đánh họ.

Tháng 4 năm 460, cô em họ của ông ta bị bệnh chết. Ông ta buồn rầu thương tiếc quá độ nên cũng sinh bệnh, từ đó ít khi quản lý việc triều chính. Ông mất ngày Canh Thân tháng 5 năm 464.

Sau khi ông chết đặt thụy hiệu là Hiếu Vũ Đế, đặt hiệu miếu là Thế Tổ.

TIỀN PHẾ ĐẾ (LƯU TỬ NGHIỆP)
(TỐNG)

Tiến Phế Đế, ông ta tên là Lưu Tử Nghiệp (449-456), hồi nhỏ ông ta tên là Pháp Sư. Ông là con trai cả của Hiếu Vũ Đế. Ông kế vị sau khi cha mất, trị vì được nửa năm thì bị hạ thần hại chết, hưởng dương 17 tuổi. Mai táng ở núi Long Sơn huyện Giang Ninh tỉnh Giang Tô.

*

Thời Hiếu Vũ Đế trị vì đã lập Lưu Tử Nghiệp làm thái tử. Ngày Canh Thân tháng 5 năm 464 Hiếu Vũ Đế bị bệnh chết, cùng ngày hôm đó Lưu Tử Nghiệp tiếp nhận ngôi báu, ông đổi niên hiệu là "Vĩnh Quang".

Sau khi lên ngôi, ông ta đại nghịch vô đạo, lại thêm tính tình thích tàn sát, thường vin vào những lý do không đâu để giết hại đại thần và cung nữ, trong cung người người đều oán hận, thúc phục của ông ta là Lưu Uất thường bị ông ta lăng nhục, vài lần suýt chết dưới tay ông ta. Tháng 11 năm 465 Lưu Uất bí mật cho mời các đại thần: Nguyễn Tiến Phu, Vương Đạc Long, Quý Hạo Nhi... để cùng nhau bàn bạc tìm cách phế truất Lưu Tử Nghiệp; bọn họ còm tìm cách câu kết với thị tùng của Lưu Tử Nghiệp như: Thọ Thục Chi, Khương Sản Chi... để những thị tùng đó làm nội ứng trong cung.

Lưu Tử Nghiệp tin vào bói toán, cho rằng trong điện Hoa Lâm thường có quỷ, đến nửa đêm bọn quỷ thường xuất hiện khóc lóc,j do vậy vào đêm ngày 29 (ngày Mậu Ngọ) ông ta dẫn mấy trăm người đến điện Hoa Lâm, chỉ huy thị vệ, ông ta đích thân cầm cung tên để bắn quỷ. Sau chuyện này ông ta cho mở tiệc chúc mừng. Đúng lúc đó một đoàn người cầm dao đi vào chỗ bày yến tiệc, trong đoàn người đó có: Thọ Thục Chi, Khương Sản Chi. Lưu Tử Nghiệp biết có biến, ông ta giương cung bắn nhưng không trúng ai đành phải quay người bỏ chạy. Thọ Thục Chi đuổi theo chém một nhát vào lưng Lưu Tử Nghiệp, sau đó chém thêm một nhát kết liễu cuộc đời của Lưu Tử Nghiệp.

Trong lịch sử gọi Lưu Tử Nghiệp là Phế Đế hoặc Tiền Phế Đế.

MINH ĐẾ (LƯU UẤT)
(TỐNG)

Minh Đế, ông ta tên là Lưu Uất (439-472) tên tự của ông là Hửu Cảnh. Ông là con trai thứ 11 của Văn Đế và là chú của Tiền Phế Đế. Sau khi các đại thần giết Tiền Phế Đế đã lập Lưu Uất làm hoàng đế. Ông trị vì được 8 năm,

*

Lưu Uất được phong làm Hoài Dương Vương, sau đó lại được phong làm Tương Đông Vương. Sau khi Tiền Phế Đế lên ngôi, luôn coi Lưu Uất là một cái gai trong mắt, nhiều lần tìm cách loại bỏ Lưu Uất nhưng không thực hiện được. Lưu Uất rất béo tốt, vì vậy Tiền Phế Đế thường gọi Lưu Uất là "Trư Vương" (tức là vua lợn", Lưu Tử Nghiệp đào một cái hố xếp gạch ngói xung quanh bắt Lưu Uất cởi bỏ quần áo và nhốt ông ta vào chuồng. Sau đó để các loại rau vào máng gỗ và ra lệnh cho Lưu Uất ăn giống như một con lợn. Tiền Phế Đế đứng bên cạnh xem và cười khoái chí. Lưu Uất không chịu đựng được sự lăng nhục nên nói xấu sau lưng Lưu Tử Nghiệp. Không ngờ Lưu Tử Nghiệp nghe được. Ông ta lập tức ra lệnh cho thuộc hạ cởi bỏ quần áo và trói chân tay Lưu Uất khênh xuống nhà bếp để giết Lưu Uất. May thay lúc đó Kiến An Dương Lưu Hưu Nhân nhanh trí nói: "Cái đầu lợn này chưa cần giết, đợi đến sinh nhật của bệ hạ, giết lấy đầu làm lễ vật chúc mừng". Nghe Lưu Hưu Nhân tấu trình như vậy, Lưu Tử Nghiệp đồng ý tạm thời tha chết cho Lưu Uất. Lưu Uất âm thầm liên kết với các đại thần: Thọ Thục Chi, Nguyễn Điền Phu... để tìm cách lật đổ Lưu Tử Nghiệp. Ít lâu sau trong đô thành Kiến Khang xuất hiện lời đồn: "Ở thành Tương xuất hiện thiên tử", Lưu Tử Nghiệp càng giận Lưu Uất, ông ta quyết tâm giết chết Lưu Uất. Vì vậy ông ta chuẩn bị đi đến điện Hoa Lâm bắn quỷ sau đó sẽ giết Lưu Uất. Không ngờ đến ngày Mậu Ngọ tháng 11 năm 465, Lưu Tử Nghiệp bắn quỷ ở cung điện Hoa Lâm cho mở yến tiệc và đã bị Thọ Thục Chi chém chết. Tháng 12 năm 465, Lưu Uất được các đại thần lập làm hoàng đế, ông cho đổi niên hiệu là "Thái Thủy".

Sau khi Lưu Uất tiếp nhận đôi báu, ông ta đố kị cốt nhục, tàn sát tông thất, con trai thứ 14 của Hiếu Văn Đế và Kiến An Vương Lưu Hưu Nhân (người đã cầu xin tha mạng sống cho ông ta) cũng bị ông ta vô cớ giết hại.

Tháng 1 năm 472, Lưu Uất bị ốm. Đến tháng 4 bệnh chuyển ra nguy kịch ông cho truyền gọi: Quế Dương Vương Lưu Hưu Phạm, Lưu Diễn... dặn dò họ giúp đỡ thái tử và Lưu Uất viết di chiếu nói: "Nếu như sức lực của dân chúng quá mệt mỏi, bà con trăm họ không thể yên ổn thì cần giảm nhẹ tô thuế, giảm bớt hình chế pháp luật, để lấy lòng dân chúng".

Đến ngày Kỉ Hợi thì Lưu Uất băng hà.

Sau khi ông ta chết đặt hiệu miếu là Thái Tông và thụy hiệu là Minh Đế.

HẬU PHẾ ĐẾ (LƯU DỤC)
(TỐNG)

Hậu Phế Đế, ông ta tên là Lưu Dục (463-477), tên tự của ông ta là Đức Dung. Ông là con trai cả của Minh Đế, bị đại thần giết chết. Hưởng dương 15 tuổi, mai táng ở Đản Tây huyện Giang Ninh tỉnh Giang Tô.

*

Thời Minh Đế trị vì đã lập Lưu Dục làm thái tử. Tháng 4 năm 472 Minh Đế ốm chết. Ngày Canh Tí tháng 4 ông làm lễ đăng quang lên ngôi hoàng đế.

Lên 10 tuổi Lưu Dục đã làm hoàng đế vì vậy Nguyễn Điền Phu rất lộng hành. Nhưng Lưu Dục là người tính tình tàn nhẫn đa sát - Chỉ cần thuộc hạ không làm vừa ý ông ta lập tức kẻ đó bị giết chết. Một ngày ông ta không giết người thì ông ta cảm thấy không yên ổn và rối trí. Bình thường ông ta thích dẫn lính đi ta ngoài từ sáng đến tối, nhìn thấy gia súc ông ta liền hạ lệnh cho lính chém, làm cho bà con trăm họ kinh sợ không yên, những nhà thương nhân không dám đi buôn, các cửa hàng đóng chặt cửa, ít người dám ra đường.

Có một năm vào mùa hè, Lưu Dục âm thầm đột nhập vào phủ lĩnh quân. Lúc này tướng quân Tiêu Đạc Thành đang cởi trần ngủ trên giường. Lưu Dục nhìn thấy lỗ rốn của Tiêu Đạc Thành rất lớn liền nói: "Ô trông giống như một cái bia bắn tên". Nghĩ vậy, ông ta thích chí gọi Tiêu Đạc Thành dậy, bắt đứng thẳng để ông ta luyện tập bắn tên dùng bụng của Đạc Thành làm bia, còn rốn làm tâm. Tiêu Đạc Thành nói: "Lão thần không có tội", may thay đội trưởng đội vệ binh là Vương Thiên Ân đứng đó vội vàng can gián: "Bụng của Tiêu Đạc Thành rất to, thực tại có một cái rốn đẹp, nếu hôm nay dùng tên bắn chết anh ta thì ngày sau không còn một cái rốn nào đẹp như vậy. Chi bằng dùng tên giả luyện tập, đỡ phải làm tổn thương tới cái rốn của anh ta". Lưu Dục nghe lời can gán và sai lấy tên giả để ông ta luệnh tập. Từ đó Tiêu Đạc Thành ôm hận trong lòng, không biết bao giờ mình bị bắn chết. Sau đó, Tiêu Đạc Thành nghe người trong cung nói: Lưu Dục mài giũa vũ khí chuẩn bị giết Tiêu Đạc Thành - Nghe đồn vậy Tiêu Đạc Thành càng không yên tâm, ông ta quyết định làm phản lật đổ Lưu Dục. Tiêu Đạc Thành bàn bạc với tướng quân Vương Kính Tắc với 25 thị tòng của Lưu Dục như Dương Ngọc Phu và Dương Vạn Hiên và tìm thời cơ để hành động.

Đêm 7 tháng 7 năm 477 (ngày Mậu Tí) Lưu Dục đi chơi ở miếu Thanh Viên Ni, ông ta lại đến chùa Tân An ăn trộm chó. Ông ta giết thịt chó rồi ngồi uống rượu ăn thịt chó với đạo nhân Đàm Độ. Sau khi uống say túy lúy Lưu Dục mới quay về điện Nhân Thọ. Lúc nằm trên giường ông ta còn nói nhảm: "Tối nay là ngày Chức Nữ qua sông gặp Ngưu Lang, các ngươi hãy ngồi đợi bao giờ thấy Chức Nữ đến thì gọi trẫm dậy. Nếu làm lỡ việc, ngày mai trẫm sẽ lấy cái mạng chó của các ngươi". Nửa đêm Dương Ngọc Phu và Dương Vạn Hiên đột nhập vào điện Nhân Thọ lợi dụng lúc Lưu Dục đang ngủ say chặt đầu của Lưu Dục - Sau chuyện này, thái hậu hạ chiếu chỉ phế Lưu Dục làm Thương Ngô Vương.

Trong sử gọi Lưu Dục là Hậu Phế Đế.

THUẬN ĐẾ (LƯU HOÀI)

(TỐNG)

Thuận Đế, tên ông ta là Lưu Hoài (467-479), tên tự của ông là Trạng Mưu. Ông là con trai thứ 3 của Minh Đế là em trai của Hậu Phế Đế. Sau khi Tiêu Đạc Thành mưu sát Hậu Phế Đế và lập Lưu Hoài làm hoàng đế. Ông trị vì được 3 năm thì bị Tiêu Đạc Thành phế bỏ và giết hại, hưởng dương 13 tuổi. Mai táng ở Toại Ninh Lăng (nay thuộc huyện Giang Ninh tỉnh Giang Tô).

*

Lưu Hoài được phong làm An Thành Vương. Tháng 7 năm 477 Tiêu Đạc Thành phế bỏ và mưu hại Hậu Phế Đế và lập Lưu Hoài làm hoàng đế, lễ đăng quang tổ chức vào ngày Nhâm Thìn, ông cho đổi niên hiệu là "Thăng Minh".

Lưu Hoài làm hoàng đế lúc đó chỉ có 10 tuổi, do vậy Tiêu Đạc Thành rất chuyên quyền. Tiêu Đạc Thành qua nhiều năm trù hoạch tìm cơ hợi phế Lưu Hoài. Cuối cùng thời cơ đã đến nên vào ngày Tân Mão tháng 4 năm 479 Tiêu Đạc Thành ép Lưu Hoài phải thoái vị. Ngày hôm đó, Tiêu Đạc Thành yêu cầu Lưu Hoài đến điện để cử hành nghi lễ nhường ngôi. Lưu Hoài sợ gặp nguy hiểm không dám đi liền trốn vào vỏ của bức tượng Phật. Tiêu Đạc Thành tức tốc sai Vương Kính Tắc mang lính vào điện tìm kiếm Lưu Hoài, bọn chúng tìm ngược tìm xuôi cuối cùng cũng tìm được ông ta và chúng lôi Lưu Hoài đến gặp Tiêu Đạc Thành. Tiêu Đạc Thành phong Lưu Hoài làm Nhữ Âm Vương và bắt ông đến sinh sống tại Đơn Dương, sai lính quản thúc và giám sát.

Ngày Kỉ Mùi tháng 5 những binh lính giám sát Lưu Hoài bỗng nhiên nghe tiếng ngựa phi tiếng hỗn loạn, bọn chúng cho rằng có biến loạn liền chém chết Lưu Hoài. Sau đó loan báo Lưu Hoài bị ốm chết.

Sau khi ông ta chết đặt thụy hiệu là Thuận Đế.

TRIỀU TỀ

(Năm 479-502, tổng cộng 24 năm)

Triều Tề có 7 đế vương, trong đó có 3 người bị bệnh chết, 2 người chết trong nội chiến, hai người bị hạ bệ sau đó bị mưu giết.

CAO ĐẾ (TIÊU ĐẠO THÀNH)

(TỀ)

Cao Đế, ông ta tên là Tiêu Đạo Thành (477-482), tên tự của ông ta là thiệu Bá, thời nhỏ ông có tên tự là Đẩu Tương. Ông vốn là tướng quân của triều Tống, sau đó ông phế truất Thuận Đế. Ông trị vì được 4 năm, bị bệnh chết. Hưởng thọ 56 tuổi, mai táng ở Thái An Lãng (nay thuộc huyện Giang Âm tỉnh Giang Tô).

Tổ tiên của Tiêu Đạo Thành là người ở Lan Lãng - Đông Hải (nay thuộc phía Đông Nam thành phố Táo Trang tỉnh Sơn Đông) về sau dời đến cư trú ở Nam Lan Lãng (nay thuộc phía Tây Bắc thành phố Thường Châu tỉnh Giang Tô).

Những năm cuối của triều Tống, Tiêu Đạo Thành được giữ chức Kiến Nghiệp Lệnh và Trung quân tướng quân, ông lợi dụng cơ hội những người trong hoàng thất tàn sát lẫn nhau để nắm chắc lực lượng quân sự. Năm 477, sau khi mưu sát Lưu Dục và lập Lưu Hoài làm hoàng đế Tiêu Đạo Thành giữ những chức vụ như: Thị trung, Tư không, Thái úy, ông rất lộng hành trong triều đình Tống. Năm 479, ông ta tự phong làm tướng quốc, Tề vương. Ngày Tân Mão tháng 4, ông ép buộc Lưu Hoài phải nhường ngôi, ông cho đổi quốc hiệu là "Tề", đặt đô ở Kiến Khang, sau cải niên hiệu là "Kiến Nguyên", trong lịch sử gọi là Nam Tề.

Sau khi đứng ra tiếp nhận ngôi báu, ông lo lắng tìm cách củng cố địa vị, cầu mong cho dòng họ trị vì thiên hạ được lâu bền và vững chắc, ông đã nhờ nhà Nho học Lưu Hoàn chỉ bảo cho con đường trị quốc. Lưu Hoàn nói: "Dòng họ Lưu Tống bị diệt vong bởi họ đối với trăm họ quá hà khắc vả lại anh lại tàn sát lẫn nhau". Tiêu Đạo Thành cảm tạ Lưu Hoàn và cũng rất tán đồng ý kiến đó, Tiêu Đạo Thành nỗ lực sửa đổi chính sách tàn bạo của dòng họ Lưu Tống, miễn giảm tô thuế, hạn chế người trong hoàng tộc kinh doanh mua bán, tổ chức thi cử, chỉnh đốn hộ tịch... Ông thường lấy mình làm gương cho thiên hạ sống rất tiết kiệm. Ông hô hào mọi người tiết kiệm. Lễ phục của hoàng đế phải đính một vật trang sức gọi là "Ngọc Giới Đạo", ông cho rằng việc này không cần thiết và rất phung phí, vì thế sai người chặt nhỏ vật đó ra, từ lần sau không được phép dùng.

Đồ dùng trong cung cũng rất đơn giản. Ông nói: "Để trẫm trị vì thiên hạ trong 10 năm thì nhất định trẫm sẽ làm cho vàng bạc và đất đai nhiều như nhau". Ông còn dạy dỗ con cháu phải yêu thương giúp đỡ nhau, đồng lòng phụ giúp triều đình, sống phải để đức cho con cháu, bảo vệ giang sơn.

Tháng 2 năm 482 Tiêu Đạo Thành bị ốm, tháng 3 bệnh ông chuyển sang nguy kịch, ông sai gọi các đại thần đến tiếp nhận di chiếu và nhờ vả giúp đỡ thái tử Tiêu Trách. Ông dặn dò Tiêu Trách: "Nếu như dòng họ Lưu anh em chú cháu không tàn sát nhau thì trẫm cũng không có được thiên hạ. Con phải nhớ rõ điều này. Sau khi trẫm chết, con phải yêu thương anh em cháu chắt, nếu họ thái quá con phải nghiêm khắc giáo huấn, không được sát hại họ. Quy tắc này con phải nhớ cho kỹ: nếu cốt nhục tương tàn ắt thiên hạ sẽ loạn và rơi vào tay kẻ khác".

Ông băng hà vào ngày Nhâm Tuất.

Sau khi ông chết lập hiệu miếu là Thế Tổ và đặt thụy hiệu là Cao Đế.

VŨ ĐẾ (TIÊU TRÁCH)

(TỀ)

Vũ Đế, ông ta tên là Tiêu Trách (440-493), tên tự của ông là Tuyên Nguyễn, hồi nhỏ có tên tự là Long Nhi. Ông là con cả của Cao Đế. Ông tiếp nhận ngôi vị sau khi Cao Đế chết. Ông trị vì được 11 năm bị bệnh chết, hưởng thọ 54 tuổi. Mai táng ở Cảnh An Lăng (nay thuộc huyện Đơn Dương tỉnh Giang Tô).

*

Thời Cao Đế trị vì đã lập Tiêu Trách làm thái tử. Ngày Nhâm Tuất tháng 3 năm 482 Cao Đế bị bệnh chết, cùng ngày cùng tháng đó Tiêu Trách tiếp nhận ngôi báu, ông đổi niên hiệu là "Vĩnh Minh".

Sau khi Tiêu Trách lên kế vị, ông luôn tuân theo di huấn của phụ hoàng, thực hiện chính sách tiết kiệm, không tàn sát anh em, do vậy tình hình trong nước tương đối ổn định.

Tháng 7 năm 493 Tiêu Trách bị bệnh, vào ngày Mậu Dần ông lập chiếu thư cho phép Hoàng Thái Tôn Tiêu Chiêu Nghiệp được kế vị và sai các đại thần bá quan phải tận tâm phục vụ triều đình, việc tang lễ phải làm thật đơn giản tiết kiệm. Ông chọn nơi chôn chất cho mình và lấy tên bia mộ là: Cảnh An Lăng, ông không đồng ý cho việc xuất gia làm tăng ni, không phê chuẩn việc xây dựng chùa miếu và tháp, và sai Tiêu Chân thống lĩnh Cấm vệ quân. Cũng vào hôm đó ông băng hà.

Sau khi ông mất đặt hiệu miếu là Thế Tổ và thụy hiệu là Vũ Đế.

UẤT LÂM VƯƠNG (TIÊU CHIÊU NGHIỆP)

(TỀ)

Uất Lâm Vương, ông ta tên là Tiêu Chiêu Nghiệp (472-494), tên tự của ông là Nguyên Thượng, hồi nhỏ tên tự của ông là Pháp Thân. Ông là cháu đích tôn của Vũ Đế. Sau khi Vũ Đế chết, ông được thúc phụ là Tiêu Loan giúp đỡ lập làm hoàng đế. Ông trị vì được 1 năm thì bị thúc phụ Tiêu Loan giết hại. Hưởng dương 21 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Bố của Tiêu Chiêu Nghiệp là thái tử Tiêu Trường Mậu và được phong làm Nam Quận Vương. Nhưng bố ông ta chết sớm vì thế ông được lập làm thái tôn. Văn Đế chết, trung thư Lang Vương Dung lập thúc phụ của Tiêu Chiêu Nghiệp là Tiêu Tư Lãng làm hoàng đế, nhưng một người chú khác của Tiêu Chiêu Nghiệp là Tây Xương Hầu Tiêu Loan lại lập Tiêu Chiêu Nghiệp làm hoàng đế. Ông cho đổi niên hiệu là "Long Xương".

Sau khi Chiêu Nghiệp đăng cơ, ông ta chi tiêu rất hoang phí. Lúc Vũ Đế chết, quốc khố (ngân quỹ) của trung nguyên có 800 tỉ vậy mà ông ta chi tiêu vô độ, thậm chí còn dẫn các cung phi tới nhà kho, sai thuộc hạ lấy các đồ vật quý báu cung tặng cho các cung phi. Ông ta không hiểu việc triều chính, mọi việc đều do Tiêu Loan giải quyết. Về sau ông ta thấy Tiêu Loan có tham vọng làm đế liền có ý loại trừ Tiêu Loan, nhưng Tiêu Loan có ý mưu phản và tìm cách phế bỏ Chiêu Nghiệp.

Vào một buổi sáng tháng 7 năm 494, Tiêu Loan sai những thuộc hạ thân tín là: Tiêu Châm, Tiêu Thản... dẫn lính xông vào cung giết những tướng quân thân tín của Chiêu Nghiệp như Tào Đạc Cương, Chu Long... tiếp đó Tiêu Loan đích thân chỉ huy lính chiếm giữ cửa Vân Long, sau đó ông ta xông vào điện Thọ Xương. Lúc này, Chiêu Nghiệp đang đùa giỡn với Từ Cơ (cô ta vốn dĩ mang họ Lôi, cô ta làm phi tử của cha Chiêu Nghiệp, đáng lý Chiêu Nghiệp phải gọi cô ta bằng mẹ ghẻ), thấy có biến Chiêu Nghiệp sai thị vệ đóng cửa điện. Tiêu Châm dẫn lính xông vào cung chắn ở điện Thọ Xương và quát nạt thị vệ: "Chúng tôi đến bắt người, hà tất gì các người phổng đóng cửa". Bình thường túc vệ quân rất giận Tiêu Chiêu Nghiệp hoang dâm và ác độc lúc này nghe thấy quát vậy, họ liền khoanh tay đứng nhìn. Tiêu Chiêu Nghiệp cướp kiếm

trong tay Từ Cơ định tự sát nhưng bị Từ Cơ cản lại nên chỉ bị thương vào cở. Tiêu Châm tiến vào, Tiêu Chiêu Nghiệp đành phải dùng lụa băng vết thương và đi theo Tiêu Châm. Hai người đi đến chái phía Tây bên cạnh điện Diên Đức, Tiêu Cơ giật miếng lụa ở cổ Tiêu Chiêu Nghiệp để xiết cổ Tiêu Chiêu Nghiệp. Sau khi ông ta chết còn bị thái hậu phế truất làm Uất Lâm Vương.

Trong sử gọi Tiêu Chiêu Nghiệp là Uất Lâm Vương.

HẢI LĂNG VƯƠNG (TIÊU CHIÊU VĂN)
(TỀ)

Hải Lăng Vương, ông ta tên là Tiêu Chiêu Văn (480-494) tên tự của ông là Quý Thượng. Ông là cháu của Quý Thượng, em trai của Uất Lâm Vương. Tiêu Loan sau khi giết Uất Lâm Vương đã lập Tiêu Chiêu Văn làm hoàng đế. Ông ta trị vì chưa được 3 tháng thì bị Tiêu Loan phế truất và giết hại. Hưởng dương 15 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Tiêu Chiêu Văn hồi đầu được phong là Lâm Nhữ Công về sau được phong là Tán An Vương. Tháng 7 năm 494 Uất Lâm Vương Tiêu Chiêu Nghiệp bị Tiêu Loan giết, ngày Đinh Dậu tháng 7 Tiêu Chiêu Văn được Tiêu Loan lập làm hoàng đế, ông đổi niên hiệu là "Diên Hưng".

Tiêu Chiêu Văn tiếp nhận ngôi báu lúc đó ông mới có 15 tuổi, mọi công việc trong triều đình đều nghe theo Tiêu Loan, thậm chí ăn món gì ăn rau gì cũng phải đợi Tiêu Loan đồng ý. Có một hôm, ông muốn ăn cá, nhà bếp trả lời không có sự cho phép của Tiêu Loan thì họ không dám làm.

Ngày Tân Hợi tháng 10 năm 494, Tiêu Loan mượn danh nghĩa thái hậu để phế truất Tiêu Chiêu Văn, giáng ông ta làm Hải Lăng Vương. Tháng 11, Tiêu Loan vin cớ Tiêu Chiêu Văn bị bệnh nặng đã sai thái y giết Tiêu Chiêu Văn ở trong cung Kiến Khang.

Trong sử gọi Tiêu Chiêu Văn là Hải Lăng Vương hoặc Cung Vương.

MINH ĐẾ (TIÊU LOAN)
(TỀ)

Minh Đế, ông ta tên là Tiêu Loan (452-498) ông là cháu của Tống Cao Đế và là chú của Hải Lăng Vương. Tên tự của ông là Cảnh Tê, hồi nhỏ ông có tên tự là Huyền Độ. Sau phế truất Hải Lăng Vương, ông tự xưng làm hoàng đế. Ông trị vì được 5 năm bị bệnh chết, hưởng thọ 47 tuổi. Mai táng ở Hưng An Lăng (nay thuộc huyện Đan Dương tỉnh Giang Tô).

*

Bố của Tiêu Loan tên là Tiêu Đạo Sinh. Hồi đầu Tiêu Lan được phong là Tây Xương Hầu, về sau được phong làm Tuyên Thành Vương. Từ thời Tiêu Chiêu Nghiệp cho đến thời Tiêu Chiêu Văn ông luôn nắm giữ quyền lực trong triều đình. Tháng 10 năm 494 ông phế bỏ Hải Lăng Vương, ngày Quý Hợi tháng 11 ông tự xưng làm hoàng đế và cho đổi niên hiệu là "Kiến Vũ".

Để cướp đoạt và bảo vệ ngôi báu, Tiêu Loan đã ra tay sát hại tông thất. Ông ta luôn lo sợ bị cướp đoạt ngôi báu, do vậy ông đã sai gọi tất cả con cháu của Cao Đế và Vũ Đế vào hoàng cung, ngay cả một đứa trẻ mới lọt lòng cũng sai vú mẫu bế đến, sau đó ra lệnh cho thái y rang hai nồi hạt tiêu (có độc) và sai làm 10 cỗ quan tài, chuẩn bị đợi đến đêm rồi sẽ hạ độc bọn họ. Nhưng nhờ sự can gián của các đại thần nên Tiêu Loan mới tha mạng sống cho con cháu của Cao Đế và Vũ Đế.

Tháng 3 năm 498, Tiêu Loan bị bệnh, ông sai gọi thái tử Tiêu Bảo Quyển đến dặn dò: "Làm bất cứ việc gì cũng không để cho người khác giật dây". Tiêu Loan băng hà vào ngày Kỉ Dậu

tháng 7 tại cung điện Chính Phúc.

Sau khi ông chết lập miếu đặt hiệu là Cao Tông và đặt thụy là Minh Đế.

ĐÔNG HỖN HẦU (TIÊU BẢO QUYỂN)
(TỀ)

Đông Hỗn Hầu, ông ta tên là Tiêu Bảo Quyển (483-501) tên tự của ông là Trí Tàng. Ông là con thứ của Tề Minh Đế. Sau khi Minh Đế chết, ông tiếp nhận ngôi báu. Ông trị vì được 2 năm bị đại thần hại chết. Hưởng dương 19 tuổi. Mai táng ở huyện Đan Dương tỉnh Giang Tô.

*

Tiêu Bảo Quyển được Minh Đế lập làm thái tử. Tháng 3 Minh Đế bị bệnh, Tiểu Bảo Quyển cùng vào tháng đó đứng ra tiếp nhận ngôi báu. Ông cho đổi niên hiệu là "Vĩnh Nguyên".

Từ nhỏ Tiêu Bảo Quyển ham chơi không thích đọc sách, thậm chí ông ta còn thích thức thâu đêm để bắt chuột. Sau khi Minh Đế chết, ông ta cũng không động lòng thương tiếc. Các đại thần khuyên ông quỳ trước linh cửu khóc lóc, ông ta chối từ nói bị đau đầu không thể quỳ phục trước linh cửu. Tiêu Bảo Quyển thấy đại phu Dương Xiển quỳ trước linh cửu gào khóc than vãn để lộ ra cái đầu hói, Tiêu Bảo Quyển cười nhạo, nói: "Chim tọa sơn điêu đến khóc than".

Sau khi lên trị vì, Tiêu Bảo Quyển buông lỏng việc triều chính không thích thiết triều, có thời gian vài tháng không phê chuẩn tấu chương, tấu chương xếp hàng chồng hàng đống đến mức các nội thị mang ra gói thịt gói cá. Cũng may, trước khi chết Tiêu Loan đã ủy thác và nhờ vả 6 vị đại thần trông coi và phụ giúp Tiêu bảo Quyển (6 vị đại thần đó gồm có: thượng thư Tạ Giang Hữu, Lại sư ở Dương Châu là Tiêu Dao Quang, lĩnh quân tướng quân Lưu Tuyên...), 6 vị đại thần này rất có uy lực và năng lực. Bọn họ tận tâm can thiệp lúc đó mới làm cho cục diện chính trị và kinh tế tạm thời ổn định.

Thời Tiêu Ngọc Quyển làm thái tử, ông ta rất thích xem xiếc. Sau khi làm hoàng đế lại càng yêu thích trò xiếc.

Ông có thể phân tích, mổ xẻ, nhận xét... đối với những tiết mục xiếc đã xem qua và có thể nghĩ ra các tiết mục xiếc mới mẻ. Ông ta cậy mình có sức khỏe hơn người, có thể vác cái phướn dài 15,5m, quay tít cây phướn và sau đó giữ cho cờ phướn không bay. Ông dùng răng để giữ cán phướn khiến cho răng của ông ta bị gãy máu chảy đầy mồm, vậy mà vẫn không từ bỏ ý dùng răng để giữ cây phướn. Quả thật, sự kiên trì của ông ta cũng giành được kết quả, sáng tạo ra tiết mục múa rối "con ngựa gỗ". Con ngựa gỗ không có chân chỉ có đầu và thân, còn 4 chân của nó do hai người diễn viên điều khiển, tiết mục diễn như thật và tự nhiên trông giống như ngựa thật. Có lúc còn có một người ngồi trên ngựa, làm những động tác gây cười, do vậy rất được nhiều người yêu thích xem trò đó.

Tiêu Bảo Quyển làm một diễn viên xiếc, ông tự thiết kế và làm một bộ trang phục biểu diễn: mũ chóp nhọn màu vàng, áo chẽn ống tay áo ngắn, phía sau lưng may vải màu hồng, toàn bộ thân áo đính vàng và ngọc quý. Tiêu Bảo Quyển làm chiếc áo này và sai các quý phi, đại thần cũng phải mặc như vậy, chỉ có điều nhiều màu sắc khác nhau. Ở hậu cung luôn luôn náo nhiệt, chướng khí mù mịt. Để làm ra các đạo cụ và phục trang, ông ta bắt dân chúng phải nộp da gấu, lông chim... Ông ta còn tu sử cung điện lầu các. Bọn tham quan thừa cơ vơ vét khiến dân chúng nhiều người phải bán nhà gá vợ, gia cảnh tan nát.

Giang Hữu thấy Tiêu Bảo Quyển lộng hành, gây ra cảnh náo loạn trong triều nên nhiều lần khuyên can nhưng đều vô ích. Tháng 8 năm 499, Giang Hữu liên kết với thị trung Giang Tế chuẩn bị phát động chính biến để phế truất Tiêu Bảo Quyển lập vua mới. Giang Hữu muốn lập Giang Hạ Vương Tiêu Bảo Huyền làm hoàng đế, còn Giang Tự lại muốn lập Tiêu Dao Quang, hai người bất đồng ý kiến không ai chịu ai, cuối cùng sự việc bại lộ. Cuối cùng, Tiêu Bảo Quyển sai

giết chết cả nhà Giang Hữu. Cũng vào tháng đó, Tiêu Dao Quang dấy binh cướp ngôi và bị hữu tướng quân Tiêu Thản dẹp yên. Và cũng bị Tiêu Bảo Quyển giết hại, chỉ trong vòng 3 tháng Tiêu Bảo Quyển đã giết các đại thần: Tiêu Thản Chi, Lưu Tuyên. Từ đó về sau tháng nào ông ta cũng giết người, ngay cả em trai của ông ta là Tiêu Bảo Huyền cũng bị ông ta hại trở thành quỷ không đầu. Bà con trăm họ li tán, lực nước bị suy bại, nơi nơi đều vang tiếng oán than. Tiêu Bảo Quyển trở thành một con quỷ trong mắt dân chúng.

Năm 550, Tiêu Diễn dẫn quân chinh phạt Tiêu Bảo Quyển. Tháng 3 năm 501, Tiêu Diễn ủng hộ và lập con trai thứ 8 của Tiêu Loan làm hoàng đế (ông ta tên là Tiêu Bảo Dung), nghi lễ đăng quang tổ chức tại Kinh Châu (nay thuộc thành phố Giang Lăng tỉnh Hồ Bắc), tuyên bố phế truất Tiêu Bảo Quyển và giáng Tiêu Bảo Quyển làm Bối Lăng Vương. Tháng 10 năm 501, Tiêu Diễn bao vây đô thành Kiến Khang. Lúc này trong thành có 70.000 tinh nhuệ, nhưng Tiêu Bảo Quyển lại không tin vào nhân lực mà đi tin vào thần thánh, ông ta cúng tế thần thánh với hi vọng thần thánh sẽ giúp ông ta đánh tan quân địch. Thậm chí quân địch bao vây ở chân thành ông ta vẫn thản nhiên ngồi xem xiếc. Có đại thần nêu ý kiến: nên có phần thưởng cho những chiến sĩ có công, làm thế sẽ cổ vũ cho tinh thần binh lính, ông ta thản nhiên trả lời: "Trẫm còn để tiền xây dựng cung điện", kết quả là dân chúng li tán. Ngày Bính Dần tháng 12, lại sử ở Ung Châu là Vương Trấn Quốc, thị trung Trương Tắc đã đồng ý chạy theo Tiêu Diễm, họ tình nguyện làm nội ứng trong hoàng cung, nửa đêm họ dẫn lính xông vào hoàng cung. Và được Tiền Cường và Phong Dũng dẫn vào điện Hàm Đức, nơi đây là nơi Tiêu Bảo Quyển tổ chức dạ tiệc, sau khi ăn uống no say cung tần của ông ta đã quay về cung, chỉ còn một mình ông ta ngồi lại uống say mèm. Nghe tiếng náo loạn, ông ta vội vàng bật dậy chạy ra cửa phía Bắc định trốn vào lầu các Thanh Diệu, nhưng đột nhiên hoạn quan Hoàng Thái vung dao chém chết Tiêu Bảo Quyển, tiếp đó có một người khác chặt đầu Tiêu Bảo Quyển mang dâng cho Tiêu Diễn để lập công.

Sau khi ông ta chết lập thụy hiệu là Đông Hỗn Hầu.

HÒA ĐẾ (TIÊU BẢO DUNG)
(TỀ)

Hòa Đế, ông ta tên là Tiêu Bảo Dung (488-502), tên tự của ông ta là Trí Chiêu. Ông là con thứ 8 của Tế Minh Đế. Là em trai của Đông Hỗn Hầu Tiêu Bảo Quyển. Ông được Tiêu Diễn lập làm hoàng đế, trị vì được một năm thì bị Tiêu Diễn phế truất và sát hại. Hưởng dương 15 tuổi. Mai táng ở cung An Lăng (nay thuộc thành phố Nam Kinh tỉnh Giang Tô).

*

Tiêu Bảo Dung được phong làm Vĩnh Khang Vương. Nhờ sự giúp đỡ của Tiêu Diễn do đó vào tháng 3 năm 501 Tiêu Bảo Dung tổ chức lễ đăng quang ở Kinh Châu, ông đổi niên hiệu là "Trung Hưng".

Đầu năm 502 Tiêu Diễn muốn cướp ngôi đoạt vị nên trả về mời Tiêu Bảo Dung đến thành Cô Thục (nay thuộc thành phố Tô Châu tỉnh Giang Tô) bị Tiêu Diễn sai thuộc hạ bắt giữ. Ngày Bính Thân., ông bị Tiêu Diễn ép buộc phải thối vị và nhường lại ngôi báu. Tiêu Diễn có ý định đổi quận Nam Hải thành nước Ba Lăng và cho Tiêu Bảo Dung đến đó trị lý. Nhưng các đại thần đã can gián Tiêu Diễn: "Không nên nhân từ mà để lại hậu họa", tháng 4 ngàu Mậu Thìn tiêu Diễn sai Trịnh Bá Cầm đến thành Cô thục để bắt ép Tiêu Bảo Dung uống hàn tín tự vẫn. Tiêu Bảo Dung thở dài nói: "Tôi không muốn dùng thủy ngân, cho tôi một bình rượu là đủ". Trịnh Bá Cầm cho Tiêu Bảo Dung uống đến say mèm sau đó chém chết ông ta. Còn về phần Tiêu Diễn, ông ta ngụy tạo nói Tiêu Bảo Dung bị cảm đột ngột đã qua đời, và tôn Tiêu Bảo Dung làm Hòa Đế.

Triều Nam Tề bị diệt vong.

TRIỀU LƯƠNG

(502-557, tổng cộng 56 năm)

Triều Lương có 8 đế vương, trong đó có một người bị chết đói trong cuộc nội chiến, 2 người bị đè chết, một người bị giết, một người bị dìm chết, một người bị thắt cổ chết, một người bị phế truất sau đó bị mưu sát.

VŨ ĐẾ (TIÊU DIỄN)
(LƯƠNG)

Vũ Đế, ông ta tên là Tiêu Diễn (464-549), tên tự của ông là Thúc Đạt. Ông là chi dưới của Cao Đế Tiêu Đạo Thành (triều Nam Tề). Giữ chức lại sử ở Ung Châu. Ông mưu hại Đông Hỗn Hầu, Hòa Đế để xưng làm hoàng đế. Ông diệt vong triều Nam Tề và tạo dựng nên triều Lương. Ông trị vì 48 năm, ông bị tướng lĩnh của triều Đông Ngụy bao vây và bị chết đói, hưởng thọ 86 tuổi. Mai táng ở Tu Lăng (nay thuộc huyện Đơn Dương tỉnh Giang Tô).

*

Tiêu Diễn quê ở Nam Lan Lăng, ông thuộc chi dưới của Cao Đạo Thành. Cảnh Lăng Vương Tiêu Tử Lăng (người trong hoàng tộc Nam Tề) cho mở một hội văn học, ông tham gia vào đó và có cơ hội giao du với các văn sĩ Trầm Hội, Tạ Diểu. Sau khi Tiêu Diễn nhận chức lại sử ở Ung Châu ông trấn thủ ở Tương Dương. Năm 501 lợi dụng việc hoàng tộc triều Nam Tề tán sát lẫn nhau, ông bao vây thành Kiến Khang giết Đông Hỗn Hầu và lập Hòa Đế làm hoàng đế. Năm 502 ông phế bỏ và mưu sát Hòa Đế, ngày Bính Dần tháng 4 năm 502 ông tự xưng làm hoàng đế, sai đặt quốc hiệu là "Lương" và đặt đô ở Kiến Khang, đổi niên hiệu là "Thiên Lâm", trong sử gọi là Tiêu Lương.

Trong những năm trị vì, ông đề xướng Phật Giáo. Ra vẻ là nhân từ để lừa đảo các nhân sĩ nhằm thu hút sự ủng hộ của họ. Ông thường ăn chay, tay lần chuỗi hạt và đọc kinh Phật, những lúc hành hình giết người ông ta thường khóc và miệng nói: "A Di Đà Phật". Ông ta cho xây dựng chùa chiền, mỗi ngày vào buổi tối và buổi sáng đều đi tới chùa Đồng Thái để lễ Phật niệm kinh và thường nói sẽ tích đức thay bà con trăm họ.

Vào những năm cuối đời, có một hôm Tiêu Diễn đi tới chùa Đồng Thái và không quay về cung, ông ta còn cao giọng nói không muốn làm hoàng đế mà muốn xuất gia làm tăng tử, đây gọi là "xả thân". Các đại thần nghe ông ta nói vậy họ đều hoảng hồn, ngày nào bọn họ cũng đến chùa cầu xin ông ta trở về cung, một thời gian sau, ông lại đến chùa Đồng Thái để xả thân, ông gợi ý các đại thần dùng 100.000 quan tiền để "chuộc thân" cho ông ta, đón ông ta về cung. Được ít lâu ông lại đi "xả thân". Ông muốn các quốc sĩ - quan viên đều xả thân vì Phật Tổ. Các đại thần lại phải xuất 200.000 quan tiền để "chuộc thân" cho ông ta. Một buổi tối tháp Phật trong chùa Đồng Thái bị bốc cháy, Tiêu Diễn đoán định do ma quỷ gây ra, cần phải xây tháp để trấn áp, ông hạ chiếu nói: "Pháp Phật càng cao thì ma quỷ càng ít, lúc làm việc thiện bị ma quỷ cản trở, cần phải xây lại chùa Pháp Phật, hơn nữa phải xây cao hơn trước kia, như thế mới trấn áp được ma quỷ". Ông ta mất vài năm mới xây xong tòa tháp cao 12 tầng. Một năm sau, ông ta lại xả thân, các đại thần lại mất 100.000 quan tiền để giúp ông ta "chuộc thân". Tổng cộng ông ta 3 lần "xả thân" mất 400.000 quan tiền để "chuộc thân", những điều này đổ hết lên đầu bà con trăm họ, công việc trong triều lại hỗn độn.

Một buổi tối tháng 1 năm 547 - Tiêu Diễn mơ thấy quân Ngụy liên tiếp đến đầu hàng ông ta. Ông ta cho rằng đó là điềm lành nên vô cùng phấn khởi. Tháng 3, phản tướng của triều Đông Ngụy là Hầu cảnh đến xin đầu hàng. Hầu Cảnh là tướng của triều Đông Ngụy, anh ta phản bội lại Đông Ngụy và chạy đến đầu hàng triều Tây Ngụy. Triều Đông Ngụy sai lính truy kích anh ta. Còn triều Tây Ngụy nghi anh ta làm nội gián nên không tiếp nhận, anh ta cùng đường đành

phải đến đầu hàng triều Lương. Các đại thần lo lắng nếu tiếp nhận Hầu Cảnh sẽ đắc tội với triều Đông Ngụy, bọn họ ra sức phản đối việc thu nhận Hầu Cảnh, còn Tiêu Diễn cho rằng điều này linh ứng với giấc mơ của ông ta nên phong Hầu Cảnh làm Hà Nam Vương, sai anh ta đánh chiếm vùng Nam Bắc của sông Hoàng Hà. Hầu Cảnh không đánh chiếm được, Tiêu Diễn sai quân đến tiếp ứng cho Hầu Cảnh nhưng bị quân Đông Ngụy đánh cho đại bại, ông ta đành cầu hòa với triều Đông Ngụy và chuẩn bị giao trả Cảnh Hầu. Cảnh Hầu liền dẫn 800 tàn quân phản lại triều Lương, chạy xuống phía Nam. Anh ta tìm cách câu kết với con nuôi của Tiêu Diễn là Tiêu Chính Đức, hai bọn họ tiến quân bao vây thành Kiến Khang, mở ra cuộc tạo phản kéo dài 4 năm khiến cho nền kinh tế và xã hội của miền Nam bị phá hoại nghiêm trọng.

Tháng 10 năm 548, Cảnh Hầu được Tiêu Chính Đức giúp đỡ đã bao vây thành Kiến Khang. Vốn dĩ Tiêu Chính Đức được Tiêu Diễn lập làm thái tử, nhưng sau đó Tiêu Diễn lại có con vì thế phế bỏ Tiêu Chính Đức, điều đó khiến Tiêu Chính Đức ôm hận trong lòng. Thành Kiến Khang có 3 phần: Đài thành, thành Thạch Đầu và Đông Phủ, trong đó Đài Thành nằm ở giữa:

+ Đài Thành là nơi Tiêu Diễn ở.

+ Phía Tây là thành Thạch Đầu để cho Cấm vệ quân trấn giữ.

+ Phía Đông là Đông Phủ nơi các quan lại cư trú.

Hầu Cảnh bao vây Đài Thành, và cắt đứt mọi liên hệ với hai thành ở hai mặt Đông, Tây với Đài thành. Sau đó Hầu Cảnh tấn công Đài thành phóng lửa đốt cửa Đông Hoa và cửa Tây Hoa. Quân dân trong thành đào hang tránh khói đẩy lùi được đợt tấn công của Hầu Cảnh. Được vài hôm Hầu Cảnh lại tấn công chiếm giữ được phủ Công Đông và cung Đông Cung. Đến tối, Hầu Cảnh tổ chức tiệc rượu ở Đông quan thì thái tử Tiêu Cương phóng hỏa đốt cung Đông Quan khiến cho vài trăm bộ đồ thư bị cháy rụi.

Vài hôm sau, Hầu Cảnh lại sáng chế ra con lạc đà bằng gỗ có thể đi được, trong bụng lạc đà có thể chứa được vài binh lính, một hàng lạc đà gồm vài trăm con tiến thẳng vào Đài thành, nhưng quân dân trong thành dùng lửa và gạch đá đánh cho tan tác. Hầu Cảnh lại làm một cái thang dài hơn 10 trượng để trèo vào thành, nhưng cũng không tấn công được. Cuối cùng Hầu Cảnh ép buộc thợ thủ công ở thành phía Đông và thành phía Tây đến bắt họ dựng núi đất để tìm cách vào Đài thành, quân dân trong thành cũng đắp đài cao để đối phó. Hai bên đối nghịch nhau đến hơn 130 ngày, trong thành có mười mấy vạn dân và hơn 30.000 lính, người thì chết đói, người thì chết trận, người thì chết bệnh, tính ra còn sót lại 4.000 lính phòng thủ. Mấy mươi vạn lính đến cứu viện cho Đài thành - họ muốn bảo toàn thực lực nên cũng án binh bất động.

Ngày Đinh Mão tháng 3 năm 549, quân lính của Hầu cảnh lợi dụng trời mưa to, núi đất ở Đài thành bị đổ, nên tấn công tiến vào Đài thành, Hầu Cảnh sai lính trấn giữ cửa cung không cho Tiêu Diễn ra ngoài và không cho mang lương thực vào. Tiêu Diễn bị ốm liệt trên giường, Hầu Cảnh cũng không cho phép thái y vào chữa trị. Ngày Bính Thìn tháng 5, Tiêu Diễn đã băng hà vì đói và bệnh tật.

Sau khi Tiêu Diễn chết lập hiệu miếu là Cao Tổ và đặt Thụy Hiệu là Vũ Đế.

LÂM HẠ VƯƠNG (TIÊU CHÍNH ĐỨC)
(LƯƠNG)

Lâm Hạ Vương, ông ta tên là Tiêu Chính Đức (? - 548) tên tự của ông ta là Công Hòa. Ông là con nuôi của Lương Vũ Đế. Sau khi Hầu Cảnh bao vây Vũ Đế đã lập Tiêu Chính Đức làm hoàng đế. Ông trị vì được nửa năm thì bị Hầu Cảnh giết hại. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Tiêu Chính Đức là cháu của Vũ Đế, bố của Tiêu Chính Đức là Lâm Xuyên Vương Tiêu Hoằng. Vũ Đế không có con nên nhận Chính Đức làm con nuôi và lập làm thái tử. Sau đó Vũ Đế lại sinh được một người con trai vì thế đã phế bỏ địa vị thái tử của Chính Đức. Điều đó làm cho Chính Đức sinh oán hận Vũ Đế và luôn tìm cách đoạt ngôi báu.

Tháng 10 năm 548, Hầu Cảnh làm phản dẫn quân đội tới bờ Bắc sông Trường Giang để phòng thủ, bảo vệ đô thành Kiến Khang. Hầu Cảnh lập Chính Đức làm hoàng đế để mồi chài Chính Đức ủng hộ mình và Tiêu Chính Đức bị Hầu Cảnh mê hoặc và bị ngôi vị hoàng đế làm cho mờ mắt nên cho quân của Hầu Cảnh mượn mấy chục chiếc thuyền để vượt sông Trường Giang và còn đích thân dẫn bọn họ qua sông Hoài Hà. Vũ Đế sai thái tử Tiêu Cương đi đánh chặn quân của Hầu Cảnh, Tiêu Cương không biết lòng phản trắc của Tiêu Chính Đức do đó sai Chính Đức trấn giữ cửa Tuyên Dương. Quân Hầu Cảnh tiến đến, Chính Đức vội mở cửa Tuyên Dương đón Hầu Cảnh và binh lính vào thành.

Ngày Kỉ Mùi tháng 11 (lúc đó Vũ Đế vẫn còn sống) vậy mà Tiêu Chính Đức được Hầu Cảnh lập làm hoàng đế và đổi niên hiệu là "Chính Bình". Và Chính Đức phong Hầu Cảnh làm tể tướng và còn gả con gái cho Hầu Cảnh, Chính Đức lập con trai là Tiêu Chính Lý làm thái tử. Ông ta cùng Hầu Cảnh bàn định: "Sau khi công kích được thành Kiên Khang thì phải giết Vũ Đế và thái tử Tiêu Cương". Nhưng sau khi chiếm giữ được đài thành, Hầu Cảnh lại vi phạm quy ước, ông ta ngăn cản Chính Đức giết hại Vũ Đế và Tiêu Cương. Để làm an lòng dân chúng, Hầu Cảnh sai áp giải thái tử Tiêu Cương và cho thái tử Tiêu Cương làm chư hầu, khôi phục niên hiệu của Vũ Đế. Thừa nhận Vũ Đế vẫn là thiên tử, phong cho Tiêu Chính Đức làm thị trung. Đại Tư Mã Chính Đức vào điện gặp mặt Vũ Đế. Ông ta vô cùng hối hận và ăn năn, cứ quỳ phục trước mặt Vũ Đế khóc mãi không thôi. Vũ Đế an ủi nói: "Con đừng khóc nữa, bây giờ con mới hối hận thì cũng muộn rồi". Chính Đức quyết tâm giết Hầu Cảnh, nhưng thấy mình không phải là đối thủ của Hầu Cảnh do vậy ông viết một bức mật thư sai người gửi cho Tiêu Khiết, hẹn Tiêu Khiết dẫn quân bao vây Kiến Khang và nhận sẽ làm nội ứng, cùng nhau giết Hầu Cảnh, không ngờ bức thư rơi vào tay Hầu Cảnh, do đó vào tháng 5 năm 549, Hầu Cảnh mượn danh nghĩa Vũ Đế sai giết Chính Đức.

Trong sử gọi Chính Đức là Lâm Hạ Vương.

GIẢN VĂN ĐẾ (TIÊU CƯƠNG)
(LƯƠNG)

Giản Văn Đế, ông ta tên là Tiêu Cương (503 - 551) tên tự của ông là Thế Tán, hồi nhỏ tên tự của ông ta là Lục Thông. Ông là con thứ 3 của Vũ Đế. Sau khi Hầu Cảnh giam hãm cho Vũ Đế chết đói, và lập Tiêu Cương làm hoàng đế. Ông trị vì được 2 năm thì bị Hầu Cảnh sát hại. Hưởng thọ 49 tuổi, mai táng ở Trang Lăng (nay thuộc huyện Đơn Dương tỉnh Giang Tô).

*

Tiêu Cương được phong làm Tấn An Vương. Năm 531 ông được lập làm thái tử. Ngày Bính Thìn tháng 5 năm 549 Vũ Đế bị chết, ngày Tân Tị Tiêu Cương làm lễ đăng cơ tiếp nhận ngôi báu.

Sau khi Tiêu Cương làm hoàng đế, Hầu Cảnh rất chuyên quyền, mọi việc lớn nhỏ trong triều đều do Hầu Cảnh quyết đoán và giải quyết. Tiêu Cương không dám triệu tập các chư vương để loại bỏ Hầu Cảnh, ông chỉ dám ngồi khóc thầm và phó tác số mệnh cho ông trời.

Tháng 8 năm 551 Hầu Cảnh muốn cướp đoạt ngôi báu nên sai Bánh Tuấn dẫn quân vào cung giết hơn 20 tông thất của Tiêu Cương trong đó có cả thái tử Tiêu Đại Khí. Hầu Cảnh còn sai mang Tiêu Cương đến tỉnh Vĩnh Phú và phế truất làm Tấn An Vương, Hầu Cảnh lại lập Tiêu Đông làm hoàng đế. Hầu Cảnh phái Lữ Quý Lược đến ép Tiêu Cương viết chiếu nhường ngôi. Tiêu Cương cầm bút mà lòng đau như cắt, nước mắt chảy đầm đìa đến nỗi không viết được. Lữ

Quý Lược không biết làm cách nào đành phải cáo lui. Hai tháng sau Hầu Cảnh quyết định giết hại Tiêu Cương, ông ta sai Vương Vĩ, Bành Tuấn. Vương Tu Soạn đi thi hành nhiệm vụ.

Ngày Nhâm Dần tháng 10, bọn họ đến chở Tiêu Cương chúc rượu, bọn họ trả vờ nói: "Tể tướng vì chuyện của bệ hạ mà sinh ra u uất buồn rầu, ông ta sai chúng thần đến đây chúc thọ bệ hạ". Tiêu Cương biết mình khó lòng thoát khỏi cái chết, ông cười nhạt nói: "Tôi đã thoái vị, tại sao các anh còn gọi tôi là bệ hạ". Xem ra bình rượu chúc thọ này có ẩn ý bên trong". Nói xong, liền rót rượu ra cốc nói: "tôi vốn sống cũng không vui vẻ, chi bằng chọn kết cục này". Ông ta uống đến say mèm rồi thiếp đi. Bành Tuấn lấy một chiếc áo đè vào mặt Tiêu Cương, và sai Vương Tu Soạn cưỡi lên người Tiêu Cương và đè cho ông ta chết ngạt. Sau đó bọn họ lấy cửa sổ đóng thành một cỗ quan tài đặt thi thể Tiêu Cương vào đó và chuyển đến kho rượu ở phía Bắc thành, và mai táng ông ta ở Trang Lăng.

Sau khi ông ta chết đặt hiệu miếu là Thái Tông và đặt Thụy Hiệu là Giản Văn Đế.

Thời Tiêu Cương còn sống ông ta rất thích thơ văn. Hồi còn làm thái tử, ông kết giao với nhiều văn nhân, ông dùng lời văn tiếng thơ để miêu tả cuộc sống trong cung đình, và được sưu tập thành tập thơ: "Quan thể thi". Thời gian ông bị giam cầm, ông cũng viết khá nhiều thơ ở trên các bức tường để nói rõ mình là con người trung thực trước sau như một và nói rõ kết cục thê lương của đời mình. Những bài thơ này được thu thập lại, người ở đời Minh có cuốn "Lương Giản Văn Đế tập" (tập thơ của Giản Văn Đế).

DỰ CHƯƠNG VƯƠNG (TIÊU ĐÔNG) (LƯƠNG)

Dự Chương Vương, ông ta tên là Tiêu Đông (? - 532), tên tự của ông là Nguyên Cát. Ông là chắt của Lương Vũ Đế và là cháu của Chiêu Minh thái tử Tiêu Thống. Hầu Cảnh sau khi giết Tiêu Cương đã lập Tiêu Đông làm hoàng đế. Ông trị vì được 3 tháng thì bị Hầu Cảnh phế truất, về sau bị Nguyên Đế Tiêu Dịch sai người dìm chết trên sông. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Tiêu Đông là con trưởng của Dự Chương Vương Tiêu Hoan, ông được phong làm Dự Chương Vương. Sau khi cha chết, gia cảnh dần dần đi xuống, ông ăn không ngồi rồi ở phủ đệ nên thường cùng phi tử cuốc đất. Tháng 10 năm 551 Hầu Cảnh mưu hại Tiêu Cương và lập Tiêu Đông làm hoàng đế, đổi niên hiệu là "Thiên Chính".

Tháng 11 năm 551 Hầu Cảnh tự xưng làm hoàng đế và phế truất Lưu Đông, giáng ông làm Hoài Dương Vương, giam ông và hai em là Tiêu Kiều và Tiêu Cưu ở trong mật thất. Năm sau, Hầu Cảnh bị Tương Đông Vương Tiêu Nghi đánh bại, ba anh em Tiêu Đông mới được thả ra. Hầu Cảnh bị giết chết, hoàng thất triều Lương lại đòi được ngôi vị và tiếp tục tàn sát lẫn nhau. Tháng 3 năm 552 Tiêu Dịch sai đại tướng Vương Tằng Biện đi sát hại Tiêu Đông. Nhưng Vương Tằng Biện nói: "Nếu như luận tội thì sẽ đổ hết vào đầu hạ thần. Chuyện hành thích hạ thần không dám làm, xin bệ hạ sai người khác". Tiêu Dịch đánh sai tướng Chu Thực đi làm chuyện đó. Sau khi Chu Thực chuốc cho Tiêu Đông uống rượu say liền sai lính khênh Tiêu Đông vứt xuống sông. Hai em trai ông cũng bị chung số phận giống ông.

Trong sử gọi Tiêu Đông là Dự Chương Vương.

VŨ LĂNG VƯƠNG (TIÊU KỈ) (LƯƠNG)

Vũ Lăng Vương, ông ta tên là Tiêu Kỉ (? - 553), tên tự của ông là Thế Tuấn. Ông là con thứ 8 của Lương Vũ Đế.

Sau khi Hầu Cảnh chết, Tiêu Kỉ tự xưng đế. Ông trị vì được 2 năm, bị thuộc hạ của Tiêu Dịch hại chết. Mai táng ở đâu không rõ. Tiêu Kỉ được phong làm lại sử ở Ích Châu, sau khi Hầu Cảnh bị giết, ông ta thấy thiên hạ không có chủ, do đó vào ngày Ất Mùi tháng 4 năm 552 ông xưng đế tại Thành Đô, ông vẫn đặt niên hiệu là "Thiên Chính".

Tháng 8 năm đó Tiêu Kỉ thống lĩnh đại quân tiến xuống phía Đông, chuẩn bị tiêu diệt huynh trường là Tiêu Dịch. (Tiêu Dịch cũng xưng đế ở Giang Lăng), bị em trai vây đánh Tiêu Dịch phải nhờ triều Tây Ngụy dẫn đại quân xông đến Thành Đô. Tiêu Kỉ thà rằng mất đi Thành Đô chứ không chịu từ bỏ ý định của mình, đại quân vẫn tiếp tục vượt sông Trường Giang tiến xuống phía Đông. Các tướng sĩ đều là người Tứ Xuyên, đều ngóng vọng về quê hương nơi bị quân địch giày xéo. Tiêu Kỉ ra lệnh đúc 10000 thỏi vàng, mỗi thỏi nặng 1/2 kg và đúc 50000 thỏi bạc, mỗi thỏi nặng 1/2 kg, sau đó phần thưởng, nếu ai có công sẽ được thưởng vàng bạc. Nhưng trên đường đi, các tướng sĩ đánh thắng vài trận nhưng ông ta đều thất hứa không trao phần thưởng gây ra sự phẫn nộ trong đám binh sĩ, ai ai cũng muốn làm phản. Tiêu Kỉ biết mình không có sức đánh bại Tiêu Dịch ở vùng Giang Lăng, đành phải sai thuộc hạ là thượng thư Lạc Phụng Nghiệp đến cầu hòa với Tiêu Dịch. Lạc Phụng Nghiệp gặp mặt Tiêu Dịch lại nói ngược lại những gì mà Tiêu Kỉ dặn dò. "Quân lính của Tiêu Kỉ bị thiếu lương thực, binh lính bị chết và bị thương cũng khá nhiều. Muốn đánh bại Tiêu Kỉ là một điều dễ dàng". Tiêu Dịch nghe Lạc Phụng Nghiệp nói vậy, nên đã từ chối việc cầu hòa.

Tháng 7 năm 553, Tiêu Dịch sai lính phản công đánh lại Tiêu Kỉ, tướng lĩnh phòng thủ ở 14 thành tại hai bờ Trường Giang liên tiếp quay lưng lại với Tiêu Kỉ, mở cổng thành đầu hàng. Tiêu Dịch còn sai tướng lĩnh là Phàn Mãnh chặn đường quay về của Tiêu Kỉ và còn dùng thuyền chiến quây thành thế trận hình tròn, thuyền rồng của Tiêu Kỉ bị vây ở giữa. Phàn Mành nhẩy lên thuyền rồng của Tiêu Kỉ, cấm cái dáo đuổi theo Tiêu Kỉ, Tiêu Kỉ sợ quá vội rút ra một thỏi vàng đưa cho Phàn Mãnh và nói: "Xin tặng thỏi vàng này co tướng quân, chỉ cầu xin tướng quân cho tôi đi gặp Tiêu Dịch". Phàn Mãnh quát to: "Thiên tử làm sao có thể tùy tiện gặp mặt: tất cả chỗ vàng này đều thuộc về tôi nếu như tôi giết chết anh". Nói xong, Phàn Mãnh dùng cây dáo giết chết Tiêu Kỉ.

Thái tử Tiêu Viên thấy phụ thân bị bao vây, vội vàng nhẩy sang thuyền của cha để giúp đỡ, và thái tử cũng bị giết chết. Toàn bộ vùng Ích Châu bị quân Tây Ngụy chiếm giữ.

Trong sử gọi Tiêu Kỉ là Vũ Lăng Vương, sau khi ông ta chết bị Tiêu Dịch khai trừ ra khỏi dòng họ và đổi họ của Tiêu Kỉ thành họ Thao Thiết (tức là kẻ tham ăn).

NGUYÊN ĐẾ (TIÊU DỊCH)
(LƯƠNG)

Nguyên Đế, ông ta tên là Tiêu Dịch (508 - 554), tên tự của ông là Thế Thành, hồi nhỏ tên tự của ông là Thất Phù. Ông là con trai thứ 7 của Lương Vũ Đế. Sau khi Tiêu Dịch dẹp yên Hầu Cảnh, ông tự xưng làm hoàng đế. Ông trị vì được 3 năm, bị Tiêu Xoa đè chết, hưởng thọ 47 tuổi. Đầu tiên mai táng ở Giang Lăng (nay thuộc huyện Giang Lăng tỉnh Hồ Bắc). Về sau cải táng ở ngoại thành Kiến Khang (nay thuộc huyện Giang Ninh tỉnh Giang Tô).

*

Tiêu Dịch từng được phong làm Tương Đông Vương, sau đó làm lại sử Kinh Châu, đô đốc quân sự. Sau khi ông đánh bại Hầu Cảnh, ông mượn tay triều Tây Ngụy để tiêu diệt thế lực của Tiêu Luân, Tiêu Kỉ. Tiếp đó ông hạ lệnh cho đại tướng quân Vương Tằng Biệp, Trần Bá Tiên, đi dẹp yên Hầu Cảnh. Ngày Bính Tí tháng 11 năm 552, Tiêu Dịch tự xưng đế ở Giang Lăng, ông đổi niên hiệu là: "Thừa Thánh".

Được một thời gian cháu của ông ta làm lại sử ở Ung Châu tên là Tiêu Xoa khởi binh để tranh đoạt ngôi vị. Binh lực của Tiêu Xoa không đủ nên cũng học theo cách làm của chú, tới

năm 554 Vũ Văn Thái sai Vu Cần thống lĩnh 50000 đại quân, kết hợp với Tiêu Xoa tiến qua đến Giang Lăng. Tháng 11, bọn họ bao vây đô thành và đốt cháy hàng rào bảo vệ thành. Ngày Tân Hợi, bọn chúng tấn công vào thành rất dữ dội, Nguyên Đế phải đích thân chỉ huy binh lính chống trả, nhưng quân Lương vẫn bị đánh bại, tướng quân Hồ Tằng Hữu chết trận, thuộc hạ của Tiêu Dịch có kẻ phản bội dẫn lính Tây Ngụy vào thành. Tiêu Dịch phải mang thái tử Tiêu Nguyên Thiện chạy trốn. Tiêu Dịch rất ham học hỏi, trong điện Cách Trúc có cất 140000 cuốn đồ thư. Bình thường, ông đọc bao nhiêu sách, học hỏi được nhiều điều vậy mà vẫn bị mất nước. Ông không muốn số sách quý đó rơi vào tay kẻ địch vì thế sai người đốt hết chỗ sách đó và ông cũng muốn nhẩy vào đó tự vẫn, nhưng các quần thần đã can gián và giữ ông ta lại. Đại thần Tạ Đáp Nhân hứa hẹn với Tiêu Dịch sẽ thu thập tân binh tiếp tục bảo vệ hộ giá hoàng thượng. Cảm kích trước tấm lòng của Tạ Đáp Nhân, Tiêu Dịch phong ông ta làm đại đô đốc và gả con gái cho anh ta nhằm cổ vũ lòng tận trung. Nhưng khi Tạ Đáp Nhân đi xếp công việc chỉnh lý quân đội thì Tiêu Dịch lại nghe lời xàm tấu của Vương Bao, ông ta đồng ý cho thái tử và Vương Bao đi làm con tin và xin cầu hòa. Tạ Đáp Nhân nghe được tin đó, ông ta oán hận Tiêu Dịch đã nghe lời nịnh thần. Tạ Đáp Nhân ức quá thổ máu và chết.

Vu Cần (triều Tây Ngụy) tiếp nhận chiếu thư đầu hàng và sai Vương Bao dẫn Tiêu Dịch đến gặp mặt. Tiêu Dịch mặc áo màu tro, cưỡi ngựa trắng, lúc ra khỏi cung ông ta than thở: "Tiêu Thế Thành ơi, Tiêu Thế Thành, tại sao ta lại rơi vào nông nỗi này". Ông ta đi vào doanh trại của triều Tây Ngụy bị Vu Cần bắt quỳ lạy và bị Tiêu Xoa nhục mạ. Và bị giải đi.

Ngày hôm sau, Tiêu Dịch thì thầm với Trường Tôn Kiệm: "Anh là quản giáo tôi là phạm nhân, tôi xin nói thực với anh, tôi chôn rất nhiều vàng ở trong thành. Anh dẫn tôi vào thành tôi sẽ chỉ chỗ chôn vàng cho anh, anh hãy đào nên và mang hết đi". Nghe Tiêu Dịch dụ dỗ, Trường Tôn Kiểm tin tưởng và vô cùng vui vẻ đồng ý dẫn Tiêu Dịch vào thành đào vàng. Vào trong thành Tiêu Dịch nói: "Tôi chỉ trả vờ anh vậy thôi, làm gì có chuyện thiên tử mà lại tự tay đào hố chôn vàng bạc. Chẳng qua tôi chỉ muốn cách xa chỗ Tiêu Xoa một chút, để ông ta đỡ đến nhục mạ tôi". Trường Tôn Kiệm giận tím mày tím mặt và giam Tiêu Dịch vào kho chứa quần áo. Tiêu Dịch không nói nhiều chỉ ngồi uống rượu với quân Ngụy, vừa uống rượu vừa ngâm thơ và chỉ nói những lời ai oán.

Tiêu Xoa ra sức khuyên Vu Cần loại bỏ Tiêu Dịch vì thế vào ngày Tân Mùi tháng 12, Vu Cần sai thượng thư Phó Hoài đi giết Tiêu Dịch. Tiêu Dịch cho Phó Hoài xem những bài thơ ông ta viết trong thời gian ngồi tù. Phó Hoài vừa đọc vừa khóc, nhưng cũng không dám trái lệnh chủ nhân, ông đành sai lính lấy áo chụp vào mặt Tiêu Dịch đè cho Tiêu Dịch ngạt thở. Phó Hoài lấy vải bố quấn thi thể của Tiêu Dịch, quấn chiếu bên ngoài thi thể, và dùng dây buộc chặt, sau đó mang xác ra ngoài ngoại thành mai táng.

Tiêu Dịch viết được khá nhiều thơ văn, người đời sau thu thập thành cuốn "tuyển tập của Lương Nguyên Đế".

Sau khi Tiêu Dịch chết lập hiệu miếu là Thế Tổ và đặt Thụy Hiệu là Nguyên Đế.

MẪN ĐẾ (TIÊU UYÊN MINH) (LƯƠNG)

Mẫn Đế, ông ta tên là Tiêu Uyên Minh (? - 556). Ông là cháu của Lương Vũ Đế. Sau khi Nguyên Đế bị Tiêu Xoa bức hại, Vương Tằng Biện lập Tiêu Uyên Minh làm hoàng

đế. Ông trị vì không được 6 tháng, bị Trần Bá Tiên phế truất và giết hại. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Tiêu Uyên Minh được phong làm Kiến An Công. Vũ Đế thu nhận phân tướng của triều Đông

Ngụy là Hầu Cảnh và Vũ Đế bị triều Đông Ngụy vây đánh. Tiêu Uyên Minh dẫn 50000 người tiến lên phía Bắc để tiếp ứng và bị triều Đông Ngụy bắt làm tù binh. Vũ Đế định dùng Hầu Cảnh để trao đổi lấy Tiêu Uyển Minh nhưng Hầu Cảnh biết được nơi chạy xuống phía Nam và gây ra "cuộc tạo phản của Hầu Cảnh". Năm 554 Nguyên Đế Tiêu Dịch bị giết, do vậy tháng 3 năm 554 triều Bắc Tề (thời này triều Đông Ngụy đã chuyển thành triều Bắc Tề) sai người hộ tống Tiêu Uyên Minh về đô thành của triều Lương để tiếp nhận ngôi vị và gặp phải sự cản trở của thái thú ở Ngô Hưng là Bùi Chi Hoành. Tháng 5 năm 555 Vương Tằng Biện dẫn Tiêu Uyên Minh về Kiến Khang, ngày Bính Ngọ lập Uyên Minh làm hoàng đế, đổi niên hiệu là "Thiên Thành".

Tháng 9, Tư Không Trần Bá Tiên phát động binh biến để phản đối chuyện Vương Tằng Biện lập Uyên Minh làm hoàng đế, Trần Bá mang quân vây đánh thành Kiến Khang giết Vương Tằng Biện, phế Uyên Minh và giáng xuống làm Tư Đồ Kiến An Công.

Ngày Quý Mùi tháng 5 năm 556, Uyên Minh bị Trần Bá Tiên giết hại.

Sau khi ông ta chết đặt Thụy Hiệu là Mẫn Đế.

KÍNH ĐẾ (TIÊU PHƯƠNG TRÍ)
(LƯƠNG)

Kính Đế ông ta tên là Tiêu Phương Trí (543 - 558), tên tự của ông là Huệ Tương, hồi nhỏ ông có tên tự là Pháp Chân. Ông là con trai thứ 9 của Lương Nguyên Đế. Khi Nguyên Đế chết ông đã được Vương Tằng Biện và Trần Bá Tiên giúp lên ngôi hoàng đế. Ông trị vì được 3 năm, bị Trần Bá Tiên phế truất và giết hại. Hưởng dương 16 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Tiêu Phương Trí được phong làm Tấn An Vương. Tháng 10 năm 554 Nguyên Đế bị Tiêu Xoa hại chết, tháng 11 năm 554 Vương Tằng Biện và Trần Bá Tiên đã lập Tiêu Phương Trí làm hoàng đế, còn Tiêu Xoa lại được triều Tây Ngụy giúp tiếp nhận ngôi báu, hai bên đối nghịch nhau.

Tháng 5 năm 555 Vương Tằng Biện đồng tình với yêu cầu của triều Bắc Tề đón Tiêu Uyên Minh lên ngôi báu, phế truất Tiêu Phương Trí, đổi Tiêu Phương làm thái tử. Tháng 9 Tư Không Trần Bá Tiên đã giết Vương Tằng Biện và vào ngày Bính Ngọ cùng tháng lại lập Tiêu Phương Trí làm hoàng đế, ông cho đổi niên hiệu là "Thiệu Thái".

Tiêu Phương Trí phong Trần Bá Tiên làm thống sư, đối kháng với triều Bắc Tề. Hồi đầu Trần Bá Tiên được phong làm Trần Quốc Công. Ông ta nắm giữ mọi quyền lực trong triều.

Ngày Tân Mùi tháng 10 năm 557 Trần Bá Tiên phế Tiêu Phương Trí và giáng xuống làm Giang Âm Vương (vùng Giang Âm nay thuộc huyện Giang Âm tỉnh Giang Tô), Trần Bá Tiên sai thuộc hạ áp giải và tống tiễn Tiêu Phương Trí đến một nơi khác.

Năm 558, Tiêu Phương Trí bị Trần Bá Tiên sai thuộc hạ giết. Sau khi Tiêu Phương Trí chết được đặt Thụy Hiệu là Kính Đế.

TRIỀU HẬU LƯƠNG
(Năm 555 - 587, tổng cộng 33 năm)

Triều Lương có 3 hoàng đế, trong đó có hai người bị bệnh chết, một người bị phế bỏ sau đó bị bệnh chết.

TUYÊN ĐẾ (TIÊU XOA)
(HẬU LƯƠNG)

Tuyên Đế, ông ta tên là Tiêu Xoa (519 - 562). Ông là cháu trưởng của Lương Vũ Đế và là con trai của thái tử Tiêu Thống. Sau khi giết hại Nguyên Đế, Tiêu Xoa được triều Bắc Ngụy giúp tiếp nhận ngôi báu. Ông trị vì được 7 năm bị bệnh chết, hưởng thọ 45 tuổi. Mai táng ở Bình Lăng (nay thuộc núi Kỉ Sơn huyện Giang Lăng tỉnh Hồ Bắc).

*

Tiêu Xoa từng được phong làm Nhạc Dương Vương và nhận chức lại sử ở Ung Châu. Sau khi dẹp yên cuộc làm loạn của Hầu Cảnh, Tiêu Xoa khởi binh để cùng các tông thất khác tranh giành nhau ngôi vị, ông ta tới triều Tây Ngụy mượn binh để đánh lại Nguyên Đế. Đại thần Doãn Đức Nghị ra sức can gián ông không nên "rước voi dầy mồ", ông nhất định không nghe vẫn dẫn quân Tây Ngụy đánh vào vùng Giang Lăng giết Nguyên Đế. Tháng 1 năm 555 triều Tây Ngụy lập ông ta làm hoàng đế. Và chọn Giang Lăng làm đô thành triều Tây Ngụy chỉ cắt cho ông ta 300 dặm đất ở Kinh Châu. Triều Tây Ngụy sai lính trấn giữ ở Giang Lăng, tuy trên danh nghĩa là trợ giúp nhưng trên thực tế là giám sát. Toàn bộ của cải vàng bạc châu báu cũng bị triều Tây Ngụy vơ vét hết, rất nhiều vương công quý tộc và dân chúng bị cướp tới Trường An làm nô lệ, những người già yếu đều bị giết, chỉ giữ lại 300 hộ dân. Tiêu Xoa tống tiễn quân Tây Ngụy về, quay về thành nhìn thấy cảnh hoang tàn xơ xác, ông ta vô cùng ân hận và thốt lên: "Trẫm thật hối hận vì không nghe lời can gián của Doãn Đức Nghị". Ông đổi hiệu là "Đại Định", xây dựng lên một triều đình nhỏ, trong sử gọi là Hậu Lương. Triều Tây Ngụy bị triều Bắc Chu thôn tính. Tiêu Xoa lại đến dựa dẫm vào triều Bắc Chu.

Tiêu Xoa mất vào tháng 2 năm 562.

Sau khi ông mất được đặt Thụy Hiệu là Tuyên Đế.

MINH ĐẾ (TIÊU KHUY)
(HẬU LƯƠNG)

Minh Đế, ông ta tên là Tiêu Khuy (? - 585). Ông là con trai của Lương Tuyên Đế. Ông kế vị sau khi cha mất. Ông trị vì được 24 năm, bị bệnh chết. Mai táng ở Hiển Lăng (nay thuộc núi Kỉ Sơn huyện Giang Lăng tỉnh Hồ Bắc).

*

Thời Tuyên Đế trị vì đã phong cho Tiêu Khuy làm thái tử. Tháng 7 năm 567 Tuyên Đế bị bệnh chết, cũng vào tháng đó Tiêu Khuy đứng ra tiếp nhận ngôi vị, ông đổi niên hiệu là "Thiên Bảo".

Ông sống rất tiết kiệm và hay thu nạp ý kiến của quần thần, do đó mâu thuẫn giai cấp tương đối ổn định cuộc sống của nhân dân luôn bình an, sản xuất được khôi phục và phát triển. Vào những năm cuối đời của ông ta, lúc này triều Tùy được kiến lập, ông xin phục tùng triều Tùy, hàng năm đều cống tiến cho triều Tùy những báu vật quý. Nhiều lần Tùy Văn Đế Dương Kiên tặng cho ông đồ vật và còn đứng ra làm mối gả con gái của Lương Minh Đế cho con trai của Tấn Vương Dương Quảng (sau này là Tùy Dạng Đế).

HẬU CHỦ (TIÊU TÔNG)
(HẬU LƯƠNG)

Hậu Chủ, ông ta tên là Tiêu Tông. Năm sinh và năm mất không rõ. Ông là con trai của Lương Minh Đế, ông lên kế vị sau khi Minh Đế chết. Ông trị vì được 2 năm. Bị mất nước, Tùy Văn Đế Dương Kiên tuyên triệu vào thành Trường An giam lỏng và bị ốm chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Tháng 5 năm 585 Minh Đế ốm chết, cũng vào tháng đó Tiêu Tông đứng ra tiếp nhận ngôi báu. Ông cho đổi niên hiệu là "Quảng Vận".

Tháng 9 năm 587, Tùy Văn Đế Dương Kiên bình định vùng Tây Bắc và chuẩn bị tiêu diệt các chính quyền ở vùng Đông Nam và gọi Tiêu Tông vào Trường Giang gặp mặt. Tiêu Tông biết đợt này đi "lành ít dữ nhiều", nhưng ông cũng không dám trái lệnh, ông đành dẫn hơn 200 quần thần đi tới Trường An. Lúc sắp khởi hành, các phụ lão ở đất Giang Lăng đến tiễn biệt ông lên thuyền, các phụ lão đều khóc và nói: "Bệ hạ đi không biết bao giờ mới trở về". Dương Kiên ra lệnh cho quân Tùy trấn thủ ở vùng Giang Lăng. Thúc phụ của Tiêu Tông là Tiêu Nham lo lắng quân Tùy sẽ tiêu diệt triều Lương, Tiêu Nham âm thầm liên kết với triều Trần hứa hẹn sẽ quy phục triều Trần. Triều Trần xuất binh tiếp ứng. Tiêu Nham dẫn bá quan văn võ và 100000 dân chạy tới phía Đông với triều Trần. Đại tướng Cao Quẫn được Dương Kiên giao nhiệm vụ dẫn quân đi đánh quân Trần. Dương Kiên sai giữ Tiêu Tông ở thành Trường An và đem nhập vùng Giang Lăng vào bản đồ đất đai của triều Tùy, phân chia vùng Giang Lăng thành các quận huyện và cử người tới trông coi quản lý về dân số kinh tế chính trị. Triều Hậu Lương bị diệt vong.

Tiêu Tông bị phế truất và được phong làm Doanh Quốc Công (đất Doanh nay thuộc tỉnh Sơn Đông) và cư trú tại Trường An. Sau này ông ốm chết.

Trong sử gọi ông ta là Hậu Chủ.

TRIỀU TRẦN

(Năm 557 - 589, tổng cộng 33 năm)

Triều Trần có 5 đế vương, trong đó có 31 người bị ốm chết, một người làm mất nước bị bắt làm tù binh sau đó ốm chết, một người trong cuộc nội chiến bị phế truất và ốm chết.

VŨ ĐẾ (TRẦN BÁ TIÊN)
(TRẦN)

Vũ Đế, ông ta tên là Trần Bá Tiên (503 - 559). Tên tự của ông là Hưng Quốc, hồi nhỏ tên tự của ông là Pháp Sinh. Hồi đầu ông làm tướng quân ở triều Lương sau đó phế bỏ Lương kính Đế và tự xưng làm hoàng đế. Ông trị vì được 3 năm bị bệnh chết. Hưởng thọ 57 tuổi. Mai táng ở Vạn An Lăng (nay thuộc Thạch Mã Xông huyện Giang Ninh tỉnh Giang Tô).

*

Trần Bá Tiên quê ở Trường Thành thuộc Ngô Hưng (nay thuộc huyện Ngô Hưng tỉnh Triết Giang). Ông có công trong việc trấn áp được cuộc khởi nghĩa nông dân ở Giao Châu nên được phong làm thái thú ở Cao Yếu. Năm 549 ông tụ tập binh lính tại đất Quảng Châu, bị Tương Đông Vương Tiêu Dịch khống chế, Trần Bá Tiên đã cùng Vương Tằng Biện tiêu diệt Hầu Cảnh, Trần Bá Tiên được phong làm tướng quân.

Năm 554 Tiêu Dịch bị giết, Trần Bá Tiên cùng với Vương Tằng Biện phụ giúp và lập Tiêu Phương Trí làm thái tổ, cũng năm đó Trần Bá Tiên lại giết Vương Tằng Biện và lập Tiêu Phương Trí làm hoàng đế. Cũng năm đó, ông đẩy lùi cuộc tấn công của triều Bắc Tề, tháng 10 Trần Bá Tiên được phong làm Trần Vương. Năm 557 ông phế truất Kính Vương Tiêu Phương Trí và tự xưng làm hoàng đế, ông tạo dựng lên "Triều Trần" và đặt đô ở Kiến Khang, ông đổi niên hiệu là "Vĩnh Định".

Trần Bá Tiên tạ thế ngày Bính Ngọ tháng 6 năm 559.

Sau khi ông chết đã được lập hiệu miếu là Cao Tổ và đặt Thụy Hiệu là Vũ Đế.

VĂN ĐẾ (TRẦN KIẾN)
(TRẦN)

Văn Đế, ông ta tên là Tiêu Kiến (? - 566), tên tự của ông là Tử Hoa. Ông là cháu của Trần Vũ Đế, ông tiếp nhận ngôi vị sau khi Vũ Đế chết. Ông trị vì được 7 năm bị bệnh chết. Mai táng ở Vĩnh Ninh Lăng (nay thuộc huyện Giang Ninh tỉnh Giang Tô).

*

Tiêu Kiến là con trai cả của Chiêu Liệt Vương Trần Đạo Tào. Tiêu Kiến vốn chỉ là cháu của Vũ Đế. Sau đó được Vũ Đế nhận làm con nuôi và được phong làm Lâm Xuyên Vương. Tháng 6 năm 559 Vũ Đế ốm chết, ngày Giáp Dần tháng 6 ông tiếp nhận ngôi báu. Ông đổi niên hiệu là "Thiên Gia".

Ông lên ngôi được một thời gian, những thế lực của dòng họ Tiêu (triều Lương) liên kết với triều Bắc Tề tiến công thành Kiến Khang. Ông lãnh đạo quân và dân đẩy lui quân địch và thừa thắng thu hồi hai châu, đó là: Giang Châu (nay thuộc thành phố Cửu Giang tỉnh Giang Tây) và Sính Châu (nay thuộc thành phố Vũ Hán tỉnh Hồ Bắc). Quân Bắc Chu tấn công, ông lại tiếp tục lãnh đạo dân kiên cường đánh lui quân địch. Uy danh của ông vang vọng trong nước. Tháng 4 năm 466, ông bị ốm nặng, ông viết di chiếu nói: "Trẫm mang trọng bệnh nên rất mệt mỏi, mọi

thuốc thang chữa trị đều vô nhiệu. Số mệnh của con người là do ông trời quyết định, trẫm không có gì để thắc mắc. Nhưng, từ khi kế vị đến nay, mọi việc trong nước rất khó khăn, mấy năm liền phải dụng binh liên tiếp khiến bà con trăm họ phải vất vả cực nhọc, trước mắt tuy đã tạm thời ổn định nhưng cách tính vẫn phải giáo hóa. Trẫm không đợi được thời cơ đã phải vịnh biệt nhân dân, thực tế trẫm rất hổi hận, vì chưa làm hết bổn phận với dân. Mong muốn các quần thần hãy hết lòng trợ giúp thái tử, quản lý tốt công việc quốc gia. Việc làm tang cho trẫm, cũng phải làm tiết kiệm, tránh xa hoa lãng phí".

Ông mất ngày Quý Dậu.

Sau khi ông mất đặt hiệu miếu là Thế Tổ và đặt Thụy Hiệu là Văn Đế.

PHẾ ĐẾ (TRẦN BÁ TÔNG)
(TRẦN)

Phế Đế, ông ta tên là Trần Bá Tông (552 - 570), tên tự của ông là Dược Vương. Ông là con trưởng của Trần Văn Đế, ông được tiếp vị sau khi cha chết. Ông trị vì được 2 năm, bị phế truất và ốm chết. Hưởng dương 19 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Thời Văn Đế trị vì đã lập Trần Bá Tông làm thái tử. Ngày Quý Sửu tháng 4 năm 566 Văn Đế bị bệnh chết và cũng vào ngày đó Trần Bá Tông lên kế vị. Ông cho đổi niên hiệu là "Quang Đại".

Tháng 11 năm 568, Thành An Vương Trần Tu viện lý do Trần Bá Tông tính cách nhu nhược không quản lý được quốc gia, vì thế Trần Tu tạo phản và mượn danh nghĩa thái hậu để phế truất Trần Bá Tông, giáng xuống làm quận vương Lâm Hải và bắt Trần Bá Tông dời đến cư trú ở Phiên Để.

Ông mất ngày Ất Mão tháng 4 năm 570.

Trong sử gọi ông là Phế Đế hoặc Lâm Hải Vương.

TUYÊN ĐẾ (TRẦN TU)

Tuyên Đế, ông ta tên là Trần Tu (530 - 582), tên tự của ông ta là Thiệu thế, hồi nhỏ ông có tên tự là Sư Lợi. Ông đã phế truất Trần Bá Tông và đứng ra tiếp nhận ngôi báu. Ông trị vì 14 năm, bị ốm chết. Hưởng thọ 53 tuổi. Mai táng ở Hiển Ninh Lăng (nay thuộc hướng Tây Bắc núi Ngưu Đầu huyện Giang Ninh tỉnh Giang Tô).

*

Trần Tu là con thứ của Chiêu Liệt Vương Quý Đạo Tào ông là em trai của Văn Đế và là chú của Phế Đế. Ông kế nhiệm chức vị Chiêu Liệt Vương, sau đó lại được phong làm An Thành Vương. Năm 568 ông phế bỏ Phế Đế, vào ngày Giáp Sửu tháng 1 năm 569 ông đứng ra tiếp nhận ngôi vị và cho đổi niên hiệu là "Thái Khang".

Năm 573, Trần Tu mang quân đi đánh triều Bắc Tề nhưng bị quân Bắc Tề đánh cho đại bại ở Lã Lương (nay thuộc huyện Đồng Sơn tỉnh Giang Tô), ông chiếm được vùng Hoài Nam. Nếu ông thừa thắng tấn công có khi lại tiêu diệt được triều Bắc Tề và thống nhất Trung Quốc. Nhưng Trần Tu chỉ trấn thủ ở sông Hoài Hà và bỏ lỡ mất cơ hội đó. Tạo điều kiện cho họ Vũ Văn (triều Bắc Chu), đoạt mất việc khống chế triều Bắc Tề. Năm 576, triều Bắc Chu tấn công và diệt vong triều Bắc Tề thống nhất miền Bắc, sau đó tiến xuống phía Nam tấn công triều Trần. Do quân Trần bị quân Bắc Chu đánh cho đại bại trong trận chiến ở Lã Lương, 30000 quân chỉ còn lại vài nghìn kị binh đột phá vòng vây chạy thoát, triều Trần bị lung lay cả về chính trị lẫn

kinh tế.

Tháng 1 năm 582 Tuyên Đế bị ốm nặng. Ông viết di chiếu nhường ngôi cho thái tử Trần Thúc Bảo và căn dặn quần thần phải trợ giúp thái tử, việc tang lễ làm đơn giản không được dùng bạc vàng châu báu và đồ vật quý chôn theo thi thể đồ vật đựng đồ cúng tế chỉ dùng chất liệu bằng ngà. Ông mất ngày Giáp Dần.

Sau khi ông mất đã lấy hiệu miếu là Cao Tông và Thụy Hiệu là Tuyên Đế.

HẬU CHỦ (TRẦN THÚC BẢO)
(TRẦN)

Hậu Chủ, ông ta tên là Trần Thúc Bảo (553 - 604), tên tự của ông là Nguyên Tú, hồi nhỏ tên tự của ông là Hoàng Nô. Ông là con trưởng của Trần Tuyên Đế. Tuyên Đế bị ốm chết, ông được tiếp nhận ngôi vị, mất nước bị bắt làm tù binh. Sau này ốm chết, hưởng thọ 52 tuổi. Mai táng ở núi Vong Sơn thành phố Lạc Dương tỉnh Hà Nam.

*

Trần Thúc Bảo được sinh tại Giang Lăng. Thời Tuyên Đế trị vì đã lập Thúc Bảo làm thái tử. Sau khi Tuyên Đế mất, em trai của Thúc Bảo là Thúc Lăng đã tranh quyền đoạt vị với anh.

Một ngày trước ngày Tuyên Đế mất, Thúc Lăng chuẩn bị để loại bỏ Thúc Bảo, Thúc Lăng sai thái y mang tất cả các loại dao dùng để thái thuốc đến. Hôm sau, Tuyên Đế vừa tắt thở, Thúc Lăng quát to: "Hãy mang kiếm ra đây" các tả hữu nghe quát vậy, cho rằng ông ta muốn cử hành nghi lễ để tiễn biệt tiên vương liền vội vàng đi lấy triều phục và cán kiếm gỗ. Ông ta tức giận đuổi mọi người thối lui.

Buổi sáng hôm sau nữa, vừa mới khâm liệm cho Tuyên Đế xong, Trần Thúc Bảo phủ phục trước linh cữu khóc lóc. Trần Thúc Lăng đột nhiên vung dao thái thuốc định chém ngang lưng Thúc Bảo, nhưng lại chém vào cổ. Thúc Bảo kêu lên một tiếng, ngã hôn mê bất tỉnh. Hoàng hậu (vợ của Tuyên Đế) vội vàng can ngăn cũng bị Thúc Lăng chém cho vài nhát, nhũ mẫu của Thúc Bảo vội vàng ôm ngang lưng Thúc Lăng giữ chặt tay cầm dao của Thúc Lăng, lúc đó hoàng hậu mới thoát thân. Trần Thúc Bảo tỉnh lại và liều mạng chạy khỏi linh đường, em trai thứ tư của Thúc Bảo tên là Thúc Kiên vội vàng chạy đến cướp con dao, lấy dây lưng trói Thúc Bảo vào cột, sau đó chạy đuổi theo Thúc Bảo hỏi xem nên xử lý Thúc Lăng ra sao? Thúc Lăng nhân cơ hội cởi bỏ dây trói và chạy về phủ, dẫn vài trăm gia binh xông ra khỏi kinh thành định đến đầu hàng triều Tùy, nhưng đi được nửa đường bị Thúc Kiên dẫn lính đuổi theo giết chết.

Ngày Đinh Tị tháng 1 năm 582 Thúc Bảo làm lễ đăng quang, ông cho đổi niên hiệu là "Chí Đức".

Sau khi ông ta lên trị vì, ông luôn coi các trung thần là thù địch, coi dân chúng như cỏ rác, ngang ngược hung ác, đề ra các hình phạt rất nghiêm khắc và tàn ác; cuộc sống của ông ta cực kỳ xa xỉ, suốt ngày chìm đắm trong nữ sắc, tiệc tùng du lãm, và thường uống đến say mèm không biết trời đất. Lầu các cung điện, ông dùng gỗ thơm để xây dựng 3 tòa lầu các: Lâm Xuân, Kết Kịu, Vọng Tiên, mỗi tòa lầu cao 10 trượng và dùng vàng bạc châu báu trang trí xung quanh các tòa lầu. Ngựa cảnh của ông ta cũng nhiều vô kể, một ngày phải tốn rất nhiều lương thực cho số ngựa đó trong khi dân chúng không đủ ăn. Có một điều rất hoang đường, những lúc ông ta mở tiệc thường sai nịnh thần và mĩ nữ ngồi bên cạnh cùng uống rượu xem kịch, đàn hát. Những bài thơ phù sáng tác các cuộc rượu chè trai gái này, đại đa số là những bài thơ khô khan cứng nhắc hời hợt. Nhưng ông ta lại cho rằng đó là những bài thơ hay giàu tình thi vị, ông ta sai nhạc công ghép thành nhạc rồi sai các cung nữ hát múa. Có lúc ông ta còn đích thân đánh đàn biểu diễn, vừa hát vừa lắc lư trông như một kẻ điên.

Tháng 10 năm 588 Tùy Văn Đế Dương Kiến phái 500000 đại quân tiến xuống phía Nam tiêu diệt triều Trần. Trần Thúc Bảo sai triệu tập các đại thần và hỏi bọn họ xem đối phó sao, thượng thư Không Phạm Tầu nói: "Từ Cổ đến nay Trường Giang là nơi ngăn cách hai miền Nam Bắc, quân Tùy chẳng lẽ mọc cánh để bay qua sông? Thần cho rằng đây chỉ là những tin báo cáo láo của các tướng sĩ trấn thủ ở biên cương muốn lừa bệ hạ để lập công mà thôi, xin bệ hạ giết vài người trong bọn họ thì không có ai dám báo cáo láo". Thúc Bảo liền nói: "Thành Kiến Khang từ xưa đã là kinh đô của Đế Vương, trẫm phụng mệnh lên ngôi hoàng đế, sợ cái gì! từ xưa đến nay quân Bắc Tề ba lần tấn công đều bị thất bại, quân Bắc Chu hai lần xâm lược đến gặp phải cản trở. Hôm nay một Dương Kiên nhỏ bé như vậy, làm sao có thể đanh bại trẫm". Ông ta vẫn tiếp tục cả ngày uống rượu nghe đàn hát, sống chết ra sao không cần quan tâm.

Tháng 1 năm 589, quân Tùy chia làm hai cánh quân do Hạ Nhược Bật và Hàn Li Hổ thống lĩnh, vượt qua sông Trường Giang và vây đánh thành Kiến Khang. Trong thành Kiến Khang có mười mấy vạn quân trấn thủ. Thúc Bảo sai đại tướng Tiêu Ma Hà và Nhâm Trọng dẫn quân ra đánh trả. Nhưng quân Trần từ lâu rồi không chịu tập luyện, từ tướng cho đến quân đều lười nhác do đó vừa ra trận đã bị đánh cho đại bại. Nhâm Trọng đầu hang quân địch và dẫn quân của Hàn Li Hổ chiếm giữ cửa Chu Tước và hét to "Thủ lĩnh của các ngươi đầu hàng rồi, các ngươi còn đánh trả làm gì". Binh lính giữ thành thấy vậy đều chạy tan tác. Hạ Nhược Bật cũng bắt giữ Tiêu Ma Hà và từ cửa phía Bắc xông vào đô thành. Bá quan văn võ trong triều bỏ chạy hết.

Lúc này, Thúc Bảo đang ngồi trên điện đợi tướng lĩnh đến. Ông ta nghe tin đô thành bị thất thủ, ông biết mọi chuyện đã hỏng, ông vội vàng mang theo Trương Quý Phi và Không Quý Tấn (hai người được ông sủng ái nhất) chạy khỏi hoàng cung. Lúc chạy đến giếng Cảnh Dương (giếng này nằm trong điện Cảnh Dương), bỗng nghe thấy tiếng hò hét, ông và hai phi tử nhảy xuống giếng ẩn trốn. Buổi tối, quân Tùy chiếm giữ được hoàng cung, họ nghe người trong cung nói Thúc Bảo đang trốn ở dưới giếng, họ liền đến đó gọi Thúc Bảo đầu hàng. Thúc Bảo không đáp lại, binh lính lấy gạch đá ném xuống giếng, Thúc Bảo sợ quá kêu to, các tướng sĩ liền lấy thừng thả xuống đáy giếng bảo Thúc Bảo nám lấy, rồi kéo lên, họ kéo thấy rất nặng. Đợi đến khi qua khỏi miệng giếng mới biết là ba người. Binh lính bực mình quát to: "Nếu không hoang dâm thì làm sao bị mất nước?".

Trung tuần tháng 3 Thúc Bảo bị áp giải về Trường An. Tùy Văn Đế thấy Thúc Bảo là một kẻ bất tài, không có trí lớn chỉ thích hưởng lạc.

Ông ta bắt Thúc Bảo cư trú tại Trường An và sai lính quản lý. Về sau lại bắt Thúc Bảo đến Lạc Dương sinh sống.

Thúc Bảo mất ngày Nhâm Tị tháng 11 năm 604.

Trong sử gọi Thúc Bảo là Hậu Chủ.

BẮC TRIỀU

(386 - 581, tổng cổng 195 năm)

BẮC NGỤY

(386 - 534, tổng cộng 149 năm)

Bắc Triều có 5 vương triều: Bắc Ngụy, Đông Ngụy, Tây Ngụy, Bắc Tề, Bắc Chu. Triều Bắc Ngụy do Thác Bạt Khuê tạo dựng, ông ta đặt quốc hiệu là Ngụy trong sử gọi là Bắc Ngụy hay còn gọi là Hậu Ngụy. Triều Đông Ngụy, Tây Ngụy là do triều Bắc Ngụy phân chia. Về sau triều Đông Ngụy bị triều Bắc Tề thôn tính, triều Tây Ngụy bị triều Bắc Chu thôn tính.

Triều Bắc Ngụy có 15 đế vương, trong đó 4 người bị bệnh chết, một người làm mất nước và bị hại độc chết, 4 người bị chết trong cuộc nội chiến, một người bị dìm chết, 3 người bị hại độc, một người bị phế sau đó tình hình ra sao không biết rõ, một người bị thất cổ chết.

Ngoài ra còn phụ chú thêm về thái hậu Phùng (bà ta bị ốm chết) và thái hậu Hồ (bà ta bị dìm chết).

ĐẠO VŨ THÀNH (THÁC BẠT KHUÊ)
(BẮC NGỤY)

Đạo Vũ Thành ông ta tên là Thác Bạt Khuê (371 - 409). Tên tự của ông ta là Thiệp Giai. Ông là người ở bộ lạc Thác Bạt dân tộc Tiên Ti. Là cháu của Thập Dực Kiện (triều đại 16 nước) (có một thuyết khác nói là con trai của Thập Dực Kiện). Sau khi triều Tiền Tần bị suy yếu ông đã khôi phục lại vương triều và tự xưng đế). Ông trị vì 24 năm bị con trai là Thác Bạt Thiệu giết hại. Hưởng thọ 39 tuổi, mai táng ở Kim Lăng (gần thành phố Đại Đồng tỉnh Sơn Tây).

*

Năm 376, Tiền Tần Phù Kiên diệt vong Đại Quốc, ông ta muốn trừ bỏ toàn bộ vương tộc của đại quốc. Đại thần của Đại Quốc là Yên Phụng đã lừa được Phù Kiên bảo vệ được tính mạng cho Thác Bạt Khuê (lúc đó còn rất nhỏ tuổi), Yên Phụng đem gửi Thác Bạt Khuê tới bộ lạc Độc Cô, Hạ Lan. Trong trận chiến Phì Thũy, triều Tiền Tần bị suy yếu, Thác Bạt Khuê triệu tập thuộc hạ cũ nhằm phục hưng Đại Quốc, ngày Mậu Thân tháng 1 năm 386 đã chính thức lập lại Đại Quốc ở Ngưu Xuyên (nay thuộc khu vực Nội Mông Cổ). Tháng 4 ông cho đổi quốc hiệu là "Ngụy" và đặt niên hiệu là "Đăng Quốc", trong sử gọi là Bắc Ngụy hay gọi là "Hậu Ngụy", Thác Bạt, Ngụy, Nguyên Ngụy. Ông tiêu diệt các bộ lạc: độc cô, Hạ Lan, thế lực trong nước ngày càng mạnh. Năm 397, trong chiến dịch ở Tham Hợp Bì (nay nằm ở giữa hai huyện Phong Trần và Lương Thành ở Nội Mông Cổ) đánh cho quân của Mộ Dung Bảo (triều Hậu Yên) thua liểng xiểng và thừa thắng đánh chiếm luôn đô thành Trung Sơn của triều Hậu Yên, (nay thuộc huyện Định Tỉnh Hà Bắc), diệt vong triều Hậu Yên. Năm 398, Thác Bạt Khuê sai đặt đô ở Bình Thành (nay là thành phố Đại Đồng tỉnh Sơn Tây) và xưng làm hoàng đế.

Ông thực hiện chính sách "phân chia đất đai để định cư" phát triển nông nghiệp, trọng dụng các sĩ nhân người Hán, tiếp thu nền văn hóa của tộc Hán khiến cho nền chính trị, kinh tế, văn hóa đều phát triển, thúc đẩy tộc Thác Bạt bước vào chế độ phong kiến.

Vào những năm cuối đời, Thác Bạt Khuê thay đổi tính nết tính tình nóng nảy, tinh thần thất thường. Ngày 13 tháng 10 năm 409, vợ ông ta tên là Hạ cãi nhau với ông ta, ông ta giận dữ khép vợ vào tội chết. Hôm đó vì trời tối, ông sai người giam vợ vào phòng đợi sáng hôm sau sẽ hành hình. Bà ta sai thuộc hạ đi nói rõ sự việc cho con trai Thác Bạt Thiệu muốn con trai đến cầu xin tha mạng giúp mình. Thác Bạt Thiệu nghe tin cấp báo, anh ta triệu tập thuộc hạ thân tín và hoạn quan ngay đêm hôm đó trèo tường vào nội cung đi đến điện Thiên An. Thác Bạt Khuê đang nghỉ ngơi ở điện Thiên An, cận vệ của ông ta thấy quân phản loạn xông đến liền hô

"có giặc đến," Thác Bạt Khuê chạy vội ra lấy cung tên nhưng tìm không thấy cung tên đâu cả. Thác Bạt Thiệu dẫn quân xông vào và Thác Bạt Khuê bị chém chết bởi làn dao loạn.

Sau khi ông chết đã đặt Thụy Hiệu là Tuyên Vũ Đế, về sau lại đổi thành Đạo Vũ Đế, và lập hiệu miếu là Thái Tổ.

MINH NGUYÊN ĐẾ (THÁC BẠT TỰ)
(BẮC NGỤY)

Minh Nguyên Đế, ông ta tên là Thác Bạt Tự (392 - 423). Ông là con trưởng của Đạo Vũ Thành. Sau khi Đạo Vũ Thành bị con trai là Thác Bạt Thiệu giết chết. Thác Bạt Tự được tiếp nhận ngôi vị. Ông trị vì 15 năm, bị bệnh chết, hưởng thọ 32 tuổi. Mai táng ở Kim Lăng.

*

Thác Bạt Tự từng được phong làm Tề Vương, được bái làm tướng quốc và đại tướng quân. Tháng 10 năm 409 Đạo Vũ Thành bị Thác Bạt Thiệu giết chết. Ông biết tin liền lánh vào núi tạm trốn và sai Bắc Tân Hầu An Đồng bắt giữ mẹ con Thác Bạt Thiệu. Thác Bạt Thiệu giết cha và xông vào phòng phóng thích cho mẹ, tiếp đó Thác Bạt Thiệu ra lệnh cho vệ binh tấn công vào Đông Cung nhưng các vệ binh không ai hưởng ứng lời kêu gọi của ông ta. Đại Đồng sau khi tiếp nhận mệnh lệnh của Thác Bạt Tự, ông thống lĩnh quân đội tiến vào cung, bắt giữ và giết hại Thác Bạt Thiệu nghênh đón Thác Bạt Tự hồi cung. Ngày Nhâm Thân tháng 10 Thác Bạt Tự đứng ra tiếp nhận ngôi báu và cho đổi niên hiệu là "Vĩnh Hưng".

Sau khi lên ngôi, ông thu nạp ý kiến của các đại thần nhằm củng cố và phát triển quyền lực của triều Bắc Ngụy.

Ông thu nạp hiền tài ở khắp mọi miền, những ai có tài năng đều có thể nhập cung và căn cứ vào tài năng để phân bổ chức vụ. Ông còn cho mở trường thái học và cho lôi kéo giai cấp địa chủ thuộc dân tộc Hán. Trong thượng thư sử kí ghi chép: "ông chiêu nạp các nho sinh, có tài năng đều trọng dụng", điều đó làm nền tảng vững chắc cho sự mở rộng nền thống trị. Ông khuyến khích nông nghiệp và cổ vũ nghề dệt lụa, ông còn đích thân cày ruộng. Ông sai các đại thần hoặc bản thân ông đi vi hành hỏi han rồi thống khổ của dân chúng, an ủi và trợ giúp vật chất cho những hộ nghèo hoặc những người bị thương bị chết vì công việc chung, mở kho cứu tế cho các hoạn dân, miễn giảm tô thuế... tất cả những điều đó làm dịu đi mâu thuẫn giai cấp.

Ông đích thân ra trận hoặc phái tướng lĩnh giỏi đi dẹp các cuộc tấn công của triều Như Nhiễm. Ông còn nhiều tấn công triều Bắc Yên, triều Lưu Tống, năm 423 chiếm giữ được Lạc Dương. Đến những năm cuối đời của ông ta, các quốc gia trong 16 nước chỉ còn lại 4 nước đó là: triều Hạ, triều Tây Tần, triều Bắc Yên, triều Bắc Lương, nhưng 4 nước này đều bị lung lay: nước thì thế lực bị đơn phương độc mã, nước thì nội chiến liên miên nước thì yên phận ở một chỗ. Duy nhất chỉ có triều Bắc Ngụy trở thành một quốc gia hưng thịnh nhất ở lưu vực sông Hoàng Hà.

Thác Bạt Tự mất ngày Kỉ Tị tháng 11 năm 423 tại cung phía Tây - đô thành Bình Thành.

Sau khi ông chết lập hiệu miếu là Thái Tông và Thụy Hiệu là Nguyên Minh Đế.

THÁI VŨ ĐẾ (THÁC BẠT ĐẠO)
(BẮC NGỤY)

Thái Vũ Đế, ông ta tên là Thác Bạt Đạo (408 - 452), tên tự của ông là Phất Li. Ông là con trưởng của Minh Nguyên

*

Thác Bạt Đạo được phong làm Thái Bình Vương. Lúc Nguyên Minh Đế bị ốm nặng đã sai ông đứng ra quản lý và lo liệu công việc triều chính. Tháng 11 năm 423 Nguyên Minh Đế mất, vào ngày Nhâm Thân tháng 11 Thác Bạt Đạo đứng ra tiếp vị, ông cho đổi niên hiệu là "Thủy Quang".

Thác Bạt Đạo là người nhanh nhẹn dũng cảm, ông cho mở rộng thêm lãnh thổ và sự nghiệp của tổ tiên. Trải qua hơn 10 năm nam chinh bắc chiến cuối cùng ông tiêu diệt được triều Hạ, triều Tây Tần, triều Bắc Yên. Bắc Lương và làm tan rã triều Nhu Nhiễm. Năm 439 ông đã kết thúc được cục diện cát cứ của 16 nước, thống nhất lĩnh vực sông Hoàng Hà, điều đó làm cho triều Bắc Ngụy và triều Lưu Tống (ở miền Nam) hình thành cục diện đối nghịch 2 miền Nam Bắc.

Vào những năm cuối đời của Thác Bạt Đạo, ông cho phép con trai là Thác Bạt Hoảng tham dự vào công việc triều chính, Thác Bạt Hoảng là người thông minh và có tài nhưng anh ta lại bất hòa với trung thường thị Tông Ái. Tông Ái inh ra căm ghét thái tử và tìm cách đẩy thái tử vào chỗ chết, Tông Ái vu cáo cho thái tử cùng mấy mươi quan lại khác có ý đồ cướp đoạt ngôi vị. Thác Bạt Đạo tin lời xàm tấu không chịu điều tra rõ ràng, khép tội chết cho mấy mươi quan lại. Thái tử nghe tin đó sinh ra buồn rầu và đau ốm được một thời gian thì qua đời. Sau chuyện này Thác Bạt Đạo điều tra rõ ngọn nguồn, biết được thái tử và mấy mươi quan lại đó đều vô tội, ông rất đau lòng và hối hận, ông cho đổi Thụy Hiệu của thái tử thành thái tử Cảnh Mục để tỏ sự trung hiếu của thái tử. Tông Ái thấy Thác Bạt Đạo hối hận nên rất lo lắng Thác Bạt Đạo sẽ truy cứu tội vu cáo, vì thế Tông Ái quyết định mưu sát mưu sát hoàng đế.

Ngày Giáp Dần tháng 3 năm 452, Thác Bạt Đạo uống rượu giải sầu, uống đến khi không còn biết trời đất là gì ông nằm một mình ở cung Vĩnh An. Tông Ái thừa cơ lẻn vào giết chết Thác Bạt Đạo.

Sau khi ông ta chết, đặt Thụy Hiệu là Thái Vũ Đế.

NAM AN VƯƠNG (THÁC BẠT DƯ)
(BẮC NGỤY)

Nam An Vương, ông ta tên là Thác Bạt Dư (? - 452). Ông là con thứ 6 của Thái Vũ Đế. Sau khi Thái Vũ Đế bị nịnh quan Tông Ái giết hại, Thác Bạt Dư được tiếp nhận ngôi vị. Ông trị vì được 7 năm lại bị Tông Ái giết hại. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Thác Bạt Dư từng được phong làm Ngô Vương, sau đó lại được phong làm Nam An Vương. Tháng 3 năm 452 Tông Ái giết Thái Vũ Đế, ông ta bí mật không phát tang, ông ta dẫn đồng đảng giết chết con trai của thái Vũ Đế đang sống tại đô thành và đón Thác Bạt Dư về cung điện, Tông Ái ngụy tạo tôn chỉ của hoàng hậu đã lập Thác Bạt Dư làm hoàng đế, ông đổi niên hiệu là "Thừa Bình".

Sau khi lên kế vị Thác Bạt Dư phong cho Tông Ái làm đại tư mã, đại tướng quân, thái sư. Thác Bạt Dư e ngại mình tuổi tác còn nhỏ đứng ra tiếp vị thì các quần thần không phục, ông ta đem tài sản quốc gia tặng cho các quan lại trong triều, không đến một tháng thì quốc khố cạn kiệt. Ông ta còn chìm đắm trong tửu sắc, tỉnh say say tỉnh. Được một thời gian Thác Bạt Dư không còn chịu đựng nổi sự chuyên quyền của Tông Ái, ông quyết tâm loại bỏ quyền lực của Tông Ái. Tông Ái biết Thác Bạt Dư sẽ trừ bỏ mình vì thế Tông Ái quyết định ra tay trước.

Ngày Bính Sửu tháng 10 năm 452 Thác Bạt Dư phải đi cúng tế ở Đông Miếu, Tông Ái đi theo hầu ông ta lợi dụng Thác Bạt Dư không chú ý đã sai thuộc hạ dùng kiếm đâm chết Thác Bạt Dư.

Trong sử gọi Thác Bạt Dư là Nam An Vương.

VĂN THÀNH ĐẾ (THÁC BẠT TUẤN)
(BẮC NGỤY)

Văn Thành Đế, ông ta tên là Thác Bạt Tuấn (440 - 465). Ông là cháu trường của Thái Vũ Đế và là cháu của Nam An Vương. Nam An Vương bị Tông Ái giết, các quần thần đã giết Tông Ái và lập Thác Bạt Tuấn làm hoàng đế. Ông trị vì 14 năm, bị ốm chết, hưởng dương 26 tuổi. Mai táng ở Kim Lăng.

*

Thác Bạt Tuấn là con trưởng của thái tử Cảnh Mục. Thác Bạt Hoảng bị vu oan giá họa nên rất uất hận sinh bệnh và bị chết, Thái Vũ Đế vô cùng hối hận và đã phong cho Thác Bạt Tuấn làm Cao Dương Vương; luôn cho Thác Bạt Tuấn ở kế cận bên cạnh và yêu quý coi như bùa hộ mệnh. Tháng 3 năm 452 Nam an Vương bị nịnh quan Tông Ái giết hại, các đại thần như: thượng thư Hạ Nguyên, Lưu Đốn Lệ, Trương Tôn Cát Hầu... kêu gọi cấm vệ quân đón Thác Bạt Tuấn vào cung, giết chết Tông Ái. Ngày Mậu Thân tháng 3 Thác Bạt Tuấn làm lễ đăng quang tiếp nhận ngôi báu, ông cho đổi niên hiệu là "Hưng An".

Ngày Quý Mão tháng 5 năm 465 Thác Bạt Tuấn mất tại điện Thái Hoa - đô thành Bình Thành.

Sau khi ông mất đặt Thụy Hiệu là Văn Thành Đế.

HIẾN VĂN ĐẾ (THÁC BẠT HOẰNG)
(BẮC NGỤY)

Hiến Văn Đế, ông ta tên là Thác Bạt Hoảng (454 - 476). Ông là con trưởng của Văn Thành Đế. Ông kế vị sau khi cha mất, trị vì được 6 năm thì bị thái hậu Phùng giết hại. Hưởng thọ 23 tuổi. Mai táng ở Kim Lăng.

*

Thời Văn Thành Đế trị vì đã lập Thác Bạt Hoảng làm thái tử. Tháng 5 năm 465 Văn Vũ Đế ốm chết, ngày Giáp Thìn tháng 5 Thác Bạt Hoảng đứng ra tiếp nhận ngôi vị, ông đổi niên hiệu thành "Thiên An".

Ngày Kỷ Dậu tháng 8 năm 471 Thác Bạt Hoảng nhường ngôi cho thái tử Thác Bạt Hồng, còn mình tự xưng là thái thượng hoàng và ông dời đến cư trú ở cung Sùng Quang. Vì thái tử còn nhỏ tuổi nên ông vẫn dẫn quân đi chinh chiến.

Năm 476 lại sử ở Tương Châu tên là Quý Hân ăn đút lót bao che cho kẻ có tội, chuyện đó đến tai Thác Bạt Hồng, ông cho người điều tra và giam giữ Quý Hân, đợi ngày xét xử, phạt tội chết. Quý Hân muốn thoát khỏi cái chết nên tố cáo thượng thư Quý Cữu, Quý Khiết (là em trai của Quý Hân) và thái hậu Phùng, bọn họ ngấm ngầm thông gian với nhau. Thác Bạt Hồng tức giận sai giết chết Quý Cữu và Quý Khiết. Được một thời gian, Phùng thái hậu sai thuộc hạ bỏ độc vào thức ăn của Thác Bạt Hồng. Bị trúng độc, máu trào ra lỗ mũi và mồm. Ông tạ thế tại cung điện Vĩnh An.

Sau khi ông chết lập hiệu miếu là Hiển tổ và đặt Thụy Hiệu là Hiến Văn Đế.

PHÙNG THÁI HẬU
(BẮC NGỤY)

Phùng thái hậu (442 - 490), bà ta là hoàng hậu của Văn Thành Đế. Sau khi Văn Thành Đế chết, bà ta lộng hành được 25 năm. Bà ta bị ốm chết, thọ 49 tuổi. Mai táng ở Vĩnh Cố Lăng (nay

thuộc thành phố Đại Đồng tỉnh Sơn Tây).

*

Thái hậu Phùng quê ở Tín Đô (Trường Lạc). Văn Thành Đế chết, Hiến Văn Đế đứng ra tiếp nhận ngôi vị. Thừa tướng Ất Hỗn chuyên quyền có ý đồ mưu phản. Bà ta tập hợp lực lượng, bắt giữ và giết hại Ất Hỗn bà ta tự lâm triều nhiếp chính. Hiến Văn Đế bị hại độc chết, Hiếu Văn Đế còn nhỏ tuổi bà ta lấy danh nghĩa thái hậu để tiếp tục nhiếp chính.

Lúc này nền tài chính quốc gia rất túng bấn, nhân dân phản kháng đấu tranh mãi không dứt, bà ta phải đối mặt với những nguy cơ nghiêm trọng của xã hội. Bà ta thi hành một loạt biện pháp cải cách nhằm thay đổi bộ mặt xã hội, thực hiện chế độ phân chia bổng lộc, cho các quan lại từ chức vị nhỏ đến chức vị lớn đều được lĩnh bổng lộc, ban hành chế độ ruộng đất, chế độ tô thuế, tiến một bước trong duy trì và thúc đẩy phong kiến hóa, củng cố được sự thống trị của triều Bắc Ngụy.

Thái hậu Phùng mất vào tháng 9 năm 490 tại điện Thái Hòa trong cung Lạc Dương.

Sau khi bà ta chết đặt Thụy Hiệu là Văn Minh.

HIẾU VĂN ĐẾ (NGUYÊN HỒNG)
(BẮC NGỤY)

Hiếu Văn Đế, ông ta tên là Nguyên Hồng (467 - 499). Ông là con trưởng của Hiến Văn Đế. Hiến Văn Đế trong thời gian trị vì đã nhường ngôi cho Nguyên Hồng. Từ đó trở đi Nguyên Hồng đổi thành họ Hán. Ông trị vì được 29 năm, trên đường đi chinh chiến bị bệnh chết. Hưởng thọ 36 tuổi. Mai táng ở Trường Lăng (nay gần thành phố Lạc Dương tỉnh Hà Nam).

*

Thời Hiến Văn Đế trị vì đã lập Nguyên Hồng làm thái tử, một thời gian sau Hiến Văn Đế nhường ngôi cho Nguyên Hồng, ông đổi niên hiệu là "Đình Hưng". Lên 5 tuổi ông đã làm hoàng đế, do tuổi tác của ông còn nhỏ nên thái hậu Phùng nắm quyền nhiếp chính. Tháng 9 năm 490 thái hậu Phùng ốm chết, Nguyên Hồng chính thức điều hành công việc triều chính.

Ông hiểu rõ muốn đưa triều Bắc Ngụy đi lên trở thành một nước hùng mạnh thì cần tiếp tục thực hiện công cuộc cải cách, đặc biệt phải lấy được lòng dân tiếp thu nền văn hóa của dân tộc Hán, mở rộng mối quan hệ với dân tộc Hán. Vì vậy, ngoài việc tiếp tục chỉnh đốn nền chính trị thúc tiến chế độ ruộng đất ông còn dời đô về Lạc Dương. Giai cấp quý tộc cũ phản đối chuyện dời đô xuống miền Nam, vì thế Nguyên Hồng không thể công bố chức thức kế hoạch dời đô, mùa thu năm 493 ông đích thân thống lĩnh 300000 vạn bộ binh và kị binh tiến xuống miền Nam nói là đi tiến công triều Nam Tề. Đến Lạc Dương, gặp phải thời tiết mưa thu, mưa liên miên đến 1 tháng trời, đường trơn lầy lội, xe ngựa đi lại rất khó khăn. Nguyên Hồng không chùn bước vẫn tiếp tục đi xuống miền Nam. Các đại thần còn nhờ bài học: Thái Vũ Đế xuống miền Nam tấn công triều Lưu Tống và bị thua trận phải quay về đô, do đó bọn họ đều quỳ xuống trước mặt Nguyên Hồng cầu xin ông hãy đình chỉ quyết định tiến xuống miền Nam. Nguyên Hồng nói: "Cuộc nam chinh lần này có sự ảnh hưởng to lớn đối với quần chúng, chưa lập được công tích gì mà chúng ta đã quay về, vậy còn ra thể thống gì. Nếu các khanh không muốn tiến xuống phía Nam, chi bằng chúng ta dời đô đến Lạc Dương, đợi chờ thời cơ sẽ tấn công triều Nam Tề để thống nhất toàn quốc" Thấy các đại thần còn do dự, Nguyên Hồng ra lệnh nói: "Ai đồng ý dời đô thì đứng sang bên trái, ai không đồng ý dời đô thì đứng sang bên phải". Nam An Vương Thác Bạt Trinh vội vàng đáp: "Chỉ cần bệ hạ đình chỉ việc tiến xuống phía Nam, chúng thần nhất định tán thành chuyện dời đô".

Năm sau, Nguyên Hồng lại đích thân quay về Bình Thành thuyết phục các quý tộc đồng ý

chuyện dời đô đến Lạc Dương.

Tiếp đó, ông cải cách toàn diện phong tục tập quán của dân tộc Tiên Ti và quy định lấy phục trang của người Hàn thay thế phục trang của dân tộc Tiên Ti. Lấy ngôn ngữ Hán thay thế ngôn ngữ Tiên Ti, những người dân tộc Tiên Ti dời đô đến Lạc Dương đều lấy Lạc Dương làm quê quán, khi chết không được quay về Bình Thành chôn cất, đổi họ Tiên Ti thành họ Hán (ví dụ: họ Thác Bạt thành họ Nguyên), khích lệ người Tiên Ti kết hôn với người Hán, sử dụng các điển chương của tộc Hán, bình định được các môn đệ sĩ tộc, từ đó tăng thêm sự quan hệ thống trị của các quý tộc dân tộc Tiên Ti với các sĩ tộc dân tộc Hán, thúc tiến sự dung hợp dân tộc ở miền Bắc. Mặc dù công cuộc cải cách vấp phải sự phản đối của thái tử và một số quý tộc cũ (thái tử cầm đầu công cuộc phản đối chính sách cải cách của vua cha). Bọn họ từng làm loạn để phản đối triều đình, phân chia triều Bắc Ngụy. Nhưng cuộc tạo phản đã bị Nguyên Hồng dẹp yên, ông còn sai giết thái tử. Nguyên Hồng là một nhà chính trị gia có thành tích đáng nể.

Tháng 4 năm 499, trên đường tiến xuống phía Nam thì Nguyên Hồng ốm chết. Các đại thần mang linh cữu quay về Lạc Dương bọn họ đi đến Lỗ Nam (nay thuộc huyện Lỗ Nam tỉnh Hà Nam) mới thông báo phát tang.

Sau khi ông chết, lập hiệu miếu là Cao Tổ, Thụy Hiệu là Hiếu Văn Đế.

Vợ của Nguyên Đế là hoàng hậu Phượng có tư tình với ninh quan, về sau bị Nguyên Đế phát hiện nên bắt hoàng hậu sống trong lãnh cung. Lúc Nguyên Đế sắp chết đã hạ di chiếu bắt hoàng hậu phải chết.

TUYÊN VŨ ĐẾ (NGUYÊN KHÁC)
(BẮC NGỤY)

Tuyên Vũ Đế, ông ta tên là Nguyên Khác (483 - 515). Ông là con thứ của Hiếu Văn Đế. Ông tiếp nhận ngôi vị sau khi Hiếu Văn Đế chết. Ông trị vì được 16 năm, bị ốm chết, hưởng thọ 33 tuổi. Mai táng ở Cảnh Lăng (nay thuộc thành phố Lạc Dương tỉnh Hà Nam).

*

Nguyên Khác được lập làm thái tử từ khi Hiếu Văn Đế còn sống. Tháng 4 năm 499 Hiếu Văn Đế ốm chết, lễ đăng cơ tổ chức vào ngày Đinh Tị tháng 4. Ông cho đổi niên hiệu là "Cảnh Minh".

Trong thời gian ông trị vì, triều đình trải qua việc dời đô được mấy chục năm đã dần ổn định kinh tế phồn vinh, thương nghiệp phát triển. Con cháu hoàng tộc đang từ cuộc sống du mục chuyển thành cuộc sống an nhàn ngồi trên lụa là gấm vóc, an nhàn hưởng lạc mà những của cải đó là rút ra từ tô thuế của nông dân, bọn họ dần sinh ra hư đốn. Trong sử kí ghi chép: "Nguyên Khác suốt ngày dạo chơi trong vườn thượng uyển, an nhàn xem múa hát, không lâm triều xem xét việc quốc gia". Ông đề cao Phật Giáo ông cho xây dựng chùa Vĩnh Minh ở Lạc Dương, ngôi chùa này có vô số phòng và có hơn 3000 tăng ni ở Tây Tạng đến đó cư trú, ông còn cho xây chùa Nhàn cư ở Hạc Sơn (nay thuộc huyện Đăng Phong tỉnh Hà Nam ngôi chùa này có quy mô hùng vĩ, ông đề cao phật giáo khiến cho Phật giáo ở thời đại đó vô cùng hưng thịnh, trong nước có 13000 ngôi chùa. Tất cả những điều đó đổ hết vào đầu nhân dân, tăng thêm gánh nặng cho nhân dân khiến cho mâu thuẫn xã hội càng thêm gay gắt, khởi nghĩa nông dân xảy ra liên tiếp.

Tuyên Vũ Đế mất ngày Đinh Tị tháng 1 năm 515 tại điện Thức Càn.

Sau khi ông chết, lập miếu đặt hiệu là Thế Tông, Thụy Hiệu là Tuyên Vũ Đế.

HIẾU MINH ĐẾ (NGUYÊN HỨA)
(BẮC NGỤY)

Hiếu Minh Đế, ông ta tên là Nguyên Hứa (510 - 528), ông là con thứ của Tuyên Vũ Đế. Ông kế vị khi Tuyên Vũ Đế chết. Ông trị vì 14 năm, bị thái hậu Hồ hại độc, hưởng dương 19 tuổi. Mai táng ở Định Lăng.

*

Nguyên Hứa được Tuyên Vũ Đế lập làm thái tử. Tháng 1 năm 515 Tuyên Vũ Đế ốm chết, ngày Ất Hợi tháng 1 Nguyên Hứa làm lễ đăng cơ. Ông đổi niên hiệu là "Hi Bình".

Lúc này Nguyên Hứa mới có 5 tuổi, mọi công việc triều chính do mẹ đẻ của ông ta là thái hậu Hồ lâm triều giải quyết. Thái hậu Hồ hoang dâm, hung bạo, bà ta coi vàng bạc như đất, quốc khố bị bà ta làm tiêu hạn cạn kiệt. Bà ta sùng tín Phật Giáo, chuyên dùng vàng bạc để tu sửa chùa Phật. Do đó mọi gánh nặng đều đổ vào đầu dân chúng khiến cho các cuộc khởi nghĩa liên tiếp nổ ra.

Khi Nguyên Hứa trưởng thành có thể tự giải quyết mọi công việc triều đình, thái hậu Hồ sợ ông ta biết mọi việc làm xấu xa của bà ta, liền tìm cách giết hại những tay chân thân tín của Nguyên Hứa, thật ra những tay chân thân tín của ông đều đi khỏi đô thành. Từ đó hai mẹ con bất hòa. Năm 520, Nguyên Hứa mượn cớ thái hậu Hồ và con thứ của Hiếu Văn Đế (em trai của Tuyên Vũ Đế) tư thông tình cảm với nhau, ông ta tên là Thanh Hà Vương Nguyên Trách, Nguyên Hứa triệu tập em rể của thái hậu Hồ là Nguyên Nghĩa và nịnh quan Lưu Đằng để phát động chính biến giết chết Nguyên Trách và giam thái hậu Hồ ở cung Bắc. Nhưng năm 526, thái hậu Hồ lại lâm triều nhiếp chính bả ta sai giết Nguyên Nghĩa và Lưu Đằng, bà ta không ngần ngại triệu tập các đồng đảng vây cánh và ra tay giết hại những ai dám chống đối bà ta nhằm cô lập Nguyên Hứa. Tháng 1 năm 528 Nguyên Hứa viết chiếu thư gửi đại tướng Nhi Chu Vinh bảo ông ta dẫn quân loại bỏ thế lực của thái hậu Hồ, đó là những thuộc hạ của bà ta như: Trịnh Sản, Từ Khất, Sản Bình...

Nhi Chu Vinh vốn là tộc trưởng của một bộ lạc sinh sống ở huyện Tú Túc (Sơn Tây) (nay ở phía Tây Bắc huyện Sơn Tây) ông có công trong việc trấn áp cuộc khởi nghĩa của Cát Vinh nên được triều Bắc Ngụy tin tưởng. Nhi Chu Vinh thấy triều đình hỗn độn ông ta nảy ra ý định tạo phản và cướp đoạt ngôi vị, do đó khi nhận được chiếu thư ông ta lập tức dẫn quân tiến về Lạc Dương.

Hồ thái hậu thấy Nhi Chu Vinh tấn công vây cánh của mình, bà ta nghe lời xúi giục của Trịnh Sản và Từ Khất dùng rượu độc hại chết Nguyên Hứa.

Sau khi Nguyên Hứa chết lập hiệu miếu là Tuệ Tông, và Thụy Hiệu là Hiếu Minh Đế.

ẤU CHỦ (NGUYÊN CHIÊU)
(BẮC NGỤY)

Ấu Chủ, ông ta tên là Nguyên Chiêu (526 - 528). Ông ta là chắt của Hiếu Văn Đế. Thái hậu Hồ sau khi hại độc Hiếu Minh Đế đã lập Nguyên Chiêu làm hoàng đế. Ông trị vì được 1 tháng, thì bị Nhi Chu Vinh dìm chết trên sông Hoàng Hà. Hưởng dương 3 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Đầu năm 528 thái hậu Hồ hại độc giết chết Hiếu Minh Đế để làm an lòng dân bà ta đã lập hoàng tử Thứ Nữ làm hoàng đế. Thứ Nữ đăng cơ được một tháng lại bị thái hậu Hồ phế bỏ. Ngày Ất Mão tháng 3, bà ta lập Nguyên Chiêu làm hoàng đế.

Nhi Chu Vinh biết có biến loạn ở Lạc Dương, ông ta đã lấy danh nghĩa là trừng phạt thái hậu, chỉ huy quân lính vượt qua sông Hoàng Hà tiến thẳng vào kinh. Thái hậu Hồ rất lo lắng và hoang mang, bà ta rời bỏ cung điện cắt tóc xin vào chùa làm ni cô.

Tháng 4, Nhi Chu Vinh bắt đầu tiến vào kinh thành, bắt giữ thái hậu Hồ và Nguyên Chiêu, bắt giải đến Hà Dương (nay thuộc phía Đông huyện Mãnh Tân tỉnh Hà Nam). Thái hậu Hồ khóc lóc cầu xin và bà ta đổ lỗi cho các hoạn quan, nói rằng các hoạn quan đã lừa dối bà ta để che đậy những việc làm của họ. Nguyên Chiêu cũng khóc lóc. Ngày Ất Mão, Nhi Chu Vinh sai dìm chết thái hậu Hồ và Nguyên Chiêu ở trên sông Hoàng Hà và còn sai giết hơn 2000 tông thất và công khanh của triều Bắc Ngụy, trong sử gọi cuộc nội chiến này là: "Cuộc nội chiến ở Lạc Dương".

HỒ THÁI HẬU (HỒ SUNG HOA)
(BẮC NGỤY)

Thái hậu Hồ, bà ta tên là Hồ Sung Hoa (? - 528). Bà ta là quý phi của Tuyên Vũ Đế và là mẹ đẻ của Hiếu Minh Đế sau khi Tuyên Vũ Đế chết bà ta được lập làm thái hậu, được phép nhiếp chính cai quản công việc triều chính. Bà ta chấp chính được 13 năm. Bị Nhi Chu Vinh dìm chết ở sông Hoàng Hà.

*

Hồ Sung Hoa là quý phi của Tuyên Vũ Đế. Theo quy định của triều Bắc Ngụy, đế vương sau khi tuyển chọn được thái tử, cần phải giết chết mẹ đẻ của thái tử để đề phòng biến loạn. Nhưng Tuyên Vũ Đế đã phá bỏ quy tắc này nên không giết chết Hồ Sung Hoa. Tháng 1 năm 518. Tuyên Vũ Đế bị bệnh chết, Hiếu Minh Đế lên tiếp nhận ngôi vị, hoàng hậu của Tuyên Vũ Đế là Cao Thị Dục vẫn dựa theo quy chế của tờ tông muốn giết chết Hồ Sung Hoa. Hoàng hậu Cao Thị Dục sai Lưu Đằng và Hầu Cương đi giết Hồ Sung Hoa nhưng Vu Trọng và Thôi Quang biết tin, hai người đó đem Hồ Sung Hoa trốn đi và sai lính bảo vệ, nhờ đó Hồ Sung Hoa mới thoát khỏi cái chết. Tháng 2, Hồ Sung Hoa được Hiếu Minh Đế tôn làm thái phi, còn Cao Thị Dục bị bắt vào chùa cư trú và làm ni cô. Tháng 8, Hồ Sung Hoa được tôn làm thái hậu, lâm triều chấp chính. Trong thời gian chấp chính, bà ta rất hoang dâm hung bạo, bà ta cho xây chùa Phật, áp bức dân chúng, tô thuế nặng nề, do đó dẫn đến cuộc khởi nghĩa ở 6 trấn. Tháng 1 năm 528, bà ta hạ độc giết Hiếu Minh Đế. Nhi Chu Vinh vịn cớ muốn báo thù cho Hiếu Minh Đế để dấy binh làm loạn, dẫn quân vào Lạc Dương bắt giữ thái hậu Hồ và Ấu Chủ, tháng 4 sai người dìm thái hậu Hồ và Ấu Chủ trên sông Hoàng Hà.

Trong sử gọi Hồ Sung Hoa là Hồ thái hậu và còn gọi là Linh Thái Hậu.

HIẾU TRANG ĐẾ (NGUYÊN TỬ DU)
(BẮC NGỤY)

Hiếu Trang Đế, ông ta tên là Nguyên Tử Du (507 - 530). Ông là cháu của Hiến Văn Đế. Sau khi Nhi Chu Vinh giết Hậu Chủ đã lập Nguyên Tử Du làm hoàng đế. Ông trị vì được 3 năm thì cũng bị Nhi Chu Diêu giết hại, hưởng dương 24 tuổi. Mai táng ở Tĩnh Lăng.

*

Nguyên Tử Du là con trai thứ 3 Bành Thành Vương, Nguyên Tử Du được phong làm Trường Lạc Vương. Tháng 4 năm 528 Nhi Chu Vinh giết thái hậu Hồ, Ấu Chủ và muốn xưng hoàng đế, Nhi Chu Vinh thấy lòng dân không phục, tạm thời ông ta lập Nguyên Chu Du làm hoàng đế, lễ đăng cơ tổ chức vào ngày Mậu Tuất tháng 4 và đổi niên hiệu là "Kiến Nghĩa". Sau khi Nguyên Tử Du lên ngôi, Nhi Chu Vinh trắng trợn chém giết lộng hành không kiêng nể ai, điều đó làm cho kinh thành luôn buồn thảm, chính quyền tan rã, chính quyền Bắc Ngụy chỉ tồn tại trên danh nghĩa mà thôi. Vì Nhi Chu Vinh giết hại khá nhiều quan lại và tông thất khiến nhân dân oán hận đến tận xương tận tủy, họ không dám ở lại kinh thành Lạc Dương. Nhi Chu Vinh sống ở Tấn Dương, một mặt ông trấn áp cuộc khởi nghĩa của nông dân, mặt khác ông ta tìm cách khống chế thành Lạc Dương. Chuẩn bị cơ hội cướp đoạt chính quyền.

Nhi Chu Vinh không can tâm làm một hoàng đế bù nhìn. Ông tìm cách liên kết với Thành Dương Vương Nguyên Vi, thị trung Quý Đặc... họ cùng nhau vạch kế hoạch loại trừ bỏ Nhi Chu Vinh. Tháng 9 năm 530, Nguyên Tử Du trả vờ sinh hạ được thái tử và cho mời Nguyên Tử Du vào kinh thành Nhi Chu Vinh không biết đấy là tin tức lừa đảo, ông ta vội vàng vào kinh tới điện Minh Quang triệu kiến hoàng đế. Lúc này, Nguyên Tử Du sai phái tướng lĩnh nấp ở cửa phía Đông để bắt giữ Nhi Chu Vinh. Thấy có biến Nhi Chu Vinh vội xông thẳng tới chỗ Nguyên Tử Du. Nguyên Tử Du cầm dao và chém vào tay, sau đó giết chết Nhi Chu Vinh.

Đêm đó người nhà Nhi Chu Vinh tìm cách báo thù, vợ của Nhi Chu Vinh chỉ huy quân lính bao vây cửa Tây Âm tiến vào kinh thành, kêu gọi binh lính tấn công thành Lạc Dương. Em trai của Nhi Chu Vinh là Nhi Chu Thế Phùng cũng phái Nhi Chu Phất Luật dẫn kị binh xông vào thành Lạc Dương, nói muốn đòi lại thi thể Nhi Chu Vinh. Nguyên Tử Du sợ hãi vội mang của cải bày ra ở cửa phía Tây, chiêu mộ được 10000 chiến sĩ cảm tử và quyết tâm đánh thắng Nhi Chu Phất Luật, Nguyên Tử Du còn sai tướng quân Quý Miêu đốt cháy cầu bắc qua sông thiêu chết vô số quân địch. Nhi Chu Phất Luật liền thay đổi chiến thuật, tụ tập tàn quân cùng nhau đột kích khiến cho Quý Miêu cùng đường, không có nơi chạy trốn đành phải nhảy xuống sông tự vẫn. Tiếp đó, Nhi Chu Thế Phùng dẫn Đông Hải Vương Nguyên Nghiệp làm hoàng đế và tấn công vào Lạc Dương.

Tháng 12 năm đó, cháu của Nhi Chu Vinh là Nhi Chu Diêu và Nhi Chu Độ Luật đã lên tiếng đòi báo thù cho chú, bọn họ dẫn quân xông thẳng vào Lạc Dương. Quân lính ở thành Lạc Dương canh phòng lơ là, điều đó giúp quân phản loạn nhanh chóng chiếm giữ được cửa thành và xông thẳng vào hoàng cung. Cấm vệ quân nghe tin kinh thành thất thủ đều hoảng hồn bỏ chạy, có một số ít bắn tên để cản quân địch, nhưng thật đen đủi lúc đó trời lại nổi gió lớn khiến tên bắn ra đều bay tan tác hết. Nguyên Tử Du chạy trốn theo lối cửa Vân Long bị mấy mươi kị binh của Nhi Chu Diêu bắt giữ, bọn họ nhốt ông ta ở tháp chùa Vĩnh Hinh. Bị giam giữ Nguyên Tử Du định thắt cổ tự vẫn nhưng ý định của ông ta không thực hiện được. Một thời gian sau ông ta bị áp giải đến thành Tấn Dương (nay là thành phố Thái Nguyên tỉnh Sơn Tây). Lại sử ở Tấn Châu là Cao Hoan trên đường áp giải Nguyên Tử Du gửi bản tấu trình cho Nhi Chu Diêu phân tích mặt lợi hại và khuyên đừng nên giết Nguyên Tử Du. Nhi Chu Diêu phẫn nộ, vứt thư đi, ông ta hạ lệnh áp giải Nguyên Tử Du đến Tịnh Châu giam ở chùa (nay thuộc phía Tây Nam thành phố Thái Nguyên tỉnh Sơn Tây), ngày Giáp Tí tháng 12 sai giết Nguyên Tử Du.

Sau khi Nguyên Tử Du chết lập miếu đặt hiệu là Kính Tông, và đặt Thụy Hiệu là Hiếu Trang Đế.

TRƯỜNG QUẢNG VƯƠNG (NGUYÊN NGHIỆP)
(BẮC NGỤY)

Trường Quảng Vương, ông ta tên là Nguyên Nghiệp, năm sinh và năm mất không rõ. Ông là chắt của Thái Vũ Đế, Nhi Chu Diêu giết Hiếu Trang Đế đã lập Nguyên Nghiệp làm đế. Ông trị vì được 3 tháng thì bị Nhi Chu Thế Phùng phế truất, ông lưu lạc ở đâu không rõ.

*

Nguyên Nghiệp là cháu của thái tử Thát Bạt Hoảng là cháu của Trung Sơn Vương Thác Bạt Anh, Nguyên Nghiệp được phong làm Quảng Bình Vương, ông nhận chức thái thú ở Thái Nguyên và quản lý mọi chuyện trong châu. Tháng 12 năm 530, Nhi Chu Diêu giết Hiếu Trang Đế và dẫn quân tới Thái Nguyên, phục lập Nguyên Nghiệp kế vị, đổi niên hiệu là "Kiến Minh".

Sau khi Nguyên Nghiệp kế vị, Nhi Chu Diêu tiến quân vào kinh, cướp bóc của cải và còn giết các chư vương và quan lại của triều Bắc Ngụy, sau đó Nhi Chu Diêu quay về Tần Dương ra lệnh cho Nhi Chu Thế Phùng và Nhi Chu Độ trấn giữ ở Lạc Dương. Nhi Chu Thế Phùng tính tình tàn ác, dân chúng ở Lạc Dương hận ông ta tới tận xương tận tủy.

Nguyên Nghiệp bị Nhi Chu Thế Phùng khống chế, cả ngày hoảng loạn không yên.

Ngày Kỉ Tị tháng 2 năm 531 Nhi Chu Thế Phùng phế truất Nguyên Nghiệp, phong Nguyên Nghiệp làm Đông Hải Vương. Chuyện về sau ra sao không rõ.

TIẾT MẪN ĐẾ (NGUYÊN CUNG)
(BẮC NGỤY)

Tiết Mẫn Đế, ông ta tên là Nguyên Cung (498 - 532), tên tự của ông ta là Tu Nghiệp. Ông là cháu của Văn Thành Đế. Nhi Chu Thế Phùng phế bỏ Nguyên Nghiệp và lập Nguyên Cung làm hoàng đế. Ông trị vì được 2 năm, bị Cao Hoan phế bỏ và hạ độc. Hưởng thọ 35 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Nguyên Cung là con trai của Quảng Lăng Vương Nguyên Vũ. Ngày Kỉ Tị tháng 2 năm 531 Nguyên Nghiệp bị phế bỏ và cũng cùng ngày đó Nguyên Cung được lập làm hoàng đế, đổi niên hiệu là "Phổ Thái".

Tháng 4 năm 532, Cao Hoan lập An Định Vương Nguyên Lăng làm đế và dẫn Nguyên Lăng vào thành Lạc Dương, giết chết Nhi Chu Thế Phùng giam Nguyên Cung trong chùa Sùng Huấn. Ngày Tân tị phế bỏ Nguyên Cung. Những bài thơ phú của Nguyên Cung làm đã nói lên tâm trạng ai oán của ông. Những bài thơ đó phản ánh được tình cảnh tàn nhẫn mà ông phải chịu đựng, nói lên ông muốn thoát khỏi nhân gian. Ngày Giáp Thân, Cao Hoan sai người hạ độc giết chết Nguyên Cung.

Sau khi Nguyên Cung chết lập hiệu miếu là Tiết Mẫn Đế và Thụy Hiệu là Tiền Phế Đế.

AN ĐỊNH VƯƠNG (NGUYÊN LĂNG)
(BẮC NGỤY)

An Định Vương, ông ta tên là Nguyên Lăng (513 - 532). Ông là con trai thứ 3 của Chương Vũ Vương (một người trong hoàng tộc của triều Bắc Ngụy). Ông là em họ của Tiết Mẫn Đế. Ông được Cao Hoan giúp lên ngôi hoàng đế. Ông trị vì được 2 năm, bị Cao Hoan phế truất và hạ độc. Hưởng dương 20 tuổi. Mai táng ở ngoại thành Thành Nghiệp (nay thuộc huyện An Dương tỉnh Hà Nam).

*

Ngày Nhâm Dần tháng 10 năm 531 Nguyên Lăng được Cao Hoan lập làm hoàng đế, đối nghịch với Tiết Mẫn Đế đang bị giam lỏng trong tay Nhi Chu Thế Phùng. Nguyên Lăng sau khi đăng cơ đã đổi niên hiệu là "Trung Hưng".

Tháng 4 năm 532 Cao Hoan tấn công vào Lạc Dương Nguyên Lăng cũng bị đi theo Cao Hoan vào thành Lạc Dương. Cao Hoan diệt bỏ dòng họ Nhi Chu. Cao Hoan nhận thấy thế hệ của Nguyên Lăng quá xa với dòng tộc vương thất vì thế ngày Tân Tị tháng 4 năm 532 Cao Hoan vừa phế bỏ Nguyên Cung vừa phế bỏ Nguyên Lăng, giáng Nguyên Lăng làm An định Vương. Được một thời gian, Cao Hoan dẫn Nguyên Lăng ra khỏi Lạc Dương và ép Nguyên Lăng uống rượu độc chết.

Trong sử gọi Nguyên Lăng là hậu phế đế và còn gọi là An Định Vương.

HIẾU VŨ ĐẾ (NGUYÊN TU)
(BẮC NGỤY)

Hiếu Vũ Đế, ông ta tên là Nguyên Tu (510 - 534), tên tự của ông là Quý Tắc. Ông là cháu của

Hiếu Văn Đế. Cao Hoan phế bỏ Nguyên Lăng và lập Nguyên Tu làm hoàng đế. Ông trị vì được 3 năm bị Vũ Văn Thái hại độc, hưởng dương 25 tuổi. Mai táng ở Vĩnh Lăng (nay thuộc huyện Phú Bình tỉnh Thiểm Tây).

*

Nguyên Tu là con trai thứ 3 của Quảng Bình Vương Nguyên Hoài. Nguyên Tu được phong làm Bình Dương Vương. Tháng 4 năm 532 Cao Hoan phế truất Nguyên Lăng. Ngày Mậu Tí tháng 4 đã lập Nguyên Tu lên kế vị, đổi niên hiệu là "Thái Xương".

Sau khi Nguyên Tu đăng cơ, quyền uy của Cao Hoan vang dội và gây ảnh hưởng đến quyền lực của Nguyên Tu. Ông ngày đêm nung nấu tìm cách loại trừ Cao Hoan, nhưng ông lực vô đơn chí không thể thực hiện được quyết tâm của mình. Năm 534, Nguyên Tu chạy khỏi Lạc Dương và chạy xuống Trường An dựa dẫm vào đại tướng Vũ Văn Thái.

Ngày Quý Tị tháng 12 năm 534. Nguyên Tu tụ tập dân tộc Cao Xa, điều động binh mã quay về cung. Đột nhiên con ngựa của ông ta chồm lên chạy điên cuồng, các thuộc hạ của ông ta không làm sao giữ con ngựa đó lại, con ngựa lồng lên một lúc thì quỵ ngã chết. Nguyên Tu đổi một con ngựa khác và quay về cung, sau khi ăn tối được một lúc, đột nhiên ông ta đau bụng dữ dội và lăn ra chết. Hóa ra Vũ Văn Thái sai hoạn quan bỏ độc vào thức ăn giết chết Nguyên Tu.

BẮC TRIỀU

TRIỀU ĐÔNG NGỤY
(534 - 550, tổng cộng 17 năm)

Triều Đông Ngụy chỉ có một hoàng đế, nước mất bị phế bỏ, sau đó bị hại độc chết.

HIẾU TĨNH ĐẾ (NGUYÊN THIỆN KIẾN)
(Hoàng đế Hiếu Tĩnh)
(ĐÔNG NGỤY)

Hiếu Tĩnh Đế, ông ta tên là Nguyên Thiện Kiến (525 - 552). Ông là chắt của Tiết Mẫn đế (triều Bắc Ngụy). Sau khi Hiếu Vũ Đế chạy trốn. Cao Hoan lại lập Nguyên Thiện Kiến làm hoàng đế. Ông trị vì được 17 năm, bị Cao Dương phế truất và hại độc chết. Hưởng dương 28 tuổi. Mai táng ở huyện Lâm Chương tỉnh Hà Bắc.

*

Bố của Nguyên Thiện Kiến là Thanh Hà Vương Nguyên Đảm (Kiều Bắc Ngụy). Sau khi Hiếu Vũ Đế Nguyên Tu chạy trốn khỏi thành Trường An, ngày Bính Dần tháng 10 năm 534 Cao Hoan lập Nguyên Thiện Kiến làm hoàng đế ông đổi niên hiệu là "Thiên Bình". Tháng 12 năm 535 dời đô đến thành Nghiệp (nay thuộc phía Nam huyện Từ tỉnh Hà Bắc), thành Nghiệp nằm ở phía Đông thành Trường An nên trong sử gọi là Đông Ngụy.

Khi đăng cơ, Nguyên Thiện Kiến mới lên 11 tuổi do vậy Cao Hoan rất lộng hành. Sau khi Cao Hoan chết con trai của ông ta là Cao Đăng lại chuyên quyền hơn cả cha mình, điều đó khiến Nguyên Thiện Kiến càng thêm xỉ nhục. Cao Đăng sai thuộc hạ thân tín là Thôi Quý Sả giám sát Nguyên Thiện Kiến. Có một lần, Nguyên Thiện Kiến nói vào câu oán hận bất mãn. Thôi Quý Sả liền báo cáo lại với Cao Đăng. Cao Đăng vào cung căn vặn Nguyên Thiện Kiến, Nguyên Thiện Kiến đành trả vờ vui vẻ mở yến tiệc chiêu đãi Cao Đăng. Trong lúc uống rượu, Cao Đăng chúc Nguyên Thiện Kiến một bát rượu to tướng Nguyên Thiện Kiến chối từ không uống. Cao Đăng giở mặt nói: "Thần chúc bệ hạ rượu, tại sao bệ hạ lại chối từ Nguyên Thiện Kiến không còn giữ được sự nhẫn nại, ông ta quát to: "Từ trước đến nay, không bị mất nước, vậy mà trẫm đến cốc rượu cũng không làm chủ được mình, sống làm gì!" Cao Đăng trợn mắt quát to: "Trẫm cái gì mà Trẫm! đồ chó săn". Cao Đăng sai Thôi Quý Sả "Hãy thay ta dạy cho hắn một bài học". Thôi Quý Sả đấm cho Nguyên Thiện Kiến ba đấm. Nguyên Thiện Kiến không chống đỡ được, đành phải nuốt hận.

Về sau, Cao Đăng bị thuộc hạ giết chết, Nguyên Thiện Kiến mới trút được một gánh nặng, ông ta nói với thuộc hạ: "Đây là ý trời, quyền lực lại thuộc về tay trẫm". Đúng vào lúc này, em trai của Cao Đăng là Cao Dương dẫn 200 người vào cung, vẻ mặt sát khí đằng đằng nói với Nguyên Thiện Kiến "Nhà thần có việc phải quay về Tấn Dương". Nói xong, không đợi Nguyên Thiện Kiến trả lời, ông ta đã bỏ đi, Thiện Kiến lại thấy xuất hiện thêm một đại thần ngang ngược, ông ta không ngăn được hai dòng nước mắt thở dài nói: "Người này không dễ gì tha mạng cho trẫm, không biết trẫm chết vào ngày nào đây?".

Tháng 5 năm 550 Cao Dương ép Thiện Kiến phải thoái vị và chuyển đến sống ở phía Bắc Thành, phong cho làm Trung Sơn Vương.

Ngày Kỉ Dậu tháng 12 năm 552, Cao Dương sai đem rượu độc ép Thiện Kiến phải uống.

Sau khi ông ta chết lập hiệu miếu là Hiếu Tĩnh Đế.

BẮC TRIỀU

TRIỀU TÂY NGỤY
(Năm 535 - 557, tổng cộng 22 năm)

Triều Tây Ngụy có 3 đế vương: trong đó một người bị bệnh chết, 2 người bị phế và hại độc chết.

VĂN ĐẾ (NGUYÊN BẢO CỰ)
(TÂY NGỤY)

Văn Đế, ông ta tên là Nguyên Bảo Cự (507 - 551). Ông là cháu của Tiết Mẫn Đế (triều Bắc Ngụy). Vũ Văn Thái giết Hiếu Vũ Đế và lập Nguyên Bảo Cự làm hoàng đế. Ông trị vì được 17 năm bị bệnh chết. Hưởng thọ 45 tuổi. Mai táng ở Vĩnh Lăng (nay thuộc huyện Phú Bình tỉnh Thiểm Tây).

*

Nguyên Bảo Cự là con trai của Kinh Diêu Vương Nguyên Du. Nguyên Bảo Cự được phong làm Nam Dương Vương. Năm 534 Vũ Văn Thái giết Hiếu Vũ Đế, tháng 7 năm 535 Vũ Văn Thái lập Nguyên Bảo Cự làm hoàng đế, đặt đô ở Trường An, ông cho đổi niên hiệu là "Đại Thống" (vì đô thành nằm ở phía Tây thành Nghiệp, nên sử gọi là Tây Ngụy) đối nghịch với Cao Hoan đang khống chế triều Đông Ngụy.

Trong những năm Nguyên Bảo Cự trị vì. Vũ Văn Thái rất chuyên quyền và lộng hành.

Tháng 3 năm 551, Nguyên Bảo Cự bị bệnh chết tại điện Côn An trong cung Trường An.

Sau khi ông chết lập hiệu miếu là Văn Đế.

PHẾ ĐẾ (NGUYÊN KHÂM)
(TÂY NGỤY)

Phế Đế, ông ta tên là Nguyên Khâm (? - 554). Ông là con trai của Văn Đế (triều Tây Ngụy). Văn Đế chết, Nguyên Khâm đứng ra tiếp nhận ngôi báu. Ông trị vì được 3 năm. Bị Vũ Văn Thái phế truất và hạ độc. Mai táng ở Vĩnh Lăng (nay thuộc huyện Phú Bình tỉnh Thiểm tây).

*

Thời Văn Đế trị vì đã lập Nguyên Khâm làm thái tử. Tháng 3 năm 551, Văn Đế ốm chết, cùng tháng đó Nguyên Khâm lên kế vị. Ông không lập niên hiệu, ông lấy năm 552 là năm đầu tiên lên trị vì.

Sau khi lên trị vì, Nguyên Khâm một lòng một dạ muốn trừ bỏ Vũ Văn Thái. Lâm Hoài Vương Nguyên Dục và Quảng Bình Vương Nguyên Thán thấy thế ực của Vũ Văn Thái rất rộng nên bọn họ đã can gián Nguyên Khâm hãy quên chuyện loại bỏ Vũ Văn Thái tránh mang họa vào thân, thậm chí bọn họ còn khóc lóc để khuyên giải Nguyên Khâm. Nguyên Khâm không hề rung động trước hành vi và tình cảm của bọn họ, ông ta vẫn quyết tâm bày mưu tính kế dẹp thế lực của Vũ Văn Thái. Không ngờ tin tức bị bại lộ và đến tai Vũ Văn Thái, tháng 1 năm 554 Vũ Văn Thái phế bỏ Nguyên Khâm và bắt Nguyên Khâm dời đến cư trú tại Ung Châu (nay thuộc thành phố Tây An tỉnh Thiểm Tây). Tháng 4 Vũ Văn Thái lại sai thuộc hạ thân tín mang rượu độc ép buộc Nguyên Khâm phải uống.

Trong sử gọi Nguyên Khâm là Phế Đế.

CUNG ĐẾ (THÁC BẠT KHOÁCH)
(TÂY NGỤY)

Cung Đế ông ta tên là Thác Bạt Khoách (? - 557), ông khôi phục dòng của tộc Tiên Ti (không đổi thành họ Nguyên). Ông là em trai của Phế Đế. Vũ Văn Thái phế bỏ Phế Đế và lập Thác Bạt Khoách làm hoàng đế. Ông trị vì được 3 năm, bị Vũ Văn Giác phế truất và hại độc chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Thác Bạt Khoách từng được phong làm Tề Vương. Tháng 1 năm 554 Vũ Văn Thái phế bỏ Phế Đế và cũng vào tháng 1 lại lập Thác Bạt Khoách làm hoàng đế. Ông không lập niên hiệu và chọn năm 554 là năm đầu tiên. Vũ Văn Thái bắt ông ta phải khôi phục lại họ Thác Bạt.

Năm 556 Vũ Văn Thái bị ốm chết, con trai của ông ta là Vũ Văn Giác thay cha tiếp nhận chức vị và cũng lộng hành không kém gì cha. Đầu năm 557 Vũ Văn Giác xưng đế, ông ta ép Thác Bạt Khoảnh phải nhường ngôi và phong cho Thác Bạt Khoảnh làm Tống Công và Thác Bạt Khoảnh phải dời đến ở tại phủ của Vũ Văn Hộ ở Trường An. Được một thời gian, Vũ Văn Giác sai chú mình là Vũ Văn Hộ bắt Thác Bạt Khoảnh uống rượu độc sau đó công bố với dân chúng rằng Thác Bạt Khoảnh chết do bị cảm đột xuất.

Sau khi Thác Bạt Khoảnh chết lập thụy hiệu là Cung Đế.

BẮC TRIỀU

TRIỀU BẮC TỀ
(Năm 550 - 577, tổng cộng 28 năm)

Triều Bắc Tề có 8 đế vương, trong đó có 3 người bị bệnh chết, 3 người bị giết khi làm mất nước, 1 người bị chết trong cuộc nội chiến, 1 người bị ốm chết khi làm mất nước.

VĂN TUYÊN ĐẾ (CAO DƯƠNG)
(BẮC TỀ)

Văn Tuyên Đế, ông ta tên là Cao Dương (520 - 559), tên tự của ông ta là Tử Tiến. Ông là con trai thứ 2 của Cao Hoan (triều Đông Ngụy), ông ta học theo cha và anh trai rất lộng hành trong triều Đông Ngụy, sau đó ông ta phế bỏ Hiếu Tĩnh Đế và tự xưng hoàng đế. Ông trị vì được 10 năm, bị ốm chết. Hưởng thọ 31 tuổi, mai táng ở Vũ Hinh Lăng (nay thuộc núi Nam Cổ huyện Lâm Chương tỉnh Hà Nam).

Tổ tiên của Cao Dương vốn sinh sống ở Bột Hải Điều (nay thuộc huyện Cảnh tỉnh Hà Bắc) về sau chuyển đến cư trú ở thị trấn Hoài Sóc (nay thuộc phía Đông Bắc thành phố Bao Đầu thuộc Nội Mông Cổ). Ông ta học theo bố và anh trai rất lộng hành trong triều đình Đông Ngụy. Năm 547 ông ta được tấn phong làm Tề Vương. Ngày Mậu Sửu tháng 5 năm 550 ông ta phế bỏ Hiếu Tĩnh Đế (triều Đông Ngụy) và tự xưng làm hoàng đế, ông đặt quốc hiệu là "Tề", đặt đô ở Nghiệp Thành, đặt niên hiệu là "Thiên Bảo". Trong sử gọi là Bắc Tề hay còn gọi là Cao Tề.

Trong những năm trị vì Cao Dương liên tiếp đi đánh dân tộc Đột Quyết, triều Nhu Nhiễm, chiếm được vùng Hoài Nam.

Vào những năm cuối đời, Cao Dương sống rất sa đọa ăn chơi trác tráng, cả ngày chỉ uống rượu nghe đàn hát, có lúc còn húi trọc đầu, mặc những trang phục quái dị có lúc còn cởi bỏ quần áo bôi vẽ bột phấn lên người trông giống như người điên, ông ta thường đi du lãm tùy tùng đi theo ông ta thường phá hoại tài sản của nhân dân làm nhục phụ nữ. Cao Dương tính tình tàn bạo hung ác, ông dùng hình phạt rất tàn nhẫn. Ông ta giết hơn 3000 vương thất (triều Ngụy) (bao gồm cả già trẻ trai gái) và ném xác xuống sông Chương Hà làm mồi cho cá. Các ngư dân đánh bắt được cá, họ mổ bụng cá đều thấy ngón tay, ngón chân... đến nỗi họ sợ hãi vài tháng liền không dám bắt cá. Ông ta coi rượu như mạng sống của mình, khi uống xong thì cả mạng người như cỏ rác, không có trời đất pháp luật gì. Một lần uống say, ông ta rút cây dáo và đâm chết một vị đô đốc ngồi bên cạnh để làm trò tiêu khiển. Lúc đó khanh tướng Quý Tập cũng có mặt vội vàng can gián: "Bệ hạ giết người như vậy thì tàn ác kém gì vua Kiệt và vua Trụ". Nghe Quý Tập nói vậy, Cao Dương phẫn nộ sai thuộc hạ dìm Quý Tập ở trong nước. Đợi khi Quý Tập sặc nước mới từ từ lôi ra khỏi mặt nước, cứ vài lần như vậy ép buộc Quý Tập phải nhận mình đã nói sai. Nhưng Quý Tập nhất định không chối bỏ những điều ông ta đã nói Cao Dương không làm gì được đành phải thả Quý Tập.

Một năm trước khi Cao Dương chết, ông ta vì uống rượu nên ruột và dạ dày đều bị bệnh, không thể dẫn được thức ăn. Bị bệnh như vậy nhưng ông ta hàng ngày vẫn uống rượu vài lần. Ngày Quý Sửu tháng 10 năm 559 ông ta bị ốm liệt giường và đã sai gọi hoàng hậu Quý và em trai thứ 6 là Thường Sơn Vương Cao Diễn vào phòng, ông ta khóc, thở dài nói với hoàng hậu: "Đời người ai cũng phải chết, trẫm làm hoàng đế được 10 năm, có chết đi cũng không có gì đáng tiếc. Chỉ lo cho thái tử tuổi còn quá nhỏ, nếu kế vị sợ lòng ngươi không phục và bị người khác đoạt mất ngôi vị". Và ông ta nói với Cao Diễn: "Khanh muốn cướp đoạt ngôi vị, đấy là tùy ý của khanh, nhưng trẫm xin khanh một điều đừng giết con trai trẫm". Cao Diễn bị nói trúng tim đen, mặt mày thất sắc vội vàng cáo biệt lui ra ngoài. Cao Dương triệu tập thượng thư lệnh Dương Âm. Bình Tấn Vương Cao Quy Ngạn, thị trung Hi Từ Hiến... dặn dò bọn họ phải dốc lòng giúp đỡ thái tử. sau khi sắp xếp xong mọi chuyện Cao Dương mới yên tâm từ giã cõi đời.

Sau khi ông ta chết lập hiệu miếu là Hiển Tổ và đổi niên hiệu Văn Tuyên Đế.

PHẾ ĐẾ (CAO ÂN)
(BẮC TỀ)

Phế Đế, ông ta tên là Cao Ân (545 - 561), tên tự của ông ta là Từ Đạo. Ông là con trưởng của Văn Tuyên đế, kế vị sau khi cha chết. Ông trị vì được 1 năm bị Cao Diễn phế truất và hại chết. Hưởng dương 17 tuổi. Mai táng ở Vũ Hinh Lăng (ở phía Tây Bắc của lăng mộ Văn Tuyên Đế).

Thời Văn Tuyên Đế trị vì đã lập Cao Ân làm thái tử. Cao Ân rất chuộng Nho học điều đó làm Văn Tuyên Đế không hài lòng. Một lần Văn Tuyên Đế sai Cao Ân phải tự tay giết chết một phạm nhân, Cao Ân trù trừ không dám ra tay. Văn Tuyên Đế phẫn nộ dùng doi ngựa đánh Cao Ân một trận khiến cho Cao Ân thần kinh hoảng loạn bị ốm một thời gian dài. Văn Tuyên Đế nhiều lần muốn phế bỏ chức vị thái tử của Cao Ân nhưng nhờ có Dương Âm khuyên giải nên Văn Tuyên Đế mới từ bỏ ý định đó. Tháng 10 năm 559 Văn Tuyên Đế chết, ngày Quý Mão của tháng Cao Ân lên tiếp nhận ngôi vị. Ông cho đổi niên hiệu là "Càn Minh".

Ngày Nhâm Sửu tháng 8 năm 560, được sự giúp đỡ của thái hoàng thái hậu, Cao Diễn đã phế truất Cao Ân và phong Cao Ân làm Tề Nam Vương và bắt Cao Ân phải dời bỏ hoàng cung. Thái hoàng thái hậu căn dặn Cao Diễn không được giết hại Cao Ân. Cao Diễn lo lắng nếu để Cao Ân sống thì sẽ mang tai họa, do vậy tháng 9 năm 561, Cao Diễn giấu diếm thái hậu đã sai Cao Quy Ngạn đến chỗ Cao Ân và ép Cao Ân phải uống rượu độc. Cao Ân cự tuyệt không uống nên bị Cao Quy Ngạn bóp cổ chết. Sau chuyện này, Cao Diễn giả vờ Cao Ân vẫn còn sống nhưng đi lưu lạc.

Trong sử gọi Cao Ân là phế đế và còn gọi là Tế Nam Vương.

HIẾU CHIÊU ĐẾ (CAO DIỄN)
(Hoàng đế Hiếu Chiêu)
(BẮC TỀ)

Hiếu Chiêu Đế, ông ta tên là Cao Diễn (536 - 561), tên tự của ông ta là Diên An. Ông là con trai thứ 6 của Cao Hoan, ông là em trai của Văn Tuyên Đế. Ông phế bỏ Phế Đế và tự xưng làm hoàng đế. Ông trị vì được 2 năm, bị ngã ngựa và chết. Hưởng dương 27 tuổi. Mai táng ở Văn Tĩnh Lăng.

*

Thời Văn Tuyên Đế trị vì Cao Diễn được phong làm Thường Sơn Vương. Ông ta ôm ấp việc cướp đoạt ngôi vị từ lâu nên khi Văn Tuyên Đế chết. Cao Diễn giết những ai dám phản đối chuyện ông ta cướp ngôi, Cao Diễn dời đô đến Tấn Dương. Tháng 8 năm 560 ông ta phế truất Cao Ân và tự lập làm hoàng đế, ông cho đổi niên hiệu là "Hoàng Kiến". sau đó ông mưu sát Cao Ân.

Thời Cao Ân trị vì, đã cùng hẹn ước với Cao Diễn sẽ cùng giúp đỡ lẫn nhau chứ không được loại bỏ nhau. Sau khi Cao Diễn sai giết Cao Ân, trong lòng hoảng loạn không yên, tinh thần bất an. Một lần, ông ta ra ngoại thành săn bắn, đột nhiên có 1 con thỏ chạy qua mặt con ngựa, con ngựa lồng lên. Cao Diễn ngồi không vững liền bị con ngựa hất ngã, bị gãy xương, ông ta đau thấu trời thấu đất, mọi phương pháp chữa trị đều vô hiệu. Thái hậu Lâu đến thăm ông ta, dăm lần 7 lượt hỏi ông ta chuyện Tề Nam Vương Cao Ân lưu lạc ở đâu, thấy Cao Diễn trầm mặc không nói bà ta quát ầm lên và mắng chửi ông ta: "không cần phải nói, Tền Nam Vương đã bị ngươi hại chết rồi, ngươi phải nhận báo ứng là đúng thôi, chết là đáng đời!" Nói xong bà ta bỏ đi không thèm nhìn Cao Diễn.

Tháng 11 năm 561 Cao Diễn biết bệnh của ông ta vô phương cứu chữa nên lập di chiếu để

cho em trai là Cao Trạm kế vị. Ông sợ Cao Trạm hại con trai mình là Cao Bách Hiên, nên ông căn dặn Cao Trạm: "Khanh hãy sắp xếp một nơi ở cho vợ con trẫm đối xử tốt với bọn họ đừng giết hại bọn họ". Được vài hôm ông ta băng hà.

Sau khi ông chết đặt Thụy Hiệu là Hiếu Chiêu Đế.

VŨ THÀNH ĐẾ (CAO TRẠM)
(BẮC TỀ)

Vũ Thành Đế, ông ta tên là Cao Trạm (534 - 565), ông là con thứ 9 của Cao Hoan và là em của Hiếu Chiêu Đế. Sau khi Hiếu Chiêu Đế chết Cao Trạm được kế vị. Ông trị vì được 5 năm thì nhường ngôi cho thái tử, ông ốm chết. Hưởng thọ 32 tuổi. Mai táng ở Vĩnh Bình Lăng.

*

Cao Trạm được phong làm Trường Quảng Vương và phải trấn giữ ở Nghiệp Thành. Tháng 11 năm 561 Cao Dần chết, quần thần tuân theo di chiếu của Cao Dần đón Cao Trạm về Tần Dương và ngày Quý Sửu tháng 11 đã lập ông ta làm đế. Ông đổi niên hiệu là "Đại Ninh".

Ông cho dời đô đến Nghiệp Thành. Ba năm sau, ông ta giết con của Hiếu Chiêu Đế là Cao Bách Niên. Để tránh cho kẻ khác cướp ngôi và giết chết con trai mình do đó ngày Bính Tí tháng 4 năm 565 ông nhường ngôi cho thái tử Cao Vì còn mình tự xưng là Thái Thượng Hoàng, ông ta làm vậy cốt để dạy cho con trai cách làm hoàng đế ra sao và nhằm bảo vệ được ngôi báu lâu dài.

Ngày Tân Mùi tháng 12 năm 565 ông ta bị ốm chết.

Sau khi ông ta chết lập Thụy Hiệu là Vũ Thành Đế.

HẬU CHỦ (CAO VĨ)
(BẮC TỀ)

Hậu Chủ, ông ta tên là Cao Vĩ (557 - 578), tên tự của ông ta là Nhân Cương. Ông là con trưởng của Vũ Thành Đế. Thời Vũ Thành Đế trị vì đã nhường ngôi cho Cao Vĩ. Ông trị vì 13 năm và nhường ngôi cho thái tử. Trên đường đi xuống Nam Diêu. Ông bị quân lính triều Bắc Chu bắt làm tù binh, về sau bị sặc ớt chết. Hưởng dương 23 tuổi. Mai táng ở sông Hồng Độc (nay thuộc gò Hồng Độc bờ bắc sông Vị thành phố Thẩm Dương tỉnh Thiểm Tây).

Cao Vĩ được phụ hoàng nhường ngôi cho từ khi ông ta mới lên 10 tuổi. Ông đổi niên hiệu là "Thiên thống".

Tháng 1 năm 577 đại quân triều Bắc Chu tấn công triều Bắc Tề. Ngày Ất Hợi Cao Vĩ nhường ngôi cho thái tử Cao Hằng (lúc đó mới lên 8 tuổi) còn mình tự xưng là thái thượng hoàng. Tiếp đó ông rời bỏ đô thành và đi đến Nam Diêu. Trên đường đi, ông lại ra lệnh cho ấu chủ Cao Hằng nhường ngôi cho Nhậm Thành Vương Cao Giai, Cao Vĩ xưng là Vô thượng hoàng còn Ấu Chủ gọi là Tổng Quốc Thiên Vương.

Sau đó tiếp tục đi đến Nam Diêu. Đi đến Thanh Châu đại thần Cao Hình Cung lén lút đầu hàng quân Bắc Chu dự định bắt Cao Vĩ làm lễ vật đầu hàng. Anh ta nói với Cao Vĩ quân Bắc Chu còn cách xa nơi bọn họ rất nhiều anh ta đã sai lính trấn giữ cẩn thận, không có gì nguy hiểm. Tin lời anh ta Cao Vĩ cho dựng trại tạm nghỉ ngơi. Đến khi quân Bắc Chu chỉ cách Thanh Châu 10 dặm, Cao Vĩ mới biết tin. Ông vội gói ghém vàng bạc dẫn hậu phi cùng Ấu Chủ và mười mấy thuộc hạ chạy trốn. Bọn họ chạy đến thôn Nam Đặng (nay thuộc huyện Ích Châu tỉnh Sơn Đông) thì quân Bắc Chu bắt giữ và áp giải về Trường An. Vũ Đế Vũ Văn Ung phong cho Cao Vĩ làm Ôn Quốc Công, triều Bắc Tề diệt vong.

Một lần Vũ Đế Vũ Văn Ung(TRIỀU BẮC CHU) cho mở yến tiệc thết đãi quần thần và ông ta cũng cho mời Cao Vĩ và các vương công triều Bắc Tề đến dự. Đến giữa buổi tiệc Vũ Đế Vũ Văn Ung sai Cao Vĩ đứng dậy nhẩy múa mua vui cho mọi người. Cao Vĩ không biết liêm sĩ hoan hỉ đứng dậy nhảy múa. Tháng 10 năm 578 có người vu cáo Cao Vĩ câu kết với lại sử ở Nghị Châu (nay thuộc tỉnh Thiểm Tây) để làm phản, hơn nữa các vương thất triều Bắc Chu đều tham gia vào cuộc tạo phản này. Vũ Đế Ung sai gọi Cao Vĩ và lại sử ở Nghị Châu đến đối chất, Cao Vĩ một mực chối bỏ. Vũ Văn Đế không tin, ông ta sai nhét ớt bột vào mồm Cao Vĩ và mấy mươi vương thất triều Bắc Tề khiến bọn họ bị chết sặc.

Trong sử gọi Cao Vĩ là Hậu Chủ.

AN ĐỨC VƯƠNG (CAO ĐÌNH TÔN)
(BẮC TỀ)

An Đức Vương, ông ta tên là Cao Đình Tôn (? - 578), ông là con trai thứ 5 của Vũ Thành Đế và là em trai của Hậu Chủ. Hậu Chủ chạy đến Nam Diêu. Cao Đình Tôn ở lại trấn giữ thành Tấn Dương và được các thuộc hạ lập làm hoàng đế. Ông trị vì được 2 ngày bị Vũ Đế Vũ Văn Ung bắt giữ, sau đó bị chết sặc vì ớt bột. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Cao Đình Tôn từng được phong làm An Đức Vương. Năm 577 quân Bắc Chu dồn ép khiến Cao Vĩ phải chạy đến Diêu Nam và Cao Vĩ sao Cao Đình Tôn ở lại giữ thành Tấn Dương. Ngày Mậu Ngọ tháng 11 các thuộc hạ lập Đình Tôn làm đế, ông đổi niên hiệu là "Đức Xương".

Tối hôm sau quân Bắc Chu chiếm được cửa phía Tây thành Tấn Dương và bọn chúng xông vào thành đốt phá chùa Phật. Cao Đình Tôn chỉ huy quân lính quyết chiến với quân địch, bọn chúng bị đẩy lui ra ngoài thành. Quân Bắc Tề thấy đánh lui được địch rất lấy làm hả hê, bọn họ lơi lỏng việc phòng vệ uống rượu chúc mừng thắng lợi, từ tướng lĩnh cho đến binh lính đều say túy lúy. Quân Bắc Chu thừa cơ tấn công đánh chiếm được kinh thành. Cao Đình Tôn phải đột phá vòng vây chạy trốn, nhưng bị quân Bắc Chu bắt giữ và áp giải đi gặp Vũ Đế(TRIỀU BẮC CHU). Vũ Đế lấy lễ nghĩa để đối đãi với Đình Tôn và dẫn Đình Tôn về Trường An.

Trong buổi yến tiệc của Vũ Đế(TRIỀU BẮC CHU) mời chiêu đãi, Cao Đình Tôn thấy anh trai bị nhục mạ nhảy múa mua vui cho mọi người, Đình Tôn thấy vô cùng đau lòng và xót thương cho số phận của triều Bắc Tề, quay về phủ ông định uống thuốc tự tử, nhưng bị các tì nữ ngăn cản. Mùa đông năm 578, các tông thất triều Bắc Tề bị vu cáo làm phản, mọi người đều một mực chối bỏ, chỉ mình Cao Đình Tôn ngẩng cao đầu tuyên bố đấy là cớ của triều Bắc Chu để tiêu diệt triều Bắc Tề, ông mặc nhiên không xin tha mạng tinh thần rất hiên ngang. Về sau ông bị Võ Đế Vũ Văn Ung sai người nhét ớt bột vào mồm giết chết.

Trong sử gọi ông là An Đức Vương.

ẤU CHỦ (CAO HẰNG)
(BẮC TỀ)

Ấu Chủ, ông ta tên là Cao Hằng (570 - 578). Ông là con trưởng của Hậu Chủ Cao Vĩ. Ông được Hậu Chủ nhường ngôi. Ông trị vì được 1 tháng, bị bắt giữ làm tù binh và bị áp giải đến Trường An cùng với Hậu Chủ. Được một thời gian bị nhét ợt bột vào mồm và sặc chết. Hưởng dương 9 tuổi. Mai táng ở gò Hồng Độc bờ bắc sông Vị thành phố Thẩm Dương tỉnh Thiểm Tây.

*

Thời hậu chủ trị vì đã phong Cao Hằng làm thái tử, về sau được hậu chủ nhường ngôi, ông cho đổi niên hiệu là "Thừa Quang".

Lên 8 tuổi Cao Hằng đã làm hoàng đế, vừa mới đăng cơ thì Cao Vĩ đã mang ông đến Nam Diêu, trên đường đi lại bị bắt nhường ngôi cho Nhậm Thành Vương Cao Giai còn ông được gọi là Tống Quốc Thiên Vương. Ít lâu sau quân Bắc Chu bắt ông và giải về Trường An.

Năm 572 bị chết vì sặc ớt bột.

Trong sử gọi Cao Hằng là Ấu Chủ.

PHẠM DƯƠNG VƯƠNG (CAO THIÊU NGHĨA)
(BẮC TỀ)

Phạm Dương Vương, ông ta tên là Cao Thiệu Nghĩa, năm sinh và năm mất không biết rõ. Ông là con trai thứ 3 của Văn Tuyên Đế. Hậu Chủ đi đến Nam Diêu vì thế Thiệu Nghĩa chạy đến tộc Đột Quyết và được giúp làm đế. Ông trị vì được 3 năm bị triều Bắc Chu bắt giữ và lưu lạc ở Tứ Xuyên, bị ốm chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Đầu tiên Cao Thiệu Nghĩa được phong làm Quảng Dương Vương về sau được phong làm Phạm Dương Vương. Năm 577 Cao Vĩ chạy đến Nam Diêu, phong cho Thiệu Nghĩa làm Thượng thư lệnh và làm lại sử ở Định Châu. Được ít lâu ông bị quân Bắc Chu tấn công do đó phải chạy tới tộc Đột Quyết. Kha Hãn của tộc Đột Quyết thông cảm với cảnh ngộ của ông ta, nên cho ông ta đất đai và quân lính giúp ông ta lập chính phủ lưu vong và xưng làm hoàng đế. Ông đổi niên hiệu là "Vũ Bình".

Năm 580, triều Bắc Chu muốn diệt trừ tận gốc mọi hậu họa do vậy sai sứ giả tới tộc Đột Quyết dùng vàng bạc đổi lấy Cao Thiệu Nghĩa. Được ít lâu, kha hán của tộc Đột Quyết trả vờ mời Cao Thiệu Nghĩa đến biên giới phía Nam (gần triều Bắc Chu) để gặp mặt cùng đi săn và dẫn Cao Thiệu Nghĩa vào chỗ quân Bắc Chu đã mai phục để quân Bắc Chu bắt giữ, Thiệu Nghĩa bị giải đến đất Thục. Sau đó ốm chết ở đó.

Trong sử gọi Cao Thiệu Nghĩa là Phạm Dương Vương.

BẮC TRIỀU

TRIỀU BẮC CHU
(Năm 557 - 581, tổng cộng 25 năm)

Triều Bắc Chu có 5 đế vương: trong đó có 2 người bị ốm chết, một người làm mất nước bị phế bỏ và bị giết, hai người bị phế truất trong cuộc nội chiến bị hại độc chết.

Ngoài ra còn phụ chú thêm về Vũ Văn Thái. Ông ta bị ốm chết.

VĂN ĐẾ (VŨ VĂN THÁI)
(BẮC CHU)

Văn Đế, ông ta tên là Vũ Văn Thái (505 - 556), tên tự của ông ta là Hắc Lạt. Ông là người dân tộc Tiên Ti, là thừa tướng triều Tây Ngụy, ông là người tạo dựng lên triều Bắc Chu. Ông bị bệnh chết, hưởng thọ 52 tuổi. Mai táng ở Thành Lăng.

*

Vũ Văn Thái quê ở Vũ Xuyên - quận Đại (nay thuộc phía Tây Vũ Xuyên ở Nội Mông Cổ). Ông xuất thân trong gia cảnh nghèo khó, ông từng tham gia vào quân khởi nghĩa của Tu Lễ ở dân tộc Tiên Ti, được một thời gian ông lại quay về đầu làng tham gia vào quân khởi nghĩa của Cát Vinh. Cuối cùng ông đầu hàng đại tướng quân Bắc Ngụy là Nhi Chu Vinh ông cùng với Nhi Chu Vinh đi chinh chiến đánh đông dẹp bắc và theo Hạ Bạt Nhạc và trấn áp quân khởi nghĩa của Mặc Kỳ (tộc Sửu Hô). Năm 534 Hạ Bạt Nhạc chết, Vũ Văn Thái được thuộc hạ giúp làm Chủ Sư chiếm giữ ở Quan Trung và theo hầu Hiếu Vũ Đế (triều Bắc Ngụy). Được ít lâu, ông hại độc Hiếu Vũ Đế và lập Nguyên Bảo Cự làm đế, xây dựng lên triều Tây Ngụy. Vũ Văn Thái được phong làm thừa tướng. Thượng thư lệnh, ông ta rất lộng hành trong triều đình Tây Ngụy, sau đó được phong làm Chu Công.

Trong thời gian chấp chính, ông ta trọng dụng nhân tài, đặt định ra chế độ hộ tịch chỉnh đốn chính trị, giảm bớt quan lại, mở mang đồn điền, thúc đẩy chế độ ruộng đất và chế độ binh phủ... dần dần thế lực của quốc gia ngày một mạnh. Ông còn xuất binh xuống miền Đông chiếm giữ được Thành Đô. Giang Lăng và lập chính quyền nhỏ của triều Hậu Lương, thế lực của ông ta mở rộng đến lĩnh vực Giang Hán, đây là cơ sở tạo dựng lên triều Bắc Chu.

Tháng 9 năm 556 ông ta bị ốm. Tháng 10, ông ta băng hà tại Trường An.

Sau khi con trai ông là Vũ Văn Giác xưng đế nên lập Thụy Hiệu cho Vũ Văn Thái là Văn Đế.

HIẾU MẪN ĐẾ (VŨ VĂN GIÁC)
(TRIỀU BẮC CHU)

Hiếu Mẫn Đế, ông ta tên là Vũ Văn Giác (542 - 557) tên tự của ông là: Đà La Ni. Ông là con trai thứ 3 của Văn Đế Vũ Văn Thái. Vũ Văn Thái chết, Vũ Văn Giác tiếp nhận chức vị của cha, về sau ông phế bỏ Cung Đế (triều Tây Ngụy) và tự xưng đế, trong sử gọi là triều Bắc Chu. Ông trị vì không được 6 tháng thì bị chú là Vũ Văn Hộ phế truất và mưu hại. Hưởng dương 16 tuổi. Mai táng ở Tĩnh Lăng (nay thuộc huyện Phú Bình tỉnh Thiểm Tây).

*

Khi Vũ Văn Thái chết, Vũ Văn Giác thay cha tiếp nhận các chức vị Thái sự Chu Công. Tháng 12 năm 556 Vũ Văn Giác phế truất Cung Đế Thác Bạt Khoách (triều Tây Ngụy) và tự xưng làm hoàng đế, ông không lập niên hiệu và lấy năm 556 là năm đầu tiên ông đặt đô ở Trường An.

Trong sử gọi là triều Bắc Chu hay còn gọi là triều Vũ Văn Chu.

Sau khi Vũ Văn Giác xưng đế, chú ông ta là Vũ Văn Hộ nắm giữ mọi quyền hành trong triều và vô cùng ngang ngược. Vũ Văn Giác không hài lòng với hành vi và thái độ của chú. Tháng 4 năm 557 ông liên kết với đại thần Quý thực, định mở yến tiệc mời Vũ Văn Hộ tới dự và sẽ nhân dịp đó bắt giữ Vũ Văn Hộ. Nào ngờ, sự việc bị bại lộ, Vũ Văn Hộ sai người khống chế, ông ta cấu kết với tướng lĩnh của Cấm Vệ Quân, bọn họ bắt giữ những tay chân thân tín của Vũ Văn Giác trong đó có cả Quý Thực. Tiếp đó bọn tay chân của Vũ Văn Hộ xông vào đại điện bắt Vũ Văn Giác phải nhường ngôi và bọn chúng giải Vũ Văn Giác cùng hoàng hậu tới sống ở Lâm Cầm, Vũ Văn Giác bị giáng làm Lược Dương Công. Tháng 5 Vũ Văn Hộ sai người giết Vũ Văn Giác.

Thụy Hiệu của Vũ Văn Giác sau khi chết là Hiếu Mẫn Đế.

MINH ĐẾ (VŨ VĂN DỤC)
(TRIỀU BẮC CHU)

Minh Đế, ông ta tên là Vũ Văn Dục (534 - 560). Tên tự hồi nhỏ của ông là: Thống Vạn Đột. Ông là con trưởng của Văn Đế(TRIỀU BẮC CHU). Vũ Văn Hộ phế truất và trừ bỏ Vũ Văn Giác, lập Vũ Văn Dục làm hoàng đế. Ông trị vì được 2 năm lại bị Vũ Văn Hộ mưu hại. Hưởng dương 27 tuổi. Mai táng ở Chiêu Lăng.

*

Vũ Văn Dục từng được phong làm Ninh Đô Công. Tháng 5 năm 557 Vũ Văn Hộ phế truất và mưu hại Vũ Văn Giác, ông ta đón Vũ Văn Dục từ Chi Châu về thành Trường An, tháng 9 cùng năm Vũ Văn Dục được lập làm hoàng đế. Tháng 8 năm 559 ông bắt đầu đặt niên hiệu là: "Vũ Thành".

Sau khi Vũ Văn Dục kế vị, Vũ Văn Hộ vẫn lộng hành và chuyên quyền. Vũ Văn Hộ thấy Vũ Văn Dục thông minh có ý khí, khó có thể khống chế. Năm 559, Vũ Văn Hộ trả vờ quy thuận Vũ Văn Dục để thăm dò tình hình. Chẳng ngờ, Vũ Văn Dục thành tâm thành ý thu nhận sự hối cải của Vũ Văn Hộ và phong Vũ Văn Hộ làm thái sư quản lý ở Ung Châu. Vũ Văn Hộ ôm hận trong lòng quyết tâm chờ cơ hội phế truất Vũ Văn Dục.

Tháng 4 năm 560 Vũ Văn Hộ sai thuộc hạ bỏ độc vào bánh ngọt mang vào cung dâng cho Vũ Văn Dục ăn. Vũ Văn Dục không hề nghi ngờ lòng tốt của bọn họ do đó đã ăn bánh. Ăn được vài miếng, ông ta thấy ruột gan đau quặn ông biết mình trúng độc vô phương cứu chữa, ông cắn răng chịu đau gọi người vào lập di chiếu nói rõ: "Con trai mình còn ít tuổi chưa gánh vác được việc quốc gia, do đó em trai ông là Vũ Văn Ung sẽ kế vị. Việc tang lễ phải làm đơn giản tiết kiệm, không được dùng vàng bạc và đồ dùng quý mai táng theo ông ta xuống mồ, chỉ cần dùng đồ làm bằng gạch ngói là được, mồ mả phải đặt ở nơi đất hoang cằn cỗi, không được chiếm hữu ruộng đất nông dân làm nơi đặt mộ. Sau đó ông triệu tập bá quan văn võ dặn dò bọn phải một lòng một dạ phục vụ vua mới. Sắp xếp xong mọi chuyện thì ông băng hà.

Hiệu miếu của ông là Thế Tông và Thụy Hiệu là Minh Đế.

VŨ ĐẾ (VŨ VĂN UNG)
(BẮC CHU)

Vũ Đế, ông ta tên là Vũ Văn Ung (543 - 578), tên tự của ông là Di La Đột. Ông là con trai thứ 4 của Văn Đế và là con trai của Minh Đế. Ông kế vị Minh Đế. Ông trị vì 18 năm bị bệnh chết trên đường đi chinh phạt tộc Đột Quyết. Hưởng thỏ 36 tuổi. Mai táng ở Hiếu Lăng.

*

Tháng 4 năm 560, Minh Đế bị Vũ Văn Hộ hại chết, nên cũng vào tháng đó Vũ Văn Ung lên kế vị. Ông đổi niên hiệu là "Bảo Định".

tuy Vũ Văn Ung kế vị nhưng công việc trong triều vẫn do Vũ Văn Hộ thao túng. Năm 572 ông giết Vũ Văn Hộ và tự mình điều hành công việc trong triều. Năm 573, gặp phải thiên tai, xã hội bạo động, nhân dân đói kém, ông quyết định thực hiện cải cách, ông nhiều lần hạ chiếu phóng thích nô lệ và cho họ làm thứ dân. Ông chiêu nạp những nông dân của tộc Hán vào quân đội, dùng hình phạt thích đáng đối với bọn cường hào và tham quan vô lại. Ông thống nhất đơn vị đo lường...

Trong thời gian thực hiện cải cách, điều ông nung nấu nhất là loại bỏ Phật Giáo. Lúc đó có hơn 10000 ngôi chùa Phật và 2000000 tăng ni, bọn họ không lao động mà vẫn ăn sung mặc sướng an nhàn. Còn chiếm giữ nhiều ruộng đất, điều đó dẫn đến, mâu thuẫn giai cấp vô cùng gay gắt. Ông tuyên bố phế bỏ đạo Phật có tăng ni đe dọa nói: "Cấm Phật giáo có nghĩa là tự đào hố chôn mình". Ông kiên quyết tuyên bố: "Chỉ cần trăm họ được yên ổn, trẫm chấp nhận những thiệt thòi về mình". Ông ra lệnh phá bỏ chùa chiền, bắt ép các hòa thượng và tăng ni hoàn tục, thu giữ đất đai và tài sản trong chùa chiền, làm công quỹ để ban phát cho người nghèo, và xung vào công quỹ. Ông sai lấy tượng đồng và chuông đồng để đúc tiền và vũ khí, ông chia cho các tăng ni đất đai để cày ruộng sinh sống và thu nhận các tráng đinh vào quân đội. Điều này làm tăng thêm tiền của cho chính phủ, giúp đỡ sản xuất phát triển, làm giản dị gánh nặng cho nhân dân điều hòa mâu thuẫn giai cấp... tất cả những việc đó giúp cho quốc gia ngày một giầu mạnh "quốc thái dân an". Năm 577 (là năm ông bãi bỏ Phật Giáo) triều Bắc Chu tiêu diệt triều Bắc Tề thống nhất miền Bắc. Tiếp đó ông đánh chiếm được vùng Giang Bắc, Hoài Nam, bản đồ đất đai được mở rộng đến bờ bắc sông Trường Giang.

Tháng 5 năm 578 ông thóng lĩnh đại quân tiến đánh tộc Đột Quyết, trên đường đi ông bị ngã bệnh. Tháng 6 bệnh tình của ông nguy kịch, ông đành ra lệnh thu quân về triều, trên đường về cung ông đã băng hà. Ông để lại di chiếu nói: "Trẫm định thực hiện chí lớn của tổ tiên, thu phục lòng dân thống nhất thiên hạ. Tiếc thay, hôm nay trẫm mang trọng bệnh chưa thực hiện được tâm nguyện của tổ tông giao phó". Ông truyền ngôi cho thái tử Vũ Văn Vựng và nói rõ việc tang lễ phải làm đơn giản tiết kiệm.

Hiệu miếu của ông được đặt là Cao Tổ và Thụy Hiệu là Vũ Đế.

TUYÊN ĐẾ (VŨ VĂN VỰNG)
(BẮC CHU)

Tuyên Đế, ông ta tên là Vũ Văn Vựng (559 - 580) tên tự của ông là Càn Bá. Ông là con trưởng của Vũ Đế. Ông kế vị sau khi Vũ Đế chết. Ông trị vì được 1 năm thì nhường ngôi cho thái tử. Bị ốm chết, hưởng dương 22 tuổi. Mai táng ở Định Lăng.

*

Thời Vũ Đế trị vì đã lập Vũ Văn Vựng làm thái tử. Tháng 5 năm 578 Vũ Đế chết, cùng tháng đó Vũ Văn Vựng lên kế vị. Ông đổi niên hiệu là "Đại Thành".

Sau khi kế vị, ông ta đam mê tửu sắc, trốn tránh công việc triều chính. Tháng 2 năm 579 ông nhường ngôi cho thái tử (lúc đó con trai ông ta mới 7 tuổi).

Tháng 5 năm 580, thời tiết nóng bức ông không hứng thú với thời tiết đó sinh ra khó chịu nên đi ra ngoại thành là mất. Buổi tối ông bị sốt, hôm sau thì thấy đầu đau nhức nhối, ông vội vàng quay về cung và tuyên gọi các đại thần đến dặn dò mọi chuyện. Nhưng khi các đại thần vào yết kiến, ông ta đã bị cấm khẩu bọn họ đành phải lui ra. Một lúc sau, ông ta băng hà.

Sau khi ông ta chết lập Thụy Hiệu là Tuyên Đế.

TĨNH ĐẾ (VŨ VĂN DIỄN)
(TRIỀU BẮC CHU)

Tĩnh Đế, ông ta tên là Vũ Văn Diễn (573 - 581). Ông là con trưởng của Tuyên Đế. Ông kế vị Tuyên Đế. Ông trị vì 3 năm bị Tùy Văn Đế Dương Kiên phế truất, được một thời gian thì bị Tùy Văn Đế Dương Kiên giết. Hưởng dương 9 tuổi. Mai táng ở Cung Lăng.

*

Thời Tuyên Đế trị vì đã lập Vũ Văn Diễn làm thái tử. Sau đó được Tuyên Đế nhường ngôi cho, ông đổi niên hiệu là "Đại Tượng".

Sau khi Tuyên Đế chết, mọi công việc trong triều đều do quốc trượng Dương Kiên giải quyết. Tháng 2 năm 581, Dương Kiên xưng đế và phế truất Vũ Văn Diễn, phong cho Diễn làm Giới Quốc Công, triều Bắc Chu bị diệt vong. Tháng 5 Dương Kiên sai giết hết tông thất triều Bắc Chu. Vũ Văn Diễn cũng bị giết hại.

Vũ Văn Diễn sau khi chết được lập Thụy Hiệu là Tĩnh Đế.

TRIỀU TÙY

(Năm 581 - 618, tổng cộng 38 năm)

Triều Tùy kết thúc cục diện phân chia lãnh thổ ở Trung Quốc, thống nhất được lưu vực sông Hoàng Hà và Trường Giang, thời kỳ này đưa lịch sử Trung Quốc tiến tới một bước mới và là một điều kiện quan trọng cho triều Đường về sau phát triển hưng thịnh.

Triều Tùy có 5 đế vương trong đó một người bị giết trong nội chiến, một người bị thuộc hạ giết hại, một người bị thắt cổ chết, một người bị hại độc chết, một người bị mưu sát.

VĂN ĐẾ (DƯƠNG KIÊN)
(TRIỀU TÙY)

Văn Đế, ông ta tên là Dương Kiên (541 - 604). Ông là tùy vương của triều Bắc Chu, sau đó ông phế bỏ Tĩnh Đế (Bắc Chu) và tự xưng đế, tạo dựng lên triều Tùy. Ông trị vì được 24 năm bị Dương Quảng mưu sát. Hưởng thọ 64 tuổi. Mai táng ở Thái Lăng (nay ở phía Đông Nam huyện Vũ Công tỉnh Thiểm Tây).

*

Dương Kiên quê ở Hoa Âm (nay thuộc huyện Hoa Âm tỉnh Thiểm Tây), ông là con trai của Dương Trọng (một đại quý tộc triều Bắc Chu), ông thay cha tiếp nhận chức vị Tùy Quốc Công, con gái của Dương Kiên là hoàng hậu của Tuyên Đế Vũ Văn Vựng (triều Bắc Chu). Năm 580, Tuyên Đế chết. Dương Kiên được các sĩ tộc giúp đỡ lấy danh là ông ngoại để vào triều giúp đỡ cháu, nhận chức thừa tướng, lộng hành trong triều đình Bắc Chu và được tấn phong làm Tùy Vương. Ngày Giáp Tí tháng 2 năm 581, ông phế truất Tĩnh Đế Vũ Văn Diễn (triều Bắc Chu) và tự xưng làm hoàng đế, đặt quốc hiệu là "Tùy", đật đô ở Đại Hưng, sau đó đổi về Trường An (nay là thành phố Tây An tỉnh Thiểm Tây), ông đặt niên hiệu "Khai Hoàng".

Sau khi Dương Kiên xưng đế, năm 587 ông diệt vong triều Hậu Lương, năm 589 ông tiêu diệt triều Trần thống nhất toàn quốc, kết thúc cục diện phân chia lãnh thổ kéo dài gần 300 năm (kể từ những năm cuối triều Tây Tấn).

Dương Kiên xây dựng lên triều Tùy. Ông ta thấy mình đoạt được quốc gia quá dễ dàng sinh ra lo lắng lòng dân không phục vì thế ông cảnh giới chặt chẽ, nỗ lực tìm tòi biện pháp bảo vệ vương triều nhà Tùy. Ông ta học hỏi ở tiền nhân hai kinh nghiệm quan trọng:

+ Điều thứ nhất là tiết kiệm. Ông giáo huấn thái tử Dương Dũng: "Từ xưa đến nay nếu bậc đế vương nào mà sống xa xỉ thì không bao giờ giữ được ngôi báu, con nhất định phải học tính tiết kiệm". Ông luôn đề xướng việc sinh hoạt tiết kiệm, việc đó trở thành một phong trào, phục triều của các sĩ tộc cũng chỉ may bằng vải lụa chứ không dùng gấm vóc, dây lưng dùng đồng thiếc trang trí, chứ không dùng vàng ngọc. Một lần ông ta bị bệnh lị a-míp, phải uống thuốc kiết lị, phương thuốc này có hai loại hổ phân, tìm mãi trong cung không thấy loại hổ phân đó. Một lần khác, ông ta cần một chiếc cổ áo, vậy mà trong cung cũng không có. Tính tiết kiệm trở thành một điều kiện cơ bản trong cải cách chính trị của ông ta.

+ Kinh nghiệm thứ hai là phải giết bọn tham quan vô lại. Triệu Chiêu tin nói với Dương Kiên: "Tương lai anh sẽ xưng đế, nhưng cần phải giết hết bọn tham quan như vậy mới củng cố được chính quyền mới". Ông vẫn nhớ như in câu nói đó, vì thế ông cho chỉnh đốn thể chế chính trị, lập ra chế độ thi cử đối với quan lại, ông treo giải thưởng cho những người có công, ông trừ bỏ hết bọn tham quan vô lại, sai thuộc hạ giám sát hành vi của các quan lại, có lúc ông còn sai người trả vờ đút lót cho quan lại, vị quan nào nhận của đút lót sẽ bị xử tội chết. Ông thực hiện pháp luật rất nghiêm minh. Một lần ông phát hiện được con trai ông là Dương Tuấn sống rất xa

xỉ, ông phẫn nộ vô cùng sai giam giữ Dương Tuấn. Đại thần Dương Tố can gián ông: nếu phạt Dương Tuấn như vậy thì quá nặng tay. Ông đáp lại: "Hoàng tử và bà con trăm họ đều chung một thể chế pháp luật, nếu không xử tội hoàng tử, thì khác gì thiết lập một thể chết pháp luật riêng rẽ cho hoàng tử". Hành động đó của ông khiến cho bọn cường hào không dám làm điều ác chèn ép trăm họ, bọn tham quan vô lại chỉ tồn tại rất ít.

Dương Kiên rất quan tâm tới nỗi thống khổ của dân chúng, trong lịch sử các đế vương cũng ít thấy các hoàng đế quan tâm tới nỗi khổ của dân.

Năm 594 vùng Quan Trung bị mất mùa, ông sai người thăm hỏi tình hình của dân chúng, ông biết họ phải ăn cơm độn (gạo với đậu trộn lẫn với nhau). Ông đưa cơm độn cho các quần thần bảo họ ăn thử xem có ăn được không vậy mà muôn dân phải ăn những loại thức ăn đó, ông khóc cho sự bất tài của mình vì không lo cho dân chúng được cơm lo áo ấm, ông sai đầu bếp khấu trừ khẩu phần thức ăn hàng ngày của ông không uống rượu không ăn thịt. Ông đến đón những người dân bị mất mùa về Lạc Dương nhận lương thực và cấm thị vệ không được phép hành hung chửi mắng dân. Đi đường gặp các cụ già hoặc các em nhỏ ông nói năng rất lễ phép từ tốn và thường xuống ngựa nhường đường. Gặp những đoạn đường khó đi ông sai binh lính đến giúp dân tị nạn thông đường. Năm 600 ở Tề Châu có một viên quan, ông ta tên là Vương Gia, ông ta phải áp giải 70 phạm nhân về kinh thành, bọn họ đi đến Huỳnh Dương, Vương Gia nói với các phạm nhân: "Các ngươi phạm quốc pháp, bị trách tội là điều dĩ nhiên. Hãy nhìn các dân phu áp giải các ngươi, trên đường đi bọn họ vô cùng vất vả các ngươi có cam lòng không?". Tất cả các phạm nhân đều cúi đầu tạ tội. Vương Gia cho phép các dân phu về nhà và phóng thích tất cả các phạm nhân và hẹn các phạm nhân đúng hẹn phải có mặt ở kinh thành, trước khi thả bọn họ ông nói: "Nếu như các ngươi thất hẹn thì tôi sẽ bị tội chết thay các ngươi". Đến kỳ hẹn. 70 phạm nhân đều đến đủ. Dương Kiên nghe được câu chuyện này, ông ta vô cùng cảm động, ông sai triệu tập vợ con của các phạm nhân về kinh mở yến tiệc thết đãi bọn họ, tuyên bố miễn tội cho các phạm nhân đó. Ông còn viết một chiếu thư, bố với trăm quan: những quan lại có lòng nhân từ đều được phép thay mặt hoàng đế dạy dỗ bà con trăm họ. Các quan lại nên học đức tính của Vương Gia.

Một lần, viên quan Tân Đảm may một chiếc quần màu hồng, và nói có thể mặc thể yết triều. Dương Kiên cho rằng: Tân Đảm dùng phép thuật tà ma để mê hoặc mọi người, vì thế ông rất tức giận và sai xử tội chết Tân Đảm. Đại thần chịu trách nhiệm về pháp luật là Triệu Xước vội can ngăn: "Nếu căn cứ vào pháp luật, tội của Tân Đảm không bị khép vào tội chết, hạ thần không dám tuân chỉ. Xin bệ hạ minh xét". Dương Kiên bực quá quát lên: "Trẫm xem ra khanh chỉ thương xét cho Tân Đảm mà không biết thương xót cho bản thân khanh". Dương Kiên sai chém cả Tân Đảm và Triệu Xước. Lúc sắp hành hình, Dương Kiên hỏi Triệu Xước còn muốn nói gì không, Triệu Xước đáp: "Thần một lòng vì quốc gia để bảo vệ cho sự nghiêm minh của pháp luật, thần không dám xin tha tội chết, chỉ mong bệ hạ tha tội chết cho Tân Đảm", Dương Kiên tức giận phất ống tay áo bỏ đi. Nhưng ông đổi lại cách suy nghĩ của mình: ông nghĩ ra Triệu Xước lấy cái chết để bảo vệ cho sự công minh của pháp luật, như vậy rất đáng khen, ông lập tức sai thả Triệu Xước và miễn tội chết cho Tân Đảm, hôm sau ông còn còn sai ban thưởng cho Triệu Xước.

Trong thời gian Dương Kiên trị vì, ông tiếp tục duy trì chế độ ruộng đất, giúp đỡ những người dân nghèo khổ, sắp xếp lại hộ tịch, tăng thêm thuế thân, bảo đảm sự thu nhập của quốc gia, loại bỏ bớt thế lực của bọn cường hào, dần dần nền kinh tế ngày một phồn vinh và xã hội ngày càng ổn định. Ông cho sửa đổi lại chế độ quan lại: ở các địa phương ông cho giảm bớt cơ quan hành chính. Ông mở ra chế độ khoa cử, lấy việc thi cử để chọn học sĩ. Một số biện pháp này tăng cường chế độ tập quyền trung ương khiến vương triều Tùy được củng cố và cường thịnh. Vì vậy trong lịch sử các đế vương, Dương Kiên là một nhà chính trị có tài.

Tháng 7 năm 604 Dương Kiên bị bệnh, ông phải nằm ở điện Đại Bảo cung Nhân Thọ thành Trường An. Ngày Giáp Thìn ông biết mình khó lòng sống được nên sai triệu tập quần thần khóc và từ biệt bọn họ. Ngày Đinh Mùi, con thứ của ông là Dương Quảng, đại thần Dương Tố, Trương

Hoành, Vũ Văn Thuật... Lợi dụng cơ hội ông bị ốm liệt giường nên phát động binh biến, bọn họ dẫn lính bao vây cung Nhân Thọ, đuổi đánh các binh lính và người hầu ở đó rồi xông vào điện Đại Bảo giết Dương Kiên.

Thụy Hiệu của Dương Kiên sau khi chết được đặt là Văn Đế.

DẠNG ĐẾ (DƯƠNG QUẢNG)
(TRIỀU TÙY)

Dạng Đế, ông ta tên là Dương Quảng (569 - 618). Ông là con thứ của Tùy Văn Đế. Ông giết bố và anh trai là Dương Dũng rồi tự kế vị. Ông trị vì được 14 năm, trong cuộc khởi nghĩa nông dân, ông bị vây hãm ở Giang Đô (nay thuộc thành phố Dương Châu tỉnh Giang Tô) bị thuộc hạ là Vũ Văn Hóa có phát động binh biến và ép ông chết, hưởng thọ 50 tuổi. Mai táng ở phía Tây Bắc thành phố Dương Châu tỉnh Giang Tô.

*

Năm 581 Dương Quảng được phong làm Tấn Vương. Ông có công trong việc tiêu diệt triều Trần ở miền Nam và chinh phục tộc Đột Quyết, ông ta lôi kéo được một loạt hộ dân, ông ta muốn cướp đoạt địa vị của thái tử Dương Dũng (Dương Dũng là anh trai của ông). Do ăn chơi xa xỉ nên Dương Dũng bị Tùy Văn Đế ghét bỏ không còn yêu quý như trước kia. Dương Quảng biết Tùy Văn Đế thích tiết kiệm nên đã đón ý cha, ông ta trả vờ sống một cuộc sống đơn giản và tiết kiệm, không có gì là một kẻ ưa thanh sắc. Mỗi lần Tùy Văn Đế đến thăm, ông ta sai nhốt hết gái đẹp và cất đồ đạc quý vào trong phòng rồi khóa cửa lại, trong phủ chỉ còn lại vài lão già và vài phụ nữ xấu xí, mặc quần áo bằng vải thô. Ông ta còn cố tình làm hỏng dây đàn đem cây đàn đó phủ đầy bụi lên rồi đặt ở một chỗ dễ gây sự chú ý của mọi người. Tùy Văn Đế thấy Dương Quảng sống giống như phong cách của mình nên rất yêu quý. Một lần Dương Quảng ra ngoại thành săn bắn gặp đúng lúc trời mưa to. Thị vệ đưa cho ông ta một cái áo mưa nhưng ông ta từ chối, nói: "Các binh sĩ đều đội mưa, một mình tới làm sao dám mặc áo mưa được?" Tùy Văn Đế nghe thấy Dương Quảng đối đáp như vậy, cho rằng Dương Quảng còn có lòng nhân từ sau này có thể làm được việc lớn, do vậy càng yêu quý Dương Quảng. Bề ngoài Dương Quảng giả nhân giả nghĩa, nhưng thực ra ông ta luôn tìm cách hại Dương Dũng, ông ta câu kết với Việt Quốc Công Dương Tố (Dương Tố vốn bất hòa với Dương Dũng), xúi bẩy Dương Tố bôi nhọ Dương Dũng với Tùy Văn Đế và hoàng hậu. Lúc Tùy Văn Đế bị ốm nặng, Dương Quảng vu cáo Dương Dũng nói Dương Dũng muốn phụ hoàng chóng chết. Văn Đế sai bắt giữ Dương Dũng, năm 600 phế Dương Dũng làm thứ dân, và đổi lập làm thái tử. Ý định đoạt ngôi của Dương Quảng đã thành công được bước đầu.

Tháng 7 năm 604, Văn Đế nằm liệt giường, Dương Quảng cho rằng thời cơ đăng cơ đã đến. Dương Quảng viết thư cho Dương Tố nhờ chỉ giáo xem nên lo liệu việc hậu sự của Văn Đế như thế nào. Không ngờ người đưa thư lại mang thư trả lời của Dương Tố đưa cho Văn Đế xem, đọc xong thư Văn Đế giận dữ và sai gọi Dương Quảng vào cung vặn hỏi tình hình. Vừa hay, phi tần của Văn Đế chạy vào phòng, khóc lóc tố cáo với Văn Đế về Dương Quảng lợi dụng lúc cô ta thay quần áo để trọc ghẹo cô ta, điều đó làm cho Văn Đế nhận ra bộ mặt giả dối của Dương Quảng. Văn Đế bực quá quát lên: "Thú vật cũng không vô lễ như vậy, ngươi đúng là một tên cầm thú, ngươi làm sao có thể gánh vác được công việc quốc gia, hoàng hậu đã lo liệu cho trẫm mọi việc rồi, không cần đến mặt ngươi". Văn Đế sai gọi đại thần Khanh Thuật, Nguyên Nham thảo chiếu thư phế truất ngôi vị thái tử của Dương Quảng và khôi phục ngôi vị thái tử cho Dương Dũng. Dương Quảng nhận được tin báo ông ta triệu tập Dương Tố, hai bọn họ bàn bạc với nhau, quyết định ngụy tạo chiếu thư bao vây hoàng cung bắt giữ Khanh Thuật và Nguyên Nham, mưu sát Văn Đế. Dương Quảng sai người giả truyền thánh chỉ của Văn Đế muốn Dương Dũng tự sát. Dương Dũng còn chưa kịp trả lời đã bị bọn họ mang đi giết.

Dương Quảng dùng thủ đoạn giết chết phụ hoàng và huynh trưởng để cướp đoạt ngôi vị. Sau khi đăng cơ, Dương Quảng cho đổi niên hiệu là "Đại Nghiệp".

Dương Quảng vừa lên ngôi đã bộc lộ bản tính là hoang dâm sống xa xỉ, sát hại muôn dân trở thành một hôn quân nổi tiếng trong lịch sử Trung Quốc.

Tội ác của Dương Quảng chủ yếu thể hiện mấy điều như dưới đây:

+ Lạm dụng sức dân:

Ông ta đăng cơ được một năm thì quyết định dời đô về Lạc Dương. Mỗi tháng ông ta điều 2000000 dân đi xây dựng cung điện ở Lạc Dương. Và còn sai lấy những đá nhẹ và gỗ quý chuyển về Lạc Dương. Để chuyển một cây gỗ lớn từ Giang Tây về Lạc Dương, ông ta phải sai 2000 dân tính ra mất mấy mươi vạn nhân công. Nông dân bị ép buộc đi vận chuyển nguyên liệu, họ phải đi lại vất vả rất nhiều người bị chết vì mệt. Ông sai dựng một vườn thượng uyển, vườn này được đặt tên là Tây Uyển ở ngoại thành phía Tây thành Lạc Dương, chiếm hơn 200 mẫu ruộng của nông dân, trong vườn có đào hồ trong cao hơn 100 thốn. Trên đảo lại xây đình đài lầu các, trông vô cùng tráng lệ. Phía bắc hồ có suối, có tạc con rồng và con lân, nước trong suối chảy uốn khúc chạy vào hồ. Men theo bờ suối có dựng 16 cái chòi nhỏ, trông vô cùng đẹp. Mỗi một chòi lại có một phi tử quản lý. Trong vườn có dùng lụa tết thành hoa cỏ của 4 mùa xuân hạ thu đông treo lên cành cây. Mùa đông nước trong suối đóng băng lại, ông sai dùng lụa màu cắt thành hoa sen rồi bày lên mặt băng. Trong vườn còn nuôi các loại chim thú kỳ lạ và quý hiếm để phục vụ cho thú vui đi săn và đi du lãm của ông ta. Buổi tối Dương Quảng thường đem vài nghìn cung nữ đến vườn "Tây Uyển" để du lãm và mở dạ tiệc.

Cũng vào năm đó, để phục vụ những thú vui và tăng cường sự thống trị đối với miền Nam, ông ta điều hơn 1000000 dân công, tính theo lịch khoảng 6 năm để đào con sông Đại Vận, con sông này chạy từ quận Trác (nay là huyện Trác tỉnh Hà Bắc) đến Du Hàng (nay là thành phố Hàng Châu tỉnh Triết Giang), con sông này dài hơn 4000 dặm. Hai bên bờ sông mở những đường cái lớn, bên đường trồng cây du và cây liễu, cứ cách hai trạm dịch lại xây một hành quán để nghỉ ngơi. Từ Lạc Dương đến Giang Đô (nay là thành phố Dương Châu tỉnh Giang Tô) tổng cộng có hơn 40 dịch quán. Đào con sông Đại Vận tính ra phải mất 150000000 nhân công, tính ra mỗi hộ dân mất khoảng 20 nhân công, còn có rất nhiều dân phu bị chết vì mệt và đói trong quá trình đào sông. Dương Quảng trong quá trình đi khảo sát đã phát hiện có một đoạn sông đào hơi nông, ông ta sai chôn sống viên quan trông coi và 50000 dân công đào đoạn sông đó. Về mặt khách quan mà nói: Việc đào con sông Đại Vận tuy tốn nhiều máu và nước mắt của nhân dân lao động nhưng nó lại có tác dụng quan trọng góp phần thuận tiện cho việc đi lại giữa hai miền Nam Bắc và thúc đẩy giao lưu văn hóa kinh tế giữa hai miền, có vai trò tích cực trong việc thống nhất quốc gia.

+ Vui chơi:

Từ năm 605 trở đi, Dương Quảng 3 lần đến Giang Đô du lãm, cả 3 lần đó ông ta đều đi bằng đường sông thuyền rồng của ông ta dài 2 trăm thốn, cao 4 tầng và còn có vài nghìn chiếc thuyền của các phi tần, vương công đại thần tăng ni đạo sĩ đi theo thuyền ông ra, đoàn thuyền cứ nối đuôi nhau đi tính ra phải dài hơn 200 dặm, dân phu chèo thuyền khoảng hơn 80000 người. Hai bên đường còn có quân kị binh hộ tống cờ xí rợp trời, náo nhiệt vô cùng. Đến đêm, đèn đuốc sáng trưng trống nhạc gõ vang trời. Trên thuyền, Dương Quảng sai múa hát ông ta ngồi uống rượu và ngắm phong cảnh hai bên đường. Bà con trăm họ ở 4500 dặm bị cướp bóc lương thực. Thức ăn ăn không hết, ông ta sai đào hố chôn xuống đất. Rất nhiều người bị khuynh bại gia sản.

Có một năm, trên đường đi đến miền Bắc, ông ta dẫn theo 500000 đại quân, điều dân công ở mười mấy quận để đào núi ngũ hành sơn, tu sửa con đường lớn. Ông còn điều hơn 1000000 dân và hạn định cho họ trong vòng 20 ngày phải tu sửa Trường Thành để bảo vệ cho sự an toàn của ông ta. Đến miền Bắc không có hành quân, ông sai thợ thi công Vũ Văn Khải tạo dựng một cung điện sống động gọi là "quan phong hành điện", trên mặt chứa được vài trăm người, mặt lầu này có thể tùy cơ mà gấp vào hoặc mở ra, dưới chân có thể chuyển dời được.

+ Dùng vũ lực xâm lược.

Dương Quảng ba lần phát động chiến tranh tấn công tộc Cao Lệ. Trước ki xuất binh, ông ta điều động một loạt thợ thủ công phải ngâm mình trong nước làm việc rất vất vả - đến nỗi từ phía bụng trở xuống sinh ra dòi bọ, 3/4 số họ bị chết vì mệt và đói. Ông ta cần điều động dân công và thuyền để chở lương thực ở kho Lê Dương và kho Lạc khẩu chuyển số lương thực đó đến quận Trác, các thuyền phải nối đuôi nhau mà đi, tính ra đoàn thuyền đó phải dài hơn 1000 dặm. Trên đường đi các dân phu và binh lấy có mười mấy vạn người chạy trốn. Rất nhiều người bị chết trên đường đi, xác thối rữa không đếm xuể.

Năm 612, quân Tùy gồm có 100.000 người chia làm hai cánh quân đi theo lối đường thủy và đường bộ tấn công tộc Cao Lệ, nhưng bị tộc Cao Lệ đánh cho đại bại, bọn họ chết trận chỉ còn sót lại 2700 người quay về đô thành. Dương Quảng còn 2 lần khởi binh tiến đánh tộc Cao Lệ, cả hai đều thua trận.

+ Khoe khoang uy lực.

Để giương oai và khoe khoang thế lực nên Dương Quảng cho phép sứ giả và thương nhân ở Tây Vực được nhập cung, báo hại cho quan lại ở các quận huyện phải đón tiếp bọn họ trên đường bọn họ vào cung. Năm 610, sứ giả và thương nhân ở các nước Tây Vực đã tề tựu đông đủ ở Lạc Dương. Từ ngày 15 tháng 1 năm 610, Dương Quảng sai dựng một sân khấu ở trên phố lớn, sân khấu này nhằm phục vụ cho người Tây Vực biểu diễn các loại hình ca kịch, sân khấu này rộng 500 bộ, và có 18000 nhạc công phục vụ cho các chương trình ca kịch, những người dân sống cách đó mấy mấy mươi dặm cũng có thể nghe tiếng nhạc diễn tấu đèn đuốc thắp sáng như ban ngày. Chương trình này biểu diễn kéo dài cho đến hết tháng. Người Tây Vực đến phía Đông Đông thành phố Lạc Dương để mở thị trường giao dịch. Để ra oai Dương Quảng hạ lệnh cho các thương nhân ở thành phố này phải mở rộng thị trường, tích lũy các loại hàng hóa quý hiếm, điều quan trọng là các thương nhân phải ăn mặc đẹp đẽ, thậm chí một người bán rau cũng phải trải chiếu hoa để ngồi. Người Tây Vực đi qua các cửa hàng ăn, chủ hiệu phải chạy đến mời bọn họ vào ăn uống no say, không cần phải có mối giao văn hóa, các chủ hiệu phải ca ngợi triều Tùy giàu có, các thương nhân Tây Vực cứ việc ăn uống thoải mái không phải trả tiền. Cây cối trong thành phố cũng dùng lụa là gấm vóc trang trí để tỏ ra có sự giàu sang. Người Tây Vực hỏi: "Triều Tùy của các anh vẫn còn có người nghèo, họ không có quần áo mặc, tại sao các anh không dùng số lụa này may quần áo cho họ, còn cành cây cần gì phải trang trí?" Những người trong thành phố đó không biết trả lời ra sao. Thời Tùy Văn Đế tích lũy bao nhiêu của cải và nhân lực thì đến đời Dương Quảng bị phá tán hết. Hơn nữa, trong các trận chiến khiến hàng nghìn hàng vạn nông dân phải rời bỏ cửa nhà ruộng đất bỏ tang hoang bị tàn phá. Rất nhiều nông dân không có cách gì kiếm sống, họ đành phải ăn vỏ cây lá cây, thậm chí còn phát sinh nạn dịch người ăn thịt người.

Sự thống trị của Dương Quảng vô cùng tàn bạo, nên vào năm 611 đã xảy ra cuộc khởi nghĩa nông dân. Vậy mà Dương Quảng vẫn chứng nào tật ấy không chịu nghe lời can gián của các đại thần. Ông ta cho mình là người có tài năng kiệt xuất thông minh lanh lợi, ông đối đáp lại với các đại thần: "Mọi người đều cho rằng trẫm không xứng đáng kế vị tổ nghiệp của tiên đế, thật ra so sánh tài năng của trẫm với các học sĩ thì trẫm xứng đáng làm hoàng đế". Ông ta còn nói: "Trẫm vốn dĩ không thích nghe lời can gián của người khác. Nếu đã làm quan rồi lại muốn dùng lời can gián để đạt được thanh danh, trẫm không thể tha thứ cho họ. Nếu như là người có địa vị hèn mọn, trẫm còn có thể tha thứ cho họ. Nhưng quyết không để cho bọn họ dùng đầu lưỡi làm lung lạc trẫm". Những trọng thần khai quốc như: Cao Dĩnh và Hạ Nhược... không hài lòng với lối sống xa xỉ của Dương Quảng, bị Dương Quảng khép tội chết. Năm 616, ông ta không kể sự an nguy của triều Tùy, lại du lãm xuống Giang Đô. Lúc sắp khởi hành, viên quan Thôi Dân Tượng đưa ra lời can gián Dương Quảng bực bội sai người chém chết Thôi Dân Tượng. Bọn họ đi đến sông Tị Thủy (nay thuộc tỉnh Hà Nam) viên quan Vương Ái Nhân lại đứng ra khuyên can Dương Quảng không nên đến Giang Đô, Dương Quảng lại sai người chém chết Vương Ái Nhân, ông ta tiếp tục cho khởi hành về Giang Đô. Đến được Lương Đô (nay

thuộc thành phố Khai Phong tỉnh Hà Nam), có người chặn đường đưa thư, trong bức thư đó nói: nếu ông ta cố tình đi đến Giang Đô thì thiên hạ sẽ không thuộc về ông ta. Ông ta phẫn nộ sai giết chết người đưa thư. Cuối cùng ông ta cũng đến được Giang Đô.

Dương Quảng là người bất tín. Năm 615 ông ta lại đi du lãm ở biên giới miền Bắc, bị mười mấy vạn quân kị binh Đột Quyết vây hãm ở Nhạn Môn (nay thuộc huyện Đại tỉnh Sơn Tây). Ông ta chỉ biết ôm đứa con trai nhỏ là Dương Cảo, than khóc không có cách gì chống đỡ. Cuối cùng đại thần Tô Uy đưa ra kiến nghị, ông đành viết chiếu thư hứa sẽ không xuất binh đánh tộc Cao Lệ và treo giải thưởng cho binh lính. Các huyện lệnh nhận được chiếu thư liên tiếp mang quân đến cứu viện, nhờ vậy ông ta mới được giải vây. Về đến Lạc Dương, ông ta lật lọng không đưa phần thưởng cho tướng sĩ và tiếp tục ra lệnh tấn công tộc Cao Lệ.

Ngày càng có nhiều các cuộc khởi nghĩa nông dân ông ta biết mình sắp đến ngày tàn, tinh thần bất ổn không yên. Buổi tối không bao giờ ông ta ngủ yên giấc, trong mơ thường nghe tiếng hét "có địch đến", ông ta cần vài cung nữ ôm ấp ru ngủ ông ta như ru một đứa trẻ, có vậy ông ta mới chìm vào giấc ngủ được. Một lần, điện Đại Nghiệp bốc cháy, ông ta cho rằng đó là do nông dân đến đốt cung điện nên hoảng sợ bỏ chạy vào vườn "Tây Uyển" trốn nấp trong bụi cỏ, mãi đến khi dập tắt lửa ông ta mới dám chui ra. Sau khi đến được Giang Đô ông ta càng hoang dâm vô độ, trong cung ông ta xây dựng hơn 100 phòng điện, ở đó có rất nhiều thiếu nữ đẹp, mỗi ngày ông ta luân chuyển một phòng để nghe ca hát, ông dẫn hơn 100 hậu phi và thị nữ tới uống rượu nghe nhạc cả ngày bình rượu không rời khỏi miệng ông ta, ngày đêm say túy lúy. Ông ta không thích nghe những tin tức bất lợi nhưng cũng không loại bỏ được sự lo sợ trong lòng, ông ta nói với hoàng hậu Tiêu: "Bên ngoài có rất nhiều người muốn tính sổ với trẫm, nhưng trẫm không quan tâm tới chuyện đó, hãy uống rượu đi".

Một lần ông ta soi ngương rất lâu rồi nói với hoàng hậu Tiêu: "Cái đầu của trẫm không biết sẽ bị ai chặt đứt đây?" Hoàng hậu Tiêu hoảng hốt hỏi ông ta tại sao lại nói vậy, ông ta cười ngạo nghễ nói: "Bất luận là khổ cực hay vui vẻ đều không thể biết trước được, chuyện mất đầu cũng không dự đoán được". Tận mắt nhìn cảnh đất đai của triều Tùy bị quân khởi nghĩa chiếm giữ quân Tùy chỉ còn phòng thủ vài tòa thành ở Lạc Dương và Giang Đô, ông sợ Giang Đô cũng không chắc giữ được, nên chuẩn bị đời đô đến Đơn Dương (nay thuộc thành phố Nam Kinh tỉnh Giang Tô). Đơn Dương nằm ở phía Nam sông Tường Giang, ông bắt dân chúng phải tu sửa lại cung điện ở thành Đơn Dương. Tướng sĩ trong đội cấm vệ quân đều là người Quan Trung, họ rất hận việc Dương Quảng cư trú lâu dài tại Giang Đô, họ hận việc Dương Quảng hoang dâm không quan tâm tới nỗi khổ của dân. Bây giờ họ nghe tin sẽ dời đô xuống phía Nam, họ càng nhớ quê hương da diết, ai cũng muốn tìm cách bỏ chạy về quê nhà, lòng quân dao động, quần thần li tán.

Ngày 3 tháng 3 năm 618 (ngày Bính Thìn), tướng tư mã Đức Kỳ và Vũ Văn Trí... đã tôn đại tướng Vũ Văn Hóa Cập làm chủ soái, bọn họ phát động binh biến. Lợi dụng buổi tối đã đốt cung điện và trấn giữ cửa Huyền Vũ Dương Quảng biết có biến loạn, ông ta thay đổi phục trang dẫn hoàng hậu trốn ở Lầu Tây Các. Các tướng phản loạn Nguyên Lễ, Mã Văn Cừ... được các cung nữ cho biết nơi ẩn trốn của Dương Quảng, họ dẫn lính tới Lầu Tây Các. Thấy Dương Quảng và hoàng hậu đang ngồi đó khóc than, Dương Quảng vặn hỏi các tướng phản loạn: "Trẫm mắc tội gì, tại sao các khanh đối xử với trẫm như vậy?" Các tướng phản loạn trả lời: "Bệ hạ dùng vũ lực xâm lược, du lãm thỏa thích, chơi bời xa xỉ, hoang dâm vô độ, bất tín với thiên hạ, giết hại trung thần... Làm cho nam giới phải bỏ xác ngoài chiến trận, phụ nữ và trẻ em phải phiêu dạt chết không có chỗ chôn, nhân dân mất đi chỗ kiếm sống, thiên hạ đại loạn... Vậy bệ hạ còn nói không có tội ư?". Dương Quảng đáp: "Trẫm thật có lỗi với muôn dân. Nhưng các ngươi đi theo trẫm hưởng vinh hoa phú quý, trẫm đâu có lỗi gì đối với các ngươi. Chuyện tạo phản này do ai cầm đầu?" Ông ta nhận được câu trả lời:

"Người trong thiên hạ coi bệ hạ là một hôn quân họ hận bệ hạ tới tận xương tận cốt, đầu mối của cuộc tạo phản do bệ hạ tự gây ra! Bệ hạ không trách ai được?" Nói xong bọn họ lôi Dương Quảng đi. Vừa hay lúc đó có một viên tướng mang một lệnh của Vũ Văn Hóa Cập đến:

"Không cần phải dẫn tên hôn quân này đi gặp Vũ Văn Hóa Cập, nhanh chóng kết thúc cuộc đời hắn đi!".

Hoàng hậu Tiêu cầu xin: "Hoàng thượng quả thật là một vị vua không tốt, nhưng đối với các người cũng không tồi, tôi cầu xin các người hãy tha cho ông ấy một con đường sống, để ông ấy nhường lại ngôi vị giáng làm Tam Công".

Bọn họ không đáp tất cả đều muốn lấy đầu Dương Quảng, Dương Quảng than khóc nói: "Các ngươi đừng hạ thủ, hãy để cho ta uống rượu độc tự vẫn". Bọn họ không đồng ý nói: "Rượu độc mất công hơn dùng dao" Dương Quảng lại cầu xin: "Dù sao tôi cũng là thiên tử, hãy để cho tôi chết toàn thây". Nói xong ông ta dùng dây đai yêu cầu được thắt cổ. Các tướng sĩ lấy dây đai ác treo cổ ông ta lên xà nhà.

Hoàng hậu Tiêu sai cung nữ tháo giường đóng thành một cỗ quan tài để khâm liệm Dương Quảng. Được vài hôm Vũ Văn Hóa Cập và các tướng lĩnh mai táng Dương Quảng ở chân đài Ngô Công (nằm ở phía Tây đô thành Giang Đô). Về sau triều Đường được tạo lập đã chuyển thi hài Dương Quảng về Lôi Đường.

Thụy hiệu của Dương Quảng là Dạng Đế.

CUNG ĐẾ (DƯƠNG HỰU)
(TRIỀU TÙY)

Cung Đế, ông ta tên là Dương Hựu (605-619). Ông là cháu của Tùy Dạng Đế. Lý Uyên tấn công thành Trường đã lập Dương Hựu làm hoàng đế. Ông trị vì được nửa năm lại bị Lí Uyên phế truất, sau đó giết hại. Hưởng dương 15 tuổi. Mai táng ở Dương Hồng huyện Càn tỉnh Thiểm Tây.

*

Dương Hựu là con trai thứ ba của Dương Chiêu (Dương Chiêu là con trưởng của Dạng Đế). Hồi đầu Dương Hựu được phong làm Trấn Vương về sau ông được đổi lại phong làm Đại Vương. Vào những năm cuối đời Dạng Đế thường đi du lãm nên sai Dương Hựu trấn giữ ở thành Trường An. Tháng 10 năm 617, Lí Uyên dẫn quân đánh vào thành Trường An, vào ngày Nhâm Tuất đã làm lễ đăng cơ lập Dương Hữu làm hoàng đế, ông đổi niên hiệu là "Nghĩa Ninh" và suy tôn Dạng Đế làm Thái thượng hoàng.

Tuy Dương Dạng làm hoàng đế nhưng thật ra chỉ là một con rối trong tay Lí Uyên. Tháng 3 năm 618 Dạng Đế bị giết ở Giang Đô, triều Tùy bị diệt vong. Tin tức đó truyền đến Lạc Dương, Lí Uyên thấy Dương Hựu không còn tác dụng nên ngày Mậu Ngọ tháng 5 đã bắt ép Dương Hựu phải thoái vị và Lí Uyên tự xưng làm hoàng đế. Dương Hựu bị phong làm Hi Quốc Công và sống ở Trường An. Tháng 5 năm 619 bị ngộ sát (cụ thể bị giết ra sao không rõ). Sau khi ông ta chết đặt thụy hiệu là Cung Đế.

TẦN VƯƠNG (DƯƠNG HẠO)
(TRIỀU TÙY)

Tần Vương, ông ta tên là Dương Hạo (? - 618). Ông là cháu của Tùy Văn Đế và là con trai của Tần Vương Dương Tuấn. Sau khi giết Tùy Dạng Đế, Vũ Văn Hóa Cập đã lập Dương Hạo làm hoàng đế. Ông trị vì được nửa năm, bị Vũ Văn Hóa Cập hại độc chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Dương Hạo thay cha kế nhiệm chức vụ Tần Vương. Tháng 3 năm 618 Vũ Văn Hóa cập giết Dạng Đế, ông ta còn sai người giết Yên Vương Dương Đàn. Lúc này Dương Hạo cũng làm quan

và cư trú ở Giang Đô, do Dương Hạo có mối quan hệ bạn bè thân thiết với Vũ Văn Trí (em trai của Vũ Văn Hóa Cập) nhờ vậy Dương Hóa mới được miễn tội chết. Tháng 3 Vũ Văn Hóa Cập lấy danh nghĩa của hoàn thái hậu đã lập Dương Hạo làm hoàng đế.

Sau khi Dương Hạo lên tiếp vị, mọi cộng việc trong triều đình đều do Vũ Văn Hóa Cập thao túng. Được một thời gian, Vũ Văn Hóa Cập thống lĩnh 10 vạn lính quay về thành

Trường An, Dương Hạo cũng bị ép buộc đi theo. Vũ Văn Hóa Cập đi đến huyện Cưng bị Quý Mật đánh bại, quân lính của Vũ Văn Hóa Cập chỉ còn lại 20.000 lính chạy về huyện Ngụy (nay thuộc phía Tây huyện Đại Danh tỉnh Hà Bắc).

Ngày Tân Mùi tháng 9 năm 618 Vũ Văn Hóa Cập xưng đế ở huyện Ngụy, ông ta sai người hại độc Dương Hạo.

VIỆT VƯƠNG (DƯƠNG ĐỒNG)
(TRIỀU TÙY)

Việt Vương, ông ta tên là Dương Đồng (? - 619). Ông là cháu của Tùy Dạng Đế. Tùy Dạng Đế chết, Dương Đồng xưng đế ở Đông Đô. Ông ở ngôi chưa được một năm thì bị Vương Thế Sung phế truất và hãm hại. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Dương Đồng là con trai của Dương Chiêu (Dương Chiêu là con trưởng của Dạng Đế), Dương Đồng được phong làm Việt Vương. Năm 617 Dạng Đế đi du lãm ở Giang Đô. Dạng Đế sai đại thần Đoàn Đạt Phụ giúp Dương Đồng, cùng trấn thủ ở Đông Đô (nay là thành phố Lạc Dương tỉnh Hà Nam). Dương Đồng chọn Đông Đô làm cứ điểm để khiêu chiến với lính của Ngõa Cương. Tin tức về cái chết của Dạng Đế truyền đến Lạc Dương, các quan lại ở Đông Đô gồm những người như: Đoài: Vương Thế Sung đã tôn Dương Đồng làm hoàng đế: lễ đăng cơ được tổ chức vào ngày Canh Ngọ tháng 5 năm 618, ông đổi niên hiệu là "Hoàng Thái".

Tuy Dương Đồng làm hoàng đế, nhưng mọi quyền lực quân sự đều nằm trong tay Vương Thế Sung. Tháng 4 năm 619 Vương Thế Sung xưng đế và phế Dương Đồng làm Lộ Quốc Công, giam lỏng Dương Đồng ở điện Hàm Kinh. Tháng 5 thuộc hạ của Vương Thế Sung là hai cha con Bối Nhân Cơ, Bối Hành Sơn định mưu giết Vương Thế Sung và khôi phục ngôi vị hoàng đế cho Dương Đồng. Sự việc bại lộ, Vương Thế Sung giết hai cha con họ Bối. Ông ta lo ngại nếu để Dương Đồng sống sót dễ sinh ra tai họa, vì vậy tháng 6 ông đã sai cháu là Vương Hành Bản đi ép Dương Đồng uống rượu độc chết. Vương Hành Bản gặp Dương Đồng, đặt bình rượu độc trước mặt và nói: "Thần đến mời bệ hạ uống rượu giải sầu". Dương Đồng biết đấy không phải là ý tốt của anh ta, biết mình khó lòng thoát chết, liền nói Vương Thế Bản cho ông đi gặp mặt mẹ lần cuối cùng. Vương Thế Bản không đồng ý. Dương Đồng là người theo Phật, ông ta trải chiếu đốt hương và cầu khấn thần Phật: "Từ kiếp này trở đi ông ta không bao giờ muốn đầu thai vào dòng họ đế vương". Cầu khấn xong, ông ta cầm bình rượu uống cạn. Vương Thế Bản thấy Dương Đồng uống rượu nhưng chưa chết ngay, anh ta còn nóng lòng muốn quay về báo cáo tình hình nên đã dùng dây thít cổ Dương Đồng.

Trang sử gọi Dương Đồng là Hoàng Thái Đế.

TRIỀU ĐƯỜNG

(Năm 618 - 907, tổng cộng 290 năm)

Triều Đường là một vương triều phát triển huy hoàng trong lịch sử Trung Quốc. Ở thời đại này thế lực quốc gia hùng mạnh, kinh tế phồn vinh, văn hóa sáng lạn, là triều đại chiếm được ngôi vị cao trong lịch sử phát triển xã hội phong kiến Trung Quốc. Thời này Trung Quốc chịu ảnh hưởng cao độ về văn hóa và chính trị của các quốc gia và khu vực lân cận. Ví dụ: Nhật Bản, Triều Tiên... trở thành một quốc gia hùng mạnh trên thế giới.

Triều Đường có 22 hoàng đế: trong đó có 12 bị bệnh chết, 3 người bị hại độc trong cuộc nội chiến, 2 người bị giết, 1 người chết vì kinh hãi trong cuộc tạo phản, 2 người bị chết do bệnh dịch, 1 người không rõ ra sao, 1 người bị giam lỏng rồi chết.

CAO TỔ (LÍ UYÊN)
(TRIỀU ĐƯỜNG)

Cao Tổ, ông ta tên là Lí Uyên (566-639). Tên tự của ông là Thúc Đức. Ông là quan lại của triều Tùy, nhận nhiệm vụ trấn thủ ở Thái Nguyên, ông phản lại triều Tùy tấn công vào Trường An. Tùy Dạng Đế bị giết, Lí Uyên xưng đế ở Trường An. Ông trị vì được 9 năm thì phải nhường ngôi cho Đường Thái Tông Lý Thế Dân. Ông bị ốm chết, hưởng thọ 70 tuổi. Mai táng ở Hiến Lãng (nay thuộc thôn Đường Chu

*

Lí Uyên quê gốc ở Thành Kỷ thuộc Loãng Tây (nay thuộc phía Tây Bắc huyện Tấn An tỉnh Cam Túc). Ông nội của ông ta là một trong những đại thần có công lao to lớn với triều Tây Ngụy, ông nội của ông ta là Lí Hổ. Cha của Lí Uyên làm tổng quản ở An Châu (triều Bắc Chu). Lí Uyển làm quan ở triều Tùy năm 617 được phân công trấn thủ ở Thái Nguyên.

Ở thời đại nhà Tùy cuộc khởi nghĩa nông dân nổ ra liên tiếp, đã làm cho nhà Tùy tan rã sụp đổ. Ông được con trai Lý Thế Dân và thực lạ Lưu Văn Tĩnh ủng hộ việc làm phản triều Tùy. Tháng 11 ông tấn công thành Trường An và lập Đại Vương Dương Hựu làm hoàng đế, suy tôn Tùy Dạng Đế làm thái thượng hoàng. Lí Uyên làm vậy để bịt mắt thiên hạ. Ngày Giáp Tí tháng 5 năm 618, ông phế truất Dương Hữu và tự xưng đế, ông đặt quốc hiệu là "Đường", đặt niên hiệu là "Vũ Đức" và định đô ở Trường An.

Lí Uyên ham mê tửu sắc, hoang đường bất tài, không có chí hướng sáng lập sự nghiệp và cũng không có tài cán sáng lập sự nghiệp. Kể từ khi khởi binh ở Thái Nguyên cho đến khi tạo lập triều Đường, bình định được các cuộc khởi nghĩa, hầu như ông ta đều dựa vào mưu lược và tài chinh chiến của con trai thứ hai của ông là Lí Thế Dân. Sau khi xưng đế, ông ta trọng dụng nịnh thần, ghen ghét các công thần có công với nước. Bối Tịch làm quản lý cho Tấn Dương (Triều Tây). Bối Tịch là một tên nịnh thần, hắn là bạn nhậu của Lí Uyên, hắn thường mang gái đẹp cung hiến cho Lí Uyên và thường cùng Lí Uyên chén tạc chén thù suốt đêm, hoang dâm vô độ. Khi Tấn Dương khởi binh, Bối Tịch lại cống tặng cho Lí Uyên 500 mĩ nữ để Lí Uyên mang các cô gái đó đi theo giải buồn trên đường hành quân. Sau khi Lí Uyên xưng đế, ông ta cho rằng Bối Tịch có công lao to lớn vì vậy đã thưởng cho Bối Tịch nhiều vàng bạc phong chức vị và coi là một thuộc hạ thân tín. Tấn Dương vốn là một đại thần khai quốc của triều Đường, ông ta vốn dĩ cùng với Lưu Văn Tĩnh và Lí Thế Dân vạch ra những sách lược chiến trận, nam chinh bắc chiến, vì bị Lí Uyên ghen ghét và đố kỵ ghép cho tội mưu phản và phải chịu chết chém.

Con trưởng của Lí Uyên tên là Lí Kiến Thành, anh ta cũng là người đam mê tửu sắc, thích cờ bạc sống xa xỉ và tính tình rất hung bạo. Vậy mà Lí Thế Dân lại lập anh ta làm thái tử. Còn đối với Lí Thế Dân (là một người có công lao to lớn) thì ông ta lại không ưa, Lí Uyên thấy thế lực

của Lí Thế Dân ngày một bành trướng, ông sinh ra đối kị với con trai, suốt ngày súi bẩy Lí Đạo Thành hãm hại Lí Thế Dân, nhưng do chiến tranh chưa chấm dứt cần phải nhờ cậy vào tài cán của Thế Dân nên Lí Uyên chưa dám đi tới kết cục cuối cùng là trừ bỏ Thế Dân. Một lần, Lí Uyên tin vào lời vu cáo của Lí Đạo Thành và những ái phi của mình, bọn họ nói Thế Dân có ý định đoạt ngôi vị. Ông ta sai gọi Thế Dân đến giáo huấn: "Thiên tử, ngôi vị là do thượng đế chỉ định, con đừng giở thủ đoạn để đoạt được ngôi vị. Trẫm chưa chết, con hà tất gì phải vội vàng!". Thế Dân dăm lần bảy lượt thanh minh, Lí Uyên không tin và còn cao giọng quát mắng Thế Dân. Lúc đó sứ giả đến cấp báo tộc Đột Quyết lại xâm lược, Lí Uyên đổi ngay thái độ, ông ta mềm mỏng nói với Thế Dân: "Được rồi, được rồi, bây giờ chúng ta phải bàn tính xem xử lý ra sao với việc xâm lăng của tộc Đột Quyết".

Tháng 6 năm 625 Lí Thế Dân phát động "cuộc chính biến ở của Huyền Vũ" giết chết huynh trưởng Lí Kiến Thành và tứ đệ Lí Nguyên Cát; Thế Dân nắm chắc quyền hành trong triều. Ngày Giáp Tí tháng 2 Thế Dân ép Lí Uyên nhường ngôi và Lí Uyên làm Thái thượng hoàng. Ngày Canh Dần tháng 10 năm 635 Lí Uyên băng hà.

Hiện miếu của ông ta được đặt là Cao Tổ.

THÁI TỘNG (LÝ THẾ DÂN)
(TRIỀU ĐƯỜNG)

Thái Tông, ông ta tên là Lí Thế Dân (599-649). Ông là con thứ hai của Đường Cao Tổ. Thế Dân giết thái tử và ép Cao Tổ nhường ngôi. Ông trị vì 23 năm, bị bệnh chết. Hưởng thọ 51 tuổi. Mai táng ở Chiêu Lăng (nay thuộc núi Cửu Tong cách 50 km về phía Đông Bắc huyện Lễ Tuyến tỉnh Thiểm Tây.

*

Năm 617 Lí Thế Dân và Lưu Văn Tĩnh giúp Lí Uyên khởi binh phản lại triều Tùy, tấn công vào Quan Trung. Sau khi Lí Uyên xưng đế tạo dựng ra triều Đường, phong Lí Thế Dân làm Tần Vương, nhận chức vụ thượng thư lệnh. Làm thống sư ông dẫn quân Nam chinh Bắc chiến, tiêu diệt những thế lực cát cứ của: Lưu Vũ Chu, Vương Thế Sung... trấn áp những cuộc khởi nghĩa nông dân của: Lưu Hắc Thất, Độc Kiến Đức... dần dần thống nhất được Trung Quốc, trong thực tế ông là người tạo dựng lên vương triều Đường

Lí Thế Dân không những có công dẹp loạn trong thiên hạ mà còn có công chiêu tập hàng loạt nhân tài, những danh tướng có tài nghệ song toàn như: Tần Thúc Bảo, Du Thế Tích, Kính Đức... những học sĩ tài ba như: Đỗ Như Hối, Phàng Huyền Lĩnh... Nhờ có nhân tài trợ giúp và những tài năng của mình Thế Dân đứng ra mở cuộc đấu tranh quyết liệt để tranh giành ngôi vị hoàng đế với huynh trưởng Lí Kiến Thành.

Lí Kiến Thành có địa vị thái tử hợp pháp nên được sự ủng hộ và giúp đỡ của hoàng thân quốc thích. Tuy trấn thủ ở Quan Trung nhưng Thế Dân lại có cơ sở vững chắc ở đô thành Trường An, thậm chí cấm vệ quân cũng bị Thế Dân khống chế.

Kiến Thành luôn coi Thế Dân là một cái gai trong mắt, hai phi tử được Cao Tổ sủng ái nhất là: Trương Tiệc Dư và Doãn Đức cũng hòa theo Kiến Thành luôn tìm cách bôi nhọ Thế Dân. Kiến Thành lợi dụng tình thế nhiều lần muốn trừ bỏ Thế Dân để tạo điều kiện thuận lợi cho việc kế vị duy trì ngôi báu. Một lần vào buổi tối, Lí Kiến Thành mời Thế Dân đến phủ uống rượu và lén bỏ độc vào rượu. Thế Dân không đề phòng nên đã uống cạn chén rượu, uống xong ông cảm thấy ruột gan đau quặn. Chú của ông là Hoài An Vương Lí Thần Thông lúc đó cũng có mặt tại tiệc rượu vội cõng Thế Dân về Tây Cung... Thế Dân nôn thóc nôn tháo, nôn ra rất nhiều máu, lúc này mới biết bị Kiến Thành hạ độc. Ông vội vàng sai thái y cho uống thuốc giải, dần dà khôi phục lại sức khỏe. Sau chuyện này Kiến Thành cấu kết với tứ đệ của mình là Tề Vương Lí Nguyên Cát, bọn họ tăng cường mọi hoạt động tìm cách loại bỏ Thế Dân. Bọn họ dùng vàng bạc

mua chuộc tướng lĩnh trong phủ của Thế Dân, nhưng đều bị cự tuyệt Kiến Thành lại nghĩ ra mưu kế phải đày hết tâm phúc trong phủ của Thế Dân đi xa. Tháng 5 năm 626, tộc Đột Quyết lại xâm phạm Trung Nguyên, Kiến Thành tận dụng ngay thời cơ này, ông ta xin Cao Tổ cho Lí Nguyên Cát làm chủ soái dẫn quân đánh dẹp quân địch, yêu cầu đó được Cao Tổ chấp nhận, Lí Nguyên Cát yêu cầu ba tướng quân dũng mãnh là: Tần Thúc Bảo, Kính Đức, Trình Giao Kim... làm phó soài trợ giúp đánh địch và điều quân tinh nhuệ trong phủ của Thế Dân ra trận, bọn họ làm vậy với ý đồ tước bỏ bớt binh quyền của Thế Dân sau đó sẽ giết chết Thế Dân. Lí Thế Dân lâm vào tình thế nguy hiểm, ông triệu tập Vô Kị (là cháu trưởng của cậu vợ Thế Dân) và Kính Đức để bàn bạc tìm đối sách ứng phó. Hai người đó khuyên Thế Dân hãy phát động binh biến, Thế Dân do dự nói: "Huynh đệ tàn sát lẫn nhau, làm như thế không tốt đẹp một chút nào cả. Chi bằng đợi họ động thủ trước chúng ta hãy tấn công". Hai người sốt ruột nói: nếu không động thủ, hạ thần không cam tâm nhìn cái chết treo trên đầu. Điều đó khiến Thế Dân hạ quyết tâm ra tay hạ thủ huynh đệ.

Ngày 3 tháng 6 Thế Dân yết triều vạch tội của Kiến Thành và Nguyên Cát, tấu trình bọn họ có hành vi đen tối và có quan hệ nhập nhằng với Trương Tiệc Dư và Doãn Đức. Lí Uyên thất kinh hỏi: "Bọn họ dám làm chuyện động trời như vậy sao?" Thế Dân nói: "Bọn họ nhiều lần hãm hại con, nhưng nhờ có sự đề phòng nên con thoát nạn nếu không con đã không nhìn mặt được phụ hoàng". Ông vừa nói vừa khóc. Cao Tổ thấy sự việc rất nghiêm trọng, ông muốn sáng hôm sau ba người phải có mặt trong buổi thượng triều để đối chất, tìm cách xử lý mâu thuẫn giữa anh em họ.

Sáng hôm sau, Thế Dân đích thân thống lĩnh quân đội chỉ huy binh lính mai phục và bao vây ở cửa Huyền Vũ. Tướng trấn giữ ở cửa Huyền Vũ vốn là thuộc hạ tâm phúc của Kiến Thành, bây giờ cũng bị Thế Dân sai người mua chuộc. Trương Tiệc Dư nghe tin có biến vội sai người báo cho Kiến Thành biết. Kiến Thành và Nguyên Cát bàn bạc với nhau, Nguyên Cát nói: "Chúng ta nhanh chóng bố trí binh mã, cáo bệnh không yết triều, quan sát động tĩnh rồi hãy nói". Kiến Thành đáp: "Chúng ta không việc gì phải lo, trong cung có Trương Tiệc Dư và Doãn Đức làm nội ứng, tướng trấn giữ cửa Huyền Vũ là người của chúng ta, Thế Dân làm sao hại được chúng ta?".

Kiến Thành và Nguyên Cát cùng nhau lên triều gặp Cao Tổ. Thuộc hạ khuyên Kiến Thành dẫn quân đội vào triều để đề phòng bất trắc. Kiến Thành chối từ, vẫn quyết định cùng Nguyên Cát cưỡi ngựa tiến vào cửa Huyền Vũ. Hai người cưỡi ngựa đi đến điện Lâm Hà, họ cảm thấy không khí khác thường liền thúc ngựa quay đầu bỏ chạy. Đột nhiên nghe tiếng quát to: "Thái tử điện hạ, Tề Vương tại sao hai người không vào triều bái kiến hoàng thượng". Nguyên Cát quay đầu lại nhìn thấy Thế Dân, ông ta giương cung bắn vào Thế Dân ba mũi nhưng đều không trúng Thế Dân bắn chết Kiến Thành. Nguyên Cát thúc ngựa chạy về phía Tây cửa hoàng cung, ngửa mặt lên thấy Kính Đức dẫn hơn 70 kị binh chắn trước mặt, ông ta vội quay ngựa bỏ chạy. Một trận mưa tên lại bắn đến, ông ta ngã khỏi lưng ngựa lăn vào một lùm cây, vừa hay gặp lại Thế Dân. Hai người vật nhau, Nguyên Cát cưỡi lên người Thế Dân cướp cung tên, đập vào đầu Thế Dân. May thay Kính Đức đuổi đến và bắn chết Nguyên Cát.

Tướng sĩ ở Đông Quan và phủ Tề Vương biết có biến ở cửa Huyền Vũ, lập tức bọn họ tụ tập hơn 20.000 người tấn công phủ Tấn Vương. Thế Dân chỉ hay thuộc hạ đánh chặn mặt khác sai Kính Đức vào cung tấu trình sự việc. Lúc này Cao Tổ, quý phi và các đại thần đang bơi thuyền du lãm, Kính Đức vội tấu: "Thái tử và Tề Vương là phản, Tấn Vương sợ làm kinh động tới bệ hạ nói sai thần tới đây bảo vệ bệ hạ!". Cao Tổ thất kinh, vội hỏi: "Thái tử và Tề Vương hiện giờ ra sao?" Kính Đức đáp: "Hai người đó đã chết rồi". Cao Tổ vội sai cho thuyền cập bến, lên bờ hỏi các đại thần xem giải quyết sự việc ra sao. Tề tướng vội đáp: "Tấn Vương có công đức to lớn rất được lòng dân. Bây giờ thái tử và Tề Vương đã chết xin bệ hạ lập Tấn Vương làm thái tử". Kính Đức tiếp lời: "Bên ngoài chưa hoàn toàn bình ổn, xin bệ hạ giáng chỉ, cho phép quân đội chịu sự chỉ huy của Tấn Vương". Cao Tổ đành hạ thánh chỉ cho phép Tấn Vương khống chế quân đội. Ba ngày sau, Cao Tổ chính thức phong Thế Dân làm thái tử, nắm giữ công việc triều chính. Trong sử gọi là cuộc biến này là: "Cuộc biến ở cửa Huyền Vũ".

Các học giả có những cách nhớ khác nhau về cuộc chiến biến ở Huyền Vũ. Mấy năm gần đây trong bộ phim "Tấn Vương Lí Thế Dân" đã chỉ ra: Lí Uyên không phải là người già nua lẩm cẩm và Kiến Thành cũng không phải là người không cải tà quy chính. Cuộc chiến giữa Thế Dân và Kiến Thành thực ra là cuộc tàn sát lẫn nhau giữa các hoàng tử để giành nhau ngôi báu. Bộ phim này và các tác phẩm văn học khác đều có cách nhìn khác nhau về cuộc biến ở cửa Huyền Vũ, hạ thấp Lí Uyên và Lí Kiến Thành, đề cao Lí Thế Dân.

Ngày Giáp Tí tháng 8 năm 628, Thế Dân ép Cao Tổ nhường ngôi và Thế Dân được làm hoàng đế. Ông đổi niên hiệu là: "Chính Quán".

Sau khi đăng cơ Thế Dân trở thành một nhà chính trị kiệt xuất trong lịch sử các đế vương, được coi là một điểm phạm về minh quân tài đức trong giai cấp thống trị phong kiến. Chủ yếu biểu hiện ở mấy mặt dưới đây:

+ Thu nạp lời can gián

Lời can gián là nghe những ý kiến khác nhau của các đại thần, phải phân biệt rõ đúng sai, sau đó nhận lấy ý kiến sang suốt nhất. Đường Thái Tông từng nói với đại thần Tiêu Vũ: "Từ nhỏ trẫm đã thích bắn tên, cùng một lúc trẫm có mười mấy chiếc cung, trẫm tự mãn cho rằng không cần cái cung nào tốt hơn. Nấy hôm trước, trẫm cầm những cái cung để đưa cho thợ thủ công xem, bọn họ nói chẳng có cái cung nào tốt cả. Trẫm hỏi bọn họ tại sao, các thợ thủ công bảo: tâm gỗ không thẳng, gân gỗ bị nghiêng, tuy cây cung chắc nhưng khi bắn tên thì nó không thể bay thẳng được. Trẫm mới biết sự giám định phân biệt trước đây của mình chưa chính xác. Trẫm nghĩ chuyện bình định thiên hạ cũng giống như cung tên ưu điểm và khuyết điểm của cung tên trẫm còn chưa phân biệt được, huống hồ chuyện trong thiên hạ trẫm làm sao có thể hiểu hết được?".

Một lần Thế Dân hỏi Ngụy Vi: "Quân vương làm cách gì để phân biệt sự sáng suốt và sự đen tối? Ngụy Vi đáp: "Phải nghe cả lời sáng suốt lẫn lời nói đen tối?" Thế Dân rất tán đồng ý kiến của Ngụy Vi. Thế Dân khích lệ bá quan đưa ra những suy nghĩ của mình.

Năm 630 Thế Dân tu sửa cung điện Lạc Dương để chuẩn bị cho việc ông ta đi du lãm. Nhưng sự việc này bị đại thần Trương Huyền Tố can ngăn: "Chiến tranh vừa mới kết thúc, xã hội chưa khôi phục kinh tế, vậy mà bệ hạ lại sai tu sửa cung điện Lạc Dương, nếu bệ hạ không rút lại quyết định đó, thần e rằng bệ hạ sẽ có kết cục giống như: Tùy Dạng Đế, vua Kiệt, vua Trụ..." Thế Dân nghe ông ta nói thế nhưng không hề nổi giận mà còn ngẫm nghĩ và cuối cùng thấy ý kiến đó rất có lý. Thế Dân không cho tu sửa cung điện Lạc Dương và thưởng cho Trương Huyền Tố.

Trong các đại khảo có Ngụy Vi là người luôn đưa ra ý kiến sáng suốt nhất, ông ta thường đôi co với Thế Dân thậm chí nhiều lúc Thế Dân nổi giận đùng đùng. Ngụy Vi vẫn một mực bảo vệ chính kiến của mình. Năm 626, Thế Dân hạ chiếu trưng binh, quy định nam giới chưa đủ 18 tuổi nhưng thân hình cao to thì cũng có thể thu nạp vào quân đội. Ngụy Vi không đồng ý với ý kiến đó, kiên quyết không phát chiếu thư, Thế Dân thúc giục nhiều lần, Ngụy Vi vẫn không làm. Thế Dân nổi giận truyền gọi Ngụy Vi để khởi trách tội kháng chỉ, Ngụy Vi bình tĩnh đáp: Thần nghe nói tát cạn nước bắt cá thì lần sau sẽ không còn cá để mà bắt. Bệ hạ thu nạp những nam giới chưa đủ 18 tuổi nhưng có sức khỏe vào quân đội. Lần sau sẽ lấy ai để đi lính? Hơn nữa, thuế má của quốc gia sẽ do ai gánh vác? Huống hồ trước đây bệ hạ từng tuyên bố: nam giới tới 18 tuổi trở nên mới phải đi lính. Bây giờ bệ hạ viết chiếu thư này, thần e rằng sẽ thất tín với thiên hạ! Thế Dân nghe vậy, lặng thinh không nói gì, ông suy nghĩ hồi lâu rồi cũng nhận ra sai lầm của mình, ông sai hủy bỏ chiếu thư và phong Ngụy Vi làm thái sư cho thái tử.

Một hôm, Thế Dân đang dạy dỗ một con chim diều hâu nhỏ, thấy Ngụy Vi đi đến, Thế Dân sợ ông ta quở trách vội vàng giấu con chim vào ống tay áo. Ngụy Vi trả vờ không nhìn thấy, tấu trình chuyện trò với Thế Dân, có ý kéo dài thời gian. Đợi khi Ngụy Vi đi khỏi, con diều hâu đã bị chết ngạt. Một lần khác, Thế Dân bãi triều quay về cung, thái độ vô cùng tức giận nói: "Hôm

nay, trẫm chỉ muốn giết chết lão già đó". Hoàng hậu Trường Tôn hỏi Thế Dân muốn giết ai. Thế Dân nói: "Ngụy Vi thường nên mặt dạy dỗ, làm trẫm khó xử vô cùng, tức chết đi được". Hoàng hậu Trường Tôn khuyên giải "Quân vương sáng suốt thì hạ thần mới dám đưa ra những lời nói trung thực, Ngụy Vi có làm vậy chứng tỏ bệ hạ là một minh quân sáng suốt". Nghe hoàng hậu nói có lý, cơn phẫn nộ của Thế Dân mới dần nguôi đi.

Trung kỳ niêm giám Chinh Quán, tình hình quốc gia đã hưng thịnh "quốc thái dân an", các đại thần ra sức ca ngợi Thế Dân, chỉ duy nhất có Ngụy Vi vẫn duy trì chính kiến, vạch ra 10 khuyết điểm của Thế Dân, muốn Thế Dân phải cảnh giác. Thế Dân trịnh trọng đặt hai khuyết điểm đó ở trên tấm bình phong, sáng tối đều đọc rút ra bài học cho mình và nói với Ngụy Vi: "Trẫm thấy mình chưa thật toàn mĩ, còn phải học hỏi nhiều, nếu không chẳng có mặt mũi nào nhìn mặt khanh".

Năm 643 Ngụy Vi ốm chết. Thế Dân đau lòng và thương tiếc vô cùng, ông nói: "Người ta dùng gương để ngắm bản thân mình xem quần áo mũ mã có chỉnh tề hay không, dùng lịch sử làm gương soi có thể biết được nguyên nhân suy vong hoặc hưng thịnh của triều đại, dùng người làm gương có thể phát hiện được ưu điểm và khuyết điểm của mình. Ngụy Vi chết đi, trẫm mất đi một tấm gương".

Do Thế Dân hay thu nạp lời can gián nên trong quân sự rất ít khi vấp phải sai lầm.

+ Trọng dụng nhân tài.

Thế Dân từng nói với Ngụy Vi: :Tuyển chọn quan lại, không thể qua loa đại khái, chọn được một người tốt thì sẽ có nhiều người tốt đến, chọn phải kẻ xấu tất sẽ có kẻ xấu kéo đến". Thế Dân sai Phong Đức Di tuyển chọn người hiền tài, đại thần Phong Đức Di nói: "Đại thần cũng chú ý chuyện này có điều chưa tìm được người kỳ tài mà thôi". Thế Dân không bằng lòng với cách suy nghĩ của Phong Đức Di, ông bảo: "Dùng người cũng giống như dùng đồ vật, cần phải lâu dài. Thời cổ các triều đại hưng thịnh thái bình, lẽ nào hiền tài thời đó đều từ thời đại khác gửi đến ư? khanh chưa đủ tri thức làm sao đoán định được hôm nay chưa có người kỳ tài". Thế Dân tin tưởng trong quốc gia có rất nhiều hiền tài, trong bất kỳ tầng lớp nào cũng có thể chọn ra được nhiều kẻ hiền tài. Thế Dân rất trọng mãnh tướng Kính Đức, trước đây Kính Đức là thuộc hạ của Lưu Vũ Chu (một kẻ địch không đội trời chung với Thế Dân), sau đó Thế Dân đánh bại Lưu Vũ Chu, Kính Đức và tướng nhà Tùy là Tầm Tương cùng nhau đầu hàng phục triều Đường. Được một thời gian Tầm Tương phản lại nhà Đường, thuộc hạ của Thế Dân định giết bỏ Kính Đức để trừ hậu họa. Thế Dân xin lại ý định đó và phóng thích cho Kính Đức, còn mời Kính Đức về phủ của mình chung sống. Thế Dân nói với Kính Đức: "Đại trượng phu tính khí hợp nhau, một lòng trung thành phục vụ quốc gia, một số chuyện nhỏ không cần để ý làm gì, tôi quyết không nghe lời xàm tấu mà hãm hại người tốt. Nói xong, ông mang rất nhiều vàng bạc tặng cho Kính Đức khiến Kính Đức vô cùng cảm động vẻ chân tình của Thế Dân. Từ đó Kính Đức dốc lòng phò trợ Thế Dân, cho dù Lý Đạc Thành dùng vàng mua chuộc hoặc sai người hành thích, Kính Đức không hề dao động lòng trung kiên, trước sau như một đi theo bảo vệ Thế Dân, trở thành một trợ thủ đắc lực của Thế Dân. Trong "cuộc biến ở cửa Huyền Vũ" Kính Đức lập được nhiều công lao và được phong làm Ngô Quốc Công.

Ngụy Vi vốn là mưu sĩ của Lí Kiến Thành, ông ta nhiều lần khuyên Kiến Thành trừ bỏ Thế Dân. Sau "cuộc biến ở cửa Huyền Vũ" có người mới phát hiện được chuyện này họ tố cáo với Thế Dân. Lí Thế Dân sai người tìm Ngụy Vi đến, ông giận dữ vặn hỏi: "Hà tất gì, ngươi lại li gián tình cảm của anh em chúng tôi?" Ngụy Vi trả lời một cách thản nhiên: "Lúc đó thần là mưu sĩ cho thái tử, đương nhiên phải vạch ra kế sách cho thái tử. Chỉ tiếc rằng thái tử không nghe lời thần, nếu không, cũng chẳng rơi vào tình cảnh này!". Mọi người đoán chắc rằng: Thế Dân sẽ chém chết thuộc hạ của kẻ địch cho hả giận, bọn họ đã đoán nhầm, Lí Thế dân thấy Ngụy Vi trả lời thản nhiên, hành vi chính trực, rất có chính kiến, quả là nhân tài Thế Dân không trách tội Ngụy Vi mà còn phong cho làm đại phu trung thực và cho ông ta chuyên môn phụ trách ý kiến của các đại thần khác nêu ra.

Năm 629, Thế Dân hạ chiếu cho phép các đại thần bàn luận về kế lớn của đất nước được đưa ra các kiến nghị Trung Lang tướng Thường Hà đưa ra 20 kiến nghị, các kiến nghị của ông ta nêu ra rất hợp tính hợp lý và rất mạch lạc rõ ràng. Thế Dân biết Thường Hà là một võ tướng rất ít khi đọc sách, làm sao có thể viết được lối văn trau chuốt và mượt mà như vậy. Thế Dân vặn hỏi, hóa ra bạn của Thường Hà là Mã Chu viết hộ. Mã Chu là một văn nhân, ông ta xuất thân thấp kém. Thế Dân không quan tâm tới thân thế của Mã Chu, lập tức sai người đi mời Mã Chu tới, đợi hồi lâu chưa thấy Mã Chu tới Thế Dân bốn lần giục thuộc hạ đi đến nhà Mã Chu. Qua một hồi trò chuyện, Thế Dân phát hiện được Mã Chu là một nhân tài trị quốc vì vậy phong cho Mã Chu làm chức vụ giám sát khanh sử, về sau lại phong cho làm chức Trung Thư Lệnh, chủ trì triều chính.

Thế Dân phản đối chuyện dựa vào quan hệ thân thích để thăng tiến. Ông thường nói với các hạ thần: "Quân vương cần phải chí công vô tư, như vậy mới làm cho thiên hạ tâm phục. Quan lại cho dù làm chức vụ lớn hay chức vụ nhỏ đều cần dựa vào tài năng, không được lấy quan hệ xa gần hoặc tư cách để đặt định ra chức vụ lớn nhỏ. Năm 627, Thế Dân đã luận công để ban thưởng. Ông phong cho những người như: Phòng Huyền Lĩnh, Vô Kị, Đỗ Như Hối... làm cống thần, nghe được tin này chú của Thé Dân là Hoài An Vương Lí Thần Thông không bằng lòng, ông ta tranh luận nói: "Từ lúc khởi binh ở Thái Nguyên, thần là người hưởng ứng đầu tiên, nhiều năm nay thần một lòng một dạ phục vụ triều đình, không được tính công lao. Còn Phòng Huyền Lĩnh, Đỗ Như Hối, hai người đó không trải qua khó khăn vất vả không trải qua trận mạc, bây giờ bệ hạ bình luận công lao lại phong cho họ có nhiều công tích hơn thần, chức vị cao hơn thần, đối với thần quả thật không công bằng". Lí Thế Dân đáp: Thúc phụ là chí thân của quốc gia, trẫm làm sao không tin dùng thúc phụ được! Nhưng việc trị lí quốc gia không thể lấy tư phế công. Phải lấy việc công làm đầu. Lí Thần Thông nghe Thế Dân lí giải thấu tình đạt lý nên im lặng không nói gì.

Có một số người vốn là tướng sĩ ở phủ Tấn Vương, sau khi Thế Dân đăng cơ, bọn họ vẫn ở nguyên chức vụ cũ không được thăng quan, trong số họ có người nêu ra nỗi uất ức: "Chúng thần đều vào sinh ra tử với bệ hạ nhưng chẳng được tính công lao gì, nếu hôm nay là Lí Kiến Thành đăng cơ thì chúng thần đã thăng quan tiến chức rồi". Thái Tông nói: "Lựa chọn nhân tài không thể căn cứ vào người cũ người mới hoặc người đến trước người đến sau, nếu người đến sau thông minh lanh lợi còn người đến trước ngóc nghếch. Trẫm chỉ có thê chọn người mới, không thể trọng dụng người cũ. Trước đây trẫm là Tấn Vương, bây giờ cũng chỉ là quân vương của một nước mà thôi. Các khanh có nghĩ đến quốc gia hay không mà lại nói những lời oán hận vậy?".

Cách lựa chọn nhân tài của Thế Dân rất được lòng dân, những nhân tài ưu tú của mọi miền đều đến quy thuận Thế Dân, khiến triều Đường ngày một hưng thịnh quốc thái dân an, thế nước hùng mạnh.

Năm 643 để khen ngợi công lao của các đại thần Thế Dân đã sai họa sĩ vẽ chân dung của 24 công thần ở lầu các Lãng Yên, trang sử gọi là Lãng Yên Các Họa tượng" (tranh chân dung ở Lầu Lãng Yên". Ông ta thường xuyên khen thưởng các công thần để khuyến khích bọn họ một lòng phục vụ quốc gia.

+ Tin tưởng vào sức lực hùng mạnh của dân tộc. Thế Dân đích thân tham gia vào cuộc chiến phản lại triều Tùy, ông tận mắt chứng kiên vương triều Tùy hùng mạnh bị khởi nghĩa nông dân lật đổ. Vì vậy sau khi xưng đế, ông lấy bài học của triều Tùy làm gương, ông rất cẩn thận trong việc trị lý quốc gia, luôn cầu hòa để làm giảm bớt mâu thuẫn giai cấp, tránh làm bùng nổ các việc khởi nghĩa. Ông thường căn dặn các đại thần: "Người làm vua dựa vào quốc gia, còn quốc gia dựa vào nhân dân. Đối xử hà khắc với nhân dân để nuôi dưỡng người làm vua chẳng khác gì cắt thịt ở thân mình làm thịt ăn nuôi sống cơ thể, bụng tất nhiên là no nhưng thân thì không còn; người làm vua tất nhiên là giàu có nhưng quốc gia bị tiêu vong. Do vậy cái họa của quân vương không phải do khách quan đưa tới mà do chính mình tạo ra. Nói như quân vương tham lam, tiêu hoang phí tiền của, tăng thuế má sẽ dẫn đến kết cục nhân dân đói khổ, quốc gia gặp

nguy hiểm. Tất nhiên quân vương đó sẽ bị diệt vong. "Trẫm luôn nghỉ đến đạo lý đó, nên không dám thao túng triều chính". Ông còn nói:

"Mỗi khi trẫm thiết triều, mỗi một câu nói trẫm phải suy nghĩ đi suy nghĩ lại mới dám nói ra, trẫm sợ nói bừa sẽ hại tới nhân dân, vì vậy không dám nói liều nói nhiều". Ông thường xuyên giáo huấn thái tử Lý Trị. Ví dụ như lúc ăn cơm, ông thường khuyên răn thái tử: "Con nên biết rằng: Muốn có cơm ăn thì người nông dân phải cày ruộng rất vất vả".

Lúc cưỡi ngựa ông thường nói: "Con nên biết: con ngựa phải chịu cực khổ nên thể lực của nó bị tiêu hao rất nhiều năng lượng". Lúc bơi thuyền ông thường nói: "Nước có thể đẩy thuyền đi nhưng cũng có thể nhấn chìm thuyền, trăm họ cũng giống như nước, quân vương giống như con thuyền". Làm một quân vương phải biết phân biệt đúng sai. Làm việc phải quang minh chính đại thì mới giành được sự ủng hộ của nhân dân. Làm việc đen tối mờ ám tất bị trăm họ lật đổ".

Thế Dân luôn lấy dân làm gốc, ông cho giảm nhẹ hình phạt, giảm bớt tô thuế, duy trì chế độ quân điền giảm nhẹ sự áp chế đối với nhân dân. Về mặt đối ngoại ông sử dụng phương châm: "Quốc gia bình an, dân tộc thiểu số tự thuần phục", ông ít khi dụng binh nhưng đối với sự xâm lược của giai cấp thống trị dân tộc thiểu số ông thường kiên quyết đánh trả hoặc tìm cách thuần phục". Năm 641, ông gả công chúa Văn Thành cho đại vương của tộc Thơ Phiêm nhằm tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa hai tộc Hàn - Tạng. Cách làm của Thế Dân dần dẹp yên xã hội, trật tự xã hội được ổn định, kinh tế phồn vinh, sức nước hùng mạnh, điều đó làm cho Trung Quốc trở thành một quốc gia phong kiến giàu có và hùng mạnh nhất trên thế giới thời bấy giờ.

Nhưng vào những năm cuối đời, Thế Dân sống rất xa xỉ. Ông khởi công xây dựng các công trình, tăng cường việc đi chinh chiến, dùng bút liên tiếp... những việc đó làm cho mâu thuẫn giai cấp phát triển mạnh.

Tháng 3 năm 649 Thế Dân bị ốm nặng, mọi thuốc thang chữa trị đều vô hiệu, ông sai thái tử quản lý việc nước. Tháng năm bệnh của ông chuyển ra nguy kịch, ông sai gọi thái tử và phi tần vào dặn dò, và nhờ vô Kị, Chư Toại Thực phụ giúp thái tử, sai Chư Toại Thực thảo di chiếu. Ngày Quý Tị ông băng hà tại điện Hàm Phong.

Hiệu miếu của ông sau khi chết được đặt là: Thái Tông.

CAO TÔNG (LÝ TRỊ)
(TRIỀU ĐƯỜNG)

Cao Tông, ông ta tên là Lý Trị (628-683). Ông là con thứ chín của Đường Thái Tông. Ông kế vị sau khi Thái Tông chết. Ông trị vì ba mươi bốn năm, bị ốm chết. Hưởng thọ 56 tuổi. Mai táng ở Càn Lăng (nay thuộc núi Lương Sơn huyện Càn tỉnh Thiểm Tây).

*

Lý Trị được phong làm Tần Vương. Năm 643 Thái Tông phế truất thái tử Lý Thừa Càn và lập Lý Trị làm thái tử. Tháng 5 năm 649 Thái Tông chết, tháng sáu Lý Trị được đón vào cung, ngày Giáp Tuất làm lễ đăng cơ. Ông đổi niên hiệu là Vĩnh Huy".

Lý Trị là một kẻ vô dụng bất tài, sau khi kế vị không đảm đương được việc quốc gia đại sự, thường phải trưng cầu ý kiến của tể tướng. Thời gian đầu, mọi công việc triều chính đều do Vô Kị, Chư Toại Thực giúp đỡ, hai người đó tuân theo di huấn của Thái Tông: vẫn cho duy trì chế độ ruộng đất, chú trọng khai hoang, tiếp tục phát triển chế độ khoa cử, dân số gia tăng, trật tự xã hội ổn định. Về mặt đối ngoại đã mở rộng thế lực du nhập vào Trung Á. Năm 654 Lý Trị đón Võ Tắc Thiên đang cư trú ở am Ni Cô về cung (Võ Tắc Thiên là nàng hầu của Đường Thái Tông)

và vô cùng sủng ái cô ta. Võ Tắc Thiên là một phụ nữ mạnh mẽ lắm mưu nhiều kế, năm 655 cô ta đã giành giật cướp đoạt ngôi vị hoàng hậu và công khai tham dự vào công việc triều đình. Được một thời gian Lý Trị bị ốm, suốt ngày thấy hoa mắt nhức đầu, có lúc còn không ngủ được, do vậy mọi công việc trong triều đều nằm trong tay Võ Tắc Thiên. Sau khi nắm giữ được quyền lực Võ Tắc Thiên rất coi thường Lý Trị khiến Lý Trị chỉ còn là một hoàng đế trên danh nghĩa mà thôi. Lý Trị thấy mình sống mà như đã chết, không ai nghe lời nên vô cùng đau khổ và uất hận. Ông bàn bạc với tể tướng Thượng Quan Nghĩa tìm cách phế truất Võ Tắc Thiên và ông sai Thượng Quan Nghĩa thảo chiếu thư. Thái giám của Lý Trị đã tố cáo chuyện này với Võ Tắc Thiên. Nghe tin báo Võ Tắc Thiên đi tới thư phòng của Lý Trị và thấy Thượng Quan Nghĩa đang đưa chiếu thư cho Lý Trị xem, bà ta cao giọng hỏi: "Đây là chiếu thư gì vậy". Lý Trị định dấu chiếu thư vào ống tay áo nhưng không kịp đành đưa chiếu thư cho bà ta xem và trả lời với giọng run rẩy: "Trẫm không có ý định phế truất hoàng hậu nhưng Thượng Quan Nghĩa đã xúi bẩy trẫm phế khanh". Võ Tắc Thiên lập tức sai chém chết Thượng Quan Nghĩa. Từ đó quyền uy của Võ Tắc Thiên bao quát hết triều đình, Lý Trị bị hạ thần gọi là "Nhị Thánh". Lý Trị e ngại giang sơn nhà họ Lý bị rơi vào tay Võ Tắc Thiên, ông truyền ngôi cho thái tử Lý Hoằng (vốn là con trưởng do Võ Tắc Thiên sinh). Võ Tắc Thiên tự tay hại độc giết Lý Hoằng và lập con thứ là Lý Hiền làm thái tử, được một thời gian bà ta phế Lý Hiền làm thứ dân. Lý Trị đều biết mọi hành động của Võ Tắc Thiên nhưng ông ta bất lực không làm gì được.

Ngày Đinh Tị tháng 12 năm 683, bệnh của ông khó lòng qua khỏi, ông gọi thái tử Lý Hiền vào cung dặn dò mọi chuyện và sai đại thần Bối Mễ phụ giúp thái tử. Hôm đó ông băng hà tại cung Trường An.

VÕ CHU THÁNH THẦN HOÀNG ĐẾ (VÕ TẮC THIÊN)
(TRIỀU ĐƯỜNG)
(Hoàng đế Võ Chu Thánh Thần)

Thánh Thần hoàng đế, bà ta tên là Võ Tắc Thiên (624-705), bà là hoàng hậu của Đường Cao Tông, sau đó bà tự xưng đế. Bà trị vì 16 năm, trong thực tế bà ta chấp chính gần nửa thế kỷ. Bà ta là nữ hoàng đế duy nhất trong lịch sử Trung Quốc. Bà bị ốm chết, thọ 82 tuổi. Mai táng ở Càn Lăng (gần lăng mộ của Cao Tông)

*

Sau khi xưng đế Võ Tắc Thiên đổi tên thành Chiếu, bà ta quê ở Văn Thủy thuộc Tịnh Châu (nay là Văn Thủy thuộc Sơn Tây). Mười bốn tuổi Võ Tắc Thiên được tuyển chọn vào cung làm tài nhân cho Đường Thái Tông. Sau khi Thái Tông chết, chiếu theo quy định triều đình bà ta bị tống tiễn vào am Ni Cô làm ni cô. Thời Cao Tông làm thái tử có gặp mặt Võ Tắc Thiên vài lần, ông rất thích vẻ đẹp và tính cách của Tắc Thiên do vậy sau khi đăng cơ ông đón Tắc Thiên về cung phong làm Chiêu Nghĩa.

Võ Tắc Thiên tính cách kiên cường, hồi mới nhập cung Thái Tông dẫn cái phi tử đi xem con ngựa có tên gọi là "sư tử", tính cách của con ngựa này rất hung dữ và nóng nảy, ông hỏi các phi tử: "Trong các khanh ai có bản lĩnh thuần phục con ngựa này?" Các phi tử không ai trả lời, chỉ có Võ Tắc Thiên nói: "Bệ hạ, thần thiếp có bản lĩnh". Thái Tông ngạc nhiên hỏi bà ta có bản lĩnh gì; Tắc Thiên đáp: "Xin bệ hạ cho thần thiếp ba vật: roi sắt, chùy sắt và đoản kiếm, thần thiếp sẽ thu phục được nó". Đầu tiên thần thiếp sẽ dùng roi sắt cắm vào da nó, nếu nó không phục thần sẽ dùng chùy sắt đập vào đầu rồi dùng đoản kiếm chặt đứt cơ nó ra". Về cung, bà ta dùng thủ đoạn này để bắt đầu cuộc đấu tranh thâu tóm quyền lực. Sau khi được Cao Tông đón ở am Ni Cô về, bà ta dùng mọi thủ đoạn để lấy lòng Cao Tông và trở thành phi tử được Cao Tông sủng ái. Được một thời gian. Tắc Thiên sinh được một bé gái. Hoàng hậu Vương vốn không có con nên rất thích chơi đùa với đứa bé gái do Tắc Thiên sinh hạ. Một hôm hoàng hậu vừa đi khỏi. Tắc Thiên liền bóp chết đứa trẻ rồi phủ chăn lên. Cao Tông đến thăm con gái, ông mở chăn ra thấy con gái chết tự bao giờ, ông giận dữ quát hỏi: "Ai vừa đến thăm đứa nhỏ?" Võ Tắc Thiên giả vờ khóc lóc nói: "Chỉ có mỗi mình hoàng hậu đến chơi với đứa nhỏ". Cao Tông cho rằng hoàng hậu Vương giết đứa bé, ông một mực đòi phế truất hoàng hậu, nhưng nhờ sự can

gián của Vô Kị và Chư Toại Thực nên hoàng hậu Vương vẫn giữ được ngôi vị. Võ Tắc Thiên lại dùng mọi thủ đoạn để hãm hại hoàng hậu, mùa đông năm 655 Cao Tông phế truất hoàng hậu Vương và lập Võ Tắc Thiên làm hoàng hậu, bà ta chính thức tham dự vào công việc triều chính.

Cao Tông ốm chết, thái tử Lý Hiền kế vị và gọi là Trung Tông. Võ Tắc Thiên lấy danh nghĩa hoàng thái hậu để lâm triều nghe việc chính sự. Bà ta không hài lòng với việc Trung Tông trọng dụng họ hàng nhà vợ, do vậy lại phế truất Trung Tông và đổi lập con trai thứ tư của mình là Lý Đán làm hoàng đế: gọi là Dực Tông. Bà ta cấm Dực Tông tham gia vào công việc triều chính, tất cả mọi công việc do bà ta quyết định.

Từ khi Võ Tắc Thiên lên ngôi hoàng hậu bà ta dùng quyền lực để trấn áp triều đình, bà đuổi Chư Thoại Thánh ra khỏi kinh thành và ép Vô Kị tự sát đồng thời còn bãi miễn chức vụ của hai mươi đại thần (trước đây dám phản đối việc lên ngôi của bà ta). Sau khi phế bỏ Trung Tông, bà ta sai tướng lĩnh dẫn quân đi hỏi tội Dư Kính Nghiệp (Dư Kính Nghiệp vốn có mối quan hệ thân thiết với tể tướng Bối Mễ) và đại tướng Trình Phục Diên và Bối Mễ. Bà ta tuyên bố với quần thần: "Trong các khanh có ai dám cứng đầu cứng cổ đối với trẫm, có ai dám chiêu nạp tướng sĩ làm phản chống lại triều đình..., ba người đó dám đối địch với trẫm, trẫm buộc lòng phải giết bọn họ. Các khanh không muốn chết như họ thì đừng có chống đối trẫm". Các đại thần nghe bà ta tuyên bố đều không dám nói gì.

Năm 690, Võ Tắc Thiên lại phế truất Duệ Tông, bà ta đổi quốc hiệu là "Chu", trong lịch sử gọi là "Võ Chu" và tự xưng là "Thánh Thần hoàng đế" (hoàng đế Thánh Thần) đổi niên hiệu là "Thiên Thy", bà trở thành nữ hoàng đế duy nhất trong lịch sử Trung Quốc. Lúc bà ta lên ngôi đã 67 tuổi vì thế bà là hoàng đế lớn tuổi nhất trong lịch sử Trung Quốc.

Sau khi xưng đế, nhằm phòng trừ sự phản kháng của các đại thần, bà ta trọng dụng những viên quan lại độc ác như Sách Nguyên Lễ, Chu Hưng, Lai Tuấn Thần... bà ta dùng các hình phạt tàn khốc để mưu sát tông thất triều Đường và các đại thần trong triều. Đồng thời nhằm bảo vệ thế lực và mở rộng quyền uy bà đã ra tay chiêu mộ hàng loạt nhân tài. Để chiêu nạp nhân tài bà cho mở khoa thi ở điện Lạc Dương, bà mở ra chế độ "Điện Thí" (kỳ thi cuối cùng ở cung điện do nhà vua đích thân chủ trì). Bà còn thường xuyên mở hội thi võ, để tuyển chọn những quan lại có võ nghệ cao cường, cho phép quan lại và nhân dân tự tiến cử mình. Mặc khác, bà lấy việc mài dũa sách vở làm danh. Chiêu nạp rộng rãi các văn nhân có tài tiến cung nhằm giúp đỡ triều đình, bọn họ có trách nhiệm vạch ra các mưu lược, xử lý tấu chương, giúp đỡ tể tướng, gọi hội đó là "Bắc Môn học sĩ". Bà trọng dụng nhân tài không cần phải trói buộc vào tính cách và thân phận, vì thế trong thời gian trị vì, nhân tài tụ tập xung quanh triều đình nhiều vô kể, không kém gì niên giám Trịnh Quán. Ví dụ như: Lý Chiêu Đức, Tô Thực Tự, Diêu Sùng... bọn họ đều là những "triều tướng" nổi tiếng. Nếu phát hiện thấy quan lại nào lơ là công việc bà ta lập tức bãi miễn chức vụ, giáng chức thậm chí giết chết họ.

Bà chú ý giám sát những kẻ thân tín, không cho phép họ nắm quyền lực trong triều để đề phòng chuyện hỗn loạn trong triều đình. Bà rất yêu quý công chúa Thái Bình (cô ta rất tài giỏi, mưu lược không thua kém mẹ), bà quản lý cô ta chặt chẽ và dạy dỗ nghiêm khắc, nhờ vậy công chúa luôn tự kiểm điểm không dám phạm pháp. Võ Thừa Tự là cháu của bà ta được phong làm tể tướng, năm 692 Lý Chiêu Đức nhắc nhở bà nên đề phòng quyền lực của Võ Thừa Tự, tránh rơi vào mối họa bị cướp ngôi. Bà lập tức bãi miễn chức vụ tể tướng của Võ Thừa Tự. Bị Lý Chiêu Đức làm cho mất mặt và mất chức vị, Võ Thừa Tự vô cùng cay cú, ông ta vu cáo Lý Chiêu Đức nhưng Võ Tắc Thiên không tin bà ta còn trách mắng cháu: "Trẫm rất tin vào tài năng của Lý Chiêu Đức, ông ta giúp trẫm giải quyết công việc triều chính, tài năng của khanh làm sao có thể sánh với ông ta được".

Tiết Hoái Nghĩa là nội thị của Võ Tắc Thiên được bà ta sủng ái vì vậy hắn ỷ thế chủ nhân nên hậm hĩnh ngang ngược, nhiều quan lại phải luôn cúi nịnh hót hắn. Một hôm hắn đi đến cửa Nam Nha, nơi này chỉ có tể tướng mới được phép đến, tể tướng Tô Thực Tự thấy hắn ngang nhiên đi lại coi thường phép tắc, ông ta sai thuộc hạ tát cho Tiết Hoái Nghĩa mười mấy cái. Hắn

uất ức chạy về cung khóc lóc với Võ Tắc Thiên đòi Võ Tắc Thiên rửa nhục cho hắn, không ngờ Võ Tắc Thiên mắng cho một trận: "Cửa Nam Nha là nơi tể tướng đi ra đi vào, đúng lý khanh phải đi lối cửa Bắc, bị đánh còn oan ức gì nữa".

Võ Tắc Thiên nắm giữ triều chính khoảng nửa thế kỷ, bà ta khuyến khích nông nghiệp phát triển, trọng dụng nhân tài, khuyến khích thi cử... do vậy duy trì được sự yên ổn trong xã hội, củng cố được thành quả trong sự của "niên giám Trinh Quán", kinh tế xã hội ngày càng phát đạt. Bà ta đề xướng Phật giáo, tu sửa chùa chiền, mọi gánh nặng đó lại đổ vào đầu bà con trăm họ khiến mâu thuẫn giai cấp có cơ hội phát triển. Có học giả cho rằng: Võ Tắc Thiên vì muốn củng cố quyền lực nên đã mưu giết người đối lập, bà phục hưng Phật giáo làm dày lên tác dụng tiêu cực trong việc bình ổn sự phát triển kinh tế xã hội.

Võ Tắc Thiên định nhường ngôi cho cháu mình là Võ Thừa Tự - nhưng bà ta thấy quần thần không phục, do vậy năm 699 bà lập con trai thứ bảy của Đường Cao Tông là Lý Hiền làm hoàng thái tử, gạt bỏ đi danh hiệu hoàng tự của Duệ Tông. Võ Thừa Tự buồn bực vì không được kế ngôi nên ôm hận chết.

Tháng 1 năm 705, Võ Tắc Thiên bị bệnh, các bá quan văn võ trong triều đã giết nội thị của Võ Tắc Thiên: Trương Xương Tông, Trương Dị Chi, bọn họ lập Đường Trung Tông làm hoàng đế, khôi phục lại quốc hiệu và chế độ của triều Đường và gọi Võ Tắc Thiên là Đại Thánh hoàng đế. Tháng 11, Võ Tắc Thiên bị ốm nặng. Trung Tông đến thăm bà ta, bà ta khóc nói: "Khanh phải bảo toàn cho gia tộc dòng họ Võ, Trẫm đã sống đến 82 tuổi rồi có những chuyện người khác không làm được nhưng trẫm làm được, chẳng có điều gì phải hối tiếc nữa, nghĩ lại những chuyện trước đây, thật giống như một giấc mơ. Từ giờ, không cần gọi trẫm là hoàng đế, vẫn cứ để trẫm là thái hậu và gọi là đại thành hoàng hậu Tắc Thiên". Bà ta xin Trung Tông tha thứ cho bà ta vì đã giết: hậu phi, Chư Toại Thực, Hàn Ái... Bà gọi công chúa Thái Bình đến dặn dò: "Con là người được ta cưng chiều nhất, con thông minh giống trẫm, nhưng con đừng lấy sự thông minh để gây nên họa". Bà ta mất ngày Nhâm Dần tại cung điện Tường An.

Võ Tắc Thiên dự đoán: hậu thế sẽ không tha thứ cho bà ta, sẽ bình luận đánh giá về bà ta. Vì vậy hồi còn sống bà ta đã dặn dò: sau khi bà ta chết, trên mộ chí của bà không cần viết tên tự, do vậy bia mộ của bà trở thành "Võ Tự Bia" (Bia không có tên tự).

TRUNG TÔNG (LÝ HIỂN)
(TRIỀU ĐƯỜNG)

Trung Tông, ông ta tên là Lý Hiển (656-710). Ông là con trai thứ bảy của Đường Cao Tông. Ông kế vị khi Đường Cao Tông chết. Ông hai lần được lập làm hoàng đế, tổng cộng trị vì được sáu năm. Ông bị hoàng hậu Vi hảm hại chết. Hưởng thọ 55 tuổi, mai táng ở Định Lăng (nay thuộc núi Long Tuyền cách 15 km về phía Tây Bắc huyện Phú Bình tỉnh Thiểm Tây).

*

Lý Hiển đầu tiên được phong làm Chu Vương, về sau đổi lại phong làm Anh Vương. Sau khi Võ Tắc Thiên phế truất anh trai ông là Lý Hiền (thái tử Chương Hoài) và bà ta lập ông làm thái tử. Tháng 12 năm 683 Cao Tông chết, ngày Giáp Tí tháng 12 ông lên kế vị. Ông đổi niên hiệu là "Tự Thánh".

Lý Hiển còn nhu nhược bất tài hơn Cao Tông, sau khi được lập làm hoàng đế, mọi công việc trong triều vẫn do Võ Tắc Thiên điều hành. Ông trọng dụng họ hàng nhà vợ là hoàng hậu Vi, ông làm vậy cốt tạo dựng phe cánh cho mình, vì lý do đó nên Võ Tắc Thiên đã không dung thứ cho ông. Tháng 2 năm 684 ông bị Võ Tắc Thiên phế xuống làm Lư Lãng Vương, bị đuổi ra khỏi Trường An, đầu tiên ông bị giam lỏng ở Quân Châu (nay thuộc huyện Quân tỉnh Hồ Bắc) sau đó bị chuyển đến Phòng Châu (nay thuộc huyện Phòng tỉnh Hồ Bắc), tổng cộng là mười bốn năm, trong những năm bị giam lỏng chỉ có phi tử Vi làm bạn đồng hành với ông, hai người dựa vào

nhau sinh sống, nếm đủ chua cay mặn chát trên thế gian. Mỗi lần nghe tin Võ Tắc Thiên sai người đến thăm, ông lại sợ họ ép ông tự sát. Nhưng lúc đó vợ ông thường an ủi vỗ về: "Họa phúc vô thường không nhất định phải chết, việc gì phải sợ hãi". Chính nhờ an ủi vỗ về giúp đỡ của vợ nên không tin tưởng vào tương lai, trung kiên duy trì cuộc sống hiện tại. Vì vậy, Lý Hiển và Vi thị là một đôi vợ chồng hoạn nạn có nhau, tình cảm giữa hai người vô cùng sâu đậm. Ông thề thốt hứa hẹn với vợ: "Có một ngày nào đó, anh khôi phục được ngôi vị, anh nhất định đáp ứng mọi yêu cầu của em". Năm 699, quả nhiên Lý Hiển được Võ Tắc Thiên gọi về kinh lập làm thái tử.

Năm 705, Võ Tắc Thiên đã 82 tuổi, tuổi tác đã cao lại có bệnh. Ngày Bính Ngọ tháng 1 các quần thần như: Trương Giản Chi, đại tướng quân Lý Đa Tộ... đã dẫn lính xông vào cửa Huyên Vũ lập Lý Hiển làm hoàng đế, ông đổi niên hiệu là "Thần Lang". Tháng 2 ông khôi phục lại quốc hiệu nhà Đường.

Sau khi khôi phục ngôi vị, ông phong Vi thị làm hoàng hậu và không đếm xỉa gì lời can ngăn của các đại thần, ông phong cho bố vợ làm Vương và cho phép hoàng hậu Vi tham dự vào công việc triều chính, đối với các công thần có công lao giúp ông khôi phục địa vị và ngôi báu ông không quan tâm đến họ và bỏ ngoài tai mọi lời can gián của họ. Công chúa An Lạc (con gái của hoàng hậu Vi) là con dâu của Võ Tam Tự, vì thế hoàng hậu Vi rất trọng dụng Võ Tam Tự, hai bọn họ câu kết bè đảng với nhau nắm giữ thế lực trong triều. Đại thần Trương Giản Chi tận mắt chứng kiến sự lộng hành của Võ Tắc Thiên, ông sợ lại xuất hiện Võ Tắc Thiên thứ hai cướp đoạt ngôi báu nhà Đường nên ra sức can gián Lý Hiển trừ bỏ Võ Tam Tự. Võ Tam Tự và hoàng hậu Vi vu cáo cho Trương Giản Chi có mưu đồ làm loạn, họ xúi bẩy Lý Hiển khiến Lý Hiển nghe lời họ sắc phong cho Trương Giản Chi làm vương và đuổi khỏi kinh thành. Võ Tam Tự sai thích khách giết chết Trương Giản Chi.

Công chúa An Lạc là một kẻ có dã tâm xấu xa. Cô ta muốn tái diễn cảnh tượng của Võ Tắc Thiên. Cô ta muốn Lý Hiển phế truất thái tử Lý Trọng Tuấn (Lý Trọng Tuấn là con đẻ của hoàng hậu Vi) để lập cô ta làm hoàng thái nữ. Năm 707, Lý Trọng Tuấn cùng với Lý Đa Tộ phát động ba trăm quân Vũ Lâm giết chết cha con Võ Tam Tự và bọn họ tiến vào cung định giết hoàng hậu Vi và công chúa An Lạc. Do chênh lệch lực lượng nên Lý Trọng Tuấn và Lý Đa Tộ bị giết. Nhân cơ hội đó thái hậu Vi vu cáo tể tướng Ngụy Nguyên Trọng câu kết với thái tử làm loạn, bà ta đuổi Ngụy Nguyên Trọng ra khỏi kinh thành, độc lãm quyền hành trong triều. Mọi ý kiến và nguyện vọng của hoàng hậu Vi đều được Lý Hiển đáp ứng. Có thời kỳ, công chúa An Lạc tự thảo chiếu thư, ngang nhiên đưa cho Lý Hiển đóng dấu, Trung Tông chẳng buồn xem bên trong viết gì lấy ấn ngọc đóng dấu cho cô ta. Lý Hiển nghe lời hai mẹ con hoàng hậu mặc cho bọn họ thao túng triều đình, còn bản thân ông ta chỉ biết ăn chơi xa xỉ.

Có một năm vào tết Nguyên Tiêu, để chiều lòng hoàng hậu Vi, ông ta dẫn hoàng hậu, công chúa và khá nhiều cung nữ, bọn họ cải trang thành dân thường để đi xem lễ đốt đèn. Bọn họ đi đến nửa đêm mới quay về cung, sau khi về cung ông ta kiểm tra lại số cung nữ thấy thiếu mất 50%. Nếu làm to chuyện sẽ mất thể diện, do vậy ông ta lờ bịt chuyện này đi coi như không có gì xảy ra.

Một lần khác, Lý Hiển sai triệu kiến bá quan vào cung và ra lệnh những quan lại thuộc hàng tam phẩm trở lên phải biểu diễn ném bóng và kéo co. Đa số các đại thần là quan văn, bọn họ không thích vui chơi, phải phơi bày khuyết điểm của mình, bọn họ lại là những người sức yếu, vài năm nay không rèn luyện, do vậy lúc kéo co bọn họ bị ngã lăn ra đất. Hơn nữa lúc đứng dậy còn run lẩy bẩy trông giống như chim mới tập bay. Lý Hiển và hoàng hậu Vi thấy dáng vẻ của bọn họ như vậy đều lấy làm thích thú cười phá lên. Tháng 5 năm 710, một viên quan địa phương tên là Yên Khâm Dung đã viết thư chỉ trích hoàng hậu Vi hoang dâm và can dự vào công việc triều chính. Lý Hiển đích thân triệu Yên Khâm Dung vào kinh hỏi rõ tình hình, hoàng hậu Vi muốn bịt đầu mối nên sai vệ sĩ chém chết Yên Khâm Dung ngay trước mặt đám quần thần. Nhìn thấy cảnh tượng đó, Lý Hiển lộ vẻ mặt không vui. Hoàng hậu Vi sợ Lý Hiển tra cứu chuyện hoang dâm của bà ta, còn công chúa An Lạc hy vọng hai mẹ con có thể lâm triều nhiếp

chính. Cô ta sẽ được tôn làm hoàng thái nữ, học hỏi theo cách làm của Võ Tắc Thiên, do vậy hai mẹ con bọn họ bàn mưu hại chết Lý Hiển. Hoàng hậu Vi biết Lý Hiển rất thích ăn bánh, bà ta sai thái y làm thuốc độc, bà ta đích thân trộn thuốc độc vào bột làm bánh, sau đó sai cung nữ mang vào điện Thần Long dâng cho Lý Hiển. Lúc này Trung Tông đang xem xét tấu chương, thấy bánh mang đến ông ta tiện tay lấy bánh ăn, vừa ăn vừa khen ngon. Một lúc sau, ông thấy ruột gan đau quặn bò lăn bò lộn trên mặt đất. Thái giám vội đi bẩm báo với hoàng hậu Vi tình hình cụ thể. Bà ta cố tình chần chừ một hồi lâu mới đến điện Thần Long. Nhìn thấy dáng vẻ đau đớn của Lý Hiển, bà ta còn giả vờ hỏi ông bị làm sao? Lúc này Lý Hiển đã bị cầm khẩu, ông dùng tay chỉ vào mồm rồi khóc thút thít. Một lúc sau ông ta tắt thở.

Hiệu miếu của ông được đặt là Trung Tông.

VI HẬU (hoàng hậu Vi)
(TRIỀU ĐƯỜNG)

Vi hậu (?-710), bà ta là hoàng hậu của Đường Trung Tông. Bà ta thao túng triều chính được sáu năm thì bị Lý Long Cơ giết chết tại cung Trường An. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Vi thị, không biết rõ tên bà ta là gì, chỉ biết bà ta họ Vi quê ở Vạn Hiên thuộc Kinh Diêu (nay là thành phố Tây An tỉnh Thiểm Tây). Bà ta là phi tử của Lý Hiển. Năm 683, Lý Hiển kế vị ngôi báu và lập bà ta làm hoàng hậu. Trung Tông là người nhu nhược, triều chính do Võ Tắc Thiên nắm giữ. Hòang hậu Vi là người có tính cách mạnh mẽ và thông minh. Trung Tông muốn dựa các họ hàng nhà vợ để giành lại quyền lực, nhưng không ngờ bị Võ Tắc Thiên phế truất giam lỏng ở Quấn Châu và Phông Châu. Hoàng hậu Vi làm bạn đồng hành đồng cam chịu khổ với Trung Tông 14 năm. Tháng 1 năm 705 Trung Tông khôi phục địa vị hoàng đế và Vi Thị lại giành lại được địa vị cũ của mình, bà ta được phép can dự vào công việc triềuchính. Từ đó về sau, bà ta cấu kết với thông gia là Võ Tam Tư, trọng dụng những người thân thuộc, cho anh trai của bà là Vi Ơn nắm giữ quyền hành, hãm hại những trung thần, bà ta giết trọng thần Trương Giản Chí và thái tử Lí Trọng Tuấn, dung túng cho con gái là công chúa An Lạc bán quan tước, xây dựng chùa viện miếu mạo, áp bức trăm họ.

Tháng 5 năm 710, bà ta hại độc Trung Tông và lập Lí Trọng Mậu làm hoàng đế còn bà ta lâm triều nhiếp chính.

Tháng 6 năm 710, Lí Long Cơ phát động binh biến, xông vào hoàng cung giết chết Vi hậu.

THƯƠNG ĐẾ (LÍ TRỌNG MẬU)
(TRIỀU ĐƯỜNG)

Thương Đế, ông ta tên là Lí Trọng Mậu. Năm sinh và năm mất không rõ. Ông là con thơ của Trung Tông. Hoàng hậu Vi hạ độc Trung Tông và ngụy tạc di chiếu lập Lí Trọng Mậu làm hoàng đế. Ông ở ngôi chưa được một tháng thì bị công chúa Thái Bình và Lí Long Cơ phế truất. Chuyện về sau ra sao không rõ.

*

Thương Đế chọn ông làm Ôn Vương. Tháng 5 năm 710 hoàng hậu Vi hại độc giới Trung Tông, bà ta bí mật không phát tan ngụy tạo di chiếu lập ông làm thái tử. Bà ngày sau lập ông làm hoàng đế, ông đổi niên hiệu là "Đường Lang". mọi công việc triều chính do thái hậu Vi chấp nhận điều hành và cử thêm Tương Vương Lí Đán trợ giúp. Tháng 6 năm 710 Lí Long Cơ giết chết thái hậu Vi, ông ta cùng công chúa Thái Bình vạch kế hoạch để lập Lí Đán làm hoàng đế, Lí Trọng Mậu không hề biết gì về chuyện đó. Ngày Giáp Thìn, Lí Trọng Mậu thiết triều từ sớm, đợikhi các đại thần đến đông đủ, công chúa Thái Bình bước ra và nói: "Xin bệ hạ hãy nhường ngôi cho thúc phụ (chỉ Lý Đán), các đại thần thấy ý kiến này ra sao?" Cácđại thần hôm trước đã được công chúa Thái Bình mời tới bàn bạc, họ nhất loạt tán thành chuyện nhường

ngôi. Công chúa Thái Bình đi đến trước mặt Trọng Mậu và cao giọng nói: "Lòng người đều quy thuận Tương Vương, chỗ nàykhông còn là chỗ ngồi của một đứa trẻ như cháu, cháu hãy nhanh nhanh đứng dậy đi". Trọng Mậu mặc nhiên vẫn ngồi đó,không biết mình đã phạm phải lỗi lầm gì. Công chúa Thái Bình tiến đến kéo Trọng Mậu ra khỏi ngai vàng. Lí Đan tiến đến ngai vàng và ngồi xuống, Trọng Mậu đành phải cúi đầu đứng cạnh và bị giáng làm Ôn Vương, về sau lại phong làm Sở Vương. Trong lịch sử gọi ông là Thương Đế hay còn gọi là Thiều đế.

Được một thời gian, anh trai của Dạng Đế là Tiêu Vương Lí Trọng Phú khởi binh và cư trú ở Lạc Dương, Trọng Phù không phục chuyện Lí Đán tự lên ngôi nên đã phong cho Dạng Đế làm hoàng thái đệ. Được ít lâu, Trọng Phù bị bại trận chết, tình hình của Thương Đế ra sao không rõ.

DUỆ TÔNG (LÍ ĐÁN)
(TRIỀU ĐƯỜNG)

Duệ Tông, ông ta tên là Lí Đán (662-716) ông còn có tên là Lí Luân. Ông là con trai thứ 8 của Đường Cao Tông. Ông hai lần được lập làm hoàng đế. Tổng cộng trị vì được 2 năm, sau đó nhường ngôi cho Huyền Tông Lí Long Cơ, ông bị ốm chết. Hưởng thọ 55 tuổi. Mai táng ở Kiều Lăng (nay thuộc núi Phong tình Thiểm Tây)

Lí Đán là con trai của Võ Tắc Thiên. Hồi đầu ông được phong làm Án Vương, rồi đổi thành Dụ Vương, tiếp đó lại phong làm Tương Vương. Tháng 2 năm 684 Võ Tắc Thiên phế truất Trung Tông, ngày Kỉ Mùi tháng 2 lập Lí Đán làm hoàng đế, đổi niên hiệu là "Văn Minh". Sau khi tiếp nhận ngôi báu, Võ Tắc Thiên ra lệnh cho ông phải sống trong thâm cung, không được phép can dự vào công việc triều chính, mọi việc quốc gia đại sự do Võ Tắc Thiên xử lý. Ngày Ất Dậu tháng 2 năm 690, Võ Tắc Thiên tự xưng làm hoàng đế và phế truất Lí Đán, phong cho ông ta làm Hoàng tự, đổi họ của ông thành họ Võ. Năm 705 Trung Tông khôi phục lại ngôi vị hoàng đế nên phong cho Lí Đán làm Tương Vương và lập làm thái tử. Năm 710, Trung Tông bị hại chết, con trai của Lí Đán là Lý Long Cơ dẫn quân Vũ Lâm xông vào cung giết hoàng hậu Vi. Ngày Giáp Thìn tháng 6 Lí Long Cơ giúp Lí Đán lấy lại ngôi báu, phế truất Thương Đế, và ông cho đổi niên hệu là "Cảnh Vân".

Lí Đán là một kẻ bất tài. Sau khi phục vị, ông lập Lí Long Cơ làm thái tử và cho phép công chúa Thái Bình tham dự triều chính. Đây chính là đầu mối của cuộc đấu tranh giữa công chúa Thái Bình và thái tử. Công chúa Thái Bình một lòng một dạ muốn trừ bỏ thái tử, có quá nửa là tay chân của công chúa Thái Bình, vì thế tạo ra cục diện không ổn định, triều đình hỗn loạn.

Ngày Ất Sửu tháng 7 năm 712, Lí Đán nhường ngôi cho thái tử Lí Long Cơ và tự xưng là Thái Thượng hoàng.

Tháng 6 năm 716 ông mất tại điện Bách Phúc cung Trường An.

Hiệu miếu của ông là Duệ Tông.

HUYỀN TÔNG (ĐƯỜNG MINH HOÀNG)
(TRIỀU ĐƯỜNG)

Huyền Tông, ông ta tên là Lí Long Cơ (685-762) ông là con trai thứ ba của Đường Duệ Tông. Ông được cha nhường ngôi. Ông trị vì 44 năm. Ông nhường ngôi ốm rồi ốm chết. Mai táng ở Thái Lăng (nay thuộc núi Kim Túc tỉnh Thiểm Tây).

Lí Long Cơ lúc đầu được phong là Sở Vương. Về sau được đổi lại phong làm Tư, Lâm Vương. Ông bị hoàng hậu Vi vu cáo hãm hại, do đó năm 710 ông cáo từ làm quan quay về kinh thành sống nhàn cư không màng chuyện triều chính. Tận mắt nhìn cảnh hoàng hậu Vi lọng hành thâu tóm triều đình, ông biết sớm muộn gì bà ta cũng đoạt ngôi báu do vậy đành ra tay cứu vớt quốc

gia, ông tích cực vận động và triệu tập các dũng sĩ, đặc biệt ông còn giao lưu kết thân với các mãnh tướng trong đội quân Vũ Lâm. Được một thời gian hoàng hậu Vi bộc lộ bản chất và dã tâm của mình, bà ta sát hại Trung Tông, bí mật không phát tang, bà ra lệnh cho anh em nhà họ Vi và thuộc hạ dẫn 50.000 binh lính trấn giữ kinh thành. Chuẩn bị lên ngôi hoàng đế. Lí Long Cơ không đợi bà ta xưng đế, ông dẫn quân Vũ Lâm xông vào cung giết hoàng hậu Vi và công chúa An lạc, tiếp đó diệt hết những người trong dòng họ Vi và dòng họ Võ. Nhờ sự hiện diện của công chúa Thái bình, giúp Duệ Tông lấy lại ngôi vị hoàng đế. Lí Long Cơ được tấn phong là Bình Vương và được phong làm hoàng thái tử. Ngày Canh Tí tháng 8 năm 712 Duệ Tông nhường ngôi cho Lí Long Cơ, ông đổi niên hệu là "Tiên Thiên".

Việc ông tiếp nhận ngôi báu khiến công chúa Thái Bình vô cùng tức tối, định giơ nanh vuốt ra hại chết Long Cơ, nhưng ý định đố đã bị Long Cơ cảnh giác cao độ. Năm 710 công chúa Thái Bình phát động binh biến hòng lật đổ Long Cơ. Nhận được mật báo, Lí Long Cơ hạ chiếu giết công chúa Thái Bình và vây cánh của cô ta, bình ổn được cục diện chính trị.

Giai đoạn đầu Lí Long Cơ là một minh quân nhưng đến cuối đời lại là một hôn quân. Khi mới đăng cơ, ông hăng hái lo việc trị nước an dân, quyết tâm khôi phục sự nghiệp do Đường Thái Tông xây dựng. Ông luôn quan tâm tới việc trọng dụng nhân tài và thu nạp lời trung tín. Ở trong kinh thành ông tuyển chọn những người có tài cán phái bọn họ ra ngoại tỉnh làm đô đốc làm lại sử, đồng thời cũng chọn những người kiệt xuất trong đám đô đốc, lại sử ở các địa phương, cho bọn họ vào kinh giữ những chức vụ quan trọng. Đối với những quan lại bất tài, ông kiên quyết bãi chức của bọn họ. Năm 716, ông cho tổ chức cuộc thi ở cung điện để chọn ra các huyện lệnh có tài và ông đuổi cổ hơn 40 viên huyện lệnh bất tài về nhà. Ông trọng dụng những người như: Diêu Sùng, Trương Gia Trinh, Trương Thuyết, Hàn Hưu, Trương Cửu Lĩnh... làm tể tướng. Những người này đều có sở trường riêng, bọn họ trung thực hiền lương, xử lý công việc triều chính có tình có lý. Trong bọn họ người có nhiều công lao nhất phải kể đến Diêu Sùng, Lí Long Cơ triệu tập gọi Diêu Sùng về kinh, cho làm tể tướng, Diêu Sùng nêu ra mười điều kiện; ví dụ ông ta muốn Lí Long Cơ phải lấy nhân nghĩa làm đầu xử lý công việc, bãi binh không đi xâm lược, không cho phép hoàng thân quốc thích và thái giám can dự vào công việc triều đình, cho phép quần thần được bày tỏ ý kiến. Lí Long Cơ đáp ứng và hứa sẽ làm theo mười điều kiện của Diêu Sùng đưa ra. Sau khi Diêu Sùng nhận chức vị tể tướng, đã sai áp chế bọn cường hào, giảm bớt tăng ni, ngăn chặn và khắc phục hậu quả thiên tai, Diêu Sùng còn giúp đỡ Lí Long Cơ chỉnh đốn cục diện hỗn loạn trong triều còn sót lại từ thời Trung Tông, Diêu Tông được dân chúng tin yêu và gọi là "tể tướng cứu tinh".

Thời gian này, Lí Long Cơ rất chịu khó thu nạp lời can gián. Đại thần Hàn Hưu và đại thần Tiêu Tung cùng nhau nắm giữ công việc trong triều, Hàn là người thẳng thắn trung thực, nếu thấy Lý Long Cơ có lỗi có khuyết điểm đều thẳng thắn vạch ra, còn Tiêu Tung tương phản hoàn toàn với Hàn Hưu, ông đều chiều theo mọi ý kiến của Lí Long Cơ. Một lần, Lí Long Cơ soi gương mặt lộ vẻ buồn rầu thấy vậy Nội thị của Long Cơ nói: "Từ khi Hàn Hưu làm tướng, bệ hạ gầy đi nhiều, chi bằng bãi miễn chức vụ của Hàn Hưu đi". Huyền Tông trả lời một cách nghiêm túc: "Khi Tiêu Tung tấu trình công việc, nhất loạt đều theo ý trẫm, khi ông ta đi khỏi, trẫm không thấy yên tâm". Hàn Hưu thường cùng trẫm tranh luận, ông ta đi khỏi, trẫm thấy tâm lý thoải mái và rất yên tâm, ngủ cũng rất ngon giấc. Trẫm trọng dụng Hàn Hưu là để giúp trẫm xử lý công việc quốc gia".

Do Lí Long Cơ trọng dụng hiền tài, cổ vũ sai xuất, cải cách bộ máy quan lại, bình ổn mâu thuẫn xã hội, nhờ vậy nền kinh tế và nền văn hóa phát triển đỉnh cao.

Nhưng, khi giành được một số thành quả đáng kể, Lí Long Cơ cho rằng thiên hạ đã thái bình, dân đã ấm no, ông ta dần đánh mất bản chất của mình sinh ra kiêu căng ngạo mạn và chạy theo thói hưởng lạc đời thường. Những lời can gián trung thực không còn làm Long Cơ quan tâm, ngược lại ông cho rằng đó là sự áp chế, ông chọn dùng những kẻ luôn tuân theo ý chỉ của ông ta. Lí Lâm Phù là một kẻ bất tài vô học, không có tài cán gì chỉ biết luồn cúi nịnh hót. Lí Lâm Phù câu thông với một số phi tử và hoạn quan trong cung nhờ họ chú ý xem xét ý kiến và

sở thích của Lí Long Cơ, sau đó ông ta răm rắp chiều theo. Lí Long Cơ bàn bạc chuyện gì đó với Lí Lâm Phù thì không bao giờ Lâm Phù đưa ra ý kiến của riêng mình mà thường đón ý Long Cơ, điều đó khiến Long Cơ rất vui thích, vì vậy Lí Long Cơ bãi miễn chức tể tướng của Trương Cửu Lĩnh và phong Lí Lâm Phù làm tể tướng. Lí Lâm Phù là kẻ lòng lang dạ sói, miệng nam mô bụng bổ dao găm, ông ta nhận chức vụ tể tướng vào năm thứ 19 (kể từ khi Long Cơ lên ngôi), Lâm Phù bài trừ các đại thần trung trực và có tài, hắn trọng dụng tiểu nhân vô dụng, phong tỏa mọi tin tức không cho Long Cơ biết, dẫn đến cảnh triều đình hỗn loạn.

Năm Lí Long Cơ 61 tuổi, ông ta đã gặp được Dương quý phi và vô cùng sủng ái cô ta, ông phong cho hai anh trai của cô ta làm quan và phong cho hai chị gái cô ta làm phu nhân. Cả ngày Long Cơ cùng cô ta nghe kịch uống rượu, lười nhác thiết triều - còn tìm mọi cách đáp ứng những yêu cầu xa xỉ của cô ta. Một lần, Dương Quí Phi muốn ăn vải còn tươi nguyên, Lý Long Cơ sai quan viên ở Lĩnh Nam (thuộc Quản Đông và Quảng Tây) ngày đêm phi ngựa đi không mệt mỏi mang về kinh thành dâng cho quý phi. Dương Quí Phi am hiểu âm nhạc giỏi về ca vũ nên Lí Long Cơ sai gọi đại thi nhân Lí Bạch vào cung để ông ta làm thơ ca ngợi Quý Phi.

Được vài hôm Lí Bạch chán ngán cảnh nhục bại trong cung, bị đắc tội với Dương Quí Phi nên Lí Long Cơ đã trục xuất Lí Bạch ra khỏi kinh thành.

Lí Lâm Phù chết, Dương Quốc Trung tiếp nhận ngôi vị tể tướng. Hắn cũng là kẻ tiểu nhân, chỉ vì ân oán cá nhân mà sẵn sàng hại người trung thực. Thời Lí Long Phù còn đương chức, An Lộc Sơn (người Hồ) được Lí Long Cơ sai làm tiết độ sứ ở: Phạm Dương (nay thuộc phía Tây Nam thành phố Bắc Kinh), Bình Lư (nay thuộc huyện Triều Dương tỉnh Liêu Ninh) và Hà Đông (nay thuộc phía Tây Nam thành phố Thái Nguyên tỉnh Sơn Tây), An Lộc Sơn rất được trọng dụng, ông ta thân hình béo tới bụng phệ. Một lần Lí Long Cơ hỏi đùa ông ta; "Bụng khanh to như vậy, bên trong chứa cái gì vậy?". An Lộc Sơn trả lời: "Bụng của thần chỉ chứa đựng lòng trung thành đối với bệ hạ". Nghe vậy, Lí Long Cơ rất vui, liền phong cho An Lộc Sơn làm quan chủ chốt ở trong thành và cho phép Dương Quý Phi nhận An Lộc Sơn làm dưỡng tử. Dương Quốc Trung và An Lộc Sơn tranh giành nhau quyền lực, hai người bọn họ coi thường lẫn nhau, mâu thuẫn giữa họ ngày càng gay gắt. An Lộc Sơn thường đi ra đi vào kinh thành Trường An, thấy binh lực ở kinh thành không nhiều mà phòng bị lại lỏng lẻo, vì vậy nảy sinh ý định đoạt ngôi. Ông ta về Lạc Dương chiêu binh mua ngựa, sắm sanh vũ khí, tích trữ lương thảo, chuẩn bị cướp đoạt giang sơn của nhà Đường. Các hạ thần tấu trình An Lộc Sơn có mưu đồ tạo phản nhưng Lí Long Cơ nhất định không tin. Mãi đến khi An Lộc Sơn bãi miễn 32 danh tướng ở Phạm Dương và cự tuyệt lời tuyên hiệu của Long Cơ, lúc đó Lí Long Cơ mới bắt đầu nghi ngờ An Lộc Sơn nhưng cũng không đề phòng.

Năm 755, An Lộc Sơn lấy danh nghĩa chinh phạt Dương Quốc Trung, đã thống lĩnh 150.000 quân làm loạn ở Phạm Dương và tiến xuống phía Nam. Tin tức truyền đến kinh thành lúc đầu Lí Long Cơ không tin, đến khi bọn An Lộc Sơn đến sát kinh thành Lí Long Cơ mới hoảng hốt tìm cách chống đỡ, nhưng đành bó tay bất lực. Dương Quốc Trung lo ngại các tướng lĩnh lập công thì sẽ bất lợi cho bản thân mình, vì thế xúi bầy Lí Long Cơ cứ nhắm mắt làm bừa khiến quân Đường bị thua trận, bọn phản loạn chiếm được vùng Lạc Trung và Đống Quan, tiến thẳng tới Trường An. Lí Long Cơ nghe lời khuyên của Dương Quốc Trung nên dẫn Dương Quí Phi chạy tới Tứ Xuyên và sai người đi thông báo cho quan lại chuẩn bị tiếp đón. Không ngờ mới đi đến cung Vọng Hiến Thành Hán Dương, thì huyện lệnh chạy trốn hết, không có người cung cấp lương thực. Huyền Tông ra lệnh cho bà con trăm họ cống tiến lương thực nhân dân dâng tiến cao lương, bánh mản thầu, ông miễn cưỡng ăn phải miếng ngói cứ ngồi khóc. Có một ông già râu tóc bạc phơ đến trước xe và xin cầu kiến: "An Lộc Sơn ôm trong lòng ý định đoạt ngôi, bệ hạ bị ông ta lừa gạt do đó mới dẫn đến kết cục ngày hôm nay. Trước kia Tống Cảnh làm tể tướng nhiều lần can gián nói những lời trung thực, bệ hạ đều thu nhận ý kiến của ông ta thiên hạ thái bình. Mấy năm qua, triều đình không có trung thần chỉ toàn là tiểu nhân vô lại nắm giữ triều chính, bệ hạ bị bọn họ che mắt chụp mũ, không hiểu hết tình hình trong thiên hạ. Chúng thần là thường dân cư trú ở thôn xóm nhưng cũng biết thiên hạ đại loạn, tiếc rằng không có cách gì gặp mặt bệ hạ để tấu trình việc trong thiên hạ". Lí Long Cơ thở dài nói: "Trẫm thật hồ

đồ hôm nay có hối hận cũng quá muộn rồi".

Đoàn quân vừa đi vừa nghỉ, ngày thứ ba đi đến trạm dịch Mã Ngôn (nay thuộc phía Tây huyện Hưng Bình tỉnh Thiểm Tây), tướng lĩnh và quân lính đều mệt và đói, nghĩ đến sự lộng hành và sự ngu dốt của Dương Quốc Trung khiến bọn họ khổ sở. Càng nghĩ ngợi người càng hận Dương quốc Trung, Trần Huyền Lễ dẫn đầu quân lính đến túm lấy đầu ngựa của Quốc Trung luận tội Dương Quốc Trung về việc quân lương, thừa cơ ông ta đang hoảng hốt lôi ông ta xuống ngựa và chém chết, Thi thể của Dương Quốc Trung bị chặt thành nhiều đoạn còn thủ cấp bị treo lên trước cửa trạm cho ba quân xem. Bọn họ hùng hổ kéo đến bao vây dịch quán nơi Dương Quý Phi và Lí Long Cơ đang nghỉ ngơi, hò hét đòi giết người. Lí Long Cơ sai Cao Lực Sĩ đi thăm dò tình hình, biết được binh lính làm loạn còn Dương Quốc Trung bị giết, Lí Long Cơ hoảng hồn sai triệu tập: khanh sứ Ngụy Phương Tiến và Vi Kiến Trung để tìm cách khuyên giải quân lính. Quân lính phẫn nộ giết chết Ngụy Phương Tiến và đánh bị thương Vi Kiến Trung. Cao Lực Sĩ tấu trình Lí Long Cơ nên đích thân ra khuyên giải quân lính. Lí Đăng Cơ đành phải bước ra khỏi dịch quán cúi đầu trước ba quân nói một thôi một hồi. Nhưng binh sĩ kiên quyết đòi về nhà, Lí Đăng Cơ sai Cao Lực Sĩ đi hỏi Trần Huyền Lễ xem quân sĩ có yêu cầu gì. Trần Huyền Lễ đáp: "Dương Quốc Trung mưu phản đã bị giết, Dương Quý Phi cũng không đáng được sống, xin bệ hạ trừng trị cô ta" Cao Lực Sĩ nói: "Chuyện này tôi không dám bẩm báo". Binh sĩ tức giận hét lên: "Không giết Quý Phi, chúng tôi không hộ giá", và tiến đến vây đánh Cao Lực Sĩ. Cao Lực Sĩ hoảng hốt chạy về bẩm báo, Huyền Tông mặt mày thất sắc nói: "Quý Phi suốt ngày sống trong cung, không bao giờ can dự vào công việc triều chính, tại sao bị khép vào tội chết". Cao Lực Sĩ nói: "Quý Phi vô tội, nhưng các tướng sĩ đã giết Dương Quốc Trung, giữ lại Dương Quí Phi liệu cô ta có yên tâm không". Xin bệ hạ phê chuẩn nguyện vọng của tướng sĩ. Lòng tướng sĩ có an thì bệ hạ mới gặp an toàn". Huyền Tông bàng hoàng không nói lên lời. Hộ vệ Tư Lạc Vi đứng cạnh đó cũng quỳ xuống nói: "Lòng quân phẫn nộ, sự an nguy còn đang ở trước mắt, xin bệ hạ hãy mau chóng quyết định". Ông ta vừa nói vừa dập đầu xuống đất, khiến trán bị chảy be bét máu. Bên ngoài tướng sĩ hô to đòi giết quý phi, Cao Lực Sĩ nói: "Binh sĩ tiến đến rồi, bệ hạ không quyết đoán, họ sẽ giết Quý phi". Lí Long Cơ đành gạt nước mắt nói: "Trẫm không giữ được cô ấy rồi, hãy truyền thánh chỉ của trẫm cho cô ấy tự sát".

Dương Quý Phi nhận được thánh chỉ, kinh hãi ngã lăn ra đất. Một lúc sau, cô ta khóc và cầu xin được gặp mặt Lí Long Cơ. Cao Lực Sĩ dẫn cô ta đến trước mặt Huyền Tông, cô ta khóc quỳ lạy nói: "Xin bệ hạ bảo trọng". Lí Long Cơ không nhẫn tâm nhìn vẻ mặt đau thương của Quí Phi liền lấy ống tay áo che mặt khóc. Cao Lực Sĩ sợ binh lính xông vào, vội dẫn Quý Phi tới trước phật điện đợi cô ta lễ phát tổ, rồi đưa cô ta đến gốc cây bên ngoài điện, lấy ra một dải lụa trắng treo lên cành cây, quý phi quay về hướng bắc vái ba vái rồi nói: "Xin vĩnh biệt bệ hạ". Sau đó tự treo cổ chết.

Thời gian gần đây, hậu thế khảo chứng nói: Quý Phi không chết, cô ta chạy trốn bên nữ đạo sĩ. Nữ đạo sĩ thừa, làm kỉ nữ, còn kĩ viện thường đội danh am quán. Sau khi chạy vào am quán, đợi khi bình an được phản loạn, cô ta cũng không mặt mũi nào đi gặp Huyền Tông. Cũng có thuyết nói: Dương Quí Phi sau khi thoát thân đã chạy đến Nhật Bản.

Về phần các tướng sĩ nghe Quí Phi đã chết, họ hoan hô vang trời, quyết tâm bảo vệ Huyền Tông chạy đến phía Tây. Thái tử Lí Hanh được dân chúng giữ lại chủ trì công việc triều chính. Lí Hanh thu thập tân quân tiến lên phía Bắc, đi đến Linh Vũ (nay thuộc phía Tây Nam huyện Linh Vũ) Lí Hanh được lập làm hoàng đế và Lí Đăng Cơ được tôn là Thái thượng hoàng.

Sau khi dẹp yên được loạn An Sứ, tháng 12 năm 757 Lí Long Cơ quay về Trường An, sống nhàn cư ở điện Cam Lộ. Ông hoài niệm về những ngày phồn vinh, nghĩ đến cảnh thê lương trước mắt, ông lại thở dài, buồn rầu u uất, lâu dần thành bệnh. Tháng 4 năm 762 bệnh của ông chuyển ra nghiêm trọng, ông suốt ngày tưởng nhớ Dương Quí Phi. Truyền thuyết nói ông còn mời phương sĩ đến làm phép, để chờ triệu linh hồn Dương Quý Phi về gặp mặt. Một ngày trước khi chết, ông ta mới thổi sáo âm điệu rất thê lương buồn thảm, sau đó sai gọi cung nữ đến giúp ông ta tắm rửa thay quần áo. Tối hôm đó, trong phòng ông còn vang ra tiếng cười. Sáng hôm

sau (ngày Giáp Dần) cung nữ vào phòng đánh thức ông dậy đã thấy ông băng hà, chân tay cứng đờ.

Huyền Tông có nhiều đóng góp quan trọng đối với sự phát triển của: âm nhạc, ca vũ và Hí khúc. Từ nhỏ ông đã rất thích ca vũ hí kịch, có một lần, bà ngoại của ông là Võ Tắc Thiên cho mở yến tiệc, ông liền đứng lên biểu diễn: "Trường Mệnh Nữ" mua vui cho quần thần, được quần thần hoan nghênh nhiệt liệt về tài cán của ông. Ông giao du với các nghệ nhân, nỗ lực nghiên cứu quy luật của hí khúc, dò tìm âm luật. Sau khi lên ngôi hoàng đế, ông cho thành lập trung tâm biểu diễn hí khúc, tuyển định Lê viên làm nơi đặt trung tâm. Vì vậy, các nghệ nhân hí khúc thường tôn Huyền Tông làm tổ thần của rạp hát hoặc thánh nhân của hí khúc.

Hiệu miếu của ông được đặt là Huyền Tông, thụy hiệu là Minh Hoàng.

TÚC TÔNG (LÍ HANH)
(TRIỀU ĐƯỜNG)

Túc Tông, ông ta tên là Lí Hanh (711-762). Ông là con trai thứ ba của Đường Huyền Tông, sau cuộc binh biến ở trạm dịch Mã Ngôi, Huyền Tông chạy xuống phía Tây và nhường ngôi cho Lí Hanh. Lí Hanh trị vì được 6 năm thì chết trong cuộc binh biến ở cung đình. Mai táng ở Kiến Lăng (nay thuộc Vũ Tướng tỉnh Thiểm Tây).

*

Lí Hanh từng được phong làm Trọng Vương. Năm 738 ông được lập làm thái tử. Trong cuộc binh biến ở trạm Mã Ngôi, ông được Huyền Tông cho làm: "nguyên sư binh mã trong thiên hạ", ông làm tiết độ sứ ở: Hà Tây, Bình Lư, Sóc Lương, phụ trách việc dẹp yên phản loạn. Huyền Tông tiếp tục chạy xuống phía Tây còn Lí Hanh ở lại dẫn tàn quân tiến lên phía Bắc. Ngày Giáp Tí tháng 7 năm 756 Lí Hanh xưng đế ở Linh Vũ và tôn Huyền Tông làm thái thượng hoàng, ông đổi niên hiệu là "Chí Đức".

Sau khi xưng đế, ông trọng dụng danh tướng Quách Tử Nghĩa, ông mượn lính của Hời Ngật, tháng 6 năm 757 ông lấy lại thành Tây Kinh ở Trường An, tháng 10 năm 757 ông lấy được thành Đông Kinh ở Lạc Dương. Ông hẹn với quân Hời Ngật: "Nếu lấy được thành trì thì đất đai, nhân sĩ thuộc về nhà Đường còn vàng bạc và phụ nữ thuộc về Hời Ngật. Khi lấy lại được Lạc Dương thì đô thành này đã bị phá hoại nghiêm trọng. Thời kỳ dẹp yên phản loạn, ông tin dùng hoạn quan Ngư Triều Ân, cho phép thằng lính đại quân, khiến cho thế lực của bọn hoạn quan được dịp ngóc lên. Ông còn trọng dụng hoạn quan Lí Phụ Quốc, cho phép Lí Phụ Quốc thao túng chính quyền, điều đó làm cho thế lực của bọn hoạn quan ngày càng vững mạnh. Lí Hanh rất sủng ái hoàng hậu Trương dung túng cho bà ta can dự vào việc triều chính. Thời gian đầu hoàng hậu Trương và hoạn quan Lí Phụ Quốc cáu kết với nhau, về sau hoàng hậu Trương mưu lập Việt vương Lí Hệ làm người kế vị ngôi báu. Túc Tông cũng đồng ý với ý kiến của hoàng hậu. Lí Hệ hận sự chuyên quyền của Lí Phụ Quốc, do vậy quan hệ thân tình của hoàng hậu và Lí Phụ Quốc bị đổ vỡ.

Năm 762, Lí Hanh bị ốm nặng, vài tháng liền không thể thiết triều. Tháng 4, Huyền Tông chết, Lí Hanh thương tiếc cha do đó bệnh càng thêm nặng. Hoàng hậu Trương triệu kiến thái tử vào điện và nói: " Lí Phụ Quốc nắm giữ binh quyền, thế lực rất lớn, ông ta chỉ e ngại hai mẹ con ta. Bây giờ bệ hạ đang ốm nặng, Lí Phụ Quốc câu kết với Trình Nguyên Chấn, bọn họ có mưu đồ làm phản chúng ta phải loại bỏ bọn họ". Thái tử khóc và nói: "Phụ hoàng đang ốm nặng, không nên để phụ hoàng biết chuyện. Nếu chúng ta ra tay trừ bỏ Lí Phụ Quốc, con e rằng phụ hoàng sẽ kinh hãi mà tổn tại tới ngọc thể. Con nghĩ chuyện này tạm thời không bàn đến". Sau khi thái tử ra về, hoàng hậu Trương lập tức sai gọi con thứ của Lí Hanh là Việt Vương Lí Hệ để cùng bàn bạc. Lí Hệ lập tức sai hoạn quan Ân Hằng Tuấn chọn ra 200 thái giám khỏe mạnh và phát binh khí cho những thái giám đó, chuẩn bị động thủ. Trong các thái giám có người đi tấu trình cho Lí Phụ Quốc biết chuyện, Lí Phụ Quốc và Trình Nguyên Chấn sai thuộc hạ đi nghe ngóng tin tức, vừa hay bọn họ gặp thái tử đi vào cung thăm phụ hoàng. Lí Phụ Quốc trả vờ thái

tử trong cung có biến để cản trở thái tử vào đó và sai thuộc hạ bắt thái tử giam ở điện Phi Long. Lí Phụ Quốc giả truyền mệnh lệnh của thái tử cổ động cấm vệ quân xông vào cung bắt giữ Lí Hệ và Ân Hằng Tuấn, rồi giam hai người vào ngục. Hoàng hậu Trương biết tin có biến bà ta biết ý đồ của mình bị bại lộ liền chạy tới chỗ Lí Hanh ẩn trốn. Lí Phụ Quốc sai lính xông vào đó bắt giữ hoàng hậu, hoàng hậu Trương nhất định không chịu, bà khéo than và và cầu Lí Hanh cứu giúp. Lí Hanh thất kinh nói không ra câu. Lí Phụ Quốc thừa cơ lôi hoàng hậu đi, do kinh hãi nên bệnh của Lí Hanh càng nguy kịch, thêm vào đó không có người thăm hỏi, nên ngay ngày hôm đó ông băng hà tại điện Trường Sinh.

Hiệu miều của Lí Hanh được đặt là Túc Tông.

ĐẠI TÔNG (LÍ DỰ)
(TRIỀU ĐƯỜNG)

Đại Tông, ông ta tên là Lí Dự (726-779). Ông là con trưởng của Đường Túc Tông. Ông kế vị sau khi Túc Tông chết. Ông trị vì 17 năm bị ốm chết. Hưởng thọ 53 tuổi Mai táng ở Nguyên Lãng (nay thuộc huyện Phú Bình tỉnh Thiểm Tây).

Lí Dự được phong làm Quảng Bình Vương, rồi được tấn phong làm Sở Vương. Sau cuộc biến của trạm dịch Mã Ngôn ông hộ tống Túc Tông tiến lên phía Bắc và được phong làm "Nguyên Sư binh mã", thống lĩnh chủ tướng thu hồi thành Đông Kinh và Tây Kinh. Năm 758 ông được phong làm hoàng thái tử. Tháng 4 năm 762 Túc Tông chết, ngày Quý Tị tháng 4 Lí Phụ Quốc lập ông làm hoàng đế, đổi niên hiệu là "Bảo Ứng".

Lí Dự tiếp nhận ngôi báu, Lí Phụ Quốc rất lộng hành và thường nói với Lí Dự: "Bệ hạ cứ việc nghỉ ngơi trong cung, mọi việc bên ngoài cứ để thần lo liệu". Lí Dự tuy không bằng lòng nhưng binh quyền lại trong tay Phụ Quốc ông đành phải cầu toàn và gọi Lí Phụ Quốc làm thượng phụ, mọi chuyện to nhỏ ông đều phải thông qua Lí Phụ Quốc rồi mới dám quyết định.

Năm 763, triều đình dẹp yên được loạn An Sử. Nhưng di chứng của nó để lại rất nghiêm trọng, nguyên khí quốc gia bị hao tổn, đang từ một vương triều hưng thịnh trở thành một vương triều suy yếu. Phía Đông có phiên trấn cát cứ, phía Tây bị tộc Thổ Phiên gây nhiễu, phía Bắc bị tộc Hời Ngật dùng ngựa để đổi lụa là.

Lí Dục lại mê tín tin Phật Giáo, ông ta chiếm nhiều ruộng vườn và nhà cửa của nhân dân để lấy chỗ xây chùa chiền, nền kinh tế tài chính của quốc gia ngày càng đi xuống.

Ngày Tân Dậu tháng 5 năm 779, Lí Dụ ốm nặng, ông sai triệu thái tử Lí Thích giám sát việc nước tuyên triệu Quách Tử Nghĩa vào cung nhiếp chính. Tối hôm đó ông mất tại cung Trường An.

Hiệu miếu của ông được đặt là Đại Tông.

ĐỨC TÔNG (LÍ THÍCH)
(TRIỀU ĐƯỜNG)

Lí Thích (742-805). Ông là con trưởng của Đường Đại Tông. Ông kế vị sau khi cha chết. Ông trị vì 26 năm, sau đó do thương xót thái tử (bị bệnh câm điếc) nên sinh bệnh mà chết. Hưởng thọ 64 tuổi, mai táng ở Sùng Lãng (nay thuộc huyện Kinh Dương tỉnh Thiểm Tây).

*

Năm 764 Lí Thích được lập làm thái tử, tháng 5 năm 779 Đại Tông chết, ngày Quý Hợi tháng 5 Lí Thích làm lễ đăng cơ, ông đổi niên hiệu là "Kiến Trung".

Trong thời gian trị vì, ông cho điều chỉnh chế độ tô thuế, ông có ý định chặt bỏ thế lực cát cứ Phiên Trấn, tăng cường chế độ tập quyền trung ương. Nhưng do sắp xếp không thỏa đáng,

nghi kị tướng lĩnh vì vậy không đạt được thành quả mong muốn. Tháng 10 năm 783 tiết độ sứ ở Kinh Nguyên đã dẫn 5000 lính làm phản chiếm lĩnh Trường An. Lí Thích hoảng hốt chạy đến Phụng Thiên (nay thuộc huyện Càn tỉnh Thiểm Tây). Tháng 2 năm 784 tiết độ sứ ở Sóc Phương (nay thuộc phía Tây huyện Linh Vũ tỉnh Thiểm Tây) là Lí Hoài Quang tạo phản, Lí Thích lại phải chạy về Hán Trung, tháng 7 mới quay về Trường An. Từ đó ông nhân nhượng đối với Phiên Trấn. Về sau ông trọng hiền thần Lí tát làm tể tướng, bắt tay hòa bình với Hới Ngật, tạm thời ổn định cục diện. Nhưng Lí Thích lại chọn dùng hoạn quan làm thống sư, mở rộng cầm quân, bắt các quan địa phương cống tiền tài của và vật chất, thu thuế chè... tăng áp lực với nhân dân khiến cho mâu thuẫn xã hội ngày một gay gắt.

Mẹ đẻ của Lí Thích là Thẩm Thị vốn cư trú trong cung Lạc Dương, trong cuộc loạn An Sử, bà ta lưu lạc ở đâu không rõ. Sau khi Lí Thích tiếp nhận ngôi báu đã tôn bà ta làm thái hậu và sai người đi khắp nơi tìm kiếm bà ta. Một thời gian có Lão phu nhân tự xưng là thái hậu, những cung nữ và hoạn quan trước đây phục vụ Thẩm Thị được vời đến cung để nhận mặt Thẩm Thị. Trong số các cung nữ có một người tên là Lí Thận, trước đây cô ta từng hầu hạ kề cận bên Thẩm Thị, cô ta nhớ có lần Thẩm Thị chặt thịt để nấu cháo cho Lí Thích, nhưng chẳng may bà ta phải chặt phải ngón tay út bên trái. Cô ta thấy bà lão giống y hệt Thẩm Thị tuổi tác cũng trạc tuổi Thẩm Thị và ngón út tay trái cũng bị mất, cô ta nhận định đây là Thẩm Thị. Liền nghênh đón bà lão vào cung và báo cho Lí Thích biết chuyện. Lí Thích vui mừng phong bà ta làm thái hậu. Nhưng được vài hôm con nuôi của Cao Lực Sĩ là Cao Thừa Thuyết mật báo với Lí Thích: bà lão đó không phải là Thẩm Thị mà là chị gái của anh ta, anh ta sợ chuyện liên lụy đến mình và bị rước họa vào thân nên đã tố cáo sự thật với Lí Thích. Lí Thích sai cháu nuôi của Cao Lực Sĩ đi nhận mặt quả nhiên đúng là bà cô của anh ta và là con gái nuôi của Cao Lực Sĩ, lúc này lão phu nhân hoảng hồn xin nhận tội. Hóa ra thời trẻ bà ta thường sống trong cung với Thẩm Thị, tướng mạo của hai người khá giống nhau và tuổi tác giống nhau, ngón út bên tay trái bị đứt do bà ta bổ dưa không cẩn thận. Thấy hoàng hậu mong mỏi tìm mẫu thân, bà ta ham vinh hoa phú quý nên dựng lên màn kịch xấu xa đó. Cháu của bà ta trung thực bẩm báo xin tha tội cho lão phu nhân. Đức Tông cười đáp: "Trẫm vốn dĩ bị mắc lừa nhiều lần nhưng vẫn hy vọng có một lần là sự thật, để thỏa mãn nguyện vọng. Nếu trẫm trừng phạt lão phu nhân thì lần sau có ai dám báo cáo chuyện thái hậu lưu lạc". Sau đó ông hạ lệnh phóng thích lão phu nhân, không hỏi han tội trạng, nhưng vẫn không tìm kiếm được thái hậu Thẩm.

Tháng 1 năm 805 thái tử Lí Tụng bị trúng gió nên bị câm, Lí Thích thương xót cho số phận của con trai nên sốt bệnh. Ngày Quý Tị ông mất tại điện Hội Ninh. Hiệu miếu của ông được đặt là Đức Tông.

THUẬN TÔNG (LÍ TỤNG)
(TRIỀU ĐƯỜNG)

Thuận Tông, ông ta tên là Lí Tụng (761-806). Ông là con trưởng của Đường Đức Tông. Ông kế vị sau khi cha chết. Ông trị vì được 8 tháng thì bị hoạn quan ép phải thối vị, sau đó ốm chết. Hưởng thọ 46 tuổi. Mai táng ở Phong Lăng (nay thuộc huyện Phú Bình tỉnh Thiểm Tây).

*

Lí Tụng được phong làm Tuyên Vương. Năm 779 được lập làm thái tử. Ông không hài lòng với sự chuyên quyền của hoạn quan nên thường bàn bạc với Vương Thúc Văn và Vương Phệ vạch kế hoạch cải cách triều chính và chú trọng chọn dùng nhân tài. Tháng 1 năm 805 Lí Tụng trúng gió nên bị câm. Đức Tông thương xót số phận hẩm hiu của Lí Tụng nên bị ốm chết. Ngày Bính Thân tháng 1 ông lên tiếp nhận ngôi báu.

Sau khi đăng cơ, ông trọng dụng những học sĩ trong viện Hàn Lâm, ví dụ như: Vương Thúc Văn, Vương Phệ, ông cho thực hiện cải cách và dùng những phương pháp cải cách của: Hàn Thái, Hàn Hoa. Liễu Tông Nguyên, Trần Gián, Trình Di... ông trừng phạt bọn tham quan... trong lịch sử gọi là "cuộc cách tân của Vĩnh Trinh". Nhưng cuộc cải cách này xâm phạm đến quyền lợi và lợi ích của bọn hoạn quan do đó Câu Văn Trân đã cầm đầu bọn hoạn quan và mượn danh

nghĩa của Lí Tụng đã phế bỏ chức vị học sĩ Hàn Lâm của Vương Thúc Văn. Vương Thúc Văn lại cùng Lí Tụng vạch kế hoạch để thu hồi binh quyền của bọn hoạn quan, phái lão tướng Phạm Hi Triều đi tiếp quản quân Cấm vệ quân. Tướng lĩnh đại đô của cấm vệ quân lại là tay chân thân tín của hoạn quan nên ông ta từ chối giao quân đội. Tháng 8 năm 805, Lí Tụng lạ bị trúng gió. Ngày Canh Tí, Câu Văn Trân liên kết với thế lực Phiên Trấn, phản đối công cuộc cải cách, bọn chúng lấy Lí Tụng bị câm không thể quyết định mọi công việc nên đã ép Lí Tụng thối vị và tôn ông làm thái thượng hoàng, đổi niên hiệu là "Vĩnh Trinh" và lập thái tử Lí Thuần lên kế vị ngôi báu và trừng phạt phái cải cách của Vương Thúc Văn. Ngày Giáp Thân tháng 1 năm 806, Lí Tụng ốm chết.

Hiệu miếu của Lí Tụng được đặt là Thuận Tông.

HIẾN TÔNG (LÍ THUẦN)
(TRIỀU ĐƯỜNG)

Hiến Tông, ông ta tên là Lí Thuần (778-820). Ông ta là Đường Thuận Tông. Các hoạn quan ép Thuận Tông kế vị và lập Lí Thuần làm hoàng đế. Ông trị vì được 12 năm bị bọn hoạn quan hại độc chết. Hưởng thọ 42 tuổi. Mai táng ở Cảnh Lăng (nay thuộc núi Kim Xỉ cách 13 km về phía Tây Bắc huyện Bố Thành tỉnh Thiểm Tây).

Lí Thuần được phong làm Quảng Lăng Vương. Thời Thuận Tông trị vì đã lập công làm thái tử. Tháng 8 năm 805 hoạn quan Câu Văn Trân ép Thuận Tông thoái vị, lập Lí Thuần làm hoàng đế, ông đổi niên hiệu là "Nguyên Hòa".

Sau khi Lí Thuần tiếp nhận ngôi báu, ông mưu cầu tước bỏ cát cứ Phiên Trấn, khôi phục sự thống nhất ở triều Đường. Hồi đầu, ông lợi dụng mâu thuẫn giữa Phiên Trấn để dẹp yên phản loạn của Lưu Tịch ở Tứ Xuyên và Lí Kỳ ở Giang Nam, chỉnh đốn tài của và tô thuế ở vùng Giang Hoài chiêu hàng tiết độ sứ của Phiên Trấn ở vùng Hà Bắc là Điền Hoằng Chính, trọng dụng tướng Lí Sóc... tiêu diệt lực lượng của tiết độ sứ ở Hoài Tây là Ngô Nguyên Tế khiến cho các tướng lĩnh ở Phiên Trấn liên tiếp đến quy hàng, Trung Quốc tạm thời được thống toàn bộ. Nhưng trong cuộc chiến của Phiên Trấn ông ta lại tin tưởng hoạn quan, ông cho thái giám Thổ Đột Thừa Thôi làm chỉ huy cấm vệ quân. Thừa Thôi còn được phụ trách đạo hành doanh binh mã ở Hà Trung, Hà Dương Triết Tây..., các hoạn quan được dẫn binh đi chinh chiến, điều đó làm cho thế lực của bọn hoạn quan ngày một lớn mạnh. Các đại thần tấu trình Lí Thuần nên phòng trừ thế lực của bọn hoạn quan, ông ta nhất định không nghe và trả lời một cách tự tin. "Thổ Đột Thừa Thôi chẳng qua cũng chỉ là một gia nô, cho dù thế lực của anh ta lớn như thế nào trẫm cũng không trừ bỏ anh ta, làm vậy khác gì nhổ đi râu tóc của mình".

Sau khi giành được một số thành tựu, Lí Thuần cho rằng mình lập được không ít chiến công đối với thiên hạ, ông muốn tìm thuốc trường sinh bất lão để hưởng thụ mọi thú vui trong cuộc đời. Năm 818, ông hạ chiếu tìm kiếm phương sĩ. Tể tướng Hoàng Phụ Bác dẫn tới triều trình một tiên nhân tên là Liễu Tất và nói rằng vị tiên nhân này có thể tìm ra phương thuốc trường sinh. Năm sau Lí Thuần bắt đầu dùng "thuốc trường sinh", tính tình ông dần hung ác và quái vật, thường trách mắng hoặc giết hại các hoạn quan. Bọn hoạn quan chia làm hai phái: phái của Thổ Đột Thừa Thôi muốn lập Lí Uẩn làm thái tử còn phái của Lương Thủ Hiền và Vương Thủ Đăng lại muốn giúp Lí Hằng kế vị ngôi báu.

Đêm ngày Canh Tí tháng 1 năm 820 hoạn quan Vương Thủ Đăng và Trần Chí Hoằng muốn ép Lí Hằng làm hoàng đế nên bọn họ vào tẩm cung giết Lí Thuần sau đó chấn giữ ở cửa cung, không cho quần thần vào bọn họ nói: "hoàng thượng uống thuốc trường sinh độc phát ra" và họ giả truyền di chiếu lập Lí Hằng lên ngôi, sau đó giết chết Thổ Đột Thừa Thôi.

Từ đó trở đi, chuyện lập hoặc phế bỏ hoàng đế thời triều Đường đều do bọn hoạn quan thao túng. Hiệu miếu của Lí Thuần được đặt là Hiến Tông.

*

MỤC TÔNG (LÍ HẰNG)
(TRIỀU ĐƯỜNG)

Mục Tông, ông ta tên là Lí Hằng (792-824). Ông là con trai thứ ba của Hiến Tông. Bọn hoạn quan trong triều giết Hiến Tông và lập Mục Tông lên kế vị ngôi báu. Ông trị vì được 4 năm, ông sử dụng kim thạch nên bị chết. Hưởng thọ 33 tuổi. Mai táng ở Quang Lăng (nay thuộc huyện Bồ Thành tỉnh Thiểm Tây).

*

Lí Hằng được phong là Kiến An Vương, sau đó được tấn phong là Tùy Vương. Tháng 1 năm 820 Vương Thủ Đăng và Trần Chí Hoằng giết Hiến Tông và ngày Bính Ngọ cùng tháng cùng năm đã lập Lí Hằng làm hoàng đế. Ông đổi niên hiệu là "Trường Khánh".

Sau khi đứng ra tiếp nhận ngôi báu, ông ta ăn chơi trác táng sinh hoạt xa xỉ, đặc biệt ông rất thích xem kịch. Có một lần, ông đến cung Hoa Thanh ông dẫn cấm vệ quân đi săn, sau đó quay về cung ông lại cưỡi ngựa chơi cầu với các thái giám, lúc đó đột nhiên có một người ngã từ lưng ngựa xuống đất, con ngựa lao thẳng đến chỗ Lí Hằng, may mà có bọn thuộc hạ cứu giúp nên Lí Hằng không bị thương. Nhưng từ hôm đó Lí Hằng sinh ra sợ hãi, hai chân luôn bị co giật không thể đi lại được. Ông thường xuyên dùng kim thạch. Các đại thần nhiều lần can gián ông đừng dùng, ông bề ngoài nói không nhưng thực tế vẫn âm thầm dùng thuốc, và dùng liên tiếp do vậy dẫn đến thân thể bị thương tổn. Ông mất ngày Nhâm Thân tháng 1 năm 828 tại điện Thanh Tư cung Trường An.

Hiệu miếu của ông là Mục Tông.

KÍNH TÔNG (LÍ TRẠM)
(TRIỀU ĐƯỜNG)

Kính Tông, ông ta tên là Lí Trạm (810-827). Ông là con trưởng của Đường Mục Tông. Ông tiếp vị sau khi Mục Tông chết. Ông trị vì được 2 năm thì bị hoạn quan mưu giết. Hưởng dương 19 tuổi. Mai táng ở Trang Lăng (nay thuộc thôn Hồ cách 30 về phía Đông Bắc huyện Tam Nguyên tỉnh Thiểm Tây).

*

Lí Trạm hồi đầu được phong làm Ngạc Vương, về sau được đổi lại phong làm Cảnh Vương. Thời Mục Tông trị vì năm 824 đã lập: Lí Trạm làm hoàng thái tử. Tháng 1 năm 824, Mục Tông chết, ngày Bính Tí cùng tháng cùng năm Lí Mục đã làm lễ đăng cơ. Ong đổi niên hiệu là "Bảo Lịch".

Lúc Lí Trạm đứng ra tiếp nhận ngôi báu, ông ta mới có 16 tuổi. Bên trong triều ông bị hoạn quan Vương Thủ Đăng và Lương Thủ Liêm độc quyền chèn ép, bên ngoài ông bị đại thần Lí Phùng Cát, Ngưu Tằng Nác chuyên quyền lộng hành Lí Trạm chỉ là một công cụ thuần phục của bọn hoạn quan và triều thần. Bản thân Lí Trạm lại hài lòng với cuộc sống như vậy, ông thích sự hưởng lạc xa hoa phóng túng, không quan tâm tới việc triều chính, hàng ngày thiết triều chỉ là hình thức mà thôi, ông lên thiết triều rất muộn và ngày nào cũng bắt các đại thần đợi chờ rất lâu. Một hôm có đại thần khuyên ông nên chăm chỉ hơn vào công việc triều chính, không nên để cho bọn hoạn quan nắm quyền. Vị đại thần vừa nói được vài câu, Lí Trạm đã nổi giận đùng đùng sai người lôi đại thần đó đi. Triều chính hỗn loạn, tướng lĩnh tiết độ sứ Phiên Trấn : Thành Đức, Ưng Châu, Ngụy Phó thuộc Hà Bắc quay lưng với triều đình và tự chiếm cứ một phương. Nhân dân cũng phát sinh sự phản kháng. Công nân ở phường nhuộm trong thành Trường An là Trương Thiều và một công nhân khác là Tô Huyền Minh, hai người đó liên kết hơn 100 công nhân trong phường nhuộm cùng nhau nổi dậy. Một hôm, Trương Thiều và Tô Huyền Minh hóa trang thành người trở củi, họ mang củi vào cung cho nhà bếp, hơn 100 người trốn trong xe củi đó, tiến về cửa Ngân Đài. Binh lính thấy đống củi có vẻ khác lạ, sinh nghi liền

đi đến kiểm tra, Trương Thiệu rút dao chém bọn lính. Quân khởi nghĩa chui ra khỏi đóng củi cầm vũ khí la hét xông vào triều điện. Lí Trạm và thái giám đang chơi cầu trong điện Thanh Tư, ông ta vội vàng chạy trốn trong cung của cấm vệ quân. Cuối cùng, quân khởi nghĩa bị cấm vệ quân bao vây, toàn bộ quân khởi nghĩa bị hy sinh hết. Cuối cùng, Lí Trạm vẫn chứng nào tật ấy ham chơi mãi uống rượu.

Bình thường Lí Trạm rất thích chơi bóng và đấu vật, các thái giám thân hình mềm yếu, thường bị thua cuộc, Lí Trạm không hài lòng ông ta cho chiêu nạp lực sĩ. Ông ta còn thích nửa đêm đi bắt cóc lực sĩ nào không phục vụ ông ta sẽ bị đầy ải ra biên cương gia thuộc cũng bị liên lụy. Tiểu thái giám có lỗi lầm Lí Trạm ra tay đánh họ khiến họ máu me đầy mình bò lê bò lết. Các hoạn quan và lực sĩ hận Lí Trạm vô cùng.

Ngày Tân Sửu tháng 12 năm 827, Lí Trạm đi săn cáo quay về cung, Lí Trạm cùng hoạn quan Lưu Khắc Minh, Điền Phục Đáng, Hứa Văn Đoạn đi uống rượu với Vương Gia Hiến, Thạch Tùng Khoan, Vương Duy Chân, Tô Tả Minh... uống đến nửa buổi, Lí Trạm quay về phòng thay quần áo Lưu Khắc Thành thổi tắt đèn, Tô Tả Minh trốn trong phòng chém chết Lí Trạm, bọn họ loan báo Lí Trạm bị cảm đột ngột và đã qua đời.

Hiệu miếu của Lí Trạm được đặt là Kính Tông.

VĂN TÔNG (LÍ NGANG)
(TRIỀU ĐƯỜNG)

Văn Tông, ông ta tên là Lí Ngang (809-840). Ông là con trai thứ hai của Mục Tông và là em trai của Kính Tông. Bọn hoạn quan sau khi giết Kính Tông đã lập Lí Ngang làm hoàng đế. Ông trị vì 14 năm bị hoạn quan giam lỏng nên uất ức mà chết. Hưởng thọ 32 tuổi. Mai táng ở Chương Lăng (nay thuộc phía Tây Bắc huyện Phú Bình tỉnh Thiểm Tây).

*

Lí Ngang được phong làm Giang Vương. Ngày Tân Sửu tháng 12 năm 827 Kính Tông bị bọn hoạn quan giết chết, bọn chúng ngụy tạo di chiếu đón con trai của Hiến Tông là Lí Ngộ vào cung và tôn làm hoàng đế. Hai hôm sau hoạn quan Vương Thủ Đăng và Lương Thọ Liêm chỉ huy cấm vệ quân xông vào cung giết Lí Ngộ, ngày Ất Tị. Lập Lí Ngang làm hoàng đế, ông đổi niên hiệu là "Thái Hòa".

Trong thời gian Lí Ngang trị vì, các triều thần câu kết vây cánh, chính quyền do bọn hoạn quan thao túng sự sống chết của hoàng đế hoặc lập hoàng đế phế hoàng đế đều do bọn hoạn quan quyết định. Lí Ngang một lòng muốn thanh trừ thế lực của hoạn quan, giành lại chính quyền, ông đề bạt: Trịnh Chú làm khanh sử và cho Lí Huấn làm tể tướng, ông vô cùng tin cẩn hai người đó. Theo lời khuyên của Trịnh Chú, ông cho thuộc hạ của Vương Thủ Đăng là Cữu Sĩ Thực làm trung úy của cấm vệ quân, quản lý một số cấm vệ quân nhằm tước đi quyền lực của Vương thủ Đăng trong quân đội. Lúc này Trịnh Chú được cử làm tiết độ sứ ở Phụng Tường, Lí Ngang cho phép Trịnh Chú lựa chọn vài trăm tân binh nhân cơ hội các hoạn quan đi đưa ma Vương Thủ Đăng và ra tay giết các hoạn quan. Để cướp công, Lí Huấn nhân cơ hội Trịnh Chú đi Phụng Tường chiêu minh, nên vạch kế hoạch cho Lí Ngang, đầu tiên ra tay giết bọn hoạn quan sau đó đuổi theo Trịnh Chú.

Một ngày vào năm 835, Lí Ngang thiết triều. Lí Huấn giơ tay chỉ cho các quan viên thấy hoa trên cây thạch lựu Lí Huấn nói đó là điềm lành, ông ta cùng bá quan văn võ chúc mừng hoàng thượng. Lí Ngang sai Lí Huấn dẫn bá quan đi khảo sát tình hình cụ thể, Lí Huấn quay về nói hoa bông đó không phải là thật. Lí Ngang cố ý tỏ ra ngạc nhiên, sai Cửu Sĩ Thực và Ngư Chí Hoằng dẫn các hoạn quan ra xem xét lại tình hình. Lí Huấn đã sai người mai phục sẵn. Thuộc hạ của Lí Huấn là Hàn Ước cũng đi trong đám hoạn quan, do biết trước tình hình nên đi gần đến chỗ mai phục Hàn Ước mặt mày tái mét. Điều đó khiến Cửu Sĩ Thực sinh nghi, vừa hay một trận gió

thổi đến, làm bay những cánh áo của quân mai phục, Cửu Sĩ Thực biết có chuyện liền quay người bỏ chạy, quay ra túm lấy Lí Ngang đang ngồi trên kiệu. Lí Huấn vội túm lấy kiệu không thả ra nên bị bọn hoạn quan đẩy ngã lăn ra đất. Cửu Sĩ Thực sai người khênh kiệu vào cung, Lí Huấn thấy mưu kế bị bại lộ vội vàng chạy trốn khỏi kinh thành. Cửu Sĩ Thực chỉ huy cấm vệ quân bắt giữ và giết hại 1000 quan viên và đuổi theo Lí Huấn giết chết Lí Huấn ở núi Nam Sơn. Trịnh Chú nghe tin có biến vội dẫn quân quay về Phụng Tường và cũng bị giết chết.

Sau chuyện này Lí Ngang bị bọn hoạn quan giam lỏng ông cả ngày uống rượu làm thơ để quên nỗi sầu, than vãn cho số phận.

Tháng 1 năm 840, do quá u uất nên Lí Ngang sinh bệnh, nằm liệt giường, ông sai gọi thuộc hạ thân tín đến dặn dò phải một lòng phụ giúp thái tử. Cửu Sĩ Thực và Ngư Hoằng chí biết tin, ngay đêm hôm đó bọn họ ngụy tạo di chiếu phế thái tử là Trấn Vương và lập Lí Thiền làm hoàng thái đệ phụ trách việc xử lý việc quân và ép Lí Thiền thiết triều gặp một bá quan. Lí Ngang biết tin nhưng bó tay đành chịu quần thần cũng không có ai dám phản đối.

Lí Ngang mất ngày Tân Tị tháng 1 840 tại điện Thái Hòa cung Trường An.

Hiệu miếu của Lí Ngang được đặt là Văn Đế.

VŨ TÔNG (LÍ VIÊM)
(TRIỀU ĐƯỜNG)

Vũ Tông, ông ta tên là Lí Viêm (814-846). Ông là con trai thứ năm của Mục Tông, em trai của Văn Tông. Sau khi Văn Tông chết, bọn hoạn quan ngụy tạo di chiếu lập Lí Viêm làm hoàng đế. Ông trị vì được 6 năm bị bệnh chết. Hưởng thọ 33 tuổi. Mai táng ở Đoan Lăng (nay thuộc thôn Đằng Trương cách 30 km về phía Đông Bắc huyện Tam Nguyên tỉnh Thiểm Tây).

*

Lí Viêm được phong làm Dĩnh Vương. Thời Văn Tông bị bệnh nặng, Cửu Sĩ Thực ngụy tạo chiếu thư lập Lí Viêm làm hoàng thái đệ. Ngày TânTị tháng 1 năm 840 Văn Tông chết, Lí Viêm đứng ra tiếp vị. Ông đổi niên hiệu "Hợi Xương".

Lí Mễ nghe lời xàm tấu của Cửu Sĩ Thực nên ra lệnh giết thái tử Lí Thành Mĩ và em trai là An Vương Lí dung... nhằm củng cố ngôi vị. Ông ta phong Lí Đức Dục làm tể tướng, ông kìm nén sự ức chế đối với hoạn quan và Phiên Trấn, chiêu phục nghĩa quân, chặn đứng sự mở rộng cát cứ của tiết độ sứ ở Đông Dương. Thời đó, thế lực của tăng ni trong Phật Giáo rất bành trướng, năm 845, Lí Mễ hạ chiếu "phế trừ phật pháp", tháo dỡ 44600 ngôi chùa, bắt ép hơn 260.000 tăng ni quay về hoàn tục, ruộng đất của nhà chùa được xung vào quỹ của quốc gia. Điều này là một đòn chí tử đánh vào thế lực phật giáo, trong lịch sử gọi là "Hội xương diệt Phật". Nhưng, Lí Viêm lại mê tín vào đạo giáo, thường uống kim thạch, sống hoang dâm vô độ, năm 32 tuổi bị bệnh thân hình tiều tụy. Ông mất ngày Giáp Tí tháng 3 năm 846 tại cung Đại Minh thành Trường An.

Sau khi ông chết lập hiệu miếu là Vũ Tông.

TUYÊN TÔNG (LÍ THẨM)
(TRIỀU ĐƯỜNG)

Tuyên Tông, ông ta tên là Lí Thẩm (810-859). Ông là con trai thứ 13 của Hiến Tông và là chú của Vũ Tông. Vũ Tông chết, Lí Thẩm được bọn hoạn quan lập làm hoàng đế. Ông trị vì 14 năm, ông bị bệnh do dùng kim thạch. Hưởng thọ 50 tuổi, mai táng ở Chinh Lăng (nay thuộc huyện Kinh Dương tỉnh Thiểm Tây).

*

Lí Thầm được phong làm Quang Vương, ngày Giáp Tí tháng 3 năm 846 Vũ Tông ốm chết, hoạn quan Mã Nguyên Chí, ngay ngày hôm đó đón Lí Thầm về cung lập làm hoàng đế. Ông đổi niên hiệu là "Đại Trung".

Sau khi lên tiếp vị, Lí Thầm cho phục hưng Phật giáo xây dựng lại những ngôi chùa mà trước đây bị Vũ Tông cho tháo dỡ, tăng ni được quay về chùa chiền, thời này thế lực của tộc Hối Ngật, Thổ Phiên đã bị suy vi, thu lại được vùng Sa Châu, nhưng mâu thuẫn trong nội bộ triều Đường vẫn không giảm bớt.

Năm 859, Lí Thầm tròn 50 tuổi, sức khỏe ông ta ngày một suy yếu, ông nghe lời Phương sĩ Lí Nguyên Bá nên dùng Thạch kim. Thời gian đầu ông thấy sức khỏe được bình phục, nhưng được một thời gian (khoảng tháng 8) thuốc bắt đầu phát tác, lưng ông mọc đầy mụn nhọt nằm liệt giường không dậy được. Ngày Quý Tị, ông bị bệnh mất tại điện Hàm Ninh cung Trường An.

Hiệu miếu của Lí Thầm được đặt là Tuyên Tông.

NGHỊ TÔNG (LÍ THÔI)
(TRIỀU ĐƯỜNG)

Nghị Tông, ông ta tên là Lí Thôi (828-874) Ông là con trưởng của Đường Tuyên Tông. Tuyên Tông chết, các hoạn quan lập Lí Thôi làm hoàng đế. Ông trị vì 14 năm bị bệnh chết. Hưởng thọ 47 tuổi. Mai táng ở Giản Lăng huyện Phú Bình tỉnh Thiểm Tây).

*

Lí Thôi được phong làm Vận Vương. Vào những năm cuối đời Tuyên Tông rất thích con trai thứ ba của mình là Lí Từ, Tuyên Tông định lập Lí từ làm thái tử. Nhưng nếu phế trưởng lập thứ là chuyện khó chấp nhận. Ông ta lo nếu làm vậy sẽ gây ra nội chiến, do vậy mặc dù yêu quý con thứ nhưng không dám đưa ra quyết định. Lúc lâm chung Tuyên Tông sai gọi ba đại thần thân tín, ví dụ Vương Tông Thực vào tẩm cung dặn bọn họ lập Lí Từ làm thái tử, nhưng chưa kịp viết di chiếu thì đã qua đời. Hoạn quan Vương Tông Thực và Vương Quy Trường bất hòa với nhau, vì thế Vương Quy Trường đón Lí Thôi vào cung và lập làm thái tử. Ngày Quý Tị tháng 8 năm 860 Lí Thôi lên ngôi hoàng đế, ông đổi niên hiệu là "Hàm Thông". Lí Thôi thích du lãm và mở tiệc tùng, trong nội cung ông ta nuôi dưỡng 500 nhạc công. Mỗi tháng phải đến mười mấy lần mở yến tiệc, sơn hào hải vị đều được bầy ra trong bàn tiệc, lúc đi ra ngoài du lãm, tùy tùng theo hầu hơn 10.000 người, hao tốn nhiều tiền của. Nhạc công Lí Hà Cập nhờ có tài đàn ca nên được Lí Thôi sủng ái, Lí Thôi phong Lí Hà Cập làm tướng quân. Đại thần Lưu Thoái Thượng ra sức can ngăn chuyện lập Lí Hà Cập làm tướng quân nên bị Lí Thôi phế làm Hoa Âm lệnh. Công chúa bị ốm nặng, Lí Thôi ra lệnh cho 20 đại phụ thay phiên nhau chữa trị, nhưng đều không có hiệu quả. Công chúa ốm chết. Lí Thôi sai giết 20 đại phu đó và giam hơn 300 người thân thuộc của các đại phu đó vào đại lao. Lúc đưa ma công chúa đội hộ tống kéo dài mấy mươi dặm, ông ta sai khắc vàng ở cửa mộ, vàng bạc châu báu tuẩn táng phải đến 120 xe. Cứ ở một đoạn đường lại có vài trăm người dùng châu báu rải dọc đường, bà con trăm họ nhặt được vô số.

Năm 874, ông bị bệnh nặng, mọi phương pháp chữa trị đều vô hiệu. Ông mất ngày Tân Tị tháng 7 tại điện Hâm Ninh cung Trường An.

Hiệu miếu của ông được đặt là Nghị Tông.

HI TÔNG (LÍ HUYÊN)
(TRIỀU ĐƯỜNG)

Hi Tông, ông ta tên tự là Lí Huyên (862-888). Ông là con trai thứ năm của Đường Nghị Tông. Nghị Tông chết các hoạn quan ngụy tạo di chiếu lập Lí Huyên làm hoàng đế. Ông trị vì được 15 năm, bị bệnh chết, hưởng dương 27 tuổi. Mai táng ở Tĩnh Lăng (nay thuộc huyện Càn

tỉnh Thiểm Tây).

*

Lí Huyên được phong làm Tấn Vương. Lúc Nghị Tông bị ốm nặng, hoạn quan Lưu Hành Thân và Hàn Văn Ước đã ngụy tạo di chiếu lập Lí Huyên làm thái tử. Ngày Tân Tị tháng 7 năm 874 Nghị Tông chết, cùng ngày hôm đó bọn họ lập Lí Huyên làm hoàng đế và đổi niên hiệu là "Cãn Phù".

Sau khi đăng cơ, Lí Huyên để cho hoạn quan Điền Lệnh Tôn thao túng triều chính. Đất đai bị bọn cường hào địa chủ thôn tính. Một nửa nông dân trong nước không có ruộng và phải đi lưu vong, mặt hàng gì cũng bị đánh thuế má, tập đoàn giai cấp thống trị sống xa hoa, thêm vào đó thiên tai xảy ra liên miên, khiến cho mâu thuẫn giai cấp ngày càng trầm trọng, do vậy dẫn đến khởi nghĩa nông dân.

Tháng 11 năm 880, quân khởi nghĩa của Hoàng Sào tiến vào Trường An, Lí Huyên hoảng hốt chạy đến Tứ Xuyên, tháng 3 năm 885 ông ta mới quay về Trường An. Được một thời gian lại bị quân phản loạn đánh khiến ông ta quay về kinh. Triều Đường lâm vào cảnh suy tàn.

Ngày Quý Mão tháng 3 năm 888, Lí Huyên mất tại điện Vũ Đức cung Trường An.

Hiệu miếu của ông được đặt là Hi Tông.

CHIÊU TÔNG (LÍ NGHIỆP)
(TRIỀU ĐƯỜNG)

Chiêu Tông, ông ta tên là Lí Nghiệp (867-904) Ông là con trai thứ bảy của Nghị Tông và là em trai của Hi Tông. Ông kế vị sau khi Hi Tông chết. Ông trị vì 16 năm thì bị Chu Ôn giết hại. Hưởng thọ 38 tuổi. Mai táng ở Hòa Lăng (nay thuộc huyện Yển Sư tỉnh Hà Nam).

*

Lí Nghiệp được phong làm Thọ Vương. Vài lần Hi Tông đuổi Lí Nghiệp đi, nhưng Lí Nghiệp đều đi theo bạn thuộc hạ nên lại được coi trọng. Hi Tông ăn năng, con trai của Hi Tông tuổi còn quá nhỏ, không thể kế vị. Do vậy đại thần Dương Phụ Cung đề nghị lập Thọ Vương làm hoàng đế. Hi Tông chấp nhận lời đề nghị và hạ chiếu thư phong Lí Nghiệp làm hoàng thái đệ, được phép quản lý việc nước và sai hoạn quan trung úy Lưu Quý Thuật đón Lí Nghiệp vào cung. Hai hôm sau Hi Tông chết. Ngày Ất Tị tháng 3 năm 888, Lí Nghiệp được tiếp nhận ngôi báu, ông đổi niên hiệu là "Long kỉ".

Trong thời gian Lí Nghiệp trị vì: phe phái của hoạn quan, triều thần và phiên trấn đều đấu đá lẫn nhau nhằm tranh giành quyền khống chế chính phủ trung ương, đấu tranh gay gắt, phiên trấn dối trên gạt dưới, chiến loạn không ngừng, hoàng quyền bị lung lay.

Năm 900, bốn hoạn quan được mệnh danh là "Tứ quý" gồm có: Lưu Quý Thuật, Vương Trọng Tiên, Vương Ngạn Phạm, Tề Thất hợp nhau phế truất Lí Nghiệp. Một hôm Lí Nghiệp bị say rượu, bọn họ dẫn cấm vệ quân xông vào hoàng cung bắt và nhốt Lí Nghiệp, lập con của Lí Nghiệp là Lí Dục làm hoàng đế. Lúc này Chu Ôn là người mạnh nhất phiên trấn, anh ta sớm có ý định đoạt giang sơn của triều Đường. Anh ta thấy Lí Dục làm hoàng đế nên sai thuộc hạ thân tín là Tương Huyền Quân bí mật đột nhập vào Trường An câu kết với tể tướng, năm 901 định phát động Cấm vệ quân giết bốn hoạn quan "Tứ quý" và giúp Lí Nghiệp khôi phục ngôi vị. Nhưng bọn hoạn quan biết chuyện đã dẫn Lí Nghiệp đến Phụng Tường (nay là huyện Phụng Tường tỉnh Thiểm Tây), đầu hàng tiết độ sứ Lí Dặc Trinh. Chu Ôn dẫn quân bao vây Phụng Tường, khiến trong thành cạn kiệt lương thực, quân trong thành lại gặp phải thời tiết mưa tuyết lạnh buốt, nên bị chết đói và chết cóng. Lí Dặc Trinh đành đồng ý điều kiện của Chu Ôn

đưa ra: giết hết số hoạn quan đã hàng phục, trao trả Lí Nghiệp. Từ đó Chu Ôn mượn danh thiên tử để trị vì thiên hạ, khống chế chính quyền trung ương.

Năm 904, Chu Ôn hộ tống Lí Nghiệp dời đô về Lạc Dương. Đi đến Thiểm Châu (nay là huyện Thiểm tỉnh Thiểm Tây), Chu Ôn sai giết hết hơn 200 tùy tùng của Lí Nghiệp và thay người của mình vào vị trí đó. Lí Nghiệp âm thầm sai người đưa thư tới phiên trấn ở bốn phương mong bọn họ cứu giúp. Lúc Lí Nghiệp đi qua Hoa Châu (nay là huyện Hoa tỉnh Thiểm Tây) bà con trăm họ nhìn thấy ông, họ đều hô "Vạn tuế", Lí Nghiệp đã khóc và đáp: "Mọi người không cần phải tung hô "Vạn tuế", tôi không còn là thiên tử nữa rồi". Ông nói tiếp: "Lần phiêu dạt này, không biết bao giờ mới có cơ hội quay về Trường An". Nói xong ông lại khóc rất đau khổ. Đến Lạc Dương, Lí Nghiệp bị giám sát nghiêm ngặt, không khác gì chim bị nhốt trong lồng. Lúc này, bốn tướng lính ở Phiên Trấn là Lí Khắc Dụng, Lí Dặc Trinh, Vương Kiến, Dương Hành Mật đều nhận được mật thư của Lí Nghiệp, bọn họ đều phát binh phô trương thanh thế phản đối Chu Ôn và giương cao khẩu hiệu sẽ trợ giúp Lí Nghiệp. Chu Ôn thấy giữ lại Lí Nghiệp là điều không có lợi liền sai người đến Lạc Dương tìm cách giết Lí Nghiệp.

Ngày Nhâm Dần tháng 8 năm 904, Lí Nghiệp cư trú ở điện Tiêu. Tương Huyền Quân và Sử Thái đang đêm dẫn hơn 100 người vào cung, trả vờ nói có việc quân quan trọng cần bẩm báo cho hoàng thượng. Quân lính giữ cửa không nghi ngờ liền mở cửa cung cho Tương Huyền Quân. Bọn chúng xông vào hậu cung, Tương Huyền Quân tìm thấy Lí Nghiệp ở phòng của Chiêu Nghĩa Lí Triết Vinh. Lí Nghiệp thấy có biến liền chạy trốn, nhưng bị vấp phải Sư Thái Lí Triết Vinh thân đỡ cho Lí Nghiệp, Sư Thái chém Lí Triết Vinh và Lí Nghiệp chết. Chu Ôn trả vờ không biết chuyện, quỳ trước linh cửu khóc lóc vật vã.

Lí Nghiệp chết, đặt hiệu miếu là Chiêu Tông.

AI ĐẾ (LÍ XỬ)
(TRIỀU ĐƯỜNG)

Ai Đế, ông ta tên là Lí Xử (892-908). Ông là con trai thứ chín của Đường Chiêu Tông. Chu Ôn giết chết Chiêu Tông và lập Lí Xử làm hoàng đế. Ông trị vì được 3 năm, bị Chu Ôn phế truất và hạ độc. Hưởng thọ 17 tuổi. Mai táng ở Ôn Lăng (nay thuộc huyện Hà Trạch tỉnh Sơn Đông.

*

Lí Xử được phong làm Huy Vương. Tháng 8 năm 904 Chu Ôn sát hại Chiêu Tông và ngày Bính Ngọ cùng tháng đã lập Lí Xử làm hoàng đế.

Lúc Lí Xử đăng cơ, ông ta mới có 13 tuổi, do đó Chu Ôn rất chuyên quyền. Lí Xử không dám đổi niên hiệu vẫn dùng niên hiệu cũ của Chiêu Tông.

Năm 907, Chu Ôn tàn sát tông thất nhà Đường sau đó lại giết thái hậu Hà. Ngày Giáp Tí tháng 4 Chu Ôn ép Lí Xử thoái vị và phế xuống làm Tế Âm Vương, áp giải Lí Xử đến cư trú tại Tào Châu (nay là huyện Tào tỉnh Sơn Đông) và sai lính giám sát. Tháng 2 năm 908 Chu Ôn sai người đến Tào Châu hại độc giết Lí Xử.

Hiệu miếu của Lí Xử là Ai Đế, về sau, hậu đường Minh Tông đã đổi lại hiệu miếu cho Lí Xử là Chiêu Tuyên Đế.

Triều Đường bị diệt vong.

TRIỀU THỔ PHIÊN

(Năm 629-846, tổng cộng 218 năm)

Phổ Phiên do dân tộc Tạng tạo dựng lên. Thời kỳ hưng thịnh đã chiếm cứ được vùng đất khu tự trị dân tộc Tạng ngày nay, thế lực mở rộng đến: khu tự trị Duy Ngô Nhĩ (Tân Cương) và tỉnh Thanh Hải - phía tây tỉnh Tứ Xuyên. Tùng Tán Can Bố đã kết hôn với công chúa Văn Thành (triều Đường) và khi Diệt Tổ kết hôn với công chúa Kim Thành, đây là điều kiện tốt để tạo mối giao lưu văn hóa kinh tế giữa triều Đường và triều Thổ Phiên. Thổ Phiên đóng một vai trò quan trọng trong việc phát triển mối giao lưu văn hóa giữa hai tộc Hán - Tạng.

Vương triều Thổ Phiên có 11 đại vương trong đó có hai người chết trong nội chiến, hai người bị giết chết, một người bị ép chết, một người bị bắn chết, 5 người bị bệnh chết.

ĐẠI VƯƠNG LĂNG NHẬT LUẬN (LUẬN TÁN LỘNG TƯƠNG) (TRIỀU THỔ PHIÊN)

Tù trưởng Lăng Nhật Luận ông ta tên là Luận Tán Lộng Tương (? - 629). Ông vốn là thủ lĩnh của tộc Thổ Phiên về sau ông thống nhất Cao nguyên Tây Tạng và được tôn làm đại vương. Ông trị vì 11 năm, bị bọn quý tộc cũ hại độc chết. Mai táng ở Đồn Khả Đạt Cống Nhật Lăng.

*

Luận Tán Lộng Tương được kế vị chức vị thủ lĩnh tộc Thổ Phiên, chức vị này do cha ông truyền lại. Thời ông làm thủ lĩnh, thế lực hùng mạnh, tư tưởng nhạy bén, hăng hái lo toan việc nước việc dân, năm 620 ông tấn công tiêu diệt tộc Tô Tì, thống nhất cao nguyên Tây Tạng và được tôn là tù trưởng Lăng Nhật.

Sau khi thống nhất cao nguyên Tây Tạng, ông trọng dụng những tầng lớp quý tộc mới gây ra sự thù hận của giai cấp quý tộc cũ. Một buổi tối, giai cấp quý tộc cũ nổi loạn và thừa cơ giết Luận Tán Lộng Tương, triều Thổ Phiên lại rơi vào tình trạng phân chia.

TÙ TRƯỞNG KHÍ TÔNG LỘNG (TÙNG TÁN CÁN BỐ) (THỔ PHIÊN)

Tù trưởng Khí Tông Lộng ông ta tên là Tùng Tán Cán Bố) (617-650). Ông là con trai của tù trưởng Lăng Nhật Luận sau khi Lăng Nhật chết, Tùng Tán Cán Bố lên kế vị. Ông trị vì 22 năm, bị bệnh chết hưởng thọ 34 tuổi. Mai táng ở Á Long Kinh Bảo Lăng.

*

13 tuổi, Tùng Tán Cán Bố đã tinh thông việc cưỡi ngựa bắn cung và đấu kiếm, đặc biệt ông thích thơ ca, ông giỏi làm thơ và được dân trong bộ tộc yêu quý. Tù trưởng Lăng Nhật Luận bị giết hại, Tùng Tán Cán Bố lên kế vị, ông dựa vào những quý tộc hạng nhỏ và hạng trung, vận dụng trí tuệ và sự dũng cảm của mình, đấu trí không ngừng cuối cùng cũng trừng phạt được kẻ giết cha mình và bình định phản loạn duy trì và bảo vệ sự thống nhất của vương triều Thổ Phiên. Sau khi dời đô đến La Ta (nay thuộc thành phố Lạp Tát khu tự trị Tây Tạng), đặt định chế độ quan lại và pháp luật xây dựng lên một chính quyền nô lệ hùng mạnh, sáng lập ra vương triều Thổ Phiên.

Thời gian này là niên giám Trịnh Quãn (thời hoàng đế Đường Thái Tông), Tùng Tán Cán Bố ước ao được tiếp tục với nền văn minh của nhà Đường, ông muốn kết mối thâm giao với triều đình Đường. Từ năm 634 trở đi, ông nhiều lần phái sứ giả tới triều Đường cầu hôn. Năm 640 ông lại phái đại tướng Lục Đông Tán (chức vị đại tướng ở triều Thổ Phiên tương đương với chức tể tướng ở triều Đường) đến Trường An xin cầu hôn. Đường Thái Tông quyết định mở

một cuộc thi để thử tài và trí thông minh của bọn họ, nhằm chọn ra một người tài giỏi nhất trong bọn họ rồi mới quyết định chuyện hôn nhân. Đường Thái Tông sai đem ra một viên minh châu và một sợi tơ rồi sai họ luồn sợi tơ qua viên minh châu. Lục Đông Tán xin cho một con kiến và một sợi lông đuôi ngựa, ông lồng sợi lông ngựa qua viên minh châu rồi cho con kiến kéo sợi tơ bò trên sợi lông đuôi ngựa đó. Quả nhiên sợi tơ lồng quan được viên minh châu.

Đường Thái Tông lại muốn các sứ thần phân biệt mối quan hệ mẹ con của một trăm con ngựa mẹ và một trăm con ngựa con theo từng cặp một. Lục Đông Tán đem bỏ đói những chú ngựa con đó một ngày, sau đó mới dẫn đi gặp ngựa mẹ, vừa nhìn thấy ngựa mẹ các chú ngựa con dào dào chạy đến mẹ mình để bú sữa, do vậy ông ta chẳng cần mất công bao lâu đã phân biệt được mối quan hệ mẹ con giữa những chú ngựa.

Tối hôm đó, Đường Thái Tông triệu tập các sứ thần vào xem kịch. Sau khi xem xong, Đường Thái Tông muốn các sứ thần tự tìm đường về kí túc, xem ai tìm được đầu tiên. Lúc đi vào hoàng cung, Lục Đông Tán nghĩ mình mới đến Trường An lần đầu còn chưa quen đường xá, vì vậy ông ta sai tùy tùng lấy một cuộn chỉ hồng để đánh dấu đường đi, do đó ông ta lần theo dấu chỉ về nhà một cách nhanh chóng, còn bốn sứ thần kia mãi đến gần sáng mới tìm được đường về.

Cuối cùng, Đường Thái Tông muốn các sứ thần phải tìm được công chúa Văn Thành trong 2500 cô gái trẻ đẹp Lục Đông Tán lại nhờ vào tài trí của mình đã tìm ra công chúa Văn Thành trong số họ.

Đường Thái Tông nêu ra năm vấn đề khó khăn, nhưng những vấn đề đó đều bị Lục Đông Tán dùng tài trí để gỡ bỏ và giải đáp. Đường Thái Tông rất vui bởi ông ta nghĩ sứ giả tài trí thông minh như vậy thì quân vương của họ nhất định sẽ anh minh, do đó Đường Thái Tông quyết định gọi công chúa cho Tùng Tán Cán Bố.

Công chúa Văn Thành là con gái của hoàng tộc lúc đó đã 24 tuổi. Cô ta thông minh xinh đẹp, cô ta được rất nhiều sách nên rất tài hoa. Đường Thái Tông cho cô ta của hồi môn rất nhiều, trong đó có các vật dụng hàng ngày, vàng bạc châu báu, lụa là gấm vóc, ngoài ra còn có các sách về lịch sử văn học, y học, thực vật, khoa học kỹ thuật và sách lịch pháp thiên văn... Năm 641 công chúa Văn Thành mang theo cung nữ, quan lại của hồi môn đến triều Thổ Phiên. Tùng Tán Cán Bố đích thân dẫn quân đội đi đón công chúa và tổ chức hôn lễ rất long trọng. Sau khi tổ chức hôn lễ Tùng Tán Cán Bố dẫn công chúa về đô thành La ta. Trên đường đi, nhân dân triều Thổ Phiên nhiệt tình chào đón công chúa, lúc đi đến Thúc Ngọc thuộc Thanh Hải (nay thuộc Châu tự trị tộc Tạng của Ngọc Thúc thuộc Thanh Hải, công chúa đã dạy cho dân cư ở đó cách cày ruộng trồng lúa phát triển sản xuất, ngày nay ở Ba Đường thuộc phía Nam Ngọc Thúc vẫn còn tồn tại di tượng của công chúa Văn Thành. Lúc đến thành La Ta nhân dân ở đó mặc quần áo ngày lễ đến chào đón công chúa.

Đông Tán Cán Bố cảm động nói: "Đời cha ông của tôi, không có cơ hội tạo lập mới quan hệ hôn nhân với Thượng Quốc, hôm nay tôi có thể nghênh đón công chúa đại đường về làm vợ, quả thật là một niềm vinh hạnh. Tôi muốn xây tặng nàng một tòa thành để làm kỉ niệm, cho con cháu muôn dân đều biết". Ông ta phỏng theo phong cách kiến trúc của nhà đường xây tặng công chúa Văn Thành một cung điện nguy nga tráng lệ. Ngày nay ở thành phố Lạp Tất vẫn bảo tồn di chỉ động phòng và tượng chân dung của hai người đó.

Công chúa Văn Thành giúp nhân dân Thổ Phiên cách dùng lịch pháp, dạy phụ nữ dệt vải. Nền văn hóa tiên tiến của triều Đường đã đã thúc tiến sự phát triển của xã hội Thổ Phiên.

Công chúa Văn Thành và Tùng Tán Can Bố có vai trò quan trọng trong việc phát triển mối quan hệ văn hóa giữa hai tộc Hán - Tạng.

Thành ý của Tùng Tán Cán Bố là kết bạn đối với công chúa nhằm thiết lập mối quan hệ hữu

hảo giữa hai tộc Hán Tạng. Năm 648, sứ thần của triều Đường là Vương Huyền Sách xuất sứ sang Thiên trúc (nay là Ấn Độ) sứ giả các nước đều tặng đồ vật cho Vương Huyền Sách. Trên đường trở về Vương Quyền Sách bị cướp và chạy vào Thổ Phiên. Tùng Tán Can Bố phái 1200 quân tinh nhuệ, 7000 kị binh, đi đánh bọn cướp sau đó giao trả lại cho Vương Huyền Sách mang về Trường An.

Năm 649 Đường Huyền Tông mất, Cao Tông lên kế vị Tùng Tán Cán Bố gửi thư cho Tể tướng võ kị nói: "Thiên tử mới lên ngôi, nếu có đại thần nào bất trung, tôi sẽ mang quân loại bỏ họ". Ông còn mang 15 loại vàng bạc châu báu để cúng tế Đường Thái Tông. Cao Tông thấy ông ta có thành ý tốt đẹp nên phong làm Binh Vương.

Tháng 5 năm 650, ông bị ốm chết tại đô thành La Ta triều Đường sai sứ thần mang chiếu thư chia buồn của hoàng đế đến thành La Ta đọc trước linh cửu.

Năm 680, công chúa Văn Thành chết. Nhân dân Thổ Phiên để tưởng nhớ công chúa nên chọn hai ngày để làm lễ kỉ niệm. Một ngày là ngày 15 tháng 10, đây là ngày sinh nhật của công chúa, ngày này tất cả người đều tới chùa cầu phúc. Một ngày là ngày 7 tháng 5, các cô gái đều đội hoa nhảy múa, ca ngợi công đức của công chúa.

ĐẠI VƯƠNG KHÍ MANG LUẬN MANG
(TRIỀU THỔ PHIÊN)

Đại vương Khí Mang Luận Mang (? - 676). Ông là cháu của Tùng Tán cán Bố, ông kế vị sau khi Tùng Tán Cán Bố chết. Ông trị vì 26 năm, thì ốm chết. Mai táng ở Nga Tây Thi Bảo Lăng.

Cha của Khí Mạng Luận Mang chết sớm, ông ngoại là Tùng Tân Cán Bố mang về nuôi dưỡng. Tháng 5 năm 650 ông ngoại chết, Khí Mang Luận Mang được lên kế vị.

Do còn nhỏ tuổi, nên công việc triều chính đều do cha con đại tướng Lục Đông Tán nắm giữ. Cha con họ độc đoán triều đình, hoàn thiện nốt tổ chức chính quyền của vương triều và vạch định ra điều giới, thực hiện cải cách, khiến cho sức lực quốc gia đại hùng mạnh, chinh phạt tộc Tây Tạng, và đấu tranh với triều giành quyền thôn tính bốn trấn ở An Tây tấn công Ba Thục, chiếm lĩnh 12 châu vùng biên giới của triều Đường nơi dân tộc Khương cư trú, đây là thời kỳ hưng thịnh trong mặt quân sự của triều Thổ Phiên.

Năm 676, Khí Mang Luận Mang ốm chết.

Ông ta còn có tên là Mang Tùng Mang.

ĐẠI VƯƠNG ĐÔ TÙNG MẠNG BỒ KẾT
(TRIỀU NHU NHIÊN THỔ PHIÊN)

Đô Tùng Mang Bồ Kết (? - 704). Ông còn có tên là Khí Độ Tùng. Ông là con của Khí Mang Luận Mang. Ông tiếp vị sau khi Khí Mang Luận Mang chết. Ông trị vì được 28 năm, bị bệnh chết trên đường đi hành quân xuống phía Nam. Mai táng ở La Nhật Lăng.

*

Trong thời gian Đô Tùng Mang Bồ Kết trị vì, con trai của đại tướng Lục Đông Tán (thời Tùng Tán Cán Bố trị vì) là Luân Khâm Lăng có thế lực bành trướng, quyền lực của Luận Khâm Lăng bao trùm khắp triều đình.

Năm 698, Đô Tùng Mang Bồ Kết lấy danh nghĩa đi săn để dẫn quân đi chinh phạt vùng Thanh Hải. Ông nhân cơ hội Luận Khâm Lăng ra ngoài chinh chiến nên tiêu diệt 2000 vây cánh của Luận Khâm Lăng. Luận Khâm Lăng khởi binh phản kháng nhưng bị đánh bại và phải tự sát

ở Tông Khách (nay thuộc huyện Hoàng Trung tỉnh Thanh Hải). Từ đó gia tộc bọ Lục tuyên bố kết thúc cục diện khống chế vương triều Thổ Phiến.

Đô Tùng Mang Bồ Kết phái quân đi chinh phạt vùng Nhĩ Hải (nay thuộc huyện Nhĩ Hải tỉnh Vân Nam), thu phục các bộ lạc. Về sau triều Đường lợi dụng thời cơ các quý tộc ở Thổ Phiên mâu thuẫn với Đô Tùng Mang Bồ Kết để tránh cướp việc chinh phạt các bộ tộc ở Nhĩ Hải. năm 703 Đô Tùng Mang Bồ Kết lại thống lĩnh quân đội xâm chiếm địa khu Nhĩ Hải. Năm 704 ông mất trên đường hành quân ở Tương Vực (nay là nơi nào không khảo sát rõ).

ĐẠI VƯƠNG KHÍ DIÊT TỔ
(TRIỀU THỔ PHIÊN)

Khí Diệt Tổ (697-755). Ông là con trai Đô Tùng Mang Bồ Kết. Ông kế vị sau khi Đô Tùng Mang Bồ Kết chết. Ông trị vì 51 năm, bị hạ thần hại chết, hưởng thọ 58 tuổi. Mai táng ở La Nhật Chu Ngang Lăng.

*

Sau khi Đô Tùng Mang Bồ Kết chết, Khí Diệt Tổ được đứng ra kế vị, lúc đó ông mới lên 7 tuổi.

Trong thời gian Khí Diệt Tổ trị vì, ông đến triều Đường xin cầu hôn với Đường Trung Tông gả công chúa Kim Thành cho Khí Diệt Tổ. Năm 730 Đường Huyền Tông sai Hoàng Phổ Duy Minh đến triều Thổ Phiên, biết tin Khí Diệt Tổ rất vui mừng ông sai lấy văn thư của hoàng đế triều Đường (từ niên giám Trinh Quân) cho Hoàng Phổ Duy Minh xem, ông nhờ Hoàng Phổ Duy Minh chuyển lời cám ơn của ông tới Đường Huyền Tông:

"Trước đây Tùng Tán Cán Bồ được tiên hoàng gả công chúa Văn Thành, hôm nay tôi lại được bệ hạ gả công chúa Kim Thành, tình hữu hảo giữa triều Đường và triều Thổ Phiên gắn bó như tay với chân, bách tính trong thiên hạ có thể an cư lạc nghiệp". Sau đó hai bên giao kèo chung sống hòa bình, phân chia danh giới, hẹn ước không xâm phạm lẫn nhau, tiến một bước trong mối quan hệ hữu hảo giữa hai tộc Hán Tạng.

Khí Diệt Tổ cho tiến hành công cuộc cải cách khiến cho lực nước dần được phát triển. Năm 750, ông sắc phong cho Nam Chiêu Vương Cao La Phụn Lâm" tông thất của triều Thổ Phiên và còn kết liên minh với tộc Nam Chiêu. Năm 755 hai đại thần của Khí Diệt Tổ là Lang và Mạt có dã tâm đoạt vị, bọn họ mưu phản đã giết hại Khí Diệt Tổ ở thành Kiến Sát (nay thuộc nơi nào không khảo sát rõ).

ĐẠI VƯƠNG XÍCH TÙNG ĐỨC
(TRIỀU THỔ PHIÊN)

Xích Tùng Đức (742-797), ông còn có tên là Khí Tùng Đức. Ông là con trai Khí Diệt Tổ. Ông lên tiếp nhận ngôi vị sau khi Khí Diệt Tổ bị sát hại. Ông trị vì 42 năm thì nhường ngôi cho con trai, bị bệnh chết. Ông trị vì 56 năm, mai táng ở Sở Nhật Chu Ngan Lăng (và còn gọi là Tế Kiên Kim Lăng) (nay thuộc nơi nào không khảo sát rõ.)

*

Năm 755 cha của Xích Tùng Đức là Khí Điệt Tổ bị hại chết, cũng vào năm đó Xích Tùng Đức đứng ra tiếp vị và nhờ sự giúp đỡ của Đạt Trát bộ Cung nên dẹp yên phản loạn của hai đại thần Lang và Mạt.

Trong thời gian Xích Tùng Đức trị vì, triều Đường phát sinh "Loại An Sử" nói ông ta lợi dụng cơ hội tiến quân vào Phụng Tường lấy Hạ khu phía Tây. Tháng 10 năm 763, quân Thổ Phiên đánh vào Trường An chiếm cứ được 15 ngày thì bị Quách Tử Nghĩa đánh lui.

Sau đó xuống phía Tây tấn công vào Đại Thực (nay là Iran) và xuống phía Nam đánh vào Thiên Trúc (nay là Ấn Độ). Năm 783 hai triều: Đường - Thổ Phiên họp đại hội liên minh ở Thanh Thủy (nay thuộc huyện Thanh Thủy tỉnh Cam Túc). Năm 787 lại họp đại hội liên minh ở Bình Lương (nay thuộc huyện Bình Lương tỉnh Cam Túc). Do Xích Tùng Đức bắt ép dân chúng đi binh dịch, chiến tranh liên miên, và gây thù oán với lân bang, cộng thêm vào đó thiên tai xảy ra liên tiếp, do vậy các cuộc khởi nghĩa nổ ra liên tục, xã hội loạn lạc, vương triều Thổ Phiên đi tới chỗ suy thoái.

Để chống chế thế lực quý tộc, làm dịu mâu thuẫn giai cấp, củng cố vương quyền, trấn áp bản giáo (tôn giáo bản địa), ông đã đề cao Phật Giáo, cho đến các tăng ni nổi tiếng từ Ấn Độ và tăng ni ở tộc Hán vào Thổ Phiên xây dựng ngôi chùa Tang Da (đây là ngôi chùa đầu tiên ở Tây Tạng), còn cho tăng ni Phật Giáo làm tướng lĩnh, cho phép tăng ni can dự vào công việc triều chính.

Về sau, ông nhường ngôi cho con trai là Mâu Ni và lui về ở ẩn ở cung Mã Khả. Năm 797 ông ốm chết.

ĐẠI VƯƠNG MÂU NI
(TRIỀU THỔ PHIÊN)

Đại vương Mâu Ni (775 - 798). Ông là con trưởng của Khí Tùng Đức. Ông kế vị sau khi Khí Tùng Đức chết. Ông trị vì được 1 năm 7 tháng, bị mẹ hại độc chết, hưởng dương 24 tuổi. Mai táng La Nhật Đăng Bảo Lăng (nay là nơi nào không khảo sát rõ).

*

Năm 797 cha của Mâu Ni ốm chết, tháng 4 năm đó ông chính thức lên tiếp nhận ngôi báu.

Sau khi lên kế vị, ông tiếp tục duy trì những chính sách của phụ vương, ông bắt các hạ thần phải cống tiến của cho chùa chiền. Ông 3 lần hạ lịnh chia tài của theo đầu hạ thần để bắt họ cống hiến cho nhà chùa ông làm vậy cốt làm dịu đi mâu thuẫn giai cấp giàu nghèo, nhưng việc làm của ông gặp phải sự phản đối mãnh liệt của giai cấp quý tộc, mà người dẫn đầu cuộc phản đối đó là mẹ ông.

Thời Khí Tùng Đức thối vị lui về ở ẩn, ông ta đã mang vương hậu Phao Dung Nữ tặng cho Mâu Ni. Trong thời gian tang lễ của Khí Tùng Đức. Phao Dung Nữ ăn mặc rất rực rỡ, tình cảm không hề bi thương đau khổ. Điều này làm cho mẹ của Mâu Ni rất tức giận. Bà ta muốn phái thích khách giết chết Phao Dung Nữ, nhưng điều đó bị Mâu Ni ngăn cản.

Mẹ của Mâu Ni càng thêm hận Mâu Ni. Tháng 11 năm 798 bà ta sai thuộc hạ hại độc chết Mâu Ni tại cung Ung Bố đô thành La Ta.

ĐẠI VƯƠNG MÂU NHƯ
(TRIỀU THỔ PHIÊN)

Đại vương Mâu Như (? - 798). Ông là con trai thứ 2 của Khí Tùng Đức và là em trai của Mâu Ni. Ông kế vị sau khi Mâu Ni bị hại chết. Được một thời gian ông bị hại chết. Mai táng ở Giang Nhật Giang Đăng Lăng (nay là nơi nào không khảo sát rõ).

*

Tháng 11 Mâu Ni bị mẹ hại chết, vì vậy Mâu Như được tiếp nhận ngôi vị. Thời Khí Tùng Đức trị vì, Mâu Như vô tình hại chết. Vì thế tháng 12 năm 798 Mâu Như bị kẻ thù hại chết. Ông trị vì được 1 tháng. Mai táng ở Giang Nhật Giang Đăng Lăng.

ĐẠI VƯƠNG XÍCH ĐỨC TÙNG

(TRIỀU THỔ PHIÊN)

Xích Đức Tùng (? - 818). Ông là con trai thứ ba của Khí Tùng Đức và là em trai của Mâu Như. Mâu Như bị hại chết, ông được lên kế vị. Ông trị vì 16 năm, ốm chết. Mai táng ở Đốn Khả Đạt Kiệt Nhật Lăng (nay là nơi nào không khảo sát rõ).

*

Sau khi Mâu Như bị kẻ thù sát hại, Xích Đức Tùng đã lên kế vị.

Sau khi ông kế vị, kẻ thù lại có ý định mưu giết Xích Đức Tùng. Nhờ sự giúp đỡ của Bát Xiển Bố, ông thoát chết. Từ đó ông trọng dụng Bát Xiển Bố và đề cao địa vị của Phật Giáo, tăng lữ dần trở thành một thế lực chính trị quan trọng. Năm 818 ông ốm chết.

ĐẠI VƯỢNG KHẢ LÊ KHẢ TÚC
(TRIỀU THỔ PHIÊN)

Khả Lê Khả Túc (806 - 841). Ông còn có tên là Khí Túc Đức, Xích Tổ Đức... Ông là con trai của Xích Đức Tùng, ông kế vị sau khi cha chết. Ông trị vì 27 năm, ông bị phái diệt Phật Giáo giết. Hưởng thọ 36 tuổi. Mai táng ở Thốn Đinh Mang Nhật Lăng (nay ở nơi nào không khảo sát rõ).

*

Năm 818 Xích Đức Tùng chết, cũng năm đó Khả Lê Khả Túc lên kế vị, ông đặt niên hiệu là "Lân Thái".

Trong thời gian ông trị vì vương triều Thổ Phiên phân chia, sức nước cạn kiệt. Năm 821 ông tham gia đại hội liên minh với triều Đường ở phía Tây thành Trường An, năm 822 lại tham gia đại hội liên minh với triều Đường ở vường Triết Duy phía Tây thành La Ta. Năm 823, ông xây dựng "Tia liên minh Đường - Thổ Phiên"

trong tấm bia đó viết: "Hai triều Thổ Phiên. Đường đã bàn bạc thương lượng với nhau, hi vọng thiên hạ thống nhất, sẽ cùng với triều Đường kí hiệp ước liên minh. Đường Thổ Phiên sẽ cùng chung hoạn nạn, giúp đỡ lẫn nhau, kết tình bằng hữu, không xâm phạm lẫn nhau". Tấm bia này ngày nay vẫn đặt trước cửa chùa Đại Chiêu thành phố Lạp Tát, trở thành một chứng cứ quan trọng trong việc kết tình bằng hữu và mối thâm giao đoàn kết thân ái giữa 2 tộc Hán - Tang.

Khả Lê Khả Túc nâng đỡ Đạo Phật, đưa đạo Phật lên tới đỉnh cao. Ông ta quy định một người xuất gia làm tăng ni phải do 7 hộ gia đình nuôi dưỡng.

Ai dám lấy tay chỉ tăng nhân thì người đó sẽ bị chặt tay, ai dám trừng mắt nhìn tăng, nhân thì người đó bị khoét mắt. Ông cho mở rộng việc xây dựng chùa miếu. Trong thời gian bị bệnh, ông giao công việc triều chính cho tăng nhân Bát Xiển Bố quản lí. Một số biện pháp này làm khuấy động thêm mối thù hận của những người ghét bỏ Phật Giáo. Họ đã mượn cớ hành vi tư thù giữa Bát Xiển Bố và Vương hậu để loại bỏ Bát Xiển Bố. Năm 841, bọn quý tộc diệt Phật nhân cơ hội Khả Lê Khả Túc uống rượu say lên chúng lẻn vào cung dùng dây đai thắt cổ ông ta chết.

ĐẠT MÃ
(TRIỀU THỔ PHIÊN)

Đạt Mã (809 - 846). Ông là con trai của Khả Lê Khả Túc. Sau khi phái quý tộc diệt Phật, giết hại Khả Lê Khả Túc đã lập Đạt Mã làm đại vương. Ông trị vì được 5 năm thì bị phái quý tộc sùng Phật giết chết. Hưởng thọ 38 tuổi. Mai táng ở Tăng Hoàn Lăng.

*

Năm 841 phái quý tộc diệt Phật sát hại Khả Lê Khả Túc, cùng năm đó bọn họ lập Đạt Mã làm đại vương.

Sau khi đăng cơ, ông ta không đi theo con đường của Khả Lê Khả Túc, Đạt Mã lại tín dùng bản giáo và ra sức trấn áp Phật Giáo. Ông cấm thần dân thờ Phật, đốt bỏ kinh Phật, đóng cửa chùa Phật và bắt các tăng ni hoàn tục. Điều đó gây ra sự phản đối mãnh liệt của các tăng ni.

Năm 846 phái tín Phật do La Long Kiến Đức dẫn đầu đã xông vào thành tìm Đạt Mã. Lúc này Đạt Mã đang đọc văn bia, La Long Kiến Đức đến trước mặt Đạt Mã bái kiến, mồm lầm rầm đọc Kinh Phật. Ông vái thứ nhất thì rút cung tên ra, vái thứ 2 xong thì lên dây cung, vái thứ ba thì bắn Đạt Mã, mũi tên cắm vào trán Đạt Mã. Đạt Mã vội lấy tay nhổ mũi tên ra, máu chảy ròng ròng một lúc sau ông ta chết. Đạt Mã chỉ có con cầu tự. Quý trợ chia làm 2 phái, một phái muốn lập con cầu tự của Đạt Mã làm đại vương, một phái muốn lập con nuôi của Đạt Mã làm đại vương. Cuộc chiến của hai phái cứ xảy ra liên miên, tranh đoạt nhau quyền kế vị ngôi báu. Cuối cùng vương triều Thổ Phiên bị diệt vong.

TRIỀU NAM CHIẾU

(Năm 649 - 902, tổng cộng 254 năm)

Triều Đường chọn tộc Ô Man làm chủ trì trong vương triều Nam Chiếu, xây dựng lên chính quyền ở vùng biên cương. Triều Nam Chiếu bao gồm khu vực: toàn bộ tỉnh Vân Nam, toàn bộ tỉnh Tứ Xuyên, phía Tây tỉnh Quý Châu. Triều Nam Chiếu và triều Đường có mối quan hệ mật thiết, triều Nam Chiếu có 13 vị vương, thì 10 người nhận sắc phong của triều Đường, dùng hệ thống chính trị giống triều Đường, tập đoàn thống trị thông thạo Hán văn, nhiều lần cho con cháu quý tộc đến Thành Đô và Trường An để học. Chính quyền Nam Chiếu và Đại Lí đã thúc đẩy sự dung hợp giữa các tộc thiểu số ở Vân Nam, duy trì gọi phát triển xã hội ở địa khu Tây Nam của Trung Quốc, đồng thời có vai trò tích cực trong việc tăng cường mối quan hệ giữa địa khu Tây Nam của Trung Quốc vùng Trung Nguyên Trung Quốc.

Triều Nam Chiếu có 13 quốc vương, trong đó có 3 người bị giết, 10 người bị chết.

CAO TỔ (TẾ NÔ LA)
(TRIỀU NAM CHIẾU)

Cao Tổ, ông ta tên là Tế Nộ La (617 - 674). Ông ta họ Mông và còn có tên là Long Độc La. Ông là người dân tộc Ơ Man. Ông vốn là tín trưởng của tộc Mông Sả, sau đó xưng vương. Ông trị vì 26 năm. Bị ệnh chết, hưởng thọ 58 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

Cha của Tế Nô La tên là Sả Long. Gia đình ông vốn cư trú ở Ai Khiên (nay thuộc nhuyện Bảo Sơn tỉnh Vân Nam) sau đó vì chạy trốn kẻ thù, do đó đã dời đến định cư ở Mông Sả Chiếu (là một bộ lạc ở huyện Ngụy Sơn tỉnh Vân Nam).

Những năm đầu thời Đường, một Dau Nhĩ Hải phía Tây Bắc tỉnh Vân Nam có 6 tộc lạc tương đối lớn và được gọi là "Lục Chiếu" (nơi đây là tổ tiên của tộc Di và tộc Bạch). Trong đó có tộc Mông Sả là gần mặt phía Nam của Lục Chiếu, vì vậy gọi là Nam Chiếu. Thời Đường Thái Tông, tộc trưởng của tộc Mông Sả là Trương Lạc Tiền đã nhường ngôi cho Tế Nô La. Năm 649 Tế Nô La xưng vương ở Nam Chiếu và chọn Ngụy Sơn làm đô phủ.

Tế Nô La rất kính phục nền văn minh của triều Đường, vì thế năm 653 sai La Thịnh Viêm đến Trường An triệu kiến Cao Tông để tỏ ý quy phục triều Đường. Đường Cao Tông phong Tề Hô La làm lại sứ ở Ngụy Châu, từ đó triều Nam Chiếu chịu sự chỉ đạo của triều Đường. Năm 674 Tế Nô La chết.

Sau khi ông ta chết lấy Thụy Hiệu là Kì Gia Vương và được tôn làm Cao Tổ.

THẾ TÔNG (LA THỊNH VIÊM)
(TRIỀU NAM CHIẾU)

Thế Tông, ông ta tên là La Thịnh Viêm (634 - 712). Ông là con trai của Cao Tổ Tế Nô La. Ông kế vị sau khi cha chết. Trị vì 38 năm. Hưởng thọ 79 tuổi. Năm 712 bị ốm chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Sau khi ông ta chết lấy Thụy Hiệu là Hưng Tông Vương và được tôn làm Thế Tông.

THÁI TÔNG (THỊNH LA BÍ)
(TRIỀU NAM CHIẾU)

Thái tông, ông ta tên là Thịnh La Bí (673 - 728). Ông là con trai của Thế Tông La Thịnh Viêm. Ông kế vị sau khi cha chết. Ông trị vì 16 năm, bị ốm chết. Hưởng thọ 56 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Sau khi ông chết lập Thụy Hiệu là Uy Thành Vương và được tôn là Thái Tông.

VÂN NAM VƯƠNG (BÍ LA CÁC)
(NAM CHIẾU)

Vân Nam Vương, ông ta tên là Bí La Các (697 - 748). Ông là con của Thái Tông Thịnh La Bì. Ông kế vị khi cha chết. Ông trị vì 20 năm, bị ốm chết. Hưởng thọ 52 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

Bí La Các là người thông minh và có sức khỏe hơn người. Thời Thịnh La Bí trị vì, ông được phong làm quận vương ở Đài Đăng và được phép tham gia vò công việc triều chính. Sau khi ông lên kế vị, ông vẫn duy trì mối quan hệ hữu hảo với triều Đường. Năm 738 ông được Đường Huyền Tông phong làm Việc Quốc Công Bí La Các thống nhất Lục Chiếu nên Đường Huyền Tông phong cho ông làm Văn Nam Vương.

Năm 739 Bí La Các dời đô đến thành Đại Hòa (nay thuộc phía tây thôn Thái Hòa huyện Đại Lí tỉnh Vân Nam). Năm 745 Bí La Các yết kiến Đường Huyền Tông và được Đường Huyền Tông tiếp đón long trọng ban thưởng cho nhiều đồ vật quý.

Năm 748, ông bị ốm chết.

Trong sử gọi ông là Vân Nam Vương hay còn gọi là Nam Chiếu Vương.

THẦN VŨ VƯƠNG (CÁC LA PHỤNG)
(TRIỀU NAM CHIẾU)

Thần Vũ Vương, ông ta tên là Các La Phụng (712 - 779). Ông còn có tên là Giáo Lạc Phụng. Ông là con trai của Bì La Các. Ông kế vị sau khi cha chết. Ông trị vì 33 năm, bị bệnh chết. Hưởng thọ 38 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Sau khi cha chết, Các La Phụng đứng ra tiếp nhận ngôi vị.

Thời gian Các La Phụng trị vì, ông nhiều lần bị thái thú ở Vân Nam (triều Đường) là Trương Hổ nhục mạ, vì vậy đã dẫn đến xung đột vũ trang với triều Đường. Năm 752, ông quay sang xưng thần với triều Thổ Phiên và được quốc vương của Thổ Phiên sắc phong làm "Tán Phổ chủng nam quả đại chiếu) đại vương của Nam triều trong triều Thổ Phiên" đưa cho Các La Phụng ấn vàng và đặt danh hiệu là Tây Đế. "Chủng" theo tiếng địa phương có nghĩa là "em" dân cư thời đó gọi Các La Phụng là "Tán Phổ Chủng" (em của đại vương). Các La Phụng tự lập hiệu là Đại Mông.

Được một thời gian, triều Đường xảy ra loạn An Sử, Nhân cơ hội đó Các La Phụng tiêu diệt các bộ lạc Việt Tích, Vu Tặng, Tấn Truyền, Phiêu... ông còn chiếm cứ vùng Hấp Châu (của triều Đường nay thuộc huyện Tây Xuyên tỉnh Tứ Xuyên), thống nhất được một khu vực rộng lớn ở Tây Nam ở vùng đất đó. Ông cho mở đường, xây dựng thành ấp, thiết lập cơ cấu chính trị, thúc đẩy sự khai hoang ở vùng đất này.

Năm 769, Các La Phụng đặt niên hiệu là "Trường Thọ". Thời kỳ Các La Phụng đánh chiếm vùng Hấp Châu, ông ta đã bắt được huyện lệnh ở Tây Hộ (nay thuộc huyện Tây Xương tỉnh Tứ

Xuyên), viên huyện lệnh này tên là Trịnh Hối, Các La Phụng dẫn Trịnh Hối quay về triều Nam Chiếu.

Các La Phụng thấy Trịnh Hối là một tiến sĩ có tài và hiểu biết, ông phong cho Trịnh Hối danh hiệu "Man Lợi" và sai Trịnh Hối dạy con em trong vương thất học hành, cho phép Trịnh Hối được trách mắng và đánh các học trò nếu bọn chúng lười học, về sau lại trọng dụng Trịnh Hối làm "quan Thanh Bình" (tức là tể tướng).

Trịnh Hồi quả là một nhân tài, ông ta dựa vào chế độ của tộc Hán để xây dựng các chế độ ở triều Nam Chiếu, thúc tiến sự phát triển văn hóa kinh tế xã hội ở triều Nam Chiếu, khiến cho triều Nam Chiếu trở thành một chính quyền dân tộc thiểu số lớn mạnh ở vùng Tây Nam Trung Quốc.

Các La Phụng phản triều Đường và phải dựa dẫm vào triều Thổ Phiên, đây chỉ là bắt đắc dĩ mà thôi, ông hi vọng có cơ hội quy thuận triều Đường. Vì vậy ông sai Trịnh Hồi viết một tấm bia, gọi tấm bia đó là "Bia Đức hóa" và dựng tấm bia đó trước cửa cung. Đại ý của lời văn tạc trên bia là: "Tổ tiên của triều Nam Chiếu luôn tôn vương triều ở Trung Nguyên làm chủ, ngày hôm nay vì bất đắc dĩ nên chúng tôi phải quy thuận triều Thổ Phiên. Nếu mai sau con cháu của chúng tôi có cơ hội quy thuận triều Đường chúng tôi dùng tấm bia này để tỏ rõ lòng trung hiếu của chúng tôi".

Thời Các La Phụng trị vì, ông phong cho con trai là Phụng Gia Dị làm lại sử ở Dương Cô Châu (nay là khu tự trị của tộc Bạch ở Đại Lí tỉnh Vân Nam) và chọn anh ta làm người kế vị. Về sau Phụng Gia Dị chết yểu, Các La Phụng đành chọn Dị Mâu Tấn làm người kế vị.

Năm 779, Các La Phụng bị ốm chết.

Sau khi ông ta chết, lập thụy hiệu là Thần Vũ Vương.

HIẾU HẰNG VƯƠNG (DỊ MÂU TẦM)
(TRIỀU NAM CHIẾU)

Hiếu Hằng Vương, ông ta tên là Dị Mâu Tầm (754 - 808). Ông ta là cháu của Các La Phụng và là con trai của Phụng Gia Dị. Ông kế vị sau khi Các La Phụng chết. Ông trị vì 29 năm, bị bệnh chết. Hưởng thọ 55 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Ông nội của Dị Mâu Tầm là Các La Phụng bị bệnh chết vào năm 778, do vậy cùng năm đó ông ta lên tiếp nhận ngôi vị của ông nội. Năm 779, ông đổi niên hiệu là "Kiến Long". Ông ta đổi quốc hiệu là "Đại Lí", nhưng được một thời gian lại khôi phục quốc hiệu là "Đại Mông".

Dị Mâu Tầm là người có mưu trí, ông giỏi về chuyện đoàn kết dân tộc, có sự tu dưỡng văn hóa nhất định. Trong thời gian trị vì, ông vẫn cho Trịnh Hồi làm tể tướng. Lúc này, triều Thổ Phiên rất kìm kẹp và tác quái với triều Nam Chiếu, triều Thổ Phiên còn cho lính trấn giữ những cửa ải quan trọng của triều Nam Chiếu. Dị Mâu Tầm rất bực mình với những chuyện đó. Trịnh Hồi đưa ra ý kiến: "Triều Đường lấy lễ nghĩa để đối đãi với bang giao, nếu đại vương quy thuận triều Đường, thì sẽ có lợi rất nhiều với triều Nam Chiếu". Thấy lý lẽ của Trịnh Hồi rất có lý, Dị Mâu Tầm thu nạp ý kiến đó và thực hiện chính sách từ bỏ triều Thổ Phiên, quy phục triều Đường. Ông ta đánh bại triều Thổ Phiên và bỏ đi danh hiệu đế do triều Thổ Phiên phong cho, ông phái 3 sứ giả tới Thành Đô xin quy phục triều Đường. Tháng 6 năm 794, Đường Đức Tông chấp nhận sự quy phục của Dị Mâu Tầm, Đường Đức Tông phái sứ giả tới triều Nam Chiếu, hai bên mở đại hội liên minh ở núi Điểm Thương, trong đại hội đã tuyên bố: "Hai triều Đường, Nam Chiếu cùng cho quân trấn giữ biên cương, không xâm phạm lẫn nhau, bảo tồn quan hệ hữu hảo". Từ đó hai bên đối đãi với nhau rất tốt.

Được một thời gian, Đường Đức Tông sắc phong cho Dị Mâu Tầm làm Nam Chiêu Vương và đưa ban tặng Kim Ấn (ấn vàng) có khắc chữ: "Trinh Nguyên Sắc Nam Chiếu ấn" (tức ý là niên giám Trinh Nguyên phong tặng ấn cho triều Nam Chiếu". Dị Mâu Tầm cảm động nói: "Con cháu của triều Nam Chiếu, nguyện đời đời làm quần thần cho triều Đường". Ông còn cho rất nhiều con cháu quý tộc của triều Nam Chiếu đến thành Đô để học tập văn hóa điển chương của triều Trung Nguyên, nhằm thúc đẩy mối quan hệ với triều Đường".

Về sau Dị Mâu Tầm thôn tính các bộ lạc xung quanh thống nhất được: toàn bộ tỉnh Vân Nam, phía nam tỉnh Tứ Xuyên và phía Tây tỉnh Quý Châu, điều này giúp cho triều Nam Chiếu bước vào thời kì hưng thịnh.

Năm 808, Dị Mâu Tầm chết. Đường Hiến Tông phái sứ thần tới tham dự tang lễ của Dị Mâu Tầm.

Sau khi Dị Mâu Tầm chết đặt thụy hiệu là Hiếu Tuyên Vương.

HIẾU HUÊ VƯƠNG (TẤM CÁC QUYỀN)
(TRIỀU NAM CHIẾU)

Hiếu Huệ Vương, ông ta tên là Tấm Các Quyền (778 - 809), ông ta còn có tên là Tân Giáo Quyền. Ông là con trai của Dị Mâu Tầm. Ông kế vị sau khi cha chết, ông trị vì được 2 năm thì chết. Hưởng thọ 32 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Sau khi cha của Tấm Các Quyền bị ốm chết do đó năm 808 ông lên kế vị. Năm 809, ông đổi niên hiệu là "Ứng Đạo", tự xưng là "Phiêu Tín" (theo tiếng địa phương có nghĩa là quân vương).

Đường Hiến Tông phong cho Tấm Các Quyền làm Vân Nam Vương và trao tặng ấn chương có chữ "Nguyên Hòa".

Năm 809 Tấm Các Quyền chết.

Sau khi mất, ông được đặt Thụy Hiệu là: Hiếu Huệ Vương.

U VƯƠNG (QUYỀN LONG DẶC)
(NAM CHIẾU)

U Vương, ông ta tên là Quyền Long Đặc (798 - 816). Ông là con trai của Tấm Các Quyền. Ông kế vị sau khi cha chết. Ông trị vì được 7 năm thì bị giết. Hưởng dương 19 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Năm 809 Tấm Các Quyền ốm chết, Quyền Long Đặc được lên kế vị. Năm 810 ông đổi niên hiệu là "Long Hưng". Sau khi Quyền Long Đặc tiếp nhận ngôi vị, ông ta hoang dâm vô độ, quần thần và dân chúng đều hận ông ta. Năm 816, ông ta bị tiết độ sứ ở Lộng Đông (nay thuộc huyện Diêu An tỉnh Vân Nam) là Biệt Diên giết chết.

Sau khi ông ta chết lập Thụy Hiệu là U Vương.

TĨNH VƯƠNG (QUYỀN LỢI DẶC)
(TRIỀU NAM CHIẾU)

Tĩnh Vương, ông ta tên là Quyền Lợi Dặc (802 - 823). Ông là con trai của Tấm Các Quyền và là em trai của Quyền Long Đặc. Ông kế vị sau khi Quyền Long Đặc bị giết chết. Ông trị vì được 7

năm, bị ốm chết. Hưởng thọ 22 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Năm 816, Biệt Diên giết Quyền Long Đặc và lập Quyền Lợi Dặc lên ngôi báu. Ông đổi niên hiệu là "Toán Nghĩa".

Đường Hiền Tông sai thiếu phủ triều Lâm Quý Hiền đến triều Nam Chiếu, sắc phong cho Quyền Lợi Dặc làm Vân Nam Vương, năm 823, Đường Mục Tông tặng ấn vàng Quyền Lợi Dặc.

Sau khi nhận ngôi vị, Quyền Lợi Dặc trọng thưởng cho Biệt Diên và sắc phong Biệt Diên làm huynh trưởng.

Năm 823, Quyền Lợi Dặc chết.

Thụy hiệu của Quyền Lợi Dặc là Tĩnh Vương.

CHIÊU THÀNH VƯƠNG (QUYỀN PHONG HỰU)
(TRIỀU NAM CHIẾU)

Chiêu Thành Vương, ông ta tên là Quyền Phong Hựu (817 - 859), ông là em trai của Quyền Lợi Dặc. Ông kế vị sau khi anh trai chết. Ông trị vì 36 năm bị chết. Hưởng thọ 34 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Năm 823, anh của Quyền Phong Hựu là Quyền Lợi Dặc ốm chết, do đó ông đã lên kế vị. Ông đổi niên hiệu là "Bảo Hòa". Đường Mục Tông phái sứ thần đến triều Nam Chiếu phong Quyền Phong Hựu làm Vân Nam Vương. Quyền Long Dặc lại phái các đại thần đến triều Đường tạ ơn.

Lúc ông lên kế vị, ông mới có 7 tuổi. Sau khi trưởng thành ông rất dũng mãnh, ông biết cách dùng người và rất ham mê văn hóa của dân tộc Hán. Năm 829, Biệt Diên dẫn quân vào Thành Đô và bắt được mấy vạn thợ thủ công tộc Hán về triều Nam Chiếu, nhờ vậy ngành thủ công nghiệp của triều Nam Chiếu nhanh chóng phát triển, ngành dệt lụa còn đạt trình độ ngang với lụa ở Tứ Xuyên.

Năm 859 ông bị ốm chết.

Sau khi ông chết đặt Thụy Hiệu là Chiêu Thành Vương.

HIẾU TRANG ĐẾ (THẾ LONG)
(TRIỀU NAM CHIẾU)

Hiếu Trang Đế, ông ta tên là Thế Long (844 - 877). Ông là con trai của Quyền Phong Hựu. Ông kế vị sau khi Quyền Phong Hựu ốm chết. Ông trị vì 18 năm, thì ốm chết. Hưởng thọ 34 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Năm 859 cha của Thế Long là Quyền Phong Hựu ốm chết, do đó Thế Long đứng ra tiếp nhận ngôi vị. Ông đổi quốc hiệu là "Đại Lễ" và tự xưng làm hoàng đế ông đặt niên hiệu là "Kiến Cấp".

Trong thời gian trị vì, ông ta luôn thích chém giết, thần dân nào làm mất lòng ông ta đều bị ông ta giết chết. Thậm chí người nhiếp chính triều đình là Biệt cũng bị ông ta sai dũng tướng giết chết. Thế Long nhiều lần gây xung đột vũ trang với triều Đường, nhiều năm liền dẫn binh chinh chiến khiến quốc khố và binh lực bị hao tổn nhân dân bị khốn khó. Có lần ông ta đi đánh

chiếm vùng Tứ Xuyên, ông ta bắt ép nam giới từ 15 tuổi trở lên phải xung quân đi đánh trận, công việc đồng áng do phụ nữ đảm nhận, thu hoạch phải nộp cho triều đình, làm cho dân chúng không đủ ăn, đâu đâu cũng thù hận ông ta.

Về sau, Thế Long không có cách gì duy trì nền pháp luật và hệ thống chính trị, do đó ông sai tể tướng Triệu Tông dẫn 30 người đến triều Đường xin cầu hòa, muốn làm anh em với triều Đường. Triều Đường không yên tâm do đó đã liên kết với triều Thổ Phiên sai lính trấn giữ những cửa ải hiểm yếu, để đề phòng Thế Long xâm lược. Thế Long xin cầu hòa nhưng không thành mâu thuẫn trong triều không làm dịu đi được, ông sinh ra u uất và phát thành bệnh. Năm 877 ông băng hà.

Thụy hiệu của ông là Hiếu Trang Đế.

TUYÊN VŨ ĐẾ (LONG THUẤN)
(TRIỀU NAM CHIẾU)

Tuyên Vũ Đế, ông ta tên là Long Thuấn (? - 897). Ông là con trai của Thế Long. Ông kế vị sau khi cha chết. Ông trị vì 20 năm, bị giết ở thành Thiệm Thiềm. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Năm 877, Thế Long ốm chết, con trai của ông ta là Long Thuấn lên kế vị. Long Thuấn đổi quốc hiệu là Đại Phong Dân. Năm 878 ông đổi niên hiệu là "Trinh Minh".

Hồi còn nhỏ tuổi, ông đã lên kế vị, ông rất thích đi du lãm. Trong thời gian trị vì, ông vài lần phái sứ giả tới triều Đường xin cầu hòa, gây dựng lại mối quan hệ từ xưa. Đường Hỉ Tông gả công chúa An Hóa cho Long Thuấn, nhưng chuyện này bị tướng Cao Tịnh cản trở nên không thành.

Năm 897, tể tưởng triều Nam Chiếu là Trịnh Thực Tự giết chết Long Thuấn.

Thụy Hiệu của ông là Thánh Minh Văn Vũ Đế.

HIẾU AI ĐẾ (THUẤN HÓA TRINH)
(TRIỀU NAM CHIẾU)

Hiếu Ai Đế, ông ta tên là Thuấn Hóa Trinh (877 - 902). Ông là con của Long Thuấn. Ông kế vị sau khi Long Thuấn bị giết. Ông trị vì được 5 năm thì bị giết. Hưởng thọ 26 tuổi. Bị mất nước. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Cha của Thuấn Hóa Trinh là Long Thuấn bị giết, ông lên tiếp vị, ông đổi niên hiệu là "Trung Hưng".

Sau khi lên kế vị, ông liên tiếp sai sứ giả tới triều Đường xin nối lại tình bằng hữu. Lúc đó Đường Chiêu Tông lo thân chưa xong nên không trả lời yêu cầu của ông ta. Một thời gian, ở Trung Nguyên phát sinh biến loạn tiếp đó lại bước vào thời kỳ phân chia Ngũ Đại Thập Quốc, do đó mối quan hệ với triều Nam Chiếu bị đứt đoạn.

Năm 902, Thuấn Hóa Trinh lại bị tể tướng Trịnh Thực Tự giết, chính quyền Nam Chiếu bị diệt vong và dòng họ Trịnh thiết lập triều đại Đại Trường Hòa.

Trong sử gọi Thuấn Hóa Trinh là Trung Hưng Đế hay gọi là Hiếu Ai Đế.

TRIỀU ĐẠI ĐẠI TRƯỜNG HÒA

(Năm 902 - 927, tổng cộng 27 năm)

Triều đại Đại Trường Hòa có 3 quốc vương, trong đó có 2 người bị chết, 1 người bị giết do làm mất nước.

HẰNG ĐẾ (TRỊNH THỰC TỰ)
(TRIỀU ĐẠI TRƯỜNG HÒA)

Hằng Đế, ông ta tên là Trịnh Thực Tự (? - 909). Ông ta giết Thuấn Hóa Trinh và tự xưng làm quốc Vương. Ông trị vì 7 năm bị bệnh chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Trịnh Thực Hòa là cháu đời thứ 7 của Trịnh Hối (tể tướng triều Nam Chiếu thời quốc vương Thần Vũ. Thời Long Thuấn trị vì. Trịnh Thực Tự được phong làm tể tướng ông ta rất chuyên quyền. Năm 897 ông sai thuộc hạ giết Long Thuấn. Năm 902 ông lại giết Thuấn Hóa Trinh và hơn 800 tông thất triều Nam Chiếu, cướp đoạt chính quyền Nam Chiếu, ông xưng là Thánh Minh Văn Vũ Uy Đức Hằng Đế, ông đổi quốc hiệu là Đại Trường Hòa và lập niên hiệu là "An Quốc".

Tháng 8 năm 909, ông ta chết.

Trong sử gọi là Hằng Đế.

THÁI THƯỢNG ĐẾ (TRỊNH DÂN)
(TRIỀU ĐẠI TRƯỜNG HÒA)

Thái Thượng Đế, ông ta tên là Trịnh Dân (889 - 926). Ông còn có tên là Trịnh Nhân Dân. Ông là con trai của Trịnh Thực Tự. Ông kế vị sau khi cha chết. Ông trị vì 17 năm bị ốm chết. Hưởng thọ 38 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Năm 909 Trịnh Thực Tự ốm chết, Trịnh Dân lên kế vị và ông xưng là Túc Văn Thái Thượng Đế. Ông đổi niên hiệu là "Thủy Nguyên".

Năm 914 ông tấn công tộc Tiền Thục (nay cư trú ở: tỉnh Tứ Xuyên, phía Đông Nam tỉnh Cam Túc, phía Nam tỉnh Thiểm Tây, phía Tây tỉnh Hồ Bắc), nhưng bị Thục Chủ là Vương Kiến đánh cho đại bại. Về sau Trịnh Dân tới tộc Nam Hán cầu hôn (nay tộc này cư trú ở 2 tỉnh Quảng Đông và Quảng Tây) và tộc Nam Hàn đã gả công chúa Tăng Thành cho ông ta.

Tháng 8 năm 926, Trịnh Dân chết.

Trong sử gọi Trịnh Dân là Thái Thượng Đế.

CUNG HUÊ ĐẾ (TRỊNH LONG ĐẢM)
(TRIỀU ĐẠI TRƯỜNG HÒA)

Cung Huệ Đế, ông ta tên là Trịnh Long Đảm (? - 928). Ông là con của Trịnh Dân. Năm 926 Trịnh Dân chết, ông ta lên kế vị. Năm 927 ông đổi niên hiệu là "Thiên Ứng". Năm 928 Trịnh Long Đảm bị Dương Cán Trinh giết chết. Ông trị vì được 2 năm triều Đại Trường Hòa bị diệt vong. Ông ta Mai táng ở đâu không rõ.

*

Trong sử gọi ông ta là Cung Huệ Đế.

NƯỚC ĐẠI THIÊN HƯNG

(Năm 928 - 929, tổng cộng 2 năm)

Nước Đại Thiên Hưng chỉ có một quốc vương, ông ta bị phế truất. Về sau ra sao không rõ.

ĐIẾU KHANG ĐẾ (TRIỆU THIÊN CHÍNH)
(NƯỚC ĐẠI THIÊN HƯNG)

Điếu Khang Đế, ông ta tên là Triệu Thiện Chính (? - 929). Ông là người dân tộc Bạch Man. Ông vốn là tể tướng của triều Đại Trường Hòa. Năm 928, Dương Cán Trinh giết Trịnh Long Đảm và lập Triệu Thiện Chính làm Phiêu Tín (quốc vương), ông đổi quốc hiệu là Đại Thiên Hưng (hay còn gọi là nước Hưng Nguyên) ông lập niên hiệu là "Tôn Thánh". Năm 929, ông bị Dương Cán Trinh phế truất. Triệu Thiện Chính trị vì được 2 năm. Chuyện về sau ra sao không rõ.

Sau khi ông ta chết, lập thụy hiệu là Điếu Khang Đế.

NƯỚC ĐẠI NGHĨA NINH

(Năm 929 - 937, tổng cộng 9 năm)

Nước Đại Nghĩa Ninh có một quốc vương, mất nước bị giết, một thuyết khác nói mất nước nên vào chùa đi tu.

TÚC CUNG ĐẾ (DƯƠNG CÁN TRINH)
(NƯỚC ĐẠI NGHĨA NINH)

Tức Cung Đế, ông ta tên là Dương Cán Trinh (? - 937). Ông là người dân tộc Bạch Man. Ông ta giết Trịnh Long và phế truất Triệu Thiện Chính sau đó ông ta tự xưng làm quốc vương. Sau đó bị giết (có thuyết nói là ông ta chạy trốn). Trị vì 8 năm. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Dương Cán Trinh vốn là tiết độ sứ ở Kiếm Xuyên (nước Đại Hòa Quốc). Năm 927, ông giết Trịnh Long Đảm diệt vong nước Đại Trường Hòa. Năm 928, ông ta lại lập Triệu Thiện Chính làm đại vương, tạo dựng nước Đại Thiên Hưng. Năm 929 ông ta lại phế truất Triệu Thiện Chính và tự lập làm vương, đổi quốc hiệu là "Đại Nghĩa Ninh". Năm 930 ông đổi niên hiệu là "Hưng Thành".

Trong thời gian trị vì, ông ta hung bạo ngang ngược, khiến cho thần dân đều oán hận. Tiết độ sứ ở Thông Hải là Ân Tư Bình khởi binh phản kháng, tháng 2 năm 937. Ân Tư Bình gây dựng triều đại Lí, Dương Cán Trinh bị giết, một thuyết khác nói ông ta chạy trốn làm tăng ni.

Sau khi ông ta chết, lập thụy hiệu là Túc Cung Đế.

TRIỀU ĐẠI LÝ (TIỀN LÝ)

(Năm 937 - 1094, tổng cộng 158 năm)

Triều Đại Lí có 14 quốc vương, trong đó có: 1 người bị hạ thần giết, 4 người chạy trốn làm tăng ni, 3 người bị phế truất, 6 người bị bệnh chết.

THÁI TỔ (GIẢ TƯ BÌNH)
(TRIỀU ĐẠI LÍ)

Thái Tổ, ông ta tên là Giả Tư Bình (893 - 944). Ông là người dân tộc Bạch Man, ông tiêu diệt nước Đại Nghĩa Ninh và xây dựng triều Đại Lí. Ông trị vì được 8 năm, bị bệnh chết. Hưởng thọ 52 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Cha của Giả Tư Bình là Giả Bảo Lập làm tể tướng ở nước Nam Chiếu. Về sau gia đình rơi vào hoàn cảnh suy bại, Giả Tư Bình từ nhỏ phải sống cảnh nghèo khổ ông phải đi chăn dê ở trong núi, lúc đó triều đình Đại Nghĩa Ninh tàn bạo, do đó dân chúng tự họp ở khu vực Nhĩ Hải để phất cờ khởi nghĩa, ông ta cũng tham gia vào cuộc khởi nghĩa đó. Được một thời gian cuộc khởi nghĩa bị trấn áp, Dương Cán Trinh hạ lệnh bắt giữ Giả Tư Bình. Nhờ sự giúp đỡ của chú ông ta và bạn ông ta là Cao Phương Tố, ông ta mới thoát thân, ông ta mượn quân của 37 bộ lạc ở miền Đông và mở đại hội ở Thạch Thành (nay là huyện Cử Tĩnh tỉnh Vân Nam). Tháng 2 năm 937 ông ta dẫn quân tiến đánh Dương Cán Trinh, và tiến vào thành Thái Hòa diệt vong nước Đại Nghĩa Ninh, xây dựng nước Đại Lí. Ông đổi niên hiệu là "Văn Đức".

Sau khi lập quốc, ông thống nhất được toàn bộ tỉnh Vân nam, phía Tây Nam tỉnh Tứ Xuyên và ông thực hiện chế độ phong kiến: ông cho lập 8 phủ, 4 quận 37 bộ; miễn lao dịch cho 37 bộ, họp đại hội liên minh thề chung sống hòa bình giúp đỡ lẫn nhau, điều đó giúp cục diện của khu vực Nam Chiếu được ổn định. Ông ta nói Giả Kiểm Ngụy (người Hán) là tổ tiên của mình, do đó ông tích cực duy trì văn hóa của tộc Hán, điều đó góp phần thúc tiến sự phát triển và thúc đẩy văn hóa xã hội ở khu vực Nam Chiếu.

Năm 944, ông ta mất tại thành Thái Hòa.

Thụy hiệu của ông ta là Thái Tổ Thần Thánh Văn Vũ Đế.

VĂN KINH ĐẾ (GIẢ TƯ ANH)
(TRIỀU ĐẠI LÍ)

Văn Kinh Đế, ông ta tên là Giả Tư Anh, năm sinh và năm mất không rõ. Ông là con trai của Giả Tư Bình. Năm 944, Giả Tư Bình ốm chết, Giả Tư Anh lên kế vị. Ông đổi niên hiệu là "Văn Kinh". Ông trị vì được 1 năm thì bị phế truất (nguyên nhân không rõ), sau đó xuất gia làm tăng. Chuyện về sau ra sao không rõ. Trong sử gọi ông là Văn Kinh Đế.

VĂN VŨ ĐẾ (GIẢ TƯ LƯƠNG)
(TRIỀU ĐẠI LÍ)

Thánh Tứ Văn Vũ Đế, ông ta tên là Giả Tư Lương (? - 951). Ông là em của Giả Tư Bình. Năm 945 cháu ông là Giả Tư Anh bị phế truất, do đó Giả Tư Lương đã lên tiếp vị. Ông đổi niên hiệu là "Chí Trị". Năm 951 ông bị bệnh chết. Ông trị vì 6 năm. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Trong sử gọi ông là Thánh Tứ Văn Vũ Đế.

QUẢNG TỪ ĐẾ (GIẢ TƯ THÔNG)
(TRIỀU ĐẠI LÍ)

Chí Đạo Quảng Từ Đế, ông ta tên là Giả Tư Thông (? - 968). Ông là con của Giả Tư Lương. Năm 951, Giả Tư Lương ốm chết, Giả Tư Thông đứng ra tiếp vị. Ông đổi niên hiệu là "Minh Đức". Ông trị vì 17 năm bị ốm chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Trong sử gọi ông là Chí Đạo Quảng Từ Đế.

ỨNG ĐẠO ĐẾ (GIẢ TỐ THUẬN)
(TRIỀU ĐẠI LÍ)

Ứng Đạo Đế, ông ta tên là Giả Tố Thuận (? - 985). Ông là con trai của Giả Tư Thông. Năm 968, Giả Tư Thông chết, ông ta lên kế vị. Ông đổi niên hiệu là "Minh Chính". Ông bị bệnh chết. Ông trị vì 17 năm. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Trong sử gọi ông là Ứng Đạo Đế.

CHIÊU MINH ĐẾ (GIẢ TỐ ANH)
(TRIỀU ĐẠI LÍ)

Chiêu Minh Đế, ông ta tên là Giả Tư Anh (? - 1009). Ông là con trai của Giả Tố Thuận. Năm 985 Giả Tố Thuận chết do đó Giả Tư Anh được kế vị. Ông đổi niên hiệu là "Quảng Minh". Ông bị ốm chết. Ông trị vì 24 năm. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Trong sử gọi ông là Chiêu Minh Đế.

TUYÊN TÚC ĐẾ (GIẢ TỐ LIÊM)
(TRIỀU ĐẠI LÍ)

Tuyên Túc Đế, ông ta tên là Giả Tố Liêm (? - 1022). Ông là con trai của Liêm Tố Anh. Năm 1009, Giả Tư Anh bị bệnh chết, Giả Tố Liêm đứng ra tiếp vị. Ông đổi niên hiệu là "Minh Khải". Ông ốm chết, trị vì 13 năm. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Trong sử gọi ông là Tuyên Túc Đế.

BỈNH NGHĨA ĐẾ (GIẢ TỐ LONG)
(TRIỀU ĐẠI LÍ)

Bỉnh Nghĩa Đế, ông ta tên là Giả Tố Long, năm sinh và năm mất không rõ. Ông là cháu của Giả Tố Liêm. Năm 1022, Giả Tố Liêm bị bệnh chết. Giả Tố Long đứng ra tiếp nhận ngôi báu. Ông đổi niên hiệu là "Minh Thông". Ông trị vì được 4 năm. Năm 1026, ông bị ép nhường ngôi cho Giả Tố Thận và xuất gia đi tu. Chuyện về sau ra sao không rõ.

*

Trong sử gọi ông là Bình Nghĩa Đế.

THÁNH ĐỨC ĐẾ (GIẢ TỐ THẬN)
(TRIỀU ĐẠI LÍ)

Thánh Đức Đế, ông ta tên là Giả Tố Thận, năm sinh và năm mất không rõ. Ông là cháu của Giả Tố Long. Năm 1026, Giả Tố Long bị ép nhường ngôi cho Giả Tố Thận. Ông đổi niên hiệu là "Chính Trị". Ông trị vì 15 năm. Năm 1041 ông bị ép nhường ngôi cho cháu là Giả Tố Hưng và ông xuất gia đi tu. Chuyện về sau ra sao không rõ.

*

Trong sử gọi ông là Thánh Đức Đế.

THIÊN MINH ĐẾ (GIẢ TỐ HƯNG)
(TRIỀU ĐẠI LÍ)

Thiên Minh Đế, ông ta tên là Giả Tố Hưng, năm sinh và năm mất không rõ. Ông là cháu của Giả Tố Thận. Năm 1041, Giả Tố Thận bị bắt ép nhường ngôi cho Giả Tố Hưng. Ông đổi niên hiệu là "Thánh Minh". Ông trị vì được 3 năm thì bị nhân dân phế truất. Chuyện về sau ra sao không rõ.

*

Trong sử gọi ông là Thiên Minh Đế.

HIẾU ĐỨC ĐẾ (GIẢ TƯ LIÊM)
(TRIỀU ĐẠI LÍ)

Hưng Tông Hiếu Minh Đế, ông ta tên là Giả Tố Liêm năm sinh và năm mất không rõ. Năm 1044 Ân Tố Hưng bị phế truất, Giả Tố Liêm được tiếp nhận ngôi vị. Ông đổi niên hiệu là "Bảo an". Ông trị vì 30 năm. Năm 1075 ông thối vị và xuất gia đi tu. Chuyện về sau ra sao không rõ.

*

Hiệu miếu của ông được đặt là Hưng Tông và thụy hiệu là Hiếu Đức Đế.

THƯỢNG ĐỨC ĐẾ (GIẢ LIÊM NGHĨA)
(TRIỀU ĐẠI LÍ)

Thượng Đức Đế, ông ta tên là Giả Liêm Nghĩa (? - 1080). Ông là con của Ân Tư Liêm. Năm 1075 bố của Giả Liêm Nghĩa thối vị và đi tu, ông lên tiếp nhận ngôi vị. Ông đổi niên hiệu là "Thượng Đức". Ông trị vì được 6 năm. Năm 1080, ông bị Hạ Thần Dương Nghĩa Thận giết chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Trong sử gọi ông là Thượng Đức Đế.

THƯỢNG MINH ĐẾ (GIẢ THỌ HUY)
(TRIỀU ĐẠI LÍ)

Thượng Minh Đế, ông ta tên là Giả Thọ Huy, năm sinh và năm mất không rõ, ông là cháu của Giả Liêm. Năm 1080, Dương Nghĩa Thận giết Giả Liêm Nghĩa, sau đó tự xưng là hoàng đế Quảng An. Con trai của trọng thần Cao Trí Thăng là Cao Thăng Thái tập hợp 37 bộ binh và tiêu diệt Dương Nghĩa Thận và lập Giả Thọ Huy làm đại vương. Ông đổi niên hiệu là "Thượng

Minh". Ông trị vì được 1 năm, năm 1081 ông nhường ngôi cho Giả Chính Minh. Chuyện về sau ra sao không rõ.

*

Trong sử gọi Giả Thọ Huy là Thượng Minh Đế.

BẢO ĐỊNH ĐẾ (GIẢ CHÍNH MINH)
(TRIỀU ĐẠI LÍ)

Bảo Định Đế, ông ta tên là Giả Chính Minh, năm sinh và năm mất không rõ. Ông là cháu của Ân Tư Liêm và là cháu họ của Giả Thọ Huy. Năm 1081, Giả Thọ Huy nhường ngôi cho Ân Chính Minh. Ông đổi niên hiệu là "Bảo Lập". Ông trị vì 12 năm, sau đó xuất gia đi tu. Chuyện về sau ra sao không rõ.

*

Năm 1094, nhân dân bắt ép Giả Chính Minh nhường ngôi cho Cao Thăng Thái. Ông ta không có cách gì chối từ đành phải thoái vị, còn Cao Thăng Thái làm quốc vương. Nước Đại Lí bị diệt vong.

*

Trong sử gọi Giả Chính Minh là Bảo Định Đế.

NƯỚC ĐẠI TRUNG

(Năm 1094 - 1096, tổng cộng là 2 năm)

Nước Đại Trung chỉ có 1 quốc vương, ông ta bị bệnh chết.

BIỂU CHÍNH ĐẾ (CAO THĂNG THÁI)
(NƯỚC ĐẠI QUỐC)

Biểu Chính Đế, ông ta tên là Cao Thăng Thái (? - 1096). Ông vốn là đại thần nước Đại Lí. Năm 1094, Giả Chính Minh bị dân chúng ép nhường ngôi bọn họ lập Cao Thăng Thái làm quốc vương. Ông xưng là Phúc Hữu Thánh Đức Biểu Chính Đế. Ông lập quốc hiệu là Đại Trung và đặt quốc hiệu là "Thượng Trị". Dân chúng gọi ông ta là Cao Quốc Chủ. Ông bị ốm chết. Trị vì 2 năm. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Trước lúc lâm chung Cao Thăng Thái dặn dò con trai là Cao Thái Minh cần phải hoàn trả chính quyền cho nhà họ Giả. Trong sử gọi Cao Thăng Thái là Biểu Minh Đế.

TRIỀU HẬU LÍ

(Năm 1096 - 1254, tổng cộng 159 năm)

Triều Hậu Lí có 8 quốc vương. Trong đó một người làm mất nước bị bắt làm tù binh, 4 người nhường ngôi và xuất gia đi tu, 3 người bị bệnh chết.

VĂN AN ĐẾ (GIẢ CHÍNH THUẦN)
(TRIỀU HẬU LÍ)

Trung Tông Văn An Đế, ông ta tên là Giả Chính Thuần, năm sinh và năm mất không rõ. Ông là em trai của Bảo Định Đế Chính Minh (triều Đại Lí). Sau khi Cao Thăng Thái chết, con trai của ông ta là Cao Thái Minh tuân theo lời di huấn của cha là trả lại ngôi vị cho dòng họ Giả. Năm 1096 Cao Thái Minh tìm được Giả Chính Thuần và lập Giả Chính Thuần làm quốc vương, ông đổi quốc hiệu là Hậu Lí, lập niên hiệu là "Thiên Thụ". Dòng họ Cao các đời đều được phong làm tể tướng. Ông trị vì 12 năm. Năm 1108, ông nhường ngôi cho con và xuất gia đi tu. Chuyện về sau ra sao không rõ.

*

Hiệu miếu của Giả Chính Thuần là Trung Tông và thụy hiệu là Văn An Đế.

TUYÊN NHÂN ĐẾ (GIẢ HÒA ÍCH)
(TRIỀU HẬU LÍ)

Hiền Tông tuyên Nhân Đế, ông ta tên là Giả Hòa Ích, năm sinh và năm mất không rõ. Ông là con của Giả Chính Thuần. Năm 1108, Giả Chính Thuần nhường ngôi cho ông Giả Hòa Ích đổi niên hiệu là "Nhật Tân". Năm 1147, ông trốn đi làm tăng ni. Ông trị vì 39 năm. Chuyện về sau ra sao không rõ.

*

Năm 1116 Giả Hòa Ích tới triều Bắc Tông xin làm sứ thần và được Tống Vi Tông phong làm "quốc vương ở nước Đại Lí".

Hiệu miếu của Giả Hòa Ích là Hiền Tông và thụy hiệu là Tuyên Nhân Đế.

CHÍNH KHANG ĐẾ (GIẢ CHÍNH HƯNG)
(TRIỀU HẬU LÍ)

Cảnh Tông Chính Khang Đế, ông ta tên là Giả Chính Hưng ông còn có tên là Giả Nghĩa Trường. Năm sinh và năm mất không rõ. Ông là con trai của Giả Hòa Ích. Giả Hòa Ích đi tu vì thế Giả Chính Hưng đứng ra tiếp nhận ngôi vị. Ông đổi niên hiệu là "Vĩnh Trinh". Năm 1172 ông trốn đi làm tăng ni. Ông trị vì 25 năm. Chuyện về sau ra sao không rõ.

*

Hiệu miếu của ông là Cảnh Tông và thụy hiệu là Kiến Đế.

CUNG CỰC ĐẾ (GIẢ TRÍ HƯNG)
(TRIỀU HẬU LÍ)

Tuyên Tông Cung Cực Đế, ông ta tên là Giả Trí Hưng (? - 1200). Ông là con trai Giả Chính Hưng. Năm 1172 Giả Chính Hưng đi tu, do đó Giả Trí Hưng đã được kế vị. Ông đổi niên hiệu là

"Lợi Trinh". Ông trị vì 29 năm, bị bệnh chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Năm 1173 Giả Trí Hưng sai 23 đại thần tới Ấp Châu (nay thuộc phía Đông Bắc huyện Nghị Lương tỉnh Vân Nam) để bàn bạc với triều Tống chuyện mua bán ngựa và sai hạ thần tới triều Tống mua thư tịch nho học (những thư tịch này viết bằng chữ Hán).

Hiệu miếu của ông là Tuyên Tông và thụy hiệu là Cung Cực Đế.

HƯỞNG THIÊN ĐẾ (GIẢ TRÍ LIÊM)
(TRIỀU HẬU LÍ)

Hưởng Thiên Đế, ông ta tên là Giả Tố Liêm (? - 1205). Ông là con trai Giả Trí Hưng. Tháng 7 năm 1200 Giả Trí Hưng ốm chết, tháng 8 Giả Tố Liêm đăng cơ. Ông đổi niên hiệu là "Phụng Lịch". Ông trị vì 5 năm, bệnh chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Trong sử gọi ông là Hưởng Thiên Đế.

THẦN TÔNG (GẢI TRÍ TƯỜNG)
(TRIỀU HẬU LÍ)

Thần Tông, ông ta tên là Giả Trí Tường, năm sinh và năm mất không rõ. Ông là em trai Giả Tố Liêm. Năm 1205 ông kế vị sau khi anh trai chết, ông đổi niên hiệu là "Thiên Khai". Ông trị vì 33 năm. Năm 1238 ông xuất gia đi tu. Chuyện về sau ra sau không rõ.

*

Trong sử gọi ông là Thần Tông.

HIẾU NGHĨA ĐẾ (GIẢ TƯỜNG HƯNG)
(TRIỀU HẬU LÍ)

Hiếu Nghĩa Đế, ông ta tên là Giả Tường Hưng (? - 1251). Ông là con trai Giả Trí Tường. Ông đổi niên hiệu là "Đạo Long". Ông trị vì 13 năm thì ốm chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Trong sử gọi ông là Hiếu Nghĩa Đế.

THIÊN ĐỊNH THÀNH VƯƠNG (GIẢ HƯNG TRÍ)
(TRIỀU HẬU LÍ)

Thiên Định Thành Vương, ông ta tên là Giả Hưng Trí, năm sinh và năm mất không rõ. Ông là con của Giả Tường Hưng. Năm 1251 Giả Tường Hưng ốm chết, do đó Giả Hưng Trí đứng ra tiếp nhận ngôi vị. Về sau ông từ bỏ ngôi vị và ốm chết. Mai táng ở đâu không rõ.

Sau khi Giả Hưng Trí lên trị vì đổi niên hiệu là "Thiên Định". Năm 1254 quân Nguyên tấn công triều Đại Lí, Giả Hưng Trí phải đầu hàng, về sau triều Đại Lí bị diệt vong.

Năm 1255, Giả Hưng Trí và thúc phụ là Giả Phú đi triều kiến Nguyên Hiến Tông Mông Ca để kính dâng bản đồ đất đai, đề ra việc bình định chư bộ và các biện pháp trị dân. Nguyên Hiến tông Mông Ca rất tán thành những việc đó và sắc phong cho Giả Hưng Trí cho làm tổng quản ở Bát Phủ, ban tặng kim bia (bia vàng) và vẫn cho quản lí công việc chính trị ở nước Hậu Lí. Năm

1260 Giả Hưng Trí từ chức, sau đó ốm chết.

*

Trong sử gọi ông là Thiên Định Thành Vương.

TRIỀU HỒI HỔ

(Năm 647 - 846, tổng cộng 200 năm)

Hồi Hồ vốn có tên là Hồi Khất, là tên gọi cũ của dân tộc Duy Ngô Nhĩ. Năm thứ tư thời Đường Trinh Nguyên (788) Kha Hãn của triều Hồi Khất là Vũ Nghĩa Thành Công, đã chờ hoàng đế nhà Đường đổi tên Hồi Khất thành Hồi Hồ, (có ý nghĩa là: "tộc Hồi sẽ nhanh nhẹn như hổ báo". Thời kỳ tộc Hồi Hồ hưng thịnh nhất, những vùng đất chiếm cứ được gồm có: phía Đông chạy đến núi Hưng An, phía Tây mở rộng đến địa vực của núi A Nhĩ thái. Tộc Hồi Hồ có 22 Kha Hãn thì 16 người được nhận sắc phong của triều Đường, 3 người kết hôn với công chúa nhà Đường. Sứ giả của hai bên đều qua lại thăm hỏi nhau, có mối giao lưu kinh tế mật thiết. Tộc Hồi Hồ giúp triều Đường bình định được Loạn An Sử, khống chế sự xâm lược của tộc Đột Quyết. Triều Đường nhiều lần trợ giúp tộc Hồi Hồ lương thực và thực phẩm. Thi nhân người Hồ Hột là: Khảm Mạn Nhĩ từng nói: "Từ xưa đến nay người Hán luôn là thấy của chúng ta". Điều đó nói giữa dân Hán và dân Hồi Hổ có tình cảm thân thiết.

Tộc Hồi Hồ đã làm cho xã hội của địa khu biên giới phía Bắc Trung Quốc phát triển mạnh và có cống hiến quan trong việc tình đoàn kết thân ái giữa các dân tộc Trung Hoa.

Tộc Hồi Hồ có 22 Kha Hãn, trong đó có 13 người ốm chết, một người mất nước bị giết, một người làm mất nước và chạy trốn nên bị tể tướng giết, một người bị vợ giết, 2 người bị hạ thần giết, một người tự sát do thất bại trong chiến trận, một người bị giết khi bị đi đày, 2 người lưu lạc ở đâu không rõ.

Tộc Hồi Hồ do Thổ Mê Tín xây dựng lên, trước đó trong các thủ lĩnh có 2 thủ lĩnh là: Kiện Tuấn Cân và Hiệt Lợi Phát, hai người này có nhiều đóng góp quan trọng trong việc xây dựng lên chính quyền của tộc Hồi Hồ.

THỔ MÊ ĐỘ (TỘC HỒI HỒ)

Thổ Mê Độ, ông ta tên là Dược La Cát. Ông là thủ lĩnh tộc Hồi Hồ, về sau ông tự xưng làm Kha Hãn. Ông trị vì được 1 năm thì bị phục kích hại chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Đầu thời Đường, Thổ Mê Độ dẫn những cư dân trong bộ lạc đến sông Tiên Nga (nay ở hạ lưu sông Lăng Cách thuộc nội Mông Cổ) sống một cuộc sống của dân du mục. Năm 646, lợi dụng cơ hội cường quốc ở phía Bắc là Tiết Diên Đà (thời đó là chính quyền của tộc Thiết Lặc gây dựng nên, nay thuộc Mông Cổ) nội phản do đó Thổ Mê Độ đã phối hợp với quân lính nhà Đường tiêu diệt Tiết Diên Đà, chiếm cứ đất đai dân cư và Thổ Mê Độ tự xưng làm Kha Hãn. Ông sai sứ đến triều Đường xin quy thuận. Năm 647 Đường Thái Tông đích thân đến Linh Châu (nay là huyện Linh Vũ tỉnh Cam Túc) để tiếp nhận sự quy phục của Thổ Mê Độ và phong hiệu cho Thổ Mê Độ làm đại tướng quân Hoài Hóa Kiêm đô đốc ở Bột Hải, thừa nhận Thổ Mê Độ là quan viên của triều Đường và Đường Thái Tông còn phong cho vài nghìn tộc trưởng của tộc Hồi Hồ làm quan ở triều Đường. Từ đó, địa khu của tộc Hồi Hồ chính thức chịu sự chỉ đạo của chính quyền trung ương nhà Đường. Trong nội bộ dân tộc Hồi Hồ, Thổ Mê Độ vẫn làm Kha hãn và ông ta vẫn dựa theo chế độ của tộc Đột Quyết lập ra bộ máy quan lại xây dựng chính quyền riêng rẽ của tộc Hồi Hổ.

Thổ Mê Độ lấy bài học của các tộc Hung Nô, Đột Quyết, Tiết Diên Đà... vì không quy thuận vương triều Trung Nguyên nên bị đánh bại và đi đến chỗ diệt vong. Nhờ vậy, ông rút kinh nghiệm cho bản thân mình: chỉ có duy trì mới quan hệ hữu hảo với triều Đường thì mới bảo tồn được bộ tộc, cả hai cùng có lợi. Vì lí do đó, ông tạo lập quan hệ tốt đẹp với triều Đường. Từ đó, hai bên có mối quan hệ giao lưu văn hóa và kinh tế mật thiết, tộc Hồi Hồ trở thành một

chính quyền dân tộc thiểu số có mối quan hệ thân ái nhất với triều Đường, cũng nhờ vậy mà phát triển được xã hội Hồi Hổ ngày một phồn vinh.

Tháng 10 năm 648, cháu họ của Thổ Mê Độ là Ô Hột phản đối chú chuyện giao du kết bạn với triều Đường, nên anh ta có ý định dẫn dân trong bộ tộc đầu hàng nhạc phụ, (nhạc phụ của anh ta là Kha Hãn Xa Tị của tộc Đột Quyết. Vào một đêm, Ô Hột dẫn quân tập kích giết chết Thổ Mê Độ. Đường Thái Tông biết tin, đã phái thượng thư Thôi Quách Lễ đến trước linh cữu đọc điếu văn, tỏ lời chia buồn và phong tặng Thổ Mê Độ làm đại tướng quân Tả Vệ.

BÁ NHUẬN
(TỘC HỒI HỔ)

Bá Nhuận (? - 661), ông là con trai của Thổ Mê Độ. Năm 648 Thổ Mê Độ bị Ô Hột giết, triều Đường giết Ô Hột và cho Bá Nhuận kế vị cha. Ông trị vì 14 năm, bị ốm chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Tháng 10 năm 648 Thổ Mê Độ bị cháu là Ô Hột giết hại, triều Đường gửi điếu văn chia buồn và ra tay trừ bỏ Hột. Để duy trì sự thống nhất của tộc Hồi Hổ, Đường Thái Tông lập Bá Nhuận thủ lĩnh bộ tộc, và thay chức vị của cha làm đô đốc và được phong làm Đại tướng quân tả vệ.

Trong thời gian Bá Nhuận trị vì, ông vẫn duy trì mối quan hệ mật thiết với triều Đường. Năm 651 ông cho quân đi trợ giúp triều Đường đánh tộc Đột Quyết, năm 657 ông đã giúp triều Đường diệt vong Kha Hãn tộc Đột Quyết là Hạ Lỗ. Do lập được nhiều chiến công vì vậy ông giành được chức vị đại tướng quân hữu vệ.

Bá Nhuận mất năm 661.

TẤT LẬT
(TỘC HỒI HỔ)

Tất Lật, năm sinh và năm mất không rõ. Ông là con trai của Bá Nhuận (một thuyết khác nói là cháu họ). Ông kế vị sau khi Bá Nhuận chết. Tất Lật ốm chết. Ông trị vì được bao lâu thì không rõ lắm. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Sau khi Tất Lật lên kế vị, ông bị các quý tộc phản Đường bức ép do đó vi phạm vào hiệp ước, xâm phạm biên giới nhà Đường. Đường Cao Tông tuyên bố miễn tội cho những kẻ tòng phạm, chỉ trừng phạt những kẻ cầm đầu. Nhân dân Hồi Hổ rất vui mừng, họ bắt giữ hơn 200 quý tộc phản Đường giao cho triều đình Đường xử lý. Từ đó, mối quan hệ hữu hảo giữa triều Đường và dân tộc Hồi Hổ vẫn gắn bó keo sơn, nhờ sự giúp đỡ của triều Đường Tất Lật đã củng cố được nền thống trị.

ĐỘC GIẢI CHI
(TỘC HỒI HỔ)

Độc Giải Chi (? - 715), ông là con của Tất Lật. Ông kế vị sau khi cha chết. Độc Giải Chi bị ốm chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Trong thời gian Độc Giải Chi trị vì, tộc Đột Quyết ở phía Tây lại hưng thịnh và tấn công tộc Hồi Hổ. Tộc Hồi Hổ ra sức chống trả nhưng bị thất bại, địa bàn bị tộc Đột Quyết chiếm giữ. Độc Giải Chi thống lĩnh dân chúng và xin phép triều Đường cho phép tộc Hồi Hổ được phép du

nhập vào lãnh thổ nhà Đường, và cư trú ở Cam Túc - Lương Châu, triều Đường cũng không nghi hoặc gì.

Độc Giải Chi mất năm 715.

PHỤC ĐẾ BẶC
(TỘC HỒI HỔ)

Phục Đế Bặc (? - 716). Ông là con trai của Độc Giải Chi. Năm 715 Độc Giải Chi chết, Phục Đế Bặc đứng ra tiếp nhận ngôi vị. Ông trị vì được 1 năm, bị ốm chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Phục Đế Bặc cùng phối hợp với quân nhà Đường tấn công và đánh bại tộc Đột Quyết ở phía Đông, nhờ vậy tăng cường thêm mối quan hệ mật thiết với triều Đường.

THỪA TÔNG (HỒI HỔ)

Thừa Tông, năm sinh và năm mất không rõ. Ông là con trai của Phục Đế Bặc. Ông tiếp nhận ngôi vị sau khi cha chết. Ông trị vì 11 năm, bị đi đày và ốm chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Năm 727, tiết độ sứ ở Hà Tây (triều Đường) là Vương Quân Xước đã lấy ân oán cá nhân để đuổi những dân trong tộc Hồi Hổ, những người dân này cư trú ở Cam Túc và Lương Châu. Vương Quân Xước còn vu cáo cho dân Hồi Hổ là có ý đồ mưu phản Đường Huyền Tông không chịu điều tra rõ ràng, nhẫn tâm ra lệnh đem Thừa Tông và những quý tộc có vai vế ở tộc Hồi Hổ đi lưu đày ở Lĩnh Nam.

PHỤC ĐẾ NAN (HỒI HỔ)

Phục Đế Nam, dòng dõi và năm sinh năm mất đều không rõ. Thừa Tông bị đi đày, những dân trong tộc Hồi Hổ đã giết hại Vương Quân Xước và lập Phục Đế Nam làm kha hãn. Phục Đế Nam đầu hàng tộc Đột Quyết. Chuyện về sau ra sao không rõ.

KHA HÃN HOÀI NHÂN
(TỘC HỒI HỔ)
(Cốt Lực Lối La)

Kha Hãn Hoài Nhân, ông ta tên là Cốt Lực Bồi La (? - 747). Ông là con của Thừa Tông. Ông được lập làm Kha Hãn, ông có công xây dựng lại triều Hồi Hổ. Ông trị vì được 7 năm thì ốm chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Năm 741 Cốt Lực Bồi La được lập làm Kha Hãn. Năm 744 ông thống nhất 9 bộ ở Hồi Hổ. Đường Huyền Tông sắc phong cho ông ta làm Kha Hán và khôi phục lại mối quan hệ hữu hảo giữa 2 bên.

Trong thời gian trị vì, cương vực của tộc Hồi Hổ được mở rộng: phía Đông chạy đến Thất Vi (hiện nay ở thượng lưu sông Hắc Long Giang), phía Tây chạy đến Kim Sơn (nay ở núi A Nhĩ Thái), phía Nam chạy đến Đại Mạc. Ông chiếm cứ được vùng đất của tộc Đột Quyết. Do ông kết bạn với triều Đường nên việc quân sự ở biên cương được bình an vô sự.

KHA HÃN CÁT LẶC (MA DIÊN XUỀ)
(TỘC HỒI HỔ)

Kha Hán Cát Lặc ông ta tên là Ma Diên Xuề (? - 759). Ông là con của Cốt Lực Bồi La. Ông kế vị khi cha chết. Ma Diên Xuề trị vì 12 năm thì ốm chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Năm 747 Cốt Lực Bồi La ốm chết, cũng vào năm đó Ma Diên Xuề đứng ra tiếp nhận ngôi vị. Ông lấy hiệu la Kha Hán Cát Lặc.

Ông rất giỏi dùng binh, hàng năm ông đều phái sứ giả tới yết kiến hoàng đế nhà Đường. Ông hưởng ứng lời kêu gọi của Đường Túc Tông và phái quân kị binh kết hợp với tiết độ sứ ở Sóc Phương là Quách Tử Nghĩa đánh bại phản loạn An Sử, thu hồi lại Tây kinh ở Trường An và thành Đông Kinh ở Lạc Dương. Đường Túc Tông gả công chúa Ninh Quốc cho Ma Diên Xuề.

Kha Hán Cát Lặc xây dựng một tòa thành nguy nga tráng lệ ở bên cạnh hồ Tiên Nga, trong tòa thành đó xây cất nhiều phòng thất. Điều đó chứng tỏ tộc Hồi Hổ chịu nhiều ảnh hưởng của nền văn hóa Trung Nguyên và theo đà đó phát triển nền kinh tế xã hội và dần chuyển hóa thành cuộc sống bàn định cư.

KHA HÃN MÂU VŨ (DI ĐỊA KIÊN)
(TỘC HỒI HỔ)

Kha Hãn Mâu Vũ, ông ta tên là Di Địa Kiện (? - 780). Ông là con trai của Kha Hán Cát Lặc. Ông kế vị khi cha chết. Ông trị vì 20 năm. Ông bị tể tướng giết do phản bội lại triều Đường. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Anh trai của Di Địa Kiện là Thập Hộ vì đắc tội với phụ thân là Kha Hán Cát Lặc nên bị xử tội chết. Tháng 4 năm 759 Cát Lặc chết, cùng tháng đó Di Địa Kiện lên kế vị, ông lấy hiệu là Kha Hãn Mâu Vũ hay còn gọi là Kha Hãn Đăng Lí.

Năm 762 hưởng ứng lời kêu gọi của Đường Đại Tông, Mâu Vũ cho quân đi giúp triều Đường dẹp yên loạn chiến.

Mâu Vũ chọn Mạt Hạ Đạt Cán làm tể tướng, ông cho tu sửa cung điện, xây dựng thể chế chính trị giống như thể chế chính trị của người Hán và chọn Minh Giáo làm quốc giáo. Ông ta cho rằng có công với triều Đường nên sinh ra kiêu căng ngạo mạn, nhiều lần xâm phạm biên giới nhà Đường. Năm 780, Đường Đại Tông chết, Đường Đức Tông lên kế vị. Lợi dụng thời cơ đó, Mâu Ni lại xâm lấn vùng biên giới giữa hai bên, Mạt Hạ Đạt Cán khuyên Mâu Ni bãi bỏ chiến trận mà nghỉ ngơi dưỡng sức nhưng Mâu Ni không nghe nhất định làm theo ý mình. Do vậy, nhờ sự giúp đỡ của dân cư Hồi Hổ Mạt Hạ Đạt Cán đã dấy binh giết chết Mâu Ni.

KHA HÃN VŨ NGHĨA THÀNH CÔNG (MẠT HẠ ĐẠT CÁN)
(TỘC HỒI HỔ)

Kha Hãn Vũ Nghĩa Thành Công, ông ta tên là Mạt Hạ Đạt Cán (? - 789), ông là anh họ của Kha Hãn Mâu Vũ. Ông giết Mâu Vũ và tự lập làm Kha Hãn. Ông trịu vị được 9 năm thì chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Thời Mâu Vũ trị vì đã lập Mạt Hạ Đạt Cán làm tể tướng. Mạt Hạ Đạt Cán luôn bảo tồn quan điểm duy trì mối quan hệ thân ái với triều Đường. Khi Mâu Vũ có ý định tấn công nhà Đường Mạt Hạ Đạt Cán đã phản đối kịch liệt. Mâu Vũ nhất định làm theo ý kiến của mình, do vậy Mạt Hạ Đạt Cán dẫn quân giết Mâu Ni và hơn 2000 tay chân thân tín của Mâu Ni. Sau đó Mạt Hạ Đạt

Cán tự xưng làm Kha Hãn.

Sau khi đăng cơ, ông sai Trường Kiến Đạt Cán làm sứ giả đi tới triều Đường xin khôi phục lại mối quan hệ. Triều Đường phong ông ta làm Kha Hãn Vũ Nghĩa Thành Công và còn gả công chúa Uy An cho ông ta. Ông ta vô cùng cảm động về những ân điển mà triều Đường giành cho. Năm 788 ông viết thư cảm tạ Đường Đức Tông: "Trước kia chúng ta là anh em kết nghĩa, hôm nay thần lại là con rể của bệ hạ. Nếu bệ hạ lo lắng tộc Nhung ở phía Tây xâm phạm biên giới lãnh thổ Trung Nguyên, thần sẽ xin mang quân dẹp bỏ mối nguy hiểm đó". Và ông còn xin nhà Đường đổi tộc Hồi Hột thành tộc Hồi Hổ, có nghĩa là tộc Hồi sẽ dũng mãnh như hổ báo. Đường Đức Tông chấp nhận lời thỉnh cầu đó và còn phong cho làm Kha Hãn Trường Thọ Thiên Tân.

Mạt Hạ Đạt Cán mất vào tháng 12 năm 789.

Kha Hãn TRỌNG TRINH (ĐA LA TƯ)
(TỘC HỒI HỔ)

Kha Hãn Trọng Trinh, ông ta tên là Đa La Tư (? - 790). Ông là con trai của Kha Hãn Vũ Nghĩa Thành Công. Tháng 12 năm 789 cha chết, cùng tháng đó ông lên kế vị. Triều Đường sắc phong cho ông làm Kha Hãn Trọng Trinh. Năm 790, ông bị công chúa Thiếu Hà Quách Thập (cô ta là vợ ông) giết chết. Ông trị vì 1 năm. Mai táng ở đâu không rõ.

KHA HÃN PHỤNG THÀNH (A XUẾ)
(TỘC HỒI HỔ)

Kha Hãn Phụng Thành, ông ta tên là A Xuế (? - 795). Ông là con của Kha Hãn Trọng Trinh. Ông trị vì được 5 năm thì chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Năm 790 Kha Hãn Trọng Trinh bị vợ giết chết, em trai của ông ta tự lập làm Kha Hãn nhưng thần dân không tuân phục nên đã giết em trai của Kha Hãn Trọng Trinh. Tháng 4 năm 790 dân chúng lập A Xuế làm Kha Hãn.

Trong thời gian A Xuế trị vì, nội chiến và ngoại bang luôn đe dọa ông ta khiến thế lực của bộ tộc dần suy yếu.

Năm 791 triều Đường sắc phong cho ông ta làm Kha Hãn Phụng Thành.

KHA HÃN HOÀI TÍN (CỐT XUẤT LỤC)
(TỘC HỒI HỔ)

Kha Hãn Hoài Tín, ông ta tên là Cốt Xuất Lục (? - 805). Ông ta vốn dĩ mang họ: Hài Hài. Thời Phụng Thành làm Kha Hãn đã phong Cốt Xuất Lục làm tể tướng. Kha Hãn Phụng Thành không có con do đó khi Phụng Thành chết, dân chúng đã tôn Cốt Xuất Lục làm Kha Hãn. Ông trị vì được 10 thì chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Từ nhỏ Cốt Xuất Lục đã mồ côi cha mẹ, ông ta được thủ lĩnh bộ tộc nhận làm con nuôi. Sau khi trưởng thành Cốt Xuất Lục rất giỏi võ nghệ, tư tưởng nhạy bén. Thời Kha Hán Vũ Nghĩa Thành Công trị vì đã vài lần sai Cốt Xuất Lục thống lĩnh quân đội đi chinh chiến. Đến thời Kha Hãn Phụng Thành đã cử Cốt Xuất Lục làm tể tướng. Tù trưởng của các bộ tộc rất kính trọng Cốt Xuất Lục.

Tháng 4 năm 795 A Xuế chết, do A Xuế không có con nên dân chúng lập Cốt Xuất Lục làm Kha Hãn, lễ đăng cơ tổ chức vào tháng 4 năm đó. Tháng 5 triều Đường sắc phong cho ông làm

Kha Hãn Hoài Tín.

KHA HÃN ĐẰNG LÍ DÃ HỢP CÂU (LỤC TẤT GIA)
(TỘC HỒI HỔ)

ha Hãn Đăng Lí dã hợp câu lục tất gia (? - 808), ông ta không có tên tuổi rõ ràng. Ông là con trai của Kha Hãn Hoài Tín. Ông kế vị sau khi cha chết. Ông trị vì được 2 năm thì chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Tháng 11 năm 805 Kha Hãn Hoài Tín mất. Do đó con trai của Hoài Tín được tiếp nhận ngôi vị. Triều Đường phong cho ông ta làm Kha Hãn Đăng Lí đã hợp câu tục bất gia.

KHA HÃN BẢO NGHĨA
(TỘC HỒI HỔ)

ha Hãn Bảo Nghĩa (? - 821). Không rõ gốc gác của ông ta. Ông kế vị sau khi Kha Hãn Đăng Lí Dã Hợp Câu Lục Tát Gia chết. Ông trị vì 13 năm thì chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Tháng 5 năm 808 triều Đường sắc phong cho ông ta làm Kha Hãn Bảo Nghĩa.

Trong thời gian trị vì, có vài lần Kha Hãn Bảo Nghĩa tới Trung Nguyên xin kết hôn với công chúa nhà Đường. Đường Mục Tông đã đồng ý gả công chúa cho ông ta. Tháng 2 năm 821 Kha Hãn Bảo Nghĩa ốm chết.

KHA HÃN SÙNG ĐỨC
(TỘC HỒI HỔ)

Kha Hãn Sùng Đức (? - 824). Về dòng dõi của ông ta không biết rõ. Ông kế vị sau khi Kha Hãn Bảo Nghĩa chết. Ông trị vì được 3 năm thì chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Tháng 2 năm 821 Kha Hãn Bảo Nghĩa chết, Sùng Đức lên kế vị. Tháng 4 Triều Đường sắc phong cho ông làm Kha Hãn Sùng Đức. Trong thời gian Sùng Đức trị vì, ông phái tướng quân Lí Nghĩa Tiết dẫn 3000 binh lính tới giúp triều Đường bình định vùng Hà Bắc. Hoàng đế nhà Đường cũng gả công chúa Thái Hòa cho Sùng Đức.

KHA HÃN CHIÊU LỄ (KHÁT TÁT ĐẶC LẶC)
(TỘC HỒI HỔ)

Kha Hãn Chiêu Lễ, ông ta tên là Khát Tát Đặc Lặc (? - 832). Ông là em của Kha Hãn Sùng Đức. Ông kế vị sau khi anh chết. Ông trị vì địa 8 năm, bị thuộc hạ giết chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Năm 824 Kha Hãn Sùng Đức chết nên Khát Tát Đặc Lặc được lên kế vị. Triều Đường sắc phong cho ông ta làm Kha Hãn Chiêu Lễ.

KHA HÃN BÀNH TÍN (HỒ ĐẶC LẶC)
(TRIỀU HỒI HỔ)

Kha Hãn Bành Tín, ông ta tên là Hồ Đặc Lặc (? - 839). Ông là tùy tòng của Kha Hãn Chiêu Lễ. Chiêu Lễ chết ông ta lên kế vị. Ông trị vì được 7 năm thì bị tể tướng ép tự sát. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Năm 832 Kha Hãn Chiêu Lễ bị thuộc hạ giết chết. Hồ Đặc Lặc đứng ra tiếp nhận ngôi vị. Năm 833 triều Đường sai sứ giả tới tộc Hồi Hổ sắc phong ông ta làm Kha Hãn Bành Tín.

Năm 839, tể tướng An Xung Hợp câu kết với đại thần Tử Cách mưu phản định tìm cách giết chết Bành Tín nhưng bị Bành Tín giết hại. Cùng năm đó, tể tướng Khuất Đa Nhẫn Lại mưu phản mượn binh của Sa Đà tiến đánh Bành Tín.

Bành Tín thua trận và tự sát chết.

KHA HÃN KHÁI TÁT ĐẶC LẶC (NHẪN TỒN CÔNG)
(TỘC HỒI HỔ)

Kha Hãn Khái Tát Đặc Lặc, ông ta tên là Nhẫn Tốn Cung (? - 840). Không rõ lắm về dòng dõi của ông ta. Kha Hãn Bành Tín chết, dân chúng ở tộc Hồi Hột đã lập Nhãn Tồn Công làm Kha Hãn. Ông trị vì được 1 năm thì bị tù trưởng của bộ tộc giết hại. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Năm 839 Kha Hãn Bành Tín tự sát, dân chúng đã lập Nhãn Tồn Công làm Kha Hãn. Sau khi ông ta lên ngôi, tộc Hồi Hổ gặp phải thiên tai do đó dân chúng chịu cảnh đói kém bệnh dịch... dân du mục chết rất nhiều, dân chúng lưu lạc, bộ tộc Hiệp Giáp Tư vốn bị tộc Hồi Hổ thống trị, nay cũng dấy binh giành độc lập. Do vậy tộc Hồi Hổ lâm vào hoàn cảnh bế tắc, gặp khó khăn cả bên trong lẫn bên ngoài.

Tháng 9 năm 840, do trả thù riêng nên tù trưởng của bộ tộc Câu Lục Mộ Hạ câu kết với bộ tộc Hiệp Giáp Tư, hai bọn họ dẫn 100000 kị binh tấn công vào đô thành của tộc Hồi Hổ giết chết Nhãn Tồn Công và Khuất La Nhẫn, đốt phá đô thành cướp đi tiền của. Triều Hồi Hổ bị suy tàn.

KHA HÃN Ơ GIỚI (Ơ HI ĐẶC LẶC)
(TỘC HỒI HỔ)

Kha Hãn Ô Giới, ông ta tên là Ô Hi Đặc Lặc (? - 846). Ông là em trai của Kha Hãn Chiêu Lễ và là chú của Kha Hãn Bành Tín. Tộc Hồi Hổ bị phân tán, ông được một chi nhánh của tộc Hồi Hổ lập làm Kha Hãn. Ông trị vì được 6 năm bị tể tướng giết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Tộc Hồi Hổ bị bộ tộc Hiệp Giáp Tư đánh cho tan tác dân cư trong tộc chạy tan tác hết: một số chạy xuống phía Tây, một số chạy xuống phía Nam. Tháng 2 năm 841, 13 cư dân trong tộc Hồi Hổ đã lập Ô Hi Đặc Lặc làm Kha Hãn, lấy hiệu là Kha Hãn Ô Giới, ông ta dẫn dân chạy tới Chấn Vũ và Thiên Đức, dân trong tội của ông ta tăng lên gần 100000 người. Đây là một chi nhánh chủ yếu.

Kha Hãn Ô Giới được triều Đường giúp đỡ 20000 bao gạo, nhưng vẫn không có cách gì duy trì cuộc sống của dân trong tộc và phải đến biên giới của triều Đường cướp bóc bị quân nhà Đường đánh lại. Trong nội bộ các quý tộc cũng phân chia, hàng loạt dân cư chạy về quy phục triều Đường.

KHA HÃN ÁT NIỆM (HỒI HỔ)

Kha Hãn Át Niệm, năm sinh và năm mất không rõ. Ông là em trai của Kha Hãn Ô Giới. Sau khi Kha Hãn Ô Giới bị giết, ông ta được lên kế vị. Ông trị vì được 2 năm, chạy xuống phía Tây và lưu lạc ở đâu không rõ.

*

Kha Hãn Át Niệm lên kế vị, ông ta dẫn 5000 dân chạy đến bộ lạc Hề (nay thuộc phía Nam Nội Mông Cổ). Năm 848, tướng nhà Đường là Trương Trọng Vũ đánh bại bộ lạc Hề, Kha Hãn Át Hề dẫn hơn 500 quý tộc chạy tới bộ tộc Thất Vi (tên một bộ tộc thời đó, nay thuộc Nội Mông Cổ). Trương Trọng Vũ đã thông đồng với bộ lạc Thất Vi, bọn họ liền đuổi Át Niệm đi. Át Niệm đành dẫn vợ và 9 người con chạy tới phía Tây, lưu lạc ở đâu không rõ.

NGŨ ĐẠI THẬP QUỐC

(Năm 907 - 979, tổng cộng 73 năm)

Năm 907 Chu Ôn tiêu diệt nhà Đường lập nên nhà Lương, hơn 50 năm về sau 5 triều đại: Hậu Lương, Hậu đường, Hậu Tấn, Hậu Hán, ậu Chu liên tiếp thay nhau thống trị lưu vực sông Hoàng Hà, 5 triều đại đó gọi là Ngũ Đại.

Cũng với thời gian đó, địa khu Sơn Tây ở miền Nam và miền Bắc đã lần lượt xuất hiện 10 chính quyền cát cứ: Ngô Nam Đường, Ngô Việt, sở, Mân, Nam Hán, Tiền Thục, Hậu Thục, Kinh Nam (Nam Bình), Bắc Hán. 10 chính quyền cát cứ này gọi là Thập Quốc. Trong lịch sử đem phân chia thời kỳ này là Ngũ Đại Thập Quốc.

NGŨ ĐẠI

(Năm 907 - 960, tổng cộng 54 năm)

TRIỀU HẬU LƯƠNG

(Năm 907 - 923, tổng cộng 17 năm)

Triều Hậu Lương có 3 đế vương, trong đó một người chết trong nội chiến, 2 người tự sát.

THÁI TỔ (CHU ÔN)
(TRIỀU HẬU LƯƠNG)

Thái Tổ, ông ta tên là Chu Ôn (852 - 912). Ông xuất thân trong gia cảnh bần hàn, về sau nằm giữ binh quyền nhà Đường, ông phế truất Chiêu Tuyên Đế và tự xưng đế. Ông trị vì được 6 năm thì bị con trai giết. Hưởng thọ 61 tuổi. Mai táng ở Tuyên Lăng (nay ở thôn Phạm phía Đông Nam thành phố Lạc Dương tỉnh Hà Nam), một thuyết khác nói là ở phía Tây Nam huyện Y Xuyên tỉnh Hà Nam).

*

Chu Ôn quê ở Đăng Sơn thuộc Tống Châu (nay là huyện Đăng Sơn tỉnh An Huy), ông xuất thân trong gia cảnh bần hàn, từ nhỏ ông không phục vụ một nghề nghiệp chính đáng, là một tên du côn ở thôn xóm. Sau đó ông cùng với anh trai là Chu Tồn tham gia vào quân khởi nghĩa Hoàng cân và được Hoàng Cân trọng dụng. Sau khi Hoàng Cân đánh vào Trường An và cho phép Chu Ôn phòng thủ tuyến đường phía Tây. Chu Ôn nhiều lần đánh nhau với tiết độ sứ ở Hà Trung là Vương Trọng Vinh, nhưng người chịu thất bại và thua thiệt đều là Chu Ôn, vì vậy ông thỉnh cầu Hoàng Cân tiếp viện nhưng Hoàng Cân tảng lờ không biết. Tháng 9 năm 882 Hoàng Cân rơi vào tình thế nguy hiểm. Chu Ôn liền dẫn quân đầu hàng triều Đường và Đường Hỉ Tông phong ông ta làm Đại tướng quân Tả Kim Ngô Vệ. Năm 883, Chu Ôn lại được phong làm tiết độ sứ ở Tuyên Vũ (nay thuộc thành phố Khai Phong tỉnh Hà Nam), Chu Ôn liên kết với Lí Khắc Dụng trấn áp quân khởi nghĩa Hoàng Cân, nhờ có công lao nên chức nghiệp của ông ngày một thăng cao. Sau chuyện này Chu Ôn chọn vùng Hà Nam làm trung tâm khoa trương thế lực và hỗn chiến trường kì với cha con Lí Khắc Dụng, điều đó gây ra nền kinh tế xã hội ở hạ lưu Hoàng Hà bị tổn thất nghiệm trọng. Trong hỗn chiến Chu Ôn lần lượt thôn tính phiên trấn Tần Tông Thức, Chu Tuyên... Ông ta trở thành một thế lực cát cứ lớn nhất ở cuối triều Đường.

Năm 901, lợi dụng nhà Đường có loạn chiếm mâu thuẫn gay gắt, ông dẫn quân tiến vào vùng Quan Trung, đánh bại tiết độ sứ ở Phụng Tường là Lí Mậu Trinh cướp đoạt Đường Chiêu Tông, khống chế chính quyền trung ương. Một thời gian, ông giết sạch hoạn quan trong triều đình. Năm 940, ông bắt ép Đường Chiêu Tông dời đô đến Lạc Dương. Lúc chuẩn bị dời Trường An, ông còn ép buộc quan lại và dân chúng phải cùng dời xuống phía Đông, ông sai dỡ bỏ cung điện và nhà dân ở Trường An, đem nguyên vật liệu chuyển đến miền Bắc. Không lâu sau Chu Ôn sai người giết Chiêu Tông và lập Lí Xử loàm đế (Chiêu Tuyên Đế). Vào một đêm, ông ta tập hợp 30 đại thần nhà Đường và giết hết bọn họ ném xác xuống sông Hoàng Hà.

Tháng 2 năm 907 ông ép Chiêu Tuyên Đế thối vị và ông tự xưng làm hoàng đế, ông đặt quốc hiệu là Lương, đặt đô ở Biên, đặt niên hiệu là "Khai Bình". Trong sử gọi là Hậu Lương. Sau khi Chu Ôn xưng đế ông đổi tên là Chu Hoảng và cho sửa đổi một số pháp chế của nhà Đường. Nhưng do nhiều năm đánh trận và lại giết các công thần tướng sĩ nên gây ra mâu thuẫn gay gắt trong tập đoàn thống trị, những mâu thuẫn này ngày một gia tăng, chính quyền không ổn định.

Năm 912, Chu Ôn đích thân thống lĩnh 500000 đại quân tấn công thị trấn thành Đức. Ông ta ngày đêm hành quân, lúc đi đến Thị Luật Gia (nay là phía Đông Nam huyện Vũ Ấp tỉnh Hà Bắc) quân thám báo tấu trình nói. Đại quân của triều Hậu Đường đã tiến đến, chỉ huy đại quân là Lí Tồn Tự (con trai của Lí Khắc). Chu Ôn vài lần bị Lí Tồn Tự đánh cho đại bại, ông ta nghe tin Lí Tồn Tự thống lĩnh đại quân, không chờ xem xét tình hình thật giả ông ta hoảng hốt chạy đến Táo Cường (nay thuộc huyện Tác Cường tỉnh Hà Bắc), ông ta vội vàng đến mức không kịp nhổ

trại và cờ trướng. Lúc hoàng hôn buông xuống, Lí Tồn Tự sai 100 binh lính xông đến doanh trại của Chu Ôn chém giết lung tung, Chu Ôn cho rằng đại quân của Lí Tồn Tự đã đuổi đến, ông ta điên cuồng chạy trốn và định chạy đến Ký Châu, lương thực bị mất vô số. Sau chuyện này Chu Ôn biết chỉ có vài trăm quân lính của Lí Tồn Tự bao vây doanh trại, ông ta xấu hổ vô cùng mà sinh ra bệnh tật. Quay về Lạc Dương, ông ta ốm liệt giường không dậy được. Ông khóc và nói với cận thần: "Trẫm sắp chết rồi. Nếu trẫm chết, các con trẫm không phải là đối thủ của Lí Tồn Tự. Xem ra mành đất chôn thân cho trẫm cũng không có". Nói xong, ông ta khóc ngất đi, sống lại.

Chu Ôn đam mê nữ sắc, dâm ác như loài cầm thú, thậm chí các con gái của ông ta cũng bị ông ta bắt ép vào cung để làm trò tiêu khiển cho ông ta, còn các con trai cũng dựa vào cớ đó để tranh quyền đoạt vị. Tháng 5 năm 912, trong lúc Chu Ôn đang bị bệnh nặng thì con dâu của ông ta là Vương Thị đến yêu cầu ông nhường ngôi cho chồng của cô ta (chồng cô ta là con nuôi của ông ta, anh ta tên là Chu Hữu Văn). Con trai thứ 3 của Chu Ôn tên là Chu Hữu Giai và vợ là Trương Thị nghe được tin này vô cùng tức tối, hai vợ chồng họ quyết định trừ bỏ Chu Ôn cướp đoạt ngôi vị.

Ngày Mậu Dần tháng 6, Chu Hữu Giai và gia tướng là Phùng Đình Ngạc dẫn 500 lính, giả vờ phụng mệnh của Chu Ôn nên phải nhập cung, và chia nhau mai phục hoàng cung. Đến đêm khuya mọi người đã ngủ say quân lính của bọn họ tập chung lại, đột nhập vào tẩm cung, nơi Chu Ôn ở. Tùy tùng thuộc hạ, vốn dĩ hận Chu Ôn hoang dâm ngang ngược, do đó bọn họ bỏ chạy hết chỉ còn lại mỗi mình Chu Ôn nằm ở đó. Chu Ôn mở mắt thấy Chu Hữu Giai dẫn lính xông vào, ông ta cao giọng quát con trai: "ta đã hoài nghi mi có dã tâm làm phản, ta hối hận vì không trừ bỏ ngươi, đồ nghịch tử, ngươi muốn giết ta, ngươi nhẫn tâm vậy ư? Trời đất sẽ không dung thứ cho hành động bất hiếu của ngươi?" Chu Hữu Giai cũng trừng mắt quát lại: "Ông là đồ dã thú, đáng ra ông bị băm vằm ra thành nhiều mảnh rồi!" Lúc này Phùng Đình Ngạc cầm dao chạy đến bên giường định chém Chu Ôn, Chu Ôn hoảng hồn chạy ra khỏi giường và chạy vòng quanh cột trong phòng trốn chạy. Phùng Đình Ngạc chém 3 nhát nhưng Chu Ôn đều tránh được. Chu Ôn đang bị ốm chạy được vài vòng thì ông ta thấy hoa mắt, xây xẩm mặt mày, ông ta ngã nhào vào giường. Phùng Đình Ngạc đi đến chém chết Chu Ôn.

Sau khi ông ta chết, đặt hiệu miếu Thái Tổ.

ẢNH VƯƠNG (CHU HỮU GIAI)
(TRIỀU HẬU LƯƠNG)

Ảnh Vương, ông ta tên là Chu Hữu Giai (? - 913). Ông là con trai thứ 3 của Chu Ôn. Ông giết cha và tự lập làm hoàng đế. Ông trị vì được 8 tháng thì bị em trai đánh bại và Chu Hữu Giai sai bộ tướng giết chết. Mai táng ở đâu không rõ.

Tháng 5 năm 912 Chu Hữu Giai giết chết Chu Ôn, tháng 6 ông ta tự lập làm hoàng đế và cho đổi niên hiệu là "Phụng Lịch".

Sau khi Chu Hữu Giai đứng ra tiếp nhận ngôi vị, quần thần đều không phục. Con trai thứ 4 của Chu Ôn là Chu Hữu Trinh lúc này đang trấn thủ ở Đông Đô, biết tin anh trai giết phụ hoàng, anh ta mang quân chinh phạt anh trai,

tấn công vào kinh đô. Con rể của Chu Ôn là đô úy Triệu Nham làm nội ứng. Đêm ngày Canh Dần tháng 2 năm 913 Triệu Nham mở cổng thành nghênh đón đại quân của Chu Hữu Trinh vào; anh ta còn thông đồng với hơn 1000 cấm vệ quân bao vây cung thành. Chu Hữu Giai vội vàng dẫn vợ và thuộc hạ tâm phúc là Phùng Đình Ngạc chạy đến chân thành phía Bắc, chuẩn bị vượt tường chạy trốn. Một loạt binh lính chạy đuổi theo hô to: "giết nghịch tặc". Chu Hữu Giai biết không còn thời gian để vượt tường chạy trốn, ông ta lại sợ rơi vào tay địch sẽ bị chém thành nhiều đoạn, do đó đã ra lệnh cho Phùng Đình Ngạc giết Trương Thị, sau đó chém chết mình. Phùng Đình Ngạc tuân lệnh chém chết vợ chồng Chu Hữu Giai, sau đó cũng tự sát.

Trong lịch sử gọi Chu Hữu Giai là Ảnh Vương.

MẠT ĐẾ (CHU HỮU TRINH)
(TRIỀU HẬU LƯƠNG)

Mạt Đế, ông ta tên là Chu Hữu Trinh (888 - 923). Ông là con trai thứ 4 của Chu Ôn và là em của Chu Hữu Giai. Ông đánh bại anh trai và lên kế vị. Ông trị vì 11 năm, bị triều Hậu Đường vây hãm lên đã tự sát. Hưởng thọ 36 tuổi. Mai táng ở gần Tuyên Lăng (nay thuộc phía Đông Nam thành phố Lạc Dương tỉnh Hà Nam).

*

Chu Hữu Trinh được phong làm Quân Vương. Tháng 2 năm 931 ông dẫn binh đánh bại Chu Hữu Giai và cùng tháng đó ông lên kế vị, ông đổi niên hiệu là "Càn Hóa", ông đổi tên mình thành: Hoàng.

Sau khi ông đăng cơ, Lí Tồn Tự(TRIỀU HẬU ĐƯỜNG) muốn tiêu diệt triều Hậu Lương, hai bên đánh trận nhiều năm, hỗn chiến liên miên. Chu Hữu Trinh trọng dụng Triệu Nham và Trương Hán Đỉnh. Trương Hán Kiệt (đều là họ hàng nhà vợ ông ta). Ông coi trọng bọn họ đến nỗi: các đại tướng xuất binh đánh trận thì cũng sai 3 người đó chia nhau giám sát hành vi của các đại tướng 3 người đó lại thích khoa trương thanh thế, thao túng triều đình, mua quan bán chức, coi nhẹ pháp luật thưởng phạt không nghiêm minh, những hành vi của 3 người đó khiến các trung thần phải cáo từ chức vị, lòng người li tán, tướng lĩnh tàn sát lẫn nhau. Vì vậy, quân của triều Hậu Lương thất bại nặng nề dưới tay quân lính nhà hậu Đường.

Tháng 10 năm 923, con nuôi của Lí Khắc Dụng(TRIỀU HẬU ĐƯỜNG) là Lí Tự Nguyên thống lĩnh đại quân tiến vào đô thành của triều Hậu Lương. Quần thần của Chu Hữu Trinh thi nhau bỏ trốn, thậm chí cả ngọc ấn cũng bị lấy đi, lòng dân đều muốn nổi loạn, quân lính phòng thủ hờ hững, do vậy Chu Hữu Trinh bất lực ngày đêm ngồi khóc lóc. Ngày Mậu Dần, biết không còn cơ hội cứu vãn ông ta nói với Hoàng Phụ Lân "Họ Lý là kẻ thù truyền kiếp của triều Hậu Lương, trẫm không thể đầu hàng họ Lí, nhưng cũng không muốn họ Lí đến giết trẫm. Chi bằng Khanh hãy giết trẫm đi".

Hoàng Phụ Lân hoảng hốt đáp: "Hạ thần không thể tiếp nhận mệnh lệnh đó của hoàng thượng, làm sao thần có thể ra tay giết hoàng thượng được". Chu Hữu Trinh nói: "Khanh không giết trẫm, lẽ nào khanh muốn giao nộp trẫm cho họ Lí". Hoàng Phụ Lân rút kiếm ra muốn tự sát trước mặt Chu Hữu Trinh để tỏ rõ lòng trung hiếu. Chu Hữu Trinh nói: "Vậy trẫm và khanh cùng chết". Nói xong ông ta giật kiếm trong tay Hoàng Phụ Lân và chém ngang cổ mình. Máu chảy ra lênh láng, một lúc sau ông ta chết. Hoàng Phụ Lân khóc như mưa rồi cũng tự vẫn.

Triều Hậu Lương bị diệt vong.

Trong sử gọi Chu Hữu Trinh là Mạt Đế.

TRIỀU HẬU ĐƯỜNG

(Năm 923 - 936, tổng cộng 14 năm)

Triều Hậu Đường có 4 đế vương, trong đó một người chết trong nội chiến, một người ốm và kinh hãi khi thấy binh biến nên chết, một người bị thắt cổ chết, 1 người do làm mất nước lên đã tự thiêu rồi chết. Ngoài ra phụ chú thêm về thái tổ Lí Khắc Dụng, ông ta ốm chết.

THÁI TỔ (LÍ KHẮC DỤNG)
(TRIỀU HẬU ĐƯỜNG)

Thái Tổ, ông ta tên là Lí Khắc Dụng (856 - 908), ông còn có một hiệu khác là: Lí Nho Nhi. Do một mắt bị chột nên ông ta còn có biệt hiệu là "độc nhãn long". Ông là người ở bộ Sa Đà (một bộ khác của tộc Đột Quyết của phía Tây). Thời triều Đường, ông được phong làm Tấn Vương, và ông được tôn khiên là người sáng lập ra triều Hậu Đường.

*

Cha của Lí Khắc Dụng làm tiết độ sứ ở Thần Vũ (nay thuộc phía Tây Bắc ở Hòa Lâm Cát Nhĩ thuộc khu tự trị Nội Mông Cổ). Lí Khắc Dụng được trấn giữ ở Vân Trung (nay thuộc thành phố Đại Đồng tỉnh Sơn Tây). Năm 878, ông giết chết Đại Tướng Quân Giả Văn Sở và chiếm cứ ở Vân Châu (nay thuộc tỉnh Sơn Tây), Lí Khắc Dụng xin phép Đường Hỉ Tông cho ông ta được lưu lại ở Vân Châu nhưng không được Đường Huyền Tông chấp nhận mà bộ Đường Huyền Tông xuất quân chinh phạt. Lí Khắc Dụng bị bại trận, ông ta cùng cha chạy tới Thát Đát (là tên gọi chung của dân tộc du mục ở phương Bắc Trung Quốc) nay cư trú ở phía Đông nước Cộng hòa nhân dân Mông Cổ và nội Mông Cổ). Hoàng Sào tấn cộng Trường An, Lí Khắc Dụng dẫn quân nhờ Trần Cảnh tiến cử làm lại sứ ở Đại Châu (nay thuộc huyện Đại tỉnh Sơn Tây) và tiết độ sứ ở Nhạn Môn. Ông dẫn quân kị binh của Sa Đà tiến vào Quan Trung đuổi quân Hoàng Sào khỏi Trường An và Lí Khắc Dụng được phong làm tiết độ sứ ở Hà Tây (nay ở thị trấn Bồ Châu huyện Vĩnh Tế tỉnh Sơn Tây). Năm 884 ông lại đánh bại Hoàng Sào ở Trung Mâu (nay thuộc huyện Trung Mâu tỉnh Hà Nam), sau đó Lí Khắc Dụng được phong làm Tấn Vương. Sau chuyện này, ông cát cứ lâu dài ở Hà Tây. Sau cuộc chiến ở Trung Mâu, Lí Khắc Dụng quay về đóng giữ ở Biện Châu. Chu Ôn thấy Lí Khắc Dụng dũng cảm và có cơ mưu, lo lắng sau này Lí Khắc Dụng trở thành kẻ địch của mình, do đó hạ quyết tâm giết chết Lí Khắc Dụng. Tối hôm đó, Chu Ôn cho mở yến tiệc, trả vờ ăn khao chuyện Lí Khắc Dụng và ra lệnh cho các bộ tướng luân phiên nhau chuốc rượu, Lí Khắc Dụng bị chuốc rượu say túy lúy và phải dìu về phòng ngủ. Chu Ôn sai binh lính mai phục xung quanh. Mười mấy tay chân thân tín chỉ để lại mỗi mình Quách Cảnh Chu vào phòng gọi Lí Khắc Dụng dậy. Nhưng Lí Khắc Dụng do uống quá say nên gọi mãi cũng không tỉnh dậy. Quách Cảnh Chu lên lôi ông ta ra khỏi giường và phun nước vào mặt khiến ông ta tỉnh dậy. Lí Khắc Dụng vội cầm cung tên và cùng tướng sĩ vượt tường chạy trốn. Từ đó, Lí Khắc Dụng và Chu Ôn có mối thù không thể nào phân giải được. Lí Khắc Dụng được triều Đường phong làm Tấn Vương, ông ta thề sẽ trung thành với triều Đường. Thục Vương Vương Kiến từng viết thư hẹn với Lí Khắc Dụng: "Cả hai sẽ cùng chiếm cứ đất đai rồi xưng đế". Lí Khắc Dụng viết thư trả lời nói: "Nếu tôi còn sống thì nhất định không thất tiết" và kiên quyết chối từ lời đề nghị của Thục Vương Vương Kiến. Năm 907, Chu Ôn mang quân tiến đánh Lí Khắc Dụng nhưng bị Lý Khắc Dụng chỉ huy quân lính quyết tâm chống đỡ. Hai bên đối nghịch nhau cho đến tháng 1 năm 907, Lý Khắc Dụng do lao lực quá độ ở lưng sinh ra các vết lở loét, bệnh tình ngày càng nguy hại, mọi phương pháp đều vô hiệu.

Ngày Ất Mão, ông triệu tập em trai là Lí Khắc Ninh, đại tướng quân Lí Tồn Chương, giám quân Trương Thừa Nghiệp và Ngô Chất... ông tuyên bố sẽ cho con trai là Lí Tồn Húc được kế thừa ngôi vị Tấn Vương và ông nói: "Con trai tôi có ý chí, nhất định nó kế thừa được sự nghiệp và thực hiện được di nguyện của tôi, tôi hi vọng các anh giúp đỡ nó, tôi chết cũng yên tâm". Tiếp đó ông sai gọi Lí Tồn Húc đến và căn dặn: "Đại tướng quân Lí Tự Chiêu đã bị quân của

triều Hậu Lương vây hãm ở Lộ Châu vài tháng nay rồi, nhưng ông ta kiên quyết phòng thủ, cha chỉ hận không thể đích thân dẫn quân đi giải cứu cho ông ta, cha e rằng không kịp nói lời vĩnh biệt với ông ta. Sau khi cha chết, kết thúc việc tang lễ, con phải nhanh chóng cùng đại tướng quân Đức Uy nhanh chóng đi giải cứu cho ông ta, đứng để ông ta gặp nguy hiểm". Ông sai tả hữu mang ra ống đựng tên (ống đựng tên này ông thường xuyên sử dụng) và rút ra 3 mũi tên.

Mũi tên thứ nhất ông giao cho Lí Tồn Húc và nói: "Cha và triều Hậu Lương là kẻ thù truyền kiếp, thề không đợi trời chung, tiếc rằng cha chưa tiêu diệt được triều Hậu Lương, thực tế cha rất hận chuyện này. Con nhất định phải thực hiện tâm nguyện của cha, tiêu diệt triều Hậu Lương". Ông lại giao cho Lí Tồn Húc mũi thứ hai và nói: "Lưu Thủ Quang quay lưng phân lại cha và chạy theo triều Hậu Lương, cha rất hận anh ta, con phải thay cha dẹp yên anh ta". Cuối cùng ông giao mũi tên thứ 3 cho Lí Tồn Húc và nói: "Tù trưởng tộc Khiết Đan đã kết nghĩa anh em với cha, hẹn ước sẽ cùng tiêu diệt triều Hậu Lương. Vậy mà ông ta lại quây lưng với cha, vi phạm hẹn ước và đi theo triều Hậu Lương. Chuyện này cũng làm cha hận mà chưa rửa được. Con phải thay cha đuổi đánh tộc Khiết Đan". Lí Tồn Húc khóc và hứa thực hiện mọi di nguyện của cha. Lí Khắc Dụng lại quay sang nói với em trai: "Từ nay về sau, con trai anh cần em phải mất nhiều thời gian giáo huấn, em không được chối từ trách nhiệm này". Sau khi sắp xếp chu toàn mọi việc, ông từ trần tại Tấn Dương.

Sau khi Lí Tồn Húc tạo dựng lên triều Hậu Đường đã đặt thụy hiệu cho cha là: Thái Tổ.

TRANG TÔNG (LÍ TỒN HÚC)
(TRIỀU HẬU ĐƯỜNG)

Trang Tông, ông ta tên là Lí Tồn Húc (885 - 926), hồi nhỏ ông có tên là Á Tự. Ông là con trưởng của Lí Khắc Dụng. Sau khi cha chết, ông đứng ra kế nhiệm ngôi vị Tấn Vương sau đó ông tạo dựng lên triều Hậu Đường và xưng đế. Ông trị vì được 4 năm thì bị chết trong cuộc tạo phản, binh lính. Hưởng thọ 42 tuổi. Mai táng ở Ung Lăng (nay thuộc huyện Tân An tỉnh Hà Nam).

*

Từ nhỏ Lí Tồn Húc rất thích cưỡi ngựa bắn tên, chí khí hơn người, do vậy được Lí Khắc Dụng vô cùng sủng ái. Ông thường cùng cha đi đánh trận. Năm 11, Lí Tồn Húc cùng cha đến Trường An yết kiến hoàng đế Đường để nhận phần thưởng vì có công trạng, Đường Chiêu Tông thưởng cho Lí Tồn Húc nhiều bảo vật quý và còn vỗ vai nói: "Khanh quả thật có chí khí hơn người, về sau nhất định được hưởng phú quý, lúc đó đừng quên triều Đường nhé". Tháng 1 năm 908 Lí Khắc Dụng chết, vì vậy Lí Tồn Húc được kế nhiệm ngôi vị Tấn Vương. Sau khi lo chu tất việc tang lễ cho cha, ông vạch kế hoạch bắt giết thúc phụ là Lí Khắc Ninh, bởi chú ông ta có ý đồ đoạt vị và Lí Tồn Húc thống lĩnh đại quân đánh bại triều Hậu Lương, giải cứu sự bao vây ở Lộ Châu (nay thuộc huyện Thượng Đảng tỉnh Sơn Tây). Chu Ôn kinh ngạc thốt lên "Đẻ con phải đẻ được một người giống như Lí Tồn Húc. Anh ta lên tiếp vị, tuy Lí Khắc Dụng đã chết nhưng ở dưới suối vàng cũng mát lòng, nếu so sánh con trai ta với anh ta, quả thật khác xa một trời một vực". Sau chuyện này, Lí Tồn Húc đã dùng tâm để huấn luyện binh sĩ, chỉnh đốn kỉ luật quân đội, ông quy định: nếu quân kị binh không thấy địch thì không được bắn tên bừa bãi, nếu vi phạm quân lệnh sẽ bị chặt đầu. Ông mang 3 mũi tên của cha giao cho đặt cúng tế trong miếu đường, mỗi lần dẫn quân đi chinh chiến, ông lại sai người đi lấy 3 mũi tên đó bỏ vào một túi lụa, rồi đeo theo bên mình ra chiến trận, đánh thắng trận ông mới dám quay về miếu cúng tế. Ông rất thích xông pha vào những chỗ nguy hiểm, tuy dũng cảm mà lại thiếu mưu trí, ông thường xem chuyện chiến trận như trò đùa, thường đích thân xông pha vào trận mạc, vài lần ông bị bao vây khốn khó, một chút nữa thì bị kẻ địch bắt giữ. Các bộ tướng khuyên ông ta đầu hàng, ông ta nói sẽ trừ bỏ được quân địch nhất định không nhụt chí. Năm 910, trong trận chiến ở Cao Ấp (huyện Cao Ấp tỉnh Hà Bắc), Lí Tồn Húc đập tan 500000 đội quân của Chu Ôn. Tiếp đó, ông tấn công vào Đất Yên, khiến cho Lưu Thủ Quang phải chạy về Thái Nguyên. 9 năm sau, Lí Tồn Húc tấn công tộc Khiết Đan, tù trưởng của tộc Khiết Đan may mắn chạy trốn về phương

Bắc.

Trải qua hơn 10 năm chinh chiến, cuối cùng ông cũng gặt hái được một số thành quả. năm 923, ông tiêu diệt triều Hậu Lương, thống nhất miền Bắc. Ngày Kỉ Tị tháng 4, ông xưng đế ở Ngụy Châu (nay thuộc phía Tây huyện Đại Danh tỉnh Hà Bắc), ông đặt quốc hiệu Là Đường. Được một thời gian, ông dời đô về Lạc Dương, đặt niên hiệu là "Đồng Quang", trong sử gọi là Hậu Đường.

Trong chiến trường, Lí Tồn Húc là một mãnh tướng nhưng trong chính trị ông lại là một người ngu xuẩn hồ đồ không biết gì. Sau khi xưng đế, ông cho rằng thù cha đã báo, trung nguyên đã ổn định, kẻ địch đã tiêu diệt hết, vì thế ông muốn an nhàn ngồi hưởng lạc. Từ nhỏ ông thích xem kịch diễn kịch. Do đó sau khi lên ngôi, ông thường xuyên hóa trang mặt mũi, mặc quần áo theo kiểu diễn viên, và tự lên đài biểu diễn, không quan tâm tới công việc triều chính. Ông tự lấy danh hiệu nghệ nhân là "Lí Thiên Hạ". Có một lần trong lúc lên sân khấu biểu diễn kịch, ông ta tự hô 2 câu "Lí Thiên Hạ", một người đào kép đứng bên cạnh tát cho ông ta vài cái tát tai, những người đứng xung quanh lạnh toát hết cả người, Lí Tồn Húc cũng không hiểu vì sao mình bị đánh. Lúc đó người đào kép cười và nói: Người trị vì thiên hạ chỉ có một mình hoàng đế, anh nói hai câu, vậy còn 1 người nữa là ai vậy?". Lí Tồn Húc nghe anh ta hỏi vặn như vậy thì rất vui mừng, và sai thưởng cho người đào kép đó. Các đào kép được sủng ái, họ được phép tự do đi ra đi vào cung và thường cùng hoàng đế nói chuyện, các triều thần nào không thích kịch thì bị họ lăng nhục, các triều thần phẫn nộ mà không dám kêu than. Những quan lại và phiên trấn muốn họ nói giúp với hoàng đế liền đem lễ vật đến tặng và nhờ bọn họ giúp đỡ. Lí Tồn Húc còn sai bọn đào kép đó làm tai mắt, giám sát hành vi của quần thần. Trong bọn đào kép đó, có một người tên là Cảnh Tiến, anh ta được Lí Tồn Húc sủng ái nhất. Chỉ cần Cảnh Tiến nói ai có hành vi đúng cho dù người đó là ai, cũng đều bị trừng phạt. Quần thần thấy Cảnh Tiến là một kẻ vô cùng lợi hại. Lí Tồn Húc còn phong cho hai người đào kép làm lại sử, rất nhiều tướng sĩ lập được công lao trong chiến trận vậy mà không được làm đại quan, thấy Lí Tồn Húc đối xử như vậy nên bọn họ vô cùng oán hận.

Ông còn sai gọi những thái giám nhập cung và sai bọn họ làm tâm phúc (những thái giám đó trước đây phục vụ cho triều Đường. Sau khi triều Đường tan rã bọn họ đã về quê sinh sống), ông sai các thái giám đó làm nhiệm vụ giám sát công việc triều chính, và ra lệnh cho bọn họ nhục mạ và kiểm soát hành vi của tướng lĩnh, người hiền tài không có đường tiến thân. Tiếng oán than vang lên khắp nơi. Lí Tồn Húc sai các hoạn quan và bọn đào kép đi bắt bớ các dân nữ đưa về hoàng cung. Có một lần bọn chúng cướp được hơn 1000 phụ nữ, những phụ nữ này đều là vợ con của các tướng sĩ trấn giữ ở Ngụy Châu, điều này là một điều xỉ nhục đối với các tướng lĩnh và quân lính ở đó. Bọn họ hận Lí Tồn Húc thấu trời. Lí Tồn Húc tự đẩy mình vào thế cô lập, quần thần tạo phản người thân xa lìa.

Năm 926, Lí Tồn Húc nghe lời xàm tấu của hoạn quan đã giết chết đại tướng Quách Sùng Dao. Một đại tướng khác tên là Lí Tự Nguyên, anh ta có nhiều công lao nhất trong chiến trận nhưng vì bị Lí Tồn Húc nghi kị do vậy vài lần suýt bị giết. Tháng 3 năm 926 Lí Tự Nguyên được sự ủng hộ của các tướng sĩ, dẫn quân đội tiến vào Biện Kinh, chuẩn bị xưng làm hoàng đế. Lí Tồn Húc biết tin liền đem vàng bạc gấm góc thưởng cho tướng sĩ ở Lạc Dương, nhằm mua chuộc bọn họ. Các tướng lĩnh cầm phần thưởng và mắng mỏ". Vợ con của chúng tôi chết rồi, những phần thưởng này chẳng còn ý nghĩa gì nữa". Lí Tồn Húc ép bọn họ đi đến Biện Kinh. "Đi đến huyện Trung Mâu, ông ta nghe nói Lí Tự Nguyên đã tiến vào Biện Kinh, các tướng sĩ lại liên tiếp ủng hộ Lí Tự Nguyên, Lí Tồn Húc biết thế lực của mình đã bị gạt bỏ ông ta buồn rầu nói với thuộc hạ". "Kết cục của đời trẫm đã hết rồi" và sai quay về Lạc Dương, trên đường quay về, binh sĩ chạy trốn hết 1/2. Ông sợ số tướng sĩ còn lại có lòng phản trắc, vì thế đã dụ dỗ họ: "Về đến Lạc Dương, trẫm sẽ mang 50 vạn lạng vàng đến tặng các khanh". Các tướng sĩ đều nói: "Bây giờ hối hận quá muộn rồi, không ai muốn cám ơn lòng tốt của bệ hạ đâu".

Lí Tồn Húc về đến Lạc Dương vẫn có ý đồ phản kháng lại sợ tấn công của Lí Tồn Húc. Tháng 4, tướng tiên phong của Lí Tự Nguyên là Thạch Kính Đường dẫn quân tiến vào cửa Tị Thủy

(nay là thị trấn Tị Thủy tỉnh Hà Nam). Lí Tồn Húc nghe lời kiến nghị của tể tướng và hoạn quan, do vậy quyết định dẫn quân chống giữ cửa ải Tị Thủy. Ngày Đinh Hợi, quân kị binh và quân bộ binh đã cùng tiến về cửa ải Tị Thủy. Lí Tồn Húc dậy từ sáng sớm đang dùng điểm tâm, đột nhiên nghe tiếng vũ khí va chạm loảng xoảng ở bên ngoài cửa Hưng Giáo. Ông vội dẫn thị vệ của quân kị binh đi đến đó xem có chuyện gì xảy ra, đi đến cửa Trung Tả thì thấy chỉ huy sứ Quách Tòng Khiêm đang chỉ huy quân lính chém giết. Hóa ra Quách Tòng Khiêm vốn là một đào kép anh ta nhận đại tướng Quách Sùng Dao làm thúc phụ. Sau khi Quách Sùng Dao bị Lí Tồn Húc giết, Quách Tòng Khiêm đứng ra kêu oan cho chú, chuyện này đến tai Lí Tồn Húc, ông sai gọi Quách Tòng Khiêm đến mắng cho một trận: "Tại sao khanh dám quay lưng lại với trẫm mà đi dựa vào Quách Sùng Dao, khanh muốn làm gì?" Quách Tòng Khiêm nghe vậy, vừa hận vừa sợ, anh ta càng tăng cường cổ vũ binh lính, đợi cơ hội tạo phản, thời cơ đó đã đến vì vậy mới xảy ra hỗn loạn ở ngoài cửa Trung Tả. May thay Lí Tồn Húc cưỡi ngựa dẫn đầu quân kị binh đi đến dẹp yên quân phản loạn và đuổi hết bọn chúng ra ngoài cửa rồi đóng cửa lớn lại. Quách Tòng Khiêm lại tập hợp thân tín và phóng lửa đốt cửa Hưng Giáo, nhân lúc lửa cháy, anh ta xông vào bên trong. Lí Tồn Húc và thị vệ liều chết xông ra, đột nhiên một mũi tên bay đến bắn trúng vào ông ta, ông ta ngã lăn ra đất. Thiện Hữu dìu ông ta vào phòng và rút mũi tên ra, không thể cầm máu được. Ông ta liên tục kêu khát. Hoàng hậu sai thuộc hạ mang sữa đến, ông ta uống hết mộc cốc sữa thì tắt thở. Thiện Hữu sợ quân phản loạn sẽ băm vằm thi thể của Lí Tồn Húc, do vậy Thiện Hữu đặt rất nhiều nhạc khí ở thi thể và đem thiêu xác. Lí Tự Nguyên sau khi đánh chiếm Lạc Dương đã sai người tìm tàn tro của Lí Lặc và mai táng ở Ung Lăng.

Hiệu miếu của ông ta được đặt là Trang Tông.

MINH ĐẾ (LÍ TỰ NGUYÊN)
(TRIỀU HẬU ĐƯỜNG)

Minh Đế, ông ta tên là Lí Tự Nguyên (867 - 933). Ông là con nuôi của Lí Khắc Dụng. Sau khi tấn công đánh bại Trang Tông, ông tự lên kế vị. Ông trị vì được 8 năm, trong lúc bị ốm nặng thì gặp phải sự tạo phản nên sợ hãi mà chết. Hưởng thọ 67 tuổi. Mai táng ở Vi Lăng (nay gần thành phố Lạc Dương tỉnh Hà Nam).

*

Lí Tự Nguyên sinh ra ở một gia đình thường dân tộc Sa Đà tại Kim Thánh thuộc Ứng Châu (nay thuộc huyện Ứng tỉnh Sơn Tây). Ông không có họ, hồi nhỏ có tên là: Diện Cát Liệt. Ông giỏi về cưỡi ngựa bắn tên. Thời gian đầu ông thường theo Lí Khắc Dụng đi đánh trận và lập được nhiều chiến công hiển hách dần dần ông lần lượt được phong những chức vị như: Lại sử ở Đại Châu, Lại sử ở Tương Châu, tiết độ sứ quận Chiêu Đức, tiết độ sứ quân Thiên Bình, tổng quản quân bộ binh và kị binh. Việc Lí Tồn Húc giết Quách Sùng Dao làm quần thần không phục. Chỉ huy sứ trấn giữ ở Ngụy Châu tên là Triệu Tại Lễ khởi binh làm phản. Trang Tông phái Lí Tự Nguyên thống lĩnh quân đi dẹp loạn, đến dưới chân thành Ngụy Châu, nửa đêm quân lính đổi ý tôn lập Lí Tự Nguyên làm chủ. Triệu Tại Lễ mổ cổng thành đánh tan binh lính nghênh đón Lí Tự Nguyên vào thành. Lí Tự Nguyên lại tìm cách chạy khỏi thành Ngụy Châu, triệu tập tàn quân, chuẩn bị dẹp yên phản loạn. Nhưng con rể ông là Thạch Kính Đường khuyên giải, muốn ông kết hợp quân phản loạn ở Ngụy Châu, thống lĩnh đại quân đánh vào Lạc Dương và được quần thần tên là Giám Quốc thuộc hạ của Lí Tự Nguyên sau khi giết hết con cháu của Lí Tồn Húc đã lập Lí Tự Nguyên làm hoàng đế, lễ đăng cơ tổ chức vào ngày Bính Ngọ. Tháng 4 năm 926, ông đổi niên hiệu là "Thiên Thành".

Sau khi lên ngôi, ông phế bỏ nền chính trị do Trang Tông đề ra, phế trừ những hình luật hà khắc và mưu hại những hoạn quan làm nhiệm vụ giám sát quân đội, các hoạn quan còn lại: có người chạy đến sơn lâm, có người xuất gia làm tăng ni, giảm bớt người hầu trong cung, và luôn quan tâm tới nỗi khổ của nông dân, trọng dụng các đại thần có năng lực. Trong thời gian trị vì, ông giảm bớt việc đi đánh trận, chú trọng sản xuất. Về sau, An Trọng Môi và Nhậm Viên luôn tìm cách đấu đá vu cáo nhau, Lí Tự Nguyên không đủ sáng suốt phân rõ đen trắng, trái phải vì

vậy lần lượt giết chết An Trọng Môi và Nhậm Viên, vì vậy quần thần đều phân tán tư tưởng và dao động tâm lí. Cuối năm đó ông ta ốm đau quặt quẹo, lúc này quân lính thì kiêu ngạo tướng lĩnh thì hống hách, và luôn tìm cách tạo phản, ông có ý định dùng vàng bạc thưởng cho tướng sĩ nhằm làm an lòng họ, kết quả vẫn cứ xảy ra tạo phản và binh lính càng thêm Lăng.

Tháng 11 năm 933 ông ta ốm nặng, ông sai gọi, con trai thứ 5 là Lí Tòng Hậu quay về kinh thành để tiếp nhận ngôi vị. Con trai thứ của ông là Lí Tông Vinh nhân cơ hội Lí Tòng Hậu chưa về đến kinh thành lên dấy binh làm phản, anh ta tấn công vào hoàng cung nhưng bị quân cấm vệ đánh cho đại bại và bị giết chết. Ngày Mậu Tuất Lí Tự Nguyên biết được sự việc nên kinh hãi mà chết. Lí Tự Nguyên biết được sự việc nên kinh hãi mà chết.

Hiệu miếu của ông đặt là Minh Tông.

MẪN TÔNG (LÍ TÒNG HẬU)
(TRIỀU HẬU ĐƯỜNG)

Mẫn Tông, ông ta tên là Lí Tòng Hậu (914 - 934). Ông là con trai thứ 5 của Minh Tông. Ông kế vị sau khi cha chết. Ông ở ngôi trên 2 tháng thì bị con nuôi của Minh Tông là Lí Tòng Kha phế truất và hại độc chết. Hưởng dương 21 tuổi, mai táng ở Vi Lăng. Nay thuộc phía Đông Bắc thành phố Lạc Dương tỉnh Hà Nam).

*

Lí Tòng Hậu vốn được phong làm Tống Vương và trấn thủ ở Nghiệp Thành. Lúc Minh Tông sắp chết, ông ta sai hoạn quan Mãnh Hán Kinh đi truyền gọi Lí Tòng Hậu về kinh kế vị. Sau khi gặp mặt con trai, Minh Tông từ trần. Ngày Quý Mão tháng 12 năm 933, Lí Tòng Hậu lên ngôi hoàng đế, ông đổi niên hiệu là "Ứng Thuận".

Lúc ông lên kế vị, Lí Tòng Kha và Thạch Kính Đường có thể lực rất lớn. Ông lo sợ hai người đó làm loạn triều đình, do đó ông phong Lí Tông Kha làm tiết độ sứ ở Hà Đông còn Thạch Kính Đường làm tiết độ sứ ở Thành Đức. Trên đường đi nhận chức Lí Tòng Kha sợ bị hại chết do đó dẫn quân làm phản. Lí Tòng Hậu phái đại quân đi dẹp yên, không ngờ quân lính lại đầu hàng Lí Tòng Kha. Lí Tòng Kha lấy tiền của sẵn có ở trong thành Phụng Tường thưởng cho quân lính đầu hàng tháng 2 năm 934 dẫn quân tiến về Lạc Dương. Lí Tông Hậu muốn tăng thêm tinh thần chiến đấu của binh sĩ do đó mang tiền của thưởng cho bọn họ, ông hứa hẹn, mỗi trận thắng sẽ thưởng cho mỗi người 200 xâu tiền (mỗi xâu (mỗi xâu tiền là 1000 đồng). Điều này làm cho binh sĩ càng thêm kiêu ngạo và bọn họ ngang nhiên đi đến Phụng Tường đầu hàng Lí Tòng Kha và lại lĩnh thưởng ở chờ Lí Tòng Kha. Kết quả, vài cánh quân sai đi dẹp loạn đến đầu hàng Lí Tòng Kha. Các đại thần của Lí Tòng Hậu thấy tình hình không yên bọn họ đều bỏ mặc Lí Tòng Hậu để tìm cách thoát thân: người thì chạy trốn, người thì đầu hàng Lí Tòng Kha. Lí Tòng Hậu đành dẫn 50 kị binh chạy ra khỏi hoàng cung và chạy trốn đến Vệ Châu, giữa đường nghỉ ngơi tại dịch quán. Lúc này Thạch Kính Đường cũng đang ở Vệ Châu, Lí Tòng Hậu nhờ anh ta dẫn quân đánh dẹp Lí Tòng Kha nhưng anh ta quay lưng lại không giúp đỡ. Thuộc hạ của Lí Tòng Hậu là Sa Thủ Dung hận Thạch Kính Đường thấy chết mà không cứu nên rút dao định chém chết Thạch Kính Hầu, thuộc hạ của Thạch Kính Đường vội vung kiếm chống đỡ. Chỉ huy sứ của Thạch Kính Đường là Lưu Trí Viễn biết tin, anh ta chạy đến dịch quán chém chết Sa Thủ Vinh và 50 vệ binh của Lí Tòng Hậu, chỉ chừa lại mạng cho mỗi mình Lí Tòng Hậu, Lí Tòng Hậu một thân một mình lủi thủi trong dịch quán. Lại sừ ở Vệ Châu là Vương Hoằng Thế thấy Lí Tòng Hậu thất thế vì thế cũng không quan tâm để ý.

Tháng 4 năm 939 Lí Tòng Kha xưng đế, và tuyên bố phế Lí Tòng Hậu làm Ngạc Vương, sai Vương Hoàng Thế áp giải Lí Tòng Hậu về Châu Nha cư trú. Ngày Mậu Dần, Lí Tòng Kha sai hai cha con Vương Hoàng Thế đi trừ bỏ Lí Tòng Hậu. Hai cha con họ ép Lí Tòng Hậu uống rượu độc nhưng ông ta một mực cự tuyệt vì thế bị bọn họ dùng lụa thắt cổ chết.

Sau khi ông ta chết, lấy hiệu miếu là Mẫn Đế.

MẠT ĐẾ (LÍ TÒNG KHA)
(TRIỀU HẬU ĐƯỜNG)

Mạt Đế, ông ta tên là Lí Tông Kha (886 - 936), ông là con nuôi của Minh Đế. Ông phế truất Mẫn Đế và lên kế vị. Ông trị vì được 3 năm, do bất lực không chống đỡ được quân lính của Thạch Kính Đường lên đã tự thiêu. Hưởng thọ 51 tuổi ở Vi Lăng. Lí Tòng Kha vốn dĩ là họ Vương, quê ở Bình Sơn (Trần Châu) (nay thuộc huyện Chính Định tỉnh Hà Bắc). Ông thống lĩnh quân đội tiến vào Lạc Dương và vào tháng 4 năm 934 phế truất Mẫn Đế, ngày Kỉ Hợi tháng 4 làm lễ đăng cơ, đổi niên hiệu là "Thanh Tần".

Thạch Kính Đường và Lí Tòng Kha vốn dĩ bất hòa với nhau, sau khi xưng đế Lí Tòng Kha phái mấy vạn đại quân đi tiến đánh Thạch Kính Đường, lúc này Thạch Kính Đường đang cư trú ở Tấn Dương. Thạch Kính Đường chống giữ không nổi đành đầu hàng tộc Khiết Đan, dưới sự giúp đỡ của tộc Khiết Đan đã đánh bại sự vây hãm của quân Hậu Đường. Binh lực của Lí Tòng Kha rất mạnh, nhưng ý chí của ông ta lại tiêu tan, không dám dẫn quân đi đánh lại tộc Khiết đan, cả người ngồi uống rượu và khóc, lo không giữ được ngôi vị.

Năm 936, quân Hậu Đường bị đại bại trong trận đánh ở Bạch Mã, quân Khiết Đan và quân của Thạch Kính Đường tiến tới Lạc Dương. Tin báo truyền đến, tướng lĩnh liên tiếp đầu hàng. Lí Tòng Kha ngửa mặt lên trời than thở: "Ta đã đến đường cùng rồi". Ngày Tân Tị tháng 11 ông ta dẫn: thái hậu Tào, hoàng hậu Lưu và con trai thứ hai là Lí Trọng Mĩ cùng và chỉ huy sứ Tống Trung Ngu... tất cả bọn họ cùng nhau lên thành lầu ở cửa Huyền Vũ, chuẩn bị tự thiêu.

Hoàng hậu Lưu nhìn về cung điện và nói với Lí Tòng Kha: "Chúng ta phải tâng thân trong biển lửa, lẽ nào để lại cung điện cho kẻ địch hưởng lạc chi bằng chúng ta đốt luôn cung điện". Lí Trọng Mĩ khuyên mẹ nói: "Thiên tử mới nhập vào cung thành, nếu chúng ta đốt hoàng cung, ông ta nhất định bắt xây lại những công trình thủy mộc mới. Lúc đó mọi gánh nặng đều đổ vào đầu bà con trăm họ, chi bằng đừng đốt cung điện", Lí Tòng Kha ra lệnh cho binh sĩ chất củi ở dưới lầu cửa Huyền Vũ và châm lửa đốt. Đợi một lúc, lửa cháy bùng bùng. Lí Tòng Kha và mọi người cùng nhảy vào biển lửa, toàn bộ bị chết thiêu. Triều Hậu Đường bị diệt vong. Sau khi Thạch Kính Đường tiến vào Lạc Dương, có người tìm được xương cốt của Lí Tòng Kha, Thạch Kính Đường làm lễ mai táng cho Tông Kha.

Sau khi Lí Tòng Kha chết, người đời sau gọi ông là Mạt Đế hoặc Phế Đế.

HẬU TẤN

(936 - 947, tổng cộng 11 năm)

Triều Hậu Tần có 2 đế vương, một người bị chết do buồn rầu, một người chết khi bị bắt làm tù binh.

CAO TỔ (THẠCH KÍNH ĐƯỜNG)
(TRIỀU HẬU TẤN)

Cao Tổ, ông ta tên là Thạch Kính Đường (892 - 942). Ông ta là người dân tộc Sa Đà, làm tiết độ sứ ở triều Hậu Đường, được tộc Khiết Đan giúp làm hoàng đế, sau đó thiết lập lên triều Hậu Tấn. Ông trị vì được 7 năm, nhiều lần bị tộc Khiết Đan nhục mạ vì thế u buồn mà chết, hưởng thọ 51 tuổi, mai táng ở Hiển Lăng (nay thuộc phía Tây Bắc huyện Nghị Dương tỉnh Hà Nam).

Thạch Kính Đường, quê ở Thái Nguyên (nay thuộc phía Nam thành phố Thái Nguyên tỉnh Sơn Tây), ông là người dân tộc Sa Đà. Thời Hậu Đường do Minh Tông thích sự thông minh của Thạch Kính Đường lên gả con gái cho. Trong trận binh biến ở Ngụy Châu, ông ra sức khuyên Minh Tông về Lạc Dương xưng đế. Sau chuyện đó ông lần lượt nhận các chức vị: Bảo nghĩa quân, Tuyên Vũ Quân, tiết độ sứ trấn giữ ở Hà Đông, chỉ huy sứ quân cấm vệ. Sau khi Mạt Đế lên ngôi cử Thạch Kính Đường làm tiết độ sứ ở Thái Bình nhưng ông cự tuyệt không nhận. Mạt Đế sai lính vây hãm thành Tấn Dương. Thạch Kính Đường thu nạp ý kiến của mưu sĩ Tang Duy Hàn đi cầu cứu thủ lĩnh tộc Khiết Đan là Da Luật Đức quang, Thạch Kính Đường phải nhận Da Luật Đức Quang làm ông nuôi và hứa sẽ cho tộc Khiết Đan 16 châu ở Yên Vân (nay thuộc địa khu phía Bắc tỉnh Sơn Tây và tỉnh Hà Bắc). Lập tức Da Luật Đức Quang phái 5 vạn quân tinh nhuệ đi giải phóng sự vây hãm cho ông ta. Thạch Kính Đường đích thân ra khỏi thành nghênh đón Da Luật Đức Quang, đón tiếp long trọng, thậm chí còn gọi con trai của Da Luật Đức Quang làm bố (mặc dù con trai của Da Luật Đức Quang nhỏ hơn ông ta 11 tuổi). Ngày Đinh Dậu tháng 11 năm 936, Da Luật Đức Quang tấn công vào Lạc Dương, phong Thạch Kính Đường làm hoàng đế, đặt quốc hiệu là "Tấn", định đô ở Đông Kinh (nay là thành phố Khai Phong tỉnh Hà Nam), đặt niên hiệu là "Thiên Phù" trong sử gọi là Hậu Tấn.

Sau khi Thạch Kính Đường xưng đế, ông phải chiếu theo các điều kiện đã hứa với tộc Khiết Đan là mang 16 châu ở Yên Vân cho tộc Khiết đan, vì thế địa khu ở Trung Nguyên mất đi một tấm bình phong quan trọng. Mỗi năm phải cống cho tộc Khiết Đan 30 vạn tấm lụa quý và còn gọi Da Luật Đức Quang làm phụ hoàng đế" (hoàng đế cha và bản thân mình tự xưng là "nhi hoàng đế") (hoàng đế con). Hàng năm Thạch Kính Đường còn phải tặng lễ vật cho quốc chủ, thái hậu, đại thần quý tộc của tộc Khiết Đan. Có một số việc tộc Khiết Đan không đồng ý họ liền sai người đến trách cứ, Thạch Kính Đường phải cung kính tặng lễ vật và xin nhận tội. Sứ giả của Hậu Tấn đến Liêu (lúc đó tộc Khiết Đan đã đổi tên thành tộc Liêu), thường bị người tộc Liêu nhục mạ. Sứ giả quay về thành Biện Kinh lại thuật lại cho Thạch Kính Đường biết, các triều thần đều vô cùng hận những hành vi nhục mạ đó, chỉ duy nhất có Thạch Kính Đường không để ý quan tâm tới chuyện đó. Rất nhiều đại thần phản đối chuyện Thạch Kính Đường làm nô tài cho tộc Liêu khiến chính quyền của Thạch Kính Đường không được ổn định.

Năm 942, tiết độ sứ ở Thành Đức là An Trọng Vinh khởi binh đánh tộc Liêu; Thạch Kính Đường sợ thế lực binh mã của An Trọng Vinh, hơn nữa vua Liêu dăm lần 7 lượt trách cứ Thạch Kính Đường, ông ta đành dựa vào quân Liêu để giết An Trọng Vinh. Được một thời gian, tiết độ sứ ở Hà Đông là Lưu Trí Viễn không chịu quy phục Liêu, do vậy vua Liêu lại sai người đến hỏi tội. Thạch Kính Đường không dám dẫn quân chinh phạt Lưu Trí Viễn và thêm vào đó rất oán hận hoàng đế Liêu, thối toái lưỡng nan đều khó, do vậy buồn rầu sinh bệnh. Ông mất ngày Ất Sửu tháng 6 tại điện Bảo Xương cung Nghiệp Thành.

Sau khi ông chết lập miếu đặt hiệu là Cao Tổ.

XUẤT ĐẾ (THẠCH TRỌNG QUÝ)
(TRIỀU HẬU TẤN)

Xuất Đế, ông ta tên là Thạch Trọng Quý (914 - 964). Ông là con nuôi của Thạch Kính Đường. Kế vị sau khi Thạch Kính Đường chết, ông trị vì được 4 năm, sau đó bị bắt làm tù binh rồi bị bệnh chết. Hưởng thọ 51 tuổi. Mai táng ở huyện Khai Nguyên tỉnh Liêu Ninh.

*

Thạch Trọng Quý vẫn là cháu họ của Thạch Kính Đường, sau làm con nuôi của Thạch Kính Đường. Khi Thạch Kính Đường xưng đế, ông ta trấn giữ ở Bắc Kinh (nay thuộc phía Nam thành phố Thái Nguyên tỉnh Sơn Tây), ông được phong làm Tề Vương. Tháng 6 năm 942 Thạch Kính Hầu ốm chết, cùng tháng đó Thạch Trọng Quý lên kế vị. Năm 944 ông đổi niên hiệu là "Khai Vận".

Sau khi lên ngôi, ông xin làm cháu của hoàng đế Liêu tuyệt nhiên không xưng thần mà chủ trương chống Liêu. Dưới sự giúp đỡ của quân dân, ông vài lần đẩy lui sự xâm phạm của quân Liêu. Năm 946, Thạch Trọng Quý sai đại tướng Đỗ Trọng Uy và lí Thủ Trinh thống lĩnh quân xuống phía Bắc đánh quân Liêu. Đỗ Trọng Uy một lòng một dạ muốn đầu hàng triều Liêu và muốn làm hoàng đế, do đó ông ta án binh bất động, sai người đi cấu kết với quân Liêu. Hoàng đế Liêu chấp nhận sự đầu hàng của Đỗ Trọng Uy, đồng ý cho quân lính đầu hàng vào triều Liêu, sau đó bọn họ cùng quân Liêu tấn công vào thành Biện Kinh. Thạch Trọng Quý nghe được tin báo bàng hoàng sửng sốt và không có cách gì chống đỡ, ông ta định tự thiêu cùng với 10 hậu phi của mình, nhưng nhờ sự can gián của tướng lĩnh nên ông từ bỏ ý định đó và xin đầu hàng triều Liêu. Triều Hậu Tấn bị diệt vong.

Thạch Trọng Quý bị hoàng đế Liêu phế truất làm Phụ Nghĩa Nghĩa Hầu và dời đến cư trú ở phủ Hoàng Long (nay thuộc huyện Liêu An tỉnh Cát Lâm), không lâu sau lại bị dời đến cư trú ở Liêu Dương (nay thuộc thành phố Liêu Dương tỉnh Liêu Ninh). Trên đường đi, lưu lạc cùng khốn, khổ sở vô cùng. Các phi tử đi theo ông cũng bị tướng Liêu cưỡng chế, thậm chí hài nhi mới sinh cũng bị tướng Liêu là Ngột Dục cướp đi và Ngột Dục mang về cho vợ làm nô tì. Không lâu sau, Thạch Trọng Quý lại bị dời về Kiên Châu (nay thuộc phía Tây Nam huyện Triều Dương tỉnh Liêu Ninh) và quân Liêu cho xây một phòng thất ở ngoại thành Kiến Châu rồi cho Thạch Trọng Quý cư trú ở đó, và cho tùy tùng cày ruộng trồng lương thực nhằm giải quyết vấn đề lương thảo. Niên giám Hiền Đức (thời Hậu Chu), tùy tùng của ông ta có người từ triều Liêu trở về Trung Nguyên, lúc đó nhân dân Trung Nguyên mới biết Thạch Trọng Quý vẫn cư trú ở Kiên Châu, tùy tùng theo hầu ông ta chết đã quá nửa.

Thạch Trọng Quý mất năm 964. Trong sử gọi ông là Xuất Đế.

HẬU HÁN

(Năm 947 - 950), tổng cộng 4 năm)

Triều Hậu Hán có 3 đế vương, trong đó 1 người bị hại chết, một người ốm chết, một người bị phế truất và hại độc chết.

CAO TỔ (LƯU TRI VIỄN)
(TRIỀU HẬU HÁN)

Cao Tổ, ông ta tên là Lưu Tri Viễn (895 - 948), ông ta là người dân tộc Sa Đà, sau đó xưng đế. Ông là người tạo dựng lên triều Hậu Hán. Ông trị vì 2 năm, bị ốm chết, hưởng thọ 54 tuổi. Mai táng ở Duệ Lăng (nay thuộc phía Đông Nam huyện Đăng Phong tỉnh Hà Nam).

*

Lưu Tri Viễn, là người dân tộc Sa Đà ở Thái Nguyên (nay thuộc phía Nam thành phố Thái Nguyên tỉnh Sơn Tây). Ông cùng với Thạch Kính Đường làm tướng lĩnh của Đế (hậu Đường), sau đó ông cùng tộc Khiết Đan phụ giúp Thạch Kính Đường lập nên triều Hậu Tấn, ông được phong làm tiết độ sứ ở Hà Đông, trấn giữ ở Bắc Kinh (nay thuộc thành phố Thái Nguyên tỉnh Sơn Tây). Sau khi Thạch Trọng Quý xưng đế, tấn phong cho Lưu Tri Viễn làm Bắc Bình Vương và làm thư lệnh Bài Trung. Do Lưu Tri Viễn làm quan cao, công lao lớn thế lực mạnh, vì thế Thạch Trọng Quý rất đố kị.

Trong thời gian triều Tấn và triều Liêu giao chiến, Lưu Tri Viễn cố thủ không ra giúp đỡ và chiêu nạp dũng sĩ, củng cố thế lực. Lúc quân Liêu tiến vào thành Biện Kinh, ông ta sai thuộc hạ đến chúc mừng quân Liêu, ông ở thành Biện Kinh quan sát hình thế quân Liêu thấy rằng quân Liêu không được lòng dân. Không lâu sau, ông ta dấy cờ khởi nghĩa phục hưng triều Hậu Tấn, quân sĩ nghênh đón ông về Tấn Dương, và được sự hoan nghênh của các tướng sĩ. Ngày Tân Mùi tháng 7 năm 947, ông xưng đế ở Tấn Dương, đổi tên là Cảo, đặt quốc hiệu là Hán, đặt niên hiệu là "Cần Hữu" trong sử gọi là Hậu Hán.

Lưu Tri Viễn sau khi xưng đế, để mua chuộc lòng dân ông ta dùng niên hiệu "Thiên Phú" của triều Hậu Tấn và lấy lòng của quan lại văn của triều Hậu Tấn. Ông hạ chiếu thư an ủi các địa phương phát động vũ trang chống Liêu, bảo vệ quê hương, ông ta không tiếc tiền của để thưởng cho tướng sĩ, nhờ vậy giành được sự giúp đỡ của quân dân. Ông nhân cơ hội quân Liêu lui xuống phía Bắc và nhân cơ hội hoàng tộc triều Liêu tranh đoạt ngôi vị. Ông thống lĩnh đại quân xuất phát từ Tấn Dương, 21 ngày sau tiến vào Lạc Dương, 8 ngày sau nữa lại tiến vào Biện Kinh, chọn nơi đó làm đô thành. Tháng 12 năm đó, ông xót thương cho cái chết của thái tử Lưu Thừa Huấn vì thế ông sinh bệnh, bệnh tình của ông chữa trị mãi mà không khỏi. Tháng 1 năm 948 ông biết bệnh mình không khỏi khó lòng sống được, đo đó sai gọi tể tướng Tô Phụng Cát, Đại thần Dương Phận và Quách Uy nhờ vả bọn họ giúp đỡ con trai thứ là Lưu Thừa Hữu lên kế vị và bí mật sai bọn họ trừ bỏ Đỗ Trọng Uy. Ông mất ngày Đinh Mão tại Biện Kinh. Hiệu miếu của ông là Cao Tổ.

ẤN ĐẾ (LƯU THỪA HỮU)
(TRIỀU HẬU HÁN)

Ấn Đế, ông ta tên là Lưu Thừa Hữu (931 - 950). Ông là con trai thứ của Lưu Tri Viễn. Ông kế vị sau khi Lưu Tri Viễn chết. Ông trị vì được 2 năm, bị Quách Vũ Lâm phản và đuổi đi, sau đó bị Cận thị giết chết. Hưởng thọ 20 tuổi. Mai táng ở Dĩnh Lăng (nay thuộc tỉnh Hà Nam).

*

Năm 948 cha của Lưu Thừa Hữu là Lưu Tri Viễn bị ốm chết, tể tướng Tô Phùng Cát bí mật không phát tang, và âm mưu giết Đỗ Trọng uy. Ngày Tân Tị tháng 2 năm đó được lên kế vị, ông vẫn để niên hiệu là "Càn Hữu". Sau khi Lưu Thừa Hữu lên kế vị, trong triều đình những đại thần như: Dương Phần, Quách Chương rất chuyên quyền, bên ngoài triều có Quách Uy làm loạn, uy thế của Quách Uy vang lừng. Có một lần Dương Phần lên triều nghị sự, Lưu Thừa Hữu nói: "Các khanh phải cân nhắc kỹ càng trước khi làm việc gì đó, đừng để mắc sai lầm, khiến người khác đàm tiếu". Dương Phần nói: "Có chúng tôi ở đây, không khiến bệ hạ phải can dự". Lưu Thừa Hữu không còn chịu nổi sự xấc lược đó, ông hạ lệnh giết chết Dương Phần và Vương Chương và sai sứ giả tới Ngụy Châu (nay thuộc phía Tây huyện Đại Danh tỉnh Hà Bắc) để giết chết Quách Uy. Quách Uy khởi binh làm phản, cuối tháng 11 năm 950 đã tấn công tới chân thành Biện Kinh. Lưu Thừa Hữu đứng trên núi ở ngoại thành quan sát trận chiến, do quân Hậu Hán bị thua trận nên sáng hôm sau ông ta chạy về thành. Không ngờ Lưu Ích đã chiếm cứ thành, anh ta đầu hàng Quách Uy, cự tuyệt không cho Lưu Thừa Hữu vào thành. Lưu Thừa Hữu đành dẫn Tô Phùng Cát và Quách Sùng Minh... chạy trốn về phía Tây Bắc. Đi đến thôn Triệu, ông ta thấy phía sau lưng bụi bay mù mịt, Lưu Thừa Hữu cho rằng có quân địch đuổi theo, ông ta hoảng hốt dừng ngựa, dự định trốn trong nhà dân.

Quách Sùng Minh thấy tình thế nguy kịch, anh ta muốn lấy đầu Lưu Thừa Hữu làm lễ vật đầu hàng quân địch, anh ta tiến lên vài bước chân vung đao chém Lưu Thừa Hữu. Kỳ thật, phía sau không phải là quân địch mà là thuộc hạ của Lưu Thừa Hữu đuổi theo hộ giá. Quách Sùng Minh thấy tình thế khó thoát thân, lẽn dùng dao tự vẫn.

Hiệu miếu của ông đặt là Ẩn Đế.

TƯƠNG ÂM CÔNG (LƯU VÂN)
(TRIỀU HẬU HÁN)

Tương Âm Công, ông ta tên là Lưu Vân (? - 951). Ông là con nuôi của Lưu Tri Viễn. Ông kế vị sau khi Lưu Thừa Hữu bị giết. Nhưng chưa kịp làm lễ đăng cơ thì đã bị phế truất và hại độc. Mai táng ở đâu không rõ.

Lưu Vân vốn dĩ là cháu của Lưu Tri Viễn, về sau được Lưu Tri Viễn nhận làm con nuôi. Tháng 11 năm 950 Lưu Thừa Hữu bị giết chết, quần thần quyết định lập con của Lưu Tri Viễn là Lưu Thừa Huân làm hoàng đế, nhưng lúc đó Lưu Thừa Huân ốm liệt giường, bọn họ phải lập Lưu Vân làm hoàng đế. Lưu Vân đang làm tiết độ sức ở Từ Châu, nhận được chiếu chỉ, ông vội quay về kinh thành chuẩn bị tiếp nhận ngôi vị. Ông mới đi đến Tống Châu thì Quách Uy đã vào kinh thành và ép buộc thái hậu họ chiếu phong cho mình làm "giám quốc", cướp đoạt chính quyền, Quách Uy mượn danh nghĩa thái hậu phế truất Lưu Vân, và giáng xuống làm Tương Âm Công; Quách Uy sai bộ tướng Quách Sùng Uy đến Tống Châu bắt giữ và giam lỏng Lưu Vân - Triều Hậu Hán bị diệt vong.

Tháng 1 năm 951, cha đẻ của Lưu Vân là Lưu Sùng Văn (cha đẻ ông làm tiết độ sứ ở Hà Đông) biết tin Quách Uy đoạt ngôi vị hoàng đế, vì thế Lưu Sùng Văn xưng đế ở Tấn Dương, đặt quốc hiệu là Bắc Hán, đối nghịch với Quách Uy. Quách Uy lo lắng nếu để lại mạng sống cho Lưu Vân sẽ sinh hậu họa, vì thế ngày Mậu Dần đã sai tiết độ sức ở Tống Châu là Lý Hồng Nghĩa hại độc chết Lưu Vân.

HẬU CHU

(951 - 960, tổng cộng 10 năm)

Triều Hậu Chu có 3 đế vương, có một người làm mất nước và bị phế truất nên sinh bệnh chết, 2 người ốm chết.

THÁI TỔ (QUÁCH UY)
(TRIỀU HẬU CHU)

Cao Tổ, ông ta tên là Quách Uy (904 - 954), tên tự của ông là Văn Trọng. Ông làm đại tướng của triều Hậu Hán về sau ông diệt vong triều Hậu Hán và xưng đế, ông xây dựng lên triều Hậu Chu. Ông trị vì được 4 năm bị bệnh chết.

Hưởng thọ 51 tuổi. Mai táng ở Cao Lăng (nay thuộc huyện Tân Trịnh tỉnh Hà Nam).

*

Quách Uy quê ở Nghiêu Sơn (nay thuộc phía tây huyện Long Nghiêu tỉnh Hà Bắc). Thời nhỏ tuổi ông rất nghèo khổ và cô độc. Sau khi trưởng thành ông được phong làm quân sử, thời Hậu Hán ông được phong làm phù sử. Năm 948, ông nhận lệnh đi dẹp yên cuộc tạo phản của Lý Thư Trinh, nhờ có công lao nên ông được trấn giữ ở Nghiệp Đô và làm tiết độ sứ quân Thiên Hùng. Năm 950 Lưu Thừa Hữu đố kị tài năng của ông do đó sai sứ giả tới Ngụy Châu định mưu giết Quách Uy, Quách Uy khởi binh phản lại Hán và ra lệnh tấn công vào kinh thành, ông hạn định cho binh sĩ trong vòng 10 ngày phải cướp được kinh thành. 7 ngày sau ông đã chiếm được Biện Kinh và ép thái hậu phong cho ông làm "giám quốc", ngày đinh Mão tháng 1 năm 951 ông xưng đế và đặt quốc hiệu là "Chu", đặt đô ở Biện Kinh, đặt niên hiệu là "Quảng Thuận", trong sử gọi là Hậu Chu.

Ông vốn dĩ xuất thân không nghèo khổ và cũng đọc qua sách thánh hiền, ông rất thông cảm với nỗi thống khổ của nhân dân. Sau khi xưng đế, ông nói với tể tướng Vương Tấn: "Trẫm vốn sống trong nghèo khổ, may mà được lập làm hoàng đế, vì thế trầm không dám áp bức bà con trăm họ để bản thân mình hưởng phú quý". Ông sinh hoạt tiết kiệm và cho giảm nhẹ tô thuế ở một số mặt hàng, bãi bỏ các hình pháp nghiêm khắc. Ông nói với các đại thần: "Cuộc đời trẫm hầu như sống trong quân đội, vì thế học vấn của trẫm không cao, không biết đạo lý trị nước bình thiên hạ. Các khanh đều là văn thần võ tướng cho dù các khanh có ý kiến gì, chỉ cần ý kiến đó có lợi cho lợi ích của quốc gia, thì có thể tấu trình với trẫm, có điều lời lẽ phải sáng suốt trung thực". Các quần thần đóng góp được nhiều ý kiến, ông đều thu nạp sau đó suy nghĩ cân nhắc ý kiến đó có đúng hay không? Ông cũng rất chú trọng chiêu nạp nhân tài. Vì thế nhiều người tài giỏi đến phục vụ ông, pháp luật nghiêm minh, quần thần đồng lòng, dần dần bình ổn được cục diện hỗn loạn, điều đó làm cho nền kinh tế văn hóa ở miền Bắc dần dần đi lên. Vì thế Quách uy được tôn là một minh quân trong thời kỳ Ngũ Đại Thập Quốc.

Tháng 1 năm 954 Quách Uy bị bệnh nặng. Ông biết bệnh tình của mình khó khôi phục, ông gọi con nuôi là Quách Vinh nói: "Trẫm khó lòng sống được, con hãy thay trẫm tu sửa lăng mộ, đừng để linh cữu lâu quá, không cần phải sai quân lính giữ mộ, đừng bức hại cướp bóc của muôn dân, không cần sai phái các thợ thủ công, không cần phải tạc người đá và thú đá ở trước cửa lăng, chỉ cần đốt một ít quần áo giấy, dùng ngói lợp lăng mộ. Sau khi an táng, có thể chiêu tập 30 hộ gia đình đến cư trú gần lăng mộ, bãi miễn lao dịch cho họ để họ trông coi lăng mộ, trước cửa mộ lập cho trẫm một tấm bia đá, trên đó khắc mấy câu nói rõ thời còn sống trẫm sinh hoạt rất tiết kiệm, lúc lâm chung trẫm để lại di lệnh là lợp ngói ở trên nóc lăng mộ". Và ông lại bảo Quách Vinh: "Trước đây trẫm đi chinh chiến ở miền Tây, trẫm nhìn thấy cảnh 18 lăng tẩm của các hoàng đế nhà Đường bị người ta đào bới khai quật, điều này do trong mộ có nhiều vàng bạc châu báu, còn Hán Văn Đế sinh sống tiết kiệm, lăng mộ an táng đơn giản nên không bị

đào bới. Mỗi năm vào tết hàn thực khanh hãy sai người quét mộ cho trẫm nếu như không phái được ai đến thì có thể tế vọng ở trong kinh thành. Nhưng con phải sai người chôn một kiếm ở phủ Hà (nay thuộc huyện Hà Giang tỉnh Hà Bắc) và phủ Ngụy (nay thuộc phía Đông Nam thành phố Đại Danh tỉnh Hà Bắc), ở Đông Kinh chôn một chiếc áo long bào của Thiên Bình Quân. Những việc này con nhất định phải ghi nhớ. Tiếp đó, ông gọi các quần thần và ra lệnh cho Quách Vinh kế vị và nói: "Trẫm thấy Phạm Chất và Vương Phụ là những kẻ có tài, có thể chọn một trong hai người để làm tể tướng được bọn họ giúp đỡ con, trẫm chết cũng an tâm". Tối hôm đó (ngày Nhâm Thìn) ông băng hà tại điện Tứ Đức đô thành Biện Kinh.

Hiệu miếu của ông được đặt là Thái Tổ.

THẾ TÔNG (SÀI VINH)
(HẬU CHU)

Thế Tông, ông ta tên là Sài Vinh (921 - 959), ông còn có tên là Quách Vinh. Ông là con nuôi của Chu Thái Tổ Quách Uy. Ông kế vị sau khi Quách Uy chết. Ông trị vì được 5 năm bị ốm chết. Hưởng thọ 39 tuổi, mai táng ở Khánh Lăng (nay thuộc phía Bắc huyện Tân Trịnh tỉnh Hà Nam).

*

Sài Vinh vốn là cháu họ của hoàng hậu Sài (bà ta là vợ của Chu Thái Tổ), sau đó được Quách Uy nhận làm con nuôi, Sài Vinh quê ở Long Cương thuộc Hình Châu (nay thuộc phía Tây Nam huyện Hình Đài tỉnh Hà Bắc). Từ nhỏ Sài Vinh đã lo liệu việc nhà giúp Quách Uy, ông thường ngược xuôi Nam Bắc mua bán trà. Lúc Quách Uy khởi binh tấn công thành Biện Kinh đã sai Sài Vinh trấn giữ Nghiệp Thành. Những năm đầu thời Hậu Chu, Sài Vinh được phong làm tiết độ sứ ở Thiên Châu làm Tấn Vương. Tháng 1 năm 954 Quách Uy bị bệnh chết. Ngày Bính Thân tháng 1 ông lên kế vị, dùng niên hiệu của Thái Tổ là "Hiển Đức".

Sài Vinh là một hoàng đế có thành tích nhất trong thời kỳ Ngũ Đại Thập Quốc. Ông tinh nhanh năng nổ, chí khí to lớn, quyết tâm thống nhất Trung Quốc. Sau khi lên kế vị sửa đổi những tệ nạn dài lâu ngày ở thời Thái Tổ, ông cho cải cách nền chính trị, quy định tô thuế, chỉnh đốn cấm vệ quân, hạn định Phật giáo, khuyến khích nông nghiệp. Ông ta sai người điêu khắc một đôi vợ chồng nông dân, đôi vợ chồng nông dân này được điêu khắc bằng gỗ và được đặt ở cung đình, ông làm vậy cốt nhắc nhở quần thần phải chú trọng vào nông nghiệp. Nhờ cải cách nên quân lực và kinh tế chính trị của triều Hậu Chu đã phát triển mạnh. Trong Nam chinh Bắc chiến, năm 954 trong trận chiến ở Cao Bình (nay thuộc huyện Cao Bình tỉnh Sơn Tây) ông đánh bại sự xâm lược của quân Bắc Hán, năm 956 ông đích thân dẫn quân chinh phạt triều Nam Đường và chiếm được 60 huyện 14 châu ở Giang Hoài,; tiếp đó ông lại tấn công xuống phía Bắc và đánh bại tộc Khiết Đan, thu phục 17 huyện 3 châu; sau đó chiếm giữ được 4 châu: Giới, Thành, Tấn, Phụng... của nước Hậu Thục. Một số thành tựu này về sau đã đặt cơ sở cho triều Bắc Tống thống nhất khu vực Trung Nguyên.

Nhưng đúng lúc Sài Vinh chuẩn bị thống nhất Trung Quốc, trên đường đi chiếm đánh tộc Khiết Đan, ông phát bệnh, ông dẫn quân quay về thành Biện Kinh. Tháng 6 năm 959, bệnh tình của Sài Vinh chuyển ra nguy kịch. Ông sai triệu quần thần để sắp xếp mọi chuyện về sau, ông cho Ngụy Nhân Phụ làm tể tướng. Ông muốn các văn thần võ tướng phụ giúp công việc triều chính, mục đích muốn bảo đảm sự ổn định của chính quyền Hậu Chu sau khi ông chết. Trước khi Sài Vinh tấn công tộc Khiết Đan nghe nói trong thành Biện Kinh có một tên nhảm nhí là "điểm kiểm làm thái tử". Lúc đó, tên điện tiến độ điểm kiểm đó là Trương Vĩnh Đức con rể của Sài Vinh. Trương Vĩnh Đức có nhiều công lao trong chiến trận được phép thống lĩnh cấm vệ quân. Sài Vinh nghi ngờ rằng tên nhảm nhí này có liên quan tới Trương Vĩnh Đức. Sài Vinh bèn bãi miễn chức vị chỉ huy cấm vệ quân của anh ta và đổi làm tể tướng và phong cho tướng Triệu Khuông Dận làm điện tiến độ kiểm điểm, mặc dù trước đó Triệu Khuông Dận chỉ làm một chức vụ bé nhỏ trong quân đội, Sài Vinh cho rằng Triệu Khuông Dận sẽ cảm ơn ân huệ đó, vả lại

Triệu Khuông Dận không tham tài vọng như Trương Vĩnh Đức; Triệu Khuông Dận không dám cướp quyền đoạt vị. Ông không thể biết được, về sau chính Triệu Khuông Dận là người cướp đoạt ngôi vị tiêu diệt triều Hậu Chu. Phút lâm chung, Sài Vinh sai con trai thứ 4 là Sài Tông Huấn làm người kế vị. Sài Vinh mất ngày Quý Tị tại điện Từ Đức đô thành Biện Kinh.

Hiệu miếu của ông được đặt là Thế Tông, trong sử gọi là Chu Thế Tông.

CUNG ĐẾ (SÀI TÔNG HUẤN)
(TRIỀU HẬU CHU)

Cung Đế, ông ta tên là Sài Tông Huấn (954 - 972) Ông là con trai thứ 4 của Chu Thế Tông Sài Vinh. Ông kế vị khi cha chết. Ông trị vì được nửa năm thì bị Triệu Khuông Dận phế truất, về sau ông ốm chết. Hưởng dương 18 tuổi. Mai táng ở Thuận Lăng (nay thuộc huyện Tân Trịnh tỉnh Hà Nam).

*

Hồi đầu Sài Tông Thuận được phong làm Lương Vương. Tháng 6 năm 959 Chu Thế Tông ốm chết. Ngày Giáp Ngọ cùng tháng Sài Tông Huấn lên kế vị, ông vẫn dùng niên hiệu của Chu Thế Tổ là "Hiển Đức". 7 tuổi, Sài Tông Thất đã làm hoàng đế, do vậy công việc triều chính do thái hậu Trúc Lâm triều nhiếp chính, các đại thần Phạm Chất, Vương Phó... phụ giúp việc quân sự. Trong thời gian trị vì, ông phong Lý Trọng Tiến làm tiết độ sứ ở Hoài Nam để chống sự xâm lược của quân Nam Đường; phong cho Hàn Thông làm tiết độ sứ ở Thiên Bình và trấn giữ ở phía Đông Bắc thành Khai Phong; còn Triệu Khuông Dận làm tiết độ sứ chỉ huy quân cấm vệ, trấn giữ ở phía đông thành Khai Phong. Tết Nguyên Đán năm 960, các quần thần đang chúc tụng Sài Tông Huấn thì có người ở Trấn Châu (nay là huyện Chính Định tỉnh Hà Bắc) và Định Châu (nay thuộc huyện Định tỉnh Hà Bắc) đến tấu báo: quân Liêu và quân Bắc Hán hợp binh với nhau tấn công triều đình. Sài Tông Huấn hạ lệnh cho Triệu Khuông Dận thống lĩnh cấm quân tiến lên phía Bắc chặn địch. Quân cấm vệ đi đến trạm dịch ở Trấn Kiêu thì bọn chúng sinh ra lòng tạo phản và tôn Triệu Khuông Dận làm hoàng đế. Triệu Khuông Dận quay về thành Khai Phong, tạo lập triều Tống, ông ta phế truất Sài Tông Huấn và giáng làm Trịnh Vương, triều Hậu Chu diệt vong.

Được một thời gian, Sài Tông Huấn dời đến cư trú ở Phong Châu (nay thuộc huyện Bắc Phòng tỉnh Hà Bắc).

Trong sử gọi Sài Tông Huấn là Cung Đế.

THẬP QUỐC
(902 - 979, tổng cộng 78 năm)

TRIỀU NGÔ

(Năm 902 - 937, tổng cộng 36 năm)

Nước Ngô có 4 đế vương, trong đó một người bị ốm chết, một người chết trong cuộc nội chiến.

VŨ ĐẾ (DƯƠNG HÀNH MẬT)
(NƯỚC NGÔ)

Vũ Đế, ông ta tên là Dương Hành Mật (852 - 905). Hồi đầu ông có tên là Hành Mẫn, tên tự của ông là Hóa Nguyên. Ông trị vì 4 năm bị bệnh chết. Hưởng thọ 54 tuổi. Mai táng ở Hưng Lăng.

*

Dương Hành Mật, quê ở Hợp Phì (nay là thành phố Hợp Phì tỉnh An Huy). Những năm cuối đời Đường, ông theo quân khởi nghĩa của Hoàng Sào và bị triều đình bắt làm tù binh, sau đó được phóng thích và làm quan của triều Đường. Ông làm những chức vị như: tiết độ sứ ở Lư Châu; ông từng tranh đoạt vùng Giang Hoài với Tôn Nho, cuộc hỗn chiến xảy ra liên miên, do đó các châu phủ bị phá hoại nghiêm trọng. Năm 892, ông đánh bại Tôn Nho, tiến vào Dương Châu, ông nhận chức vị tiết độ sứ ở Giang Hoài, chiếm hữu vùng đất Giang Hoài, Giang Đông.

Trong thời gian trị vì, ông cho tuyển chọn nhân tài, triệu tập dân lưu vong định cư làm nông nghiệp, giảm nhẹ tô thuế, nhờ đó nền kinh tế xã hội ở dải Giang Hoài dần được khôi phục. Ông đánh bại đại quân của Chu Ôn, chặn được thế lực của Chu Ôn tràn xuống phía Nam. Năm 902, Đường Chiêu Tông phong ông làm Ngô Vương, ông xây dựng nước Ngô và vẫn dùng niên hiệu của triều Đường.

Dương Hành Mật mất vào tháng 11 năm 905 tại Dương Châu.

Sau khi ông chết được tôn làm Vũ Đế.

CẢNH ĐẾ (DƯƠNG ỐC)
(NƯỚC NGÔ)

Cảnh Đế, ông ta tên là Dương Ốc (886 - 908), tên tự của ông là Thừa Thiên. Ông là con trưởng của Dương Hành Mật. Ông kế vị sau khi cha chết. Ông trị vì được 3 năm bị hạ thần giết. Hưởng dương 23 tuổi. Mai táng ở Chiêu Lăng.

*

Dương Ốc rất thích chơi bóng, uống rượu, ông từng làm quan sát sứ ở Tuyên Châu. Dương Hành Mật trong lúc ốm nặng cũng không hài lòng về những hành vi của Dương ốc, nhưng vì các con trai của Dương Hành Mật còn nhỏ tuổi, ông đành gọi Dương tiết độ sứ tả nha và Trương Đề là tiết độ sứ hữu nha phụ giúp Dương Ốc. Tháng 11 năm 905 Dương Hành Mật chết, cùng tháng đó Dương Ốc lên kế vị, ông ta xưng là Hoằng Y Vương và vẫn dùng niên hiệu của triều Đường.

Trong thời gian Dương Ốc trị vì, ông vẫn chìm đắm trong rượu chè và chơi bóng, hoang dâm vô độ, thậm chí trong thời gian chịu tang ông ta vẫn không quên chơi bóng. Có lúc ông ta còn một thân một mình đi ra khỏi hoàng cung, đến cả cận thị thân tín cũng không biết ông ta đi đâu. Dồi Từ Ôn, Trương Đế khuyên nhủ, ông ta lập tức phát khùng lên và nói: "Hai ngươi các khanh biết trẫm là người bất tài vậy các khanh hãy giết trẫm đi, cho thỏa lòng của các khanh". Ông ta lo sợ hai người đó cùng nhau khởi binh làm phản do đó đã sai thuộc hạ thân tốc là Trần

Phiên và Phạm Ngộ thống lĩnh quân Đông Viện Mã, làm vậy cốt để tăng thêm sự phòng vệ cho ông ta. Sự nghi ngờ này đã là lý do thúc đẩy Từ Ôn và Trương Đề dấy binh làm phản. Một ngày, nhân cơ hội Dương Ốc đang xem xét tấu chương, bọn Từ Ôn và Trương Đề dẫn vài trăm nha binh đột nhập vào hoàng cung Dương Ốc sợ hãi hỏi: "Hai khanh định giết trẫm thật sao?" Hai người đó đáp: "Chúng thần không dám, có điều thuộc hạ của đại vương có người dám làm loạn trong triều, chúng thần cần trừ bỏ họ, trừ họa cho dân, như thế quốc gia mới được an toàn". Nói xong bọn họ giết chết Trần Phiên và Phạm Ngộ, sau đó bọn họ nhận tội tấu báo: chuyện này là bất đắc dĩ mà thôi. Dương Ốc không làm gì được đành tuyên bố Từ Ôn và Trương Đề vô tội. Từ đó hai bọn họ nắm giữ quyền lực trong quân đội. Dương Ốc và hai bọn họ luôn nghi kị nhau và tìm mọi cách để loại bỏ đối phương.

Sau khi bàn bạc kỹ lưỡng, tháng 5 năm 908, Dương Đề chỉ huy quân bảo vệ xông vào tẩm cung của Dương Ốc và nói với ông ta: "Chúng thần phụng mệnh đến giết bệ hạ". Dương Ốc hoảng hốt hơn: "Các khanh có khả năng làm phản tại sao lão đi loại bỏ Từ Ôn và trương Để. Trẫm sẽ phong các khanh làm lại sứ" Binh lính nghe ông ta nói đều dao động tư tưởng, chỉ có Kỉ Tường không mủi lòng và giơ dao chém Dương Ốc. Bị chém Dương Ốc ngã nhào xuống đất. Kỉ Tường thấy Dương Ốc vẫn còn thoi thóp nên dùng thừng siết cổ ông ta. Bọn Từ Ân và Trương Đề loan các với dân chúng rằng Dương Ốc bị ốm chết.

Hiệu miếu của Dương Ốc đặt là Liệt Tổ còn thụy hiệu là Cảnh Đế.

TUYÊN ĐẾ (DƯƠNG LONG DIỄN)
(NƯỚC NGÔ)

Tuyên Đế, ông ta tên là Dương Long Diễn (897 - 920). Ông là con trai thứ của Dương Hành Mật. Sau khi bọn Từ Ôn Trương Đề giết Dương Ốc đã lập Dương Long Diễn làm vương. Ông trị vì 12 năm bị Từ Ôn nhục mạ nên buồn rầu mà chết. Ông hưởng dương 24 tuổi, mai táng ở Túc Lăng.

*

Tháng 5 năm 908, Từ Ôn và Trương Đề giết Dương Ốc lập Dương Long Diễn lên kế vị. Ông ta được lập làm Hoằng Ý Vương. 12 tuổi, Dương Long Diễn đã lên ngôi. Một thời gian sau Từ Ôn giết Trương Đề, độc lãm quyền hành trong triều. Năm 917, Từ Ôn cho xây dựng tòa thành Kim Lăng tại Thăng Châu (nay thuộc thành phố Nam Kinh tỉnh Giang Tô), tòa thành rất nguy nga tráng lệ và Từ Ôn cư trú tại đó, Từ Ôn sai con trai là Từ Tri Huấn cư trú ở Dương Châu quản lý công việc trong triều. Từ Tri Huấn là kẻ hung bạo ngang ngược, thường sỉ nhục Dương Long Diễn. Có 1 lần, Dương Long Diễn mở yến tiệc và cho mời Từ Tri Huấn tham dự trong buổi tiệc có tổ chức diễn kịch, Dương Long Diễn và Từ Tri Huấn đều tham gia diễn vở kịch đó. Từ Tri Huấn đòi đóng vai tướng quân còn Dương Long Diễn phải đóng vai nô bộc. Dương Long Diễn không dám cự tuyệt đành phải chấp thuận. Có 1 lần Dương Long Diễn và Từ Tri Huấn cùng ngồi thuyền đi du lãm ban đêm. Con thuyền vừa cập bờ, Dương Long Diễn lên bờ trước, Từ Tri Huấn cho rằng như thế là bất kính với mình, ông ta dùng chày đánh Dương Long Diễn.

May mà vệ binh ngăn cản nên Dương Long Diễn không bị thương tổn. Tiếp đó bọn họ đến chùa Đơn Trí thưởng hoa, Từ Tri Huấn vẫn chưa nguôi giận, ông ta dùng lời lẽ vô lễ để thóa mạ Dương Long Diễn. Dương Long Diễn bị thóa mạ nên nước mắt chảy ròng ròng, nhưng Từ Tri Huấn vẫn không ngừng chửi bới. Các thị vệ không đành lòng nhìn ông ta bị thóa mạ nhân lúc Từ Tri Huấn không chú ý đã âm thầm dẫn Dương Long Diễn lên thuyền về cung. Từ Tri Huấn biết được càng thêm giận dữ ông ta cũng lên thuyền đuổi theo Dương Long Diễn và dùng câu liêm giết chết 1 thị vệ.

Năm 918, tướng Chu Cần rất hận hành vi coi thường vua của Từ Tri Huấn, ông ta lập mưu giết Từ Tri Huấn, tiếp đó vào cung nói với Dương Long Diễn: "Hạ thần đã trừ bỏ mối nguy hiểm cho đại vương và dâng đầu của Từ Tri Huấn cho Dương Long Diễn xem, hi vọng Dương

Long Diễn lấy lại tư cách và chí khí. Không ngờ Dương Long Diễn sợ hãi quá đỗi, ông ta lấy ống tay áo che mặt và nói: "Chuyện này trẫm không dám quản", vừa nói vừa chạy vào trong phòng. Chu Cần đau khổ hét to: "Đứa trẻ này thật vô dụng, không thể cùng ngươi bàn bạc việc đại sự". Anh ta lấy thủ cấp của Từ Tri Huấn vứt đi và quay về vương phủ, nhưng phủ của anh ta bị thuộc hạ của Từ Tri Huấn bao vây, không còn cách gì chống đỡ anh ta tự sát.

Năm 917 nhằm đề cao địa vị của mình, vì thế Hậu Lý Từ Ôn đã ép Dương Long Diễn xưng đế, đặt hiệu là Ngô Quốc Vương, đặt niên hiệu là Vũ Nghĩa. Dương Long Diễn thường xuyên bị cha con Từ Ôn nhục mạ, không hề được hưởng lạc, gặp mặt bọn họ phải bất đắc dĩ mà tươi cười vui vẻ, về sau Dương Long Diễn mượn rượu giải sầu. Sau khi xưng đế, ông ta lại bị triều Hậu Lương sai triều Ngô Việt công kích. Việc này càng làm ông thêm buồn rầu, cuối cùng sinh bệnh.

Tháng 5 năm 920, bệnh tình của ông rất nguy kịch ông bèn triệu con trai Dương Phó quay về kinh làm giám quân và sai con trai khác là Dương Mông Lam Đan Luyện Sứ ở Xã Châu, ông có ý đồ tước bỏ khí thế của Từ Ôn. Được ít lâu ông mất tại Dương Châu.

Sau khi chết, ông được truy phong là Tuyên Đế.

DUỆ ĐẾ (DƯƠNG PHÓ)
(TRIỀU NGÔ)

Duệ Đế, ông ta tên là Dương Phó (901 - 938). Ông là con trai thứ 4 của Vũ Đế Dương Hành Mật. Dương Long Diễn chết nên Từ Ôn đã lập Dương Phó lên kế vị. Ông trị vì được 17 năm thị bị Từ Tri Cáo phế truất, do đó sinh giận mà chết. Hưởng thọ 38 tuổi. Mai táng ở Bình Lăng.

Tháng 5 năm 920, Dương Long Diễn chết, trong các quần thần có người muốn lập Từ Ôn lên kế vị. Nhưng trong triều có nhiều thuộc hạ cũ của Dương Hành Mật giúp đỡ chính quyền nhà họ Dương, vì vậy Từ Ôn không dám nhận ông ta còn giả vờ nói: "Tôi tuyệt đối không dám có ý định lên ngôi.

Dòng họ Dương truyền qua 3 đời con, giả sử họ Dương không có con trai nhưng có con gái thì người con gái đó cũng có thể nắm quyền. Ai dám đưa ra kiến nghị thay ngôi đổi chủ, người đó sẽ bị chém đầu. Có người nêu ý kiến cho con trai thứ 3 của Dương Hàng Mật là Dương Mông lên kế vị, bởi tuổi tác của Dương Mông cũng cứng cáp đủ sức cai trị triều chính. Còn Từ Ôn muốn thao túng công việc triều chính do vậy ông ta đòi lập Dương Phó lên ngôi, đổi niên hiệu là Thuận Nghĩa. Tháng 11 năm 927 Từ Ôn chết, công việc trong triều do cha con Từ Tri Cáo và Từ Cảnh Thông cai quản nắm giữ. Từ Hi Các lại ép Dương Phó làm đế và đổi niên hiệu là "Càn Trinh".

Tháng 10 năm 937, Từ Tri Cáo ép Dương Phó nhường ngôi cho ông ta. Dương Phó đành phải thuận theo Từ Tri Cáo và sai Dương Lân làm sắc phong đem ngọc ấn giao cho Từ Tri Cáo. Nước Ngô bị diệt vong. Ít lâu sau Dương Phó bị bắt đến cư trú ở cung Đơn Dương thuộc Thoại Châu (nay là thành phố Trấn Giang tỉnh Giang Tô). Từ Tri Cáo sai lính đến giám sát không cho ông đi lại lung tung. Bị chèn ép quá đáng nên Dương Phó sinh bệnh. Năm 938 ông mất. Thụy Hiệu của Dương Phó là Duệ Tông.

Năm 942 Từ Tri Cáo sai đem toàn bộ họ hàng thân thiết của Dương Phó dời đến cư trú ở Hải Lăng (nay là thành phố Thái Châu tỉnh Giang Tô) và giam lỏng bọn họ ở cung Vĩnh Ninh. Cách biệt bọn họ với thế giới bên ngoài, nam nữ trong dòng tộc đành phải lấy lẫn nhau để duy trì nòi giống. Năm 956 Chu Thế Tông Sài Vinh chinh phạt vùng Hoài Nam và phóng thích cho bọn họ. Nhưng Nguyên Tông Lý Cảnh Thiều Nam Đường) biết tin liền sai lính giết hết bọn họ, diệt vong hoàn toàn con cháu của Dương Hành Mật.

(Năm 907 - 978, tổng cộng 72 năm) Triều Ngô Việt có 5 đế vương, trong đó 2 người bị ốm

chết, một người bị phế truất và ốm chết, một người bị chết do đô thành bị cháy, một người bị hại độc.

VŨ TÚC VƯƠNG (TIỀN LƯU)
(TRIỀU NGÔ VIỆT)

Vũ Túc Vương, ông ta tên là Tiền Lưu (852 - 932) tên tự của ông là Cụ Mĩ. Ông quê ở Lâm An thuộc Tiền Đường (nay thuộc phía bắc huyện Lâm An tỉnh Chiết Giang). Ông làm tiết độ sứ ở cuối triều Đường, và là người xây dựng lên triều Ngô Việt. Ông trị vì 26 năm bị ốm chết. Hưởng thọ 81 tuổi, mai táng ở núi Mao huyện Tiên Sơn tỉnh Chiết Giang.

Từ nhỏ Tiền Lưu là một kẻ vô lại, ông ta làm nghề buôn muối. Những năm cuối đời Đường ông theo từng nhà Đường là Trọng Xương làm chỉ huy sứ và tham gia vào việc trấn áp quân khởi nghĩa Hoàng Sào. Năm 893 ông làm tiết độ sứ quân trấn hải. Năm 896 ông đánh bại Trọng Xương chiếm cứ vùng phía Nam của Tô Châu và phía Đông phía Tây của Chiết Giang, hình thành thế lực cát cứ. Tháng 5 năm 907 được triều Hậu Lương phong làm Ngô Việt Vương và lập nước Ngô Việt, đặt đô ở Tiền Đường, và dùng niên hiệu của Đường Ai Đố là "Thiên Hữu", năm sau ông đặt niên hiệu "Thiên Bảo". Từ khi được phong làm tiết độ sứ, ông ta sinh sống rất xa hoa, ông cho xây một ngôi nhà ở quê hương lúc đi về đó thường cưỡi ngựa hoặc ngồi xe, có vệ binh hộ tống. Nhưng cha của ông ta là Tiền Khoan lại trốn và không muốn gặp mặt ông. Có một lần, Tiều Lưu đơn thân độc mã quay về quê, tìm gặp cha và hỏi lý do Tiền Khoan nói: "Tổ tông chúng ta chỉ cày ruộng đánh cá không có ai là người có tài có thể như con. Nếu ngày nay con trở thành chủ nhân của một phương, ở 3 mặt đều có kẻ thù (phía Nam có Man Quốc, phía Tây và phía Bắc có nước Việt), con còn phải đi tranh đoạt đất đai và quyền lực với bọn họ. Cha sợ con làm liên lụy đến dòng tộc, vì thế không muốn nhìn thấy con! Nghe cha nói vậy, ông rất xúc động, khóc và hứa với cha sẽ ghi nhớ lời giáo huấn của cha. Sau khi lập quốc, ông rất cẩn thận, chỉ cầu toàn bảo vệ địa bàn nơi ông quản lý. Trong mặt đối ngoại, ông tự biết nước Ngô Việt chỉ là một quốc gia nhỏ bé và thế lực yếu kém, dưới uy lực của nước Ngô ở miền Tây và miền Bắc, ông chung thủy hướng về những triều đình nhỏ ở miền Bắc như triều Hậu Lương, Hậu Đường... xưng thần và cống nạp cho bọn họ, dựa vào đó để kiềm chế nước Ngô. Tuyến đường giao thông ở miền Bắc cũng bị nước Ngô cản trở, ông liền đục bãi đá ở sông Tiền Đường, mở ra con đường biển từ sông Tiền Đường tới vùng Sơn Đông mỗi năm phải đi cống nạp và buôn bán ở miền Bắc, rất ít thuyền bị phong ba làm đắm tàu. Ông còn sai phái các thuyền bè tới Nhật Bản buôn bán.

Về đối nội, Tiền Lưu cho mở rộng xây dựng các công trình thủy lợi, tăng thêm ruộng đất, đặc biệt là đắp một con đê ở sông Tiền Đường, bảo vệ thành Hàng Châu, đối với việc phát triển sản xuất ở khu vực này ở Hàng Châu, tu sửa các khu thắng cảnh, khiến thành Hàng Châu về sau này trở thành vùng đất nổi tiếng về danh lam thắng cảnh. Nhờ những biện pháp đó khiến nước Ngô Việt trở thành một địa khu có nền kinh tế phồn vinh rất tốt tương đối ổn định trong ngũ đại thập quốc. Tiền Lưu luôn luôn không quên mối nguy hiểm đe dọa biên cương nước Ngô Việt, luôn duy trì sự cảnh giác cao độ.

Ông ta thường gối đầu bằng một chiếc gối gỗ, lúc ngủ nếu có động thì có thể ném gối để đánh động cho binh lính. Ông còn đặt trong phòng một đĩa phấn, đang đêm nghĩ ra điều gì đó, lập tức ngồi dậy và lấy phấn ghi lại. Ông sai thị nữ thức đêm để thường trực, nếu có người đến báo cáo, thị nữ sẽ vào đánh thức ông dậy. Năm 919, quần thần của nước Ngô là Từ Ôn đã hẹn ước với nước Ngô Việt, hai nước bắt tay hòa bình không xâm phạm lẫn nhau. Tuy vậy Tiền Lưu vẫn cảnh giác cao độ không hề lơi lỏng việc canh giữ biên cương. Ông ra lệnh cho tướng sĩ cũng phải đề cao cảnh giác. Một đêm, ông đi tuần đêm, thấy binh sĩ ở doanh trại đang ngồi dựa vào tường ngủ say sưa, ông ném về phía họ nắm viên đạn khiến họ tỉnh dậy, từ đó trở đi các binh lính không dám lơ là việc canh gác. Lại có một đêm khác, ông cải trang và đi ra cửa thành theo lối cửa bắc. Lúc này Lúc này cửa thành đã đóng cửa, ông cao giọng quát: "Ta là người của đại vương phái đi. Phải ra ngoài thành có việc. Bây giờ có việc gấp phải quay về thành." Quân lính giữ cửa cự tuyệt nói: "Đêm đã khuya rồi, anh đừng nói là người của đại vương phái đi, thậm chí

cả đại vương nói cũng không mở cửa". Sáng hôm sau, ông sai gọi lính canh cửa và thưởng cho bọn họ. Phi tử Trịnh được Tiền Lưu sủng ái, cha của cô ta phạm trọng tội có người cầu xin Tiền Lưu tha tội cho ông ta nhưng Tiền Lưu nói một cách phẫn nộ: "Lẽ nào có con gái gả cho trẫm thì có thể cho mình tư cách làm bại hoại pháp luật?" Sau đó ông sai người giết phi tử Trịnh và bố cô ta.

Tiền Lưu rất tôn trọng văn nhân, chú ý chiêu nạp danh sĩ, những người như Bì Nhật Hưu, La Ẩn, Hồ Nhạc... đều đến đầu hàng Tiền Lưu, ông đều lấy lễ tiết để đối đãi bọn họ. Những lời can gián của đại thần ông đều tiếp nhận sau đó suy xét kĩ càng xem lời nói đó có hợp lí hợp tình hay không? Ông quy định mỗi ngư dân ở Tây Hồ hàng ngày phải giao số cá nhất định làm lương thực cho vương triều. Ngư dân có lúc không bắt được cá, họ đành ra chợ mua cá về giao nộp, tiếng oán thán vang dội. Có một ngày, huyện lệnh huyện Tiền Đường là La Ẩn phải vài cung gặp mặt Tiền Lưu, Tiền Lưu sai ông ta căn cứ vào bức tranh "Bàn Khê Thôi Điếu Đồ" để làm một bài thơ. La Ẩn y lệnh làm một bài thơ:

"Lã vọng mỗi năm mở miếu hoang
Trực tiếp câu quốc có đúng không?
Nếu như sinh ở đất Tây Hồ
Thì phải cúng tế cả khu nhà ngư dân"

Bài thơ có ý trách móc Tiền Lưu, ông nghe xong không hề tức giận mà còn trọng thưởng cho La Ân, và sai bãi bỏ lệnh cống nộp cá. Nhưng trong thời gian ông trị vì, tình hình lao dịch rất nặng nề. Ngoài việc ra lệnh xây thành ở Hàng Châu, ông còn ra lệnh xây dựng đình đài lầu các, ông ta xây cung phủ của mình đẹp như cung rồng. Quân dân oán thán về việc lao dịch vất vả có người nửa đêm đã viết lên bức tường trắng của vương phủ: "không có ngày tháng, dậy từ sáng sớm đến lúc hoàng hôn buông xuống mới được nghỉ ngơi". Câu đó cố ý trách cứ ông ta đã quá lạm dụng sức dân, không quan tâm tới sự sống chết của trăm họ. Ông ta nhìn thấy dòng chữ đó, ông không xóa đi mà còn cầm bút sửa lại: "Không có ngày tháng, hết mùa xuân lại đến mùa đông" Câu đó biểu thị rằng bà con trăm họ vẫn phải phục tùng ý lệnh của ông đã ban ra. Ông thu thuế rất nặng đối với thuế ruộng, thuế vải, thuế về đồ lâm sản; thậm chí buôn gà, cá, trứng cũng bị thu thuế; những họ nghèo không đủ thuế nộp sẽ bị bắt đến phủ quan, xem mức độ thiếu nhiều thiếu ít để mà trách tội, trăm họ thống khổ kêu la vang trời.

Tháng 4 năm 932, ông ta ốm nặng, ông sai gọi tướng lĩnh và thuộc hạ vào tẩm cung, khóc và nói: "Các con của quả nhân đều ngu xuẩn nhu nhược, chỉ sợ bọn chúng khó lòng gánh vác được công việc triều chính. Sau khi quả nhân chết, các khanh hãy lựa chọn một người hiền tài mà lập lên ngôi." Thuộc lạ của ông có người đề nghị: "Nguyên Quân theo đại vương chinh chiến đã lâu, công lao lớn nhất, các huynh đệ khác đều không theo kịp anh ta, có thể lập anh ta làm vương." Tiền Lưu đồng ý với ý kiến đó và sai gọi Tiền Nguyên Quán đến và giao cho anh ta ấn ngọc tiếp đó dặn dò: "Các tướng sĩ đều nhất loạt bầu khanh làm người kế vị, khanh phải một lòng một dạ bảo vệ duy trì nước Ngô Việt, đời con đời cháu phải hết lòng phục vụ Trung Quốc (chỉ vương triều Trung Nguyên), nếu như vùng Trung Nguyên có thay ngôi đổi chủ cũng không được thất lễ, không được vong ân!" Mấy hôm sau ông băng hà tại Tiền Đường.

Trong sử gọi ông là Vũ Túc Vương. Do ông ta sống thọ, lại chú trọng xây dựng công trình thủy lợi nên trong dân gian gọi ông là "Hải Long Vương".

VĂN MỤC VƯƠNG (TIỀN NGUYÊN QUÁN)
(TRIỀU NGÔ VIỆT)

Văn Mục Vương, ông ta tên là Tiền Nguyên Quán (887 - 941), tên tự của ông là Minh Bảo. Ông là con trai thứ 7 của Vũ Túc Vương Tiền Lưu. Ông kế vị sau khi cha chết. Ông trị vì được 9 năm. Đô thành bị cháy nên ông buồn rầu mà chết. Hưởng thọ 55 tuổi. Mai táng ở núi Long huyện Tiêu Sơn tỉnh Chiết Giang.

*

Tiền Nguyên Quán thường theo cha đi đánh trận và lập được khá nhiều chiến công, ông từng làm tiết độ sứ quân Thanh Hải và tiết độ sứ quân Trấn Đông. Tháng 4 năm 932 Tiền Lưu chết, cũng vào tháng đó Tiền Nguyên Quán lên kế vị, sau đó ông xưng thần với triều Hậu Đường và dùng niên hiệu của triều Nam Đường. Trong thời gian trị vì, ông tuân theo pháp chế do cha đề ra, nhưng ông xây dựng các công trình thủy mộc xây dựng cung điện còn xa xỉ gấp mấy lần Tiền Lưu, mọi gánh nặng lại đổ vào đầu dân.

Năm 941 đô thành Hàng Châu đột nhiên bị bốc cháy, cung điện kho phủ tiền của đều bị cháy rụi. Khi lửa bốc lên, ông ta hoảng hốt tìm chỗ ẩn nấp, nhưng ông ta trốn ở nơi nào thì lửa liền cháy đến nơi đó. Có lẽ do dân chúng hận ông ta ép họ lao dịch nặng nề nên cố ý đốt lửa thiêu cháy. Do vậy, ông hoảng loạn phát điên. Ông mất ngày 24 tháng 9. Trong sử gọi ông là Văn Mục Vương. Hồi còn sống, ông ta rất chuộng Nho học, thích chiêu nạp văn sĩ, ông có nghìn bài thơ.

TRỌNG HIẾN VƯƠNG (TIỀN TẢ)
(TRIỀU NGÔ VIỆT)

Trọng Hiền Vương, ông ta tên là Tiền Tả (929 - 947). Ông là con thứ 6 của Văn Mục Vương. Ông kế vị khi cha chết. Ông trị vì được 6 năm thì ốm chết. Hưởng dương 19 tuổi. Mai táng ở núi Long huyện Tiêu Sơn tỉnh Chiết Giang.

*

Tháng 9 năm 941 Tiền Nguyên Quán chết, cùng tháng đó Tiền Tả lên kế vị. Ông dùng niên hiệu của triều Hậu Tấn. 13 tuổi, Tiền Tả lên kế vị. Tướng sĩ đều coi thường ông là một đứa trẻ, nên không phục tùng. Ông liền dùng hình phạt nghiêm khắc để trừng trị do đó bọn họ đều tuân phục.

Trong thời gian trị vì, để làm dịu cơn giận dữ của dân chúng ông ra lệnh bãi miễn 3 năm tô thuế cho dân chúng Tiền Hữu Tá có thể làm thơ Ngũ Ngôn. Thất Ngôn thường cho mở yến tiệc và ông rất được lòng các nhân sĩ.

Ông mất vào tháng 6 năm 947 tại Hàng Châu.

Trong sử gọi ông là Trọng Hiền Vương.

TRỌNG TỐN VƯƠNG (TIỀN TÔNG)
(TRIỀU NGÔ VIỆT)

Trọng Tốn Vương, ông ta tên là Tiền Tông. Năm sinh và năm mất không rõ. Ông là con trai thứ 7 của Tiền Nguyên Quán và là em trai của Tiền Tá. Ông kế vị sau khi anh trai chết. Ông trị vì chưa được một năm thì bị phế truất, sau đó ốm chết. Mai táng ở núi Thái Vọng huyện Thiệu Hưng tỉnh Chiết Giang.

*

Tháng 6 năm 947 Tiền Tá ốm chết, cùng tháng đó Tiền Tông lên kế vị. Sau khi ông lên kế vị, ông bất hòa với Hồ Tiền Tư. Cùng năm đó ông cho cử hành duyệt binh với quy mô lớn. Kết thúc duyệt binh, ông tổ chức lễ trao thưởng cho binh lính ở đình Bích Ba ở Tây Hồ. Hồ Tiến Tư cho rằng trọng thưởng quá hậu cho binh lính, do đó đã tiến đến can gián. Tiền Tông nhất thời tức giận quăng bút xuống đất và trách mắng: "Trẫm đem tiền của tặng cho binh sĩ, trẫm đâu có chiếm hữu làm của riêng, làm như vậy có gì không đúng, có gì sai lầm." Hồ Tiền Tư thất kinh vội lui xuống. Từ đó quan hệ giữa hai bên ngày càng căng thẳng.

Tết xuân năm 948, họa sĩ đã tặng cho Tiền Tông bức "Chung Quỳ đánh quỷ". Tiền Tông đề mấy câu thơ lên mặt tranh, lời thơ có ý vì chuyện Thái Chung Quỳ đánh quỷ như chuyện trừ bỏ Hồ Tiền Tư và cho treo bức tranh đó ở trong cung. Hồ Tiền Tư ngẫu nhiên vào cung và nhìn thấy bức tranh đó, ông ta mặt mày thất sắc quyết định ra tay trừ bỏ Tiền Tông. Tối hôm đó, Hồ Tiền Tư dẫn bộ hạ tiến vào cung.

Tiền Tông hỏi ông ta có chuyện gì, Hồ Tiền Tư và lũ thuộc hạ ra sức trách mắng Tiền Tông. Tiền Tông thấy sự việc không đơn giản, liền chạy vào vườn Nghĩa Hòa và đóng cửa vườn lại. Hồ Tiền Tư lập tức khóa cổng vườn và giả truyền thánh chỉ, nói Tiền Tông đột nhiên bị ốm nặng không thể giải quyết công việc triều chính và ra lệnh truyền ngôi cho em trai Tiền Xúc. Sau đó Hồ Tiền Tư nghênh đón Tiền Xúc vào cung và giam lỏng Tiền Tông ở Đông Phủ. Hồ Tiền Tư nhiều lần xúi bẩy Tiền Xúc giết huynh trưởng để tránh hậu họa. Tiền Xúc nhất quyết không nghe. Ông khóc và nói: "Nếu trẫm giết huynh trưởng, thực tế trẫm không nhẫn tâm, nếu khanh cứ ép buộc trẫm, trẫm đành thoái vị để bảo vệ huynh trưởng." Hồ Tiền Tư đành từ bỏ ý định giết Tiền Tông. Tiền Xúc sợ Hồ Tiền Tư giết hại gia đình anh trưởng, do đó đã dời cả nhà Tiền Tông đến cư trú ở Việt Châu (nay thuộc thành phố Thiệu Hưng tỉnh Chiết Giang) ban tặng nhiều tiền của, Tiền Xúc còn sai thuộc hạ tâm phúc của mình đi bảo vệ anh trai và dặn dò: "Trẫm sai khanh đi bảo vệ anh trai trẫm nếu gặp tình thế nguy hiểm, khanh phải liều chết bảo vệ anh ấy." Tiền Tông dời đến Việt Châu được 10 ngày thì Hồ Tiền Tư phái 2 thích khách đến đó, bọn họ trèo tường vào phủ, Tiền Tông nhìn thấy bọn họ ông ta hò hét ầm ĩ. Điều đó làm cả nhà hoảng sợ kêu vang phủ. Thuộc hạ của Tiền Xúc vội dẫn lính vào giết chết 2 thích khách, thấy thích khách bị giết Tiền Tông dần dần nguôi cơn sợ hãi. Sau chuyện này Tiền Tông sống được hơn 20 năm mới chết.

Thụy hiệu của ông là Nhượng Vương.

TRỌNG NGHỊ VƯƠNG (TIỀN XÚC)
(TRIỀU NGÔ VIỆT)

Trọng Nghị Vương, ông ta tên là Tiền Xúc (929 - 988) tên tự của ông là Văn Đức. Ông là con thứ 9 của Tiền Nguyên Quán. Tiền Tông bị phế truất, Tiền Xúc được lập làm vương. Ông trị vì được 30 năm, ông quy phục nhà Tống, sau đó bị Tống Thái Tông nghi ngờ và hại độc chết. Hưởng thọ 60 tuổi. Mai táng ở ngoại thành thành phố Lạc Dương tỉnh Hà Nam.

*

Hồ Tiền Tư phế truất Tiền Tông và lập Tiền Xúc làm vương. Ông căn cứ theo lời giáo huấn của tổ tiên và đều hướng tới triều Hậu Hán và Hậu Chu để xưng thần, ông từng theo Chu Thế Tông chinh phạt vùng Hoài Nam. Trong thời gian Tiền Xúc trị vì, Tống Thái Tông đã lập lên triều Tống. Ông liền xưng thần với triều Tống và nhiều lần cống tiến cho triều Tống, số đồ vật cống tiến cũng gấp 10 lần số báu vật cống cho các nước khác; nhằm khống chế triều Nam Đường. Mùa đông năm 974, Tống Thái Tông quyết tâm dấy binh đánh chiếm vùng Giang Nam và cho thu nạp các sách lược đánh chiếm. Đầu tiên Tống Thái Tông lợi dụng quân đội của nước Ngô Việt để đánh triều Nam Đường, phong Tiền Xúc làm đại Nguyên Sư binh mã thiên hạ, Tống Thái Tông sai Tiền Xúc chỉnh đốn quân đội trợ giúp việc tiêu diệt triều Nam Đường. Hậu chủ của triều Nam Đường là Lí Dục sợ hãi liền vội viết thư cho Tiền Xúc nói: "Nước Nam Đường là binh phong của nước Ngô Việt. Nếu hôm nay Nam Đường bị diệt vong, lẽ nào ngày mai Ngô Việt được bình yên? Đến lúc đó, anh chỉ là 1 con dân bình thường trong thành Đại Lương (ngày nay là thành phố Khai Phong tỉnh Hà Nam).

Hậu chủ triều Nam Đường khuyên Tiền Xúc không nên trợ giúp triều Bắc Tống. Tiền Xúc không nghe lời khuyên giải của ông ta và muốn tỏ rõ lòng trung đối với triều Tống nên ông mang bức thư đó dâng cho Tống Thái Tông. Tiếp đó Tiền Xúc phái lính đi trợ giúp quân Tống và chiếm được Nhuận Châu và Kim Lăng. Triều Nam Đường bị diệt vong, năm 976 Tống Thái Tông sai gọi Tiền Xúc vào kinh và lấy lễ tiết đối đãi, sau đó thả Tiền Xúc về nước Ngô Việt. Lúc

sắp đi, Tống Thái Tông giao cho ông ta 1 bao thư, dặn ông ta đi đường hãy xem. Dọc đường đi ông mở thư xem, thấy trong thư nói: Các quần thần muốn Tống Thái Tông giam giữ Tiền Xúc và thu hồi của cải của nước Ngô Việt." Xem xong thư ông tái mét mặt mày người toát mồ hôi, từ đó ông càng sợ triều Tống và tăng cường cống vật cho triều Tống.

Năm 978 Tiền Xúc nhận lệnh của Tống Thái Tông vào kinh bái yết và bị giam lỏng. Ông tận mắt thấy xu thế phát triển của triều Tống, do cận tháng 5 ông dâng biểu nói muốn cống cho triều Tống 13 châu. Nước Ngô Việt diệt vong. Sau chuyện này, Tiền Xúc bị giáng làm quốc vương Hoài Hải, tiếp đó bị đổi làm: quốc vương Hán Nam, quốc vương Nam Dương, Hứa Lượng, Đặng Vương...

Ngày 24 tháng 8 năm 988, Tiền Xúc làm lễ đại thọ 60 tuổi. Lúc này Lí Dục(Triều Nam Đường) Lưu Quảng (Triều Nam Hán) đã chết, chỉ còn mỗi mình Tiền Xúc là một đại vương bị phế bỏ. Tống Thái Tông sai sứ giả tặng lễ vật, chúc thọ Tiền Xúc. Tiền Xúc mở tiệc tiếp đón sứ giả và đến tối mới tan tiệc. Ngay tối đó ông ta bị chết đột ngột tại Biện Kinh. Người đời sau hoài nghi Tống Thái Tông sai sứ giả hại độc.

SỞ

(Năm 907 - 951, tổng cộng 45 năm)

Nước Sở có 6 đế vương: trong đó 3 người bị bệnh chết, một người bị thắt cổ chết trong cuộc nội chiến, 2 người làm mất nước bị phế, về sau ốm chết.

VŨ MỤC VƯƠNG (MÃ ẨN)
(NƯỚC SỞ)

Vũ Mục Vương, ông ta tên là Mã Ẩn (852 - 930), tên tự của ông là Bá Đồ. Ông trị vì được 4 năm, bị bệnh chết tại phủ Trường Sa (nay thuộc thành phố Trường Sa tỉnh Hồ Nam). Hưởng thọ 79 tuổi, mai táng gần thành phố Hành Dương tỉnh Hồ Nam.

Mã Ẩn quê ở Yên Lăng thuộc Hứa Châu (nay thuộc huyện Yên Lăng tỉnh Hà Nam), một thuyết khác nói là: quê ở Phù Câu tỉnh Hà Nam. Hồi nhỏ ông làm thợ mộc, về sau ông gia nhập vào quân đội, về sau ông theo bộ tướng của tướng Tần Tông Quyền (nhà Đường là Tôn Nho tiến vào Dương Châu) ông cùng với Dương Hành Mật giao tranh với nhau. Tôn Nho thất bại và bị giết. Mã Ẩn cùng với tướng Lưu Kiến Phong (nhà Đường thu thập tàn quân chạy vào đất Giang Tây, bọn họ lấy được Đàm Châu (nay thành phố Trường Sa tỉnh Hồ Nam), chiếm cứ được Hồ Nam. Năm 896, Lưu Kiến Phong bị thuộc hạ giết chết, Mã Ẩn được lập làm chủ tướng. Mã Ẩn lần lượt được phong làm Lại Sứ ở Đàm Châu và làm tiết độ sứ ở Vũ An. Ông chiếm lĩnh 7 châu: Đàm Châu, Hành Châu (nay thuộc thành phố Hành Dương tỉnh Hồ Nam). Về sau ông lại chiếm được những vùng đất như: Quế Châu, Quản Châu và Ngũ Châu ở Lĩnh Nam (nay thuộc phía Tây Bắc khu tự trị tộc Choang ở Quảng Tây).

Năm 907 Mã Ẩn được Hằng Ôn (TRIỀU HẬU LƯƠNG) phong làm Sở Vương. Tháng 7 năm 929, Mã Ẩn tạo dựng lên quốc gia riêng đặt quốc hiệu là Sở và chọn Đàm Châu làm đô thành, ông cho đổi tên là Phủ Trường Sa và lấy niên hiệu của triều Hậu Đường. Trong thời gian trị vì, Mã Ẩn cầu nạp và xưng thần với vương triều ở Trung Nguyên, ông cho trồng cây chè và bán đi khắp mọi nơi, ông cho đúc tiền sắt, ông thu được nhiều lợi nhuận từ cây chè. Ông giảm bớt chuyện đi chinh chiến, nền kinh tế xã hội phát triển, xã hội phồn vinh. Nhưng, ông ta sinh hoạt hoang dâm, các con trai của ông lại kiêu ngạo và tiêu pha rất hoang phí xa xỉ.

Tháng 11 năm 930, Mã Ẩn mất tại phủ Trường Sa, ông để lại di lệnh cho các con trai thực hiện chế độ anh chết thì em kế vị.

Trong sử gọi Mã Ẩn là Vũ Mục Vương.

HÀNH DƯƠNG VƯƠNG (MÃ HI THANH)
(NƯỚC SỞ)

Hành Dương Vương, ông ta tên là Mã Hi Thanh (? - 932) tên tự của ông là Nạp Nhược. Ông là con thứ của Mã Ẩn. Thời Mã Ẩn trị vì, Mã Hi Thanh đã nắm chắc thực quyền trong triều đình, sau khi Mã Ẩn chết, ông ta lên kế vị. Ông trị vì được 3 năm thì ốm chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Sau khi Mã Ẩn xây dựng nước Sở và xưng vương, Mã Ẩn đã cho Mã Hi Thanh quản lý quân đội, nắm chắc binh quyền. Mưu thần của nước Sở là Cao Uất hết sức trung thành với Mã Ẩn, điều đó làm cho quần thần của nước Nam Bình là Quý Hưng rất hận do vậy phái người đi li gián. Mã Ẩn không tin vào kẻ li gián đó, còn Mã Hi Thanh một mực tin vào lời xàm tấu, ông ta cho rằng Cao Uất ngày sau nhất định sẽ làm phản do vậy tước đoạt binh quyền của Cao Uất.

Cao Uất rất hận, để giữ thanh danh Cao Uất đành ẩn cư để tránh tai họa. Mã Hi Thanh giả truyền ý chỉ của vua cha để giết Cao Uất. Mã An biết chuyện, ông khóc và nói: "Trẫm đã già rồi, chính trị đã không còn nắm giữ được nữa, đến một quần thần cũng không bảo vệ được". Lúc đó Mã Hi Thanh nắm chắc thực quyền trong triều chính. Tháng 11 năm 930 Mã Ẩn chết, con trưởng là Mã Hi Thẩm lên nhiếp chính sau đó nhường chính quyền cho nhưng sợ Mã Hi Thanh, không thực hiện theo lời di huấn của vua cha là anh chết em lên kế vị. Cùng tháng đó Mã Hi Thanh lên đăng cơ. Mã Hi Thanh bị triều Hậu Đường phong làm tiết độ sứ ở Vũ An và Tỉnh Giang và dùng niên hiệu nhà Hậu Đường.

Mã Hi Thanh rất thích uống máu gà, mỗi ngày giết 50 con gà để lấy tiết uống. Thậm chí lúc đưa linh cửu đi chôn, ông ta còn sai giết vài con gà lấy máu uống rồi mới đi theo linh cửu. Tháng 7 năm 932, Mã Hi Thanh ốm chết.

Trong sử gọi Mã Hi Thanh là Hành Dương Vương.

VĂN CHIÊU VƯƠNG (MÃ HI PHẠM)
(NƯỚC SỞ)

Văn Chiêu Vương, ông ta tên là Văn Chiêu Vương (899 - 947) tên tự của ông là Bảo Quy. Ông là con trai thứ 4 của Mã Ân. Ông kế vị sau khi Mã Hi Thanh chết. Ông trị vì 16 năm bị ốm chết, hưởng thọ 49 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Tháng 7 năm 932 Mã Hi Thanh ốm chết, cùng tháng đó Mã Hi Phạm lên kế vị. Ông lần lượt dùng niên hiệu của triều Hậu Đường, HậuTấn và Hậu Hán. Trong thời gian Mã Hi Phạm trị vì, ông ta tiêu pha rất xa xỉ hoang phí, thuế má rất nặng nề, khiến cho dân chúng phải đi lưu vong, mâu thuẫn giai cấp nặng nề. Học sĩ Thác Bạt Hằng khuyên Mã Hi Phạm nên giảm nhẹ tô thuế cho nhân dân, vì thế Mã Hi Phạm rất giận dữ và đuổi cổ Thác Bạt Hằng. Lúc đó nha tướng Đinh Tư Cẩn mượn quân Liêu đánh triều Hậu Tấn và làm loạn ở Trung Nguyên, Đinh Tư Cẩn xuất binh tấn công vào Kinh Tương và tiến vào Biện Kinh không quan tâm đến việc trị vì và cố ý hưởng lạc ăn chơi xa xỉ. Do vậy dẫn tới bệnh tật.

Tháng 4 năm 947 Mã Hi Phạm bị ốm nặng, lúc này ông ta mới thức tỉnh nhận ra những lỗi lầm của mình và thấy Phác Bạt Hằng là trung thần, ông ta sai gọi Thác Bạt Hằng về cung, ủy thác Thác Bạt Hằng trợ giúp con trai là Mã Hi Quảng làm vương. Không bao lâu Mã Hi Phạm chết.

Trong sử gọi Mã Hi Phạm là Chiêu Văn Vương.

PHẾ VƯƠNG (MÃ HI QUẢNG)
(NƯỚC SỞ)

Phế Vương, ông ta tên là Mã Hi Quảng (? - 950) tên tự của ông là Mã Phi. Ông là con trai thứ 5 của Vũ Mục Vương Mã Ân. Ông kế vị sau khi Mã Hi Phạm ốm chết. Mã Hi Quảng trị vì được 3 năm thì bị anh trai là Mã Hi Ngạc giết. Mai táng ở thành phố Lưu Dương tỉnh Hồ Nam.

*

Tháng 4 năm 947 Mã Hi Phạm ốm chết, Thác Bạt Hằng tuân theo di lệnh của Mã Hi Phạm lên lập Mã Hi Quảng làm vương. Nhưng Thác Bạt Hằng nghĩ đến anh trai của Mã Hi Quảng là Mã Hi Ngạc đang làm tiết độ sứ ở Lãng Châu (nay là thành phố Thương Đức tỉnh Hồ Nam), lo lắng nếu để Mã Hi Quảng làm vương sẽ gây ra nội chiến, vì thế đã khuyên Mã Hi Quảng nhường ngôi cho Mã Hi Ngạc. Nhưng các quần thần khác đều kiên quyết tuân theo di chiếu của Văn Chiêu Vương và lập Mã Hi Quảng lên kế vị, sau khi Mã Hi Quảng lên ngôi vẫn dùng niên hiệu của triều

Hậu Hán.

Quả nhiên theo dự đoán của Thác Bạt Hằng: Mã Hi Ngạc không phục việc lên ngôi của Mã Hi Quảng nên dấy binh để cướp đoạt ngôi vị. Mã Hi Quảng biết tin, ông thở dài nói với quần thần: "Mã Hi Ngạc là anh trai trẫm, trẫm không muốn cùng với anh ấy tranh nhau ngôi vị, trẫm tình nguyện nhường ngôi cho anh ấy. Nhưng ý định của ông bị đại thần Lưu Ngạn Dao ra sức khuyên can và còn xuất binh đi đánh Lưu Hi Ngạc khiến Lưu Hi Ngạc thua đại bại. Nhìn thấy tướng lãnh bắt được Lưu Hi Ngạc, Lưu Hi Quảng không đành lòng nên sai thuộc hạ không được phép làm tổn thương Lưu Hi Ngạc, thuộc hạ của ông ta đành thả Lưu Hi Ngạc.

Lưu Hi Ngạc không biết hối cải mà còn chạy đến triều Nam Đường xin trung chủ Lí Cảnh mang quân cứu viện. Lí Cảnh bèn sai lại sứ ở Sở Châu là Hà Kính Chu mang quân giúp đỡ và bọn họ cùng nhau tiến đánh Mã Hi Quảng. Mã Hi Quảng thu nạp ý kiến của Lưu Ngạn Dao, ông tới triều Hậu Hán xin giúp đỡ nhưng không được đáp ứng. Mã Hi Quảng sai quân đánh thẳng vào Lãng Châu và ý định chiếm giữ đất đai của Mã Hi Ngạc, kết quả bị Mã Hi Ngạc đánh cho bại trận. Mã Hi Quảng không có cách gì chống đỡ, cả ngày ngồi khóc lóc. Các đại thần báo cáo nói: "vương đệ Mã Hi Sùng và Mã Hi Ngạc cấu kết với nhau, bây giờ Mã Hi Sùng đang ra sức tìm cách lật đổ Mã Hi Quảng, xin phép bệ hạ hãy giết Mã Hi Sùng để trấn an và làm yên lòng dân chúng".

Mã Hi Quảng khóc và nói rằng: "Nếu như trẫm giết anh em trẫm, trẫm còn mặt mũi nào gặp mặt tiên vương ở dưới suối vàng." Các tướng sĩ thấy Mã Hi Quảng cầm cái chết trong tay mà vẫn có lòng nhân từ, vì thế lòng quân rất phân tán. Mã Hi Quảng liên tiếp thua trận, ông phái sứ giả tới chờ Mã Hi Ngạc xin cầu hòa. Mã Hi Ngạc đáp: "Anh em ta đã cắt tình cắt nghĩa, chỉ có gặp mặt nhau ở dưới suối vàng mà thôi" Mã Hi Ngạc xưng làm Thuận Nghĩa Vương và dấy binh tấn công vào đô thành. Mã Hi Quảng lại sai sứ giả tới triều Hậu Đường cầu cứu nhưng lúc đó nội bộ triều Hậu Đường cũng đang mâu thuẫn vì vậy không có cách gì cứu giúp Mã Hi Quảng.

Tháng 12 năm 950, Mã Hi Ngạc đánh chiếm đô thành ở Trường Sa, Mã Hi Quảng dẫn vợ con chạy trốn vào Từ Đường. Mã Hi Sùng dẫn quân vào Từ Đường lục soát và bắt cả nhà Mã Hi Quảng giải đến gặp Mã Hi Ngạc. Mã Hi Ngạc trách hỏi Mã Hi Quản "Ngươi và ta đều kế nghiệp sự nghiệp của tiên vương lẽ nào không biết phân chia ngôi thứ". Mã Hi Quảng khóc và đáp: "Thừa hưởng ngôi vị vương là không phải do em tự nhận, việc này do các tướng lĩnh đề xướng và phụ giúp, nhận lệnh của triều đình (chỉ triều Hậu Hán), em cũng chỉ bất đắc dĩ mà thôi." Mã Hi Ngạc quay sang hỏi tả hữu: "Nên luận tội Mã Hi Quảng vào tội gì? Mã Hi Quảng chẳng qua cũng bị kẻ tiểu nhân ép buộc, do đó dẫn đến cảnh tình như ngày hôm nay". Tả hữu đều nói giam ông ta vào cấm cung, không cần giết. Nhưng thuộc hạ của Mã Hi Ngạc là Chu Tiến Trong từng bị Mã Hi Quảng trừng phạt, anh ta vẫn còn mối hận đó trong lòng, vì thế đã nêu ý kiến "Một nước không thể có hai vua, nếu hôm nay không trừ bỏ ông ta, e rằng ngày sau hối hận đã muộn". Mã Hi Ngạc trầm ngâm suy nghĩ rất lâu, cuối cùng sai lính thắt cổ chết Mã Hi Quảng. Mã Hi Quảng là người theo Phật, ông luôn mồm đọc kinh Phật, đến khi thắt cổ chết mới thôi.

Trong sử gọi ông là Phế Vương.

CUNG HIẾU VƯƠNG (MÃ HI NGẠC)
(NƯỚC SỞ)

Cung Hiếu Vương, ông ta tên là Mã Hi Ngạc, năm sinh và năm mất không rõ. Ông là con trai của Vũ Mục Vương Mã Ấn, ông giết em trai là Phế Vương Mã Hi Quảng và lên kế vị. Ông trị vì được 4 tháng, thì bị triều Nam Đường bắt làm tù binh, sau đó ốm chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Sau khi Mã Hi Ngạc cướp đoạt ngôi vị vương, ông ta giết hết những quần thần cũ ở thời Mã

Hi Quảng. Ông ta hoang dâm suốt ngày chìm đắm trong rượu chè, lạm dụng sức lực của dân, phó mặc việc triều chính cho em trai là Mã Hi Sùng, vì thế làm mất lòng tin của dân chúng. Về phần Mã Hi Sùng nắm giữ quyền hành trong tay, ông thấy anh trai hồ đồ mê muội bèn triệu tập thuộc hạ: Từ Uy, Lục Mãnh Tuấn, Lỗ Quân để tìm cơ hội đoạt ngôi. Một ngày tháng 4 năm 951, Mã Hi Ngạc cho mở yến tiệc tại của Đoan Dương để thết đãi các tướng lĩnh với quan lại. Từ Uy không được mời đến liền lợi dụng cơ hội đó để phát binh biền. Do Từ Uy và Mã Hi Sùng đã bàn bạc kĩ lưỡng vì thế Mã Hi Sùng lấy lí do sức khỏe không tốt để chối từ đến tham gia yến tiệc, ngồi tại phủ để phát động chỉ huy cuộc binh biến. Từ Uy dẫn đầu một toán lính và dắt theo mười mấy con ngựa, xông vào gây loạn trong buổi yến tiệc. Bọn chúng trở về đi đuổi ngựa, xông vào phủ và mở kho lấy binh khí, sau đó xông tới bàn tiệc chém giết lung tung khiến cho vô số tướng sĩ bị chết oan. Mã Hi Ngạc chạy lung tung muốn trèo tường chạy thoát thân nhưng bị Từ Uy giữ lại giam giữ và dẫn đi gặp Mã Hi Sùng.

Mã Hi Sùng không muốn mang tiếng là giết anh, ông ta sai tướng Bành Sư Cảo áp giải Mã Hi Ngạc giam giữ ở huyện Hành Sơn (nay thuộc thành phố Hành Dương tỉnh Hồ Nam) và giam lỏng tại đó. Mã Hi Sùng ra lệnh cho tướng lĩnh phải lựa cơ hội để giết bỏ Mã Hi Ngạc. Bành Sư Cảo áp giải Mã Hi Ngạc đến huyện Hành Sơn và thương lượng và chỉ huy sứ ở Hành Sơn là Liêu Yến, Bành Sư Cảo nói: "Tôi không muốn giết ông ta. Tôi thà lấy đức phục hận chứ không muốn mang tiếng ác." Liêu Yến cũng đồng tình với ý kiến của Bành Sư Cảo. Hai bọn họ giúp lập Mã Hi Ngạc làm Hành Sơn Vương, đổi lập huyện Hành Sơn thành phủ Hành Sơn, xây dựng thành trại, và dùng trúc để làm thuyền chiến, chiêu mộ binh sĩ và là thế lực đối kháng với Mã Hi Sùng, bọn họ còn sai người từ triều Nam Đường nhờ giúp đỡ. Tháng 10 năm 951 triều Nam Đường lợi dụng cơ hội nước Sở mâu thuẫn nội bộ nên phái tướng Biên Cảo dẫn đại quân tiến đánh nước Sở chiếm phủ Tường Sa, bắt ép Mã Hi Sùng phải đầu hàng. Tiếp đó Biên Cảo lại sai tướng quân Lý Thừa Tiễn dẫn vài vạn quân bao vây Hành Sơn bắt Mã Hi Ngạc và áp giải Mã Hi Ngạc đến Kim Lăng phong ông ta làm quan sát sứ ở tuyến đường phía Tây ở Giang Nam, lấy hiệu Sở Vương, trấn giữ tại Hồng Châu.

Mã Hi Ngạc ốm chết, trong sử gọi ông là Cung Hiếu Vương, hay còn gọi là Cung Vương.

HẬU VƯƠNG (MÃ HI SÙNG)
(NƯỚC SỞ)

Hậu Vương, ông ta tên là Mã Hi Sùng, năm sinh và năm mất không rõ. Ông là em trai của Cung Hiếu Vương Mã Hi Ngạc. Ông tạo phản để cướp ngôi của anh, nhưng trị vì được nửa năm thì bị tướng của triều Nam Đường bắt giam lỏng ở Kim Lăng, sau bị ốm chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Mã Hi Sùng từng được phong làm tả tư mã thiên sanh của nước Sở. Ông ta là người nham hiểm thâm độc, sau khi Mã Hi Quảng lên kế vị, Mã Hi Sùng đã cấu kết với Mã Hi Ngạc và súi bẩy Mã Hi Ngạc phát động binh biến để cướp ngôi. Mã Hi Ngạc cướp được ngôi vị đã để cho Mã Hi Sùng nắm giữ quyền hành và thao túng triều chính. Vì thế Mã Hi Sùng lại lợi dụng thời cơ đó để lật đổ và giải Mã Hi Ngạc đến Hành Sơn tháng 4 năm 951 ông cướp đoạt ngôi vị vương anh. Được ít lâu, Mã Hi Ngạc được tướng lĩnh ủng hộ và trở thành lực lượng đối nghịch với Mã Hi Sùng, tướng phòng thủ ở Lãng Châu lại phát động binh biến dựng thành trì cố thủ, điều đó làm cho Mã Hi Sùng phải lo đối phó với 2 bên, ông không có cách gì chống đỡ, đành phái sứ giả tới triều Nam Đường nhà cứu giúp. Quốc vương triều Nam Đường phái Biên Cảo mang quân vào nước Sở bao vây phủ Trường Sa. Thuộc hạ Từ Uy thấy tình hình nguy cập định mưu giết Mã Hi Sùng để làm lễ vật đầu hàng triều Nam Đường. Nhưng Từ Uy chưa kịp thực hiện ý định đã bị Mã Hi Sùng phát hiện, Mã Hi Sùng thấy cảnh trong ngoài đều có địch, do đó quyết định dẫn quần thần đầu hàng. Trung Chủ Lí Cảnh bắt ép Mã Hi Sùng phải dặn cả gia tộc đến Kim Lăng. Thật lòng Mã Hi Sùng không muốn rời bỏ quê hương ông đến cầu xin Biên Cảo nói giúp cho mình được ở lại phủ Trường Sa.

Biên Cảo đáp: "Triều Nam Đường và triều Sở vốn dĩ có thù hận với nhau, mối thù đó tính đến nay đã gần 60 năm rồi, nhưng triều Nam Đường không có ý nghĩa sẽ trừ bỏ diệt vong triều Sở." Bây giờ anh em các anh lại tranh nhau ngôi vị quyền lực, anh cùng đường mới đầu hàng triều Nam Đường, đây cũng là ý trời. Nếu anh có hối hận, chỉ sợ thiên hạ không tin và giúp đỡ anh, trời cũng không giúp anh Mã Hi Sùng đành dẫn cả gia tộc và hơn 100 người, bọn họ gào khóc đau lòng bước lên thuyền và đi tới Kim Lăng. Nước Sở bị diệt vong. Mã Hi Sùng đến Kim Lăng bị phế làm tiết độ sứ quân Vĩnh An và sống nhàn cư ở Dương Châu. Về sau ông ta ốm chết. Trong sử gọi ông là Hậu Chủ, hay còn gọi là Vũ An Lưu Hậu.

NƯỚC MÂN

(Năm 909 - 945, tổng cộng 47 năm)

Nước mân có 6 đế vương, trong đó một người ốm chết, 2 người bị giết trong nội chiến, 1 người bị thắt cổ chết, một người bị đánh chết, một người mất nước đầu hàng địch, chuyện về sau ra sao không rõ.

THÁI TỔ (VƯƠNG THẨM TRI)
(NƯỚC MÂN)

Thái Tổ, ông ta tên là Vương Thẩm Tri (862 - 925), tên tự của ông là Tín Thông, và tên hiệu là Bạch Mã Nhị Lãng. Ông xuất thân trong gia đình nông dân và làm tiết độ sứ ở thời Đường, về sau lập ra nước Mân. Ông trị vì được 17 năm, bị bệnh chết, hưởng thọ 64 tuổi. Mai táng ở núi Liên Hoa thành phố Phúc Châu tỉnh Phúc Kiến.

Vương Thẩm tri quê ở Cố Thủy thuộc Quang Châu (nay thuộc huyện Cố Thủy tỉnh Hà Nam). Ông là tổ tiên vốn làm nghề nông. Sau cuộc khởi nghĩa của Hoàng Sào ông cùng với anh trai là Vương Triều khởi binh (anh trai ông làm huyện lệnh ở triều Đường) đi theo Vương Tự. Sau này Vương Triều giết Vương Tự và sai Vương Thẩm tri tiến công vào Phúc Kiến loại bỏ các thế lực cát cứ, chiếm giữ 5 châu ở Phúc Kiến. Vương Triều được quan sát sứ ở Phúc Kiến là Trần Nham tiến cử với triều Đường nên được phong làm lại sử Tuyền Châu. Trần Nham chết, vương triều kế nhiệm chức vị Quan sát sứ ở Phúc Kiến, tiếp đó ông được thăng làm tiết độ sứ quân Uy Vũ, còn Vương Thẩm Tri làm phó quan sát sứ. Vương Triều chết nên Vương Thẩm Tri lần lượt nhận những chức vị: quan sát sứ ở Phúc Kiến, tiết độ sứ quân Uy Vũ, Lang Nha Vương. Đến thời Hậu Lương, ông được tấn phong làm: trung thư lệnh Mẫn Vương. Sau khi tạo dựng vương quốc riêng ông cho đặt đô ở Mẫn Châu (nay thuộc thành phố Phúc Châu tỉnh Phúc Kiến) và dùng niên hiệu của triều Hậu Lương. Ông tuyển dụng những văn sĩ lưu vong của triều Đường nhằm giúp ông công việc triều chính, ông nới lỏng sự quản thúc lao dịch đối với nhân dân, giảm hình phạt, giảm tô thuế, mở trường học, mở cửa khẩu, cho phép thương nhân tự do buôn bán, phát triển mậu dịch, khiến cho nước Mân dần ổn định, văn hóa và kinh tế bắt đầu có mạnh mới phát triển.

Tháng 12 năm 925, Vương Thẩm Tri mất tại Mẫn Châu.

Hiệu miếu của Vương Thẩm Tri được đặt là Thái Tổ.

TỰ CHỦ (VƯƠNG ĐÌNH HÀN)
(NƯỚC MÂN)

Mẫn Quốc Chủ, ông ta tên là Vương Đình Hàn (? - 926), tên tự của ông là Tử Miễn. Ông là con trưởng của thái tổ Vương Thẩm Tri. Ông kế vị sau khi cha chết. Ông trị vì được 1 năm thì bị em trai là Vương Đình Bẩm giết hại. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Tháng 12 năm 925 Vương Thẩm Tri ốm chết, cùng tháng đó Vương Đình hàn lên kế vị. Ông được triều Hậu Đường phong làm tiết độ sứ và dùng niên hiệu của triều Hậu Đường. Năm 926 ông xưng là Mân Quốc Vương (vua nước Mân).

Ông ta rất dâm đãng và tàn bạo, luôn phái lính đi bắt con gái nhà lành về cung. Vợ của ông ta là Nham Thị vừa xấu người vừa xấu nết, luôn đố kị với người khác. Chỉ trong 1 năm, bà ta hãm hại 84 cô gái trong cung. Nham Thị chết, Vương Đình Hàn càng hoang dâm, công việc triều chính càng hỗn độn. Em trai ông là Vương Đình Quán ra sức can ngăn anh hãy chú tâm vào

công việc triều chính, vì thế anh ta đang làm thượng thư bị giáng xuống làm lại sử Tuyền Châu.

Vương Đình Quân bàn bạc với con nuôi của Vương Thẩm Tri và Vương Đình Bẩm để tìm cách loại bỏ Vương Đình Hàm. Tháng 12 năm 926, Vương Đình Quân và Vương Đình Bẩm khởi binh đánh chiếm Phúc Châu. Quân đội của Vương Đình bẩm trong vòng 1 ngày đã tiến vào Phúc Châu và xông thẳng vào nội cung. Lúc đó Vương Đình Hàn mới biết có biến loạn, ông ta vội trốn vào gầm giường nhưng vẫn bị Vương Đình Bẩm phát hiện, sau đó Vương Đình Bẩm sai lính trói lại và giải ra điện, liệt kê hàng loạt tội ác của Vương Đình Hàn rồi khép vào tội chết.

Trong sử gọi Vương Đình Hàn là Tự Chủ hoặc Mẫn Quốc Vương.

THÁI TÔNG (VƯƠNG ĐÌNH QUÂN)
(NƯỚC MÂN)

Thái Tông, ông ta tên là Vương Đình Quân (? - 935), ông là con thứ của Vương Thẩm Tri. Sau khi Vương Đình Hàn bị giết, Vương Đình Quân được lập làm vua bị con trai là Vương Kế Bằng giết. Mai táng ở núi Liên Hoa thành phố Phúc Châu tỉnh Phúc Kiến.

*

Tháng 12 năm 926 Vương Đình Hàn bị giết chết. Ngay ngày hôm sau Vương Đình Quân dẫn quân về đô và được thuộc hạ lập làm chủ, ông xưng là Uy Vũ Lưu Hậu. Năm 929, ông được triều Hậu Đường phong làm Mẫn Vương. Năm 933 ông xưng đế và đặt niên hiệu là Long Khải. Sau khi lên kế vị, ông ta cũng chẳng khác gì anh trai mình, hoang dâm vô độ, ngày đêm chìm đắm trong tửu sắc, do đó dẫn đến bệnh tật. Hoàng hậu Trần Kim Phụng gian díu với kẻ khác.

Tháng 10 năm 935 con trai của Vương Đình Quân là Kế Bằng và hoàng thành sứ Lí Phỏng cùng nhau giết chết Lí Khả Ân là dâm phu của hoàng hậu. Điều đó làm cho hoàng hậu Trần Kim Phụng ôm hận trong lòng, nhân lúc Vương Đình Hàn hồi tỉnh bà ta tìm trăm phương nghìn kế để xúi giục. Vương Đình Hàn không phân rõ trắng đen, nhất thời tức giận ông ra lệnh thiết triều và hỏi tội Lí Phỏng vì sao lại giết Lí Khả Ân. Lí Phỏng không dám nói chuyện thông dâm của hoàng hậu, chỉ ậm ừ trả lời vài câu cho qua chuyện và nói để ông ta đi điều tra lại rồi bẩm báo sau. Tan buổi thiết triều Lí Phỏng đi tìm Lí Kế Bằng để bàn mưu tính kế.

Bọn họ quyết định dấy binh làm phản và cho triệu tập binh lính trong hoàng thành rồi tiến vào tẩm cung. Vương Đình Quân bị giáo đâm, máu chảy đầy giường, ngã ra hôn mê bất tỉnh. Binh sĩ cho rằng ông ta đã chết liền quay sang giết hoàng hậu. Sau khi bọn bỏ đi, vài cung nữ mới dám bò ra khỏi chỗ trốn quay sang tìm Vương Đình Quân và hoàng hậu, lúc này Vương Đình Quân chưa chết, ông ta đau đớn vô cùng chỉ mong được chết, ông ta sai cung nữ cắt cuống họng của ông ta giúp ông ta chết nhanh chóng.

Hiệu miếu của Vương Đình Quân đặt là Thái Tông về sau gọi là Huệ Tông.

KHANG TÔNG (VƯƠNG VĨNH)
(NƯỚC MÂN)

Khang Tông, ông ta tên là Vương Vĩnh (? - 939), hồi đầu ông có tên là Vương Kế Bằng. Ông là con trưởng của Vương Đình Quân. Ông kế vị sau khi Vương Đình Quân chết. Ông trị vì được 4 năm thì bị Vương Kế Nghiệp bắt làm tù binh và bị hại chết ở Đà Trang (nay thuộc ngoại thành Phúc Châu). Mai táng ở núi Yên Chi thành phố Phúc Châu tỉnh Phúc Kiến.

*

Vương Vĩnh được phong làm Phúc Vương. Tháng 11 năm 935 ông cùng Lí Phỏng phát động binh biến giết chết Lương Đình Quân, hoàng hậu Trần Kim Phụng và Vương Kế Dao (là em

hoàng thái hậu, ngay hôm đó Vương Vĩnh làm chức giám quốc. Vài ngày sau ông giết Lí Phỏng, và đem mọi tội lội giết vua giết hoàng hậu đổ vào đầu Lí Phỏng. Cùng tháng đó ông lên kế vị và cho đổi niên hệu là "Thông Văn".

Sau khi đoạt ngôi, ông sủng ái hoàng hậu Lí Xuân Yên, ông ham mê rượu chè, không quản lý việc triều chính. Đã thế ông ta lại mê tín, cho xây dựng công trình thổ mộc, xây chùa Bạch Long, điện Tam Thanh và còn dùng mấy nghìn lạng vàng đúc tượng Ngọc Hoàng Thượng Đế và tượng Thái Thượng Lão Quân, cho bày 2 bức tượng đó ở điện Tam Thanh, mỗi sáng đều tới đó cúng tế. Ông sai thầy bói Lâm Hưng chủ trì điện Tam Thanh, tất cả mọi việc trong triều đề nhờ Lâm Hưng hỏi qua Thái Thượng Lão Quân rồi mới quyết, rất hoang đường. Lâm Hưng cũng dựa vào đó để trừ bỏ những người mà ông ta không thích, ví dụ: chú của Vương Vĩnh là Vương Đình Vũ và Vương Đình Vọng đã bị Lâm Hưng dùng thủ đoạn bói toán để vu vạ và hai người đó bị giết chết. Một người chú khác của Vương Vĩnh là Vương Hi để tránh họa, đành giả vờ bị ốm nên tránh được cái chết nhưng Vương Hi bị đày tới Đạo quán ở núi Võ Di làm đạo sĩ. Tuy vậy Vương Vĩnh cũng không an tâm, ông lại triệu Vương Đình Hi về Phúc Kiến và giam lỏng. Vương Vĩnh coi vàng như đất, nếu không đủ tiền chi tiêu ông ta lại tăng thuế má của dân, điều đó làm cho dân oán thán, quần thần đều muốn làm phản lòng người ly tán.

Thời Vương Đình Quân trị vì có cho thiết lập 2 bộ cấm vệ quân, hai đội đó được gọi là: "Khống Thần và Khống Hạc Đô. Khi Vương Vĩnh lên kế vị, ông ta thiết lập thêm một đội vệ quân tâm phúc để bảo vệ ông ta và gọi đội quân đó là: Thần Vệ Đô, đội này có 2000 người và được ưu đãi hơn đội Khống Thần Đô và Khống Hạc Đô, điều đó gây ra sự oán hận của quân lính ở 2 đội Khống Thần Đô và Khống Hạc Đô. Vương Vĩnh sợ hai đội đó gây loạn nên đã điều động tướng lĩnh của 2 đội đi tuần giữ nơi khác lòng quân càng thêm bất an. Chỉ huy đội Khống Thần là Chu Văn Tiến, còn chỉ huy đội Khống Hạc là Liên Trọng Ngộ, hai người đó bị Vương Vĩnh nhục mạ và trách mắng vì thế hai người cũng không bằng lòng về Vương Vĩnh. Một hôm, Cung Bắc bị cháy, Vương Vĩnh sai Liên Trọng Ngộ dẫn lính dập tắt lửa và dọn dẹp đống gạch vụn, tuy vậy ông vẫn nghi ngờ Liên Trọng Ngộ phóng hỏa đốt và có ý đốt giết Liên Trọng Ngộ. Nội học sĩ Trần Đàm lén báo tin đó cho Liên Trọng Ngộ biết, vì lí do đó Liên Trọng Ngộ quyết định phát động binh biến.

Tháng 7 năm 939, Liên Trọng Ngộ nhân cơ hội phải vào cung học đêm, ông kêu gọi quân của hai đội làm phản, vệ quân của hai đội đều hưởng ứng, bọn chúng đốt cung Trường Xuân, cung này là nơi ở của Vương Vĩnh, bọn họ lập Vương Đình Hi làm vua. Tất cả cùng nhau tiến vào cung bắt Vương Vĩnh. Biết có biến, Vương Vĩnh hoảng hốt dẫn hoàng hậu, phi tần và các con chạy trốn. Cháu họ của Vương Đình Hi là Vương Kế Nghiệp dẫn lính đuổi theo bắt giữ, Vương Vĩnh trách hỏi Vương Kế Nghiệp: "Khanh làm quần thần, lẽ nào không hiểu lễ tiết của quần thần?" Vương Kế Nghiệp đáp: "Vua không có đức làm sao tìm được quần thần trung hiếu, hơn nữa Vương Đình Hi là chú của tôi, còn anh với tôi là anh em họ, không cần hỏi cũng biết, ai thân tình hơn". "Vương Vĩnh cứng học không nói được điều gì. Vương Kế Nghiệp sai binh lính áp giải cả nhà Vương Vĩnh về Phúc Châu. Đi đến Đà Trang, Vương Kế Nghiệp chuốc cho Vương Vĩnh uống rượu say bí tỉ rồi dùng lụa thắt cổ Vương Vĩnh. Còn hoàng hậu, con trai và em trai của Vương Vĩnh là Vương Kế Cung cũng bị giết chét theo truyền thuyết, trên mộ của Vương Vĩnh và hoàng hậu mọc lên một cái cây, trên cây nở ra một loại hoa kì lạ nhìn giống như cái cổ con chim uyên ương vì thế mọi người gọi là cây uyên ương.

Hiệu miếu của Vương Vĩnh được đặt là Kiến Tông.

CẢNH TÔNG (VƯƠNG ĐÌNH HI)
(HƯỚC MÂN)

Cảnh Tông, ông ta tên là Vương Đình Hi (? - 944). Ông là con của thái tổ Vương Thẩm tri và là chú của Kiến Tông Vương Vĩnh. Sau khi Liên Trọng Ngộ và Chu Văn Tiến phát động binh biến, bọn họ lập Vương Đình Hi làm vua. Ông trị

*

Tháng 7 năm 939 Chu Văn Tiến và Liên Trọng Ngộ phát động binh biến và lập Vương Đình Hi lên ngôi, ông đổi niên hiệu là "Vĩnh Long". Vương Đình Hi là kẻ tham lam ưa thích rượu chè, Hoàng hậu (vợ ông ta) là con gái Tư Không Lí Chân cũng thích uống rượu, hai vợ chồng bọn họ cả ngày ngồi uống rượu, say sưa bét nhè ăn nói lung tung. Một hôm ông ta mở yến tiệc tại điện Cửu Long để thết đãi quần thần, ông sai lấy cốc to để uống rượu, lúc này anh ta không uống nổi, lợi dụng lúc mọi người không chú ý, anh ta đổ rượu vào bình, chẳng may bị Vương Đình Hi nhìn thấy. Vương Đình Hi tức giận, mắng Vương Kế Nhu dám kháng lệnh và sai lính chặt đầu. Quần thần lần lượt ra về, ở bàn tiệc chỉ còn lại học sĩ Hàn Lâm Chu Duy Nhạc. Vương Đình Hi say say tỉnh tỉnh hỏi Chu Duy Nhạc: "Người anh thấp bé tại sao uống được nhiều rượu vậy?". Chu Duy Nhạc đáp: "Uống nhiều hay uống ít không căn cứ vào hình dáng thân thể mà là ở dạ dày và đường ruột. Vương Đình Hi sai người mổ bụng Chu Duy Nhạc nghiên cứu ruột và dạ dày có gì khác so với người khác, nhưng nhờ sự can gián của thuộc hạ nên Chu Duy Nhạc mới được miễn tội chết.

Vương Đình Hi vốn dĩ là kẻ tham lam. Lại sứ ở Tuyền Châu là Dư Diên Anh giả truyền ý chỉ đi cướp dân nữ về nhà. Chuyện này bị phát hiện, Vương Đình Hi giết chết Dư Diên Anh. Dư Diên Anh mang 10 vạn lạng bạc trắng và gọi là "tiền mua tiệc" cống cho Đình Hi để mua sự sống. Vương Đình Hi nhận bạc và nói: "Tại sao không có tiền mua tiệc cho hoàng hậu?" Dư Diên Anh lại phải cộng thêm 10 lạng bạc, nhờ vậy ông ta được miễn tội chết. Vương Đình Hi có một phi tử tên là Thượng Thị, cô ta rất hung ác. Những lần Vương Đình Hi say rượu cô ta đều chủ trì công việc triều chính. Cô ta dựa vào sự sủng ái của Vương Đình Hi để giết hại đại thần, triều đình hỗn loạn, tiếng ai oán vang lên khắp nơi.

Em trai của Vương Đình Hi là Vương Đình Chính làm Lại sử ở Kiến Châu (nay là tỉnh Phúc Kiến thấy anh trai sa đọa, nên nhiều lần viết thư can gián. Vương Đình Hi không nhận ra khuyết điểm của mình mà ngược lại còn viết thư mắng mỏ em trai và sai thuộc hạ đến Kiến Châu giám sát em trai. Vương Đình Chính không nén được sự giận dữ liền tạo phản, hai anh em họ đánh nhau 9 tháng liền, không phân thắng bại. Vương Đình Chính cũng xưng đế, tạo dựng lên nước Ân.

Do Liên Trọng Ngộ có công giúp Vương Đình Hi đăng quang nên được phong làm Cáp Môn Sử, việc quản lý 2 đội Khống Thần Đô và Khống Hạc Đô đều do Ngụy Tống Lăng chịu trách nhiệm. Được một thời gian, Tống Ngụy Lăng bị Vương Đình Hi giết, điều này làm cho Liên Trọng Ngộ và Chu Văn Tiến không hài lòng. Một hôm, Vương Đình Hi mời hai người đó vào cung dự tiệc. Đến giữa buổi tiệc, đột nhiên Vương Đình Hi buông ra 2 câu thơ: "Lòng dạ con người khó suy đoán Tình cảnh trong gang tấc không thể ngờ".

Hai bọn họ biết ông ta có ý nhắc nhở, họ quỳ xuống hứa sẽ trung thành. Vương Đình Hi im lặng không nói, hai bọn họ rời bàn tiệc ra về mà lòng thấp thỏm lo âu sợ tai họa sẽ đổ vào đầu, họ quyết tâm trừ bỏ Vương Đình Hi. Lúc đó hoàng hậu Lí cũng đố kị với phi tử Thượng Thị, bà ta muốn trừ bỏ Vương Đình Hi và muốn lập con trai là Vương Á Đăng làm đế, bà ta sai người cấu kết với Liên Trọng Ngộ và Chu Văn Tiến: "Hoàng thượng muốn sai ngươi giết chết hai vị, hai vị hãy nhanh chóng nghĩ cách đi".

Tháng 3 năm 944, bố của hoàng hậu ốm, Vương Đình Hi đến phủ hỏi thăm tình hình sức khỏe. Bố vợ ông ta mở tiệc tiếp đón. Vương Đình Hi lại uống say mèm và bọn thuộc hạ phải dìu về cung. Bọn Liên Trọng Ngộ và Chu Văn Tiến lợi dụng thời cơ đó giết chết Vương Đình Hi.

Sau khi ông ta chết, lấy hiệu miếu là Cảnh Tông.

PHÚC CUNG NGHỊ VƯƠNG (VƯƠNG ĐÌNH CHÍNH)
(NƯỚC MÂN)

Phúc Cung Nghị Vương, ông ta tên là Vương Đình Chính năm sinh và năm mất không rõ. Ông là con trai của Thái Tổ Vương Thẩm Tri và là em trai của Cảnh Tông Vương Đình Hi. Ông trị vì được 3 năm, làm mất nước bị bắt làm tù binh. Chuyện về sau ra sao không rõ.

Vương Đình Chính được phong làm Phú Sa Vương. Do bất hòa với anh trai là Cảnh Tông Vương Đình Hi vì thế năm 94 ông xưng đế ở Kiến Châu và đặt quốc hiệu là "Ân", đặt niên hiệu là "Thiên Đức". Tháng 3 năm 943 Vương Đình Hi bị giết, Chu Văn Tiến tự lập làm Mẫn Vương và giết hơn 50 người con cháu của Vương Thẩm Tri. Được một thời gian các bộ tướng khởi binh trừ bỏ Chu Văn Tiến và Liên Trọng Ngộ, bọn họ mời Vương Đình Chính về Phúc Châu và lập làm hoàng đế. Lúc đó Vương Đình Chính đang bị quân Nam Đường tấn công, vì thế ông sai con nuôi là Vương Kế Xương vào Phúc Châu trấn giữ. Đổi tên Phúc Châu thành Nam Đô và khôi phục lại quốc hiệu "Mân". Trong thời gian trị vì, ông tăng tô thuế, đúc tiền sắt, 1 tiền là 100 đồng.

Tháng 8 năm 945, trung chủ Lí Cảnh triều Nam Đường lại sai các tướng: Hà Kính Chu, Tổ Toại Ân, Diêu Phùng... dẫn lính tấn công nước Mân, tiến vào Kiến Châu. Vương Đình Chính phái lính ra nghênh chiếu nhưng bị thua trần đành đóng cửa thành cố thủ. Ông điều động quân lính ở Tuyền Châu và Phúc Châu đến cứu viện. Có đại thần tấu báo: "Quân lính ở Phúc Châu xem ra có ý định làm phản". Vương Đình Chính không hỏi rõ sự thật đã vội vàng ra lệnh thu binh khí của họ và bắt ép họ quay về Phúc Châu, đoàn quân trên đường quay về Phúc Châu bị phục kích, hơn 8000 tướng sĩ Phúc Châu đều chết, và thi thể phải mang về Kiến Châu làm lương thực cho binh sĩ. Binh lính vô cùng hận sự tàn nhẫn của ông ta, lòng quân li tán. Quân Nam Đường tấn công thành, quân giữ thành bỏ chạy dáo dác. Vương Đình Chính không còn lối thoát, phải đến doanh trại địch xin đầu hàng. Ông ta bị giải về Kim Lăng và phế làm đại tướng quân Vũ Lâm. Chuyện về sau ra sao không rõ.

Trong sử gọi ông là Phúc Cung Nghị Vương hay còn gọi là Thiên Đức Đế.

TIỀN THỤC

(Năm 907 - 925, tổng cộng 23 năm)

Tiền Thục có 2 đế vương, trong đó một người ốm chết, một người bị bắt và bị giết.

CAO TỔ (VƯƠNG KIẾN)
(NƯỚC TIỀN THỤC)

Cao Tổ, ông ta tên là Vương Kiến (847 - 918), tên tự của ông là Quang Đồ. Ông vốn dĩ là một tên vô lại, Thời Đường ông làm lại sứ ở Bích Châu, sau đó ông xưng đế. Ông trị vì 16 năm bị ốm chết. Hưởng thọ 72 tuổi. Mai táng ở Vĩnh Lăng (nay thuộc thành phố Thành Đô tỉnh Tứ Xuyên).

Vương Kiến quê ở Vũ Dương thuộc Hứa Châu (nay thuộc phía Tây Bắc huyện Vũ Dương tỉnh Hà Nam), một thuyết khác nói ông quê ở Cống Thành thuộc Trấn Châu (nay thuộc huyện Thẩm Khâu tỉnh Hà Nam). Thời nhỏ Vương Kiến là một kẻ vô lại, ông làm nghề buôn muối, ở quê mọi người gọi ông là "giặc vương bát". Sau này ông đầu quân vào quân Trọng Vũ. Sau cuộc khởi nghĩa của Hoàng Sào ông theo Đường Hỉ Tông chạy đến Tứ Xuyên. Ông phục tùng Đỗ Thẩm Quyền trấn áp quân khởi nghĩa của Hoàng Sào, hoạn quan Điền Lệnh Tồn nhận ông làm con nuôi, sau đó nhận chức Lại sử ở Bích Châu (nay gần huyện Thông Giang tỉnh Tứ Xuyên), dần dà ông chiếm được Tây Xuyên. Đông Xuyên và Hán Trung trở thành thế lực cát cứ. Năm 903 triều Đường phong ông làm Thục Vương. Năm 907 Chu Ân diệt triều Đường xây dựng triều Hậu Lương, tháng 9 năm đó Vương Kiến xưng đế tại Thành Đô, đặt quốc hiệu là "Thục" trong sử gọi là Tiền Thục, ông đổi niên hiệu là Vũ Thành.

Vương Kiến không biết chữ nhưng lại thích bàn luận thơ văn và các văn sĩ, ông rất ưu đãi các văn sĩ. Ông tin dùng hoạn quan và nuôi dưỡng hàng loạt nghĩa sĩ. Vào những năm cuối đời ông đam mê nữ sắc. Mọi công việc triều chính ông giao cho hoạn quan Đường Văn Dĩ. Ông tỏ thái độ đối lập với triều Hậu Lương và triệu Hậu Đường, ông sai tướng Cẩm Kỳ Chân tiến hành giao dịch buôn bán với dân miền Bắc. Con trai của ông là Vương Tông Nghị rất giỏi cung tên, buông thả không chịu khuất phục ai, anh ta thường nhục mạ Đường Đạo Lũng trước mặt các quần thần. Đường Đạo Lũng là đại thần thân tín nhất của Vương Kiến, có bất cứ chuyện gì ông ta đều bàn bạc với Đường Đạo Lũng. Do bị nhục mạ nên Đường Đạo Lũng vô cùng ghét Vương Tống Nghị, ông ta tìm cách vu cáo thái tử có ý đồ mưu phản và còn lấy một số quần thần hay bị thái tử nhục mạ để bọn họ làm chứng cho lời nói của ông ta. Vương Kiến cho Đường Đạo Lũng thống lĩnh cấm vệ quân. Thái tử sợ Đường Đạo ra tay trừ bỏ mình, anh ta bèn khởi binh giết Đường Đạo Lũng. Vương Kiến sai tướng lĩnh đi bắt giữ thái tử, anh ta sợ quá trốn thuyền tại đầm Long. Hôm sau thái tử lên bờ lấy lương thực, bị vệ binh phát hiện và bắt giữ. Vương Kiến phế anh ta làm thứ dân và lập con trai thứ 11 của ông ta tên là Vương Tông Diễn làm thái tử. Tháng 6 năm 918 Vương Kiến ốm, con nuôi ông ta là Vương Tông Bách Lợi lợi dụng cơ hội đó để giết hoạn quan Đường Văn Hộ. Vương Kiến thấy tình hình không ổn, ông sắp đặt mọi chuyện về sau cho hoạn quan Tống Quang Tự thống lĩnh quân đội, nắm giữ triều chính. Được vài hôm ông ta chết.

THUẬN CHÍNH CÔNG (VƯƠNG TÔNG DIỄN)
(NƯỚC TIỀN THỤC)

Thuận Chính Công, ông tên là Vương Tông Diễn (? - 926) tên tự của ông là Hóa Nguyên. Ông là con trai thứ 11 của Vương Kiến. Ông kế vị khi Vương Kiến chết, trị vì 7 năm, mất nước nước đầu hàng triều Hậu Đường, bị Lí Tôn Húc giết hại. Mai táng ở thôn Tam Triệu huyện Trường An ngoại ô thành phố Tây An tỉnh Thiểm Tây.

Vương Tông Diễn được phong làm Trịnh Vương. Ông được Vương Kiến lập làm thái tử. Tháng 6 năm 918 Vương Kiến chết, ông lên kế vị và cho đổi niên hiệu là Càn Đức. Sau khi

Vương Tông Diễn hoang dâm vô độ, phó mặc công việc triều chính cho hoạn quan Tống Quan Tự, còn bản thân ông ta triệu tập một lũ nịnh thần ngồi uống rượu viết thư pháp. Ông làm thơ nói: "uống rượu không say là kẻ điên". Một lần, ông ta đang cùng lũ nịnh thần đối ẩm thì con nuôi của Vương Kiến là Vương Tông Thọ khóc và can gián xin ông hãy tỉnh ngộ chú tâm vào triều chính, lũ nịnh thần xỉa xói nói Vương Tông Thọ bị điên.

Năm 925, Vương Tông Diễn quá sa đà vào rượu chè nữ sắc, Trang Tông Lí Tôn Húc (TRIỀU HẬU ĐƯỜNG) phái tướng lĩnh tấn công nước Tiền Thục. Tháng 11, Vương Tông Bách tạo phản và bắt giữ Vương Tống Diễn giải về Tây Cung sao đó đón quân Hậu Đường vào thành. Không còn cách gì chóng đỡ Vương Tống Diễn phải đầu hàng địch. Lí Tôn Húc phong

Ông ta làm Thuận Chính Công và ép ông ta dẫn tông thất và quan lại về Lạc Dương. Tháng 4 năm 926 Lí Tôn Húc sai người giết cả gia tộc Vương Tông Diễn và quan lại nước Tiền Thục.

Nước Tiền Thục bị diệt vong.

NƯỚC HẬU THỤC

(Năm 933 - 965, tổng cộng 33 năm)

Hậu Thục có 2 đế vương: 1 người bị bệnh chết, 1 người bị bắt mất nước phế truất và bị hại độc chết.

CAO TỔ (MÃNH TRI TƯỜNG)
(NƯỚC HẬU THỤC)

Cao Tổ, ông ta tên là Mãnh Tri Tường (874 - 934). Ông là cháu rể họ của Thái Tổ Lí Khắc Dụng (TRIỀU HẬU ĐƯỜNG) ông là người tạo dựng nước Hậu Thục. Ông trị vì chưa được 1 năm thì ốm chết tại Thành Đô (nay là thành phố Thành Đô tỉnh Tứ Xuyên). Hưởng thọ 61 tuổi. Mai táng ở Hòa Lăng.

Mãnh Tri Tường quê ở Long Cương thuộc Hình Châu (nay thuộc huyện Hình Đài tỉnh Hà Bắc), ông là cháu rể họ của thái tổ Lí Khắc Dụng (TRIỀU HẬU ĐƯỜNG).

Vào những năm đầu của triều Hậu Đường, ông trấn thủ tại Thái Nguyên (nay thuộc phía Nam Thái Nguyên ở Sơn Tây). Triều Hậu Đường diệt vong triều Tiền Thục, ông làm tiết độ phú đại sứ ở Kiến Tây. Khi đất Thục đã ổn định ông giết giám quân của triều Hậu Đường là Lí Sản và dụng binh lập chính quyền cát cứ. Sau đó ông đánh bại tiết độ sứ ở Tây Xuyên là Đông Chương và chiếm lĩnh đất Đông Xuyên.

Năm 933 triều Hậu Đường phong ông làm Thục Vương. Tháng 1 năm 934 ông xưng đế ở Thành Đô, đặt quốc hiệu là "Thục", trong sử gọi là Hậu Thục, và đặt niên hiệu là "Minh Đức".

Một ngày tháng 6 năm 934 Mãnh Tri Tường mở tiệc rượu thết đãi các bộ tướng. Trong buổi tiệc các bộ tướng đều tới chúc rượu ông và chúc ông trường thọ. Ông với tay cầm cốc rượu của một bộ tướng dâng uống, đột nhiên thấy cánh tay tê. Uống xong cốc rượu ông không thể cử động cánh tay. Sau khi tan tiệc, ông về phòng ông nằm trên giường và bị liệt toàn thân. Đến mùa thu ông mất tại Thành Đô.

Sau khi ông chết được đặt thụy hiệu là Cao Tổ.

SỞ CUNG HIẾU VƯƠNG (MÃNH VĨNH)
(NƯỚC HẬU THỤC)

ở Cung Hiếu Vương, ông ta tên là Mãnh Vĩnh (919 - 965). Hồi nhỏ ông tên là Nhân Thán, ông có tên tự là Bảo Nguyên. Ông là con trai thứ 3 của Cao Tổ Mãnh Tri Tường. Ông kế vị sau khi cha chết. Ông trị vì 30 năm làm mất nước bị phế truất và Tống Thái Tổ hại độc chết. Hưởng thọ 47 tuổi. Mai táng gần thành phố Lạc Dương tỉnh Hà Nam.

Mãnh Vĩnh được sinh ra ở Thái Nguyên. Ông được cha phong làm tiết độ hành quân tư mã ở Lưỡng Châu. Khi Mãnh Tri Tường ốm, Mãnh Vĩnh giúp cho cai quản công việc triều chính. Tháng 7 năm 934 Mãnh Tri Tường chết.

Năm 947, tướng lĩnh ở 3 châu: Tân Châu (nay thuộc huyện Tân An tỉnh Cam Túc), Thành Châu (nay thuộc huyện Thành tỉnh Cam Túc) và Giới Châu (nay phía tây huyện Thành tỉnh Cam Túc) đều xin quy hàng, 3 châu này trước kia thuộc triều Hậu Tấn quản lý. Ông sai lính đánh chiếm Phùng Châu (nay thuộc phía Tây Nam thành phố Bảo Kê tỉnh Thiểm Tây), ông mở rộng cương vực đến gần đất đai của triều Tiền Thục và có ý định tiến quân vào Quan Trung.

Ông là một con người thích ăn chơi xa xỉ hoang dâm, thậm chí cái bô ông ta cũng dùng ngọc

quý dát xung quanh vách bô. Công việc triều chính vô cùng hỗn độn. Tháng 1 năm 965 quân Bắc Tống tiến vào Thành Đô, ông không chống cự được đành phải đầu hàng. Ông bị bắt ép dẫn cả gia đình tới Biện Kinh, và làm những chức vị: thái sư kiêm trung thư lệnh Tần Quốc Công và phải cư trú ở Biện Kinh. Được một thời gian, Tống Thái Tông mời ông ta dự tiệc, đến nửa đêm mới về phủ. Hôm sau ông thấy ruột gan đau quặn, không ăn được bất kỳ 1 loại thức ăn gì, ông chữa trị nhưng không có hiệu quả. Vài hôm sau ông mất, về sau có người hoài nghi là Tống Thái Tông hại chết. Nước Hậu Thục bị diệt vong.

Trong sử gọi ông là Hậu Chủ hoặc Sở Cung Hiếu Vương.

TRIỀU NAM ĐƯỜNG

(Năm 937 - 975, tổng cộng 39 năm)

Triều Nam Đường có 3 đế vương, trong đó một người bị bệnh chết, một người làm mất nước bị hại độc chết, một người dùng Đơn Thạch dẫn đến trúng độc mà chết.

LIỆT TỔ (LÍ TIỆN)

Liệt Tổ, ông ta tên là Lí Tiện (888 - 943) Hồi nhỏ tên ông ta là Từ Tri Hạo, tên tự là Chính Luân. Ông là con nuôi của đại thần Từ Ân nước Ngô. Ông vốn dĩ nắm giữ triều chính của nước Ngô, sau đó ông tự xưng đế. Hưởng thọ 56 tuổi. Mai táng ở Vĩnh Lăng (nay thuộc ngoại thành phía Nam thành phố Nam Kinh tỉnh Giang Tô).

Lí Tiện quê ở Từ Châu (nay thuộc thành phố Từ Châu tỉnh Giang Tô) một thuyết khác nói ông quê ở Hải Châu (nay thuộc phía tây cảng Liên Vận tỉnh Giang Tô). Ông mồ côi từ nhỏ vì vậy được Vũ Đế Dương Hành Mật(NƯỚC NGÔ) thu nhận, sau này được đại thần Dư Ôn(NƯỚC NGÔ) nhận làm con nuôi và đặt tên là Từ Tri Hạo. Từ Ôn rất chuyên quyền, Từ Tri Hạo được phong làm lại sử ở Tiện Châu. Con của Từ Ôn là Từ Tri Huấn bị tướng Chu Cẩn giết hại Dương Châu,

Lí Tiện dẫn quân vào Dương Châu và tham dự vào công việc chính sự. Trong thời gian nắm giữ chính sự, ông cho cải cách phong tục tập quán cũ, tuyển dụng những người có tài và khiêm tốn, coi trọng sĩ nhân, cải cách thuế má, phát triển nông nghiệp, dần dần hình thành thế lực mạnh nhất nước Ngô. Từ Ôn chết, ông được trấn giữ ở Kim Lăng (nay thuộc thành phố Nam Kinh tỉnh Giang Tô) và được phong làm Tề Vương. Ông sai con trai là Cảnh thông nắm giữ việc chính sự ở Dương Châu. Tháng 10 năm 938 ông phế vua Ngô và xưng đế, đổi quốc hiệu là Đại Tề, đặt niên hiệu là "Tiện Nguyên", đặt đô ở Kim Lăng. Ba năm sau ông đổi quốc hiệu là "Đường", trong sử gọi là Nam Đường.

Ông giảm bớt việc chinh chiến. Năm 941, nước Ngô Việt bị thiên tai, quần thần triều Nam Đường, đều tấu trình Lí Tiện nên lợi dụng thời cơ này để diệt vong nước Ngô Việt. Lí Tiện ra sức từ chối lời khuyên, ông cho rằng trăm họ cần phải nghỉ ngơi, chưa cần phát động chiến tranh, ông còn sai sứ giả tới nước Ngô Việt an ủi và tặng nhiều lễ vật.

Về đối nội, ông cho thực hiện cải cách, trong thời gian ông trị vì, triều nam Triều luôn bảo tồn được sự yên ổn và có lợi với phát triển sản xuất xã hội. Ông là một người tiết kiệm, không ham mê nữ sắc, cả ngày chuyên tâm lo việc trị nước. Ông muốn mình sống trường thọ vào những năm cuối đời, ông đi tin vào đạo thuật trường thọ nên đã dùng Đơn Thạch, vì vậy bị trúng độc.

Tháng 3 năm 943, ở sau lưng của ông mọc ra nhiều mụn nhọt, mọi phương pháp chữa trị đều vô hiệu. Một hôm, ông gọi con trưởng là Lí Cảnh (Lí Cảnh Thông), nắm tay con trai và nói: "Cha không sống được bao lâu, ở cung Đức Xương còn cất giấu nhiều binh khí, vàng bạc lụa là, tổng giá trị hơn 700 vạn, con hãy giữ gìn số của cải đó, phải kết bạn với bạn bè bên cạnh để đảm bảo an toàn cho quốc gia." Ông nói tiếp: "Cha vì muốn kéo dài tuổi thọ nên đã dùng Đơn Thạch, cha không ngờ rằng chuyện đó lại dẫn đến kết cục như thế này. Con đừng học theo cha. Tình cảnh cảm động đến mức ông cắn tay Lí Cảnh chảy máu mà không biết. Cuối cùng ông khóc và nói: "Trước mắt quốc gia không có gì nghiêm trọng, nhưng sau này ở biên giới phía Bắc dễ có biến động. Con nên cẩn thận đề phòng." Tối hôm đó, ông băng hà tại Kim Lăng.

Hiệu miếu của ông là Liệt Tổ.

NGUYÊN TÔNG (LÍ CẢNH)

(NAM ĐƯỜNG)

Nguyên Tông, ông ta tên là Lí Cảnh (916 - 961), hồi nhỏ ông tên là Cảnh Thông. Ông là con trưởng của Liệt Tổ Lí Tiện. Ông kế vị khi cha chết. Ông trị vì 19 năm (nay thuộc ngoại thành phía Nam thành phố Nam Kinh tỉnh Giang Tô).

*

Năm 931 Lí Tiện chuyển về trấn giữ ở Kim Lăng, ông sai Lí Cảnh quản lí công việc ở Dương Châu. Về sau, Lí Cảnh được phong làm Tề Vương. Tháng 3 năm 943 Lí Tiện chết, cùng tháng đó Lí Cảnh lên kế vị, ông đổi niên hiệu là "Bảo Đại".

Lí Cảnh tính tình hèn nhát, ông thích văn học, ưa thích được người khác ca ngợi. Ông trọng dụng 5 đại thần chuyên về văn học và chuyên về nịnh hót. Thời đó bọn họ gọi là "Ngũ Quỷ triều Nam Đường". Bọn họ sửa đổi quốc sách bảo toàn an dân do Liệt Tổ đề ra, ông dẫn quân đánh bại nước Mân và nước Sở. Điều đó làm tổn hại quốc lực của triều Nam Đường, và bị nhiều người căm ghét, triều Nam Đường bị suy vong.

Năm 955 Chu Thế Tông Sài Vinh đánh triều Nam Triều. Trải qua 3 năm chiến tranh, Lí Cảnh không chống đỡ nổi phải dâng 14 ở Giang Bắc và Hoài Nam làm lễ vật đầu hàng.

Năm 958 ông bị phế bỏ hiệu đế và phải xưng thần với triều Hậu Chu, quốc lực triều Nam Triều bị suy yếu.

Lí Cảnh mất vào tháng 6 năm 961 tại Nam Đô (nay thuộc thành phố Nam Xương tỉnh Giang Tây).

Thụy hiệu của ông là Nguyên Tông hay còn gọi là Trung Chủ Huyền Tông.

HẬU CHỦ (LÍ NGỌC)
(TRIỀU NAM ĐƯỜNG)

Hậu Chủ, ông ta tên là Lí Ngọc (937 - 978). Hồi đầu ông ta tên là Tòng Gia, tên tự là Trọng Quang, tên hiệu là Trùng Ẩn. Ông là con trai thứ 6 của Lí Cảnh. Ông kế vị khi cha chết. Ông trị vì 14 năm, làm mất nước bị Tống Thái Tông Triệu Khuông Nghĩa sai người giết chết. Hưởng thọ 42 tuổi. Mai táng ở núi Nam Mang phía Bắc thành phố Lạc Dương tỉnh Hà Nam.

*

Lí Ngọc được phong làm An Định Công, Trịnh Vương, Ngô Vương. Nguyên Tông dời đô đến phía Nam và phong Lí Ngọc làm thái tử. Tháng 6 năm 961 Nguyên Tông chết, tháng 7 Lí Ngọc lên kế vị. Thời kỳ này triều Bắc Tống đã được tạo dựng, Lí Ngọc sợ uy thế của triều Bắc Tống nên dùng niên hiệu của Thái Tổ (triều Bắc Tống) là "Kiến Long". Lí Ngọc giỏi về thơ ca, ông vừa là thi sĩ vừa là họa sĩ.

Ông tinh thông âm luật là một văn sĩ cao cấp. Lời thơ của ông lấy thủ pháp Bạch Miêu làm chủ, đọc thơ ca của ông khiến người ta rất rung động. Thơ của ông viết nói về cuộc sống trong cung đình và nói về nỗi đau thương của một quân vương bị mất nước. Sau này được thu thập thành quyển: "Nam Đường Nhị Chủ Từ".

Trong mặt chính trị, ông là một hôn quân, thời gian ông ta trị vị, triều Bắc Tống cho phát động chiến tranh thống nhất Trung Quốc, và triều Nam Đường cũng nằm trong đối tượng bị chinh phạt. Đối mặt với tình cảnh nguy hiểm, ông ta vẫn buông lỏng công việc triều chính, đam mê nữ sắc, cả ngày điền thơ làm văn, ca ngợi Phật lí. Ông sủng ái một cung nữ tên là Yểu Nương. Cô gái đó có thân hình thon thả và có một vẻ đẹp dịu dàng, giỏi ca hát nhảy múa, cô ta

dùng lụa bó chân khiến bàn chân cong như trăng mới mọc. Cô ta thường đứng nhảy múa trên tòa sen cao 6 thốn, tòa sen đó được đúc bằng vàng, múa may dập dờn trông giống như sóng nước. Việc nước gặp rất nhiều rắc rắc, ông ta là kẻ tham sống sợ chết, hàng năm cống tiền cho triều Bắc Tống rất nhiều vật báu nhằm giành lòng tin của Tống Thái Tổ, duy trì cục diện bình an. Về sau ông thấy Tống Thái Tổ liên tiếp tiêu diệt 3 chính quyền cát cứ ở xung quanh vì thế ông ta sợ hãi và phải bỏ đi quốc hiệu Nam Đường và đổi thành "Giang Nam Quốc Chủ" và hi vọng Tống Thái Tổ không chinh phạt mình.

Tháng 9 năm 974, Tống Thái Tổ phái quân tấn công triều Nam Đường. Cánh quân đi theo đường thủy tiến đến bờ Nam sông Trường Giang, cánh quân đi theo đường bộ tiến đến bờ Bắc sông Trường Giang. Lúc nghe tin cấp báo là lúc ông ta đang ở Kim Lăng uống rượu làm thơ với đám quần thần. Lí Ngọc hỏi bọn họ nên làm cách gì để chống đỡ?" Bọn họ nói: "Từ xưa đến nay, không có đội quân nào có thể bắc cầu qua sông Trường Giang, quân Tống không thể vượt sông được". Hậu Chủ cười ha hả nói: "Trẫm đã nói từ lâu: Quân Tống chỉ là đàn trẻ con chơi trò đánh trận. Ba hôm sau, bộ binh của nước Tống tiến vào lãnh thổ của Nam Đường, quân trấn thủ triều Nam Đường bỏ chạy tán loạn và có một số đầu hàng, 10 vạn quân Tống nhanh chóng tiến vào Kim Lăng.

Lí Hậu Chủ đang ở trong cung đọc binh giảng đạo, ông hoàn toàn không biết tình hình đã cực kỳ nguy kịch. Một ngày, ông lên trên thành quan sát, thấy bên ngoài thành toàn là cờ phướn của quân Tống. Ông ta sợ hãi mặt mày tái mét và sai đại thần đến Biện Kinh xin Tống Thái Tổ tha mạng, vị đại thần đó ra và Tống Thái Tổ "Chủ nhân của thần rất hiếu lễ đối với bệ hạ, tình cảm đó thân tình như tình cảm cha con, xin bệ hạ tha tội đừng cho quân đi chinh phạt". Tống Thái Tổ họi vặn. Một tháng sau, Lí Hậu Chủ phái sứ giả tới cầu triều Tống đừng đánh chiếm thành Kim Lăng.

Tống Thái Tổ tay nắm giữ cán kiếm và giận dữ nói: "Đừng có nói nhiều, Lí Ngọc phạm tội gì, nhưng hôm nay thiên hạ thống nhất, nhưng người Tống không muốn kẻ khác phá vỡ giấc ngủ", Lí Hậu Chủ xin hàng nhưng bị từ chối, đành dẫn quân tới cứu viện thành Kim Lăng. Trên đường đi quân cứu viện bị quân Tống tập kích, quân Nam Đường vốn dĩ định phóng hỏa đốt quân Tống, không ngờ gặp phải gió Bắc cản trở, thành ra lại thành tự đốt chính mình. Quân Tống muốn Lí Hậu Chủ đầu hàng ông ta không can tâm tình nguyện nhưng không còn đường nào khác đành mượn rượu làm thơ làm vơi nỗi buồn. Đại thần Phiên Hữu ra sức can ngăn ông đừng có làm vậy, mà hãy lấy lại tinh thần để chống lại quân Tống, cứu nước nhà khỏi cảnh diệt vong. Lí Hậu Chủ tức giận không nghe và tống Phiên Hữu và đại quân.

Tháng 11 năm 975, quân Tống công phá thành Kim Lăng, Lí Hậu Chủ sai thuộc hạ chất củi lửa trong cung chuẩn bị tự thiêu, nhưng khi chuẩn bị châm lửa, ông ta lại nhạt ý chí không đủ can đảm, ông dẫn quần thần tới trại địch xin đầu hàng. Triều Nam Đường bị diệt vong. Ông ta bị giải về thành Khai Phong và được phong làm vi mệnh hầu, đại phu quang lục, thái phó... và bị cư trú tại Biện Kinh. Năm sau, Tống Thái Tổ xưng đế và phong Lí Ngọc làm Đà Tây Công.

Mọi hành động của Lí Ngọc đều bị giám sát. Ông vô cùng hối hận và ôm mối ai oán trong lòng, suốt ngày than khóc, làm thơ nói lên nỗi lòng của mình và hoài niệm về cuộc sống xa hoa trước đây. Tình cảnh ai oán của Lí Ngọc làm Tống Thái Tông bực mình. Tháng 7 năm 978 Thái Thái Tông sai người hại độc Lí Ngọc.

Trong sử gọi Lí Ngọc là Lí Hậu Chủ và còn gọi là Hậu Chủ triều Nam Đường.

TRIỀU NAM BÌNH

(Năm 924 - 963, tổng cộng 40 năm)

Triều Nam Bình có 5 đế vương: trong đó có 4 người ốm chết, một người làm mất nước sau đó cũng ốm chết.

VŨ HƯNG VƯƠNG (CAO QUÝ HƯNG)
(TRIỀU NAM BÌNH)

Vũ Hưng Vương, ông ta tên là Cao Quý Hưng (858 - 928). Hồi nhỏ ông có tên là Quý Xương. Thời hậu Lương, ông làm tiết độ sứ ở Kinh Nam, về sau ông lập chính quyền cát cứ và xưng vương. Ông trị vì được 5 năm bị ốm chết. Hưởng thọ 71 tuổi. Mai táng ở Giang Lăng (nay thuộc núi Long Sơn huyện Giang Lăng tỉnh Hồ Bắc). Cao Quý Bình quê ở Hiệp Thạch. Từ nhỏ ông đi làm con nuôi của họ Lí, ông theo cha nuôi đi đầu hàng Chu Ôn và đổi thành họ Chu. Ông theo Chu Ôn tấn công Phụng Tường và ông nhận chức khanh sứ, ông lại đổi lại thành họ Cao. Ông trấn giữ ở Kinh Nam.

Năm 907, Chu Ôn phong Cao Quý Hưng làm tiết độ sứ ở Kinh Nam và còn cho 5000 lính, lương thực do triều Hậu Lương chu cấp. Khi nhận chức, Cao Quý Hưng chiêu nạp dân lưu vong, cổ vũ làm nông nghiệp và thu nạp hiền tài, ông có ý định lập chính quyền cát cứ. Mật Đế (TRIỀU HẬU LƯƠNG) phong ông làm Bột Hải Vương.

Tháng 3 năm 924, Trang Tông Lí Tôn Húc (triều Hậu đường) phong ông làm Nam Bình Vương và cho phép cư trú ở Giang Lăng (nay thuộc huyện Giang Lăng tỉnh Hồ Bắc. Nhân lúc triều Hậu Đường mải mê chinh phạt nước Thục, ông chiếm giữ Quy Châu, Hiệp Châu và Kinh Châu, là một chính quyền kém nhất và nhỏ nhất trong 10 nước. Trong thời gian trị vì, ông duy trì chính quyền bằng cách dựa vào thuế má và đi cướp đoạt của cải.

Ông mất vào tháng 12 năm 928 tại Giang Lăng.

Thụy hiệu của ông là Vũ Hưng Vương.

VĂN HIẾN VƯƠNG (CAO TÒNG HỐI)
(TRIỀU NAM BÌNH)

Văn Hiến Vương, ông ta tên là Cao Tòng Hối (891 - 948), tên tự của ông là Tào Thánh. Ông là con trưởng của Vũ Hưng Vương Cao Quý Hưng. Ông kế vị khi cha chết. Ông trị vì 20 năm, bị ốm chết. Hưởng thọ 58 tuổi. Mai táng ở Giang Lăng (nay thuộc Long Sơn huyện Giang Lăng tỉnh Hồ Bắc).

*

Tháng 12 năm 928 Cao Quý Hưng chết, Cao Tùng Hối lên kế vị. Lúc đó, chính quyền cát cứ do ông quản lý chỉ làm một nước yếu và nhỏ bé vì thế ông lập tức quy phục triều Hậu Đường, năm 934 ông nhận chức phong Nam Bình Vương. Tiếp đó ông lần lượt xưng thần với những chính quyền Hậu Tấn, Liêu, Hậu Hán, Ngô, Sở, Thục, Mân, Nam Hán. Ông chuyên sai lính đi cướp cống vật của các chính quyền, quốc gia bị tổn thất sẽ sai lính đi chinh phạt, lập tức đi hoàn trả cống vật và xin tha tội. Các chính quyền đều coi ông là kẻ vô lại và gọi ông là: "tên vô lại họ Cao".

Ông mất vào tháng 10 năm 948 tại Giang Lăng.

Thụy hiệu của ông là Văn Hiền Vương.

TRINH NGHỊ VƯƠNG (CAO BẢO DUNG)
(TRIỀU NAM BÌNH)

Trinh Nghị Vương, ông ta tên là Cao Bảo Dung (920 - 960), tên tự của ông là Đức Trường. Ông là con trai của Cao Hưng Vương, và là em trai Cao Tòng Hối. Ông kế vị khi anh trai chết. Ông trị vì 12 năm, ốm chết. Hưởng thọ 41 tuổi. Mai táng ở Long Sơn huyện Giang Lăng tỉnh Hồ Bắc.

*

Lúc Cao Tòng Hối bị bệnh nặng đã sai Cao Bảo Dung quản lý công việc trong triều. Tháng 10 năm 948 Cao Tòng Hối chết, cùng tháng đó ông lên kế vị, ông xưng thần với triều Hậu Hán và nhận chức phong tiết độ sứ ở Kinh Châu.

Tháng 8 năm 960, ông mất tại Giang Lăng.

Thụy hiệu của ông là Trinh Nghị Vương.

THỊ TRUNG (CAO BẢO HÚC)
(TRIỀU NAM BÌNH)

Cao Bảo Húc (924 - 962). Ông là con thứ 11 của Cao Tòng Hối và là cháu củ Cao Bảo Dung. Kế vị khi chú chết. Ông trị vì 2 năm, ốm chết, hưởng thọ 39 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Tháng 8 năm 960 Cao Bảo Dung chết, cùng tháng đó Cao Bảo Húc kế vị. Tháng 11 năm 969 Cao Bảo Húc bệnh nặng, ông thu nạp kiến nghị của tướng Lương Diên Tự là lập cháu Cao Kế Xung làm người kế vị. Vài hôm sau ông mất tại Giang Lăng.

THỊ TRUNG (CAO KẾ XUNG)
(TRIỀU NAM BÌNH)

Cao Kế Xung (943 - 973), tên tự của ông là Thái Bình tên tự của ông là Thành Hòa. Ông là con trưởng của Trinh Nghị Vương Cao Bảo Dung và là cháu họ của Cao Bảo Húc. Ông kế vị khi chú chết. Ông trị vì chưa được 6 tháng thì đầu hàng triều Tống, về sau bệnh chết, hưởng thọ 31 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Cao Kế Xung nhận chức phong làm Trinh Nghị Vương. Tháng 11 năm 962 Cao Bảo Húc chết cùng tháng đó ông lên kế vị.

Tháng 2 năm 963 Tống Thái Tổ sai lính tới Hà Nam chinh phạt các chính quyền cát cứ. Cao Kế Xung xin quy hàng, triều Nam Bình diệt vong, ông phụng mệnh của Tống Thái Tông dẫn 500 người tới Biện Kinh và nhận chức phong làm tiết độ sứ ở Vũ Ninh. Năm 973 ông mất tại Biện Kinh.

NAM HÁN

(Năm 917 - 971, tổng cộng 55 năm)

Triều Nam Hán có 4 đế: trong đó có một người bị giết trong cuộc nội chiến, một người làm mất nước bị bệnh chết, một người hoang dâm quá độ nên dẫn tới cái chết, một người ốm chết.

Ngoài ra phụ chú thêm về Liệt Tông Lưu Ẩn, ông ta bị ốm chết.

LIỆT TÔNG (LƯU ẨN)
(TRIỀU NAM HÁN)

Liệt Tông, ông ta tên là Lưu Ẩn (874 - 911), hưởng thọ 38 tuổi, ông là người tạo lập ra triều Nam Hán, ông xưng vương được 5 năm, ốm chết ở Nam Hải (nay thuộc thành phố Quảng Châu tỉnh Quảng Đông). Mai táng ở Đức Lăng.

*

Lưu Ẩn quê ở Thượng Thái (nay thuộc huyện Thượng Thái tỉnh Hà Nam), một thuyết khác nói quê ông ta ở Bành Thành. Ông nội của ông ta là Lưu An Nhân làm nghề buôn bán do đó đem cả gia đình tới cư trú ở Nam Hải (nay thuộc thành phố Quảng Châu tỉnh Quảng Đông). Bố ông ta tên là Lưu Khiêm làm lại sứ ở Phong Châu (triều Đường) (nay thuộc huyện Đức Khánh tỉnh Quảng Đông). Sau khi cha chết, Lưu Ẩn tiếp nhận chức vụ của cha, ông được tiết độ sứ ở Lĩnh Nam là Từ Ngạn Nhược tiến cử nên ông nhận chức tiết độ phủ sứ ở Lĩnh Nam. Từ Ngạn Nhược chết, các bộ tướng đề bạt Lưu Ẩn làm tiết độ sứ. Năm 905 triều Đường phong Lưu Ẩn làm tiết độ sứ quân Thanh Hải (con đường phía Tây Lĩnh Nam). Năm 907, ông quy phục Thái Tổ Chu Ôn(TRIỀU HẬU LƯƠNG) và nhận chức quân vương ở Bành Thành. Sau chuyện này, ông phái lính tới tiêu trừ thế lực cát cứ ở 2 con đường phía Tây và phía Đông thuộc Lĩnh Nam chiếm cứ Lĩnh Nam, xây dựng lên chính quyền Lưu Thị. Lĩnh Nam cách Trung Nguyên khá xa, nhiều văn sĩ đại thần của triều Đường vì tránh họ nên tới chỗ ông ta lánh nạn, viên quan quản lý vùng Lĩnh Nam vốn là một quan lại chịu sự cai quản của triều Đường, nhưng vì chiến loạn và bị triều Đường tiêu diệt nên anh ta chạy đến chỗ ông, nhân tài ở chỗ ông rất nhiều. Ông lựa chọn tài năng của bọn họ dễ phân bổ những chức vị phù hợp nhằm giúp ông tạo dựng chính quyền.

Tháng 11 năm 911, ông mất tại Nam Hải.

Thụy hiệu của ông là Liệt Tông.

CAO TỔ (LƯU YỂM)
(TRIỀU NAM HÁN)

Cao Tổ, ông ta tên là Lưu Yểm (889 - 942). Ông là em trai Liệt Tông Lưu Ẩn. Ông kế vị khi anh trai chết. Ông trị vì 32 năm, ốm chết. Hưởng thọ 54 tuổi. Mai táng ở Kiến Lăng.

*

Thời kì Lưu Ẩn làm tiết độ sứ ở Lĩnh Nam, ông đã phong Lưu Yểm làm phó sứ, ông tuân lệnh anh trai dẫn quân chinh phạt thế lực cát cứ ở phía Đông và phía Tây Lĩnh Nam. Lưu Ẩn chết, ông tiếp nhận chức vụ của anh và nhận chức phong của triều Hậu Lương làm quận Vương Đại Bảo. Năm 917 ông xưng đế tại Lĩnh Nam, lấy quốc hiệu là "Đại Việt", năm sau ông đổi lại là Hán, trong sử gọi là Nam Hán, và ông lấy niên hiệu là "Càn Hanh".

Sau khi xưng đế ông cho văn nhân làm quan địa phương, không cho các vũ tướng kiêm chức vị Lại sứ. Vì vậy chính trị và xã hội tương đối ổn định. Nhưng ông ta lại thích giết người, ông đề

ra nhiều hình phạt hà khắc: cắt máu, rút gân, cắt lưỡi... Ông còn cho xây một nhà kho, trong đó ông sai thả rắn độc, nếu ai phạm tội sẽ bị nhốt vào trong nhà kho đó cho rắn độc cắn chết. Mỗi lần có phạm nhân nào bị xử tử, ông đều đến giám sát. Bản tính của ông ta là một người hoang tàn, thích tiêu pha xa xỉ, ông dùng châu báu đúc cung điện ngọc cung vàng; vào những năm cuối đời ông cho tu sửa điện Nam Huân, cột trụ trong điện đều dùng bạc dát để dát vàng ngọc 4 bức tường đều có lư hương, ngày đêm đều sai đốt hương. Ông ta dùng hình phạt hà khắc, bức ép dân chúng khiến mọi người đều hận.

Tháng 4 năm 942, ông bị bệnh, mọi biện pháp chữa trị đều vô hiệu. Ông sai gọi Vương Phiên đến nói: "Trẫm có 19 người con trai, cho đến hôm nay trẫm vẫn chưa lập thái tử.

Tất cả bọn chúng không có đứa nào đủ tài đủ đức, dễ có cảnh anh em tàn sát lẫn nhau. Chuyện này xem ra khó lòng ngăn chặn". Ông ta nói xong thở không ra hơi. Vương Phiên khuyên ông lập Hoằng Xương làm thái tử nhưng Túc Ích cản trở nói: phế trưởng lập thứ là chuyện không hợp lí dễ gây ra nội chiến, Lưu Yểm do dự không quyết định. Vài hôm sau, ông mất tại Nam Hải.

Hiệu miếu của ông là Cao Tổ, thụy hiệu là Thiên Hoàng Đại Đế.

DẠNG ĐẾ (LƯU PHÂN)
(TRIỀU NAM HÁN)

Dạng Đế, ông ta tên là Lưu Phân (920 - 943). Hồi nhỏ ông ta tên là Hoằng Độ. Ông là con của Cao tổ Lưu Yểm. Ông kế vị Lưu Yểm chết. Ông trị vì được 2 năm thì bị Lưu Hoàng Hi sai lực sĩ giết chết. Hưởng dương 24 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Lưu Phân được phong làm Tần Vương. Tháng 4 năm 942 Lưu Yểm chết. Cùng tháng đó Lưu Phân lên kế vị đổi niên hiệu là "Thiên Quang".

Sau khi đăng cơ, ông ta không màng công việc triều chính, ông ta ăn tiêu xa xỉ không kém gì cha, lại hoang dâm vô độ, nửa đêm thường cải trang ra ngoài tìm gái, thậm chí tùy tiện vào nhà dân cưỡng ép phụ nữ. Thuộc hạ nào dám khuyên can, lập tức bị ông ta giết. Em trai ông ta là Lưu Hoằng Hi vì muốn cướp đoạt ngôi vị nên cố ý ủng hộ việc làm anh trai: Lưu Phân thích đấu vật, Lưu Hoằng Hi sai thuộc hạ triệu tập 5 lực sĩ vào cung đình, 5 lực sĩ đó là: Lưu Tư Triều, Đàm Lệnh Nhân, Lâm Thiếu Cương, Lâm Thiếu Lãng, Hà Xương Diên... Bọn họ được huấn luyện trong phủ của Lưu Hoằng Hi rồi mới đưa vào cung phục vụ Lưu Phân. Ông ta thấy 5 người đã tinh thông về đấu vật, ông ta rất vui mừng và cho làm thị vệ và thường sai bọn họ diễn đấu vật cho ông ta xem. 1 ngày tháng 3 năm 943, ông sai tập hợp các anh em đến cung Trường Xuân tham gia tiệc rượu và sai 5 lực sĩ biểu diễn đấu vật. Lưu Phân xem rất thích thú, uống say mèm. Lưu Hoằng Hi sai vệ sĩ Lưu Tư Triều mai phục trong phòng nửa đêm bóp chết Lưu Phân.

Thụy hiệu của ông ta là Dạng Đế.

TRUNG TÔNG (LƯU XƯNG)
(TRIỀU NAM HÁN)

Trung Tông, ông ta tên là Lưu Xưng (920 - 958). Hồi nhỏ ông ta tên là Lưu Hoằng Hi. Ông là con thứ của Cao Tổ Lưu Yểm và là em trai Dạng Đế Lưu Phân. Ông ám hại anh trai và lên kế vị. Ông trị vì 16 năm, hoang dâm quá độ nên dẫn tới cái chết. Hưởng thọ 39 tuổi. Mai táng ở Chiêu Lăng (nay thuộc phía bắc thành phố Quảng Châu tỉnh Quảng Đông).

*

Lưu Xưng nhận tước vị Tấn Vương, ông lén lút sai người giết anh và lên kế vị, đổi niên hiệu là "Ứng Càn". Sau khi đoạt vị, ông ngăn chặn các đại thần không được bàn luận về chuyện cướp đoạt ngôi vị, mặt khác còn sai giết chết mười mấy người em, nhằm ngăn chặn bọn họ đoạt quyền cướp ngôi. Lợi dụng nước Sở có nội chiến, ông dấy binh chinh phạt nước Sở. Ông kiêu ngạo hoang tàng dâm đãng, không lo liệu công việc triều chính, dương dương tự đắc nói: "Chỉ cần trẫm tránh được hoạn nạn, mặc con cháu làm gì thì làm trẫm không quản bọn họ".

Tháng 8 năm 958, Lưu Xưng vì hoang dâm vô độ nên dẫn tới bệnh. Một thời gian sau ông mất tại Nam Hải.

Hiệu miếu của ông là Trung Tông, thụy hiệu là Minh Đế.

NAM VIỆT VƯƠNG (LƯU THƯỞNG)
(TRIỀU NAM HÁN)

Nam Việt Vương, ông ta tên là Lưu Thưởng (942 - 980) ông ta tên là Lưu Kế Nghiệp. Ông là con trưởng của Trung Tông Lưu Xưng. Ông kế vị khi cha chết. Ông trị vì 14 năm làm mất nước bị phế truất và ốm chết. Hưởng thọ 39 tuổi. Mai táng ở núi Việt Vương huyện Khúc Giang tỉnh Quảng Đông.

*

Lưu Thưởng được phong làm Vệ Vương. Tháng 8 năm 958 Lưu Xương chết, cùng tháng đó ông lên kế vị, đổi niên hiệu là "Thái Bảo". 16 tuổi, ông đã lên kế vị. Ông là kẻ bất tài, hoang dâm vô độ, tăng thuế má, mẫu thuẫn giai cấp nghiêm trọng. Ông phó thác công việc triều chính cho bọn hoạn quan quản lý, vì thế triều chính càng thêm rối loạn.

Tháng 2 năm 971, đại quân triều Bắc Tống bao vây Quảng Châu, Lưu Thưởng không cách gì chống đỡ đành đầu hàng và bị áp giải đến Biện Kinh. Ông bị nhận tước vị Vệ Công cư trú ở Biện Kinh. Triều Nam Hán diệt vong.

Ông mất ngày Kỉ Sửu tháng 3 năm 980 tại Biện Kinh.

Trong sử gọi ông là Nam Việt Vương và còn gọi là Hậu Chủ.

BẮC HÁN

(Năm 951 - 979, tổng cộng 29 năm)

Bắc Hán có 4 đế vương, trong đó một người bị giết trong cuộc nội chiến, một người làm mất nước bị phế và ốm chết, 2 người chết do ưu buồn.

THẾ TỔ (LƯU DÂN)
(TRIỀU BẮC HÁN)

Thế Tổ, ông ta tên là Lưu Dân (895 - 954). Ông là em họ của Cao Tổ Lưu Tri Viễn (triều Hậu Hán - Triều Hậu Hán bị diệt vong, ông xưng đế. Ông sáng lập ra triều Bắc Hán. Ông trị vì 4 năm, bị chết do sầu muộn. Hưởng thọ 60 tuổi. Mai táng ở Giao Lăng (nay thuộc huyện Giao Thành tỉnh Sơn Tây)

*

Từ nhỏ Lưu Dân đã là một kẻ vô lại, đi tòng quân theo Lưu Tri Viễn. Thời gian Lưu Tri Viễn trấn giữ ở Hà Đông, Lưu Dân làm chức vị chỉ huy sứ. Sau khi triều Hậu Hán được xây dựng, ông trấn giữ ở Thái Nguyên, tiết độ sứ ở Hà Đông là Quách Uy tiêu diệt triều Hậu Hán và xây dựng triều Hậu Chu. Ngày Mậu Dần tháng 1 năm 951, ông xưng đế ở Thái Nguyên, đặt quốc hiệu là Hán, trong sử gọi là Bắc Hán, ông vẫn dùng niên hiệu của triều Hậu Hán là "Càn Hữu".

Sau khi Lưu Dân đăng cơ, ông kết tình thăm giao với nước Liêu, xưng là cháu của hoàng đế nhằm lấy sự giúp đỡ của nước Liêu để chống đối triều Hậu Chu.

Thời gian ông trị vì, các đại thần thỉnh cầu ông xây dựng tông miếu. Ông khảng khái nói: "Vương triều của chúng tôi được xây dựng trên cơ sở của hoàng đế Cao Tổ, cơ nghiệp của Cao Tổ bị hư hỏng, trẫm bất đắt dĩ phải xưng đế, nhưng cũng chỉ tạm thời ở ngôi vị này thôi. Trẫm không tính toán là thiên tử làm cái gì, các khanh cũng không cần tính là tường quốc làm gì, tông miếu không cần phải xây dựng. Đợi thu phục Trung Nguyên, lúc đó chúng ta xây tông miếu cũng không muộn". Dân sở ở triều Bắc Hán nghèo, đất đai lại chật hẹp, tiền của thu vào rất ít bổng lộc của quan lại cũng không đáng bao nhiêu, mỗi tháng tể tướng chỉ được 100 đồng, còn tiết độ sứ mỗi tháng được 30 đồng. Lưu Dân dựa vào binh lực của nước Liêu để tấn công triều Bắc Chu, nhưng bị triều Bắc Chu đánh cho đại bại.

Năm 954, lợi dụng lúc thái tổ triều Bắc Chu là Quách Uy bị ốm chết, Lưu Dân đến khẩn cầu nước Liêu xuất binh cùng nhau tiến đánh triều Bắc Chu. Nhưng bị Chu Thế Tông Sài Vinh đánh cho đại bại trong trận chiến ở Cao Bình (nay thuộc huyện Cao Bình tỉnh Sơn Tây). Lưu Dân đơn thương độc mã, hoảng hốt chạy trốn. Trên đường đi, ông khốn đốn

HIẾU HÒA ĐẾ (LƯU QUÂN)

Hiếu Hòa Đế, ông tên là Lưu Quân (926 - 968). Ông là con thứ của Thế Tổ Lưu Dân. Ông kế vị khi cha chết. Ông trị vì 13 năm, ông chết do buồn rầu. Hưởng thọ 43 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Mùa đông năm 954 Lưu Dân chết, Lưu Quân thông cáo với nước Liêu về cái chết của cha, cùng tháng đó ông nhận sắc phong làm đế, tự xưng là con hoàng đế. Năm 957 ông đổi niên hiệu là "Thiên Hội" và cho xây dựng Tông Miếu.

Sau khi đăng cơ, ông cầu khẩn nước Liêu cho mượn quân để tiến đánh triều Hậu Chu, để

báo thù trận chiến ở Cao Bình. Ông bị thua trận, ông biết sức mình khó thắng triều Hậu Chu, ông tạm thời hoãn binh chỉnh đốn nội bộ chiêu hiền nạp sĩ, điều đó giúp cho chính quyền Bắc Hán tạm thời ổn định.

Năm 968, chỉ vì một số chuyện nhỏ mà hoàng đế Liêu nhiều lần sai sứ giả tới trách mắng Lưu Quân. Ông nhận tội nói: "Phụ thân giúp con che giấu điều xấu, hi vọng phụ vương miễn tội cho con". Hoàng đế Liêu không hài lòng. Lưu Dân mấy lần phái sứ giả tới nước Liêu tạ tội, hoàng đế Liêu giam giữ sứ giả. Lưu Quân biết mình tài hèn sức mọn, không có cách gì làm nguôi cơn giận của hoàng đế Liêu do đó ông buồn rầu sinh bệnh. Tháng 7 ông mất tại Thái Nguyên.

Thụy hiệu của ông là Hiếu Hòa Đế hay còn gọi là Hòa Đế.

THIỀU CHƯ (LƯU KẾ ÂN)
(TRIỀU BẮC HÁN)

Thiều Chư, ông ta tên là Lưu Kế Ân (935 - 968). Ông là con nuôi của Hiếu Hòa Đế Lưu Quân. Ông kế vị khi cha chết. Ông trị vì được 2 tháng thì bị thuộc hạ sát hại. Hưởng thọ 34 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Tháng 7 năm 968 Lưu Quân chết, Lưu Kế Ân phát thông báo về cái chết của cha nuôi tới triều Liêu và được hoàng đế Liêu cho phép kế vị chức vị của cha.

Tháng 9 năm 968, Lưu Kế Ân mở tiệc chiêu đãi quần thần và tông thất. Trong buổi tiệc ông ta rất vui, uống say mèm, các thuộc hạ phải dìu về phòng nghỉ. Tư Không Quách Vô Vi vốn không đồng ý với việc Lưu Kế Ân kế vị, anh ta muốn đầu hàng triều Tống. Nhân cơ hội Lưu Kế Ân say rượu, anh ta đã sai Hầu Bá Vinh dẫn 10 tay chân xông vào phòng ngự của Lưu Kế Ân. Bọn họ đóng kín cửa sổ và cửa ra vào, chuẩn bị sát hại Lưu Kế Ân. Lưu Kế Ân choàng tỉnh vội chạy khỏi giường và trốn đằng sau tấm bình phong. Hầu Bá Vinh vung dao chém ngang ngực Lưu Kế Ân. Quách Vô Vi nhận được tin báo bèn sai người dùng thang trèo qua tường, giết Hầu Bá Vinh để diệt khẩu.

ANH VŨ ĐẾ (LƯU KẾ NGUYÊN)
(TRIỀU BẮC HÁN)

Anh Vũ Đế, ông ta tên là Lưu Kế Nguyên (? - 991). Ông là con nuôi của Hiếu Hòa Đế Lưu Quân, là em trai của Thiều Chư Lưu Kế Ân. Sau khi Quách Vô Vi sát hại Lưu Quân, đã lập Lưu Kế Nguyên làm đế. Ông trị vì 11 năm, mất nước đầu Triều Tống, về sau ốm chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Lưu Kế Nguyên, vốn dĩ mang họ Hà. Tháng 9 năm 968 Lưu Kế Ân bị giết chết, cùng tháng đó Quách Vô Vi lập Lưu Kế Nguyên lên kế vị. Năm 974 ông đổi niên hiệu là "Quang Vận". Năm 976, Tống Thái Tổ thấy triều Bắc Hán có nội chiến, vì thế sai uân đầy lùi quân cứu viện của triều Liêu và sai đào cống dẫn nước vào thành Thái Nguyên. Lưu Kế Nguyên chỉ huy quân dân giữ thành và hoàng đế Liêu đến cứu giúp,

Tống Thái Tổ đành ra lệnh lui quân.

Năm 979, Tống Thái Tổ đã thống nhất được các chính quyền cát cũ ở 2 miền Nam-Bắc và đem quân chinh phạt triều Bắc Hán bao vây thành Thái Nguyên. Lúc này triều Liêu chịu áp lực của triều Bắc Tống, nên miễn cưỡng mang quân đi cứu giúp Bắc Hán, nhưng bị đại quân Bắc

Tống đánh cho tan tác. Trong thành Thái Nguyên quân lính đều mệt mỏi và thiếu lương thực, các thuộc hạ tin Lưu Kế Nguyên đầu hàng. Ngày 5 tháng 5 Lưu Kế Nguyên dẫn quần thần tới trại địch xin hàng. Tống Thái Tông đứng trên đài cao tiếp nhận sự quy hàng của triều Bắc Hán và phong Lưu Kế Nguyên làm Bành Thành Công. Triều Bắc Hán diệt vong. Lưu Kế Nguyên mất năm 991.

Trong sử gọi ông là Anh Vũ Đế, hay còn gọi là Bành Thành Vương.

TRIỀU BẮC TỐNG

(Năm 960 - 1126, tổng cộng 167 năm)

Triều Bắc Tống là vương triều phồn vinh trong lịch sử Trung Quốc, nó kết thúc cục diện phân chia Ngũ Đại Thập Quốc (5 triều đại 10 nước), tăng cường chế độ tập quyền trung ương, trên cơ bản tiêu diệt cục diện chính quyền cát cứ. Nền kinh tế phát đạt, thương nghiệp hưng thịnh, khoa học tiên tiến, phát minh kĩ thuật in chế, làm chỉ nam và thuốc nổ. Ba thành quả khoa học kỹ thuật này là cống hiến quan trọng cho nền văn minh thế giới. Trung Quốc trở thành 1 quốc gia tiên tiến trong thế giới.

*

Thời Bắc Tống có 9 hoàng đế: trong đó 5 người ốm chết, 1 người vì sao chết thì không rõ, 1 người chết do vết thương tái phát, 2 người làm mát nước bị quân Kim bắt sau đó bị hại chết.

Ngoài ra còn phụ chú thêm về thái hậu Cao, bà ta ốm chết.

THÁI TỔ (TRIỆU KHUÔNG DẬN)
(TRIỀU BẮC TỐNG)

Thái Tổ, ông ta tên là Triệu Khuông Dận (927 - 976), trong cuộc binh biến Trấn Kiều, ông được lập làm đế, và được tôn là người tạo dựng triều Bắc Tống. Ông vị trí 17 năm, ốm chết, người đời sau hoài nghi rằng: Triệu Khuông Dận bị ám hại, hưởng thọ 50. Mai táng ở Vĩnh Xương Lăng. (nay thuộc phía Tây Nam huyện Củng tỉnh Hà Nam).

*

Triệu Khuông Dận quê ở Trác Châu (nay thuộc huyện Trác tỉnh Hà Bắc), cha của ông tên là Triệu Hoằng Ẩn dẫn cả gia đình tới Lạc Dương sinh sống, Triệu Khuông Dận sinh tại Lạc Dương. Cha của ông lần lượt làm quan ở các triều: Hậu Đường, Hậu Tấn, Hậu Hán... Thời gian đầu Triệu Khuông Dận đến đầu hàng đại tướng Quách Uy (triều Hậu Hán), Quách Uy rất coi trọng Triệu Khuông Dận bởi ông tinh thông võ nghệ. Về sau, ông lại ủng hộ và giúp đỡ Quách Uy làm hoàng đế Hậu Chu, do đó được Quách Uy cắt cử làm nhiệm vụ trông coi cầm quân. Thời Chu Thế Tông Sài Vinh, do Triệu Khuông Dận lập nhiều chiến công nên được phong làm kiên điểm bộ điện tiền (tướng lĩnh cao nhất trong quân đội bảo vệ hoàng đế), nắm giữ binh lực của triều Hậu Chu, ông còn kiêm chức vụ tiết độ sứ quân Quy Đức ở Tống Châu (nay thuộc phía Nam huyện Thương Khâu tỉnh Hà Nam), ông có trách nhiệm trấn giữ ở Biên Kinh. Chu Thế Tông chết, con trai là Sài Tông Huấn lên kế vị, lúc đó chỉ có 7 tuổi. Triệu Khuông Dận và em trai bị Triệu Khuông Nghĩa cùng với bộ hạ Triệu Phổ cùng nhau mật bàn cướp đoạt ngôi vị hoàng đế.

Tháng 1 năm 960, có người từ Trấn Châu (huyện Chính Định tỉnh Hà Bắc) và Định Châu (nay thuộc huyện Định tỉnh Hà Bắc) đến Biện Kinh báo cáo: quân đội của triều Bắc Hán và nước Liêu câu kết với nhau tiến xuống phía Nam tấn công triều Hậu Chu. Thái hậu Phù và tể tướng Phạm Chất, Vương Phụ... không điều tra rõ ràng sự việc, bọn họ vội vàng phái Triệu Khuông Dận thống lĩnh đại quân lên phía Bắc chặn địch. Ngày Giáp Thìn, đại quân của Triệu Khuông Dận đi đến trạm dịch Trấn Kiều và nghỉ ngơi tại đó (nay thuộc phía Đông Bắc thành phố Khai Phong tỉnh Hà Nam). Sáng sớm hôm sau, xung quanh trạm dịch vang vọng tiếng hò reo của quân lính. Triệu Khuông Dận chạy ra khỏi phòng, nhìn thấy tướng lĩnh và quân sĩ người người cầm vũ khí, xếp hàng đứng dưới dịch quán, tung hô Triệu Khuông Dận và Triệu Khuông Nghĩa làm chủ, bọn họ nói: "Chư tướng không có chủ, chúng thần hi vọng điền kiển làm thiên tử". Quân sĩ và tướng lĩnh không đợi Triệu Khuông Dận trả lời, đã mang áo hoàng bào khoác lên người ông, sau đó bọn họ nhất loạt quỳ xuống tung hô "vạn tuế". Trong lịch sử

gọi sự kiện này là binh biến ở Trấn Kiều". Không còn cách gì thoái thác Triệu Khuông Dận dẫn đại quân quay về Biện Kinh. Đại thần Hàn Thông nhận tin báo anh ta vội vàng tập hợp binh lực để đối phó với Triệu Khuông Dận. Đi được nửa đường anh ta bị thuộc hạ của Triệu Khuông Dận giết chết. Tể tướng Phạm Chất, Vương Phó bị uy lực của Triệu Khuông Dận uy hiếp, do đó đều khuất phục. Buổi chiều, ngày 5 tháng 1 Triệu Khuông Dận phế bỏ Sài Tông Huấn và tự xưng đế, đặt quốc hiệu là Tống, đặt đô ở Biện Kinh, trong sử gọi là Bắc Tống, lấy niên hiệu là "Kiến Long".

Sau khi xây dựng triều Bắc Tống, Triệu Khuông Dận thấy trong thiên hạ có rất nhiều thế lực cát cứ, ông nói với Triệu Phổ "Trẫm ngủ không yên giấc, bởi vì thiên hạ đều là địa bàn của nhiều người. Nhờ những mưu sách và kế hoạch của Triệu Phổ, Triều Tống cho chỉnh đốn nội bộ diệt trừ những thế lực phản kháng triều đình, sau đó dùng sách lược "tiên Nam hậu Bắc" (tức là: đầu tiên dẹp yên ở miền Nam sau đó tiến tới dẹp yên ở miền Bắc). Ông lần lượt tiêu diệt những chính quyền: Nam Bình, Hồ Nam, Hậu Thục, Nam Hán, Nam Đường... và luôn đề phòng tộc Khiết Đan ở miền Bắc.

Để tăng cường thế lực của tập quyền trung ương, ông cho thực hiện nhiều biện pháp.

Một buổi tối mùa thu năm 961, Tống Thái Tổ cho bày yến tiệc chiêu đãi tướng lĩnh cầm vệ quân. Đến giữa buổi tiệc Tống Thái Tổ nói: "Nếu không có sự giúp đỡ của tướng sĩ thì trẫm không có ngày hôm nay, nhưng làm thiên tử, sống yên ổn một ngày cũng khó, không thoải mái bằng cuộc sống của một tiết độ sứ. Trẫm hầu như không có một ngày ngủ ngon giấc". Thạch Ninh Tín thay mặt quân cấm vệ hỏi: "Bệ hạ đã làm thiên tử, vậy bệ hạ còn nỗi sầu muộn gì?" Tống Thái Tổ đáp: "Trẫm ngồi ở ngôi vị này, còn ai muốn ngồi không?" Thạch Bảo Tín không hiểu câu nói của Tống Thái Tổ nên vội vã đáp: "Chỗ ngồi của bệ hạ là do trời định, còn ai dám ngồi đâu?" Tống Thái Tổ cười và đáp: "Tất nhiên các khanh không có dã tâm, nhưng giả sử có một bộ tướng nào đó mang áo hoàng bào khoác lên người các khanh, sợ rằng các khanh có chối từ cũng không được?" Thạch Ninh Hầu nghe thấy vậy, anh ta mặt mày thất sắc vội quỳ xuống khóc và nói: "Chúng thần rất ngu đần, không hề nghĩ đến điều này, xin bệ hạ chỉ cho chúng thần con đường sống". Triệu Khuông Dận đáp: "Thọ mệnh của con người rất ngắn ngủi. Sống ở trên đời không phải vì vinh hoa phú quý, hưởng lạc an nhàn. Trẫm vì các khanh mà dự liệu, chi bằng khanh hãy giao lại binh quyền đi làm quan ở địa phương khác, mua một chút ít lương thực và ruộng vườn, dựng nhà cửa, lưu lại cho con cháu một ít tiền của, bản thân khanh có thể ngày ngày ngồi uống rượu mua vui, sống nhàn nhã 1 đời. Sau này chúng ta có thể gả con cái cho nhau. Làm được điều đó thì giữa chúng ta không có điều gì phải nghi kị nhau, trên dưới đều bình an điều đó chẳng phải là chuyện tốt đẹp đó sao?" Thạch Ninh Tín nghe những lời nói ân tình nhưng cũng đầy thị uy. Sáng hôm sau anh ta lấy lí do có bệnh và xin từ chức giao trả binh quyền. Đó chính là lịch sử câu chuyện "Mượn rượu lấy lại binh quyền". Một thời gian sau, Thái Tổ dùng thủ đoạn đó để đoạt lại binh quyền của tiết độ sứ Vương Ngạn Siêu, thu hồi lại quyền hành chính và quyền tài chính về tay tập quyền trung ương. Một số biện pháp này về cơ bản đã kết thúc cục diện cát cứ ở các địa phương, mà cục diện này đã từng tồn tại nhiều lần trong lịch sử Trung Quốc.

Triệu Khuông Dận coi trọng sản xuất nông nghiệp, chú ý xây dựng các công trình thủy lợi, giảm bớt lao dịch, thúc tiến sự phát triển của nền kinh tế xã hội. Triệu Khuông Dận là 1 đế vương có thành tích, nhưng ông "bên trong yên ổn, bên ngoài cảnh giới", trọng văn khinh võ, dẫn đến cục diện nước nhà yếu kém", bên trong coi trọng bên ngoài coi nhẹ. Ông mang một số lớn ruộng đất giao cho tướng lĩnh trong quân đội quản lí, đồng thời tăng cường sự kiêm bị về đất đai, làm cho mâu thuẫn giai cấp ngày một gay gắt, vì thế sau khi lập quốc không lâu đã xẩy ra các cuộc khởi nghĩa nông dân.

Triệu Khuông Dận là 1 một viên võ tướng nhưng ông ta rất thích đọc sách. Thời Chu Thế Tông trị vì, Triệu Khuông Dận cùng với Chu Thế Tông đi đến ngoại ô Bình Hoài (nay thuộc lĩnh vực sông Hoài Hà), có kẻ đã tâu cáo với Chu Thế Tông "Triệu Khuông Dận dùng mấy chiếc xe chở của cải cho riêng mình, bên trong toàn là bảo vậy quý". Chu Thế Tông sai người đi điều tra,

hóa ra trên xe chỉ toàn là sách, có đến vài nghìn bộ thư tịch. Chu Thế Tông hỏi ông ta: "Khanh là võ tướng tại sao lại đọc nhiều sách vậy!" Ông ta đáp: "Thần chẳng có mưu kế gì giúp đỡ bệ hạ, thần chỉ có thể đọc nhiều sách để mở mang kiến thức cho mình, tích lũy thêm tri thức".

Sau khi xưng đế, Triệu Khuông Dận rất coi trọng các hiền sĩ. Một lần, ông gặp phải vấn đề khó giải quyết ông đi hỏi tể tướng Triệu Phổ nhưng Triệu Phổ cũng không giải đáp được. Triệu Khuông Dận lại đi hỏi các hiền sĩ, quả nhiên bọn họ giúp ông giải đáp "Nhân dịp đó, Triệu Khuông Dận nói: "Tế tướng cần phải học hỏi hiểu biết", đối với các văn thần võ tướng không chịu đọc sách, Triệu Khuông Dận cổ vũ bọn họ nên đọc nhiều sách đủ bù đắp vào chỗ thiếu khuyết, Triệu Phổ nhờ sự cổ vũ của Triệu Khuông Dận nên trở thành một con mọt sách.

Triệu Khuông Dận dùng người không cần hỏi han lai lịch xuất thân. Ông sai các đại thần chú trọng tuyển chọn nhân tài, giả dụ bọn họ có lai lịch không tốt đẹp lắm nhưng nếu có tài đều có thể trọng dụng. Mặc khác, ông cũng tự quan sát các quan lại, thấy ai có sở trường và tài năng gì đó, ông đều ghi lại vào một quyển sổ. Mỗi khi có chức vị nào đó thiếu khuyết, ông lại giở sổ ra để chọn một người phù hợp với vị trí đó. Điều đó làm cho các quan lại phải cố gắng trổ hết tài năng và đức độ giúp triều đình.

Triệu Khuông Dận rất mưu trí. Hồi đầu khi mới xưng đế thế lực của các tiết độ sứ rất mạnh, ngang ngược khó khắc chế, thời đó gọi là "10 anh em". Một lần Triệu Khuông Dận sai gọi bọn họ đến, ông giao cho bọn họ mỗi người một thanh kiếm, một cây cung và một con ngựa, sau đó ông cũng đơn thương độc mã không dẫn theo vệ sĩ, mà cùng bọn họ đi quanh hoàng cung. Đi đến lùm cây ở cửa Cờ Từ, ông còn ngồi uống rượu với bọn họ. Uống được vài chén, đột nhiên Triệu Khuông Dận nói: "Chỗ này vắng lặng không có người, trong các khanh ai muốn làm hoàng đế, thì hãy giết trẫm rồi lên đăng cơ". "10 anh em" đều bị vẻ khí khái của ông trấn áp, tất cả nhất loạt quỳ xuống nói: "không dám", Triệu Khuông Dận hỏi đi hỏi lại bọn họ cúi đầu không nói. Triệu Khuông Dận bèn huấn thị bọn họ "Các khanh muốn trẫm làm hoàng đế, vậy hãy từ bỏ thân phận, một lòng một dạ phục vụ triều đình, từ nay về sau không được ngang ngược, không được coi nhẹ thiên tử". Các tiết độ sứ đều tung hô vạn tuế biểu thị sự tuân phục.

Ông có sức chịu đựng vô bờ bến, ít khi giết hại quần thần. Một lần, ông mở tiệc chiêu đãi quần thần, trong số các quần thần là học sĩ hàn lâm, anh ta tên là Vương Trứ, anh ta vốn dĩ là đại thần triều Hậu Chu, lúc này rượu say anh ta luôn hoài niệm về chủ cũ, nói ba loa trước mặt quần thần. Các đại thần ai nấy đều sợ hãi thất kinh đều lo cho anh ta. Tống Thái Tổ không hề trách tội mà sai người dùi về phòng nghỉ ngơi. Vương Trứ nhất định không đi, cứ đứng sau tấm bình phong khóc nức nở, các thuộc hạ phải khó khăn lắm mới lôi anh ta đi. Sáng hôm sau, trong buổi thiết triều có người nói Vương Chu dám tưởng nhớ Chu Thế Tông, cần phải xử phạt. Thái Tổ nói: "Anh ta say rượu không biết gì.

Thời Chu Thế Tông trẫm và anh ta đều là đại thần, trẫm rất hiểu tính cách anh ta. Anh ta chỉ là 1 thư sinh, khóc lóc nhớ về chủ cũ không có vấn đề gì đáng ngại. Hãy để anh ta đi đi".

Trong trận binh biến ở Trấn Kiều, sau đó Triệu Khuông Dận quay về Biện Kinh, lúc vào cung ông thấy cung nữ bế một đứa nhỏ, ông có hỏi đứa nhỏ là con của ai và cung nữ đó nói: đó là con của Chu Thế Tông. Phạm Chất, Triệu Phổ và Phiên Mĩ đều đứng cạnh ông ta, Triệu Khuông Dận hỏi nên giải quyết việc này ra sao. Triệu Phổ nói: "Tốt nhất là giết nó đi, trừ hậu họa về sau. Triệu Khuông Dận lắc đầu đáp: "Trẫm được mọi người lập làm thiên tử, chiếm được địa vị của cha nó, bây giờ lại giết nó, quả thật không nhẫn tâm". Ông giao đứa trẻ cho Phiên Mĩ nhận làm con nuôi, từ đó về sau không bao giờ nhắc lại chuyện đó, về phần Phiên Mĩ anh ta không đả động tới đứa trẻ khi ở trước mặt Khuông Dận. Sau này đứa trẻ trưởng thành, đã lấy tên là Hoài Cát, và làm đến chức lại sứ. Có một lần, Triệu Khuông Dận có việc phải rời cung. Lúc đi qua cầu Đại Khé, đột nhiên một mũi tên bay đến cắm vào lá cờ trước mặt ông ta. Đội cận vệ quân ai nấy đều tài mét mặt mày, Thái Tổ đặt tay ngang ngực nói: "Cám ơn ai đó đã dạy trẫm cách bắn tên". Và không cho phép cấm vệ đi tìm kẻ bắn tên. Những chuyện đó về sau không bao giờ lặp lại. Trong chiến dịch ở trạm Trấn Kiều, ở giữa Trấn Kiều và Phong Khâu. Lúc

xảy ra cuộc binh biến, quan trấn giữ ở Trấn Kiều đóng cửa phòng thủ, không dám cho quân của Triệu Khuông Dận đi qua Triệu Khuông Dận đành đi qua con đường ở Phong Khâu, quan ở cửa Phong Khâu lập tức mở cửa cho ông vào. Sau khi đăng cơ ông lại tăng quan và thưởng cho quan ở Trấn Kiều, khen anh ta là người trung thực, còn quan ở Phong Khâu bị ông ta cắt chức và sai chặt đầu anh ta.

Ông rất thích bắn chim hạc. Một lần có 1 viên quan cần gặp mặt ông để bẩm báo gấp về việc quốc sự, Triệu Khuông Dận lập tức cho anh ta vào yết kiến, Triệu Khuông Dận xem qua tấu chương thấy rằng đó là 1 chuyện nhỏ hết sức bình thường, ông bực bội trách hỏi anh ta tại sao lại nói dối. Anh ta trả lời: "Thần cho rằng 1 chuyện nhỏ cũng quan trọng hơn là chuyện bắn chim hạc". Triệu Khuông Dận phẫn nộ dùng cán rìu đánh vào mồm và làm gẫy 2 chiếc răng của anh ta. Anh ta không hề kêu đau mà từ từ cúi gặp người xuống tìm lại 2 chiếc răng và cắm vào miệng. Thái Tổ tức giận quát: "Bao giờ hai chiếc răng của khanh lắp lại nguyên vẹn, khanh mới được đi tố cáo trẫm". Anh ta trả lời: "Thần không có quyền cáo tố bệ hạ, chỉ có quan sử ghi chép lại chuyện hôm nay vào sổ sách mà thôi". Thái Tổ nghe anh ta đáp, ông từ từ nguôi giận và thấy anh ta quả là người trung thực, ông ban thưởng cho anh ta.

Tháng 10 năm 976, Thái Tổ bị ốm, tất cả mọi công việc trong triều đều ủy thác cho Triệu Khuông Nghĩa xử lý và giải quyết. Ban ngày, Triệu Khuông Nghĩa lên triều giải quyết việc triều chính, tối đến lại đến viện Vạn Tuế thăm huynh trưởng. Sẩm tối ngày Quý Sửu, Triệu Khuông Nghĩa đang ngồi trong phòng xem tấu chương. Một thái giám vội vàng chạy đến truyền chỉ, nói Thái Tổ triệu ông ta đến điện Vạn Tuế có việc gấp. Ông ta chạy vội đến chỗ anh trai, thấy Thái Tổ đang thở dốc nói không ra hơi, mắt nhìn trừng trừng ra ngoài cửa, không biết có ý nghĩa gì. Triệu Khuông Nghĩa đuổi hết thái giám và thị vệ ra ngoài, thậm chí thái giám đứng canh cửa cũng bị đuổi đứng ra xa. Chỉ nghe thấy tiếng thì thào của hai anh em nhưng không nghe rõ ràng bọn họ nói gì. Một lúc sau, thấy đèn trong điện phụt tắt, bên trong tối om, hình như Triệu Khuông Nghĩa đang nấp ở trong làm cái gì đó. Tiếp đó có tiếng rìu chặt, tiếp đó là giọng nói của Thái Tổ: "Khanh hãy làm tốt vào". Tiếp đó, Triệu Khuông Nghĩa chạy ra cửa sai thái giám đi gọi hoàng hậu và hoàng tử đến. Lúc hoàng hậu và hoàng tử đến, Thái Tổ đã chết. Căn cứ vào chuyện đó, có người hoài nghi rằng: Triệu Khuông Nghĩa vào điện Vạn Tuế lợi dụng Thái Tổ đang hôn mê và đuổi hết các phi tử đi. Thái Tổ tỉnh dậy rất tức giận, liền cầm rìu đánh Triệu Khuông Nghĩa, Triệu Khuông Nghĩa lánh trốn, chiếc rìu bị rơi xuống đất; có người nói Thái Tổ trong lúc hôn mê cứ nghĩ rằng có quỷ ở bên cạnh, Triệu Khuông Nghĩa giúp ông ta đuổi quỷ, vì vậy mà các thái giám nghe tiếng rìu rơi xuống đất; có người cho rằng Triệu Khuông Nghĩa giết Thái Tổ. Cho đến hôm nay vẫn còn nhiều nghi ngờ xung quanh tiếng rìu rơi trong phòng.

Sau khi Triệu Khuông Dận chết, lấy hiệu miếu là Thái Tổ.

THÁI TÔNG (TRIỆU KHUÔNG NGHĨA)
(TRIỀU BẮC TỐNG)

Thái Tông, ông ta tên là Triệu Khuông Nghĩa (939 - 997). Ông là em trai của thái tổ Triệu Khuông Dận. Ông kế vị khi anh trai chết. Ông trị vì 22 năm, bị chết do vết thương tái phát. Hưởng thọ 59 tuổi. Mai táng ở Vĩnh Hi Lăng (nay thuộc phía Tây Nam huyện Cũng tỉnh Hà Nam).

Hồi nhỏ Triệu Khuông Nghĩa có tên là Triệu Quang Nghĩa, sau khi đăng cơ, ông đổi tên là Quẫn. Ông tham gia vào cuộc binh biến ở Trấn Kiều và ủng hộ anh trai xưng đế, ông làm khanh sứ phong thủ ở Mục Châu (nay thuộc phía Nam huyện Cũng tỉnh Hà Nam).

*

Đông huyện Kiến Đức tỉnh Chiết Giang). Về sau ông làm trung thư lệnh và được phong làm Tấn Vương. Thời Thái Tổ sủng ái phu nhân Kim Thành. Ông nhiều lần khuyên Thái Tổ xa rời nữ sắc chú trọng vào việc nước, Thái Tổ không nghe lời can gián của ông. Một hôm thái tổ sai

gọi Triệu Khuông Nghĩa vào vườn Thượng uyển tham gia yến tiệc, vừa uống rượu vừa bắn cung. Thái Tổ cầm 1 cốc rượu to và bảo Triệu Khuông Nghĩa uống hết, ông ta chối từ không uống và chỉ tay vào một bông hoa mới nở trong đám hoa và nói: "Nếu như phu nhân Kim Thành tự tay đem bông hoa đó về đây, khanh sẽ uống hết cốc rượu này". Thái Tổ sai phu nhân Kim Thành đi ngắt bông hoa đó về. Lúc này Triệu Khuông Nghĩa đang cầm cung tên đang chuẩn bị ngắm bắn 1 vật gì đó, đột nhiên ông quay người bắn chết phu nhân Kim Thành. Ông buông cung tên và quỳ xuống ôm chân Thái Tổ nói: "Bệ hạ vừa mới lên ngôi, cần lấy việc trị nước làm trọng". Thái Tổ thấy ông ta trung thực và lại là em ruột của mình nên không trách tội. Tháng 10 năm 976 Thái Tổ chết, cùng tháng đó ông lên kế vị đổi niên hiệu là "Thái Bình Hưng Quốc".

Trong thời gian trị vì, ông tiếp tục duy trì chính sách thống nhất toàn quốc, bắt Ngô Việt Vương Tiền Xúc trả đất đai cho Triều Tống, xuất binh đánh tiêu diệt triều Bắc Hán, nhiều lần tấn công nước Liêu, có ý đồ thu phục 16 châu ở Yên Vân, nhưng vì chuẩn bị không kĩ, thời cơ chưa chín mùi nên gặp thất bại, thành ra mối quan hệ với nước Liêu bị xấu đi. Tăng cường chế độ trung ương tập quyền, ông cho phép các văn nhân tham gia vào chính sự điều đó giúp nho học có dịp ngẩng đầu. Ông chú ý cày ruộng làm nông nghiệp xây dựng công trình thủy lợi, tích cực cổ vũ khai hoang, khiến nền kinh tế xã hội phát triển, mâu thuẫn xã hội tạm thời ổn định. Vào những năm cuối đời, ông đàn áp đẫm máu cuộc khởi nghĩa của Vương Tiểu Ba, Lí Thuận.

Triệu Khuông Nghĩa rất thích đọc sách, ông coi trọng hiền sĩ. Những quần thần của triều Nam Đường Lí Dục Tiền Xúc (nước Ngô), những người này vì thương nhớ chủ cũ nên có những lời nói không phải và oán hận. Triệu Khuông Nghĩa không trách tội bọn họ mà còn trọng dụng, ông xây thư quán và để bọn họ ở đó biên tập những văn tịch: "Văn phạm nghệ hoa" "Thái Bình Quảng kí"... ông tạo cho bọn họ những điều kiện sinh hoạt thoải mái và hoàn cảnh làm việc tốt đẹp thuận lợi, điều đó làm cho bọn họ tận trung làm việc, đem hết kiến thức để viết sách. Năm 979, ông bị quân Liêu đánh bại trong trận chiến ở sông Cao Lương (nay thuộc phía Đông huyện Đại Hưng thành phố Bắc Kinh) toàn quân bỏ chạy tan tác. Quân Liêu đuổi theo cướp đoạt của cải và các phi tử, may mắn ông chạy thoát thân, chân bị trúng 3 mũi tên. Từ đó hàng năm những vết thương đó đều tái phát. Mùa thu năm 996, vết thương của ông lại tái phát. Tháng 8 ông lập con trai thứ 3 làm thái tử và sai Lí Hàng và Lí Chí giúp thái tử. Ngày Quý Tị tháng 3 năm 997 Triệu Khuông Nghĩa mất tại Biện Kinh ở lầu tây điện Vạn Thọ. Thái tử theo lịnh cha lên kế vị.

Thời còn sống Khuông Nghĩa nuôi một con chó, khi ông ốm, con chó đó không chịu ăn uống, khi ông chết, nó gào khóc, về sau nó ốm và chết theo ông. Mọi người gọi nó là con chó trung hiếu.

Hiệu miếu của ông đặt là Thái Tông.

CHÂN TÔNG (TRIỆU HẰNG)
(TRIỀU BẮC TỐNG)

Chân Tông, ông ta tên là Triệu Hằng (968 - 1022), ông vốn có tên là Triệu Đức Xương, về sau lại đổi tên là Nguyên Hưu. Ông là con trai thứ 3 của Thái Tông. Ông kế vị sau khi cha chết. Ông trị vì 25 năm, ốm chết. Hưởng thọ 55 tuổi. Mai táng ở Vĩnh Định Lăng (nay thuộc Thái Gia Trang phía Đông Nam huyện Củng tỉnh Hà Nam).

*

Triệu Hằng, ông lần lượt được phong làm: Cân Vương, Tương Vương, Thọ Vương. Vào những năm cuối đời Thái Tông mê tín tướng thuật, Thái Tông cho gọi một thầy tướng số vào cung để xem tướng cho con cháu anh em. Thầy tướng số đó xem cho 7 người con cháu của Thái Tông, chỉ có Triệu Hằng lúc đó đang ngủ nên không xem được. Thầy tướng số nói: "Tôi xem mặt cho các vương, bản mệnh của họ đều không tốt bằng Thọ Vương". Thái Tông nói:

"Khanh chưa từng gặp Thọ Vương, tại sao lại nói mệnh của Thọ Vương là tốt nhất". Thầy tướng đáp: "Tôi vừa nhìn thấy 3 nô bộc đứng trước cửa phòng của Thọ Vương bọn họ đều có cốt cách sau này sẽ trở thành tướng lĩnh. Người hầu có mệnh tốt như vậy, đương nhiên chủ nhân của họ sẽ rất cao quý".

Vì vậy Thái Tông lập Triệu Hằng làm thái tử. Tháng 3 năm 997 Thái Tông chết, cùng tháng đó Triệu Hằng lên kế vị, ông đổi niên hiệu là "Hàm Bình".

Thời gian đầu khi mới lên ngôi, Triệu Hằng cho Lí Hắng làm tể tướng, ông chú ý việc tiết kiệm, nền chính trị tương đối ổn định. Năm 1004, thái hậu Túc
(NƯỚC LIÊU) cùng Thánh Tông thống lĩnh 20 vạn đại quân tiến xuống phía Nam, tiến sát chân thành Thiền Châu (nay thuộc huyện Bộc Dương tỉnh Hà Nam) nhằm uy hiếp đô thành nước Tống. Trong một đêm, các thám báo 5 lần đưa tin đến thành Đông Kinh, Triệu Hằng hỏi các đại thần nên giải quyết chuyện này ra sao. Phó tể tướng muốn chạy trốn, tể tướng ra sức phản đối "Người nào dám đưa ra ý kiến chạy trốn thì phải chém đầu". Tể tướng nói: Nếu bỏ thành Biện Kinh để chạy trốn, điều này dễ gây dao động lòng dân, kẻ địch cũng nhân cơ hội để tiến tới, Quốc gia khó bảo toàn, nếu bệ hạ đích thân ra trận điều đó sẽ làm tăng thêm chí khí cho quân sĩ, điều đó nhất định đẩy lui quân địch". Triệu Hằng đồng ý với ý kiến của tể tướng, ông sai tể tướng cùng chỉ huy quân đội. Đi đến Vi Thành (nay thuộc phía Đông Nam huyện Cốt tỉnh Hà Nam), Triệu Hằng nghe nói binh lực của quân Liêu rất mạnh, ông nhụt chí khí định lui quân. Tể tướng lại can gián: "Hôm nay quân địch đuổi đến gần, tình hình rất nguy cập, chúng ta chỉ có thể tiến công, chứ không được phép lui quân. Quân đội của chúng ta ở Hà Bắc đang ngóng vọng bệ hạ, nếu chúng ta tiến quân sẽ là một động cơ thúc đẩy mạnh mẽ cho chí khí của binh sĩ ở Hà Bắc; nếu lui quân điều đó làm cho lòng quân xao động, dân chúng thất vọng, kẻ địch sẽ thừa cơ tấn công chúng ta, lúc đó e rằng đến thành Kim Lăng bệ hạ cũng không giữ nổi. Triệu Hằng miễn cưỡng nghe theo lời khuyên của tể tướng, ông tiếp tục hành quân về phía trước, vượt sông tiến vào thành Thiền Châu. Quân Tống đóng quân ở các ngả đường nhìn thấy cờ rồng của hoàng để bay phấp phới, bọn họ đều phấn khởi, chí khí được cổ vũ mạnh mẽ, và đều tung hô "Vạn Tuế". Tể tướng chỉ huy quân lính ra trận, các binh lính ai nấy đều dũng cảm chiến đấu quên mình, giết vô số quân Liêu và giết chết chủ tướng Túc Đạt Lan. Thái hậu Túc lúc thấy Triều Tống hòa khí bừng bừng, khó lòng đánh bại, bà ta phải xin cầu hòa. Nhờ sự giúp đỡ của tế tướng và sứ giả, bọn họ đã đến doanh trại quân Liêu để thảo luận các điều kiện hòa bình. Tháng 10, hai bên đã thỏa thuận xong các điều lệ mà đối phương nêu ra: quân Tống tặng cho quân Liêu 10 vạn đồng bạc 20 vạn tấm lụa; đổi lại quân Liêu sẽ lui quân. Từ đó tiền bằng bạc trở thành một gánh nặng cho dân chúng.

Về sau Triệu Hằng lại nghe lời xàm tấu của phó tể tướng hận tể tướng súi bẩy mình xuất quân để mang họa và ông bãi bỏ tước vị của tể tướng, trọng dụng phó tể tướng... Ông ngụy tạo "Thiên Thu", đề cao phật giáo, đạo giáo, nho giáo, tin vào mê tín, mở mang việc xây dựng cung điện, bức ép dân chúng nền chính trị suy bại, mâu thuẫn xã hội ngày một gay gắt.

Năm 1021, Triệu Hằng ốm, tháng 2 năm sau, bệnh của ông chuyển ra nguy kịch. Ngày Mậu Ngọ ông truyền ngôi cho thái tử. Được một thời gian ông mất tại điện Diên Khánh cung Biện Kinh.

Hiệu miếu của ông được đặt là Chân Tông.

NHÂN TÔNG (TRIỆU TRINH)
(TRIỀU BẮC TỐNG)

Nhân Tông, ông ta tên là Triệu Trinh (1010 - 1063), ông vốn dĩ có tên là Thụ Ích. Ông là con thứ 6 của Chân Tông. Ông kế vị sự nghiệp của cha. Ông trị vì 42 năm, ốm chết. Hưởng thọ 54 tuổi. Mai táng ở Vĩnh Chiêu Lăng (nay thuộc huyện Củng tỉnh Hà Nam).

*

Triệu Trinh lần lượt được phong làm Thọ Xương Vương, Thăng Vương. Trong lúc bệnh tình nguy kịch Chân Tông đã truyền ngôi cho ông, và ông cho đổi niên hiệu là "Thiên Thánh".

Trong thời gian ông trị vì, nền kinh tế xã hội và khoa học kỹ thuật, văn hóa... đều có sự phát triển. Ông chi tiêu rất tiết kiệm.

Một hôm vào mùa thu, quan viên mang sò đến biếu ông. Triệu Trinh hỏi chỗ sò đó mang từ đâu đến, các hạ thần đáp: Lấy từ một nơi rất xa. Ông hỏi tiếp chỗ sò đó đáng giá bao nhiêu tiền. Ông nhận được sự trả lời: tổng cộng: 28 con sò (mỗi con là 1000 đồng). Triệu Trinh nói: "Trẫm thường giáo huấn các khanh phải chi tiêu tiết kiệm, bây giờ chỉ ăn vài con sò vậy mà phải tiêu phí 28000 đồng, thật lãng phí trẫm không ăn". Và ông cũng bỏ cơm không ăn.

Một lần khác, buổi sáng sớm tỉnh dậy, ông nói với người hầu: "Tối qua trẫm rất đói, trẫm không ngủ được, lúc đó trẫm rất muốn ăn thịt dê nướng".

Người hầu đáp: "Tại sao bệ hạ không sai hạ thần đi lấy món ăn đó?" Triệu Trinh trả lời: "Nếu như trẫm hạ chỉ, tất nhiên các khanh phải tuân theo mệnh lệnh của trẫm nhưng lúc đó lại phải làm phiền dân chúng, chi bằng trẫm không ăn thì hơn".

Có lần Vương Tố khuyên Triệu Trinh cần phải rời xa nữ sắc, Triệu Trinh đáp lại: "Mấy hôm trước, Vương Đức Dụng có tặng cho trẫm vài cô gái đẹp, hiện giờ các cô gái đó đang ở trong cung, trẫm rất ưng mấy cô đó, khanh để trẫm giữ lại một cô gái được không. Vương Tố nói: "Hôm nay thần nói những lời thật lòng, thần chỉ sợ bệ hạ vì nữ sắc mà rơi vào cảnh truỵ lạc". Triệu Trinh vâng, tuy không vui vẻ nhưng vẫn ra lệnh cho thái giám: "Lí Đức Dụng có tặng thần mấy mĩ nữ, nhưng mỗi người phải mua mất 300 quan. Lập tức mang bọn họ dời khỏi li cung, xong việc phải quay lại báo cáo trẫm". Nói xong, nước mắt ông chảy ròng ròng. Vương Tố lại nói tiếp: "Nếu bệ hạ thấy những lời nói của thần là đúng, cũng không cần phải giải quyết theo cách đó. Mĩ nữ đã mang vào cung, hay là cho bọn họ ở trong cung một thời gian rồi đuổi đi cũng được" Triệu Trinh trả lời: "Tuy làm hoàng đế, nhưng trẫm cũng trọng tình cảm. Để bọn họ ở đây một thời gian, sợ rằng ân tình sâu nặng rồi không muốn đuổi đi". Một hôm sau buổi thiết triều, Triệu Trinh quay về tẩn cung, vì bị ngứa đầu nên ông không cởi áo hoàng bào mà lột bỏ luôn mũ, lấy lược đưa thái giám để bảo anh ta chải đầu hộ. Lúc chải đầu cho Triệu Trinh, thái giám thấy ông có một bản tấu cất trong áo, liền hỏi: "Bệ hạ nhận được bản tấu về vấn đề gì vậy?" Ông đáp đó là bản kiến nghị của quần thần muốn giảm bớt cung nữ và thị tùng trong cung. Thái giám nói: "Trong nhà các đại thần đều có vũ nữ để múa hát, khi bọn họ được thăng chức, ai nấy đều tăng thêm người hầu và thê thiếp. Thị tùng phục vụ bệ hạ không phải là nhiều, vậy mà họ còn đòi giảm bớt, quả thật rất quá đáng!" Ông không tiếp lời anh ta. Thái giám lại hỏi: "Kiến nghị của bọn họ, bệ hạ có phê chuẩn không?" Ông đáp lại: "Lời can gián của các đại thần trung thực đương nhiên phải thu nạp". Từ khi được phục vụ hoàng thượng, anh ta luôn được sủng ái, vì thế anh ta không bằng lòng nên nói: "Nếu bệ hạ thu nạp, xin bệ hạ hãy bỏ nô tài". Nghe anh ta nói, ông đứng dậy sai gọi tổng quản thái giám vào phòng. Lấy sổ sách kiểm tra, sau đó bãi miễn 29 cung nữ và viên thái giám chải đầu cho ông, cho bọn họ rời hoàng cung... Sau chuyện này hoàng hậu chất vấn: "Thái giảm chải đầu cho bệ hạ là người thân tình lâu năm, trong cung nhiều người như vậy, tại sao lại bãi miễn anh ta mà không bãi miễn người khác?" Ông nói: "Anh ta khuyên trẫm cự tuyệt những lời can gián trung thực, làm sao trẫm có thể giữ một người như vậy ở bên cạnh".

Mặt khác, trong thời gian ông trị vì, việc thôn tính đất đai ngày một nghiêm trọng, quan lại, quân đội và đại phu ngày một nhiều, ngân khố quốc gia trống rỗng. Tây Hạ và nước Liêu liên tiếp tấn công, ông chống đỡ không nổi nên xin cầu hòa. Việc cống tiền bạc cho triều Tây Hạ và Liêu ngày một nhiều. Nội bộ tập đoàn thống trị mâu thuẫn gay gắt, khởi nghĩa nông dân nổ ra liên tiếp. Để chống đỡ những nguy cơ nguy hiểm: ông cho Phạm Trọng Am làm phó thừa tướng, phụ trách công việc cải cách. Nhưng do sự phản đối gay gắt của hoàng thân quốc thích và quý tộc..., ông bãi miễn Phạm Trọng Am, công cuộc cải cách không thực hiện được, dần hình thành cục diện nghèo nàn và suy thoái.

Ông mất ngày Tân Mùi tháng 3 năm 1063 tại điện Phúc Ninh cung Biện Kinh. Ông để lại di chiếu do thái Triệu Thự kế vị, phong hoàng hậu Tào làm thái hậu, việc tang lễ làm đơn giản.

Sau khi ông chết lấy hiệu miếu là Nhân Tông.

ANH TÔNG (TRIỆU THỰ)
(TRIỀU BẮC TỐNG)

Anh Tông, ông tên là Triệu Thự (1032 - 1067) ông là con nuôi của Nhân Tông. Kế vị khi cha nuôi chết. Ông trị vì 6 năm, ốm chết. Hưởng thọ 36 tuổi. Mai táng ở Vĩnh Hậu Lăng (nay thuộc huyện Củng tỉnh Hà Nam)

*

Triệu Thự, là cháu của Thái Tông Trọng và cũng là cháu của Thượng Cung Tĩnh Vương Triệu Nguyên Phần. Triệu Thự là con trai thứ 13 của Bộc Dương Nghị Vương Triệu Sung Nhượng. Từ lúc nhỏ Triệu Thự được Nhân Tông đón vào hoàng cung làm con nuôi, được 1; 2 năm lại quay về nhà. Lúc 5 tuổi Triệu Thự bị Nhân Tông đổi tên là Tông Bảo. Năm 1050 ông được cử làm liên sứ ở Nhạc Châu. Sau đó làm khanh sứ trấn giữ ở Tần Châu. Năm 1055 ông được lập làm thái tử. Tháng 3 năm 1055 Nhân Tông chết, ngày Nhâm Thân tháng 4 ông lên kế vị, ông đổi niên hiệu là "Trị Bình".

Trong thời gian Triệu Thự trị vì ông trọng dụng các đại thần: Tằng Công Lượng, Hàn Kì, Văn Ngạn Phó... ông không có tư tưởng cải cách, ông không phát động chiến tranh với các nước Liêu, Tây Hạ... Tháng 11 năm 1066, Anh Tông bị ốm, ông sai gọi học sĩ Trương Văn Định đến. Lúc này tinh thần rất suy sụp đau buồn ông nói với Trương Văn Định: "Có lẽ trẫm sắp vĩnh biệt khanh". Ông lại chỉ vào tờ giấy đặt trên giường. Trương Văn Định nhìn thấy trên mặt tờ giấy đó viết: "Ngày mai giáng chiếu lập hoàng thái tử". 8 chữ đó, không chỉ rõ hoàng thái tử là ai, Trương Văn Định biết Anh Tông muốn hỏi ý kiến mình. Anh ta đành thay mặt Anh Tông lập con trưởng của hoàng đế là Triệu Tu làm hoàng thái tử. Anh Tông cũng rất tán đồng với ý kiến đó. Trương Văn Định đưa bút cho Triệu Thự viết, nhưng ông ta không còn sức lực để cầm bút. Ông ta đành cố gắng viết 3 chữ "Đại đại vương". Ngày Đinh Tị tháng 1 năm 1067 Triệu Thự mất tại điện Phúc Ninh cung Biện Kinh.

Sau khi ông chết lập hiệu miếu là Anh Tông.

THẦN TÔNG (TRIỆU TU)
(TRIỀU BẮC TỐNG)

Thần Tông, ông ta tên là Triệu Tu (1048 - 1085). Ông là con trưởng của Anh Tông. Ông kế vị khi cha chết. Ông trị vì 18 năm, ốm chết. Hưởng thọ 38 tuổi. Mai táng ở Vĩnh Dục Lăng (nay thuộc huyện Củng tỉnh Hà Nam).

*

Thần Tông lần lượt nhận những chức vị: Hoài Dương Vương, Dĩnh Vương. Lúc Anh Tông gặp bệnh tình nguy hiểm đã lập ông làm hoàng thái tử. Triệu Tu thích đọc cuốn "Hàn Phi Tử". Đọc xong cuốn sách đó ông nói: "chuyện khó trong thiên hạ rất nhiều, nhất thiết phải cải cách". Ngày Đinh kỉ tháng 1 năm 1067 ông lên kế vị. Ông đổi niên hiệu là "Hi Hinh".

Sau khi đăng cơ, phải đối diện với cục diện "tích nghèo tích yếu", để thực hiện mục tiêu nước giàu dân mạnh và làm dịu mâu thuẫn giai cấp... ông thực hiện 1 loạt chính sách như không xây dựng và không sửa sang cung thất, không đi du lịch, phế truất các nguyên lão, bắt đầu dùng biến pháp mới, biến pháp này do Vương An Thạch chủ trì. Sau hơn 10 năm thực hiện cải cách nền tài chính quốc gia có sự thu nhập đáng nể, lực lượng quân sự cũng gia tăng. Do

biến pháp cải cách này động chạm đến lợi ích của bọn địa chủ nên vấp phải sự phản đối mãnh liệt của phái bảo thủ. Lúc đó, ở một địa phương bị động đất và phát sinh núi lửa, phái bảo thủ dựa vào đó để nói biến pháp Vương An Thạch không đúng nên làm ông trời tức giận. Năm 1073, địa khu Hà Bắc bị thiên tai, dân cư ở đó phải đi lưu vong, có một viên quan trong phái bảo thủ nắm ngay cơ hội đó, anh ta vẽ một bức tranh "Lưu dân đồ" dâng cho Triệu Tu xem và nói: "Thiên tai là do biến pháp Vương An Thạch gây ra, chỉ cần đình chỉ biến pháp và bãi miễn chức vụ của Vương An Thạch, thần tin rằng ông trời sẽ ngưng trừng trị, không gây ra thiên tai". Thái hậu Tào và thái hậu Cao cũng khóc và xin Triệu Tu đình chỉ biến pháp để đỡ gây hoạn nạn do ông trời trừng phạt. Thần Tông bị sức ép nên cũng dao động, Vương An Thạch hai lần bị ép từ quan. Sau khi Vương An Thạch từ quan, Triệu Tu bắt bãi bỏ hết những cải cách của mà đã duy trì hơn 10 năm.

Trong cuộc chiến tranh với Tây Hạ, thời gian đầu ông trọng dụng Vương Chiêu nên giành được thắng lợi trong chiến dịch Hi Hà, về sau ông lại tin dùng hoạn quan Lí Hiến, Lí Hiền là kẻ bất tài không biết chỉ huy trận mạc nên bị thất bại.

Tháng 1 năm 1085, Triệu Tu bị ốm, tháng 2 bệnh tình chuyển ra nguy kịch, tháng 3 ông lập Triệu Dung làm thái tử và cho phép Thái hậu Cao tham gia quản lí triều chính. Ngày Mậu Tuất ông mất tại điện Phúc Ninh cung Biện Kinh.

Sau khi ông chết lập hiệu miếu là Thần Tông.

THÁI HẬU CAO (THÁI HẬU TUYÊN NHÂN)
(TRIỀU BẮC TỐNG)

Thái hậu Cao (1032 - 1093). Bà là hoàng hậu của Anh Tông. Là mẹ đẻ của Thần Tông. Bà nhiếp chính 9 năm, ốm chết, hưởng thọ 62 tuổi. Mai táng ở Vĩnh Dục Lăng (cùng chỗ với Thái Tông).

*

Thái hậu Cao quê ở Gia Thành (nay thuộc huyện Gia Thành tỉnh An Huy), bà xuất thân trong gia đình quan lại quyền quý, bà là em họ của thái hậu Tào (hoàng hậu Nhân Tông). Năm 1065 bà được Anh Tông sắc phong làm hoàng hậu. Thần Tông chết, lúc đó Triết Tông còn nhỏ tuổi, bà đã lấy thân phận thái hoàng thái hậu để lâm triều nhiếp chính.

Trong thời gian chấp chính, bà trọng dùng những đại thần trong phái Bảo Thủ, ví dụ như: Tư Mã Quang, Lã Công Giả, Văn Ngạn Phó, và bài trừ biến pháp của Vương An Thạch; bà còn giao nộp 4 vùng: An Cương, Nhũ Đề, Giả Lô, Mã Chi... cho triều Tây Hạ.

Mùa thu năm 1093 bà ốm nặng, bà triệu gọi: đại thần Lã Phòng, Phạm Thuần Nhân... và nói với bọn họ: "Sau khi ta chết, hoàng thượng (Triệu Tông) sẽ không trọng dụng các khanh. Hai khanh là người thông minh, hãy chủ động từ quan để hoàng thượng chọn dùng những người mà hoàng thượng thích, các khanh làm vậy mới tránh được họa".

Vài ngày sau bà mất tại Biện Kinh.

TRIẾT TÔNG (TRIỆU HÚC)
(TRIỀU BẮC TỐNG)

Triết Tông, ông ta tên là Triệu Húc (1077 - 1100), ông vốn có tên là Nguyên Dung. Ông là con thứ 6 của Thần Tông. Ông kế vị khi cha chết. Ông trị vì 15 năm, ốm chết. Hưởng dương 24 tuổi. Mai táng ở Vĩnh Thái Lăng (nay thuộc huyện Củng tỉnh Hà Nam).

*

Triệu Húc được phong làm Đình An quận vương. Trong lúc bệnh tình nguy kịch Thần Tông đã lập Triệu Húc làm thái tử. Ngày Mậu Tuất tháng 3 năm 1085 ông lên kế vị và đổi niên hiệu là "Nguyên Hựu".

9 tuổi, ông đã làm hoàng đế, một hôm để học nghi thức tiếp đón sứ giả tộc Khiết Đan. Đại thần Thái Thị Chính sợ Triệu Húc nhỏ tuổi, khi nhìn thấy dung mạo và phục trang của người Liêu mà sợ hãi, nếu vậy sẽ làm mất mặt bản quốc do đó anh ta dẫn Triệu Húc đi xem dung mạo và phục trang của tộc Khiết Đan, nói Triệu Húc không nên sợ, anh ta giảng đi giảng lại mấy mươi lần cho Triệu Húc hiểu. Triết Tông nghe anh ta nói xong và hỏi lại 1 cách nghiêm túc: "Sứ giả Khiết Đan là người có phải không?" Thái Thị Chính nói: "Đương nhiên anh ta là người" Triệu Húc vặn lại: "Nếu là người, việc gì trẫm phải sợ anh ta?" Thái Thị Chính không ngờ 1 đứa trẻ 9 tuổi lại có chính kiến cứng rắn và kiên quyết, anh ta vội vàng thối lui.

Thái hậu Cao chết, Triết Tông chính thức nắm quyền điều hành triều chính. Ông lại đổi niên hiệu là "Thiệu Thành" niên hiệu đó mang ý nghĩa sẽ kế tục cải cách của Thần Tông. Ông chọn dùng Tằng Bố, bãi miễn Lã Đại Phòng, Lưu Thế... đoạt lại quyền hành của Tư Mã Quang, Lã Công Giả... khôi phục lại cải cách do Vương An Thạch đề ra; tăng cường phòng vệ ở phía Tây và phía Bắc, đẩy lui sự tấn công của Tây Hạ. Trong đối nội và đối ngoại ông đều làm theo cách thức trong biến pháp của Vương An Thạch.

Mùa đông 1099, ông bị ốm. Ngày Kỉ Mão tháng 1 năm 1100 ông mất tại Biện Kinh.

Sau khi ông chết lập hiệu miếu là Triết Tông.

VI TỘNG (TRIỆU CÁT)
(TRIỀU BẮC TỐNG)

Vi Tông, ông ta tên là Triệu Cát (1082 - 1135), ông là con thứ 11 của Thần Tông và là em của Triết Tông. Khi Triết Tông chết thái hậu lập ông làm đế. Ông trị vì 25 năm, ông làm mất nước bị bắt làm tù binh và bị giày vò mà chết. Hưởng thọ 54 tuổi, mai táng ở Vĩnh Hựu Lăng (nay thuộc huyện Thiệu Hưng tỉnh Chiết Giang).

*

Triệu Cát được phong làm Đoan Vương. Tháng 1 năm 1100 Triết Tông mất, do Triết Tông không có con nên thái hậu đã lập Triệu Cát làm hoàng đế, lễ đăng cơ tổ chức vào tháng 1, ông đổi niên hiệu là "Kiến Trung Tĩnh Quốc".

Lên ngôi không được bao lâu; ông trọng dụng 6 người: Thái Kinh, Vương Phụ, Đồng Quý, Lương Sư Thành. Lí Ngan, Chu Miễn. 6 người này được mệnh danh là "lục tặc". Ông lấy khẩu hiệu "Thiệu Thuật" (tiếp tục cải cách).

Ông chi tiêu xa xỉ hoang phí, cùng với "lục tặc" gia tăng thuế má bức hại dân, xây dựng các công trình thủy mộc, tu sửa lâm viên cung điện. Ông sai Chu Miễn xây dựng Cục Ứng Phụng (nơi dâng đồ biếu xén) tại Hàng Châu và Tô Châu, chuyển các loại hoa cỏ kỳ lạ và đá quý hiếm ở vùng Giang Nam đến, gọi là "Hoa Thạch Cương" đến Biện Kinh để tu sửa hoa viên, ngân khố của Triều Tông dành dụm được bao nhiêu bây giờ bị ông ta tiêu tán hết "Hoa Thạch Cương" khiến nhiều gia đình bị mất mạng, gia sản bị tiêu tán. Nhà nào có hoa có đá sẽ bị tịch thu, Vương Miễn liền sai nha dịch đến niêm phong; nói đó là của cải của hoàng thượng không được động đến, sau đó bọn chúng phá tường để vận chuyển hoa đá, dùng thuyền mang về Biện Kinh. Một lần phải chuyển một phiến đá Thái Hồ, phiến đá này cao 4 trượng, trên đường đi bắt ép vài nghìn dân phu dùng thừng kéo thuyền, nếu gặp phải cầu gỗ hoặc tường thành cản trở Vương Miễn đều ra lệnh phá bỏ chướng ngại vật. Có những hoa đá có diện tích lớn, nếu đi bằng đường sông thì không vận chuyển được, do đó Vương Miễn sai đi theo đường biển, chuyện đó làm vô số người mất mạng. Nhân dân bị bức ép, thống khổ vô cùng, nhiều cuộc khởi nghĩa nông dân

đã nổ ra, Triệu Cát lại phái binh lính đi tàn sát đẫm máu.

Triệu Cát rất sùng tín Đạo Giáo, cho xây nhiều đạo quan tự xưng là giáo chủ đạo quân hoàng đế, ông thường mời đạo sĩ tới xem tướng mệnh. Sinh nhật của ông vào ngày 515, đạo sĩ cho rằng đó không phải là điềm tốt, ông ta liền đổi lại ngày 10/10. Ông ta sinh vào ngày Tuất vì thế ông cấm dân trong thành Biện Kinh nuôi chó.

Ông còn là 1 nhà thư họa, ông thiên về vẽ tranh hoa điểu. Tháng 10 năm 1125, đại quan nhà Kim tiến xuống phía Nam xâm lược triều Tống, đại tướng Quách Dược Sa chỉ huy cánh quân phía Đông tiến vào Biện Kinh. Nhận được tin báo, Triệu Cát vội sai dỡ bỏ Hoa Thạch Cương và viết chiếu nhận tội, thừa nhận những việc làm sai lầm của mình, muốn lấy lại lòng dân. Đại quân Kim áp sát chân thành Biện Kinh. Vi Tông vừa sợ vừa lo lắng; Ông kéo tay một đại thần nói: "Trẫm không nghĩ rằng quân Kim lại đối xử tệ với trẫm như vậy". Ông chưa nói hết câu đã tắc nghẹn ở cổ, hận cho cảnh tượng triều Tống. Một lúc sau, ông lấy giấy và bút viết vài chữ "truyền ngôi cho hoàng thái tử". Tháng 12, ông tuyên bố thoái vị, tự xưng là "thái thượng hoàng", ông nhường ngôi cho con trai là Triệu Hoàn, ông dẫn theo "lục tặc" mượn cớ là đi thắp hương cầu khẩn để chạy đến thành Mông thuộc An Huy. Tháng 4 năm sau đại quân nhà Kim bị Lí Cương đánh bại phải quay về phương Bắc, lúc đó Triệu Cát mới dám về Biện Kinh.

Cuối tháng 11 năm 1126 quân Kim lại tấn công xuống phía Nam, Ngày 15 tháng 12 thành Biện Kinh thất thủ, hoàng đế Kim phế truất Triệu Cát và Triệu Hoàn làm thứ dân. Cuối tháng 3 năm 1127 hoàng đế Kim sai áp giải hai cha con Triệu Cát, các hậu phi, tông thất quan lại. Các thợ thủ công, nhạc công về miền Bắc, quân Kim còn cướp rất nhiều bảo vật quý, đồ dùng, tàng thư của hoàng gia, bản đồ các châu phủ... Mọi của cải quý báu ở thành Biện Kinh đều bị cướp hết, kinh thành xơ xác, điêu tàn. Triều Bắc Tống diệt vong. Vì sự việc phát sinh ở niên giám Tĩnh Khang, trong sử gọi là "cuộc biến năm Tĩnh Khang". Theo truyền thuyết, Triệu Cát nghe tin của cải và sách quý bị cướp đi, ông ta ngửa mặt lên trời mà than thở. Trên đường bị giải đến miền Bắc, ông ta bị giày vò và bị nhục mạ. Đầu tiên là ái phi bị quân Kim làm nhục. Tiếp đó đến thành đô nước Kim, Triệu Cát và Triệu Hoàn bị ép mặc áo tang và đi đến thái miếu của quân Kim để cúng tế hoàng đế Kim, ép hai cha con ông ta làm vậy cốt để báo cho tổ tiên biết đã bắt được tù binh. Hoàng đế Kim giáng Triệu Cát làm Hỗn Đức Hầu và lại bị giải đến Hàn Châu (nay thuộc huyện Xương Đồ tỉnh Liêu Hinh) và sau lại bị giam lỏng ở thành Ngũ Quốc (nay thuộc huyện Y Lan tỉnh Hắc Long Giang). Trong thời gian bị giam lỏng, Triệu Cát luôn buồn rầu, đau khổ ông viết nhiều bài thơ oán hận, thê lương...

Nhưng nỗi hận của ông ta chỉ căn cứ vào lỗi lầm của các đại thần nên dẫn tới cảnh giang sơn xã tắc bị phá hoại, ông ta không hề nhận thức đến sự ăn chơi xa xỉ của mình nên mới dẫn tới cảnh mất nước và kết cục mình bị giam lỏng. Tháng 7 năm 1127 Triệu Cát định phái đại thần Tào Huân chạy về Nam Tống và viết vài dòng lên trên áo may ô của Tào Huân, trên chiếc áo đó "Con (chỉ Triệu Cao Tông) hãy nhanh đến giải cứu cha mẹ". Triệu Cát cho các đại thần khác xem, bọn họ đều khóc mãi không thôi. Triệu Cát khóc hu hu trước mặt Tào Huân, và nhắn nhủ với Cao tông "Đừng có quên nỗi thống khổ của cha mẹ ở miền Bắc" nói xong mấy câu đó ông lấy khăn tay màu trắng lau nước nước mắt, ông giao chiếc khăn đó cho Tào Huân và nói: "Hãy để cho hoàng thượng (Cao Tông) biết ta luôn nhớ về cố quốc và tình cảnh đau thương ở quê người".

Triệu Cát bị giam lỏng 9 năm. Ngày Giáp Tí tháng 4 năm 1135 ông mất tại thành Ngô Quốc do bị đau khổ về tinh thần. Kim Hi Tông sai mai táng Triệu Cát ở Quảng Hinh (Hà Nam) (nay gần thành phố Lạc Dương tỉnh Hà Nam). Ngày Ất Dậu năm 1147 căn cứ vào hiệp ước của nước Tống - Kim, do đó thi hài của Triệu Cát được chuyển về Lâm An (nay là thành phố Hàng Châu tỉnh Triết Giang). Vì vậy thi hài Tống Cao Tông mai táng ở Vĩnh Hựu Lăng, lập hiệu miếu là Vi Tông.

KHÂM TÔNG (TRIỆU HOÀN)

Khâm Tông, ông ta tên là Triệu Hoàn (1100 - 1161), ông còn có tên là Tuyến. Ông là con trưởng của Vi Tông. Vi Tống nhường ngôi cho ông. Ông trị vì 2 năm, mất nước bị bắt làm tù binh vì bị ngựa giẫm chết. Hưởng thọ 57 tuổi. Mai táng ở Vĩnh Hiến Lăng (nay thuộc huyện Củng tỉnh Hà Nam).

*

Ngày Tân Dậu tháng 12 năm 1125 Vi Tông nhường ngôi cho Triệu Hoàn, ông đổi niên hiệu là "Tĩnh Khang"

Thời gian Triệu Hoàn trị vì, quân Kim bao vây thành Biện Kinh, ông nhát gan, định chạy xuống phía Nam nhưng Lí Cương cản trở. Dưới sức ép của quân và dân nước Tống, ông ta đứng lên chống địch, ông đành ép Lí Cương chủ trì việc giữ thành, đẩy lui quân Kim. Nhưng ông ta đã dâng cho quân Kim 3 trấn: Thái Nguyên... và đến mười mấy vạn tiền... nhằm xin cầu hòa, ông còn các quân ở các địa phương đến cứu viện. Sau khi quân Kim quay về nước, ông bãi miễn Lí Cương đồng thời phế truất Thái Kinh và giết Đồng Quý...

Cuối năm 1126, quân Kim nghe tin Lí Cương bị bãi miễn chức vụ, vì thế bọn chúng lại tấn công kinh thành Biện Kinh. Triệu Hoàn vừa lo vừa sợ ông ta dự định đầu hàng. Ông phái em trai là Triệu Câu đến doanh trại địch đàm phán điều kiện cầu hòa. Tháng 11, địch bao vây thành Biện Kinh và đánh chiếm đô thành, lòng quân dân nước Tống phân tán, hơn 3 vạn cấm vệ quân chạy trốn chỉ còn lại 1/2. Triệu Hoàn bó tay chịu chết, không có biện pháp giải quyết. Lúc này trong thành Biện Kinh có 1 người tên là Quách Kinh, anh ta là 1 long binh nhưng có tài bói toán, nghe nói anh ta có thể thực hiện lục giáp pháp, chỉ cần dùng 7777 người có thể tóm bắt thống sư quân Kim và đẩy lui sự xâm lược của bọn chúng, anh ta còn nói chọn ngày hoàng đạo để phái 300 giáp binh chạy đến Âm Sơn (nay thuộc núi Đại Thanh - Hội Mông Cổ) để chiếm được hòn đảo của nước Kim. Triệu Hoàn tin vào lời nói của anh ta, ông phong anh ta làm quan và đưa cho anh ta mười mấy vạn vàng bạc, sai anh ta chiêu mộ 6 giáp pháp. Quách Kinh toàn chiêu nạp những tên vô lại và lập thành 1 đội quân. Đội quân đó vừa ra trận đã bị quân Kim đánh cho tan tác, Quách Kinh lợi dụng việc đó và chạy mất tăm. Quân Kim lợi dụng lúc quân Tống không đánh kịp cổng thành nên bọn chúng xông vào thành Biện Kinh. Quân và dân Tống khẩn thiết yêu cầu hoàng đế chống địch, Triệu Hoàn không đồng tình với ý kiến đó, ông phái tể tướng đến trại địch xin cầu hòa. Chủ soái của quân Kim yêu cầu Triệu Hoàn đích thân đến trại Kim. Triệu Hoàn vô phương bấu víu khóc lóc dẫn đầu đám quần thần, quỳ gối trước doanh trại địch. Chủ soái của quân Kim bắt Triệu Hoàn bồi thường tiền bạc, tiếp đó quân Kim vơ vét hết tài sản ở đô thành: 1000 vạn lạng vàng, 2000 vạn lạng bạc, 1000 vạn tấm lụa... Triệu Hoàn dăm lần 7 lượt phái hoàng thân quốc thích, quan sứ, tăng nhân, dân chúng tới giúp đỡ quân Kim chuyển tài sản cướp đoạt, việc vơ vét mất hai mấy ngày. Vậy mà quân Kim vẫn chưa thỏa lòng, bọn chúng còn giết chết 4 viên quan của triều Tống.

Mùa thu năm 1127, quân Kim lại bắt ép Triệu Hoàn phải đi đến doanh trại Kim. Triệu Hoàn vừa đến liền bị bọn chúng áp giải đi. Mấy hôm sau Triệu Cát cũng bị giải đến doanh trại. Kim Thái Tông sai phế truất Triệu Cát và Triệu Hoàn làm thứ dân. Cuối tháng 3 bọn họ bị giải miền Bắc. Triệu Hoàn bị hạ nhục và được phong làm Trọng Hãn Hầu, về sau bị giam lỏng ở Hàn Châu, được một thời gian lại chuyển đến giam ở thành Ngũ Quốc. Mấy năm sau Triệu Hoàn phải dời đến cư trú tại Yên Kinh, tinh thần ông ta bị giày vò. Năm 1161 hoàng đế Kim sai Triệu Hoàn làm đội trưởng đội kị binh, trong một trận giao chiến, Triệu Hoàn bị ngã ngựa và con ngựa đó giẫm chết ông ta. Sau khi ông ta chết, Kim Thái Tông sai mai táng Triệu Hoàn ở Củng. Về sau này Kim Thế Tông lại mang hài cốt của Triệu Hoàn về táng ở khu Lăng mộ các hoàng đế Bắc Tống tại huyện Củng tỉnh Hà Nam.

Hiệu miếu của Triệu Hoàn là: Khâm Tông.

TRIỀU NAM TỐNG

(Năm 1127 - 1279, tổng cộng 153 năm)

Triều Nam Tống là triều đại kế tiếp sự nghiệp triều Bắc Tống, triều đại này đặt kinh đô ở lưu vực sông Trường Giang, điều đó làm cho nền kinh tế xã hội tiếp tục phát triển, thể hiện sự phồn vinh.

*

Triều Nam Tống có 9 hoàng đế, trong đó 3 người bị ốm chết, 1 người làm mất nước nên nhẩy xuống biển tự vẫn, 1 người chết do sợ hãi khi bị quân Nguyên truy kích, 1 người bị giết, 3 người sau khi thoái vị thì ốm chết.

Ngoài ra còn phụ chú về thái hậu Tạ, bà ta bị quân Nguyên bắt làm tù binh về sau ốm chết.

CAO TÔNG (TRIỆU CÂU)
(TRIỀU NAM TỐNG)

Cao Tông, ông ta tên là Triệu Câu (1107 - 1187), tên tự của ông là Đức Cơ. Ông là con trai thứ 9 của Vi Tông và là em trai của Khâm Tông. Triều Bắc Tống bị diệt vong, ông chạy đến Nam Kinh và xưng đế. Ông trị vì 36 năm, bị ép nhường ngôi sau đó ốm chết. Hưởng thọ 81 tuổi. Mai táng ở Vĩnh Tư Lăng (nay thuộc núi Bảo cách 35 km về phía Đông Nam huyện Thiệu Hưng tỉnh Chiết Giang).

*

Triệu Câu lần lượt nhận những tước vị: Quảng Bình Vương, Khang Vương. Năm 1126 - đại quân Kim xâm lược đô thành nước Bắc Tống, phụng mệnh của Khâm Tông do đó Triệu Câu và Trương Bang Xương cùng nhau đến nước Kim xin cầu hòa. Lúc đi qua Từ Châu (nay thuộc huyện Từ tỉnh Hà Bắc), quan Châu là Tông Trạch khuyên can nói: "Quân Kim muốn anh đi cầu hòa, đây chính là trò kịch lừa người, bọn họ đã mang quân tiến sát chân thành Biện Kinh, việc đi cầu hòa còn có lợi ích và tác dụng gì nữa đâu, anh đi đến nước Kim há chẳng phải tự chui đầu vào rọ đó sao". Dân chúng cũng giữ ngựa của Triệu Câu không cho ông đi. Triệu Câu sợ mình đến nước Kim sẽ bị giữ lại ở đó, ông bèn đóng giữ ở Tương Châu (nay là huyện An Dương tỉnh Hà Nam) và xưng là đại nguyên sư của binh mã ở Hà Bắc.

Năm 1127, quân Kim đánh chiếm thành Biện Kinh triều Bắc Tống bị diệt vong, Triệu Câu chạy đến Nam Kinh (nay thuộc phía Nam huyện Thương Khâu tỉnh Hà Nam) và xưng đế tại đó, ông đổi niên hiệu là "Kiến Viêm".

Sau khi xưng đế, dưới sự truy kích của quân Kim, ông liên tục chạy về phía Nam, sau đó định đô ở Lâm An (nay thuộc thành phố Hàng Châu tỉnh Chiết Giang). Theo truyền thuyết, một lần Triệu Câu ở bờ bắt sông Hoàng Hà bị quân Kim truy kích, chỉ có mình ông đơn thương độc mã chạy trốn. Về sau có con trai của một trung thần tên là Lí Mã liều chết cõng ông chạy qua sông, may thay lúc đó có một con thuyền đón ông do đó ông mới thoát nạn. Sau chuyện này để tâng bốc cho bộ mặt thiên tử của chính mình, ông ta nói có thiên thần trợ giúp và bịa đặt ra câu chuyện "Ngựa đất qua sông đóng Khang Vương". Ông sợ Lí Mã vạch trần câu chuyện giả dối của mình, vì thế cho Lí Mã uống thuốc câm được ít lâu lại giết chết Lí Mã.

Trong thời gian Triệu Câu trị vì, ông phong Lí Cương làm thừa tướng, phát động quân dân chống lại quân Kim, dũng khí vang lừng. Được ít lâu, ông bãi miễn chức vụ của Lí Cương và trọng dụng Uông Bá Ngạn, từ đó hình thế cuộc kháng chiến bị xấu đi, khi chạy đến Lâm An, vì hình thế của cuộc chiến bức ép sai lại sai Nhạc Phi, Hàn Thế Trọng chủ trì cuộc kháng chiến

chống Kim, nhưng hai người này đều hàng quân Kim Triệu Câu đành cho Tần Hội làm tể tướng, và xin cầu hòa với quân Kim, quỳ gối thỏa hiệp. Năm 1142, ông cùng Tần Hội cùng nhau bàn bạc sẽ qua sông Hoàng Hà, thừa thắng quân Kim truy kích bang sư Nhạc Phi quay về triều, vạch kế hoạch thu đoạt binh quyền của Nhạc Phi và Hàn Thế Trọng. Được ít lâu, ông vu cáo giết Nhạc Phi, lấy điều kiện áp bức và nhục nhã là cắt đất nhường lãnh thổ và xưng thần với triều Kim, ông cùng với triều Kim kí kết "Thiệu Hưng Hòa Nghĩa" (đàm phán hòa bình ở Thiệu Hưng). Triệu Câu ra sức trấn áp cuộc khởi nghĩa của Chung Tương và Dương Thái.

Năm 1161, triều Kim phá vỡ đàm phán hòa bình, bọn chúng lại xâm lược miền Nam. Cao Tông định chọn quốc sách chịu nhục để cầu an nhưng ý đồ này bị quân dân phản đối mãnh liệt, chuyện này khiến cho sự thống trị của ông khó mà duy trì, sau khi bàn bạc kĩ lưỡng với tể tướng Trần Khang Bá, Triệu Câu lấy lí do tuổi cao phiền chán chuyện chính sự và muống "sống thanh bạch, tu dưỡng thần chí". Ngày Ất Hợi tháng 6 năm 1167 ông tuyên bố thoái vị, nhường ngôi cho thái tử Triệu Thận, còn ông ta xưng làm Thái Thượng hoàng dời đến cư trú ở cung Đức Thọ.

Sau khi thoái vị, Triệu Câu tuy miệng nói không tham dự vào công việc triều chính, nhưng kỳ thật ông vẫn nhúng tay vào một số việc. Một hôm, ông đến đình Lãnh Tuyền chùa Linh Ẩn ngồi uống trà, có một hành giả (người đi tu hành chưa cắt tóc) lo liệu cho ông rất ân cần. Ông quan sát từ đầu đến chân vị hành giả rồi nói: "Tại hạ xem dáng dấp anh không giống một hành giả". Người hành giả đó khóc và kể lể: "Tôi vốn là một quận thư, vì đắc tội với giám tư - nên bị vu cáo hãm hại và bị giáng làm thứ dân. Để giữ im lặng tôi đành phải xa rời người thân và đến làm việc ở đây". Triệu Câu nói: "Ngày mai tại hạ đến gặp hoàng đế kêu oan giúp anh". Quay về cung, ông ta đi tìm hoàng đế và nói lại câu chuyện của người hành giả, ông muốn hoàng đế khôi phục lại chức vị cho anh ta. Vài hôm sau ông lại đến đình Lãnh Tuyền, nhìn thấy vị hành giả vẫn ở đó phục dịch, Triệu Câu quay về cung tham dự yến tiệc nhưng vẻ mặt lộ vẻ bực bội. Hoàng đế Triệu Thận hỏi ông làm sao lại bực tức, Triệu Câu nói: "Ta già rồi, không còn ai nghe lời ta nữa, chuyện của người hành giả, vì cớ gì con không giải quyết chuyện đó" Triệu Thận đáp: "Hôm quay con đã nói chuyện của anh ta với tể tướng, ông ấy có sai người điều tra, quả thật anh ta ăn hối lộ phá kỉ cương, miễn tội chết cho anh ta là quá khoan dung, nếu phục lại chức vị cho anh ta quả là điều không thể". Triệu Câu 1 mực không tin như vậy, ông nói: "Vậy từ nay về sau ta làm sao dám gặp lại anh ta. Ta đã hứa giúp đỡ anh ta". Triệu Thận không còn cách gì, đành đi nói với tể tướng: "Thái Thượng hoàng rất giận chúng ta, cho dù người hành giả kia có phạm tội mưu phản, trẫm cũng phải phục chức vị cho anh ta". Tể tướng bất đắc dĩ làm theo yêu cầu của hoàng đế.

Ngày Ất Hợi tháng 10 năm 1187, Cao Tông mất tại điện Đức Thọ cung Lâm An.

Sau khi ông chết lập hiệu miếu là Cao Tông.

HIẾU TÔNG (TRIỆU THẬN)
(TRIỀU NAM TỐNG)

Hiếu Tông, ông ta tên là Triệu Thận (1127 - 1194), tên tự của ông là Nguyên Vĩnh. Ông là con nuôi của Cao Tông.

Ông được cha nuôi nhường ngôi. Ông trị vì 27 năm bị ốm chết. Hưởng thỏ 68 tuổi. Mai táng ở Vĩnh Phụ Lăng (nay thuộc núi Bảo Sơn cách 35 km về phía Đông Nam huyện Thiệu Hưng tỉnh Chiết Giang).

*

Triệu Thận là cháu đời thứ 7 của Cao Tổ, cháu đời thứ 6 của Thọ Vương Lí Đức Phương và là con trai của Tú Vương Triệu Tử Xưng, Triệu Thận nhận tước vị quận vương ở Kiến An, ông sinh tại Tú Châu (nay thuộc thành phố Gia Hưng tỉnh Chiết Giang). Cao Tông không có con, nên

nhận Triệu Thận làm con nuôi. Năm 1162 Cao Tông lập Triệu Thận làm hoàng thái tử. Ông đã từng viết thư gửi Cao Tông để phản đối chuyện cầu hòa với quân Kim. Về sau Cao Tông thoái vị và nhường ngôi cho ông, khi đăng cơ ông cho đổi niên hiệu là "Long Hưng".

Sau khi lên ngôi, Triệu Thận quyết tâm sửa đổi quốc sách của Cao Tông đề ra là chịu nhục để cầu hòa với triều Kim, ông có ý định xuất binh khôi phục Trung Nguyên. Ông dẹp yên phản loạn Nhạc Phi, để khởi xướng cuộc kháng chiến, ông sai tướng Trương Tuấn phát động chiến tranh chống Kim. Nhưng khi xuất binh ông bị quân Kim đánh bại ở Phù Li (nay thuộc huyện Xá tỉnh An Huy). Lòng quyết tâm của ông bị dao động, ông bãi miễn Trương Tuấn, ông trọng dụng vây cánh của Tần Hội là Thang Tư Thoái... ông phải xưng làm cháu họ của hoàng đế và cắt nhượng lãnh thổ cho triều Kim, nhờ vào những điều kiện đó quân Kim mới đồng ý kí kết "đàm phán hòa bình Long Hưng". Sau chuyện này, cuộc chiến giữa 2 nước Tống - Kim tạm thời ngưng nghỉ, Triệu Thận lại sai Vương Hoài quản lí tài sản chuẩn bị chiến tranh.

Tháng 10 năm 1187 Cao Tông chết, trong thời gian chịu tang Triệu Thận cho phép thái tử Triệu Đốn tham dự vào công việc triều chính. Ngày Nhâm Tuất tháng 2 năm 1189 ông nhường ngôi cho thái tử còn mình xưng làm Thái Thượng hoàng, sống an nhàn tại cung Trọng Hoa, tiếp tục chịu tang Cao Tông. Triệu Đốn và Triệu Thận bất hòa, Triệu Đốn không chịu vào cung Trọng Hoa thăm cha. Vì vậy, Triệu Thận buồn rầu sinh bệnh ốm.

Ngày Mậu Tuất tháng 6 năm 1194, Triệu Thận mất tại điện Trọng Hoa trong cung Lâm An.

Sau khi ông chết lập hiệu miếu là Hiếu Tông.

QUANG TÔNG (TRIÊU ĐỐN)
(TRIỀU NAM TỐNG)

Quang Tông, ông ta tên là Triệu Đốn (1147 - 1200), ông là con trai thứ 3 của Hiếu Tông. Hiếu Tông thoái vị và nhường ngôi cho Triệu Đốn. Ông trị vì 5 năm thì thoái vị, sau đó ốm chết. Hưởng thọ 54 tuổi. Mai táng ở Vĩnh Sùng Lăng (nay thuộc núi Bảo cách 35 km về phía Đông Nam huyện Thiệu Hưng tỉnh Chiết Giang).

*

Triệu Đốn được phong làm Cung Vương. Năm 1171 Hiếu Tông lập Triệu Đốn làm hoàng thái tử, làm phủ doãn Lâm An. Tháng 2 năm 1189 Hiếu Tông nhường ngôi cho ông, sau khi đăng cơ ông đổi niên hiệu là "Thiệu Hi"

Triệu Đốn sinh sống lâu dài ở thâm cung, ít khi quan tâm tới chuyện ngoài đời. Lúc lên ngôi, ông đã 43 tuổi, đầu tóc đã bạc. Đại thần cống tặng cho ông 1 loại thuốc nhuộm tóc (còn gọi là Hà Thư Mã), ông không dùng thuốc nhuộm và nói: "Đầu tóc trẫm đã bạc, trẫm muốn nói cho thiên hạ biết trẫm là 1 người đã trưởng thành". Khi lập hoàng hậu, ông chọn hoàng hậu Lí làm tay chân thân tín, bãi miễn những người phải chủ chiến; luôn có những tư tưởng chiến tranh quân Kim như: Chu Tất Đại, Tân Sung Tật, ông chọn Lưu Chính làm tể tướng, công việc triều chính do phái "Chủ hòa" thao túng (chủ hòa: tức là luôn mong muốn "Cầu hòa với quân Kim")

Mối quan hệ giữa Triệu Đốn và Thái Thượng Hoàng Hiếu Tông bất hòa trong thời gian dài. Tháng 6 năm 1194 Hiếu Tông ốm nặng. Triệu Đốn cự tuyệt không vào thăm cha. Khi Hiếu Tông chết, ông ta nhất định không để tang, do đó việc tang lễ không thể tiến hành và làm cho triều đình rối loạn. Các đại thần thiết triều, bọn họ đề nghị Thái hoàng thái hậu hạ chiếu bắt Triệu Đốn thoái vị và truyền ngôi cho con trai là Triệu Khuyếch để Triệu Khuyếch chủ trì tang lễ của Hiếu Tông. Thái hoàng thái hậu đồng ý với ý kiến của đại thần, Triệu Đốn phải thoái vị và xưng làm Thái Thượng hoàng, sống nhàn tản ở cung Thọ Khang. Mỗi lần nhớ đến thời kỳ làm hoàng đế, ông thường khóc hu hu, khóc rất đau khổ.

Mùa xuân năm 1200, hoàng đế Triệu Khuyếch đi cúng tế ở ngoại thành, lúc quay về cung tiếng sáo nhạc ầm ĩ và vọng vào thâm cung. Triệu Đốn hỏi có chuyện gì xảy ra, mấy người hầu trả lời: trên phố nhân dân đang tấu nhạc diễn kịch. Ông ta bực tức nói: "Mấy tên nô tài các người dám lừa dối chuyện đó với tau!" và ông giơ tay đuổi đánh bọn họ, vì đánh không trúng bọn họ ông mất đà ngã lăn ra đất, từ đó ông ốm không đi lại được. Ngày Tân Mão tháng 8 ông mất tại cung Thọ Khang ở Lâm An.

NINH TÔNG (TRIỆU KHUYẾCH)
(TRIỀU NAM TỐNG)

Ninh Tông, ông ta tên là Triệu Khuếch (1168 - 1224). Ông là con thứ của Quang Tông. Quang Tông thoái vị và nhường ngôi cho ông. Ông trị vì 30 năm, bị ốm chết. Hưởng thọ 57 tuổi. Mai táng ở Vĩnh Dặc Lăng (nay cách 30 km về phía Đông Nam huyện Thiệu Hưng tỉnh Chiết Giang). Triệu Khuếch từng nhận những tước vị: Gia Vương, Bình Dương Vương. Thời Quang Tông trị vì ông được lập làm hoàng thái tử. Khi Quang Tông thoái vị, ông lên tiếp nhận ngôi báu và cho đổi niên hiệu là "Khánh Quang". Lúc thái hoàng thái hậu tuyên bố ông lên đăng cơ, ông luôn miệng nói: "Thần không làm được, thần không làm được". Thái hoàng thái hậu sai tả hữu: "Mang áo hoàng bào đến đây, ta đích thân mặc cho hoàng thượng. Ông vội tóm ống tay áo của Hàn Thác Vị cầu cứu và còn chạy quanh cột trụ trong điện để trốn tránh. Thái hoàng thái hậu ra lệnh cho ông đứng lại, bà khóc và giải thích cho ông biết: vương triều Tống không dễ gì kéo dài cho đến hôm nay". Hàn Thác Vị đứng cạnh đó cũng ra sức khuyên can. Ông biết ý định của thái hoàng thái hậu không thể thay đổi được, ông khoác hoàng bào, quỳ lạy thái hoàng thái hậu miệng vẫn nói lẩm bẩm: "thật không được, thật không được". Hàn Thác Vị phải dìu ông vào nội cung, lên đài làm lễ đăng cơ.

Sau khi lên ngôi, ông trọng dụng 2 đại thần là Triệu Nhữ Ngụ và Hàn Thác Vị. Về sau, Tào Thác Vị và Triệu Nhữ Ngụ mâu thuẫn gay gắt, Triệu Khuếch bãi miễn Triệu Nhữ Ngụ còn trọng dụng Hàn Thác Vị, điều này làm cho Hàn Thác Vị rất lộng hành và chuyên quyền. Triệu Khuếch cấm Đạo học, chọn Lí học làm Ngụy học. Năm 1204, ông thu nạp ý kiến của Hàn Thác Vị nén trung phong Nhạc Phi làm Ngạc Vương, bỏ tước vị của Tần Hội, ông đánh bại phái đấu hàng. Cũng vào năm đó, ông hạ chiếu chinh phạt triều Kim, do Hàn Thác Vị không biết dùng người nên cuộc chiến bị thất bại. Hoàng hậu Dương lợi dụng cơ hội đó để câu kết với thủ lĩnh phái chủ hòa là Sử Trương Viễn, bọn họ giết Hàn Thác Vị và nắm giữ triều chính. Năm 1208, ông kí hiệp định "đàm phán hòa bình Gia Định" với triều Kim.

Ông thông cảm với nỗi thống khổ của dân chúng. Một năm vào tết Nguyên Tiêu, ông đốt nến ngồi 1 mình. Thái giám khuyên ông mở tiệc rượu đón tết để mua vui, ông nói: "Trẫm biết làm gì đây, trong khi bách tình không có cơm ăn trẫm làm sao có thể yên tâm ngồi hưởng lạc".

Lúc về hậu cung, ông thường ra lệnh cho 2 thái giám đeo 2 cái biển ở sau lưng. Đi đến đâu, ông lại dựng tấm biển lên, trên tấm biển đó viết "thiết cơm rượu, sợ nôn ra", "thiếu thức ăn, sợ bệnh tật". Phi tử khuyên ông ăn thức ăn và uống rượu, ông lại chỉ vào 2 tấm biển cự tuyệt.

Ngày Đinh Dậu tháng 8 năm 1224 ông mất tại điện Phúc Ninh cung Lâm An.

Hiệu miếu của ông là Ninh Tông.

LÍ TÔNG (TRIỆU VÂN)
(TRIỀU NAM TỐNG)

Lí Tông, ông tên là Triệu Vân (1205 - 1264). Ông là con nuôi của Ninh Tông. Ông kế vị khi cha nuôi chết. Ông trị vì 40 năm ốm chết, hưởng thọ 60 tuổi. Mai táng ở Vĩnh Mục Lăng (nay thuộc núi Bảo cách 35 km về phía Đông Nam huyện Thiệu Hưng tỉnh Chiết Giang).

*

Triệu Cát, là cháu đời thứ 10 của Thái Tổ, ông là con của Sơn Âm Úy Triệu Hi Cừ. Ninh Tông lập Triệu Tuần làm thái tử, nhưng anh ta chết yểu.
(TRIỀU NAM TỐNG) lại lập con của một người trong thất làm thái tử, anh ta tên là Triệu Hoằng. Triệu Hoằng và đại thần Sử Trương Viễn bất hòa với nhau; do vậy Trương Viễn phế truất Triệu Hoằng. Sử Trương Viễn phòng thủ ở Chiết Đông và gặp gỡ được

Triệu Vân, ông dẫn Triệu Vân về cung lập làm thái tử. Tháng 8 năm 1224 Ninh Tông chết, cùng tháng đó Triệu Vân lên tiếp vị, ông đổi niên hiệu là "Bảo Khánh".

Sau khi lên ngôi, mọi việc trong triều vẫn do Sử Trương Viễn chuyên quyền, Triệu Vân chỉ biết chìm đắm trong tửu sắc và hưởng lạc. Năm 1233 Sử Trương Viễn chết Triệu Vân chính thức nắm giữ triều chính. Năm 1234 ông câu kết với quân Mông Cổ tiêu diệt nước Kim. Sau đó quân Mông Cổ nhiều năm liền xâm lược miền Nam ông trọng dụng Mãnh Khủng và Du Giơi, hai người này luôn duy trì chính sách chống Mông Cổ. Về sau ông tin dùng Đinh Đại Toàn, Đồng Tấn Cự bọn họ là những kẻ xu nịnh gian xảo, vào những năm cuối đời ông ủy thác công việc triều chính cho gia tướng Cổ Tự Đạo, còn bản thân Triệu Vân sùng Lí học, đam mê nữ sắc, dẫn đến nền chính trị hỗn loạn các trung thần bị hạ nhục, quân Mông Cổ tấn công liên tục, quốc gia gặp nguy hiểm.

Năm 1259 thống sư của quân Mông Cổ là Hốt Tất Liệt tấn công vào Ngạc Châu (nay thuộc thành phố Vũ Hán tỉnh Hồ Bắc), đúng lúc đó anh trai của Hốt Tất Liệt là Nguyên Hiện Tông chết, vì vậy ông ta vội dẫn quân quay về đoạt ngôi vị. Hốt Tất Liệt mạn đàm với thừa tướng Cổ Tự Đạo. Cổ Tự Đạo tự lấy danh nghĩa của Tống Lí Tông để xưng thần với nước Mông Cổ và bồi thường tiền bạc. Triệu Vân không biết điều đó, Cổ Tự Đạo quay về triều còn được phong thêm tước vị.

Một lần, Triệu Vân sai gọi 1 đám kĩ nữ vào cung. Thị Lăng Mâu Tử Tài can ngăn nói: "Đây đều là Đồng Tấn Cự dẫn tới cho bệ hạ đó ư!" Triệu Vân không nghe lời can. Mâu Tử Tài lại vẽ bức "Cao lực sĩ thoát hoa đô" (Lực sĩ Cao cởi ủng) và dâng cho Triệu Vân xem. Đồng Tấn Cự nhìn thấy bức tranh ông ta rất giận dữ, khóc và nói với Triệu Vân: "Mâu Tử Tài ví bệ hạ là Đường Minh Hoàng vu cho phi tử là Dương Quý Phi, còn thần là Cao lực sĩ, còn anh ta tự cho mình là Lí Bạch".

Từ đó Triệu Vân bài trừ Mâu Tử Tài. Tháng 10 năm 1264 Triệu Vân bị ốm, ông hạ chiếu để tìm thái y giỏi vào cung: nếu ai chữa khỏi bệnh cho ông sẽ được thưởng ruộng, lụa là châu báu và làm quan. Nhưng chẳng có ai đến theo lời trưng cầu của ông ta. Ngày Đinh Mão ông mất tại Lâm An.

Sau khi ông chết lập hiệu miếu là Lí Tông.

ĐỘ TÔNG (TRIỆU KÌ)
(TRIỀU NAM TỐNG)

Độ Tông, ông ta tên là Triệu Kì (1240 - 1274). Hồi nhỏ tên ông là Mãnh Khất. Ông là con nuôi của Lí Tông. Ông kế vị khi cha nuôi chết. Ông trị vì 10 năm, ốm chết, hưởng thọ 35 tuổi. Mai táng ở Vĩnh Thiệu Lăng (nay thuộc núi Bảo cách 35 km về phía Đông Nam huyện Thiệu Hưng tỉnh Chiết Giang).

*

Triệu Kì là cháu đời thứ 11 của Thái Tổ và là con trai của Tống Vương Triệu Dữ Nhuế. Triệu Kỳ được Lí Tông nhận làm con nuôi. Ông lần lượt nhận những tước vị: An Vương, Vĩnh Gia Vương, Trọng Vương. Năm 1264 Lí Tông lên ngôi hoàng đế, cùng tháng đó Triệu Kỳ lên tiếp nhận ngôi báu, ông đổi niên hiệu là "Hàm Thuần"

Sau khi đăng cơ, Triệu Kì còn hoang dâm trác táng hơn cha. Cả ngày chỉ nghe đàn hát uống rượu, ông phong Cổ Tự Đạo làm thái sư, mọi công việc trong triều đều nhờ cậy Cổ Tự Đạo. Cổ Tự Đạo thấy Triệu Kì ngu xuẩn hồ đồ vì thế anh ta chuyên quyền hung bạo, gặp chuyện gì không vừa ý anh ta bèn đòi từ quan. Triệu Kì sợ anh ta từ quan không còn ai giúp mình, vì vậy khóc và cầu xin Cổ Tự Đạo hãy ở lại, ông còn sai cấm vệ quân canh phòng ở bên ngoài phủ của anh ta. Ông chỉ cần Cổ Tự Đạo cách 3 ngày lại yết triều 1 lần, sau đó lại cho phép từ 6-10 ngày mới cần lên triều. Ông còn xây cho Cổ Tự Đạo một tòa phủ độ ở cạnh Tây Hồ. Cổ Tự Đạo đại nghịach ngang tàng, triều chính hỗn loạn. Vùng Sương Dương bị quân Nguyên bao vây 2 năm, tình hình rất khẩn cấp và nguy kịch. Anh ta trốn tránh không giúp và không sai binh đi cứu viện. Về sau Triệu Kì biết chuyện và hỏi Cổ Tự Đạo anh ta vẫn che giấu sự việc và nói: "Quân Nguyên đã rút quân rồi, tin bịa đặt này do ai báo cáo với bệ hạ vậy!" Triệu Kì trả lời: đó là do một cung nữ nói cho ta biết, Cổ Tự Đạo lập tức giết người cung nữ đó. Cho nên nền thống trị của triều Tống càng đi vào ngõ cụt, dẫn tới cảnh đối diện với sự diệt vong.

Ngày Quý Mùi tháng 7 năm 1274 Triệu Kì mất tại điện Phúc Ninh cung Lâm An, ông để lại di chiếu cho phép Triệu Hiền kế vị.

Hiệu miếu của ông là Độ Tông.

THÁI HẬU TẠ
(TRIỀU NAM TỐNG)

Thái hậu Tạ, bà ta tên là Đạo Thanh (1210 - 1283). Bà là mẹ đẻ của Cao Tông. Bà chủ trì công việc triều chính trong 2 năm, thì quân Nguyên bắt tới miền Bắc, bị ốm chết. Hưởng thọ 74 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Tạ Đạo Thanh quê ở Thiên Đài (nay thuộc huyện Thiên Đài tỉnh Chiết Giang). Năm 1227 Lí Tông phong bà làm hoàng hậu. Độ Tông lên ngôi, bà được tôn làm hoàng thái hậu. Năm 1274 tháng 7 Cung Đế kế vị ngôi báu và truy phong bà làm thái hoàng thái hậu. Do Cung Đế còn nhỏ tuổi, bà buông màn nhiếp chính. Cùng năm đó, nịnh thần Cổ Tự Đạo thống lĩnh quân đội đi chống trả sự xâm lược của quân Nguyên nhưng bị đại bại, tể tướng Trần Nghị Trung tâu cáo cần phải trị tội Cổ Tự Đạo, bà không đồng ý và cho Cổ Tự Đạo bãi quan về nhà. Trên đường về nhà Cổ Tự Đạo bị quan hộ tống là Trịnh Hổ giết chết.

Cổ Tự Đạo chết, thái hậu Tạ chủ trì công việc triều chính. Những đại thần như: Trần Nghị Viên, Vương Việt, Lưu Mộng Trung bọn h người thì già cả bệnh tật, người thì cơ thể suy nhược, vì thế công việc trong triều gặp nhiều trắc trở, quân Nguyên tấn công liên tục. Tháng 1 năm 1275, thừa tướng của triều Nguyên thống lĩnh quân đội đánh vào thành Lâm An. Trần Nghi Trung, Lưu Mộng Viên và văn võ bá quan: kẻ thì đầu hàng, kẻ thì chạy trốn..., triều Tống tan đàn xẻ nghé. Thái hậu Tạ đành sai sứ thần đến doanh trại quân Nguyên xin cầu hòa, nhưng thống sư quân Nguyên không đồng ý. Bà đành dâng ngọc ấn và sớ đầu hàng, thống sư của địch bắt ép bà phải ra lệnh tướng lĩnh ở Dương Châu đầu hàng. Vài tháng sau, quân Nguyên áp giải bà đến Đại Đô (nay là thành phố Bắc Kinh) và bà bị giáng làm phu nhân quận Thọ Xuân.

Năm 1283, bà ốm chết.

CUNG ĐẾ (TRIỆU HIỂN)
(TRIỀU NAM TỐNG)

Cung Đế, ông ta tên là Triệu Hiển (1271 - 1323). Ông là con trai của Độ Tông. Ông kế vị khi cha chết. Ông trị vì 2 năm bị quân Nguyên bắt làm tù binh, về sau bị đưa đến

*

Triệu Hiển được phong làm Gia Quốc Công, lúc Độ Tông gặp bệnh nặng, Cổ Tự Đạo phản đối chuyện lập con trưởng của Dương Nhi là Triệu Thị lên kế vị. Độ Tông bất đắc dĩ chiều theo ý kiến của Cổ Tự Đạo. Triệu Hiển làm hoàng thái tử. Ngày Quý Mùi tháng 7 năm 1247 Độ Tông chết, cùng tháng đó Triệu Hiển lên kế vị, ông đổi niên hiệu là "Đức Hựu".

4 tuổi, Triệu Hiển lên ngôi hoàng đế, mọi công việc trong triều do thái hoàng thái hậu Tạ lâm triều nhiếp chính, kỳ thật thời gian đầu vẫn do Cổ Tự Đạo chuyên quyền. Quân Nguyên men theo bờ sông Hán Thủy tấn công quân Tống. Quân Nguyên tấn công đến đâu quân Tấn đầu hàng đến đó. Năm 1274, Cổ Tự Đạo bị thua trận ở Đinh Gia Châu, quân Nguyên thế mạnh như thác đổ tiến vào Lâm An. Tháng 1 năm 1275 Triệu Hiển và thái hoàng thái hậu Tạ đầu hàng quân Nguyên. Tháng 2, ông và mẹ đẻ là thái hậu Toàn cùng với tùy tùng bị giải lên miền Bắc, tháng 5 bọn họ đến Đại Đại Đô. Nguyên Thế Tổ Hốt Tất Liệt giáng Triệu Hiển làm Doanh Quốc Công. Tháng 12 năm 1282, Triệu Hiển phải dời đến cư trú ở Thượng Đô, trải qua tuổi thiếu niên. Tuổi tác ngày một lớn ông dần nhận thức được địa vị của mình và hiểu nỗi nhục của một kẻ mất nước, tinh thần ông rất xa sút thê lương. Đại thần của triều Nam Tống là Uông Thủy Vân được phóng thích về Giang Nam. Triệu Hiển làm thơ tiễn biệt anh ta. "Gửi lời về cố quốc

Hoa mai nở mấy lần
Hoàng kim nơi đất khách
Hoàng kim nơi đất khách
Mà không thể quay về".

Bài thơ nói lên tâm trạng của ông luôn nhớ về quê hương, ông đau khổ vô cùng nhưng không có cách gì trở về quê nhà.

Năm 1288, Triệu Hiển tròn 18 tuổi. Nguyên Thế Tổ lo lắng nếu để mạng sống cho Triệu Hiển thì sẽ gây tai họa về sau, ông ta chuẩn bị trừ bỏ Triệu Hiển. Triệu Hiển biết tin đó, thỉnh cầu cho phép ông thoát li với cuộc sống trần tục để đi tu, việc đó cũng gạt bỏ mối hoài của Nguyên Thế Tổ.

Nguyên Thế Tổ phê chuẩn yêu cầu của ông, tháng 12 năm đó ông được tiến đến Thổ Phiên để học Phật pháp. Từ đó lấy tên là Pháp sư Hợp Tôn, tên hiệu là giảng sư Mộc Ba, ông sống cuộc đời cô đơn vắng vẻ đau khổ ở chùa, đến tối lại lấy ngọn đèn dầu làm bạn, ông miệt mài học Tạng Văn nghiên cứu Phật pháp. Trải qua nhiều năm mài dũa nghiệp học, cuối cùng ông đã thông thạo Tạng Văn, tinh thông Phật học, trở thành một tăng ni nơi cửa Phật, ông trở thành người trụ trì ở chùa Tất Thát Đại. Ông dịch kinh Phật từ tiếng Tạng ra tiếng Hán, ông dịch được quyển kinh văn nổi tiếng như: "Bách pháp Minh Môn Luận" "Nguyên minh nhập chính lí luận". Ông được các nhà sử học Tạng liệt vào hàng ngũ đại sư phiên dịch.

Theo truyền thuyết, thời kỳ ông ở Tây Tạng làm tăng ni. Một lần Triệu Vương (một người trong hoàng tộc nhà Nguyên) đi qua chùa Việt, thấy Triệu Hiển già cả cô đơn, Triệu Vương rất thông cảm với hoàn cảnh của ông, nên đã sai một cô gái dân tộc Hồi ở lại làm bạn với Triệu Hiển. Năm 1320 cô gái đó sinh được một đứa con. Vừa hay Nguyên Minh Tông đi ngang qua, nhìn thấy đứa trẻ mới sinh ông ta rất thích nên muốn nhận nó làm con nuôi và đặt tên cho đứa trẻ là Thỏa Hoan Thiệp Mục Nhi (sau này đứa trẻ chính là Nguyên Thuận Đế). Truyền thuyết còn nói thêm: Minh Thành Tổ Nhi xem chân dung các đế vương, thấy mặt mũi của Nguyên Thuận Đế xanh xao giống như thái y, Minh Thành Tổ kinh ngang nói: "Tại sao anh không giống liệt đế của triều Nguyên mà lại giống liệt đế của triều Tống!" Có điều, không ít học giả cho rằng thuyết này không đáng tin cậy.

Năm 1323, Triệu Hiển vì thơ văn mà rước họa vào thân bị truy sát. Các nhà sử học Tạng rất thông cảm với cái chết oan của ông.

Tổng quan về cuộc đời của Triệu Hiển, từ địa vị của ông mà luận: Ông từ địa vị hoàng đế của

triều Nam Tống giáng xuống làm thần tử của triều Nguyên, cuối cùng trở thành cao tăng nơi cửa Phật ở Thổ Phiên, không thể không thấy lạ lùng, từ nơi cư trú của ông mà luận. Ông từ vùng Giang Nam (một vùng có cảnh sắc đẹp như vẽ) dời đến U Yên, sau đó dời đến cao nguyên Mông Cổ, cuối cùng dời đến cư trú lâu dài ở Tây Tạng, chuyện này quả thật là hiếm thấy. Từ dân tộc mà luận, anh xuất thân từ dân tộc Hàn, sau đó lại chung sống với dân tộc Mông Cổ, cuối cùng lại sống với dân tộc Tạng, quả thật là li kì. Cả cuộc đời của Triệu Hiển, trong hoàng đế cổ đại Trung Quốc là có rất ít. Hiển nhiên, từ bản thân của ông ta mà xem xét, cuộc đời long đong đã mang bất hạnh cho ông. Tuy nhiên, từ góc độ của lịch sử mà xét: ông có cống hiến nhất định đối với mối giao lưu.

ĐOAN TÔNG (TRIỆU CHÍNH)
(TRIỀU NAM TỐNG)

Đoan Tông Triều Nam Tống, ông ta tên là Triệu Chính (1268 - 1278). Ông là con trưởng của Độ Tông, anh trai của Cung Tông, Cung Tông bị bắt làm tù binh, ở quê nhà Triệu Chính được thuộc hạ lập làm hoàng đế. Ông trị vì 3 năm, bị quân Nguyên đuổi đánh, do vậy kinh hãi mà chết. Hưởng dương 11 tuổi. Mai táng ở Vĩnh Phúc Lăng (nay thuộc phía Nam huyện Tân Hội tỉnh Quảng Đông)

*

Triệu Chính lần lượt nhận những tước vị: Cát Vương, Ích Vương. Năm 1276 quân Nguyên tấn công vào Lâm An, ông chạy trốn tới Phúc Kiến. Tháng 3 ông chạy tới Phúc Châu, biết tin thành Lâm An thất thủ, Cung Đế bị bắt làm tù binh. Ngà Ất Mùi tháng 5 những đại thần: Lục Tú Phu, Trần Nghị Trung, Trương Thế Kiệt... lập ông làm hoàng đế tại Phúc Châu, ông đổi niên hiệu là "Cảnh Viên".

8 tuổi, ông lên ngôi. Các đại thần kiên trì chống lại quân Nguyên, có ý định khôi phục triều Tống, nhưng quân Nguyên truy kích gay gắt ông phải dựa vào đại tướng Trương Thế Kiệt để chạy tới miền Tây, mệt mỏi vì quá bận rộn. Tháng 3 năm 1278, ông bị tướng Lưu Thân (tướng nhà Nguyên) truy kích, ông lên thuyền chạy tới vịnh Quảng Châu. Một ngày đêm, ông không chống cự được với sóng gió nên bị ngã xuống biển, may mà thuộc hạ cứu vớt được, nhưng cũng bị uống khá nhiều nước, từ đó ông sinh bệnh, vài năm liền không nói ra lời. Vì quân Nguyên đuổi đến gần, ông không muốn bị quân Nguyên bắt làm tù binh nên đã chạy tới Cương Châu (nay là vịnh Lôi Châu tỉnh Quảng Đông), trải qua phong ba bão táp vất vả, thêm vào đó bệnh tình càng nguy kịch. Do vậy ông mất ngày Mậu Thìn tháng 4

Thụy hiệu của ông là Đoan Tông.

ĐẾ BÍNH (TRIỆU BÍNH)
(TRIỀU NAM TỐNG)

Đế Bính, ông ta tên là Triệu Bính (1271 - 1279). Ông là con trai của Độ Tông và là em trai của Đoan Tông. Ông kế vị khi Đoan Tông chết. Ông trị vì 2 năm, bị quân Nguyên truy đuổi, đại thần Lục Tú Phu cõng ông nhảy xuống biển. Hưởng dương 9 tuổi. Mộ táng tại thôn Xích Loan đặc khu Thâm Quyến Quảng Đông.

*

Triệu Bính lần lượt nhận những tước vị: Tín Vương, Quảng Vương, Vệ Vương. Lúc thành Lâm An bị quân Nguyên tấn công, ông cùng mẹ đẻ âm thầm chạy khỏi thành, chạy đến Tuyền Châu (nay thành phố Tuyền Châu tỉnh Phúc Kiến). Tháng 4 năm 1278 Đoan Tông ốm chết, ngày Canh Ngọ tháng 4 năm 1278 những đại thần Lục Tú Phu, Trương Thế Kiệt... đã lập Triệu Bính làm hoàng đế tại Nao Châu, tháng 5 ông đổi niên hiệu là "Tường Hưng", không lâu sau dời đến Nha Sơn (nay thuộc phía Nam hội Tân Hội tỉnh Quảng Đông).

Vùng Nha Sơn quay mặt vào biển, địa thế hiểm yếu. Để đề phòng sự tấn công của quân Nguyên do đó Trương Thế Kiệt xếp hơn 1000 chiếc thuyền theo thế trận đuôi rắn, và dùng thừng buộc những chiếc thuyền với nhau, xung quanh thuyền dựng thành lầu, trên thuyền chất bàn theo tầng dầy đặc. Tháng 1 năm 1279, đại tướng nước Nguyên là Trương Hoằng Phạm thống lĩnh quân đội bao vây Nha Sơn. Ông dùng thuyền nhỏ chở đầy củi và đổ dầu lên chỗ củi đó sau đó châm lửa đốt mượn sức gió đẩy thuyền tấn công thủy quân của quân Tống. Nhưng nhờ có lớp bàn bảo vệ nên lửa không bén được vào thuyền, do đó hỏa công của quân Nguyên bị thất bại. Trương Hoằng Phạm lại ngăn chặn nguồn nước của quân Tống, phong tỏa cửa biển. Quân Tống vừa đói vừa khát, tình cảnh vô cùng khó khăn. Trương Hoằng Phạm phái người đến khuyên quân Tống đầu hàng nhưng đều bị Trương Thế Kiệt cự tuyệt. Ngày Quý Mùi tháng 2 quân Nguyên phát động tổng tiến công, lúc quân Tống đang liều mạng chống trả, đột nhiên nghe thấy tiếng đàn nhạc vọng ra từ thuyền chỉ huy Trương Hoằng Phạm. Quân Tống cho rằng tướng lĩnh quân Nguyên đang mở yến tiệc nên sự phòng vệ của quân Tống có lơi lỏng. Không ngờ, tiếng đàn nhạc là lời huấn thị cho quân Nguyên tiến đánh quân Tống, thuyền chỉ huy của Trương Hoằng Phạm lao thẳng đến, tên bắn như mưa. Quân Nguyên bắn tên và cướp được 7 chiến thuyền của quân Tống. Quân Nguyên từ mọi ngã đường nhất loạt xông đến, cuộc chiến đấu kéo dài từ trưa đến tối, cuộc chiến trên biển diễn ra vô cùng gay gắt. Đột nhiên, Trương Thế Kiệt nhìn thấy 1 chiếc thuyền treo cờ đầu hàng, dừng lại không đánh trả, các chiến thuyền khác cũng nhất loạt treo cờ đầu hàng, ông biết tình thế bất lợi nên vội vàng triệu tập quân tinh nhuệ, mặt khác phái 10 dũng sĩ đi thuyền đến đón Đế Bính, chuẩn bị đột phá vòng vây.

Lúc này Đế Bính đang được Lục Tú Phu bảo vệ, ngồi trong 1 chiếc thuyền lớn. Chiếc thuyền nhỏ các dũng sĩ đến đón Đế Bính; Lục Tú Phu không biết đó là thuyền địch hay thuyền ta, hơn nữa ông lo lắng nếu không đột phát nổi vòng vây mà lại bị quân Nguyên bắt, vì thế ông nhất định cự tuyệt. Lục Tú Phu biết rõ vua tôi khó lòng thoát thân ông vội vàng nhẩy về thuyền của mình, cầm kiếm sai vợ con nhẩy xuống biển tự vẫn. Sau đó, ông thay triều phục quay lại thuyền lớn, quỳ lạy Đế Bính, khóc và nói: "Bệ hạ, quốc sự đã đến bước đường cùng, xin bệ hạ quên mình vì nước. Hoàng đế Đức Hựu (chỉ Cung Đế) bị bắt làm tù binh, đã khiến nước nhà chịu nổi xỉ nhục lớn, hôm nay nhất định bệ hạ không được để cảnh đó lặp lại". Đế Bính cũng khóc theo ông ta. Lục Tú Phu nói xong, liền lấy quốc ấn và hoàng bào nhét vào bụng, cõng Đế Bính nhảy xuống biển, một lúc sau hai bọn họ chìm ngỉm không thấy tăm hơi. Các đại thần, cung nữ, tướng sĩ nghe được tin dữ họ khóc suốt một buổi sáng. Vài vạn người liên tiếp nhảy xuống biển chết theo hoàng đế. Trương Thế Kiệt thống lĩnh thủy quân đột phát vòng vây, tối hôm đó lại gặp phải phong ba bão táp, toàn bộ thuyền chiến bị đắm chìm trong biển.

Triều Nam Tống diệt vong, thi thể của Đế Bính lưu lạc ra sao, người đời sau có nhiều bàn luận sôi nổi. Truyền thuyết nói Đế Bính nhảy xuống biển, thi thể trôi dạt nhiều ngày cuối cùng trôi đến bờ biển ở thôn Xích Loan, mặt mũi đã thối rữa, nhưng trên mình vẫn mặc hoàng bào. Ngày hôm đó, đòn nóc ở miếu Thiên Hậu đột nhiên bị đổ. Ông từ giữ miếu vội đi hỏi phụ lão và nhận được câu trả lời: "Thi thể trôi đến là xương cốt của Đế Bính, nên Thần miếu Thiên Hậu đã hiến đòn nóc để làm quan tài. Các phụ lão lấy những đòn nóc đó đóng thành một cỗ quan tài rồi khâm liệm Đế Bính, mai táng ở chân núi Sơn Tây gần miếu Thiên Hậu. Thuyết này nói thần miếu hiển linh, đương nhiên chỉ là mê tín. Nhưng trong truyền thuyết thì nơi mai táng của Đế Bính được chứng thực. Năm 1963 vào trung tuần tháng 8 có 1 viên cấp dưỡng của quân đội lên núi Tây Sơn chặt củi, đột nhiên phát hiện thấy lăng mộ của Đế Bính thấp thoáng trong bụi trúc anh ta vội đi báo cáo cho cục văn hóa tỉnh Quảng Đông. Cục văn hóa tỉnh phái người xuống điều tra tỉ mỉ và viết báo cáo gửi ông Quách Mạc Nhược (lúc này Quách Mạc Nhược là huyện ủy). Sau vài lần điều tra do nhiều nguyên nhân, mãi đến năm 1982 do cục văn hóa lại phản ánh chuyện này với lãnh đạo có liên quan ở thành phố Thâm Quyến, viện bảo tàng của thành phố phái người xuống điều tra và thông qua sự khảo sát của các chuyên gia, cuối cùng chứng thực được ngôi mộ đó là mộ của Đế Bính.

TRIỀU LIÊU

Triều Liêu là chính quyền tồn tại ở thời thập đại ngũ quốc và thời Bắc Tống, do dân tộc Khiết Đan kiến lập ở biên cương Trung Quốc. Lãnh thổ của triều Liêu kéo từ cương vực Đông Bắc đến biển Nhật Bản ngày nay; phía Nam đến thành phố Thiên Tân, huyện Bá tỉnh Hà Bắc. Nhạn Môn Quan tỉnh Sơn Tây: phía Bắc đến sông Sắc Lăng Cách và sông Thạch Lặc Khách. Sự có mặt của triều Liêu là một cống hiến đối với sự phát triển xã hội miền Bắc và sự dung hợp dân tộc.

*

Triều Liêu có 9 đế vương: trong đó 6 người bị ốm chết, 1 người bị giết trong cuộc nội chiến, 1 người bị giết trong cuộc bạo động nô lệ; 1 người làm mất nước bị bắt làm tù binh và bị giết.

Ngoài ra còn phụ chú thêm về: Ứng Thiên Hậu, thái hậu Tiêu và Đông Đan Vương. Trong bọn họ: Ứng Thiên Hậu và thái hậu Tiêu ốm chết; còn Đông Đan Vương bị thất bại trong nội chiến chạy đến triều Hậu Đường. Về sau Lí Tòng Kha sai người giết.

THÁI TỔ (UẤT LUẬT A BẢO CƠ)

Thái Tổ, ông ta tên là Uất Luật A Bảo Cơ (872 - 926). Hồi nhỏ ông ta tên là Xuế Lí Chỉ, tên tiếng Hán của ông là: Khiết Đan và xưng đế. Bị ốm chết. Hưởng thọ 55 tuổi. Mai táng ở Tố Lăng (nay thuộc núi Mộc Diệp huyện Lâm Tây tỉnh Liêu Hinh).

*

Uất Luật A Bảo Cơ là người của bộ lạc Tuyền Lại dân tộc Khiết Đan. Năm 901 ông nhận chức quản lí binh mã trong bộ tộc, ông lập nhiều chiến công nên năm 906 ông được thăng chức nắm giữ quân liên minh bị lạc, năm 907 làm kha Hãn Khiết Đan. Năm 912 ông dẹp yên phản loạn Uất Luật Lại Cát, thống nhất 8 bộ tộc Khiết Đan và khống chế tộc: Nữ Chân, tộc Thát Vi. Năm 916 ông xưng làm Thiên Hoàng Vương, xây dựng chính quyền chủ nô lệ ở Khiết Đan, đặt đô ở Thượng Kinh (nay thuộc Nội Mông Cổ), đặt niên hiệu là "Thần Sách"

Năm 923 ông chiếm lĩnh các châu như: Doanh Châu (nay thuộc huyện Triều Dương tỉnh Liêu Hinh). Trong thời gian trị vì, ông tin dùng Hàn Diên Vi (người dân tộc Hán), cải cách phong tục xây dựng thành Quách, đặt định văn tự Khiết

Đan, phát triển sản xuất nông nghiệp, mở cửa thương nghiệp mẫu dịch, thúc đẩy duy trì phong kiến hóa của chính quyền Khiết Đan, trở thành một chính quyền hùng mạnh ở miền Bắc thời đó, gây sự uy hiếp mạnh mẽ đối với các chính quyền Ngũ Đại và triều Tống về sau này.

Tháng 1 năm 926, ông thống lĩnh quân đội tiêu diệt nước Bột Hải và cải tên nước Bột Hải thành nước Đông Đan, và phái thái tử Uất Luật Bội tới trấn giữ. Tháng 7, trên đường quay về nước Khiết Đan đi đến thành Phú Du (nay thuộc thành phố Tứ Bính tỉnh Cát Lâm) ông bị ốm. Ngày Tân Tị ông từ trần.

Thụy hiệu của ông là Thái Tổ.

ỨNG THIÊN HẬU (THUẬT LUẬT BÌNH)
(NƯỚC LIÊU)

Ứng Thiên Hậu, bà ta tên là Thuật Luật Bình (879 - 953) hồi nhỏ bà ta tên là Nhật Lí Đóa, là người bộ lạc Thuật Luật tộc Hồi Hột. Bà là vợ của thái tổ Uất Luật A Bảo Cơ. Bà nhiếp chính triều đình khi chồng chết. Bà quản lý được 2 năm ốm chết, hưởng thọ 75 tuổi.

*

Năm 907 Uất Luật A Bảo Cơ lập Thuật Luật Bình làm hoàng hậu. Năm 924 Thái Tổ dẫn quân đi chinh phạt ở miền Tây; bộ Thất Vi lợi dụng cơ hội đó tiến đánh đô thành, Thuật Luật Bình đứng lên chỉ huy quân đội đánh bại bọn họ. Về sau phiên trấn U Châu (nay thuộc thành phố Bắc Kinh) là Lưu Thủ Quang đã phái Hàn Diên Vi đến tộc Khiết Đan cầu hòa, bà ta khuyên Thái Tổ nên giữ và trọng đãi Hàn Đình Vi. Khi Thái Tổ chết, bà ta không ưa thích thái tử nên tự mình nắm giữ quốc quân. Năm sau, bà phế truất thái tử và lập con thứ là Uất Luật Đức Quang làm đế (gọi là Liêu Thái Tông)

Uất Luật Đức Quang chết, bà sai con trai thứ 3 Uất Luật Lí Hồ khởi binh để tranh đoạt ngôi vị với Uất Luật Viên (con cả của thái tử Uất Luật Bội), nhờ sự khuyên giải của đại thần Uất Luật Thất Chất, bà ta miễn cưỡng để Uất Luật Viên kế vị. Được ít lâu, bà ta có ý đồ phế truất Uất Luật Viên, Uất Luật Viên bắt bà ta rời khỏi Thượng Kinh đến cư trú tại Tô Châu. Năm 953 bà ta chết.

Trong sử gọi Thuật Luật Bình là hoàng hậu Ứng Thiên.

ĐÔNG ĐAN VƯƠNG (UẤT LUẬT BỘI)
(NƯỚC LIÊU)

Đông Đan Vương, ông ta tên là Uất Luật Bội (899 - 936). Ông là con trưởng của thái tổ Uất Luật A Bảo Cơ. Ông làm Đông Đan Vương được 5 năm, bị Lí Tòng Kha (triều Hậu Đường giết). Hưởng thọ 38 tuổi. Mai táng ở Hiền Lăng (nay thuộc huyện Bắc Trấn tỉnh Liêu Hinh).

*

Năm 916 Thái Tổ lập Uất Luật Bội làm thái tử.

Uất Luật Bội thích đọc sách, ông viết thơ văn bằng chữ Hán, ông thích âm nhạc và thiên về hội họa, ông rất sùng bái văn minh của tộc Hán, ông tin vào Nho học. Một lần Thái Tổ hỏi ông: "Nếu làm hoàng đế cần tế trời cúng thần. Trẫm muốn lập miếu cúng tế những người có công đức, trẫm không biết nên cúng tế ai đầu tiên". Ông ta trả lời: "Khổng Tử là đại thánh nhân, do đó cần phải cúng Khổng Tử trước". Thái Tổ đồng ý, lập tức sai người xây miếu Khổng Tử, mỗi năm vào 2 mùa xuân, thu đều đến cúng tế.

Uất Luật Bội không những có sự tích lũy văn hóa của tộc Hán dầy đặc mà còn là 1 chiến tướng trong quân đội. Năm 919 ông đi theo Thái Tổ đi xâm chiếm Điều Cổ, Đảng Hạng; ông làm tiên phong đô thống dẫn quân mở Đường; đánh đổ quân Thiên Đức. Năm 924, Thái Tổ dẫn quân chinh phạt miền Tây và sai ông trấn thủ tại Kinh Sư. Tháng 1 năm 926 cùng Thái Tổ tiêu diệt nước Bột Hải và đổi tên Bột Hải thành Đông Đan Quốc và cái tên của đô thành Hốt Hãn thành Thiên Phúc. Tháng 2 Thái Tổ phong Uất Luật Bội làm Đông Đan Vương, ông xưng là "Nhân hoàng vương", đổi niên hiệu là "Cam Lộ", ông trấn thủ tại Đông Đan, do đó nước Đông Đan trở thành 1 bộ phận trong địa khu của tộc Liêu, ông xây dựng thể chế chính trị và bộ máy chính quyền theo quy mô của tộc Hán.

Tháng 7 năm 926 Thái Tổ chết, đáng lí ngôi vị do Uất Luật Bội kế vị, nhưng thái hậu Thuật Luật Bình không thích Uất Luật Bình, bà ta lập con thứ là Uất Luật Đạo Quang lên ngôi. Uất Luật Đức Quang lúc đó đang cư trú ở Đại Nguyên Sư, nắm giữ trọng binh, anh ta trấn áp một số quý tộc dám phản đối việc anh ta đăng cơ. Uất Luật Bội biết mình không có binh lực đối kháng, ông ngậm ngùi nói với thái hậu: "Đại Nguyên Sư được quần thần tin phục, đáng được kế vị". Đương nhiên thái hậu rất hài lòng, tháng 11 năm 927 Uất Luật Đức Quang làm lễ đăng cơ. Tuy ngồi ở ngôi vị hoàng đế nhưng Uất Luật Đức Quang vẫn sợ Uất Luật Bội tranh đoạt ngôi vị, vì vậy anh ta bắt Uất Luật Bội đến cư trú ở phủ Đông Bình (nay thuộc thành phố Liêu Dương tỉnh Liêu Hinh) và sai người giám sát tộc Khiết Đan. Minh Tông Lí Tự Nguyên (triều Hậu Đường) biết hoàn cảnh của Uất Luật Bội, bèn sai người đến mời Uất Luật Bội về Hậu Đường. Ông ta

bằng lòng. Trước khi ra đi, ông còn làm bài thơ nói lên tâm trạng của mình khi rời bỏ quê hương:

Núi nhỏ chèn núi lớn.
Núi lớn không có sức
Xấu hổ với cố hương
Đành chuyển dời nơi khác

Ông khắc bài thơ lên bia gỗ và dựng ở bờ biển, sau đó ông lẩn trốn viên quan giám sát trèo lên thuyền chạy đến đô thành Lạc Dương. Lí Tự Nguyên nhiệt tình tiếp đãi ông cung cấp nhà ở và lương thực và còn cử làm tiết độ sứ. Để tỏ lòng sùng kính văn hóa dân tộc Hán, ông đổi tên là: Lí Thân Hoa. Tháng 4 năm 936, Lí Tòng Kha (triều Hậu Đường) phát động binh biến chiếm lĩnh Lạc Dương, cướp đoạt ngôi vị hoàng đế, sai người mưu giết Mẫn Đế Lí Tòng Hậu. Uất Luật Bội phản đối chuyện Lí Tòng Kha cướp đoạt ngôi vị, hơn nữa Uất Luật Bội muốn thu lợi cho cố quốc, ông bí mật sai người báo tin cho Uất Luật Đức Quang, đề nghị Uất Luật Đức Quang nhanh chóng dẫn quân tấn công triều Hậu Đường.

Tháng 11 năm 936, tiết độ sứ tộc Khiết Đan là Thạch Kính Đường thống lĩnh đại quân tiến đánh Lí Tòng Kha. Lí Tòng Kha bại trận không còn đường thoát thân, quyết định tự sát... Đột nhiên Lí Tòng Kha nhớ tới Uất Luật Bội, anh ta sai người triệu gọi Uất Luật Bội đến để cùng chết. Uất Luật Bội cự tuyệt không đến, Lí Tòng Kha sai lực sĩ đi giết Uất Luật Bội, thi thể của Uất Luật Bội được một hòa thượng hỏa táng. Thạch Kính Đường tiến vào Lạc Dương, để làm yên lòng dân Khiết Đan, vì thế đã để tang Uất Luật Bội, làm tang lễ long trọng ở ngoại thành Lạc Dương, tiếp đó Uất Luật Đức Quang mang xương cốt về mai táng ở núi Y U Lư. Sau khi Thế Tông Uất Luật Viên lên ngôi, anh ta đặt tên mộ của Uất Luật Bội làm Hiển Lăng.

Trong sử gọi Uất Luật Bội là Đông Đan Vương hay còn gọi là Nhân Hoàng Vương.

THÁI TÔNG (UẤT LUẬT ĐỨC QUANG)
(NƯỚC LIÊU)

Thái Tông, ông ta tên là Uất Luật Đức Quang (902 - 947) tên tự của ông là Đức Cần. Ông là con trai thứ của Thái Tổ Uất Luật A Bảo Cơ. Thái Tổ chết, Uất Luật Đức Quang được thái hậu giúp lên ngôi hoàng đế. Ông trị vì 21 năm, ốm chết, hưởng thọ 46 tuổi. Mai táng ở Hoài Lăng (nay thuộc huyện Lâm Tây tỉnh Liêu Hinh).

*

Năm 922, Uất Luật Đức Quang nhận chức vị đại nguyên sư binh mã thiên hạ, ông thường theo Thái Tổ đánh chiến: Bình Châu và Doanh Châu, tiến xuống miền Đông và miền Tây thu phục tộc Khuyết và nước Bột Hải. Thái Tổ chết, Uất ngôi hoàng đế. Ngày Nhâm Tuất tháng 11 năm 927 ông chính thức đăng cơ, năm 937 đổi niên hiệu là "Hội Đồng". Năm 947 đổi tên nước là Liêu.

Sau khi lên ngôi, ông không ngừng tấn công các địa khu của tộc Mãn để cướp đoạt của cải và nô lệ. Năm 936 - Tiết Độ sứ ở Hà Đông là Thạch Kính Đường (triều Hậu Đường) phản bội quay lưng chống triều Hậu Đường, nên bị lính triều đình vây hãm ở Thái Nguyên (nay thuộc thành phố Thái Nguyên tỉnh Sơn Tây). Thạch Kính Đường xin tộc Khiết Đan cứu giúp, Uất Luật Đức Quang phái quân đội tới giải vây và đích thân giúp Thạch Kính Đường tiêu diệt triều Hậu Đường. Ông nói với Thạch Kính Đường: "Trẫm từ 3000 dặm xa xôi tiến binh xuống nam hạ, vừa đánh đã thắng, đây chính là ý trời. Trẫm thấy khanh nên chiếm lĩnh đất đai ở miền Nam, đời đời làm thục quốc của trẫm". Ông đổi tên Hậu Đường thành Hậu Tấn phong Thạch Kính Đường làm "Đại Phổ Hoàng Đế" và bắt triều Hậu Tấn cắt cho nước Liêu 16 châu ở Yên Vân. Uất Luật Đức Quang và xây dựng 2 bộ máy thống trị; bộ máy "bắc diện quan" quản lí tộc Khiết Đan và dân tộc du mục; bộ máy "nam diện quan" quản lí cư dân tộc Hán ở địa khu 16 châu ở Yên

Vân.

Khi Thạch Kính Đường chết, cháu họ của ông ta là Thạch Trọng Quý tiếp nhận chức vụ của chú, anh ta có hiệu là Xuất Đế. Xuất Đế không chịu xưng thần với tộc Khiết Đan, chỉ xưng là cháu. Uất Luật Đức Quang rất phẫn nộ, xuất binh chinh phạt triều Hậu Tấn. Năm 947 Uất Luật Đức Quang đích thân thống lĩnh quân đội chiếm thành Biện Kinh, tiêu diệt triều Hậu Tấn.

Ở khu vực Trung Nguyên, quân Liêu bắt người cướp của khiến dân Trung Nguyên chịu nhiều tai họa. Quân dân Trung Nguyên kiên cường phản kích, đẩy lui được sự xâm lược của quân Liêu, cướp lại được những thành trì mà trước đó bị quân Liêu chiếm lĩnh, khiến quân Liêu không có chỗ trú chân. Uất Luật Đức Quang thở dài nói: "Trẫm không ngờ rằng người Hán phản kích mạnh mẽ như vậy!" - Tháng 4 năm đó đoàn quân hậm hực quay về nước Liêu, trên đường đi do ấm ức và tức giận nên Uất Luật Đức Quang sinh bệnh. Đi đến Loan Thành, bệnh tình ông chuyển ra nguy kịch, ông mất ngày Đinh Mão. Các thuộc hạ sợ thi thể của ông bốc mùi hôi thối, bọn họ đành mở bụng ông móc hết nội tạng rồi rửa sạch sẽ trong bụng, sau đó đổ vài đấu muối vào, bọn họ nhanh chóng gấp rút quay về nước Liêu. Nhân dân Trung Nguyên đem châm biếm chuyện này và gọi ông ta là "Đế Ba"

Khi chuyển thi thể về nước Liêu, hoàng hậu Ứng Thiên không hề đau khổ mà bà ta rất hận và nói: "Khanh cố tình làm trái ý nguyện của ta, để đi xâm lược Trung Nguyên, gây ra cảnh trong và ngoài triều đều không an, bây giờ phải đợi các bộ lạc thống nhất nền an ninh, ta mới an táng cho khanh". Về sau an táng ông ta tại Hoài Lăng.

Thụy hiệu của Uất Luật Đức Quang là Thái Tông.

THẾ TÔNG (UẤT LUẬT VIÊN)
(NƯỚC LIÊU)

Thế Tông, ông ta tên là Uất Luật Viên (918 - 951). Ông là cháu nội của Thái Tổ và là cháu họ của Uất Luật Đức Quang, là con trưởng Uất Luật Bối. Ông kế vị khi Thái Tông chết. Ông trị vì 5 năm. Trên đường tiến đánh Hậu Chu ông ta bị Yên Vương Uất Luật Sài Cát mưu sát. Hưởng thọ 34 tuổi. Mai táng ở Hiền Lăng.

*

Uất Luật Viện được phong làm Vĩnh Khang Vương. Thái Tông chết trên đường trở về nhà. Dưới sự giúp đỡ của đại thần Uất Luật An Chuyển, Uất Luật Khổng, Uất Luật Giai giúp Uất Luật Viện lên kế vị. Ngày Mậu Dần tháng 7 năm 947 ông làm lễ đăng cơ, đổi niên hiệu là "Vĩnh Lộc". Lên ngôi được một thời gian, ông bắt thái hậu Ứng Thiên và Uất Luật Lí Hồ giam lỏng ở Tô Châu, và giết chết đồng đảng của thái hậu. Năm thứ hai em rể của ông ta là Tiêu Hàn cầm đầu một số quý tộc tạo phản, nhưng sự việc bại lộ và Uất Luật Viện dẹp yên cuộc phản loạn đó. Năm 947 Tiêu Hàn lại cấu kết với Đông Đan Vương An Đoan cùng mưu phản, con trai của An Đoan là Sài Cát tố cáo, Uất Luật Viện giết chết Tiêu Hàn, còn An Đoan từ chức về quê an dưỡng, Sài Cát kế nhiệm chức vụ của cha. Sài Cát thần lập mưu cướp ngôi vị hoàng đế, cũng đạt được dã tâm của Sài Cát nên họ dãn lần 7 lượt cầu xin Uất Luật Viện trừ bỏ Sài Cát, Uất Luật Viện một mực không tin và nói: "Sài Cát vạch trần tội trạng của cha anh ta, một người trung hiếu với trẫm như vậy, làm sao dám ăn ở 2 lòng". Ông phong Sài Cát làm Yên Vương và cực kì sủng ái anh ta.

Năm 951, Uất Luật Viện đáp ứng lời thỉnh cầu của hoàng đế Lưu Sùng (triều Bắc Hán), Uất Luật Viện họp tù trưởng các bộ lạc để xuất binh đánh triều Hậu Chu, giải vây triều Bắc Hán. Các tù trưởng quá mệt mỏi vì đi đánh trận, binh lực hao tổn mệt mỏi, do đó họ không muốn xuất quân xuống xâm lược miền Nam. Uất Luật Viện nhất định ép họ dẫn quân đi trợ giúp, ông ta cũng đích thân đi đánh trận, tháng 9 bọn họ đến được núi Tường Cổ ở Châu Quy Hóa, đến tối ông tạm thời ngủ ở điện Hỏa Thần. Các tù trưởng bộ lạc cũng dẫn binh mã cư trú tại đó. Tới

ngày Quý Hợi, Uất Luật Viện cúng tế vong linh của Thái Tông, rồi cho mở yến tiệc chiêu đãi quần thần và các tù trưởng, ông uống rượu say mèm các thuộc hạ dìu ông về phòng nghỉ. Nửa đêm Yên Vương Uất Luật Sài Cát và Uất Luật Kha dẫn 1 nhóm tù trưởng xông vào phòng chém chết Uất Luật Viện.

Thụy hiệu của Uất Luật Viện là Thế Tông.

MỤC TÔNG (UẤT LUẬT CẢNH)

Mục Tông, ông ta tên là Uất Luật Cảnh (931 - 969) hồi nhỏ ông tên là Thuật Luật. Ông là con trai của Thái Tông Uất Luật Đức Quang và là em họ của Uất Luật Viện. Ông kế vị sau khi Uất Luật Viện bị giết. Ông trị vì 19 năm, bị giết trong cuộc bạo động của nô lệ. Hưởng thọ 39 tuổi. Mai táng ở Hoài Lăng.

*

Uất Luật Cảnh được phong làm Thọ An Vương, tiếp đó được lập làm thái tử. Tháng 9 năm 951 Uất Luật Sài Cát giết Thế Tông, lúc này Uất Luật Cảnh cũng đang ở trong quân đội, ông vội chạy trốn tới Nam Sơn. Uất Luật Sài Cát muốn xưng đế nhưng gặp sự phản đối của các tù trưởng. Lợi dụng thời cơ đó, Uất Luật Cảnh và đại thần Uất Luật Thất chất dẫn binh bao vây Sài Cát. Sài Cát biết mình sẽ bị diệt, anh ta dứt khoát trói các chư tướng đang bị bao vây cùng anh và nói với bọn họ "Trước khi ta chết, ta phải giết hết các anh", bộ tướng Uất Luật Địch Luật khuyên giải: "Nếu anh không trừ bỏ hoàng đế (Uất Luật Viện) Thọ An Vương làm sao có cơ hội kế vị! Dựa vào lí do này, có lẽ Thọ An Vương sẽ miễn tội cho anh" Sài Cát cho rằng điều đó rất có lí, bèn sai Uất Luật Địch Luật đến chỗ Uất Luật Cảnh giải thích lí do. Uất Luật Địch Luật thấy Uất Luật Cảnh anh ta không gỡ tội cho Sài Cát mà còn bàn bạc kế sách với Uất Luật Cảnh, quay về doanh trại Uất Luật Địch Luật trở về nơi Thọ An Vương đồng ý tha tội và cho mời Sa Cát đến gặp mặt. Sa Cát tin vào lời nói đó và đi gặp Uất Luật Cảnh, Uất Luật Cảnh sai em trai nấp vào một chỗ rồi bất thần chém chết Sa Cát ngay tại chỗ, bình định cuộc phản loạn. Ngày Đinh Mão tháng 9 các đại thần và tù trưởng đón Uất Luật Cảnh từ điện Hỏa Thần trở về U Châu và lập làm hoàng đế, ông đổi niên hiệu là "Ứng Lịch".

Trong thời gian trị vì, ông 4 lần trấn áp các cuộc chính biến. Về mặt đối ngoại: ông không có binh lực để phát động những cuộc chiến tranh có quy mô lớn, ông vì nể lời thỉnh cầu của triều Bắc Hán nên xuất binh đi cứu viện, ngăn chặn triều Hậu Chu đi tấn công triều Bắc Hán.

Để trấn áp cuộc phản kháng của nô lệ, ông đặt ra nhiều cực hình: ví dụ: bắn tên, thiêu sống, chặt chân tay, lăng chì, cắt lưỡi, nhổ răng, tùng xẻo... chỉ vì những việc rất nhỏ ông cũng có thể ra tay giết nô lệ. Tháng 3 năm 965, cận thị Đông Nhi chỉ vì mang đũa và thìa cho ông ta chậm một chút, nên bị ông ta giết chết. Tháng 6 năm 967 ông ta lại giết 44 nô lệ ở Quản Lộc. Sự tàn sát dã man của ông ta khiến các nô lệ vô cùng hận. Ngày Kỉ Tị tháng 2 năm 969 sau khi đi sai ở Hoa Châu, ông quay về cung, bị 6 nô lệ: cận thị, đầu bếp... giết chết.

Thụy hiệu của ông là Mục Tông.

CẢNH TÔNG (UẤT LUẬT HIỀN) (NƯỚC LIÊU)

Cảnh Tông, ông ta tên là Uất Luật Hiền (948 - 982). Tên tự của ông là Hiền Hinh. Ông là con thứ của Thế Tông Uất Luật Viện, và là cháu họ của Uất Luật Cảnh. Ông kế vị sau khi Mục Tông chết. Ông trị vì 14, ốm chết, hưởng thọ 35 tuổi. Mai táng ở Càn Lăng.

*

Tháng 2 năm 969 Uất Luật Hiền nghe tin Mục Tông bị giết, ông vội dẫn 1000 binh sĩ tới

trước linh cửu của Mục Tông và cúng tế... Ngày Kỉ Tị ông tuyên bố kế vị, đổi niên hiệu là "Bảo Ninh".

Sau khi đăng cơ, ông ốm trong một thời gian dài, do đó mọi việc do hoàng hậu Tiêu Xước lâm triều giải quyết. Trong thời gian ông ta trị vì, Tống Thái Tông có ý định đòi lại 16 châu ở Yên Vân vì thế xuất binh đánh Liêu. Uất Luật Hiền phái đại tướng Uất Luật Hưu Ca nghênh chiến. Hai bên quyết chiến ở sông Cao Lương (nay thuộc phía Đông huyện Đại Hưng thành phố Bắc Kinh), quân Tống thua nặng nề, trong sử gọi cuộc chiến này là: cuộc chiến ở sông Cao Lương hay còn gọi là: cuộc chiến ở U Châu.

Tháng 9 năm 982 ông đi du làm, ngày Nhâm Tí ông mất ở Vân Châu (nay thuộc thành phố Đại Đồng tỉnh Sơn Tây). Ông lập di chiếu truyền ngôi cho thái tử Uất Luật Long Tự, đại thần Hàn Đức Nhượng và Uất Luật Tà Chẩn phụ giúp công việc, việc quốc gia đại sự do hoàng hậu Tiêu quyết định.

Thụy hiệu của Uất Luật Hiền là Cảnh Tông.

TIÊU THÁI HẬU (TIÊU XƯỚC)
(NƯỚC LIÊU)

Thái hậu Tiêu, bà tên là Tiêu Xước (953 - 1009), hồi nhỏ bà có tên là Yên Yên. Bà là hoàng hậu của Cảnh Tông Uất Luật Hiền và là mẹ của Thánh Tông Uất Luật Long Tự. Bà nhiếp chính 5 năm, ốm chết. Hưởng thọ 57 tuổi. Mai táng ở Càn Lăng.

*

Năm 969 Cảnh Tông chọn Tiêu Xước làm quý phi, được một thời gian phong bà ta làm hoàng hậu. Bà thông thạo binh lược. Cảnh Tông ốm, bà ta lâm triều giải quyết chính sự. Lúc đó, nhân dân nước Liêu chỉ biết có hoàng hậu Tiêu mà không biết có Cảnh Tông.

Cảnh Tông chết, Thánh Tông kế vị, bà được tôn làm hoàng thái hậu, lâm triều nhiếp chính. Bà tin dùng đại thần Uất Luật Tà Chẩn và Hàn Đức Nhượng, bà cho phép họ tham dự vào quyết sách trong triều chính, bà phái Uất Luật Hưu Ca trấn giữ ở Yên, Năm 986, Tống Thái Tông chia quân làm 3 ngả tấn công vào nước Liêu - có ý định thu hồi 16 châu ở Yên Vân. Bà mang Thánh Tông cùng ra trận đốc thúc chiến trận và đẩy lui 3 cánh quân Tống. Năm 1004 bà cùng Thánh Tông thống lĩnh 20 vạn đại quân tiến xuống Nam hạ đánh vào thành Thiền Châu ở bờ sông Hoàng Hà (nay thuộc phía Tây Nam huyện Bộc Dương tỉnh Hà Nam) đe dọa đô thành nước Tống, gặp phải sự phản kích của quân Tống. Đầu năm 1005, quân Liêu và quân Tống kí kết "liên minh Thiền Uyên", bà mới lui quân về.

Bà mất năm 1009.

THÁNH TÔNG (UẤT LUẬT LONG TỰ)
(NƯỚC LIÊU)

hánh Tông, ông ta tên là Uất Luật Long Tự (971 - 1031). Ông là con trưởng của Cảnh Tông Uất Luật Hiền. Ông kế vị khi Cảnh Tông chết. Ông trị vì 50 năm, ốm chết. Hưởng thọ 61 tuổi. Mai táng ở Vĩnh Trang Lăng (nay thuộc khu tự trị Nội Mông Cổ).

*

Uất Luật Long Tự nhận tước vị Lương Vương. Thời Cảnh Tông trị vì đã lập Uất Luật Long Tự làm thái tử. Ngày Nhâm Tí tháng 9 năm 982 Cảnh Tông chết, ngày Quý Mão ông lên kế vị và đổi niên hiệu là "Thống Hòa".

12 tuổi, Uất Luật Long Tự đã làm hoàng đế, nhưng mọi việc do thái hậu w lâm triều giải quyết. Ông chịu sự ảnh hưởng khá sâu đậm của nền văn hóa Hán và hướng tới văn minh phong kiến của tộc Hán, ông thích đọc các loại sách hán, ông biết chữ Hán và cũng thuộc thơ Hán.

Sau khi chính thức nắm quyền điều hành triều chính. Trong phương diện đối nội và đối ngoại ông làm được khá nhiều việc quan trọng. Về đối nội: ông ra sức tuyển chọn nhân tài, hiền sĩ, điều đó làm cho nội bộ tập đoàn thống trị tương đối ổn định. Ông cực kỳ coi trọng những quan viên người Hán có tài, dưới sự giúp đỡ của bọn họ ông cho tiến hành hàng loạt cải cách, ví dụ: đế cao địa vị của nô lệ, địa vị của nô lệ và dân chúng ngang nhau, cấm chém giết nô tì. Một lần, công chúa giết chết 1 nô tì vô tội, Uất Luật Long Tự biết chuyện, đã hạ lệnh giáng công chúa làm huyện chủ, phò mã cũng chịu xử phạt. Ông thực hiện chế độ tô thuế, một mặt cho phép nô lệ nhận ruộng đất khoán cuối vụ nộp tô cho chủ; mặt khác giao nộp thuế cho chính phủ; tiền thuế có thể căn cứ vào thành quả lao động; thuế này gọi là "nhị thuế pháp", khiến nô lệ trở thành nông nô trong hệ thống sản xuất, thúc tiến và phát triển của kinh tế xã hội nước Liêu. Về đối ngoại thông qua chiến tranh đã mở rộng được cương vực thống trị. Đã 3 lần ông tiến quân xuống miền Nam đánh triều Tống. 2 lần đánh bại tộc Cao Lệ. Năm 1013 xuất binh chinh phạt Ô Cố, năm 1028 tấn công tộc Hồi ở Cam Châu (nay thuộc huyện Trương Dịch tỉnh Cam Túc). Thời gian ông ta trị vì là thời kỳ hưng thịnh của nước Liêu, người Liêu gọi ông là "Tiểu Ngu Thuấn".

Ngày Kỉ Mão tháng 6 năm 1031, ông mất tại bờ bắc sông Đại Phúc.

Thụy hiệu của ông là Thánh Tông.

HƯNG TÔNG (UẤT LUẬT TÔNG CHÂN)
(NƯỚC LIÊU)

Hưng Tông, ông ta tên là Uất Luật Tông Chân (1016 - 1055) hồi nhỏ ông có tên tự là Chỉ Cốt. Ông là con trưởng của Thánh Tông Uất Luật Long Tự. Ông kế vị khi cha chết.

*

Uất Luật Tông Chân được phong làm Lương Vương. Năm 1021 Thánh Tông lập ông ta làm thái tử. Tháng 6 năm 1031 Thánh Tông chết, cùng tháng đó ông lên kế vị, đổi niên hiệu là "Cảnh Phúc".

Mẹ của Uất Luật Tông Chân là cung nữ, hoàng hậu của Thánh Tông (Tề Thiên Hậu) nhận nuôi dưỡng, mẹ đẻ ông được phong làm Nguyên Phi. 16 tuổi, ông được lập làm hoàng đế, Nguyên Phi tự lập làm hoàng thái hậu (Khâm Ai Hậu). Vì muốn cướp đoạt triều chính Khâm Ai Hậu tìm cách vu cáo hãm hại Tề Thiên Hậu và muốn Uất Luật Tông Chân trừ bỏ Tề Thiên Hậu. Uất Luật Tông Chân nói: "Hoàng hậu theo hầu tiên đế 40 năm, và còn giáo dục dạy dỗ con, đúng ra phải lập bà làm hoàng thái hậu, bấy giờ không tôn làm hoàng thái hậu mà còn ghép tội cho bà, như vậy không thể được!".

Khâm Ai Hậu nói: "Nếu để bà ta sống, sẽ gây mầm họa về sau". Uất Luật Tông Chân nói: "Hoàng hậu tuổi cao mà lại không có con, tuy bà vẫn sống khỏe mạnh nhưng cũng không có sức lực để gây tai họa". Khâm Ai Hậu thấy Uất Luật Tông Chân không nghe lời, bà ta tự ý giam lỏng Tề Thiên Hậu ở Thượng Kinh (năm sau bà ta hại chết Tề Thiên Hậu) và mưu hại các đại thần thân tín của hoàng hậu, sau đó lâm triều chấp chính cướp đoạt hoàng quyền. Năm 1034 Khâm Ai Hậu lại bí mật phế truất Uất Luật Tông Chân lập thiếu tử Uất Luật Trọng Nguyên. Nhưng ý định của bà ta bị Uất Luật Trọng Nguyên tố cáo với Uất Luật Tông Chân, ông phế bỏ Khâm Ai Hậu và giam lỏng bà ta ở Khánh Lăng (3 năm sau mới cho đón bà ta về cung).

Năm 1047 ông sai sứ giả trới triều Tống đòi đất đai, được tặng thêm lụa là vàng bạc mới quay về. Năm 1044, ông đích thân thống lĩnh đại quân, chia quân làm mấy ngả tấn công Tây

Hạ, lúc thắng lúc bại, hai nước Liêu - Hạ đàm phán hòa bình.

Tháng 7 năm 1055 ông đi du lãm ở núi Thu Sơn, tạm trú ở phía Nam của núi, bị ốm. Tháng 8 bệnh nguy kịch, ngày Kỉ Mão ông từ trần.

Thụy hiệu của ông là Hưng Tông.

ĐẠO TÔNG (UẤT LUẬT HỒNG CƠ)
(NƯỚC LIÊU)

Đạo Tông, ông ta tên là Uất Luật Hồng Cơ (1032 - 1101). Ông là con trưởng của Uất Luật Tông Chân. Ông kế vị khi Hưng Tông chết. Ông trị vì 46 năm, ốm chết. Hưởng thọ 70 tuổi. Mai táng ở Vĩnh Phúc Lăng.

*

Uất Luật Hồng Cơ được phong làm Yên Vương. Năm 1052 nhận tước vị Đại Nguyên Sư binh mã thiên hạ. Ngày Kỉ Mão tháng 6 năm 1031 Hưng Tông chết, cùng ngày đó Uất Luật Hồng Cơ lên kế vị, và đổi niên hiệu là "Thanh Ninh".

Sau khi đăng cơ, ông trọng dụng Uất Luật Trọng Nguyên, Uất Luật Ất Tân... dẫn tới cảnh nội bộ giai cấp thống trị đấu tranh gay gắt. Tháng 7 năm 1063 Uất Luật Trọng Nguyên trả vờ bị ốm, muốn dẫn dụ Đạo Tông trên đường đi săn trở về tiện đường ghé thăm, sau đó sẽ cùng con trai cưỡng đoạt ngôi vi. Cung nhân Uất Luật Lương phát hiện ra mưu đồ đen tối của Uất Luật Trọng Nguyên và đi báo lại với hoàng thái hậu (Nhân Nghị Hậu), bà nói lại với Uất Luật Hồng Cơ. Ông không tin, sai người đi gọi con trai của Uất Luật Trọng Nguyên về triều, và dẫn lũ chó săn quay lại, sau đó dẫn binh đi dẹp phản loạn.

Năm 1075 Uất Luật Ất Tân mưu đoạt ngôi vị, tìm cách vu cáo hoàng hậu Nghị Đức và Triệu Hoài Nhất tư thông với nhau, Uất Luật Hồng Cơ không điều tra rõ ràng đã sai giết hoàng hậu. Năm 1077 Uất Luật Ất Tân vu cáo thái tử có mưu đồ đoạt vị, Uất Luật Hồng Cơ không cho thái tử biện bạch đã giam lỏng thái tử lại. Được ít lâu, Uất Luật Ất Tân sai người mưu sát thái tử và giả vờ loan cáo thái tử ốm chết. Uất Luật Hồng Cơ triệu kiến vợ thái tử, nhưng Uất Luật Ất Tân lại giết vợ thái tử để diệt khẩu. Mãi đến năm 1081 Uất Luật Hồng Cơ mới phát giác được chân tướng sự việc, ông phế truất Uất Luật Ất Tân và bè lũ tay sai của hắn. Năm 1083 ông ta xử tội chết Uất Luật Ất Tân vì tội cất dấu vũ khí.

Uất Luật Hồng Cơ rất tin Phật Giáo, ông cho in kinh Phật và xây chùa tháp, làm hao tốn tiền của và sức lực của dân chúng, dẫn tới mâu thuẫn xã hội gay gắt, khiến nước Liêu đi tới bờ vực thẳm.

Tháng 12 năm 1100 ông bị ốm. Tháng 1 năm 1101 bệnh tình nguy kịch, ông cho phép cháu là Uất Luật Diên Hỉ kế vị. Ngày Giáp Tuất ông từ trần.

Thụy hiệu của ông là Đạo Tông.

THIÊN ĐỘ TẾ (UẤT LUẬT DIÊN HỈ)
(NƯỚC LIÊU)

Thiên Tộ Đế, ông ta tên là Uất Luật Diên Hỉ (1075 - 1128) tên tự của ông là Diên Ninh. Ông là cháu nội của Đạo Tông Uất Luật Hồng Cơ. Ông kế vị khi Đạo Tông chết. Ông trị vì 25 năm, mất nước bị quân Kim bắt sau đó ốm chết (một thuyết nói bị hại chết). Hưởng thọ 54 tuổi. Mai táng gần Hiền Lăng.

*

Uất Luật Diên Hỉ là con trai của thái tử. Sau khi Uất Luật Ất Tân giết thái tử và có ý đồ mưu sát Uất Luật Diên Hỉ. Năm 1079 Đạo Tông đi săn, Uất Luật Ất Tân thỉnh cầu Đạo Tông để Uất Luật Diên Hỉ ở lại trong cung, định tìm cơ hội ra tay hạ thủ, các đại thần nhắc nhở Đạo Tông chú ý tới sự an toàn của cháu nội, Đạo Tông tỉnh ngộ và mang cháu cùng đi. Nhờ vậy, Uất Luật Diên Hỉ mới tránh được cái chết.

Đầu năm 1080 Đạo Tông lập Uất Luật Diên Hỉ làm Lương Vương và sai 6 dũng sĩ bảo vệ, Đạo Tông còn ra lệnh cho Tiêu Ngột Nạp dạy dỗ Uất Luật Diên Hỉ. Vài năm sau Uất Luật Diên Hỉ được phong làm Yên Vương. Năm 1091 ông được phong làm Đại Nguyên sư binh mã thiên hạ. Làm thượng thư lệnh, đồng thời được chọn làm người kế vị. Tháng 1 năm 1100 Đạo Tông chết, cùng tháng đó Uất Luật Diên Hỉ lên kế vị, ông đổi niên hiệu là "Càn Thống".

Sau khi lên ngôi, ông rửa sạch nỗi oan cho bà nội là Tuyết Nghị Hậu và cha đẻ, dẹp loạn được cuộc tạo phản của bè lũ tay chân của Uất Luật Ất Tân. Vây cánh của chúng bị giết chết. Nhưng trong thời gian trị vì ông lại trọng dụng nịnh thần Tiêu Phùng Tiên, Tiêu Đức Lí Để, mặt khác ông ta thích du lãm ăn chơi sa đọa, hoang dâm tột cùng không màng quản lí triều chính, dẫn tới cảnh các quý tộc tông thất đấu tranh giành giật quyền lợi, khởi nghĩa nông dân bùng nổ, thủ lĩnh các bộ tộc cũng dấy binh phản Liêu, nền thống trị của Liêu trượt xuống dốc rơi vào suy bại. Năm 1115, quân Kim tấn công vào phủ hoàng long (nay thuộc huyện Nông An tỉnh Cát Lâm), Uất Luật Diên Hỉ đích thân thống lĩnh đại quân đi chặn địch, kết quả ông bị thua trận, những vùng khác cũng liên tiếp bị quân Kim chiếm lĩnh.

Năm 1121, phó đô làm thống binh quân đội là Uất Luật Dư Mục có ý đồ phế truất Uất Luật Diên Hỉ và định lập con thứ của Uất Luật Diên Hỉ là Tấn Vương Uất Luật Phóng Lỗ Tà kế vị. Sự việc bại lộ. Uất Luật Dư Mục phản Liêu đầu hàng quân Kim. Năm sau, Uất Luật Dư Mục dẫn quân Kim bao vây Uất Luật Diên Hỉ, Tiêu Phùng Tiên hiến kế nói: "Dư Mục tiến quân vây đánh cũng chỉ muốn cướp đoạt Tấn Vương, chi bằng bệ hạ đem giết Tấn Vương, Dư Mục tất đau khổ và tự ý lui quân". Nghe lời xảm tấu nên Uất Luật Diên Hỉ giết Tấn Vương, điều đó làm các quý tộc kinh hãi, bọn họ liên tiếp có ý đồ phản bội triều Liêu. Uất Luật Dư Mục không chịu lui quân mà còn chỉ huy quân Kim xông thẳng vào cung điện của Uất Luật Diên Hỉ. Uất Luật Diên Hỉ thống lĩnh 5000 người chạy đến Vân Trung (nay thuộc thành phố Đại Đồng tỉnh Sơn Tây). Tháng 3 quân Kim đánh vào Vân Trung, ông ta lại chạy đến Giáp Sơn, Nam Kinh (nay là thành phố Bắc Kinh).

Mùa đông năm 1124, Uất Luật Diên Hỉ không nghe lời của Uất Luật Đại Thạch và dẫn tàn quân rời Giáp Sơn tiến xuống Vũ Châu (nay thuộc Thần Chí tỉnh Sơn Tây) có ý đồ thu lại huyện Tây Châu thuộc Phục Sơn, ông lại bị quân Kim đánh bại, nhiều thuộc hạ của ông phải đầu hàng quân Kim. Tháng 1 năm 1125, ông dẫn quân đi qua sa mạc tháo chạy về hướng Tây, trên đường đi lương thực và nước ngọt điều cạn kiệt, phải nuốt băng tuyết để cầm cơn đói khát.

Tháng 2 ông chạy đến phía Đông thành Châu Tân (nay thuộc phía Tây huyện Hoài Nhân tỉnh Sơn Tây), bị tướng lĩnh quân Kim bắt làm tù binh, Kim Thái Tổ phong ông ta làm Hải Tân Vương. Được ít lâu, người Kim giết chết ông ta, thi thể của ông ta bị đàn ngựa giẫm thành một đống thịt. (một thuyết khác nói ông ta ốm chết năm 1128). Triều Liêu diệt vong.

Thụy hiệu của ông ta là Thiên Tộ Đế.

TRIỀU BẮC LIÊU

(Năm 1122 - 1123, tổng cộng 2 năm)

Triều Bắc Liêu có 4 đế vương (bao gồm cả Tiêu Đức Phi) trong đó 2 người ốm chết, 2 người bị giết trong nội chiến.

TUYÊN TÔNG (UẤT LUẬT THUẦN)
(BẮC LIÊU)

Tuyên Tông, ông ta tên là Uất Luật Thuần (1063 - 1192). Ông là chắt của Liêu Hưng Uất Luật Tông Chân. Thiên Tộ Đế bại trận chạy về Giáp Sơn; tể tướng Uất Luật Đại Thạch ôn làm hoàng đế. Ông ốm chết. Mai táng ở Vĩnh An Lăng (nay thuộc Hương Sơn thành phố Bắc Kinh)

*

Cha của Uất Luật Thuần là Tống Ngụy Vương Uất Luật Hòa Lỗ Tà; Uất Luật Thuần được phong làm quận vương và nhận chức vụ tiết độ sứ. Năm 1101 ông được phong làm Trịnh Vương, tiếp đó phong làm Việt Vương. Năm 1106 làm tể tướng phủ Nam đô Ngụy Vương. Cha của Uất Luật Thuần chết, ông kế nhiên nhiệm vụ trấn giữ ở Nam Kinh (nay là thành phố Bắc Kinh). Năm 1115, Thiên Tộ Đế bại trận ở miền Đông, đại thần Uất Luật Chương Nô có ý định phế truất Thiên Tộ Đế và muốn lập Uất Luật Thuần làm đế, Uất Luật Chương Nô phái em vợ của Uất Luật Thuần là Tiêu Địch Lí đi thông báo cho anh rể. Uất Luật Thuần nhất định cự tuyệt và giết chết em rể, ông đi báo cáo âm mưu đó cho Thiên Tộ Đế, dẹp yên chính biến và được phong làm Tần Tấn Quốc Vương. Năm 1122, triều Kim vây đánh triều Liêu, Thiên Tộ Đế chạy đến Giáp Sơn, mọi tin tức đều bị phong tỏa. Tể tướng Lí Xú Ôn, đại thần Uất Luật Đại Thạch, Khé Vương Hồ Lí Bảo... mang áo hoàng bào đến và lập Uất Luật Thuần làm đế, đặt hiệu là Thiên Tích hoàng đế, đặt niên hiệu là "Kiến Phúc", giáng Thiên Tộ Đế là Tương Âm Vương. Uất Luật Thuần thống trị 3 châu: Yên Châu, Vân Châu, Bình Châu... và Liêu Tây, Thượng Kinh, Đông Kinh... trở thành một chính quyền của triều Liêu. Trong sử gọi là Bắc Liêu.

Sau khi đăng cơ, ông cho Hồ Lí Bảo làm mật sứ ở viện bắc, còn Uất Luật Đại Thạch thống lĩnh binh mã. Về đối ngoại: ông sai sứ đến triều Bắc Tống nói: "cho phép triều Liêu không cống bạc và kí kết hòa ước. Triều Bắc Tống không đồng ý và xuất binh đi chinh phạt. Uất Luật Thuần quay sang triều Kim và cầu xin làm đệ tử cho nước Kim và nhờ triều Kim bao che. Triều Kim không đồng ý, tháng 6 năm 1122 Uất Luật Thuần chết ở Yên. Lúc lâm chung ông nói muốn con thứ của Thiên Tộ Đế làm người kế vị, đại thần Lí Xú Ôn trợ giúp. Tiêu Đức Phi làm thái hậu, duy trì quân quốc đại sự.

Thụy hiệu của Uất Luật Thuần là Tuyên Tông.

TIÊU ĐỨC PHI
(BẮC LIÊU)

Tiêu Đức Phi (? - 1123), bà là hoàng hậu của Tuyên Tông Uất Luật Thuần. Tuyên Tông chết, bà chủ trì công việc triều chính. Bà chấp chính 2 năm. Thành Yên Kinh bị thất thủ, bà chạy theo Thiên Tộ Đế và bị Thiên Tộ Đế giết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Tuyên Tông chết, Tiêu Đức Phi được tôn làm thái hậu, chủ trì công việc triều chính và lập con thứ của Thiên Tộ Đế là Uất Luật Định làm đế, đổi niên hiệu là "Đức Hưng"

Khi Tiêu Đức Phi chấp chính, quân Tống tiến vào Yên Kinh, quân Liêu chết trận rất nhiều,

quân Tống mới rút quân không lâu, đại thần nước Liêu là Lí Xú Ôn bí mật câu kết với đại thần Bắc Tống là Trọng Quý, ông ta dự định bắt Tiêu Đức Phi làm lễ vật đầu hàng. Đầu năm 1123 quân Kim tấn công triều Liêu. Tiêu Đức Phi viết sớ tấu trình mong triều Kim lập Tần Vương Uất Luật Định làm đế, quân Kim không đồng ý và chiếm giữ Yên Kinh. Tiêu Đức Phi hoảng hốt chạy trốn và tìm cách để lập Uất Luật Định làm đế, thấy Thiên Tộ Đế không đến nỗi giáng tội, vì vậy quyết định chạy đến chỗ ông ta, Thiên Tộ Đế rất hận Uất Luật Thuần tự xưng đế và phế mình làm Tương Âm Vương, do đó ông ta sai thuộc hạ trói và giết chết Tiêu Đức Phi, phế Uất Luật Thuần làm thứ dân.

LƯƠNG VƯƠNG (UẤT LUẬN NHÃ LÍ)
(TRIỀU BẮC LIÊU)

Lương Vương, ông ta tên là Uất Luật Nhã Lí (1094 - 1123). Ông là con của Thiên Tộ Đế. Ông trị vì 5 tháng, ốm chết. Hưởng thọ 30 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Uất Luật Nhã Lí từng được phong làm Lương Vương. Tháng 10 năm 1123, ông ta và anh em bị quân Kim bao vây ở trại Thanh Gia, Tần Vương Uất Luật Định, Hứa Vương Uất Luật Ninh bị bắt làm tù binh, ông được Đặc Mẫu Ca bảo vệ cứu giúp chạy thoát thân, và chạy đến hội hợp Thiên Tộ Đế, Thiên Tộ Đế chạy đến Tây Hạ. Các thuộc hạ như Uất Luật Địch Liệt tận lực can ngăn nhưng không có hiệu quả, Đặc Mẫu Ca và Uất Luật Địch Liệt cướp đoạt Uất Luật Nhã Lí chạy về phía Bắc. Tháng 5 chạy đến Sa Lãnh; Uất Luật Địch Liệt lập Uất Luật Nhã Lí làm đế, đổi niên hiệu là "Thần Lịch".

Tháng 10 năm đó, Uất Luật Nhã Lí đi du lãm và săn bắn ở núi Tra lại, trong 1 ngày săn được 40 con dê vàng, 21 con cáo; do quá mệt mỏi ông bị ốm, vài hôm sau ông từ trần.

UẤT LUẬT THUẬT LIỆT
(TRIỀU BẮC LIÊU)

Uất Luật Thuật Liệt (? - 1123) ông là cháu ở Hưng Tông. Tháng 10 năm 1123 Lương Vương Uất Luật Nhã Lí ốm chết, Uất Luật Thuật Liệt được Uất Luật Địch Liệt lập làm hoàng đế. Tháng 11 thuộc hạ của Uất Luật Địch Liệt phát động binh biến giết chết ông ta, còn Uất Luật Thuật Liệt cũng bị loạn binh giết. Ông trị vì được 20 ngày. Mai táng ở đâu không rõ.

TÂY LIÊU

(Năm 1124 - 1218, tổng cộng 95 năm)

Triều Tây Liêu có 6 đế (bao gồm cả: Càn Thiên Hậu và Thừa Thiên Hậu) trong đó 2 người ốm chết, một người chết trong nội chiến, 1 người bị phế truất sau đó ốm chết, một người làm mất nước bị quân Mông Cổ giết, 1 người không rõ chuyện.

ĐỨC TÔNG (UẤT LUẬT ĐẠI THẠCH)
(TRIỀU TÂY LIÊU)

Đức Tông, ông ta tên là Uất Luật Đại Thạch (1087 - 1143). Tên tự của ông là Trọng Đức. Ông là cháu đời thứ 8 của Thái Tổ Uất Luật A Bảo Cơ. Ông trị vì 20 năm, ốm chết, hưởng thọ 56 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

Vào niên giám Liêu Thiên Khánh, Uất Luật Đại Thạch đỗ tiến sĩ, ông thông thạo hán văn, Khiết Đan văn, ông giỏi về cưỡi ngựa và bắn tên. Ông được cử làm thừa chỉ Hàn Lâm (chức vị Lâm Nha ở tộc Khiết Đan), vì vậy ông ta còn được gọi là Đại Thạch Lâm Nha. Về sau ông được phong làm Lại sư, tiết độ sứ.

Năm 1122 Thiên Tộ Đế chạy đến Giáp Sơn; Uất Luật Đại Thạch và Hối Lí Bảo lập Uất Luật Thuần làm hoàng đế, Uất Luật Đại Thạch nắm chắc binh quyền... Quân Kim tấn công triều Liêu, ông ta lúc đó cư trú ở Dung Quan và bị bắt làm tù binh. Tháng 9 năm 1123 ông dẫn quân chạy thoát và đầu hàng Thiên Tộ Đế. Thiên Tộ Đế trách tội ông ta tại sao dám coi thường thiên tử, dám lập Uất Luật Thuần làm đế, ông ta đáp: "Bệ hạ lấy lực lượng của toàn quốc nhưng không thể chống lại kẻ địch, bỏ nước chạy trốn, khiến trăm họ gặp tai họa, cho dù có lập 10 người như Uất Luật Thuần cũng đều là con cháu của Thái Tổ, còn hơn là cầu xin kẻ địch tha mạng". Thiên Tộ Đế không nói gì, đành phải miễn tội cho Đức Tông.

Năm 1124, Thiên Tộ Đế muốn xuống núi phu phục các châu ở Yên Vân, Uất Luật Đại Thạch khuyên can nói: "Tình cảnh quốc gia đến nông nỗi này, điều cốt yếu bây giờ là phải luyện binh, đợi có thời cơ thích hợp hãy xuất binh đi đánh tuyệt đối không thể khinh xuất làm xằng". Thiên Tộ Đế không nghe, Uất Luật Đại Thạch tận thấy nước Liêu bị hủy diệt trong tay Thiên Tộ Đế, Uất Luật Đại Thạch kiên quyết giết Tiêu Ất Tiết, thống lĩnh 200 kị binh chạy về phía Tây, tháng 2 năm đó ông tự lập làm vương. Ông tiến vào Tây Vực triệu tập quần chúng ở 18 bộ 7 châu thuộc nước Liêu nói: "Nước Kim ép bức nước ta, tàn sát dân chúng xâm lược chiếm giữ Thành Ấp, buộc hoàng đế Thiên Tộ phải chạy ra ngoài. Hôm nay tôi vì trượng nghĩa mà đến đây, mượn lực lượng của mọi người để đánh bại kẻ địch, giải cứu cho nỗi khốn khổ của quần chúng, khôi phục lãnh thổ, không biết mọi người có ủng hộ không?" Các bộ tộc đều xuất binh giao nộp cho ông chỉ huy tổng cộng có hơn 1 vạn quân tinh nhuệ, xây dựng thành 1 đội quân.

Tháng 2 năm 1125 Thiên Tộ Đế bị quân Kim bắt làm tù binh quân Liêu bị diệt vong. Uất Luật Đại Thạch tuân theo chủ trương nhất quán, tích lũy lực lượng, chờ đợi thời cơ, không coi thương kẻ địch, ông tiến quân về phía Tây xây dựng lực lượng. Năm 1131 (một thuyết khác nói là năm 1132), Uất Luật Đại Thạch xưng là hoàng đế Thiên Hựu, theo phong tục cũ của tộc Đột Quyết xưng là Cát Nhi Hãn (một cách gọi khác là: Cổ Nhi Hãn) ông đặt niên hiệu là "Diên Khánh", trong sử gọi là Tây Liêu, do vì sùng tứ màu đen nên gọi là "Hắc Khiết Đan". Năm 1134, ông cho xây dựng đô thành ở Hồ Tư Tà Nhĩ Đóa (theo ngôn ngữ Khiết Đan có nghĩa là: cung thành hùng mạnh). Quân Tây Liêu thực hiện chế độ lễ nghĩa, hầu như tương đồng với triều Liêu.

Sau khi xưng đế, Uất Luật Đại Thạch dẫn toàn bộ lực lượng đánh xuống miền Tây, đánh bại được liên quân của: Hoa lai Từ Nộ, Hốt Nhĩ Sách... ông chia quân chiếm lĩnh ở Hà Thất Hợp Nhi... khiến cương vực của Tây Liêu được mở rộng, trở thành 1 vương triều hùng mạnh ở Tây

Bắc tương đương với triều Nam Tống, Kim, Tây Hạ...

Sau khi đặt đô ở Hồ Tư Tà Nhi Đóa, ông phái 7 vạn kị binh đánh xuống phía Tây, có ý đồ phục hưng triều Liêu, vì phải đi qua sa mạc nên có rất nhiều người và ngựa bị chết, việc đó cản trở cho việc tiến quân về phía trước, ông đành phải rút binh.

Uất Luật Đại Thạch mất năm 1143.

Sau khi ông ta chết, vẫn chiếu theo chế độ lễ tang của tộc Hán. Lập hiệu miếu là: Đức Tông.

CẢM THIÊN HẬU (THÁP BẤT YÊN)
(TRIỀU TÂY LIÊU)

Hoàng hậu Cảm Thiên, bà ta tên là Tháp Bất Yên, bà là hoàng hậu của Đức Tông, năm sinh và năm mất không rõ. Đức Tông Uất Luật Đại Thạch chết, con trai của ông ta là Uất Luật Di Liệt còn nhỏ tuổi, bà ta chấp chính và cho đổi niên hiệu là "Cảm Tỉnh". Bà chấp chính 7 năm, năm 1150 hoàn trả lại ngôi vị cho con trai. Chuyện về sau ra sao không rõ.

NHÂN TÔNG (UẤT LIỆT DI LIỆT)
(TRIỀU BẮC LIÊU)

Nhân Tông, ông ta tên là Uất Luật Di Liệt, năm sinh và năm mất không rõ. Ông là con của Đức Tông Uất Luật Đại Thạch. Năm 1150 hoàng hậu Cảm Thiên trả lại ngôi vị cho ông. Ông chính thức nắm quyền và cho đổi niên hiệu là "Thiệu Hưng".

Năm 1163, Uất Luật Di Liệt ốm chết. Ông trị vì 13 năm. Lúc lâm chung ông sai em gái là Uất Luật Phổ Tốc Hoàn trông coi việc triều chính.

THỪA THIÊN HẬU (UẤT LUẬT PHỔ TỐC HOÀN)

Thừa Thiên Hậu, bà ta tên là Uất Luật Phổ Tốc Hoàn, năm sinh và năm mất không rõ. Bà là con gái của Uất Luật Đại Thạch và là em gái của Nhân Tông Uất Luật Di Liệt. Bà chấp chính khi anh trai chết - tự xưng là Thừa Thiên thái hậu, bà cho đổi niên hiệu là "Sùng Phúc". Bà chấp chính 14 năm.

*

Năm 1177, Thừa Thiên Hậu dan díu với Phốc Cổ Chỉ Sa Lí, bà ta giáng chồng xuống làm Đông Bình Vương, được ít lâu bà ta lại giết chồng. Bố chồng của bà ta rất hận con dâu, ông dẫn lính vào cung giết Thừa Thiên Hậu và tên gian phu.

MẠT CHỦ (UẤT LUẬT CHÂN LỖ CỔ)
(TRIỀU TÂY LIÊU)

Mạt Chủ, ông ta tên là Uất Luật Chân Lỗ Cổ (?-1213). Ông là con thứ của Nhân Tông Uất Luật Di Liệt. Nhân Tông chết. Mọi việc trong triều do Thừa Thiên Hậu giải quyết. Uất Luật Chân Lỗ Cổ kế vị khi Thừa Thiên Hậu bị giết. Ông trị vì 34 năm, bị ép buộc nhường ngôi, sau đó ốm chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Khi Nhân Tông chết, Uất Liệt Chân Lỗ Cổ vẫn còn nhỏ tuổi, do đó Thừa Thiên Hậu lên nhíp chính. Năm 1177, Thừa Thiên Hậu bị giết ông lên kế vị và đổi niên hiệu là "Thiên Hỉ", xưng là Cổ Nhi Hãn.

Trong thời gian trị vì, ông thích đi du lãm vui chơi, không quan tâm đến triều chính, dẫn tới

cảnh xã hội suy đồi, mâu thuẫn xã hội gay gắt. Được một thời gian, Hoa Lại Tử Mạt và Tản Mã Nhi Can... làm theo lời kêu gọi của Khuất Xuất Luật tiến đánh Tây Liêu... Nội bộ triều Tây Liêu lục đục mâu thuẫn với nhau. Năm 1211 Uất Luật Chân Lỗ Cổ đi du lãm bị Khuất Xuất Luật mai phục và bắt giữ, ép phải thoái vị và được gọi là Thái thượng hoàng, phải sống ở biệt cung.

Năm 1213, Uất Luật Chân Lỗ Cổ chết.

Trong sử gọi ông là Mạt Chủ.

KHUẤT XUẤT LUẬT (CỔ XUẤT LỖ KHẮC)
(TRIỀU LIÊU)

Khuất Xuất Luật (?-1218). Mạt Chủ Uất Luật Chân Lỗ Cổ làm Kha Hãn. Về sau Khuất Xuất Luật ép Mạt Chủ thoái vị. Ông trị vì 7 năm, bị quân Mông Cổ truy sát. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Khuất Xuất Luật hay còn gọi là Cổ Xuất Lỗ Khắc, ông là con trai của Kha Hãn Thái Dương thuộc hệ Nãi Man.

Năm 1204 bố của Khuất Xuất Luật bị Nguyên Thái Tổ bắt giữ và sát hại. Khuất Xuất Luật dẫn tàn quân chạy trốn, năm 1208 chạy đến triều Tây Liêu và được Uất Luật Chân Lỗ Cổ giữ lại, vẫn lấy hiệu Kha Hãn, thế lực dần dần hùng mạnh. Được một thời gian, ông thấy nền thống trị của triều Tây Liêu bị lung lay, Hoa Lại Tử Mộ đang âm ỉ chuẩn bị tấn công triều Tây Liêu, hơn nữa Khuất Xuất Luật biết dân tộc Nãi Man vẫn sống rải rác ở trong núi, do đó ông định đến phía Tây thu thập tàn quân, có ý định đoạt ngôi của nhà Tây Liêu. Ông nói với Mạt Chủ': "Thần xa rời bộ lạc và dân chúng của thần đã lâu rồi, nghe nói dân chúng và quân đội vẫn sống tản mạn ở Diệp Mật và Hải Giáp... Nếu bọn họ biết thần còn sống, tất sẽ tập trung lại để chống kẻ địch, xin bệ hạ cho phép thần đi tập hợp bọn họ. Chỉ cần thần còn sống nhất định không quên ơn của bệ hạ và sẽ trung thành với bệ hạ". Mạt Chủ đồng ý và còn gả con gái cho Khuất Xuất Luật.

Khuất Xuất Luật tu họp dân chúng, thiết lập quân đội. Ông ta cùng với Hoa Lại Tử Mạt chia quân làm hai ngả tấn công Tây Liêu, nhân cơ hội nội bộ triều Tây Liêu lục đục đã bắt giữ Mạt Chủ, vẫn dùng quốc hiệu của Tây Liêu.

Sau khi đoạt vị, Khuất Xuất Luật dùng vũ lực ép dân chúng triều Tây Liêu từ bỏ Hồi Giáo và đi theo Phật Giáo. Cái cách phục trang của tộc Khiết Đan, mỗi một hộ dân có một người lính canh giữ. Điều đó gây ra sự phản kháng mãnh liệt của nhân dân, chính quyền bị mất ổn định,.

Năm 1218, quân Mông Cổ tiến vào cương vực của triều Tây Liêu, Khuất Xuất Luật hoảng hốt chạy khỏi kinh thành. Sau khi quân Mông Cổ chiếm đô thành triều Tây Liêu đã cho phép dân chúng ở các địa phương duy trì tín ngưỡng tôn giáo của chính mình. Dân tộc Hồi cũng giúp đỡ ủng hộ quân Mông Cổ. Họ cùng nhau giết chết lính Tây Liêu canh giữ ở các hộ gia đình. Nhiều quan lại triều Tây Liêu cũng đầu hàng địch. Còn có người dẫn đường cho quân Mông Cổ đi truy bắt Khuất Xuất Luật. Cuối cùng ông ta bị giết ở Sơn Cốc. Triều Tây Liêu diệt vong.

TRIỀU KIM

(Năm 1115-1234, tổng cộng 120 năm)

Triều Kim do tộc Nữ Chân ở vùng biên cương Trung Quốc xây dựng lên từ thời Lưỡng Tống. Cương vực của tộc Liêu: phía Đông Bắc đến biển Nhật Bản; phía Nam đến Hoài Hà, Tất Lãnh; phía Tây đến tỉnh Cam Túc, phía Bắc đến núi Huy An. Triều Kim có vai trò quan trọng trong việc phát triển xã hội ở miền Bắc và sự dung hợp dân tộc.

Triều Kim có 10 đế vương (bao gồm Hoàn Nhân Thừa Lân) trong đó có 5 người ốm chết, 3 người bị tàn sát trong nội chiến, 1 người làm mất nước tự thắt cổ chết, 1 người làm mất nước và bị giết trong cuộc binh loạn.

THÁI TỔ (HOÀN NHAN A CỐT ĐẢ)
(TRIỀU KIM)

Thái Tổ, ông ta tên là Hoàn Nhan A Cốt Đả (1068-1123). Ông là tù trưởng của tộc Nữ Chân, được tôn là người xây dựng nên triều Kim. Ông trị vì 9 năm, ốm chết. Hưởng thọ 56 tuổi. Mai táng ở Duệ Lăng (nay thuộc huyện Phòng Sơn thành phố Bắc Kinh).

*

Hoàn Nhan A Cốt Đả là người bộ lạc Hoàn Nhan Tộc Nữ Chân. Ông nội làm tù trưởng bộ lạc. Tháng 10 năm 1113 anh trai của Hoàn Nhan A Cốt Đả chết, ông lên kế nhiệm chức vị, gọi là Đô Bột Cấp Liệt (tể tướng). Thời đó tộc Nữ Chân phải nhờ vào nước Liêu giúp đỡ, ông được triều Liêu phong quan, năm sau lại được phong làm Tiết độ sứ.

Ông dùng vũ lực dần dần thống lĩnh các bộ lạc ở Nữ Chân, tiếp đó ông chỉ đạo tộc Nữ Chân đứng dậy phất cờ chống lại nước Liêu. Tháng 6 năm 1114 ông chiêu nạp binh mã các bộ lạc thề quyết chiến với quân Liêu, ông cầm cây gậy gỗ và cao giọng nói:

- Các anh cần đồng tâm hiệp lực đánh quân Liêu, có cố gắng thì chúng ta mới phá bỏ ách kìm kẹp nô lệ, nô lệ có thể làm bình dân, bình dân có thể làm quan, có quan tước rồi dân cố gắng có thể thăng quan. Nếu ai phản bội lời thế, sẽ bị chết, thậm chí cả người thân cũng không thể dung thứ". Năm sau, ông dẫn 2.500 quân lính tiến vào lãnh thổ nước Liêu và giành được thắng lợi huy hoàng.

Tháng 11, 10 vạn quân Liêu tiến đánh tộc Nữ Chân, A Cốt Đả dẫn đầu 3.700 lính nghênh chiến. Quân Liêu định vượt sông Áp Tử (nay thuộc sông Tùng Hoa phía Bắc huyện Phù Dư tỉnh Cát Lâm). Quân Liêu và quân Nữ Chân đánh nhau ở bờ sông. Lúc đó gió lớn thổi đến, bụi bay mù mịt. Quân Nữ Chân dũng cảm xông đến chém giết kẻ địch, đập tan cuộc tiến công của quân Liêu, bắt được vô số quân Liêu, A Cốt đả xung số tù binh đó vào quân đội khiến số lượng binh sĩ tăng đến 1 vạn. Cuộc chiến này được liệt vào cuộc chiến lấy ít thắng nhiều - đây cũng là một chiến dịch mang tính quyết định cho quân Nữ Chân về sau này diệt vong nước Liêu trong sử gọi là "Cuộc chiến sông Áp Tử". Quân Nữ Chân thừa thắng công kích chiếm lĩnh đất đai của nước Liêu.

Tết Nguyên Đán năm 1115, nhờ sự giúp đỡ của Ngô Khất Thực, các tướng lĩnh... A Cốt Đả tuyên bố lập quốc, cư trú ở bộ Hoàn Nhan (nay thuộc phía Nam huyện A Thành tỉnh Hắc Long Giang) lấy quốc hiệu là Đại Kim, đặt niên hiệu là "Thu Quốc".

Tháng 1 năm 1115. Ông thống lĩnh 2 vạn quân tấn công triều Liêu, tháng 9 chiếm lĩnh phủ hoàng long và đánh bại 10 vạn đại quân do Thiên Tộ Đề thống lĩnh. Năm 1123 ông câu kết với triều Bắc Tống cùng nhau đánh bại nước Liêu.

Trong thời gian trị vì, ông đặt định ra các chế độ, thiết lập hình pháp, đề ra các loại văn tự, tăng cường hoàng quyền, đặt nền tảng vững chắc cho triều Kim.

Tháng 8 năm 1123, A Cốt Đả đánh chiếm vùng Yên Kinh (nay là thành phố Bắc Kinh) của triều Bắc Liêu, tiếp đó ông ký kết hiệp định với triều Bắc Tống, trả lại triều Bắc Tống 6 châu ở Yên Kinh, và thống lĩnh quân đội quay về Thượng Kinh (nay thuộc Nội Mông Cổ). Ngày Mậu Thân hành quân đến Bộ Đổ Lạc (nay thuộc thành Bắc Khắc huyện Khắc Đông tỉnh Hắc Long Giang) ông ốm chết. Lúc đầu mai táng ở phía Đông Nam của Thượng Kinh, về sau cải táng ở Hòa Lăng (sau đổi tên thành Duệ Lăng). Về sau Hải Lăng Vương Hoàn Nhan Lượng lên kế vị, đã cho dời hài cốt đến núi Đại Phòng (nay thuộc phía Tây Nam thành phố Bắc Kinh) và vẫn lấy tên là Duệ Lăng.

Khi Hoàn Nhan A Cốt Đả chết, lấy thụy hiệu là Hoàn Nguyên Đế, thụy hiệu là Thế Tổ.

THÁI TÔNG (HOÀN NHAN THÀNH)
(TRIỀU KIM)

Thái Tông, ông ta tên là Hoàn Nhan Thành (1075-1135). Hồi nhỏ ông tên là Ngô Khất Thực. Ông là em trai của Thái TỔ Hoàn Nhan A Cốt Đả. Ông kế vị khi anh trai chết. Ông trị vì 13 năm, bệnh chết. Hưởng thọ 61 tuổi. Mai táng ở Cung Lăng (nay thuộc huyện Phòng Sơn thành phố Bắc Kinh).

*

Năm 1115 Hoàn Nhan Thành được phong làm Đại tể tướng. Khi Thái Tổ thống lĩnh đại quân đánh triều Liêu, Hoàn Nhan Thành nhận nhiệm vụ giữ đô thành và được chủ trì công việc triều chính. Tháng 8 năm 1123 Thái Tổ chết. Ngày Bính Thìn tháng 9 năm 1123 Hoàn Nhan Thành lên ngôi kế vị, ông đổi niên hiệu là "Thiên Hội".

Ông xây dựng đô thành và đặt tên là Phủ Hội Ninh (nay thuộc phía Nam huyện A Thành tỉnh Hắc Long Giang).

Năm 1125 Hoàn Nhan Thành bắt được Thiên Tộ Đế, diệt vong triều Liêu. Trong quá trình tấn công triều Liêu, Hoàn Nhan Thành thấy nên thống trị triều Bắc Tống thối rữa, phòng bị lơi là, do đó mùa đông năm đó ông tấn công triều Bắc Tống. Năm 1127 đánh úp đô thành Biện Kinh của triều Bắc Tống, bắt giữ Tống Vi Tông, Tống Khâm Tông. Triều Bắc Tống diệt vong. Sau chuyện này ông lại tấn công triều Nam Tống, lần lượt chiếm các vùng: Hà Nam, Thiểm Tây, Sơn Đông... đặt định được cương vực của triều Kim, xác lập sự thống trị của triều Kim đối với vùng Trung Nguyên.

Sau khi lên ngôi, Hoàn Nhan Thành sử dụng chế độ chính trị của triều Hán và tôn định quy mô của triều Kim. Vào những năm cuối đời ông còn sửa đổi chế độ: anh chết em kế vị; ông lập cháu nội của Thái Tổ là Hoàn Nhan Thiền làm người kế vị.

Năm 1135 ngày Kỷ Tị tháng 1 Hoàn Nhan Thành mất tại cung Minh Đức. Mai táng ở Hoa Lăng (về sau đổi thành Cung Lăng. Thờ Hải Lăng Vương trị vì đã cho dời hài cốt tới núi Đại Phòng và vẫn gọi là Cung Lăng.

Sau khi Hoàn Nhan Thành chết lấy thụy hiệu là Văn Liệt Đế và hiệu miếu là Thái Tông.

HI TÔNG (HOÀN NHAN THIỀN)
(TRIỀU KIM)

Hi Tông, ông ta tên là Hoàn Nhan Thiền (1119-1149). Ông là cháu nội của Thái Tổ Hoàn Nhan A Cốt Đả và là cháu họ của Thái Tông Hoàn Nhan Thành. Hoàn Nhan Thiền kế vị khi chú

chết. Ông trị vì 14 năm, bị Hoàn Nhan Lương giết. Hưởng thọ 31 tuổi. Mai táng ở Tư Lăng (nay thuộc huyện Phòng Sơn thành phố Bắc Kinh).

*

Hoàn Nhan Thiền là con trai của Hoàn Nhan Thắng Lượng. Từ nhỏ ông đã theo văn nhân Hàn Phương (người dân tộc Hán) học văn hóa Hán, ông có thể làm thơ viết văn bằng chữ Hán. Nghiễm nhiên ông trở thành 1 thiếu niên tộc Hán. Năm 1130 lúc đó ông mới 13 tuổi đã nhận chức vị Đại tể tướng, và được chọn làm người kế vị. Ngày Kỷ Tị tháng 1 năm 1135 Thái Tông chết, ngày Canh Ngọ cùng tháng ông lên đăng cơ và vẫn dùng niên hiệu của Thái Tông, năm 1138 ông đổi niên hiệu là "Thiên Quyển". 16 tuổi, ông đã lên ngôi, mọi công việc trong triều do đại thần Hoàn Nhan Tông Bật nắm giữ quyền hành. Năm 1148 Hoàn Nhan Tông Bật chết, Hoàn Nhan Thiền mới đích thân nắm giữ công việc trong triều. Trong thời gian trị vì, ông sử dụng thể chế chính trị của tộc Hán, tiến hành 1 loạt cải cách, bãi bỏ tục lệ thống trị cao nhất, đặt định chế độ cha truyền con nối. Các bè phái trong triều đấu tranh mãnh liệt. Hoàn Nhan Thiền và hoàng hậu cũng mâu thuẫn trầm trọng (hoàng hậu luôn can dự vào công việc của triều chính), trên thực tế ông khống chế được chính quyền.

Hoàn Nhan Thiền tàn bạo và xa xỉ. Tháng 9 năm 1149, ở Hà Nam có binh sĩ tên là Tôn Tiến cầm đầu quần chúng khởi nghĩa, tự xưng là "Hoàng đệ án sát đại vương", Hoàn Nhan Thiền hoài nghi "Hoàng đế" là em trai Hoàn Nhan Thường Thắng, vì thế ông ta giết chết Hoàn Nhan Thường Thắng và một người em trai khác tên là Hoàn Nhan Thường. Tháng 11 Hoàn Nhan Thiền lại giết hoàng hậu và nhiều phi tử khác. Ông còn giết các đại thần, tông thất, điều đó làm cho các đại thần và tông thất rất hoảng loạn, mọi người đều có ý định làm phản.

Tháng 12 năm 1149. Hoàn Nhan Lượng cấu kết với rất nhiều đại thần và binh sĩ trong triều để mưu đồ tạo phản lật đổ Hoàn Nhan Thiền. Ngày Đinh Tỵ, Hoàn Nhan Lượng sai đội trưởng cận thị là Đại Hưng Quốc vào canh 2 phải mở cửa thành, giả truyền thánh chỉ nói hoàng thượng truyền gọi Hoàn Nhan Lượng vào cung bàn việc. Bọn Cận thị và 1 số đại thần đã phục sẵn ở cửa, cùng nhau cầm dao tiến vào cung. Bọng họ phá cửa và khống chế lính bảo vệ. Hoàn Nhan Lượng vung dao chém Hoàn Nhan Thiền. Thi thể của ông ta đầu tiên được mai táng cùng mộ hoàng hậu, không lâu sau hài cốt bị chuyển đến núi Đại Phòng và gọi là Tu Lăng.

Sau khi ông chết lần lượt lấy thụy hiệu là Linh Đế, Hiếu Thành Đế, và hiệu miếu được đặt là Mẫn Đế, Hi Tông.

HẢI LĂNG VƯƠNG (HOÀN NHAN LƯỢNG)
(TRIỀU KIM)

Hải Lăng Vương, ông ta tên là Hoàn Nhan Lượng (1127-1161), tên tự của ông là Nguyên Công. Ông là cháu của Thái Tổ Hoàn Nhan A Cốt Đả. Ông giết Hoàn Nhan Thiền và tự lên kế vị. Ông trị vì 13 năm. Bị đô tướng Nguyên Nhan Nguyên Nghị giết. Ông trị vì 40 năm. Mai táng ở ngoại thành Yên Đô (nay cách 40km về phía Tây Nam huyện Phòng Sơn thành phố Bắc Kinh).

*

Hoàn Nhan Lượng là con thứ của Liêu Vương Nguyên Nhan Tông Can. Năm 1140, ông hành quân vạn hộ, vai trấn thủ ở Trung Kinh (nay thuộc phía Tây Nam, Ninh Thành Nội Mông Cổ) và được thăng làm thượng thư tả thừa, hữu thừa tướng Thái Bảo.

Hoàn Nhan Lượng tính tình đố kỵ, tàn sát. Ông cho rằng cha mình là con trưởng của Thái Tổ, mình cũng là cháu nội của Thái Tổ, ông không hài lòng với việc cháu trưởng của Thái Tổ là Hi Tông lên kế vị, Hoàn Nhan Lượng bèn kết nạp đồng đảng có ý đồ đoạt vị. Nhưng vẻ bên ngoài ông có vẻ trung thành với Hi Tông. Có một lần, Hi Tông triệu ông ta đến nói chuyện, và có nói đến sự việc xây dựng triều chính vô cùng gian khổ của Thái Tổ, Hoàn Nhan Lượng giả vờ

đau khổ khóc lóc, khiến Hi Tông rất tin ông ta. Hoàn Nhan Lượng có mối quan hệ mật thiết với hoàng hậu hậu của Hi Tông. Năm 1149, Hoàn Nhan Lượng tổ chức sinh nhật, Hi Tông sai Đại Hưng Quốc đi tặng quà cho Hoàn Nhan Lượng, hoàng hậu cũng nhờ chuyển lễ vật cho Hoàn Nhan Lượng. Hi Tông biết chuyện rất không bằng lòng, liền lấy lại lễ vật của hoàng hậu về và khiển trách Đại Hưng Quốc. Từ đó Hoàn Nhan Lượng cảm thấy không yên tâm, ông cho rằng Hi Tông đoán được dự tâm đoạt vị của mình.

Thái học sĩ viện Hàn lâm là Trương Quân bị xử tội chết, có đại thần vạch ra tội trạng của Trương Quân là do Hoàn Nhan Lượng chỉ đạo, Hi Tông bực bội sai Hoàn Nhan Lượng đến nhận chức ở Biện Kinh. Lúc đến Trung Kinh (nay thuộc thành phố Bắc Kinh), ông bàn bạc câu kết với quan trấn giữ ở Trung Kinh là Tiêu Dục, có ý định khởi binh làm phản ở Hà Nam, đoạt quyền. Được ít lâu, ông lại đến Lương Hương (nay thuộc thị trấn Lương Hương ngoại thành Bắc Kinh), đột nhiên Hi Tông lại triệu ông về Thượng Kinh, phong ông Bình Chương chính sự. Ông lại cùng với Điêm Thích Biện và Ô Đối mật bàn chuyện mưu phản. Điêm Thích Biện làm và Ô Đối từng chủ trương phế truất Hi Tông và lập em của Hi Tông là Nguyên Nhan Thừa Thắng hoặc Trịnh Vương Tử Hoàn Nhan A Lãn làm hoàng đế. Hoàn Nhan Lượng không bằng lòng lập hai người đó! Vừa may lúc đó Tôn Tiến cầm đầu cuộc khởi nghĩa của binh sĩ ở Hà Nam, Tôn Tiến tự xưng là "hoàng đệ". Hoàn Nhan Lượng liền lợi dụng chuyện đó để giải truyền tin nhảm nhí đó, khiến Hi Tông càng nghi ngờ những tông thất có tư cách thừa nhận ngôi vị vương ví dụ như: Nguyên Nhan Thừa Thắng và Hoàn Nhanh A Lãn... Hoàn Nhan Lượng và Đường Thiết Biện tích cực chuẩn bị mưu đồ mưu phản, ý đồ của bọn họ bị tướng quân hộ vệ là Hoàn Nhan Đặc Ý nghi ngờ và báo cáo với hoàng hậu, hoàng hậu lại tấu cáo chuyện đó với Hi Tông. Hi Tông gọi Đường Thiết Biện đến đánh cho anh ta một trận. Hoàn Nhan Lượng vu cáo Hoàn Nhan Đặc Ý và Hoàn Nhan Thường Thắng kết bè phái với nhau, Hi Tông lại giết chết Hoàn Nhan Đặc Ý.

Tháng 12 năm đó, Hoàn Nhan Lượng chính thức phát động chính biến, giết chết Hi Tông, Hoàn Nhan Lượng giả truyền thánh chỉ gọi đại thần thân tín của Hi Tông là Hoàn Nhan Tông Mẫn vào hoàng cung và giết chết. Tối hôm đó, Hoàn Nhan Lượng tự xưng làm hoàng đế, đổi niên hiệu là "Thiên Đức".

Sau khi đăng cơ, để phòng trừ những kẻ khác tranh quyền đoạt vị với mình, Hoàn Nhan Lượng giết chết hơn 70 người con cháu của Hi Tông và hàng loạt quý tộc. Tiếp đó ông ban bố "chiếu cầu ngôn", tuyên bố dù cho là ai bất kỳ giai cấp nào đều có thể viết thư đưa ra kiến nghị. Rất nhiều người nêu ý kiến: Thượng Kinh xa xôi cách trở, vậy thư từ nên gửi về Yên Kinh. Hoàn Nhan Lượng đồng ý với kiến nghị đó, năm 1151 ông sai Hữu thừa tướng Trương Hạc chủ trì việc tu sửa ở Yên Kinh. Có người căn cứ theo Âm Dương Ngũ Hành để quy hoạch hoàng cung Yên Kinh, ông không tin vào điều đó khiển trách nói: "Sự cát hung của quốc gia là phụ thuộc vào đức chứ không căn cứ vào đất, nếu hoàng đế không tốt thì bốc quẻ thiện cũng có tác dụng gì!". Năm 1153 dời đô về Yên Kinh và đổi tên là Trung Đô và dời tổ Lăng dời đến núi Đại Phòng. Và ra lệnh phá bỏ cung điện cũ ở Thượng Kinh và bãi bỏ đi vương tước quý tộc. Một số biện pháp này đánh vào thế lực bảo thủ, có lợi cho tộc Nữ Chân tiếp thu văn hóa tộc Hán và hướng tới chế độ phong kiến.

Năm 1158, ông lại ra lệnh cho Trương Hạc phụ trách việc sửa chữa thành Biện Kinh, chuẩn bị dời đô thành đến đó và tấn công triều Nam Tống. Rất nhiều đại thần phản đối, cho rằng "người Tống vô tội, xuất quân vô cớ", thậm chí thái hậu đến cũng cản kịch liệt. Ý định của Hoàn Nhan Lượng trở nên cô lập, ông xử tội chết, cấm tuyệt mọi lời dị nghị, dời đô xuống biện kinh, chuẩn bị xâm lược triều Nam Tống.

Tháng 9 năm 1161, Hoàn Nhan Lương cưỡng ép dân chúng các tộc tiến xuống phía Nam tấn công triều Tống, ông thống lĩnh đại quân vượt sông Hoài Thủy, tiến binh vào Lộ Châu. Cũng vào ngày hôm đó, Hoàn Nhan Ung lưu giữ ở Đông Kinh (nay thuộc thành phố Liêu Dương, tỉnh Liêu Ninh) được lập làm đế (gọi là Kim Thế Tông) còn Hoàn Nhan Lượng bị làm thứ dân ở Hải Lăng, và phái binh mã ngăn cản Hoàn Nhan Lượng trên đường quay về, Hoàn Nhan Lượng

không chú ý vẫn tiếp tục tiến quân, và sai tổng quản Vũ Bình là A Lân Tiên vượt sông Trường Giang, quân Tống bị đánh bại ở Thái Thạch Cơ (nay thuộc tỉnh An Huy).

Ngày 26 tháng 11, Hoàn Nhan Lượng tập trung binh lực, bắt ép các tướng sĩ ngày ngày hôm sau phải từ bờ Qua Châu (nay thuộc phía Tây Nam thành phố Dương Châu tỉnh Giang Tô) vượt sông Trường Giang, làm không tròn nhiệm vụ giả quân pháp tòng sự. Quân Tống vừa thắng trận, khí thế khoa trương, bày sẵn thế trận chờ địch. Quân Kim vượt sông một cách vô vọng, mà Hoàn Nhan Lượng nhất định dùng hình phạt nghiêm khắc, khiến tướng sĩ Kim tiến thoái lưỡng nan. Bọn họ biết Hoàn Nhan Ung xưng đế ở Liêu Dương và Hoàn Nhan Lượng bị phế làm thứ dân, do vậy người người đều có tư tưởng tạo phản. Thượng thư bộ binh kiêm đô thông chế binh mã ở tuyến đường phía Tây là Uất Luật Nguyên Nghị thừa cơ vạch kế hoạch khởi binh làm phản, sáng sớm ngày 27 Uất Luật Nguyên Nghị thống lĩnh quân Kim hò hét xông thẳng vào doanh trại của Hoàn Nhan Lượng ở núi Quy Sơn. Hoàn Nhan Lượng cứ nghĩ rằng đó là quân Tống vượt sông đuổi đánh, ông vội sai nhổ trại đến gần núi Đại Khánh để triệu tập binh sĩ nghênh chiến. Lúc đó một mũi tên bay vào trong trại, Hoàn Nhan Lượng thất kinh kêu to: "Đây là tên của quân ta". Ông ta lập tức nhổ mũi tên đó vứt ra ngoài, ông ta bị một mũi tên bắn vào lưng và ngã lăn ra đất. Tướng sĩ làm phản tiến vào trại lại dùng dao chém ông ta liên tiếp, rồi dùng thừng siết cổ ông ta, dùng áo khoác bọc thi thể và đốt cháy. Về sau, Hoàn Nhan Ung phong ông ta làm quân vương ở Hải Lăng, đặt thụy hiệu là Dang đế, mai táng ở khu mộ chư vương Lộc Mân Cốc núi Đại Phòng. Quần thần dâng biểu nói: "Hoàn Nhan Lượng tội ác tày trời, không thể phong vương, và cũng không thể mai táng ở khu mộ của các chư vương". Hoàn Nhan Lượng lại bị phế xuống làm thứ dân, cải táng ở ngoại thành cách 40km về phía Tây Nam của khu mộ.

THẾ TÔNG (HOÀN NHAN UNG)
(TRIỀU KIM)

Thế Tông, ông ta tên là Hoàn Nhan Ung (1123-1189). Ông là cháu của Thái Tổ Nguyên Nhan A Cốt Đả. Thời Hải Lăng Vương chinh phạt nước Tống, Hoàn Nhan Ung được cử trấn giữ ở Đông Đô, về sau được lập làm hoàng đế. Ông trị vì 29 năm, ốm chết, hưởng thọ 67 tuổi. Mai táng ở Hưng

*

Bố của Hoàn Nhan Ung là Hoàn Nhan Tông Phụ. Hoàn Nhan Ung lần lượt được nhận những tước vị như: Cát Vương, Tào Quốc Công, Triệu Vương, Trịnh Quốc Công, Vệ Quốc Công. Năm 1161, Hải Lăng Vương tấn công triều Tống và sai Hoàn Nhan Ung trấn thủ Đông Đô. Tháng 10 - thuộc hạ của Hải Lăng Vương là Hoàn Nhan Phúc Thọ, Cao Trọng Kiến và Hoàn Nhan Mưu Diễn... trên đường đi vây đánh triều Tống bọn họ đã quay về Liêu Dương giết chết Cao Tồn Phúc, người mà Hải Lăng Vương sai ở lại giám sát Hoàn Nhan Ung. Ngày 8 tháng 10 bọn họ lập Hoàn Nhan Ung làm hoàng đế, đổi niên hiệu là "Đại Định".

Sau khi đăng cơ, Hoàn Nhan Ung liệt kê hàng loạt tội trạng và phế Hải Lăng Vương làm thứ dân, chặn đường quay về của Hải Lăng Vương và tiến tới định cư ở Trung Đô. Về sau: Hoàn Nhan Ung nghị hòa việc bãi binh với triều Nam Tống, về đối nội: ông trọng dụng nhân sĩ các dân tộc làm quan, khiến nội bộ tập đoàn giai cấp thống trị ổn định, mâu thuẫn xã hội cũng tương đối yên ổn. Ông còn chú ý khôi phục và phát triển sản xuất nông nghiệp, coi trọng những sự nghiệp văn hóa như: thi cử, trường học... khiến kinh tế xã hội và văn hóa của triều Kim dần phồn vinh, trở thành thời kỳ toàn thịnh của triều Kim, trên cơ bản tộc Nữ Chân dần bỏ rơi chế độ nô lệ và đi tới chế độ phong kiến.

Ngày Quý Tỵ tháng 1 năm 1189 mất tại điện Phúc An cung Trung Đô , nhiều người khóc thương ông.

Sau khi Hoàn Nhan Ung chết lập hiệu miếu là Thế Tông và lấy thụy hiệu là Nhân Hiếu hoàng

đế.

CHƯƠNG TÔNG (HOÀN NHAN CẢNH)
(TRIỀU KIM)

Chương Tông, ông ta tên là Hoàn Nhan Cảnh (1168-1208). Hồi nhỏ ông có tên tự là Ma Đại Cát. Ông là cháu của Thế Tông Hoàn Nhan Ung. Ông kế vị khi Thế Tông chết. Ông trị vì 19 năm, ốm chết. Hưởng thọ 41 tuổi. Mai táng ở Đạc Lăng (nay thuộc phía Đông Bắc núi Đại Phòng huyện Phòng Sơn thành phố Bắc Kinh).

*

Hoàn Nhan Cảnh rất thích văn học Hán, có thể viết thư pháp, vẽ tranh, ông lần lượt nhận những chức vị như: Quận Vương ở Kim Nguyên, Nguyên Vương thượng thư tả thừa tướng. Thái tử của Thế Tông là Hoàn Nhan Sung Cung chết yểu, do đó Hoàn han Cảnh được lập làm thái tôn. Ngày Quý Tỵ tháng 1 năm 1189 Thế Tông chết, cùng ngày hôm đó Hoàn Nhan Cảnh lên kế vị và cho đổi niên hiệu là "Minh Xương".

Sau khi Hoàn Nhan Cảnh làm hoàng đế, ông học theo lễ nghĩa của tộc Hán là để tang cha mẹ, ông đề xướng việc kết hôn giữa người Hán và người Nữ Chân, thúc đẩy sự dung hợp dân tộc. Ông sai quân chinh phạt các bộ lạc ở Mạt Bắc, ông cho tu sửa vùng sát biên giới. Năm 1206 Hàn Thác Vị (triều Tống) phái binh chinh phạt nước Kim, Hoàn Nhan Cảnh phái Hoàn Nhan Khuông đánh bại quân Tống, ép buộc triều Tống giết Hàn Thác Vị để nghị hòa.

Ngày Ất Mão tháng 11 năm 1208, Hoàn Nhan Cảnh ốm, ngày Bính Thìn ông băng hà. Ông để lại di chiếu nói: "Trẫm chưa có con, phi tử Đỗ và phi tử Phạm đang mang thai, nếu trong hai người đó ai sinh con trai thì lập người con đó làm hoàng đế".

Sau khi ốm chết lấy thụy hiệu là Anh Đức hoàng đế và đặt hiệu miếu là Chương Tông.

VỆ THIẾU VƯƠNG (HOÀN NHAN VĨNH TẾ)
(TRIỀU KIM)

Vệ Thiếu Vương, ông ta tên là Hoàn Nhan Vĩnh Tế (?-1213). Hồi nhỏ ông tên là Hưng Thắng. Ông là con trai thứ 7 của Thế Tông Hoàn Nhan Ung và là chú của Chương Tông. Ông được lập làm hoàng đế khi Chương Tông chết. Ông trị vì 5 năm bị Hồ Sa Hổ phế truất và hạ độc. Mai táng ở huyện Phòng Sơn thành phố Bắc Kinh.

*

Hoàn Nhan Vĩnh Tế lần lượt được phong những tước vị như: Lộ Vương, Hàn Vương, Vệ Thiệu Vương. Tháng 11 năm 1208 Chương Tông chết, lúc đó Chương Tông chưa có con. Đỗ Phi và Phạm phi vẫn đang mang thai, do đó Nguyên phi, hoạn quan Lý Tân Hỉ - Hoàn Nhan Khuông cùng nhau bàn bạc và lập Hoàn Nhan Vĩnh tế làm hoàng đế. Ông đổi niên hiệu là "Đại An".

Sau khi đăng cơ, để bảo toàn ngôi vị, ông sai giết chết Đỗ phi và bắt ép Phạm phi phải hủy thai, ra lệnh cho Phạm phi cắt tóc đi tu.

Trong thời gian ông ta trị vì, Nguyên Thái Tổ Thành Cát Tư Hãn thống lĩnh quân Mông Cổ tiến đánh triều Kim. Tháng 12 năm 1211, quân Mông Cổ bao vây Trung Đô, Hoàn Nhan Vĩnh Tế thu nạp kiến nghị của triều thần: kiên quyết chống địch bảo vệ kinh thành, đánh bại quân Mông Cổ.

Tháng 8 năm 1213 Thành Cát Tư Hãn lại thống lĩnh đại quân tiến đánh Trung Đô. Lúc đó Hữu Phó Nguyên Sư Hồ Sa Hổ phụ trách bảo vệ phía Bắc thành Trung Đô, hai năm trước quân

Mông Cổ tiến xuống Nam hạ, anh ta lâm trận bỏ chạy, không bảo vệ Tây Kinh (nay thành phố Đại Đồng tỉnh Sơn Tây) mà chạy về Trung Đô. Hoàn Nhan Vĩnh Tế không những không trị tội mà còn trọng dụng anh ta làm tướng. Lúc quân Mông Cổ tiến sát doanh trại, anh ta vẫn ham vui chơi du lãm không màng việc đề phòng trấn giữ kẻ địch. Hoàn Nhan Vĩnh tế sai đại thần đến doanh trại đốc thúc, Hồ Sa Hổ lại cáu giận. Ngày 25 tháng 8, Hồ Sa Hổ câu kết với Hoàn Nhan Sửu Hô, tướng quân Phó Sát Lục Cân... tạo phản, bọn họ từ cửa Thông Huyền xông thẳng vào cửa Đông Hoa và chiếm lĩnh hoàng cung. Sáng hôm sau bắt Hoàn Nhan Vĩnh Tế xuất cung. Được ít lâu, sai hoạn quan Lý Tư Trung bắt Hoàn Nhan Vĩnh Tế uống rượu độc.

Thụy hiệu của Hoàn Nhan Vĩnh Tế là Vệ Thiệu Vương.

TUYÊN TÔNG (HOÀN NHAN TUẤN)
(KIM)

Tuyên Tông (1163-1223). Ông là cháu trưởng của Thế Tông Hoàn Nhan Ung và là cháu họ của Vệ Thiệu Vương. Hồ Sa Hổ hại độc Vệ Thiệu Vương và đã lập Hoàn Nhan Tuấn làm hoàng đế. Ông trị vì 11 năm, ốm chết. Hưởng thọ 61 tuổi. Mai táng ở Đức Lăng (nay thuộc phía Đông Bắc núi Đại Phòng huyện Phòng Sơn thành phố Bắc Kinh).

Hoàn Nhan Tuấn là con trưởng của Hoàn Nhan Sung Cung. Ông lần lượt nhận những tước vị: Ôn Quốc Công, Phong Vương, Hình Vương... Tháng 8 năm 1213 Hồ Sa Hổ hạ độc giết Vệ Thiệu Vương, tháng 9 Hồ Sa Hổ Hoàn Nhan Tuấn từ Bành Đức về Trung Đô, ngày Giáp Thìn tại điện Đại An đã tổ chức lễ đăng cơ cho Hoàn Nhan Tuấn, đổi niên hiệu là "Chính Hựu".

Tháng 3 năm 1214, Thành Cát Tư Hãn lại đem đại quân bao vây phía Bắc thành Trung Đô. Hoàn Nhan Tuấn sai người đến cầu hòa, và cống cho quân Nguyên 500 trai tân gái tân, 3.000 chiếc áo lụa, 3.000 con tuấn mã và nhiều vàng bạc châu báu, ông còn cống con gái của Vệ Thiệu Vương là công chúa Kỳ Quốc cho Thành Cát Tư Hãn, cho nên Thành Cát Tư Hãn mới rút quân. Sau khi quân Mông Cổ lui quân, Hoàn Nhan Tuấn sợ quân Mông Cổ lại tấn công một lần nữa, ông ta bất chấp mọi lời khuyên can của các đại thần đã cho dời đô thành về Nam Kinh (nay thuộc thành phố Khai Phong tỉnh Hà Nam). Vì sự sợ sệt của ông ta mà phải chạy xuống phía Nam khiến lòng quân dân bị dao động, hàng loạt tướng lĩnh, quan sứ, phú hộ liên tiếp đầu hàng quân Mông Cổ, thành Trung Đô, Liêu Đông, Liêu Tây liên tiếp bị thất thủ. Hoàn Nhan Tuấn lại có ý đồ chạy xuống miền Nam để mở rộng đất đai để lập quốc, tiến xuống đó xâm lược triều Nam Tống, nhưng ý định đó của ông ta bị quân Nam Tống dập tắt và triều Tống cho quân phản kích, vì thế quân Kim lâm vào tình trạng diệt vong.

Tháng 12 năm 1223, Hoàn Nhan Tuấn ốm nặng, ngày Canh Dần ông mất tại Nam Kinh.

AI TÔNG (HOÀN NHAN THỦ TỰ)
(KIM)

Ai Tông, ông ta tên là Hoàn Nhan Thủ Tự (1198-1234), hồi nhỏ ông ta tên là Thủ Lễ. Ông là con trai thứ 3 của Tuyên Tông Hoàn Nhan Tuấn. Hoàn Nhan Thủ Tự kế vị khi Tuyên Tông chết. Ông trị vì 11 năm, quốc gia bị phá hoại nên ông tự treo cổ chết, hưởng thọ 37 tuổi. Mai táng ở Nhữ Nam (nay thuộc huyện Nhữ Nam tỉnh Hà Nam).

*

Hoàn Nhan Thủ Tự tự nhận tước hiệu Toại Vương và làm những chức vị: Mật thư giám, Khu mật sứ. Năm 1216 được lập làm thái tử.

Ngày Canh Dần tháng 12 năm 1223 Tuyên Tông ốm chết, con thứ của Tuyên Tông là Anh Vương Hoàn Nhan Thủ Thuần định vào hoàng cung cướp đoạt ngôi vị. Hoàn Nhan Thủ Tự nhận được cáo phó, ngày hôm sau (ngày Tân Mão) mới quay về biện kinh. Ông lập tức ra lệnh

cho khu Mật Viện Quan và 30.000 quân lính ở Đông Quang trấn thủ trên phố lớn ở cửa Đông Hoa và sai 4 thị vệ giam lỏng Hoàn Nhan Thủ Thuần ở ngôi chùa gần đó, tiếp đó Hoàn Nhan Thủ Tự làm lễ đăng cơ, ông cho đổi niên hiệu là "Chính Đại".

Sau khi lên ngôi, ông thu nạp một loạt các biện pháp để chống lại quân Mông Cổ, nhằm cứu vãn nước Kim ra khỏi tình trạng diệt vong. Về mặt đối ngoại, ông cấm việc tấn công triều Nam Tống và nghị hòa với triều Tây Hạ, nhằm tập trung binh lực đối phó quân Mông Cổ. Về mặt đối nội, ông trọng dụng những tướng lĩnh có công. Ông từng đánh bại quân Mông Cổ ở Hà Đông, Thiểm Tây, khôi phục lại nhiều vùng đất mà trước đây bị quân Mông Cổ chiếm lĩnh.

Năm 1231, Nguyên Thái Tông chia quân làm 3 ngả tấn công triều im. Năm sau, quân Kim bị đại bại ở núi Tam Lãnh (nay thuộc tỉnh Hà Nam), chủ lực tổn thất nặng nề. Quân Mông Cổ thừa thắng bao vây thành Biện Kinh. Trong thành lưu hành bệnh truyền nhiễm cấp tính, quân dân bị bệnh chết mấy mươi vạn, thêm vào đó lương thảo cạn kiệt, không có cách gì bảo vệ thành trì, Hoàn Nhan Thủ Tự đành bỏ thành chạy đến Thái Châu (nay thuộc huyện Nhữ Nam tỉnh Hà Nam). Tháng 9 năm 1233, Mông Cổ và Nam Tống liên kết với nhau vây đánh thành Thái Châu. Vào tết Trùng Cửu, sau khi cúng tế hơi đất, Hoàn Nhan Thủ Tự nói với các đại thần:

"Từ khi triều Kim lập quốc đến nay, đã nuôi dưỡng các khanh hơn 100 năm. Trong số các khanh: người thì vì tổ tiên mà lập công, người thì vì bận thân mình mà lập công... Các khanh được trọng dụng khá nhiều năm rồi. Hôm nay quốc gia nguy cập, các khanh cùng trẫm gánh vác vào hoạn nạn, có thể gọi là những trung thần. Quân Mông Cổ muốn tấn công và chiếm lĩnh đô thành, đây là lúc các khanh lập công báo quốc, cho dù có phải hy sinh, cũng nên làm đại thần trung hiếu".

Sau đó ông ban rượu cho quần thần. Nhờ sự cổ vũ của ông nên các thuộc hạ kiên cường giữ thành, sống chết vì quốc gia, quân Mông Cổ và quân Nam Tống nhiều lần mở cuộc tiến công vào thành nhưng đều bị đẩy lui. Tuy nhiên, hoàn cảnh trong thành ngày một khó khăn, ngày Giáp Ngọ tháng 12 Hoàn Nhan Thủ Tự nghe lời khuyên của các đại thần, do đó nửa đêm ông dẫn binh lính đột phá vòng vây., Ông ăn mặc quần áo bình thường cải tranh thành một binh lính, đến dưới lều trại của quân Mông Cổ bị phát hiện và gặp phải sự phản kích ngăn cản của quân Mông Cổ, ông đành quay về thành. Lúc này lương thảo đã cạn kiệt, ông sai giết 150 con ngựa chiến và 50 con tuấn mã... để làm lương thực cho binh lính, cổ động mọi người tiếp tục kiên trì giữ thành.

Ngày 9 tháng 1 năm 1234, quân Mông Cổ đào 5 cửa ở Tây Thành để đột nhập vào thành. Đại tướng Hoàn Nhan Trọng Đức chỉ huy binh lính, trải qua sự quyết chiến mãnh liệt tạm thời đẩy lui quân Mông Cổ. Hoàn Nhan Thủ Tự tận mắt thấy Thái Châu khó lòng trấn thủ, khóc và nói với cận thị:

"Trẫm vì triều Kim và làm hoàng đế đã được 10 năm, tự thấy rằng mình không làm gì bất kính đối với thiên hạ, dầu trẫm có chết cũng không ân hận. Chỉ hận rằng sự nghiệp và đất nước của tổ tông giữ được 100 năm truyền lại cho trẫm đến trẫm lại bị diệt vong, kết cục của trẫm cũng giống như một hôn quân hoang dâm tàn bạo, thực tế trẫm rất đau khổ. Từ cổ đến nay không có quốc gia bị diệt vong mà chỉ có vua bị mất nước, bị rơi vào chỗ giam cầm hoặc bị bắt làm tù binh, trong những vị vua bị mất nước có người bị nhục mạ, có người trở thành nô tài, trẫm quyết không như vậy, không làm nhục đến tổ tông, các khanh hãy đợi mà xem!". Tối hôm đó, ông triệu thống sư Hoàn Nhan Thừa Lân nói: "Trẫm muốn nhường ngôi cho khanh". Hoàn Nhan Thừa Lân cảm ơn và chối từ. Hoàn Nhan Thủ Tự ní: "Đây là chuyện bất đắc dĩ phải làm. Trẫm nhìn thấy đô thành chuẩn bị thất thủ, tự thấy thân thể gầy yếu, lại không giỏi về cưỡi ngựa bắn tên, chỉ có thể lấy thân tuẫn quốc. Khanh rất dũng cảm mưu trí và có mưu lược, nếu đột phá vòng vây thoát thân, thì có thể kéo dài vận mệnh quốc gia, dẫu chết trẫm cũng an tâm". Hoàn Nhan Thừa Lân đành phải phụng mệnh. Sáng hôm sau, Hoàn Nhan Thủ Tự tuyên bố nhường ngôi. Lúc đang cử hành nghi lễ nhường ngôi, quân Tống đã tiến vào cửa phía Nam tiếp đó quân Mông Cổ tiến vào cửa thành phía tây, quân Kim bị đẩy lùi, cả quân Tống và quân Mông

Cổ đều tiến vào thành khắp nơi vang tiếng hò hét, quân Kim trấn thủ đào một đường hầm. Hoàn Nhan Thừa Lân chỉ huy quân lính rời cung và bọn họ đi vào đường hầm ẩn trốn.

Buổi trưa Hoàn Nhan Thủ Tự thấy nước Kim rơi vào tình cảnh diệt vong, tiền đồ tuyệt vọng, ông dùng lụa thắt cổ chết. Cận thị của ông tuân theo di lệnh đã mang hỏa thiêu thi thể, xương cốt ở bờ sông Như Thủy. Một thuyết khác nói tướng quân Mông Cổ và tướng quân Tống thấy Hoàn Nhan Thủ Tự đã chết, do đó mang đốt xác và chia đôi tàn tro mang về lập công.

Thụy hiệu của ông sau khi chết là Ai Tông.

MẠT ĐẾ (HOÀN NHAN THỪA LÂN)
(TRIỀU KIM)

Mạt Đế, ông ta tên là Hoàn Nhan Thừa Lân (?-1234). Ông làm thống sư của quân Kim. Trong lúc tình hình đất nước đang gặp nguy hiểm. Ai Tông đã nhường ngôi cho ông. Ông trị vì được nửa ngày, trong lịch đại đế vương thì ông là hoàng đế có thời gian ngắn nhất. Trong đường hầm, ông bị chết trận. Thi thể lưu lạc ra sao không rõ.

*

Lúc thành Thái Châu bị bao vây, ông từ chức vị của một đô úy được thăng làm Nguyên sư ở mặt phía Đông của thành. Phụ trách việc phòng thủ ở mặt thành phía Đông. Được vài hôm được phong làm Thống sư. Ngày 9 tháng 1 năm 1234, trong lúc vận nước đang gặp nguy hiểm, Hoàn Nhan Thủ Tự nhường ngôi cho Hoàn Nhan Thừa Lân.

Trong lúc cử hành lễ đăng cơ, quân Nguyên và quân Tống đã tiến vào thành. Ông hoảng hốt thống lĩnh binh sĩ đào đường hầm, vì quân số ít và mỏi mệt hơn kẻ địch, ông đành thối lui về Tử Thành (thành nhỏ). Ông biết tin Hoàn Nhan Thủ Tự tự vẫn, Hoàn Nhan Thừa Lân đau khổ thống lĩnh quần thần khóc than và cúng tế, đặt thụy hiệu cho Hoàn Nhan Thủ Tự là Ai Đế. Sau khi việc cúng tế hoàn tất, thành nhỏ bị phá hoại, kẻ địch thừa thắng xông vào chém giết lung tung. Ông và binh sĩ rơi vào cuộc hỗn chiến và bị loạn binh giết chết.

Triều Kim bị diệt vong.

TÂY HẠ

(Năm 1038-1227, tổng cộng 190 năm)

Mộc Đảng Hạng đã lập nên chính quyền Tây Hạ vào thời Lưỡng Tống, triều Tây Hạ chiếm cứ ở những vùng: khu tự trị tộc Hồi ở Ninh Hạ, phía Bắc tỉnh Thiểm Tây, phía Tây Bắc tỉnh Cam Túc, phía Đông Bắc tỉnh Thanh Hải và 1 phần khu tự trị Nội Mông Cổ... triều Tây Hạ có vai trò phát triển xã hội và hợp tác dân tộc ở khu vực Tây Bắc.

Triều Tây Hạ có 17 hoàng đế, một người bị kẻ địch bắn chết, 6 người ốm chết, 1 người bị giết trong nội chiến, 2 người bị phế truất và mưu sát chết, 1 người chết do kinh hãi, 1 người bị quân Mông Cổ giết.

THÁI TỔ (LÝ KẾ THIÊN)
(TÂY HẠ)

Thái Tổ, ông ta tên là Lý Kế Thiên (903-1004). Ông là người dân tộc Đảng Hạng, thời Bắc Tống ông làm Tiết độ sứ, ông là người lập nên triều Tây Hạ. Ông trị vì 14 năm, bị trúng tên chết. Hưởng thọ 42 tuổi. Mai táng ở Dục Lăng (nay thuộc gò Bình Khương núi Hạ Lan tỉnh Ninh Hạ).

*

Lý kế Thiên quê ở Ngân Châu (phía Nam huyện Du Lâm tỉnh Thiểm Tây). Tổ tiên của ông ta mang họ Thác Bạt. Thời Đường, do tham dự vào cuộc trấn áp của khởi nghĩa Hoàng Sào nên đổi thành họ Lý.

Năm 982, anh trai của ông ta là Lý Kế Phụng chiếm lĩnh đất đai quy phục triều Bắc Tống. Lý Kế Thiên không muốn nhân nhượng, bèn dẫn tay chân thân tín và mấy mươi gia thuộc chạy đến tộc Đảng Hạng cư trú ở Càn Trạch thuộc Hạ Châu (nay ở phía Đông Bắc tộc Ngạc Thác Khắc - thuộc Nội Mông Cổ), bảo toàn lực lượng chuẩn bị khởi sự. Năm 985, ông mai phục và giết tướng Tào Quang Thực (triều Tống) chiếm lĩnh Ngân Châu. Năm 986 triều Tống phái đại quân chinh phạt ông, ông bỏ chạy khỏi Ngân Châu và chạy đến Khiết Đan. Tộc Khiết Đan gả công chúa và còn giúp ông khuếch trương lực lượng. Năm 990, tộc Khiết Đan phong ông làm Hạ Quốc Vương, chiếm lĩnh Ngân Châu và Tuy Châu.

Năm 991, ông đầu hàng triều Bắc Tống, Tống Thái Tông phong ông làm quan sát sứ ở Ngân Châu và đặt tên cho ông là Triệu Bảo Cát. Năm 997 lại nhận chức Tiết độ sứ quân Định Hàn quản lý 5 châu: Hạ Châu, Ngân Châu, Tuy Châu, Tĩnh Châu, Hưu Châu. Năm 1002 ông chiếm giữ ở Linh Châu (nay thuộc phía Nam huyện Linh Vũ khu tự trị dân tộc Hồi ở Ninh Hạ) và đổi tên vùng đó thành: phủ Tây Bình, đặt và sắp xếp chức tước quân đội, về sau ông được tôn khiên là người lập nên triều Tây Hạ.

Năm 1003, Lý Kế Thiên đánh thắng triều Tống và quay sang tấn công triều Hồi Hổ và Thổ Phiên. Tháng 11 chiếm phủ Tây Kinh (nay thuộc huyện Vũ Uy tỉnh Cam Túc). Lúc này tù trưởng bộ lạc Lục Cốc tộc Thổ Phiên La Chi được triều Tống phong làm Tiết độ sứ ở Sóc Phương kiêm chức vị Tuần kiểm sứ mặt Tây của Linh Châu. Phiên La Chi câu kết với quân Tống công kích và chiếm giữ phủ Tây Kinh
(TRIỀU TÂY HẠ), và còn giả vờ quy phục Lý Kế Thiên, dẫn bộ lạc xếp hàng ở hiện đường để Lý Kế Thiên kiểm duyệt. Lúc kiểm duyệt, Phiên La Chi nhân lúc Lý Kế Thiên không đề phòng đã bắn tên vào mắt trái của Lý Kế Thiên. Quân Thổ Phiên nhất loạt vung dao xông đến, thuộc hạ của Lý Kế Thiên phân tán lực lượng không đánh mà phải lui quân và chạy về Linh Châu, trên đường chạy trốn, do con ngươi bị tên bắn hỏng, ông rất đau đớn. Ngày 2 tháng 1 nam 1004, ông từ trần.

Sau khi cháu của Lý Kế Thiên là Lý Nguyên Hiệu xưng đế, đã đặt thụy hiệu cho Lý Kế Thiên là Thái Tổ.

THÁI ÔNG (LÝ ĐỨC MINH)
(TRIỀU TÂY HẠ)

Thái Tông, ông ta tên là Lý Đức Minh (997-1031). Hồi nhỏ ông ta có tên tự là A Dịch. Ông là con trưởng của Thái Tổ Lý Kế Thiên. Ông kế vị khi Thái Tổ chết. Ông trị vì 28 năm, ốm chết, hưởng thọ 53 tuổi. Mai táng ở Gia Lăng (nay cách 5km về phía Tây Bắc gò Bình Quang núi Hạ Lan tỉnh Ninh Hạ).

*

Tháng 1 năm 1004 Thái Tổ bị tên bắn thương mà chết, cùng tháng đó Lý Đức Minh lên kế vị.

Sau khi lên kế vị, tuân theo di lệnh của Thái Tổ, Lý Đức Minh sai sứ thần tới dâng biểu xin cầu hòa với triều Bắc Tống và xin triều Liêu phong hiệu. Triều Tống và triều Liêu đều phong ông làm Bình Tây Vương. Năm 1006, triều Tống phong Lý Đức Minh làm Tiết độ sứ quân Định Nán. Năm 1010 tộc Khiết Đan sắc phong cho ông làm Phục Quốc Vương. Ông và triều Tống triều Liêu ký kết hòa bình, mở rộng giao lưu mậu dịch qua lại lẫn nhau, thúc tiến xã hội tộc Đảng Đảng tiến tới chế độ phong kiến. Năm 1020, Lý Đức Minh lập đô ở Hưng Châu (nay là thành phố Ngân Châu tỉnh Ninh Hạ). Năm 1028, ông phỏng theo chế độ triều Tống để lập con trai là Nguyên Hiệu làm thái tử, một lòng một dạ muốn xưng đế lập quốc.

Năm 1031, Lý Đức Minh chưa kịp xưng đế thì đã bệnh chết tại Hưng Châu.

Sau khi con trai ông là Lý Nguyên Hiệu xưng đế đã đặt thụy hiệu cho Lý Đức Minh là Thái Tông.

CẢNH TÔNG (LÝ NGUYÊN HIÊU)
(TÂY HẠ)

Cảnh Tông, ông ta là Lý Nguyên Hiệu (1003-1048). Ông là con trai của Thái Tông Lý Đức Minh. Ông kế vị khi Thái Tông chết về sau xưng đế. Ông trị vì 11 năm, bị con trai là Ninh Ninh Ca mưu sát (một thuyết khác nói bị Lãng Liệt mưu sát), hưởng thọ 46 tuổi. Mai táng ở Tân Lăng (nay thuộc phía Tây Bắc gò Bình Khương núi Hạ Lan khu tự trị tộc Hồi ở Ninh Hạ).

*

Sau khi Lý Nguyên Hiệu xưng đế, ông ta phế bỏ đi họ của triều Đường và triều Tống ban cho, ông đổi họ thành họ "Ngôi" theo tộc Đảng Hạng.

Ông có võ nghệ cao cường, tinh thông Hán văn, thông thuộc pháp luật và binh thư của triều Tống, ông còn có thể vẽ tranh, là một người văn võ kiêm toàn.

Năm 1028, ông phụng mệnh tấn công phủ Tây Kinh vì có nhiều công lao nên được Thái Tông lập làm Thái Tử. Năm 1031, Thái Tông ốm chết, năm sau ông được kế nhiệm chức vụ của cha là Hạ Quốc Vương, triều Tống phong Lý Nguyên Hiệu làm Tây Bình Vương. Ông đặt niên hiệu là "Hiển Đạo" chuẩn bị thiết lập quốc gia. Một số quý tộc cũ phản đối chuyện ông xưng đế lập quốc, bọn họ trù hoạch chính biến, nhưng bị Nguyên Hiệu trấn áp. Năm 1038, ông xưng là "Thủy Văn Anh Vũ Hưng Pháp Kiến Lễ Nhân hiếu hoàng đế", đổi niên hiệu là "Thiên Thụ Lễ Pháp Đình Tộ", lấy quốc hiệu là "Đại Hạ" (trong sử gọi là Tây Hạ), định đô ở phủ Hưng Khánh (nay thuộc Ngân Châu thuộc Ninh Hạ). Ông lại phế bỏ tước hiệu của triều Tống phong cho là "Tây Bình Vương", theo ngôn ngữ tộc Đảng Hạng, ông tự xưng là "Ô Chủ", người Tống làm "Ngô Tổ", (ý nghĩa là con của trời xanh).

Trong thời gian trị vì, ông đặt định ra chế độ quan lại, chế độ quân đội, chế độ pháp luật, mở rộng binh lính tới hơn 40 vạn người, sáng tạo ra văn tự Tây Tạng, in ấn thư tịch, và còn ngăn chặn cuộc tấn công của triều Tống và triều Liêu. Cương vực thống trị ở: tỉnh Cam Túc, khu tự trị tộc Hồi ở Ninh Hạ, tỉnh Thanh Hải và tỉnh Thiểm Tây, một phần địa khu của khu tự trị Nội Mông Cổ - trở thành một chính quyền lớn mạnh ở phương Tây Bắc.

Lý Nguyên Hiệu giỏi dùng binh. Năm 1041 ông thống lĩnh quân đội xâm phạm miền Nam, triều Tống cho phép Đại tướng Nhâm Phúc dẫn 1 vạn binh mã nghênh chiến. Nguyên hiệu đem 10 vạn đại quân mai phục ở cửa sông Hảo Thủy (nay thuộc phía Bắc huyện Long Đức khu tự trị tộc Hồi ở Ninh Hạ), ông còn nhốt hơn 100 con chim bồ câu nhốt trong chiếc hộp làm bằng bùn đất, đặt ở hai bên đường lớn, sau đó dẫn vài người giả vờ chạy về phía Tây, dụ Nhâm Phúc đuổi theo. Nhâm Phúc đuổi đến cửa sông Hảo Thủy, thấy hai bên đường có nhiều hộp, sai người mở ra xem, lũ chim bồ câu bay dáo dác, bay trên đầu quân Tống, đây chính là tín hiệu xuất kích. Đại quân Tây Hạ căn cứ vào phương vị của lũ chim bồ câu để đánh úp quân Tống, giành thắng lợi to lớn, giết chết Nhâm Phúc.

Lý Nguyên Hiệu tôn sùng võ nghệ, chán ghét Nho học, ngược lại con trưởng của ông là Lý Ninh Minh lại chuộng Nho học. Một hôm;, Nguyên Hiệu hỏi Ninh Minh: "Cái gì là Đạo Lý Dưỡng Sinh?". Lý Ninh Minh trả lời: "Không được giết người". Ông lại hỏi: "Cái gì là đạo lý trị quốc?". Lý Ninh Minh đáp: "Không nên nhân từ quá". Lý Nguyên Hiệu phẫn nộ hét lên: "Khanh đúng là tên tiểu tử ăn ní không ra làm sao, không thể trở thành nhân tài kế tục bá nghiệp của tổ tiên". Ông không ưa Ninh Minh. Được ít lâu Ninh Minh ốm chết - Nguyên Hiệu lập một người con khác của mình là Ninh Ninh Ca làm thái tử.

Nguyên Hiệu rất dâm đãng, ông còn cưỡng đoạt vợ của Ninh Ninh Ca về lập làm hoàng hậu, phế truất hoàng hậu Dã Lợi. Ninh Ninh Ca ôm hận trong lòng;. Dã Lợi cũng đau khổ buồn rầu, hai mẹ con họ tìm cách trút giận. Năm 1048, Nguyên Hiệu đi du lịch. Một hôm vào tháng 1, Ninh Ninh Ca đeo kiếm đi theo hộ tống. Đợi lúc tùy tùng tản mác Ninh Ninh Ca rút kiếm chém Nguyên Hiệu, ông ta tránh nhưng không kịp bị chém đứt mũi. Ông ôm mặt hô hào cứu giúp, bọn tùy tòng nghe tiếng hét vội chạy đến. Ninh Ninh Ca đành bỏ chạy. Lũ thuộc hạ đưa Nguyên Hiệu về cung, hôm sau ông từ trần. Một thuyết khác nói: Lãng Liệt là người dân tộc Dã Lợi và Ninh Ninh Ca xông vào cung giết Nguyên Hiệu.

Sau khi Nguyên Hiệu chết đặt thụy hiệu là Cảnh Tông.

NGHỊ VƯƠNG (LÝ LƯỢNG TỘ)
(TÂY HẠ)

Nghị Vương, ông ta tên là Lý Lượng Tộ (1047-1067). Hồi nhỏ ông có tên tự là Ninh Lệnh Ca. Ông là con trai của Cảnh Tông Lý Nguyên Hiệu. Cảnh Tông bị thái tử Ninh Ninh Ca giết. Tướng quốc lại giết Ninh Ninh Ca và lập Lý Lượng Tộ làm đế. Ông trị vì 20 năm, ốm chết, hưởng dương 24 tuổi. Mai táng ở An Lăng (nay thuộc phía Tây Bắc gò Bình Khương núi Hạ Lan khu tự trị tộc Hồi ở Ninh Hạ).

*

Lý Nguyên Hiệu bị Ninh Ninh Ca và dã Lợi giết chết. Tướng quốc không những không bao che cho tội trạng của bọn họ mà còn bắt giữ xử tội hai mẹ con bọn họ, sau đó cùng đại tướng Nhược Dịch Đảng Đô đi nghênh đón Lý Lượng Tộ vào cung lập làm hoàng đế và đổi niên hiệu là "Đình Tự Ninh Quốc".

2 tuổi, Lý Lượng Tộ đã làm hoàng đế, mọi việc do mẹ là Môi Tàng thái hậu và tướng quốc Má Tàng Hóa Lũng chấp chính. Năm 1061 cha con Hóa Lũng âm mưu giết chết Lý Lượng Tộ để đoạt ngôi vị. Con dâu của Hóa Lũng là Lương thị đã tố cáo chuyện đó với Lý Lượng Tộ - Nhờ sự giúp đỡ của đại tướng Mãn Dương Chi nên Lý Lượng Tộ giết chết cha con Hóa Lũng và ông tự

mình nắm giữ triều chính. Ông lập Lương thị làm hoàng hậu, cho em trai của hoàng hậu là Lương Ất Mai làm tướng.

Sau khi nắm giữ triều chính, Lý Lượng Tộ tăng cường việc trọng dụng văn nhân người Hán, thực hiện cải cách những phong tục hủ lậu cũ kỹ của tộc Đảng Hạng, duy trì lễ nghĩa theo người Hán, vạch định phân chia biên giới với triều Tống, mở mang mậu dịch và tiến xuống phía Tây tấn công triều Thổ Phiên, tháng 9 năm 1066 ông bất hòa với triều Tống, ông thống lĩnh vài vạn quân vây đánh vùng Khánh Châu của triều Tống (nay thuộc huyện Khánh Dương tỉnh Cam Túc), ông bị trúng tên nên phải lui binh. Tháng 12 năm 1067 ông ốm chết.

Thụy hiệu của Lý Lượng Tộ là Nghị Tông.

HUỆ TÔNG (LÝ BÌNH THƯỜNG)
(TÂY HẠ)

Huệ Tông, ông ta tên là Lý Bình Thường (1061-1086). Ông là con trưởng của Nghị Tông Lý Lượng Tộ. Ông kế vị khi Nghị Tông chết., Ông trị vì 19 năm, ốm chết, hưởng dương 26 tuổi. Mai táng Hiến Lăng (nay thuộc phía Tây Bắc gò Bình Khương núi Hạ Lan khu tự trị tộc Hồi ở Ninh Hạ).

*

Tháng 12 năm 1067, Nghị Tông chết, cùng tháng đó Lý Bình Thường lên kế vị. Ông đổi niên hiệu là "Càn Đạo".

8 tuổi, ông đã được kế vị, mọi việc trong triều do thái hậu Lương chấp chính. Lương Ất Mai được cử làm tướng quốc.

Năm 1076, Lý Bình Thường tròn 16 tuổi, ông đích thân nắm giữ triều chính. Năm 1080, thái hậu và Lương Ất Mai giam lỏng Lý Bình Thường ở Mộc Trại cách Cố Cung khoảng 5km. Tháng 6 năm 1083 bị các tướng lĩnh phản đối thái hậu Lương phải phục hồi lại ngôi vị cho Lý Bình Thường.

Ngày Ất Mão tháng 7 năm 1086 Lý Bình Thường ốm chết.

Sau khi Lý Bình Thường chết, đặt thụy hiệu là Huệ Tông.

SÙNG TÔNG (LÝ CÀN THUẬN)
(TÂY HẠ)

Sùng Tông, ông ta tên là Lý Càn Thuận (1083-1139). Ông là con trưởng của Huệ Tông Lý Bình Thường. Lý Càn Thuận kế vị khi Huệ Tông chết. Ông trị vì 54 năm, ốm chết. Hưởng thọ 57 tuổi. Mai táng ở Hiển Lăng (nay thuộc Tây Bắc gò Bình Khương núi Hạ Lan khu tự trị tộc Hồi ở Ninh Hạ).

*

Tháng 7 năm 1086 Huệ Tông chết, cùng tháng đó Lý Càn Thuận lên kế vị, ông đổi niên hiệu là "Thiên Nghĩa Trị Bình".

3 tuổi, Lý Càn Thuận lên kế vị, thái hậu Lương và Luông Ất Bô chấp chính. Tháng 1 năm 1099, thái hậu Lương bị nước Liêu hại độc chết, Lý Càn Thuận đích thân nắm giữ triều chính.

Sau khi Lý Càn Thuận nắm giữ triều chính. Về mặt đối ngoại vẫn duy trì phương châm hòa giải với triều Tống và triều Liêu; về mặt đối nội ông tiểu trừ thế lực của bọn quý tộc, củng cố hoàng vị, ông ra sức đề xướng văn hóa tộc Hán, chọn Hán học làm quốc học. Nước Kim hưng

thịnh, Lý Càn Thuận quy phục triều Kim, mượn lực của Kim tấn công triều Tống, ra sức mở rộng địa bàn, khiến cương vực của Tây Hạ đạt đến giai đoạn hưng thịnh nhất. Ngày 4 tháng 6 năm 1139 Lý Càn Thuận chết.

Sau khi ông ta chết, lấy thụy hiệu là Sùng Tông.

NHÂN TÔNG (LÝ NHÂN HIẾU)
(TÂY HẠ)

Nhân Tông, ông ta tên là Lý Nhân Hiếu (1124-1193). Ông là con trai trưởng của Sùng Tông Lý Càn Thuận. Lý Nhân Hiếu kế vị khi Sùng Tông chết. Ông trị vì 54 năm, ốm chết. Hưởng thọ 70 tuổi. Ma táng ở Thọ Lăng (nay thuộc núi Hạ Lan khu tự trị tộc Hồi ở tỉnh Ninh Hạ).

Tháng 6 năm 1139 Sùng Tông chết, cùng tháng đó Lý Nhân hiếu lên kế vị. Ông đổi niên hiệu là "Đại Khánh".

Trong thời gian ông trị vì, quyền lực của triều đình được củng cố, lĩnh vực thống trị mở rộng 22 châu. Tập đoàn thống trị cưỡng đoạt được vô số tiền của trong xã hội, vì thế ông ta chìm đắm trong xa hoa kiêu ngạo, khiến cho mâu thuẫn xã hội ngày một gay gắt, xuất hiện các cuộc khởi nghĩa nông dân, ví dụ cuộc khởi nghĩa của Đa Nga... Lúc này triều Kim ra sức tiêu diệt triều Tống, khiến cho an ninh triều Tây Hạ sống tương đối an toàn, sản xuất xã hội và văn hóa phát triển mạnh, bước vào xã hội gay gắt.

Lý Nhân Hiếu tôn sùng Nho thuật, không trọng dũng sĩ, điều đó làm cho tập đoàn thống trị dần đánh mất đi khí thế sùng võ, rơi vào nho nhã yếu ớt và bảo thủ.

Tháng 5 năm 1170, tướng quốc là Nhâm Đắc Kính rất chuyên quyền, trước khi làm tướng quốc anh ta đã làm thống binh 20 năm, anh ta ép Lý Nhân Đức chia đôi giang sơn, chia cho anh ta một nửa và gọi là nước Sở. Về sau nhờ triều Kim giúp đỡ nên Lý Nhân Hiếu mới giết được Nhâm Đắc Kính, dẹp yên cục diện "phân quốc".

Lý Nhân Hiếu mất ngày 20 tháng 9 năm 1193.

Thụy hiệu của ông ta là Nhân Tông.

HẰNG TÔNG (LÝ THUẦN HỰU)
(TÂY HẠ)

Hằng Tông, ông ta tên là Lý Thuần Hựu (1177-1206). Ông là con trưởng của Nhân Tông Lý Nhân Hiếu. Ông kế vị khi Nhân Tông chết. Ông trị vì 13 năm bị em họ Lý Toàn phế truất và sát hại. Hưởng thọ 30 tuổi. Mai táng ở Trang Lăng (nay thuộc phía Tây Bắc gò Bình Khương núi Hạ Lan khu tự trị tộc Hồi ở Ninh Hạ).

*

Tháng 9 năm 1193 Nhân Tông chết, cùng tháng đó Lý Thuần Hựu lên kế vị, ông đổi niên hiệu là "Thiên Khánh".

Thời gian Lý Thuần Hựu trị vì, thế lực tộc Mông Cổ đã hưng thịnh, quân Mông Cổ tiến vào Tây Hạ cướp bóc, 1 tháng sau chúng mới chịu lui binh. Vì tộc Tây Hạ bị nguy kịch một lần do đó Lý Thuần Hựu đổi tên phủ Hưng Khánh thành phủ Trung Hưng.

Em họ Lý Thuần Hựu là Lý An Toàn chỉ được phong làm quận vương Trấn Di nên rất ấm ức, sinh hận anh họ. Nhờ sự giúp đỡ của La thái hậu, ngày 20 tháng 1 năm 1260 Lý An Toàn đã phế truất và cướp đoạt ngôi vị của Lý Thuần Hựu. 3 tháng sau, Lý Thuần Hựu đột nhiên ốm chết. Thời đó mọi người nói Lý Thuần Hựu bị Lý An Toàn mưu sát.

Thụy hiệu của Lý Thuần Hựu là Hằng Tông.

TƯƠNG TÔNG (LÝ AN TOÀN)
(TÂY HẠ)

Tương Tông, ông ta tên là Lý An Toàn (?-1211). Ông là cháu của Sùng Tông Lý Càn Thuận, và là em họ của Hằng Tông Lý Thuần Hựu. Lý An Toàn phế truất và đoạt vị của Hằng Tông. Ông trị vì 6 năm, bị Lý Tân Húc phế truất đoạt vị và mưu hại. Mai táng ở Nguyên Lăng (nay thuộc phía Tây Bắc gò Bình Khương núi Hạ Lan khu tự trị tộc Hồi ở Ninh Hạ).

*

Lý An Toàn là con trai của Việt Vương Lý Hiếu Nhân Hữu, Lý An Toàn được phong là Quận vương Trấn Di. Ông phát động chính biến, phế truất cướp đoạt ngôi vị của Hằng Tông, Lý An Toàn cho đổi niên hiệu là "Ứng Thiên".

Sau khi lên ngôi, Lý An Toàn dựa dẫm vào triều Kim, chống lại quân Mông Cổ, bị triều Kim phong làm Phục Quốc Vương. Trong thời gian ông ta trị vì, quân Mông Cổ nhiều lần tấn công và cướp bóc triều Tây Hạ. Tháng 7 năm 1209 quân Mông Cổ bao vây phủ Trung Hưng, Lý An Toàn đích thân chỉ huy binh sĩ kiên quyết chống lại địch. Tháng 9 mưa liên miên, nước sông dâng cao, quân Mông Cổ dẫn nước vào thành, nhấn chìm nhiều nơi cư trú của dân chúng, tình hình vô cùng nguy hiểm. Lý An Toàn phái người đột phá vòng vây để tìm cách cầu cứu quân Kim, triều Kim chối từ không xuất binh cứu giúp. Tháng 12, đê sông bị vỡ, đành mang con gái cống cho Thành Cát Tư Hãn để cầu hòa, quân Mông Cổ lui binh.

Ngày 3 tháng 7 năm 1211 Tề Vương Lý Tôn Húc phát động chính biến, phế truất và đoạt ngôi vị của Lý An Toàn. Ngày 5 tháng 8 Lý An Toàn chết bất đắc kỳ tử. Mọi người cho rằng ông ta bị Lý Tôn Húc giết hại.

Thụy hiệu của Lý An Toàn là Tương Tông.

THẦN TÔNG (LÝ TÔN HÚC)
(TÂY HẠ)

Thần Tông, ông ta tên là Lý Tôn Húc (1163-1226), ông ta là cháu của Sùng Tông Lý Càn Thuận. Thời Tương Tông trị vì đã cho Lý Tôn Húc nắm giữ binh quyền. Lý Tôn Húc phế truất và đoạt vị của Tương Tông. Ông trị vì 13 năm, ốm chết. Hưởng thọ 64 tuổi. Mai táng ở phía Tây Bắc gò Bình Khương núi Hạ Lan khu tự trị tộc Hồi ở Ninh Hạ).

*

Lý Tôn Húc là con trai của Tề Trung Vũ Vương Lý Ngạn Tông. Thời nhỏ ông chăm chỉ học tập. Về sau tham gia thi cử và đỗ tiến sĩ (đỗ trạng nguyên).

Lý Tôn Thúc được phong làm Tề Vương, về sau được tăng làm thống lĩnh binh mã đại đô đốc. Ông văn võ kiêm toàn và có uy lực danh tiếng trong triều. Năm 1211, ông tròn 49 tuổi và đã cướp đoạt hoàng vị của Tương Tông, đổi niên hiệu là "Quang Định".

Sau khi lên ngôi, do nước Kim chối từ không giúp đỡ trong cuộc chiến chống quân Mông Cổ nên ông thay đổi quốc sách, từ bỏ Kim và quay sang dựa dẫm quân Mông Cổ, để mượn binh của Mông Cổ đánh Kim. Từ năm 1212 trở đi Lý Tôn Húc liên tiếp tiến đánh triều Kim khiến lực lượng trong nước bị hao tổn và suy yếu. Năm 1217 do Lý Tôn Húc cự tuyệt quân Mông Cổ nên bị triều Mông Cổ đem quân bao vây phủ Trung Hưng; Lý Tôn Húc hoảng hốt chạy trốn. Năm 1223 Thành Cát Tư Hãn ra lệnh phải diệt vong triều Tây Hạ. Điều đó làm cho quốc sách của Lý Tôn Húc là mượn Mông diệt Kim bị thất bại. Tháng 12, Lý Tôn Húc tuyên cáo thoái vị truyền

ngôi cho con thứ là Lý Đức Vượng, tự xưng là "Thượng hoàng".

Tháng 5 năm 1226, đúng lúc quân Mông Cổ bao vây thành Chư của triều Tây Hạ, thì Lý Tôn Húc chết.

Thụy hiệu của ông ta là Thần Tông.

HIẾN TÔNG (LÝ ĐỨC VƯỢNG)
(TÂY HẠ)

Hiến Tông, ông ta tên là Lý Đức Vượng (1181-1226). Ông là con thứ của Thần Tông Lý Tôn Húc. Lý Đức Vượng được Thần Tông nhường ngôi. Ông trị vì 4 năm. Do mất nước nên ông hoảng hồn mà sinh bệnh. Hưởng thọ 46 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

Lý Đức Vượng là con thứ của Thần Tông. Thần Tông vốn dĩ lập con trưởng là Lý Đức Nhậm làm thái tử, về sau thái tử phản đối chuyện thân Mông chống Kim, Lý Đức Nhậm chủ trương liên kết với quân Kim chống đối quân Mông và cự tuyệt việc dẫn quân đánh Kim, do đó bị Thần Tông phế truất giam lỏng. Thần Tông thoái vị liền nhường ngôi cho Lý Đức Vượng, cùng năm đó ông đổi niên hiệu là "Càn Định".

Lý Đức Vượng lên ngôi, ông sửa đổi quốc sách: câu kết quân Kim chống đối quân Mông. Quân Mông Cổ khởi binh tiến đánh Tây Hạ, trên đường đi bọn chúng đánh chiếm và cướp bóc nhiều thành ấp, triều Tây Hạ bị tổn thất nghiêm trọng.

Tháng 7 năm 1226, Lý Đức Vượng chứng kiến cảnh giang sơn bị đại họa mất nước, ông kinh hãi sinh bệnh mà chết.

Thụy hiệu của Lý Đức Vượng là Hiến Tông.

MẠT CHỦ (LÝ HIỂN)
(TÂY HẠ)

Mạt Chủ, ông ta tên là Lý Hiển (?-1227), ông là cháu của Thần Tông Lý Tôn Húc, và là cháu họ của Hiến Tông. Lý Hiển kế vị khi Hiến Tông chết. Ông trị vì 2 năm, mất nước, về sau bị quân Mông Cổ giết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Lý Hiển là con trai của quận vương Thanh Bình. Tháng 7 năm 1226 Hiến Tông chết, cùng tháng đó các quan lại và tông thất lập Lý Hiển lên kế vị, ông đổi niên hiệu là "Bảo Nghĩa".

Khi lên ngôi, Lý Hiển phải đối mặt với nguy cơ mất nước. Sau khi kế vị, ông thống lĩnh quân dân mở một cuộc đấu tranh cuối cùng chống lại quân Mông Cổ cứu đất nước khỏi nguy cơ diệt vong, nhưng không có cách gì ngăn cản và chống đỡ được cuộc tấn công mãnh liệt của Thành Cát Tư Hãn. Mùa xuân năm 1227 quân Mông Cổ bao vây phủ Trung Hưng, Lý Hiển kiên quyết phòng thủ được hơn nửa năm, vì trong thành cạn kiệt lương thực, quân dân sinh bệnh hàng loạt, hơn nữa lại gặp thiên tai hạn hán động đất - tháng 6 Lý Hiển đành dâng châu báu cho quân Mông Cổ xin đầu hàng và hứa 1 tháng sau xin cống thành trì. Tháng 7 Thành Cát Tư Hãn chết. Vài ngày sau Lý Hiển xuống thành đầu hàng, bị quân Mông Cổ giết. Quân Mông Cổ tràn vào thành tàn sát dân chúng. Triều Tây Hạ diệt vong.

TRIỀU NGUYÊN

(Năm 1206-1368, từ khi Thành Cát Tư Hãn dựng lên nước Mông Cổ, tổng cộng 63 năm; năm 1271-1368, từ khi Thế Tổ Hốt Tất Liệt đặt quốc hiệu, tổng cộng 98 năm)

*

Tộc Mông Cổ tạo lập nên triều Nguyên, đây là vương triều có cương vực bao la rộng rãi nhất trong lịch sử Trung Quốc, phía Đông và phía Nam chạy đến biển, bao gồm cả Đài Loan, phía Tây chạy đến khu tự trị Duy Ngô Nhĩ ở Tân Cương, phía Tây Nam bao gồm khu tự trị Tây Tạng và tỉnh Vân Nam. Triều Nguyên có vai trò quan trọng trong việc thúc tiến việc Trung Quốc thống nhất quốc gia đa dân tộc.

Triều Nguyên có 18 hoàng đế (bao gồm hoàng hậu Nãi Mả Chân và hoàng hậu Hải Mê Thất), trong đó 13 người ốm chết, 2 người bị giết trong cuộc nội chiến, 1 người bị hại độc chết, 1 người lưu lạc ở đâu không rõ, 1 người bị trọng thương mà chết.

THÁI TỔ (THÀNH CÁT TƯ HÃN)
(TRIỀU NGUYÊN)

Thành Cát Tư Hãn, ông ta tên là Thiết Mộc Chân (1162-1227). Ông là con trưởng của tù trưởng Mông Cổ, về sau Thiết Mộc Chân thốn nhất Mông Cổ, lập nên nước Mông Cổ. Ông trị vì 22 năm, ốm chết, hưởng thọ 66 tuổi. Mai táng ở Khởi Liên Cốc (nay thuộc khu tự trị Nội Mông Cổ).

Thiết Mộc Chân là con trai của tù trưởng bộ lạc Bội Nhi Chỉ Cân tộc là Mông Cổ, cha của Thiết Mộc Chân tên là Dã Tốc Cai. Dã Tốc Cai bị người của bộ lạc Tác Ta Rơ hạ độc chết, từ đó bộ lạc Bội Nhi Chỉ Cân đi tới suy bại, Lúc đó Thiết Mộc Chân còn nhỏ tuổi đã gặp phải bất hạnh, về sau được bộ lạc Khắc Liệt và bộ lạc Trất Đáp Lai giúp đỡ và khôi phục lại bộ lạc cũ. Năm 1206 Thiết Mộc Chân thống nhất toàn bộ các tộc ở Mông Cổ, ông tổ chức đại hội ở đầu nguồn sông Tà Nan (nay thuộc nước Cộng hòa nhân dân Mông Cổ) và được tôn làm Đại Kha Hãn, tôn xưng là Thành Cát Tư Hãn (có ý là thủ lĩnh hùng mạnh nhất và cao nhất ở bốn biển), kiến lập nước Mông Cổ - chính quyền đầu tiên ở Mông Cổ).

Sau khi lập quốc, Thành Cát Tư Hãn lập định: chế độ hành chính chia đất, nhận phong tước, chế độ quân sự vàu pháp luật thành văn sơ bộ "trật tản hắc", sử dụng ngôn ngữ Mông Cổ, trên cơ sở đó hình thành nên dân tộc Mông Cổ, khiến dân Mông Cổ đi từ xã hội nô lệ hướng tới xã hội phong kiến.

Sau khi đăng cơ, Thành Cát Tư Hãn phát động cuộc viễn chinh quân sự với qui mô lớn. Từ năm 1207-1218, ông thống lĩnh quân đội lần lượt diệt vong bộ lạc Vị Ngột Nhi và triều Tây Liêu, tấn công triều Tây Hạ và nước Kim, tiên phong xông thẳng đến bờ Bắc sông Hoàng Hà và còn chiếm lĩnh được trung bộ nước Kim (nay là thành phố Bắc Kinh). Năm 1219-1225 ông phát động Tây chinh tấn công Ấn Độ. Ông còn phái tướng lĩnh tấn công các địa khu Đột Hà, đánh bại liên quân Tả La Tư (tộc Nga - dân tộc thiểu số ở miền Tân Cương). Năm 1226 quay về đô, lại đánh triều Tây Hã, khiến bản đồ chính quyền Mông Cổ mở rộng đến Trung Á và địa khu tộc Nga.

Mùa hè năm 1227, Thành Cát Tư Hãn thống lĩnh quân đội tiến đánh đô thành Tây Hạ. Tháng 7, đúng lúc triều Tây Hạ bị diệt vong, Thành Cát Tư Hãn ốm nặng, lúc lạnh lúc nóng thở khò khè không ngừng. Ông dặn dò chư thần là lập con trai thứ ba làm Kha Hãn và bằng bất cứ giá nào cũng diệt vong triều Tây Hạ, nước Kim. Ngày 25 tháng 8 năm 1227 Thành Cát Tư Hãn mất ở An Thịnh Lũy Hành (nay thuộc huyện Thanh Thủy Chân núi Lục Bàn tỉnh Cam Túc). Suốt đời Thành Cát Tư Hãn đi chinh chiến. Ông ta thống nhất bộ lạc Mông Cổ, khiến tộc Mông Cổ đăng

quang trên vũ đài lịch sử Trung Quốc và thế giới; ông tiêu diệt chính quyền Tây Hạ, Tây Liêu ở miền Bắc Trung Quốc, về sau này làm cơ sở trong việc kiến lập cương vực và mở rộng triều Nguyên. Ông ta có vai trò quan trọng trong việc phát triển lịch sử Trung Quốc. Tuy nhiên, trong quá trình Tây chinh và Nam tiến, ông cũng cho lính chém giết cướp đoạt khiến nhân dân gặp những tai họa nghiêm trọng.

Sau khi Thành Cát Tư Hãn chết, thuộc hạ chiếu theo di lệnh của ta bí mật không phát tang, hộ tống linh cữu quay về đất Mông Cổ. Không ngờ tin tức về cái chết của ông ta truyền đi - tướng sĩ đi theo hộ tống linh cữu, trên đường đi gặp ai đều giết sạch để bảo toàn bí mật. Sau khi mai táng Thành Cát Tư Hãn, thuộc hạ liền trồng cây xung quanh mộ, khu mộ trở thành một rừng cây rậm rạp khó mà tìm ra lăng mộ. Căn cứ theo ghi chép "Nguyên sư - Thái Tổ ký" chỉ biết rằng ngôi mộ mai táng ở Khởi Liên Cốc, mà không ai có cách gì biết được Khởi Liên Cốc nằm ở đâu. Về sau, hậu duệ của Thành Cát Tư Hãn cũng chôn trong khu rừng này. Con cháu của ông ta không có thói quen cúng tế mộ, bọn họ chỉ dùng lều nỉ màu trắng (bát bạch thất) có 8 phòng mà ông ta sử dụng thời còn sống để làm vật tượng trưng cho lăng mộ, con cháu cát giữ cúng tế rất long trọng.

"Bát Bạch Thất" từng được đặt ở Ngọc Đặc Khắc tại phía Bắc núi A Nhĩ Thái và phía Nam núi Khản Đặc. Do tộc Mông Cổ là 1 dân tộc du mục thường hay đổi chỗ ở, nên "Bát Bạch Thất" cũng di dời theo họ. Niên giám Thiên Khải
(TRIỀU MINH), bộ lạc Ngạc Nhi Đa Tư tộc Mông Cổ để bảo vệ gìn giữ "Bát Bách Thất" nên đã chuyển lều nỉ đó đến cao nguyên Ngạc Nhi Đa Tư ở khu tự trị Nội Mông Cổ, về sau lại chuyển đến thảo nguyên Cam Đức Lợi, đến ngày nay đã hơn 300 năm. Sau giải phóng, Chính phủ cho trung tu "Bát Bạch Thất", khiến nó trở thành một di tích cổ.

Về sau Hốt Tất Liệt đổi quốc hiệu là "Nguyên" và đổi thụy hiệu cho Thành Cát Tư Hãn là Nguyên Thái Tổ.

DUỆ TÔNG (ĐÀ LÔI)
(TRIỀU NGUYÊN)

Đà Lôi (1193-1232), ông ta là con trai thứ 4 của Thành Cát Tư Hãn, Thành Cát Tư Hãn ốm chết, Đà Lôi giám sát mọi việc trong triều. Ông giám quốc được 2 năm, ốm chết. Hưởng thọ 40 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Từ nhỏ Đà Lôi đã theo cha là Thành Cát Tư Hãn đi chinh chiến. Năm 1213 chiếm được phủ Đức Hưng của nước Kim (nay thuộc huyện Trác Lộc tỉnh Hà Bắc), về sau theo cha đi chinh chiến các châu bộ ở Hà Bắc và các châu bộ ở Sơn Đông. Năm 1219, Lôi Đà tham gia vào cuộc chinh phạt ở miền Tây, chiểu theo thói quen lệ cũ là con út được kế vị sự nghiệp của cha, nhận đất phong ở Mông Cổ, Thành Cát Tư Hãn chết, Đà Lôi giám quốc.

Năm 1229, Lôi Đà vá các chư vương nghênh đón anh trai là Oa Khoát Đài lên kế vị.

Năm 1230 Đà Lôi và Oa Khoát Đài chia quân tiến đánh nước Kim. Đà Lôi theo lời di huấn của Thành Cát Tư Hãn: dùng vũ lực tấn công Tống. Mùa đông năm 1231, Đà Lôi đánh bại quân Kim ở núi Tam Lãnh thuộc Quận Châu (nay thuộc tỉnh Hà Nam) diệt vong quân chủ lực của triều Kim, thừa thắng tấn công các châu quận ở Hà Nam.

Mùa hè năm 1232 do thời tiết nóng nực, Đà Lôi dẫn quân quay về kinh đô, trên đường trở về ông ốm chết.

Thụy hiệu của Đà Lôi là Duệ Tông.

THÁI TÔNG (OA KHOÁT ĐÀI)
(TRIỀU NGUYÊN)

Thái Tông, ông ta là Oa Khoát Đài (1186-1241). Là con trai thứ 3 của Thành Cát Tư Hãn. Ông kế vị khi Thành Cát Tư Hãn chết. Ông trị vì 13 năm, do nát rượu mà dẫm tới cái chết. Mai táng ở Khởi Liên Cốc.

*

Oa Khoát Đài thường theo cha là Thành Cát Tư Hãn đi chinh chiến ở miền Tây và chinh phạt nước Kim. Năm 1229, Đà Lôi và các chư vương ủng hộ lập Oa Khoát Đài làm Đại Kha Hãn.

Năm 1220-1345 Oa Khoát Đài diệt vong nước Kim, thống nhất miền Bắc Trung Quốc. Năm 1236 ông phát lệnh tiến đánh vào Trung Âu.

Trong thời gian trị vì, Oa Khoát Đài trọng dụng Uất Luật Sở Tài làm trung thư lệnh, sử dụng hình chế pháp luật nhà Hán đặt ra chế độ thuế má, mở khoa thi chọn hiền sĩ, trọng dụng văn nhân, xây dựng thành Hòa Lâm (nay thuộc phía Tây Nam Ulanbato, nước Cộng hòa nhân dân Mông Cổ) và chọn nơi đó làm đô thành, tôn định cu mô quốc gia phong kiến triều Nguyên. Xây dựng các trạm dịch, tăng thêm mối quan hệ giữa bản địa và các nước chư hãn.

Vào những năm cuối đời, Oa Khoát Đài chìm mặc trong tửu sắc, đặc biệt thích rượu chè, thường uống rượu đến nửa đêm. Uất Luật Sở Tài nhiều lần khuyên can nhưng dều không có kết quả, một lần Sở Tài nắp chai rượu bằng sắt và nói: "Cái nắp chai này còn bị men rượu gặm lấm tấm, nội tạng của con người khổng cứng rắn bằng sắt, bệ hạ cứ uống rượu suốt ngày như vậy thần sợ rằng ngọc thể sớm muộn gì cũng bị phá hủy". Oa Khoát Đài nhất quyết không nghe lời khuyên Có 1 lần ông ta uống say khướt không đi nổi, mãi về sau mới tỉnh lại.

Ngày 11 năm 1241 Oa Khoát Đài đi du lãm. 5 hôm sau trên dường quay về cung có đi qua núi Ngọc Đặc Cổ Hồ Lan quan sứ ở đó dâng rượu cho ông ta. Oa Khoát Đài về trại uống rượu đến gần sáng mới thôi. Ngày hôm sau (ngày Tân Mão) thuộc hạ thấy ông ta mãi không ngủ dậy liền vào đó gọi dậy. Ông ta đã bị ngã bệnh không nói ra lời, được ít lâu thì từ trần.

Hiệu miếu của Oa Khoát Đài là Thái Tông. Theo phong tục của người Mông Cổ, hoàng đế chết không được dùng quan tài để đặt thi thể mà dùng 1 cây gỗ nguyên, khoét rỗng ở trong đặt thi thể vào đó, sau khi quét sơn, mang đến núi Khổn Đặc, chôn trong hang sâu, phủ đất kín lại sau đó cho binh sĩ chia nhau phong tỏa, đợi đến khi cỏ mọc cao ngút đầu người, không nhận ra chỗ chôn cất. Vì vậy hậu thế khó nhận ra di tích chôn dấu.

CHIÊU UNG HOÀNG HẬU (NÃI MÃ CHÂN THỊ)
(TRIỀU NGUYÊN)

Nãi Mã Chân Thị còn có tên khác là Thuyết Liệt Ca Na (?-1248). Bà là hoàng hậu của Oa Khoát Đài. Oa Khoát Đài chết, bà ta khống chế triều chính 4 năm, ốm chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Oa Khoát Đài ốm chết, con trai của ông ta là Quý Do đang bận chinh chiến bên ngoài, còn con trai nhỏ của Oa Khoát Đài Thất Liệt Môn chưa có năng lực quản lý điều hành chuyện quốc sự. Hoàng hậu Nãi Mã Chân Thị tự quản lý triều chính từ mùa xuân năm 1242.

Sau khi chấp chính, bà ta bài xích Uất Luật Sở Tài, trọng dụng Ác Đô Lai Hợp Man do đó dẫn tới bối cảnh triều chính bại hoại, pháp luật hỗn loạn, dân chúng khốn khó. Bà ta còn phát binh chinh phạt triều Nam Tống.

Năm 1246 bà ta giao trả công việc triều chính cho Quý Do nhưng vẫn chủ trì công việc triều chính. Vài tháng sau bà ta ốm chết.

Trang sử gọi Não Mã Chân Thị là hoàng hậu Chiêu Ung.

ĐỊNH TÔNG (QUÝ DO)
(TRIỀU NGUYÊN)

Định Tông, ông ta tên là Quý Do (1206-1248). Ông ta là con trưởng của Oa Khoát Đài. Ông chính thức điều hành công việc triều chính khi Nãi Mã Chân Thị chết. Ông trị vì 3 năm, ốm chết, hưởng thọ 43 tuổi. Mai táng Khởi Liên Lăng.

*

Quý Do nhận chỉ lệnh của phụ hoàng đi tấn công triều Kim, sau đó lại theo em họ là Phát Đồ đi chinh chiến ở miền tây, xâm lược nước A Tốc. Tháng 7 năm 1246 ở Hồi Lý Cần Đài ông được thừa nhận làm Đại Kha Hãn, vì thế Nại Mã Chân Thị đành hoàn trả triều chính cho Quý Do, công việc triều chính do Trần Hải chuyên quyền. Năm 1247 chinh phạt Triều Tiên.

Mùa Thu năm 1248, em họ của Quý Do là Phát Đô không thừa nhận địa vị Kha Hãn của Quý Do, nên anh ta xuất quân chinh phạt Phát Đô nhưng trên đường đi bị ốm chết. Một thuyết khác nói Quý Do bị bệnh lở loét chân tay, ông đi du lãm ở bên ngoài, ông đi đến Hoành Tương Ất Nhi, thấy khí hậu ở đó khí hậu ấm áp nên ở đó dưỡng bệnh. Được ít lâu ông ta mất tại đó.

Sau khi Quý Do chết đã lập hiệu miếu là Định Tông.

HOÀNG HẬU HẢI MÊ THẤT
(TRIỀU NGUYÊN)

Hoàng hậu Hải Mê Thất (?-1251). Bà ta là hoàng hậu của Định Tông Quý Do. Quý Do chết, bà ta chấp chính 2 năm, về sau bị Đại Kha Hãn Mông Ca giết chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Quý Đo chết, hoàng hậu Hải Mê Thất bí mật không phát tang, bà ta vội vã quay về Hòa Lâm, dựng lập con nhỏ của Oa Khoát Đài Tất Liệt Môn để chấp chính.

Tháng 6 năm 1261 con trưởng của Duệ Tông Đà Lôi là Mông Ca được tiến lập làm Đại Kha Hãn. Hoàng hậu Hải Mê Thất không chịu thừa nhận địa vị Đại Kha Hãn của Mông Ca, nhờ sự giúp đỡ của Phát Đô nên Mông Ca tiến quân về Hòa Lâm và sai thuộc hạ vào cung bắt giữ Hải Mê Thất, dùng hình phạt bắt ép bà ta phải thừa nhận địa vị của Kha Hãn của Mông Ca, sau đó giết chết bà ta.

HIẾN TÔNG (MÔNG CA)
(TRIỀU NGUYÊN)

Hiến Tông, ông ta tên là Mông Ca (1208-1259). Ông là cháu nội của Thành Cát Tư Hãn và là con trưởng của Duệ Tông Đà Lôi. Mông Ca được Phát Đô giúp lập làm Kha Hãn. Ông trị vì 9 năm, một thuyết nói bị trúng tên chết, một thuyết nói bị đá ném trúng mà chết, một thuyết nói bị ốm chết. Hưởng thọ 52 tuổi;. Mai táng ở Khởi Liên Cốc.

*

Mông Ca thường theo Phát Đô đi chinh chiến ở miền Tây và xâm lược vào Tà La Tư, Khâm Sát... Năm 1251 Phát Đô giúp lập Mông Ca làm Đại Kha Hãn.

Sau khi đăng cơ, Mông Ca dẫn binh đến Hòa Lâm trấn áp những đại thần cũ Quý Do, và còn giết hoàng hậu Thất Hải Môn và Thất Liệt Môn. Thê thiếp và con cái của Quý Do cũng bị dẫn đến Hòa Lâm giam lỏng.

Năm 1253 Mông Ca sai em trai đi chinh phạt miền tây đánh chiếm quốc gia Iran, Mông Ca còn sai em trai là Hốt Tất Liệt đi qua Tứ Xuyên tiến vào Vân Nam, tiêu diệt nước Đại Lý và ép tộc Thổ Phiên đầu hàng. Nam 1257 Mông Ca sai đại tướng Ngột Lãng Đài chinh phạt nước An Nam.

Mông Ca trầm tĩnh kiên quyết, không thích rượu chè, hậu phi của ông ta cũng không nhiều. Vì vậy mọi mệnh lệnh đều do ông ta khởi sự, suy đi tính lại kỹ càng. Ông ta giỏi cưỡi ngựa bắn tên, thích du lịch và đặc biệt ông ta rất mê tín.

Năm 1258, Mông Ca cùng Hốt Tất Liệt và Ngột Lãng Đài chia làm 3 ngã tiến đánh triều Tống. Mông Ca dẫn đại quân tiến vào Tứ Xuyên. Năm thứ hai Mông Ca tấn công thành Điếu Ngư thuộc Hợp Châu (nay là Hợp Châu tỉnh Tứ Xuyên). Đầu tiên ông ta phái tướng Phổ Quốc Bảo vào thành khuyên Vương Kiên đầu hàng. Vương Kiên giận dữ chém chết Phổ Quốc Bảo, thống lĩnh tướng sĩ cùng tuyên thề sống chết bảo vệ thành Điếu Ngư. Mông Ca chỉ huy đại quân tấn công mãnh liệt nhưng đều bi Vương Kiên đẩy lui, hai bên đánh nhau đến 6 tháng. Tháng 7 năm 1259 Mông Ca bị trúng tên ở dưới chân thành Điếu Ngư, 1 thuyết khác nói bị đá ném trúng, ngày Quý Hợi ông mất tại doang trại. Một thuyết khác nói Mông Ca thấy đại quân bị thất trận nhiều mãnh tướng chết trận, quân tinh nhuệ bị thương vong khá nhiều, do đó buồn rầu đau khổ sinh bệnh trầm uất, ốm chết ở dưới chân thành Điếu Ngư. Thuộc hạ dùng ngựa chở thi thể của Mông Ca về kinh đô.

Hiệu miếu của Mông Ca là Hiến Tông.

THẾ TỔ (HỐT TẤT LIÊT)
(TRIỀU NGUYÊN)

Thế Tổ, ông ta tên là Hốt Tất Liệt (1215-1294). Ông ta là con trai thứ 4 của Duệ Tông Đà Lôi và là em trai của Mông Ca. Hốt Tất Liệt kế vị khi Mông Ca chết. Ông trị vì 35 năm, ốm chết. Hưởng thọ 80 tuổi. Mai táng ở Khởi Liên Cốc.

*

Sau khi Mông Ca đăng cơ đã giao cho Hốt Tất Liệt quản lý vùng Mạt Nam (đất Hán). Hốt Tất Liệt chịu ảnh hưởng của những người như Dương Hoài Trung, Diêu Khu, Lưu Canh Trọng, Hách Kinh, do đó đã sử dụng nền pháp luật Hán, mở đồn điền, phát triển sản xuất. Ông nhận chiếu chỉ của anh trai đi diệt nước Đại Lý, ép tộc Thổ Phiên đầu hàng.

Năm 1256 Hốt Tất Liệt dựng doanh trại ở Khai Bình. Lúc Mông Ca băng hà tại Hợp Châu, là lúc Hốt Tất Liệt ra lệnh đánh vào vùng Ngạc Châu thuộc triều Nam Tống (nay là thành phố Vũ Hán tỉnh Hồ Bắc) tin tức về cái chết của anh trai truyền đến. Hốt Tất Liệt thu nạp kế sách của Hách Kinh là nhận chôn cất linh cữu của Mông Ca và cướp đoạt ấn ngọc. Năm 1260 ông phế bỏ chế độ chọn người kế vị chức vụ Đại Kha Hãn, mà tự mình lên kế vị, xưng là "Tiết Thiết Hãn", lập niên hiệu là "Trung Thống". Hốt Tất Liệt lên ngôi chưa được 1 tháng thì em trai là A Lý Bất Ca (người được Mông Ca sai trấn giữ ở Hòa Lâm) cũng xưng là Đại Kha Hãn. Năm 1261, Hốt Tất Liệt thống lĩnh đại quân đi đánh A Lý Bất Ca. Năm 1264 thu phục được A Lý Bất Ca.

Năm 1267 Hốt Tất Liệt cho xây dựng thành ấp ở thành Đại Đô (nay là thành phố Bắc Kinh) và dời đô về đó. Năm 1271 đổi quốc hiệu là Nguyên. Năm 1279 tiêu diệt triều Nam Tống, thống nhất toàn bộ lãnh thổ Trung Quốc. Trong thời gian trị vì, Hốt Tất Liệt xây dựng các chế độ hành chính, quân sự, chế độ tô thuế, chú trọng nông nghiệp, xây dựng các công trình thủy lợi, dẹp yên các cuộc tạo phản của Lý Đản, Hai Đô và Hải Nhan; tăng cường việc quản lý các địa

khu ở biên cương, có vai trò tích cực trong việc củng cố phát triển thống nhất các quốc gia đa dân tộc ở Trung Quốc. Nhưng vũ lực trấn áp và tư tưởng khống chế của ông ta trong giai cấp thống trị đã làm cho mâu thuẫn giai cấp và mâu thuẫn dân tộc ngày càng thêm gay gắt, các cuộc khởi nghĩa nông dân nổ ra liên tiếp.

Hốt Tất Liệt vốn trọng dụng Tang Ca. Tang Ca chuyên quyền hung ác, mua quan bán tước, do đó việc triều chính vô cùng hỗn loạn. Một lần Hốt Tất Liệt ra ngoại thành săn bắn - đại thần Triệt Lý nhân cơ hội Tang Ca không có mặt ở đó, nên tấu cáo với Hốt Tất Liệt mọi hành vi của Tang Ca. Hốt Tất Liệt không tin, cho rằng Triệt Lý có ký định miệt thị đại thần, do đó sai vệ sĩ đấm Triệt Lý 2 quả, đấm đến nỗi máu mũi chảy ròng ròng ngã lăn ra đất. Nhưng Triệt Lý vẫn cao giọng nói:

- Thần và Tang Ca không có thù oán cá nhân. Có điều vì quốc gia thần mới dám to gan vạch trần sự thật, hy vọng bệ hạ trừ bỏ nịnh thần. Hôm nay xin bệ hạ nghe lời thần giết chết Tang Ca, ngày mai hãy giết thần. Được vậy có chết thần cũng không dám oán hận". Hốt Tất Liệt nghe vậy rất cảm động, liền bí mật điều tra, quả nhiên tra xét được nhiều hành vi bất lương của Tang Ca. Hốt Tất Liệt ra lệnh cách chức, thu nhà và giết Tang Ca. Hốt Tất Liệt nói: "Tang Ca cậy được trẫm sủng ái nên làm việc bất lương đã được 4 năm, các đại thần đều biết, vậy mà không ai dám tố cáo". Ông còn miễn chức của hàng loạt đại thần, tuyển dụng các đại thần trung hiếu trọng nghĩa... Nhờ vậy triều chính được yên ổn và trong sạch.

Năm 1285 có 1 khánh sứ xin Hốt Tất Liệt nhường ngôi cho thái tử Chân Kim. Lại có người tố cáo thái tử có âm mưu đoạt vị, Hốt Tất Liệt rất phẫn nộ. Thực tế thái tử rất hiếu thuận vì thế nghe được lời bài xích sinh ra rất hận mà chết. Hốt Tất Liệt vô cùng đau khổ.

Tết Nguyên Đán năm 1294. Hốt Tất Liệt bị ốm. Hơn 10 ngày sau bệnh tình chuyển ra nguy kịch, ông sai gọi thừa tướng Bá Nhan và Bất Nhẫn Thuật vào cung nhận di lệnh, cho hoàng thái tôn Thiết Mục Nhĩ kế vị. Ngày Quý Dậu (ngày 21) ông băng hà.

Hiệu miếu của Hốt Tất Liệt là Thái Tổ, và thụy hiệu là Thành Đức Thần Công Văn Võ Hoàng Đế.

THÀNH TÔNG (THIẾT MỤC NHĨ)
(TRIỀU NGUYÊN)

Thành Tông, ông ta tên là Thiết Mục Nhĩ (1265-1307). Ông là cháu của Nguyên Thế Tổ Hốt Tất Liệt. Ông kế vị khi ông nội chết. Ông trị vì 13 năm, ốm chết, hưởng thọ 43 tuổi. Mai táng ở Khởi Liên Lăng.

*

Thiết Mục Nhĩ là con trai của thái tử Chân Kim. Thái tử Chân Kim bị vu oan sinh ra uất hận mà chết. Năm 1293, Hốt Tất Liệt sai Thiết Mục Nhĩ và thừa tướng Bá Nhan trấn thủ ở Thượng Đô. Tháng 1 năm 1294 Hốt Tất Liệt chết, Bá Nhan tuân theo di chiếu của Hốt Tất Liệt, nên đã phái sứ giả tới Thượng Đô đón Thiết Mục Nhĩ về cung. Đi được nửa đường, hữu thừa tướng Trương Cửu Tư dâng 1 chiếc ấn ngọc - chiếc ấn bị lưu lạc từ lâu, nghe nói đó là chiếc ấn ngọc từ thời Tần, nghe nói con cháu dân tộc Trung Hoa vì gia cảnh suy sụp nên phải bán đi. Thiết Mục Nhĩ nhận lấy chiếc ấn đó và đem về cung, ngày Giáp Sửu tháng 4 Thiết Mục Nhĩ lê kế vị và xưng là Hoàn Trạch Đốc Hãn. Ông đổi niên hiệu là "Nguyên Trinh".

Sau khi kế vị Thiết Mục Nhĩ thiên về giữ thành. Về cơ bản vẫn tuân theo chế độ pháp luật mà Hốt Tất Liệt đã đề ra. Năm 1301 ông dụng binh ở Tây Nam, nổi lên các cuộc khởi nghĩa nông dân của dân tộc thiểu số ở Tây Nam như Tống Long Tế, Sà Tiết... Lúc này trong hoàng tộc có nhiều người mê tín, mẹ đẻ của Thiết Mục Nhĩ là Hoằng Cát Lại Thị cưỡng bức 1 số lượng lớn dân công đi tu sửa chùa Phật Đài Sơn ở Thành Ngũ (nay là phía Tây Bắc huyện Ngũ Đài tỉnh

Sơn Tây) trong quá trình đốn gỗ và vận chuyển gỗ, có 1 vạn dân công bị gỗ đè chết. Cuối năm đó Thiết Mục Nhĩ ốm, công việc triều chính do các đại thần xử lý, triều chính dần dần suy bại.

Năm 1306 Thiết Mục Nhĩ lập con trai của hoàng hậu thứ 2 là Đức Thọ làm hoàng thái tử. Vài tháng sau đột nhiên Đức Thọ chết, theo truyền thuyết Đức Thọ bị con trai của hoàng hậu thứ nhất là Bá Nhạc Ngô hại chết. Mùa đông năm đó Thiết Mục Nhĩ ốm nặng, ngày Quý Dậu tháng 1 năm 1307 ông băng hà.

Sau khi ông chết lấy hiệu miếu là Thành Tông.

VŨ TÔNG (HẢI SƠN)
(TRIỀU NGUYÊN)

Vũ Tông, ông ta tên là Hải Sơn (1281-1311). Ông là cháu của Thế Tổ Hốt Tất Liệt, em trai của Thành Tông Thiết Mục Nhĩ. Ông lế vị khi Thành Tông chết. Ông trị vì 4 năm, ốm chết, hưởng thọ 31 tuổi. Mai táng ở Khởi Liên Lăng.

*

Hải Sơn là con trai của Đáp Lại Na Bát Lại, Hải Sơn được phong làm Hoài Hinh Vương. Tháng 1 năm 1307 Thành Tông chết, lúc đó Hải Sơn vẫn trấn giữ ở Thanh Hải. Em trai của Hải Sơn biết tin Thành Tông chết và nhờ sự giúp đỡ của hữu thừa tướng Hợp Lại Hợp Tôn, vội dẫn mẹ về kinh. Có ý đồ ép hoàng hậu của Thành Tông là Ba Nhạc Ngô, khống chế tả thừa tướng A Hốt Đài. Tháng 5 ngày 21;, em trai của Hải Sơn đã đón Hải Sơn về kinh và lập làm hoàng đế, xưng là Cử Luật Hãn. Ông đổi niên hiệu là "Chí Đại".

Sau khi đăng cơ, Hải Sơn ép Bá Nhạc Ngô tự sát là lập em trai làm hoàng thái tử.

Hải Sơn sa đọa trong hưởng lạc, tôn thờ các tăng ni Tây Tạng dẫn tới cảnh các tăng ni làm xằng bậy, tổn hại bách tính. Một lần, có một vương phi gặp tăng ni Cung Kha trên đường đi, vì muốn tranh nhau lối đi nên bọn thuộc hạ của Cung Kha kéo vương phi xuống xe, trói tay chân lại và đánh cho bà ta một trận. Tùy tùng nói: "Đây là vương phi, các anh dám đánh ư?". Cung Kha đáp: "Đừng nói là vương phi, kể cả hoàng đế chúng tôi cũng quản giáo". Nói xong bọn chúng bỏ đi. Vương phi tố cáo chuyện này lên viện Tuyên chính, nhưng nhận được câu trả lời là phụng mệnh của hoàng đế cần bảo vệ nghiêm ngặt tăng ni Tây Tạng; người chửi mắng tăng ni sẽ bị trừng phạt, người đánh tăng ni sẽ bị chặt tay. Vương phi đành nhận tự mình bị rủi ro.

Hải Sơn tùy ý trọng dụng tiểu nhân. Thiếu đế triều Nam Tống bị bắt đến phương Bắc làm tù binh. Trong đám tùy tùng có 1 thái giám tên là Lý Bang Ninh, về sau Lý Ban Ninh làm thái giám ở trong cung điện nhà Nguyên. Lý Bang Ninh giả vờ quan sát màu sắc, a dua nịnh nọt được Vũ Tông vô cùng sủng ái, và sau được Vũ Tông phong làm Đại Tư Đồ kiêm tả thừa tướng.

Tháng 1 năm 1311. Hải Sơn ốm. Ngày Canh Thìn, Hải Sơn mất tại điện Ngọc Đức cung thành Đại Đô. Hiệu miếu của Hải Sơn là Vũ Tông.

NHÂN TÔNG (ÁI DỤC LÊ BẠT LỰC BÁT ĐẠT)
(TRIỀU NGUYÊN)

Nhân Tông, ông ta tên là Ái Dục Lê Bạt Lục Bát Đạt (1285-1320). Ông ta là em của Vũ Tông Hải Sơn. Ông kế vị khi Vũ Tông ốm chết. Ông trị vì 9 năm, bị bệnh chết. Hưởng thọ 36 tuổi. Mai táng ở Khởi Liên Cốc.

*

Ái Dục Lê Bạt Lực Bát Đạt là con trai thứ của Đáp Lại Na Bát Lại, ông nhận tước phong làm

Hoài Hinh Vương, trấn giữ ở biên giới phía Bắc. Khi Vũ Tông lên tiếp nhận ngôi báu đã phong Ái Dục Lê Bát Lực Bát Đạt làm thái tử. Tháng 1 năm 1311 Vũ Tông chết, ngày Canh Dần tháng 3 năm đó, ông lên kế vị bá xưng là Phổ Nhan Đốc Hãn, và đổi niên hiệu là "Hoàng Khánh".

Trong thời gian trị vì Ái Dục Lê Bạt Lực Bát Đạt trong thời gian trị vì ông ta rất tôn sùng Khổng Tử, đề cao Nho học. Sai Lý Bang Ninh giám sát công việc xây dựng miếu Khổng Tử, mở trường dạy học, quy định lấy kinh điển của các học gia làm sách khoa học chủ yếu, mở khoa thi chọn người tài, đề cao địa vị của văn nhân. Có một lần ông tin thờ Phật giáo; ở đầu giường thường đặt một bộ "Duy Ma Kinh", bất cứ lúc nào cũng có thể lấy xem. Ông còn dự định nhường ngôi cho thái tử, còn mình có thời gian vân du bốn biển. Nhưng đại thần ra sức khuyên can nói: "Bệ hạ hàng năm đều tạo phúc cho dân cho nước, dân giàu nước mạnh.

Ví dụ như Đường Huyền Tông và Tống Vi Tông vì bất đắc dĩ mà nhường ngôi, xin bệ hạ đừng có ý nghĩ nhường ngôi cho thái tử". Nhân Tông nghe được rất xúc động, ông không những bỏ đi ý định thoái vị nhường ngôi, mà ông còn thu thập kinh Phật, không ngừng học hỏi và ra sức quản lý triều chính giúp dân giúp nước.

Mẹ của Nhân Tông là Đáp Kỷ là một kẻ đại diện cho quý tộc, bị sự hám lợi làm đen lòng người. Bà ta rất tôn sùng phái giáo Lạt Ma, ngoan cố phản đối văn hóa dân tộc Hán. Bà ta cậy mình là hoàng thái hậu để câu kết với những phần tử xấu trong hoàng thân quốc thích: Thiết Mộc Điệt Nhi, Thất Liệt Môn... để làm càn. Nhưng Nhân Tông lại hiếu thuận với mẹ đến mức mê muội. Ông nghe lời mẹ nên trọng dụng Thiết Một Điệt Nhi, dẫn tới cảnh hủy hoại triều chính bức hại dân chúng. Hơn 40 đại thần ký tên dâng biểu vạch tội ác của Thiết Mộc Điệt Nhi. Nhân Tông đang định thiết triều xử lý tội trạng của Thiết Mộc Điệt Nhi nhưng nghe lời xúi giục của mẹ, Nhân Tông đã tha bổng cho kẻ nịnh thần và còn phong cho hắn làm thái sư.

Nhân Tông vốn dĩ định truyền ngôi cho con trai của Vũ Tông Hải Sơn là Hòa Thế Lạt. Nhưng Đáp Kỉ cho rằng con của Nhân Tông là Thạc Đức Bát Thích còn nhỏ tuổi lại nhu nhược nên dễ khống chế. Vì thế bọn họ khoa môi múa mép, xúi giục Nhân Tông thay đổi chủ ý, lập Thạc Đức Bát Thích làm hoàng thái tử còn phong Hòa Thế Lợi làm Chu Vương và phái đi Vân Nam canh giữ biên cương.

Tháng 1 năm 1320 Ái Dục Lê Bạt Lực Bát đạt bị ốm. Ngày Tân Sửu (ngày 21) ông mất tại cung Quang Thiên thành Đại Đô.

Hiệu miếu của ông là Nhân Tông.

ANH TÔNG (THẠC ĐỨC BÁT THÍCH)
(TRIỀU NGUYÊN)

Anh Tông, ông ta tên là Thạc Đức Bát Thích (1303 - 1323). Ông là con trai của Nguyên Nhân Tông. Ông kế vị khi Nhân Tông chết. Ông trị vì 3 năm bị hạ thần giết hại. Hưởng dương 21 tuổi. Mai táng ở Khởi Nguyên Cốc.

*

Từ nhỏ Thạc Đức Bát Thích đã bái nho sinh người dân tộc Hãn làm thầy giáo, học tập kinh sử. Năm 1315 ông được lập làm hoàng thái tử. Tháng 1 năm 1320 Nhân Tông chết, ngày 11 tháng 3 Thạc Đức Bát Thích lên kế vị, lấy hiệu là Cách Kiên Hãn và đổi niên hiệu là "Chí Trị".

Sau khi đăng cơ, Thạc Đức Bát Thích không bằng lòng về sự ngang ngược chuyên quyền của hữu thừa tướng Thiết Mộc Điệt Nhi người được thái hậu Đáp Kỉ dung túng, hai bên đấu tranh rất mãnh liệt gay gắt. Thiết Mộc Điệt Nhi sai Hắc Lư hành thích Thạc Đức Bát Thích nhưng bị "nho sinh Mông Cổ" là Bái Trú biết và bẩm báo với Thạc Đức Bát Thích. Hắc Lư lập tức bị xử chết còn Bái Trú được nhận chức Tả thừa tướng. Thạc Đức Bát Thích trọng dụng những nho

sinh như: Trương Quế, Ngô Tập..., bọn họ đề đề nghị thực hiện nền pháp luật mới, bãi miễn các quan lại vô dụng, giảm bớt lao dịch, tô thuế, công bố chế độ thông tri của triều Đại Nguyên... Những hành vi và biện pháp đó của Thạc Đức Bát Thích đã gây mối tư thù cho bè cánh của Thiết Mộc Điệt Nhi và khanh sư đại phu Thiết Thất. Bọn họ phát động binh biến, định lập Ngã Tôn Thiết Mộc Nhi lên tiếp vị.

Tháng 5 năm 1323, Thạc Đức Bát Thích và Bái Trú từ Thượng Đô quay về Đại Đô, trong đoàn tùy tùng có Thiết Thất cùng đi nghỉ đêm tại Nam Ba Điền. Tối hôm đó, Thiết Thất Âm thân sai Đang Đô trấn giữ ngoài cửa lều, tự Thiết Thất dẫn binh lính cầm dao xông vào trại. Bái Trú đang muốn cởi quần áo để đi ngủ, nghe nói có biến, liền cầm cây nến ra ngoài xem xét tình hình. Em trai của Thiết Thất là Tố Nặc Thuật dẫn đầu đoàn binh mã đi đến, Bái Trú nghiêm giọng hỏi: "Các ngươi muốn làm gì?" Tố Nặc Thuật vác dao chém đứt cánh tay phải của Bái Trú, lũ phản binh trận vào và Bái Trú bị chết bởi làn dao loạn, Thiết Thất xông thẳng vào chỗ của Thạc Đức Bát Thích. Nghe có tiếng hò hét lộn xộn, Thạc Đức Bát Thích vội mặc áo bò ra khỏi giường, bọn Thiết Thất đã xông đến giường ông ta. Thạch Đức Bát lại hò hét hô gọi vệ binh nhưng lũ vệ binh đã bị khống chế. Thiết Thất tự tay chém chết Thạc Đức Bát Thích. Trong sử gọi cuộc biến là "cuộc biến của Nam Ba".

Hiệu miếu của Thạc Đức Bát Thích được đặt là Anh Tông.

THÁI ĐỊNH ĐẾ (NGÃ TÔN THIẾT MỤC NHĨ)
(TRIỀU NGUYÊN)

Thái Định Đế, ông ta tên là Ngã Tôn Thiết Mục Nhĩ (1276 - 1328). Ông là chắt của Thế Tổ Hốt Tất Liệt. Ông kế vị Anh Tông chất. Hưởng thọ 53 tuổi. Mai táng ở Khởi Liên Cốc.

*

Ngã Tôn Thiết Mục Nhĩ là con trưởng của Phổ Vương Can Mã Thích, ông kế nhiệm chức vị của cha làm Phổ Vương và nhận trấn thủ ở biên cương phía Bắc. Tháng 5 năm 1323 Anh Tông bị giết. Ngày Quý Tị tháng 9 đại thần Thôi An Thế Bất Hoa và Ngã Tiên Thiết Mộc Nhi... đã lập Ngã Tôn Thiết Thất Nhĩ lên ngôi hoàng đế nghi lễ đăng quang được tổ chức ở gần bờ sông Long Cư (nay là sông Khắc Lỗ Luân thuộc Nội Mông Cổ). Ông cho đổi niên hiệu là "Thái Định".

Sau khi đăng cơ, ông sai bắt giết Thiết Thất và những kẻ dối trên gạt dưới như Ngã Tôn Thiết Mục Nhĩ. Ông đề cao Phật Giáo và ra lệnh xây 216 tòa tháp ở các vùng duyên hải. Nhân dân gặp thiên tai, ông không mở kho phát chuẩn mà lại sai các tăng ni đọc kinh lễ Phật, và nói rằng có thể thanh trừ thiên tai. Để kéo dài tuổi thọ, ông còn đích thân tiếp nhận lễ thụ giới, vì thế triều chính bị lãng phí tiền bạc.

Năm 1328, ông bị cảm mạo trong một chuyến đi săn du làm nhưng vẫn cố vui chơi đến mùa hè hơn nữa ông ta còn chìm đắm trong tửu sắc, do vậy dẫn đến bệnh tật. Ngày Canh Ngọ tháng 7 năm đó ông mất tại Thượng Đô. Trong sử gọi Ngã Tôn Thiết Mục Nhĩ là Thái Định Đế.

THIÊN THUẬN ĐẾ (A TỐC CÁT BÁT)
(TRIỀU NGUYÊN)

Thiên Thuận Đế, ông ta tên là A Tốc Cát Bát (1320 - 1928). Ông là con trai của Thái Định Đế Ngã Tôn Thiết Mục Nhĩ. A Tốc Cát Bát kế vị phá hoại trong một cuộc nội chiến, ông lưu lạc ở đâu không rõ (một thuyết khác nói bị mưu sát) hưởng thọ 9 tuổi. Mai táng ở Khởi Liên Cốc.

*

Tháng 7 năm 1328 Thái Định Đế chết, tháng 9 năm đó đại thần Đảo Thích Sa lập A Tốc Cát Bát làm hoàng đế, ông đổi niên hiệu là "Thiên Thuận".

9 tuổi, A Tốc Cát Bát đã lên ngôi hoàng đế, do hoàng đế còn nhỏ tuổi nên Đảo Thích Sa rất chuyên quyền. Tháng 10 năm đó, Hoài Vương Đồ Thiệp Mục Nhĩ xưng đế tại Đại Đô và xuất binh tiến đánh thành Thượng Đô. Đảo Thích Sa thấy tình hình nguy cập do đó đã mở cửa thành đón tiếp đại quân của Hoài Vương, lữ thuộc hạ của Hoài Vương xông vào lĩnh cung điện, bọn chúng tìm mãi không thấy A Tốc Cát Bát, không biết lưu lạc ở đâu, (một thuyết khác nói bị giết).

Trong sử gọi A Tốc Cát Bát là Thiên Thuận Đế.

VĂN TÔNG (ĐỒ THIỆP MỤC NHĨ)
(TRIỀU NGUYÊN)

Văn Tông, ông ta tên là Đồ Thiệp Mục Nhĩ (1304 - 1332), ông là con thứ của Vũ Tông Hải sơn. Thái Định Đế ốm chết. A Tốc Cát Bát lên kế vị, Đồ Thiệp Mục Nhĩ được đại tướng khác lập làm hoàng đế, ông đăng cơ hai lần, tổng cộng trị vì 5 năm, ốm chết, hưởng dương 29 tuổi. Mai táng ở Khởi Liên Cốc.

*

Đồ Thiệp Mục Nhĩ là em họ của Anh Tông, thời Anh Tông trị vì đã ép Đồ Thiệp Mục Nhĩ đi đày ở Kinh Châu - Hải Nam (nay thuộc huyện Kinh Sơn tỉnh Quảng Đông). Về sau một người anh họ khác của Đồ Thiệp Mục Nhĩ là Thái Định Đế lên kế vị đã sai gọi Đồ Thiệp Mục Nhĩ về cung, phong làm Hoài Vương, trấn giữ ở Giang Lăng (nay thuộc huyện Giang Lăng tỉnh Hồ Bắc). Tháng 7 năm 1328 Thái Định Đế chết, A Tốc Cát Bát ở Thượng Đô được Đảo Thích Sa lập làm hoàng đế. Tháng 9 đại tướng Yên Thiệp Mục Nhi trấn giữ ở Kinh Đô đã đón Đồ Thiệp Mục Nhĩ về Đại Đô, ngày Nhâm Thân (ngày 13) lập Đồ Thiệp Mục Nhĩ làm hoàng đế, lấy hiệu là Lễ Nha Đốc Hãn đổi niên hiệu là: "Thiên Lịch", ông tuyên bố sẽ đợi anh cùng cha khác mẹ là Hòa Thế Lạt từ Mạc Bắc quay về, ông sẽ nhường ngôi cho anh.

Sau khi Đồ Thiệp Mục Nhĩ đăng cơ liền phái lính công chiếm thành Thượng Đô, loại trừ chính quyền của A Tốc Cát Bát. Đồng thời còn sai sứ giả đi đến Mạc Bắc đón anh trai trở về. Tháng 1 năm 1329 Hòa Thế Lạt xưng đế ở Hòa Ninh (nay thuộc phía Tây Nam của Khố Lận thuộc nước cộng hòa nhân dân Mông Cổ), Đồ Thiệp Mục Nhĩ tuyên bố thoái vị. Ít lâu sau ông lại được phong làm hoàng thái đệ, và được chọn làm người kế vị ngôi báu, tháng 8 ông nghe lời xúi bẩy của Yên Thiệp Mộc Nhĩ, hai người bàn mưu giết Hòa Thế Lạp. Ngày Ất Hợi tháng 8 ông lại làm lễ đăng cơ tại Thượng Đô, và đổi niên hiệu là "Chí Thuận".

Ngày Kỉ Dậu tháng 8 năm 1332, Đồ Thiệp Mục Nhĩ ốm nặng. Ông vô cùng hối hận vì giết anh trai, liền ra lệnh lập con trai của Hòa Thế Lạp làm người kế vị. Cùng ngày hôm đôống băng hà tại Chung Đại Đô.

Trong sử gọi ông là Văn Tông.

MINH TÔNG (HÒA THẾ LẠP)
(TRIỀU NGUYÊN)

Minh Tông, ông ta tên là Hòa Thế Lạp (1300 - 1329). Ông là con trưởng của Vũ Tông Hải Sơn. Thái Định Đế ốm chết. Đồ Thiệp Mục Nhĩ được lập làm hoàng đế. Ông trị vì 8 tháng, bị em của Đồ Thiệp Mục Nhĩ hại độc chết. Mai táng ở Cốc Khởi.

*

Thời Nhân Tông trị vì, trong hội nghị các hoàng tộc đã quyết định lập Hòa Thế Lạp làm hoàng thái tử. Về sau Nhân Tông nghe lời của thái hậu Đáp Kỉ, nên Nhân Tông đã đổi lập con đẻ của mình là Thạc Đức Bát Thích làm hoàng thái tử, còn phong Hòa Thế Lạp làm Chu Vương và

phải đi canh giữ ở biên cương Vân Nam, Hòa Thế Lạp không phục, chạy xuống Thiểm Tây, Hòa Thế Lạp liền câu kết với thuộc hạ cũ của vũ Tông cùng nhau khởi binh làm phản, đánh chiếm Đồng Quan chiếm lĩnh phủ Hà Trung (nay thuộc thị trấn Bồ Châu huyện Vĩnh Tế tỉnh Sơn Tây) tạm thời đánh bại quân của Nhân Tông và chạy đến Mạc Bắc (nay là phía tây núi A Nhi Thái). Được ít lâu, Thái Hợp Đài Hậu Vương thống lĩnh bộ hạ đến dựa dẫm Hòa Thế Lạp liền trú chân ở Mạc Bắc, thống trị các bộ lạc.

Tháng 7 năm 1328 Thái Định Đế chết, em trai của Hòa Thế Lạp là Đồ Thiệp Mục Nhĩ lên kế vị và phái lính giết hại A Tốc Cát Bát. Tháng 1 năm 1329 Đồ Thiệp Mục Nhĩ lại nhường ngôi cho Hòa Thế Lạp lấy hiệu là Hộ Đô Đốc Hãn, còn Đồ Thiệp Mục Nhĩ tuyên bố thoái vị.

Đầu tháng 8 năm đó, Hòa Thế Lạp từ Mạt Bắc trở về Đại Đô, em trai Đồ Thiệp Mục Nhĩ ra nghênh đón. Hai anh em gặp nhau vui mừng khôn xiết, vì thế suốt ngày cho mở dạ tiệc. Đêm 5 tháng 8 Thái sư Yên Thiệp Mộc Nhĩ ra sức xúi bẩy Đồ Thiệp Mục Nhĩ trừ bỏ Hòa Thế Lạp để giành lại ngôi vị. Đồ Thiệp Mục Nhĩ âm thầm bỏ độc vào rượu hại anh trai. Sa khi tan tiệc Hòa Thế Lạp quay về doanh trai, đến trưa hôm sau vẫn chưa ngủ dậy. Hoàng hậu Bát Bất Sa vào doanh trại gọi chồng nhưng thấy ông ta bị ộc máu mũi máu mồm và đã chết.

Hiệu miếu của Hòa Thế Lạp là Minh Tông.

NINH TÔNG (NGHỊ LÂN CHẤT BANG)
(TRIỀU NGUYÊN)

Minh Tông, ông ta tên là Nghị Lân Chất Bang (1326 - 1332) ông là con thứ của Minh Tông Hòa Thế Lạp và là cháu họ của Văn Tông Đồ Thiệp Mục Nhĩ. Nghị Lân Chất Bang kế vị khi Văn Tông chết. Ông trị vì 2 tháng, ốm chết. Hưởng thọ 7 tuổi. Mai táng ở Khởi Liên Cốc.

*

Nghị Lân Chất Bang được phong làm Phu Vương. Tháng 8 năm 1332 Văn Tông chết, các quần thần tuân theo di chiếu, nên ngày Canh Tí tháng 10 cùng năm đã lập Nghị Lân Chất Bang lên kế vị, nghi lễ đăng quang tổ chức tại điện Đại Minh.

Năm đó, Nghị Lân Chất Bang mới lên 7 tuổi, do đó mọi công việc trong triều do thái sư Yên Thiệp Mục Nhĩ và Thái phụ Bá Nhan đăng triều giải quyết. Sau khi đăng cơ Nghị Lân Chất Bang lập hoàng hậu, hoàng hậu cũng chỉ 6 hoặc 7 tuổi. Cả hoàng đế hoàng hậu cả ngày chỉ biết chơi đùa trong cung, trong lịch sử triều Nguyên đây là một câu chuyện thú vị.

Tháng 11 năm đó, Nghị Lân Chất Bang mắc bệnh và mất tại cung Đại Đô.

Hiệu miếu của Nghị Lân Chất Bang là Ninh Tông.

THUẬN ĐẾ (THỎA HOAN THIÊP MỤC NHI)
(TRIỀU NGUYÊN)

Thuận Đế, ông ta tên là Thỏa Hoan Thiệp Mục Nhi (1320 - 1370). Ông là con trưởng của Minh Tông Hòa Thế Lạp và là anh trai của Ninh Tông Nghị Lân Chất Bang. Thỏa Hoan Thiệp Mục Nhi kế vị khi Ninh Tông chết. Ông trị vì 36 năm, quốc gia bị phá hoại ông chạy trốn rồi ốm chết, hưởng thọ 51 tuổi. Mai táng ở Khởi Liên Cốc.

*

Văn Tông mưu hại phụ thân của Thỏa Hoan Thiệp Mục Nhi là Minh Tông. Văn Tông sợ rằng Thỏa Hoan Thiệp Mục Nhi sẽ gây ra hậu họa nên ép Thỏa Hoan Thiệp Mục Nhi đến cư trú tại Cao Lệ, tiếp đó bị dời đến cư trú ở Tĩnh Giang (Quảng Tây). Tháng 11 năm 1332 Ninh Tông

chết, Thái hậu sai Hà Nam Bình Chương Bá Nhan đón Thỏa Hoan Thiệp Mục Nhi về Đại Đô để lập làm hoàng đế. Nhưng ý định của Thái hậu bị Bá Nhan phản đối, Thỏa Hoan Thiệp Mục Nhi sống nhàn cư ở cung 3 tháng. Bá Nhan ốm chết, ngày Kỉ Tị tháng 6 năm 1333 Thỏa Hoan Thiệp Mục Nhi làm lễ đăng quang lấy hiệu là Ngột Hợp Đốc Hãn, đổi niên hiệu là "Nguyên Thống".

Trong thời gian trị vì, ông ta để Thuyết Thuyết Hợp Ma lũng đoạn triều đình, chính phủ nhục bại, triều đình tiêu phí xa xỉ, nạn hồng thủy xảy ra nghiêm trọng, mâu thuẫn xã hội gay gắt. Năm 1350 thực hiện "Biển sao" (thay đổi tịch thu), phát hành lệnh tịch thu đồ vật quý, khiến vật giá tăng lên. Năm 1351 khởi xướng việc trị lí sông Hoàng Hà, dẫn tới các cuộc khởi nghĩa nông dân. Về sau giữa các đại tướng lại nổ ra các cuộc tranh giành quyền lực, hoàng thái tử lại muốn giành quyền lực và ngôi vị. Thỏa Hoan Thiệp Mục Nhi bất lực không điều hành được triều đình.

Tháng 1 năm 1368, Chu Nguyên Chương thiết lập triều Minh. Tháng 7 Chu Nguyên Chương sai đại tướng tấn công thành Đại Đô. Tháng 8 Thỏa Hoan Thiệp Mục Nhi hoảng hốt sai Hoài Vương Thiệp Mục Nhi Bất Hóa làm giám quốc và thừa tướng Khánh Đồng ở lại trấn giữ thành Đại Đô, còn bản thân Thỏa Hoan Thiệp Mục Nhi và hậu phi cùng thái tử chạy đến phủ Khai Bình (nay thuộc Nội Mông Cổ), triều Nguyên bị diệt vong. Năm 1369 quan Minh tấn công phủ Khai Bình, ông ta đành chạy đến Hòa Lâm. Năm 1370 quân Minh lại tiến công miền Bắc, ông chạy đến Ứng Xương, ít lâu sau thì băng hà.

Hiệu miếu của Thỏa Hoan Thiệp Mục Nhi được đặt là Huệ Tông. Minh Thái Tổ cho rằng: Thỏa Hoan Thiệp Mục Nhi biết được ý trời nên tự giác đi sang thế giới bên kia. Do đó Minh Thái Tổ còn đặt hiệu cho Thỏa Hoan Thiệp Mục Nhi là Thuận Đế.

BẮC NGUYÊN

(Năm 1369 - 1402, tổng cộng 34 năm)

Triều Bắc Nguyên có 10 hoàng đế (Kha Hãn) trong đó 1 người ốm chết, 7 người bị giết trong nội chiến, 2 người không rõ vì sau bị chết.

CHIÊU TÔNG (ÁI DU TRÍ LÍ ĐẠT LẠP)
(BẮC NGUYÊN)

Chiêu Tông, ông ta tên là Ái Du Trí Lí Đạt Lạp (1338 - 1378). Ông là con trưởng của Nguyên Thuận Đế. Ông tiếp vị khi Nguyên Thuận Đế chết. Ông trị vì 9 năm, ốm chết, hưởng thọ 41 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Năm 1353 Ái Du Trí Lí Đạt Lạp được lập làm hoàng thái tử. Về sau Thuận Tông sống buông thả hoang dâm nên Ái Du Trí Lí Đạt Lạt muốn cướp đoạt ngai vàng. Bên trong ông dựa vào sự giúp đỡ của thừa tướng Sóc Tư Giám và hoạn quan Bốc Bác Hoa bên ngoài ông nhờ Khuếch Khoách Mục Nhi ứng cứu, còn Thuận Đế lại dựa vào Bội La Thiệp Mục Nhi, hai bên đấu tranh mãnh liệt. Năm 1364 Ái Du Trí Lí Đạt Lạp bãi bỏ chức quan của Bội La Mục Nhi và trấn thủ tại Đại Đồng. Năm 1365 ông tiến quân về kinh sư, Bội La Thiệp Mục Nhi chết, Ái Du Trí Đạt Lạp vừa Khuếch Khoách Mục Nhi cùng nhau điều hành triều chính. Năm 1367 ông làm tổng quản binh mã thiên hạ. Năm 1368 triều Minh được tạo dựng, quân Minh đánh vào Đại Đô, ông theo Thuận Tông chạy đến Thượng Đô, tiếp đó chạy đến Ứng Xương. Năm 1370 Thuận Đế ốm chết, cùng năm đó ông lên kế vị và xưng là Tất Lực Khắc Đế Hãn, đổi niên hiệu là "Tuyên Quang". Lúc này triều Nguyên đã diệt vong, chỉ sót lại một thế lực tàn quân còn thoi thóp ở phương Bắc, trong sử gọi là Bắc Nguyên.

Ái Du Trí Lí Đạt Lạt kế vị không lâu thì bị tướng triều Minh là Lí Văn Trọng dẫn binh tấn công thành Ứng Xương. Ông bỏ thành chạy trốn, dẫn lũ tàn quân chạy đến Hòa Lâm (nay thuộc nước cộng hòa nhân dân Mông Cổ). Năm 1373 ông cử Khuếch Khoách Thiệp Mục Nhi làm thừa tướng, lập doanh trại ở Kim Sơn (nay là núi A Nhi Thái), Khuếch Khoách Thiệp Mục Nhi trấn giữ biên cương.

Tháng 4 năm 1378, Ái Du Trí Lí Đạt Lạp chết.

Hiệu miếu của ông được dặt là Chiêu Tông.

ĐẠI NGUYÊN HOÀNG ĐẾ (THUYẾT CỔ TƯ THIÊP MỤC NHI)
(BẮC NGUYÊN)

Đại Nguyên hoàng đế, ông ta tên là Thuyết Cổ Tư Thiệp Mục Nhi (1342 - 1388), ông là con trai của Nguyên Thuận Tông Thỏa Hoan Thiệp Mục Nhi và là em trai của Chiêu Tông Ái Du Trí Lí Đạt Lạp. Thuyết Cổ Tư Thiệp Mục Nhi kế vị khi Chiêu Tông chết. Ông trị vì 10 năm, bị thuộc hạ thắt cổ chết. Hưởng thọ 47 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Thuyết Cổ Tư Thiệp Mục Nhi là con trai của Nguyên Thuận Đế. Tháng 4 năm 1378 Chiêu Tông chết, cùng tháng đó ông lên kế vị và gọi là Ô Tát Hợp Nhi Hãn và còn xưng là Đại Nguyên hoàng đế, đổi niên hiệu là "Thiên Nguyên", cư trú ở Hòa Lâm.

Năm 1388 Minh Thái Tổ sai Lam Ngọc làm đại tướng quân, thống lĩnh 15 vạn quân chinh

phạt miền Bắc, Thuyết Cổ Tư Thiệp Mục Nhi bị bại trận, ông ta pải cùng thái tử và vài kị binh chạy đến sông Thổ La (nay là sông Đô La), bị các bộ tướng thắt cổ chết, các bộ hạ li tán hết.

Trong sử gọi Thuyết Cổ Tư Thiệp Mục Nhi là Ô Tát Hợp Nhi Hãn.

ÂN KHẮC TRÁC LÍ KHẮC ĐỒ
(TRIỀU BẮC NGUYÊN)

Ân Khắc Trác Lí Khắc Đồ (1359 - 1392), ông là con trưởng của Đại Nguyên hoàng đế Thuyết Cổ Tư Thiệp Mục Nhi. Ông kế vị khi Đại Nguyên hoàng đế chết. Ông trị vì 4 năm, hưởng thọ 35 tuổi, vì sao bị chết và Mai táng ở đâu đều không rõ.

*

Năm 1388, Đại Nguyên hoàng đế bị thuộc hạ giết, năm 1389 Ân Khắc Trác Lí Khắc Đồ lên kế vị. Ông trị vì được 4 năm, năm 1392, chết nhưng vì sao bị chết không rõ. Căn cứ theo sử thư ông ghi chép, vì phụ thân của ta là đại Nguyên hoàng đế bị giết triều đình Bắc Nguyên xảy ra nội chiến. Do đó, ông ta bị giết trong cuộc nội chiến.

NGẠCH LẶC BÁ KHẮC
(BẮC NGUYÊN)

Ngạch Lặc Bá Khắc (1361 - 1399). Ông là con thứ của Đại Nguyên hoàng đế Thuyết Cổ Tư Thiệp Mục Nhi, là em trai của Ân Khắc Trác Lí Khắc Đồ. Ngạch Lặc Bá Khắc kế vị khi anh trai chết. Ông trị vì 7 năm bị giết. Hưởng thọ 39 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Năm 1393 Ngạch Lặc Bá Khắc len kế vị. Được gọi là Ni Khắc Phù Tô Khắc Tề Hãn. Để đề phòng những người anh em khác tranh quyền đoạt vị, do đó ông ta lệnh giết em trai là Hợp Nhi Cổ Sở Khắc và chiếm đoạt em dâu. Năm 1399, ông ta bị vệ binh giết chết.

THẨM THIỆP MỤC NHI
(BẮC NGUYÊN)

Thẩm Thiệp Mục Nhi (1377 - 1402), ông là con trưởng của Ngạch Lặc Bá Khắc. Sau khi cha chết, năm 1400 ông lên kế vị. Ông trị vì trong 3 năm.

*

Năm 1402 ông ta bị em trai là Quỷ Lực Xích giết, hưởng thọ 26 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Năm 1402 ông ta bị em trai là Quỷ Lực Xích giết, hưởng thọ 26 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

QUỶ LỰC XÍCH
(BẮC NGUYÊN)

Quỷ Lực Xích (1379 - 1450), ông là con thứ của Ngạch Lặc Bá Khắc và là em trai của Thẩm Thiệp Mục Nhi. Quỷ Lực Xích giết anh đoạt vị. Ông trị vì 3 năm, bị thuộc hạ giết, hưởng dương 27 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Năm 1403 Quỷ Lực Xích lên kế vị. Trong sách sử gọi là "ông ta đoạt vị", có khả năng thông qua chính biến để cướp đoạt ngôi vị. Sau khi đoạt ngôi vị, ông ta tước bỏ quốc hiệu Đại Nguyên, đổi gọi là Tác Đa (Thát Đát). Từ đó quý tộc Nguyên chính thức phán thành 2 bộ phạn Thát Đát và Ngõa Lạt. Triều Bắc Nguyên bị diệt vong. Nhưng quý tộc Nguyên vẫn có một lực lượng nhất định.

Năm 1405, Ngụy Lực Xích bị các tướng lĩnh của bộ Ngõa Lạt giết.

BẢN HÙNG THẤT LÍ
(BẮC NGUYÊN)

Bản Hùng Thất Lí (? - 1411). Ông là em họ của Quỷ Lực Xích. Quỷ Lực Xích nên Bản Hùng Thất Lí được giúp lên kế vị. Ông trị vì được 7 năm bị tù trưởng tộc Ngõa Lạt sát hại. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Bản Hùng Thất Lí là cháu nội của Thuyết Cổ Tư Thiệp Mục Nhi khi bố của Bản Hùng Thất Lí là Hợp Nhi Cổ Sở Cách bị anh trai Ngạch Lặc Bá Khắc giết, lúc đó Bản Hùng Thất Lí vẫn ờ trong bụng mẹ. Năm 1405 Quỷ Lực Xích chết, quyền thần A Lỗ Đài Lập Bản Hùng Thất Lí làm Kha Hãn.

Năm 1409, ông nghe tin Minh Thành Tổ chuẩn bị dẫn quân chinh phạt, do đó Bản Hùng Thất Lí thống lĩnh bộ lạc chạy xuống miền tây còn A Lỗ Đài chạy đến miền Đông. Về sau quân thần mỗi người một bộ lạc. Minh Thành Tổ đuổi đến sông Tà Han, lúc đó Bản Hùng Thất Lí chỉ còn 7 người thuộc hạ cùng chạy trốn.

Năm 1411 tù trưởng tộc Ngõa Lạt câu kết với quân Minh đánh Bản Hùng Thất Lí. Ông bị thua trận và bị giết hại.

THUYẾT THUYẾT BẤT HOA
(BẮC NGUYÊN)

Thuyết Thuyết Bất Hoa (1422 - 1451), không rõ về dòng dõi gia tộc. Bản Hùng Thất Lí bị giết nên Thuyết Thuyết Bất Hoa được lập làm Kha Hãn. Ông trị vì 17 năm, bị tù trưởng tộc Ngõa Lạt giết. Hưởng thọ 30 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Năm 1436, tù trưởng tộc Ngõa Lạt là Thuyết Hoan giết A Lỗ Đài và thôn tính các bộ tộc, định lập làm Kha Hãn. Nhưng các thị dân trong bộ tộc không phục, ông ta đành lập Thuyết Thuyết Bất Hoa làm Ma Hãn còn tự mình xưng làm thừa tướng.

Sau khi lên ngôi, hàng năm Thuyết Thuyết Bất Hoa phải cống tiền cho triều Minh. Triều Minh cũng tặng lễ vật cho ông ta và gọi ông ta là Đạt Đạt Kha Hãn.

Năm 1439, thừa tướng Thuyết Hoan chết, con trai ông ta là Ngã Tiên kế tiếp chức vụ của cha. Năm 1451, Thuyết Bất Hoa bị Ngã Tiên giết.

A CÁT BA NHI TẾ
(TRIỀU BẮC NGUYÊN)

Cát Ba Nhi Tế (1423 - 1452). Không rõ về dòng dõi gia tộc của ông ta. Ông là em trai của Thuyết Thuyết Bất Hoa. Ông kế vị khi anh trai chết. Ông trị vì chưa được một năm bị Ngã Tiên giết, hưởng thọ 30 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Năm 1451 Thuyết Thuyết Bất Hoa bị Ngã Tiên giết, anh ta định tự lên ngôi Kha Hãn. Nhưng bị dân trong thị tộc phản đối, Ngã Tiên đành tạm thời lập A Cát Ba Nhi Tế làm Kha Hãn. Ông trị vì chưa được 1 năm, năm 1652 bị Ngã Tiên giết.

NGÃ TIÊN
(BẮC NGUYÊN)

Ngã Tiên (? - 1455) ông là con trai của thừa tướng Thuyết Hoan. Ngã Tiên giết A Cát Ba Nhi Tế và tự lập làm Kha Hãn. Ông trị vì 4 năm bị thuộc hạ giết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Năm 1439 Ngã Tiên kế nhiệm chức vụ của cha và tự xưng là Thái Sư Hoài Vương. Ông ta lại hàng phục các chư bộ Mông Cổ ở Mạc Bắc, liên kết với các chư bộ ở Sa Châu, Xích Cân, uy hiếp Triều Tiên, hình thành một lực lượng, uy hiếp ở biên cương triều Minh. Lúc đầu, ông được triều Minh phong thưởng, về sau lại quay lưng với triều Minh. Năm 1149 ông chia quân làm 4 ngã tiến vào biên giới của triều Minh. Được ít lâu ông đánh bại quân Minh, bắt giữ Minh Anh Tông, áp giải Anh Tông vào Bắc Kinh, tiếp đó bị bại trận phải quay về phương Bắc. Năm sau ông ta lại tống tiễn Anh Tông về kinh nhận trọng thưởng. Năm 1451 ông giết Thuyết Thuyết Bất Hoa tự lập làm Đại Kha Hãn, đặt niên hiệu là "Thiên Nguyên".

Ngã Tiên tự lập làm Kha Hãn nhưng các thuộc hạ không phục. Năm 1455, Tri Viện Lạt khởi binh giết ông ta. Từ đó các chư bộ Mông Cổ lại phân chia, lực lượng bị suy yếu.

TRIỀU MINH

(Năm 1368 - 1644, tổng cộng 277 năm)

Triều Minh là một vương triều hưng thịnh trong lịch sử Trung Quốc, quốc lực hùng hậu kinh tế phồn vinh (vào trung kì và hậu kỳ triều Minh đã ở một số địa phương vùng Giang Nam đã xuất hiện thia thớt, manh nha của chủ nghĩa tư bản), mậu dịch với nước ngoài đã phát đạt. Triều Minh cũng là thời kỳ quốc gia do dân tộc tiếp tục phát triển và thống nhất. Thời kỳ này cũng tăng cường vụ quản lí đối với các dân tộc thiểu số ở vùng biên cương, lĩnh vực rộng lớn, lúc này Trung Quốc trở thành một quốc gia hùng mạnh trên thế giới.

Triều Minh có 16 hoàng đế, trong đó có 13 người bị ốm chết, 1 người làm mất nước tự thắt cổ tự tử, 1 người bị thất bại trong nội chiến về sau lưu lạc ở đâu không rõ, 1 người bị phế truất, sinh tức giận mà chết.

MINH TỔ (CHU NGUYÊN CHƯƠNG)

Minh Tổ, ông ta tên là Chu Nguyên Chương (1328 - 1398), hồi nhỏ ông tên là Trọng Bát, về sau đổi tên là Hưng Tông, tên tự là Quốc Đoan. Ông trị vì 31 năm, ốm chết, hưởng thọ 71 tuổi. Mai táng ở Ứng Thiên Hiếu Lăng (nay thuộc thành phố Nam Kinh tỉnh Giang Tô).

*

Chu Nguyên Chương quê ở Trọng Lí thuộc Hào Châu (nay thuộc phía Đông huyện Phụng Dương tỉnh An Huy). Ông xuất thân trong một gia đình nông dân nghèo khổ. Từ nhỏ ông làm mục đồng cho gia đình địa chủ. Năm 1344 gặp thiên tai, bệnh dịch, không còn lối thoát, ông đành đến chùa Hoàng Giác xin làm hòa thượng, từng đi vân du ở Hoài Tây. Đúng lúc đó nổ ra cuộc khởi nghĩa của quân khăn hồng, năm 1352 ông ta chạy theo cuộc khởi nghĩa của Quách Tử Hưng ở Hào Châu. Vì dũng cảm mưu trí nên được Quách Tử Nghĩa chú ý và thu nhận làm tàn binh được trông nom ngựa. về Sau, ông ta mở rộng quân đội, dẫn binh xuống miền Nam, vào năm 1355 được chính quyền Tống của Hàn Lâm Nhi phong làm tả phó nguyên sư. Năm 1356 lại tấn công vào vùng Tập Khánh và đổi tên vùng đất đó thành phủ Ứng Thiên (nay thuộc thành phố Nam Kinh tỉnh Giang Tô), ông lại được triều Tống phong làm bình chuông hành tỉnh ở Giang Nam, và ông tự xưng là Ngô Quốc Công. Sau chuyện này, ông đánh bại Trần Hữu Lượng và xưng làm Ngô Vương. Tiếp đó, ông tiêu diệt Trương Sĩ Thành và âm thầm mưu sát Hàn Lâm Nhi, lực lượng của Chu Nguyên Chương trở thành một lực lượng chủ đạo bắn phạt Trung Nguyên. Ngày Ất Hợi tháng 1 năm 1368 ông làm lễ xưng đế tại điện Phụng Thiên phủ ứng Thiên, lấy quốc hiệu là Đại Minh, đặt niên hiệu là "Hồng Vũ". Chọn phủ Ứng Thiên làm Kinh Đô.

Tháng 8 năm 1368 quân Minh công kích thành Đại Đô của triều Nguyên (nay là thành phố Bắc Kinh), diệt vong triều Nguyên. Sau đó, Chu Nguyên Chương phải mất hơn 10 năm để bình định toàn Trung Quốc.

Trong thời gian trị vì, ông cho rà soát lại hộ tịch, đo đạc đất đai, xây dựng các công trình thủy lợi, phát triển rộng đồn điền, khuyến khích canh nông, khôi phục phát triển sản xuất xã hội, ngoài việc sai các chư tử trấn giữ ở những cửa ải và thị trấn quan trọng và đặt định ra các hang mục chế độ, ông còn thực hành thống trị đặc vụ đối với trăm quan, xây những nhà ngục lớn, lạm dụng văn thần võ tướng. Ông ta phái Kiểm Hiệu đi giám sát hành vi và lời nói của các quan lại, thiết lập cẩm y vệ, tra tấn để tra hỏi phạm nhân. Có một lần văn thần Tiền Tề bãi triều quay về nhà, thuận miệng ngâm một bài thơ:

"Mùa đông lạnh lẽo mặc áo len.
Buổi trưa triệu kiến vẫn chưa hài lòng.
Tùy lúc tùy thời điền viên lạc,

Ngủ đến nhân gian cơm chín rồi".

Không ngờ bị Kiểm Hiệu nghe được và báo cáo cho Chu Nguyên Chương. Ngay hôm sau, Chu Nguyên Chương nói với Tiền Tổ "Hôm qua khanh làm một bài thơ, có điều trẫm không thích chữ "hài lòng", khanh đổi lại bằng chữ "ưu sầu", khanh thấy ý kiến đó ra sao? Nghe Chu Nguyên Chương nói vậy. Tiền Tổ toàn thân lạnh toát, vội vàng cúi đầu tạ tội.

Kiểm Hiệu còn được phép phụ trách việc giám sát lời nói hành vi của quan lại và gia thuộc. Một lần, Kiểm Hiệu nghe được tin có một nữ tăng dẫn vợ của Tú Hoa Cao và Hồ Đại Hải thờ phụng Tây Tạng (tăng ni Tây Tạng) hành pháp: "Kim thiên giáo", Chu Nguyên Chương bèn ra lệnh vứt hai người phụ nữ và nữ tăng xuống hồ, Kiểm Hiệu còn là cao ở các nha môn.

Có lúc Chu Nguyên Chương cải trang thành thường dân đi ra ngoài vi hành nghe ngóng. Một hôm, ông ta đột nhiên đi đến nhà học sĩ La Phục Nhân. Ở ngoài phủ của La Phục Nhân có đào cái rãnh nhỏ, thời gian gần đây bị phá nát, căn nhà cứ đổ xiêu đổ vẹo. Lúc này La Phục Nhân đang bò ở trên thang để sửa lại vách tường, nhìn thấy hoàng thượng đến, anh ta thất kinh vội gọi mang một chiếc ghế đến mời hoàng thượng ngồi. Chu Nguyên Chương thấy nơi ở của anh ta đơn giản tiêu điều. Chu Nguyên Chương liền nói: "Người trong sạch mới có thể sống ở một căn nhà rách nát như vậy!" và thưởng cho La Phục Nhân một căn nhà lớn ở trong thành.

Chu Nguyên Chương giết công thần, ông ta là người lợi hại nhất trong lịch sử các đế vương. Ông xây nhiều nhà ngục lớn trong đó có hai vụ án lớn nhất đó là vụ án Hồ Vương và Lam Ngọc.

Hồ Duy Đường là tả thừa tướng, năm 1380 bị tố cáo là mưu phản lộng hành. Chu Nguyên Chương không chỉ giết Hồ Duy Đường mà còn giết hơn một vạn người có mối quan hệ dây mơ rễ má. Nhân cơ hội này Chu Nguyên Chương tước bỏ tỉnh Trung Thư và không lập thừa tướng, mọi việc do hoàng đế quản lí chính sự.

Lam Ngọc là đại tướng có công lao hiển hách, được phong làm Lương Quốc Công. Năm 1393, quan viên Cẩm Y Vệ cáo phát anh ta mưu phản, Chu Nguyên Chương cũng giết nốt anh ta và hơn 15.000 có liên quan. Những quan tướng dũng cảm võ nghệ cao cường có liên quan trong vụ án này cũng bị giết.

Từ Đạt là một công thần khai quốc, anh ta rất cẩn thận từng hành động nhỏ đóng cửa không ra ngoài khiến Chu Nguyên Chương tìm không được chứng cớ loại bỏ anh ta. Năm 1385, ở lưng của Từ Đạt mọc rất nhiều mụn nhọt. Nghe nói căn bệnh này không được ăn thịt vịt quay, lợi dụng cơ hội đó Chu Nguyên Chương liền sai sứ thần mang vịt quay đến bắt Từ Đạt ăn. Từ Đạt ăn mà nước mắt chảy ròng ròng, được ít lâu anh ta chết. Đến cuối năm, hầu như những công thần khai quốc đã bị Chu Nguyên Chương giết chết.

Chu Nguyên Chương còn dùng những hình phạt nghiêm khắc để trừng trị các quan lại vi phạm pháp lệnh. Năm 1358 Chu Nguyên Chương dánh Kim Hoa, do lương thảo thiếu thốn nên ông ra lệnh cấm uống rượu. Con trai của đại tướng Hồ Đại Hải lại vi phạm cấm lệnh vẫn uống rượu, Chu Nguyên Chương ra lệnh giết anh ta. Đô sự Vương Khải can ngăn nói: "Hồ Đại Hải đang thống lĩnh quân đội bao vây ở Thiệu Hưng, nếu giết con trai anh ta quả là điều không nên làm, xin bệ hạ tha tội cho anh ta một lần". Thái Tổ phẫn nộ quát "Thà để Hồ Đại Hải làm phản, còn hơn đạp đổ hiệu lệnh của Trẫm!". Chu Nguyên Chương còn đích thân giết chết con trai Hồ Đại Hải.

Sau khi xưng đế, sự trừng trị của các quan lại vi phạm pháp luật càng nghiêm trọng, người bị giết lên tới con số vài vạn, không một hình phạt tàn ác nào là không thấy qua. Ngoài các hình pháp: chặt đầu, chu di... còn có những hình phạt: rút gân, khoét mắt, đóng cọc, vạc dầu, ném đá... Ông ta còn sai đặt người cả ở các nha môn, quan lại nào ở nha môn phạm tội tham ô sẽ bị xử tội chết, sau đó bị lột da khoác lên người cỏ đó, để vị quan lại nào đến tiếp nhận chức vị lấy đó làm tấm gương. Những danh mục các hình này nảy sinh rất nhiều, tạo ra không khí sợ hãi

trong đám quần thần, do đó mọi người đều một lòng gánh vác nhiệm vụ. Theo truyền thuyết lúc thiết triều, Chu Nguyên Chương đeo dây ngọc ở ngang bụng, là ông ta tuyên bố giết người thì các văn thần võ tướng đều mặt mày tái mét run ẩy bẩy, còn đeo dây ngọc ở trước ngực, tức là ông ta không giết người. Hàng ngày các quan lại đến yết triều, trước khi ra đi đều phải cáo biệt vợ con dặn dò mọi chuyện, nếu ngày hôm đó bình an trở về thì cả nhà chúc mừng vui vẻ, đoán biết sẽ được sống thêm một ngày.

Chu Nguyên Chương còn đại hưng án văn học, mượn cớ để trấn áp những văn nhân không hài lòng với sự thống trị của ông ta. Ví dụ Lâm Nguyên Lượng dạy học ở phủ học Triết đã thay mặt các học sĩ ở phủ viết biểu tạ ơn; trong bản biểu có một câu: "tác tắc thôi hiến" (tự mình làm gương buông lỏng hiến pháp), Chu Nguyên Chương nhất quyết cho rằng: "Tắc" chính là mắng ông ta làm giặc; Tướng Trấn dạy học ở học phủ Thường Châu vì lợi ích của các học sĩ trong phủ mà viết biểu chức mừng: "Duệ tính sinh tri" (chỉ có thư sinh mới có bản tính nhìn xa trông rộng", Chu Nguyên Chương coi chữ "sinh" là chữ "tăng" và cho rằng lời lẽ đó có ý ám chỉ ông ta đã từng làm hòa thượng, do đó đã sai người giết chết Lâm Nguyên Lượng và Tướng Trấn.

Chu Nguyên Chương cho rằng dùng thủ đoạn lợi hại để trấn áp các đại thần, chỉnh đốn chính trị, đây là một điều tất yếu trong việc trị quốc, nhưng đây chỉ là kế thích nghi tạm thời, không thể suốt đời sử dụng chiêu thức đó. Vì vậy vào những năm cuối đời, ông ta đã hạ lệnh cho con cháu phải noi theo.

Chu Nguyên Chương xuất thân trong nghèo khổ, sau khi xưng đế sinh hoạt ông ta cũng tương đối tiết kiệm, ông không thích rượu chè. Quan lại ở hành phủ Giang Nam mang chiếc giường chạm vàng của Trần Hữu Lượng dâng tặng Chu Nguyên Chương, ông ta tức giận nói: "Chiếu giường này và thất bảo của Mãnh Sưởng bị chìm đắm có gì khác biệt?" và sai người phá vỡ chiếc giường đó. Ông ta muốn các đại thần viết sớ tâu báo phải viết lời lẽ ngắn gọn xúc tích. Chủ sự của bộ hình là La Như Thái Tố dâng tích thư, Chu Nguyên Chương sai người đọc xong 6370 chữ mà vẫn không hiểu được kiến nghị cụ thể, toàn là những lời sáo rỗng, ông ta nhất thời tức giận sai người gọi Như Thái Tố vào cung và đánh cho anh ta một trận. Tối hôm sau, Chu Nguyên Chương lại sai người đọc tiếp bản tấu chương, đọc đến 16500 mới đề cập tới vấn đề, nêu ra 5 kiến nghị, trong đó có 4 kiến nghị mà ông ta cho rằng có thể thu nạp được nên ra lệnh thực thi. Đồng thời ông ta còn chỉ ra rằng: bản tấu này chỉ cần dùng hơn 500 chữ là có thể thâu tóm được vấn đề, nhưng ngược lại viết rườm rà như vậy mà bản thân mình cũng ngồi nghe đọc những lời văn thừa thải mà lại đánh Như Thái Tố, quả là chuyện không đúng không hợp lẽ, ông tán thưởng Như Thái Tố là trung thần.

Chu Nguyên Chương tự biết bản thân mình hồi nhỏ không có sức lực học hành, vì vậy mà lúc thu phục thiên hạ và ở thời kỳ đầu mới lập ông rất trọng dụng những văn nhân có học vấn, ví dụ Lí Thiện Trường, Lưu Cơ, Chu Thăng... Đồng thời ông cũng coi trọng việc dạy dỗ giáo dục con cái, ông cho mời những học giả danh tiếng nhất đã dạy học, yêu cầu bọn họ dùng tâm dùng đức dạy dỗ cho lũ trẻ. Ông nói với các thầy giáo: "Một khối vàng ròng phải tìm được thợ hoàn cao thủ để tạc tạo, một khối ngọc quý cần có thợ thủ công tài ba để điêu khắc thành sản phẩm. Học trò tốt mà không tìm được thầy giỏi, há chẳng phải không trọng học trò bằng ngọc quý sao? Sư phụ tốt phải là một tấm gương tốt cho học trò noi theo, vì tài năng mà truyền thụ kiến thức, bồi dưỡng cho lớp trẻ. Các con trai của trẫm sau này sẽ là những minh quân trị quốc quản lí triều đình, còn con em của các công thần cũng làm quan phụ giúp triều đình. Phương pháp giáo dục, điều cốt yếu là phải chính tâm, lòng dạ có trong sạch ngay thẳng thì không làm được trò trống gì. Các khanh phải dùng thực lực của mình để dạy học trò, nếu chỉ khoa trương sự học mà không có cốt lõi thì quả thật không có ích lợi gì?" Nhờ sự giáo dục nghiêm khắc của Chu Nguyên Chương, nên các vương tôn công tử đều rất tài giỏi, biết cách làm việc, có người giỏi về văn, có người giỏi về võ, có người văn võ song toàn. Đối với vài người con không chịu thua kém, ông liền nghiêm khắc giáo huấn chỉ trích, đến chết cũng không nhân nhượng. Con trai thứ hai của Tần Vương do mắc nhiều sai lầm nên khi anh ta chết, Chu Nguyên Chương đích thân đặt thụy hiệu cho anh ta là "Mẫn" (thương xót). Con trai thứ 10 của Lỗ Kim dùng Kim Thạch để

mong tìm được sự trường sinh bất lão, độc hát ra làm mù hai mắt, sau khi anh ta chết, Chu Nguyên Chương cũng đặt thụy hiệu cho anh ta là "hoàng" (hoang đường), để biểu thị sự trừng phạt, Chu Nguyên Chương lấy bài học ở tiền kỳ triều Nguyên để làm gương: vì không lập thái tử mà tạo ra nhiều cuộc chính biến ở cung đình, thời làm Ngô Vương, ông ta lập con trưởng là Chu Tiêu làm thế tử, sau khi xưng đế ông cải lập làm thái tử. Chiêu nạp ăn nhân nổi tiếng và các trọng thần trong triều để dạy dỗ thái tử. Sau khi thái tử trưởng thành liền cho phép thái từ tham gia vào chính sự học tập việc trị quốc: và thường khuyên thái tử phải có 4 đức tính: Nhân hậu, anh minh, cảm mẫn và độc đoán. Có được 4 điều đó mới duy trì được thiên hạ. Nhưng Chu Tiêu thái độ cử chỉ tao nhã lịch sự nghiễm nhiên là một nho sinh. Anh ta tính tình trung hậu, không tán đồng việc cha giết hàng loạt công thần. Mỗi lần Chu Nguyên Chương giết vị công thần nào đó, Chu Tiêu đều ra sức can ngăn, muốn cho lấy nhân từ làm gốc rễ chú ý đến tình nghĩa thân thích và anh em bằng hữu. Do đó cha con thường phát sinh xung đột. Theo truyền thuyết: một lần Chu Nguyên Chương trừng phạt thầy giáo của thái tử, Chu Tiêu khóc lóc cầu xin phụ hoàng tha mạng cho thầy, Chu Nguyên Chương bực bội nói: "Đợi khanh kim hoàng đế thì tha tội cho ông ta". Thái tử nghe được rất sợ hãi, do đó nhẩy xuống sông tự vẫn, ma mà bọn thuộc hạ cứu được thái tử.

Một lần khác Chu Tiêu can ngăn Phụ hoàng: "Bệ hạ giết người quá nhiều, con e rằng sẽ tổn hại tới hòa khí". Chu Nguyên Chương không nói gì, hôm sau Chu Nguyên Chương có ý vứt một cái roi làm thân cây táo ở trên mặt đất và bảo Chu Tiêu cầm lên. Chu Tiêu cho rằng cây gậy đó có gai, ngần ngừ không dám cầm lên. Chu Nguyên Chương nói: "Con sợ gai nhọn mà không dám cầm, để trẫm bê hết gai rồi đưa cho con, há không phải là tốt cho con sao". Chu Tiêu nói: "Trên có quân vương Ngu Thuấn, dưới có thái dân của Ngu Thuấn". Câu nói đó ám chỉ rằng: Trên có vua nhân từ, dưới có dân lương thiện. Chu Nguyên Chương nghe xong phẫn nộ vô cùng, liền lột bỏ tước vị thái tử, giam Chu Tiêu vào nội thất, từ đó Chu Tiêu kinh hãi buồn phiền sinh ra bệnh tật mà chết.

Từ nhỏ Chu Nguyên Chương sống trong cảnh nghèo khổ, qua tuổi 40 ông cả ngày bận việc nước, do đó đến tuổi 50 thể lực ông suy sụp, nhịp tim đập nhanh hơn so với người thường, ông thường xuyên bị sốt cao, luôn nhớ về tuổi ấu thơ, có lúc lại buồn vui thất thường. Sau cái chết của thái tử, ông đau buồn cực độ sức khỏe ngày một giảm sút, râu tóc bạc trắng. Ông lập con trai của Chu Tiêu là Chu Doãn Văn. Lúc đó anh ta mới có 16 tuổi làm thái tôn, thậm chí Phó Hữu Đức và Phùng Thắng cũng bị ông ta tìm cớ giết hại, mặc dù hai người này là những đại thần khai quốc còn sót lại. Chu Nguyên Chương sợ các con trai của mình tranh đoạt ngôi vàng với thái tôn, do đó ông ta biên tập hai cuốn sách: "Vĩnh giám lục" và "hoàng minh tờ luân" muốn các con tôn sùng pháp chế, và quy định rằng: nếu ai sửa đổi pháp chế của tổ tông thì sẽ bị pháp luật định tội, mong muốn các đại thần hết lòng hết dạ phục vụ hoàng đế nhỏ, bảo vệ sự bình an trường kì của vương triều họ Chu.

Tháng 5 năm 1398, Chu Nguyên Chương bị đau tim và sinh bệnh. Ngày Quý Mùi bệnh tình nguy kịch. Ông lập di chiếu nói ông xưng đế đã 31 năm mọi ưu sầu buồn lo đều tích tụ trong tim, lâu ngày thành bệnh không chữa trị được". Câu nói đó ám chỉ cả đời ông sống vất vả cực nhọc và cõi lòng ông luôn nghĩ tới cách khống chế những cuộc đấu tranh gay gắt trong nội bộ giai cấp thống trị. Trong bản di chiếu còn nói: cho phép thần tôn Chu Doãn Văn kế vị, còn các chư tử trấn giữ ở phiên quốc, không cần về kinh chịu tang, để phòng tránh có biến loạn. Ông mất ngày Ất Dậu tại Tây Cung ở thành Lương Đô.

Sau khi ông mất, lấy thụy hiệu là Cao Hoàng Đế và lấy hiệu miếu là Thái Tổ.

sinh thời ông ta sai gọi nhiều họa sĩ đến cung vẽ tranh chân dung cho ông ta. Những bức tranh đó vẽ rất giống thật. Do tướng mạo của Chu Nguyên Chương bất nhã, vẽ càng giống thật ông ta càng không hài lòng. Về sau có một họa sĩ nằm bắt tâm lí của Chu Nguyên Chương nên anh vẽ diện mạo có một chút hòa khí, xem tranh trông Chu Nguyên Chương rất nhìn từ. Điều đó làm Chu Nguyên Chương rất hài lòng, ra lệnh tô ra nhiều bức và ban tặng cho các chư tử. Vì thế tranh chân dung của Thái Tổ có hai loại: một loại là tranh chân dung tả diện mạo thật của

ông ta, một loại khác là có mĩ hòa đôi chút. Mộ của Chu Nguyên Chương chôn ở một cái gò dưới chân núi Chung Sơn ở Nam Kinh. Theo truyền thuyết sinh thời ông ta đã chọn nơi này làm chỗ đặt mộ bởi địa thế nơi đó rất đẹp: "phía bắc dựa vào núi Trọng Sơn, phía Tây là Hồ Huyền Vũ, địa thế phi phàm trông giống như một con rồng ôm lên ngọc quý. Chỉ tiếc rằng ở phía Nam là mộ của Tôn Quyền cản đường vào mộ của tộc Chu. Các đại thần kiến nghị đào mộ Tôn Quyền dời đi, để thuận cho phong thủy. Chu Nguyên Chương nói: "Đừng đào, Tôn Quyền cũng là một hảo hán, hãy để ông ta và trẫm cùng chung một vùng! Vì vậy đường cái nọ của Chu Nguyên Chương không phải là chính Nam chinh Đông mà là quay hướng Đông Tây.

HUỆ ĐẾ (KIẾN VĂN HOÀNG ĐẾ - CHU DOÃN VĂN)
(MINH)

Huệ Đế, ông ta tên là Chu Doãn Văn (1377 - ?). Ông là cháu trưởng của Thái Tổ Chu Nguyên Chương. Chu Doãn Văn kế vị khi Thái Tổ chết. Ông trị vì 4 năm, kinh thành bị chú ông là Chu Đệ phá hoại, kết cục cuộc đời của Chu Doãn Văn ra sao không rõ (có một thuyết nói kinh thành bị phá nên ông nhẩy vào lửa tự vẫn, có một thuyết nói ông cải trang làm tăng ni chạy tới Vân Nam và đi lưu lạc ở các địa phương).

Bố của Chu Doãn Văn là Chu Tiêu. Khi Chu Tiêu chết, Chu Doãn Văn được lập làm hoàng thái tôn. Tháng 5 năm 1398 Thái Tổ ốm chết, ngày Tân Mão cùng tháng Chu Doãn Văn lên kế vị. Ông đổi niên hiệu là "Kiến Văn".

Sau khi lên ngôi hoàng đế, tận mắt thấy thế lực các phiên vương (các chú của ông) của các trấn rất lớn mạnh, ông lo sẽ tạo thành tai họa "loạn 7 nước" ở thời Hán, nhờ những ý kiến đóng góp của binh bộ thượng thư Tề thái và thái thượng khanh hoàng tử Đăng nên Chu Doãn Văn hạ lệnh tước bỏ các phiên quốc", lần lượt phế truất Chu Vương Chu Tốc và Tề Vương Chu Phúc làm thứ dân, thế lực của Yên Vương Chu Đệ là mạnh nhất. Tháng 7 năm 1399 Chu Đệ khởi binh tại Bình Bắc (nay thuộc thành phố Bắc Kinh) phản đối Chu Doãn Văn, lấy hiệu là "thống sư của Tĩnh Nan). Trải qua 4 năm chiến trận, tháng 6 năm 1402. Quân Tĩnh Nan vượt sông Trường Giang, xông thẳng vào kinh thành, người người ở kinh đô hoảng hốt sợ hãi. Tề Thái, Hoàng Tử Đăng mượn cớ quân đội yếu kém nên bộ kinh đô chạy đến Quảng Đức và Tô Châu. Tả đô đốc Từ Tằng Thọ bí mật câu két với Chu Đệ và anh ta nhận làm nội ứng cho Từ Tống Thọ, chuyện này bị Chu Doãn Văn biết, do đó anh ta bị Chu Doãn Văn giết chết.

Ngày Ất Dậu tháng 6. Cốc Vương Chu Huệ và đại thần Lí Cảnh Long tự động mở cửa Kim Xuyên đón quân Tĩnh Nam vào thành. Chu Doãn Văn nhận được tin báo, ông khóc và nói: "Trẫm chưa từng ngược đãi, Chu Huệ và Lí Cảnh Long, vậy mà họ nỡ lòng quay lưng với trẫm". Khanh sử Liên Doanh trả vờ đầu hàng Chu Đệ. Lợi dụng thời cơ để hành thích Chu Đệ nhưng bị Chu Đệ hại chết. Nghe tin dữ Chu Doãn Văn òa khóc: "Một trung thần như vậy mà trẫm lại không trọng dụng, đây quả là một sai lầm của trẫm. Bây giờ hối hận cũng quá muộn, chi bằng trẫm chết đi để chuộc lỗi với lê dân". Nói xong ông định dùng dao tự sát, may mà lũ thuộc hạ kịp thời ngăn cản. Chu Doãn Văn không còn cách gì, vả lại nghe tin bọn thám báo đưa đến, ông đành hạ lệnh đốt hoàng cung. Chu Đệ tiến vào hoàng cung, tìm kiếm ngay liên tiếp mà không thấy Chu Doãn Văn. Hỏi các nội thị bọn họ cũng không biết Chu Doãn Văn còn sống nhay đã chết, chỉ biết rằng sau khi ông sai đốt cung điện thì cũng không thấy bóng dáng đâu. Mã hoàng hậu và nhiều phi tử cũng bị chết thiêu, bọn nội thị sợ Chu Đệ không tin liền đem tàn cốt của hoàng hậu Mã đến và nói đó là tàn tro của Chu Doãn Văn. Chu Đệ sai người tìm trong đống thi thể bị thiêu cháy, nhưng không thể tìm được đầy đủ một thi thể nào cả bởi toàn thân bị cháy vụn không thể phân biệt nam nữ. Chu Đệ đành ra lệnh dùng nghi lễ của thiên tử để làm lễ mai táng.

Có một thuyết khác nói: Sau khi Kiến Văn Đệ hạ lệnh đốt hoàng cung, ông cùng với nhiều tùy tùng chạy vào địa đạo để lẩn trốn, rồi trèo lên một con thuyền chạy đến Vân Nam, cắt tóc cải trang làm tăng ni, lấy hiệu là Ứng Văn và đi lang bạt ở các địa phương. Chu Đệ hỏi dò tin tức: một mực cho rằng Chu Doãn Văn vẫn còn sống và sống lưu vong ở hải ngoại, do đó Chu Đệ lo

rằng: Chu Doãn Văn sẽ trở thành mối hậu họa, ông liền sai Thái Giám Trịnh Hòa chỉ huy một đội thuyền đi đến Tây Dương tìm kiếm tung tích Chu Doãn Văn, đồng thời mượn cớ tuyên dương quốc thích, mở đường giao thông với các nước, kết quả không tìm thấy tăm hơi của Chu Doãn Văn.

Trong quyển: "Minh Sử kí sự bản mạt" có nói: sau khi Chu Doãn Văn thoát thân, ông đã chọn vùng Vân Nam làm nơi cư trú, rồi đi đến các vùng: Xuyên, Tương, Mân, Thiền, Chiết... dựng các chùa chiền, thu nạp tín đồ. Ông lưu lạc 39 năm. Mãi đến năm thứ 2 Anh Tông chính thống (năm 1440) ông mới ở chung với một hòa thượng và viết thơ văn nói rõ gia thế của bản thân mình, tri phủ Lĩnh Anh ở phủ Tư Ân (nay là huyện Vũ Điều khu ty trị tộc Choang ở Quảng Tây) biết chuyện, nên đã bắt giữ vị hòa thượng và Chu Doãn Văn, áp giải về kinh. Thái giám của Chu Doãn Văn nhận ra. Anh Tông bèn sắp đặt Chu Doãn Văn sống trong nội cung.

Trong quyển "Trường An khách hoa". Về già Chu Doãn Văn chết ở cung Vĩnh An, mai táng ở Tây Sơn. Hiện nay ở phía ngoài núi Kim ở ngoại thành Bắc Kinh vẫn còn tồn tại một cái gò nhỏ và một tấm bia, trên tấm bia đó khắc "Thiên Hạ Đại Sư mộ" tương truyền đó là mộ của Chu Doãn Văn.

Trong sử gọi Chu Doãn Văn là Kiến Văn Đế. Đến niên giám Càn Long (triều Thanh). Chu Doãn Văn mới được đổi thụy hiệu là Cung Mẫn Huệ hoàng đế.

THÀNH TỔ (VĨNH LẠC HOÀNG ĐẾ - CHU ĐỆ)
(MINH)

Thành Tổ, ông ta tên là Chu Đệ (1360 - 1424). Ông là con trai thứ 4 của Thái Tổ Chu Nguyên Chương. Ông đánh bại Chu Doãn Văn và đoạt ngôi vị. Ông trị vì 22 năm, trên đường tấn công Mạc Bắc, ông bị ốm chết (nay thuộc Thập Tam Lăng huyện Xương Bình thuộc phía Bắc thành phố Bắc Kinh).

*

Chu Đệ được phong làm Yên Vương, trấn giữ ở Bắc Bình (theo tư liệu khảo cổ học trong mấy năm gần đây thì mẹ đẻ của Chu Đệ là công phi người Cao Lệ, vì muốn cướp đoạt hoàng vị nên ông ta tự xưng là con của hoàng hậu). Năm 1390, Chu Đệ xuất binh chinh phạt thế lực của triều Nguyên còn sót lại, giành được thắng lợi huy hoàng nên được Thái Tổ trọng thưởng và phong làm tiết chế quân binh mã trấn giữ biên cương miền Bắc, nhiều lần Thái Tổ sai Chu Đệ làm thống sứ xông ra trận mạc, uy danh lẫy lừng.

Một lần, Thái Tổ sai thái tôn Chu Doãn Văn trả lời một vế đối, câu đó là: "Phong Xuy Mã Vĩ Thiên Điếu tuyến" (Gió thổi một túm lông đuôi ngựa), Chu Doãn Văn đối lại là "Vũ Đả Dương Mao nhất phiến thiện" (Mưa tạo ra mùi gáy của túm lông dê". Thái Tổ không hài lòng với vế đối đó, sắc mặt rất khó coi. Lúc đó Chu Đệ đứng lên và xin đối là "Nhật Chiếu Long Lân Vạn Điểm Kim" (Ánh mặt trời chiếu sáng vào những con rồng con lân làm điểm thêm ánh vàng), Thái Tổ rất vui và thưởng cho Chu Đệ vì có vế đối hay, từ đó Thái Tổ coi Chu Đệ là một người văn võ kiêm toàn và càng thêm sủng ái, Thái Tổ không muốn lập Chu Doãn Văn làm người kế vị. Nhưng nhờ sự can gián của các đại thần, để duy trì chế độ tông pháp và phòng ngừa nội chiến. Thái Tổ đành miễn cưỡng lập Chu Doãn Văn làm thái tôn. Thái Tổ bệnh chết, Kiến Văn Đế kế vị và ra lệnh cho các Phiên Vương không cần về kinh chịu tang. Chu Đệ tung hoành ở miền Nam, Kiến Văn Đệ sai sứ giả đến ngăn cản, Chu Đệ đành chạy xuống phía Bắc. Từ đó Chu Đệ và Chu Doãn Văn nảy sinh hiềm khích, Kiến Văn Đế hạ lệnh tước bỏ Phiên Quốc, Chu Đệ cực lực phản đối. Lúc Chu Đệ gặp nguy hiểm ông ta đã dẫn ra lời di huấn của Thái Tổ: "Nếu ai làm trái pháp chế tổ tiên, sẽ bị các đại thần luận tội", lấy lí do bài trừ Tề Thái Hoàng Thái Đăng... để khởi binh "Tĩnh Nan". Sau khi tiến vào Nam Kinh. Ông đã cướp đoạt ngôi vị vào tháng 6 năm 1402 và đổi niên hiệu là "Vĩnh Lạc".

Sau khi xưng đế, Chu Đệ ra lệnh trong 3 ngày phải thanh trừ hoàng cung, giết hại một số lượng lớn những cung nhân, nữ quân và thái giám trong hoàng cung. Tiếp đó ông ra lệnh giết những đại thần tận trung với Kiến Văn Đế. Tề Thái và Hoàng Tử Đăng cũng bị ông ta giết chết. Binh bộ thượng thư Thiết Huyền bị áp giải về kinh thành, nhìn thấy Chu Đệ ngồi lên ngai vàng anh ta nhất định không chịu hàng phục. Chu Đệ tức giận sai người cắt tai cắt mũi của anh ta, sau đó lên bắt anh ta ăn, hỏi "mùi vị ra sao? Thiết Huyền cao giọng nói: "Thịt của trung thần đương nhiên rất ngon". Chu Đệ lại tiếp tục sai người dùng dao chém nhát một nhát một, Thiết Huyền cho đến lúc chết vẫn không ngớt lời chửi rủa, Chu Đệ còn sai người vứt thi thể của Thiết Huyền vào vạc dầu nấu thành cao. Tiến sĩ văn học Phương Hiếu Nho đã mặc áo tang, khóc lóc đi vào cung, bị Chu Đệ giam vào đại lao. Vài hôm sau, Chu Đệ sai anh ta thảo chiếu thư để nói việc Chu Đệ lên ngôi, Phương Hiếu Nho ném bát xuống đất và gào khóc "Giết ta thì hãy giết đi, ta không bao giờ viết chiếu thư" Chu Đệ nói: "Dĩ nhiên khanh không sợ chết, lẽ nào khanh không sợ làm liên lụy tới cửu tộc nhà khanh?" Phương Hiếu Đệ cao giọng nói: "Cho dù có chu di 10 tộc, ta cũng không sợ". Nói xong anh ta cầm bút viết mấy chữ lớn và đưa cho Chu Đệ xem, đọc được 4 chữ "Yên Tặc đoạt vị" (giặc Yên đoạt ngôi), Chu Đệ tức giận điên người bèn sai người giữ Phương Hiếu Nho, tự tay ông ta cắt mồm, Phương Hiếu Nho cắt đến mang tai và sai người nhốt Phương Hiếu Nho vào nhà lao. Chu Đệ lại sai bắt giữ 10 tộc của Phương Hiếu Nho tổng cộng 873 người và áp giải đến cho Phương Hiếu Nho xem. Phương Hiếu Nho trước sau như một, quyết tâm không thay đổi, Chu Đệ bèn sai giết Phương Hiếu Nho và chu di 10 tộc. Kiến Văn Đế có một người con trai vừa mới ra đời, Chu Đệ sai giam hãm 55 năm khiến anh ta trở thành một kẻ ngu ngốc.

Đối với những đại thần ở thời Kiến Văn Đế, nếu ai có ý định hàng phục, ông ta không trách tội xưa mà còn căn cứ vào tài năng của bọn họ để xếp đặt chức vị. Lúc tấn công vào thành Nam kinh có thu được hàng loạt của đám quân thần dâng cho Kiến Văn Đế, lũ thuộc hạ cầm đến cho ông ta xem, ông ta từ chối nói: "Những quan viên này vì Kiến Văn Đế và đưa ra những sách lược, ta không cần xem", và sai đem đốt những bản số đó, rất nhiều đại thần quy phục ông ta đều gạt bỏ được mối lo ngại.

Tuy Chu Đệ tàn nhẫn trấn áp kẻ địch của ông ta, nhưng ông ta lại có khả năng bài trừ binh quyền của Phiên Vương và củng cố được chính quyền trung ương. Ông sai Trịnh Hòa đến Tây Dương, cho phép mở cửa thông thường và trao đổi mậu dịch với hơn 300 quốc gia. Ông còn xếp đặt người quản lí ở vùng cửa sông Hắc Long Giang Ơ Tô Lí, Đông Ô Đệ... 5 lần chinh chiến ở mạn Bắc, giải trừ mối nguy hiểm, loại bỏ thế lực phục Nguyên. Ông xây dựng thành Bắc Kinh và dời đô về đó, chú trọng trị thủy ở sông Trường Giang, chủ trì việc biên tập cuốn diễn tịch "Vĩnh Lạc đại điển" có một vai trò quan trọng đối với sự phát triển của Trung Quốc. Đồng thời, ông còn trọng dụng hoạn quan, khiến bọn hoạn quan bắt đầu can dự vào chính sự của triều Minh và đàn áp nông dân trầm trọng, dẫn tới cuộc khởi nghĩa nông dân của Đường Trại Nhi.

Hoàng hậu của Chu Đệ là trưởng nữ của công thần khai quốc Từ Đạt. Từ hoàng hậu ốm chết, Chu Đệ muốn triệu em gái bà ta là Từ Sa Cẩm làm hoàng hậu, nhưng bị Từ Sa Cẩm chối từ. Chu Đệ sai cung nữ tới thúc dục, cô ta đều cự tuyệt không gặp. Về sau cung nữ phụng chỉ gọi cô ta vào cung, cô ta trả lời: "Tôi không có dung hạnh, không xứng làm quốc mẫu, xin hãy lập một phụ nữ khác làm hoàng hậu". Các thị nữ quay về cung để nói lại chuyện đó với Chu Đệ, Từ Sa Cẩm liền cắt tóc đi tu. Điều đó làm Chu Đệ rất chán nản, mãi về sau ông ta mới lập hoàng hậu.

Năm 1474 ông lại xuất binh chinh phạt phương Bắc, tìm mãi không thấy dấu vết của quân Thát Đát, ông đành quay về kinh. Đi được nửa đường bị ốm. Bệnh tình chữa trị mãi mà không thuyên giảm và ông mất vào tháng 7 tại Mộc Xuyên (nay thuộc phía Tây Bắc huyện Đa Luân khu ty trị Nội Mông Cổ). Phút lâm chung ông sai gọi Anh quốc công Trương Phụ vào dặn dò hậu sự và ra lệnh truyền ngôi cho thái tử Cao Xí Mộc tang lễ làm theo pháp chế của tổ tiên.

Sau khi Chu Đệ chết, lấy thụy hiệu là Hiếu Văn hoàng đế, và lấy hiệu miếu là Thái Tông. Năm 1538, hoàng đế Gia Tĩnh đổi hiệu miếu của Chu Đệ là Thành Tổ, trong lịch sử còn gọi là hoàng đế Vĩnh Lạc.

Khi Chu Đệ chết có 30 cung nữ bị tuẫn táng theo. Đầu tiên những cung nữ này được tham gia tiệc rượu, tiếp đó được dẫn đến một đường thất, tiếng khóc vang khắp cung điện bọn họ bị bắt đứng ở trên một chiếc giường bằng gỗ, dùng lụa buộc vào cổ và lũ hoạn quan đạp đổ những chiếc giường đó đi, các cung nữ bị treo cổ chết. Những cô gái này được giai cấp thống trị gọi là "Đầu hoàn tuẫn chủ" (treo cổ tự tử vì chủ).

NHÂN TÔNG (CHU CAO XÍ)
(TRIỀU MINH)

Nhân Tông, ông ta tên là Chu Cao Xí (1378 - 1425), ông là con trưởng Thành Tổ Chu Đệ. Chu Cao Xí kế vị khi Thành Tổ chết. Ông trị vì được một năm, bị ốm chết, hưởng thọ 48 tuổi. Mai táng ở Hiền Lăng (nay thuộc Thập Tam Lăng thành phố Bắc Kinh).

*

Năm 1395 Chu Cao Xí được lập làm Yên Thế Tử. Khi Thành Tổ lập quân Tĩnh Nam đã sai Chu Cao Xí trấn thủ ở Bắc bình, ông đoàn kết các thuộc hạ, đẩy lui sự bao vây 5 vạn đại quân của đại tướng Lí Cảnh Long - một đại tướng thời Kiến Văn Đế, bảo vệ được thành trì. Năm 1404 Chu Cao Xí được lập làm hoàng thái tử.

Thành Tổ nhiều lần chinh phạt phương Bắc đã sai Chu Cao Xí giám sát việc nước ông giải quyết mọi việc trong triều rất hợp tình hợp lí. Nhưng Thành Tổ lại sủng ái em của Chu Cao Xí là Chu Cao Húc và Chu Cao Toại và Thành Tổ có ý định thay đổi ngôi vị thái tử. Chu Cao Húc và Chu Toại thông đồng với hoạn quan có ý định đoạt địa vị của thái tử. về sau bị thị lang Hồ Anh tố cáo với Thành Tổ, nên Thành Tổ mới gạt bỏ ý định phế truất thái tử. Tháng 7 năm 1424 Thành Tổ chết, ngày Đinh Tị tháng 7 năm đó Chu Cao Xí lên kế vị và cho đổi niên hiệu là Hồng Hi. Sau khi lên ngôi hoàng đế, Chu Cao Xí ra lệnh bãi miễn cho những đại thần cũ thời Kiến Văn Đế (bọn họ bị Thành Tổ lưu đày ra vùng biên cương), Chu Cao Xí cho bọn họ phục hồi chức vị cũ và phá bỏ tù ngục, khôi phục chức vụ cho một số đại thần, từ đó làm dịu đi mâu thuẫn trong nội bộ tập đoàn thống trị. Ông trọng dụng Dương Vinh, Dương Sĩ Kì, Dương Phó... (trong sử gọi là Tam Dương) cho phép dân chúng nghỉ ngơi không phải đi lao dịch và tham gia trận mạc, sửa đổi kỉ cương pháp luật, khiến cho xã hội hiện rõ cách thanh bình. Chu Cao Xí còn mở quân Hoằng Văn ở ngoài cửa Tư Thiện, thường xuyên cùng các nho thần đàm luận kinh sử, bị mệt mỏi rã rời. Ông nói: "Trẫm và các chư khanh bàn luận cảm thấy rất thích thú; nhưng khi về hậu cung nói chuyện với nội thị cung nhân chẳng còn thú vị gì". Hoàng hậu Trương cũng rất hiền hậu, bà đối với Chu Cao Xí rất tương thân tương ái, Tào Phi cũng là một người phụ nữ nhân từ hiền thục.

Tháng 5 năm 1425 Chu Cao Xí bị bệnh, ông mất ngày Tân Tị tại điện Khâm An.

Sau khi ông chết đã lấy thụy hiệu là Hiếu Chiêu Hoàng Đế, lấy hiệu miếu là Nhân Tông. Tào Phi tự thắt cổ tuẫn tiết, bà ta được đặt thụy hiệu là Chiêu Dung Cung Hỉ Thuận Phi.

TUYÊN TÔNG (CHU THIÊM CƠ)
(MINH)

Tuyên Tông, ông ta tên là Chu Thiêm Cơ (1398 - 1435), ông là con trưởng của Nhân Tông Chu Cao Xí. Nhân Tông chết ông lên kế vị. Ông trị vì 10 năm, bị ốm chết, hưởng thọ 38 tuổi. Mai táng ở Cảnh Lăng (nay thuộc Thập Tam Lăng thành phố Bắc Kinh).

*

Năm 1411 Chu Thiêm Cơ được Thành Tổ lập làm hoàng thái tôn. Nhân Tông lên kế vị, Chu Thiêm Cơ vẫn được lập làm hoàng thái tôn. Khi ở Nam kinh xảy ra động đất. Nhân Tông sai ông đến đó trấn giữ. Nhân Tông bị bệnh vội triệu gọi ông về kinh. Sứ giả vừa đến Nam kinh, Nhân

Tông đã băng hà. Ngày hôm đó ông quay về kinh thì nghe nói thúc phụ của ông ta là Hán Vương Chu Cao Húc chặn đường về của ông ta. Thuộc hạ khuyên Chu Thiêm Cơ chỉnh đốn binh mã để đề phòng, hoặc giả vòng theo con đường nhỏ để quay về Bắc Kinh, nhưng ông nói: "Linh cữu Phụ hoàng vẫn chưa mai táng, ai dám to gan làm bậy!" Và ông vẫn tiến thẳng về phía trước. Đến Lương Sơn thì gặp thái giám Dương Anh và thượng thư Phục Nguyên Cát mang chiếu thư của Nhân Tông đến và đón Chu Thiêm Cơ về cung phát tang. Ngày Canh Ngọ tháng 6 ông làm lễ đăng cơ. Ông đổi niên hiệu là "Tuyên Đức".

Trong thời gian trị vì, Chu Thiêm Cơ vẫn trọng dụng "Tam Dương" phụ giúp triều chính. Thời gian này xã hội tương đối ổn định, trăm họ an cư lạc nghiệp. Tháng 8 ở thành Lạc An (nay thuộc huyện Quảng Nhiêu tỉnh Sơn Đông), Chu Thiêm Cơ đích thân thống lĩnh đại quân tiến đánh thành Lạc An, truy đuổi Chu Cao Húc và Chu Cao Húc phải đầu hàng. Quần thần đều khuyên Chu Thiêm Cơ trừng trị Chu Cao Húc theo pháp luật nhưng Chu Thiêm Cơ niệm tình ông ta là Phiên Vương nên miễn tội chết phế làm thứ dân và giam lỏng tại thành Tiêu Dao. Vài năm sau có người viết sớ xin miễn tội cho Chu Cao Húc nhưng bị Chu Thiêm Cơ bác bỏ, điều đó càng làm tăng thêm nỗi oán hận của Chu Cao Húc.

Một hôm Chu Thiêm Cơ đích thân đến thăm ông ta Chu Cao Húc vẫn thản nhiên ngồi mà không đứng dậy làm lễ tiếp đón, Chu Thiêm Cơ trách mắng ông ta vài câu sau đó quay người bỏ đi. Chu Cao Húc đột nhiên cầm câu liêm móc chân Chu Thiêm Cơ khiến ông ngã lăn ra đất. Chu Thiêm Cơ nhất thời tức giận, sai binh sĩ mang một cái âu đồng 300 cân chụp lên người Chu Cao Húc, Chu Cao Húc có sức khỏe phi thường cõng cả cái âu đó chạy, nhưng chạy được vài bước không có cách gì thoát thân. Chu Thiêm Cơ sai người đốt cháy ông ta trong cái âu đồng đó.

Đến 30 tuổi mà Chu Thiêm Cơ vẫn chưa có con với hoàng hậu. Tôn Quý Phi (người được ông sủng ái) rất có mưu kế, bà ta đã từng nói dối là mang thai. Đến ngày sinh nở bà ta cướp đoạt con trai của một cung nữ, trả vờ là con đẻ của mình. Chu Thiêm Cơ rất vui mừng, 4 tháng sau phong đứa trẻ đó làm hoàng thái tử (về sau đứa trẻ đó trở thành hoàng đế Anh Tông). Được ít lâu, ông phế truất hoàng hậu và lập Tôn Quý Phi làm hoàng hậu.

Tháng 1 năm 1435 Chu Thiêm Cơ đột nhiên bị ốm. Ngày Quý Dậu, bệnh tình của ông chuyển ra nguy kịch, ông sai thảo chiếu thư và cho thái tử kế vị ngôi báu, mọi việc quốc gia đại sự phải thông qua thái hậu xem xét rồi mới quyết định. Ngày Ất Hợi ông mất tại cung Càn Đức thành Bắc Kinh.

Sau khi Chu Thiêm Cơ chết, đã lấy thụy hiệu là Hiếu Chương hoàng đế và hiệu miếu là Tuyên Tông, trong sử gọi ông là Tuyên Đức Đế.

ANH TÔNG (CHU KỲ TRẤN)
(MINH)

Anh Tông, ông ta tên là Chu Kỳ Trấn (1427 - 1464). Ông là con trưởng của Tuyên Tông Chu Thiêm Cơ. Ông kế vị khi Tuyên Tông chết. Ông hai lần đăng cơ, tổng cộng 22 năm, ốm chết. Hưởng thọ 38 tuổi. Mai táng ở Dương Lăng (nay thuộc Thập Tam Lăng thành phố Bắc Kinh).

*

Theo truyền thuyết Chu Kỳ Trấn là con trai của cung nữ, được Tuyên Tông lập làm hoàng thái tử. Tháng 1 năm 1453 Tuyên Tông chết, ngày Nhâm Ngọ cùng tháng Chu Kỳ Trấn lên kế vị và đổi niên hiệu là "Chính Thống".

9 tuổi, Kì Trấn đã lên ngôi hoàng đế, mọi việc trong triều do "Tam Dương", Trương Phụ và Hổ Doanh phụ giúp, tình hình quốc gia tương đối ổn định kinh tế xã hội cũng phát triển. Nhưng Chu Kỳ Trấn còn ham chơi, rất sủng ái tin dùng thái giám Vương Trấn. Sau khi hoàng thái hậu và Tam Dương chết, Vương Trấn bắt đầu lộng hành, giam hãm các đại thần, triều chính bắt đầu

rối loạn, đất đai bị thôn tính, khởi nghĩa nông dân nổ ra khắp nơi. Năm 1449 bộ tộc Ngõa Lạt(TRIỀU BẮC NGUYÊN) xâm lấn vùng biên cương, Vương Trấn xúi bẩy Chu Kỳ Trấn thân chinh trận mạc. Vương Trấn không am hiểu quân sự, vậy mà dám thống lĩnh 50 vạn đại quân, anh ta chỉ huy trận mạc vô cùng hỗn loạn, khiến quân chết trận nhiều vô kể. Tháng 7 quân Minh bị thua trận ở Thổ Mộc (nay thuộc huyện Hoàn Lai tỉnh Hà Bắc). Chu Kỳ Trấn bị bao vây, tướng sĩ ra sức chiến đấu nhưng đành bất lực không phá vỡ nổi vòng vây, tướng quân hộ vệ Phàn Trọng uất hận trách mắng Vương Trấn: "Hoàng thượng gặp phải nguy nan này, tướng sĩ thương vong, dân gặp tai họa... tất cả đều do một mình Vương Trấn gây ra, hôm nay ta thay mặt dân chúng trừ bỏ tên nghịch tặc này!" Nói xong, anh ta lấy chùy ném chết Vương Trấn. Sau đó, anh ta mời Chu Kỳ Trấn lên ngựa, Phàn Trọng đích thân chỉ huy quân kị binh mở đường máu rút lui. Quan Ngõa Lạt bao vây dầy đặc, vô phương đột phá, Phàn Trọng tử trận, Chu Kỳ Trấn bị bắt làm tù binh. Đây chính là "cuộc biến Thổ Mộc" trong lịch sử. Thành Vương Chi Kì Ngọc phụng mệnh Chu Kỳ Trấn trấn giữ tại Bắc Kinh, nghe tin Chu Kỳ Trấn bị bắt giữ nên anh ta tự lập và gọi là Đại Tông. Năm 1450 Chu Kỳ Trấn được quân Ngõa Lạt phóng thích, Chu Kì Ngọc tôn Chu Kỳ Trấn làm thái thượng hoàng và để ông sống nhàn cư ở Nam cung.

Tháng 1 năm 1457, Chu Kì Ngọc ngã bệnh. Đại tướng Thạch Thuần, đại thần Từ Hữu Trinh và hoạn quan Tào Cát Tường... thừa cơ phát động binh biến, trong một ngày đêm bọn họ dẫn tay chân xông vào Nam cung và đưa Chu Kỳ Trấn đến điện Phụng Thiên, gõ chiêng trống, triệu gọi bá quan văn võ, tuyên bố phục vị và đổi niên hiệu là "Thiên Thuận". Trong lịch sử gọi là: "cuộc biến ở Đoạt Môn" hay còn gọi là: cuộc biến ở Nam Cung".

Chu Kỳ Trấn sau khi phục vị đã ghép tội chết cho công thần Vu Khiêm và đại học sĩ Vương Văn... lập cho Vương Trấn một nhà thờ "Tinh Trọng" (nhà thờ trung hiếu), cúng tế anh ta, Chu Kỳ Trấn còn trọng dụng Thạch Thuần, Tào Cát Tường... dẫn tới cảnh Thạch Thuần ngang ngược hung bạo, Tào Cát Tường mưu phản, tạo thành nội chiến.

Tháng 1 năm 1464 Chu Kỳ Trấn mắc bệnh, ngày Canh Ngọ bệnh tình chuyển ra nguy kịch. Ông hạ chiếu lập thái tử lên kế vị cấm chỉ tuẫn táng các phi tử. Triều Minh đã cấm chỉ một phong tục hủ lậu là việc tuẫn táng sống theo người chết. Cũng ngày hôm đó Chu Kỳ Trấn mất tại điện Văn Hoa cung đô Bắc Kinh.

Hiệu miếu của Chu Kỳ Trấn là Anh Tông.

ĐẠI TÔNG (CHU KÌ NGỌC)
(TRIỀU MINH)

Đại Tông, ông ta tên là Chu Kì Ngọc (1428 - 1457), ông là con trai của Tuyên Tông Chu Thiêm Cơ và là em trai của Anh Tông Chu Kỳ Trấn. Chu Kì Ngọc kế vị khi Chu Kỳ Trấn bị quân Ngõa Lạt bắt giữ. Ông trị vì 8 năm, bị bệnh nên Anh Tông đã phục vị, nên ông bị phế truất giam lỏng, rồi uất hận mà chết. Hưởng thọ 30 tuổi. Mai táng ở Kim Sơn Khẩu - Khu mộ của các chư vương của triều Minh.

*

Thời Anh Tông trị vì đã phong Chu Kì Ngọc làm Thành Vương. Sau "cuộc chiến ở Thổ Mộc", Anh Tông bị quân Ngõa Lạt bắt làm tù binh, Chu Kì Ngọc phụng mệnh của hoàng thái hậu làm giám quốc. Đối mặt với cục diện quân Ngõa Lạt để dọa kinh thành do đó Chu Kì Ngọc thăng chức cho binh bộ thị lang Vu Liêm làm binh bộ thượng thư và sai anh ta bảo vệ Kinh Thành. Ngày Quý Mùi tháng 9 ông tôn Anh Tông làm thái thượng hoàng. Được ít lâu Vu Liêm đánh bại quân Ngõa Lạt ở ngoại thành, duy trì và bảo vệ được sự thống trị của vương triều Minh. Sau khi Chu Kì Ngọc lên ngôi cho đổi niên hiệu là "Cảnh Thái".

Tháng 1 năm 1457 Chu Kì Ngọc ốm, đột nhiên nghe tiếng trống gõ liên hồi trong cung điện, ông cho rằng Vu Liêm có việc quân khẩn cấp cần tấu báo, vội sai thái giám đi hỏi han tình hình.

Kết quả là việc Anh Tông phục vị, nghe tin đó Chu Kì Ngọc tức giận quá đỗi liền hét "Được! Được! Được". Nói xong 3 chữ đó, ông bị cấm khẩu. Hôm sau bị giáng xuống làm Thành Vương, bị giam lỏng ở Tây Nội. Ngày Quý Sửu do quá tức giận nên ông mất tại cung Vĩnh An. Trước đây ông xây sẵn lăng một cho mình và đặt là Thọ Lặng nhưng khi bị phế truất, Anh Tông đã sai phá bỏ lăng mộ.

Sau khi Chu Kì Ngọc chết, mãi đến năm 1475 ông mới được khôi phục danh hiệu đế, lấy thụy hiệu là Cảnh Đế và hiệu miếu là Đại Tông.

HIẾN TÔNG (CHU KIẾN THÂM)
(MINH)

Hiến Tông, hồi đầu ông có tên là Chu Kiến Tuấn, về sau đổi tên là Chu Kiến Thâm (1447 - 1487). Ông là con trưởng của Anh Tông Chu Kỳ Trấn. Chu Kiến Thâm kế vị khi Anh Tông chết. Ông trị vì 23 năm, ông chết do quá buồn rầu về cái chết của ái phi. Ông hưởng thọ 41 tuổi. Mai táng ở Mậu Lăng (nay thuộc Thập Tam Lăng thành phố Bắc Kinh).

*

Năm 1449 Anh Tông đi chinh phạt ở phương Bắc, Chu Kiến Thâm phụng mệnh của hoàng thái hậu nhận ngôi vị hoàng thái tử. Thời Đại Tông trị vì, Chu Kiến Thâm bị phế làm Nghi Vương. Khi Anh Tông phục vị, Chu Kiến Thâm lại được phục lập làm hoàng thái tử. Ngày Canh Ngọ tháng 1 năm 1464 Anh Tông chết, ngày Ất Hợi cùng tháng Chu Kiến Thâm lên kế vị và cho đổi niên hiệu là "Thành Hóa".

Sau khi lên ngôi hoàng đế, ông làm sáng tỏ vụ án oan của Vu Liêm và khôi phục lại quan chức cho con trai của Vu Liêm và khôi phục danh hiệu đế và trùng tu lăng tẩm cho Đại Đế Tông, điều chỉnh mâu thuẫn giai cấp trong nội bộ giai cấp thống trị. Nhưng ông lại sủng ái Vạn Quý Phi, trọng dụng hoạn quan Uông Trực, ông cho xây dựng Lầu các, dung túng cho quan lại hoành hành khiến dân chúng cực khổ, do đó nổ ra nhiều cuộc khởi nghĩa.

Thời Chu Kiến Thâm làm hoàng tử, mẫu hậu sai một cung nữ họ Vạn đến phục dịch ông. Khi ông 18 tuổi được lập làm hoàng đế, cung nữ Vạn đã 35 tuổi, cô ta khéo léo quỷ quyệt nên trở thành phi tử của ông, dần dà cô ta xúi bẩy ông phế truất Ngô hoàng hậu. Năm sau, Vạn Phi sinh được một đứa con trai nên cô ta được tấn phong làm quý phi, được một thời gian, đứa nhỏ chết yểu, từ đó cô ta cũng không sinh đẻ được. Từ đó, phàm là phi tần hay cung nữ mang thai. Vạn Phi tìm trăm phương nghìn kế khiến bọn họ bị sẩy thai, thậm chí cô ta còn giết hại họ. Vì thế, đến tuổi trung niên Chu Kiến Thâm vẫn chưa có con. Một hôm, trong lúc ngồi chải đầu ông thở dài nói: "Trẫm đã già rồi, vậy mà vẫn chưa có con nối dõi". Viên thái giám chải đầu là Trương Mẫn nghe được vội quỳ xuống đất nói: "Bệ hạ đã có con rồi ạ!". Chu Kiến Thâm vô cùng kinh ngạc vội hỏi rõ ngọn ngành, Trương Mẫn mới nói ra chân tướng sự việc. Hóa ra, mấy năm trước quân Minh đi chinh phạt ở Quảng Tây và có bắt được con gái của Kỉ Thổ Từ, và dẫn cô ta về cung giao cho việc trông nom thư viện. Chu Kiến Thâm ngự giá tới đó, ông thấy cô ta dung mạo đoan trang tư chất thông minh, vì vậy ông ở lại đó một đêm. Sau chuyện này cô gái mang thai, không ngờ Vạn Quý Phi biết chuyện nên sai một cung nữ tới ép Kỉ cung nữ phá thai, cung nữ đó thông cảm với hoàn cảnh của Kỉ cung nữ, về nói dối là bị u. Vạn Quý Nhân vẫn không yên tâm nên đã nhốt Kỉ cung nữ trong lãnh cung "an lạc đường". Kỉ cung nữ sinh hạ một hoàng tử trong lãnh cung (đứa trẻ này về sau là Minh Hiếu Tông). Nhưng chuyện này đã bị Vạn Quý Phi phát hiện, bà ta ra lệnh cho Trương Mẫn giết hại đứa trẻ đó, Trương Mẫn không nhẫn tâm nên giúp Kỉ cung nữ nuôi dưỡng đứa trẻ. Ngô hoàng hậu cũng giúp đỡ nuôi và bảo vệ nó. Vạn Quý Phi nhiều lần điều tra nhưng đều vô hiệu. Hiện nay hoàng tử đã 6 tuổi. Nghe xong, Chu Kiến Thâm vui mừng khôn xiết, lập tức ra lệnh đi đón hoàng tử. Hoàng tử mặc áo hồng bào do sống trong cung cấm lâu ngày, nên tóc dài sát đất, thấy Chu Kiến Thâm đến, cậu bé giơ tay chạy đến. Ông ôm cậu vào lòng ngắm nghía rất lâu, quả thật thấy đứa trẻ rất giống mình, do đó phong cậu bé làm thái tử và phong Kỉ cung nữ làm Thục Phi. Được ít lâu, Thục Phi và và Trương Mẫn

bị bạo bệnh mà chết. Thái hậu đích thân nuôi dưỡng thái tử bởi bà lo Vạn Quý Phi sẽ hạ độc thái tử. Nhờ vậy thái tử được sống an toàn ở trong cung trong sự đùm bọc và che chở của thái hậu.

Tháng 8 năm 1487 Chu Kiến Thâm bị bệnh nặng và sai thái tử xử lí việc nước. Ngày Kỉ Mão, Chu Kiến Thâm băng hà.

Sau khi ông mất đặt hiệu miếu là Hiến Tông.

HIẾU TÔNG (CHU HỰU ĐƯỜNG)
(MINH)

Hiếu Tông, ông ta tên là Chu Hựu Đường (1470 - 1505). Ông là con trai thứ 3 của Hiến Tông Chu Kiến Thâm. Ông kế vị khi Hiến Tông chết. Ông trị vì 18 năm thì ốm chết. Hưởng thọ 36 tuổi. Mai táng ở Thái Lăng (nay thuộc Thập Tam Lăng thành phố Bắc Kinh).

*

Năm 1475 Chu Hựu Đường được lập làm hoàng thái tử. Tháng 8 năm 1487 Hiến Tông ốm chết. Ngày Nhâm Dần tháng 9 Chu Hựu Đường lên kế vị, ông đổi niên hiệu là "Hoằng Trị".

Sau khi lên ngôi hoàng đế, ông đuổi hết lũ thái giám và ngoại thích thời Hiến Tông, số người bị đưa đi đày lên tới hàng nghìn. Ông trọng dùng những hiền thần như: Từ Phó, Lưu Kiện, Tạ Khiên, Lí Đông Dương... và xây nhà thờ để thờ cúng các công thần, cấm chỉ các quan lại và tông thất nhận đồ biếu xén, giảm bớt cống phẩm, đình chỉ lao dịch và sai trị thủy ở sông Tề Thủy. Thời kì này triều Đình ổn định xã hội thanh bình.

Cũng có thời kì Chu Hựu Đường sủng ái hoạn quan Lí Quảng và ông rất mê tín thần tiên. Lí Quảng sợ tội nên đã tự sát, Chu Hựu Đường cho rằng trong nhà Lí Quảng có sách trời nên sai người đến tìm kiếm, ngược lại sách trời không thấy mà chỉ thấy một quyển sách liệt kê những đồ vật tham ô đút lót. Lúc này Chu Hựu Đường tỉnh ngộ, ông loại bỏ bọn nịnh thần và trọng dụng hiền thần.

Tháng 4 năm 1505 Chu Hựu Đường bị ốm. Tháng 5 bệnh chuyển ra nguy kịch. Ông triệu tập Lưu Kiện, Lí Đông Dương và Tạ Thiên... vào cung Càn Thanh để bọn họ tiếp nhận di lệnh, sai truyền ngôi cho thái tử Chu Quách Chiêu, ông dặn dọ các khanh tướng: "Thái tử rất thông minh, nhưng tuổi còn nhỏ. Lại ham vui chơi các khanh hãy hết lòng phụ giúp thái tử, để thái tử nhìn nhận ra trọng trách lớn lao trẫm chết cũng an lòng".

Ngày hôm sau, ông gọi thái tử vào dặn dò phải trọng các hiền thần. Ngày Tân Mão, Chu Hựu Đường băng hà.

Sau khi ông mất lấy hiệu miếu là Hiếu Tông.

VŨ TÔNG (CHÍNH ĐỨC HOÀNG ĐẾ - CHU HẬU CHIẾU)
(MINH)

Vũ Tông, ông ta tên là Chu Hậu Chiếu (1491 - 1521). Ông là con trưởng của Hiếu Tông Chu Hựu Đường. Ông kế vị khi Hiếu Tông chết. Ông trị vì 16 năm, ông chết do hoang dâm quá độ. Hưởng thọ 30 tuổi. Mai táng ở Khang Lăng (nay thuộc Thập Tam Lăng thành phố Bắc Kinh).

*

Năm 1492 Chu Hậu Chiếu được lập làm hoàng thái tử. Tháng 5 năm 1505 Hiếu Tông chết, ngày Nhâm Dần cùng tháng Chu Hậu Chiếu lên kế vị và cho đổi niên hiệu là "Chính Đức".

Trong thời gian trị vì, ông trọng dụng ví dụ như hoạn quan Lưu Cẩm, ông cho phép bọn họ chỉ định các chức vị quan lại, bọn họ vô cùng lộng hành ngang ngược. Chu Hậu Chiếu còn tin dùng nịnh thần: Tiền Tự, Giang Bân... Ông ta còn có đến 100 người con nuôi, bọn họ đều lấy họ Chu, dung túng bọn họ cướp đoạt ruộng đất xây dựng khu trang trại hơn 300 km, điều đó dẫn đến việc nổ ra các cuộc khởi nghĩa nông dân của Lưu Lục và Lưu Thất... Còn có cuộc phản loạn của An Hóa Vương Chu Trị Phiên ở Ninh Hạ, và Ninh Vương Chu Trấn Hòa cũng làm phản ở Giang Tây. Một số điều này hình thành nguy cơ nguy hiểm đối với sự thống trị của triều Minh.

Chu Hậu Chiếu rất nổi danh trong thiên hạ bởi sự hoang dâm và sự hoang đường của chính bản thân ông ta. Ông không thỏa lòng với việc hoàng cung có vạn nhà vạn hộ, ông còn xây một khu cung điện riêng biệt ở cửa Tây Hoa và bí mật xây cất 1 gian 2 chái (gọi là: Báo Phòng), trong phòng đó cất giấu gái đẹp, ngày đêm hưởng lạc. Tháng 1 năm 1514, cung Càn Thanh bị cháy. Lúc đó ông ta đang ở "Báo Phòng" quay về thấy đèn đuốc sáng trưng trời, ông ta không hề đau khổ mà còn ngửa mặt lên trời than: "Đúng là một căn nhà chứa đầy biển lửa". Ông còn thích cải trang làm thường dân và cùng Giang Bân đi tìm hoa ghẹo nguyệt. Thường xuyên lẻn vào nhà dân chúng cưỡng ép phụ nữ, gặp được ý trung nhân thì lôi về cung, khiến nhân dân vô cùng oán hận. Tri phủ Vĩnh Bình là Mao Tư Nghĩa vì nỗi khổ của dân chúng mà dâng biểu can gián: "Từ nay về sau không có quan phủ văn thư nào, ai dám xưng hoàng thượng để làm bậy, mượn cớ mưu nhại bà con trăm họ, tội ác đó không thể dung tha". Tờ sớ đó khiến Chu Hậu Chiếu phẫn nộ, bắt giam Mao Tư Nghĩa.

Một lần Vũ Tông lấy danh là tổng đốc quân vũ uy kiêm đại tướng quân tổng binh quản Chu Thọ để đến Tuyên Phủ Đại Đồng. Tuần Tra tình hình biên giới, vừa hay tiểu vương tử quân Thát Đát mang 5 vạn đại quân tiến xuống xâm lấn miền Nam. Vũ Tuyên Hóa tâm huyết trào dâng, đích thân dẫn quân đến Ứng Châu để nghênh chiến. Lúc đó tiểu vương tử đã lui binh. Vũ Tuyên Hóa vẫn đốc thúc binh lính đuổi theo nên gặp đội quân tiếp viện của tiểu vương tử, tuy Vũ Tuyên Hóa giết được 16 binh lính Thát Đát nhưng ngược lại binh lính của ông ta chết và bị thương tới hàng trăm. Ngược lại ông cho rằng mình đã thắng trận, khua chiêng gõ trống, ca khúc khải hoàn quay về kinh, mặt mày vênh váo nói với trăm quan. Các khanh có biết chuyện trẫm đích thân đánh được kẻ địch. Vũ Tông sai sứ bộ tấn phong Chu Thọ làm thái sư, và ra lệnh cho bộ lễ phải Chu Thọ đến Kinh Giao và Sơn Đông tuần tra. Quần thần thấy ông ta càn quấy như vậy làm mất thể thống do đó hơn 100 người cùng kí tên dâng biểu can gián Vũ Tông tức giận họ lệnh cho binh lính chiếu theo tên tả trên giấy mà bắt giữ bọn họ: người thì bị giết, người thì giáng quan, người thì bãi quan, người thì giam hãm.

Năm 1519 Ninh Vương Chu Trấn Hào khởi binh làm phản ở Nam Xương. Vũ Tông thân chinh đi đánh dẹp, tiến xuống Nam Kinh. Trên đường đi ông bức hại dân chúng, tùy tiện vui chơi. Một lần, ông ta lấy thuyền chài ra sông bắt cá chẳng may ngã xuống hồ, suýt chết. Thuộc hạ lôi ông ta lên hô hấp hồi lâu mới tỉnh lại, từ đó ông ta ngã bệnh. Nhưng ông không rút kinh nghiệm cho bản thân mình vẫn vui chơi hưởng lạc hoang dâm, sức khỏe ngày một suy sụp. Tháng 12 năm 1520 ông quay về triều, để chúc mừng cho việc dẹp yên phản loạn Chu Trấn Hào nên ngày Đinh Dậu tháng 12 ông ra ngoại thành làm chủ trì buổi lễ cúng tế trời đất. Ông vừa quỳ xuống lễ bái đột nhiên hoa mắt chóng mày, nôn ra một đám máu tươi, từ đó nằm liệt giường không dậy.

Tháng 3 năm 1521 ông nói với thái giám Trần Kính và Tô Tiến: "Từ nay về sau việc quốc sự do thái hậu và các đại thần bàn bạc giải quyết. Mọi việc trước đây đều do lỗi lầm của trẫm gây ra, các khanh không có liên quan. Từ giờ trở đi các khanh cần cù chăm chỉ khiêm tốn, không được ngông cuồng". Ngày Bính Dần, bệnh tình chuyển ra nguy kịch, ông chỉ biết khóc và nhìn thái hậu không nói nên lời, và mất tại Báo Phòng.

Sau khi ông chết, lấy hiệu miếu là Vũ Tông và thụy hiệu là Chính Đức hoàng đế.

THẾ TÔNG (GIA TĨNH HOÀNG ĐẾ - CHU HẬU THÔNG)
(MINH)

Thế Tông, ông ta tên là Chu Hậu Thông (1507 - 1566). Ông là cháu của Hiến Tông Chu Kiến Thâm và là em họ của Vũ Tông Chu Hậu Chiếu. Vũ Tông chết, không có con nên Chu Hậu Thông lên kế vị. Ông trị vì 45 năm, chết do dùng kim thạch. Hưởng thọ 60 tuổi. Mai táng ở Vĩnh Lăng (nay thuộc Thập Tam Lăng thành phố Bắc Kinh).

*

Chu Hậu Thông là con trưởng của Hưng Hiến Vương Chu Hựu Nguyên. Tháng 3 năm 1521 Vũ Tông chết, do Vũ Tông không có con nên để lại di chiếu cho thái hậu và các đại thần nghị luận chính sự, sau khi bàn bạc thái hậu đón Chu Hậu Thông vào cung lập làm hoàng đế. Lễ đăng cơ tổ chức vò ngày Quý Mão và đổi niên hiệu là "Gia Tĩnh".

Thời gian đầu mới lên ngôi, ông hạ chiếu phế bỏ nền chính trị hà khắc của Vũ Tông và mưu sát bọn nịnh thần: Tiên Hinh, Giang Bân... khiến triều chính bước sang một thời kỳ mới. Được ít lâu, Chu Hậu Thông định lập cha đẻ làm hoàng khảo, nhiều đại thần ra sức can gián và khuyên nên lập Hiếu Tông làm hoàng khảo. Ông ta phẫn nộ bắt giữ giam cầm hoặc giết hại những đại thần đó, dẫn tới việc các đại thần chính trực trung hiếu đều li tan hết, còn lũ nịnh thần thừa cơ nhảy vào nắm giữ triều chính, triều Đình lại rơi vào cục diện đen tối. Sự kiện này trong lịch sử gọi là "cuộc chiến tranh đại lễ nghĩa".

Chu Hậu Thông lại sùng bái thuật thần tiên đạo lão muốn tìm sự trường sinh bất lão. Trong cuộc đời hoàng đế của mình tính ra có khoảng 20 năm không thiết triều, sùng bái quyền lực là 17 năm buông lỏng kỉ cương, tài chính túng thiếu, nạn trộm cướp nhan nhản, khởi nghĩa nông dân nổ ra liên tiếp, nguy cơ xã hội trầm trọng. Ông nghe lời nói nhảm của phương sĩ. Ông hạ lệnh tuyển 300 đồng tì nữ tuổi 14, 160 đồng nữ tuổi 10 vào cung để làm vật thí nghiệm. Không biết những đồng nữ này dùng đơn thuốc gì mà bị các cung nữ ghét cay ghét đắng. Ngày 21 tháng 12 năm 1542 cung nữ Dương Kim Anh dẫn đầu mười mấy cung nữ mò vào tẩm cung thừa cơ Chu Hậu Thông đang ngủ say dây lụa buộc vào cổ ông ta, đang chuẩn bị kết liễu đời ông ta, chẳng may bị tì nữ phát giác chạy báo cho hoàng hậu, hoàng hậu dẫn thị tùng đến gọi thái y cứu chữa, nhờ vậy ông ta mới thoát chết.

Thời đó tri huyện Thuần An là Hải Thụy được thăng chức làm chủ sự bộ hộ. Anh ta thấy Chu Hậu Thông dùng thuốc như vậy không khác gì tự đào hố chôn mình, do đó anh ta từ biệt vợ con, liều chết can gián Chu Hậu Thông. Chu Hậu Thông quá mê muội không chịu tỉnh ngộ, giam hãm Hai Thụy vào ngục.

Mùa đông năm 1565 Chu Hậu Thông bị bệnh do dùng đan thạch quá lâu. Tháng 1 năm 1666 bệnh tuy nguy kịch, vậy mà ông vẫn muốn dùng thuốc trường sinh bất lão bất chấp lời can gián của tể tướng. Ngày Canh Tí tháng 12, ông ta băng hà. Để lại di chiếu lập con trai thứ 3 là Dục Vương lên kế vị.

Sau khi Chu Hậu Thông chết lấy hiệu miếu là Thế Tông, trong sử gọi ông là Gia Tĩnh hoàng đế.

MỤC TÔNG (CHU TÁI HẬU)
(MINH)

Mục Tông, ông ta tên là Chu Tái Hậu (1537 - 1572). Ông là con trai thứ 3 Thế Tông Chu Hậu Thông, Chu Tái Hậu kế vị khi Thế Tông chết. Ông trị vì 6 năm, ốm chết. Hưởng thọ 36 tuổi. Mai táng ở Chiêu Lăng (nay thuộc Thập Tam Lăng thành phố Bắc Kinh).

*

Năm 1539 Chu Tái Hậu được phong làm Dục Vương. Tháng 12 năm 1566 Thế Tông chết. Ngày Nhâm Tí tháng 12 Chu Tái Hậu lên kế vị ông đổi niên hiệu là "Long Khánh".

Sau khi lên ngôi hoàng đế, ông trừng phạt phương sĩ, hủy bỏ những chính sách hà khắc, thu nạp những kiến nghị của các đại học sĩ trong nội các như: Cao Cung, Trương Cư chính... đàm phán hòa bình với tộc Mông Cổ, phong Kha Hãn tộc Mông Cổ làm Thuận Nghĩa Vương, mở một chợ buôn bán ngựa ở vùng biên giới, tăng cường mối đoàn kết giữa 2 tộc Hán - Mông.

Tháng 3 năm 1572, Chu Tái Hậu bị ốm. Ông nghỉ ngơi hai tháng sau đó lại thiết triều giải quyết việc quốc gia đại sự, do đó lại bị hoa mắt chóng mặt, thị vệ phải dìu ông về cung. Ông biết bệnh tình của mình khó lòng chữa trị, ngày Canh Tuất tháng 5 ông gọi Cao Cung và Trương Cư Chính vào cung. Đến nửa đêm bệnh tình phát ra nguy kịch, ông dặn Cao Cung, Trương Cư Chính và Cao Nghị phụ giúp thái tử quản lí triều Đình.

Sau khi ông chết lấy thụy hiệu là Trang Tông và hiệu miếu là Mục Tông.

THẦN TÔNG (VẠN LỊCH HOÀNG ĐẾ - CHU DỊ QUÂN)
(MINH)

Thần Tông, ông ta tên là Chu Dị Quân (1563 - 1620). Ông là con trai thứ 3 của Mục Tông Chu Tái Hậu. Ông kế vị khi Mục Tông chết. Châu Dị Quân trị vì 48 năm, ốm chết. Hưởng thọ 58 tuổi. Mai táng ở Định Lăng (nay thuộc Thập Tam Lăng thành phố Bắc Kinh).

*

Từ nhỏ Châu Dị Quân đã thông minh nhanh nhẹn. Lên 6 tuổi, ông thấy Mục Tông cưỡi ngựa bắn tên, liền chạy lên phía trước nói: "Phụ vương là chủ thiên hạ, đơn thương độc mã, ngựa phi như gió, nếu như lơ là qua quýt, như vậy thật không được". Mục Tông vui mừng, xuống ngựa và sai lập Châu Dị Quân làm thái tử. Tháng 3 năm 1572 Mục Tông chết. Ngày Giáp Tí tháng 6 Châu Dị Quân lên kế vị và đổi niên hiệu là "Vạn Lịch".

10 tuổi, ông đã lên ngôi hoàng đế, mọi việc trong triều do 3 đại thần Cao Cung, Trương Cư Chính, Cao Nghị phụ giúp. Được ít lâu dại thần Trương Cư Chính lên chấp chính, đo đạc ruộng đất trong cả nước, chỉnh đổi lại trị - trị thủy sông Hoàng Hà, điều hòa nguy cơ của giai cấp thống trị.

Đến tuổi trưởng thành, Châu Dị Quân lên nắm chính sự, không thường xuyên thiết triều, xây dựng các công trình thủy lợi, xây dựng cung điện vườn thượng uyển. Trương Cư Chính vừa chết, Châu Dị Quân đã sai phế bỏ cải cách, triều chính lại rơi vào cục diện hỗn độn. Ông ta lại hám tiền của luôn bị tiền vàng làm lóa mắt, ngang nhiên bắt ép hoạn quan đóng thuế, khắp nơi lầm than. Các bè phái trong tập đoàn thống trị tranh nhau quyền lực.

Tháng 7 năm 1620, Châu Dị Quân bị ốm, hơn nửa tháng không ăn được gì. Một hôm, ông sai gọi Anh Quốc Công Trương Duy Hiền, dặn dò quần thần dùng tâm dùng đức phụ giúp thái tử. Ngày Bính Thân tháng 9 ông băn hà. Ông để lại di chiếu nói: dùng vàng bạc thưởng cho tướng sĩ ở biên giới, bãi bỏ thuế cho thái giám.

Sau khi ông chết lấy hiệu miếu là Thần Tông và thụy hiệu là Vạn Lịch hoàng đế.

QUANG TÔNG (CHU THƯỜNG LẠC)
(MINH)

Quang Tông, ông ta tên là Chu Thường Lạc (1585 - 1620). Ông là con trưởng của Thần Tông Châu Dị Quân. Chu Thường Lạc kế vị khi Thần Tông chết. Ông trị vì được 1 tháng, chết do hoang dâm vô độ. Hưởng thọ 36 tuổi. Mai táng ở Khánh Lăng (nay thuộc Thập Tam Lăng thành phố Bắc Kinh).

*

Mẹ của Chu Thường Lạc là cung nữ Vương thị, nhờ sinh được con trai nên bà ta được phong làm Cung phi. Về sau Thần Tông sủng ái quý phi Trịnh và sinh được một người con tên là Thường Tuân Các triều thần nhiều lần xin Thần Tông lập một trong hai người con đó làm thái tử, vì thế giữa hai bà mẹ xảy ra cuộc đấu tranh quyết liệt kéo dài hơn 10 năm, mãi đến năm 1600 mới lập Thường Lạc làm thái tử. Sự kiện này trong lịch sử gọi là "Tranh Quốc Bản".

Năm 1615 Nam Tử Trương Biệt đột nhập vào cung Từ Khánh - nơi ở của thái tử và đánh bị thương thái giám canh cửa. Sau khi bị bắt, Trương Biệt trả vờ bị điên, về sau anh ta một mực cung khai là làm theo lời dẫn dụ của hai thái giám của Trịnh Quý Phi là Sủng Bảo và Lưu Thành. Mọi người đều tin rằng Trịnh Quý Phi muốn mưu hại thái tử, triều Đình rối loạn. Thần Tông và thái tử không muốn truy cứu sự việc, chỉ cho rằng Trương Biệt bị bệnh điên nên Sủng Bảo và Lưu Thành không bị giết. Tháng 8 năm 1620 Thần Tông chết, ngày Bính Ngọ, Thường Lạc lên kế vị và cho đổi niên hiệu là "Thái Xương".

Sau khi lên ngôi hoàng đế, ông ta ăn chơi trác táng, chưa được một tháng thì ngã bệnh. Ngự y cho Thường Lạc dùng thuốc tẩy trong một ngày một đêm, ông ta đi ngoài 43 lần, vì thế ông ta không dám dùng thuốc. Tháng 9 Lí Khả Hòa đưa Thường Lạc một viên Hồng Hoàn, quả nhiên tháy khí huyết lưu thông bệnh tình tạm thời qua khỏi. Thường Lạc lại dùng một viên nữa, sáng hôm sau đã thấy ông ta tắt thở. Có người nói Trịnh Quý Phi xin Thường Lạc phong cho làm hoàng thái hậu bút không được phê chuẩn, do vậy bà ta sai Lí Khả Hỏa hạ độc. Trong sử gọi là vụ án Hồng Hoàn.

Hiệu miếu của ông là Quang Tông.

HI TÔNG (CHU DO HIÊU)
(MINH)

Hi Tông, ông ta tên là Chu Do Hiệu (1605 - 1627). Ông là con trưởng của Quang Tông Chu Thường Lạc. Chu Do Hiệu kế vị khi Quang Tông chết. Ông trị vì 7 năm, bị ốm do vui chơi quá độ, dùng thuốc tiên nên bị ốm chết. Hưởng dương 23 tuổi. Mai táng ở Đức Lăng.

*

Tháng 9 năm 1620 Quang Tông chết, Chu Do Hiệu lên kế vị. Lí Tuyển Thị (người chăm lo sức khỏe cho Chu Do Hiệu) là hoạn quan Ngụy Tiến Trọng (về sau đổi tên là Ngụy Trung Hiền) mới lợi dụng Chu Do Hiệu còn nhỏ tuổi chưa biết gì nên bọn chúng thao túng triều Đình, hai người đó sống luôn ở cung Càn Thanh với hoàng đế. Triều thần Dương Liễn và Tả Quang Đấu không đồng ý để Lí Tuyển Thị sống chung với Chu Do Hiệu, nên đuổi bà ta về cung Hủy Loan, ngày Canh Thìn tháng 9 Chu Do Hiệu lên kế vị và đổi niên hiệu là "Thiên Khải". Trong sử gọi sự kiện này là: "Di Cung Án". Sau khi Chu Do Hiệu lên ngôi hoàng đế, nhũ mẫu Khách Thị và hoạn quan Ngụy Trung Hiền nắm giữ triều chính. Ông ta thích xây dựng các công trình thủy mộc thường ở trong cung làm mô hình. ông đã từng làm mô hình cung Càn Thanh và mô hình điện Tựu Viên... thu nhỏ, trông rất lung linh kì ảo và tinh xảo. Chính vì niềm say mê đó mà ông bỏ bê công việc quốc gia. Ngụy Trung Hiền thường lợi dụng sở thích của Chu Do Hiệu để thao túng triều chính, toàn đưa tấu chương vào những lúc Chu Do Hiệu đang say mê tạo dựng mô hình, những lúc đó Chu Do Hiệu lạ kêu "Trẫm biết rồi, khanh xem tấu chương rồi tự mình giải quyết là được". Ngụy Trung Hiền thưởng phạt lung tung, đặt ra các hình phạt, khiến cho bọn hoạn quan càng được dịp chuyên quyền lộng hành. Phàm là những đại thần chính trực, đều bị khép vào tội danh mưu phản, chính trị vô cùng đen tối. Lúc này, ở trong nước còn bùng nổ cuộc khởi nghĩa nông dân, ở biên cương bị quân triều Hậu Kim quấy nhiễu. Triều Kim rơi vào tình cảnh suy bại.

Chu Do Hiệu không bỏ lỡ những dịp vui chơi. Vào mùa hạ, ông ta vẫn nằm trên giường, mô phỏng mơ màng cảnh Minh Thái Tổ đi tuần trong đêm đông giá rét, có lúc lại đóng giả Tống Thái Tổ lên sân khấu diễn kịch. Vì vui chơi quá độ, nên sinh bệnh, mặt mày nhợt nhạt, sức khỏe

suy sụp. Năm 1627, ông đi du thuyền ở "Tây Uyên", chẳng may bị ngã xuống nước. Lũ thuộc hạ vớt ông lên nhưng cũng từ đó bị ốm, chữa trị mãi không khỏi bệnh. Thượng thư Hoắc Duy Hoa dâng liền một loại "thuốc tiên", anh ta nói uống loại thuốc này có thể phục hồi sức khỏe, sống lâu. Chu Do Hiệu uống thuốc đó vào, quả nhiên ăn uống thấy ngon miệng, mỗi ngày ông dùng một viên. Vài tháng sau, ông mắc bệnh đường ruột, cả ngày nằm bệt trên giường, ông gọi em trai là Chu Do Kiểm vào dặn dọ mọi chuyện và ra lệnh cho anh ta lên kế vị. Ông mất ngày Ất Mão tháng 8.

Hiệu miếu của Chu Do Hiệu là Hi Tông.

TƯ TÔNG (SÙNG TRINH HOÀNG ĐẾ - CHU DO KIỂM) (MINH)

Tư Tông, ông ta tên là Chu Do Kiểm (1611 - 1644). Ông là con trai thứ 5 của Quang Tông Chu Thường Lạc và là em trai của Hi Tông Chu Do Hiệu. Chu Do Kiểm kế vị khi Hi Tông chết. Ông trị vì 17 năm, ông tự sát chết khi quân khởi nghĩa Lí Tự Thành tấn công vào thành Bắc Kinh. Hưởng thọ 34 tuổi. Mai táng ở Tư Lăng (nay thuộc Thập Tam Lăng thành phố Bắc Kinh).

*

Năm 1622 Chu Do Kiểm được phong làm Tín Vương. Tháng 8 năm 1627 Hi Tông chết, do Hi Tông không có con nên Chu Do Kiểm được lên kế vị, lễ đăng cơ được cử hành vào ngày Đinh Tị, sau khi lên ngôi ông đổi niên hiệu là "Sùng Trinh".

Sau khi đăng cơ, ông sai giết Ngụy Trung Hiền và loại trừ vây cánh của Ngụy Trung Hiền, hăng hái lo toan việc trị nước yên dân. Ở biên cương, quân Hậu Kim liên tiếp quấy nhiễu còn trong nước luôn bùng nổ các cuộc khởi nghĩa của nông dân đám quần thần giành nhau quyền lực. Ông còn tăng thuế mà; tăng cường điều binh để trấn áp quân khởi nghĩa, trọng dụng hàng loạt hoạn quan do đó dẫn tới cảnh vương triều Minh đối diện với nguy cơ diệt vong.

Sáng ngày 19 tháng 3 năm 1644, quân khởi nghĩa của Lí Tự Thành tiến vào thành Bắc Kinh. Nhận được tin báo, Chu Do Kiểm vội vàng cùng thái giám Vương Thừa An trèo lên núi Vạn Thọ Sơn (nay là núi Cảnh Sơn thành phố Bắc Kinh) xem xét tình hình bên ngoài. Tiếp đó ông cuống quýt quay về cung Càn Thanh viết chiếu thư, ra lệnh cho Thành Quốc Chu Thuần Cự thống lĩnh chư quân và phụ giúp thái tử. Ông còn gọi hoàng hậu, quý phi và 3 người con trai vào cung, dặn dò các con vài câu, rồi ai thái giám dẫn các con trốn chạy. Ông khóc và nói với hoàng hậu "Khanh là quốc mẫu cần phải chết vì quốc gia". Hoàng hậu của khóc và đáp: "Thiếp theo bệ hạ đã 18 năm, vậy mà bệ hạ không hề nghe thiếp khuyên giải, do đó mới dẫn đến kết cục ngày hôm nay. Bây giờ bệ hạ bảo thiếp chết, thiếp đâu dám trái lời!". Nói xong bà thắt cổ tự vẫn. Chu Do Kiểm quay sang nói với quý phi: "Khanh hãy đi theo hoàng hậu đi". Quý phi khóc cáo biệt rồi cũng tự vẫn. Chu Do Kiểm gọi con gái lớn (lúc đó công chúa mới 15 tuổi), ông khóc nói với con gái: "Con thật bất hạnh khi sinh ra đã phải làm công chúa", nói xong ông lấy ống tay trái gạt nước mắt, tay phải dùng dao chặt đứt tay trái công chúa, tiếp đó bổ vào vai phải cô ta, công chúa hôn mê rồi chết. Ông còn chém chết nhiều phi tần và sai thuộc hạ đi giục phi tử Trương tự vẫn. Cô ta hoài vọng về phía hoàng đế rồi cũng treo cổ chết. Tiếp đó ông cắn máu ở tay viết một bức huyết thư gửi cho Lí Tự Thành, nói rõ mình có kết cục như ngày hôm nay là do lỗi lầm của quần thần, cô chết cũng không có mặt mũi nào đi gặp tổ tiên, chỉ có từ bỏ ngôi vị hoàng đế lấy tóc che mặt để Lí Tự Thành phanh thây, hi vọng Lí Tự Thành không sát hại bà con trăm họ. Ông cất bức huyết thư vào ống tay áo, trèo lên núi Vạn Thọ Sơn, tự vẫn ở đình Thọ Hoàng Vương Thừa Ân cũng treo cổ ở cái cây đối diện.

Triều Minh diệt vong.

Lúc chết quả nhiên ông lấy tóc che mặt, mặc một áo màu xanh. Sau khi Lí Tự Thành tiến vào thành, đã đưa thi thể của Do Kiểm tới cửa Đông Hoa, lấy được bức huyết thư, mai táng ông ở

Châu Xương Bình. Dân chúng ở nơi đó lại mang ông táng chung với mộ của Quý Phi. Sau khi quân Thanh vào thành đã dời hài cốt của ông tới Tư Lăng, đặt thụy hiệu là Hoài Tông, về sau đổi là Trang Liệt Đế. Chính quyền Nam Minh đặt thụy hiệu cho ông là Tư Tông, trong sử gọi ông là Sùng Trinh hoàng đế.

TRIỀU NAM MINH

(Năm 1644 - 1664, tổng cộng 21 năm)

Sau khi triều Minh diệt vong, có một số ít người chạy xuống miền Nam thiết lập chính quyền và gọi là triều Nam Minh. Triều Nam Minh có 6 hoàng đế: trong đó có 3 người bị giết, 2 người tự sát khi bị bắt làm tù binh, 1 người vì sao bị chết thì không rõ lắm.

HOẰNG QUANG ĐẾ (PHÚC VƯƠNG - CHU DO TUNG) (NAM MINH)

Hoằng Quang đế, ông ta tên là Chu Do Tung (? - 1646). Ông là cháu nội của Thần Tông Châu Dị Quân. Sùng Trinh tự vẫn ở Bắc Kinh nên Chu Do Tung được lập làm đế ở Nam Kinh. Chu Do Tung trị vì được 2 năm, phản tướng hàng quân Thanh nên ông tự sát. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Chu Do Tung là con trưởng của Phúc Vương Chu Thường Tuân. Năm 1641 Lí Tự Thành tấn công vào Lạc Dương giết chết Chu Thường Tuân, còn Chu Do Tung chạy thoát và sống lưu lạc ở Giang Hoài. Năm 1643 Chu Do Tung được phục lại tước vị Phúc Vương. Sau khi quân Thanh tiến vào đô thành, ông chạy đến Hoài An (nay thuộc huyện Hoài An tỉnh Giang Tô). Nhờ sự giúp đỡ của tổng đốc ở Phong Dương là Mã Sĩ Anh và tổng binh Cao Kiệt, Lưu Trạch Thanh, Hoàng Đắc Công..., nên vào tháng 5 năm 1644 Chu Do Tung được lập làm giám quốc ở Nam Kinh, ngày Nhâm Dần ông xưng đế và đổi niên hiệu là "Hoằng Quang".

Sau khi Chu Do Tung xưng đế, ông muốn nghị hòa với quân Thành và coi quân khởi nghĩa là kẻ địch. Phải đối đầu với khó khăn, vậy mà vẫn ăn chơi, không màng việc chính sự, đắm chìm trong tửu sắc, cưỡng ép dân nữ vào cung, để chính quyền cho lũ nịnh thần: Mã Sĩ Anh, Nguyễn Đại Thành, bài trừ phái chống Thanh như: Cao Hoằng Đồ, Sử Khả Pháp... dẫn tới đấu tranh nội bộ, về mặt đối ngoại không chịu phòng bị chống quân Thanh... Tháng 5 năm 1645 quân Thanh đánh vào Nam Kinh. Quân thám báo truyền tin đến, ông ta còn say sưa hưởng lạc rượu chè. Ông ta vội vàng thu gọn hành trang, nửa đêm ngày Ất Tị ông âm thầm dẫn ái phi chạy trốn. Hai người chạy trốn vào quân đội của Hoàng Đắc Công. Ngày hôm sau, quân Thanh lại đuổi đến Chu Do Tung và quý phi lại phải trốn trên thuyền của Hoàng Đắc Công. Quân đội của Hoàng Đắc Công và quân Thanh đánh nhau trên sông, chẳng may Hoàng Đắc Công bị trúng tên chết. Bộ tướng Điền Duy thừa cơ làm phản bắt trói Chu Do Tung và ái phi, giải đến doanh trại quân Thanh. Ngày 25 tháng 5 bị áp giải về Nam Kinh. Tháng 9 bị tống tiễn đến Bắc Kinh. Năm sau, Chu Do Tung băng hà tại Bắc Kinh.

Trong sử gọi ông ta là Hoằng Quang Đế hay còn gọi là Phúc Vương.

LONG VŨ ĐẾ (ĐƯỜNG TÔNG - CHU LUẬT KIÊN) (NAM MINH)

Long Vũ Đế, ông ta tên là Chu Luật Kiện (1602 - 1646). Ông là cháu đời thứ 8 của Đường Vương Chu Xưng Hoằng Quang Đế bị bắt làm tù binh nên Chu Luật Kiện được lập làm đế. Ông trị vì 2 năm, bị quân Thanh bắt làm tù binh, tuyệt thực và chết. Hưởng thọ 45 tuổi. Mai táng ở núi La Hán (Phúc Châu).

*

Chu Luật Kiện là cháu đời thứ tám của Đường Vương Chu Xưng. Chu Xưng là con thứ 23 của Minh Thái Tổ Chu Nguyên Chương. Nam 1632 Chu Luật Kiện được phong làm Đường Vương. Sau khi nổ ra cuộc khởi nghĩa nông dân ở cuối đời Minh, Chu Luật Kiện xin mượn 3000 binh

lính của triều Đình để đi trấn áp cuộc khởi nghĩa, nhưng triều Minh lo ngại phiên vương sẽ lợi dụng cơ hội đó để đoạt vị nên đã chối từ. Chu Do Kiện tự thân chiêu nạp được 1000 binh lính tại Nam Dương (nay thành phố Nam Dương tỉnh Hà Nam), đi tìm quân khởi nghĩa để gây chiến, bị quân khởi nghĩa đánh cho đại bại. Triều đình khép ông vào tội vi phạm quốc pháp nên phế ông làm thứ dân và giam lỏng tại Phụng Dương. Khi Chu Do Tung xưng đế đã phóng thích cho Chu Luật Kiện, vì lo ngại có chuyện cướp đoạt ngôi vị do đó Chu Do Tung bắt ông đến cư trú tại phủ Bình Lạc Quảng Tây (nay thuộc phía Nam thành phố Quế Lâm tỉnh Giang Tây) được ít lâu ông sống lưu vong ở Phúc Kiến. Tháng 5 năm 1645 Chu Do Tung bị bắt làm tù binh, nhờ sự giúp đỡ của Hoàng Đạo Chu, Trịnh Chi Long... vào ngày Đinh Mùi tháng 6 Chu Luật Kiện lên ngôi nghi lễ đăng cơ tổ chức ở Phúc Châu và ông cho đổi niên hiệu là "Long Vũ".

Sau khi xưng đế, ông một lòng một dạ muốn khôi phục Giang Sơn nhà Minh. Ông sống một cuộc sống đơn giản và tiết kiệm, ông chỉ có một người vợ đó là hoàng hậu Tăng Thị, bà là người am hiểu đạo lí thường trợ giúp và an ủi chồng trong những lúc gặp khó khăn. Ông trọng dụng những người trong phái chống Thanh như: Kim Thanh, Dương Đình Lân, Hà Đằng Giao... thu nạp bộ tướng của quân khởi nghĩa Lí Đạo Thành nhiều lần định dẫn quân xuống miền Bắc, thu hồi những vùng đất: Ninh Quốc, Tinh Đức vốn dĩ ông dựa vào binh lực của cha con: Trịnh Chi Long, Trịnh Thành Công, mà Trịnh Chi Long lại muốn bảo tồn lực lượng nên đã chối từ việc cung cấp lương thực và giúp đỡ quân lực do đó ý định tiến công miền Bắc bị hủy bỏ. Chính quyền của Triết Đông Lỗ Vương Chu Dĩ Hải muốn tranh đoạt địa vị nên thường xuyên phát động chiến tranh với ông, chính quyền không ổn định.

Năm 1646 quân Thanh tiến vào Phúc Kiến. Chu Luật Kiện biết mình không có binh lực, ông sai đại học sĩ Hoàng Đạo Chu ra ngoài mượn binh. Đi nửa đường Hoàng Đạo Chu bị bắt giữ. Chu Luật Kiện đành chạy từ Phúc Châu về Diên Bình, định bất chấp nguy hiểm chạy đến Hồ Nam, nhưng ý đồ đó bị Trịnh Chi Long cản trở. Không lâu sau, Trịnh Chi Long đầu hàng quân Thanh, bọn chúng chiếm giữ Kiến Ninh và tiến thẳng vào Diên Bình. Ngày 21 tháng 8 Chu Luật Kiện chạy khỏi Diên Bình đi đến ngoại thành Thịnh Châu thì bị quân Thanh đuổi kịp. Ông dẫn hoàng hậu và Chu Chi Phiên trốn vào miếu Quan Đế. Binh lính Thanh đứng bên ngoài gào thét: "Chu Luật Kiện ra đây", đột nhiên có một người cầm dao xông ra khỏi miếu và hét to: "Ta chính là Long Vũ Đế" và xông thẳng về phía quân Thanh, bọn chúng hoảng hốt giương cung bắn chết người đó. Hóa ra người cầm dao đó là Chu Chi Phiên, anh ta liều thân bảo vệ cho Chu Luật Kiện. Quân Thanh nghi ngờ đó không phải là Chu Luật Kiện do đó xông vào miếu lục soát. Bọn chúng thấy cửa sau mở toang, trong miếu không có ai, biết Chu Luật Kiện và hoàng hậu đã chạy vào Thịnh Châu. Chủ soái quân Thanh sai binh lính đóng giả làm quân Minh và giương cờ hiệu nhà Minh chạy đến cửa thành. Lính phòng thủ nghĩ rằng đó là đám quân Minh bị thua trận quay về nên đã mở cửa thành đón bọn chúng vào. Sau khi chiếm được thành binh lính Thanh bắt giữ Chu Luật Kiện và hoàng hậu, tống hai người vào 2 chiếc xe tù để giải về Phúc Châu. Đến bờ sông Mân Giang dừng lại nghỉ ngơi, đột nhiên hoàng hậu nhảy ra khỏi xe, khóc và hét: "Bệ hạ hãy chết vì nước thiếp xin đi trước" và đâm đầu xuống sông tự tử. Có vài lần Chu Luật Kiện định tự vẫn nhưng ý định đều không thành bởi binh lính Thanh giám sát nghiêm ngặt. Ông tuyệt thực và chết ở Phúc Châu.

Trong sử gọi ông là Long Vũ Đế hay còn gọi là Đường Vương.

CHIÊU VŨ ĐẾ (CHU LUẬT THIẾT)
(NAM MINH)

Chiêu Vũ Đế, ông ta tên là Chu Luật Thiết (? - 1647). Ông là em trai của Long Vũ Đế Chu Luật Kiện. Long Vũ Đế bị bắt giữ nên Chu Luật Thiết được lập làm đế. Ông trị vì 40 ngày, bị quân Thanh bắt giữ và tự thắt cổ chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Tháng 8 năm 1646 Chu Luật Kiện bị quân Thanh bắt làm tù binh, Chu Luật Thiết chạy từ

Phúc Kiến về Quảng Châu. Tháng 11 đại học sĩ Tô Quan sinh và Cố Nguyên Kính, Lâm Sát... giúp đỡ và ủng hộ Chu Luật Thiết lên ngôi hoàng đế ông cho đổi niên hiệu "Thiệu Vũ".

Lúc lên ngôi, ông ta vô cùng phô trương lãng phí. Để chuẩn bị cho nghi lễ, ông sai thuộc hạ chăng đèn kết hoa, "ban đêm mà đèn đuốc sáng trưng như ban ngày". Trong vòng 10 ngày sau khi đăng cơ, ông đã phong chức cho vài nghìn quan sứ, muốn bọn họ mặc triều phục vào cung yết triều. Các quan lại không có triều phục, đành phải mượn phục trang của đoàn kịch, chuyện này trở thành một câu chuyện cười trong thiên hạ.

Cùng vào thời gian Chu Luật Thiết xưng đế thì Quế Vương cũng xưng đế ở Quảng Đông, hai bọn họ tranh nhau địa vị chính thống và đánh nhau mãi không dứt. Chu Luật Thiết, còn thu nạp bọn hải tặc nhằm củng cố thêm lực lượng. Ở Triều Châu có một kẻ vô lại tên là Dương Minh Cảnh, anh ta đi đến Quảng Châu và nói phét "có 10 quân binh nhuệ ở Triều Châu và Huệ Châu", quả nhiên Chu Kiện Thiết phong anh ta làm "tuần phủ ở Triều Châu và Huệ Châu và cho phép anh ta phân bổ quản lí các quan, phát cho anh ta đại ấn. Dương Minh Cảnh quay về quê và rao bán chức quan.

Lợi dụng cơ hội Chu Luật Thiết và Quế Vương tàn sát lẫn nhau, từ tháng 12 tướng Thanh là Lí Thành Đông tiến quân từ Phúc Kiến vào Triều Châu và Huệ Châu. Lúc này bọn người mua tước quan đều đến đầu hàng quân Thanh, Lí Thành Đông ra lệnh cho bọn họ vẫn phải báo cáo với Chu Kiện Thiết về tình hình dân sự, coi như không có chuyện gì xảy ra. Chu Kiện Thiết không hề biết vùng Triều Châu và Huệ Châu đã rơi vào tay quân Thanh. Tiếp đó Lí Thành Đông vẫn tiến quân vào Quảng Châu. Ngày 25 tháng 12 Chu Luật Kiện và Tô Quan Sinh đang định đi kiểm tra tình hình luyện binh, đột nhiên nghe tin cấp báo quân Thanh đã tiến gần cửa thành, Tô Quan Sinh còn hét: "Nói láo". Quân chủ lực của Chu Luật Thiết đã bị điều đi đánh nhau với Quế Vương, do đó trong thành không có lực lượng để đối phó quân Thanh, ông ta chạy đến trốn trong phủ của đại thần Vương Ứng Hoa. Trung Lương Hồng đầu hàng quân Thanh và lừa đảo Tô Quan Sinh ép anh ta tự vẫn, sau đó dẫn quân Thanh đi bắt và áp giải Chu Kiện Thiết về Đông Thái Viện. Quân Thanh mang lương thực đến, Chu Kiện Thiết từ chối và nói: "Nếu tôi ăn thức ăn của các khanh thì tôi có mặt mũi nào đi gặp mặt tổ tiên". Đêm đó, lợi dụng lúc quân Thanh không chú ý, ông ta tự treo cổ chết. Sau khi ông ta chết, quân Thanh đã giết 24 người trong hoàng tộc nhà Minh ở Quảng Châu.

Trong sử gọi ông ta là Thiệu Vũ Đế.

LỖ VƯƠNG (CHU DĨ HẢI)
(NAM MINH)

Lỗ Vương, ông ta tên là Chu Dĩ Hải (1618 - 1662). Ông là cháu đời thứ 9 của Lỗ Vương Chu Thiềm. Quân Thanh chiếm đôi thành, Chu Dĩ Hải được cử làm giám quốc. Ông làm giám quốc được 9 năm thì ốm chết (có một thuyết khác nói ông bị Trịnh Thành Công dìm chết ở biển). Hưởng thọ 45 tuổi.

*

Chu Dĩ Hải là cháu đời thứ 9 của Lỗ Vương Chu Thiềm - Chu Thiềm là con thứ 13 của Minh Thái Tổ Chu Nguyên Chương. Năm 1644 Chu Dĩ Hải được phong làm Lỗ Vương. Sau khi quân Thanh chiếm được đô thành, ông ta chạy đến Đài Châu (nay thuộc huyện Lâm Hải tỉnh Chiết Giang). Tháng 5 năm 1645 Hoằng Quang Đế bị bắt làm tù binh. Các đại thần Trương Quốc Duy, Trương Hoàng Ngôn, Tiền Tiêu Lạc giúp lập Chu Dĩ Hải làm "giám quốc" ở Thiệu Hưng.

Vừa mới làm giám quốc, ông ta và Long Vũ Đế Chu Luật Kiện tranh giành nhau chính quyền. Năm 1646 Thanh Bồi Lặc (đây là hiệu của quý tộc Mãn Thanh) Phó Lặc vượt sông Tiền Đường đánh cho Trương Quý Duy đại bại thân vong. Nịnh Thần của Hoằng Quang Đế là Mã Sĩ Anh và Nguyên Đại Thành (hai người này đầu hàng Chu Dĩ Hải) thừa cơ các bộ tướng đang rối loạn

nên hai bọn họ cướp Chu Dĩ Hải và đi hàng quân Thanh. Chu Dĩ Hải phát hiện được chuyện đó ông đơn thương độc mã chạy đến Thạch Phụ và gặp được Định Tây Hầu Trương Danh Trấn. Dưới sự bảo vệ của Trương Danh Trấn, ông lên thuyền chạy ra biển và định cư ở đảo Nam Sô. Năm 1649 ông chạy về Châu Sơn, bàn bạc với Trương Hoàng Ngôn việc khôi phục triều Minh. Năm 1651 quân Thanh chiếm được Châu Sơn. Ông ta lại cùng Trương Danh Trấn và Trương Hoàng Ngôn đến dựa dẫm vào Trịnh Thành Công và tự tước bỏ địa vị giám quốc. Trịnh Thành Công là một người có chính kiến luôn ủng hộ chính quyền của Long Vũ Đế nên anh ta không muốn chứa chấp Chu Dĩ Hải, nhưng nghĩ đến Chu Dĩ Hải là tông thất nhà Minh do đó anh ta phải dùng lễ tiếp đãi và thu xếp cho Chu Dĩ Hải sống ở Kim Môn (nay thuộc Kim Môn tỉnh Phúc Kiến).

Năm 1662 Chu Dĩ Hải muốn quay về đảo Nam Áo để xây dựng lực lượng. Trịnh Thành Công bèn sai người dìm chết ông ta ở trên biển (một thuyết nói bị ốm chết).

Trong sử gọi Chu Dĩ Hải là Lỗ Vương.

VĨNH LỊCH ĐẾ (QUẾ VƯƠNG - CHU DO LANG)
(NAM NINH)

Vĩnh Lịch Đế, ông ta tên là Chu Do Lang (1623 - 1662). Ông là cháu của Thần Tông Châu Dị Quân. Quân Thanh tiến vào kinh đô nên Chu Do Lang xưng đế ở Quảng Đông. Ông trị vì 15 năm, bị quân Thanh truy đuổi nên ông chạy đến Miến Điện. Về sau bị Ngô Tam Quế treo cổ chết, Chu Do Lang hưởng thọ 40 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Chu Do Lang là con trai của Quế Vương Chu Thường Thắng, ông được kế nhiệm tước vị Quế Vương. Niên giám Sùng Trinh, ông được phong làm Vĩnh Minh Vương. Khi quân thanh tiến vào Kinh, ông chạy đến Quảng Tây và cư trú ở Ngô Châu. Tháng 1 năm 1646 các đại thần Quắc Thức Tứ, Đinh Sở Khôi, Trần Tử Trang... đã lập Chu Do Lang làm giám quốc. Ông xưng đế ở Quảng Đông và đổi niên hiệu là "Vĩnh Lịch".

Sau khi Chu Do Lang lên ngôi, ông lần lượt dựa vào các cuộc khởi nghĩa của Tôn Khả Vọng, Lí Định Quốc và các tướng lĩnh chống Thanh, Chu Do Lang bị quân Thanh truy đuổi mười mấy năm, ông sống lưu vong ở Quảng Đông, Quảng Tây, Hồ Nam, Quý Châu, Vân Nam, Tứ Xuyên, Giang Tây... Chính cục tạm thời ổn định, duy trì cục diện cầu an. Nhưng đám quần thần suốt ngày tranh nhau quyền lực, các tướng lĩnh lại coi thường lực lượng của quân khởi nghĩa chống Thanh dẫn tới cục diện nguy kịch. Năm 1658 Tôn Khả Vọng đầu hàng Thanh vùng Quý Châu và Quảng Tây đều bị quân Thanh chiếm lĩnh, khiến cho Chu Do Lang bị thu hẹp địa bàn. Năm 1659, Triều Thanh chia quân làm 3 ngả tiến đánh, Chu Do Lang bất lực, tháng 12 chạy đến Miến Điện, bị người Miến Điện giải trừ lực lượng vũ trang và sắp xếp cho ông cư trú ở trong một ngôi nhà cả, tình cảnh của ông vô cùng khốn khổ. Lí Định Quốc nhiều lần liên lạc định đón ông về nước nhưng đều bị quốc vương Miến Điện cự tuyệt.

Năm 1662 Ngô Tam Quế tấn công và Miến Điện và xin quốc vương Miến Điện giết hại Chu Do Lang. Quốc vương Miến Điện vừa giết anh trai để đoạt vị, tình hình trong nước mất ổn định, do đó đành đồng ý với yêu cầu của Ngô Tam Quế. Quốc vương Miến Điện dẫn 3000 lính bao vây nơi ở của Chu Do Lang và trả vờ muốn kết nghĩa với Chu Do Lang. Tùy tùng của ông ta ra khỏi nhà đi lấy nước, đều bị giết, tổng cộng 42 người, Chu Do Lang biết mình khó thoát thân nên đã viết thư gửi Ngô Tam Quế, trách cứ Ngô Tam Quế phản mình giết Thanh vong ân bội nghĩa. Cuối cùng ông nói: "hôm nay tôi sức tàn binh yếu, đành giao phó số mệnh vào tay anh, nếu anh tha cho tội một con đường sống, tôi nguyện đưa cho anh tất cả những gì mà tôi có". Ngô Tam Quế không đồng ý và ra sức thúc giục quốc vương Miến Điện treo cổ Chu Do Lang. Quốc vương Miến Điện sai người dẫn Chu Do Lang và 25 tùy tùng của Ngô Tam Quế đến doanh trại của Ngô Tam Quế. Chu Do Lang bị giải về Vân Nam giam lỏng ở ni Minh. Ngô Tam Quế lo

lắng nếu giải ông ta về Bắc Kinh, e rằng trên đường đi sẽ bị phái chống Thanh cướp ngục. Được sự đồng ý của hoàng đế Khang Hi nên vào ngày 14 tháng 4 Chu Do Lang và 25 tùy tùng đều bị treo cổ chết.

Trong sử gọi Chu Do Lang là Quế Vương hoặc Vĩnh Lịch Đế.

ĐỊNH VŨ ĐẾ (HÀN VƯƠNG - CHU BẢN HUYỀN)
(NAM MINH)

Định Vũ Đế, ông ta tên là Chu Bản Huyền (? - 1664). Ông là cháu họ của Minh Đế. Ông được bộ tướng của Lí Tự Thành lập làm đế. Ông trị vì 18 năm. Năm 1664 chết, vì sao bị chết và Mai táng ở đâu đều không rõ.

*

Chu Bản Huyền được kế nhiệm tước vị của Hán Vương. Năm 1646 bộ tướng của Lí Tự Thành là Châu Vĩnh Trung liên kết với quân chống Thanh để lập Chu Bản Huyền làm đế và cho đổi niên hiệu là "Định Vũ".

Chính quyền của Chu Bản Huyền luôn dựa vào quân khởi nghĩa, lĩnh vực hoạt động của bọn họ chủ yếu ở: Hồ Nam, Hồ Bắc, Quảng Tây, Tứ Xuyên... Năm 1663 quân khởi nghĩa tấn công vùng Vu Sơn (Tứ Xuyên) nhưng bị đại bại Châu Vĩnh Trung bị bắt làm tù binh. Năm sau Chu Bản Huyền chết. Vì sao bị chết thì không rõ.

Triều Nam Minh diệt vong.

Trong sử gọi Chu Bản Huyền là Định Vũ Đế hay còn gọi là Hán Vương.

TRIỀU THANH

(Năm 1644 - 1911, tổng cộng 267 năm)

Tộc Mãn tạ dựng nên vương triều Thanh, quốc lực của triều Thanh cường thịnh, cương vực rộng lớn. Cuối thế kỷ 18, dân số đạt 1,3 tỉ người, là một quốc gia phong kiến mạnh nhất ở phía Tây của Châu Á. Sau cuộc chiến tranh nha phiến, chủ nghĩa tư bản phương Tây xâm nhập vào Trung Quốc khiến Trung Quốc bước vào một chế độ nửa thực dân nửa phong kiến.

Triều Thanh cũng là triều đại cuối cùng trong lịch sử Trung Quốc, vương triều này bị cuộc cách mạng Tân Hợi lật đổ. Từ đó kết thúc chế độ chuyên chế quân chủ phong kiến kéo dài ở Trung Quốc suốt 2000 năm.

Triều Thanh chiếm giữ được kinh đô có 12 hoàng đế, trong đó 10 người ốm chết, một người bị ám sát, một người bị thương rồi chết.

Ngoài ra còn phụ chú thêm về thái hậu Từ Hi (trên thực tế bà ta là người nắm giữ công việc triều chính) hoàng hậu Long Dụ và Đa Nhĩ Cổn. Từ Hi và Đa Nhĩ Cổn bị ốm chết, Thái hậu Long Dụ ốm chết do bệnh chướng bụng.

THÁI TỔ (NỘI NHĨ CÁP XÍCH)
(THANH)

Thái Tổ, ông ta tên là Ái Tân Giác La. Nội Nhĩ Cáp Xích (1559 - 1626), ông là người dân tộc Mãn. Ông là tướng quân Long Hổ ở triều Minh. Ông là người dựng lập nên nước Kim (THANH), trị vì 11 năm. Trong một trận chiến bị lửa đốt dẫn tới bị thương rồi chết (một thuyết khác nói bị bệnh rồi chết). Hưởng thọ 68 tuổi. Mai táng ở Phúc Lăng, Thẩm Dương (nay thuộc núi Thiên Trụ cách 30 km về phía Đông Bắc thành phố Thẩm Dương tỉnh Liêu Ninh).

*

Tổ tiên của Nội Nhĩ Cáp Xích được triều Đình Minh phong làm chỉ huy sứ Tả vệ ở Kiến Châu. Nội Nhĩ Cáp Xích làm những chức vụ như: đô đốc kiểm sự, tướng quân Long Hổ. Từ năm 1583 trở đi, mất khoảng thời gian là hai 30 năm, ông thống nhất các tộc nữ Chân và sáng lập ra chế độ bất kì hợp nhất quân đội và chính trị, đề ra Mãn văn. Ngày Nhâm Thân tháng 1 năm 1616 ông xưng làm Kha Hãn, lấy quốc hiệu là Kim, đặt đô ở Hác Đồ A Vị (nay là thành cũ ở phía Tây huyện Tân Binh tỉnh Liêu Ninh). Lấy niên hiệu là "Thiên Mệnh". Trong sử gọi là "Hậu Kim". Đây là chính quyền chủ nô lệ của tộc Mãn. Từ năm 1618 trở đi, ông thống lĩnh quân đội tiến công vào vùng Liêu Đông, giành nhiều đất đai rộng lớn ở lưu vực Liêu Đông. Năm 1625 dời đô về Thẩm Dương.

Vào những năm cuối đời, Nội Nhĩ Cáp Xích thấy các con của ông không ai có năng lực trị lí việc quốc gia đại sự do đó ông không chỉ định người kế vị chính xác, công việc triều chính do 8 vị hòa Thạc Bố Lặc cùng nhau giải quyết (Bối Lặc là ngôn ngữ tộc Mãn. Vốn là lối xưng hiệu của quý tộc Mãn. Phần lớn con của Bối Lặc được gọi là Hòa Thạc Bối Lặc).

Đầu năm 1626, Nội Nhĩ Cáp Xích thống lĩnh đại quân đánh chiếm vùng Ninh Viễn (nay thuộc huyện Hưng Thành tỉnh Liêu Ninh). Tướng trấn thủ thành Ninh Viễn là Viên Sùng Hoan quyết tâm chống đỡ, bảo vệ thành trì, nhiều lần đẩy lui được sự công kích của quân Mãn châu, quân Mãn châu bị chết và thương khá nhiều. Nhìn thấy tình hình như vậy, Nội Nhĩ Cáp Xích vừa tức vừa hận, ông sai quân lính đào hang chui qua tường thành. Viên Sùng Hoan phát hiện được, anh ta sai đốt lửa. Nội Nhĩ Cáp Xích bị lửa đốt làm bị thương nên hoảng hốt lui binh. Tháng 7 năm đó, vết thương của Nội Nhĩ Cáp Xích tái phát, ông đến suối nước nóng ở Thanh Hà để dưỡng thương. Tháng 8 vết thương chuyển ra nguy kịch, ông đi thuyền về Thẩm Dương. Trên

đường đi, ông biết mình sắp chết nên ra lệnh cho đại phi của mình thắt cổ chết. Ngày Canh Tuất tháng 8 vết thương của Nội Nhĩ Cáp Xích bị nhiễm trùng, ông mất tại Lô cốt Ái Kê (nay là phía nam thành phố Thẩm Dương tỉnh Liêu Ninh).

Hoàng Thái Cực lập nên triều Thanh đã lấy thụy hiệu của Nội Nhĩ Cáp Xích là Thái Tổ.

THÁI TÔNG (HOÀNG THÁI CỰC)
(THANH)

Thái Tông, ông ta tên là Ái Tân Giác La. Hoàng Thái Cực (1592 - 1643). Ông là con trai thứ 8 của Nội Nhĩ Cáp Xích. Thái Tổ chết, Hoàng Thái Cực được lập làm Kha Hãn. Ông trị vì 17 năm, bị ốm chết, hỏa táng, một đặt tại Chiêu Lăng thuộc Thẩm Dương (nay núi Long Nghiệp cách 10 km về phía Tây Bắc thành phố Thẩm Dương tỉnh Liêu Ninh).

*

Ngày Canh Tuất tháng 8 năm 1626 Nội Nhĩ Cáp Xích băng hà, ngày Canh Ngọ Hoàng Thái Cực được lập làm Kha Hãn. (Trong quyển "Đông Hoa Lục" có nói: sau khi ép đại phi chết, Nội Nhĩ Cáp Xích cũng băng hà, nên Hoàng Thái Cực đã cướp đoạt địa vị Kha Hãn của em trai là Đa Nhĩ Cổn). Sau khi đăng cơ Hoàng Thái Cực cho đổi niên hiệu là "Thiên Thông", đổi tên tộc Nữ Chân thành tộc Mãn châu (sau cuộc cách mạng Tân Hợi gọi là tộc Mãn). Năm 1636 ông xưng đế, đổi quốc hiệu là "Thanh" lấy niên hiệu là "Sùng Đức".

Trong thời gian Hoàng Thái Cực trị vì, ông tích cực thu nạp nền văn hóa tộc Hán, phỏng theo chế độ quan lại của triều Minh, tăng cường nên thống trị chuyên chế. Xác lập chế độ phong kiến nông nô khiến tộc Mãn bước vào xã hội phong kiến, thời cuối chính quyền Hậu Kim cũng từ chính quyền chủ nô lệ chuyển sang chính quyền phong kiến. Ông kế tục di chỉ của Nội Nhĩ Cáp Xích, thống nhất Đông Bắc, kế thừa toàn bộ bản đồ đất đai của triều Minh, nhiều lần tấn công quân Minh, chuẩn bị vào đô thành đoạt chính quyền.

Trong chính sự ông giải quyết rất rõ ràng cẩn thận, dũng cảm trong chiến trận. Do ông phải làm việc căng thẳng trong thời gian dài nên đã tổn hại tới sức khỏe. Lâu ngày thành bệnh. Từ năm 1640 trở đi, ông luôn bị ốm vặt. Tháng 9 năm 1641 quý phi của ông bị ốm chết, ông vô cùng thương tiếc bà ta, tuy chán nản, quên ăn quên ngủ, còn bị hôn mê bất tỉnh, bệnh tỉnh của ông ngày càng nguy kịch, giờ Hợi ngày 9 tháng 8 năm 1863 (khoảng 9h - 10h) ông đang ngồi trong tẩm cung, cung Thanh Ninh, hoàng cung Thẩm Dương, bị trúng gió chết.

Sau khi ông chết lấy hiệu miếu là Thái Tông.

THÀNH TÔNG NGHĨA HOÀNG ĐẾ (ĐA NHĨ CỔN)
(THANH)

Thành Tông Nghĩa hoàng đế, ông ta tên là Ái Tân Giác La. Đa Nhĩ Cổn (1612 - 1651), ông là con trai thứ 14 của Thái Tổ Nộ Nhĩ Cáp Xích. Ông chấp chính 7 năm ở tiền kì Thuận Trị. Ông bị ốm chết. Hưởng thọ 40 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Thời Thái Tổ trị vì, Đa Nhĩ Cổn được phong làm Hòa Thạc Đức Tân Vương. Năm 1643 hoàng đế Thuận Trị lên kế vị ngôi báu, lúc đó Thuận Trị có 6 tuổi. Đa Nhĩ Cổn đã lấy thân phận là hoàng thân quốc thích để nhiếp chính, độc lãm đại quyền. Năm 1644, ông thống lĩnh quân Thanh và tiến vào đô thành dưới sự dẫn đường của Ngô Tam Quế, chiếm lĩnh Bắc Kinh, ông lợi dụng tài năng của những quan lại địa chủ tộc Hán, dùng vũ lực trấn áp quân khởi nghĩa nông dân và quân khởi nghĩa kháng Thanh, và đặt định ra các trọng mục trong nền thống trị của triều Thanh, ông được tôn định là người thực hiện sự thống trị của triều Thanh đối với toàn

quốc. Ông phong thêm danh hiệu hoàng phụ nhiếp chính vương.

Tháng 1 năm 1651, Đa Nhĩ Cổn ốm chết. Sau khi ông ta chết được truy phong danh hiệu Thành Tông Nghĩa hoàng đế. Nhưng Thuận Trị không hài lòng về ông ta, do đó khi đích thân nắm giữ công việc triều chính, Thuận Trị đã gán ghép tội danh đại nghịch vô đạo để đoạt đi tước hiệu của Đa Nhĩ Cổn. Mãi đến thời Càn Long mới khôi phục danh hiệu Hòa Thạc Duệ Tân Vương cho Đa Nhĩ Cổn.

THẾ TỔ (THUẬN TRỊ HOÀNG ĐẾ - PHÚC LÂM) (THANH)

Thế Tổ, ông ta tên là Ái Tân Giáo La. Phúc Lâm (1638 - 1661). Ông là con trai thứ 9 của Thái Tông Hoàng Thái Cực. Phúc Lâm kế vị khi Hoàng Thái Cực bị ốm chết. Phúc Lâm trị vì 18 năm, ông buồn rầu quá độ nên dẫn tới cái chết. Hưởng dương 24 tuổi. Hỏa táng. Mộ táng ở Hiếu Lăng thuộc Hà Bắc.

*

Ngày 9 tháng 8 năm 1643 Hoàng Thái Cực ốm chết, ngày Canh Ngọ Phúc Lâm lên kế vị và cho đổi niên hiệu là "Thuận Trị".

6 tuổi, Thuận Trị đã lên ngôi hoàng đế. Do vậy chú của ông là Đa Nhĩ Cổn chấp chính (thay mặt hoàng đế giải quyết và xử lí công việc triều chính). Năm 1651 Đa Nhĩ Cổn chết Phúc Lâm chính thức nắm giữ công việc triều đình. Ngày 22 tháng 4 năm 1644, Ngô Tam Quế dẫn đường đưa quân Thanh tiến vào Sơn Hải Quan, đánh bại quân khởi nghĩa của Lí Tự Thành. Đầu tháng 10 Phúc Lâm dời đô về Bắc Kinh, ông là vị hoàng đế đầu tiên khi quân Thanh tiến vào kinh đô. Sau khi định đô ông ra lệnh cạo tóc, rào đất ban bố "Luật Đại Thanh", cấm các văn nhân tổ chức đoàn thể, đồng thời phái binh xuống phía Đông và phía Nam trấn áp quân khởi nghĩa nông dân, diệt trừ chính quyền Nam Minh, hầu như không chế toàn bộ lãnh thổ Trung Quốc, đặt nền tảng cơ bản cho vương triều Thanh.

Phúc Lâm thích hội họa, ông thiên về tranh nhân vật. Một lần ông gặp Thịnh Tề Tư, đột nhiên ông sai Thịnh Tề Tư quỳ xuống. Thịnh Tề Tư không hiểu chuyện gì xảy ra nên toàn thân lạnh toát. Phúc Lâm ngắm nhìn anh ta hồi lâu rồi lấy bút vẽ một bức chân dung nhỏ cho Thịnh Tề Tư và truyền tay cho các quyền thần cùng xem. Thịnh Tề Tư vui mừng khôn siết, quỳ lạy xin Phúc Lâm ban tặng bức tranh Phúc Lâm chỉ cười mà không đáp, tiện tay đốt bức tranh đó đi.

Ngày Tân Hợi tháng 1 năm 1661 thiết triều sớm, nhìn thần thái ông vẫn bình thường, thân thể vẫn khỏe mạnh. Sáng sớm hôm sau, đột nhiên ở điện Dưỡng Tâm Loan bảo tin ông băng hà. Đến khi mai táng mà các quần thần không nhìn thấy di thể của ông. Ông chỉ để lại một tờ di chiếu lập Huyền Diệp làm hoàng thái tử. Huyền Diệp chịu tang 27 ngày rồi mới lên đăng cơ, do đại thần phụ giúp. Về sau lưu truyền một thuyết nói: nhiều năm qua Phúc Lâm chán ghét cõi trần. Mùa thu năm 1660, hoàng phi là được ông ta sủng ái) bị ốm chết, ông thương tiếc vô cùng, ông bỏ làm ngôi vị hoàng đế và đi đến Ngũ Đài Sơn làm tăng ni. Về sau Khang Hi còn bí mật đi thăm ông. Cũng có người nói, chuyện ông xuất gia đi tu và Đống Tiểu Uyển có mối quan hệ với nhau. Đống Tiểu Uyển vốn là vợ bé của Mạc Bích Cương, cô ta bị Hồng Thừa Thọ cướp đoạt và cống tiến cho Phúc Lâm, cô ta đổi tên thành Đống Ngạc Thị và nhận tước phong quý phi nương nương. Về sau bị hoàng thái hậu và hoàng hậu hại chết, do đó Thuận Trị buồn rầu xuất gia làm tăng ni.

Trong lúc di chiếu, ông còn nêu ra lỗi lầm của mình ở 14 phương diện:

- Trong 18 năm ông ta trị vì "chỉ nhởn nhơ, làm qua loa cho xong chuyện", khiến thiên hạ không ổn định, nhân dân không an cư lạc nghiệp.

- Sắp xếp chức vị và tài năng của các đại thần tộc Mãn không phù hợp, khiến một số người có tài mà không phát huy được sở trường; có những đại thần có tài năng mà không được sắp xếp chức vị, những người không có năng lực vậy mà vẫn không bãi miễn chức quan.

- Tuy sống trong hoàng cung, nhưng rất ít khi tiếp xúc với các đại thần, khiến tình cảm quần thần không mặn mà.

- Cơ cấu triều đình cồng kềnh, tiêu pha hoang phí, xây dựng các cung điện, làm vũ khí... lãng phí vô cùng.

- Tự cho mình là thông minh, không nghe lời can gián của quần thần, khiến các quần thần bảo thủ, không dám dâng tấu lời trung thực.

- Tự biết mình mắc lỗi, nhưng không quyết tâm sửa đổi lỗi lầm, khiến lỗi lầm ngày càng nhiều và nghiêm trọng.

Trong bản di chúc đó, ông không nêu công đức sự nghiệp của mình cũng không vì sắp giã từ cõi đời mà biểu lộ sự sợ hãi bi thương mà là tâm tâm niệm niệm nhớ tới triều đình, tổng kết bài học của mình cho hậu thế. Ông là một người đáng quý trong các đế vương phong kiến.

Hiệu miếu của Lâm Phúc là Thế Tổ, trong sử gọi là Thuận Trị hoàng đế.

THÁNH TỔ (KHANG HI HOÀNG ĐẾ - HUYỀN DIÊP) (THANH)

Thánh Tổ, ông ta tên là Ái Tân Giáo La. Huyền Diệp (1654 - 1722). Ông là con trai thứ 3 của Thuận Trị hoàng đế. Huyền Diệp kế vị khi Thuận Trị chết. Ông trị vì 61 năm, ông là vị hoàng đế trị vì lâu nhất trong lịch sử triều Thanh. Bị ốm chết (một thuyết nói bị đại thần Long Khoa Đa hại chết). Hưởng thọ 69 tuổi. Mai táng ở Cảnh Lăng (nay thuộc tỉnh Hà Bắc).

*

Tháng 1 năm 1661 Thuận Trị ốm chết, ngày Tân Hợi Huyền Diệp lên kế vị và đổi niên hiệu là "Khang Hi".

8 tuổi, Huyền Diệp đã lên ngôi hoàng đế, công việc triều chính do 4 vị đại thần cùng giải quyết. Năm 16 tuổi Khang Hi chính thức nắm giữ công việc triều chính, ông vạch kế hoạch bắt giết Ngao Bái (Ngao Bái là một trong bốn vị đại thần, ông ta rất lộng hành), bình định được phản loạn Tam Phiên, hàng phục được cháu nội của Trịnh Thành Công là Trịnh Khắc Sảng (anh ta chống chế Đài Loan), khiến Trung Quốc một lần nữa được thống nhất làm một, ngăn chặn được sự xâm lược của quân Sa hoàng và cùng với nước Nga sa hoàng kí kết điều ước, vạch định giới tuyến biên giới Nga - Trung, bình định cuộc phản loạn của tộc Hồi, tộc Chuẩn Cát Nhĩ... đình chỉ việc rào đất, khuyến khích canh nông, liên kết với các giai cấp địa chủ tộc Hán, đoàn kết các phần tử tri thức tộc Hán; ông tổ chức biên tập các cuốn sách: "cổ kim đồ thư tập thành", "Khang Hi tự điển", ông ra sức đề xướng khoa học tự nhiên, vẽ bức "hoàng triều kim lam đỗ"... Một số biện pháp này có vai trò quan trọng trong việc củng cố và tăng cường sự thống nhất các dân tộc thiểu số ở Trung Quốc, khiến Trung Quốc trở thành một quốc gia hùng mạnh phồn vinh trên thế giới thời bấy giờ. Ông là một nhà chính trị gia có tiếng, nhưng ông nhiều lần đại hưng ân văn học, trấn áp tàn bạo với các cuộc khởi nghĩa nông dân, áp bức nghiêm trọng đối với bà con trăm họ.

Huyền Diệp thông minh tài trí, ông trọng dụng trung thần và không ưa nịnh thần. Vào những năm cuối đời của Khang Hi, tổng đốc vùng Giang Nam là Cát Lỗ, anh ta là kẻ tham ô và ngang ngược thích vu oan giáo họa cho người khác. Thời đó tri phủ Tô Châu là Trần Bằng Niên vốn là một vị quan thanh liêm, thẳng thắn trung thực, là một người đối lập với Cát Lễ. Cát Lễ

luôn đố kị trong lòng tìm cơ hội để hãm hại, xúi giục hoàng đế cho Trần Bằng Niên xung quân đến Hắc Long Giang. Huyền Diệp không đồng ý và thấy Trần Bằng Niên là một người có tri thức nên dã điều anh ta vào kinh để anh ta tham gia biên tập đồ thư. Cát Lễ vẫn chưa từ bỏ ý đồ vu cáo Trần Bằng Niên nên đã bí mật tấu cáo với Huyền Diệp, nói Trần Bằng Niên có làm bài thơ "Du Hổ Khâu", bài thơ nói nên sự không hài lòng về Huyền Diệp, anh ta còn dâng bài thơ đó cho Huyền Diệp xem. Ông đọc kĩ bài thơ đó, không hề thấy tâm tư oán hận của Trần Bằng Niên đối với mình, ông đọc kỹ bản tấu cáo của Cát Lễ thấy lời lẽ hoàn toàn cố ý vu cáo người khác, hãm hại hiền tài. Huyền Diệp cho triệu tập quần thần và tuyên bố: Cát Lễ là người thích chọc gậy bánh xe, tri phủ Trần Bằng Niên có một chút vinh quang, vậy mà Cát Lễ đã tìm cách vu cáo, cố ý nói bài thơ của Trần Bằng Niên có ý tứ không tốt. Sau khi trẫm đọc kỹ bài thơ đó thấy hoàn toàn không giống như ý đồ của Cát Lễ đơm đặt. Phàm là những kẻ tiểu nhân đê tiện hèn hạ, Cát Lễ dùng thủ đoạn lừa dối bề trên, đương nhiên trẫm không thể mắc lừa kẻ tiểu nhân? Nói xong ông đọc bài thơ của Trần Bằng Niên và bản tờ cáo của Cát Lễ cho quần thần xem, để các đại thần nhận định. Cát Lễ lầm vào tình cảnh khó xử.

Huyền Diệp giáng một đòn cho Cát Lễ khiến một số quần thần có lòng dạ đen tối, thích đố kị vu cáo người khác không dám giở trò lừa gạt bề trên.

Mùa xuân năm 1722, Huyền Diệp gần 70 tuổi, ông muốn biểu thị sự kính lão nên cho phép những quan lại tộc Mãn và tộc Mãn từ 65 tuổi trở lên được cáo lão về quê, còn những đại thần bị giam giữ cũng được thả về nhà, trước khi cho bọn họ cáo chức và phóng thích, ông còn bày yến tiệc ở cung Càn Thanh, uống rượu đối ẩm, buổi tiệc kéo dài đến hoàng hôn mới tan, tham dự buổi tiệc này có hơn 1000 người. Huyền Diệp có 35 người con trai, vì thế bọn họ tranh giành nhau địa vị, tự kết bè kết phái, âm thầm chống phá nhau. Ông vô cùng đau đầu nhức óc về chuyện chọn người kế vị. 14 năm sau khi lên ngôi hoàng đế, ông đã lập con trưởng củ vợ là Doãn Nhưng làm hoàng thái tử, 3 năm sau ông thấy không thích hợp nên phế bỏ địa vị của Doãn Nhưng. Hai tháng sau, lại khôi phục địa vị cho Doãn Nhưng, 24 năm sau ông thấy quyền lực của thái tử lớn mạnh, ảnh hưởng trực tiếp đến hoàng quyền của mình. Vì vậy ông lại phế truất Doãn Nhưng. Trước lúc lâm chung ông để lại một bản di chiếu, âm thầm lập người kế vị. Vào những năm cuối đời, người ông quan tâm và yêu mến là con trai thứ 14 Dận Đế, ông ta cho Dận Đế làm đại tướng quân và phái ra biên thùy để chỉnh đốn cục diện ở vùng Tây Bắc, ông muốn Dận Đế lập nhiều công tích, để có uy lực, nhằm tạo điều kiện thuận lợi kế thừa ngôi vị hoàng đế.

Ngày 8 tháng 11 năm 1722, Huyền Diệp bị cảm toàn thân nóng rực, ngự y chữa trị cho ông nên bịnh tình cũng đỡ đi phần nào, ông liền ra vườn Sương Xuân tĩnh dưỡng. Theo lúc đó Huyền Diệp đích thân viết di chiếu chọn Dận Đế làm người kế vị. Người duy nhất biết chuyện chỉ có đại thần Long Khoa Đa, anh ta phụ trách quân bộ binh cảnh vệ trấn giữ ở kinh sư. Long Khoa Đa là cậu ruột của Dận Trinh (con trai thứ 4 của Huyền Diệp), anh ta một lòng một dạ muốn Dận Trinh lên kế vị. Ngược lại Huyền Diệp lại không chọn Dận Trinh. Long Khoa Đa bạo gan sửa đổi tờ di chúc chữ "thập" thành chữ "vu" tức "truyền ngôi con trai thứ 14" thành "truyền ngôi cho con trai thứ 4". Ngày 13 tháng 11 Huyền Diệp đột nhiên bị chết. Mọi người nghi ngờ rằng ông bị Long Khoa Đa hại chết.

Cũng có một số học giả cho rằng, trong lúc bệnh tình nguy kịch Huyền Diệp đích thân tuyên gọi các chư tử đến và công khai đọc di chiếu, chỉ có Dận Đế đang trấn giữ ở Tây Bắc và Doãn Nhưng bại cấm chỉ đến, còn đâu tất cả các hoàng tử đều có mặt di chiếu không thể bị sửa đổi, hơn nữa di chiếu viết bằng chữ Mãn nên việc sửa chữa "thập" thành chữ "vu" là chuyện tào lao. Cũng có học giả cho rằng Huyền Diệp chết đột tử nên không kịp lập di chiếu.

Cũng có thuyết nói rằng: Dận Trinh vốn dĩ được Huyền Diệp sủng ái, lên 8 tuổi đã đi theo Huyền Diệp tuần tra, lên 10 tuổi được phong làm Bối tử, 30 tuổi được tấn phong làm tân vương, Dận Trinh từng phụng mệnh quản lí việc quân sự tiền bạc lương thảo. Các hoàng tử tranh giành nhau địa vị, đấu đá nhau không ngừng. Dận Trinh âm thầm tranh chấp với các anh em, nhưng vẻ bên ngoài lại tỏ ra không quan tâm tới địa vị do đó Huyền Diệp vô cùng thích anh

ta, ông phân vân lựa chọn Dận Đế hoặc Dận Trinh làm người kế vị, cuối cùng ông quyết định chọn Dận Trinh.

Hiệu miếu của Huyền Diệp là Thánh Tổ và trong lịch sử gọi ông là Khang Hi hoàng đế.

THẾ TÔNG (UNG CHÍNH HOÀNG ĐẾ - DẬN TRINH)

Thế Tông, ông ta tên là Ái Tân Giáo La. Dận Trinh (1678 - 1735), ông là con trai thứ 4 của hoàng đế Khang Hi. Dận Trinh kế vị khi Khang Hi chết. Ông trị vì 13 năm bị Lữ Tứ Nương hại chết, hưởng thọ 58 tuổi, một thuyết nói dùng thuốc Đan nên bị chết, một thuyết nói chết bệnh ở Thái Lăng - Hà Bắc (nay ở núi Vĩnh Ninh thị trấn Thái Ninh cách 50 km về phía Tây huyện Dị tỉnh Hà Bắc).

*

Thời Khang Hi trị vì đã lập Dận Trinh làm Ung Tân Vương. Tháng 11 năm 1722 Khang Hi ốm chết, đại tướng quân Niên Canh Nghiêu và Long Khoa Đa đã giúp lập Dận Trinh làm hoàng đế, lễ đăng cơ tổ chức vào ngày Tân Sửu tháng 11. Dận Trinh cho đổi niên hiệu là Ung Chính.

Sau khi lên kế vị Dận Trinh ra sức trấn áp các anh em của mình nhằm ngăn chặn việc bọn họ tranh đoạt ngôi vị, giam lỏng Dận Đế, hại chết Doãn Nhưng và Doãn Đường. Mượn cớ bài xích và giết hại Long Khoa Đa và Niên Canh Nghiêu. Để đối phó với những người thù địch trong triều chính, ông thực hiện chính sách đặc vụ tống trị, cũng với tục làm chế tạo ra một loại vũ khí giết người gọi là "Huyết trích tử" bên ngoài làm túi da, bên trong cất được vài con dao nhỏ. Muốn giết người một cách lén lút vụng trộm thì đem chụp cái túi đó vào đầu kẻ địch siết chặt miệng túi, vầng trán sẽ bị bóp chặt trong túi khiến những con dao đó cứa vào đầu.

Trong thời gian trị vì, Dận Trinh cho thực hiện một số biện pháp "cải thổ qui lưu" (sửa đổi đất đai và thu về triều đình) đối với một số khu vực dân tộc thiểu số ở vùng Tây Nam bình định được một số cuộc phản loạn của một số quý tộc ở Thanh Hải và Thạc Đặc... phản kích sự chiếm giữ của quý tộc ở Chuẩn Cát Nhĩ, kí kết hiệp ước với hoàng đế Nga, quy định biên giới Trung - Nga.

Dận Trinh cũng đại hưng Án văn tự, nghiêm khắc trấn áp tư tưởng bất mãn của các phần tử tri thức, ra sức làm cho mạnh mẽ chế độ chuyên chế quân chủ.

Trước thời Dận Trinh, giai cấp quý tộc dân tộc Mãn không có lệ xác định truyền vị, vì vậy sau khi Nội Nhĩ Cáp Xích và Khang Hi chết, có hai lần giai cấp quý tộc Mãn nổ ra cuộc tranh giành ngôi vị hoàng đế, nhìn vào tấm gương đó Dận Trinh rút cho bài học cho chính bản thân mình nên ông cho rằng lập hoàng thái tử là một kế sách bảo tồn quốc gia, đương nhiên trong chuyện chính trị cũng vậy không thể để các đại thần quy định bộ máy chính trị mà phải do hoàng đế độc quyền quyết định. Nhưng rất công khai lập hoàng thái tử dễ gây ra cuộc tranh giành địa vị giữa các anh em, tất rước họa. Do đó ông cất chiếu thư lập hoàng thái tử vào một cái tráp bọc gấm và bí mật cất đằng sau bức hoành ghi chữ chính đại quang minh treo ở cung Càn Thanh. Sau khi hoàng đế chết thì thái giám tổng quản sẽ lấy ra và tuyên đọc trước bá quan văn võ.

Ngày 23 tháng 8 năm 1735, thái giám thấy đến lúc hoàng hôn mà Dận Trinh vẫn chưa tỉnh dậy và cũng không thấy có tiếng động sau bức tường, anh ta thấy nghi ngờ nên vội đi gọi hoàng hậu, nghe nói hoàng hậu đến vén màn gọi, hoàng hậu thì thấy Dận Trinh đã chết tự bao giờ. Chân tướng của sự việc về cái chết của Ung Chính, trong nội cung giấu kín như bưng, không ai dám nói. Về sau mới dần dần tiết lộ. Hóa ra trong thời gian Dận Trinh trị vì. Ở vùng Chiết Giang có một văn nhân tên là Lữ Lưu Lang ẩn cư không chịu ra làm quan, anh ta có nhiều tác phẩm nổi tiếng. Sau khi anh ta chết có người tố cáo trong tác phẩm của anh ta có tư tưởng phản Thanh. Dận Trinh hạ lệnh bật nắp quan tài của anh ta và đốt hết chỗ sách còn con cháu và thân

tộc của anh ta bị giết chết, có người bị đày đến Hắc Long Giang, phụ nữ bị đưa vào cung. Lữ Lưu Lang có một người cháu gái tên là Lữ Tứ Nương cô ta cũng biết võ nghệ. Cô gái biết triều đình muốn diệt gia tộc mình vì thế nghe lời mẹ nên cô ấy chạy khỏi quê hương, giấu diếm họ tên, lang bạt trên giang hồ, lập chí muốn báo thù nhà. Bẩy năm sau, vào một buổi tối cô ta trèo tường vào trong hoàng cung, đột nhập vào phòng của hoàng đế và giết chết Dận Trinh.

Có người cho rằng Dận Trinh bị ốm, bệnh tình ngày một nghiêm trọng nên dẫn tới cái chết. Qua 3 tháng triều đình mới công bố cái chết của ông ta.

Mấy năm gần đây, ở hải ngoại có học giả cho rằng Dận Trinh muốn tìm sự trường sinh bất lão nên đã dùng thuốc Đan vì thế bị trúng độc mà chết.

Hiệu miếu của Dận Trinh được đặt là Thế Tông. Trong sử gọi là Ung Chính hoàng đế.

CAO TÔNG (CÀN LONG HOÀNG ĐẾ - HOẰNG LỊCH)

Cao Tông, ông ta tên là Ái Tân Giáo La. Hoằng Lịch (1711 - 1799) ông là con trai thứ 4 của hoàng đế Ung Chính. Hoằng Lịch kế vị khi Ung Chính chết. Ông trị vì 60 năm, ốm chết, hưởng thọ 89 tuổi. Mai táng ở Dụ Lăng - Hà Bắc (nay thuộc tỉnh Hà Bắc).

*

Thời Ung Chính trị vì đã lập Hoằng Lịch làm Bảo Tân Vương, tháng 8 năm 1735 Ung Chính chết, quần thần giục thái giám tổng quản lấy hộp kín ở sau bức trướng xuống xem, tuyên đọc di chiếu trong bản di chiếu đó viết: "Lập con trai thứ 4 là Hoằng Lịch làm người kế vị". Cùng tháng đó Hoằng Lịch lên kế vị và đổi niên hiệu là "Càn Long".

Tương truyền mẫu hậu của Vạn Lịch là Vương Phi của Ung Chính sinh hạ một người con gái. Cùng tháng đó phu nhân của Hải Ninh Trấn Các Lão sinh con gái sẽ không được lòng của Ung Chính nên bà ta trả vờ là đã sinh hạ con trai và bí mật sai người đến nhà của Trần Các Lão bế bé trai vào cung còn đưa con gái mình cho nhà họ Trần nuôi dưỡng. Trần Các Lão đành phải chấp thuận và cũng không dám tấu cáo với hoàng đế. Truyền thuyết nói Hoằng Lịch 6 lần xuống vùng Giang nam và âm thầm đi thăm mẹ.

Trong thời gian Hoằng Lịch trị vì, bình định được bộ tộc Chuẩn Cát Nhĩ, tiêu diệt thế lực của tiểu hòa Trác Lộ mọc ở Thiên Sơn Nam Lễ tăng cường sự quản lí của chính phủ trung ương đối với khu vực biên cương, nghiêm ngặt cự tuyệt yêu cầu mang tính xâm lược của đặc sứ nước Anh. Thời bình định ở Thiên Sơn Nam Lộ, quân Thanh bắt được một phi tử của tiểu hòa Trác Lộ, cô ta là một giai nhân tuyệt sắc, thân thể toát ra một mùi hương kì lạ, mọi người gọi cô ta là Hương Phi. Vạn Lịch vô cùng say đắm cô ta, muốn lấy cô ta làm phi tử và ra lệnh dẫn cô ta nhập cung. Ông còn cho phép cô ta và tùy tùng ăn mặc theo kiểu Hồi giáo và xây dựng một căn phòng và lễ đường theo kiểu kiến trúc Hồi Giáo ở Tây Uyển... Mặc dù ông đối tốt với cô ta như vậy, nhưng cô ta không mảy may động lòng, kiên quyết không chịu khuất phục. Một hôm, cung nữ phụng mệnh của Hoằng Lịch đến khuyên giải Hương Phi, cô ta rút ra một con dao găm khiến các cung nữ trốn chạy ẩn nấp. Thái hậu sợ Vạn Lịch gặp bất trắc, nhân lúc Hoằng Lịch đi cúng tế đã sai gọi Hương Phi đến hỏi cô ta có dự định gì. Hương Phi đáp: "Nguyện lấy cái chết để tỏ lòng thanh bạch". Thái hậu đồng ý và cho cô ta tự sát. Về cung biết chuyện Hoằng Lịch bị ốm một trận. Sau chuyện này ông ra lệnh mang thi thể Hương Phi về Tân Cương chôn cất mai táng và xây mộ cho cô ta. Mấy năm gần đây, các chuyên gia qua khảo sát của thực ra Hương Phi là sủng phi của Vạn Lịch, cô ta người dân tộc Duy Ngô Nhĩ ở Tân Cương, cô ta và gia tộc từng tham gia vào cuộc bình định phản động của quý tộc, để thúc tiến dân tộc đoàn kết và duy trì sự thống nhất của tổ quốc nên cô ta đồng ý tiến vào cung nhà Thanh và nhận được sự sủng ái của Vạn Lịch và thái hậu, cô ta được phong làm phi tần. Cô ta ăn mặc theo kiểu dân tộc mình và từng theo Hoằng Lịch chu du khắp địa phương. Cô ta sống trong cung 28 năm, đến 55 tuổi bị ốm chết và mai táng ở Đông Lăng, trên nắp quan tài có "Kính Khả Lan" chép theo văn Ả Rập. Cô

ta lưu lại một giai thoại cho dân tộc Trung Hoa.

Cô 6 lần Vạn Lịch đi du lãm ở vùng Giang Nam. Đi ra ngoài rất phô trương lãng phí, nhiễu hại dân chúng.

Vạn Lịch còn đại hùng án văn tự, nếu tính trong lịch sử triều Thanh là cố số lượng lớn nhất. Có một văn nhân tên là Hồ Trung Tảo, trong một bài thơ của mình anh ta có viết một câu: "Đem tâm can luận bàn đục thanh", Hoằng Lịch cho rằng câu này có ý phỉ báng nhà Thanh do đó đã sai thiêu chết cả gia tộc nhà Hồ Trung Tảo. Một lần khác Hoằng Lịch nhàn rỗi đi dạo đến thư quán và nơi biên tập ngũ khố toàn thư quốc: "hoàng triều văn hiến thông khảo", "Tục văn hiến thông khảo", tổng biên tập thư quán là Kỉ Vân - là một người béo lùn, do thời tiết oi bức nên anh ta quấn bím tóc quanh đầu - cởi trần ngồi xem sách, thấy Hoằng Lịch đi đến, anh ta không kịp mặc áo đành chui xuống gầm ghế. Hoằng Lịch trả vờ không biết, đến ngồi trên ghế của Kỉ Vân. Kỉ Vân đợi rất lâu, người toát đầy mồ hôi. Anh ta thấy trong phòng tĩnh lặng không có tiếng ai liền thò đầu hỏi: "Lão già đã đi chưa", hỏi xong câu đó mới thấy Hoằng Lịch vẫn đang ngồi trên ghế, anh ta tái mét mặt mày vội chui ra khỏi ghế mặc áo và quỳ lạy xin nhận tội. Hoằng Lịch hỏi: "Tại sao khanh gọi trẫm là lão già? Hãy giải thích xem, nếu nói hợp lý trẫm sẽ miễn tội chết cho khanh, nếu nói không đúng trẫm sẽ định khanh tội chết". Kỉ Vân từ tốn đáp: Từ "lão già" là cách gọi của quần dân đối với hoàng đế chứ không phải do thần tự nghĩ ra. Hoàng đế vạn tuổi, không bao giờ già, hoàng đế luôn sống trong lòng dân chúng, là thiên tử của muôn dân". Hoằng Lịch nghe giải thích rất hài lòng và nói với Kỉ Vân: "Khanh quả có tài biện bạch, trẫm miễn tội cho khanh". Từ đó ngày càng ưu đãi Kỉ Vân, liên tiếp thăng chức cho ông ta.

Vào những năm cuối của cuối đời, Hoằng Lịch lại trọng dụng Hòa Thân. Hòa Thân là vị quan tham lớn nhất trong lịch sử, trong 20 năm anh ta được Hoằng Lịch sủng ái anh ta đã tham ô vô số của cải, chính trị nhục bại, khởi nghĩa nông dân nổ ra liên tục.

9 lần Hoằng Lịch đến Khúc Phụ du lãm. Lần thứ hai đến Khúc Phụ, ông sống tại đầm Cổ Phán (hồ nước hình bầu dục nằm ở phía Nam thành phố Khúc Phụ), cảnh đẹp ở đó làm mê hoặc lòng người, nơi ở của ông đối diện với phong cảnh Nã Dị nhân ông thuận miệng đọc 1 câu thơ: Ông ghi nhớ trong sách đã từng nói: Vào thời Minh thành Khúc Phụ là thành cũ ở Đông Giao dời đến, vậy thì, vậy thì nơi này làm sao có đầm Cổ Phán, một di tích của nước Lỗ được? Đầm Cổ Phán đương nhiên thuộc thành cũ. Do đó ông ta đế hát viết 1 câu:

"Thập Lí Đông Giao Cựu Lỗ Thành

Tân Thành An Đắc Phàn Trí Danh".

Một số bài thơ này đều được khắc lên bia đá và dựng ở bên bờ đầm Cổ Phán. Lần thứ 4 Hoằng Lịch đến Khúc Phụ, ông có kiểm tra một số sách sử và phát hiện thấy thành cũ vốn dĩ đặt tại nơi đây, đến thời Thống dời đến Đông Giao, thời Minh lại quay về chốn cũ, vì vậy thành Cổ Phán đúng là đặt tại nơi đây. Lúc này ông mới biết những bài thơ do mình làm có kết luận sau ông xấu hổ vô cùng. Ông lại viết một bài thơ:

"Đất này vô cùng nổi danh
Thành mới là thành cũ
Quán trọ ngày nay vẫn lưu tồn
Sông Đầm vẫn ở triều Thanh".

Viết xong bài thơ đó ông mới cảm thấy đỡ xấu hổ, tự trách mình đọc sách không kĩ, chỉ biết một mà không biết hai không xem xét kỹ đã vội đưa ra kết luận. Để cáo lỗi với hậu thế, ông ta đem sai lầm của mình viết thành một bài văn và cho khắc là bia đá rồi dựng ở bên bờ đầm Cổ Phán, cho đến hôm nay vẫn tồn tại di tích đó.

Cuối năm 1795, Hoằng Lịch quyết định nhường ngôi cho hoàng thái tử. Ông hạ chiếu nói: "Trẫm lên ngôi từ năm 25 tuổi, lúc đó trẫm từng thề với trời đất, nếu trẫm trị vì được 60 năm, thì sẽ truyền ngôi cho hoàng thái tử, không dám ở ngôi bằng số năm của hoàng tổ (chỉ Khang Hi). Bây giờ trăm trị vì đã 60 năm, không dám vi phạm lời thề, trẫm quyết định nhường ngôi cho con trai thứ 15 là Ưng Diễn. Tạm thời Ưng Diễn chưa đủ sức quản lí việc quốc sự. Trẫm sẽ chỉ dạy cho Ưng Diễn". Đại thần Hòa Thân ra sức ngăn cản nhưng Hoằng Lịch không nghe ngày Mậu Thân tháng 1 năm 1796 đã tổ chức đại lễ nhường ngôi tại điện Thái Cập, Hoằng Lịch xưng là thái thượng hoàng, nhưng vẫn nắm giữ quyền lực trong triều.

Tháng 1 năm 1799, Hoằng Lịch bị ốm, rất nhiều ngự y được gọi đến chữa trị cho ông ta nhưng không có kết quả. Ông mất ngày Nhâm Tuất tại điện Dưỡng Tâm.

Hiệu miếu của Hoằng Lịch là Cao Tông, trong sử gọi là Càn Long hoàng đế.

NHÂN TÔNG (GIA KHÁNH HOÀNG ĐẾ - ƯNG DIỄN)

Nhân Tông, ông tạ tên là Ái Tân Giáo La. Ưng Diễn (1760 - 1820). Ông là con trai thứ 15 của hoàng đế Càn Long. Ông được Càn Long nhường ngôi và lên kế vị. Ưng Diễn trị vì 25 năm ốm chết, hưởng thọ 61 tuổi. Mai táng ở Xương Lăng (nay thuộc núi Vĩnh Ninh thị trấn Thái Ninh cách 50 km về phía Tây huyện Dị tỉnh Hà Bắc).

*

Thời Càn Long trị vì đã lập Ưng Diễn làm Gia Tân Vương. Năm 1796 Càn Long nhường ngôi cho Ưng Diễn và cho đổi niên hiệu là "Gia Khánh".

Sau khi Ưng Diễn lên kế vị, việc quốc gia đại sự vẫn do thái thượng hoàng Càn Long quyết định. Năm 1799 Càn Long chết, Ưng Diễn mới đích thân chủ trì quốc sự. Được 6 ngày sau khi tự thân điều hành triều chính ông ra lệnh bắt giữ Hòa Thân, tịch thu tài sản ước tính khoảng 1 tỉ lạng bạc trắng, tương đương với tổng thu nhập tài chính của triều đình Thanh khoảng 20 năm. Được ít lâu Hòa Thân bị xử tội chết.

Trong thời gian Ưng Diễn trị vì, hầu như đất đai tập chung vào tay quan lại và địa chủ, nông dân bị phá sản và phải sống lưu vong, chính trị nhục bại, khởi nghĩa nông dân bùng nổ liên tiếp, ví dụ phái Bạch Liên Giáo và Thiên Lí Giáo. Vương triều Thanh đi vào tình trạng suy bại.

Ngày 20 tháng 2 năm 1803, Ưng Diễn từ vườn Viên Minh quay về Đại Nội, đi đến cửa Thuận Trinh, đột nhiên có một hán tử xông ra hành thích, 100 vệ binh đi theo bảo vệ Ưng Diễn, ai nấy đều kinh hãi, may thay có vài Tân Vương hét bọn chúng đánh thích khách bảo vệ hoàng đế, bắt được thích khách. Hóa ra thích khách tên là Trần Đức, anh ta vốn là một dân thường vì nghèo khổ cùng cực hận sự đàn áp của giai cấp địa chủ nên mới xả thân vào hoàng cung, định hành thích hoàng đế. Sau chuyện này, cả nhà Trần Đức bị giết sạch.

Tháng 9 năm 1813 Ưng Diễn rời cung đi săn ở Mộc Lan. Lúc này một nhánh quân khởi nghĩa Lí Thiên Giáo, quyết định chiếm giữ hoàng cung trong lúc vương công đại thần ra ngoại thành đón Ưng Diễn, trong cung không có ai, nhằm lật đổ triều Thanh. Ngày 14 tháng 9 quân khởi nghĩa cải trang thành thương nhân, cất giấu vũ khí và trà trộn vào kinh thành, sau khi liên kết với một số thái giám trong hoàng cung, trưa ngày 15 phát động khởi nghĩa, xông vào cửa Tây Hoa, men theo hoàng đạo tiến đến cửa Long Tông. Quân cấm vệ vội vàng đóng cửa lớn. Quân khởi nghĩa vòng cừa Dưỡng Tâm trốn vào những lùm cây và trèo lên tường, chẳng may bị hoàng tử thứ hai sai lính đốt lửa đánh bại. Sau chuyện này Ưng Diễn lo lắng trong lòng lên sai chặt bỏ cây. Các hoàng đế đời sau cũng lấy đó làm bài học nên không dám trồng cây.

Ngày Nhâm Thân tháng 7 năm 1820 Ưng Diễn lại đi săn ở Lan Mộc và tạm trú ở sơn trang. Ngày Kỉ Mão ông thấy đau đầu, người nông như lửa, ông cho rằng trời nắng nóng nên không để

phòng. Không ngờ, bệnh tình ngày một nghiêm trọng, ông biết khó lòng qua khỏi nên tuyên gọi các đại thần vào dặn dò. Chiếu theo gia pháp ông đã bí mật lập con trai thứ hai là Dân Ninh làm hoàng thái tử. Hiện Dân Ninh đang đi theo hầu trẫm, tuyên bố lập Dân Ninh làm người kế vị. Ngày 25 ông băng hà.

Hiệu miếu của ông là Nhân Tông và trong sử gọi ông là Gia Khánh hoàng đế.

TUYÊN TÔNG (ĐẠO QUANG HOÀNG ĐẾ - DÂN NINH) (THANH)

Tuyên Tông, ông ta tên là Ái Tân Giáo La. Dân Ninh (1782 - 1850). Ông là con trai thứ 2 của hoàng đế Gia Khánh. Dân Ninh kế vị khi Gia Khánh mất. Ông trị vì 30 năm, ốm chết, hưởng thọ 69 tuổi. Mai táng ở Mộ Lăng (nay thuộc núi Vĩnh Ninh thị trấn Thái Ninh cách 50 km về phía Tây huyện Dị tỉnh Hà Bắc).

*

Ngày 25 tháng 7 năm 1820 Gia Khánh ốm chết, cùng ngày hôm đó Dân Ninh lên kế vị và đổi niên hiệu là "Đạo Quang".

Trong thời gian Dân Ninh trị vì, đã nổ ra cuộc chiến tranh Nha Phiến. Ông do dự ngần ngừ lúc đánh lúc hòa, cuối cùng thực hiện chính sách phản động "Muốn chống ngoại xâm trước tiên cần làm yên ổn nội bộ". Về đối nội ông trấn áp nhân dân, áp chế phái kháng chiến như: Lâm Tắc Từ, Đặng Đình Trinh, Dương Phương trọng dụng những người trong phái đầu hàng như: Mục Chương Hà, Kì Thiện, Dịch Sơn, Dịch Kinh... Về đối ngoại ông thỏa hiệp đầu hàng và cùng với phương Tây kí kết một loạt điều ước làm nhục quốc thể và tổn hại tới chính quyền, ví dụ như "điều ước Nam Kinh", khiến Trung Quốc rơi vào một xã hội nửa thực dân.

Vào những năm cuối đời Dân Ninh định lập con trai thứ 4 là Dĩnh Chủ làm hoàng thái tử, về sau lại thích con trai thứ 6 là Dịch Tân. Vì nhiều chuyện rắc rối nên chưa hạ quyết tâm. Thầy giáo của Dĩnh Chủ là người Tân Châu, ông ta là đại học sĩ Đỗ Thụ Điền, rất mong muốn Dĩnh Chủ lên kế vị. Một hôm Dịch Chủ phụng mệnh của Dân Ninh đi săn ở Nam Uyển. Đỗ Thụ Điền nói với Dịch Chủ: "Con đã đến Nam Uyển, chỉ cần ngồi xem các anh em cưỡi ngựa săn bắn, tự mình nhất định không được làm thay cho kẻ khác, hơn nữa cũng đừng để tùy tùng của con đi săn. Nếu hoàng thượng có hỏi, con chỉ cần trả lời theo kiểu này, nhất định giành được lòng tin của hoàng đế". Và Đỗ Thụ Điền còn dặn đi dặn lại Dịch Chủ "Việc này có quan hệ tới vinh hoa phú quý của cuộc đời con, con nhất định phải làm theo cách làm của thầy". Đến bãi săn quả nhiên Chu Dĩnh không săn bắn và còn cấm thuộc hạ của mình không được bắn sinh vật, mặc cho các anh em huynh đệ đua nhau đi săn: Các anh em hỏi Dĩnh Chủ tại sao không đi săn, Chu Dĩnh trả lời vì sức khỏe không tốt nên không đi, cuối chiều khi hoàng hôn các hoàng tử đều về cung báo cáo chiến lợi phẩm đi săn của mình. Trong các hoàng tử có Dĩnh Tâm là săn được nhiều nhất, trong khi đó Dĩnh Chủ chẳng có một con vật gì. Dân Ninh bực bội trách mắng Dĩnh Chủ "Tại sao con đi săn cả ngày mà không được một con thú nào vậy?" Dĩnh Chủ từ tốn trả lời: "Nhi thần tuy vô năng, nhưng nếu thần ra tay nhất định sẽ săn được thú, con nghĩ rằng mùa xuân vừa đến, chim thú vừa mới mang thai, nhi thần không nỡ tay sát hại và cũng không muốn cùng anh em tranh giành tài năng". Dân Ninh nghe xong, rất vui mừng và nói: "Được được,xem ra con là người đại ân đại đức, tương lai nhất định là một minh quân, trị lí tốt việc trong thiên hạ". Dân Ninh bí mật lập Dĩnh Chủ làm người kế vị và cất di chiếu vào trong hộp kín đặt ở sau bức trướng chính đại quang minh.

Ngày Bính Ngọ tháng 1 năm 1849, Dân Ninh ốm do buồn rầu về việc chính sự, thời gian đầu ông miễn cưỡng lâm triều giải quyết việc chính sự, ngày Đinh Mùi tháng 1 năm 1850 bệnh tình của ông chuyển ra nghiêm trọng. Ông biết không còn hi vọng phục hồi sức khỏe, gọi vội vàng triệu tập Tài Thuyên ở phủ Tông Nhân, đại thần Tái Viên, Hoa Đoan, Tăng Cách Lân Tất, đại thần quân cơ Mục Bành Hà, Trại Thượng Hà... đại thần phủ nội vụ là Văn Khánh... sai bọn họ và

thái giám tổng quản đi lấy hộp kín ở cung Càn Thanh để tuyên đọc chiếu thư. Chiếu thư chỉ có 5 chữ: "Con thứ 4 Dĩnh Chủ". Buổi trưa, Dân Ninh băng hà.

Hiệu miếu của Dân Ninh là Tuyên Tông. Trong sử gọi ông là Dạo Quang hoàng đế.

VĂN TÔNG (HÀM PHONG HOÀNG ĐẾ - DĨNH CHỦ) (THANH)

Văn Tông, ông ta tên là Ái Tân Giáo La. Dĩnh Chủ (1831 - 1861). Ông là con trai thứ 4 của Đạo Quang hoàng đế. Dĩnh Chủ kế vị khi Đạo Quang chết. Ông trị vì 11 năm, bị ốm chết. Hưởng thọ 31 tuổi. Mai táng ở Định Lăng - Hà Bắc (nay ở núi Xương Đoan cách 70 km về phía Tây Bắc huyện Tôn Hóa tỉnh Hà Bắc).

*

Ngày Đinh Mùi tháng 1 năm 1850 Đạo Quang chết, ngày Kỉ Mùi Dĩnh Chủ lên kế vị và đổi niên hiệu là "Hàm Phong".

Trong thời gian Dĩnh Chủ trị vì, lần lượt bùng nổ cuộc khởi nghĩa Thái Bình Thiên Quốc và cuộc chiến tranh nha phiếm lần thứ 2. Ông dựa vào địa chủ tộc Hán và sự cứu viện của bọn người phương Tây xâm lược vào Trung Quốc để đàn áp đẫm máu quân Thái Bình. Quân Thái Bình không chịu tập chung lực lượng để tiến hành Bắc Phạt và phát sinh "Thiên kinh sự biến". Khiến quân Thanh có cơ hội nghỉ ngơi. Hàm phong thỏa hiệp cầu hòa với quân Anh, Pháp, Nga, ông ta còn bồi dưỡng thêm khí thế cho quân xâm lược, kí kết các điều ước bán nước, ví dụ: điều ước "Thiên Tân", "điều ước Bắc Kinh", khiến Trung Quốc bước thêm một bước vào chế độ nửa thực dân.

Cuộc sống của Dĩnh Chủ hoang dâm hơn so với cha ông tổ tiên. Năm thứ hai sau khi lên ngôi, ông ra lệnh tuyển chọn các mĩ nữ về cung, người được ông ta sủng ái là Lan Nhi (về sau này trở thành thái hậu Từ Hi). Ông vài lần cùng gia nhân và hoạn quan tuyển chọn các cô gái dân tộc Mãn và dân tộc Mông, phá hoại quy tắc tổ tông, chọn phụ nữ tộc Hán vào cung. Trong đó có 4 người được sủng ái nhất là: Mẫu đơn xuân, võ lâm xuân, hải đường xuân, hạnh hoa xuân, người thời đó gọi là "Tứ xuân nương nương", các cô gái đó cư trú ở vườn Viên Minh. Một lần có một đoàn thiếu nữ bị xếp hàng ngoài cửa cung Khôn Ninh để Dĩnh Chủ tuyển chọn. Các thiếu nữ nghĩ đến tình cảnh pải li biệt người thân nên đều không ngăn được dòng nước mắt, ở bên ngoài cung Khôn Ninh vang lên tiếng khóc than. Tổng quản thái giám to tiếng quát nạt bọn họ: "Hoàng thượng sắp đến nếu các cô không nín khóc. Hoàng thượng mà nhìn thấy các cô nước mắt ngắn nước mắt dài, ắt hẳn các cô sẽ bị đòn". Có một thiếu nữ không sợ những lời dọa nạt đó, cô ta bước đến trước mặt tổng quản thái giám và mắng chửi: "chúng tôi phải lìa xa bố mẹ và người thân, tiến vào cung để đợi xếp hàng tuyển chọn, kỳ thật là không có cách gì; bị chọn đến đây rồi cũng bị giam lỏng suốt đời, chẳng khác gì tội phạm. Ai mà chẳng đau khổ, nghĩ đến cha mẹ vất vả cả đời nuôi chúng tôi trưởng thành, vậy mà chúng tôi không báo đáp được công ơn cha mẹ, sống mà li biệt cha mẹ thì còn đau khổ hơn là chết. Bây giờ thiên hạ đại loạn. Hoàng thượng không hạ chiếu lựa chọn nhân tài, tích lũy lương thực, bảo vệ giang sơn, chỉ biết đắm chìm trong nữ sắc, cưỡng ép con gái nhà lành, khiến họ cả đời không nhìn thấy ánh mặt trời, thử hỏi xem các anh minh quân chủ có ai như vậy không?" Các thái giám nghe vậy, ai nấy đều thất kinh. Lúc này, Dĩnh Chủ đi đến, thái giám hoảng hồn trói cô gái đó và giải đến trước mặt Dĩnh Chủ, bọn họ muốn cô gái quỳ xuống nhận tội. Cô gái không cự không quỳ vẫn cao giọng nói: "Hôm nay tôi quyết định chọn cái chết, nhất quyết không quỳ". Dĩnh Chủ nói: "Những lời khanh vừa nói! Trẫm chỉ nghe được một nửa, khanh hãy nói lại cho trẫm nghe". Cô gái đó lại mắng chửi Dĩnh Chủ một lần nữa. Dĩnh Chủ nói: "Khanh quả thật không sợ chết à!" Cô gái đáp: "Tôi chết rồi, ngàn đời vẫn lưu danh tên tuổi của tôi, ngược lại ông là hoàng thượng mà lại tự tách mình ra như thế?". Nói xong, cô gái lao mình định đập đầu vào cột đá, may thay thái giám giữ cô ta lại được. Dĩnh Chủ thấy cô ta không sợ chết, nếu giết cô ta sẽ tự hủy hoại thanh danh của mình, do đó ông ta nhốt cô gái vào cung.

Tháng 9 năm 1860 liên quân Anh Pháp tiến gần Bắc Kinh. Dĩnh Chủ vội vàng dẫn hoàng hậu và Ná Nạp Thị (về sau này là thái hậu Từ Hi), "tứ xuân nương nương" và hơn 100 nữ hầu... chạy đến Nhiệt Hà. Được ít lâu liên quân Anh Pháp tiến hẳn vào Bắc Kinh, đốt cháy vườn Viên Minh. Sau chuyện này, Dĩnh Chủ phái Cung Tân Vương Dĩnh Tâm đi đàm phán với quân xâm lược, cắt đất cầu hòa. Nhưng Dĩnh Chủ vẫn không dám quay về Bắc Kinh. Tháng 7 năm 1861, Dĩnh Chủ sinh bệnh. Ngày Nhâm Dần, ông thấy bệnh tình của mình chuyển ra nguy kịch, ông tuyên gọi các đại thần: Tái Viên, Đoan Hoa, Túc Thuận, Cảnh Thọ, Khuông Nguyên, Đỗ Hàn, Mục Ân, Tiêu Hựu Thắng để tiếp nhận di lệnh. Ông hạ lệnh lập con trai lớn là Tái Thuần làm hoàng thái tử. Vì hoàng thái tử còn nhỏ do đó ông hi vọng 8 vị đại thần hết lòng trợ giúp. Ngày hôm sau (ngày Quý Mão) ông mất tại tẩm cung ở sơn trang Tị Thử.

Hiệu miếu của Dĩnh Chủ là Văn Tông. Trong sử gọi ông là Hàm Phong hoàng đế.

MỤC TÔNG (THUẬN TRỊ HOÀNG ĐẾ - THÁI THUẦN) (THANH)

Mục Tông, ông ta tên là Ái Tân Giáo La. Tái Thuần (1856 - 1875). Ông là con trưởng của hoàng đế Hàm Phong. Ông kế vị khi Hàm Phong chết. Ông trị vì 13 năm, bị chết vì bệnh giang mai. Hưởng thọ 19 tuổi. Mai táng ở Huệ Lăng (na ở núi Xương Đoan cách 70 km về phía Tây Bắc huyện Tôn Hoa tỉnh Hà Bắc).

*

Mẹ đẻ của Tái Thuần là Từ Hi. Ngày Quý Mão tháng 7 năm 1861 Hàm Phong chết, cùng ngày hôm đó Tái Thuần lên kế vị và đổi niên hiệu là "Kì Tường".

6 tuổi, Tái Thuần đã lên ngôi hoàng đế, do 8 đại thần phụ giúp công việc triều chính. Tháng 10 năm đó, mẹ đẻ của Tái Thuần là Từ Hi và Dĩnh Tâm hợp mưu phát động binh biến cung đình, hai bọn họ lợi dụng hoàng thất chuyển từ Nhiệt Hà về Bắc Kinh, nên đã loại bỏ 8 vị đại thần cướp đoạt chính quyền và cho đổi niên hiệu là "Đồng Trị". Lấy năm sau là năm Đồng Trị đầu tiên. Trong lịch sử gọi cuộc chính biến này là "cuộc biến Kì Tướng". Từ đó Thái hậu Từ Hi bắt đầu nắm giữ triều chính, đi tới con đường câu kết với bọn xâm lược. Chính phủ Thanh thực hiện chính sách mượn lính phương Tây để đàn áp khởi nghĩa", trấn áp các cuộc khởi nghĩa: thái bình thiên quốc, dân Miên, dân Hồi,... tạm thời làm dịu mối nguy hiểm đe dọa sự thống trị vương triều Thanh. Vì vậy, niên giám Đồng Trị trị vì, giai cấp thống trị Thanh bị thổi phồng là "Đồng Trị trung hưng".

Tái Thuần hoang dâm vô cùng ông ta còn hơn cha đẻ là Hàm Phong rất nhiều. Ông ta có nhiều hậu phi, nhưng vẫn dẫn hai thái giám và cải trang làm dân thường đi ra khỏi cung đến khu kí nữ ở thành nam để tìm hoa ghẹo nguyệt nửa đêm vẫn chưa về cung.

Theo truyền thuyết trong một thời gian dài ông ta bị bệnh giang mai. Lúc đầu, ông ta cảm thấy toàn thân nóng ran, miệng khát, lưng đau. Ngự y không đoán được là bệnh gì, nên đành chữa trị theo bệnh cảm mạo thông thường. Liên tiếp vài ngày, còn sốt vẫn không dứt toàn thân nọc ra những nốt đỏ, khi vào giai đoạn cuối phần đầu và phần mặt đều đỏ ối, những nốt đỏ ở má bên trái bị vỡ những nốt mụn đỏ máu chảy, hai bên má đều bị thương, lợi xỉn màu đen, giọng khản phải khó khăn lắm mới nói ra lời. Thái hậu Từ Hi sợ Tái Thuần soi gương sẽ nhìn thấy dung nhan xấu xí, do đó bà ta ra lệnh cho thái giám cất hết gương ở điện Dưỡng Tâm. Tái Thuần đòi soi gương, hoàng hậu viện lí do người bệnh không được soi gương để nhằm cản trở ông ta.

Để bảo vệ sự uy nghi của một đế vương, nên không dám công bố Tái Thuần bị bệnh giang mai mà chỉ nói là bị bệnh đầu mùa. Một hôm hoàng hậu của Tái Thuần đi tới điện Dưỡng Tâm thăm ông và nói với Tái Thuần: thái hậu Từ Hi hơi một tí là mắng cô ta mặc dù chỉ là những chuyện không đâu, và cô ta còn khóc nấc lên từng hồi. Thái hậu Từ Hi vốn dĩ không thích có

con dâu đó, bà ta còn sai người giám sát theo dõi. Ngày hôm đó Từ Hi nghe nói hoàng hậu đi thăm hoàng đế, Từ Hi bèn đứng ngoài lầu các Đông Noãn điện Dưỡng Tâm để nghe trộm cuộc chuyện trò giữa hai người. Bà ta nghe hoàng hậu nói xấu mình, nhất thời tức giận đùng đùng đi ra khỏi chỗ nấp, xông thẳng vào chỗ hoàng hậu túm tóc và tát túi bụi cô ta, gọi thái giám đến chuẩn bị trừng phạt hoàng hậu. Tái Thuần thấy cảnh đó, liền hôn mê bất tỉnh, Từ Hi mới không dùng hình đối với hoàng hậu. Bệnh tình của Tái Thuần ngày càng trầm trọng, ngày Giáp Tuất tháng 12 năm 1874 ông ta băng hà. Không ít học giả cho rằng, Tái Thuần chết vì bệnh đậu mùa chứ không phải vì bệnh giang mai.

Hiệu miếu của Tái Thuần là Mục Tông. Trong sử gọi là Đồng Trị hoàng đế.

Vì cái chết của Tái Thuần mà hoàng hậu bị Từ Hi quy tội. Hôm mà Tái Thuần chết, hoàng hậu định ngậm oan tự sát, may mà có người phát hiện được cứu sống cô ta. Lúc này Tái Thuần chưa có con, nhưng hoàng hậu đã mang thai. Từ Hi bất chấp sự phản đối của các đại thần liền nhận con trai của em gái mình làm con nuôi (cậu bé tên là Tái Điền mà chỉ lên 4 tuổi), và cho cậu bé làm hoàng đế (Quang Tự).

Đến lúc này thế hệ hoàng đế cha chết con kế vị đã bị đứt đoạn. Từ Hi lo lắng, về sau hoàng hậu của Tái Thuần sẽ sinh con trai, lúc đó hoàng hậu sẽ trở thành hoàng thái hậu và ảnh hưởng đến địa vị của Từ Hi, do đó bà ta hạ mật lệnh cắt đứt nguồn lương thực của hoàng hậu. Hoàng hậu chỉ còn biết dựa vào cha mẹ để xin lương thực nhằm duy trì sự sống và hỏi cách xử sự nên là thế nào: Cha cô ta gửi thư và một ít lương thực đến, trong bức thư chỉ có 4 chữ: "hoàng hậu thánh minh", ý nói không ai cứu được con, chỉ có bản thân con quyết định được chuyện của mình. Hoàng hậu tuyệt vọng, đến canh ba đêm 20 tháng 2 năm 1875 cô ta thắt cổ tự vẫn.

ĐỨC TÔNG (QUANG TỰ HOÀNG ĐẾ - TÁI ĐIỀN)
(THANH)

Đức Tông, ông ta tên là Ái Tân Giáo La. Tái Điền (1871 - 1908). Ông là cháu của thái hậu Từ Hi. Tái Điền kế vị khi hoàng đế Đồng Trị chết. Ông trị vì 38 năm, một thuyết nói bị Từ Hi hoặc Viên Thế Khải hại độc chết, một thuyết nói bị ốm chết. Hưởng thọ 38 tuổi. Mai táng ở Tông Lăng (nay ở núi Vĩnh Ninh thị trấn Thái Ninh cách 50 km về phía Tây huyện Dị tỉnh Hà Bắc).

*

Tái Điền là con trai của Thuần Tân Vương Dĩnh Xuyên, và là cháu ruột của Từ Hi. Đồng Trị chết không có con, Từ Hi quyết định lập Tái Điền lên kế vị. Rất nhiều đại thần phản đối. Khanh sứ Ngô Khả Độc quyết định lấy cái chết để can gián. Ông ta nuốt thuốc phiện sau đó đi gặp Từ Hi. Ông không sợ chặt đầu nên cao giọng nói: "Thái hậu có biết Tái Điền không phải là người kế vị mang dòng phái chính thống. Thái hậu chọn anh ta chỉ vì anh ta là con ruột của em gái thái hậu, nếu anh ta lên kế vị thái hậu có thể tiếp tục lâm triều nghe việc chính sự, nắm giữ đại quyền. Các hạ thần đều phản đối cách làm đó của thái hậu. Anh em ruột của tiên hoàng (chỉ Đồng Trị) là Phó Luân Tân Vương có thể là người kế vị. Hôm nay thần can đảm nói những lời nói này, thần biết thái hậu nhất định dùng hình với thần. Nhưng thần đã nuốt thuốc phiện rồi, sắp giã từ cõi trần rồi, trước lúc chết, thần nhất định nói rõ với thái hậu, thái hậu chọn Tái Điền làm người kế vị sẽ làm cho thiên hạ phỉ nhổ, hận thù. Nói xong, ông ta chạy đến trước mộ Đồng Trị và chết ở đó. Từ Hi vẫn nhất quyết bảo vệ ý định của mình. Ngày Ất Hợi tháng 12 năm 1874 bà ta lập Tái Điền làm hoàng đế và đổi niên hiệu là "Quang Tự".

Lên 5 tuổi, Tái Điền lên kế vị. Từ Hi rất chuyên quyền. Năm 17 tuổi Tái Điền bắt đầu nắm chính sự, ông tận mắt thấy cuộc chiến tranh Giáp Ngọ mang đến nỗi khổ và sự nhục nhã cho các đại thần, ông một lòng một dạ muốn làm nên nghiệp lớn, đề cao địa vị của Trung Quốc trên thị trường quốc tế. Từ năm 1895 đến năm 1898, ông hưng khởi vẫn động Duy Tân. Ông muốn giành được sự giúp đỡ của phái Duy Tân, chính trực nắm giữ chính quyền, nên phát sinh mâu thuẫn với Từ Hi. Cuộc cách mạng Duy Tân chỉ diễn ra 100 ngày, ông ban bố một số chiếu lệnh

có lợi cho sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, và đã gây ra sự báo thù của phái Bảo thủ. Từ Hi đã bàn bạc với đại thần của phái Thủ Cựu là Vinh Lộc, trong lúc Từ Hi và Quang Tự đi Thiên Tân kiểm duyệt quân đội thì Vinh Lộc ở nhà sẽ phát động chính biến phế truất Tái Điền. Tái Điền được tin vội thông báo cho các đại thần trong phái Duy Tân như: Khang Hữu Vi, Lương Khải Tân ủy thác nhiệm vụ trọng đại cho Viên Thế Khải, bọn họ phái Đàn tự Đồng đan đêm hôm khuya phải đi gặp Viên Thế Khải, muốn anh ta trong lúc duyệt binh phát động binh biến giết chết Vinh Lộc, giam giữ Từ Hi, phụ giúp Tái Điền duy trì chính quyền mới. Viên Thế Khải cũng hứa sẽ trung thành với hoàng đế, nhất định làm theo kế hoạch của mọi người. Nhưng sau khi Đàn Tự Đồng cáo biệt ra về, anh ta lại đi báo cáo với Vinh Lộc, bà tay quay về Tử Cấm Thành. Tái Điền biết sự tình bị bại lộ, họa lớn sắp đổ xuống lên vội sai người đi báo với những người trong phái Duy Tân và bảo bọn họ chạy trốn. Tái Điền bị Từ Hi gọi đến lễ đường Nghĩa Chính bị ép viết chiếu thoái vị và giao ấn ngọc cho Từ Hi, sau đó bị giải đến Doanh Đài ở Nam Hải, cách biệt với thế giới bên ngoài, thậm chí Chân Phi là bạn tri âm tri kỉ của ông ta cũng bị giam giữ ở chỗ khác. Trong phái Duy Tân chỉ có Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu là chạy trốn ra nước ngoài, còn 6 người khác như: Đàn Tự Đồng... đều bị giết. Ngày Mậu Tuất biến pháp Duy Tân tuyên bố bị thất bại.

Tái Điền bị giam giữ ở Doanh Đài và do 4 thái giám thân tín của Từ Hi giám sát. Ông ta có lúc ngồi trên Bá Đài khoanh hai tay trước ngực, ưu tư buồn rầu, có lúc lại nằm trên giường đau khổ nghỉ ngơi. Lúc thái giám buông lỏng không chú ý, ông ta lại lén lút viết nhật kí. Ông bị giam lỏng gần 2 năm. Năm 1900 liên quân 8 nước tiến vào Bắc Kinh Tái Điền bị Từ Hi dẫn chạy đến Tây An. Lúc sắp đi Từ Hi sai thái giám Lí Liên Anh đẩy Chân Phi xuống giếng ở trong Đông Hoa Môn. Tháng 1 năm 1902 Tái Điền bị Từ Hi dẫn quay về Bắc Kinh và vẫn bị giam lỏng ở Doanh Đài.

Tháng 10 năm 1908 Tái Điền bị ốm, lúc này Từ Hi cũng bị ốm. Trong nhật kí của Quang Tự có đoạn viết: "Hiện giờ bệnh tình của tôi rất nghiêm trọng, nhưng tôi nghĩ rằng lão phật giao (chỉ Từ Hi) sẽ chết trước tôi. Nếu đúng như vậy, tôi sẽ ra lệnh chém chết Viên Thế Khải và Lí Liên Anh". Không ngờ đoạn nhật kí này bị Lí Liên Anh đọc được, anh ta báo cáo với Từ Hi và nói: "Hoàng thượng muốn chết sau lão phật gia". Từ Hi nghe xong giận dữ nói: "Ta không thể chết trước Tái Điền!" Ngày hôm đó (ngày Quý Dậu) bà ra lệnh cho Lí Liên Anh phục vụ cơm nước và thuốc thang cho Quang Tự. Chiều hôm đó bệnh của Tái Điền chuyển ra nguy kịch, được lúc lâu thì chết. Có thuyết nói Từ Hi hại độc chết Quang Phổ. Có học giả cho rằng, do Viên Thế Khải phản bội lại phái Duy Tân khiến Từ Hi trấn áp cuộc vận động Duy Tân. Khiến cuộc vận động đó chỉ kéo dài 100 ngày. Viên Thế Khải lo nếu Từ Hi chết, Tái Điền khôi phục ngôi vị sẽ hỏi tội anh ta, do đó anh ta câu kết với Khánh Tân Vương Dĩnh Khuông, định phế truất Tái Điền và lập con của Dĩnh Khuông lên kế vị, nhưng việc không thành, đành ra tay hạ độc Tái Điền. Mấy năm gần đây các nhà sử học căn cứ vào những tài liệu có liên quan tới những vụ án trong cung đình Thanh cho rằng Tái Điền bị ốm chết. Từ nhỏ Tái Điền đã ốm yếu. Sau khi trưởng thành lại thêm tinh thần bị đau khổ khiến cho bệnh tình thêm nghiêm trọng. Bị dồn nén về tinh thần cộng thêm vào đó là ốm đau vặt do đó dẫn tới cái chết. Thuyết này được nhiều học giả tiếp nhận.

Hiệu miếu của Tái Điền là Đức Tông. Trong sử gọi là Quang Tự hoàng đế.

TỪ HI THÁI HẬU (DIỆP HÁCH NÀ LẠP) (THÀNH)

Từ Hi bà ta tên là Diệp Hách Nà Lạp (1835 - 1908), bà ta là người dân tộc Mãn, bà ta xuất thân là một tú nữ ở trong cung, bà là mẹ đẻ của hoàng đế Đồng Trị, bà là Ý Quý Phi của hoàng đế Hàm Phong. Hàm Phong chết, bà ta che rèm nhiếp chính. Nắm giữ quyền hành trong triều 48 năm, về sau ốm chết, hưởng thọ 74 tuổi. Mai táng ở Định Lăng (nay là huyện Tôn Hoa tỉnh Hà Bắc).

*

Cha đẻ của Từ Hi là Đạo Viên, về sau gia cảnh bị suy bại. Tháng 5 năm 1851 Từ Hi bị tuyển chọn làm tú nữ về sau giành được sự sủng ái của Hàm Phong nên được phong làm quý nhân. Tháng 2 năm 1855 được phong làm Ý tần. Tháng 3 năm 1856 sinh hạ được một người con trai (Đồng Trị) cùng vào tháng đó được tấn phong làm Ý phi. Năm sau lại được phong làm Ý Quý Phi, dần dần địa vị ngày một nâng cao, bà ta một lòng muốn thâu tóm triều chính. Thời Hàm Phong còn sống đã phòng bị bà ta. Tháng 7 năm 1861 trước lúc lâm chung Hàm Phong đã từng đòi gặp tất cả các hậu phi chỉ trừ có bà ta là không cho vào gặp. Hàm Phong còn viết một di chiếu giao cho hoàng hậu (chính là thái hậu Từ An), nói: "nếu một này nào đó Từ Hi muốn lật đổ triều chính thì tuyên đọc chiếu thư để phế bỏ Từ Hi". Sau khi Hàm Phong chết, Từ Hi nhiều lần lừa gạt để lấy lòng tin của Từ An khiến Từ An đốt bức di chiếu đó, sau đó Từ Hi cùng Cung Tân Vương Dĩnh Tâm hợp mưu phát động "chính biến kì tướng", giết chết cố mệnh đại thần, cướp đoạt đại quyền. Trong thời gian Đồng Trị và Quang Phổ trị vì bà ta đã thâu tóm quyền hành và trấn áp cuộc cách mạng Duy Tân, bà ta 3 lần buông rèm chấp chính, trở thành người thống trị trong vương triều Thanh ở niên giám Đồng Trị và Quang Tự.

Trước khi bị tiến vào cung, bà ta đã yêu thống lĩnh của cấm vệ quân là Vinh Lộc. Sau khi nhiếp chính bà ta giúp Vinh Lộc có binh lực và địa vị. Trong những cuộc đấu tranh trong cung đình, bà ta đều dựa vào lực lượng của Vinh Lộc nên giành được thế thắng.

Trong thời gian Đồng Trị trị vì, bà ta xưng là làm thái hậu Từ Hi và gọi là "Tây Thái hậu". "Ná Lập Thái hụ". Có một lần vùng Đông ắc bị hạn hán, Từ Hi đến cửa Phật cầu mưa. Ba ngày sau quả nhiên mưa lớn. Thái giám Lí Liên Anh thừa cơ xúi giục bà ta:

Thái hậu quả là tài giỏi đến trời phật cũng nghe lời thái hậu. Thái hậu quả thật giống Lão Phật Gia. Từ đó Từ Hi xưng là Lão Phật Gia.

Trong thời gian Từ Hi nhiếp chính bà ta dựa vào thế lực phản động trong vả ngoài Trung Quốc để trấn áp quân thái bình thiên quốc và khởi nghĩa nông dân ở các địa phương duy trì cuộc vận động Dương vụ kí kết một loạt điều ước làm nhục quốc với bọn xâm lược. Lợi dụng vào đó trấn áp vận động nghĩa hòa đoàn, phân hòa và trấn áp phái cách mạng giai cấp tư sản. Bà ta là đại biểu cho giai cấp thống trị phong kiến trong xã hội nửa thực dân nửa phong kiến để dựa vào chủ nghĩa đới quốc, là một công cụ tội ác của chủ nghĩa đới quốc để thống trị nhân dân Trung Quốc.

Từ Hi cũng là một người phụ nữ có thế lực phi thường mãnh liệt. Để bảo vệ sự tôn nghiêm và quyền uy của mình, bất luận là thân thích ruột thịt hoàng thân quốc thích, nếu thuận theo bà ta thì sống, không thuận thì chết. Bà ta còn lừa cả thái hậu Từ An để Từ An tiêu hủy di chiếu sau đó dùng độc hại chết Từ An, để duy trì và bảo vệ quyền lực, bà ta đã ép hoàng hậu của Đồng Trị và sát hại Chân Phi.

Thái hậu Từ Hi tàn nhẫn đa nghi, tính khí thất thường. Không vừa ý liền ra lệnh giết thái giám nô tì. Vì thế, do chủ là ai nếu đã về phe Từ Hi đều phải đề cao cảnh giác. Chẳng may bị họa lớn rơi vào đầu. Thậm trí một số thái giám tâm phúc của bà ta đều thể hiện sự khom lưng quỳ gối, phục tùng suốt đời, từ đáy lòng của họ vẫn có dự định khác. Ví dụ tổng quản thái giám Lí Liên Anh là kẻ tâm phúc và thân tín nhất của Từ Hi, vậy mà phút lâm chung Từ Hi sai gọi anh ta đến, nhưng anh ta viện cớ nói: "Tôi vô cùng sùng kính lão phật gia, không bao giờ tôi quên được dung mạo và tiếng nói của người, tôi không đành lòng nhìn bà giã từ cuộc sống" và kiên quyết không đi. Từ Hi vừa chết. Anh ta lấy vô số của cải châu báu và chạy trốn. Rất nhiều năm sau, anh ta mới quay về Bắc Kinh và chết tại đó.

Cuộc sống của Từ Hi rất xa xỉ, ăn một bữa cơm thì phải tiêu phí vô số bạc. Bình thường bà ta thích ăn những thực vật có mỡ béo, đặc biệt thích ăn vịt béo, thường tham ăn làm bừa, khiến tì vị bị hủy hoại. Vào những năm cuối đời bệnh tật nhưng không giữ gìn vậy mà ăn uống tùy tiện. Năm 1904 Vinh Lộc bị ốm chết, tinh thần bà ta bị tổn hại nghiêm trọng.

Ngày 13 tháng 10 năm 1908 bà ta tròn 74 tuổi, trong cung mở yến tiệc chúc thọ. Bà ta ăn nhiều hơn mọi ngày, đến ngày thứ 5 thì bị bệnh, cộng thêm vào đó bà ta lại dùng thuốc phiện nên bệnh tình vô phương cứu chữa, bà ta trở thành một bà già hom hem. Ngày 20 lập Phổ Nghi làm người kế vị. Ngày 21 Quang Tự băng hà. Buổi trưa ngày 23, Từ Hi thấy chóng mặt, hôn mê lúc tỉnh dậy bà ta lập tức tuyên triệu hoàng hậu của Quang Tự, nhiếp chính vương Tài Phong và các đại thần quân cơ... vào tẩm cung và dặn: "Bệnh của ta khó lòng qua khỏi, từ nay việc quốc sự do nhiếp chính vương xử lí". Nói xong bà ta sai đại thần quân cơ lập di chiếu. Tối hôm đó, qua một cơn hôn mê bà ta tỉnh lại và dặn các đại thần "Từ hôm nay về sau, không cho phép phụ nữ tham gia vào công việc triều chính việc này nhất định phải nghiêm khắc cấm đoán, nhất thiết phòng bị. Đặc biệt không cho phép thái giám tham gia vào công việc triều chính, chỉ vì thái giám tham dự vào công việc triều chính nên mới dẫn tới cớ sự này". Nói xong, bà ta băng hà.

LONG DỤ THÁI HẬU (DIÊP HÁCH NÁ LẠP)
(THANH)

Thái hậu Long Dụ, bà ta tên là Diệp Hách Nà Lạp (1868 - 1913) bà ta là hoàng hậu của Quang Tự, thời Tuyên Thống, bà ta tự phong làm thái hậu. Thái hậu Từ Hi ốm chết, Long Dụ lâm triều nhiếp chính. Bà ta nắm quyền được 4 năm, bị chết vì bệnh đường ruột. Hưởng thọ 46 tuổi. Mai táng ở Sùng Lăng.

*

Long Dụ là cháu gái họ của Từ Hi. Năm Quang Tự 17 tuổi. Từ Hi đã chọn bà ta làm hoàng hậu. Để khống chế Quang Tự và cũng để tộc Nã Lạp lại có một người làm hoàng hậu, nên Từ Hi quyết định chọn Long Dụ làm hoàng hậu của Quang Phổ.

Trước khi được chọn làm hoàng hậu, thường đi lại trong cung. Quang Tự sớm quen biết bà ta hơn nữa còn rất ghét bà ta. Long Dụ cũng rất miệt thị sự nhu nhược của Quang Tự. Quang Tự nghe nói Long Dụ sẽ trở thành hoàng hậu của mình, ông ta nói với Từ Hi: "ý chỉ của thái hậu, nhi thần đương phải tôn lệnh, nhưng nhi thần không sao thích được cô ta". Từ Hi vẫn kiên quyết lập Long Dụ làm hoàng hậu. Ngày đầu tiên khi kết hôn, Quang Tự đã lạnh lùng với bà ta, đến lúc chết vẫn không coi bà ta là vợ. Từ Hi và Long Dụ cũng vì vậy mà rất hận Quang Tự.

Tháng 10 năm 1908 Quang Tự và Từ Hi lần lượt băng hà, Long Dụ thừa nhận ý chỉ của Từ Hi đã phong Phổ Nghi làm hoàng để và Long Dụ tự xưng làm thái hậu, buông rèm nhiếp chính và để Tài Phong làm nhiếp chính vương.

Trong thời gian Long Dụ buông rèm đã lấy thực hành chính quyền mới làm danh, gia tăng thuế má, vì vậy nổ ra các phong trào: chống giặc nộp lương thực, và cướp gạo cướp muối của thị dân..., bà ta còn lấy đường sắt quốc hữu làm danh, đem tuyến đường sắt giao nộp cho chủ nghĩa đới quốc; bà ta trọng dụng hoàng tộc, bài trừ người Hán, mở rộng quân sát..., dẫn tới sự phân hòa trong giai cấp thống trị, nên chính trị rơi vào thế cô lập.

Sau khi bùng nổ cuộc cách mạng Tân Hợi. Tháng 10 năm 1911, Viên Thế Khải được sự giúp đỡ của chủ nghĩa đới quốc đã ép Long Dụ và tập đoàn hoàng tộc Thanh phải giao nộp chính quyền, ngày 12 tháng 2 năm 1912 hoàng đế Thanh tuyên bố thoái vị. Nghe nói, Long Dụ thấy giang sơn đại Thanh bị lũng đoạn bởi bàn tay bà ta do đó đã tự sát nhưng được thuộc hạ cứu. Sau chuyện này là ta sống buồn rầu ở Tử Cấm Thành, dần dần bị bệnh trướng bụng nên chết. Bà ta mất ngày 17 tháng 1 năm 1913 tại Tử Cấm Thành.

TỐN ĐẾ (TUYÊN THỐNG HOÀNG ĐẾ - PHỔ NGHI)

Tốn Đế, ông ta tên là Ái Tân Giáo La, Phổ Nghi (1906 - 1967), ông là chắt của hoàng đế Đạo Quang và là con trai của Thuần Tân Vương Tài Phong. Phổ Nghi kế vị khi Quang Tự chết. Ông

trị vì 3 năm, sau cuộc cách mạng Tân Hợi thì thoái vị, ông là vị hoàng đế cuối cùng của triều Thanh và cũng là vị hoàng đế cuối cùng trong lịch sử Trung Quốc. Sau khi nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa được thành lập, ông đi cải tạo và trở thành một công dân của nước Trung Hoa mới. Ông chết vì bệnh thận. Hưởng thọ 62 tuổi. Hỏa táng, hài cốt mai táng ở công mộ cách mạng núi Bát Bảo thành phố Bắc Kinh.

*

Tháng 10 năm 1908, ngày thứ 10 kể từ khi Từ Hi bị ngã bệnh đột nhiên quyết định lập Phổ Nghi làm hoàng đế. Tiếp đó Quang Phổ và Từ Hi kế nhau băng hà. Hơn nửa tháng sau, lúc đó Phổ Nghi mới 3 tuổi đã làm lễ đăng cơ tại điện Thái Hòa do thái hậu Long Dụ và Tài Phong nhiếp chính. Cho đổi niên hiệu là "Tuyên Thống".

Năm 1911 cuộc cách mạng Tân Hợi bùng nổ. Ngày 12 tháng 2 năm 1912 thái hậu Long Dụ bị ép buộc thay Phổ Nghi tuyên bố "chiếu thư thoái vị", sau khi thoái vị Phổ Nghi cư trú tại điện Dưỡng Tâm trong Tử Cấm Thành, tuyên cáo sự diệt vong của vương triều Thanh và kết thúc chế độ phong kiến kéo dài hơn 2000 năm.

Tháng 6 năm 1917 Trương Huân dẫn quân về kinh và cùng với bè đảng phái bảo vệ hoàng quyền như Khang Hữu Vi, ngày 1 tháng 7 tuyên bố phục vị cho Phổ Nghi. Tháng 12 trong tiếng phê phán của mọi người Phổ Nghi lại tuyên cáo thoái vị.

Ngày 3 tháng 11 năm 1924 Phùng Bảo Tường phái Lộc Chủng Lân dẫn quân vào Tử Cấm Thành bắt Phổ Nghi rời cung. Phổ Nghi chạy về Bắc Phủ (nơi cư trú ở phủ của cha đẻ Phổ Nghi), tiếp đó Phổ Nghi chạy đến đại sứ quán Nhật Bản. Ít lâu sau đại sứ quân Nhật Bản tống tiễn ông ta đến Thiên Tân.

Ngày 1 tháng 3 năm 1934 chủ nghĩa đới quốc Nhật Bản giúp Phổ Nghi lập chính quyền "nước Mãn Châu", đặt niên hiệu là "Đại Đồng". Năm 1934 đổi quốc hiệu là "Đới quốc Mãn Châu" và xưng là "hoàng đế", đổi niên hiệu là "Khang Đức".

Tháng 8 năm 1945, Nhật Bản thua trận đầu hàng. Ngày 17 tháng 8 Phổ Nghi bị Hồng Quân Liên Xô bắt giữ tại Thần Dương và giải đến Liên Xô. Đầu tháng 8 năm 1950 bị áp giải về Trung Quốc và bị đưa đến trại cải tạo để học tập. Ngày 4 tháng 12 năm 1959 nhận được đặc cách của chủ tịch Mao Trạch Đông nói: "Ông ta cải tạo đã 10 năm, trong thời gian cải tạo, qua sự cải tạo lao động và giáo dục tư tưởng, đã thấy tiền bộ, bỏ tà quy chính, do đó cho phép ông ta được tự do". Từ đó người đại diện cuối cùng cho giai cấp phong kiến đã trở thành một con người mới, một công dân của nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa.

Tháng 3 năm 1960 Phổ Nghi được điều đến viện thực vật Bắc Kinh. Năm 1964 ông được làm chuyên viên việc làm tại tư liệu của ủy ban nghiên cứu tư liệu văn sử hiệp thương chính trị và phụ trách ủy viên hội nghị hiệp thương chính trị tổ chức lần thứ 4.

Năm 1967, Phổ Nghi bị bệnh. Thủ tướng Chu Ân Lai biết tin liền đích thân gọi điện cho nhân viên làm việc ở hiệp thương chính trị: "nhất định phải chữa trị khỏi bệnh cho Phổ Nghi". Sau đó ra chỉ thị đưa Phổ Nghi đến bệnh viện thủ đô để chữa bệnh theo phương pháp Trung Tây kết hợp. Trong lúc bệnh tình nguy hiểm nhất, thủ tướng Chu Ân Lai phái một bác sĩ nổi tiếng đến chữa bệnh cho Phổ Nghi và chuyển lời hỏi thăm của thủ tướng tới Phổ Nghi. Nhưng bệnh tình của ông quá nặng, y học cũng đành bó tay. Ông từ trần ngày 16 tháng 10 năm 1967 tro cốt mai táng tại công nợ cách mạng núi Bát Bảo.

Trong sử gọi Phổ Nghi là Tôn Đế hay còn gọi là Tuyên Thống hoàng đế.

Phổ Nghi là người có kết cục tốt đẹp nhất trong các hoàng đế cuối cùng ở các triều đại và ông cũng là một hoàng đế cuối cùng may mắn nhất so với các hoàng đế cuối cùng ở các nước

trên thế giới (hoàng đế Pháp bị chém chết trong cuộc đại cách mạng; hoàng đế Anh bị giết...).

NHỮNG CÁI NHẤT CỦA CÁC ĐẾ VƯƠNG TRUNG QUỐC

Trong các triều đại thì triều Thương là triều đại có nhiều đế vương nhất: 30 người (kể từ Thang cho đến Trụ), còn triều đại ít đế vương nhất phải kể đến 5 triều đại: Tân triều, Đông Ngụy của Bắc Thái và Đại Thiên Hưng, Đại Nghĩa Ninh và Đại Tung của Nam Chiêu... chỉ có mỗi một đế vương.

Trong các triều đại nếu tính bình quân tuổi thọ dài nhất của các bậc đế vương thì phải nói đến triều Nam Đường ở thời Ngũ Đại Thập Quốc, bình quân mỗi người khoảng 54 tuổi, còn tuổi thọ ngắn nhất phải kể đến triều Bắc Chu ở thời Nam Bắc Triều, mỗi người khoảng 22 tuổi.

Trong lịch đại đế vương, người thọ nhất là Thạch Cao Tông (hoàng đế Càn Long), ông ta hưởng thọ 89 tuổi.

Thọ ngắn nhất là Đông Hán Thương Đế Lưu Lang, ông ta tròn 2 tuổi.

Trong các triều đại, vương triều tồn tại lâu nhất là vương triều Đông Chu, kéo dài 513 năm, còn vương triều tồn tại ngắn nhất là 3 vương triều: Đại Thiên Hưng, Đại Trung, Bắc Liêu... chỉ tồn tại hơn một năm.

Trong các triều đại, vương triều có đế vương tính trung bình số năm trị vì lâu nhất là triều Thanh, tính trung bình mỗi người khoảng 27 năm; còn tính trung bình vương triều có số năm trị vì ngắn nhất là triều Bắc Liêu, mỗi người khoảng 5 tháng.

Trong các triều đại người có số tuổi lớn nhất mới là trị vì là Võ Tắc Thiên, bà ta 67 tuổi mới chính thức trị vì thiên hạ người đứng thứ 2 là Tống Vũ Đế Lưu Dụ ở Nam triều, ông ta 67 tuổi thì lên trị vì, còn người ít tuổi nhất mà đã lên ngôi là Đông Hán Thương Đế Lưu Lang, lúc nên ngôi mới có 100 ngày.

Trong lịch sử Trung Quốc, người trị vì lâu nhất là Thánh Tổ triều Thanh (hoàng đế Khang Hi) ông ta trị vì 61 năm; còn người trị vì ngắn nhất là Hoàn Nhan Thừa Lân triều Kim, ông ta trị vì có nửa ngày.

Trong lịch sử Trung Quốc, triều đại có kết cục tồi tàn nhất là triều Tây Yên ở thời Thập Lục Quốc và triều Lương và triều Tùy ở Nam Triều. Triều Tây Yên có 7 đế vương, thì 6 người bị giết trong cuộc nội chiến, 1 người làm mất nước bị giết; triều ương có 8 hoàng đế thì đều bị giết trong nội chiến; triều Tùy có 5 người thì 1 người bị giết trong nội chiến, 4 người bị giết khi làm mất nước.

Trong lịch sử Trung Quốc người có kết cục hoang đường nhất là Đông Tần Vũ Đế Tư Mã... chỉ vì lời nói đùa trong lúc rượu say lên bị phi tử hại chết, còn người có kết cục tốt đẹp nhất là Phổ Nghi (hoàng đế Tuyên Thống).

Trong lịch sử Trung Quốc người cống hiến cho nghệ thuật nhiều nhất là Đường Minh Hoàng (Huyền Tông) Lí Long Cơ.

Người có nhiều thơ ca nhất là Ngụy Văn Đế Tào Phi thời Tam Quốc.

Người tinh thông thi họa nhất là Tống Vi Tông Triệu Cát(Triều Bắc Tống), ông thiên về vẽ tranh hoa điểu.

Trong lịch sử Trung Quốc, nữ hoàng đế duy nhất là Võ Tắc Thiên (bà ta là hoàng hậu của

Đường Cao Tông).

Unfaiththful là bộ phim nổi tiếng của Mỹ về khủng hoảng hôn nhân. Nội dung phim nói về vợ chồng Edward và Connie, tuy yêu nhau nhưng đời sống hôn nhân đã dần giết chết những lãng mạn tinh tế buổi ban đầu. Điều này đã khiến Connie xiêu lòng và rơi vào một cuộc tình vụng trộm với một gã đàn ông đào hoa lạ mặt. Bộ phim đã giúp Diane Lane – người đóng vai Connie được đề cử giải Oscar cho Nữ diễn viên chính xuất sắc nhất năm 2003. Là bộ phim được chuyển thể từ cuốn tiểu thuyết cùng tên của nhà văn Kaui Hart Hemmings. Từng giành được 44 giải thưởng lớn nhỏ, trong đó có giải Phim tâm lý xuất sắc và Kịch bản chuyển thể xuất sắc. Tạm biệt tình yêu của anh, tạm biệt người bạn của anh. Nỗi đau của anh. Niềm vui của anh. Tạm biệt! Cưỡng cơn giá bấc của tác giả Daniel Glattauer (1). Xê-rét: rượu nho Tây Ban Nha. (1). Sean Connery: ngôi sao điện ảnh kì cựu của Hollywood, nổi tiếng với vai diễn siêu điệp viên James Bond - 007. (2). Johnny Depp: ngôi sao điện ảnh Mỹ. (3). David Beckham: ngôi sao bóng đá Anh, đồng thời nổi tiếng vì vẻ đẹp ngoại hình. (4). Cary Grant: tên thật là Archibald Leach, người Anh, là một nam tài tử điện ảnh nổi tiếng, từng vinh dự nhận tượng vàng Oscar. (5). Hugh Grant: sinh năm 1960, người Anh, là diễn viên điện ảnh nổi tiếng, được mệnh danh là "Ông hoàng của phim lãng mạn." (6). Russell Grant: sinh năm 1951, người Anh, là một nhân vật nổi tiếng trong nghành truyền thông. Ông có ngoại hình rất béo. (7). Jim Royle: một nhân vật trong serie phim hài của Anh là "Gia đình Royle", có ngoại hình béo, lùn và hàng râu quai nón. (8). Johnny Vegas: diễn viên hài người Anh, có chất giọng khàn và ngoại hình rất béo. (1).Thần Cupid: thần tình yêu trong thần thoại La Mã. Trong thần thoại Hy Lạp, vị thần này có tên là Eros. (1). Soap-on-a-rope: bánh xà phòng có dây treo. (1). Sparta: một thành bang nổi tiếng của Hi Lạp thời cổ đại. (1). Mozzarella: một loại pho-mát được làm từ nguyên liệu đặc trưng sữa bò, xuất xứ Newzealand. (2). Parmesan: một loại pho-mát nguyên miếng của vùng Parma (Ý) thường được làm từ đậu nành. (3). Spaghetti: một loại mì nổi tiếng của Ý. (4). Núi lửa Vesuvius: nằm ở phía nam thành phố Naples, nước Ý. Được xem là ngọn núi lửa nguy hiểm nhất thế giới. (1). Adrenaline: một chất nội tiết có tác dụng gây hưng phấn tinh thần. (1). Cotton: bông. (2). Kashmir: một bang của Ấn Độ, nơi nổi tiếng về các sản phẩm dệt lụa, dệt len. (3). Đồng thau: đồng pha thiếc. (4). Ritz: một khách sạn nổi tiếng và đặc biệt sang trọng ở Paris, Pháp. (5). SanFranciso: thành phố thuộc bang California, nước Mỹ. (6). Cầu Cổng Vàng: cây cầu treo dây võng dài nhất thế giới, bắc qua eo biển giữa vịnh San Franciso và Thái Bình Dương. (7). The Platium News: Tin tức Bạch kim. (8). Brandy: tên gọi chung của các loại rượu mạnh được chế biến bằng cách chưng cất trái cây. (9). Whisky: loại rượu có nguồn gốc từ nước Anh, được sản xuất bằng cách lên men và chưng cất. (1). Humburgers: loại bánh dược làm từ bột mì, bơ, trứng sữa, vừng và một số gia vị khác. (2). Elvis Presley: ca sĩ, diễn viên người Mỹ, được mệnh danh là vua nhạc rock and roll. (3). Flisnttones: tên bộ phim hoạt hình nhiều tập của Mỹ kéo dài từ năm 1960 – 1966. (1). The full monty: Những chàng trai bụi đời. (2). Kèn túi: một loại nhạc cụ hơi của người Scotland, có phần bầu kèn là một chiếc túi da. (3). You can leave your hat on: Anh hãy bỏ mũ ra. (1). Spa: thẩm mĩ viện. (2). Eurostar: tàu điện cao tốc lớn nhất của Pháp. (3). Transpennine Express: tàu tốc hành của Newcastle vùng Đông Bắc nước Anh. (4). Orient Express: tàu tốc hành của Pháp. (1). Hat-trick: thuật ngữ của môn bóng đá, chỉ thành tích ghi bàn đặc biệt của một cầu thủ, ba lần sút tung lưới đối phương trong một trận đấu. (2). Phòng Bầu Dục: phòng làm việc của tổng thống, nằm trong

Nhà Trắng, phủ tổng thống của nước Mỹ. (1). Odysseus (Ô-đi-xê): một người anh hùng trong truyền thuyết Hi Lạp cổ đại, nhân vật chính trong trường ca Odysseus của Hô-me. (2). Trojan (Tơ-roa): thành bang thuộc Hy Lạp cổ đại, nơi xảy ra cuộc chiến tranh nổi tiếng được mô tả trong trường ca l-li-át. (3). Paris Match: tạp chí tuần của Pháp đăng tin trong nước và quốc tế về cuộc sống của các ngôi sao nổi tiếng. (1). I love you! : Anh yêu em! (2). Download: tải xuống từ Internet. (1). Paul McCartney: ca sĩ, nhạc sĩ nổi tiếng người Anh, thành viên ban nhạc lừng danh The Beatles. (2). Maca: tên gọi thân mật của Paul McCartney. (1). Christian Dior: nhà thiết kế thời trang của Pháp, người tạo nên thương hiệu thời trang nổi tiếng mang tên ông. (2). Giorgio Armani: nhà thiết kế thời trang nổi tiếng của Ý. Thương hiệu Armani do ông xây dựng được coi là một trong bốn thương hiệu thời trang sang trọng nhất nước Ý. (3). Ralph Lauren: nhà thiết kế thời trang của Mỹ, người tạo nên thương hiệu thời trang nổi tiếng thế giới. (4). Alexander McQueen: nhà thiết kế thời trang nổi tiếng nước Anh. (1). Observer: người quan sát. (2). Honolulu: thủ phủ của bang Hawai(Hoa Kỳ), một địa điểm du lịch nổi tiếng. Mượn ý thơ của chị Nguyễn Thiên Ngân Olga Fyodorovna Berggolts (sinh ngày 16 tháng 5 năm 1910, mất ngày 13 tháng 11năm 1975) là nữ nhà thơ, nhà văn Liên Xô. Bà nổi tiếng nhất với những tác phẩm sáng tác trong thời kì Leningrad bị bao vây. Marai Sandor: Sándor Marai (tên khai sinh: Sándor Károly Henrik Grosschmid de Mara, tên tiếng Anh: Alexander Marai) - 11/04/1900 – 21/02/1989, là một nhà văn và nhà báo Hungary. 1. Zizel: Vở balet ke về những cô gái trinh bị phụ tình, cứ đêm đêm hiện lên bên đầm lầy, nhảy một điệu múa ma. Nếu khi ấy có người đàn ông nào lạc đến đó sẽ bị cuốn vào điệu nhảy cho đến sáng, kiệt sức mà chết. 2. Ốp: Viết tắt của từ ký túc xá (tiếng Nga), cũng có nghĩa là nơi ở tập trung của những người Việt Nam ở Nga, sau này Ốp còn mang nghĩa là trung tâm buôn bán của người Việt. 3. Na-dạt: Quay lại. 4. Xanh: Từ lóng chỉ đô la Mỹ. 5. Đỏ: Từ lóng chỉ vàng. 6. Đôm: Nhà, được dùng với nghĩa Trung tâm chợ, buôn bán của người Việt 7. Nhianhia: Nhũ mẫu, người trông trẻ 8. Papka: File dựng giấy tờ Trạm thu phát gốc (hay còn gọi là trạm gốc): là một phần của mạng thông tin di động GSM, chịu trách nhiệm truyền và giao tiếp giữa điện thoại di động và hệ thống chuyển mạch. Trạm gốc thực hiện việc truyền các kênh thoại đã mã hoá, cấp phát các kênh sóng cho máy điện thoại di động, quản lý chất lượng truyền và nhận thông qua giao tiếp bằng sóng cao tần và thực hiện nhiều việc khác liên quan tới mạng truyền dẫn bằng sóng radio. Ngũ Lương Dịch là nhãn hiệu rượu nổi tiếng Trung Quốc, giá khá cao. Đây là loại rượu mạnh, từ năm mươi độ trở lên. Thanh nhất sắc là thuật ngữ chơi mạt chược. Chính hiệp là cơ quan tương tự Mặt trận Tổ quốc của Việt Nam. Kim cương vương lão ngũ chỉ những người đàn ông hoàn hảo: trẻ tuổi, giàu có, đẹp trai, có học. Weibo là mạng xã hội lớn ở Trung Quốc, tương tự facebook.

Chia sẽ ebook : http://downloadsachmienphi.com/
Tham gia cộng đồng chia sẽ sách :
Fanpage : https://www.facebook.com/downloadsachfree
Cộng đồng Google : http://bit.ly/downloadsach